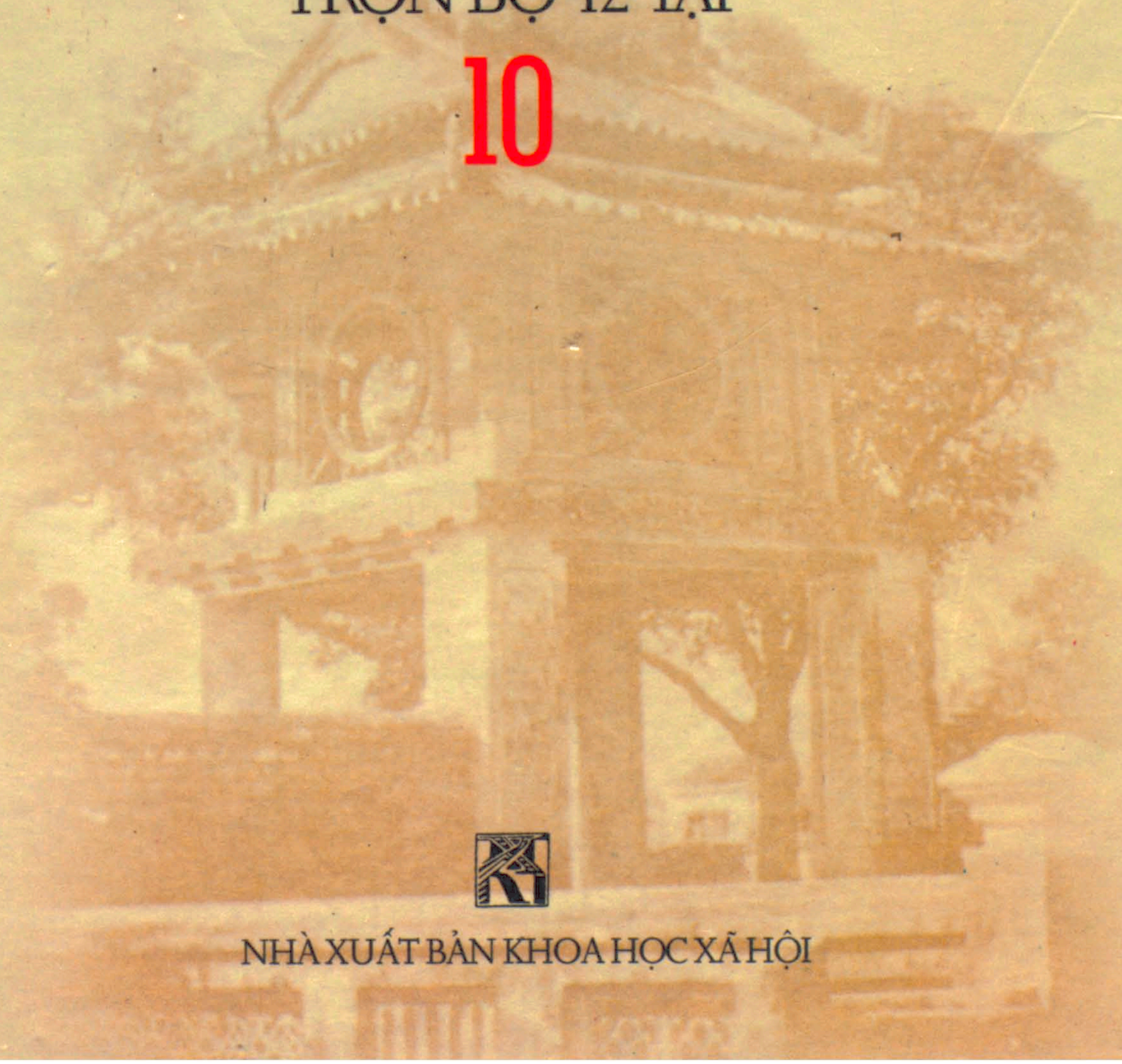
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

10



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 10

Chủ biên: LÊ VĂN QUÁN
Sưu tầm, biên soạn:
LÊ VĂN QUÁN - KIỀU THU HOẠCH
VŨ NGỌC KHÁNH - NGUYỄN THANH XUÂN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

KHẢI LUẬN

Trong kho tàng văn học Việt Nam có một số tác phẩm, như *Lâm tuyền kỳ ngộ, Phạm Công - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa, Tống Trân - Cúc Hoa, Thạch Sanh, Phương Hoa, Phan Trần, Nhị độ mai, v.v...* được nhân dân ta yêu thích lưu truyền từ đời này qua đời khác, có tác dụng giáo dục điều thiện, lòng nhân nghĩa và kích thích tinh thần đấu tranh của mọi người. Những tác phẩm ấy đều viết bằng chữ Nôm và không đề tên tác giả. Việc xác định tác giả của những tác phẩm đó đòi hỏi cả một quá trình nghiên cứu về nhiều mặt: ngữ văn học, văn bản học, thư tịch học, v.v... Căn cứ vào nội dung chống phong kiến, trạng thái xã hội và ngôn ngữ của tác phẩm..., hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng trước thế kỷ XVIII đã xuất hiện truyện nôm khuyết danh, nhưng phải vào khoảng thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX mới thật nở rộ.

Tác phẩm truyện nôm khuyết danh ra đời chủ yếu vào giai đoạn này là có nguyên nhân khách quan của nó. Thời kỳ này là thời kỳ chế độ phong kiến tan rã. Ở ngoài Bắc, chúa Trịnh thẳng tay đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nông dân. Ở trong Nam, chúa Nguyễn ra sức áp bức bóc lột nông dân: địa tô, thuế khóa, binh dịch,v.v...

Trong xã hội nảy sinh những mâu thuẫn. Mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp thống trị. Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị với các tầng lớp nhân dân. Sâu sắc nhất vẫn là mâu thuẫn giữa nông dân và phong kiến. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổi dậy nhằm đánh đổ bọn vua quan phong kiến thối nát. Chính quyền từ trung ương đến địa phương là một bộ máy quan lại tham nhũng, đục khoét vơ vét của nhân dân.

Việc tuyển lựa quan lại chủ yếu lấy bằng cấp làm trọng, do đó, trong tầng lớp nho sĩ, chốn quan trường thi cử là nơi mua bán bằng cấp. Quan trường ra sức đầu cơ trục lợi, tệ tham ô, hối lộ trở thành phổ biến và công khai được lưu hành trong hệ thống cơ chế nhà nước. Đến nỗi nhân dân ta đã phải thốt lên bằng những câu ca:

Triều Lê, hai mươi bốn ông Tiến sĩ,
Tám ông chân, tám ông ngụy, tám ông chân ngụy.
Nếu nay trật bỏ khăn chít đầu,
Chưa biết ai là chân, ai là ngụy.

Ở xã thôn, bọn cường hào tha hồ hách dịch, bắt chẹt, dọa nạt nông dân. Bọn hương lý chuyên quyền độc đoán ức hiếp nhân dân (*Lịch sử Việt Nam,*

tập I, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971). Hàng ngũ quan lại dốt nát, dối trá thì chính trị càng đổ nát, đời sống nhân dân càng nghèo khổ.

Thế lực đồng tiền đã trở nên quan trọng, ảnh hưởng đến hệ ý thức phong kiến thống trị. Đạo đức xã hội, luật lệ phong kiến đã bị đảo lộn, cho nên đã đưa đến những cảnh "đồng bạc đâm toạc tờ giấy", và tình cảm giữa con người ăn ở với nhau thì từ thế kỷ XVI đã là:

Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử,
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.

Nguyễn Bỉnh Khiêm

Rõ ràng, ở một đất nước có sự khủng hoảng về chính trị, tư tưởng và kinh tế thì sẽ có sự khủng hoảng về đạo lý. Lúc bấy giờ, cái lý tưởng: đạo vua tôi, lòng trung quân, nghĩa thầy trò, tình bạn bè... mà bọn vua quan và nho sĩ tôn thờ đều bị đảo lộn vì đồng tiền và quyền thế. Quan lại thì "làm quan ăn gian nói dối", "cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan".

Trong hoàn cảnh xã hội như vậy, truyện nôm nói chung cũng như truyện nôm khuyết danh nói riêng ra đời, điều trước tiên là để bảo vệ những đạo lý tốt đẹp của dân tộc, chống lại tất cả những gì trái với đạo đức làm người và lẽ sống của đời thường. Vì thế, các cốt truyện đều phản ánh thực trạng xã hội lúc bấy giờ. Nó phản ánh tinh thần đấu tranh của quần chúng đối với những bất công trong xã hội. Nó tố cáo những tệ nạn, những thói hư tật xấu và giáo dục con người trên cơ sở đạo đức: trung hiếu tiết nghĩa của Nho giáo và từ bi, bác ái của Phật giáo. Tất nhiên đây là thứ Nho giáo và Phật giáo đã phần nào được dân gian hóa. Trong các truyện thường đề cập đến phẩm hạnh, đạo đức của con người, đề cập đến lẽ sống nhân đức, chính nghĩa của đời thường. Chính điều này đã chi phối phương pháp nghệ thuật sáng tác của các tác giả, vượt ra ngoài ý thức phong kiến, bảo vệ tự do, hạnh phúc và phẩm giá của con người. Con người luôn khao khát những tư tưởng mới và sự tự do trọn vẹn, tốt đẹp hơn. Theo quan niệm của người xưa, con người là cái đơn nhất không thể phân chia. Chết và sống, lạc thú và đau khổ, tinh thần và linh hồn gắn bó với nhau không tách rời. Điều mà mọi người mong ước là sống một cuộc đời hòa bình, hạnh phúc, thoát khỏi sự áp bức về vật chất và sự ràng buộc về tinh thần của một chế độ phong kiến hà khắc. Cái đức của con người là sống thanh thản với chính mình và không tha thứ những kẻ nào làm trái với đạo lý của đời thường. Cho nên, khi đọc các truyện nôm khuyết danh, chúng ta đều cảm nhận thấy, ở mỗi tác phẩm đều nổi bật lên cái đạo lý: người hiền gặp lành, kẻ bạc ác bị trừng trị.

Ở Việt Nam vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, chiến tranh nông dân chống bọn phong kiến thống trị lan rộng khắp nơi và đến năm 1771 thì bùng lên phong trào Tây Sơn. Cuộc khởi nghĩa này đã chi phối toàn bộ sự phát triển của xã hội, tạo nên những chuyển biến sâu sắc trong đời sống tinh thần và văn hóa. Một nền văn học viết bằng chữ Nôm, vừa có tính chất dân tộc vừa

có tính chất nhân dân và được xác lập trên cơ sở văn học dân gian mới có cơ hội được phát triển. Tư tưởng dân chủ, ý thức bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc lâu nay vẫn âm ỉ trong quần chúng nhân dân ở các làng xóm, ở các phường phố kẻ chợ lúc này trỗi dậy, tấn công vào văn hóa quý tộc và hệ tư tưởng lạc hậu phong kiến. Nhưng dưới chế độ phong kiến, người dân bị áp bức bóc lột, bị bần cùng hóa, cho nên họ không được học hành, không biết chữ. Hơn nữa, ở thời Lê - Trịnh, bọn phong kiến thống trị ra sức bóp nghẹt đời sống văn hóa của quần chúng. Có một thời, triều đình phong kiến cấm lưu hành các truyện nôm. Năm 1663, Trịnh Tạc ban bố 47 điều giáo hóa và năm 1760 diễn ca quốc âm, trong đó có đoạn:

Kìa như Thích, Đạo, phi kinh,
Lời ta mối lạ tập tành truyện ngoa.
Cùng là truyện cũ nôm na,
Hết tập thơ ấy lại ca khúc này.
Tiếng dâm để khiến người say,
Chớ cho in bán hại nay thói thuần...

Sau này, triều Nguyễn cũng cấm đọc truyện nôm:

Đàn ông chớ kể Phan Trần,
Đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.

Giai cấp phong kiến cho rằng truyện nôm đều là những "yêu thư yêu ngôn", cho nên nhiều tác giả phải giấu tên hoặc mượn cốt truyện của Trung Quốc để tránh tai vạ.

Trong dân gian, lúc đầu những truyện ấy chỉ được kể bằng miệng từ đời này qua đời khác bổ sung, thêm bớt và trở thành một sáng tác có tính chất tập thể, không còn biết ai là tác giả nữa. Khi cốt truyện đã tương đối ổn định thì một tác giả biết chữ Nôm, yêu văn học, ghi chép lại thành văn bản. Các tác phẩm thành văn không có tên tác giả rất được quần chúng ưa thích. Nhân cơ hội đó, các nhà kinh doanh in, bán sách, vừa đáp ứng yêu cầu thị hiếu của nhân dân, vừa để kiếm lời.

Hiện nay chúng ta còn chưa biết tên tác giả, nhưng căn cứ vào những đặc điểm: truyện nôm khuyết danh chịu ảnh hưởng của nhân sinh quan, vũ trụ quan của nhân dân, không hoàn toàn lệ thuộc hệ ý thức phong kiến. Những nhân vật tích cực xuất hiện trong truyện đều là những người tiêu biểu cho nhân nghĩa. Người kiếm củi, nàng công chúa hay ông thần, nàng tiên, tất cả đều có phẩm chất, tình cảm cao quý của nhân dân. Trong truyện lại có nhiều nhân vật xuất thân từ quần chúng nhân dân lao động: người thuyền chài, tiều phu, hỷ đồng, ả hoàn. Họ thường là những nhân vật phụ trong truyện, nhưng họ có lòng hy sinh, lòng yêu đời. Đặc biệt, các nhân vật chính diện như Phạm Tải, Tống Trân, Phạm Công, Thạch Sanh... đều là những chàng học trò nghèo, sống cuộc đời cơ cực. Đồng thời ngôn ngữ diễn đạt trong truyện là ngôn ngữ đại chúng, và người đọc có thể suy đoán được tác giả của những

truyện nôm khuyết danh đa số là những nhà nho nghèo, những nạn nhân của chế độ phong kiến. Họ có được học chữ Hán, nhưng không đỗ đạt, không có quyền thế trong xã hội.

Trải qua rất nhiều trở ngại khó khăn, nhưng những truyện đó vẫn được người dân kể và được phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Qua bao nhiêu biến cố của xã hội, qua bao nhiêu lần bị giai cấp thống trị cố tình bóp chết, và mặc dù một số lớn truyện nôm khuyết danh về mặt hình thức nghệ thuật còn đơn giản, mộc mạc, nhưng vẫn cứ mãi mãi lưu truyền trong các tầng lớp nhân dân lao động và sống mãi trong lòng người đọc. Nhiều người không biết chữ Nôm, chữ Quốc ngữ mà vẫn có thể đọc vanh vách từng đoạn dài hay cả một truyện nôm, như *Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa, Phan Trần, Thạch Sanh, v.v...*

Từ khi có chữ Quốc ngữ, truyện nôm lại được phổ biến rộng rãi từ Bắc chí Nam, như truyện *Phạm Công - Cúc Hoa* đã được đông đảo nhân dân hoan nghênh, chỉ trong vòng 30 năm (1907-1936) đã in lại 15 lần ở Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn.

Ngoài ra, hàng loạt kịch bản chèo viết bằng chữ Nôm dựa vào cốt truyện thơ nôm, như *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình - Dương Lễ, Từ Thức v.v...*, lần lượt xuất hiện trên sân khấu. Điều đó chứng tỏ tác dụng mạnh mẽ của các truyện thơ nôm, đúng với ý nghĩa của câu tục ngữ "có tích mới dịch nên trò" mà nhân dân ta vẫn lưu truyền.

Qua đó, chúng ta thấy việc truyện nôm khuyết danh ra đời là một yêu cầu khách quan của xã hội. Nó biểu hiện một kiểu tư duy phổ biến và truyền thống, giàu tính văn nghệ tự nhiên của quần chúng. Nó phản ánh những nhân tình thế thái và có tính chất triết lý cũng như giáo huấn. Đó là niềm ước vọng của nhân dân được diễn tả bằng thơ ca dân tộc. Truyện nôm khuyết danh là một tiểu thuyết xã hội, là nguồn sinh hoạt văn học của quần chúng. Nó góp phần phát triển văn học nôm đến đỉnh cao, nổi danh *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, v.v...* Chính vì thế, nó là nguồn di sản văn học vô giá của dân tộc được nhân dân trân trọng bảo tồn và yêu thích.

*

* *

Truyện nôm khuyết danh hình thành, phát triển và có một địa vị quan trọng trong nền văn học nước ta. Nó để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng người đọc chủ yếu là ở nội dung cốt truyện. Nó có giá trị hiện thực và giá trị nghệ thuật. Hầu hết các truyện nôm khuyết danh đều được sáng tác trên cơ sở truyện cổ dân gian. Như chúng ta đã biết, không phải ngẫu nhiên, tình cờ các tác giả đã viết:

Nhân khi thong thả thư trai,
Giở xem truyện cũ đặt bài quốc âm.

Tống Trân - Cúc Hoa

Lược bày truyện cũ đời xưa,
Câu phiên chấp chánh lọc lừa nôm na.

Hoàng Trừu

Vì thế, ở truyện nôm về cơ bản vẫn còn giữ bố cục của truyện cổ tích:

– Tiểu sử nhân vật.

– Những tai biến xảy đến.

– Những cuộc thử thách, đấu tranh chống lực lượng tàn ác của thiên nhiên và xã hội.

– Cuối cùng thiện thắng ác, kết thúc có hậu.

Tác phẩm truyện nôm khuyết danh có những tính chất chung của nền văn học nôm, nhưng lại có những đặc điểm riêng. Đặc điểm nổi bật của các truyện nôm khuyết danh là khuynh hướng hiện thực và tính chất nhân đạo phát triển rất mạnh mẽ. Các tác phẩm đã đề cập đến các vấn đề xã hội, tố cáo những bất công của xã hội, chỉ trích bọn quan lại cường hào gian ác, bọn vua chúa tàn bạo và lên án chế độ thối nát đương thời. Nó không mang nặng hệ ý thức phong kiến như *Truyện Kiều, Hoa Tiên.* Nó gắn bó khăng khít với cuộc sống, nguyện vọng và ước mơ của nhân dân. Nó phản ánh thực trạng xã hội phong kiến: bọn quan lại tranh giành địa vị, chém giết lẫn nhau (*Lục súc tranh công, Nhị độ mai).* Bộ máy thống trị thối nát, nên đời sống nhân dân lương thiện luôn luôn bị đe dọa (*Phương Hoa).* Truyện nôm khuyết danh tố cáo hiện thực, vạch trần những thói xấu xa của xã hội phong kiến, những cái xấu, cái ác mà cả đến Thượng đế ở trên thượng giới cũng phải ghê sợ:

Ngọc hoàng ngồi tự tam quan,
Trông xuống hạ giới mọi đàng mọi ghê.
Kẻ trung mắc phải gian nguy,
Người gian võng lọng đi về sớm trưa.
Người hiền phải chịu sa cơ,
Người gian áo gấm phất phơ quần hồng.

Lý Công

Những nhân vật xấu xa, sản phẩm của xã hội phong kiến suy tàn thì truyện nôm khuyết danh nào cũng có. Nội dung hiện thực phê phán của truyện nôm khuyết danh thật là phong phú. Bọn vua quan phong kiến dâm ô, tàn bạo thường gây ra những cảnh "sát phu hiếp phụ", tự do chà đạp lên phẩm giá của người phụ nữ *(Phạm Tải - Ngọc Hoa).* Nhiều truyện nêu lên những bọn quan lại bất lương đem đến cho dân chúng những thảm cảnh:

Tình duyên lứa đôi phải xa nhau:

Hạnh Nguyên, một người con gái đẹp, vừa gắn bó với Mai Sinh, phút chốc vì lời xúc xiểm của Lư Kỷ mà cuộc đời của nàng phải tan nát. Nàng ngẩn ngơ, tủi phận:

Ấy ai chắp mối xích thằng,
Biết rằng đứt chỉ thà đừng vương tơ.

Nhị độ mai

Gia đình Kiều Liên bỗng dưng ly tán, mẹ con chia lìa:

Pha phôi khóm lác, khóm lau,
Kẻ chân bãi nước, người đầu đỉnh non.
Con tìm mẹ, mẹ tìm con,
Cỏ cây man mác, nước non lạ lùng!
Cửa nhà binh lửa đâu đâu,
Tuyết sương quẩy một gánh sầu ra đi.
Đoạn trường thay lúc phân kỳ,
Mẹ thì cõi Bắc, con thì cõi Nam...

Phan Trần

Lừa đảo dân chúng:

Rủ rê lừa lọc ngu dân,
Để cho đến nỗi mất thân, mất nhà,

Phật Bà Quan Âm

Truyện nôm phản ánh một xã hội thường nảy sinh những cảnh tranh chấp kiện tụng. Bọn cường hào lý dịch hoạnh họe, ức hiếp nhân dân. Cảnh quan lại bẻ vẹo công lý để đục khoét, ăn hối lộ:

Quan truyền bắt Cóc ra tra:
Sao bay đơn kiện sai ngoa làm vầy?
Nay đơn nha khám về đây,
Trê kia là đứa tình ngay có gì!

Trê Cóc

Bọn quan lại cai trị chẳng những không thực hiện công lý mà còn tham lam vơ vét tiền bạc, bỏ lơ cho kẻ gian hoành hành:

Nào ngờ A Tú phi loài,
Vốn phường bội nghĩa tham tài côn quang.
Thấy chàng đồ đệ tư trang,
Bảo nhau làm sự tà gian hại người.

Phù Dung tân truyện

Có tác giả đã phải thừa nhận, xã hội phong kiến là một thế giới bi thảm:

Ngọc hoàng xem Trạng mới hay,
Nhiều điều ác nghiệt, gớm thay cõi trần!

Phạm Công - Cúc Hoa

Truyện nôm khuyết danh còn phản ánh những cuộc đấu tranh chống giai cấp thống trị để giành lấy tự do, hạnh phúc và xây dựng một xã hội thái bình theo quan niệm xưa:

Lược bày đời vua Thái Tông,
Trị vì thiên hạ Tây Đông thuận hòa.

Tống Trân - Cúc Hoa

Phạm Tải từ lên ngôi vua,
Thiên nhân cũng thuận, đức vua thái hòa.
Đâu đâu huyền quản xướng ca,
Muôn đời phụng sự Quốc gia vững bền.

Phạm Tải - Ngọc Hoa

Các cốt truyện thường đề cao vai trò của nhân dân, của những người lao động tiêu biểu cho chính nghĩa. Những nhân vật tiều phu, hỷ đồng, ả hoàn v.v... đều rất giàu lòng thương người, luôn luôn thông cảm với nỗi khổ đau của người khác.

Đề tài chủ yếu của truyện thường là tình yêu. Nhiều cuộc tình duyên đôi lứa bị cản trở, nhưng cuối cùng họ đã thắng cường quyền, bạo lực, phá vỡ sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến, vô nhân đạo:

Truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ* chủ yếu là đề cao vai trò người phụ nữ, nhưng cũng là đề cao hôn nhân tự do. Nó đã mô tả một cách sâu sắc tình yêu ở mọi khía cạnh diễn biến của tình cảm:

Lòng băn khoăn e ngại cho mối tình:
Phen thắm, chắt chiu dượng gấm vóc,
Thuở phai, ruồng rẫy tựa mây bèo...

Nỗi đau xót khi phải xa nhau:

Đoái lời nguyền ước càng chua xót,
Tưởng nỗi sinh ly chín ngại ngùng...
Bóng nguyệt từ phen khuất đóa mây,
Lòng chung sao nặng mối riêng tây?
Thành sầu muôn trượng xây nên đợt,
Bể thảm ba đông chất chứa đầy.
Nửa gối mơ màng tin điệp rủ,
Năm canh mong mỏi sứ hồng bay.
Xôn xao đền quế khi sum họp,
Có thấu tình chăng nỗi đắng cay?

Nỗi vui sướng lại được sum họp:

Những tưởng ba thân đeo mệnh bạc,
Hay đâu áo lại đượm mùi hương.

Lâm tuyền kỳ ngộ phản ánh lòng khao khát yêu đương, trong một chế độ mà hạnh phúc của nam nữ thanh niên bị giày xéo. Để có hạnh phúc, chỉ có thoát ly ra ngoài xã hội, sống trong cảnh thần tiên như các tác giả đã viết trong truyện.

Truyện *Lý Công* thực chất là bản trường ca, ca ngợi tình yêu chung thủy

của một đôi trai gái đã vượt ra ngoài lễ giáo khắt khe của hôn nhân phong kiến, vượt qua mọi thế lực tàn bạo để đạt tới hạnh phúc lứa đôi.

Trong truyện *Truyền Phu ngộ phối,* qua sự việc kén chồng của một cô gái trẻ đẹp nhưng hợm hĩnh, tác giả cũng đã nêu lên một bài học về cái quyền chọn lựa tình yêu đôi lứa của phụ nữ:

Làm gương thục nữ đương thì,
Nên coi cho tỏ kẻo khi mà nhầm!

Tình yêu không phân biệt giàu sang, nghèo hèn. Ngọc Hoa trong *Phạm Tải - Ngọc Hoa,* con một vị "tướng công" đã yêu chàng Phạm Tải, một thư sinh nghèo phải đi hành khất.

Tình vợ chồng, lòng chung thủy được thể hiện bằng những hình tượng sâu sắc, tiêu biểu nhất ở *Thạch Sanh.* Thạch Sanh là một người nghèo, nhưng lại là một dũng sĩ, chinh phục thiên nhiên, đấu tranh với sự lừa đảo, gian trá của bọn quan lại phong kiến. Đấu tranh lâu dài gian khổ, nhưng Thạch Sanh đã chiến thắng kẻ thù bằng chính nghĩa và lòng nhân ái:

Đàn kêu như báo vân vi,
Hàng tao, tao lại cho về cựu bang.
Chư quân nghe tiếng đàn vang,
Khác nào như nước cành dương tưới nhuần.
Đàn kêu thực nghĩa thực nhân,
Thánh tha thánh thót muôn phần giá cao.
Trận bay như động hỏa hào,
Đàn như lửa cháy nước vào tan không!
Thực là nên đấng anh hùng,
Tuốt gươm bước lại sân rồng khoan khoan.
Ẩn ẩm một đạo hào quang,
Cung đàn dễ bảo quân thường ngã ra.
Lại vâng chiếu chỉ Quốc gia,
Trong mười tám nước can qua về hàng!

Thạch Sanh, con người nhân hậu, con người tài trí, dũng cảm là biểu tượng sức mạnh của nhân dân đã chiến thắng kẻ thù. Cung tên bằng vàng, cây đàn thần kỳ, niêu cơm vô tận và tiếng đàn huyền diệu của Thạch Sanh đã trở thành những biểu tượng kỳ vĩ của người dũng sĩ diệt chằn tinh, bắn đại bàng, hàng phục mười tám nước chư hầu xâm lăng, đem lại cuộc sống yên lành cho đất nước.

Một con người lao động cùng khổ lại sánh đôi với nàng công chúa. Một mối tình cao đẹp, trong sáng mà cũng thật lãng mạn. Nàng công chúa vì nghĩa lớn, chủ động yêu Thạch Sanh, giữ trọn mối tình chung thủy.

Cũng phải nói thêm rằng, hầu hết các truyện nôm khuyết danh đều đề cao phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ, dám đứng lên chống lại những sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến và những bất công của xã hội.

Truyện *Lưu nữ tướng* có nói đến tình yêu, đến hôn nhân, đến hạnh phúc lứa đôi, nhưng chủ đề tác phẩm là nhằm ca ngợi ý chí kiên cường, bất khuất của một người phụ nữ dám đứng lên dựng cờ khởi nghĩa chống lại đám vua quan gian ác tàn bạo.

Truyện *Hoàng Tú* ca ngợi một chàng trai nhà nghèo, có chí học hành, nhưng cũng nhằm ca ngợi một người phụ nữ kiên trinh, bất khuất. Trong lúc chồng gặp tai nạn, kẻ xấu đến ve vãn, dụ dỗ, nàng đã tài trí, khôn khéo, tế nhị đưa hắn vào tròng và tố giác mưu gian của hắn.

Trong truyện *Nhị độ mai,* Hạnh Nguyên và Ngọc Thư đều phản ánh rất rõ nét về đạo đức tiết nghĩa. Các tác giả đề cao phẩm hạnh tiết nghĩa của các nhân vật ấy cũng là ước nguyện, là yêu cầu của quần chúng.

Trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa,* khi cha mẹ ép Ngọc Hoa bỏ chồng thì Ngọc Hoa không nghe, đành chịu thất hiếu với cha mẹ, chứ không chịu thất tiết với chồng. Những ông vua làm trái đạo luân thường, quần chúng căm ghét: Trang Vương trong *Phạm Tải - Ngọc Hoa* bắt ép Ngọc Hoa, người con gái đã có chồng phải lấy mình. Vua bắt các Trạng nguyên phải lấy con gái mình: Phạm Công ba lần, Tống Trân hai lần.

Thời bấy giờ, con người bị ràng buộc bởi hệ ý thức Nho giáo, nhưng về đạo đức, nếp sống, họ lại chịu ảnh hưởng Phật giáo, Lão giáo. Trong hầu hết các truyện, những nhân vật chính nghĩa khi gặp hoạn nạn, tai biến đều được nàng Tiên, ông Phật cứu giúp, kẻ làm điều ác bị trừng trị. Thuyết thiên nhiên tương cảm đi liền với thuyết mệnh trời, vận số cũng được biểu hiện trong các truyện nôm. Chẳng hạn, trong *Nhị độ mai,* nhân ngày giỗ Mai Bá Cao, Trần Đông Sơ nhìn thấy cảnh hoa mai rụng, ông cho rằng đấy là điềm xấu, họ Mai đã đến ngày tàn. Ông bèn quyết định đi tu:

Sáng mai trông lọt bốn tường,
Cánh hoa dưới đất, mùi hương trên trời.
Trần Công thấy chẳng như lời,
Thương tình bạn, giận sự đời, ngổn ngang.
Gác ngoài phú quý một tràng,
Mũ ni, tràng hạt, quyết đàng xuất gia.

Sau đó, cả nhà cầu Trời khấn Phật, hoa mai lại nở. Đó là điềm trời còn thương xót họ Mai, nên Trần Đông Sơ thay đổi ý nghĩ, không đi tu nữa:

Tiểu thư ra trước vườn hoa,
Khấn năm bảy lượt, lạy và bốn phen.
Lòng thành thấu cửu trùng thiên,
Cành phàm đã chắp hoa tiên bao giờ.
May đâu đến bữa thứ ba,
Mai sinh thức dậy, bấy giờ còn khuya.
Hương đâu phương phức tứ bề,
Hoa đâu san sát đầy khê một vườn.

...

Trần Công rằng: "Sự rõ mười,
Chắc rằng Mai thị còn người làm nên".
Nỗi tu gác để một bên,
Truyền đem tửu quả đặt lên hoa đình.

Dưới chế độ phong kiến, người bóc lột người, quần chúng lao động phải chịu mọi điều khổ đau. Do đó, họ phải tìm đến một sức mạnh siêu nhiên, hy vọng cuộc đời của họ sẽ được bảo vệ và cứu giúp. Khi khoa học tự nhiên còn chưa phát triển, con người thường hy vọng ở lực lượng thần linh, đặt niềm tin vào tôn giáo. Giáo lý của đạo Phật đề xướng từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn có sức thuyết phục con người và có lúc đã là một trong những nguồn gốc của lòng thương người, của chủ nghĩa nhân đạo. Nhân vật Thị Kính trong truyện *Quan Âm Thị Kính* là một biểu tượng tốt đẹp của người phụ nữ thời bấy giờ, nên được mọi người đồng cảm, thương yêu. Một con người nhẫn nhục, chịu đựng, sống ngay thẳng, trong trắng, thì mọi nỗi oan sẽ được sáng tỏ, ở hiền gặp lành. Cũng vì thế, tác phẩm *Quan Âm Thị Kính* trở thành một thứ luân lý đạo đức cho giới phụ nữ đương thời. Một thời đại đầy bất công và oan trái, con người cầu mong Trời, Phật ra tay cứu vớt, mà ở đây tiêu biểu là Thị Kính:

Nhưng thời trong dạ hiếu sinh,
Phúc trời làm phúc dơ đành chịu dơ:
Cá trong đáy nước sởn sơ,
Thời nay chẳng cứu còn chờ khi nao?

Ngoài ra, có truyện có tính cách như một truyện thơ lịch sử,. *Hồng Hoan Lương sử,* tác phẩm phản ánh sự kiện Tây Sơn khá chính xác và sinh động. Tác giả đã đưa ra quan niệm: muốn mọi việc thành công phải dựa vào lòng dân, chiếm thành không khó bằng chiếm lòng người. Đó cũng là châm ngôn của quần chúng, là triết lý của cuộc sống.

Nội dung cốt truyện có sức thuyết phục là bởi tác giả đã nắm bắt được những biến động của thời đại và đồng cảm với nhận thức của con người lúc bấy giờ. Tác giả phản ánh những điều đó bằng cách thông qua các nhân vật để nói lên tâm tư và nguyện vọng của nhân dân.

Các nhân vật ở truyện nôm khuyết danh đều được các tác giả giới thiệu lai lịch rõ ràng: tên tuổi, quê quán, hoàn cảnh gia đình v.v...:

Kìa năm Chí Chính triều Nguyên,
Có người xưa vốn ở miền Châu Chân.
Họ Thôi tên chữ Thuấn Thần,
Nhờ ơn tiên ấm bội phần giàu sang.

Phù Dung tân truyện

Những nhân vật tích cực đều là những người tiêu biểu cho nhân nghĩa. Có những nhân vật là ông quan, ông Trạng, Hoàng tử, Công chúa..., nhưng ngôn ngữ, hành vi của họ đều gắn với nhân dân. Nàng Công chúa đội đèn trong *Hoàng Trừu,* Hoàng tử trong *Thạch Sanh,* Trạng nguyên Phạm Công

cũng gặp những bước nguy nan như mọi người. Họ trải qua những cảnh đời khổ nhục, bơ vơ, đói khát.

Những nhân vật ông thần, nàng tiên, Ngọc hoàng, quỷ sứ luôn thực hiện đạo lý, chính nghĩa, mơ ước cuộc đời có công lý. Ngọc hoàng trong *Phạm Công – Cúc Hoa* bất bình trước những sự bất công dưới trần thế. Quỷ sứ trong *Phạm Công – Cúc Hoa* tỏ tình thương yêu người tiết nghĩa.

Trong truyện *Thạch Sanh*, nàng Công chúa một lòng trung thành với người đã cứu mình, oán ghét Lý Công đến hóa câm. Nàng Cúc Hoa con nhà giàu sang yêu Tống Trân, một chàng ăn mày hiếu thảo hết lòng yêu thương mẹ.

Có nhiều nhân vật xuất thân từ quần chúng lao động (hỷ đồng, ả hoàn, tiều phu). Họ chỉ giữ vai trò phụ trong truyện, nhưng họ có lòng hy sinh, yêu đời. Họ làm ăn trong xã hội đầy khó khăn, chịu đựng nhiều đau khổ.

Nhân vật Hương Công trong *Phan Trần* thấm nhuần lòng nhân đạo. Bà rất thương Phan Sinh và Kiều Liên. Bà thông cảm sâu sắc mối tình giữa hai người. Bà đã chiều ý Phan Sinh giãi bày tâm sự của chàng với Kiều Liên một cách chân thành, tha thiết:

Lân la bỗng giở sự nàng,
Mấy lời thì bấy nhiêu hàng lệ châu.
Càng van, càng một đinh ninh,
Rằng duyên rằng nợ, rằng tình một hai.

Bà giữ kín chuyện giữa hai người, và thường qua lại mối manh, khiến cho hai người hiểu nhau, thương yêu nhau.

Có nhân vật vốn xuất thân trong hàng quan lại, nhưng họ dám đấu tranh với bọn gian thần, bênh vực chính nghĩa. Nhân vật Mai Bá Cao trong *Nhị độ mai* là hình ảnh một ông quan có dũng khí, dám vạch mặt bọn quan lại lộng quyền giữa triều đình. Khi bị bắt vào Kinh, ông đã lớn tiếng:

Lấy đầu hai gã Lư, Hoàng

Khi sắp chết, ông vẫn hiên ngang, coi khinh bọn chúng:

Hãy còn ngoảnh lại triều đường,
Miệng còn sỉ nhục Lư, Hoàng chưa thôi.

Đặc biệt, trong các truyện nôm khuyết danh, vai trò người phụ nữ luôn luôn được đề cập đến. Người phụ nữ trong truyện nôm khuyết danh thường chủ động trong tình yêu, chống lại sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Họ là những người phụ nữ có bản lĩnh, có khí tiết. Bất kỳ ở trong hoàn cảnh khó khăn nào, họ đều nén chịu mọi nỗi khổ nhục, đấu tranh đến thắng lợi, bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Ngoài mối tình vợ chồng chung thủy, các nhân vật phụ nữ ở truyện nôm khuyết danh còn biểu hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với bố mẹ. Đó là phẩm hạnh tốt đẹp trong truyền thống phụ nữ của dân tộc ta.

Ở một số truyện nôm khuyết danh *(Trê Cóc, Lục súc tranh công...)* lại có

những con vật được nhân cách hóa khiến cho cốt truyện càng thêm hóm hỉnh, dí dỏm. Tác giả đã thông qua những hình tượng như vậy có sức lôi cuốn người đọc và có tác dụng tố cáo hiện thực một cách mạnh mẽ.

Đọc truyện nôm, chúng ta thấy có một nét chung, các cốt truyện đều kết thúc có hậu. Nhưng mức độ kết thúc của các truyện có khác nhau. Phạm Công, Cúc Hoa, Phạm Tải, Ngọc Hoa, Thạch Sanh... trong đấu tranh gặp nhiều khó khăn trở ngại, nhưng cuối cùng đều đi đến thắng lợi. Những người đứng dậy chống bọn gian thần, bạo chúa thường là những người tài năng xuất chúng, lấy chính nghĩa thắng gian tà (Thạch Sanh, Lý Công, Phạm Công...). Song, trong các truyện vẫn có những hạn chế nhất định, những nhân vật trong các truyện gặp đau khổ, gặp tai vạ thì nén chịu, oán hờn số mệnh. Rất ít có những nhân vật như Mai Bá Cao, Thạch Sanh kiên trì đấu tranh đến cùng. Mai Bá Cao chiến đấu một cách đơn độc, cuối cùng bị chết oan uổng. Thạch Sanh dũng cảm dựa vào tài năng, sức lực của mình đã thắng tất cả mọi trở lực. Đa số các truyện thường tạo nên hình tượng sức mạnh siêu nhiên để giải thoát những đau khổ, những tai nạn do chế độ phong kiến gây nên. Phạm Công bị chúa Hung Nô chặt chân tay, khoét mắt, đục răng, sau nhờ có Ngọc hoàng thấu nỗi oan của chàng mà chàng được cứu thoát. Ở truyện *Phương Hoa,* mọi người được giải nỗi oan cũng là nhờ có Ngọc hoàng báo mộng mà nhà vua biết được những bất công trong triều.

Những hạn chế đó là do thực tế khách quan lịch sử, các tác phẩm ra đời ở thời kỳ nào thì sẽ phản ánh tình hình xã hội và tư tưởng của nhân dân ở thời kỳ đó. Truyện nôm khuyết danh ra đời trong thời kỳ lực lượng nông dân chưa thành một khối thống nhất, cho nên nhiều nơi nông dân nổi dậy chống lại giai cấp thống trị, nhưng phong trào còn yếu, còn rời rạc, luôn luôn bị đàn áp. Chính do hạn chế của lịch sử, cho nên trong tác phẩm truyện nôm khuyết danh, sức mạnh của quần chúng đã được đề cập đến nhưng chưa có tác dụng quyết định.

*

* *

Sức hấp dẫn của truyện Nôm khuyết danh không phải chỉ ở nội dung cốt truyện, mà còn biểu hiện ở hình thức thơ ca dân tộc.

Trước thế kỷ XVIII, có một vài truyện nôm khuyết danh như *Lâm tuyền kỳ ngộ* viết theo thể thơ Đường luật, còn mang hình thức nghệ thuật của thơ Hán. Nhưng từ thế kỷ XVIII trở về sau, hầu hết các truyện đều viết theo thể lục bát, một loại hình thơ dân tộc được phát triển đến đỉnh cao của nghệ thuật. Đặc biệt, trong các truyện tính chất dân tộc ngày càng được thể hiện rõ rệt. Khi ý thức dân tộc trỗi dậy, ông cha ta đã sử dụng chữ Nôm vào việc sáng tác thơ ca. Nhờ đó, văn học viết lại càng phát triển và văn học truyền miệng mới có dịp chuyển mình, trở thành tài sản văn hóa của toàn dân tộc. Nhiều thần thoại, truyền thuyết có thể trước kia chỉ thuộc một bộ tộc, một địa phương, đến lúc này trở thành tác phẩm chung của đất nước. Chẳng hạn, cùng với dân tộc Kinh có

Tống Trân - Cúc Hoa thì ở dân tộc Thái cũng có *Tống Trân - Cúc Hoa*. Hay là truyện *Thạch Sanh* không những được lưu truyền phổ biến ở Cao Bằng, vùng Khơ Me Nam Bộ, mà cả ở miền đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ.

Đặc điểm nổi bật của truyện nôm khuyết danh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa văn học truyền miệng và văn học viết, sự gắn bó khăng khít giữa hình thức và nội dung. Ở truyện nôm khuyết danh, nội dung và hình thức đều mang tính dân tộc. Nội dung các cốt truyện đều phản ánh những vấn đề day dứt của cuộc sống thực, những nỗi bất công trong xã hội, đồng thời cũng là những bài học răn đời, con người sống có thủy có chung, đừng làm những điều trái với đạo lý của đời thường. Những nội dung ấy được biểu hiện bằng hình tượng ngôn ngữ đại chúng, dễ hiểu, ít có điển cố. Đó là điều tác phẩm truyện nôm khuyết danh khác với các tác phẩm như *Truyện Kiều*, *Hoa Tiên*, v.v... Ngôn ngữ trong truyện nôm khuyết danh có khi rất gần với tiếng nói của quần chúng. Bằng những tiếng nói thông thường, các tác phẩm vẫn biểu đạt được những nỗi thương cảm, ai oán:

Mắt trông mả mẹ xót xa,
Anh em nước mắt nhỏ ra ngùi ngùi.

Phạm Công - Cúc Hoa

Đàn kêu ai chém đại bàng,
Đem nàng công chúa dưới hang mà về.
Đàn kêu: Hỡi Lý Thông kia,
Cớ sao bội nghĩa lại thì vong ân.
Đàn kêu sao ở bất nhân,
Biết ăn quả lại quên ân người trồng.

Thạch Sanh

Nội dung cốt truyện lại được biểu hiện bằng lối thơ lục bát, một loại thơ ca có nguồn gốc dân gian, ca dao, tục ngữ, thành ngữ,... đều được sử dụng trong truyện. Lối thơ lục bát trên sáu dưới tám, lúc mới nghe chúng ta có cảm tưởng âm điệu lặp đi lặp lại, nhưng thực ra thì biến hóa vô cùng, có đến 60 dạng câu sáu tám khác nhau [1], có thể diễn đạt được mọi nhịp điệu tình cảm, mọi biến chuyển của tư tưởng.

Ở đây, thơ lục bát là hình thức dân tộc, đại chúng, nhưng nhiều khi còn thô sơ, thiếu chải chuốt, có trường hợp gieo vần ở chữ thứ tư của câu bát như trong vè:

Chiêm Thành các nước vân vi,
Hoặc có điều gì, Trạng bỏ cho ai,

Phạm Công - Cúc Hoa

Có trường hợp dùng hư từ để gieo vần:

Đàn kêu: Hỡi Lý Thông kia,
Cớ sao bội nghĩa lại thì vong ân.

Thạch Sanh

---

1. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức: *Thơ ca Việt Nam – hình thức và thể loại*. NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

Chim kêu phượng hót nhiều bề,
Đi bốn ngày thì đến chợ Phú Xuân.
Phạm Công - Cúc Hoa

Thậm chí có trường hợp ép vần:

Phạm Công bước tới thưa bày:
Của tôi đi tạm, bên trường thầy ta.
Phạm Công - Cúc Hoa

Có nhược điểm trên là điều tất yếu, vì đấy là thể hiện quá trình phát triển gian khổ của văn thơ truyền miệng. Các tác giả sẽ bổ khuyết và đi đến hoàn chỉnh lối thơ lục bát trong các tác phẩm văn học tiêu biểu như *Truyện Kiều, Hoa Tiên...*

*
* *

Các tác phẩm truyện nôm khuyết danh đều là những truyện xa xưa, một thời lịch sử đã qua, nhưng ngày nay vẫn được người đọc truyền tụng. Và nó đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền văn học của dân tộc. Nó là cái nôi nuôi dưỡng, góp phần phát triển văn học nôm đến trình độ cao như *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, v.v...* Hầu hết các nhà nghiên cứu văn học đều đã đi đến nhận định: truyện nôm khuyết danh là nhịp cầu nối liền hai dòng văn học dân gian và bác học.

Một đất nước đứng vững và đi lên là nhờ ở cơ sở kinh tế, nhưng cái bản sắc riêng, lại là nền văn hóa truyền thống dân tộc. Không một nền văn minh của một đất nước nào lại được định hình chỉ bằng những thành tựu kinh tế mà không cần đến những giá trị văn hóa. Văn hóa là cốt cách của một dân tộc, một thời đại gồm cả những giá trị vật chất và tinh thần. Bảo tồn và khai thác những giá trị văn hóa từ ngàn xưa để lại là một nhiệm vụ của chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

Do hoàn cảnh lịch sử, truyện nôm khuyết danh cũng có những hạn chế nhất định. Vì thế, nó còn nhiều dấu vết của hệ ý thức phong kiến, vẫn mang nặng ý thức nông dân cá thể, không thoát khỏi ước vọng vua sáng tôi hiền. Trong các tác phẩm còn cả những truyện thần linh, hoang đường.

Phần nghệ thuật, nặng về tự sự, bám theo cốt truyện là chính, ít chú ý đến xây dựng tính cách nhân vật. Nhưng không phải vì những thiếu sót ấy mà chúng ta không coi trọng kho tàng truyện nôm, một trong những di sản văn hóa quý giá của ông cha ta để lại.

Hà Nội, tháng 4 năm 1990

CHỦ BIÊN

Lê Văn Quán

LÂM TUYỀN KỲ NGỘ

(*Trích*)

TIỂU DẪN

Lâm tuyền kỳ ngộ (Cuộc gặp gỡ kỳ lạ nơi rừng suối) là một truyện nôm gồm 146 bài thơ thất ngôn bát cú (thơ Đường luật), một bài tứ tuyệt, và một ca khúc 11 câu ở phần kết thúc tác phẩm.

Trước đây, có bản phiên âm của Xuân Lan, in tại Hà Nội, năm 1912. Nhưng đây là một bản phiên âm có nhiều sai lầm, không đáng tin cậy. Năm 1964, Nhà xuất bản Văn học công bố bản phiên âm của nhóm các ông Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San. Bản phiên âm này được căn cứ theo bản nôm khắc gỗ năm Thành Thái thứ 11, Kỷ Hợi (1899), số ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm hiện nay là AB.78. Đây là một bản phiên âm, khảo dị, chú thích khá nghiêm túc.

Trong khi tuyển chọn các bài thơ trong *Lâm tuyền kỳ ngộ*, chúng tôi có kế thừa bản phiên âm của nhóm các ông Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San, đồng thời cũng căn cứ vào nguyên bản nôm AB.78 để đính chính lại một số trường hợp.

Truyện nôm *Lâm tuyền kỳ ngộ* vốn không đề tên tác giả, cũng không ghi niên đại sáng tác. Từ trước đến nay, cũng chưa có một công trình chuyên khảo nào đi sâu về những vấn đề này. Trước đây, trong cuốn *Thi văn Việt Nam* (1951), ông Hoàng Xuân Hãn cho rằng đây là tác phẩm thời Lê Mạc. Ông Đinh Gia Khánh trong bài giới thiệu bản phiên âm (1964), thì cho đây là tác phẩm của nửa đầu thế kỷ XVII. Còn ông Hoa Bằng trong *Tạp chí Văn học* (số 11-1968) thì lại cho đây là tác phẩm của khoảng cuối đời Lê trung hưng. Về tác giả, riêng ông Đinh Gia Khánh có phỏng đoán rằng có thể là Nguyễn Đăng, người đã đi sứ Trung Quốc và làm bài *Phi Lai tự phú* nổi tiếng (1613), nhân biết truyện Tôn Khác lấy Bạch Viên chính là ở ngôi chùa này, nên Nguyễn đã cảm hứng mà viết thêm truyện nôm *Lâm tuyền kỳ ngộ*.

Nói chung, cho đến nay, truyện nôm *Lâm tuyền kỳ ngộ* vẫn được coi là một tác phẩm khuyết danh, và về mặt thời điểm sáng tác cũng vẫn còn là vấn đề cần được tiếp tục tìm hiểu thêm.

Truyện thơ nôm *Lâm tuyền kỳ ngộ* được chuyển thể trên cơ sở một truyện văn xuôi Trung Quốc có nhan đề *Truyện Viên Thị* hoặc truyện *Truyện Tôn Khác (Truyện Viên Thị* của Cố Quýnh, *Truyện Tôn Khác* của Bùi Xuyến, cả hai đều là tác gia truyền kỳ ở thời Đường. Nhưng xem xét về mặt văn bản học, thì thấy hai văn bản truyện này không có gì khác nhau, vì vậy chắc chắn có một bản chỉ là bản sao chép lại).

Cốt truyện *Viên Thị* (hoặc *Tôn Khác)* có thể tóm tắt như sau:

"Dưới triều Đường Đại Tông, khoảng niên hiệu Quảng Đức (763-764) có một chàng tú tài tên là Tôn Khác (cũng có người đọc là Tôn Các), sau khi thi

hồng, đến chơi vùng Lạc Dương. Ở đây, chàng gặp tiểu thư họ Viên, cảm tài sắc của nàng, chàng bèn nhờ mối lái xin kết duyên vợ chồng. Sau khi lấy được Viên Thị, chàng chỉ chơi bời phóng túng, uống rượu ngâm thơ, không màng gì đến chuyện công danh.

Được vài bốn năm sau, nghe lời xúi xiểm của người anh họ là Trương Nhàn Vân, chàng họ Tôn đã dùng thanh gươm báu của Nhàn Vân để yểm Viên Thị. Do đó, hai vợ chồng xảy ra xích mích, Viên Thị nhiếc mắng chồng và bẻ gãy thanh gươm ra từng đoạn. Nhưng rồi Tôn biết hối lỗi, vợ chồng lại hòa thuận. Mười năm sau, Viên Thị sinh được hai con trai. Còn Tôn do một bạn cũ tiến cử, được làm chức Kinh lược phán quan.

Trên đường theo chồng đi nhậm chức, Viên Thị qua chùa Hiệp Sơn (hoặc Giáp Sơn), thấy cảnh núi cao thông biếc thì bỗng động tâm, bèn tháo chiếc vòng bích ngọc cúng sư già, rồi hóa thân làm vượn, nhảy lên cây, nhập vào đoàn vượn núi mà đi.

Theo lời nhà sư, thì Viên Thị tức là hậu thân của con vượn mà nhà sư đã nuôi từ niên hiệu Khai Nguyên (713-741). Về sau, trung sứ Cao Lực Sĩ đem về nuôi trong cung vua Đường, cho đến khi có loạn An Lộc Sơn. Còn chiếc vòng vốn là của bố thí của người Hồ, nên đến nay con vượn lại trao trả nhà chùa. Nghe chuyện, Tôn bùi ngùi xúc động trước cảnh sinh ly, liền đem hai con quay thuyền trở về, không đi làm quan nữa".

Nội dung truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ* về căn bản cũng giống với cốt truyện truyền kỳ vừa tóm tắt, nhưng có nhiều tình tiết đã được tác giả Việt Nam sáng tạo lại, khác hẳn với nguồn truyện Trung Quốc. Có thể kể đến một số khác biệt chính như sau:

- Ở truyện Trung Quốc, Tôn nhờ mối lái để lấy Viên Thị làm vợ. Còn ở *Lâm tuyền kỳ ngộ*, chính Viên Thị lại tự ý chủ động tìm đến với Tôn.
- Ở truyện Trung Quốc, Viên Thị là một con vượn hóa thân thành người, rồi lại trở về kiếp vượn. Còn ở truyện Việt Nam, Viên Thị vốn là một tiên nữ giáng trần làm vượn, sau đó hóa thành người để lấy chàng Tôn, rồi sau lại lên cõi tiên, cuối cùng vì nhớ thương chồng con, nên lại trở về trần thế.
- Ở truyện Trung Quốc, truyện kết thúc ở chỗ Viên Thị hóa thành vượn, lên núi không về, chàng Tôn đem hai con về quê và không đi làm quan nữa. Còn ở truyện Việt Nam, truyện được kết thúc theo kiểu "có hậu", Viên Thị từ cõi tiên trở về, vợ chồng lại đoàn tụ, chàng Tôn sau khi đỗ Trạng lại vào kinh làm quan. Vợ chồng cùng hưởng phú quý.

Những sáng tạo như vậy ở truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ* đã làm cho tư tưởng chủ đề của truyện được sáng tỏ, truyện trở nên có giá trị nhân đạo sâu sắc: Đó là việc đề cao hôn nhân tự do, đề cao vai trò của người phụ nữ, đề cao cuộc sống hạnh phúc nơi trần thế. Nếu ở truyện gốc thiên về miêu tả những điều quái dị, mơ hồ, thì truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ* lại nhằm nhấn mạnh tính chất người, do đó, mà nhân vật trở nên có tính cách sống động và có ý nghĩa hiện thực sâu sắc. Viên Thị trong truyện Trung Quốc rõ ràng là hiện thân của một

con yêu quái dữ lắm. Trái lại, Viên Thị trong *Lâm tuyền kỳ ngộ* hoàn toàn là một tiên nữ xinh đẹp, vừa đa tình vừa hiền dịu. Nhân vật Tôn Khác cũng vậy, ở truyện gốc chỉ là một thư sinh nghèo hèn, nhút nhát, không có chí hướng gì. Còn ở truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ*, Tôn sinh là một nhân vật có bản lĩnh, có ý chí rõ rệt, có tình cảm đằm thắm, thủy chung. Khi vì lầm lỡ nghe lời Nhàn Vân đem gươm thử Viên Thị, lòng chàng bị dằn vặt hết sức. "Đoái lời thề thốt còn đanh lảnh, Tưởng nỗi sinh ly chỉn ngại ngùng". Khi Viên Thị về trời, chàng thi đỗ Trạng nguyên về làng, tuy vui với công danh thành đạt, nhưng lòng riêng vẫn khó quên người vợ cách xa: "Vui chung ai để sầu riêng ấy. Biết nỗi này chăng hỡi má hồng"...

Tóm lại, *Lâm tuyền kỳ ngộ* tuy cũng kể lại một chuyện cổ tích thần kỳ, song dụng ý của tác giả không phải nhằm tô đậm tính chất kỳ quái, mà lại nhằm nêu cao giá trị con người, giá trị nhân sinh, đặt cõi đời lên trên cõi Phật, cõi Tiên. Chỗ khác biệt với cốt truyện gốc và ý nghĩa chính của *Lâm tuyền kỳ ngộ* cũng chính là ở chỗ đó.

Về mặt văn chương, *Lâm tuyền kỳ ngộ* là một trong số ít tác phẩm nôm dùng thể thơ Đường luật để tự sự, do đó không tránh khỏi những hạn chế. Với 148 bài thơ mà mỗi bài lại phải trình bày trọn vẹn một vấn đề cho phù hợp với kết cấu của một bài Đường luật, thì như vậy việc trình bày các sự việc, tình tiết, diễn biến của truyện quả thật là khó. Hơn nữa, bản chất của thơ Đường luật là trữ tình, thế mà ở đây nhiều chỗ lại dùng vào việc miêu tả đối thoại giữa hai nhân vật, nên không tránh khỏi sự dàn trải rời rạc về mặt kết cấu. Tuy nhiên, mặc dầu có những khó khăn như vậy, tác giả vẫn đạt được những thành công đáng kể. Ngôn ngữ dân tộc ở đây đã được vận dụng khá nhuần nhuyễn, uyển chuyển. Nhiều đoạn tả tình, tả cảnh vừa hàm súc vừa tinh tế, tạo nên những hình tượng có giá trị mỹ cảm sâu sắc. Chẳng hạn như:

Sen bò đáy nước lồng gương nguyệt,
Cúc nhiễu chân thềm lẫn vẻ sao.
Hoa tưới long lanh rèm bích ngọc,
Hương đưa sực nức gác quỳnh giao.

Thạch tuyền cảnh trí

Hoặc như:

Ruột tằm chín khúc vò tơ đỏ,
Giấc bướm năm canh diễn khắc vàng
Cửa động những mong người mối lái,
Bên nguồn luống đợi khách tìm hương.

Viên Thị tư phối

*

* *

Dưới đây là bản phiên âm, có kèm theo khảo dị và chú thích. Trích 56 bài trong tổng số 148 bài:

Bài 1[*]

Giữa trời thánh chúa nối ngôi càn[1]
Chín vạc[2] xây nên vững Thái bàn[3, (a)]
Dũ dập ngai vàng ra chính giáo,[(b)]
Sum vầy bệ ngọc giống y quan[4, (c)]
Bể thanh kình ngạc hơi tăm vắng
Ải bặt sài lang ngọn khói tan[5]
Đời trị thú vui trời mọi chốn
Nước non mặc kẻ chí thanh nhàn.

Khảo dị:

(*) Nguyên bản không có đầu đề. Các khảo dị ở bài này và các bài sau đều là của bản Xuân Lan.

a. Chín bệ xây lên vững Thái bàn.

b. Dìu dập ngai vàng ra chính giáo.

c. Sum vầy bệ ngọc chỉnh y quan.

Chú thích:

1. *Càn*: một quẻ đứng đầu Bát quái *(Kinh Dịch)* tượng trưng cho trời, vua... ngôi càn cũng như ngôi vua.

2. *Chín vạc*: dịch chữ cửu đỉnh. Vua Hạ Vũ cho đúc 9 cái đỉnh, trên đó khắc tên các sản vật và số thuế của 9 châu phải cống nộp nhà vua. Do đó, 9 vạc hay cửu đỉnh là tượng trưng cho 9 châu, trong văn thơ cổ thường dùng để chỉ ngôi vua, cơ nghiệp nhà vua.

3. *Vững Thái bàn*: vững như Thái Sơn, bàn thạch. Ý nói rất vững bền. Tục ngữ: vững như bàn thạch.

4. *Y quan*: áo mũ, chỉ các quan lại.

5. *Ngọn khói tan*: Đời cổ, mỗi khi có giặc xâm lăng biên giới thì các trạm canh đốt khói lửa để báo hiệu. Ngọn khói tan có nghĩa là đã hết giặc giã.

Bài 3

PHI LAI TỰ
(CHÙA PHI LAI)

Khác với thế giới khắp ba ngàn[1]
Dường có thanh cao cảnh tự nhiên
Gió trúc đưa hương gần bệ Phật
Cầm thông dáng kệ[2] nức an tuyền
Nước non quyến khách say mùi đạo
Hoa cỏ đưa tăng tới cửa chiền[3]
Pháp giới mấy đường phong cảnh ấy
Quy y[4] dù mặc khách tham thiền.[5]

Chú thích:

1. *Thế giới khắp ba ngàn*: theo thuyết của đạo Phật, hợp 1000 cái thế giới con người hiện đang ở thì thành tiểu thiên thế giới, hợp 1000 tiểu thiên thế giới thì thành trung thiên thế giới, hợp 1000 trung thiên thế giới thì thành đại thiên thế giới. Gọi chung thì là tam thiên thế giới (ba ngàn thế giới). Ở trên tam thiên thế giới lại có Hoa Nghiêm thế giới... Cho nên thế giới là vô lượng vô biên, trí óc người ta không thể lường hết được.

2. *Kệ*: một thể văn của nhà chùa; cuối mỗi thiên kinh Phật thường có một bài kệ bằng văn vần nhằm nêu bật và tán tụng ý tứ trong kinh văn.

3. *Chiền*: tiếng cổ, nghĩa như chùa; nay thường nói chùa chiền.

4. *Quy y*: có nghĩa là thân tâm quy hướng theo đạo, mà theo đạo Phật thì có "Tam quy" là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (hướng theo Phật, hướng theo lời Phật dạy, hướng theo các tăng chúng).

5. *Tham thiền*: nghiên cứu Phật học.

Bài 4

HUYỀN TRANG CƯ TRAI
(BUỒNG NGỦ CỦA SƯ HUYỀN TRANG)

Tăng phòng chi để lụy trần duyên
Lẩn quất am thanh náu gót tiên

Áo vá dày gai hằng vốn giữ
Cơm thông trà bách dễ nên quen.
Chuông khua mấy tiếng ta niềm tục
Kệ giảng ba canh tắt mối phiền
Một chiếc thuyền từ đầu tế độ[1]
Đem người đến lại cảnh Tây thiên.[2]

Chú thích:

1. *Thuyền từ*: Con thuyền từ bi; tế độ: cứu vớt. Cả câu ý nói Phật lấy lẽ từ bi làm con thuyền cứu vớt chúng sinh qua biển khổ.

2. *Tây thiên*: cũng như Tây Trúc, chỉ nước Ấn Độ, quê hương của Phật. Đây chỉ thế giới Phật, cảnh Phật.

Bài 5

BẠCH VIÊN ĐÁO NGOẠI TỰ
(VƯỢN TRẮNG ĐẾN NGOÀI CHÙA)

Non xanh rừng thẳm áng vân biên
Lẩn quất kìa ai tới cửa chiền.[a]
Khuya sớm lân la ngoài ngọn trúc.
Hôm mai cập rập dưới am thuyền[b]
Đêm thanh dắng kệ nương thềm nguyệt
Ngày vắng nghe kinh náu bóng hiên
Một mối sự lòng ai kẻ biết,
Sáng soi thấu chửa hỡi gương Thiền.[c]

Khảo dị:

a. Lẩn quất han ai tới cửa chiền.
b. Hôm mai tấp nập dưới am tuyền.
c. Sáng soi chưa thấu hỡi gương thiền.

Bài 7

BẠCH VIÊN NHẬP TỰ THÍNH KINH
(VƯỢN TRẮNG VÀO CHÙA NGHE KINH)

Từ ngày kinh giáo dãi bên tai
Hé cửa tùng hiên mái ngụ ngoài
Khúm núm khấu đầu trên bệ ngọc
Lân la mật niệm trước thiền trai[1]
Đêm thanh náu gót ngoài tăng viện
Ngày vắng dâng hương trước Phật đài
Khấu nguyện lòng này tam bảo chứng[2]
Một thuyền cứu khổ chở riêng ai.

Chú thích:

1. *Thiền trai*: nơi tu hành, nơi ở của nhà sư.
2. *Tam bảo*: ba thứ báu của nhà Phật là Phật, Pháp, Tăng.

Bài 8

HUYỀN TRANG DƯỠNG BẠCH VIÊN
(HUYỀN TRANG NUÔI VƯỢN TRẮNG)

Thấy loài vật bé chín[1] thương thay
Tăng viên bèn cho ngụ tháng ngày
Áo vá một manh dùng ấm cật
Xuyến vàng đôi chiếc xá trao tay
Hôm mai luyện tập đường kinh giáo
Khuya sớm vui quen đạo tớ thầy
Những ước đều lên miền tịnh độ[2]
Nức lòng khẩn nguyện bấy lâu nay.

Chú thích:

1. *Chín*: tiếng cổ, nghĩa như chỉ có, vốn luống những... chín thương thay: luống thương thay.
2. *Tịnh độ*: nơi tinh khiết, tức đất Phật, thế giới Phật, cõi cực lạc.

Bài 9

BẠCH VIÊN QUY Y TỰ
(VƯỢN TRẮNG QUY Y Ở CHÙA)

Mọi nhẽ xem dường có chí hay
Vật sao khôn khéo lạ lùng thay
Nương mình Phật giáo niềm tin kính
Theo thói thiền sư đạo thảo ngay
Giảng kệ xem kinh hằng chứa dạ
Dâng hương tiến quả những liền tay
Tuy rằng tới cảnh vui lòng cảnh
Một tấm niềm đan chửa chút khuây.[1]

Chú thích:

1. *Niềm đan*: do dịch nghĩa chữ đan tâm (lòng son). Ở đây, niềm đan chỉ lòng yêu đời. Cả câu nói vượn trắng còn nặng lòng trần tục.

Bài 10

BẠCH VIÊN BIỆT PHI LAI
(VƯỢN TRẮNG TỪ BIỆT CHÙA PHI LAI)

Kiếp hóa sinh xưa uẩy[1] đã qua
Cửa chiền bèn mới lánh chân ra
Gió thu đèn nguyệt kia là bạn
Cửa quế rừng thông nọ ấy nhà
Trải áng non xanh muôn dặm cách
Trông chừng am cũ mấy ngàn xa
Vì duyên cho phải thăm tìm thú
Vắng vẻ còn phen cảm Đức Già.[2]

Chú thích:

1. *Uẩy*: tiếng cổ, có nghĩa là vậy thì, như vậy thì.
2. *Đức Già*: tức Đức Phật do gọi tắt hai chữ Già - lam (gốc Ấn Độ Samgharama) có nghĩa là chùa Phật.

Bài 11

HUYỀN TRANG AI TÍCH
(HUYỀN TRANG THƯƠNG TIẾC)

Thương thay vật bé bỗng bơ vơ
Dễ giục lòng thiền luống ngẩn ngơ
Ngày vắng ve sầu thêm tưởng nhớ
Đêm thanh dế thét những mong chờ
Lâm dâm đèn hạnh[1] năm canh nguyệt
Bối rối lòng tằm chín khúc tơ
Non nước chốn này sao nỡ phụ
Một phen vắng cảnh biết bao giờ.

Chú thích:

1. *Đèn hạnh*: đèn dầu hạnh nhân.

Bài 13

BẠCH THỊ HÓA NỮ NHI
(VƯỢN TRẮNG HÓA THÀNH CON GÁI)

Hóa thân làm vượn kiếp đà qua
Biến cải hình dung khéo não nà
Mấy đoạn Sở vân[1] xuôi tóc phượng, [(a)]
Nửa vành thu nguyệt vạnh mi nga[2, (b)]
Phủ phê dưới gót phong quần thúy. [(c)]
Sặc sỡ trong mình mớ áo là
Yểu điệu gấm chiều như thế ấy, [(d)]
So bề quốc sắc dễ ai qua.

Khảo dị:

a. Mấy đoạn Sở vân suy tóc phượng.
b. Nửa vành thu nguyệt vắng mi nga.
c. Phủ phê dưới gót phong quẩn thúy.
d. Yểu điệu ngấm chiều như thế ấy.

Chú thích:

1. *Sở vân*: mây Sở. Theo Tống Ngọc trong bài "Cao Đường phú", xưa vua nước Sở lên chơi Cao Đường, lúc mệt ngủ ngày, nằm mộng thấy thần nữ núi Vu Sơn đến nguyện cùng chung chăn gối. Khi từ biệt, nói rằng: Thiếp sáng làm mây, chiều làm mưa... đây ý nói vượn trắng hóa thành cô gái đẹp như thần nữ núi Vu Sơn.

2. *Vạnh mi nga*: Tròn vành vạnh như mày con ngài (nga mi). Mày con ngài nhỏ và cong, xưa coi mắt phượng, mày ngài là những tiêu chuẩn đẹp của người con gái.

Bài 14

VIÊN THỊ CƯ THẠCH TUYỀN[1]
(VIÊN THỊ Ở SUỐI ĐÁ)

Một bầu thế giới khác xa vời
Rừng rậm gây nên thú thảnh thơi
Thành quách trùng trùng muôn trượng núi
Lâu đài sát sát một bầu trời
Cầm thông phách trúc no[2] chiều hạ
Quạt gió đèn trăng sẵn chốn vui
Cảnh vật mọi đường âu chẳng thiếu[(a)]
Thiếu chăng còn một khách trên đời.

Khảo dị:

a. Cảnh vật mỗi đường âu chẳng thiếu.

Chú thích:

1. *Viên thị*: Viên là con vượn, khi vượn trắng (Bạch viên) biến thành con gái thì tác giả lấy chữ viên (vượn) làm họ, và gọi là Viên thị, nghĩa là cô gái họ Viên, nàng họ Viên.

2. *No*: tiếng cổ có nghĩa như đủ, nhiều.

Bài 15

VIÊN THỊ TƠ PHỐI
(VIÊN THỊ TƠ TƯỞNG VIỆC LẤY CHỒNG)

Nghĩ ngợi càng thêm vẩn mọi đường
Trạnh lòng vì bởi khách đông sàng[1]
Ruột tằm chín khúc vò tơ đỏ
Giấc bướm năm canh diễn[2] khắc vàng
Cửa động những mong người mối lái[(a)]

Bên nguồn luống đợi khách tìm hương
Kìa ai xe chỉ trong cung nguyệt[3]
Chỉ để hồng nhan phận lỡ làng.

Khảo dị:

a. Cửa động những mong người hái thuốc.

Chú thích:

1. *Khách đông sàng*: Theo điển trong *Tấn thư*, khi có người đến nhà Vương Đạo kén rể, các con trai Vương Đạo đều khoa trương tài trí, chỉ riêng có một chàng ở giường phía đông (đông sàng) là ngồi điềm nhiên ăn uống như không nghe biết có chuyện gì cả, sau chàng trai này được chọn làm rể. Từ đó, người ta dùng chữ "đông sàng" để chỉ chàng rể.

2. *Diễn*. kéo dài.

3. *Xe chỉ...cung nguyệt*: Theo sách *Tục u quái lục*, Vi Cố đời Đường, đêm đi chơi gặp một ông già ngồi dưới bóng trăng đang xem sách, bên cạnh có cái túi đựng tơ đỏ. Vi Cố hỏi thì ông già nói đó là sổ hôn nhân và những tơ đỏ dùng để buộc chân nam nữ... Về sau, người ta gọi ông già đó là người xe duyên cho các cặp vợ chồng, tục gọi ông Tơ, ông Nguyệt, và dùng các từ chỉ thắm tơ hồng... để chỉ việc kết duyên vợ chồng, với quan niệm việc hôn nhân là có duyên số định sẵn.

Bài 16
TÔN SINH BẨM CHÍ
(TÔN SINH QUYẾT CHÍ HỌC HÀNH)

Trâm anh nghiệp cả vốn con dòng
Kinh sử hôm mai mãi một lòng
Đèn hạnh năm canh màn Đổng tử[1]
Song mây mấy tấc gối Ôn công[2]
Làng Nhan cửa Khổng[3] lòng hăm hở
Bể thánh rừng nho sức vẫy vùng
Vả đấng văn chương tài bẻ quế[4]
Vũ môn có thuở cá nên rồng.[5]

Chú thích:

1. *Màn Đổng tử*: Đổng tử tức Đổng Trọng Thư, một danh Nho đời Hán, lúc trẻ sớm khuya buông màn đọc sách, ba năm không ngó ra ngoài. Người đời dùng từ "màn Đổng tử" để chỉ việc quyết chí học tập.

2. *Gối Ôn công*: Ôn công tức Tư Mã Quang, một danh nho đời Tống, lúc trẻ chăm học, thường dùng khúc gỗ tròn làm cái gối nằm đọc sách, phòng khi ngủ quên thì cái gối lăn đi khiến tỉnh dậy để học tiếp. Gối Ôn công cũng là biểu tượng của sự chăm học.

3. *Làng Nhan cửa Khổng*: Nhan Uyên, học trò giỏi của Khổng Tử. Khổng Tử, ông tổ của Nho giáo. "Làng Nhan cửa Khổng" là những hình ảnh nói về sự nghiệp học hành, thi cử thời xưa.

4. *Bẻ quế*: hoặc bẻ cành quế, là biểu tượng chỉ sự thi đỗ.

5. *Vũ môn*: theo truyền thuyết dân gian, cá chép vượt qua được Vũ môn, nơi có thác cao, thì hóa thành rồng. Đây cũng là biểu tượng chỉ sự thi đỗ.

Bài 18

TÔN SINH LẠC ĐỆ
(TÔN SINH THI TRƯỢT)

Vân gặp khi nên lọ ước cầu
Lạc thiên[1] quân tử vội chi đâu
Gươm kia mài phảy càng thêm sắc[a]
Ngọc nọ trui trau ắt cũng màu[b]
Kinh sử cần năng ôn và đọc,[c]
Công danh ắt chẳng trước thời sau.
Thanh vân[2] đường hãy thênh thang rộng.
Một áng xuân vi[3] chẳng mấy lâu.[d]

Khảo dị:

a. Gươm kia mài mãi càng thêm sắc.

b. Ngọc nọ chuốt lâu ắt cũng mầu.

c. Kinh sử siêng năng ôn và đọc.

d. Một áng xuân viên chẳng mấy lâu.

Chú thích:

1. *Lạc thiên*: do chữ "lạc thiên tri mệnh" *(Kinh Dịch,* Hệ từ thượng) có nghĩa là vui đạo trời, thuận theo trời mà thi hành giáo hóa.

2. *Thanh vân*: mây xanh, chỉ việc thi đỗ, làm quan.

3. *Xuân vi*: trường thi mùa xuân, tức thi Hội, vì thi Hội thường cử hành vào tháng 3 hằng năm.

Bài 22

VIÊN THỊ VẤN TÔN SINH
(VIÊN THỊ HỎI TÔN SINH)

Xa khơi rừng rậm thuở hàn sương[1]
Quân tử về đâu khéo lỡ làng
Khách đang giang hồ người ẩn dật
Giống chiều đài các đấng văn chương
Xá đành tạm nghỉ nơi hàng quán[(a)]
Hay rắp tìm về chốn cố hương
Vắng vẻ am này nên dám hỏi
Chỉn niềm tâm sự ngỏ cơn tường.[(b)]

Khảo dị:

a. Thong dong tạm nghỉ nơi hành quán.

b. Chỉn niềm tâm sự ngỏ xin tường.

Chú thích:

1. *Hàn sương*: rét lạnh và sương giá, chỉ lúc trời rét.

Bài 23

TÔN SINH ĐỐI VIÊN THỊ
(TÔN SINH TRẢ LỜI VIÊN THỊ)

Vốn ở Trường An[1] trải mấy xuân
Nay về quê cũ viếng song thân
Cách ngàn chửa đến nơi quen thuộc
Lạc dấu cho nên sức nhọc nhằn[(a)]
Thơ thẩn mong tìm nơi quán khách
Lân la nào biết chốn hương thân
Ơn lòng đoái đến phiền xin nhủ
Ngõ được nương nhờ chút nghỉ chân.

Khảo dị:

a. Nhỡ bước cho nên sức nhọc nhằn.

Chú thích:

1. *Trường An*: kinh đô Trung Quốc, thời Đường.

Bài 24

VIÊN THỊ HIỂU TÔN SINH NGỤ SỞ
(VIÊN THỊ BẢO CHO TÔN SINH BIẾT CHỖ Ở)

Thạch tuyền chốn ấy chẳng xa vời
Cũng kể nhân gian thú thảnh thơi
Am rộng vườn quanh mươi dặm đất
Cảnh màu riêng nữa một bầu trời[a]
Phòng hoa quán nguyệt càng thong thả
Khách bộ người thuyền mặc nghỉ ngơi
Ngàn tối áng này người vắng vẻ
Dám xin quân tử kíp chân rời.

Khảo dị:

a. Cảnh màu trinh nữ một bầu trời.

Bài 26

TÔN SINH ĐÁO THẠCH TUYỀN CUNG QUÁN
(TÔN SINH ĐẾN CUNG QUÁN Ở SUỐI ĐÁ)

Gác mới khua chuông nguyệt mới tà
Vó câu thoắt đã tới cung nga
Khoan khoan thẳng bước lên vườn hạnh
Rén rén dời chân dưới cửa hoa
Thấy cảnh như xui lòng tưởng vọng
Trông xuân càng mệt dạ ngâm nga
Trải xem phong cảnh lâu đài ấy
Gẫm biết Bồng Lai[1] mới chẳng xa.

Chú thích:

1. *Bồng lai:* cõi tiên.

Bài 27
THẠCH TUYỀN CẢNH TRÍ
(PHONG CẢNH SUỐI ĐÁ)

Một vẻ xem ra một ngán ngao
Nhân gian độ mấy thú thanh tao
Sen bò đáy nước lồng gương nguyệt
Cúc nhiễu [1] chân thềm lẫn vẻ sao[a]
Hoa dãi long lanh rèm bích ngọc[b],
Hương đưa sực nức gác quỳnh giao[2]
So xem phong cảnh còn dường ấy
Má phấn môi son những thế nào.

Khảo dị:

a. Cúc mọc chân thềm lẫn vẻ sao.

b. Hoa giấy long lanh rèm bích ngọc.

Chú thích:

1. *Nhiễu*: uốn quanh.
2. *Quỳnh giao*: ngọc quỳnh và ngọc giao là hai thứ ngọc quí.

Bài 29
TÔN SINH CHÍ CUNG
(TÔN SINH ĐẾN CUNG)

Chàng vừa dạo bước tới bên tường
Thu đã tin đưa chốn gác vàng
Mặt ngọc dường xui chiều áy náy
Vóc hoa như giục trận mơ màng[a]
Đã mừng tưởng gấm duyên đầm ấm
Lại nghĩ hồng nhan phận bẽ bàng
Bối rối trong[1] lòng khôn xiết kể
Nào ai có biết nỗi này chăng.

Khảo dị:

a. Đuốc hoa như giục trận mơ màng.

Chú thích:

1. *Trong*: nguyên bản Nôm ghi theo âm cổ là *cong*. (Các trường hợp từ *trong* trong các bài thơ sau cũng đều như vậy).

Bài 36

VIÊN THỊ TỰ TÂM SỰ
(VIÊN THỊ TỰ KỂ NỖI NIỀM)

Tiện thiếp từ tu ở cõi tiên
Chưa hề bén lụy thói trần duyên
Thày lay [1] âu hẳn tơ bà nguyệt
Gặp gỡ khôn nài phận ả quyên[2] [a]
Kim cải[3] đã đành duyên mắc mối[b]
Gió trăng nào quản tiếng chê khen
Muôn bề cả giám xin giàm buộc
Hoa nở chiều xuân dễ mấy phen.

Khảo dị:

a. Gặp gỡ khôn nài phận ả duyên.

b. Hương lửa đã đành duyên mắc mối.

Chú thích:

1. *Thày lay*: dính dáng vào những việc không liên quan đến mình.
2. *Ả quyên*: người con gái xinh đẹp.
3. *Kim cải*: cái kim và hạt cái; chỉ đôi trai gái tình tình hòa hợp mà tìm đến nhau, hấp dẫn nhau như từ thạch hút kim, hổ phách hút hạt cái.

Bài 40

ÂN TÌNH CHU CHI
(ÂN TÌNH GẮN BÓ)

Duyên ưa quân tử với hồng nhan
Ân ái thêm vui bạn phượng loan
Dặc dặc cổ chung[1] hòa nhịp phách
Song song cầm sắt [2] phím dây đàn
Thề sông chỉ núi nguyền muôn kiếp

Tựa ngọc nương vàng hợp một đoàn
Trong thuở thắm hồng âu đã phỉ,[a]
Lòng mây tình nước lệ khôn hàn.[3]

Khảo dị:

a. Chưng thuở thắm nồng âu đã phỉ.

Chú thích:

1. *Cổ chung*: trống, chuông.

2. *Song song cầm sắt*: đàn cầm, đàn sắt cùng hòa với nhau. Văn học cổ thường dùng hình ảnh này để chỉ quan hệ vợ chồng hòa hợp.

3. *Lệ khôn hàn*: e rằng khó hàn gắn.

Bài 43

TÔN SINH TƯ PHỤ MẪU
(TÔN SINH NHỚ CHA MẸ)

Chàng từ nương tựa chốn cung mây
Xuân tới thu qua gẫm đã chầy
Tưởng nỗi song thân thêm ủ mặt
Giận mình muôn dặm luống chau mày
Tỉnh say bên gối hồn Hồ vẩn[1]
Mong mỏi phương trời chiếc nhạn bay
Ngàn vắng trông chừng non nước cũ
Có ai mà được hỏi thăm rầy.

Chú thích:

1. *Hồ*: tức Hồ Điệp (con bướm). Theo Sách *Trang Tử,* ngày xưa Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa bướm, lúc tỉnh dậy lại thấy mình là Trang Chu, nghĩ vẩn vơ không hiểu mình là Trang Chu mộng hóa bướm, hay là bướm mộng hóa Trang Chu. Về sau, người ta dùng điều này để chỉ giấc mộng, giấc ngủ.

Bài 45
NHÀN VÂN VẤN TÔN SINH
(NHÀN VÂN HỎI TÔN SINH)

Cách trở bao lâu đã mấy đông
Trông chừng vắng vẻ diễn tin hồng [1]
Xa xôi nào phải người quen thuộc
Gặp gỡ vì đâu khéo lạ lùng
Vui thú kể đà bao tuế nguyệt
Nối dòng rày được mấy nhi đồng
Đã đành gia thất mừng vừa vẹn
Chi để song thân tựa cửa trông.

Chú thích:

1. *Diễn tin hồng*: Tô Vũ thời Hán đi sứ Hung Nô, bị bắt giữ 18 năm ở đất Hung Nô. Tô Vũ phải buộc thư vào chim nhạn để thông tin về nước. Sau người ta dùng từ chim nhạn hoặc chim hồng để chỉ thư từ, tin tức của người đi xa. Ở đây, diễn tin hồng có nghĩa là đã lâu không thấy tin tức.

Bài 46
TÔN SINH ĐÁP NHÀN VÂN
(TÔN SINH TRẢ LỜI NHÀN VÂN)

Năm xưa về tới dặm rừng khơi
Sẩy gặp cung mây xá nghỉ ngơi
Bỗng khéo dẩy dun duyên dưới nguyệt
Cho nên gặp gỡ chốn quê người
Lân la trong thú năm liền bốn
Chi chút trên tay trẻ mới hai [a]
Vì nỗi thê nhi nên lẩn quất
Sinh thành ơn nặng chửa hề nguôi.[b]

Khảo dị:

a. Xắm xoắn trên tay trẻ mới hai.
b. Sinh thành ơn nặng chửa hề coi.

Bài 49
NHÀN VÂN HIỂU THỊ TÔN SINH
(NHÀN VÂN CHỈ BẢO TÔN SINH)

Đêm qua giấc mộng lạ lùng thay
Gẫm biết ân tình giống chẳng ngay
Yêu nữ vốn đang cưu [1] thói ấy
Lương nhân đâu dám hóa duyên này [a]
Vả công sinh dưỡng còn hai gánh
Mà hội công danh dễ mấy ngày
Xin phải sớm toan đường viễn lự[2]
Thôi thôi đừng nghĩ nỗi niềm tây.

Khảo dị:

a. Lương nhân đâu dám trở duyên này.

Chú thích:

1. *Cưu*: Nghĩa như mang, tục thường nói cưu mang.
2. *Viễn lự*: từ Hán, nghĩa là lo xa.

Bài 50
NHÀN VÂN THỤ LINH KIẾM
(NHÀN VÂN TRAO GƯƠM THIÊNG)

Có khi vắng vẻ chốn thư đường
Bèn mới gươm linh xá nhủ chàng[a]
Ngày giữ chớ hề khuây dưới gối
Đêm nằm đem lại để bên giường
Yêu tinh hơi bén âu thời hẳn
Thục nữ duyên ưa ắt lại càng
Xin hãy gẫm lời xem thử chút
Kẻo còn ngần ngại sự lo lường.

Khảo dị:

a. Bèn lấy gươm thiêng mấy nhủ chàng.

Bài 52

TÔN SINH TRƯỚNG HẬN
(TÔN SINH NGHĨ NGỢI)

Từ chịu thanh gươm cảm sự lòng
Niềm riêng khôn kẻ thở than cùng
Đoái lời thề thốt còn đành lảnh,[a]
Tưởng nỗi sinh ly chỉn ngại ngùng
Nghe bạn dễ xui lòng nọ rối
Thương nàng khôn xiết nhẽ nào xong
Dầu nên gặp chẳng chăng thời thế[b]
Nghĩ nỗi làm chi chút má hồng.

Khảo dị:

a. Đoái lời thề thốt còn ghi tạc.
b. Dầu nên hay chẳng thôi thời chớ.

Bài 53

TÔN SINH TÀNG KIẾM SÀNG HẠ
(TÔN SINH GIẤU KIẾM DƯỚI GIƯỜNG)

Lê thói gian manh lụy đến chàng
Đeo phiền nên phải cắt lòng thương
Nhân khi nàng ngủ vừa êm gối
Bèn lấy gươm thiêng để lại giường
Dầu nhẫn thực hư đành một lẽ
Kẻo còn nghĩ ngợi rối trăm đường
Làm chi đã vậy thôi thời vậy
Thời vậy mà thôi kẻo dở dang.[a]

Khảo dị:

a. Thời vậy mà thôi kẻo nhỡ nhàng.

Bài 55

VIÊN THỊ PHI TẨU
(VIÊN THỊ KHOÁC ÁO BỎ ĐI)

Phận bạc hồng nhan thế chẳng ngoa
Quản bao thân gái hạt mưa sa
Gót tiên chẳng ngại bên ngàn vắng[a]
Áo thúy khôn cầm trận tuyết pha[1]
Xuân muộn biếng trông miền cảnh rậm[b]
Thu tràn thẹn thấy nẻo trăng tà.
Lòng người nông nổi bao hiềm trách
Trách kẻ châm kim bỗng khéo là.

Khảo dị:

a. Gót tiên chẳng ngại bên rừng vắng.

b. Xuân muộn biếng trông miền cảnh thú.

Chú thích:

1. *Pha*: tức xông pha.

Bài 57

TÔN SINH TRÙ TRƯỚNG
(TÔN SINH THƯƠNG NHỚ)

Ngồi nhẫn năm canh tưởng khúc nhôi,[a]
Đòi phen như giục trận bồi hồi
Nước non xiết ngại đường ăn ở
Thuyền bến thêm buồn nỗi nước mây[b].
Mấy đoạn mơ màng hồn bướm vẩn
Hai hàng lã chã hạt châu rơi.[c]
Dở chiều đoàn tụ chiều xum họp
Lầm tưởng duyên do luống ngậm ngùi.[d]

Khảo dị:

a. Nằm nín năm canh tưởng khúc nhôi.

b. Thuyền bến thêm buồn nỗi nước nôi.

c. Hai hàng tầm tã hạt châu rơi.

d. Chạnh tưởng duyên do luống ngậm ngùi.

Bài 60

VIÊN THỊ TRÁCH THÁN
(VIÊN THỊ THAN TRÁCH)

Nguồn cơn nghĩ lại sự nhân duyên
Há trách lòng người khéo bạc đen
Gieo mận giả đào [1] sao chăng đoái
Thề sông chỉ núi nỡ nào quên
Duyên ưa dầu nhẫn đành đôi chốn[a]
Phận thiếp thương ôi dễ mấy phen
Xin chớ nghe ai lời bội bạc
Vàng ăn hay hết nghĩa còn bền.

Khảo dị:

a. Duyên ưa dầu nhẫn đừng đôi chốn.

Chú thích:

1. *Gieo mận giả đào*: do thành ngữ "đầu đào báo lý" trong tiếng Hán, vốn rút từ câu "đầu dã dĩ đào, báo chi dĩ lý" (trong thơ "Ức", Đại Nhã, *Kinh Thi)* chỉ sự có đi, có lại, ân trả, nghĩa đền giữa hai người một cách phân minh, sòng phẳng.

Bài 62

ÂN TÌNH TÁI HỢP
(ÂN TÌNH LẠI HÒA HỢP)

Liễu tây đâu nỡ phụ đào đông
Mấy nỗi căm hờn thoát sạch không[a]
Gối phượng duyên ưa phai lại thắm
Bạn loan nghĩa cũ lạt thêm nồng
Nương vàng tựa ngọc thề muôn kiếp
Sửa túi nâng khăn ghín một lòng[1]
Đường nghĩa phen này càng vấn vít
Tấc lòng ân ái kể bao cùng.

Khảo dị:

a. Dạ cá lòng chim rửa sạch không.

Chú thích:

1. *Ghín*: cẩn thận, thận trọng.

Bài 64

TÔN SINH VỊ VIÊN THỊ
(TÔN SINH BẢO VIÊN THỊ)

Thiên tử rày ra chiếu cử nhân[1]
Anh hùng tưởng gặp áng long vân[2]
Nghĩ bề gia thất đành muôn kiếp
Gặp hội công danh dễ mấy lần
Nàng ở giữ giàng đàn chúng tử,[a]
Anh ra lo giả nợ song thân
Một mai sự nghiệp dầu trọn vẹn[b]
Gang tấc thiên cư thoắt lại gần.

Khảo dị:

a. Nàng ở giữ gìn đàn chúng tử.

b. Một mai sự nghiệp nên tròn vẹn.

Chú thích:

1. *Cử nhân*: tiến cử người tài.

2. *Áng long vân*: cũng như hội long vân (hội rồng mây), chỉ cơ hội thuận lợi, tốt lành như rồng gặp mây.

Bài 65

VIÊN THỊ ĐÁP TÔN SINH
(VIÊN THỊ TRẢ LỜI TÔN SINH)

Nghe tin thiếp cũng bội lòng mừng,[a]
Song lệ duyên này biếng nói năng
Trong thuở tao khang[1] thôi đã vậy,[b]
Một mai vinh hiển lại quên chăng
Sầu hoa luống mệt hồn hồ điệp
Mượn gió hay điều chốn gác Đằng[2,c]
Chày kíp chàng về xin thiếp cũng[3]
Kẻo còn lạnh lẽo chốn cung trăng.

Khảo dị:

a. Nghe tin thiếp cũng vội lòng mừng.

b. Chưng thuở tao khang thôi đã vậy.

c. Mượn gió hay đâu chốn cát Đằng.

Chú thích:

1. *Tao khang*: tao là bã rượu, khang là cám, chỉ người vợ lấy từ khi mình còn nghèo hèn chưa thành đạt. Do câu "Tao khang chi thê bất khả hạ đường" (người vợ lấy từ lúc còn cám bã nuôi nhau thì không thể lìa bỏ được).

2. *Gác Đằng*: tức là Đằng Vương ở tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Nhà thơ lớn đời Đường là Vương Bột lúc trẻ từng đến đây dự tiệc, đáng lẽ phải đi mấy ngày, nhưng nhờ thuyền gặp gió, nên chỉ trong một đêm đã tới nơi. Thời Tống, nhà thơ Tô Đông Pha đã khái quát sự việc này trong câu thơ "Thời lai phong tống Đằng Vương các" (Gác Đằng thời đến gió đưa). Về sau, văn học cổ thường dùng hình ảnh *gác Đằng* để chỉ sự may mắn, thuận lợi.

3. Kiểu câu đảo trang trong thơ cổ. Cả câu ý nói: dù sớm muộn thế nào, thiếp cũng xin chàng hãy trở về.

Bài 66

TÔN SINH HÀNH CHU ĐÁP VIÊN THỊ
(TÔN SINH ĐI THUYỀN TRẢ LỜI VIÊN THỊ)

Thuyền nhẹ thênh thênh gác mái ngoài
Duyên này thề vững[1] bể sông dài
Muôn bể xá ghín lòng che chở
Mấy nỗi phiền chi tiếng mỉa mai
Sẵn ván[2] há rằng cưu thói ấy,[(a)]
Cắm sào[3] chi để luống công ai
Mừng nay thuận gió dương buồm nhẹ
Giúp nước ra tay chống cột trời.

Khảo dị:

a. Thăm ván há rằng quen thói ấy.

Chú thích:

1. *Vững*: tựa như.

2. *Sẵn ván*: cùng nghĩa với câu tục ngữ "thăm ván bán thuyền", nghĩa là có mới nới cũ.

3. *Cắm sào*: chỉ sự chờ đợi, do ý: thuyền cắm sào để đợi khách.

Bài 67

CHU PHÓ TRƯỜNG AN
(THUYỀN TỚI TRƯỜNG AN)

Than thở sau xưa khắp mọi lời
Đề huề bèn mới bước chân dời
Rẽ tăm kình ngạc đôi chèo nhẹ
Dẹp trận ba đào một chiếc khơi
Ngày vắng trêu hoa câu đối đáp
Doành thanh ghẹo nguyệt tiệc khuyên mời[(a)]
Thuận bề sự nghiệp yên bề nghĩa
Mười ước phen này vẹn cả mười.

Khảo dị:

a. Ghềnh thanh ghẹo nguyệt tiệc khuyên mời.

Bài 68

CHU ĐÁO PHI LAI GIANG NGẠN
(THUYỀN ĐẾN BỜ SÔNG PHI LAI)

Trải áng giang sơn mấy dặm khơi
Cách ngàn trông đã tới Phi Lai
Chày khua chuông gác hồi khoan nhặt
Gió gảy cầm thông khúc tiểu đài[1, (a)]
Hoa cỏ ghẹo người say dạ hứng
Nước non trêu khách nức lòng vui
Dập dìu quán khách đường đi lại
Viếng cảnh chơi Già [2] há một ai.[(b)]

Khảo dị:

a. Gió nảy đàn thông khúc lả lơi.

b. Viếng cảnh chơi chùa há một ai.

Chú thích:

1. *Tiểu đài*: tức "tiểu đại" nghĩa là nhỏ to, ở đây *đại* phải đọc *đài* cho hợp vần.
2. *Chơi Già*: tức là chơi cảnh chùa (Xem chú 2, bài 10).

Bài 70

TÔN SINH TÁI ĐĂNG NGẠN
(TÔN SINH LẠI LÊN BỜ)

Thuyền lan vừa thuở tới tây thiên
Kề bến dan tay mới bước lên
Nối gót la cà ngoài ngoạn trúc, [a]
Dâng hương khúm núm dưới am thiền[b].
Nghe kinh đòi kẻ say mùi đạo
Thấy cảnh xui ai tắt mối phiền
Non nước khi vui đành đã vậy
Gương trần lệ chẳng vợi lòng tiên.[c]

Khảo dị:

a. Nối gót la đà ngoài ngọn trúc.
b. Dâng hương khấn niệm dưới am thiền.
c. Gương trần lệ chẳng bụi lòng tiên.

Bài 71

VIÊN THỊ VỊ TÔN SINH
(VIÊN THỊ BẢO TÔN SINH)

Xưa thiếp từng quy vốn ở đây
Theo đường kinh giáo mấy thu chầy
Ấm no trăm đội bể cơm áo
Ngày tháng muôn trông những độ trì[a]
Non nước tuy rằng vui thú ấy
Tóc tơ vốn hãy tạc lòng này
Rày nhân viếng cảnh về am cũ
Xin đến thiền trai bạch tạ thầy.

Khảo dị:

a. Ngày tháng muôn trông những độ rày.

Bài 72

VIÊN THỊ KIẾN HUYỀN TRANG
(VIÊN THỊ RA MẮT HUYỀN TRANG)

Tiện thiếp thân xưa khách Quảng Hàn[1]
Thác sinh đầy xuống cõi trần gian
Theo đường Phật giáo mong cầu phúc
Đội đức thiền sư cứu khỏi nàn[a]
Xót phận chưa cam bề khổ hạnh
Vì duyên nên lụy khói trần hoàn
Phòng hương dám ngỏ lời than thở
Muôn đội ơn thầy xá giải oan.

Khảo dị:

a. Đội đức chiền sư cứu khỏi nàn.

Chú thích:

1. *Quảng Hàn*: hoặc cung Quảng, chỉ cõi tiên hoặc cung trăng.

Bài 76

VIÊN THỊ BIỆT TÔN SINH
(VIÊN THỊ TỪ BIỆT TÔN SINH)

Vốn thiếp xưa nay cửa đế thiên
Vì duyên cho phải lụy trần duyên
No ngày lại mới lên chầu chực
Vâng mệnh cho nên nỗi ước nguyền
Trăm lạy giã chàng còn ở thế,[a]
Năm mây xin thiếp lại lên tiên.[b]
Kim thoa đôi chiếc trao làm bạn
Xin để cầm tay chút kẻo phiền.

Khảo dị:

a. Trăm lạy giã chàng xin ở lại.

b. Năm mây để thiếp kíp lên tiên.

Bài 77

TÔN SINH HIỂU VIÊN THỊ
(TÔN SINH BẢO VIÊN THỊ)

Bây giờ đã trót bén nhân duyên,[a]
Sao khách cung trăng bỗng chốc lên
Én Bắc nhạn Nam thêm để bận
Ngựa Hồ chim Việt[1] luống đau phiền
Song thân mong mỏi nào còn đoái
Đôi chút nâng niu nỡ chút quên
Ân ái nguyền xưa xin chớ phụ
Vàng phai đá nát nghĩa còn bền.

Khảo dị:

a. Bấy lâu trót đã bén nhân duyên.

Chú thích:

1. *Ngựa Hồ chim Việt*: do thành ngữ Hán "Hồ mã tê Bắc phong, Việt điểu sào Nam chi" (Ngựa Hồ hí khi có gió Bấc, chim Việt làm tổ ở cành phía Nam), dùng để chỉ lòng nhớ quê hương hoặc sự nhớ nhung nói chung.

Bài 78

VIÊN THỊ TÁI HIỂU TÔN SINH
(VIÊN THỊ LẠI BẢO TÔN SINH)

Niềm tây[1] xin kể nỗi yêu thương
Mệnh lệnh vua cha dám thị thường
Cung quế [2] đã đành yên phận thiếp
Cõi trần dầu mặc đẹp duyên chàng
Nước non tuy cách người đôi chốn
Tình nghĩa hằng ghi thuở một giường
Muôn đội ơn chàng còn nhớ thiếp
Kiếp sau xin lại họp phòng hương.

Chú thích:

1. *Niềm tây*: nỗi niềm riêng tây.
2. *Cung quế*: tức cung trăng, do huyền thoại trên mặt trăng có cây quế.

Bài 80
VIÊN THỊ ĐĂNG TIÊN
(VIÊN THỊ LÊN TIÊN)

Cùng chàng giãi hết nỗi niềm tây
Bèn mới dời chân tới cội cây
Gió cuốn mịt mù muôn dặm ngất
Sấm ran lừng lẫy nửa canh chầy
Hương còn thoang thoáng đưa mùi bóng.[a]
Xạ [1] đã mờ mờ khuất áng mây
Cung quế nhẫn dầu [2] vui cảnh cũ
Lạnh lùng sao nỡ để ai đây.

Khảo dị:

a. Hương còn thoang thoảng đưa mùi gió.

Chú thích:

1. *Xạ*: cũng như hương, còn gọi xạ hương, một thứ hương thơm lấy ở loài cầy hương, người xưa dùng làm hương liệu và làm thuốc.

2. *Nhẫn dầu*: cũng như cho dẫu, cho dù.

Bài 82
TÔN SINH BẠCH HUYỀN TRANG
(TÔN SINH THƯA VỚI HUYỀN TRANG)

Xưa vốn về qua chốn thạch tuyền
Gặp nàng lương thị kết lương duyên
Rày ra kinh quốc[1] nhân chơi cảnh
Bỗng lánh trần gian nỡ dứt nguyền
Trăm tiếc ngàn thương càng thảm thiết
Một trời muôn dặm luống âu phiền
Giải oan xin mở lòng từ rộng
Ngõ được siêu sinh tựa bóng thiền.

Chú thích:

1. *Kinh quốc:* tức kinh đô.

Bài 84

TÔN SINH BÁI TẠ ĐĂNG CHU
(TÔN SINH TỪ TẠ LÊN THUYỀN)

Vâng lời thầy nhủ trước thềm hoa
Quỳ lại rồi chàng mới bước ra[a]
Mấy bước vẩn vơ chồn gối ngọc
Hai hàng thánh thót đậm khăn là
Nhớ người thấy cảnh càng ngao ngán
Tưởng khách trông trăng luống xót xa
Bối rối lòng này khôn xiết kể
Trêu ngươi thay bấy hời trăng già. [b]

Khảo dị:

a) Quỳ lạy xong rồi mới bước ra.
b) Tiếc người chi mấy hỡi trăng già.

Bài 87

TÔN SINH TÔN TẾ VIÊN THỊ
(TÔN SINH TẾ VIÊN THỊ)

Mấy dặm cung mây hỡi má hồng
Ở đâu xin lại thở than cùng
Hồn hoa vắng vẻ năm canh nguyệt
Thuyền bách[1] lênh đênh một khúc sông
Kiếp ấy đã đành đeo phận bạc
Vật chi chỗ được giã ơn lòng
Ba tuần chén lạt thiêng thời hưởng
Muôn kiếp về sau lại ấm nồng.

Chú thích:

1. *Thuyền bách*: thuyền làm bằng gỗ bách. Do câu thơ " Bách chu (*Kinh Thi)*": "Phiếm bỉ bách chu, diệc phiếm kỳ lưu". (Chiếc thuyền bách kia, lênh đênh theo dòng), thuyền bách trở thành biểu tượng chỉ tình cảnh người phụ nữ lênh đênh không nơi nương tựa.

Bài 91

TÔN SINH ĐÌNH THÍ
(TÔN SINH THI ĐÌNH)

Ngự sắc từ vâng dưới bệ rồng
Tay tiên phơi phới thuận như dòng
Hoa thêu gấm dệt lời trau chuốt
Quỷ khốc thần linh bút vẫy vùng
Bảng giáp nêu cao trên gác tía
Đai vàng ban chịu trước đền phong
Trong triều danh giá so dường ít
Bia tạc muôn đời một tướng công.

Chú thích:

1. *Đình thí*: thi Đình, đình là sân điện của vua, sau khi thi Hội trúng thì vào thi ở trước sân điện của vua, đây tức là kỳ thi cuối cùng của khoa thi Tiến sĩ.

Bài 119

BẠCH VIÊN TƯ TÔN SINH
(BẠCH VIÊN NHỚ TÔN SINH)

Từ ngày theo gót chốn vân tiên
Nguyệt ước lòng xưa chửa chút quên
Gối phượng mơ màng thêm tưởng nhớ
Gương loan chung bóng những đau phiền
Xuân tàn luống để hoa gày guộc
Tuyết nhiễm xui nên lẫn bạc đen
Một giải sông Ngân nên cách trở
Hạnh[1] nào lại được hợp nhân duyên.

Chú thích:

1. *Hạnh*: may mắn.

Bài 120

THƯỢNG ĐẾ VẤN BẠCH VIÊN
(THƯỢNG ĐẾ HỎI BẠCH VIÊN)

Cung tiên dạo gót bấy lâu chày
Thể dạng xem dường chỉn lạ thay
Mong mỏi vì đâu nên nỗi ấy
Nhớ trông về để những duyên đây
Xưa sao thắm liễu tươi xuân mới
Rày bỗng phai đào ủ nguyệt này
Mấy đoạn trung trinh dầu ngỏ hết
Chở che chi hẹp phận thơ ngây.

Bài 121

BẠCH VIÊN TẤU THƯỢNG ĐẾ
(BẠCH VIÊN TÂU THƯỢNG ĐẾ)

Thác sinh từ thuở ghín vâng lời
Gặp gỡ chàng Tôn mới kết đôi
Một mối thắm nồng nguyền chửa phỉ
Hai phen nâng bế nghĩa nào nguôi
Nhớ xuân dễ khiến hoa rơi lệ
Tủi phận cho nên nguyệt ngậm ngùi
Những ước lai tròn duyên chếch mếch[1]
Muôn trông Bệ ngọc đức tài bồi.[2]

Chú thích:

1. *Chếch mếch*: so le, éo le.
2. *Tài bồi*: vun trồng.

Bài 122

THƯỢNG ĐẾ CHIẾU HỨA BẠCH VIÊN TÁI HỢP (THƯỢNG ĐẾ HẠ CHIẾU CHO BẠCH VIÊN LẠI SUM HỌP VỚI CHỒNG)

Từ thấy quỳ tâu bỗng xót xao
Trước sau bèn mới phán tiêu hao
Trót màng một nghĩa cùng nguyền ước
Chi để đôi nơi luống khát khao
Tôn Khác nay tuy người hạ giới
Tử Vi xưa cũng khách thiên tào[1]
Lại ban sum họp duyên hương lửa
Cho đấng anh nho[2] sánh má đào.

Chú thích:

1. *Ý nói*: Tôn Khác nay tuy là người ở dưới trần gian, nhưng xưa cũng là sao Tử Vi ở trên trời.
2. *Anh Nho*: nhà Nho giỏi.

Bài 134

BẠCH VIÊN ĐÁO TRƯỜNG AN (BẠCH VIÊN ĐẾN TRƯỜNG AN)

Tới cửa thành đô rén bước vào
Dần dà gót ngọc tới lầu cao
Hương pha màn thúy nồng chăn gấm
Hoa ấp phòng tiêu nức áo đào
Mừng mặt người đua lòng nhấp nhửng
Mảng[1] tin nhà chật khách xôn xao
Kẻ tam người lưỡng[2] còn dường ấy
Hờ hững lòng xưa kể xiết bao.

Chú thích:

1. *Mảng*: tiếng cổ, nghĩa là nghe.
2. *Kẻ tam người lưỡng*: kẻ ba người đôi.

Bài 136
TÔN SINH THÁN TRÁCH
(TÔN SINH THAN TRÁCH)

Thề lòng vàng đá vốn khăng khăng
Mây gió khen ai khéo dãi dầu
Quế dịch[1] phút từ loan rẽ cánh
Hành Dương[2] luống để nhạn trông chừng
Ngóng trông muôn dặm người đôi nước
Chung bóng năm canh nguyệt nửa vừng
Nguyện ước trót đề lời gắn bó
Làm chi uốn éo thói hoa trăng.

Chú thích:

1. *Quế dịch*: nghĩa là trạm có trồng cây quế, cũng như cung quế, chỉ cung trăng.
2. *Hành Dương*: núi Hành Dương ở tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc là một ngọn núi cao và hiểm trở, tục truyền chim nhạn bay đến đó phải dừng lại vì không vượt qua được. Ý thơ chỉ sự cách trở xa xôi không biết bao giờ mới gặp nhau.

Bài 139
PHU THÊ KHÁNH HẠ
(VỢ CHỒNG ĂN MỪNG)

Một gối uyên ương lại sánh đôi,
Phỉ lòng khế khoát [1] nghĩa xa xôi
Vầy duyên hoa liễu say nhiều dấu[2]
Tiệc mở sênh ca nổi chén mời
Mấy khúc tưng bừng câu đối đáp
Ngàn cân đổ tháo trận vui cười

Bồng hồ Lãng uyển[3] xưa hằng có
Đô ấy nhân gian dễ mấy đời.

Chú thích:

1. *Khế khoát*: ly biệt, cách xa.
2. *Dấu*: yêu dấu.
3. *Bồng hồ, Lãng uyển*: những nơi thần tiên ở.

Theo bản phiên âm của các ông Đinh Gia Khánh,
Nguyễn Ngọc San. NXB Văn học, 1964;
Đồng thời căn cứ vào bản Nôm AB.78
(Ký hiệu thư viện Viện Hán Nôm) để đính chính lại những sai sót.

HOÀNG TRỪU

(Trích)

TIỂU DẪN

Hoàng Trừu là truyện Nôm khuyết danh nói về cuộc tình duyên chung thủy giữa Hoàng tử Trung Quốc và Công chúa Nam Việt. Tuy hai người ở hai nước khác nhau, nhưng họ đã vượt qua lễ giáo phong kiến, tự do lựa chọn tình yêu. Đó là ước mơ, nguyện vọng chính đáng của con người, là yêu cầu thiết tha của phụ nữ.

Qua cốt truyện, chúng ta càng thấy phẩm hạnh cao đẹp của Công chúa, sống chết vì chồng, vì mối tình chung thủy. Tuy bị chồng nghi oan, nhưng nàng vẫn nén chịu, không quản nguy hiểm vượt bể theo chồng. Chúng ta càng đồng cảm thương yêu Công chúa thì lại càng oán ghét bọn vua quan phong kiến chà đạp, khinh rẻ phẩm giá con người. Chỉ vì nghi ngờ nàng lấy chuỗi hạt trai mà Chúa Huy bắt phạt nàng đội đèn. Lối xử sự trọng của hơn người của Chúa Huy đã khiến mọi người bất bình và lên án:

U mê chẳng biết nhân luân,
Chẳng thương đến kẻ gia thần làm tôi
Làm người chẳng biết thương người,
Hạt trai của đáng mấy mươi quan tiền.

Nhưng khi Công chúa gặp chồng, được giải oan, được hưởng hạnh phúc, nàng không nhỏ nhen cố chấp, trả thù những kẻ đã hành hạ nàng. Hành động cao cả của nàng cũng là tượng trưng đức tính cao đẹp, lòng vị tha của phụ nữ Việt Nam.

Mối tình giữa hai người được tác giả khái quát hóa thành tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước:

Trước là công chúa kết duyên,
Sau là hai nước đôi bên thuận hòa.

Nguyện vọng của tác giả cũng là ý nguyện của nhân dân hai nước mong muốn hòa bình và hữu nghị.

*
* *

Vua nước Nam Việt có một người con gái tuyệt đẹp đến tuổi kén chồng. Vua cho dựng rạp và mở hội kén chồng. Dân nô nức kéo về dự tuyển đến nỗi "sông không chài lưới, ruộng không cấy cày".

Có một Hoàng tử Trung Quốc cũng đi tìm bạn trăm năm, nhân qua nước Nam, biết chuyện liền tìm cách gặp mặt Công chúa.

Nhờ mụ hầu bày mưu giúp, Hoàng tử cải trang vào làm nữ tì cho Công chúa, được Công chúa rất tin yêu cùng nhau trò chuyện. Một hôm, nhân đêm khuya Hoàng tử đổi dạng nam trang vào nằm cạnh Công chúa, giả mê ngủ, quờ tay ôm lấy nàng. Công chúa sực tỉnh toan làm dữ. Hoàng tử kể hết đầu đuôi sự việc. Hai người thề nguyền kết nghĩa vợ chồng.

Sau đó Hoàng tử xuống tàu mở tiệc mừng và xin hỏi Công chúa làm vợ.

Vua hỏi ý kiến bách quan. Các quan không nhất trí: Quan văn sợ nước mình nhỏ bé không gả ắt sẽ bị đao binh; quan võ quyết không gả: "Nó đao binh ta cũng đao cùng". Vua phải hỏi ý kiến Công chúa, cố nhiên, nàng ưng thuận.

Sau ba năm, Hoàng tử từ giã vợ về thăm cha mẹ, nói rõ chuyện hôn nhân. Ai cũng vui mừng.

Được ít lâu, Hoàng tử nhớ vợ xin sang thăm. Công chúa mong nhớ buồn rầu, bỗng nhiên có chim khách ríu rít báo tin mừng, nhưng chẳng thấy, nàng bực mình quăng thước trúng, chim chết hóa ra một người đàn ông. Công chúa sợ hãi sai người chôn trong vườn đào. Vừa lúc đó Hoàng tử đến, mang theo đàn chó ngao. Chó đánh hơi ở gốc cây trong vườn, sai người đào lên thì thấy xác một người đàn ông. Chàng nghi nàng đã tư thông với người này, đùng đùng nổi giận bỏ về ngay.

Công chúa xin vượt bể theo chồng. Nào ngờ giữa đường gặp sóng gió, tàu bè, quan quân bị đắm chết hết. Riêng nàng vớ được mái chèo, trôi giạt vào bờ. Nàng phải ăn xin, lần tìm tới Tràng An và vào hầu hạ Chúa Huy, chị ruột Hoàng tử. Một hôm nàng đưa con Chúa Huy đi tắm, bị mất chuỗi hạt trai, Chúa Huy ngờ nàng lấy cắp, đánh đập và bắt nàng làm cây thịt đội đèn.

Một hôm, Hoàng tử đến nhà chị chơi, Chúa mở tiệc mừng, bắt nàng đội đèn. Hoàng tử nghi hoặc và thương xót. Chàng thác mệt đòi Chúa Huy cho thị nữ lên hầu, nhưng không người nào Hoàng tử ưng ý. Đến lượt nàng vào hầu thì Hoàng tử chấp nhận. Hai người bày tỏ tình đầu. Hoàng tử biết nỗi oan xưa của nàng, tỏ lòng hối hận và quở trách Chúa Huy.

Hoàng tử đưa Công chúa về trình vua cha, được cha truyền ngôi, Công chúa làm Hoàng hậu, sau mười năm sinh được hai trai.

Hoàng hậu nhớ nhà đem con thứ hai về thăm. Nàng kể lại câu chuyện cũ cho cha nghe. Vua lập đàn cầu hồn giải oan cho quan quân bị chết đuối. Từ đó hai nước hòa hiếu, yên hưởng thái bình.

*
* *

Truyện Hoàng Trừu khắc in bằng chữ Nôm hiện còn lưu trữ ở thư viện:

Hoàng Trừu tân truyện. Quan văn đường, 1906. Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội AB.55

Hoàng Trừu tân truyện. Quan văn đường, 1906. Ký hiệu Thư viện Quốc gia, R.93

Hoàng Trừu tân truyện. Quảng thịnh đường, 1923. Ký hiệu Thư viện Quốc gia, R.357

Hoàng Trừu tân truyện. Phú văn đường, 1932. Ký hiệu Thư viện Quốc gia, R.45

Ngoài ra còn có các bản quốc ngữ:

Hoàng Trừu, Thụy Ký in lần thứ 2, Hà Nội, 1912.

Hoàng Trừu, NXB Phổ thông, Hà Nội, 1957.

Hoàng Trừu, NXB Phổ thông, Hà Nội, 1964.

Truyện Hoàng Trừu, NXB Văn học, Hà Nội, 1964.

Trong số các bản quốc ngữ kể trên, chỉ có bản của NXB Văn học do Thạch Giang hiệu khảo giới thiệu là nói rõ phiên âm từ bản chữ Nôm Quan văn đường. Còn các bản quốc ngữ khác đều không nói rõ phiên âm từ bản chữ Nôm nào?

Nói chung, giữa bản chữ Nôm Quan văn đường và các bản quốc ngữ cũng không khác nhau lắm. Do đó, trong khi biên soạn chúng tôi dựa vào bản chữ Nôm Quan văn đường là chính và tham khảo một số bản quốc ngữ mang ký hiệu như sau:

A: *Hoàng Trừu tân truyện,* Quan văn đường. Ký hiệu Thư viện KHXH AB55.

B: *Hoàng Trừu,* NXB Phổ thông, Hà Nội, 1961.

C: *Truyện Hoàng Trừu,* NXB Văn học, Hà Nội, 1964.

D: *Hoàng Trừu,* NXB Phổ thông, Hà Nội, 1957.

Theo ý kiến đa số của các nhà nghiên cứu, thì truyện Hoàng Trừu xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ XVIII. Truyện viết theo thể thơ lục bát, gồm có 1580 câu. Ở đây chúng tôi lược bỏ một số đoạn như sau:

1. Từ câu 1 đến câu 132, tác giả giới thiệu quá trình Công chúa Nam Việt kén chồng và Hoàng tử Trung Quốc đi tìm vợ.

2. Từ câu 371 đến câu 922, Hoàng tử dâng lễ xin vua Nam Việt đính hôn với Công chúa. Vua Nam Việt hỏi ý kiến bách quan về việc gả Công chúa cho Hoàng tử.

Sau ba năm vợ chồng chung sống, Hoàng tử từ giã Công chúa trở về Trung Quốc thăm cha mẹ: Về Trung Quốc được ít lâu, Hoàng tử nhớ Công chúa bèn xin cha trở lại Nam Việt thăm Công chúa. Trong lúc đó, Công chúa

đang nóng lòng đợi chồng, có con chim khách kêu báo tin, Công chúa lấy thước ném, đuổi đi, không ngờ ném trúng, chim chết và hóa ra người đàn ông. Công chúa sai chôn ngay người đó ở trong vườn. Hoàng tử đến, phát hiện ra việc đó và nghi ngờ vợ có tư tình, liền bỏ về ngay.

Công chúa đau buồn, xin vua cha vượt bể theo chồng, nhưng trên đường đi gặp tai nạn, thuyền bị đắm. Riêng Công chúa vớ được mái chèo dạt vào bờ.

3. Từ câu 1415 đến câu 1580, Hoàng tử đưa Công chúa về triều tâu vua cha. Vua cha biết chuyện Chúa Huy hành hạ Công chúa, bèn nổi giận, định xử phạt, nhưng Công chúa xin tha cho Chúa Huy:

Dám xin lạy đức vua cha,
Rộng thương tha chị kẻo mà tiếng tăm

Hoàng tử được vua truyền ngôi, Công chúa làm Hoàng hậu, mười năm sau sinh được hai con trai.

Lâu ngày nhớ nhà, Hoàng hậu cùng con thứ hai trở về Nam Việt thăm cha mẹ. Vua (Nam Việt) nghe Công chúa kể lại sự việc cũ. Vua lập đàn cầu hồn giải oan cho quan quân bị chết đuối.

Công chúa kén chồng, Hoàng Trừu bày mưu để được kết duyên cùng nàng.

Trời xanh nước biếc chỉ đề, [1]
Sang Nam Việt thấy tàu bè xôn xao.
Thấy phường vui đỗ tàu vào,[a]
Trông lên gác phượng lầu cao thành dài.
Dập dìu sĩ tử văn tài, [2]
Lạ lùng hầu dễ biết ai hỏi dò.
Có người mách bảo duyên do:
"Này lầu Công chúa con vua kén chồng.
Cho nên thiên hạ hội đồng"
Hoàng Trừu nghĩ ngợi trong lòng chưa tin.
Sai quân lên hỏi các miền,
Ai ai cũng nói như in một lời.
Hoàng rằng: "Sự lạ trong đời,
Nào hay giá ấy mấy mươi nữa mà.
Thâm nghiêm khôn lẽ dò la,
Ải Tần phải mượn canh gà mới xong. [3]
Phải chờ cho tỏ vân mòng, [4]
Chẳng thì lòng lại ngại lòng vậy vay" [b]
Bèn đòi đồng tử lại đây:
"Con lên hỏi chốn lầu tây kia là...
Thời con sẽ hỏi dò la,

Khảo dị:

a. Bản C chép: ... *thuyền* vào.

b. Bản C chép: ... vậy *nay*

Chú thích:

1. *Chỉ đề:* đề lên, vẽ lên trên giấy.

2. *Sĩ tử văn tài:* các học trò văn chương tài giỏi.

3. Chuyện Mạnh Thường Quân nhờ một người tân khách giả làm tiếng gà gáy mà vượt được cửa ải nước Tần, tức cửa ải Bàn Cốc. Ý nói, muốn giáp mặt Công chúa thì phải bày mưu lập kế mới lọt được vào cung thất.

4. *Vân mòng:* tung tích, tăm hơi.

Rằng: nay ai kẻ vào ra trong ngoài.
Dầu con đã hỏi được người,
Thời con lại hỏi đến nơi cửa nhà."
Đồng vâng lên hỏi dò la,
Rằng: "Đây có một mụ bà cửa tây.
Hằng vào chầu chực đêm ngày,
Chúa thương tình thực lòng ngay yêu vì.
Xuống tàu đồng nói vân vi,
Hoàng Trừu giục giã: "Con thì lại lên.
Hỏi thăm cho đến các miền,
Trình rằng tôi khách ở bên nước người.
Bán buôn nhiều vật các loài,
Cả lòng rước mụ xuống chơi thăm đồ.
Nhiều tàu hổ phách san hô,
Vật nào đẹp ý mụ đưa lên hầu."
Đồng vâng lại kịp lên lầu,
Nói trình bà mụ trước sau mọi lời.
Mụ bà nghe nói mỉm cười:
"Xưa nay hễ khách nước ngoài vượt sang.
Bán buôn có vạn [1] có phường,
Việc chi mà lại ngang tàng vào đây?"
Đồng rằng: "Mới lại chuyến này,
Ông tôi mười chiếc tàu đầy phe phe.
Quen phường biết vạn chẳng hề,
Qua đây thấy cũng nhiều bề thanh tao.
Dòng trong bến sạch đỗ vào,
Của này hầu dễ báo rao ru mà!
Nghĩ rằng gần đức chúa bà,
Tin dùng khuya sớm vào ra trong ngoài.
Vậy nên trình mụ hết lời,
Buôn mà gặp khách chóng vơi chuyến tàu.
Cả lòng xin mụ chịu chầu,
Gần ngày phỏng dập bã trầu chẳng xa.
Mụ nghe mới hỏi dò la:
"Khách buôn tàu ấy quê nhà, nước nao?"

Chú thích:

1. *Vạn*: dân làng sinh sống nghề chài lưới, như vạn chài.

Đồng rằng: "Ăn mận giả đào, [1]
"Lọ là mụ phải đón rào làm chi.
Tôi trình xin mụ hãy đi,
Xin hoàn công mụ ắt thì cũng phu." [a]
Mụ nghe đồng nói như ru,
Cầm lòng chẳng độ quản phu sự lòng.
Sắm sanh quần áo theo đồng,
Một thôi xuống đến bến sông bây giờ.
Trên thì nhà ở đầy bờ,
Dưới thì tàu đậu binh cơ dần dần.
Đồng trình: "Bà mụ nghỉ chân,
Cho tôi xuống động [b] ân cần người hay."
Mụ rằng: "Sự lạ lùng thay,
"Khách buôn đâu có đặt bày uy nghi!
Hay là mưu kế việc chi,
Chú đồng kíp nói min thì được hay.
Chăng min [2] trở lại lầu tây..."
Đồng rằng: "Sao mụ bày bài dở dang.
Vả tôi thân phận lờn bơn. [3]
Vâng thầy nào biết thiệt hơn là gì!
Ơn lòng mụ đã thương vì,
Mừng thầm rằng đã trọn bề chúa tôi.
Đến nơi mụ lại tái hồi,
Thửa công đức ấy [4] thiệt tôi ai đền!"
Mụ bà xuống đến một bên,
Hoàng Trừu trông thấy mừng liền chào thưa.
Chiều người [5] xem cũng đong đưa,
Hèn nào mà chúa thương ưa tin dùng.

Khảo dị:

a. Bản C chép: ... cũng *sâu*.

b. Bản C chép: Cho tôi xuống *nói*....

Chú thích:

1. *Ăn mận giả đào*: ăn cái này, giả cái khác. Ý nói mất công về việc gì thì được thù lao của công mất đó.

2. *Min:* tôi, ta (tiếng cổ).

3. *Thân phận lờn bơn:* thân phận nhỏ mọn, nghèo hèn.

4. *Thửa công đức ấy*: thửa: chỉ thị đại từ, chỉ về người hay việc đã nói ở trên. Ở đây, chỉ công đức của đồng mời mọc mụ.

5. *Chiều người:* bộ dạng người, dáng người.

Bây giờ rước mụ vào trong,
Chiếu hoa trải xuống khăn hồng bày ra.
Sẵn sàng bàn ngọc chén ngà,
Bát trân long nhãn [1] mừng bà hôm nay.
Lạ gì tính mụ cũng hay,
Phải năm ba chén liền say la đà.
Rằng: "Ông buôn bán chi mà,
Lòng ông thết đãi tôi đà hậu thay.
Mọi đồ ông dỡ tôi hay",
Hoàng Trừu mới tỏ niềm tây mọi lời:
"Min con thượng vị nước người,
Cha cầm quyền bính thay trời trị dân
Min còn thiếu kẻ nâng khăn, [2]
Rắp tìm đôi chữ Châu Trần xa xôi.
Bể Nam rừng Bắc rộng khơi,
Mấy tuần chửa chọn được người chúa xuân.
Tới đây nghe nói sự nhân,
Chạnh lòng luống những băn khoăn tin ngờ.
Muốn cho thấy mặt khách thơ,
Một mình khôn biết bây giờ được sao?
Nguồn cơn mụ nghĩ thế nào,
Để cho min được ra vào đấy chăng?
Trước là xem ý nói năng,
Sau xem nhan sắc đã bằng lòng chưa.
Một niềm cậy mụ tùy cơ,
Xin đưa thuyền khách đến bờ đào nguyên" [3].
Mụ rằng: "Sự ấy sao nên,
Xin người thôi chớ cầm quyền làm chi.
Nhọc lòng thêm luống [4] tùy nhi, [a]
Cửa thì nghiêm cẩn thành thì thẳm cao.

Khảo dị:

a. Bản C chép: ... thêm *mệt* tùy nhi.

Chú thích:

1. *Bát trân long nhãn*: những món ăn ngon và quý.
2. *Kẻ nâng khăn*: chỉ người vợ.
3. *Đào nguyên:* nơi tiên ở. Ý cả câu, xin giúp đỡ được gặp Công chúa.
4. Luống tùy nhi: uổng công tiểu đồng.

Phép nghiêm khôn nhẽ ra vào,
Hoàng Trừu nghe nói tiêu hao thêm phiền.
Mụ ôi min đã cầm quyền,
Mất công mất của ắt đền cũng phu".
Thấy lời Hoàng nói nhỏ to,
Cầm lòng chẳng đậu [1] duyên do giải bày: [a]
"Người cùng trong đạo tớ thầy,
Kể làm xương thịt xưa nay khác gì
Mà tôi làm sự phi vi [2],
Hở han ra nữa tôi thì làm sao.
Nể người làm đấng quan cao, [b]
Vâng ra thời sợ, nghe sao cho đành".
Hoàng Trừu nghe biết sự tình,
Giở ngay vàng bạc bên mình đưa ra . [c]
Lạ gì bụng dạ đàn bà,
Biết đâu văn pháp miễn là thích ưa.
Mụ bà thấy của liền vơ,
Nào còn nghĩ đến tóc tơ nghĩa thầy.
Nguồn cơn sau trước trình bày:
"Thâm nghiêm cung cấm đâu tày thiên thai.
Lưu lang [3] còn được bén vời,
Huống chi người cũng là người trần gian.
Chữ rằng: pháp ngoại di gian, [4]
Án quan chiếu cẩn đứa man càng nhiều. [5]
Lòng người đã quyết một điều,
Thời tôi cũng phải liệu chiều lo toan.
Nể người là đấng thiên nhan,

Khảo dị:

a. Bản C chép: ...*tỏ* **bày**.

b. Bản C chép:... *bậc* quan cao.

c. Phiên theo bản C.

Chú thích:

1. *Cầm lòng chẳng đậu*: không nén được xúc động.

2. *Sự phi vi:* việc bất chính.

3. *Lưu lang:* chàng Lưu, tức Lưu Thần, người Trung Quốc ngày xưa đi hái thuốc lạc vào động Thiên Thai gặp tiên. Ý nói, người ở trần gian cũng gặp được Tiên.

4. *Pháp ngoại di gian*: ngoài pháp luật cũng có điều gian.

5. Các quan cẩn mẫn trong việc xét án, thì số người man trá càng nhiều (các quan xử không công bằng, chỉ bày chuyện để ăn hối lộ).

Hữu tài công ấy an nhàn được chăng"
Nghe thôi Hoàng lại nói rằng:
"Mưu sao cho tỏ cung trăng quảng hàn. [1]
Quản bao cam khổ tân toan,
Miễn cho thấy mặt được an dạ này".
Mụ rằng: "Hoàng đã muốn thay,
Tôi xin thả sức ra tay giúp người.
Vậy thì người hãy lên chơi,
Mặc tôi [(a)] lo liệu giúp người lệ chi".
Hoàng Trừu mới dạy tùy nhi,
Kíp truyền cơ đội tức thì chọ mau.
Văn quan võ tướng công hầu,
Ở thời xem xét bể tàu binh cơ
Thân hình theo mụ lên bờ,
Mụ đưa Hoàng tử đến tòa lầu tây.
Phòng nhặt cung cấm đêm ngày,
Mụ từng hầu hạ chân tay đức hoàng.
Khen cho mụ cũng nỏ năng [2],
Dạy đường ăn nói, bảo đường trình thưa.
Chiều khoan thác vẻ đong đưa,
Tập tành tính mụ đã vừa như y.
Mới làm ra dạng nữ nhi,
Áo thì nhuộm thắm, khăn thì lòng trai.
Lưng ong mắt phượng mày ngài,
Xem chiều thanh lịch kém ai trong đời.
Ban hôm vừa tắt mặt trời,
Mụ đưa Hoàng tử vào chơi trong lầu.
Chúa rằng: "Mụ ấy đi đâu,
"Bây giờ sao mới vào chầu chưng đây?"
Dộng [3] rằng: "Gặp bạn hôm nay,
Quá vui phải chén sợ say chẳng vào"
Chúa rằng: "Kìa ấy con nào,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Rồi* tôi...

Chú thích:

1. *Cung Quảng Hàn:* chỉ mặt trăng. Ý nói mong được gặp Công chúa.
2. *Nỏ năng:* khéo mồm, khéo miệng.
3. *Dộng:* tâu trình.

Nhởn nhơ yếm thắm khăn đào sau kia?”
Dộng rằng: “Cháu ở nhà quê,
Con em có gọi bằng dì chẳng xa.
Đồn vui trẻ nó theo ra,
Mai sau nó sẽ về nhà làm ăn”.
Chúa rằng: “Con trẻ khó khăn,
Quê mùa cục kịch thôn dân cát lầm. [1]
Con này sao có duyên thầm,
Hình dung nhan sắc áo quần tinh trai [2]
Nhác trông ngỡ khác lâu dài”,
Mụ rằng: “Nhà nó ơn trời đủ ăn.
Cho nên con trẻ ấm thân,
Đêm ngày canh cửi cấm ngăn trong nhà”.
Chúa rằng: “Mụ để cho ta,
Tập tành lấy nó vào ra cửa quyền.
Tiếc con người cũng hữu duyên,
Nỡ nào mà để sánh bên quê mùa”
Hoàng Trừu giả cách thẹn thò,
Ẩn sau lưng [a] mụ nhấp nhô bóng đèn.
Mụ già mượn lấy hơi men,
Mắng rằng: “Chớ thấy chầu khen mà nhờn.
Cửa chầu là cửa thiên nhan,
Chẳng như ngõ mẹ mà nhờn đâu con.
Dộng rằng: bé dại chửa khôn,
Chúa rằng: “Giống vật kia còn dạy nên.
Ở đây chúng [b] sẽ tập rèn,
Lâu ngày thời nó cũng quen lệ [3] gì. [c]”
Mụ rằng: “Chầu phán thế thì,
Nên chăng con liệu cho dì được hay.
Kẻo khi lầm lỡ chân tay,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Đứng* sau...

b. Bản C chép: ở đây *đường* sẽ...

c. Bản C chép: ề gì,

Chú thích:

1. *Thôn cát lầm:* người ở chỗ quê mùa bẩn thỉu.
2. *Tinh trai:* sạch sẽ.
3. *Lệ:* lo ngại.

Bác mẹ mầy rầy sự bởi tại tao".
Hoàng Trừu liếc mắt trông vào,
Môi son mắt phượng má đào tốt tươi.
Gương quang ngọc tỏ hoa cười, [1]
Nào đâu là chẳng não người trượng phu.
Hoàng rằng: "Đã vậy thế thì,
Con thời đến trước sân kia trình chầu".
Hoàng Trừu ra trước cửa lầu,
Chân quỳ thưa thốt khấu đầu trở ra.
Chúa xem nhan sắc nết na,
Đặt tên là ả Xuân Hoa tức thì,
Vào lầu chốn cũ như y,
Nói năng từ tốn chúa thì yêu đương
Liệu cho cai quản các nàng
Tiền nong ban phát giữ giàng hương hoa.
Hàng ngày cẩn thận nết na,
Khi vào trò chuyện khi ra nằm ngồi.
Đi thì chung hán lộn hài, [2]
Các điều phó mặc trong ngoài trước sau.
Túi khăn gương lược gần chầu,
Khác loài thầy tớ giống màu chị em.
Hôm mai trên trướng dưới rèm,
Đường hơn lẽ thiệt một niềm thủy chung.
Hoàng xem chúa đã tin dùng,
Mới truyền bà mụ xuống chưng dưới tàu.
"Nào là bình phóng [a] túi giầu,
Áo quần đem để lên lầu cho min."
Mụ nghe lời đức hoàng truyền,
Xuống tàu lĩnh lấy đồ lên để ngoài.
Canh trường trống đã điểm hai,
Chúa đương giấc quế hồn mai [3] mơ màng.
Hoàng Trừu thức dậy vội vàng,

Khảo dị:

a. Bản C chép: bình *sáp*.

Chú thích:

1. Chỉ sắc đẹp Công chúa.
2. Đi chung giày dép, ý nói sống thân mật.
3. *Giấc quế hồn mai:* chỉ giấc ngủ.

Ra ngoài đổi dạng nam trang tức thì.
Lại vào chốn cũ như y,
Giả cơn mê mệt tay vơ mình nàng.
Chúa liền chợt tỉnh giấc vàng,
Mắng rằng: "Mê mệt hỡi nàng Xuân Hoa."
Dời chân tay ngọc bỏ ra,
Sờ tay thực thấy rõ là đàn ông.
Chúa liền kinh sợ hãi hùng,
Sự sao có sự lạ lùng bấy ôi!
Hầu mong cả tiếng dữ lời, [1]
Song le lại nghĩ khúc nhôi rằng vầy:
"Ta mà tỏ lộ sự này,
Oan người quý khách khôn thay mụ già.
Lại thêm thế sự đàn hòa, [2]
Sao nơi nghiêm cấn bỗng ra hỗn hào.
Chốn tiên để khách liều vào,
Ấy là phi thể [3] giá cao ngọc lành.
Lại thêm tiếng xấu hổ danh,
Quyết lòng để dạ cho thanh một bề".
Màn che trướng phủ [(a)] tứ bề,
Đá dao đánh lửa đèn kề đốt lên.
Thấy người trạng mạo phương viên, [4]
Mặt lại nhìn mặt quả nhiên rõ ràng.
Nghĩ rằng: "Sự đã chán chường,
Vườn xuân ong đã tỏ tường nhị hoa".
Định tình [5] mới hỏi dò la:
"Chàng nay quê quán cửa nhà nơi đâu
Lệnh nghiêm phép cấn diệu màu,
Nhân sao mà được thông thâu [6] chốn này?

Khảo dị:

a. Bản C chép: màn che **trướng** *rủ*...

Chú thích:

1. *Cả tiếng dữ lời*: lớn tiếng mắng mỏ.

2. *Thế sự đàn hòa*: người đời thêu dệt nói ra nói vào.

3. *Phi thể:* chẳng phải thể thức. Ý cả câu: chẳng giữ được nề nếp của con người trong trắng, cao quý.

4. *Trạng mạo phương viên*: dáng người cân đối, đầy đặn, đẹp.

5. *Định tình:* định thần, lấy lại bình tĩnh.

6. *Thông thâu:* hiểu cặn kẽ.

Khôn thì bộc bạch cho hay".
Hoàng Trừu mới tỏ niềm tây mọi lời:
"Anh con thượng vị nước người,
Cha cầm quyền bính thay trời trị dân.
Anh còn thiếu kẻ nâng khăn,
Dạo tìm đôi chữ Châu Trần xa xôi.
Khắp hòa [1] thiên hạ trong đời,
Chưa ai đẹp ý, chưa ai bằng lòng.
Đồn đây có gái kén chồng,
Trèo non vượt bể cố công tìm vào.
Lệnh nghiêm cửa cấm thành cao,
Một mình hồ dễ làm sao cho tường?
Vậy nên mượn mụ đưa đường?
Vào xem có xứng cương thường [2] sẽ hay.
Ai ngờ phận đẹp duyên may,
Giả làm đạo tớ nghĩa thầy lân la.
Nhìn xem tính hạnh thuần hòa,
Hình dung nhan sắc nết na bằng lòng.
Tuy rằng tình chửa giao thông,
Song le đã quyết xướng tòng là đây.
Cho nên ăn ở bấy chầy,
Nâng khăn sửa túi hán hài thử chơi.
Được ngày nay mới ngỏ lời,
Định bày nghĩa cả muôn đời tình chung.
Nên chăng nhờ quyết cho xong,
Cho phu lòng khách bõ ông băng chừng" [3]
Chúa nghe nửa lệ nửa mừng,
Bâng khuâng khôn quyết nhẽ đừng nhẽ nên.
Trình rằng: "Hổ phận thẹn duyên,
Bấy lâu thiếp những cậy duyên phô tài.
Kẻ sang người trọng vãng lai
Song le cũng chẳng được ai bằng lòng.
Đêm ngày luống những long đong,

Chú thích:

1. *Khắp hòa:* khắp cả.

2. *Cương thường*: giường mối của đạo lý Nho giáo gồm có: Tam cương: vua tôi, cha con, vợ chồng; Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

3. *Băng chừng:* vượt đường xa tìm đến.

Chỉ hiềm một nỗi thánh cung [1] trăm đường.
Cây châu quá ngọc muộn màng,
Muôn năm nối nghiệp ngai vàng chưa ai,
Người thường cầu khẩn hôm mai,
Sinh ra thiếp lại là loài nữ lang [2]
Bây giờ kỳ ngộ [3] cùng chàng,
Đã đành phận ngọc duyên vàng vậy nay.
Khi chàng ăn ở bên này,
Đào lan quế huệ sum vầy tốt tươi.
Lửa hương khuya sớm nồng hơi,
Đèn rồng gác phượng chơi bời vào ra.
Sợ khi chàng lại quê nhà,
Một mình thiếp liệt biết là làm sao?
Đôi nơi đông liễu tây đào, [4]
Thành sầu bể thẳm bụng nào đa mang. [5]
Tòng phu vẹn nghĩa với chàng,
Lấy ai chầu chực thánh hoàng quốc gia.
Âm thầm liệu bảy lo ba,
Đạo chồng cũng nặng, đạo cha cũng đầy.
Cho nên lo lắng bấy chầy,
Như chàng mấy kiếp ắt rày cũng nên".
Hoàng nghe nàng nói nguồn cơn,
Rằng: "Anh cũng chẳng có hèn bụng suy.
Trượng phu thật đấng trung nghì, [6]
Chẳng như ăn xổi ở thì [7] mà lo,
Nguồn ân bể ái hẹn hò,
Dẫu mà nghìn dặm lộ đồ cũng không,
Trứng rồng lại nở ra rồng,
Ấy là cháu nối nghiệp ông lệ gì.
Mà ai quên nghĩa phụ nghì,

Chú thích:

1. *Thánh cung*: chỉ vua.
2. *Nữ lang:* con gái.
3. *Kỳ ngộ*: cuộc gặp gỡ bất ngờ.
4. *Đông liễu tây đào*: ý nói hai nước cách xa nhau.
5. *Bụng nào đa mang*: không có bụng dạ nào chịu đựng được.
6. *Trung nghì*: trung thực, tình nghĩa.
7. *Ăn xổi ở thì*: ăn ở tạm bợ, chỉ lòng người tráo trở thay đổi.

Phó cho thiên hạ thần kỳ chứng minh.
Mấy lời cặn kẽ chân tình,
Xin nàng ghi dạ mai anh xuống tàu."
Còn đương trò chuyện cùng nhau,
Nghe canh gà đã giục mau ba tuần [1]
Vội vàng đổi áo thay quần,
Nam nhân lại hóa nữ nhân tức thì.
Lại vào hầu hạ như y,
Tớ thầy ai kẻ biết chi sự lòng.

. . .

Công chúa trên đường vượt bể sang tìm chồng bị lâm vào cảnh hoạn nạn.

Rạng ngày minh bạch tỏ tường,
Đứa tiều phu ở trong làng mới lên,
Thấy người thanh lịch quý quyền.
Đứa sau đứa trước nó liền hỏi han.
Ở đâu mà phải cơ hàn?
Trình rằng: "Tôi khách ở bên Nam thành,
Mới sang buôn bán Bắc Kinh,
Chẳng may gặp trận động đình phong ba.
Mênh mông giữa chốn hải hà,
Lòng trời còn tựa phúc nhà lại may.
Cho nên trôi dạt đến đây,
Bơ vơ thân gái đắng cay trăm đường."
Tiều phu nghe nói tỏ tường,
Đều rơi giọt ngọc đôi hàng thấm sa.
Nước bầu cơm túi của nhà,
Đũa lau mâm lá dở ra khuyên mời.
Nàng rằng: "Muôn đội ơn người,
Có lòng thương kẻ lỡ vời [2] vậy vay!"
Ăn rồi lại hỏi rằng bây,
"Đường sang Nam Việt nẻo này thông chăng?
Tiều phu mới lại bảo rằng:
"Đường này cách trở suối rừng giang khê.

Chú thích:

1. Gà đã gáy canh ba.
2. *Lỡ vời*: nửa chừng, không đến nơi đến chốn.

Hiểm nguy khôn nhẽ đi về,
Phải sang cho đến đan trì Ngô vương"[1]
Tiều phu kẻ xót người thương,
Nói năng cùng nó mà nương đi về.
Kẻ ngay gặp vận gian nguy,
Để đâu ai chẳng nể vì[2] mà lo.
Nàng nghe nói hết duyên do,
Tạ từ thôi lại hỏi dò đường sang.
Đêm thì trú quán ngụ hàng,
Ngày thì theo khách đi đường vào ra.
Ăn mày nhờ mướn người ta,
Quản bao xấu hổ miễn qua cơ hàn.
Dần dà sang đến Trường An,
Phố phường cũng lắm hàng quan cũng nhiều.
Thấy ai tuấn tú cũng chào,
Đến mà nói thực mọi điều ngửa tay[3], [(a)]
Kiếm ăn lần lữa qua ngày,
Đói no bao quản, đắng cay một mình.
Đêm ngày nương náu [(b)] ngụ đình,
Có người quý khách ra tình nguyệt hoa
Tìm vào có ý lân la,
Nàng càng cẩn thận nết na giữ giàng.
Mình tuy gặp vận dở dang,
Lòng khăng khăng vẫn đạo thường chẳng vong.
Tình cờ gặp mụ trong cung,
Chúa Huy khuya sớm ở cùng chân tay.
Vâng ra đi chợ ban ngày,
Thấy nàng mà chạnh niềm tây muôn phần.
Đến liền hỏi chuyện ân cần,
Về nhà nói chúa vân vân mọi lời:
"Phố phường nay có một người,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *ngả* tay

b. Phiên theo bản C.

Chú thích:

1. *Đan trì Ngô vương:* cung điện vua Ngô, chỉ vua Trung Quốc.
2. *Nể vì:* nể nang.
3. *Ngửa tay:* ăn xin.

Thiếu niên phỏng độ đôi mươi tuổi đầu.
Hình dung nhan sắc càng mầu [1]
Tôi xem chẳng khác nàng Châu ả Hằng [2]
Một là gia thất bất bằng, [3]
Hai là lỡ bước xích thằng chửa cân.
Cho nên nàng phải gian truân,
Tôi từ xem thấy muôn phần cảm thương.
Xin người cứu kẻ lỡ làng.
Cứu người đói khát phúc càng thêm tăng.
Tôi xin dộng vậy nên chăng?"
Chúa bèn bảo mụ sự hằng [4] cũng hay:
"Thì ra bảo nó vào đây,"
Mụ ra mụ mới cầm tay đưa vào.
Lạ lùng khôn xiết làm sao
Xăm xăm theo mụ cùng vào tới nơi.
Chúa liền xem thấy dạng người,
Hỏi rằng: "Sao phải nửa vời long đong?
Hay là trốn chúa lộn chồng, [5]
Thì nói cho thực sự lòng tao hay".
Cho nên nàng mới thưa bày:
"Quê tôi ở quận Hà Tây xa vời.
Cửa nhà thì cũng ơn trời,
Mẹ cha định gả phải nơi chẳng vừa.
Cho nên duyên phận chẳng ưa,
Số mình đã lỗi ông tơ lại nhầm.
Thuyền son đỗ chẳng phải đầm, [6]
Như đàn cầm gảy tai trâu biết gì.
Cực lòng tôi mới ra đi,
Gặp đâu là chốn thường vì sẽ hay".
Chúa rằng: "Ở với tao đây,

Chú thích:

1. *Càng mầu:* càng có duyên.

2. *Nàng Châu ả Hằng:* nàng Châu chỉ Ngọc thỏ; chỉ mặt trăng. Dùng ả Hằng hay nàng Châu để chỉ người con gái đẹp.

3. *Gia thất bất bằng:* gia đình có chuyện không hài lòng.

4. *Sự hằng:* lẽ thường, đạo trời.

5. *Trốn chúa lộn chồng:* chỉ hạng người đã có chồng mà bỏ chồng chạy theo trai.

6. *Thuyền son:* thuyền quý; *đầm:* hồ nước bùn lầy.

Ất là cũng đủ thân mày [1] lệ chi.
Từ rày làm đạo nữ nhi,
Cho ngay lành chớ gian phi mới toàn."
Nàng rằng: "Muôn đợi lòng hiền,
Bấy lâu mới biết bạc đen nhân nghì."
Thấy lời ăn nói nhu mì,
Quần là áo lượt tức thì liền trao.
Nàng từ nương chốn lầu cao,
Sớm khuya hầu hạ ra vào hôm mai.
Một niềm chỉ tín chẳng sai,
Thức khuya dậy sớm trong ngoài vào ra.
Xem chiều khôn khéo thật thà,
Mới cho làm vú để mà nuôi con.
Khi thì tắm rửa ấp hôn,
Khi thì nhủ bảo đường khôn [2] dặn dò.
May rằng [(a)] áo ấm cơm no,
Chẳng ngại sương tuyết chẳng lo cơ hàn.
Niềm riêng chất để muôn vàn,
Nói cười ngoài miệng tân toan trong lòng.
Buồn thì bà quận [3] bạn cùng,
Giữ gìn tấp táp [(b)] bế bồng tương liên.
Một ngày bà chúa mới truyền,
Đem bà quận tắm hồ sen mé ngoài.
Áo quần chuỗi hạt hoa tai,
Cởi ra mà để gốc mai trên bờ.
Lạ gì vú trẻ con thơ,
Giục nhau xuống tắm nhởn nhơ nửa ngày.
Hồ sen thanh vắng cỏ cây,
Nước trong leo lẻo đông tây vắng người.
Dầu lòng tắm táp chơi bời,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Mà* rằng...

b. Phiên theo bản C.

Chú thích:

1. *Cũng đủ thân mày:* (Tiền công) cũng đủ nuôi thân mày.

2. *Đường khôn:* điều hơn lẽ thiệt, điều phải.

3. *Bà quận:* chỉ con gái Chúa Huy.

Nào hay hại phải cơ trời oan khiên [1]
Phải khi đàn ngỗng đi lên,
Hạt trai để đấy nó liền nuốt đi.
Còn đương tắm táp biết gì,
Giờ lâu ở dưới liên trì [2] mới lên.
Người ta vắng vẻ bốn bên,
Ngỗng trời xong [a] đã tếch miền đi xa.
Đeo hài mặc áo cho bà,
Hạt trai thời mất lòng đà sợ thay.
Hãi hùng vạch cỏ bới cây,
Ngược xuôi tìm tõi tối ngày trong ao.
Một mình thơ thẩn ra vào,
Than rằng: "Oan ấy biết bao là trùng!" [3]
Đến hôm bà quận lên cung,
Nàng đã xót ruột nóng lòng lắm thay! [b]
Chúa ngồi trò chuyện khoan thai,
Hỏi con nào chuỗi hạt trai của mày.
Tâu rằng khi ấy trình bày:
"Nhủ tôi xuống tắm vắng người đừng lo.
Cởi ra mà để trên bờ,
Lên thì đã mất bao giờ chẳng hay".
Chúa rằng: "Mới lạ lùng thay,
"Trong hồ sen ấy xưa nay ai vào.
Tự nhiên mà mất làm sao?
Con này bội bạc cùng tao thế này!
Chẳng ăn cơm nặng áo dày,
Ra chiều đơn bạc [c] nước mây bất nghì".
Vội vàng giục giã tùy nhi,

Khảo dị:

a. Bản C chép: ...*cũng* đã.

b. Bản B chép: *Hạt trai thì mất, xót* lòng lắm thay! Ở đây, phiên theo bản C.

c. Bản C chép: Ra chiều *gian dối*...

Chú thích:

1. *Oan khiên:* oan ức.

2. *Liên trì:* ao sen.

3. *Biết bao là trùng:* biết bao nhiêu lần.

Roi song đem lại tức thì đánh tươi.[1]
Vậy thì đánh đủ năm mươi,
Cắn răng mà chịu kêu trời rằng oan.
Chẳng hề[a] lăn khóc kêu van,
Thấy đau chúa mới truyền khoan[2] gọi vào:
"Cùng là hơi hám con tao,
Há rằng của ấy đáng bao nhiêu là.
Dại lòng trót lấy của bà,
Hãy còn giấu giếm hay là bán đâu?"
Nàng rằng: "Nương[3] bấy nhiêu lâu,
Cơm ăn áo mặc sớm chiều đủ ăn.
No lòng vả lại[b] ấm thân,
Mười phần công ấy một phân chưa đền.
Dám đâu tình bạc cho nên,
Thấy người ngờ vực oan khiên hay là.
Xin chầu rộng lượng xét ra,
Tỏ nguồn cơn ấy kẻo mà thân oan."
Mắng rằng: "Vốn nó đa đoan,
Xưa nay câu ví thế gian đã đầy.
Quen đà dối trá bấy chầy,
Họa là khảo đánh ắt rày cũng ra.
Tao thương thơ yếu đàn bà,
Đã hay gian dối tao gia tội này,[4]
Ban đêm bắt đội đĩa đèn,
Để răn lòng chúng kẻo sinh gian tà".
Phòng khi khách đến chơi nhà,

Khảo dị:

a. Bản C chép: Chăng *ngờ*.

b. Bản C chép: *mà* lại...

Chú thích:

1. *Đánh tươi:* đánh ngay lập tức.
2. *Truyền khoan:* truyền thôi đánh.
3. *Nương:* nương nhờ.
4. *Gia:* thêm. Ý cả câu: đã gian dối thì tao phạt tội nặng hơn.

Chúa truyền cây thịt [1] kia ra đội đèn.
Một khi là một lần truyền,
Để dầu đốt lửa đội lên trên đầu.
Một tay trước, một tay sau.
Đội rồi một buổi cơm chầu mới thôi.
Tùy nhi cơm nước cho rồi,
Bấy giờ mới được ra ngồi ăn sau.
Ăn rồi lại đội đèn chầu,
Chúa nằm mới được ra lầu năm canh.
Nàng từ mắc phải oan tình,
Đắng cay chua xót một mình xiết bao.
Nghĩ rằng: duyên phận lao đao,
Gặp nơi trú ngụ nương vào cho qua.
Ai ngờ mắc phải oan gia,
Nào chồng có biết nào cha có tường.
Nguồn cơn nghĩ đến trăm đường,
Lại sa giọt ngọc hai hàng chan chan.
Ví dầu tôi phải gian ngoan,
Mà cam [2] tội ấy dám van vỉ [a] gì.
Nàng đương khấn nguyện rầm rì,
Trời cao ắt cũng thính ti [b] cho người [3]
Người trời lại có phúc trời,
Xui lòng Hoàng tử đến chơi một ngày.
Nghe tin Hoàng tử mừng thay,
Truyền người dọn dẹp lầu tây cung đường.
Tranh treo màn cuốn nghiêm trang,
Giường ngà chiếu ngọc gối vàng hẳn hoi.
Tùy nhi dọn dẹp vừa rồi,
Kiệu Hoàng đã ghé vào nơi mái lầu.
Hoàng vào chúa mới ra hầu,
Chị em mừng rỡ chào nhau khoan hòa.

Khảo dị:

a. Bản C chép: van *nài*.

b. Bản C chép: *chứng tri*.

Chú thích:

1. *Cây thịt:* thân người làm giá để đèn.
2. *Cam:* cam chịu, đành chịu.
3. *Thính ti:* nghe hết những việc ở thấp, ở dưới dân gian.

Hoàng rằng: "Thương chị đàn bà,
Cho nên phải đến chơi nhà chị đây.[a]
Chị từ xuất giá đến nay,
Tưởng rằng Hoàng đã đến đây mấy lần.
Hoàng rằng: "Bẩm lệnh nghiêm quân [1]
Ra đi tìm chỗ Châu Trần mấy đông,
Kể đà núi của non công,
Được người lại chẳng được lòng khâu sơn.
Nghĩ mà tưởng đến nguồn cơn,
Đã căm cái kiếp lại hờn cái duyên".
Chị em trò chuyện sự hiền, [2]
Nhà vâng làm yến đoạn liền bưng ra.
Chén vàng bát bịt đũa ngà,
Liền bày tiệc ngọc [3] xướng ca chơi bời [b]
Chị em yến ẩm [4] vui thay,
Nhác trông bóng thấy xế tây bên lầu.
Hoàng liền giục giã quân hầu:
"Bay ra dọn dẹp cho mau tao về".
Chúa rằng: "Hoàng vội làm chi,
Ở đây cùng chị mai thì là bao!
Bấy lâu thương nỗi khát khao,
Hoàng về càng nhớ thì sao bằng lòng.
Hay là nghỉ lại mới xong,
Truyền người đã dọn nhà trong phòng lầu".

. . .

Hoàng Trừu nhận vợ, gia đình đoàn viên.

Điểm trang áo lượt quần là,
Phấn son chải chuốt hương hoa ngát lừng.
Đến nơi ngoài cửa thưa rằng:
"Nữ đồng ai những đã vâng lên chầu"

Khảo dị:

a. Bản C chép: ... chị *hay*

b. Bản C chép: ... chơi *tày*.

Chú thích:

1. *Nghiêm quân:* chỉ vua cha.
2. *Sự hiền*: việc tốt lành.
3. *Tiệc ngọc*: tiệc linh đình nhiều của ngon vật lạ.
4. *Yến ẩm:* việc ăn uống, ăn tiệc, uống rượu.

Phán rằng: "Vào trước màn đào,"[1]
Nhìn xem nhan sắc gót đầu phong quang.
Lòng xuân chẳng đẹp ý Hoàng,
Truyền con ấy xuống cho nàng khác lên.
Ba mươi sáu ả thuyền quyên[2]
Cứ y tầng thứ mà lên chầu trình.
Một người là một sắc thanh,
Lòng Hoàng cũng chẳng có tình nguyệt hoa.
Cho đồng vào dộng chúa bà:
"Còn ai đồng nữ trong nhà nữa không?"
Chúa rằng: "Còn đứa phụ đăng[3]
Hoàng mà có dụng nó vâng lên hầu".
Hoàng rằng: "Chị ấy cũng màu,
Mùi hương đã trải mùi dầu thử chơi".
Chúa Huy nghe nói mỉm cười,
Rằng: "Sao Hoàng bỗng ra người say sưa.
Nghĩ lòng mọi vẻ mọi ưa,
Cười thôi mà cứ mặc người thích ai".
Chúa truyền nàng lại nghe lời,
Hoàng đà dùng đến thì ngươi lên hầu.[a]
Nàng bèn vâng dạy giờ lâu,
Ra ngoài tắm rửa gội đầu hẳn hoi.
Vào nhà đánh phấn gương soi,
Áo quần trang điểm ngát mùi hương hoa.
Bảnh bao gót ngọc[4] bước ra,
Hoàng Trừu trông thấy ngỡ là tiên nhân.
Bấy lâu bể ái nguồn ân,
Nghìn năm chếch lệch thời cân cho bằng[5]
Đến nơi ngoài cửa dộng rằng:
"Tôi là đồng nữ tôi vâng lên hầu".

Khảo dị:

a. Bản C chép: ... thì *thôi sang* hầu.

Chú thích:

1. *Màn đào:* màn bằng lụa màu hồng nhạt tươi (màu hoa đào).
2. *Thuyền quyên:* người con gái đẹp.
3. *Phụ đăng:* đội đèn.
4. *Gót ngọc:* chỉ gót người đàn bà con gái đẹp như ngọc.
5. Tình nghĩa vợ chồng lâu nay đầy vơi không chừng, nay phải bù đắp lại.

Hoàng xem chị ấy cũng màu,
Mấy người đệ tử quân hầu đuổi ra.
Dạy rằng ngồi xuống chiếu hoa,
Mặt lại nhìn mặt tay đà cầm tay.
Bảo rằng: "Thương nhẽ thân mày,
Hình dung nhan sắc cũng tày thế gian.
Nhân duyên sao phải cơ hàn,
Min từ xem thấy muôn vàn cảm thương".
Nàng từ ngồi xuống bên giường,
Liệu đường quanh dấu, tìm phương thưa bày [a]
"Quê tôi ở quận Hà Tây,
Nhân duyên định giá [1] những ngày còn thơ
Bởi vì bà Nguyệt, ông Tơ,
Bỗng đâu nên nghĩa chẳng ưa xướng tòng.
Bây giờ luống những long đong,
Giận mình tôi mới quyết lòng ra đi.
Đến đây ơn Chúa thương vì,
Khi thì hầu hạ, khi thì vào ra.
Chẳng may gặp vận oan gia,[2]
Người liền bắt tội những là đắng cay".
Hoàng rằng: "Thương nhẽ thân mày,
Tội mày tao giải cho mày dễ không".
Nói thôi tay bỏ vào lòng,
Bảo rằng: Hương lửa lửa nồng vì hơi".[b]
Nàng liền kinh sợ rụng rời:
"Xin khoan tôi nói hết lời với ông.
Hè qua rồi lại sang đông,
Ai ai là chẳng có lòng tưởng xuân.
Song le đôi chữ Châu Trần,
Đôi nơi cách trở muôn phần thảm thương.
Chúa truyền lên động [c] đức Hoàng,

Khảo dị:

a. Phiên âm theo bản C.

b. Bản C chép: Hương lửa *cháy* nồng *với tôi.*

c. Bản C chép: *Hầu hạ*

Chú thích:

1. *Định giá:* đã có chồng rồi.

2. *Vận oan gia:* gia đình gặp phải điều oan.

Thì tôi vâng cứ việc thường chẳng sai.
Những điều cợt trúc ghẹo mai [1]
Thiếu gì quốc sắc thiên tài thuyền quyên.
Duyên tôi vốn có ước nguyền,
Nghe lời thì sợ bạc đen cùng chồng"
Hoàng nghe nói hết sự lòng,
Nghĩ lời thưa thốt càng nồng lửa hương.
Người sao tiếc nghĩa lòng vàng,
Đã đẹp sắc dục lại thương nhân nghì.
Nhìn xem cách điệu phương nghi [2]
Người thời quả thực, lòng thì ngại thay [a]
Bảo rằng: "Mày nói cho ngay,
Duyên do sau trước nhà mày làm sao?
Đừng quanh co giấu chút nào,
Mấy khi kỳ ngộ tương giao [3] thế này".
Bây giờ nàng mới thực bày:
"Thấy ông đạo đức lòng ngay khoan hòa.
Vậy nên dám tỏ sự nhà,
Cha thời chính trị quốc gia Nam thành
Hiếm hoi sinh được một mình,
Cậy duyên tôi đã ra danh ở lầu.
Chẳng hay cơn cớ về đâu,
Con vua thượng vị vượt tàu đi sang.
Khen ai không tỏ ngõ ngàng,
Nhọc lòng chẳng ngại mấy sương chẳng nề.
Cùng nhau đá kết vàng thề,
Được ba năm mới trở về quê hương.
Một năm mới lại đi sang,
Cái chim linh điểu bói tường [4] hiện ra.
Đến kêu ríu rít trước nhà,

Khảo dị:

a. Bản C chép: lòng *còn nghi* thay.

Chú thích:

1. *Cợt trúc ghẹo mai:* những chuyện yêu đương trăng gió.

2. *Cách điệu phương phi*: dáng điệu đầy đặn xinh đẹp.

3. *Kỳ ngộ tương giao:* gặp gỡ quen biết trong hoàn cảnh bất ngờ, không hẹn trước.

4. *Bói tường:* báo trước một điềm lành.

Nhớ chồng nghe tiếng khách [1] đà buồn thay.
Càng trông tin tức càng chầy [2]
Những là ríu rít kêu rầy bên tai.
Tôi đương ngồi tựa hiên mai,
Giân cầm cái thước quăng ngoài cửa hiên.
Biến nên hình tượng nam nhân,
Tôi thân xem [3] thấy mười phân hãi hùng.
Liền chôn ngay ở vườn hồng,
Vừa rồi thì thấy tin chồng đến nơi.
Cùng nhau chưa kịp ngỏ lời,
Chó ngao một lũ đánh hơi liền tìm.
Hoàng truyền thử đào lên xem,
Rõ người mà nói rằng chim tin nào.
Nghĩ rằng thiếp đã tương giao,
Ầm ầm chẳng nói làm sao một lời.
Tưởng khi vạch đất chỉ trời,
Sai quan tức tốc một thôi xuống tàu.
Xót lòng tôi phải vào tâu,
Xin cùng vương phụ theo mau cùng chồng.
Thuyền ra đến giữa bể đông,
Hóa cơn phong vũ sạch không như tờ.
Còn tôi nước dạt lên bờ,
Bên trời góc bể bơ vơ một mình.
Trèo lên đến giữa rừng xanh,
Rạng ngày [a] tôi mới bộ hành [4] sang đây.
Nhân tình thế sự khôn hay,
Ăn mày ngày kiếm tháng ngày cũng qua.
Lại may gặp một mụ già,
Ở trong đức Chúa đi ra chợ này.
Thấy tôi lòng những thương thay,
Mấy tâu cùng Chúa bắt về mà nuôi.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Theo người.*

Chú thích:

1. *Khách:* chim khách.
2. *Càng chầy*: càng lâu.
3. *Thân xem*: Tự mình nhìn.
4. *Bộ hành:* đi bộ.

Giữ gìn bà quận cho người,
Ăn mày hạt rụng hạt rơi ơn nhờ.
Một ngày xuống tắm ban trưa,
Áo quần chuỗi hạt để bờ hồ sen.
Một giờ tắm mát mới lên,
Hạt trai để đấy bỗng liền mất ngay.
Tối về bà quận tâu bày,
Người đà tra hỏi nước mây mọi lời.
Tôi thời khôn chối mà thôi,
Chẳng nghe người quyết cho tôi lòng tà.
Trước là đón khách khảo tra,
Sau thời lại bắt đem ra đội đèn.
Trước sau sự ấy nguồn cơn,
Ông xem thực đã chân chuyên hay là.
Thấy ông đạo đức khoan hòa,
Vậy nên dám tỏ sự nhà giấu chi.
Từ khi vâng dạy ra đi
Miệng thì vâng dạ lòng thì lo âu.
Bấy giờ Hoàng dạy vào chầu,
Ngẫm duyên kỳ ngộ tưởng đâu có ngày.
Tấm thân lầm cát [1] bấy chầy,
Ví như nước đổ bốc đầy được không [2]
Song le một chút xướng tòng,
Rồi ra lỗi đạo cùng chồng làm sao!
Phòng khi kỳ ngộ tương giao,
Lòng nào đẹp ý mặt nào có đương".
Hoàng nghe thấy nói tỏ tường,
Thẹn mình đơn bạc thương nàng gian nan.
Vì chồng vượt bể trèo non,
Cho nên phải những cơ hàn bấy lâu.
Tưởng khi gắn bó cùng nhau,
Lại sa giọt ngọc nhuốm thâu khăn hồng.
Cầu mong nhận lấy làm chồng,

Chú thích:

1. *Lầm cát:* ý nói khổ sở nhục nhã.

2. Ý hai câu này nói: lâu nay sống nhục nhã, khổ sở rồi, nay có đi bước nữa cũng không đền bù được.

Song le còn để bên lòng xem sao [a]
Hỏi rằng: "Khi xuống tắm ao,
Có ai là kẻ ra vào đây chăng?"
Bây giờ nàng mới thưa rằng:
"Hồ sen nghiêm cẩn ví bằng Bồng lai.
Ra vào chẳng có một ai,
Mà tôi nghi hoặc vu nài [1] người ta.
Chắc là đàn ngỗng đi qua,
Một là ngỗng rúc hai là mất đâu."
Hoàng nghe mới dạy quân hầu:
"Mày ăn thịt ngỗng nấu nung bây giờ".
Thời cho giải tỉnh [b] say sưa,
Đồng vâng vào mới giải thưa chúa bà.
Chúa Huy rằng: "Ngỗng với gà,
Chần chần ngoài ấy lọ là cấm chi"
Đồng vào Hoàng lại nhủ đi,
Bắt con ngỗng đực tức thì cho tao.
Đầu đàn bay bắt nó vào,
Truyền vào nhà bếp nội đao đốt đèn,
Đem vào mà mổ tao xem,
Giết rồi bay sẽ chả nem mặc lòng." [2]
Hầu vâng bắc nước làm lòng,
Mổ ra lộn hết mề trong tức thì.
Lại tìm dưới đáy cái mề,
Thấy còn chuỗi hạt nằm kề một bên.
Hoàng xem thấy sự nhỡn tiền [3]
Nhón tay bưng lấy quả nhiên rõ ràng
Hai tay ôm lấy mình nàng:
Anh đà lỗi đạo cương thường bấy lâu.
Cho nên nắng dãi mưa dầu,
Vì anh mà phải âu sầu đắng cay.

Khảo dị:

a. Phiên theo bản C.

b. Bản C chép: *Chúa tỉnh* say sưa.

Chú thích:

1. *Vu nài*: đổ tội, nói không cho ai.
2. *Chả nem mặc lòng:* làm chả, làm nem tùy ý.
3. *Sự nhỡn tiền:* việc (xảy ra) rõ ràng trước mắt.

Một thân chịu mấy oan này,
Trời cao bể rộng có hay chăng là!"
Sai người đòi Chúa Huy ra:
"Chị sao đơn bạc sai ngoa [1] muôn phần.
U mê chẳng biết nhân luân,
Chẳng thương đến kẻ gia thần làm tôi [2]
Làm người chẳng biết thương người,
Hạt trai của đáng mấy mươi quan tiền.
Vợ tôi trung hiếu thảo hiền,
Vì tôi cho phải truân chuyên bấy chầy.
Cho nên nhỡ bước đến đây,
Chẳng thương thì chớ lại dầy vò chi.
Gian tham thời đuổi nó đi,
Tội nào mà bắt nữ nhi đội đèn?
Vô nhân bất nghĩa bạc đen,
Luận chưng tội ấy thì nên voi dầy"
Chúa Huy khép nép trình bày:
"Chị là phụ nữ thơ ngây đàn bà.
Xin Hoàng rộng lượng xét ra,
Sá [a] nguồn cơn [3] ấy mà tha chị cùng".

Phiên âm từ bản Nôm Quan văn đường,
Ký hiệu Thư viện KHXH AB.55

Khảo dị:

a. Bản B chép: *thẩm* nguồn.

Chú thích:

1. *Sai ngoa*: nhiều lời, không thật.
2. *Kẻ gia thần làm tôi:* người làm tôi tớ trong nhà.
3. *Sá nguồn cơn:* xét với nguồn cơn.

PHẠM TẢI - NGỌC HOA

(Trích)

TIỂU DẪN

Phạm Tải - Ngọc Hoa là truyện Nôm khuyết danh rất được nhân dân ta ưa thích. Nó phản ánh thực trạng xã hội ta ở thế kỷ thứ XVIII: Bọn vua quan phong kiến dâm ô, tàn bạo, thường gây ra những cảnh "sát phu hiếp phụ", tự do chà đạp lên phẩm giá của người phụ nữ.

Nó tố cáo những hành động đê hèn, vô nhân đạo của bè lũ tay chân phong kiến, tiêu biểu cho những hạng người ấy là Biện Điền. Một tên tay sai hèn nhát, chỉ vì không đạt được cái dục vọng ích kỷ cá nhân, hắn đã bày mưu tính kế bắt Ngọc Hoa, người con gái đã có chồng về làm vợ vua.

Trong tác phẩm có một số câu thơ gieo vần còn dễ dãi, quá gượng ép như:

Mới gọi người đòi Ngọc Hoa,
Tướng công ông bà mới bảo rằng bây.
Mẹ cha cũng chẳng ép rày,
Phải duyên đẹp lứa mặc nơi xích thằng

Nhưng cái tình cảm chất phác, mộc mạc lại rất dễ lưu lại trong trí nhớ người đọc:

Khóc rằng: chàng hỡi có hay,
Vì tôi nhan sắc chàng rày chết oan.
Chàng đi sao nỡ phụ tình,
Để thiếp một mình vò vọ phòng hương.

Đọc *Phạm Tải - Ngọc Hoa* chúng ta sẽ thấy tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng đối với xã hội phong kiến đương thời. Đồng thời, qua nhân vật Ngọc Hoa chúng ta lại càng thấy rõ lòng nhân đạo, bản chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, họ phải ngậm đắng nuốt cay hy sinh thân mình để giữ trọn mối tình vợ chồng chung thủy.

*
* *

Đời vua Trang vương nhà Chu có quan tướng công họ Trần sinh được một người con gái tuyệt đẹp tên là Ngọc Hoa. Nhiều nơi giàu sang chức trọng đánh tiếng đến hỏi, trong số đó có Biện Điền người cùng làng, nhưng Ngọc Hoa vẫn không ưng thuận.

Một hôm, chàng Phạm Tải đến nhà Ngọc Hoa ăn xin, để lấy tiền ăn học. Thấy Phạm Tải phong tư dịu hiền, Ngọc Hoa động lòng thương yêu, ngày đêm mong nhớ. Nàng xin phép cha mẹ được cùng Phạm Tải kết duyên. Sau khi nghe Ngọc Hoa bộc lộ tình yêu giữa nàng với người học trò nghèo, Trần Công bèn sai người đi tìm Phạm Tải về, và đồng ý cho hai người lấy nhau.

Từ khi Ngọc Hoa lấy Phạm Tải, Biện Điền bèn sinh lòng ghen ghét. Hắn mua chuộc bọn côn đồ đến nhà Trần Công, giết Phạm Tải, bắt Ngọc Hoa. Nhưng âm mưu thâm độc đó không thành, một trận phong ba nổi lên giết chết bè lũ ác nhân đó. Hắn lại nghĩ ra một quỷ kế khác: Hắn tìm một thứ gỗ quí tạc tượng giống hệt Ngọc Hoa và đem dâng Trang vương, một tên vua nổi tiếng là con quỷ dâm dục, thấy sắc đẹp đã chết mê. Trang vương bèn sai quan quân đi bắt Ngọc Hoa. Và hắn hứa, nếu sắc đẹp Ngọc Hoa đúng như tượng đã tạc thì sẽ phong cho Biện Điền chức Quận công.

Vâng lệnh Trang vương, một bầy lang sói kéo đến nhà Trần công, bắt Ngọc Hoa. Một tai biến bất ngờ ập đến, Ngọc Hoa tự làm xấu mình đi để khỏi bị bắt vào kinh. Nhưng cuối cùng nàng phải ra đi để khỏi liên lụy đến gia đình và họ hàng. Nàng yêu cầu cho Phạm Tải được đi theo tiễn. Nàng không đi kiệu và cùng chồng đi bộ đến kinh.

Nàng vừa đến cung điện, tên Trang vương trông thấy tưởng là nàng tiên giáng thế, hắm đem tượng gỗ ra đối chiếu và cho cả ba trăm mỹ nữ ra so sánh, nhưng không ai đẹp bằng. Trang vương càng ngắm càng say, hắn liền bắt ép Ngọc Hoa phải lấy hắn, nhưng nàng cự tuyệt.

Lấy uy mà ở hiếp lòng,
Thì tôi tự vẫn cam lòng bội phu

Trang vương lại tìm cách mua chuộc Phạm Tải: Nếu Ngọc Hoa làm vợ vua thì chàng sẽ được chia binh quyền và các cung tần mỹ nữ. Nhưng Phạm Tải không chịu, nếu vợ làm cung phi thì chàng trở về đi tu.

Cuối cùng, Trang vương đã đầu độc giết chết Phạm Tải, để lấy Ngọc Hoa. Phạm Tải chết, Ngọc Hoa càng căm thù, quyết không cùng Trang vương chung chăn gối. Nàng xin Trang vương đưa xác chồng về quê và ở nhà cư tang thờ chồng, sau khi mãn tang sẽ trở lại hầu hạ vua.

Ba năm sau ngày đoạn tang, Trang vương hí hửng, nàng sẽ trở về hầu hạ vua. Nhưng khi Trang vương sai quân về bắt Ngọc Hoa thì nàng đã tự vẫn để bảo toàn mối tình chung thủy với chồng.

Tuy hồn lìa khỏi xác, nhưng Ngọc Hoa vẫn căm hờn Trang vương. Ngọc Hoa xuống âm phủ gặp Phạm Tải, hai vợ chồng cùng nhau đến cửa Diêm Vương tố cáo Trang vương và bắt hắn phải đền tội. Diêm Vương sai quỷ sứ đòi Trang vương xuống âm phủ tra hỏi. Trang vương cúi đầu nhận tội và bị phạt bỏ vạc dầu.

Phạm Tải, Ngọc Hoa được hồi sinh. Ngọc hoàng phong cho Phạm Tải làm vua, Ngọc Họa làm Hoàng hậu.

*

* *

Tác phẩm *Phạm Tải - Ngọc Hoa* nguyên viết bằng chữ Nôm và đã được phiên âm ra Quốc ngữ. Chắc chắn trong tương lai chúng ta có thể sưu tầm được các văn bản Nôm khác nữa, nhưng hiện nay theo chúng tôi được biết ở thư viện văn bản Phạm Tải Ngọc Hoa hiện còn lưu trữ:

Bản chữ Nôm:

1. *Ngọc Hoa cổ tích truyện*, Tự Đức nhị thập tứ niên, Thịnh văn đường tàng bản, TV.KHXH AB.60.

2. *Ngọc Hoa cổ tích truyện*, Bảo Đại thất niên, Phú văn đường tàng bản. TV.QG.R.53.

3. *Ngọc Hoa cổ tích truyện*, mất tờ đầu, TV.QG.R2161.Bản Quốc ngữ.

4. *Ngọc Hoa cổ tích truyện*, Xuân Lan biên soạn, Nhà in Văn Minh xuất bản, 1917, TV.KHXH.Q8^0 121.

5. *Phạm Tải - Ngọc Hoa* Nhà in Phúc Chi xuất bản, TV.KHXH Q8^{0}358

6. *Phạm Tải - Ngọc Hoa* NXB Phổ thông, in lần thứ nhất, Hà Nội, 1957.

7. *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, Bình dân thư quán, Hà Nội, 1957.

8. *Phạm Tải - Ngọc Hoa* NXB Phổ thông, in lần thứ hai, Hà Nội, 1960.

9. *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, NXB Văn học, Hà Nội, 1963.

Các bản phiên âm ra Quốc ngữ đều không nói rõ phiên âm từ bản chữ Nôm nào? Phần chú thích thì lại quá đơn giản. Nói chung, các soạn giả đều có thêm bớt, sửa chữ ít nhiều. Do đó, số câu trong văn bản không giống nhau: Các bản chữ Nôm gồm có 936 câu, bản Xuân Lan 934 câu, bản Phúc Chi và bản Phổ thông 932 câu.

Riêng bản của NXB Văn học do Thạch Giang phiên âm, khảo thích, thì cẩn thận, tỉ mỉ hơn, và nói rõ xuất xứ phiên âm từ bản chữ Nôm Tự Đức nhị thập tứ niên (AB60). Nhưng trong phần phiên âm cũng có hiện tượng chưa đúng với mặt chữ đã ghi trong văn bản Nôm. Chẳng hạn, chữ mạc (chẳng, không có) ở các câu 284, 295... đều phiên âm là "mụ". Chữ mạc tiếng Việt cổ có nghĩa là vẽ, các trường hợp đó nên phiên âm mạc vừa đúng với mặt chữ vừa phù hợp với ý nghĩa ở các câu:

Trang Vương phán hỏi rằng bây,
Như mặt mạc này quê ở gần xa?

Trang rằng: như mặt mạc này,
Thời tao phong chức cho mày quận công

Vì thế, trong khi biên soạn chúng tôi chủ yếu dựa vào bản Nôm:

A. *Ngọc Hoa cổ tích truyện*, Tự Đức nhị thập tứ niên, AB60. Và tham khảo các bản:

B. *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, NXB Phổ thông, in lần thứ ba, Hà Nội, 1960.

C. *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, NXB Văn học, Hà Nội, 1963.

Truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa* gồm có 936 câu. Trong khi biên soạn chúng tôi đã lược bỏ một số đoạn:

1) Từ câu 1 đến câu 8, chỉ là những câu mở đầu, giới thiệu: Đời Trang vương (Trung Quốc) thiên hạ thái bình, không có giặc.

2) Từ câu 881 đến câu 936, Trang vương bị tội bỏ vạc dầu. Ngọc Hoa, Phạm Tải được hoàn sinh lên trần gian kế vị Trang vương, làm cho thiên hạ thái bình, hạnh phúc.

Tăm kình cáo thỏ sạch không,
Có nhà Trần thị xứ đông Thanh Hà.
Tướng công quan đại phú gia,
Xuân thu đỉnh thịnh [1] tên là Ngọc Thông [a].
Chưa ai kế hậu nối dòng,
Đêm ngày phiền muộn sinh lòng lo âu.
Trai già sẽ kịp sinh châu, [b] [2]
Mới hay như ý sở cầu [3] tốt vay. [4]
Sinh ra một gái tốt thay,
Má đào, mặt ngọc, tóc mây rà rà.
Tướng công yến ẩm xướng ca,
Nay mừng lá ngọc nở ra cành vàng[c].
Mai sau hương lửa từ đường,
Vô nam dụng nữ [5] thế gian đã đầy.
Nâng niu vàng ngọc trên tay,
Vàng kia trau chuốt, ngọc này dấu thương.
Đến ngày tuổi cả phi thường,
Mẹ cha mới đặt là nàng Ngọc Hoa.
Xuân thu tuổi mới mười ba,
Tin ong sứ điệp [6] cũng đà nhiều nơi.
Tướng công một chút hiếm hoi,

Khảo dị:

a. Bản B chép:...tên là *Chúc* Thông.

b. Bản B chép:....Trai già *bổng nở hạt* châu.

c. Bản B chép: *Mừng vui cây* ngọc nở ra *nụ* vàng.

Chú thích:

1. *Xuân thu đỉnh thịnh:* Tuổi đã cao.
2. *Trai già sẽ kịp sinh châu*: Ý nói Trần công tuổi đã cao mà vẫn sinh con.
3. *Như ý sở cầu*: như điều mong của mình.
4. *Tốt vay*: tốt lắm thay.
5. *Vô nam dụng nữ*: không con trai dùng con gái.
6. *Tin ong sứ điệp*: nhiều người hỏi, nhiều người lui tới.

Tìm nơi lệnh tộc, chọn người trâm anh [1].
Bản hương có đứa thời danh, [2]
Biện Điền nó cũng rắp ranh Tấn Tần.
Đưa thư tin đã nhiều lần,
Cầu Ô rắp bắc sông Ngân cùng nàng:
Nhiều nơi dắt mối tơ vương,
Kẻ thời chức trọng triều đường đảm đang.
Nơi thì ngự sử quan sang,
Ông bà nghĩ nghị con còn ngây thơ.
Mới gọi người đòi Ngọc Hoa,
Tướng công ông bà mới bảo rằng bây, [(a)]
Mẹ cha cũng chẳng ép rày,
Phải duyên đẹp ý mặc nơi xích thằng.
Ngọc Hoa ren rén thưa rằng:
"Đạo cha đức mẹ xem bằng non cao.
Sinh thành dưỡng dục cù lao,
Ơn thâm đức trọng dám sao cưỡng lời,
Song le chưa đẹp duyên hài,
Rầy ong mai bướm lòng tôi càng buồn".
Tướng công nghe hết lời nàng,
Mẹ cha nỡ ép lòng con được nào.
Thoắt thôi Ngọc Hoa bước vào,
Trách duyên sao muốn mận đào lửa hương.
Sơn Tây có Phạm Tải chàng,
Thung, huyên sớm đã suối vàng đều chơi [3].
Phạm còn niên thiếu bồ côi,
Phận sao cay đắng thiếu nơi nương nhờ.
Cô đơn chích ảnh [4] bơ vơ,
Lấy chi nương tựa đền bù song thân.
Kiếm ăn đáp đổi qua lần,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Sâu nông mới giải gần xa ngần này.*

Chú thích:

1. *Lệnh tộc:* họ tộc to quyền quý. *Trâm anh:* con nhà sang trọng.

2. *Thời danh:* xu thời hiếu danh, ý nói làm rể nhà quan để gặp thời nên danh giá.

3. *Thung, huyên:* chỉ cha mẹ, ý nói cha mẹ đã mất.

4. *Cô đơn chích ảnh:* một mình một bóng.

Nương thân cửa Khổng tựa thân nhà Trình [1] .
Những mong bẻ quế [2] nên danh,
Mà đền công dưỡng sinh thành hai thân.
Ngày ngày hành khất phương dân,
Sớm chuyên nấu sử, hôn cần sôi sinh.
Một ngày thông thả viễn hành,
Bỗng đưa lại lạc vào thành quí nhân.
Phạm còn đứng ở ngoài sân,
Nhỏ to mới kể vân vân tỏ tường:
"Tôi là hiền sĩ xa đường,
Xin người mở rộng lòng thương ơn người"
Nàng nghe nói chưa cạn lời,
Cảm thương chuyển động ngùi ngùi lòng hoa:
"Người đâu hành khất nhà ta!"
Mở màn lần cửa, bước ra trông chàng [a]
Thấy hình dung có phi phương,[3]
Nhân làm sao phải lỡ làng vậy vay?
Ngọc Hoa xem thấy thương thay,
Hỏi rằng: "Cơn cớ chàng rầy làm sao?
Nhân duyên dù sự thế nào,
Cho chàng lỡ bước lạc vào đến nơi?"
Chàng nghe giọt ngọc chau mày:
"Trình người đừng nói nước mây càng buồn!"
Ơn người thương kẻ sĩ hiền,
Sai người lấy gạo cùng tiền đem cho.
Trước sau thêm lại dặn dò[b]:
"Chàng về luyện tập nghiệp nho chuyên cần.
Một mai gặp hội phòng văn,

Khảo dị:

a. Bản A chép: Mở *nom* (năm) *lần bước ra cửa* trông chàng.

b. Bản A chép: trước sau *hỏi nỗi dần dà*.

Chú thích:

1. *Cửa Khổng:* do tiếng Hán "Khổng môn" cửa nhà Khổng Tử, chỉ nhà nho nói chung. *Trình*: Trình Di. Theo "Chu Tử ngữ lục", Trình Di là một danh nho đời Tống, học trò đến học rất đông.

2. *Bẻ quế:* xưa các người tân khoa thường được cưỡi ngựa đi chơi vườn thượng uyển bẻ hoa quế trong vườn.

3. *Phi phương*: ý nói đầy đặn, xinh đẹp.

Chàng thì lại được Tấn Tần [1] chửa lâu.
Bây giờ tuy chửa biết đâu,
Nhân duyên lại hợp về sau chăng là."
Chàng nghe nàng nói mặn mà,
Phạm chàng từ tạ về nhà phòng văn.
"Nghĩ mình còn vận gian truân,
Thờ ơ hoa nguyệt chuyên cần văn chương.
Ngọc Hoa từ thấy mặt chàng,
Cảm thương quân tử nhỡ nhàng gian nan.
Ước bao giờ phượng hợp loan [2],
Thì ta nuôi lấy sĩ hàn kẻo thương..."
Lâu lâu nghĩ đến nỗi chàng,
Lại sa nước mắt hai hàng chứa chan.
Thương vì lạc phách tân toan,
Nhớ người quân tử cơ hàn bơ vơ.
Có đêm lặng ngắm hằng nga,
Tưởng chàng quân tử thẫn thờ phương nao.
Thoắt nằm thì thoắt chiêm bao,
Như chàng hiền sĩ đã vào phòng hương.
Thung đường nhân thuở thanh nhàn,
Thong dong vào đến phòng loan sáng ngày [a]
Thấy con ủ mặt chau mày,
Tướng công mới hỏi: "Ý thời làm sao?
Cho nên ủ liễu phai đào,
Kém tươi nhan sắc con sao võ vàng.
Một là tủi phấn thẹn gương,
Hai là báo đáp song đường mà lo,
Ba là nghĩ sự cửa nhà,
Thì con phải nói mẹ cha biết cùng."
Ngọc Hoa nghe nói hãi hùng,

Khảo dị:

a. Bản B chép:

Có hôm nghiêm phụ thừa lương
Hứng vui dạo mát tìm đường thăm con.

Chú thích:

1. *Tấn Tần*: tên hai nước đời Xuân Thu (Trung Quốc), vua hai nước này đời đời thông gia với nhau. Về sau dùng điển này để nói việc hôn nhân.

2. *Phượng loan*: chim phượng và chim loan thường cùng sánh đôi với nhau. Dùng để chỉ vợ chồng đẹp đôi vừa lứa.

Tìm lời thú thực ngõ lòng khúc nhôi: [1]
“Mẹ cha sinh có một tôi,
Nhiều nơi chưa đẹp duyên hài tơ vương.
Lòng con chưa muốn cương thường,
Mai sau hương lửa từ đường làm sao? [a]
Mẹ cha một tuổi một cao,
Con thời phận gái thơ đào long đong.
Sợ cha tôi tưởng để lòng,
Như chàng Sơn Bá [2] thiết công sinh thành.
Một hổ thiên địa cao xanh,
Hai là hổ mình ra tình nguyệt hoa.
Ba là sợ mẹ cùng cha,
Con đã lỗi đạo phép nhà chẳng ngay.
Gia phong đâu có thế này,
Bởi con tạo hóa thày lay [3] sự người!
Mồng một tháng ba vừa rồi,
Thấy một nam tử là người sĩ nhân [4].
Tìm vào liền đến trong sân,
Nói rằng hàn sĩ khó khăn xa đường.
Hình dung nhan sắc dịu dàng,
Vóc ngọc mình vàng, mặt mũi tốt tươi.
Cả lòng [5] tôi bước ra ngoài,
Hỏi chàng nho sĩ là người quê nao.
Có chi phải bước lao đao,
Chàng sa nước mắt thấp cao lòng phiền.
Thấy người quân tử sĩ hiền,

Khảo dị:

a. Bản B chép:

Mẹ cha sinh một con thôi,
Nhân duyên đã có lắm nơi vọng cầu,
Đẹp duyên chưa có một đâu,
Lại e hương lửa về sau thế nào.

Chú thích:

1. *Khúc nhôi:* đầu đuôi.

2. *Sơn Bá:* Lương Sơn Bá vì không lấy được Chúc Anh Đài cho nên ốm tương tư mà chết.

3. *Thày lay*: đùa trêu.

4. *Sĩ nhân:* người học trò.

5. *Cả lòng:* mạnh dạn.

Cả lòng lấy gạo cùng tiền ra cho.
Ruột tằm chín khúc vò tơ, [1]
Thương chàng nên nỗi tương tư đêm ngày".
Tướng công nghe nói lạ thay,
Ngẫm rằng: "Số ấy duyên trời chẳng không.
Tức thì truyền gọi gia đồng,
Đi tìm nho sĩ mới xong việc này.
Tùy nhi [2] vâng dạy chẳng chầy,
Chia đi nam bắc, đông tây mọi đường.
Hỏi thăm khắp chợ cùng hàng,
Bỗng đâu sảy thấy một chàng ở xa.
Đến gần mới hỏi dò la:
"Phải chàng hàn sĩ la đà [3] một thân!
Hỏi rằng học khắp kinh luân, [(a), 4]
Lại ông tôi hỏi thi văn ba bài".
Phạm chàng vâng cứ đến nơi,
Tùy nhi vào gửi thực người sĩ nhân.
Tướng công liền gọi vào sân,
Thấy người trạng mạo áo khăn khác thường.
Vả xem cũng có phi thường,
Sai người giải chiếu dọn giường ngồi chơi.
An thôi mới hỏi ba bài,
Luận trong kinh sử [5] đáng tài Trạng nguyên.
Khen rằng thực đấng sĩ hiền,
Sự này thực bởi thiên duyên xe vào.
Hỏi chàng quê quán nơi nao,
Có chi mà phải lao đao ra ngoài? [(b)]
Mẹ cha huynh đệ mấy người,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Nghe rằng thông hiểu kinh luân.*

b. Bản C chép: Có chi mà phải lao đao *ấn tài?*

Chú thích:

1. *Ruột tằm chín khúc vò tơ*: Lòng ngổn ngang, vướng víu như những sợi tơ trong ruột tằm. Chỉ sự đau đớn, phân vân khó xử.

2. *Tùy nhi:* người ở nhỏ đi theo hầu.

3. *La đà:* vất vưởng.

4. *Kinh luân*: chỉ các sách vở đạo Nho.

5. *Kinh sử:* kinh tức ngũ kinh: thi, thư, dịch, lễ, xuân thu; Sử: các sách sử. Kinh sử: ý nói các sách phải học để đi thi.

Nhân sao [1] mà phải lạc loài ra đi?
Phạm chàng ren rén thưa quỳ,
Ngập ngừng mới nói vân vi [2] tỏ tường:
"Sơn Tây, Ngọc Tháp là làng,
Hai thân xưa đã suối vàng đều chơi.
Anh em chẳng có một ai,
Thung già huyên cỗi [3] thiếu nơi nương nhờ.
Ở cùng cậu mợ bấy giờ [(a)],
Vả thêm đói khát chẳng ưa nhọc lòng.
Đạo hiền kinh thánh thì không,
Thương cha nhớ mẹ một lòng bo bo. [4]
Con cậu cậu nuôi thầy cho,
Cháu cậu thì bắt chăn bò chăn trâu.
Đêm ngày mưa nắng dãi dầu,
Ở hòa chẳng được, tôi hầu tha phương.
Lòng tôi mộ đạo văn chương,
Ngày đi hành khất tìm phương đỡ lòng [(b)]
Tối về thong thả văn phòng,
Ăn mày tôi học, long đong bấy chầy".
Trần công nghe nói thương thay,
Bảo chàng Phạm Tải cho hay mọi lời:
"Con ta từ độ thấy người,
Chẳng hay là sự duyên trời làm sao.
Tuy người duyên kiếp thế nào,
Bỗng đâu nó thấy người vào nó thương.
Sự trời phận lửa duyên hương, [5]
Hay đâu bốn bể thư hương một nhà[(c)]".

Khảo dị:

a. Bản B chép:

Ở cùng cậu mợ sớm trưa,
Dám nài cay đắng muối dưa cực lòng.

b. Bản A chép: *Sớm đi hành khất đòi làng tây...*

c. Bản A chép:... bốn bể *thu sang...*

Chú thích:

1. *Nhân sao:* nguyên cớ vì sao.
2. *Vân vi:* tỷ mỉ, cặn kẽ.
3. *Thung già huyên cỗi:* cha già mẹ yếu.
4. *Bo bo:* giữ mãi, ghi nhớ mãi không quên.
5. *Phận lửa duyên hương*: duyên phận vợ chồng.

Gọi người vào đòi Ngọc Hoa,
Tướng công người dạy nàng ra ngoài này.
Ngọc Hoa ngồi tựa lầu tây,
Vâng lời cha dạy ra nay đứng hầu.
Tướng công ngồi lặng giờ lâu,
Sự tình mới nói trước sau lẽ hằng [1] :
"Phải chàng nho sĩ này chăng?"
Ngọc Hoa thưa rằng: "Ấy phải sĩ nho".
Tướng công nói hết duyên do:
"Trước mặc nguyệt lão sau là mặc con.
Những nơi chức trọng quyền sang,
Sao con chẳng nối chỉ vàng cầu ngân? [a]
Nào chàng là đấng sĩ nhân,
Sao con muốn bắc cầu ngân cho liền?"
Nàng nghe mặt ủ lòng phiền,
Nàng liền bày hết nhân duyên mọi đường:
"Nữ sinh ngoại tộc đạo thường,
Ai ai chẳng muốn quan sang rập rìu.
Cha sinh cũng chẳng có nhiều,
Một tôi là gái ra chiều ngây thơ.
Chồng khôn thì nổi cơ đồ,
Nhược bằng chồng dại vũ phu [2] nặng mình.
Trình cha trình mẹ phân minh,
Quan sang hầu dễ một mình tôi ru.
Gái thì xuất giá tòng phu, [3]
Thung huyên hai chữ đền bù chưa xong.
Tiên Dung xưa gặp Chử công, [4]
Ấy chàng Nguyệt lão tơ hồng xe cho.

Khảo dị:

a. Bản C chép: chẳng nối *giấy* vàng cầu ngân.

Chú thích:

1. *Lẽ hằng*: lẽ phải thường tình.

2. *Vũ phu:* người đàn ông thô lỗ, cục mịch.

3. *Xuất giá tòng phu*: lấy chồng thì theo chồng.

4. *Chử công*: Chử Đồng Tử - Xưa có người Công chúa tên là Tiên Dung đi chơi thuyền đến bờ sông cắm thuyền, lên bãi vây màn tắm mát. Không ngờ chính chỗ Tiên Dung tắm có Chử Đồng Tử trần truồng nằm vùi dưới cát. Tiên Dung cho là duyên trời cùng Chử Đồng Tử kết duyên vợ chồng.

Tống Trân xưa gặp Cúc Hoa, [1]
Sự trời xe lại cũng ra cương thường.
Làm nên thì được quan sang,
Khó khăn có lúc rỡ ràng nhà ta. [a]
Mấy lời biện bạch thưa qua,
Nên chăng thì mặc mẹ cha lo lường".
Tướng công nghe nói rõ ràng,
Nhủ con với lại Phạm chàng ra đây.
Bò trâu ứng của đặt bày,
Lấy bằng của cưới bằng nay [2] cho chàng.
Ráp [3] mời làng ấp họ hàng,
Cùng vào ăn uống bốn phương sum vầy.
Xướng ca đàn hát ba ngày,
Sắt cầm duyên hợp xe dây xích thằng.
Vào lạy Nguyệt lão tơ hồng,
Ái ân vợ chồng giao kết nhân duyên.
Từ ngày chăn ấm chiếu êm,
Sự đẹp ong bướm ai cầm lòng xuân.
Sớm khuya chăm việc tảo tần,
Thờ cha kính mẹ đòi lần chẳng sai.
Trượng phu gặp đấng nữ tài, [4]
Ông bà mừng rỡ sính vai rể hiền.
Lấy nhau vừa được nửa niên,
Vì chưng một đứa Biện Điền bản hương.
Nguyên xưa nó đã hỏi nàng,
Trách nhân duyên chưa hợp đường duyên tơ.
Lấy chồng là đấng sĩ nho,
Biện Điền từ ấy nó thù nàng ngay:
"Ta là danh giá đất này,

Khảo dị:

a. Bản C chép:... *lõ làng* nhà ta.

Chú thích:

1. *Tống Trân, Cúc Hoa:* hai nhân vật chính trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*. Truyện kể lại mối tình chung thủy giữa Tống Trân con nhà nghèo với Cúc Hoa - con gái gia đình quyền quí.

2. *Bằng nay:* bằng như thế.

3. *Ráp:* định bụng.

4. *Trượng phu:* người chồng, chỉ người con trai tài giỏi; *nữ tài:* người con gái tốt có tài.

Chê ta lấy đứa ăn mày bần nhân.
Tao làm cho Phạm lìa Trần,
Mới cam lòng ấy bỏ lần chê tao."
Biện Điền nó bất nhân sao!
Sắm sanh khí giới binh đao tức thì.
Năm mươi kẻ cướp mướn về,
Cùng nhau một dạ cùng nghe một lòng:
"Đứa nào giết được Tướng công,
Vàng cho mười nén đền công tức thì.
Phạm chàng bay giết nó đi,
Còn nàng Trần thị bắt về cho tao".
Hung đồ nghe nói mừng sao!
Nửa đêm cất nẻo [1] phá vào bước ra.
Trời làm một trận phong ba,
Năm mươi kẻ cướp ngã sa đầy đồng. [a]
Thiên thượng [2] còn nể tướng công,
Biện Điền trở lại trong lòng uất thay [b].
Chí cao [c] chẳng bảo ai hay,
Vượt sang Ngô quốc [3] lấy cây bạch đàn.
Đem về mà tạc mặt nàng,
Tạc làm mặt mộc tiến lên cửu trùng.
Ván tạc đã ba tháng ròng,
Lưng ong má phấn tựa người tiên cung.
Mười ngày đem tiến cửu trùng,
Vua Trang trông thấy não nùng chiêu đăm.
Đức Trang lòng đã mừng thầm:
"Mỹ nhân ắt nó đến tìm ta đây.
Trang vương phán hỏi rằng bây:
"Như mặt mạc [4] này quê ở gần xa?"

Khảo dị:

a. Bản C chép:... ngã *ra* đầy đồng.

b. Bản A chép:....trong lòng *xe (xa)* thay

c. Bản A chép: *Từ* cao...

Chú thích:

1. *Cất nẻo:* băng đường, vượt đường.
2. *Thiên thượng:* chỉ ông trời.
3. *Ngô quốc:* nước Ngô, tên một nước ở Trung Quốc thời xưa.
4. *Mạc:* vẽ.

Biện Điền đặt gối tâu qua:
"Vốn nó quê ở Thanh Hà xứ đông.
Cha nó làm quan Tướng công,
Nhà ngang dẫy dọc [a] lầu hồng chan chan.
Chín lần cửa đóng bức bàn,
Sinh ra một gái là nàng Ngọc Hoa.
Xuân xanh tuổi mới mười ba,
Vậy tôi tiến nạp quốc gia cửu trùng. [b]
Nhà nó tường vẽ lầu hồng,
Tâu vua ở hết chẳng lòng thảo ngay.
Trang rằng: như mặt mạc này, [c]
Thời tao phong chức cho mày Quận công.
Nhược bằng cáo giả gian phòng, [1]
Thời tao tru diệt tam tông nhà mày".
Biện Điền đặt gối tâu bày:
"Tâu vua mặt ấy chưa tày [2] Ngọc Hoa".
Mới sai nội gián hai tòa, [3]
Lọng vàng tàn tán lấy ra tức thì.
Khâm sai [4] vâng lệnh quốc [d] uy,
Lệnh truyền hỏa tốc mai về xứ đông.
Thanh Hà đến đất Tướng công,
Thấy những nhà ngói lầu hồng tốt thay!
Bốn bề hào lũy tường xây,
Khâm sai quan mới áp ngay vào nhà:
"Nghe ông có nàng Ngọc Hoa, [e]
Chẳng đem ra tiến, quốc gia sức đòi".
Phạm chàng bỗng sét rụng rời,

Khảo dị:

a. *Thâm nghiêm cửa cấm...*

b. *Khuynh thành quốc sắc xin vua thu dùng.*

c. Bản C chép: *mụ* này.

d. Bản C chép:... *dở* lệnh...

e. Bản B chép: *Trách rằng ngài* có Ngọc Hoa.

Chú thích:

1. *Cáo giả gian phòng:* báo cáo láo, che giấu sự gian trá.
2. *Tày:* bằng.
3. *Nội giám:* tên một chức quan trông coi các việc trong cung vua.
4. *Khâm sai:* chức quan thay mặt vua phái ra ngoài giải quyết công việc.

Vật mình lăn khóc: "Trời ơi thương này, [a]
Lửa hương đượm đượm bấy chầy,
Ai làm phân rẻ cho rày nên xa"
Ngọc Hoa nước mắt nhỏ sa,
"Chàng ôi trong vợ chồng ta muôn đời.
Trời làm chi cực bấy trời!
Trình chàng, người chẳng ép tôi có chồng.
Chàng đừng lo sợ hãi hùng!"
Vâng uy quan mới bảo nàng rằng bây:
"Thế nào nàng phải ra đây,
Hoặc là tốt đẹp hoặc rầy xấu xa.
Đáng tài, chầu chực, quốc gia,
Hay là chẳng đáng thì đà có tôi".
Nàng từ nghe nói khúc nhôi, [1]
Tóc mai rủ rối, mực bôi má đào.
Trút hài chân để gói vào, [b], [2]
Áo thì xộc xệch, giọt cao giọt dài.
Trút vòng tay, bỏ hoa tai,
Rời chân mới bước ra ngoài một khi.
Khâm sai quan thấy Ngọc nhi,
Bảo rằng: "Rồng cá gặp thì nước mây.
Xe loan nàng kíp đi ngay,
Kẻo trái phép nước nàng rầy làm sao?
Sắm sanh nàng phải vào chầu,
Quân mệnh [3] dường ấy, tôi hầu chẳng tha". [c]
Lệnh truyền sai rước nàng ra,
Không thì bắt tội mẹ cha họ hàng.
Trần công nghe nói rõ ràng,
Đòi Ngọc Hoa lại bàng hoàng bảo qua:
"Thương chồng con ở lại nhà,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Than rằng: Trời khéo trêu người dường này,*

b. Bản C chép: Trút hài *đi đất xem sao:*

c. Bản B chép:.... tôi *nào dám sai.*

Chú thích:

1. *Khúc nhôi:* đầu đuôi.
2. Ý cả câu: bỏ giày gói lại đi chân đất.
3. *Quân mệnh:* lệnh nhà Vua.

Nghĩa chồng thì trọn, đạo cha ai đền?"
Ngọc Hoa thảm thiết lòng phiền:
"Trời ôi sao nỡ ép duyên Châu Trần!
Thiếu chi mỹ nữ cung tần,
Mà vua lại ép nữ nhân có chồng?"
Vật mình kêu khóc đùng đùng,
Gọi chàng Phạm Tải vào trong nhủ rằng:
"Lạy cha, lạy mẹ, lạy chồng,
Cha sinh mẹ dưỡng xem bằng Thái Sơn [1] .
Bước vào quỳ lạy gia đường,
Nước mắt hai hàng sùi sụt đắng cay...
Ai làm nên nỗi nước này,
Giả hết hầu hạ bằng nay mọi người.
Thương cha nói chẳng nên lời,
Chàng ôi đi kíp cùng tôi bấy giờ".
Phu thê trong đạo tương tề, [2, (a)]
Chàng nghe nàng nói liền ra đi cùng.
Dời chân khỏi chốn môn phòng,
Khâm sai quan rước vào trong kiệu vàng.
Ngọc Hoa giọt ngọc chứa chan:
"Tôi là phận gái thì thương tôi cùng.
Của này là của cửu trùng,
Phàm trần đâu dám vào trong kiệu vàng.
Vả tôi cùng Phạm Công chàng,
Phu thê lại bén lửa hương duyên hài.
Chồng tôi đi ở bên ngoài,
Tôi vào trong kiệu nỡ hoài [(b)] tao khang" [3]
Thoắt thôi chân bước ra đường,
Trước thì trống dục sau hàng cờ dong.
Chọn lời tấu giọng ghi lòng,

Khảo dị:

a. Bản C chép: phu thê trong *cõi tương cờ*.

b. Bản B chép:.... *lỗi* hoài...

Chú thích:

1. *Thái Sơn:* tên một hòn núi lớn ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

2. *Tương tề:* giúp đỡ lẫn nhau.

3. *Tao khang*: vợ chồng nghèo khổ có nhau.

Lời vàng đã rắp vào trong dạ vàng. [1]
Mười ngày giãi nắng rầu sương,
Phạm Tải trông thấy lòng càng xót xa.
Còn đương sự nước sự nhà,
Nhác trông thoắt đã thấy tòa Trang vương.
Khâm sai quan mới bảo chàng:
"Tôi xin lĩnh lấy Ngọc nàng vào trong".
Ngọc Hoa cầm lấy tay chồng:
"Ở đây cho thiếp vào trong ngự tòa". [2]
Khâm sai tâu Thượng hoàng gia,
Tâu rằng: "Nàng đã gót hoa vào chầu".
Vua Trang ra ngự nhà lầu,
Tả văn hữu võ [3] đứng chầu đôi bên.
Loa truyền đòi nàng Ngọc lên,
Trang vương thấy mặt ngỡ Tiên non Bồng. [4]
Nàng vào bái tạ cửu trùng,
Trống dong ba dạo, cúc cung [5] ba lần.
Đôi bên tả hữu quần thần,
Nay mừng hội hợp thánh quân từ rầy. [a]
Bèn đòi mặt mộc lên đây:
Cùng nàng Trần thị tao rầy xem chơi [b]
Ba trăm mỹ nữ cung tần,
Chúng bay ra sánh nàng Trần tao xem".
Cung tần sợ xuống làm em,
Cho nên trang điểm áo xiêm rỡ ràng.
Đua nhau [c] trước mặt Thánh hoàng,
Vua Trang trông thấy Ngọc nàng dường Tiên.

Khảo dị:

a. Bản C chép: ***Mừng vui gặp được mỹ nhân ngày rày.***

b. Bản B chép: Cùng nàng Trần thị *so rày đâu hơn.*

c. Bản C chép: *nhởn nhơ.*

Chú thích:

1. *Lời vàng:* lời hay, lời son sắt thủy chung; *dạ vàng:* lòng vàng, lòng son sắt thủy chung.

2. *Ngự tòa:* tòa cung điện của vua.

3. Quan văn đứng bên trái, quan võ đứng bên phải.

4. *Bồng:* Bồng Lai; tên một hòn núi ở Bột Hải Trung Quốc, nơi có tiên ở (theo Thần thoại chép trong Hán Thư).

5. *Cúc cung:* cúi mình xuống vái.

Đòi nhà cung tiến Biện Điền,
Khen rằng [(a)]: "Trung nghĩa tiến trên có lòng.
Sắc phong cho nó Quận công,
Cho cam lòng nó có công bệ rồng".
Biện Điền khấp khởi mừng lòng,
Tao mình vả lại bõ công báo thù.
Đức Trang tấm nguyện đã phu, [1]
Truyền nàng Ngọc đến hoa cù cùng tao:
"Xưa còn đông liễu tây đào, [2]
Nay mừng tiên đã tìm vào Bồng Lai.
Đôi ta đã hợp duyên hài,
Đừng nề tài hóa mờ sai sắc tình" [3, (b)]
Nàng nghe Trang phán phân minh,
Nàng liền quỳ xuống bày tình sâu nông:
Tôi là con gái có chồng,
Tứ đức đã trọn, tam tòng đã nên.
Nhân duyên đã được nửa niên,
Bỗng đâu lại thấy truyền tin về đòi,
Tôi vâng uy phép con trời, [4]
Vậy nên tôi phải đến nơi đan đình.
Hiếm chi cung nữ trâm anh, [5]
Mà người lại phải ép tình tôi chi!"
Đức Trang chỉ phán kịp đi,
Đòi chàng Phạm Tải tức thì vào đây:
"Ta là Thánh đế nước này,
Giờ đâu có ép vợ mày làm dân?" [(c)]
Đồng vàng đổi lấy đồng ngân,
Ba trăm mỹ nữ cung tần chia đôi.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Trả* (giả) rằng...

b. Bản C chép: *Trăm năm tơ tóc muôn đời hiển vinh.*

c. Bản B chép: *Nhẽ* đâu *ta bắt* vợ mày làm dân.

Chú thích:

1. *Tấm nguyện đã phu:* tấm lòng mong ước đã thỏa.

2. Ý nói mỗi người một nơi.

3. *Tài hóa:* của cải; sắc tình: sắc đẹp tình cảm quyến luyến của phụ nữ. Ý cả câu, đừng câu nệ về tiền tài phù quí mà làm cho tình yêu đôi ta lu mờ đi.

4. *Con trời:* chỉ vua.

5. *Cung nữ trâm anh:* cung nữ thuộc con cái nhà quyền quý.

Để làm Hoàng hậu chính ngôi,
Chồng loan vợ phượng bằng đời Hán gia.[1]
Ngọc Hoa nó bén duyên ta,
Thời ngươi lại được vào ra đây liền.
Lại cho mày được binh quyền,
Trước là thuận nước sau yên cửa nhà".
Phạm chàng đặt gối tâu qua:
"Vợ tôi thân gái đàn bà nữ nhi.
Ngỡ là trọn đạo vu quy,[2]
Lấy lời vàng đá mà thề bách niên.
Người tiên lại kết bạn tiên,
Tôi là nho sĩ đạo hiền quản bao!
Lòng người đã hả[3] thế nào,
Thì tôi dù vậy biết sao bây giờ!
Bấy lâu căn vặn tóc tơ,[(a), 4]
Ai làm tôi ngã bơ vơ lỡ thì.
Nó làm hầu hạ thê nhi,
Tôi xin trở lại hương quê thuở này.
Một là giới hạnh[5] ăn chay,
Trước là khỏi nạn sau này an thân.
Kẻo lẽ thiên địa xoay vần,
Kẻ gian phải tội huống luân huống đồ.[(b)]
Dầu tôi mộ đạo Khổng nho,
Thời vua lại có tên cho bảng rồng.
Như ai mà chửa nên công,
Vua phong chức cả như không có gì.
Tôi đâu cặn kẽ vua nghe,
Lại có văn võ bốn bề đông tây."
Lại mời nàng Ngọc đến đây,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Riêng thân phận mỏng như tờ,*
Bà nguyệt chẳng đoái ông tơ không vì

b. Bản B chép: *Lại nhiều nghiệp chướng, trương luân, mê đồ.*

Chú thích:

1. *Hán gia*: nhà Hán, tên một triều lớn ở Trung Quốc trị vì 425 năm.
2. *Vu quy*: về nhà chồng.
3. *Hả*: hả lòng, thỏa dạ.
4. *Căn vặn tóc tơ*: hỏi han rất cặn kẽ.
5. *Giới hạnh*: tu thân theo điều răn của nhà Phật.

Vua Trang chỉ phán một nhời rằng bây:
"Chồng mày nó chẳng ở đây,
Quyết bề giới hạn nữa mày làm sao?
Vả tao quyền cả ngôi cao,
Thấy nàng cũng muốn má đào đẹp đôi".
Nàng nghe vua nói khúc nhôi,
Nàng liền quỳ xuống tâu lời trước sau:
"Chồng tôi duyên bén cùng nhau,
Đức vua phán thế lấy đâu cho bằng?
Nữ nhi tiện ở đấng hằng, [1]
Phép trời ở cưỡng, bóng trăng khôn vì. [2]
Ví dù tôi chửa vu quy,
Ăn mày vương lộc [3] thế thì ai đương,
Tôi đà một kiếp cùng chàng,
Nỡ nào phụ nghĩa tao khang cho đành!
Minh quân xét việc công bằng, [a]
Thuận tình thiên hạ, dân tình vâng uy.
Ba trăm mỹ nữ hiếm gì,
Mà lại bắt ép nữ nhi có chồng?
Lấy uy mà ở hiếp lòng, [b]
Thời tôi tự vẫn cam lòng cho phu."
Những lời tâu gửi cay chua,
Nàng tâu khi ấy lòng vua bàn nàn. [4]
Bèn đòi văn võ bách quan,
Mặc triều nghị luận sự nàng làm sao.
Triều đình đặt gối tâu vào:
"Việt Nam cũng chẳng thiếu nào nữ nhi. [c]
Vua quan vả đấng cầm cân,
Quân tâm ở thế nữa dân bất hòa".

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Vua nay pháp luật công bình.*

b. Bản A chép: *lấy uy mà ở cướp (kiếp) lòng.*

c. Bản B chép: *Nước Nam cũng chẳng thiếu nào nữ nhân.*

Chú thích:

1. *Tiện:* nói khiêm: đấng hằng cũng như đạo hằng, đạo thường.
2. Ý cả câu: ăn ở trái với đạo trời thì không tránh khỏi bị trời trừng phạt.
3. *Vương lộc:* lộc nhà vua.
4. *Bàn nàn:* bẩn thẩn: khó nghĩ, có ý không vui.

Vua nghe triều phán bấy giờ:
"Như triều phán thế, trẫm chưa bằng lòng".
Triều nghe chỉ phán [1] hãi hùng,
Gián nhi bất thính [2] mặc lòng mà thôi, [a]
Bách quan bệ ngọc tâu rồi,
Bóng trăng xuống đất, mặt trời mọc lên.
Đức Trang muốn kết nhân duyên,
Giết chàng Phạm Tải cho yên một đường.
Bấy giờ người sẽ lấy nàng.
Kẻ mà nhất quốc lưỡng vương [3] bất bình.
Trang vương từ ấy mới minh,
Phó cho nhà bếp bát trân gia hào: [4]
"Mật công lá ngón đem vào. [5]
Lông hùm thuốc độc cho tao chớ chầy.
Nào là bếp dịch chúng bay,
Soạn làm cỗ yến kiếp bày cho mau".
Hỏi: "Chàng Phạm Tải ở đâu?
Phán cho viên ấy vào chầu trong sân!"
Nàng nghe vua phán ân cần,
Tay liền bấm độn vội vàng xem qua: [b]
Sơn trạch quẻ động hào ba, [6]
Vợ chồng ân ái xót xa lòng vàng.
Ngỡ là đồng tịch đồng sàng. [7]
Đồng sinh đồng tử lửa thương muôn đời.
Hay đâu một phút biến đời,
Ấy ai phân rẽ duyên tôi làm vầy?
Trời cao đất rộng có hay,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Vua nghe triều nghị gần xa,*
Rằng triều nghị thế sự đà không thông.

b. Bản A chép: *Nàng động tâm thần bát độn một hơi*

Chú thích:

1. *Chỉ phán:* Mệnh lệnh của vua phán xuống.
2. *Gián nhi bất thính:* can mà không nghe.
3. *Nhất quốc lưỡng vương:* một nước hai vua. Ý nói một gái hai chồng.
4. *Bát trân:* tám thức ăn quí.
5. *Lá ngón:* một loại lá độc, ăn có thể chết.
6. Ý nói bói dịch gặp điềm chẳng lành.
7. *Đồng tịch đồng sàng:* cùng chiếu cùng giường, ý nói ăn ở sum họp.

Sát phu ép phụ đắng cay lòng này!
Chàng dầu chẳng khỏi nạn rầy,
Thì tôi tự tử đi nay cùng chàng.
Phạm Tải đau đớn trăm đường,
Cầm lấy tay nàng lăn khóc thở than:
"Anh giờ phải chịu vận nàn.[1]
Xin nàng trở lại tái hoàn[2] bản hương.
Trước là phụng sự gia đường,
Sau là định tỉnh[3] song đường thung nguyên.
Cam lòng cha mẹ kẻo phiền,
Gọi là hương lửa hữu duyên với nàng.
Ví dù nàng có lòng thương,
Xin nàng gửi lấy lửa hương sau này.
Sắt cầm hảo hợp bấy nay,
Thời nàng chịu[(a)] chế cho đầy ba đông.
Mãn tang khi ấy mặc lòng,
Còn tang chớ có đèo bồng chẳng nên.
Dù tham vua có binh quyền,
Vong bần tựu phú[4] bạc đen mặc trời"
Nói năng chưa kịp hết lời,
Vua sai sứ giục đốc thôi vào triều.
Vợ chồng vào đến sân chầu,
Vua quan thấy mặt giờ lâu mỉm cười:
"Yến đâu? Nhà bếp hỡi ngươi,
Ba tuần rượu chuốc chàng vui chàng về.
Há chê cựu nghĩa bất nghì,
Ba tuần rượu chuốc tức thì liền tay.[(b)]
Phạm chàng trách bảo nàng bây:
"Tử sinh hữu mệnh[5] ta nay cậy trời".

Khảo dị:

a. Bản A chép:... *thụ chế*...

b. Bản A chép: Ba tuần rượu *tức thì chuốc* liền tay.

Chú thích:

1. *Vận nàn:* vận nan, lúc khó khăn.
2. *Tái hoàn:* trở về lại.
3. *Định tỉnh:* Sớm tối thăm hỏi, hầu hạ, vấn an cha mẹ.
4. *Vong bần tựu phú:* quên người nghèo đến với người giàu. Ý nói bạc tình bạc nghĩa.
5. *Tử sinh hữu mệnh:* sống chết có số.

Ba tuần mời vái yên rồi,
Phạm Tải bái tạ bồi hồi từ quy.
Trở ra vừa đến tây vi, [1]
Thấy trong mình nhọc được kể thở than:
"Dù tôi nặng phép khởi hoàn,
Cam lòng tôi chịu thân oan thế này.
Ngọc Hoa nàng hỡi có hay, [a]
Duyên ta ai nỡ rẽ rẩy cực nhau.
Tướng công cha mẹ nơi đâu,
Có hay là sự cơ cầu chăng ôi!"
Thở than nói chửa hết lời,
Mồ hôi [b] đã xuất ra ngoài càng thương.
Bây giờ én bắc nhạn nam,
Giã nàng ở lại dương gian anh về.
Ngọc Hoa quỳ lạy một khi:
"Ai làm nên nỗi biệt ly càng sầu!"
Nàng liền gan héo ruột rầu,
Khôn tìm phép quỉ khôn cầu thuốc tiên.
Ai lấy duyên tơ hồng nỡ dứt,
Thiếp một mình lăn khóc canh khuya.
Khóc than khôn xiết mọi bề,
Hồn mai [2] ứ ứ tếch về âm cung.
Ngọc Hoa ấp lấy mình chồng,
"Trời ôi đất hỡi vật lòng tôi thay!
Chàng ôi sao nỡ phụ tình,
Để thiếp một mình vò vọ chẳng thương."
Nàng bèn tắm gội cho chàng,
Áo còn ba bức sẵn sàng mặc cho.
Ngỡ là phận ấm duyên ưa,

Khảo dị:

a. Bản A chép: Ngọc Hoa nàng *là* có hay.

b. Bản A chép không rõ.

Chú thích:

1. *Tây vi:* mé phía Tây cung điện nhà vua.

2. *Hồn mai:* chỉ lúc mơ màng trong giấc ngủ. Do tích Triệu Sư Hùng đời Tùy chơi đất La Phù và ngủ trọ ở một quán bán rượu. Uống rượu say, bâng khuâng ngủ thấy mình nằm dưới gốc cây mai. Ý cả câu, hồn lìa khỏi xác (Phạm Tải chết).

Ai ngờ kẻ Việt người Hồ bắc nam.[1]
Tuy rằng hồn lạc phách tan,
Như người nằm ngủ lúc còn bình minh.
Ngọc nương sao nói vật mình,
Cùng chàng đồng tử đồng sinh kéo mà.
Lấy ai đem tin tới nhà,
Lại lo cha mẹ tuổi già nhớ trông.
Quan tài đã gắn vừa xong,
Nàng bèn ôm lấy mình chồng vào quan.
Một mình nàng than lại khóc,
Thăm thẳm trong một khắc trần trần:[2]
"Ai làm phân lấy hai phương,
Số anh hay bởi Trang vương những là.
Đôi cha mẹ tuổi già mình yếu.
Việc gia đường tôi liệu cậy ai?
Anh thì về chốn tuyền đài,
Để tôi phận gái nước người dở dang.
Trách thiên địa bằng gương[3] chẳng xét!
Anh đi đâu để thiếp ngây thơ[a]
Năm canh giấc tưởng người mơ,
Trách duyên xót phận cay chua ngậm ngùi.
Nghĩa vợ chồng trao xương gởi thịt[4]
Khi nắng sương, khôn xiết ai chờ![b]
Nỡ nào dứt mối cho nên,
Bởi ai hay chữ tiền duyên[5] việc trời.
Khi đi đòi phương cách trở,
Về suối vàng lại nhỡ nhân duyên.
Vua Trang vương cầm quyền mượn phép

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... để thiếp *bơ vơ*.

b. Bản A chép: *đợi*.

Chú thích:

1. *Việt:* tên một nước đời Xuân Thu Trung Quốc. Hồ, tên một dân tộc ở miền Bắc Trung Quốc.

2. *Trần trần:* canh cánh.

3. *Bằng gương:* như gương, ý cả câu, trách (đạo lý) trời đất trong sáng như gương mà chẳng soi xét đến.

4. Ý nói vợ chồng gắn bó với nhau suốt đời

5. *Tiền duyên:* duyên của kiếp trước.

Hiếm chi người nỡ ép nữ nhân.
Chồng tao đã thác thiệt thân,
Ắt là thiên địa xoay vần [1] mới hay.
Vật mình lăn khóc đêm ngày,
Chàng mười bốn tuổi uổng thay một đời.
Trang vương ngỡ táng chàng rồi,
Truyền quan nội gián khâm sai rước nàng.
Khâm sai quan nói tỏ tường:
"Lệnh vua truyền gọi rước [a] nàng vào trong".
Ngọc Hoa nghe nói giận lòng,
Cầm dao rạch mặt máu dòng chảy ngay.
Khóc rằng: "Chàng nhẽ có hay!
Vì tôi nhan sắc chàng rày thác oan!"
Chẳng tham gác phượng lầu vàng,
Lạy trời cắt tóc để tang cho chồng,
Nàng thời áo rẽ [2] khăn chàm,
Dời chân ren rén gót vàng bước ra.
Lạy thôi quỳ tấu thượng tòa:
"Chồng tôi phải thác đã ba ngày rày.
Tôi là phận gái thơ ngây, [b]
Vua đòi, vâng phép vào đây việc gì?"
Vua nghe biết tóc tơ mọi nhẽ
Phán rằng: "Nàng sao nỡ hoài thân! [3]
Chớ nghe cáo, thỏ, trư quần, [4]
Phượng hoàng đâu có đứng ăn với gà! [5]
Trẫm nay trị nước gần xa,
Chưa ai xứng đáng gọi là chính phi,
Nó đã thiệt phận thác đi,
Ta cùng nàng muốn kết nghì làm đôi.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *đón* nàng.

b. Bản A chép:... *thân gái thơ ngây.*

Chú thích:

1. *Thiên địa xoay vần:* trời đất xoay chuyển. Ý nói, thay đổi cả chế độ phong kiến đen tối tàn bạo.

2. *Áo rẽ:* áo tang rách.

3. *Hoài thân:* phí thân.

4. *Trư:* lợn; *quần*: bầy, trư quần: bầy lợn.

5. Ý nói những người quyền quí không cùng chung sống với hạng người hèn mọn.

Hay đâu duyên sự bởi trời,
Lòng vàng âu hẳn đẹp đôi duyên vàng.
Hay là nàng nhớ thương chàng,
Cho nên nàng lại tìm đường lánh xa?"
Nàng liền đặt gối tâu qua:
Tâu vua muôn tuổi quốc gia vững bền.
Tôi niên thiếu vụng về thơ dại,
Còn ấu thơ phải tuổi mới mười ba.
Lòng vua muốn kết giao hòa,
Tôi xin về nhà thủ chế ba đông [1].
Ba năm mãn phục [2] thờ chồng,
Thời tôi sẽ đến điện rồng [3] chầu vua.
Đến năm mười sáu cũng vừa,
Trăng tròn ngọc vẹn vua chưa vội gì!"
Vua nghe nàng nói liền mê,
Nói phong quận chế đưa về bản hương.
Thấy nàng tiết nghĩa cũng thương,
Lại cho quân sĩ dọn đường tiễn đưa.
Thuyền rồng mười chiếc chèo đua,
Ba trăm mụ chị [4] vua cho đưa về.
Lệnh truyền ba ngày nhà quê, [a]
Ngũ sắc mỗi kỳ rước Phạm Tải công.
Ngọc Hoa thảm thiết thương chồng,
Cơm ăn chẳng được má hồng kém tươi [b].
Ngày ngày ngồi ở bên ngoài,
Đêm thời mở nắp quan tài vào trong.
Đá vàng khăn khắn [5] một lòng,
Cổ tay lại gối chân chồng như xưa.
Chẳng tanh, chẳng thối, chẳng dơ,

Khảo dị:

a. Bản B, C chép: Lệnh truyền *khắp chợ cùng quê.*

b. Bản C chép: ... má hồng *gương phai.*

Chú thích:

1. *Thủ chế ba đông:* chịu tang ba năm.
2. *Mãn phục:* hết tang.
3. *Điện rồng:* cung điện nhà vua.
4. *Mụ chị:* chỉ cung tần mỹ nữ.
5. *Đá vàng khăn khắn:* một lòng chung thủy không thay đổi.

Hãy còn vẹn vẹn như xưa chẳng dời.
Cứ như thế một ngày ba buổi,
Thương nhớ chồng biết thuở nào nguôi.
    Than rằng: "Mấy lần sắc mây, [a],[1]
Bể rộng đất dầy có thấu cùng chăng!"
    Năm ngày về đến xứ đông,
Mẹ cha đón rước chẳng lòng thương thay.
    Thương con tiếc rể ngậm ngùi,
Lạy đất kêu trời [b] biết thở cùng ai?
Khắp mọi nơi thương chàng Phạm Tải,
Bảo nhau rằng: Trời ở chẳng công.
    Tướng công nước mắt ròng ròng,
Đều hai vợ chồng lăn khóc thở than:
"Mẹ cha rắp cậy con cùng rể
Ai ngờ con bỏ nghĩa đi đâu!"
    Hòa làng nước mắt thấm âu,
Tướng công kén chọn vườn sau táng chàng:
    Ngọc Hoa nước mắt hai hàng,
Quỳ lạy cha mẹ cùng làng được hay.
    "Cha dù muốn có con nay,
Cho chồng tôi rầy táng ở tại gia. [c]
    Nhược bằng chẳng táng trong nhà,
Thì tôi tự vẫn làm ma cùng chồng".
    Tướng công nước mắt ròng ròng:
"Nào cha có tiếc nhà không làm gì!
    Chái bên mé tả thành bên,
Để chồng [d] con đấy ắt thời cũng hay".
    Màn tang hương khói đêm ngày,
Thờ chồng chốn ấy, khi nay yên lòng.
    Những lần nguyệt đã ba đông,
Ngọc Hoa than khóc cùng chồng thương thay:

Khảo dị:

a. Bản B chép: Than rằng *trời lắm* sắc mây.

b. Bản A chép: ... *gào trời*...

c. Bản A chép: *xin* chồng tôi rầy táng ở *trong lang (làng)*

d. Bản A chép: *yêm* chồng...

Chú thích:

1. Ý nói trời nhiều lần thay đổi.

"Ba năm hết tóc tang rầy,
Lòng tôi thương xót chẳng khuây sự chàng.
Chữ rằng: đồng tịch đồng sàng,
Đồng sinh, đồng tử [1] nghĩa vàng chăng quên.
Tôi tham vua có binh quyền,
Tao khang nỡ phụ sao nên những là".
Bước vào quỳ lạy mẹ cha,
"Sinh thành dưỡng dục mười ba năm trời.
Thương con phận gái thơ ngây,
Biết làm sao rày nhỡ bước bơ vơ.
Ôi thương cha mẹ tuổi già,
Lấy ai khuya sớm vào ra đêm ngày.
Thương song đường trong lòng chua xót.
Nói ra càng thảm thiết đắng cay,
Cửa nhà ta đã đường này,
Trâu bò điền sản cùng tày người ta.
Chia cho làng nước trẻ già,
Để làm thờ phụng mẹ cha muôn đời.
Cho tôi tự tử mà thôi,
Kẻo vua quan còn đòi lại tôi ra..."
Tướng công lệ ngọc nhỏ sa,
Trước sau mới bảo Ngọc Hoa một lời:
"Mẹ cha tuổi hạc cao vời,
Nỡ nào con lại xa chơi suối vàng.
Lấy ai định tỉnh thần hôn, [2]
Ngọc Hoa mới nói nguồn cơn tỏ tường:
"Dầu tôi mà chẳng theo chàng,
Cũng liều phụ bạc hai đường thung huyên.
Sao vua ép tôi có duyên,
Thời tôi tự vẫn cho yên cửa nhà".
Tướng công phảng phất hồn hoa,
Ngập ngừng nước mắt xót xa đoạn trường.
Mõ rao khắp cả trong làng,
Thượng thông hạ đạt [3] thôn hương mọi người:

Chú thích:

1. *Đồng sinh, đồng tử*: cùng sống cùng chết.
2. *Định tỉnh thần hôn*: thăm hỏi, hầu hạ sớm tối.
3. *Thượng thông hạ đạt*: trên dưới mọi người đều biết.

Ngọc Hoa nó đã bỏ đời,
Bây giờ sinh tử thì tôi cậy làng.
Nào là đồng bạc đồng vàng, [a]
Chia ra cho làng thượng hạ đông tây.
Một người mười nén vàng này,
Ruộng thì mười mẫu trâu cày một con".
Cha đương chia của cho làng,
Ngọc Hoa mới đến lạy làng cùng cha.
Vào nhà liền lạy mẹ già,
Áo quần mặc lấy bước ra theo chồng.
Khăng khăng nàng quyết một lòng,
Cầm dao lá trúc [1] xuyên thông ngang hầu.
Máu chảy lai láng dầu dầu,
Tướng công lăn khóc vật đầu rằng bây.
"Lá vàng còn ở trên cây,
Lá xanh rụng trước trời hay chăng trời!" [2]
Ông bà nói chẳng nên lời,
Ôm con [b] mà khóc sụt sùi thở than:
"Hóa công [c] thực có đa đoan,
Nỡ nào luống để hoa tàn hương bay!"
Tiên phi [3] trốn bước cung mây,
Đau lòng áy náy đêm ngày xót xa.
Mẹ cha thung cỗi huyên già,
Cậy ai định liệu phụng thờ hiếu trung.
Con rày cất nẻo tiên cung,
Họ hàng thân thích ai cùng xót xa.
Vợ chồng Phạm Tải, Ngọc Hoa,
Bây giờ đã xuống diêm la ngự tòa.
Thoắt thôi tướng công bước ra,
Tìm nơi đất tốt lân la gần miền:

Khảo dị:

a. Bản B chép: nào là *châu báu bạc vàng.*

b. *Ôm con* là phiên theo bản B và C. Bản A khắc mờ.

c. Bản A chép: hóa *vương*.

Chú thích:

1. *Dao lá trúc*: dao lưỡi nhỏ như lá trúc.
2. *Hai câu này nói*: cha mẹ già thì còn sống, con còn trẻ thì lại chết.
3. *Tiên phi:* chỉ Ngọc Hoa.

Sơn hữu tình, thủy hữu duyên, [1]
Quê cư táng mộ cho yên sự hằng.
Đời người cùng để một lăng,
Tùng, thu rủ bóng trăng trong xế tàn.
Bới làm thảo xá ba gian, [2]
Trên thì ngói lợp bức bàn song song.
Lại trồng cây trúc cây thông,
Thông reo trúc lại hóa rồng vui thay!
Nàng từ thác được mười ngày,
Trang vương tính đốt ngón tay đã đầy,
Nàng về thủ chế bấy chầy,
Ba năm ba tháng mười ngày đã thôi.
Doanh phương [3] nàng đã mãn rồi, [a]
Truyền quan nội gián về đòi nàng ra.
Khâm sai vâng lệnh quốc gia,
Kiệu vàng tán tía về nhà thẳng dong.
Năm ngày về đến xứ đông,
Thấy một nhà ngói giữa đồng tốt thay.
Bốn bề hào lũy tường xây,
Thông reo trúc hóa sum vầy uất thông [4] .
Hỏi tra mọi trẻ mục đồng:
"Kìa lăng thái miếu [5] thờ ông bà gì?"
Mục đồng bước đến thưa quỳ:
"Này mộ Trần thị thác đi cùng chồng.
Bơ ngơ tấc cảnh trong lòng,
Duyên kiếp vợ chồng người đã hồi quy".
Về tâu trước mặt đan trì,
Rằng: "Nàng Trần thị thác về âm cung".
Đức Trang nước mắt ròng ròng,
Cầm bằng chẳng được trong lòng xót xa.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Chịu tang* nàng đã mãn rồi.

Chú thích:

1. Ý nói cảnh thiên nhiên xinh đẹp.
2. *Bới*: đào (đất lên); *thảo xá*: nhà thô sơ (làm ở giữa đồng).
3. *Doanh phương*: hương thơm nơi ngôi mộ. Ý nói việc để tang.
4. *Uất thông*: um tùm, tươi tốt.
5. *Lăng thái miếu*: lăng có miếu thờ lớn. Thái miếu: tổ miếu của nhà vua.

Thoắt thôi kể sự Ngọc Hoa
Từ ngày chỉ khí muốn ra cùng chồng.
Thấy nhau lệ ngọc khôn cầm,
Ơn nàng trinh tiết ba đông vẹn tròn.
Từ ngày anh phải thác oan,
Thương cha nhớ mẹ, nhớ nàng thảm thương.
Sau thì nghĩ sự Trang vương,
Cầm quyền bất chính ở đường bất nhân
Ơn nàng giữ đạo đoan trinh, [1]
Xót xa hãy kể rõ tình cho ta.
Nàng còn đồ phụ tại gia,
Tự ngày [a] xuất giá đi ra theo chồng.
Có Thiên thượng vừng hồng soi xét
Nhớ thung huyên thảm thiết trong lòng.
Thiếp thì thất hiếu bất trung,
Trọn đạo cùng chồng, thất nghĩa cùng cha.
Trang vương làm ép tình ta,
Thì ta định liệu cho ra sự này.
Chàng liền cầm bút tiên tay, [2]
Làm trạng trên cáo niềm tây tỏ tường.
Vợ chồng đến điện Diêm Vương,
Sau trước mọi đường phục vọng [3] tâu qua.
Vừa khi chính ngự trong ra,
Thấy hai nam nữ lạy mà kêu oan.
Kêu rằng: "Vì bởi Trang vương,
"Sát phu ép phụ giết oan sĩ tài".
Vua phán lực sĩ hai người,
Ra cất lấy trạng mở coi cho tường.
Vậy, có trạng cáo rằng:

Quán Sơn Tây xứ, Hoa Đường phủ, Văn Ấp huyện, Ngọc Pháp xã, sĩ nho Phạm Tử (Tải) thú thê biệt xứ, danh Trần Ngọc Hoa, ơn đức Diêm la, công,

---

Khảo dị:

a. Bản A chép: *tức đắc*...

Chú thích:

1. *Đoan trinh:* đoan chính, trinh tiết.
2. *Tiên:* giấy có vẽ hoa để viết chữ hay đề vịnh. Cầm giấy bút ở tay.
3. *Phục vọng:* cung kính cúi mình xuống.

liêm, quảng ý, trình trạng vị bỉ,[1] bản quốc Trang vương[a] thị kỳ phú cường[2], hoang dâm hiếu sắc, cương thường bất thức,[3] thiên thính nịnh thần,[4] áp thủ thê nhân,[5] thậm kỳ nghịch pháp.[6]

Nguyên tôi Phạm Tải, quán tại Sơn Tây, thú thê biệt xứ, ốc[7] tại Thanh Hà, danh Trần Ngọc Hoa, phu thê hòa hợp, duyên hài thủy kết,[8] vừa được nửa niên, thích kiến binh quyền,[9] lệnh truyền tiến nạp, bất cứ chính pháp[10], chu diệt tam tông[11], khủng sự thần trung,[12] phó kinh nhập điện,[13] Trang vương kiến diện,[14] tra vấn Ngọc Hoa, vâng dạy quốc gia, trần tình các sự[15]. Nay tôi Phạm Tải, dĩ hợp duyên hài,[16] Ngọc Hoa kêu nài, Trang vương bất thính,[17] bất khủng thiên mệnh,[18] bất thính triều đình, cố tâm dâm ép, Ngọc Hoa trinh tiết, bất canh nhị phu,[19] Trang vương mưu thù, hoang dâm nghịch đảng, sát phu ép phụ, thậm ư oan khốc. Phục vọng: thánh đức cao minh, lượng tình xét sự, giám kỳ nội trạng[20] chiếu lý thi hành, câu thủ tính danh, đồng lai tra vấn[21], dĩ minh khúc trực,[22] dĩ miễn thân oan[23].

Khảo dị:

a. Bản A chép: bản quốc *tại* Trang vương.

Chú thích:

1. *Quảng ý:* ý tứ rộng, hiểu biết nhiều. Ý nói, rộng lượng. Vị bỉ: vì người kia, chỉ Ngọc Hoa.
2. Cậy sự giàu mạnh.
3. Không biết đạo cương thường.
4. *Thiên thính nịnh thần:* nghe theo nịnh thần.
5. Ép lấy vợ người ta.
6. Thật là trái phép.
7. *Ốc:* nhà
8. Tình nghĩa vợ chồng mới bén.
9. *Thích:* người con gái đã lấy chồng. Ở đây chỉ Ngọc Hoa. *Kiến binh quyền*: thấy lính tráng quyền thế.
10. Không theo chính pháp.
11. Giết cả ba họ;
12. Chưa rõ nghĩa câu này.
13. Đi đến kinh vào cung vua;
14. Trang vương thấy mặt;
15. Tỏ bày rõ ràng mọi việc.
16. Đã hợp duyên lành.
17. Trang vương không nghe.
18. Không sợ mệnh trời.
19. Không thay đổi lấy hai chồng.
20. Xét tội trạng của Trang vương ở trong tờ đơn này.
21. Ý là cho gọi tên họ bắt về tra hỏi.
22. Để rõ phải trái.
23. Để tránh thân tôi khỏi bị oan.

Diêm vương thấy trạng rõ ràng,
Đòi Nam tào [1] lấy sổ vàng ra coi:
Phạm Tải nguyên nó con trời,
Nhẽ thì Thiên tử chính ngôi chương tòa. [2]
Lỗi nhầm đày xuống phàm gia, [3]
Giáng sinh nhị nguyệt, ngày ba Mão thì [4]
Tuất côi gặp vận gian nguy,
Ngọc Hoa định kết vu quy bấy chầy.
Khâm sai [5] xuống trị nước này,
Trang vương sao ở chẳng ngay chẳng hiền.
Lại thêm một đứa Biện Điền,
Hai người lòng cũng chẳng hiền hòa hai.
Bèn đòi quỷ sứ lên sai,
Đầu trâu [(a)] lên đến điện đài lầu cao.
Đạp thành phá cửa bước vào,
Quỷ sứ mới hỏi thì nào Trang vương?
Ở sao lỗi đạo cương thường,
Diêm vương sai tróc [6] Trang vương thuở này.
Chẳng ngay thì gặp chẳng ngay,
Trang vương nghe nói chân tay rụng rời.
Liền bỏ ngai rồng chẳng ngồi,
Diêm vương đã đòi chẳng được ngồi lâu.
Bấy giờ vua giã [7] chư hầu,
Quần thần tả hữu trước sau mọi tòa:
"Ở cho trẫm xuống Diêm la!"
Hai quỷ cùng trẫm theo ra khỏi đền.
Đôi bên văn võ kiêm toàn,
Mới hay rằng sự hoàng thiên thế này.

Khảo dị:

a. Bản A chép: đầu *bò*.

Chú thích:

1. *Nam tào:* thần giữ sổ sinh trên Thiên đình.
2. *Chương tòa:* cung điện nhà vua.
3. *Phàm gia:* nhà người phàm tục, nhà thường dân.
4. Đẻ vào giờ Mão ngày 3 tháng 2.
5. *Khâm sai*: ở đây với nghĩa: vua sai xuống.
6. *Tróc*: bắt.
7. *Giã:* từ giã.

Có tiên thì hậu mới hay, [1]
Chẳng ngay lại gặp được ngay bao giờ, [a]
Quỷ cùng Trang vương bấy giờ,
Kéo mây rạch nước xuống tòa Diêm vương.
Trang trông thấy Phạm Tải chàng,
Cùng nàng Ngọc thị đồng sàng liền tay [2]
Trang vương lại trách rằng bây,
Sao nàng đơn bạc nước mây hỡi nàng?
Dối nhau mà lại tìm đường,
Trang vương thấy nói lòng càng giận thay.
Quả nhiên sự đã thế này,
Chẳng oan chi nữa, mà nay lại ngờ!
Trang vương đến trước bây giờ,
Diêm vương mới hỏi: "Anh đà xuống đây.
Làm vua thì ở cho ngay,
Công bằng hai chữ cho tày đồng cân.
Nhân duyên trời đã xoay vần,
Sao anh nỡ ở bất nhân cho đành!"
Trang vương tưởng đến sự mình,
Mới hay là sự Thiên đình soi xa.
Sắc tuy chẳng có phong ba, [3]
Làm sao mà dối người ta bây giờ.
Diêm vương liền hỏi sau xưa,
Bây giờ tôi nói một lời thong dong:
"Thương anh tôi để trong lòng,
Việc quan phải cứ phép công tôi làm.
Sự này ta lại làm ta,
Phải sao thì chịu ai mà dám dong.
Vạc dầu nấu đã ba đông,
Bắt vua Trang quốc vào trong vạc dầu.
Vợ chồng Phạm Tải cùng nhau,
Trước đà trái lỡ, thì sau hợp hòa.

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... *chỉ* ngay bao giờ.

Chú thích:

1. Ý nói, trước ăn ở phúc lành, sau cũng sẽ được may mắn tốt lành.
2. Ngồi bên nhau cùng một giường.
3. Ý nói, sắc mặt Trang vương làm ra vẻ chẳng có gì sợ hãi, (để tỏ không có tội).

Bỗng đâu thấy sứ vua cha,
Bèn đưa một sắc [1] đến tòa Diêm vương.
Sắc phong cho Phạm Tải chàng,
Bèn lên ngự trị Trang vương đời đời.
Diêm vương vâng mệnh sắc trời,
Cải hiệu Chu quốc thay đời Trang vương.
Hoàn sinh [2] cho Phạm Tải chàng.
Lại truyền cải tử cho nàng Ngọc Hoa. [3]
Vợ chồng mừng rỡ bước ra,
Bèn vào lạy tạ chương tòa Diêm vương.
Hai bên đứng dẫy với nàng, [a]
Bèn sai quỷ sứ đón đường đưa lên.

Phiên âm từ bản Nôm Thịnh Văn đường,
Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội. AB.60.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Hai bên đứng dẫy hai *hàng*.

Chú thích:

1. *Sắc*: chiếu chỉ của vua.
2. *Hoàn sinh*: làm cho sống lại.
3. *Cải tử*: Cải tử hoàn sinh: biến đổi cái chết làm cho sống lại.

TỐNG TRÂN - CÚC HOA

TIỂU DẪN

Xưa kia, ở làng An Cầu, huyện Phù Hoa (nay là xã Tống Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, có hai vợ chồng một ông lão, mãi đến 60 tuổi mới sinh được một con trai, đặt tên là Tống Trân. Lên ba tuổi, cha mất, hai mẹ con phải dắt nhau đi ăn mày.

Một hôm, mẹ con vào xin ăn nhà Trưởng giả. Con gái Trưởng giả là Cúc Hoa, thương hại, lấy một đấu gạo đem cho. Không ngờ, Trưởng giả về bắt gặp, nổi giận, bắt Cúc Hoa lấy Tống Trân làm chồng, và đuổi ra khỏi nhà: Mẹ Cúc Hoa lén cho con một ít tiền. Cúc Hoa mới có 13 tuổi, phải cố sức nuôi nấng mẹ chồng, giúp chồng (8 tuổi) ăn học. Đến ngày Tống Trân đi thi, cô toan bán yếm cho chồng lấy tiền lộ phí, nhưng Tống Trân không cho. Anh đành sống bằng hành khất. Dọc đường anh phải lần mò xin ăn để đến kinh kỳ ứng thí.

Qua kỳ thi, chàng đỗ Trạng nguyên. Vua ngỏ ý muốn gả công chúa, Trạng từ chối. Ngày vinh quy, chàng được Trưởng giả xun xoe đến nhận con, nhận rể. Cúc Hoa rất lấy làm bực tức, thẹn thùng.

Ở kinh, nàng công chúa bị Tống Trân từ hôn, đã ton hót xin vua cha hại Trạng. Vua nghe, xuống chiếu cử Tống Trân đi sứ mười năm. Tống Trân đành để mẹ già, vợ dại ở lại nhà, một mình đi sứ nước Tần. Sang nước này, Tống Trân bước vào một cuộc đấu trí, đấu tài dai dẳng. Vua Tần sai đào hố giữa đường trải chiếu hoa lên. Trạng ta biết, đi sang mép đường, vào thẳng sân rồng, trong khi sứ giả nhiều nước đều bị sa xuống hố. Vua Tần lại sai đem Trạng vào hãm ở một ngôi chùa mười ngày không cho ăn uống. Trong chùa, vua bố trí các tượng bụt bằng chè lam. Trạng biết ý, hạ tượng bụt bẻ ăn, nên vẫn sống, lại tâu với vua rằng bụt đã nhập tâm.

Vua Tần rất khen ngợi Trạng, muốn gả Công chúa Bạch Hoa cho chàng. Trạng vẫn từ chối. Vua cũng không mếch lòng, nhờ Trạng xử cho một vài vụ kiện đang bế tắc như vụ gái giết chồng, vụ kiện ngành đa. Trạng đều xử đoán tài tình, nên uy danh càng lớn.

Trong khi Tống Trân ở nước Tần, Trưởng giả ở nhà lại sinh lòng phản trắc. Suốt 7 năm không nghe tin tức về Trạng, hắn gọi Cúc Hoa về, bắt phải tái giá. Nàng không chịu. Trưởng giả bắt giam mẹ Tống Trân vào chuồng trâu, đánh đập con gái. Cúc Hoa đang đêm trốn đi, vào rừng gặp được Sơn tinh (cọp chúa sơn lâm), liền viết thư nhờ tìm cách đưa cho chồng. Trưởng giả lại cho người lùng bắt được nàng và không cần dụ dỗ nữa, gả ngay cho một

tên Đình trưởng. Đám cưới được tổ chức rất linh đình, cả làng phải đóng góp lễ mừng.

Tống Trân nhận được thư vợ, trình với vua Tần. Vua động lòng thương xót, cho phép Trạng về trước kỳ hạn. Công chúa Bạch Hoa tuy không được Trạng nhận lời, cũng ra tiễn Trạng ân cần, quyến luyến.

Tống Trân đem quân về nước, tạm đóng quân trên bờ sông, rồi một mình cải trang làm người ăn mày trở về thăm dò tình hình đám cưới. Trạng thấy Cúc Hoa than khóc, đem sách và áo cũ của chồng ra đốt, khấn vái. Trưởng giả cho đem cỗ cưới xuống, Cúc Hoa không ăn, sai đưa xuống chuồng trâu cho mẹ chồng, kèm thêm mấy nén vàng. Bọn người hầu chỉ mang cỗ cho bà, còn tiền thì chúng chia nhau. Nhưng đàn chuột đã tha vàng về cho Trạng. Trạng phong cho chuột làm hương cống ! (Vì thế nay mới có tên chuột cống).

Trạng quay vào đám cưới xin ăn. Đình trưởng cho mấy miếng xương trâu, Trạng bằng lòng nhận. Có hai người chị vợ thấy Trạng, vừa nghi hoặc, vừa thương hại, bèn đem cho xôi thịt, liền bị họ hàng chửi mắng. Trạng xuống chuồng trâu thử mẹ, giả làm thầy bói, báo trước cho bà biết, nay mai con bà sẽ về. Sau đó, Trạng giả vờ ngồi bên đường, hát nghêu ngao chúc tụng. Đình trưởng nở mũi, gọi Trạng vào khen, cho uống rượu, nhưng lại bị Trưởng giả đuổi ra.

Trạng liền về chỗ đóng quân, đem quân vây nhà Trưởng giả. Cả đám cưới hốt hoảng chạy tán loạn. Vợ chồng Trưởng giả ra xin chịu tội. Trạng ra lệnh phá nhà Đình trưởng, bắt hắn gặm khúc xương trâu ba ngày. Bố vợ thì bị hạ nhục, từ nay con rể không phải để tang dài ngày nữa. Làng nước ai dự đám cưới đều bị phạt tiền. Mọi người kêu nài van vỉ, Trạng mới tha cho dân làng. Mẹ con vợ chồng Tống Trân lại được sum vầy. Vua ta cũng ban thưởng, cho xây dựng cửa nhà cho Trạng. Trạng về triều làm quan.

Một ngày, bà Hoàng hậu bị bệnh. Vua sai Trạng đi săn hươu kiếm thuốc. Không ngờ, vào rừng, Trạng gặp được Công chúa Bạch Hoa. Từ ngày chàng đi, công chúa rất thương nhớ, xin vua Tần cho vượt bể theo chàng. Thuyền gặp bão, công chúa bị giạt vào rừng, ngày ngày nhờ hươu nai kiếm quả nuôi sống. Trạng đem Công chúa về. Vua ta khen ngợi và cho thành vợ chồng. Cúc Hoa và Bạch Hoa nhường nhau, không ai chịu làm vợ cả. Tống Trân phải ra cuộc thi. Thi may áo rồi thi làm bánh, hai nàng đều không ai kém ai. Đến khi thi nấu cơm, nhờ Trạng mách nước, Cúc Hoa nấu cơm chín trước, được giữ chức chính thê. Gia đình từ đó thuận hòa vui vẻ.

*

* *

Cho đến nay giới văn bản học vẫn chưa xác minh được thời điểm ra đời của truyện nôm *Tống Trân,* nhưng tài liệu thu lượm được về câu chuyện Tống

Trân thì khá nhiều. Sách *Nam sử tập biên*, quyển 2 (ký hiệu TVKH A12) do Vũ Văn Lập soạn, Cao Xuân Dục đề tựa, ghi rõ Tống Trân sống dưới đời Trần Thái Tông, tám tuổi đỗ Trạng nguyên, có làm văn đuổi hổ. Các sách *Thần tích huyện Phù Cừ* (AE.a3), *Thần tích tỉnh Hưng Yên* (Q.4$^{\text{o}}$ 18[12], lại nói Tống Trân sống dưới thời triều Lý Nam Đế v.v... Ở địa phương, văn miếu thôn Xích Đằng xã Lam Sơn, huyện Kim Động có thờ Tống Trân. Cúc Hoa cũng được thờ, vì cả hai vợ chồng đều được các triều đại phong thần, hiệu là Tống Trân Đại vương và Phù Anh Công chúa. Ở địa phương, còn gọi Tống Trân bằng cái tên nôm na thân thiết: "Quan Trạng Gầu". Sự tích Trạng Gầu cũng được đăng trên báo *Nam Phong* từ số (159), năm 1931). Thơ và câu đối về Tống Trân cũng khá nhiều. Tuy nhiên, vẫn chưa thể quyết đoán về sự thực lịch sử. Trong khi đó, truyện nôm *Tống Trân Phương Hoa, Từ Thức, Hồng Hoan,* truyện *Tống Trân* hoàn toàn là một đề tài Việt Nam. Có lẽ ở một giai đoạn nào đó trong lịch sử ta, đã có câu chuyện thực của một thanh niên có chí, có người vợ hiếu nghĩa được bà con ca ngợi. Từ đó, nhân dân thêm bớt, dựng thành một truyện cổ tích. Dựa trên cổ tích ấy, tác giả khuyết danh dựng thành truyện nôm. Truyện được lưu hành sâu rộng đến mức các nghệ nhân hát rong thời xưa đã sử dụng ở khắp vùng quê, kẻ chợ.

Giới nghiên cứu hầu như đã nhất trí với nhau về nội dung ý nghĩa của truyện *Tống Trân*. Đó là một câu chuyện ca ngợi mối tình chung thủy, tố cáo hiện thực xã hội phong kiến xấu xa, chỉ trích thói ham danh lợi, ích kỷ và tàn bạo. Đồng thời, tác phẩm cũng đã biểu thị lòng tự hào dân tộc và nguyện vọng hoà bình hữu nghị giữa hai nước Việt - Trung. Có thể nói cụ thể hơn, truyện *Tống Trân* đã vạch trần tính chất phản động của chế độ gia trưởng phong kiến. Truyện cũng nêu cao cuộc đấu tranh tất thắng của các nạn nhân trong chế độ ấy. Những con người như Tống Trân, Cúc Hoa đã chiến thắng mọi trở lực bằng phẩm chất, bằng cuộc sống sáng ngời của họ. Điều rất có ý vị của truyện là sự đấu tranh thắng lợi này, không hề có nguyên nhân ở sự giúp đỡ huyền bí của Trời, Phật (những chi tiết nhờ hổ đưa thư, chuột cống trộm vàng không đáng kể), mà hoàn toàn do ở ý chí và trí tuệ con người. Cũng khác với nhiều truyện nôm, truyện *Tống Trân* không hề viện đến những lẽ tuần hoàn báo ứng, hay lẽ sắp đặt gì của tạo hóa. Không có những câu thơ nào trong truyện nhắc đến ý này. Hơn nữa, chất dân gian của truyện lại rất đậm. Những cuộc đấu trí của Tống Trân ở nước Tần, cuộc thi tài nữ công giữa hai bà vợ Trạng, những sự trừng phạt kẻ ác v.v... đều hết sức dân dã. Đó là những nét hiếm trong cả kho tàng truyện Nôm.

Về mặt nghệ thuật, đã có ý kiến cho truyện Nôm này "nghèo hình ảnh, bố cục lỏng lẻo, tiêu chuẩn nghệ thuật không theo kịp tiêu chuẩn tư tưởng" v.v... Sự thực đúng như vậy. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý một số điểm khác. Tác phẩm vẫn có nhiều chỗ làm nổi bật được hai tuyến tính cách song song, đối lập, bằng cách chọn được sự việc, hành động của mỗi phe chính nghĩa, phi nghĩa qua các nhân vật đại diện. Vài chi tiết sắp đặt như mở đầu truyện và

kết thúc truyện vẫn hiện ra hình ảnh một kẻ ăn mày (lúc đầu là thật, sau là giả) v.v... Không phải là chuyện tình cờ, mà có thể giúp cho việc đánh giá nghệ thuật của tác giả khuyết danh một cách đúng mức hơn.

*

* *

Văn bản truyện *Tống Trân* từ trước đến nay đã được công bố nhiều lần. Hiện có các bản sau đây:

a) Chữ Nôm:

1. *Tống Trân tân truyện,* Quảng Thịnh đường, Duy Tân thứ 8 (tức là năm 1914, ký hiệu TVKH TW: AB 217).

2. *Tống Trân tân truyện ở* Thư viện Viện Sử học, ký hiệu HV 352, không còn tên nhà tàng bản (vì bị rách), nhưng còn ghi năm xuất bản: Khải Định Kỷ Mùi (tức là năm 1919).

3. *Tống Trân tân truyện,* cũng ở Thư viện Viện Sử học, ký hiệu HV 304. Bản này rách mấy tờ đầu, không rõ nơi và năm xuất bản.

b) Chữ Quốc ngữ:

Các bản quốc ngữ có khá nhiều. Chúng tôi chỉ chú ý đến 3 bản.

4. *Tống Trân Cúc Hoa diễn ca,* Phúc Chi xuất bản, không đề năm tháng (nhưng xem cách in thì có thể ra đời trước 1930), ký hiệu TVKH, Q.8°417.

5. *Tống Trân:* Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1957. Bản này do Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích. Lời mở đầu nói rõ là đã "sưu tầm nhiều quyển, chọn lấy một bản tương đối đúng nhất". Song lại không nói nhiều quyển là những quyển nào.

6. *Tống Trân:* Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, xuất bản lần thứ 2 năm 1960. Bản này lại do Hoa Bằng hiệu đính. Hoa Bằng chưa rõ là ông dựa theo bản chữ Nôm do Quảng Thịnh đường xuất bản năm Kỷ Mùi 1919 (tức là bản HV 352 nói trên).

Nhận xét, so sánh tất cả các bản trên đây, chúng tôi thấy tất cả các bản quốc ngữ đều giống nhau, không có sự dị biệt nào đáng kể. Các ông Hoa Bằng, Việt Hoài có nói là đã làm việc hiệu đính, nhưng không ghi rõ những chi tiết hiệu đính ấy ở câu nào, so với các bản chưa hiệu đính ra sao. Hầu hết các bản đều giống với bản năm Kỷ Mùi (1919) của Quảng Thịnh đường và bản Phúc Chi (Q. 8° 417).

(Riêng có bản Quảng Thịnh đường, năm Duy Tân thứ 8 (Ất Mão), 1914, là nhiều chỗ khác. Phần văn bản, sau đây bạn đọc sẽ thấy rõ).

Cân nhắc tình hình trên, chúng tôi chủ yếu sử dụng các bản đánh số:

– Bản A: Bản AB 217 (Quảng Thịnh đường, 1914) ở Thư viện Trung ương.

– Bản B: Bản HV 352 (Quảng Thịnh đường, 1919) ở Viện Sử học.

– Bản C: Bản quốc ngữ (Phúc Chi - ký hiệu Q. 8° 417).

Văn bản được sử dụng chính thức là hai bản B, C. Như trên đã nói, thật ra hai bản này (một Nôm, một Quốc ngữ) hoàn toàn giống nhau, và cũng giống các bản của Hoa Bằng và Việt Hoài. Mặc dầu so với bản AB 217 (xuất bản năm 1914), hai bản này có niên đại ra đời muộn hơn, nhưng văn chương có phần thông suốt và hợp lý hơn. Mặt khác, trong nhân dân, cho đến ngày nay, những người còn thuộc truyện Nôm *Tống Trân* ít nhiều, đều gần gũi sử dụng theo cả năm bản Quốc ngữ và bản chữ Nôm đã kể.

Bản A, tức là bản AB 217, ra đời sớm hơn, lời văn mộc mạc thô sơ hơn, có thể cũng là một bản cần tham khảo, chúng tôi sẽ dùng để làm khảo dị (*). Trong hoàn cảnh hiện tại chưa tìm được văn bản *Tống Trân* nào cổ hơn, cách làm như vậy có lẽ là hợp lý, không gây ngỡ ngàng cho bạn đọc lâu nay đã làm quen với truyện nôm này.

(*). Trong một vài trường hợp cần thiết có khảo dị với bản của Hoa Bằng và Việt Hoài.

Lược bày đời vua Thái Tông, [a]
Trị vì thiên hạ tây đông thuận hòa.
Có người ở huyện Phù Hoa,
Gần nơi Cửa Luộc, đấy là Kinh Nông [1]
Nhà giàu cự phú hòa phong, [b]
Điềm hùng chưa ứng còn mong phước trời. [2]
Tháng ngày cầu khẩn các nơi,
Đúc chuông tô tượng đều thời cúng luôn.
Khó nghèo chẳng quản thiệt hơn,
Của đem làm phước làm duyên sạch làu.
Lòng thành thấu đến Thiên tào,
Sai Văn Xương xuống kíp vào đầu thai [3]
Vợ thì tuổi đã sáu mươi.
Trai già may lại gặp hồi nẩy châu.

Khảo dị:

Bản A: a. *Trước đời* vua *Đường* Thái Tông
b. Nhà giàu cự phú *làm xong*

(Từ câu 6 đến câu 18, bản A hoàn toàn khác với 5 bản quốc ngữ, chữ Nôm đã kể)

Con trai chưa có còn mong lẽ nào
Mẹ thì sáu mươi tuổi cao
Thai sinh chẳng có lẽ nào cho hay.
Trời liền sai khiến xuống ngay,
Người vợ khi ấy gặp ngày thụ thai.
Vợ chồng mừng rỡ hôm mai,
Sáu mươi mang được có thai từ rày.
Mãn kỳ chín tháng mười ngày,
Sinh được nam tử tốt thay lạ thường.
Đặt tên là Tống Trân chàng,
Nâng dường nâng trứng, hứng dường hứng hoa.
Đến ngày tuổi cả lên ba,
Thung già khuất bóng mình hòa bồ côi.
Mẹ già...

Chú thích:

1. *Cửa Luộc:* cửa sông Luộc. Quê Tống Trân ở ngã ba Nông.
2. *Điềm Hùng:* điềm đẻ con trai.
3. Trời cho sao Văn Xương (vị thần chủ việc văn học) xuống đầu thai.

Thoi đưa thấm thoắt chẳng lâu,
Tới kỳ mãn nguyệt gặp đầu thai sinh [1]
Một trai tuấn tú tốt lành,
Khôi ngô rạng vẻ văn tinh khác đời.
Vợ chồng mừng rỡ hôm mai,
Nâng niu bú mớm chẳng rời tấc gang.
Đặt tên là Tống Trân lang,
Mai sau hương tỏa từ đường dài lâu.
Ai hay tạo hóa cơ cầu,
Có con hết của thêm đau tấm lòng.
Tống Trân số phận long đong,
Lên ba bỗng bị nhà thông chầu trời. [2]
Mẹ già con bé thương ôi,
Kém bề no ấm [a], ngậm ngùi xót thay.
Xin ăn đắp đổi qua ngày, [b]
Độ thân rau cháo qua ngày nuôi nhau.
Gặp cơn đói khổ thảm sầu, [c]
Bốn phương đói kém [d] đâu đâu mất mùa.
Lão bà nước mắt như mưa,
Con thơ mẹ yếu bây giờ cậy ai.
Tống Trân than thở ngậm ngùi, [e]
Kìa như chim quạ, kiếm mồi nuôi con [g]
Đến nay con đã lớn khôn,
Mẹ già con lại nhớ ơn đền bồi.
Huống chi ta lại là người, [h]

Khảo dị:

Bản A: Không có những câu từ 6 đến 26 mà thay bằng 13 câu đã ghi trên.

a. *Thiếu đường* no ấm...

b. *Những mong thiên hạ đông tây*

c. *Ai ngờ đói khổ* thảm sầu

d. *Lại thêm hoang thiếu,* đâu đâu...

e. *Quạ kia từ hiếu như người*

g. *Lông che cánh phủ ngậm ngùi ấp con*

h. Huống chi *mẹ sinh ra tôi*

Chú thích:

1. Có thai đủ ngày tháng, sinh con.

2. *Nhà thông*: chỉ vào người cha.

Khi nay chẳng được, vậy thời [a] khi nao.
Nghĩ thôi [b], nước mắt tuôn trào,
Tháng ngày dắt mẹ rêu rao ăn mày. [c]
Đường trường cách trở nước mây,
Một mình dắt mẹ xin rày dặm xa. [d]
Một ngày giã huyện Phù Hoa, [e]
Tới nơi An phủ đó là Sơn Tây.
Nghe tin Trưởng giả gần đây, [g]
Cửa nhà phong phú đông tây tiếng đồn.
Thẩn thơ một mẹ một con, [h]
Cùng nhau tới đó nỉ non ân cần. [i]
Nỗi thương kể lể xa gần,
Lạy người mở lượng từ nhân ơn nghì. [j]
Dám xin bố thí một khi, [k]
Gọi là cứu kẻ lạc thì đường xa. [l]
Quê tôi ở huyện Phù Hoa,
Gần nơi Cửa Luộc, đó là Kinh Nông.
Cha già khuất bóng mấy đông,
Nay còn một mẹ tuổi cùng bảy mươi.
Cúc Hoa nghe thoảng vào tai,
Rời chân sẽ ngó song mai thử nhìn.
Thấy người nét mặt lành hiền,
Động lòng mới trở gót sen vào nhà.
Lấy một đấu gạo đem ra,
Gọi là cứu giúp cho nhà bồ côi.
Qua song gạn hỏi mấy lời,

Khảo dị:

Bản A:

a. Khi nay *chẳng báo, đền bồi* khi nao
b. *Tống Trân* nước mắt...
c. *Ngày đêm dắt mẹ quản bao* ăn mày
d. ... dắt mẹ, *ăn mày đường xa*
e. *Có ngày qua* huyện...
g. *Thấy nhà* Trưởng giả *giàu thay*
h. *Dẫn mình tới cửa cáo môn*
i. *Nghĩ cơ độ ách kiếm đường nuôi thân*
j. *Mở lòng nhân đức làm ân cho người*
k. *Làm cầu làm quán thiếu nơi,*
l. *Rộng thương kẻ khó qua vời* đường xa.

Chẳng hay quê quán nhà người ở đâu.
Hãy xin kể hết tình đầu,
Thấy chàng tôi cũng xót đau vì chàng.
Tống Trân nước mắt hai hàng,
Xin người chớ hỏi tôi càng xót xa. [a]
Quê tôi ở huyện Phù Hoa,
Bồ côi từ thuở lên ba đến rày.
Cơ hàn đã tám năm nay,
Tôi phải dắt mẹ ăn mày độ thân, [b]
Tự tình chưa hết phân vân, [c]
Vừa khi Trưởng giả dạo chân [d] về nhà.
Thấy người thất nghiệp phương xa,
Cùng con trò chuyện lân la giãi lòng.
Cơn đâu [e] nổi giận đùng đùng,
Đòi ba con gái vào trong dạy lời.
Sinh con mong sánh đáng nơi,
Trao tơ phải lứa, chọn người kết hôn.
Thiếu gì chức trọng quyền môn,[1]
Hay đâu chẳng đẹp lòng con sánh bày.
Con nay mộ đức ăn mày, [2]

Khảo dị:

Bản A:

a. *Nàng ơi chớ* hỏi *lòng* càng...

Các bản B, C câu 57 lại chép là: *Bồ côi thơ ấu làm xong*

Bản A từ câu 58 đến 68 đổi ra:

Phúc còn một mẹ, ở cùng *sáu* mươi
Cúc Hoa nghe *biết khúc nhôi*
Rời chân *mở cửa xem coi thử mình*
Giờ lâu tỏ mặt người hiền
Cho chàng để giúp mẹ già dưỡng nuôi
Quá thương, gạn hỏi...
Chàng ơi quê quán *chàng thời...*
Sự tình hỏi hết...
Mẹ cha còn khuất ở đâu hỡi chàng.

b. ... ăn mày *ra* đi

c. ... chưa hết *vân vi*

d. Xa chơi trưởng giả *gặp khi...*

e. *Trưởng giả* nổi giận.

Chú thích:

1. *Chức trọng quyền môn:* nhà quan, có chức cao, quyền lớn.

2. *Mộ:* chuộng, ưa thích.

Thôi tao [a] cũng gả cho mày tiếc chi.
Nói rồi đòi đứa tùy nhi, [1]
Bay ra gọi nó tức thì vào đây.
Đôi hầu vâng lệnh dám chầy, [b] [2]
Hỡi [c] chàng nam tử vào ngay ông đòi.
Lão bà kinh hãi bồi hồi, [3]
Ôm con mà khóc rụng rời chân tay.
Con ơi sao có sự này,
Đói no con ngửa bàn tay xin người.
Hay con gian giảo của ai,
Sinh lòng trộm cắp nên người đòi con.
Tống Trân nghe nói kinh hồn,
Ôm mẹ mà khóc ồn ồn thương thay.
Con còn bé dại thơ ngây,
Đói thời con chịu dám thay tấm lòng.
Mẹ ngồi đây hãy thong dong,
Con vào xem thử vân mòng làm sao. [4]
Nói thôi rảo gót theo vào,
Nhác trông ba ả má đào ngồi trong.
Giường ngà, chiếu ngọc bóng lồng,
Trên thời Trưởng giả thị hùng ghê thay. [5]
Roi song một cái cầm tay,
Hỏi rằng quê quán nhà mày ở đâu.
Cửa nhà điền địa làm sao,
Thời mày phải nói tiêu hao gót đầu,
Anh em thân thích nơi đâu,
Mẹ cha nghề nghiệp trước sau làm gì,
Tống Trân nét mặt sầu bi,
Trước sau miệng gửi chân quỳ thưa qua.

Khảo dị:

a. *Thì cha cũng* gả...

b. Đôi hầu *bước tới chẳng* chầy...

c. *Trình* chàng...

Chú thích:

1. *Tùy nhi:* đứa ở theo hầu.
2. *Đôi hầu:* hai con hầu. *Dám chầy:* không dám chậm trễ.
3. Lão bà đây là mẹ Tống Trân.
4. *Vân mòng:* (Tiếng cổ) đầu đuôi, tin tức.
5. *Thị hùng:* làm oai dữ tợn.

Nhà tôi ở huyện Phù Hoa,
Bồ côi từ thuở lên ba đến rày.
Phong trần đã tám năm nay,
Tôi phải dắt mẹ ăn mày khắp nơi.
Anh em chẳng có một ai,
Một mình lần nữa kiếm nuôi mẹ già.
Phú ông nghe nói xót xa,
Bảo con này thực đuốc hoa chồng mày. [1]
Chị Hằng khen khéo xe dây,
Gieo cầu kết chỉ sự này tự con. [2]
Nhân duyên thôi đã vẹn tròn,
Tơ hồng sớm liệu nghênh hôn chọn ngày.
Trăm năm kết tóc từ đây,
Thôi thì sính lễ liệu ngày sửa sang. [a]
Liền cân cho hai lạng vàng,
Trâu bò làm cỗ cho làng no say.
Ăn cưới vừa được ba ngày,
Đòi con Trưởng giả giãi bày gần xa. [b]

Khảo dị:

Bản A từ câu 96 đến 118 đổi ra:
Ở lòng trộm cắp *người đòi tới nơi*
Tống Trân *nói chẳng ra lời*
Ôm mẹ mà khóc *ngậm ngùi...*
Tôi còn tuổi trẻ...
... dám khi cả lòng
... vân mòng *việc chi*
Tống Trân bước vào một khi
Thấy ba con gái ngồi kề trướng loan
... chiếu ngọc *sẵn sàng*
... trưởng giả *roi song sắp bày*
...quê quán *chàng rày nơi nao*
Từ khi lên tám phen này
... ăn mày *dưỡng nuôi*
Bản A:
a. Cho vàng sính lễ để mày giai lan
b. *Phú ông dạy bảo lời này nói ra*

Chú thích:

1. *Đuốc hoa*: đêm tân hôn, người ta đốt đuốc kết hoa trong phòng cô dâu.

2. *Xe dây*: Dùng điển tích Nguyệt lão có túi tơ hồng xe cho các lứa đôi. *Gieo cầu*: xưa kia, con gái nhà quyền quí kén chồng thường ở trên lầu ném quả tú cầu xuống, trúng vào chàng trai nào là được kết chỉ: cũng như xe dây.

Áo quần con gửi lại cha,
Thôi [a] thì chịu khó về nhà làm dâu.
Cũng toan cha gả chồng giàu,
Lòng con đã đẹp trước sau chớ nề.
Cúc Hoa biết ý khôn chê,
Lạy cha cùng mẹ tỉ tê giãi lòng. [b]
Từ rày con về nhà chồng, [c]
Duyên ưa phận đẹp thỏa lòng bấy nay.
Thâu đêm chẳng lọ thâu ngày,
Đôi hàng nước mắt chảy ngay ròng ròng.
Nửa đêm tới chốn loan phòng,
Chàng ơi thức dậy tấm lòng xin thưa.
Thiếp mười ba tuổi còn thơ,
Chàng thì lên tám, mẹ vừa bảy mươi.
Mẹ chàng xem bằng mẹ tôi,
Sớm khuya mặc [d] thiếp dưỡng nuôi lệ gì. [1]
Ngày nay mới lấy nhau về,
Đói no thiếp cũng yên bề cho xong. [e]
Nuôi mẹ hiếu thảo một lòng, [g]
Lạy trời phù hộ vợ chồng tôi nay.
Ông tơ sớm đã xe dây,
Xin cho kết tóc được rầy nghìn đông.
Cơm thì để nuôi mẹ chồng,
Hiếu kính một lòng trời đất [h] xét cho.
Muối dưa [i] chẳng quản đói no,
Khuyên chàng đèn sách để hồ làm nên.
Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Con* thì chịu khó...

b. ... cùng mẹ *nhân khi* giải lòng

c. ... thỏa lòng *tôi* nay

d. Sớm khuya *mình* thiếp...,

e. Đói no *san sẻ tùy cơ nuôi chồng*

g. Mẹ ăn cho sống làm xong (?)

h. ... *trời bụt* xét cho

i. *Cháo rau* chẳng quản...

Chú thích:

1. *Lệ gì:* ngại, sợ gì.

Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.
Khó nghèo có mẹ có con,
Ít nhiều san sẻ vẹn tròn có nhau.
Lòng con nhường nhịn bấy lâu,
Mẹ ăn cơm ấy ngon đâu hỡi nàng.
Cúc Hoa nước mắt hai hàng,
Lạy mẹ cùng chàng chớ quản tôi chi. [1]
Gọi là [a] cơm tấm canh lê, [2]
Mẹ ăn đỡ dạ kẻo [b] khi võ vàng.
Chàng ăn cho sống mình chàng,
Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là [c], [3]
Kể chi phận thiếp đàn bà,
Khó hèn chớ quản nỗi nhà thảm thương.
Thương con mẹ giấu cho vàng, [d]
Bảo rằng gìn giữ để nương tựa mình. [e]
Cúc Hoa trong dạ đinh ninh,
Lạy mẹ còn có chút tình thương con.
Tức thì trở lại phòng môn,
Cầm tay đánh thức nỉ non bảo chồng.
Chàng ơi xin tỉnh giấc nồng,
Này vàng mẹ thiếp cho ròng [g] một chương. [4]
Kể đoạn Cúc Hoa bán vàng,
Bán cho trưởng giả giàu sang hơn người. [h]
Hai bên giá cả hẳn hoi, [i]

Khảo dị:

Bản A:

a. *Miễn rằng* cơm tấm...
b. ... đỡ dạ *chớ* khi...
c. ... văn chương *họa* là
d. Nâng đoạn mẹ cho con vàng
e. *Cho thời giữ lấy* để...
g. ... cho *dùng* một *câu*
h. ... giàu sang *trong đời*
i. *Tìm người gửi của*

Chú thích:

1. *Chớ quản tôi chi:* chớ băn khoăn, quản ngại về phía tôi.
2. *Cơm tấm:* nấu tấm vì không đủ tiền để mua gạo. *Canh lê:* lê là một thứ rau.
3. *Đạo là:* Không rõ nghĩa. Các bản khác dùng chữ *họa là* cũng ép.
4. *Ròng:* vàng ròng. Bản A cũng viết bộ thủy bên chữ dụng, nên một số bản Quốc ngữ lại phiên là *dùng.*

Bấc cân định giá được ngoài tám mươi.
Cúc Hoa trở lại thư trai, [1]
Khuyên chàng kinh sử dùi mài cho hay.
Thiếp xin rước một ông thầy,
Để chàng học tập đêm ngày thiếp nuôi.
Một ngày ba bữa chẳng rời
Nuôi thầy nuôi mẹ lại nuôi cả chồng.
Nàng thời nhiều ít cũng xong,
Đói no chẳng quản, khuyên chồng làm nên.
Khấn trời lạy bụt đòi phen,
Chứng minh phù hộ ước nguyền chồng tôi.
Khuyên chàng khuya sớm hôm mai, [a]
Cố chăm việc học [b] đua tài cho hay.
Một mai gặp hội rồng mây, [2]
Bảng vàng may được tỏ bày họ tên. [c]
Trước là trả nợ bút nghiên,
Sau là thiếp cũng được yên lòng này. [d]
Khen chàng họ Tống giỏi thay,
Ngũ kinh chư sử qua tay thuộc lòng. [3]
Học vừa được nửa năm ròng,
Đức vua có chiếu cửu trùng ban ra.
Chiếu truyền phủ huyện gần xa,
Đâu đâu chuẩn thứ mở khoa kén tài [e]. [4]
Chàng nghe thi cử tới nơi, [g]
Hỏi nàng tiền bán vàng thời còn không.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Thương chàng xót phận bồ côi.*

b. *Còn chăm học nghiệp...*

c. *Nên tài khoa giáp tam khôi bảng vàng.*

d. *Sau là công thiếp vẻ vang nuôi thầy.*

e. ... chuẩn thứ *vào thi hội tài.*

g. *Nàng ơi,* thi cử

Chú thích:

1. *Thư trai:* nhà sách, nhà học.

2. *Rồng mây:* rồng gặp mây, ý nói gặp cơ hội tốt.

3. *Ngũ kinh:* 5 bộ sách: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu. *Chư sử:* các bộ sách sử Trung Quốc.

4. *Chuẩn thứ:* theo lệnh trước sau.

Cúc Hoa mới nhủ cùng chồng,
Trình chàng quân tử xét cùng cho nao. [a]
Bán vàng nào có là bao, [b]
Ăn không núi cũng ngày hao một ngày. [c]
Tiền thì tiêu hết trắng tay,
Gạo còn vài đấu để nay nuôi chồng.
Thiếp còn một tấm yếm hồng,
Bán làm hành lý giúp công ăn đường.
Thiếp thì dạ điểm hơi sương, [1]
Quản chi những nỗi đoạn trường đâu anh.
Tống Trân nghe thấy [d] sự tình,
Cầm tay lệ ứa, [e] giãi tình khi nay;
"Đói thì anh sẽ ăn mày,
Để yếm nàng mặc kẻo nay xấu nàng.
Xưa nay vẫn có ví rằng,
Nam tu nữ nhũ tài năng ai tày. [2]
Các người bạn học khi nay,
Thầy thầy tớ tớ từng giây lên đường.
Nghĩ chàng họ Tống mà thương. [g]
Tiền gạo chẳng có, ăn đường khôn xoay. [h]
Cúc Hoa riêng chạnh niềm tây,
Về nhà Trưởng giả trình bày vân vi. [i]
Chồng tôi sắm sửa đi thi,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... quân tử *thiếp xin giãi lòng*

b. *Nay tôi chẳng dám quản công*

c. *Tiền tám chục bán nửa đông nuôi thầy*

d. ... nghe *thấu* sự tình

e. Cầm *lấy tay vợ...*

g. *Thương thay nghĩ Tống Trân chàng*

h. ... ăn đường *trắng tay.*

i. *Cha là Trưởng giả, giàu thay nhiều bề.*

Chú thích:

1. *Dạ điểm hơi sương:* hơi sương thấm vào lòng (xin chịu đói rét).

2. *Nam tu nữ nhũ:* trai có râu, gái có vú, ý nói những bộ phận cơ thể tiêu biểu cho giới tính phải giữ gìn. Mấy chữ tiếp sau dùng ép, không thích hợp.

Cha sao chẳng xót bù trì với nao ![1]
Nữa mai thi đỗ quan cao,
Vinh qui bái tổ bước vào lạy ai.[2]
Phú ông khi ấy trả lời:
"Vinh qui phú quí[a] thì ngươi ăn nhiều.
Chớ điều danh vọng dử trêu,
Bảng vàng cũng mặc, võng điều cũng thây".
Cúc Hoa thảm thiết lắm thay,
Tức thì trở lại phòng tây than rằng:[3]
"Trời ơi có thấu tình chăng,
Xin trời phù hộ cho chồng tôi sang".[4]
Xót thay họ Tống lên đường,
Túi thơ một gánh vai mang chân trời.[b]
Đường trường cách trở xa khơi,
Đến thành vua Việt là nơi kinh kỳ.[5]
Năm nghìn cống sĩ vào thi,
Đua nhau trận bút ai thì nhường ai.
Các quan giữ cửa đô đài,[6]
Lấy tiền nộp quyển của người nặng thay.[c]
Ai có tiền nộp vào đây,
Thì cho qua cửa trường này hành văn.[d]
Ai mà chẳng có kim ngân,
Người đánh người đuổi khôn phân lẽ nào.
Tống Trân nước mắt tuôn trào,
Tôi nay đói khát xin vào hành văn.
Tống Trân từ thuở dời chân,

Khảo dị:

Bản A:

a. Hiển vinh *phú quý...*

b. ...vai mang *chiếc lều*

c. *Quan sang chính sức hai người nghiêm thay*

d. *Nạp cho giữ cửa được vào* hành văn

Chú thích:

1. *Bù trì:* giúp đỡ (chữ dùng ép).
2. *Vinh qui bái tổ:* đỗ xong trở về bái lạy tổ tiên cha mẹ.
3. *Phòng tây:* phòng riêng.
4. *Sang:* đây có nghĩa là đi (sang đò, sang bên này bên kia) không phải là sang trọng.
5. Vua Việt là nói vua nước ta.
6. Đô đài đây nói cửa trường thi.

Cúc Hoa hương đốt kể gần nghìn đôi.
Lạy trời phù hộ chồng tôi,
Vào thi chiếm được tam khôi bảng rồng. [1]
Trước là cho đẹp mặt chồng,
Sau là phận gái có công nuôi thầy.
Bừng bừng vừa mới rạng ngày,
Bảng vàng chói chói treo ngay cửa đền.
Năm nghìn cống sĩ xem tên,
Kề vai thích cánh cửa đền chen nhau.
Tống Trân ngồi ở bên lầu,
Hai hàng nước mắt nhuốm thân ròng ròng.
Đương khi rét cật đói lòng,
Tài non sức yếu vẫy vùng sao đây [2][a]?
Biết rằng có đậu khoa này,
Ta mà chen nó, nó rày xô ta.
Đợi sau xem bảng những là,
Nhược bằng chẳng đậu thời ta trở về.
Tốt thay dòng chữ son phê,
Bảng vàng đệ nhất tên đề Tống Trân.
Năm nghìn cống sĩ tần ngần,
Cửa trường hội thí xa gần hồi quy. [3]
Tống Trân xem được tên đề,
Tỏ tài cống sĩ nam nhi tiếng truyền.
Vua cho sứ triệu Trạng nguyên,
Cho trẫm biết mặt biết tên [b] bằng lòng.
Trạng nguyên quỳ tấu đền rồng,
Mình trần trùng trục hãi hùng vội thưa.
Trình lên ba tiếng tung hô,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... vẫy vùng sao *hay*

b. ... biết mặt *người tiên...*

Chú thích:

1. *Tam khôi bảng rồng*: Tam khôi nghĩa là ba người đỗ đầu: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

2. *Tài non sức yếu:* Tống Trân, yếu sức không có tài chen lấn. Không phải là tài năng kém.

3. *Hội thí:* kỳ thi Hội. *Hồi quy*: trở về

Chúc vua vạn tuế thiên thu thọ tràng. [1]
Vua đang ngự trị đền vàng,
Trông thấy mặt Trạng lòng càng thương thay.
Trạng nguyên mới đậu khoa này,
Gấm ban cho Trạng để may bây giờ.
Vua liền lấy áo ban cho,
Rõ ràng một bức gấm hoa vinh hồi.
Đầu hoa mão, gót hán hài, [2]
Vua liền hỏi Trạng muốn bài trao đây. [3]
Trẫm có Công chúa tốt thay,
Tuổi vừa đôi tám cũng tày Trạng nguyên.
Trẫm mong kết chỉ xe duyên,
Đương triều văn võ đôi bên bằng lòng.
Trạng nguyên quì tấu đền rồng,
Chúc lên ba tiếng cửu trùng thiên thu.
Con vua nhật nguyệt phong tư, [4]
Tôi là hàn sĩ học trò sao nên.
Xem tình vua chẳng ép duyên,
Ban yến nội điện cho liền xem hoa. [5]
Trở về bái tổ quê nhà,
Năm mươi kiếm bạc, kiệu hoa chỉnh tề. [a] [6]
Trạng nguyên ngựa cỡi dù che,
Bảng vàng phỉ chí, nam nhi thỏa lòng.
Có người chẳng đậu vừa xong,
Về nhà mách bảo phú ông nhời này.
Ông giàu lại có phúc thay,
Rể ông ngày rày, thi đậu tam khôi.

Khảo dị:

Bản A:

a. ... bạc, *kéo ra hàng tề (?)*

Chú thích:

1.Ý nói: chúc nhà vua muôn tuổi, sống lâu dài.

2. Đầu đội mão, chân đi hia.

3. *Muốn bài trao đây:* muốn tính chuyện gả con. Bản của Việt Hoài lại chép là *muốn bài nào đây*, là hỏi ý Trạng ưng thế nào.

4. *Nhật nguyệt phong tư:* dáng vẻ đẹp đẽ như mặt trăng mặt trời.

5. Theo lệ, các ông nghè sau khi xướng danh đều được vua cho ăn tiệc và xem hoa vườn thượng uyển.

6. Những bản Quốc ngữ chép năm trăm kiếm bạc, có phần quá lời.

Trước là có phúc muôn đời,
Sau là mồ mả táng nơi hàm rồng. [1]
Phú ông nghe nói mừng lòng,
Gọi nàng lại báo tin chồng mừng sao.
Chồng mày thi đỗ quan cao,
Bây giờ mới thực rể tao từ rày.
Cúc Hoa lăn khóc bấy chầy, [a]
Lạy cha chớ mỉa con rày làm chi.
Có đậu chồng con sẽ về,
Nhược bằng chẳng đậu con đi ăn mày.
Cúc Hoa trở lại phòng tây,
Ôm mẹ mà khóc lòng này kể ra.
Chồng tôi chẳng đậu khôi khoa,
Làng nước ở nhà lắm kẻ cười chê.
Ví dù chẳng có tên đề [2] [b],
Lấy gì nuôi mẹ sớm khuya trong nhà [b]?
Ai ngờ mới sớm ngày ra,
Có quan sứ giả người hòa tới ngay. [3]
Hỏi thăm là chốn [c] Sơn Tây,
Là quê vợ Trạng chúng bay dọn đường. [4]
Trạng nguyên tên chiếu bảng vàng,
Vinh quy bái tổ, tên chàng Tống Trân.
Cúc Hoa mừng rỡ muôn phần,
Mẹ con ta hẳn nên thân từ rày.
Bõ công tốn kém [d] nuôi thầy,
Bây giờ cưỡi ngựa phen này làm nên.

Khảo dị:

Bản A:

a. Cúc hoa *trở về khi nay*

b. ... sớm khuya *những là*

c. *Truyền rằng ở tỉnh* Sơn Tây

d. *Công tôi nhẫn nhục* nuôi thầy

Chú thích:

1. *Quan niệm mê tín theo thuyết phong thủy:* mộ táng vào hàm rồng được thì con cháu làm nên vinh hiển.

2. *Tên đề:* tên ghi trên bảng trúng tuyển (gọi là bảng đề danh).

3. *Sứ giả:* viên quan do triều đình sai mang tin đến người hòa: (dùng ép vần).

4. Ý nói: triều đình ra lệnh cho dân chúng địa phương dọn dẹp đường sá để rước Trạng vinh quy.

Mẹ thì trăm tuổi đã yên,
Sinh con báo bổ cũng nên tấm lòng. [1]
Tôi thì phận gái làm xong, [2]
Phấn vua lộc nước nhờ chồng vinh hoa.
Nói đoạn Trạng nguyên về nhà,
Vua ban khi ấy quân gia nghìn người.
Đến nhà xuống ngựa thư trai,
Cúc Hoa nước mắt tả tơi hai hàng.
Phúc nhà thi đậu bảng vàng,
Vinh quy bái tổ nay chàng lạy ai.
Phú ông nghe nói [(a)] ngỏ lời,
Lấy chồng thế vậy ơn trời nên danh.
Xưa kia cha chẳng trái tình,
Cho nên con được hiển vinh muôn phần.
Cúc Hoa tủi thẹn tần ngần,
Cha sao chẳng sợ quỷ thần xét soi.
Cha xưa hắt hủi chúng tôi, [(b)]
Bây giờ chễm chệ lên ngồi sao yên. [(c)]
Đỉnh đầu hổ có hoàng thiên, [3]
Làm người cầu khổ mới nên thân người.
Phúc nhà thi đậu tam khôi,
Dù che ngựa cỡi hơn người vinh hoa.
Thoắt thôi vợ chồng hồi gia,
Phòng loan gối phượng đuốc hoa sánh bày.
Kể đoạn Công chúa chương đài, [4]
Chẳng lấy được Trạng sánh vai làm chồng.
Bước vào tâu vua cửu trùng,

Khảo dị:

Bản A:

a. Phú ông *khi ấy...*

b. Cha xưa *chẳng giúp cho tôi*

c. ... lên ngồi sao *nên*

Chú thích:

1. *Báo bổ*: đền ơn trả nghĩa. Đúng ra phải là báo đáp.

2. *Làm xong*: ép vần. Truyện Tống Trân rất nhiều câu này, chưa rõ vì sao (các truyện nôm khác đều không có).

3. *Ý trách*: phú ông sao không thẹn có trời ở trên đầu.

4. *Chương đài:* chỗ ở sang trọng, đài các.

Trạng nguyên tình phụ mình rồng tóc mây.[a]
Trạng về bái tổ chớ chầy,[1]
Đã đậu thì bắt đi đày cho xa.
Đường đi ba tháng sơn hà,[2]
Được mười đông trọn hãy tha cho về.
Vua nghe Công chúa nhiều bề,
Sai hai sứ giả tức thì đòi ngay.
Vợ chồng thấy sứ mừng thay,
Nghĩ đã lâu ngày vua nhớ triệu ra.
Làm yến thết sứ trong nhà,
Sứ ăn chẳng được nói ra lời này:
Ông ơi tôi thương ông thay,
Chiếu vua thượng vị cho ngay về đòi.[3]
Thương ông chẳng nói ra lời,
Hãy xem chiếu chỉ ông coi dữ lành.
Trạng nguyên lĩnh chiếu triều đình,
Giở ra mà đọc tâm tình xót thay.
Ôm lấy mẹ già khi nay,
Mẹ ơi có biết sự này khúc nhôi[b][4].
Nghĩ rằng thi đậu tam khôi,[c]
Cho mẹ được cậy, vợ thời[d] được trông.
Ai ngờ chiếu vua cửu trùng,
Bắt con đi sứ mười đông sẽ[e] về.
Mẹ ơi thương mẹ nhiều bề,
Lấy ai phụng dưỡng sớm khuya gia đình.
Ở nhà cậy có vợ lành,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... mình rồng *tôi nay*

b. ... sự này *xót xa*

c. ... thi đậu *khôi khoa*

d. ... vợ *hòa* được không

e. ... mười đông *mới* về

Chú thích:

1. Ý nói: cho Trạng về vinh quy ít ngày thôi, phải bắt trở lại triều không được chậm trễ.

2. Ý nói đưa đi xa, đường phải qua sông núi ba tháng mới đến.

3. *Thượng vị:* ngôi ở bậc trên.

4. *Khúc nhôi*: nỗi niềm chi tiết, đầu đuôi.

Kể sao cho hết tâm tình khúc nhôi.
Bước đi để mẹ ai nuôi,
Thân già bóng chếch bảy mươi tuổi tròn. [1]
Vợ thời còn trẻ chưa khôn,
Thất trinh thất hiếu tiếng đồn chẳng hay. [2]
Cúc Hoa nghe nói lời này,
Than rằng gặp sự tai bay bất kỳ. [3]
Chàng ơi lên ngựa ra đi,
Để thiếp dắt mẹ ở thì nơi nao.
Xưa nay sum họp có nhau,
Bây giờ mưa nắng biết hầu cậy ai.
Một mình vò võ trang đài, [4]
Chàng đi khuya sớm lấy ai hầu chàng.
Vợ chồng đồng tịch đồng sàng, [5]
Anh giã ơn nàng nuôi mẹ anh đi.
Làm trai anh chẳng quản chi,
Sống thác vậy thì phải trả [(a)] ơn vua.
Mới là nam tử trượng phu [(b)] [6],
Mặc dầu số phận [(c)] em lo ngại gì.
Khuyên nàng ở cho có nghì,
Mẹ già nuôi trọn đến kỳ mười đông.
Sống thì anh sẽ về cùng,
Dẫu khi thác xuống vợ chồng xa nhau.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Sống thì anh về, anh trả...*

b. *Nhược bằng thác xuống âm phủ*

c. *Cũng đành phận số...*

Chú thích:

1. *Bóng chếch*: Ý nói tuổi già như bóng chiều đã xế.

2. Không rõ câu này nói gì. Cả 6 bản Nôm và Quốc ngữ đều chép như vậy. Có lẽ muốn tỏ ý lo lắng những tiếng đồn đại bịa đặt cho Cúc Hoa khi chồng đi vắng.

3. *Tai bay bất kỳ:* (Lấy chữ) tai bay vạ gió, bất thường ở đâu tới.

4. *Trang đài:* nơi ở của phụ nữ.

5. *Đồng tịch đồng sàng:* chung chiếu chung giường.

6. *Nam tử trượng phu:* người con trai xứng đáng.

Mẹ già dầu có về chầu,[1]
Thì nàng táng ở đằng sau mộ phần[(a)].
Một mai về chốn hương lân[2]
Trông thấy mộ mẹ nhớ ân nghĩa nàng.[(b)]
Nói thôi Trạng nguyên đi đường,
Cúc Hoa cầm lấy dây cương than rằng:

Khấu đầu trăm lạy, khấn hết thiên tri, địa tri[3], Quan Âm Đức Phật, phù hộ chồng tôi, đi sang Tần quốc, mười đông lại về. Trách nàng Công chúa, ngọc ghét vàng ghen, lòng ở chẳng hiền, trời Phật chứng quả[4].

Than ôi dóng ngựa lên đường.
Mấy ngày trải những dặm đường núi khe.
Tiếng quyên như giục đêm hè,[(c)][5]
Vì ai nên nỗi biệt ly cửa nhà.
Tháng ngày vó ngựa xông pha,[(d)]
Sang đến Tần quốc thành hà nghênh ngang.[6]
Vua Tần nghe thấy Trạng sang,
Triệu mười tám nước viễn bang hội đồng.[7]
Chiếu hoa rải khắp sân rồng,
Cờ bay bươm bướm cắm dong ba ngày.
Đồn rằng có Trạng sang đây,
Cùng mười tám nước đi rầy cho vui.

Khảo dị:

Bản A:

a. ... táng ở *vườn* sau...

b. ...mồ mẹ, *muôn phần nhớ thương*

c. *Đêm, nghe quyên hót tai ghê*

d. ... vó ngựa *đi qua*

Sau câu 420, có thêm:

Vậy có lời than rằng.

Chú thích:

1. *Về chầu:* chầu trời, Phật (tức là chết).

2. *Hương lân:* làng xóm.

3. *Thiên tri, địa tri*: trời biết, đất biết.

4. *Trời Phật chứng quả*: xin trời chứng dám cho từng người, ai tạo ra cái nhân gì, thì chịu cái quả ấy.

5. Quyên hót, tiếng cuốc kêu (đỗ quyên). Trong văn cổ, tiếng cuốc tượng trưng cho mùa hè, và cho tình nhớ nước.

6. *Thành hà:* thành quách và sông ngòi.

7. *Viễn bang hội đồng:* họp sứ giả các nước phương xa tới.

Kể từ Trạng sang tới nơi,
Tình cờ gặp lại hai người xưa kia.[a] [1]
Hai ông nước Tống nước Tề,
Trạng nguyên Nam Việt đều thì cũng sang.
Tần vương chỉ phán đền vàng,[2]
Bay đào một hố giữa đàng sậu thay.
Sâu hơn một trượng chớ chầy,
Chiếu hoa rải khắp đặt bày lên trên.
Bay ra rước Trạng vào đền,
Trạng nguyên Nam Việt đi bên đường hè.
Giữa đường để chánh sứ đi,
An Nam tiểu quốc đi về một bên.
Hai ông chánh sứ bước liền,
Đều sa xuống hố nhãn tiền cả hai.[3]
Trạng nguyên bước qua chẳng dời,
Tần vương nhác thấy khen ngươi anh hào.
Vua Tần chỉ phán thấp cao,
Gạo rang làm bột cho ta chớ chầy.
Đắp làm ba tượng khi nay,
Giã làm ông bụt bánh rày chè lam.
Chùa thì ba gian mới làm,
Có ba ông bụt chè lam thếp vàng.
Có ba ấm nước bày hàng,
Ấm nào ấm nấy nắp vàng đậy trên.
Bay ra rước Trạng vào đền,
Bắt Trạng vào hãm ở trên chùa này.
Đừng cho ăn uống chi nay,
Sống được mười ngày trẫm gả con cho.

Khảo dị:

Bản A:

a. ... lại gặp *hai người ông nghè*

Chú thích:

1. Các bản Nôm chép: *hai người ông nghè*. Các bản Quốc ngữ đều đổi ra là *hai người xưa kia*. Câu dưới nói là hai nước Tống, nước Tề, tức là hai người xưa kia từng quen biết.

2. *Chỉ phán đền vàng*: từ đền vàng mà ra lệnh.

3. *Nhãn tiền*: trước mắt.

Sứ Ngô rước Trạng vào chùa, [1]
Liền đóng cửa lại, sứ Ngô ra về.
Lính hầu lăn khóc ngã kể, [a]
Ông định ăn gì sống được mười ngay. [2]
Chùa thì quét sạch đông tây,
Dễ mà sống được nước này cho no. [3]
Trạng nguyên rằng: bay chớ lo,
Ơn vua mà được ăn no vui lòng.
Nửa đêm giờ Tí làm xong,
Đói thì ta ngả tượng ông ta thời. [4]
Lính hầu lăn lóc tả tơi, [b] [5]
Ai ăn bụt đất lạ đời nhà ông.
Trạng nguyên cười nhạt nhủ rằng, [c]
Đến cơn đói lòng cho mạnh con trai. [6]
Thầy tớ ngả bụt nằm dài,
Họa phúc mặc trời, bụt về thượng thiên. [7]
Tớ thầy khi ấy ngồi nhìn, [d]
Thấy rõ nhãn tiền [e] những bánh chè lam.
Trạng nguyên cười nói ầm ầm,
Đỡ khi đói lòng cho khỏe dạ ta.
Mười ngày khỏe mạnh cũng là,
Bụt làm ăn hết cả ba làu làu.
Uống ba ấm nước cạn khô,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Tớ thầy* lăn lóc...

b. ... lăn lóc *ngã lui*

c. Trạng nguyên *mỉm miệng cười ngầm*

d. Tớ thầy *ngả ra liền nhìn*

e. ... nhãn tiền *thực* bánh chè lam

Chú thích:

1. *Sứ Ngô:* Đây chỉ vào quan hầu nhà Tần, theo lệnh vua tiếp Trạng.

2. *Mười ngay:* ngay tức là ngày.

3. *Nước này*: chỉ vào nước lã đựng trong ba cái ấm.

4. *Thời:* ăn.

5. Các bản Nôm viết hai chữ Hán *ngã lai,* tôi tạm phiên (trong khảo dị) là ngã lui theo phép tá âm. Chưa rõ các bản Quốc ngữ phiên thành *tả tơi* là do đâu.

6. Dùng theo khẩu ngữ: mạnh con trai cũng như mạnh sức trai.

7. Ý nói ăn hết tượng bụt đi (cho bụt về chầu trời còn may rủi thế nào tuỳ trời định).

Sứ Ngô mở cửa để hầu ngó xem.
Sứ Ngô mới trở về đền,
Tâu vua khi ấy: Trạng nguyên người trời !
Đức vua mới phán một lời,[a]
Nào ba ông bụt đâu rồi đem ra ?
Trạng nguyên đặt gối tâu qua.
"Tâu vua muôn tuổi xót xa lòng này.
Vua tôi lòng chẳng thương thay,
Bắt đi sứ sự cho đầy mười đông.
Ai ngờ vua hãm đói lòng,
Tâu vua cửu trùng bụt đã nhập tâm."[1]
Tần vương mỉm miệng cười thầm,
An Nam tiểu quốc mưu thần giỏi giang.[b][2]
Tần vương chỉ phán đền vàng,
Trẫm có Công chúa thanh nhàn đẹp thay.[3]
Trẫm có lòng muốn xe dây,
Cũng tày tuổi Trạng, Trẫm rày gả cho.
Trạng nguyên nước mắt như mưa,
Tâu rằng: "Muôn đội ơn vua cửu trùng.
Con vua nhật nguyệt tiên cung,[4]
Con vua ngọc chuốt gương trong họa trò
Tôi là hàn sĩ học trò,
Tôi đâu dám sánh con vua ngọc lành."
Thấy lời vua chẳng ép tình,
Làm nhà cho ở nội thành một bên.

Khảo dị:

Bản A:

a. Đức vua *khi ấy phán* lời

b. ... tiểu quốc *ta cầm một muôn*

Chú thích:

1. *Bụt đã nhập tâm:* bụt đã vào bụng, nghĩa là đã ăn hết. Có ý chơi chữ theo cách nói của Phật giáo: Tâm tức Phật, Phật tức Tâm.

2. *Các bản Nôm đều viết:* "Ta cầm một muôn" có lẽ nói tài của Trạng kể hàng ức vạn người mới sánh kịp. Chắc vì thấy tối nghĩa, các bản Quốc ngữ đã sửa thành: mưu thần giỏi giang.

3. *Thanh nhàn:* nguyên nghĩa là nhàn hạ. Đây hiểu theo nghĩa là thanh lịch, đẹp đẽ.

4. *Nhật nguyệt tiên cung:* ở trong cung tiên, rực rỡ như mặt trăng, mặt trời. Bản Việt Hoài chép: nhật nguyệt *trong* cung, không rõ.

Ngày thì chầu chực trên đền,
Đêm thời xem sách bút nghiên [a] ai tày.
Tớ thầy ở được mười ngày,
Nhiều khi xuống tắm bến này cầu sông. [b]
Thấy một cô gái giết chồng,
Mua trăm kim sắt để dùng cầm tay.
Nửa đêm chồng uống rượu say,
Kim sắt nó giết chết ngay trong nhà.
Sáng ngày gái ấy làm ma,
Hành trang tế lễ đưa ra ngoài đồng.
Gái ấy quỳ xuống khóc chồng,
Khóc ma trăm tiếng như [c] lòng thương ai.
Tiếng khóc như bông hoa nhài;
Chỉ thấy khóc dài chẳng thấy có thương. [1]
Ra đòi gái ấy hỏi tường,
Khóc chồng nghe thấy như ai thương rày ?
Gái kia quỳ xuống chắp tay:
Lạy ông quả thực tôi nay thương chồng.
Trạng nguyên mỉm miệng cười thầm,
Gái này giết chồng bắt lấy cho tao.
Quan tài truyền lính đem vào, [2]
Vội vàng làm sớ đang tâu Thánh hoàng. [d]
Tâu vua mọi nỗi tỏ tường,
Từ tôi lên tám vâng sang xứ này.
Nhẽ nào tôi nói chẳng ngay,
Có trời có đất chứng rày cho tôi.
Sai người ra khám tức thời,
Dấu gì chẳng có ở nơi trong mình.
Đủ mặt văn võ triều đình,

Khảo dị:

Bản A:

a. Đêm thời *đèn sách văn chương*...

b. ... bến này cầu *đông*

c. .... trăm tiếng *ra* lòng...

d. Mai tao làm sớ tâu vào Tần vương.

Chú thích:

1. Bản Hoa Bằng và Việt Hoài đều chép: Chỉ thấy *chiều dài,* chẳng thấy chiều *thương,* có thể hay hơn, nhưng có phần mới và ít phần mộc mạc.

2. Truyền cho lính đem quan tài (hòm) vào.

Trạng nguyên cầm kéo phân minh xét rày,
Khám đầu thấy dấu tích này,[a]
Cắt quang mái tóc thấy ngay kim sào.[1]
Trạng nguyên làm sớ tâu vua,
Kim sào ấy thực là dao giết chồng.
Tần Vương nghe tấu cười thầm,
Phong cho lưỡng quốc đền rồng Trạng nguyên,
Vì chưng gái có tình riêng,
Đang tay nỡ giết chồng hiền không thương.[2]
Tẩm dầu quấn sáp làm gương,[b]
Đốt đi để khói tuôn lên đến trời.[c]
Tra xong án ấy vừa rồi,
Ba năm lại có một người lái hương.
Ba năm xa vắng[d] bán buôn,
Ở nhà vợ đã buôn buồn cùng trai.[3]
Bạc buôn vừa được trăm hai,
Đi đêm chẳng có một ai gặp rày.
Bạc này ta gửi cành cây,
Cành kia chú giữ bạc này cho tôi.
Sau khi gửi bạc cành rồi,
Lái hương sắm sửa tìm nơi trở về.
Vợ mừng chồng đã gần kề,
Hỏi rằng: buôn bán từ khi đến rày.
Buôn Tần bán Sở bấy chầy,[4]
Ba năm anh lại về rày tay không.

Khảo dị:

Bản A:

a. Khám đầu *thì dấu thấy ngay*

b. *Thế ra gian ác chẳng hiền*

c. *Xin làm tội nặng thấu* lên đến trời

d. Ba năm *vì nỗi*...

Chú thích:

1. *Cắt quang:* cắt sạch.

2. Bản Nôm viết *khiêm* cạnh bộ *kim*, ông Hoa Bằng phiên là: *không gươm*. Bản Phúc Chi và Việt Hoài để là *không thương*.

3. Nhiều bản Quốc ngữ phiên âm là *bồn chồn*, không đúng, buôn buồn là buôn cái buồn (bán buồn mua vui.. Trong dân gian, thường hay dùng chữ này, khi muốn ám chỉ một cô gái lẳng lơ.

4. Ý nói đi xa, buôn bán ở nhiều nơi.

Lái hương nghe nói giận lòng,
Vô tình chàng mới [a] phô sòng nói ra. [1]
Bạc anh đã gửi cành đa,
Trong nhà kín vách, ngỡ là không ai.
Nào hay xã trưởng đứng ngoài,
Căn nguyên nghe biết, tới nơi lấy tiền. [2]
Bừng bừng trời mới rạng đông, [b]
Vợ chồng ra đấy đứng trông [c] chẳng còn.
Lái hương nước mắt nỉ non, [d]
Thực thà than vãn nguồn cơn ngày rày. [e]
Hôm qua anh gửi cành cây, [g]
Ai ngờ oa trữ ra tầy đạo nhân. [3]
Bạc ta gửi một trăm cân,
Ấy ai gian giảo nói lần ta đây. [h]
Nàng về lấy dao ra đây,
Anh đẵn cành này đi kiện chẳng tha.
Lái hương cắt lấy cành đa,
Đem ngay sang kiện bên nhà Trạng nguyên.
Lái hương quỳ lạy tâu lên,
Xin người tra hỏi căn nguyên việc này. [i]
Của tôi buôn bán bấy chầy,
Được trăm hai bạc gửi rày cành đa.
Chẳng chịu thì nói cho ra,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Giãi bày cùng vợ* phô sòng...

b. Bừng bừng *mới sáng ngày lên*

c. Vợ chồng ra *lấy, trông lên* chẳng còn

d. ... nước mắt *bằng non*

e. *Ai gian thời nói, mìn còng được hay*

g. ... anh gửi cành *này*

h. ... gian giảo *bảo cầu được may*

i. *Lạy ông tra khảo cho yên sự* này

Chú thích:

1. *Phô sòng*: tỏ bày rõ ràng.

2. Các bản Quốc ngữ chép: *tới nơi lấy sòng*, có lẽ là sửa cho hợp vần với câu dưới.

3. *Oa trữ*: chứa chấp tang vật trái phép. *Đạo nhân:* kẻ trộm.

Ai ngờ cành lại gian hòa chia tang.[a][1]
Trạng nguyên mới bảo lái hương:
Để ta nghiêm xét hội đồng cho ra.
Trạng nguyên bày mẹo cao xa,
Đào hầm ở gốc cây đa đêm trường.
Cho người xuống hố sẵn sàng,
Rạng ngày lại đến tra tang đạo tình.[2]
Cho người khảo đả phân minh,[3]
Cây kêu biết mặt rành rành đạo nhân.[4]
Tra đi tra lại mấy lần,
Cây đa vẫn cứ khai lần thế thôi.
Trạng nguyên cho người giữ coi,
Đêm hôm tuần cẩn chẳng sai đâu mà.[5]
Tuần thú vâng giữ cây đa,[6]
[*]Canh giờ cẩn mật để tra kiện này.[*]
Lái hương hầu kiện ba ngày,
Trạng nguyên đòi lại lời này nói ra.
Khảo đánh ngày đã đủ ba,
Nó đà biết mặt, nó đà biết tên.
Lái hương cho về kiếm tiền.

Khảo dị:

Bản A:

a. Ai ngờ cành lại *trữ hòa đạo nhân.*

Từ câu 588 có rút bớt câu, lời lẽ cũng khác. Điều đáng chú ý là các bản Nôm ở đoạn này đều giống bản A. Các bản Quốc ngữ đều ghi như trên đây: từ câu 588 đến câu 600.

Đã đem cành kiện, hỏi tường cho ra
Sai người bắt lấy hỏi tra,
Phạt cho kiện ấy tiền hòa năm mươi.
Ngày thời tuần thú xem coi,
Đêm hôm canh giữ chẳng sai đâu là.
Tuần thú phải nghe lời ta,
Canh giữ cho cẩn để tra kiện này.

Chú thích:

1. *Gian hòa chia tang:* lời ép, ý nói cành cây cũng gian giảo, để chia phần tang vật ăn trộm.

2. *Tra tang đạo tình:* Tra xét tìm tang chứng, tình hình vụ trộm

3. *Khảo đả phân minh*: đánh đập tra khảo cành cây, rành rọt như đánh người.

4. *Đạo nhân*: kẻ trộm.

5. *Tuần cẩn:* tuần hành cẩn thận.

6. *Tuần thú:* những người canh gác.

[*] Như đã ghi ở khảo dị, cả đoạn này, các bản Nôm không có chi tiết đào hố cho người nấp dưới gốc cây và khảo đả cành đa. Vì vậy mà không chọn bản A làm bản chính.

Mua trâu mà giết kỳ yên lễ thần. [a] [1]
Lại tế tiên tổ ân cần,
Mời khắp làng nước cỗ bàn no say.
Bao nhiêu con chó nhà mày,
Hiền thì buộc lấy, dữ rày thả ra.
Dù ai người có đến nhà,
Chó mừng quen mặt bắt ra nộp rày.
Lái hương về mua trâu ngay,
Giết đi làm cỗ để nay mời làng.
Mời khắp thân thích họ hàng,
Mời khắp làng nước mấy bàn con trai. [2]
Đến tuần xã trưởng thứ hai,
Ba năm chó đã quen hơi chó mừng.
Vào vừa mới đến ngoài sân,
Người nhà bắt lấy kêu ầm trói gô. [b]
Bắt ra khảo đả bấy giờ,
Trạng nguyên xem thấy mưu mô nực cười.
Xã trưởng kia hỡi chú ơi,
Lấy của sao chẳng chia đôi [c] cho cành.
Cành kia đã thú phân minh,
Xã trưởng nó lấy, xưng danh tức thì.
Xã trưởng biết tội liền quỳ,
Lạy ông tôi thấy đêm khuya vắng người.
Bạc thời có một trăm hai,
Hãy còn vẻn vẹn chẳng sai đồng nào.
Thực tôi không dám tơ hào, [d]
Nói xong liền nộp bạc vào chẳng sai. [e]

Khảo dị:

Bản A:

a. ... kỳ yên lễ *thành*

b. *Lái hương bắt lấy đạo nhân đạo đồ*

c.... Sao chẳng chia *bôi*...

d. *Trạng nguyên mới nói một lời*

e. *Bây giờ tiện được tiền thì năm mươi (?)*

Chú thích:

1. *Kỳ yên:* lễ cầu cho được yên ổn.

2. *Mấy bàn con trai:* các cỗ bàn ở đình làng, nhà họ ngày xưa chia ra: bàn quan viên, bàn lao, bàn phần, bàn con trai v.v...

Mới hay quan Trạng anh tài,
Kiện cành được của, còn ai sánh bày. [a]
Người kiện mà tra cành cây,
Làm cho đạo tặc sợ nay quá chừng. [b]
Nọ mười tám nước biết tường,
Tần Vương thưởng Trạng bao vàng nhiều thay.
Ở Tần được bảy năm chầy,
Ở nhà bố vợ lòng rày bất nhân.
Nửa đêm vắng vẻ xa gần,
Gọi vợ thức dậy sự cần phải lo.
Con ta gả chồng học trò,
Hàn vi cơ khổ đã lo mấy hồi.
Ngỡ là thi đậu tam khôi,
Ở nhà vợ được hôm mai cậy cùng.
Bây giờ sang sứ mười đông,
Âu là tìm kẻ tin dùng Cúc Hoa. [1]
Ngày sau có trở về già, [c]
Một mai có kẻ vào ra tớ thầy.
Chồng con thác đã lâu ngày,
Con còn trực tiết phòng [d] tây làm gì. [2]
Nghe cha định liệu một khi,
Mai sau phú quý con thì được trông.
Dại gì chầu chực mười đông,
Tội gì nuôi lấy mẹ không cho người.
Cúc Hoa nói chẳng ra lời,
Vật mình than khóc thương ôi hời chàng !
Cùng nhau đã bảy đông trường,
Ai ngờ phân rẽ thiếp chàng lìa đôi. [e]
Phú ông nổi giận bời bời,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... còn ai *biết gì*

b. *Nói ra chỉ thực tiền rày một trăm (?)*

c. *Con ơi nghe lấy lời cha*

d. ... trực tiết *niềm* tây...

e. ... cho *chàng* lìa *đôi*

Chú thích:

1. *Tin dùng:* chữ dùng ép, ý nói là thương yêu.
2. *Trực tiết phòng tây:* giữ tròn tiết nghĩa ở phòng riêng.

Khuyên con chẳng được lòng thời xót thay.
Đòi nàng Cúc Hoa vào đây,
Thoi vàng xuyến bạc của này cha cho.
Tiền trăm bạc chục đầy kho,
Tiếng đồn phủ huyện nhiều đồ tư trang. [1]
Cúc Hoa thổn thức gan vàng,
Vật mình than khóc thảm thương nỗi lòng.
Mình tôi chẳng xứng vóc hồng,
Tay tôi chẳng xứng đeo vòng điểm trang.
Tai tôi chẳng xứng nụ vàng, [2]
Chân tôi chẳng xứng đeo mang hán hài. [3]
Lấy chồng cơm tấm vải dầy, [a]
Sống thời chăn gối, thác rày thủy chung. [4]
Phú ông, nghe nói thẹn lòng,
Bảo con chẳng được đùng đùng ra tay.
Đóng ba lần cửa kín thay,
Hãm con trong ấy áo rày cởi ra.
Roi song liền để trong nhà,
Cơm ăn chẳng được ngày ba trận đòn.
Cúc Hoa mặt võ xương mòn,
Phần đau cha đánh [b] phần thương mẹ chồng.
Những toan tự tử cho xong, [c]
Thác đi sợ để mẹ chồng ai nuôi.
Chịu sầu ngậm đắng cho nguôi,
Đối phúc cùng trời chẳng biết làm sao.
Phú ông dạ tức như bào,
Mẹ chồng cũng bắt hãm vào chuồng trâu.
Áo quần chẳng cho mặc đâu,
Đã bảy mươi tuổi giữa trâu hỡi bà !

Khảo dị:

a. ... cơm tấm *áo gai*

b. Phần đau *ép uổng*...

c. Những toan *thắt cổ*...

Chú thích:

1. *Tư trang:* đồ trang sức của riêng.
2. *Nụ vàng:* hoãn, khuyên, hoa tai bằng vàng.
3. *Hán hài:* dày dép của nhà sang, nhà quí tộc.
4. *Thác rày thủy chung:* chết cũng trung thành, trước sau như một.

Hãm tôi chẳng cho tôi ra,
Lấy ai rận chấy cho bà, bà ơi ! [1]
Trước thì tôi tủi mình tôi,
Sau là thương mẹ nằm ngồi [a] chuồng trâu.
Lão bà nức nở khuyên dâu, [b]
Con nghe người dạy khỏi đau gan vàng.
Chồng giàu hẳn được mình sang,
Họa may mẹ cũng vẻ vang cậy cùng.
Cúc Hoa nước mắt ròng ròng,
Dầu sống dầu thác đợi chồng mười niên !
Nào hay giờ Tí nửa đêm,
Cúc Hoa thức dậy mình liền ra đi.
Một mình lên núi Ba Vì, [2]
Chim kêu vượn hót kể chi đường rừng.
Dưới khe nước chảy vang lừng,
Đầu non thăm thẳm khơi chừng ghê thay.
Hồn chàng thác ở đâu đây,
Có thương đón thiếp đi rày mấy nao !
Sơn tinh nghe tỏ tiêu hao, [3]
Biến ra mãnh hổ hỏa hào năm mươi. [4]
Ầm ầm lừng lẫy trong ngoài,
Hào quang biến hiện mười người hóa ra.
Đến khi ngọn hỏi ngành tra,
Sơn tinh mới bảo Cúc Hoa lời này.
Chị là con gái đâu đây,
Cớ sao đem thịt cho rày hổ ăn ?
Cúc Hoa nước mắt thấm khăn,
Chắp tay quì lạy Sơn thần hai bên.
Lạy ông tôi kể sự duyên,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... thương mẹ *hãm ngoài...*

b. Lão bà *nước mắt thấm sâu*

Chú thích:

1. *Rận chấy:* bắt chấy bắt rận cho bà lão. Ý nói săn sóc thân thiết chu đáo.
2. Núi Ba Vì thuộc Sơn Tây.
3. Sơn tinh ở núi Ba Vì, chắc muốn chỉ vào thần Tản Viên.
4. Ý nói biến thành những con cọp dữ tợn.

Đoạn ông ăn thịt tôi liền tiếc chi.
Cha tôi trưởng giả nhà quê,
Giàu sang sớm đã [a] sinh thì ba tôi.
Hai chị lấy chồng hai nơi,
Còn tôi em út ép tôi duyên này. [1]
Gả tôi chồng khó ăn mày,
Chồng thì lên tám mẹ rày sáu mươi.
Tôi mười ba tuổi nữ hài, [b]
Nuôi chồng thi đỗ tam khôi bảng rồng.
Vua sai sứ sự mười đông,
Dặn tôi nuôi mẹ đợi chồng đến khi.
Cha tôi ra dạ bất nghì,
Được bảy năm vẹn bắt về rẽ duyên.
Chẳng nghe đòn đánh ngày đêm, [c]
Tôi chịu chẳng được tôi bèn ra đi.
Thân này sống chẳng làm chi,
Xin ông xơi thịt tôi đi theo chồng.
Sơn tinh nước mắt ròng ròng,
Con ở có đức sao ông nỡ hoài. [2]
Cắt sai mãnh hổ hai người,
Vàng cân tám lạng đưa thời Cúc Hoa.
Sai hai mãnh hổ đưa ra,
Chờ cho bạch nhật đưa qua nàng về. [3]
Đứa nào bỡn vợ ông nghè,
Ắt là thượng đế phân chi tồi tàn. [4]
Bảo nàng xin chớ lo toan, [d]

Khảo dị:

Bản A:

a. Giàu sang *phú qui...*

b. Tôi mười ba tuổi *dưỡng nuôi*

c. ... đòn đánh cho liền

d. Sai hai mãnh hổ *lâm san*

(rồi nói tiếp ngay câu 752, không có câu giữa.

Chú thích:

1. Các bản của Hoa Bằng, Việt Hoài, Phúc Chi đều phiên: *còn tôi em bé.* Nhưng bản Nôm viết chữ thiếu trong bộ ất, tôi phiên là *út.*

2. *Nỡ hoài:* nỡ coi rẻ.

3. *Bạch nhật:* sáng rõ ban ngày.

4. *Phân chi:* phanh thây.

Ta sai mãnh hổ Tần bang thượng trình. [1]
Vậy nàng tỏ hết sự tình,
Làm thơ cho Trạng, Sơn tinh lên đường.
Cúc Hoa viết thư vội vàng,
Trao cho mãnh hổ đưa sang nước Tần.
Tạ từ mãnh hổ rời chân,
Tự nhiên biến hóa vô vàn Sơn tinh.
Tầng tầng trời mới bình minh,
Sơn tinh hiện hình sang nước Tần vương.
Biến ra mười người khác thường,
Áo xiêm mũ đội sẵn sàng suy nghi.
Hỏi thăm nhà Trạng ông nghè,
Tới nơi đầu ngõ [a] một khi bước vào.
Trạng nguyên khi ấy ra chào, [b]
Chẳng hay các tướng hỏi trao việc gì.
Mười tướng chấp tay liền quì,
Trạng nguyên đỡ dậy một khi mời ngồi.
Sơn tinh kể lể [c] khúc nhôi,
Lại sa nước mắt tả tơi [d] ròng ròng.
Ông sang sứ sự mười đông,
Nào ông có biết vợ ông ở nhà.
Tôi kể chẳng hết đâu mà,
Mặc trong thư ấy xem ra dữ lành.
Trạng nguyên ôm thư vào mình,
Rõ ràng chữ vợ [e] tâm tình quặn đau.
Lại có tên mẹ viết sau,
Đọc đi chẳng được thêm đau tấm lòng.
Cầm thư nước mắt ròng ròng,
Những lời anh dặn mười đông phụng thờ.
Giã ơn Sơn tinh bây giờ,

Khảo dị:

a. *Mười tướng mãnh hổ* một khi...

b. Trạng nguyên *trải chiếu*...

c. *Kể từ mọi việc* khúc nhôi

d. *Sơn tinh nước mắt chảy rơi* ròng ròng

e. *Trông thấy như vợ* tâm tình...

Chú thích:

1. *Tần bang thượng trình*: lên đường sang nước Tần.

Công đem thư ấy sang đưa bên này.
Sơn tinh xin hãy ngồi đây,
Tôi đem thư này tâu với Tần vương.
Họa là vua có lòng thương,
Giảm năm giảm tháng mở đường cho ta.
Trạng nguyên đem thư vào tòa,
Bây giờ Hoàng đế [a] xem qua thế vầy.

Vậy có thư rằng:

Tên tôi Cúc Hoa, tài hèn phận nhỏ, cha mẹ gả chồng, phải nơi nghèo khó. Chồng là hàn sĩ, mẹ già sáu mươi, một mình tôi nuôi, hết đường cùng khổ. Khuyên chàng kinh sử, đón rước tìm thầy, được nửa năm chầy, ơn vua thi đỗ. Cũng mang phận số, chiếm bảng tam khôi, phấn vua ơn trời, cho tôi được cậy. Ai ngờ khi ấy, vua bắt sứ quan, cha tôi rẽ duyên, gả cho chồng khác. Tôi liều mình thác, để nuôi mẹ chồng, giữ đạo tam tòng, một lòng khẩn thiết. Cha tôi đánh ghét, hãm mẹ chuồng trâu, đã được bấy lâu, mặt sầu vò võ. Dù sinh dù tử, dù đói dù no, kể hết duyên do, để chàng soi xét. Biết bao tình tiết, thư chẳng hết lời, ngàn dặm xa khơi, xin thương đến thiếp.

Vua Tần cầm thư xem ngay, [b]
Khen rằng thực gái thảo ngay hết lòng. [c]
Lại truyền khắp cả nội cung,
Đàn bà đức hạnh công dung thế này.
Nước Nam sao lắm người hay,
Mới mười mấy tuổi thảo ngay [d] thờ chồng.
Thật là tận hiếu tận trung,
Trẻ thơ biết đạo tam tòng xưa nay.
Ước gì nàng ấy sang đây, [e]
Trẫm nuôi tức khắc [g] để rầy làm con.
Tiền thời Trẫm thưởng mười muôn,
Sắc phong Công chúa sánh cùng Công khanh.
Ở lâu Trẫm cũng thương tình,
Giảm cho ba tháng, quy ninh từ rày.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Tâu vua Tần quốc xem qua thư này*

b. Vua Tần cầm thư *lên tay*

c. *Lâm râm miệng đọc thư nay điện rồng*

d. *Lên mười ba tuổi biết nay* thờ chồng

e. Ước gì *cho nó...*

g. Trẫm nuôi *lấy nó.*

Trạng nguyên bái tạ tâu bày,
Tôi xin về rày trả nghĩa Sơn tinh.
Tức thì mở tiệc sắm sanh,[a]
Cỗ bàn gà lợn linh đình thết ngay.[b]
Rượu thì một hũ rót đầy,
Sơn tinh ăn uống no say tâu quỳ.[c]
Ông cho chúng tôi trở về,
Kẻo chúa tôi đợi ngồi kề đầu non.
Trạng nguyên làm bức thư son,
Giao cho mãnh hổ đưa nàng Cúc Hoa.

Vậy có thư rằng:

Anh là Tống Trân, ba người bảng xuân, tên anh đệ nhất. Nghĩ mừng gia thất, bái tổ vinh quy, lòng vua có nghì, gả nàng Công chúa. Lòng anh thương vợ, có nghĩa có nhân, nuôi mẹ ân cần, nghĩa nặng khẩn khẩn. Công chúa lòng giận, làm bản tâu lên, đày anh viễn biên, hầu vua Tần quốc. Nước người làm chước, đào hố giữa đường, sâu mười trượng trường, chiếu hoa trải khắp, ba quân đón rước, cờ sắp hai bên. Chánh sứ bước lên, đều sa xuống hố. Mình anh nước nhỏ, đi một bên đường, bước vào tòa vàng, quỳ ngay Công phủ. Vua Ngô phán nhủ, hãm anh vào chùa, ba tượng mới tô, thếp vàng choi chói, ba gian nhà ngói, ba ấm bày hàng, hai cái gáo vàng, sứ Ngô đóng cửa. Mình anh khi ấy, hoài tượng sống mình [1]. Mười ngày bình minh, vua sai mở cửa. Còn ba năm nữa, vua mới cho về. Anh dặn nàng thì ở cho có nghĩa. Như nàng Lý Thị, bắt chước Chu Dung, gái nuôi mẹ chồng, cũng là có nghĩa. [2]

Từ ngày Sơn tinh đi rồi,
Cúc Hoa luống những ngậm ngùi lao đao,
Lại lên chốn cũ tiêu dao,
Đem tin vừa lúc thư trao đem về.
Cúc Hoa tiếp lấy thư kia,
Tạ từ Sơn chúa một khi ân cần.
Xem thư đứng đọc tần ngần,
Trách chàng quân tử bất nhân chăng là.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Mười người thầy tớ* sắm sanh

b. *Tức thì làm lợn...*

c. ... no say *sẽ về.*

Chú thích:

1. *Hoài tượng sống mình:* phá tượng mà ăn.
2. *Lý Thị, Chu Dung:* tên những phụ nữ có tiết hạnh ở Trung Quốc ngày xưa.

Lại thêm trách mẹ cùng cha, [a]
Lại trách Công chúa, cùng là trách nhân. [b]
Lại trách cả vua nước Tần, [c]
Chỉ ơn mãnh hổ sơn quân có nghì. [d]
Phú ông lên ngựa một khi,
Đầu ghềnh bước tới tức thì tìm con.
Cúc Hoa đương đứng đầu non,
Phú ông đổ đến trúc côn ta cầm. [1]
Sơn tinh thét mắng ầm ầm,
Cớ sao mày được gian dâm vợ người. [2]
Ở sao chẳng sợ bụt trời
Trêu ghẹo vợ người tội ấy nặng thay.
Mày ở cho ích mình mày,
Có tài mày xuống dưới này cùng tao.
Cúc Hoa kể lể thấp cao,
Ấy là cha thiếp phải nào ai đâu.
Mãnh hổ nghe nói trước sau,
Tạ từ liền mới cúi đầu bước ra.
Phú ông đem con về nhà,
Xông hương đánh phấn ướp hoa [e] nào rồi.
Hoa thì kén những hoa tươi,
Phấn thì kén thứ [g] chẳng phai màu hồng.
Cúc Hoa vò võ thương chồng,

Khảo dị:

Bản A không có những câu từ 887 đến 892.

Bản A:

a. *Một là* trách mẹ...

b. *Hai* trách... ba là...

c. *Bốn* là trách...

d. *Năm thì cảm tạ*...

Bản A sau câu 908 có thêm hai câu:

Phú ông lòng giận xiết bao
Chúng bay mãnh hổ dọa tao làm gì

e. ... đánh phấn, *chẳng khi*...

g. *Vụ nào hoa ấy, chẳng phai*

Chú thích:

1. *Trúc côn*: gậy trúc.

2. Mãnh hổ tưởng lầm có người trêu ghẹo Cúc Hoa.

Chi tiết này không thích hợp, nhưng cũng chứng tỏ chất dân gian phi lôgích rất đậm trong tác giả khuyết danh.

Hoa cài trên vách, lược hồng mái tranh.
Tóc mây bỏ rối linh tinh, [a]
Gương tàu để bụi, sáp bình để meo.
Phú ông thấy con ủ sầu,
Kíp truyền làng nước mõ rao xa gần.
Rằng min có gái thanh xuân,
Tơ hồng chưa kết, Châu Trần vẫn không. [1]
Tuổi mới hai mươi làm xong, [b]
Chồng con chưa có giao thông ai rày,
Đình trưởng nghe nói mừng thay,
Lấy vàng tám lạng đưa ngay đến nhà.
Phú ông mừng rỡ nói ra,
Hỏi thì ta gả con ta cho mày. [c]
Thế gian có câu ví này, [d]
Ba năm làm rể đoạn đầy tóc tơ.
Đình trưởng vội vàng toan lo,
Bắt ngay đứa ở sấm đồ vào ngay.
Làm rể được ba năm chầy,
Phú ông tính lại, đã đầy mười đông.
Tức thì mở cửa loan phòng,
Hỏi Cúc Hoa hỡi đợi chồng nữa chăng ?
Bây giờ đã được mười đông,
Nếu nó còn sống đã hòng về đây.
Cúc Hoa bấm đốt ngón tay,
Mười năm đã trọn thương thay cảnh chồng.
Phú ông bảo rể làm xong,
Con về sửa lễ để hòng cưới ngay. [e]
Trâu ba mươi con nộp đây,
Cỗ bàn làng họ ba ngày ăn chơi.

Khảo dị:

a. ... bỏ rối *bên mình.*

b. *Tuổi nó mới hai mươi ròng*

c. Hỏi *thời min gả để hòa làm chi*

d. ... *làm rể, min này...*

e. Con về *kiếm của mai ông sính bày*

Chú thích:

1. *Châu Trần:* chỉ vào việc kết duyên (theo điển nước Châu, nước Trần đời đời thông gia.

Trước là mở tiệc làm vui,
Sau là mừng rể, được người giàu sang.
Mõ rao khắp cả trong làng,
Thôn nào giáp nấy bảo ban lời này.
Tre thì mỗi người một cây,
Tranh thì ba cái phải rày như y. [1]
Mẹ nào con ấy cùng đi,
Nhỏ thì lên một lớn thì lên ba.
Đứa nào không đến nhà ta,
Thì làng bắt khoán tiền là quan hai.
Ba ngày ăn uống trong ngoài,
Nem công chả phượng nghìn chai rượu nồng.
Ngoài thì năm trăm đàn ông,
Trong nhà chín dòng toàn những nữ nhi.
Ngồi trên bố vợ chiếu huê,
Dưới chú Đình trưởng ngồi kề cậu cô.
Nhà đương ăn uống say no,
Hay đâu ông Trạng bên Ngô vừa về.
Giã mười tám nước đề huề [a]
Giã vua Tần quốc [b], Trạng về An Nam.
Vua Tần trong dạ bàng hoàng,
Trạng về Trẫm nhớ muôn vàn chẳng yên. [c]
Trạng đi lên tám thiếu niên,
Trạng về mười tám bằng tiên ai tày.
Tần Vương mới bảo con rày, [d]
Một ngày nên nghĩa chồng mày đó con.
Công chúa bước xuống cung son,
Chân đi hài phượng ngỡ tiên đan trì, [e]

Khảo dị:

Bản A:

a. ... mười tám nước *thượng vì*

b. Giã vua *Ngô quốc*...

c. Trạng về, Trẫm *ở dôi dàng sao yên*

d. *Đòi nàng công chúa ra đây*

e. ... Đưa *chàng hồi quy*

Chú thích:

1. Các bản Quốc ngữ đều viết: *danh* thì ba cái. Nhưng sao mỗi nhà lại phải nộp ba cái *đinh?* Bản Nôm chép là *tranh*, có lý hơn. Vì góp tranh tre là để làm rạp đám cưới.

Công chúa bước xuống một khi,
Cầm lấy tay Trạng vân vi giãi lòng.
Chàng về phượng chạ loan chung,
Bao giờ trọn nghĩa tương phùng chàng ôi.
Kiếp này chưa đẹp duyên hài,
Nguyện xin kiếp khác nọ đôi chữ đồng.
Tay tiên thảo biết tơ hồng,
Xui chàng [a] ghi nhớ mười đông nước Tần.

Vậy có thư rằng:

Thiếp phận nữ nhi, con vua Thánh đế, nhờ ơn giảng trị, trọn đạo phu thê. Chàng trở ra về, An Nam nước Việt. Thiếp còn giữ tiết, trọn đạo khăng khăng, thiếp chực loan phòng, mười đông vắng vẻ. Đường trường xiết kể, thiếp nhớ chàng thay. Chàng trở về rày, khi nào họp mặt ? Việt Nam Tần Bắc, thương nhớ trăm đường, thảo bức thư chương, mọi nhời phong kín, khi nào nhớ đến, trông thấy xin thương. Châu lệ hai hàng, mặt sầu vò võ. Khác nào Chức Nữ, vẫn nhớ Ngưu Lang, khác nào chàng Trương, nhớ nàng Oanh nữ. Thơ ngây ý tứ, như hạc cưỡi rồng, như ả Phù Dung, gặp chàng Dương Thế(?). Như chàng Hậu Nghệ, gặp ả Hằng Nga. Khác nào đôi ta [1], chàng về thiếp ở. Gửi thư mấy chữ, chàng thấu chăng chàng?

Thư đưa lòng luống tần ngần,
Khối duyên ai biết đường gần hóa xa.
Đông mặt văn võ năm ba,
Ngô Vương cầm bút phong qua đền vàng.
Phong cho lưỡng quốc quan sang,
Lấy vàng cho Trạng ăn đường nghìn hai.
Trạng nguyên bái tạ điện đài,
Giã mười tám nước nay tôi xin về.
Ngày đi ba tháng kể chi,
Đến khi Trạng về chẳng tới mười ngay.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Dặn chàng xin nhớ...*

Chú thích:

1. Những chi tiết trong lá thư:

Nhờ ơn giảng trị: bản Nôm viết: *may ơn lưng chị*. Ông Hoa Bằng phiên đúng như thế, không giải thích. Bản Phúc Chi và Việt Hoài chép *giảng trị*. Xin cứ tạm ghi.

Chức Nữ Ngưu Lang: lấy điển vợ chồng Ngâu thương nhớ nhau. Chàng Trương, Oanh nữ: theo truyện Tây Sương ký: Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy, Phù Dung, Dương Thế: không rõ tích gì (các bản Quốc ngữ bỏ 8 câu này). Hậu Nghệ, Hằng Nga: Hằng Nga là vợ, trộm thuốc chồng bay lên cung trăng.

Ngựa đi mau ngỡ tên bay,
Có quan hướng đạo [a] người nay chỉ đường.
Trạng nguyên nước mắt hai hàng,
Than cùng chư tướng bách quan lời này.
Chẳng nói chư tướng chẳng hay,
Nói ra chẳng thẹn lòng này mấy thân. [b]
Tuổi ta lên tám phong trần,
Vợ thời mới cưới Canh Dần mười ba.
Mẹ ta bảy mươi tuổi già,
Ta phải đi sứ đường xa vương kỳ. [c]
Ơn vua nay được trở về, [d]
Quan quân đóng đó ta về thử nay. [e]
Chư tướng hãy tạm đóng đây,
Min về thăm viếng bên này tổ tiên.
Chư quân vâng lệnh phán truyền, [g]
Tức thì đóng lại ở trên Hồng Hà. [h]
Đoạn xong quan Trạng bước ra, [i]
Vừa buổi đông chợ ai mà được hay. [k]
May đâu gặp chú ăn mày,
Hỏi rằng đình đám ai rày hỡi con.
Ăn mày kể hết nguồn cơn,
Chẳng nói ông đánh tôi khôn giấu mà. [l]
Đình trưởng ăn cưới Cúc Hoa,
Mỗi ngày giết những hai ba trâu cày.
Cỗ bàn rượu thịt đã đầy.
Tôi vào ăn mày nó chẳng có cho.
Trạng nguyên nghe biết duyên do,

Khảo dị:

Bản A:

a. Có quan *thông sự...*
b. Nói ra *hổ thẹn lòng này nhục thân*
c. ... đường xa *chưa về*
d. *Hơn trăm dù võng ngựa xe*
e. *Đều thời đóng đó min về không tay*
g. Chư quân *đóng đó cho yên*
h. *Min về ướm hỏi thử xem sự nhà*
i. *Nói liền Trạng bước chân ra*
k. ... đông chợ *đến nhà khi nay*
l. ... ông đánh, *tôi liền nói ra*

Con cởi áo rách ông cho áo lành.
Quần áo cho mày sắm sanh,
Quạt mo bị gậy để dành đưa tao.
Đầu thì vò rối mặt bào,
Da ngà bôi mực khác nào con điên.
Trạng nguyên đổi dạng vào liền,
Qua mấy xóm ngõ tới miền nhạc gia.
Làng nước năm trăm trẻ già,
Còn đương ăn uống rượu trà bò trâu.
Trạng nguyên đứng đợi giờ lâu,
Đoạn thời giả cách khấu đầu kêu ngay.
Nhà người có ma hay chay,
Trâu bò giết lắm thế này ông ơi.
Nhà người có cưới con người,
Chú sao mở miệng nói lời chay ma ?
Có đường chú tránh cho xa,
Chú còn đứng đấy ất là dùi mang !
Trạng nguyên trả lời vội vàng,
Chẳng biết min hỏi cương cường đánh ai,
Chẳng biết min hỏi min chơi,
Miễn cho chú được mạnh dùi chú kia !
Nói thôi lại bước chân đi,
Lên nơi phòng vợ thử nghe lời nàng.
Mở cửa vườn hoa vội vàng,
Bước vào trong cửa thấy nàng ngồi may.
Thấy hai hầu gái chân tay,
Cỗ bàn xôi thịt trình bày Cúc Hoa.
Bà ơi này cỗ cưới bà,
Ông tôi có dặn tôi ra nói rày.
Xin bà ăn uống no say,
Đến mai tốt ngày bà về làm dâu.
Cúc Hoa nét mặt buồn [a] rầu,
Ai làm cho cực lòng nhau hỡi chàng !
Bảo đôi hầu gái rõ ràng,

Khảo dị:

Bản A:

a. Cúc Hoa *nước mắt rầu rầu*

Cỗ kia mày để phòng hương bên này.
Đốt một nén hương lên đây,
Đũa so rượu chuốc tao nay khấn chồng.
Tam hồn thất phách [1] Tống công, [a]
Khôn thiêng xin hưởng về cùng thiếp đây. [b]
Hay là cách trở nước mây,
Giang sơn nghìn dặm đường đi nặng nề.
Thiếp khấn chàng chẳng kịp về,
Âm dương sấp ngửa thiếp thì được hay.
Cúc Hoa cầm tiền lên tay,
Trời phù bụt hộ, sấp ngay một đồng, [2]
Cúc Hoa quỳ xuống khóc chồng,
Chàng ơi phu phụ mười đông giao hòa.
Người ta ăn uống trẻ già.
Mẹ thì chịu đói dưới nhà chuồng trâu.
Chẳng ai cho miếng gì đâu,
Bằng dao cắt ruột thiết đâu [c] hỡi chàng.
Một tuần thiếp đã tiến hương,
Hai tuần tiến tửu tế chàng thương ôi. [d] [3]
Ba tuần thượng thực khuyên mời, [4]
No say xin sớm đợi tôi đi cùng. [e]
Mới bảo đôi hầu làm xong,
Vào lấy hòm áo trong phòng ra đây.
Con hầu bưng áo đến ngay,
Giở ra ba bộ khóc rày lại than.

Khảo dị:

Bản A:

a. ... thất phách Tống *Trân*

b. *Có thiêng về hưởng về ăn cỗ này*

c. ... cắt ruột, *có đau*...

d. ... tửu, *thì chàng xót tôi*

e. *Chàng đà ẩm tửu*, rước tôi đi cùng

Chú thích:

1. *Tam hồn thất phách*: ba hồn bảy vía.

2. Xin keo dần hai đồng tiền, nếu một sấp, một ngửa là có âm có dương. Thần linh đã chứng và sẽ chấp nhận lời cầu khấn.

3. *Tiến hương, tiến tửu*: dâng hương, dâng rượu.

4. *Thượng thực*: dâng cơm cúng.

Vậy có lời than rằng:

Thảm thiết thương ôi, bác mẹ sinh tôi, nữ nhi phận gái, lòng trời xui lại, cá nước duyên may, kết tóc xe dây, kể từ Hoa huyện [1]. Chàng dắt mẹ đến, ăn mày nhà tôi, thấy chàng bồ côi, tuổi còn đương độ. Chàng để mẹ đó, chàng vào ăn mày. Thấy chàng thương thay, xúc cho đấu gạo, tôi giấu trong áo, tôi liền đem ra. Cha tôi về nhà, chẳng may bắt được. Tưởng tôi gian ngược, ép gả cho chàng, đánh mà chẳng thương, như đòn kẻ cắp. Mẹ tôi thương tiếc, giấu cho nén vàng, bán tám mươi quan, nuôi thầy chàng học. Nhà chàng có phúc, học được nửa năm, thì đỗ bảng rồng, vua gả Công chúa. Lòng chàng thương vợ, chàng chẳng lấy nào. Vua bắt chàng vào, đày sang Tần quốc, mười năm sứ lược, mới cho chàng về. Cách trở sơn khê, thảm thương từ đấy.

Áo này thi đỗ vua ban,
Áo này nho sĩ cơ hàn lấy nhau.
Áo này từ thuở làm dâu,
Ba bộ áo ấy xưa sau vẹn tuyền.
Ngỡ là giai lão bách niên,
Thung dung đẹp cánh chim uyên trên đời.
Ai hay cơ sự tại trời,
Chồng nam vợ bắc bồi hồi xiết lo.
Chàng đi chốc đã mười thu,
Phần thương nỗi mẹ, phần lo nỗi chồng.
Tam hồn thất phách Tống công,
Khôn thiêng xin luận về cùng thiếp nay.
Thiêng thì lĩnh lấy áo này,
Một mai thiếp thác xuống nay mặc cùng.
Lấy lửa mà đốt áo chồng,
Sau đốt hòm sách [a] nửa đông nuôi thầy.
Cầu chàng gặp hội rồng mây, [b]
Ai ngờ chàng phụ thiếp rày chàng ơi.
Trạng nguyên đứng ở bên hồi, [2]
Nghe lời vợ nói chân dời bước ra.
Trông lên bố vợ chiếu hoa,
Dưới thì Đình trưởng ngồi hòa nghiêm trang.

Khảo dị:

a. Đốt *hòm nghiên bút...*

b. Cầu *cho chàng đỗ khoa này*

Chú thích:

1. *Kể từ Hoa huyện*: kể từ ở huyện Phù Hoa.

2. *Bên hồi:* đầu hồi nhà. Các bản Quốc ngữ chép là *bên ngoài.*

Trạng nguyên dời chân bước sang,
Quạt mo phe phẩy trình chàng văn nhân.[1]
Trình người cho miếng gì ăn,
Đình trưởng bảo lấy cho phần xương trâu.
Trạng nguyên đứng giận giờ lâu,[a]
Cũng vào cầm lấy để đầu bàn tay.
Một ngày giết ba trâu cày,
Cho miếng xương này ăn thực là ngon.
Xương này ăn được trí khôn,
Khăn điều bọc lấy tay còn cầm chơi.
Trông vào cả họ đương ngồi,
Xôi thịt bị bỏ chân rời vào trong.
Ngồi trên cô cậu đôi dòng,
Chú bác đủ mặt ngồi cùng đệ huynh.
Hai chị thấy Trạng phân minh,
Kìa ai thất nghiệp như hình Tống Trân.
Họ hàng thét mắng đã ran,
Chúng bay tưởng sự Tống Trân làm gì.
Tống Trân còn sống về thì,
Hai họ khó nỗi tì tì ngồi ăn.
Hai chị mặt ủ mày nhăn,[b]
Thương tình em rể mười phần chẳng nguôi.[c]
Ngỡ là thi đậu Khoa khôi,
Để mẹ được cậy, vợ thời được trông.
Ai ngờ đi sứ mười đông,
Để vợ lấy chồng thảm thiết thương ôi !
Lòng nào ăn uống cho vui,
Ăn xấu ăn hổ cũng ngồi mà ăn.
Hai chị thương xót tần ngần,
Bảo nhau xôi thịt nắm phần đem trao.

Khảo dị:

Bản A:

a. Trạng nguyên *lòng những giận* lâu

b. Hai chị *thương em muôn phần*

c. Thương *thay em rể lòng cầm* chẳng nguôi

Chú thích:

1. Không rõ văn nhân chỉ vào ai. Có lẽ dùng ép, nhưng cũng có thể để mỉa mai Đình trưởng, vốn là tên hào cường nhưng ra bộ văn nhân.

Họ hàng thét mắng xôn xao,
Mày mà cho nó thì tao cắt phần.
Trạng nguyên cầm lấy dời chân,
Hai chị còn có chút phần thương tôi.
Dễ ai biết ngọc ở đời,
Có hai chị gái biết tôi chăng là.
Đố ai biết mặt khôi khoa,
Có hai chị gái biết là tiên cung.
Chốn ấy ta thử đã xong,
Lại xuống thử mẹ dưới phòng chuồng trâu.
Con bà đâu, cháu bà đâu, [a]
Cớ sao bà giữ chuồng trâu cho người ?
Lão bà nước mắt ngùi ngùi,
Ông đừng nói nữa mà tôi đau lòng.
Con tôi lên tám làm xong,
Dắt mẹ chẳng quản mấy đông ăn mày.
Đến nhà trưởng giả giàu thay,
Gả con cho nó tuổi rày mười ba.
Nàng ấy có nghĩa thay là,
Nuôi chồng đi học đăng khoa bảng rồng.
Khen nàng giữ tiết mười đông,
Cứ nuôi mẹ chồng chẳng quản điều chi. [b]
Cha nó ra dạ bất nghì,
Được bảy năm trọn bắt về rẽ duyên.
Chẳng nghe đòn đánh cho liền,
Bắt tôi giam hãm ở miền chuồng trâu.
Sống này nhờ bởi nàng dâu,
Nó nuôi tôi sống bấy lâu [c] yên lành
Con tôi sứ sự Tần đình, [1]
Chưa về báo được chút tình nàng dâu.
Trạng nguyên nước mắt rầu rầu,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Bà bao nhiêu tuổi bạc đầu*

b. *Hãy nuôi lấy mẹ chẳng hòng* điều chi

c. ... tôi sống *trước sau được* lành

Chú thích:

1. *Tần đình:* triều đình nước Tần.

Nghe lời mẹ nói âu sầu xót xa.
Bà ơi tôi ngẫm mình bà,
Khác nào như thể mẹ già tôi xưa.
Nắm xôi ăn mày ban trưa,
Tôi thương bà đói tôi đưa biếu bà.
Tôi xem độn toán biết xa,
Thử xem con bà đã được về chăng. [1]
Lão bà nghe nói liền mừng,
Nhờ thầy đoán quẻ xem chừng hộ tôi.
Trạng nguyên độn đoán một hồi,
Ngẫm xem quẻ độn tam khôi bảng rồng.
Như quẻ đời vua Thái Tông,
Đi chơi gặp được đôi rồng tranh đua, [2]
Con bà đỗ Trạng hai vua,
Đi sang sứ sự vua cho về rồi.
Có cờ có biển tốt tươi,
Kíp thời ngày một, chầy thời ngày hai. [3]
Thực như quẻ đoán không sai,
Có tiền nên thưởng một hai trăm đồng.
Trạng nguyên muốn ngỏ thực lòng, [a]
Sợ mẹ mừng dạ nói cùng người ta.
Mặt trời bóng đã tà tà,
Đợi mai lễ cưới xem nhà rước dâu.
Trạng nguyên ngồi ở bên lầu,
Lắng tai nghe thử nông sâu nỗi nàng.
Nón rách lấy để che sương,
Giả làm ngói lợp tòa vàng năm gian.
Áo rách giả làm hồng vân, [4]
Bị rách trải đất làm lần chiếu hoa.

Khảo dị:

Bản A:

a. ... muốn ngỏ *sự* lòng

Chú thích:

1. *Độn toán:* bấm độn để đoán việc sẽ xảy ra.
2. Không rõ chỉ vào tích gì.
3. *Kíp*: mau chóng. *Chầy*: chậm.
4. *Hồng vân*: chưa rõ nghĩa. Ông Việt Hoài chú là đám mây đỏ. Ông Hoa Bằng chú là: hàng vân bằng tơ nhuộm đỏ.

Quạt mo giả làm quạt ngà,
Đời vua Hồng trước [a] ban ra quạt này. [1]
Vừa sang trống ba canh chầy,
Thấy hai hầu gái cỗ bày bưng ra.
Đem lên trình với Cúc Hoa,
Bà ôi thôi chớ xót xa nỗi chồng.
Chồng cũ đã đi mười đông,
Bây giờ chồng mới tin dùng yêu đương.
Đỏ chen đen tránh là thường,
Xin nguôi kẻ khó mà thương kẻ giàu.
Cắm sào mà đợi nước sâu,
Hoa tàn nhị rữa còn đâu má hồng.
Kìa như Lã hậu đền rồng, [2]
Hán Hoàng mới thác đã lòng riêng tây.
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Hồng nhan sớm liệu kén tay anh hùng.
Cúc Hoa nước mắt ròng ròng,
Có đâu tao lại nghe mòng chúng bay.
Lòng ta sắt đá khôn lay, [b]
Nhược bằng có thác ta nay theo chồng.
Mới bảo hai hầu giúp công, [c]
Mày vào lấy áo của chồng tao ra.
Cúc Hoa nước mắt nhỏ sa,
Chàng tôi để sách đây mà làm chi.
Có thiêng lĩnh xuống âm ti,
Lĩnh xuống mà để làm ghi lâu dài.
Để thiếp thác xuống tuyền đài, [d]
Nuôi chàng đi học thì tài âm cung.

Khảo dị:

Bản A:

a. Đời vua *Hồng Đức*...

b. Lòng ta *khăn khăn thương thay*

c. ... hai hầu *thanh đồng*

d. ... thác xuống *thư trai*

Chú thích:

1. Các bản Nôm đều viết Hồng Đức (chữ *đức* viết đơn). Các bản Quốc ngữ đều sửa là vua *Hồng trước* để cho hợp lý (Tống Trân sống trước đời Lê).

2. Lã Hậu, vợ Lưu Bang, tư tình với nhiều người.

Thuở sống duyên nợ chưa xong,
Một mai thác xuống vợ chồng no đôi.
Mới bảo hai đứa con đòi,
Mẹ tao nhịn đói còn ngồi chuồng trâu.
Nào có cho miếng gì đâu,
Cỗ này bưng xuống chuồng trâu kính bà.
Tám nén vàng này của ta,
Tưởng là bà thác làm ma cho người,
Ai ngờ bà sống bà ơi,
Vàng này tám nén tới nơi kính bà.
Nàng dâu gửi lạy mẹ già,
Để xin thác trước làm ma theo chồng.
Đôi hầu bưng xuống làm xong,
Bưng ra một cỗ đến trong đầu hè.
Bảo nhau ra dạ gian phi,
Vàng này tám nén ta thì chia nhau.
Bà rồi cũng thác chẳng lâu,
Vàng chia làm vốn ta sau lấy chồng.
Hai đứa bảo nhau một lòng,
Rồi ta bưng cỗ đến không cho bà.
Đôi hầu bưng đến thưa qua,
Kính bà cỗ ấy gọi là quà dâu.
Thương chồng ăn chẳng được đâu,
Bảo tôi bưng xuống chuồng trâu kính bà.
Nàng dâu gửi lạy mẹ già,
Để xin thác xuống làm ma theo chồng.
Lão bà nước mắt ròng ròng,
Gửi lời bà giã ơn cùng nàng dâu.
Bà xin thác trước chuồng trâu,
Làm chi yếu đuối giữa trâu thế này.
Vì đâu ta sống đến nay,
Để dâu thác trước đêm ngày cậy ai.
Hôm nay gặp kẻ hiền tài,
Đồn rằng giờ Ngọ, ngày mai Trạng về.
Nhược bằng chẳng có tin chi,
Mẹ con cùng thác, sống thì đợi ai.
Cho hay những kẻ đơn sai,
Làm tôi phản chúa vô loài không hay.

Trời sai đàn chuột xuống ngay,
Vàng kia tám lạng, chuột nay tha liền.
Tha đến bên mình Trạng nguyên,
Vàng lại rơi xuống nhãn tiền lạ thay !
Trạng nguyên cầm lấy trên tay,
Vàng này đích thực của rày vợ tao.
Chuột kia mày ở nơi nao,
Vàng này tám nén đưa tao chớ chầy.
Ơn vua tao sống về đây,
Phong chức cho mày hương cống chuột kia !
Phong cho chức ấy cũng kỳ,
Vì nàng bắt kẻ gian phi trong nhà.
Ông ngồi hết trống canh ba,
Nghe thấy bố vợ nói ra lời này:
Đòi chú Đình trưởng vào đây,
Ăn uống chín ngày còn một ngày mai.
Con về kiếm của sính ngơi, (nghi)
Giờ Dần mang đến tới nơi nhà này
Đình trưởng trở về khi nay,
Mở ra một tráp vàng đầy nghìn hai.
Bạc năm trăm nén không sai,
Đích thực vàng mười cân lấy chục cân.
Lụa là vóc nhiễu hồng vân,
Mỗi thức mỗi vẻ đủ ngần đem đi.
Trạng nguyên giả cách ra uy, [a]
Chẳng hay [b] Đình trưởng nó đi đường nào.
Ta giả cách ngồi bờ ao, [c]
Làm điều bắt rận ta [d] vào thử chơi.
Giờ lâu Đình trưởng tới nơi,
Lụa là vóc nhiễu sính ngơi bạc vàng.
Đình trưởng mắng Trạng vội vàng,
Thiếu chỗ dềnh dàng sao lại ngồi đây ?

Khảo dị:

Bản A:

a. Trạng nguyên *mới nói một khi.*

b. *Không biết* Đình trưởng

c. Ta giả *ra* ngồi...

d. ... bắt rận, *theo* vào thử *coi.*

Chú là một kiếp ăn mày,
Cớ sao ngồi chắn anh nay giữa đàng.
Trạng nguyên trả lời vội vàng,
Có chi hẹp đường chú lại mắng ai.
Ngứa rận thì ta bắt chơi,
Trên đường bắt rận ta ngồi xuống đây.
Giàu sang cũng mặc chú thay,
Có ngựa chú cỡi ai rày sợ chi.
Đình trưởng giục ngựa lại đi,
Trạng nguyên mặc áo tức thì theo lên.
Chúc cho Đình trưởng bách niên,
Chúc cho Đình trưởng sánh liền Cúc Hoa.
Vợ chồng yêu nhau đến già,
Chồng loan vợ phượng đuốc hoa động phòng.
Sinh năm con trai đầu lòng
Sinh năm con gái thong dong là mười.
Trai thì ngự sở đô đài,
Ông chỉ huy sứ, ông coi triều đình.
Gái thì sánh với Công khanh,
Cung phi Hoàng hậu triều đình nghênh ngang.
Đua nhau điện ngọc tòa vàng,
Đầy triều văn võ quan sang hơn người.
Đình trưởng nghe chúc liền cười:
Chú kia thất nghiệp chúc lời thực hay !
Chú hãy theo anh vào đây.
Chú vào trong này xơi chén rượu ngon.
Trạng nguyên theo vào lầu son,
Một mình một cỗ ngồi tròn chiếu hoa.
Phải khi bố vợ đi qua,
Mắng rằng thất nghiệp chiếu hoa dám ngồi !
Trạng nguyên ngoảnh mặt mỉm cười,
Người đã nói vậy ta ngồi làm chi.
Âu là ta giở ra đi,
Đem quân vây bắt ta thì thử chơi.
Thoắt thôi quan Trạng tái hồi,
Đem quân vây bắt ở nơi đầu làng.
Chư quân mừng rỡ reo vang,
Mừng vì xa chốn quê hương lâu ngày.

Áo rách cởi cho ăn mày,
Con ơi con hỡi con rày theo ông.
Trạng nguyên sắm sửa làm xong,
Mũ vàng áo gấm kiệu rồng bước lên.
Phấn vua trang điểm như tiên,
Nam nhi như vậy [a] mới nên anh hùng.
Cờ bay, ngựa ruổi, trống rung,
Kẻ mang kiếm bạc, người dùng [b] dây cương.
Kẻ mang tán vóc tàn vàng,
Vua phong lên ngựa quan sang lâu dài.
Đủ mặt văn võ trong ngoài,
Trạng rằng có đám cưới ai lạ đời.
Chư quân nhỏ bụng thì thôi,
Đứa nào lớn bụng cho ngồi cỗ to.
Trạng nguyên khi ấy truyền hô,
Vừa qua đầu chợ tới nhà phú ông.
Trẻ già làng nước đang đông,
Đầy nhà ăn uống ngoài trong chín hàng.
Ngoài bày trăm cỗ họ hàng,
Trong nhà ăn uống ngồi toàn nữ nhi.
Màn trướng che nắng tứ vi,
Còn đang san sát đang khi mời ngồi.
Cỗ bàn trưng ra vừa rồi,
Đũa mới chia người, rượu mới rót ra.
Ngồi trên bốn cụ lão già,
Ho hen thúng thắng nói ra lời này.
Quân ai đã kéo về đây,
Như quân quan Trạng về rày làng ôi.
Phú ông xin làng hãy ngồi,
Thiếu chi quan khách mọi nơi đi đường !
Trạng về gươm bạc lọng vàng,
Hai hàng quân tướng nghênh ngang bước vào.
Làng nước bỏ chạy xôn xao,

Khảo dị:

Bản A:

a. Nam nhi *hào nhã* mới nên...

b. Ông *đeo* kiếm bạc, ông *cầm*...

Tớ thầy bỏ chạy [a] lao đao hãi hùng.
Chia nhau chạy khắp tây đông,
Xô nhau đẩy đạp lung tung trong nhà.
Đàn ông đổ lộn đàn bà,
Chen nhau như lũ chim sa trong lồng.
Con trẻ lăn khóc tây đông,
Trưởng giả hãi hùng kín tiếng nhọc hơi.
Bởi vợ mới nói một nhời,
Mở đàng cửa hậu cho người ta ra.
Có ao năm sào trong nhà,
Người như tôm cá nhảy ra ào ào.
Sau nhà có một bờ rào,
Chông gai người cũng bước vào nhảy qua.
Thương thay con trẻ đàn bà,
Tay bồng tay dắt bước ra hãi hùng.
Thương thay cụ lão long đong,
Áo quần tơi tả rách tung như bào.
Bay ơi đưa gậy cho tao,
Đường đi nẻo nào bay bảo cho ông.
Áo thời rách hết đã xong,
Quần thì lấm láp còn mong nỗi gì.
Làng nước bỏ chạy tứ vi,
Cũng may trời bụt độ trì làng ta.
Làng còn dày phúc chăng là,
Lấy gì lễ Trạng vậy hòa làng ơi.
Trạng hỏi Trưởng giả một lời,
Trâu dê bò lợn ăn chơi việc gì ?
Trưởng giả bước ra liều quỳ,
Sự tình bày tỏ quan [b] thì rõ hay.
Khốn vì con ma nhà này,
Nó làm điên đảo mời thầy thuốc thang.
Giải trừ nhà đã được an,
Cỗ bàn yến ẩm giao hoan ăn mừng.

Khảo dị:

Bản A:

a. Tớ thầy *hoảng hốt*...

b. ... bày tỏ, *ông* thì rõ *thay*

Sự tình kể hết tưng bừng,
Để cho quan Trạng biết chừng nhà ta.
Trưởng giả trở gót vào nhà,
Trẻ già lớn nhỏ đều là mắng ông.
Vì ông [a] bất nghĩa trở lòng,
Thực là trăm sự tại ông làm điều,
Con ông có bụng chi đâu,
Mõ rao kén rể ông cầu làm công.
Ông rằng ông cứ đổ vung, [b]
Mỗi người một bị theo ông phen này.
Mẹ vợ lòng khiếp sợ thay,
Không ra chào Trạng, sợ rày phép quan.
Mụ già bước ra thở than:
Kính mừng quan Trạng cư quan mới về.
Trạng nguyên khen cụ có nghì,
Nay tôi mới về mừng cụ sống lâu.
Mụ già rằng: tôi vẫn cầu,
Mười đông sứ sự mong mau ông về.
Một lòng cầu nguyện sớm khuya,
Cầu trời mạnh khoẻ độ trì cho ông.
Con tôi bảo nó thờ chồng,
Cố công nuôi mẹ mười đông chớ rời.
Trạng nguyên nghe nói mỉm cười,
Ơn cụ săn sóc mẹ tôi trong ngoài.
Bức thư này nọ tới nơi,
Vua Tần mở đọc ngậm ngùi thương thay.
Vua Tần phán bảo tôi đây,
Sắc phong cho cụ vào ngay vạc dầu.
Đình trưởng làm rể đã lâu,
Có công làm rể đã hầu ba đông.
Vì nó muốn kén má hồng, [c]
Cho nên nó chịu cố cùng làm tôi.
Ở nhà mở tiệc làm vui,
Có kho chứa thóc có nồi nấu ninh.

Khảo dị:

a. *Ông làm* bất nghĩa...

b. *Việc chi chúng bay mắng ông*

a. Vì nó muốn *lấy con ông*

Trạng nguyên kể hết sự tình,
Bốn bên có cả [a] triều đình bách quan.
Ta đây lưỡng quốc vua ban,
Cũng là Tể tướng nước Nam bên này.
Cỗ bàn thôi đã đặt bày
Thôi thì mau biếu cỗ này thết ta.
Vua đào lỗ giải chiếu hoa,
Làm chùa đúc tượng hãm ta mười ngày.
Ơn vua ta sống về đây,
Lại khen Nam Việt ta rày [b] gan sao !
Chư quân vậy cứ bước vào,
Không biết cỗ nào ta cứ ngồi ăn.
Ăn cho hết sạch [c] mọi phần,
Ấy là yến của vua Tần thết ta.
Ăn rồi ta sẽ ngồi tra,
Trong ngoài đóng cửa cho ta chớ chầy.
Làng nước bỏ chạy đông tây,
Dao bầu chặt thịt bỏ đầy năm nong.
Ăn rồi sẽ dịch vào trong,
Tường cao cổng kín mặc lòng nghỉ ngơi.
Quân ta vây kín trong ngoài,
Dân phu hỗn độn chém tươi mặc lòng.
Không cho mình mẹ tới cùng,
Cúc Hoa nước mắt ròng ròng sầu thay.
Xui phu quân mở cửa này, [d]
Để cho thiếp kể niềm tây rõ ràng. [e]
Bấy lòng giữ tiết phòng nhang,
Mười đông nuôi mẹ bữa thường cần chuyên.
Chàng về thiếp đã nguôi phiền,
Có sao khinh thiếp phận hèn chàng ơi !
Trạng nguyên giả cách nặng lời,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Đông tây thông sự* triều đình...

b. ... Nam Việt *có mày* gan sao

c. Ăn *sao cho hết...*

d. *Trình anh,* xin mở...

e. *Cho thiếp kể hết niềm tây cùng chàng*

Gái kia ở bạc đạo giời chẳng ngay.
Về bảo Đình trưởng ra đây,
Ta sẽ giúp việc cưới này cho ngươi.
Cúc Hoa kinh hãi trở lui,
Xuống trông vẫn thấy mẹ ngồi chuồng trâu.
Mẹ ơi rày đỡ lo âu,
Chồng tôi đi sứ bấy lâu đã về.
Lão bà mới dạy: Thế thì
Con bỏ cái gậy mẹ ra đi cùng.
Mẹ con vừa tới cửa công, [a]
Trạng nguyên giả cách đùng đùng hỏi ngay:
Bà kia sao đến chi đây, [b]
Chuồng trâu bà cứ lui ngay bà ngồi.
Lão bà nghĩ giận ngùi ngùi,
Con đã nói vậy mẹ ngồi làm chi.
Quan quân đặt gối tâu quỳ [c]
Lão bà vả lại [d] xưa kia mẹ người.
Trạng nguyên mới ngỏ một lời,
Mẹ thời cũng nhớ, vợ thời cũng thương.
Lòng ta còn nỗi lo thường,
Xét tra minh bạch làm gương đời này.
Tưng bừng vừa mới rạng ngày,
Trạng nguyên khi ấy nói ngay một lời:
Bởi vì hai họ nhà ngươi,
Đã ăn cỗ cưới phải thời đưa dâu.
Thôi thì bạn gái giúp nhau,
Bạn trai sắp sửa đưa dâu đến nhà.
Bảo mõ rao khắp gần xa,
Mèo kêu chó cắn, thì ta lấy đầu.
Quân ta từ trước đến sau,
Gươm vàng giáo bạc theo hầu sắp ra.
Đuốc đèn soi khắp gần xa,
Đưa nhau đến chốn đuốc hoa động phòng.

Bản A:

a. ... vừa đến cửa *phòng*

b. *Việc chi bà đến nơi* đây?

c. *Đông tây* đặt gối...

d. Lão bà *vốn thực*...

Trạng nguyên liền [a] cưỡi ngựa hồng,
Mình mặc áo tía tiên phong bước vào.
Cửa nhà quang cảnh lạ sao,
Trong ngoài vắng vẻ âu sầu không ai,
Trạng nguyên khi ấy ngỏ lời: [b]
Cớ sao nhà nó vắng người hỡi bay ?
Công ta đưa dâu đến đây,
Không ai thết đãi ta rầy biết sao ?
Âu ta cứ đưa dâu vào,
Cúc Hoa kêu khóc ồn ào chạy ra.
Nhà này có quỷ hay ma,
Đưa dâu vào nhà, dâu lại ra sân.
Nào là chư tướng tư quân,
Truyền quân cứ lệnh chớ phần thờ ơ.
Chư quân có lệnh bấy giờ,
Ba tòa Đình trưởng một giờ phá tan.
Cửa nhà triệt hại [c] đã an,
Trạng nguyên lên ngựa tái hoàn hồi gia
Trạng nguyên chân bước vào nhà,
Khen rằng bụng dạ ông bà tốt thay !
Quân đâu lấy vạc ra đây,
Bỏ dầu đầy vạc đốt ngay hỏa hào.
Trước mời cậu mợ bước vào,
Sau đến làng nước cả bao họ hàng
Ai ai trông thấy kinh hoàng,
Khấu đầu kêu lạy thượng quan xét cùng [d].
Thực là sự bởi phú ông, [e]
Chúng tôi quả thực [g] cháy thành vạ lây
Trạng rằng: khoan thứ cho bay,
Tha cho làng nước cùng nay họ hàng.

Khảo dị:

Bản A:

a. Trạng nguyên *cưỡi con* ngựa hồng

b. Trạng nguyên *mới nói một lời*

c. Cửa nhà *phá phách*...

d. ... kêu lạy *quan sang thương* cùng

e. *Trăm sự chỉ tại* phú ông

g. Chúng tôi *phải lửa*...

Đòi chú Đình trưởng kíp sang,
Khỏe răng bắt cắn khúc xương ba ngày.
Ta thương hai chị lắm thay,
Vàng cân hai lạng thưởng rày cho coi.
Mấy ai biết ngọc ở đời,
Có hai chị gái biết tôi ăn mày.
Xót tình hai chị khi nay,
Thứ cho cậu mợ còn nay cửa nhà
Từ rày để chế nhạc gia,
Một năm tiểu phục gọi là thế thôi.
Trạng nguyên lại nói một lời,
Ba làng tiền nộp mỗi người năm quan.
Mười ngày yến ẩm giao hoan,
Mỗi người mỗi suất năm quan tiền đồng.
Trai tơ vâng chịu đã xong,
Đàn bà con trẻ đau lòng kêu ca.
Con tôi có hãy còn thơ,
Mà ông cũng bắt nộp vừa năm quan.
Không đi thì sợ phép làng,
Xin ông chuẩn thứ cho đàn trẻ nay. [a]
Trạng rằng: nói cho mụ hay,
Con mụ thơ dại bụng rày nở nang.
Miếng thịt lại đèo miếng gan,
Năm quan cũng đáng kêu van nỗi gì ?
Các cụ lão bước tới quỳ, [b]
Chúng tôi già lão tuổi thì sáu mươi.
Ăn thì chẳng được bằng người,
Lạy ông chuẩn thứ chúng tôi ơn cùng.
Trạng nguyên mới nói giãi lòng,
Già nua tuổi tác nghe cùng không nghe.
Chưa mời thì lão đã đi,
Giường cao chiếu sạch, lão thì ngồi trên.
Xướng ca hiếu hỉ đến liền,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... chuẩn thứ *cho con tôi rày*

b. *Ông già* bước tới *liền* quỳ

Rượu chè cứ đánh thâu đêm thâu ngày.
Việc gì lão cũng sai trai,
Nào gan nào lưỡi thóp chài thái ra.
Thịt mỡ thái vuông con cờ,
Lão đánh đáo lưỡi càng ra tinh thần.
Trai thì phải dọn miên man,
Lão thì chem chém trên bàn no say.
Lẽ thời một chục mới đầy,
Năm quan đã đáng kêu nảy nỗi gì.
Làng nước nộp tiền một khi,
Được năm nghìn rưỡi khôn ly nửa đồng.
Trạng nguyên thấy thế nguôi lòng,
Bảo rằng ta thử tấm lòng xem qua.
Đình trưởng nó cưới vợ ta,
Cho nên mất cửa mất nhà một khi.
Của làng tôi cho đem về,
Gọi là một chút nhân nghì về sau.
Ba làng nghe nói mừng sao,
Cảm ơn quan Trạng ngôi cao đền rồng.
Trạng nguyên xét việc vừa xong,
Vội vàng lạy mẹ tấm lòng biệt ly.
Mẹ ơi con sống được về, [a]
Tưởng là thác ở bên kia nước Tần. [b]
Bây giờ mang đội Hoàng ân, [c]

Khảo dị:

Bản A:

a. *Lạy mẹ tôi sống về đây*

b. Tưởng là *con thác những ngày bên Ngô*

c. Bây giờ *muôn đội ơn vua*

Trạng nguyên lưỡng quốc tể thần gia phong.[a]
Cúc Hoa nàng thực có lòng,
Mười năm nuôi mẹ thờ chồng kính tin.
Bây giờ nhà cửa đã yên,
Nghĩa vợ bằng núi khôn đền cho qua.
Lão bà cùng mấy Cúc Hoa,
Thoắt nghe Trạng nói châu sa cùng sầu.
Trạng nguyên xong việc vào chầu,
Thái tôn thấy Trạng trước sau chu toàn. [1]
Liền ban gấm vóc bạc vàng,
Truyền công bộ mở phủ đường bên tây.
Trạng nguyên vinh hiển lắm thay
Ai ngờ Hoàng hậu phải rày bệnh lao.
Thịt hươu đòi bữa khát khao,
Tâu vua sai kẻ ra vào rừng săn.
Vua đòi văn võ tửu ban,
Phán rằng Hoàng hậu ân cần thịt hươu.
Trạng nguyên tài cả trí cao,
Đi săn cho được thịt hươu mang về.

Khảo dị:

a. ... Lưỡng quốc phong cho bảng rồng

Từ câu 1592 đến câu 1605 bản A đổi ra:

... Bằng núi Thái Sơn ai tày.
Lão thân nghe nói mừng thay,
Cúc Hoa cũng thỏa lòng này bấy lâu.
Thoắt thôi quan trạng vào hầu,
Đường vương thấy trạng trước sau chu tuyền.
Vua ban gấm vóc bạc tiền,
Làm dinh cho ở nội đền bên tây.
Trạng về được nửa năm chầy,
Thoắt thôi Hoàng hậu phải rày bệnh lao.
Quỳ tâu bệ hạ tuổi cao,
Lòng tôi muốn dụng thịt hươu ngày rày.
Phán đòi văn võ vào nay,
Rằng bà Hoàng hậu muốn rày thịt hươu.
Trạng thì vâng cứ lời trao

Chú thích:

1. Câu này các bản Nôm đều chép là Đường vương, phù hợp với câu 1: "Trước đời vua Đường Thái Tông". Nhưng như vậy là sai. Các bản Quốc ngữ chép: *Thái Tông* đúng hơn. Vì nhà vua lần này không phải là vua Tần mà là vua nước ta. Nói chung nhiều chi tiết không ăn khớp nhau.

Trạng nguyên vâng cứ ra đi,
Chó săn quàng đuổi tức thì được hươu.
Đem về sớm tối dâng vào,
Hoàng hậu ăn được, bệnh lao khỏi dần.
Đoạn này kể chuyện nước Tần,
Bạch Hoa công chúa muôn phần nhớ mong.
Trạng về vừa được nửa đông,
Chiêm bao mơ tưởng ở bên giường nằm.
Đêm ngày mơ tưởng âm thầm,
Mặt phai nét ngọc, dạ đầm vẻ sương.
Một mình vò võ tư đường,
Chàng đi biết thiếp đoạn trường này chăng?
Ba thu đằng đẵng khơi chừng,
Vì ai kẻ Tấn người Tần bơ vơ.
Tần vương một bữa ngự qua,
Thấy con mày liễu mặt hoa võ vàng.
Hỏi rằng: sao trẻ lo lường,
Để cho mặt võ mày vàng hỡi con?
Công chúa tâu hết nguồn cơn,
Rằng con từ chực phòng hương bấy chầy.
Tống Trân sang sứ bên này,
Ơn cha đã định duyên may vợ chồng.
Bây giờ kẻ bắc người đông,
Xui nên phận gái má hồng phôi pha.

Khảo dị:

Bản A: Từ câu 1607 cũng khác nhiều bản Quốc ngữ, lại có thêm một số câu bản Quốc ngữ không có:

Trạng nguyên lạy tạ dan trì,
Đem quân cùng ngựa tức thì săn hươu.
Trạng đi săn được đem vào.
Hoàng hậu ăn hết bệnh lao được cầm.
Trạng nguyên về được nửa năm,
Con vua Tần quốc tên nàng Bạch Hoa.
Xuân xanh tuổi mới mười ba.
Mặt loan mày phượng da ngà tốt thay.
Cười như sen nở ngày rày.
Má hồng tóc mượt giá tày tiên cung.
Trạng về vừa nửa năm ròng.

(Từ đây tiếp đến câu 1614)

Câu 1630: *Cho nên con những âm thầm tương tư.*

Phán rằng Nam Việt cách xa,
Bên này cha kén duyên hòa nên chăng ?
Công chúa đặt gối tâu rằng:
Xin cho con vẹn đạo hằng mấy nao !
Chẳng tham chức trọng quyền cao,
Chẳng tham đài các ra vào làm chi.
Xin cho quân sĩ, thuyền bè, [a]
Đưa con sang mấy thỏa thê cùng chồng. [b]
Vua đòi văn võ vào cung,
Thuyền bè quân sĩ kén dùng uy nghi. [c]
Vả nay hà hải sơn khê,
Quân đưa [d] cẩn thận trẩm thì khỏi lo
Lại cho các vệ, các cơ,
Bạc tiền gấm vóc lụa là thiếu chi.
Quan quân vâng chiếu ra đi,
Công chúa vào trước lạy quì mẹ cha.
Tạ từ phụ mẫu ở nhà,
Cho con sắm sửa vượt qua Nam thành.
Than ôi nguyệt lão vô tình,
Nước non muôn dặm phụ mình hồng nhan.
Thuyền ra giữa bể gặp cơn,
Mây đen mù mịt, mưa tuôn lưng chừng.
Lại thêm sóng gió ầm ầm,

Khảo dị:

Bản A:

Từ câu 1647 đổi ra:

Chúc mừng cha mẹ ở nhà
Cho con sắm sửa vượt qua Nam kỳ.
Thuyền ra giữa bể một khi,
Ai ngờ gặp vận gian nguy khôn lường.
Mây đen một đám đóng ngang,
Ầm ầm gió trận, mưa cơn hãi hùng
Đương khi sóng gió đùng đùng,
Chư quân số mệnh phó cùng thủy hương.
Lòng trời họa phúc khôn lường,
1656 Đãi riêng công chúa Hoa nương vẹn tròn

a. Xin cha *sắm sửa* thuyền bè

b. *Cho quân cùng ngựa xin đi theo* chồng

c. *Sắm sanh thuyền chiếc* kén dùng uy nghi

d. *Chư quân* cẩn thận...

Quan quân mấy đội phó cùng thủy hương.
Lòng trời chưa dứt má hường,
Cứu cho công chúa Tần nương vẹn tròn.
May đâu vịn được cánh buồm,
Sóng đưa nàng tới đầu non cỏ bồng
Kìa dặm trúc, nọ ngàn thông,
Một mình phận gái má hồng xót xa.
Lòng trời chưa dứt tiên nga,
Đàn hươu kiếm quả đưa ra nuôi người.
Ngoài thì hươu đực kiếm mồi,
Trong thì hươu cái đứng ngồi vào ra.
Lần lần tháng trọn ngày qua,
Bỗng đâu gặp Trạng buổi vừa săn hươu
Tứ bề dăng lưới vây vào,
Kẻ ra đánh thỏ người vào cắm chông.
Đàn hươu nghe súng hãi hùng,
Sán quanh Công chúa não nùng thảm thay. [a]
Công chúa xem thấy thương thay,
Rằng ai săn bắn để rày hại ngươi ?
Hươu liền ra hiệu đầu đuôi, [b]
Ấy là quan Trạng bổ mười lưới vây. [c]
Công chúa mới phán lời này:
Các con chớ sợ ta rày kêu cho.
Trạng nguyên súng bắn quân hô,
Công chúa quì xuống vội thưa sự tình:
Xin người cất lưới thu binh,
Bấy lâu hươu có công trình nuôi tôi.
Trạng nguyên khi ấy dạy lời, [d]
Ở đây như có tiếng người hỡi bay !
Công chúa quì xuống tâu bày:
Tôi là Công chúa cha rày Tần vương.
Vì chồng nên phải theo sang,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Trình bà tôi phải ẩn trong hang này*

b. Hươu liền *kể hết rạch ròi*

c. *Ngày rày* quan Trạng...

d. Trạng nguyên *truyền bảo quân* đòi

Chẳng may sóng bể mưa ngàn dạt trôi.
Trạng nguyên nghe nói lụy rơi,
Chẳng hay vượt bể qua vời làm chi [a] ?
Công chúa kể hết vân vi,
Bởi chàng nghĩa nặng phải đi tìm chàng.
Hai người khi ấy tái hoàn,
Cùng nhau vào lạy thiên nhan cửu trùng.
Vua khen Công chúa có lòng,
Trọn đạo thờ chồng kính tín thảo ngay.
Vua ban gấm vóc cho đầy,
Hai người lĩnh lấy tâu bày bước ra.
Cúc Hoa mừng rỡ ở nhà,
Nghe tin ra rước giao ca một phòng.
Tiệc bày chén cúc chén đồng, [b]
Hai người thuận chữ xướng tòng cả hai. [1]
Trạng rằng nhà cửa hôm mai,
Hai người phải chọn một người chính thê. [2]
Cúc Hoa rằng: kể tôi chi,
Nhường Bạch công chúa thượng vì Tần vương.
Tôi thì gái Việt [c] tầm thường,
Cha tôi dân dã thôn hương quản gì. [d]
Bạch Hoa bày giãi vân vi:
"Nhà tôi Tần quốc thành trì ở xa.
Nàng thời kết tóc từ xưa,
Hàn vi mấy độ, rau dưa mấy lần.
Nuôi chồng nuôi mẹ một thân,
Tôi đâu dám lạm [e] giữ phần riêng tây."
Trạng nguyên rằng: đã thế này,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Có công vượt bể qua khơi làm gì*

b. ... chén cúc, *chén xuân*

c. ... gái *vải* tầm thường

d. ... dân dã *thôn làng nhà quê*

e. ... tôi đâu có *dám*

Chú thích:

1. *Xướng tòng*: đạo vợ chồng hòa thuận.

2. *Chính thê:* vợ cả.

Hai người tương nhượng biết rày chọn ai.[1]
Lụa này ta chia làm hai,
Đem về may áo xem tài ai ngoan.[a]
Ai mà tinh tế đảm đang[b]
Chính thê vị ấy chủ trương việc nhà[c]
Hai người lĩnh ấy xem qua,
Có tiên xuống giúp đều hòa đường may.
Bừng bừng vừa rạng sáng ngày,
Cùng đem áo nộp ai rày hơn ai.
Trạng nguyên mỉm miệng nực cười,
Cùng tay thầy thợ cùng tài khéo may.
Âu là lĩnh đấu gạo này,
Đem về làm bánh xem tài ai hơn.
Hai người lĩnh lấy gạo ban,
Cả hai cùng có người tiên làm thầy.
Bừng bừng trời mới rạng ngày,
Bánh nào bánh ấy tài tày như nhau.
Trạng nguyên ngẫm nghĩ giờ lâu,
Còn chước này nữa xem hầu ai hơn.
Hai người phải thử nấu cơm,
Xem ai chín trước thì hơn tài này.
Mỗi người một vác mía dày,
Lĩnh gạo lĩnh nước cùng tày đem ra.
Công chúa mình vốn cung nga,
Cơm bưng tận mặt chuyên trà tận tay.
Biết đâu trong bếp ngoài ngòi,
Nấu cơm chẳng được kém tươi nét vàng.
Cúc Hoa nấu chẳng được cơm,
Lửa lên lại tắt hai hàng châu sa.
Trạng nguyên nhân lúc đi qua,
Bày mưu bày chước dạy qua lời này:
Vừa ăn vừa nấu mới hay,

Khảo dị:

a. ... may áo, *thử tài khéo may*

b. Ai mà tinh tế *nên tay*

c. ... vị ấy, *trao ngay những là*

Chú thích:

1. *Tương nhượng:* cùng nhường nhau.

Thuở xưa nuôi mẹ nuôi thầy làm sao ?
Cúc Hoa học được chước cao,
Bấy giờ mới lấy mía vào ngồi ăn.
Ăn rồi đun nấu dần dần,
Cúc Hoa nấu đoạn mới bưng cơm vào.
Trạng nguyên cười nói tiêu hao,
Nào cơm Công chúa khi nào bưng lên ?
Công chúa ren rén thưa liền,
Tôi đâu có dám tranh quyền chính thê.
Cho nên chẳng nấu làm chi,
Xin chàng trao vị chính thê cho nàng !
Từ rày hiếu phụng gia đường,
Ứng điềm thái mộng, ứng tường bạch vân [1]
Một nhà hòe quế đầy sân,
Lâu đài phúc lộc thiên xuân thọ tường.
Trai thì đèn sách văn chương,
Gái thì kim chỉ theo đường cung nga.
Vườn xuân cây phúc nở hoa,
Bút nghiên lại nối khôi khoa bảng rồng.
Đền thời hưởng phúc nhà chung,
Mối duyên cũng vẹn chữ đồng cũng yên.
Vui nhờ chăn ấm chiếu êm,
Tiểu tinh được dự cung tiên chị Hằng.
Cây cù bóng mát đâu bằng,
Tuyết sương che chở cát đằng cũng vui.
Hai tình vẹn vẻ hòa hai,
Động phòng cũng đượm, chương đài cũng êm.
Ngón đàn dìu dặt tay tiên,
Cung cầm tiếng sắt lẫn chen tiếng vàng.
Đầy sân nô nức hoa hương,
Thơm tho cành quế, nở nang cây đồng.
Ngẫm xem đèn sách có công,
Lúc còn niên thiếu cơ cùng mới nên.
Phúc to lại được vợ hiền,

Chú thích:

1. Từ đoạn này trở xuống, kém hẳn ý vị dân gian, nhiều câu rõ rệt là chịu ảnh hưởng hoặc mô phỏng văn Kiều. Nhiều điển tích đã quen thuộc chỉ vào việc lấy vợ lẽ, sinh con trai v.v...

Vinh hoa như Tống Trạng nguyên mấy người.
Nhân khi thong thả thư trai,
Giở xem truyện cũ, đặt bài quốc âm.

Phiên âm từ bản Nôm "Quảng Thịnh đường",
ký hiệu Thư viện Viện Sử học HV 352
và tham khảo thêm bản Phúc Chi,
ký hiệu Thư viện KHXH Q 8° 417.

PHẠM CÔNG - CÚC HOA

(Trích)

TIỂU DẪN

Truyện Phạm Công là một trong những truyện Nôm khuyết danh được phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân. Vì nó mang đậm màu sắc dân gian, lời văn chân chất, ít điển cổ. Nó đề cao lòng chung thủy, đạo nghĩa vợ chồng, tình thương yêu giữa những người nghèo khổ. Truyện còn phản ánh thực trạng xã hội phong kiến thối nát ở thời Lê Trịnh, thái độ ích kỷ, tàn ác của bọn vua quan chà đạp hạnh phúc của con người.

Tuy nhiên truyện còn bộc lộ một số thiếu sót, như mê tín bói toán, phù thủy..., đó là những điểm đáng phê phán.

Kết cấu và lời văn còn lủng củng, bất hợp lý. Cũng có ý kiến cho rằng tác phẩm ra đời vào khoảng đầu thế kỷ thứ mười chín[1]. Đây cũng chỉ mới là ước đoán mà thôi.

*

* *

Ở Phủ Quỳnh Văn có gia đình tiều phu họ Phạm đã già mà chưa có con. Cả hai vợ chồng đều ham làm việc phúc. Có lần đi kiếm củi bán được ít tiền người vợ đem cúng cả vào việc đúc chuông. Ngọc hoàng cảm động, cho Thái tử xuống đầu thai.

Vợ chồng sinh được một trai đặt tên là Phạm Công. Năm 13 tuổi, cha chết, chàng phải lo chôn cất cha và dắt mẹ đi ăn xin. Phạm Công gặp một ông già xin ăn, chàng không ngần ngại nhường lại nắm cơm mà mình xin được. Đó là một ông già thay đức Phật xuống thử lòng chàng.

Hai mẹ con dắt nhau đến trường thầy Quỷ Cốc xin học. Bạn học thấy chàng nghèo tỏ ra khinh bỉ, nhưng Cúc Hoa, người bạn cùng học thấy chàng hiếu thảo và đem lòng lưu luyến. Cúc Hoa ốm tương tư. Ông bà Tri phủ cha mẹ của Cúc Hoa đi xem bói biết rõ, gọi Phạm Công đến gả. Phạm Công lấy vợ được mười ngày thì mẹ mất.

Sau ba năm, vua mở khoa thi, Cúc Hoa khuyên chàng đi thi khi nàng có mang được bốn tháng. Phạm Công đỗ Trạng, vua ép gả Công chúa, chàng không chịu, bị đầy đi Hung Nô. Tới Hung Nô chàng lại thi và đỗ Trạng. Chàng lại bị ép gả Công chúa và cuối cùng bị chặt tay khoét mắt, đục răng.

---

1. *Phạm Công Cúc Hoa*, Hoa Bằng biên soạn, NXB Phổ thông, Hà Nội, 1961, tr.5.

Phạm Công cáo lên Thiên đình. Trời sai bách thần xuống trị tội Hung Nô, chàng được hoàn lại hình hài và được trở về nhà vừa lúc vợ chàng sinh con trai, vợ chồng sum họp vui vẻ. Không bao lâu vợ chàng chết, vừa lúc đất nước có giặc Bắc Kinh, vua triệu chàng ra dẹp giặc. Chàng phải mang theo hài cốt vợ và hai con thơ ra trận. Giặc cảm phục tiết nghĩa của chàng xin tự cắt đầu dâng nộp và lui quân về.

Chàng trở về chôn cất vợ và nghe lời vợ lấy Tào Thị. Ít lâu sau vua lại cử Trạng đi trấn phủ Cao Bằng, Tào Thị ở nhà ngược đãi con chồng. Hai anh em Tiến Lực, Nghi Xuân phải dắt nhau đi ăn mày. Cúc Hoa thương con, hiện về cùng con chia sẻ nỗi đau buồn.

Ba năm sau Trạng trấn thủ trở về, nhân dân đua nhau đến mừng quan Trạng hồi hương, hai con Trạng cũng lần đến xin ăn. Trạng nhận ra con. Cha con gặp nhau, Trạng đưa con về thăm ông bà ngoại, sau đó về nhà hỏi tội Tào Thị. Trạng tha tội chết cho Tào Thị, nhưng về đến giữa đường Tào Thị bị Thiên lôi đánh chết.

Trạng nhớ vợ xin ngồi đồng thiếp xuống âm ty tìm vợ. Qua bao gian khổ nơi địa ngục, cuối cùng chàng mới được gặp Cúc Hoa.

*

* *

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi chủ yếu dựa vào văn bản A: *Phạm Công tân truyện,* khắc in đời Thành Thái, Đồng văn đường tàng bản. Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội AB. 14.

Tham khảo các văn bản:

B: *Phạm Công tân truyện,* khắc in đời Khải Định, Phú văn đường tàng bản, ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội AB416.

C. *Phạm Công Cúc Hoa,* NXB Phổ thông, Hà Nội, 1961.

D. *Phạm Công Cúc Hoa,* ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội $Q^0$121.

E. *Phạm Công Cúc Hoa,* Phúc Chi xuất bản.

G. *Phạm Công Cúc Hoa,* Bình dân xuất bản.

Toàn truyện gồm có 4026 câu, nhưng chúng tôi chỉ trích tuyển một số đoạn và đã lược bỏ những đoạn sau:

1. Từ câu 1 đến câu 130, đoạn mở đầu giới thiệu gia cảnh họ Phạm: Hai ông bà đã già, nhưng vẫn chưa có con. Ông bà ăn ở rất nhân đức. Tuy gia đình nghèo túng, nhưng ông bà luôn luôn làm phúc, Ngọc hoàng thấy thế cảm động, phái Thái tử xuống đầu thai. Vợ chồng sinh được một con trai, đặt tên là Phạm Công.

2. Từ câu 697 đến câu 874: Phạm Công kết hôn với Cúc Hoa. Cúc Hoa về

nhà chồng mới được mười ngày thì mẹ chồng chết. Nàng thương xót, lo liệu mai táng mẹ chồng.

3. Từ câu 1461 đến câu 2053, vợ chồng Phạm Công sum họp, con cái hồn nhiên, vui vẻ. Gia đình sống yên vui, nhưng chưa được bao lâu thì Cúc Hoa qua đời. Phạm Công chưa kịp mai táng vợ, đã nhận được lệnh vua, cầm quân đánh giặc. Phạm Công phải mang theo hài cốt vợ và hai con ra chiến trận. Phạm Công dẹp giặc xong, trở về lo việc chôn cất Cúc Hoa. Cúc Hoa thương xót Phạm Công, báo mộng khuyên chàng lấy Tào Thị. Phạm Công kết hôn cùng Tào Thị và lại phải ra đi trấn giữ biên cương. Hai con Phạm Công ở nhà với Tào Thị. Tào Thị đối xử với con chồng không tốt. Cho nên con chồng (Tiến Lực và Nghi Xuân) phải bỏ nhà ra đi. Nghi Xuân, Tiến Lực đến thăm mả mẹ. Cúc Hoa hiện lên viết thư đưa con để gửi cho chồng. Nghi Xuân, Tiến Lực ra đi tìm cha.

4. Từ câu 2331 đến câu 4026, Phạm Công đưa hai con về thăm ông bà ngoại. Sau đó, một mình Phạm Công trở về nhà, hỏi tội Tào Thị và ra thăm mả vợ.

Phạm Công nhớ vợ, ngồi đồng thiếp xuống âm phủ gặp Cúc Hoa. Càng về cuối, nội dung cốt truyện càng mang tính chất hoang đường, mê tín, chính vì vậy, chúng tôi không trích tuyển các đoạn cuối.

Gia cảnh Phạm Công.
Phạm Công kết hôn với Cúc Hoa.

Kể từ tuổi mới mười ba,
Mẹ cha mới đặt tên là Phạm Công.
Vợ hòa than thở cùng chồng,
Gian nan gặp bước cực lòng bấy nay.
Sinh con đói khổ thương thay,
Lấy chi nuôi nấng đêm ngày xót xa.
Phạm Công tuổi mới mười ba,
Cha mẹ thời già yếu đuối ai nuôi.
Tưởng xem cơ sự ngậm ngùi,
Ắt đi ở nhượng[1] mà nuôi những là.
Phạm Công ở với người ta,
Tuổi còn thơ dại xót xa thêm phiền.
Một năm ở có năm tiền,
Lấy cơm nhà chủ để liền vào trong.
Đem về cha mẹ ăn cùng,
Mình ăn cá [a] đồng uống những nước rau.
Vợ chồng nước mát láng rào,
Vợ vì khổ đói thế nào mà thôi.
Công đi cầu Phật, khấn Trời [b]
Tu nhân tích đức trọn đời cùng nhau.
Chẳng thì ác đã xế đầu,
Ba rồng xuống rước ông chầu trời nay.
Lão ông mới nói nhời này:
"Con ơi, vợ hỡi ở rày cùng ai?"
Thoắt thôi mới nói vừa rồi,

Khảo dị:

a. Bản A chép: *tôm* đồng.

b. Bản B chép: *cùng* giời.

Chú thích:

1. *Ở nhượng:* ở mướn, làm thuê.

Tam hồn thất phách xa chơi đôi hồi.
Còn bà Dương Thị thương ôi,
Gần đất xa trời, nước mắt nhỏ sa.
Mẹ thời tuổi tác đã già,
Con thời phải chịu cho qua phen này.
Tử sinh[1] cũng có một đời,
Cha về chầu trời cách trở xót xa.
Phạm Công tuổi mới mười ba,
Lấy gì vùi đặt [2] cho cha phen này.
Cha già [3] đã để ba ngày,
Tôi đi mời thầy, thầy cũng chẳng đi:
"Cha mày bán củi xưa kia,
Ai hòng trông cậy [a] mà đi cho mày"
Lại đi mời sãi bằng này,
Dù sãi dù thầy cũng chẳng vừa hai.
Phạm Công nước mắt nhỏ rơi,
Tôi phải vái trời[b] khấn bụt cho cha.
Một mình làm sãi trừ ma,
Vừa thầy âm táng chủ gia một mình.
Tuổi tôi còn bé hậu sinh,
Vào ra cũng có một mình thờ cha.
Lạy xin đất rộng trời xa,
Người ta cũng chẳng ai ra làm vầy.
Đem cha mà táng bóng cây,
Vái cùng thiên địa, ngày rày chứng hay.
Trong nhà đói khổ dường này,
Thần linh chứng giám phen này cho cha.
Phạm Công mới lạy mẹ già:
"Tôi đi hái củi phương xa phen này.
Ra làm đủ bảy tuần chay,
Cha đà lãng thế lên mây chầu trời.

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *luống* cây ...

b. Bản A, B chép: *vĩ* (van vĩ), trời ...

Chú thích:

1. *Tử sinh:* chết sống.
2. *Vùi đặt:* chôn cất.
3. *Già:* chết.

Dù tôi bán củi suốt đời,
Người ta cũng chẳng kêu tôi khác vời [a]".
Mẹ thời gần đất xa trời,
Con đi bỏ mẹ ai nuôi cho chàng.
Phạm Công nước mắt hai hàng,
"Làm trai phải chịu lắm đường xót xa.
Chớ ai sinh đẻ tôi ra,
Bây giờ lại lãng [1]mẹ già hổ ngươi.
Đeo mang đã chín tháng trời,
Như tù mắc mớ cùng tôi đã đầy.
Mang tôi chín tháng mười ngày,
Xin trả nghĩa này mới phải đạo tôi".
Trong nhà khốn khổ thương ôi!
Lưng cơm bát nước nghĩa tôi vẹn tuyền.
Vẫn là [b] đặng sáu mươi viên[2]
Mẹ con một tháng đường liền xót xa.
Trong mình mặc áo rà rà,
Tay trời dắt mẹ đi ra lên đường,
Xa khơi cách mấy dặm trường.
Ba bốn ngày đường vừa đến ngã ba.
Chẳng ngờ gặp một ông già,
Phơ phơ đầu bạc lòng hòa thương ôi.
Phạm Công xem thấy ngùi ngùi,
Xin ông trở lại phen này nói năng.
Nói cùng chú cả cho chăng,
Ba ngày ngồi đợi dung dăng những là.
Chẳng ngờ, chú cả đi qua,
Nhịn lòng bớt miệng cho ta ăn cùng.
Phạm Công mới hỏi làm song,
Nào người trượng lão xin trong thuở này.
Lão sinh đặng một trai rày,

Khảo dị:

a. Bản C chép: Người ta cũng chẳng *thèm cười đến* tôi.

b. Bản C chép: *Dịn dè được.*

Chú thích:

1. *Lãng:* lãng quên.

2. *Sáu mươi viên:* sáu mươi đồng.

Khúc nhôi[1] bày hết xưa nay cửa nhà.
  "Xưa kia cũng bằng người ta,
Cho con đi học đã qua tháng ngày.
  Chẳng ngờ đi học liền hay,
Thôi về cưới vợ [a] phen này mất con.
  Gia tài liền hết chẳng còn,
Hôm mai phải khốn về con cho liền.
  Ngỡ là dâu thảo dâu hiền,
Ai ngờ hết gạo hết tiền đuổi ra.
  Nàng dâu mà chửi ông già,
Cất mình già phải đi ra phen này".
  Phạm Công nước mắt chảy ngay
Công cha dưỡng dục đêm ngày mà thôi.
  Thấy người tôi tưởng thân tôi,
Phạm Công ngùi ngùi thắm thiết lòng thương:
  "Âu là còn nắm cơm mang,
Tôi cho trượng lão ăn đường mà thôi.
  Ví dù thất thác mình tôi,
Hóa xin nơi khác vãng nuôi mẹ già".
  Này nhời trượng lão[2] nói ra,
"Ơn chàng, có đạo cho ta phen này.
  Thấy chàng tiết nghĩa thương thay,
Âu là lão lấy cơm này [b] một viên"
  Cơm thời còn đó vẹn tuyền,
Lão ông mới biến thượng nguyên ba tòa.
  Chẳng ngờ ông Phật di đà,
Thoát về nói với vua cha Ngọc hoàng.
  Triều đình văn võ hai hàng,
Chẳng ai có đạo tầy chàng Phạm Công.
  Tiếng đồn đã đến cửu trùng,
Lại đồn cho đến thủy cung động đình.
  Ngọc hoàng còn ngự trên thành,
Đòi hai tiên nữ lộ hành thẳng dong.

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *mẹ vợ:...*

b. Bản A, B chép: Ngờ là chữ đìa (lấy *đìa* này); chúng tôi tạm để tồn nghi.

Chú thích:

1. *Khúc nhôi:* đầu đuôi.

2. *Trượng lão:* người già cả.

Tiên phi nâng lệnh cửu trùng[1]
Xuống miền dương thế tòa trung những là.
Dời chân xuống chốn đã hoa,
Ngọc hoàng chỉ phán tiên nga xuống mà.
Bay thử Phạm Công những là,
Thấy chàng dắt mẹ đi qua giữa đường.
Tiên nga bèn đón lấy chàng:
"Hãy khoan đi đường tôi hỏi chàng đây.
Tôi là người ở bên tây,
Cha mẹ ép gả tôi nay lấy chồng.
Căn nguyên vì bởi hóa công[2]
Mới biết chê chồng khó ở lắm thay.
Đồn chàng trung hiếu bấy nay,
Đi ba bốn ngày chẳng thấy một ai.
Nhân duyên dành bởi sự trời,
Nay đi lại gặp có nơi tơ hồng..."
Phạm Công nghe nói hãi hùng,
Tay bèn dắt mẹ băng chừng đi ra.
"Vợ chồng việc ấy xin tha,
Thôi tôi, lại tưởng ông già ngày xưa!"
Thoắt thôi nhị nữ tiên nga,
Thăm chàng chẳng đặng vội hòa từ quy[a]
Ngọc hoàng phán hỏi ban triều:
"Phạm Công nó có điều gì với bay?"
Tiên phi đặt gối tâu bày:
"Khen chàng có tiết nghĩa rầy lắm thay.
Tôi theo tôi nói thâu ngày,
Tôi xin giá thú, bắt tay vợ chồng.
Phạm Công tiết nghĩa lạ lùng,
Chẳng tưởng vợ chồng trai gái làm chi.
Cứ y dắt mẹ mà đi,
Dương gian cõi ấy đặng [b] bì Phạm Công".

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *ra về linh tương.*

b. Bản A, B chép: *ép bề* Phạm Công.

Chú thích:

1. *Cửu trùng:* chín tầng. Đây chỉ nơi Thượng đế ở.

2. *Hóa công:* trời, ông trời.

Ngọc hoàng còn ngự cửu trùng,
Phán rằng tài tử tòa trung dường nào.
"Thế gian mấy đấng anh hào,
Chưa thấy người nào hạ giới chê tiên
Nên trai trung hiếu lưỡng tuyền[1]
Đã đành Phò mã, Trạng nguyên cho mày".
Phạm Công dắt mẹ sang tây,
Hỏi thăm trường thầy Quỷ Cốc bao xa?
Người ta mách bảo bây giờ,
"Trường thầy Quỷ Cốc còn ba dặm đường".
Mẹ con từ ấy liền sang,
Ba bốn dặm đường mới tới trường trung.
Trường thầy đông đã, nên đông,
Vừa trai vừa gái xét trong học trò.
Phạm Công đến đó liền lo,
Chẳng biết người có dặn dò dạy chăng?
Muốn vô thôi lại dùng dằng,
Biết người có dạy cùng chăng còn nề.
Ví dù chẳng dạy thời về,
Dễ người gắt mỏ[2] chẳng thì làm sao?
Phạm Công mới dắt mẹ vào,
Trình thầy sư phụ thấp cao nhời này.
"Đồn ông dạy học ở đây,
Tôi xin học rày ông có dạy không?"
Thầy liền thiết dặn làm song,
"Con học mặc lòng ông chẳng từ nay.
Tao đà đến chức làm thày,
Tao lại từ mày sao phải đạo ông.
Bốn trăm hầu tớ ròng ròng,
Con vào cầm sách với dòng văn sinh".
Học trò cho nó chiếu manh,
Chớ cho chiếu lành mà rách chiếu ra.
Phạm Công tủi hổ xót xa,

Chú thích:

1. *Lưỡng tuyền*: (trung, hiếu) vẹn toàn cả hai.
2. *Gắt mỏ:* cáu gắt mắng mỏ.

Bảo thằng hấn rằng lấy bút cùng nghiên[a]
Bắt chàng mài mực cho liền,
Càng thương gánh nước những phiền xót xa.
Chàng mài chẳng kịp mực ra,
Học trò vẫn réo[b] ông cha đã đầy.
"Tôi thằng sĩ tiệm ăn mày,
Đến học trường này lại rẻ chúng qua[1]"
Bảo mày chẳng đặng những là,
Phạm Công nước mắt nhỏ sa rời rời
"Các anh chẳng biết sự đời,
Lọ là lại chửi tên tôi làm gì?
Khác nào như rượu lưu ly [2]
Một người một chén thể gì chửi nhau[c]
Khó, giàu như thể chiêm bao,
Lọ là phải chửi thân nghèo làm chi.
Khác nào gặp bước lưu ly [3],
Chông chênh thời cũng như kia làm vầy".
Học trò tức giận lắm thay,
Chớ cho thằng này coi chữ làm chi!
Lấy màn che ngắt đèn đi,
Chớ cho nó học nó thì ngồi không.
Đêm thầy ra dạo trường trung,
Thầy liền xem thấy trong lòng thương ôi.
Phạm Công cầm sách mà ngồi,
Chờ cho chớp nháy mấy hồi sáng ra.
Coi theo mà học xót xa,
Lòng thương con trẻ trước đà ra thưa.
Tôn sư khi ấy nói ra,
"Con vào trong nhà mà học cho xong.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Môn sinh lại lấy mực ra bắt mài.*
Bản A chép: Bảo thằng hấn *xin*...

b. Bản A, B chép: ... vẫn *duy*.

c. Bản C chép: *Mỗi người* một chén *can gì nữa nhau*

Chú thích:

1. *Rẻ chúng qua:* khinh rẻ chúng tao.
2. Rượu quý đựng trong chén ngọc lưu ly.
3. *Lưu ly:* lưu lạc xiêu giạt.

Thầy nuôi cơm áo cho cùng,
Bây giờ thầy nói Phạm Công một nhời.
Tôn sư vừa nói, vừa cười,
Tiếc tài Phò mã bỏ nơi lạc hà".
Học trò thầy, thốt nói ra:
"Có làm Phò mã, chúng ta đi hầu.
Mai ta lấy áo mũ đâu,
Theo đòi quan trạng đi hầu cho xong".
Phạm Công thoắt vào nhà trong,
Đốt đèn mà học trong lòng xót xa.
Cơm ăn thầy mới đưa ra,
Đút cho mẹ già ăn những rau bông.
Này đoạn Thị Cúc làm song[1]
Con quan Tri phủ tướng công ba tòa.
Tuổi nàng mới có mười ba,
Tóc mây chấm đất sao sa non bồng.
Sử kinh thuộc hết làm lòng,
Dạy liền khắp hết bốn trăm học trò.
Sĩ nhân thầy để lại cho,
Bốn trăm học trò chẳng dám điều chi.
Dạy truyền kinh tịch một khi,
Nội trường chẳng dám làm chi tới nhà.
Phạm Công đút cơm mẹ già,
Nàng đi chẳng tới đứng xa trông chàng.
Cúc Hoa nước mắt hai hàng,
Mai kia tôi chịu lấy chàng Phạm Công.
Thương chàng kể đặng ba đông,
Phạm Công chẳng biết, sự lòng hay không.
Cúc Hoa nước mắt ròng ròng,
Về thời lại nhớ Phạm Công trên trường.
Thấy chàng đói rách mà thương,
Giả chàng ở lại tìm phương ra về.
Bao nhiêu bút mực mọi khi,
Cúc Hoa khi ấy hồi quy cho chàng.
Ngùi ngùi lại nhớ trên trường,

Chú thích:

1. *Thị Cúc*: Cúc Hoa

Lòng tưởng Phạm chàng nào có ăn đâu.
Vò võ khôn giả thiên sầu,
Trăm đường ngà nỗi kể hầu xót xa.
"Con tao tên là Cúc Hoa,
Từ ngày nó học ở nhà tây lâu.
Lòng sầu não có ăn đâu,
Tướng công chẳng biết con sầu nỗi chi.
Thấy con mặt võ ủ ê,
Giọt cơm vỉa cá chẳng thì mới hay.
Con tao đi học lâu ngày,
Sao con mình gầy mặt ủ xác ve.
Trẻ thơ còn bé xưa kia,
Hình dung tươi tốt như hoa trên cành.
Từ con thôi học sử kinh,
Mà con ủ dột buồn mình chẳng song.
Tướng công vợ nói cùng chồng,
Hay là con phải xuống sông chăng là.
Con ta như thể bông hoa,
Khi nào có đám cầm ra mặt trời.
Việc này chẳng phải là chơi,
Chạy tờ bổ chở[a] mọi nơi chiêu đề.
Mời thầy chiếu kính[1] bốn bề,
Những kẻ tài thì điểm đặng bốn mươi.
Chiếu xem một buổi dâm trời,
Chiếu kính ra rồi thêm sự xót xa.
Lại hai mươi bóng đàn bà,
Một đêm đặt hết mười ba quan rầy.
Thốt thôi sai kính bảy ngày,
Chuông trống rời rời chẳng thấy chi nay[b]

Khảo dị:

a. Bản C chép: *cho người đi khắp* mọi nơi chiêu đề.

b. Bản C chép: *Thầy sai chiếu* kính bảy ngày
Bệnh thời chẳng đã người gầy hơn xưa.

Chú thích:

1. *Chiếu kính:* chiếu mặt dương. Theo mê tín phù thủy làm phép đánh đồng thiếp cho hồn xuống âm phủ, chiếu mặt gương xem hồn ấy đi những đâu, gặp gỡ những gì. Cha mẹ Cúc Hoa mời thầy phù thủy chiếu kính xem Cúc Hoa có bị tà ma quấy nhiễu không.

Càng làm càng vô càng gầy,
Sai mười đêm ngày tiền mất như không.
Dù cho chiếu kính sai đồng,
Làm đã trùng trùng chẳng thấy điều chi.
Các thầy thôi lại hồi quy,
Âu là đi bói vậy thì cho xong.
Tướng công lo lệ trong lòng,
Chiếu kính xây đồng chẳng bằng bói khoa.
Vợ chồng tự ấy đi ra,
Đem nhau đi tới chợ là Hoài Dương.
Tìm thầy đã khắp mọi phương,
Thấy thầy bói khuất bóng gương khôn nhìn.
Cậy thầy bói thử cầu an,
Bói xem nó ấy nguồn cơn thế nào.
Đầu năm gọi hạn gọi sao [1]
Coi thử thế nào gia sự được yên.
Tiền thì tôi đặt năm quan,
Bói trong bản mệnh minh niên ngày rầy.
Thầy gieo tiền xuống mai nay,
Ông bà ngày rầy gọi hạn, gọi sao
Thầy bói nói hết trước sau,
Ông bà nói lại tuổi nào mà coi.
Tướng công mới nói một lời,
Bói vợ chồng rồi sẽ bói tiểu nhi.
Tướng công mới dạy một khi,
Con tôi nó thì đi học xa khơi.
Thầy gieo tiền xuống thầy ơi,
Nằm bệnh đã rồi đau ốm thì không.
Quẻ này vì bởi vợ chồng,
Tướng công chiếu kính sai đồng cho nay.
Tướng công bèn chịu lời thầy;
Ai làm tuổi Tuất dời dời ủ thay[a].
Cho nên khi tỉnh khi say,

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... dời dời *rằng ai.*

Chú thích:

1. *Gọi hạn, gọi sao:* vận hạn; sao: các vì sao trong số tử vi ảnh hưởng đến mọi mặt trong đời người (mê tín).

Phải bói cùng thầy quyết đoán một khi.
Dù mà nội ngoại cô dì,
Vong chú vong bác đều thì cũng không[1]
Nội tù ma lại không vong,
Quẻ này là quẻ phải lòng người đây.
Cho nên nằm bệnh làm vầy,
Chẳng tin ông hỏi tuổi này mà coi[a].
Thầy gieo tiền xuống thầy cười,
Chẳng phải lòng người đào đổ thì không.
Có người đối rách làm song,
Không cha dắt mẹ thu đông áo quần.
Vợ chồng Tướng công nói ra,
Lễ làm theo vậy sau ra điều gì.
Thầy rằng hỏi nữa làm chi,
Có năm quan quý bói thì sau sao.
Vợ chồng từ ấy trở vào,
Giả lời sư phụ non đào đời qua.
Về nhà mới hỏi Cúc Hoa,
Hay con có phải trăng hoa đấy cùng.
Nàng rằng điều quái lạ lùng,
Ai từng bé nhỏ phải lòng người ta.
Tuổi tôi mới có mười ba,
Tôi đã say đắm người ta bao giờ.
Nghe lời thầy bói nói vơ,
Về đây cha cũng nói ngờ cho yên.
Cha đi bói với thầy viên,
Cúc Hoa chép miệng thôi liền làm thinh.
Xem ai khéo kể tình hình,
Cho thầy viên đoán sự tình người ta.
Cúc Hoa lễ mẹ cùng cha,
Mọi lời bày tỏ xót xa trong lòng.
Thiếu chi quyền tướng con dòng,
Xứng đáng vợ chồng mà kết nhân duyên.

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: mà *thôi.*

Chú thích:

1. Vong linh chú bác không làm cho ốm đau.

Có người tiện sĩ khó hèn,
Phương xa đến học thầy hiền thương thay.
Tiện sĩ dắt mẹ ăn mày,
Mà học đêm ngày coi thấy xót xa.
Cơm thì đút cho mẹ già,
Mình ăn vậy mà toàn những rau bông.
Thấy chàng trung hiếu trong lòng,
Ham về hiếu đạo nên cùng xót xa.
Cho nên tôi giấu mẹ già,
Bây giờ tôi phải nói ra lời này.
Vợ chồng Thừa tướng mới hay,
Ôm con mà khóc trời hay chăng trời,
Sao con chẳng nói một lời,
Để mà nằm bệnh rơi rơi lâu ngày.
Tướng công mới nói rằng bay,
Đi lên kêu nó về ngay tức thì.
Kêu về mà gả chồng đi,
Thời nay tiền bạc làm chi những là.
Lòng con đã đắm nguyệt hoa,
Kêu nó về nhà mà gả cho mau.
Nàng nghe [a] lời nói tiêu hao [1]
Bước vào khấu đầu lạy mẹ cùng cha.
Nàng bèn thẳng tới phòng hoa,
Kêu hài nhi đến cho qua bảo mày.
Vội lên trường học cùng thầy,
Kêu người áo rách về đây những là.
Những người đào đỏ lụa sa,
Chớ kêu người ấy về nhà làm chi.
Con đòi[2] vâng lệnh ra đi,
Phút đâu đã tới một khi trường thầy.
Thấy người đào đỏ dây dây,
Áo rách chẳng thấy phen này chàng ôi!
Ba hồn bảy vía rụng rời,

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *nghe nàng*..

Chú thích:

1. *Tiêu hao* (đầu đuôi) tin tức.

2. *Con đòi:* con ở, người hầu.

Bỗng đâu lại dắt mẹ thời xuống sông.
Con đòi thấy vội mừng lòng,
Chàng kia có phải Phạm Công chăng là?
Phạm Công nói với mẹ già,
Chẳng biết đàn bà, nào hỏi việc chi?
Chàng bèn mới hỏi một khi,
Nhà cô nào hỏi việc gì tới tôi.
Con đòi thấy nói liền cười,
Chớ ai bảo người gọi tớ là cô.
Tôi là người ở trung đô,
Ở cùng quan phủ dạy vô đòi chàng.
Phạm Công lo hãi vội vàng,
Người đòi việc thường cô có biết không?
Người gọi [a] tôi đi làm song,
Việc gì người chẳng nói cùng tôi đâu.
Phạm Công mặt ủ rầu rầu,
Chức quan Tri phủ có hầu có nha[1]
Cớ sao dạy bảo đàn bà,
Phép nào cho khỏi gông ra tuần này.
Con đòi mới nói lời này,
Họa [2] nào tôi sẽ chịu thay cho chàng.
Phạm Công nước mắt hai hàng,
Tôi nghe lời nàng ắt phải tuần tra.
Phạm Công mới dắt mẹ già,
Mẹ con giả hết người ta tứ bề.
Giả trò hạng nhất hạng nhì,
Cùng là trò giám tôi đi phen này.
Chàng liền quỳ lại trình thầy,
Ra đi bốn ngày ai nấy chớ lo.
Học trò mới lại dặn dò,
Quan ấy ví dù giam chấp Phạm Công.
Chúng qua [3] rồi sẽ sang cùng.

Khảo dị:

a. Bản A chép: người *dạy*...

Chú thích:

1. *Nha*: nha lại
2. *Họa*: tai họa
3. *Chúng qua:* chúng tao.

Chung tiền qua hãy mở gông cho chàng.
Thầy còn nói trước ỷ vàng,
Nó đi nó đặng vẻ vang phen này.
Chàng theo nữ sứ [1] thương thay,
Tay bèn dắt mẹ, trời hay chăng trời!
Sơn xuyên cách trở xa khơi,
Bỗng đâu đã đến gần với Tướng công.
Quân Canh sắp hết ngoài trong [a],
Tứ bề nghiêm cẩn, nghìn trùng xiết bao.
Liều mình chàng mới bước vào
Cửa quan Tri phủ hay sao những là.
Tướng công ngoảnh mặt xem ra,
Chào chàng nho sĩ đích đà đến đây[b]
Chiếu hoa sửa soạn mái tây,
Cho chàng nho nhĩ tới rầy ngồi chơi.
Phạm Công mất vía rụng rời,
Sức tôi đâu dám đặng ngồi chiếu hoa.
Hay là người biết dạ ta,
Trẻ trung thơ dại biết mà làm sao.
Tướng công mới nói thấp cao,
Chiếu hoa đã trải, chàng sao chẳng ngồi?
Dạy quân nhà bếp đôi người,
Làm cơm cho mụ ăn chơi bây giờ.
Nàng ngồi trong bức rèm thưa,
Nàng liền coi thấy kẻ đưa người tìm.
Đút cơm thôi lại mở xem,
Miệng mời tay đút mẹ xem dần dần.
Hiếu trung trong dạ băn khoăn,
Vừa mới vừa ngoái [c] phụ thân ân nàn,
Đoạn rồi cơm nước đã an,
Thừa tướng mới lại hỏi han cho cùng.
Đã thuộc chữ nghĩa cho thông,

Khảo dị:

a. Bản C chép: Quân canh *đóng hết mấy vòng*.

b. Bản C chép: *Hỏi* chàng nho sĩ *mới về tới* đây

c. Bản D chép: vừa *ngoảnh*...

Chú thích:

1. *Nữ sứ*: sứ giả đàn bà, đây là người hầu do Cúc Hoa sai đi mời Phạm Công.

Hay là còn hoặc[1] nói ông nghe chừng.
Phạm Công đặt gối thưa rằng:
"Con nhà đói khổ hổ chưng ngày rày
Thân ai như thể ăn mày,
Lấy chi chữ nghĩa cho tày người ta."
Tướng công chép miệng nói ra,
Tiếc tài kinh sử thôi mà hèn chi.
Cúc Hoa đẹp ý một khi,
Ông hỏi nhà thì nàng đã biết hay.
Hỏi chàng còn muốn vợ rày,
Thì ông đem hỏi cho mày kia ôi!
Phạm Công thưa hết mọi lời,
Chẳng thương thì chớ nói cười chi đây.
Chức tao sang trọng đường này,
Ông sao lại nói cùng mày mà thôi.
Tướng công mới nói rõ lời,
Thôi ta nói thực cùng người phen này.
Kêu về mà gả con đây,
Chớ có chi rầy mà sợ ông cha.
Con min [2] tên là Cúc Hoa,
Từ ngày nó học ở ca trên trường.
Những người đào đỏ như gương,
Những tài kinh sử đống lương phen này.
Bốn trăm văn sĩ rây rây,
Nó cũng chẳng muốn bằng nay những là.
Nó thấy liền dắt mẹ già,
Đút cơm cho mẹ vậy mà lòng thương.
Về nhà ủ dột trăm đường,
Mình gầy mặt võ tình thương những là.
Phạm Công nước mắt nhỏ sa,
Có đâu bỗng nổi phong ba sóng liền.
Có đâu bèo nở cùng sen,
Xuyến vàng ba cặp kết duyên tơ hồng.
Phạm Công nước mắt ròng ròng,

Chú thích:

1. *Hoặc*: nghi hoặc, nghi ngờ.

2. *Min*: tôi, ta.

Tiền thời chẳng có bạc đồng cũng không.
Cúc Hoa ngồi ở nhà trong,
Chẳng ai ra nói thông tin cùng chàng [1]
Thấy người đòi bạc, đòi vàng,
Không ai bảo chàng kẻo nữa chàng e.
Thấy cao lại bỏ mà về,
Ấy là chỉn thực trò quê vô hồi.
Bảo chàng ở đó mà thôi,
Cao thấp mặc người chàng chớ có nghi.
Canh ba vắng vẻ bốn bề,
Vợ chồng bèn nói họ kia hay là.
Những tin con gái trong nhà,
Một trăm chìa khóa trao ra cho nàng,
Nào là vòng bạc, vòng vàng [a],
Giao cả cho nàng gìn giữ chẳng sai.
Trống lầu vừa tới canh ba,
Nàng liền ra ngoài mới bảo Phạm Công.
Người đà ngỏ hết tây đông,
Bảo chàng vào lấy liệu chừng sự duyên.
Phạm Công thấy nói Phạm phiền,
Một mình chuyên vác [b] đã yên cả rồi.
Bảo chàng chuyên đỡ cùng tôi,
Chàng e vào đấy rồi người ngờ chăng.[c]
Cúc Hoa nghe nói giữ giàng,
Chớ nên giữ đạo tao khang thực thà.
Chớ lại kinh sử thốt ra,
Chẳng bằng đàn bà ấy thực trò quê.
Phạm Công nghe nói tức thì,
Dạo chân liền tới một khi trong nhà.
Cúc Hoa liền mở hòm ra,
Lấy tiền cùng bạc đem ra sẵn sàng.
Thôi nàng mới nói cùng chàng,

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: .... *hòm* bạc, *hòm* vàng

b. Bản C chép: *chuyển vận*...

c. Bản D chép... *ngờ chăng*, chúng tôi theo bản D cho hợp vần.

Chú thích:

1. Ý chẳng có ai nhắn tin cho Phạm Công biết.

Phạm Công của khó, vô càng xiết chi.
Ai mà biết đặng điều gì,
Nghe thời cũng vậy sự gì đôi ta.
Phạm Công nói với Cúc Hoa:
"Đêm khuya luồn lẻo ai mà biết tăm".
Canh tư rồi tới canh năm,
Hai người chuyển đặng bốn trăm quan tiền.
Phút đâu gà đã gáy liền,
Lấy đã đủ tiền trời vừa sáng ra.
Chàng nghĩ cho tôi vào tòa,
Một khi nghỉ ngợi sẽ ra cũng rầy.
Cúc Hoa then cánh hiên tây,
Phạm Công khi ấy rạng ngày bước ra.
Tiền bông chất cả trong nhà.
Phạm Công vào tòa ngồi đã khi lâu.
Tan canh trở lại gác lầu,
Tướng công khi ấy biết đâu những là.
Tớ thầy thức dậy huyên hoa,
Tướng công khi ấy bước ra lên tòa.
Phạm Công lạy đôi ông bà,
Đại hồng, long cổn, lụa sa, xuyến vàng, [1]
Áo quần ba cặp rõ ràng.
Phạm Công liền vận vẻ vang ai bì.
Tướng công mới nói một khi,
"Của đâu sẵn có nói thì ông hay?"
Phạm Công bước tới thưa bầy:
"Của tôi đi tạm, bên trường thầy ta".
Tướng công bất độn xem qua[a],
"Quẻ này là quẻ của ta đã rồi
Tý sửu dần mão ngọ mùi,
Nội gia hữu đạo [2] quẻ phát động ra".
Trường thày sao những của ta.

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *mới giang (chăng) tay khoa*

Chú thích:

1. Chỉ quần áo, gấm vóc, lụa là, vàng bạc.
2. Bản A, B chép: "Nội gia hữu tù" không rõ nghĩa, có lẽ là "nội gia hữu đạo": trong nhà có trộm.

Bèn gọi đầy tớ bay ra đem vào.
Phạm Công mất vía sợ sao,
Nghe lời nàng bảo tù lao phen này.
Cúc Hoa nghe nói thương thay,
Cúi đầu lạy mẹ quanh [a] này cùng cha.
Ví dù [b] tội hữu sở quy, [1]
Tội con tội cháu làm chi tới chàng.
Thấy cha đòi bạc đòi vàng,
Lòng tôi thương chàng khốn khó mà đi.
Tơ hồng nguyệt lão đã se [2]
Duyên trời đã định phu thê mới rồi.
Cho nên kết nguyện cùng tôi,
Phải đi lấy trộm tiền tài của cha.
Kim ngân quí vật những là,
Của tôi cho để đặng mà cưới tôi.
Lạy cha cùng mẹ thương ôi,
Việc này phải chịu tại tôi nhiều bề.
Dù mà quả thực một khi,
Dám xin cha mẹ chàng thì xin tha.
Vợ chồng ôm lấy Cúc Hoa,
Tơ hồng đã định con ta đi rồi.
Thử lòng hỏi ướm mà chơi,
Thử chàng tiện sĩ cơ ngơi hay là.
Vợ chồng khi ấy chan hòa
Chứ ta bắt lấy vậy hòa cho xong.
Soạn của mà cúng tơ hồng.
Rồi giao Thị Cúc, Phạm Công đem về.
. . .
Phạm Công đi thi, đỗ Trạng nguyên.
Thụ thai đặng bốn tháng chầy,
Lệnh trên chiếu chỉ bảng nay nhật thì[3]

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *phen* này.

b. Bản A chép: *Hường thôi...*

Chú thích:

1. *Tội hữu sở quy:* tội có nơi phải chịu.
2. *Nguyệt lão:* vị thần xem việc hôn nhân.
3. Ý nói để bảng báo rõ ngày thi.

Ai hay văn nghệ cùng thi,
Nếu ở qua kỳ vua Hồ chẳng tha.
Lo nàng thai sản ở nhà,
Đi thi đặng đó, vợ nhà ai nuôi?
Cúc Hoa thắm thiết ngùi ngùi,
Phen này chàng trẩy [1] đến hồi đi thi!
Thai sinh thì đã có kỳ,
Ở nhà mặc thiếp, đi thi cùng người.
Thấy nàng nói đã hết lời,
Phạm Công từ ấy mới rời chân ra.
Tôi còn một cái lụa sa,
Âu là tôi cắt nó ra [a] cho chàng.
Phạm Công mới nói nhời rằng:
"Đã có áo trường mặc cũng vừa thay!
Lụa sa để vậy chớ may,
Để nàng thai sản đỡ nay đêm trường.
Kẻo khi lạnh lẽo mình nàng!"
Cúc Hoa mới nói thưa sang một lời:
"Chàng đi hãy mặc thân tôi,
Người ta đào đỏ vô hồi lắm ơi!
Quần là áo lượt mọi mùi,
Chàng thời rách đấy hổ ngươi chăng là!
Có một cái áo lụa sa,
Ném đi ném lại đã ba bốn đường.
Âu là thiếp khấn âm dương [2],
Về ai thời mặc, đoạn trường xót xa".
Ba keo đều vậy[b] vừa ba,
Ngọc hoàng chẳng biết áo đà về ai.
Cúc Hoa bèn cắt làm hai,
Phạm Công lấy nửa, xót thay thêm phiền.
Đi còn có sáu đồng tiền,

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *may* ra...

b. Bản A, B chép: đều *vị* ...

Chú thích:

1. *Trẩy*: đi xa, trẩy hội.

2. *Khấn âm dương:* Xin âm dương, khấn vái thần linh rồi gieo quẻ bằng hai đồng tiền xuống đĩa, nếu một đồng sấp một đồng ngửa là linh ứng thuận.

Âu là để lại cho con ba đồng.
Phạm Công nước mắt ròng ròng,
Hồi lâu chàng mới thẳng dong lên đường.
Học trò trông thấy lang thang,
Người thời [a] xem thường như trẻ chăn trâu:
"Thằng này mày trẩy đi đâu?
Mày có gánh hầu cho chúng qua thuê".
"Chết thì cũng cố tập đi [b]
Tao chẳng tội gì mà gánh cho bay!"
Học trò vào quán đông thay,
Chả lân nem phượng dọn nay rành rành.
Phạm Công tối lại nằm đình,
Học trò sao nói phân minh nhời nhời.
Phạm Công mới nói rằng bay:
"Số bay đặng ở đình này như qua".
Cậu lan, con tiện rườm rà,
Phạm Công tưởng đến giỗ cha phen này.
Cúc Hoa em ở lại nay,
Muối rau mà dọn kiếm rày cúng ông [c]
Sáu cỗ đặt ra hai dòng,
Vái hồn cha chồng họ Phạm là tên.
Mạ là Dương thị một bên,
Vâng chồng tôi đỗ Trạng nguyên nước người.
Đường đi cách trở xa vời,
Bây giờ tôi có mình tôi ở nhà,
Phạm Công nhớ ngày giỗ cha,
Chàng đi hành khất phương xa ăn mày.
Phạm Công nước mắt tuôn đầy
Lấy cơm ấy rầy mới cúng giỗ cha.
Lạy cha vâng lễ ở nhà,
Mục đồng đều thấy [d] cùng hòa thương ôi!
Giỗ cha cơm lạt mà thôi,
Bàn soạn cùng ngồi mỹ vị dọn ra.

Khảo dị:

a. Bản A chép: Người *cùng...*

b. Bản A, B chép: ... *thằng* đi

c. Bản A, B chép: *Hái rau mà bán* kiếm rày *giỗ ông*.

d. Bản A chép: ... *xem* thấy.

Cơm tôi cơm trắng như hoa[a],
Có đĩa thịt gà cá chép nhiều thay!
Lũ em[b] phải nhịn chiều nay,
Khi tối [c] về rày thì cỗ sẽ xong.
Phạm Công nước mắt ròng ròng.
Làm nên phò mã, cũng hòng đền công
Phạm Công từ giã mục đồng,
Chúng người ở lại ngàn trùng mỗ đi.
Phạm Công rời bước một khi,
Hai mươi ngày đến thành trì Ngụy vương.
Bảy nghìn văn sĩ hội trường,
Đều thi chẳng đỗ hồi trang về nhà.
Phạm Công vào đỗ thứ ba,
Học trò chẳng đỗ trở ra kíp rời.
Phạm Công không ra ngỏ lời,
Đội ơn mệnh trời nhờ phúc quốc gia.
Ngụy vương chính ngự chương tòa,
Phút liền ngửa mặt xem ra đan trì.
Đức vua ngự phán chỉ huy,
Gọi chàng phò mã đến thì chầu ta.
Phạm Công đặt gối tâu qua,
Khấu đầu quỳ lạy quốc gia đền rồng.
Vua phong chức cả cho cùng,
Triều đình đã quyết chức cùng đến tôi.
Đức vua mới phán một lời,
Lòng chàng đã quyết xin đòi vào thi.
Phạm Công đứng trước đan trì [d] [1]
Chàng liền bước tới vào thi ba ngày.
Chiếm khoa đỗ Trạng ngày rầy
Vua reo ba tiếng phút giây khải hoàn.
Đức vua ngồi ngự long sàng,

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *nó* trắng...

b. Bản A chép: *chúng* em.

c. Bản A chép: *đến* tối ... sẽ chung.

d. Bản A chép: ... *cùng* trước.

Chú thích:

1. *Đan trì:* thềm cung vua.

Dạy bẩy tàn vàng ra rước Phạm Công.
Trạng nguyên vào tới triều trung,
Bát vàng chén ngọc kèo[a] thung[1] khuyên mời.
Vua phán cùng Trạng một lời,
Con trai chẳng có lên ngôi trị vì.
Trẫm sinh Công chúa nữ nhi,
Quần hồng áo lượt huy nghi[2] ai tầy[b].
Mới mười ba tuổi năm nay,
Trẫm gả cho Trạng bắt tay giao hòa.
Trạng nguyên thôi mới trở ra,
Mắt chau lệ đọng lòng sa rời rời[c].
Đức vua mới phán một lời,
Đào ao thả cá Trạng coi chăng là?
Trạng nguyên bèn nhớ Cúc Hoa,
Mặt xem thấy cảnh lòng đà chẳng nguôi.
Vua đòi Công chúa lên ngồi,
Ra cùng ông Trạng thử coi chơi bời.
Công chúa thấy vậy vâng lời,
Điểm trang phấn rồi Công chúa bước ra.
Khoan khoan chân bước lên tòa,
Triều đình xem thấy mặt bà hôm ni.
Công chúa bước đến một khi,
Tay bưng chén ngọc lưu ly thuở này.
Trao tay cho Trạng đan trì
Mấy khi cho thỏa ra thì đứng đây[d].
Vua thương ông Trạng quá tay,
Mời chàng uống chén rượu này một khi.
Trạng nguyên cất lấy tức thì,
Ngỡ là Trạng uống một thì lòng vui

Khảo dị:

a. Bản A chép: ...*cúc* thung ...

b. Bản A chép: Quần hồng áo *lục dung* nghi ai tầy.

c. Bản A chép: Mắt *rơi* lệ *xuống* ... sa rời rời.

d. Bản A chép: ... *đến* đây.

Chú thích:

1. *Kèo thung:* mời chào. Kèo: rót rượu mời. Ví dụ: Kèo rượu (xem Việt Nam tự điển. Khai Trí Tiến Đức).

2. *Huy nghi:* rực rỡ trang nghiêm.

Trạng nguyên ném xuống bể rồi,[a]
Công chúa ngùi ngùi mặt đỏ tía tai.
Thẹn đeo phận tủi chẳng nài,
Hai bên văn võ ai ai lắc đầu.
Mang thân nàng lại rẽ vào[b],
Công chúa khấu đầu quỳ lạy trình cha:
"Sinh con tươi tốt bằng hoa,
Tay cầm chén rượu trao ra cho chàng.
Chàng liền đổ xuống ngai vàng[c],"
Phải khi lại có triều đường hầu đông.
Trước lòi đầy mặt triều trung[1]
Phải vào tâu lại cửu trùng vua cha.
Lệnh truyền đem Trạng vào tòa,
Cớ sao[d] khinh rẻ con ta đường này!
Làm sao rượu đã trao tay,
Chẳng uống thì chớ sao rẩy đổ đi?
Hay là chẳng xứng phu thê [e][2]
Con tao chẳng xứng Trạng chê những gì?
Trạng nguyên tâu lạy quốc gia,
Cúc [3] tôi thai sản ở nhà mới sinh.
Biết là no đói ca ngâm,
Vui gì mà lại đô thành ăn chơi.
Công chúa nghe nói mọi lời,
Dám xin quan Trạng sửa nơi chương tòa!
Gông cùm chăng trói chẳng tha,
Bõ lòng quan Trạng chê ta lấy người.
Đức vua mới phán một lời
Dạy giết quan Trạng sửa nơi chương tòa!
Triều đình đặt gối tâu qua,

Khảo dị:

a. Bản A chép: Trạng nguyên *đổ xuống đất rồi*

b. Bản A chép: ... *trở* vào.

c. Bản A chép: *điện* vàng.

d. Bản A chép: *nhân sao*...

e. Bản A chép: *hiền* thê.

Chú thích:

1. *Triều trung:* trong triều đình.
2. *Phu thê:* vợ chồng.
3. *Cúc:* Cúc Hoa.

Phép đầy thì phải hãy hòa giết thôi!
Đức vua chỉ phán một lời:
Vua tha chẳng giết một ai bắt đầy.
Trạng nguyên thảm thiết ngùi ngùi,
Chẳng ai nhắn bảo sang đòi Cúc Hoa.
Ngàn trùng non nước cách xa,
Biết ai nhắn bảo vậy mà nàng hay.
Cúc Hoa còn bé thơ ngây,
Nàng đã bên này, thì đã ăn chơi!
Chẳng ai tin đến cho tôi,
Cha thời Tri phủ con rời ở xa!
Vái hồn họ Phạm là cha,
Lạy đôi ông bà phù hộ nàng dâu.
Trạng nguyên giã hết trong triều,
Một mình ông Trạng quản bao xa rời.
Đồng gia theo với mười người,
Mang đầy quan Trạng thủa nơi địa tù.
Trạng nguyên nước mắt bằng mưa,
Thấp cao chan chứa quanh co chốn này!
Phát xong chật khít hai hàng,
Cách trở dặm trường nước thẳm đường xa.
Phạm Công đến đó chửa ra,
Hãy còn giấu tiếng ai đà biết chi [a].
Hung Nô có mở khoa thi,
Kén tài Phò mã để thì thay ngôi.
Bảng treo sĩ tử đòi nơi,
Có kẻ nhân tài thì đến mà thi.
Ai mà đỗ Trạng đan trì,
Trẫm ắt nhường vì Thiên tử một khi.
Lệnh truyền thiên hạ vào thi,
Phạm Công mới nói một khi đã từng.
Việc chi chẳng có vội vàng,
Năm ngàn sĩ tử vào trường xôn xao.
Đến kỳ trao bảng anh hào,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Dặm ngàn tới xứ Ô qua*
Phạm Công giấu tiếng, ai mà biết chi.

Học trò ai nấy thấp cao vô hồi!
Chẳng ai đỗ Trạng một người,
Gần xa ai nấy tái hồi vừa xong.
Phạm Công ngẫm nghĩ trong lòng,
Chẳng vào thì tiếc công danh bấy chầy.
Phạm Công bước đến lầu tây,
Vua chào Phò mã cho hay những là.
Ở đâu mà Trạng đến ta,
Lẽ thì quan Trạng ắt là thi đâu?
Rước chàng Phò mã vào hầu,
Tiệc bầy ăn uống chư hầu mời khuyên.
Đông mặt văn võ đôi bên,
Vua phán cùng Trạng trong đền cho hay.
Có nàng Công chúa lầu tây,
Trẫm gả cho Trạng phen này kết duyên.
Trạng nguyên nước mắt tuôn liền,
Lại có Công chúa dâng lên cho rồi.
Trạng dâng tấu gửi lên thôi,
"Đã có vợ rồi, sinh đặng hai con"
Công chúa bèn lại hỏi dồn:
"Vợ chàng bao lớn hai con ở nhà?
Chàng hai mươi tuổi đăng khoa.[1]
Vợ chàng ở nhà lớn quá mười lăm.
Hỏi chàng có muốn ta chăng?
Hay là chẳng muốn hỏi rằng cùng tôi!"
"Lạy người việc ấy xin thôi,
Vợ hầu đã cưới tôi hầu dám sai![a]"
Hung Nô tức giận bao nài,
Dạy giam quan Trạng bõ lời nói ngoa!
Gông cùm giăng khắp chẳng tha,
Liệu mà chân tiết[2] vợ nhà dễ ngươi.
Trạng nguyên thảm thiết thân người.
Thi mà đặng đậu nữa hoài công hư.

Khảo dị:

a. Câu này phiên theo bản D.

Chú thích:

1. *Đăng khoa:* thi đỗ

2. *Chân tiết:* Giữ lòng tiết nghĩa chân thực.

Đến đây [a] sáu tháng có dư
Vợ thì thai sản ở nhà làm sao?
Liệu điều biết nói làm sao,
Chẳng thà chỉ giết bề nào cho xong.
Đức vua mặt đỏ hồng hồng [b],
Tháng ngày có vợ bắt chồng đem ra.
Trạng rằng: "Tâu lạy quốc gia,
Con vua là gái ngự hoa đền rồng [c].
Vợ vua cũng vợ triều trung [1],
Mà tôi chẳng dám xứng cùng vợ tôi.
Biết là Công chúa Chương Đài [2],
Ai làm cho ả thứ hai phen này".
Vua bèn tức giận thành tây:
"Cớ nào tao chịu thằng này sao xong!"
Hung Nô chửi mắng đùng đùng.
Truyền quân trị tội chớ rong Trạng rầy.
Quân vâng lệnh bèn chặt tay,
Khoét hai con mắt Trạng rầy chớ tha.
Đục ra hàm răng những là,
Phạm Công xuống khóc nghĩa đà xót xa
Than rằng: "Em hỡi Cúc Hoa,
Chẳng hay ra số oan gia mình chồng!"
Phạm Công đọc trạng thuộc lòng,
Một mình khấn vái trời cùng chứng cho!
Phải chi du thần [3] đi qua,
Trở về tâu động [4] quốc gia thành trì.
Ngọc hoàng nghe đặng tức thì,

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Đứng* đây...

b. Phiên theo bản C cho hợp vần.

c. Bản A, B chép: *Vợ vua cùng vợ quốc gia*
Cùng bà Tấm hậu Trương hoa đền rồng

Chú thích:

1. *Triều trung:* trong triều đình.

2. *Chương Đài:* tên một con đường ở Trường An (kinh đô Trung Quốc ngày xưa). Hàn Hoành đời Đường lấy người kỹ nữ là Liễu Thị, khi ông đi làm quá xa, Liễu ở nhà bị tướng giặc cướp mất.

3. *Du thần:* vị thần đi chơi qua.

4. *Tâu* (động): tâu trình, trình bày.

Mới đòi các vị vào tòa [a] cho qua.
Bèn đòi đức Phật Thích Ca,
Đòi lấy Phật Bà áp đến cho đông.
Các vị cùng tới công đồng,
Đòi đến La Hán [1] luận công việc này.
Mời vua hạ điện liền đây,
Các vị đều đến âu nay chương tòa.
Ngọc hoàng dậy đem Trạng ra,
Dâng cho [b] Tam giới các tòa ngự chiêu.
Trạng cáo rằng:
"Hung Nô hãm hiếp
Bèn gả con cho
Tôi đội ơn vua
Vợ nhà đã có
Hung Nô thịnh nộ
Dạy quân đóng gông
Giam hãm ngục trung
Chân tay chặt hết
Những điều hãm hiếp
Nên khốn làm vầy
Khoét mắt khoét mày.
Vậy đi lại đục
Làm tôi cơ cực
Giam hãm ngục hình
Xin trời soi xét
Nên đáng khúc trực [2]
Các việc thây thẩy
Cáo đến [c], Thành đô
Các vị Hung Nô
Triều đình văn võ
Lại cáo Công chúa

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: ... vào *cực*.

b. Bản A chép: *Đạng* cho

c. Bản A, B chép: *sắc trạng*.

Chú thích:

1. *La Hán*: tên hiệu một vị Phật có sức khoẻ.

2. *Khúc trực* (con, thẳng) phải trái,

Thẩy thẩy mọi điều
Bụt ở trong điện
Thì bà Hoàng hậu [1]
Tôi cáo cho thấu
Thiên địa chứng tri [2]
Kẻ chánh người tà
Phân minh động xét [a]
Nay trạng
Ngọc hoàng xem trạng mới hay,
Nỗi nước làm vầy, chẳng khốn thế nhân
Ngự sai hỏa tốc chư quân,
Trẩm cho tra xét chúng dân phen này.
Phật bà mười xá chân tay,
Phật tổ người rầy mười xá ra đi.
Quan Âm mười xá tức thì,
Thánh Đế [3] mười xá ra đi tức thì!
Thập điện [4] mười xá ra đi
Ngọc hoàng chánh ngự đan trì xuống tra.
Quan sai đặt gối quỳ thưa,
Xuống tra vua phán lý điều cho thông.
Vua dạy cơm nước các đồng,
Với lại tiền chồng lấy bảy ngàn ba.
Mười hai bộ xá đi ra,
Đằng vân giá vũ [5] bầy ra hai hàng.
Mặt xanh nanh bạc mày vàng,
Dùi đồng, búa sắt rỡ ràng hai bên.
Các tướng áp đến dưới trên,
Quan sai mới hỏi đến liền Hung Nô.
Phạm Công nghe nói liền vô,

Khảo dị:

a. Bản A chép: *đồng xét.*

Chú thích:

1. *Hoàng hậu:* vợ vua.
2. *Thiên địa chứng tri:* trời đất biết cho.
3. Phật Bà, Quan Âm, Thánh Đế... tên các vị Phật.
4. *Thập điện:* thập điện Diêm vương, vua ở âm phủ (theo sự mê tín).
5. *Đằng vân giá vũ:* cưỡi mây đè mưa mà đi một cách mầu nhiệm (chuyện hoang đường).

Quan sai xem thấy chàng vô thêm phiền.
Hung Nô mất vía trong đền,
Bây giờ áo mũ vua liền bước ra.
Quan sai bèn dạy các tòa,
Tiền tra lấy bảy ngàn ba một mình
Mới đòi văn võ triều đình,
Tôi có dạy hình không bảo chặt tay.
Triều đình thưa nói đầy đầy:
"Các việc ngày rầy, vua dạy chúng tôi.
Xưa nay cơm áo nhà người,
Bởi vua dạy trước, làm tôi mới hành [a].
Ép Trạng thì lấy con mình,
Trạng nguyên có vợ vậy tình xót xa".
Hung Nô mới nói những là:
"Tôi ngờ quan Trạng cáo ta với làng.
Lại đi cáo đến Ngọc hoàng
Đem tiền chồng hết bảy ngàn ba quan".
Quan sai mới hỏi nguồn cơn:
"Hàm răng có đục hay còn cáo gian".
Vua rằng: "Lời ấy thì oan,
Kể chi điều khác cáo gian điều này".
Hung Nô đặt gót tâu bày:
"Quan Trạng nỗi này là nó vậy thay" [b]
Quan sai mới dạy rằng bay:
"Đòi Thổ công tới bắt rày tờ cung".
Quan sai tôi chẳng dám dung,
Thổ công cất bút làm cung vội vàng.
Thổ công cung rằng:
"Trung tuần ngũ nguyệt [1]
Quê quán Trạng nguyên
Thì tôi không biết,
Trạng nguyên mới đến
Ước đặng mười ngày

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *chúng* tôi...

b. Bản A chép: ... *đốt* thay

Chú thích:

1. *Trung tuần ngũ nguyệt*: Giữa tuần tháng 5, khoảng từ 11 đến 20 tháng 5).

Vua ra khảo thi
Kén tài văn sĩ
Làm hội đền rồng
Vua mới kén chồng
Cho nàng Công chúa
Trạng nguyên đến đó
Phút chiếm bảng vàng.
Vua mới chức phong
Cho chàng Phò mã.
Thôi lại ép gả
Công chúa cho chàng
Trạng thưa tỏ tường
Trạng đã có vợ
Thai nghén ở nhà
Nào có dối chi
Vua liền thịnh nộ.
Tức thì đem bỏ
Trạng rẩy dóng gông
Giam hãm như không
Hung Nô vô cớ
Liền dạy dóng gông
Cứ sao ngồi vậy
Trạng nguyên khi ấy
Mạn phép Hung Nô
Dù mà vợ vua
Vợ quan vợ tướng
Những người độ lượng
Với vợ triều đình
Chẳng đặng xem sao,
Thôi chàng nói hết
Công chúa trong tòa
Cùng bà Hoàng hậu
Vua rằng điều xấu
Chàng lại rẻ tao!
Mới là hành tội
Nhưng mà chẳng giết
Chặt hết chân tay
Khoét mắt khoét mày

Các việc đã rồi
Tôi đứng tôi coi
Trước sau làm vậy
Một giây lại thấy
Bèn đục hàm răng
Tôi thấy làm sao
Tôi cũng làm vậy
Nhược tha tôi vậy
Tôi ở trong nhà
Đổ xuống sông thời
Tôi làm Hà Bá [1]
Tôi ăn hai ngả
Nào có bụng nào
Tôi thấy làm sao
Tôi cũng làm vậy!
Nay cung".
Nay đoàn chứng tá đã rồi,
Quan sai mới hỏi một lời rằng bây:
"Thổ công thì đã cung đây,
Thực có làm vầy hay lại cáo gian".
Hung Nô mới nói rằng "oan!"
Thổ công cung thế mà gian nỗi gì?"
"Công tôi thờ phụng làm chi,
Đêm ngày hương khói sớm hôm trung đình" [a]
Ngụy trưng mới hỏi sự tình:
"Chân tay mày mặt trang hình đâu nay?
Sự vua làm đã quá tay
Nào bằng cung ấn nạp đây đem về".
Chẳng còn sự tới làm chi,
Mất bằng mất chức tức thì lại không.
Chẳng còn làm hội kén chồng,
Cho nàng Công chúa trong cung phen này!
Quan sai khi ấy về đây

Khảo dị:

a. Bản A chép: sớm *côn*...

Chú thích:

1. *Hà Bá:* một vị thần ở dưới sông.

Làm tôi đem nộp ấn này Hung Nô
Ngọc hoàng dạy làm đem vô,
"Hàm răng con mắt nào dò thấy đâu".
Ngụy trưng đặt gối quỳ tâu:
"Hàm răng con mắt thì đâu còn rày".
Ngọc hoàng phán ngự lầu tây:
Đem bình tiên dược [1] xuống rầy dương gian.
Tái gặp [a] con mắt Trạng nguyên,
Đặng cho quan Trạng về miền bản gia.
Chân tay toàn vẹn những là,
Đầu mày con mắt vậy hòa như xưa"
Trạng nguyên từ ấy trở ra,
Về hỏi vợ nhà với lại đàn con.
Ngàn trùng cách trở nước non
Xa sông cách suối đường còn mà đi.
Lòng mừng nào có quản gì,
Miễn là thấy vợ con kia cũng vầy.
Chẳng ngờ lạc đã đến đây,
Đi mười ngày chầy tới nước Bang Châu.
Phạm Công đứng dậy lòng sầu,
Ta thì lưu lạc đến đâu làm vầy.
Phạm Công đi hai tháng chầy,
Đến nước Bang rầy ở đặng một khi.
Triệu vua [b] truyền mở khoa thi
Bao nhiêu sĩ tử vào thi hội đồng
Ở sau còn một Phạm Công,
Thì ta hãy hằng gia công phen này.
Âu là ta đã đến đây,
Nên hư thì một phen này mà thôi.
Phạm Công đến nó liền coi,
Chẳng có Công chúa thì thôi những là.
Sĩ tử vào thi chương tòa,
Chẳng ai thi đỗ đăng khoa bảng rồng.

Khảo dị:

a. Bản A chép: Tái *hoàn*..

b. Phiên theo bản C.

Chú thích:.

1. *Bình tiên dược:* bình đựng thuốc tiên.

Đi sau còn một Phạm Công,
Quân canh lại hỏi đây cùng đi chơi.
Phạm Công mới nói một lời,
"Làm tôi là người nước ngoài sang đây.
Qua Tề đến Triệu mọi nơi,
Tôi vào thi cửa người rầy xem sao".
Phạm Công đi đến liền vào,
Đông mặt chư tướng thấp cao phen này.
Đức vua phán ngự lầu tây,
Chỉ phán "người này thì đã làm quan".
"Nhẻ thì Phò mã dư ngàn,
Chàng thì đã có làm quan nước nào?"
Phạm Công quỳ lạy tâu vào:
"Sĩ hiền đói khổ quan nào đến tôi
Cơ hàn rách rưới thành khôi,
Một mình hái củi mà nuôi mẹ già".
Trạng nguyên đặng chiếm khôi khoa,
Tam trường thi đỗ cả ba vị rầy [a],
Triều đình văn võ đông tây,
Đều mừng quan Trạng vỗ tay reo cười.
Tiếng đồn khắp hết mọi nơi,
Rước chàng Phò mã vào nơi ngai vàng
Đức vua mới phán vội vàng:
"Trẫm có Công chúa vẻ vang trong đền.
Âu là Trẫm gả cho chàng,
Nhường vì Thiên tử cho chàng Trạng nguyên".
"Tâu vua đã có vợ con,
Thuở tôi đi khỏi vợ còn có thai".
Trong đền đỏ mặt tía tai,
Phán đòi văn võ ai ai chẳng là.
Triều đình mới dạy lời ra,
"Dạy giam quan Trạng chưa tha đâu mà".
Thoát thôi [b] Công chúa bước ra,
Lễ quỳ can gián vua cha hay cùng.

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: ... *lập* rầy.

b. Bản A, B chép: ... *thốt* thôi.

Trước là tâu lễ điện rồng,
"Trạng nguyên đã có vợ cùng trước kia.
Mong cho thi đỗ mà về,
Cha mẹ đặng chờ con vợ cậy trông.
Tôi quyền Công chúa điện rồng,
Chẳng đặng một chồng mà ép người ta.
Xin cha lượng lại mà tha"
Vua phán Công chúa đem ra tức thì.
"Trẫm cho chức Trạng mà về,
Bằng Trẫm trật thì trị vì cho nay".
Đức vua mới phán lời này,
"Trạng nguyên bé rầy biết đặng chức chi.
Chức phong Phò mã một khi.
Lại cho quyền thì Tiết chế độ công".
Hai bề [a] thủy bộ phỉ lòng,
Trạng nguyên liền cùng quỳ lạy quốc gia.
Trước thăm tổ phụ quê nhà,
Sau là thăm vợ con ta sau này.
Mục đồng chờ đợi ở đây [1]
Có lòng chờ đợi sau ngày một khi,
Tránh đường Phò mã người đi,
Quân nhân thét mắng lời thì lắm thay.
Thằng này sao dám ngồi đây,
Tránh ra cho khỏi đánh rầy chẳng tha.
Tránh đường Phò mã người ra.
Mục đồng mới nói cải hòa vân vân.
Làm quan thì cũng có dân,
Trị nước cũng có danh thần ở trung [2]
Trạng nguyên mới hỏi vừa xong,
Có phải mục đồng ngày trước chẳng hay
Trạng nguyên xuống [3] chào thương thay,

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *hay vừa...*

Chú thích:

1. Chỉ trẻ em chăn trâu bò quen biết Phạm Công từ khi chàng đi thi gặp ngày giỗ cha cúng vái rất cảm động, đã tả ở đoạn trên.

2. Bầy tôi danh tiếng có lòng trung thành.

3. Trạng nguyên xuống ngựa, chào hỏi mục đồng.

"Chúng người còn đợi ta nay thực thà".
Trạng nguyên nước mắt nhỏ sa,
"Ngày xưa ta cũng giỗ cha chốn này".
Ôm nhau mà khóc thương thay,
Ngỡ là đã thác ở rầy Hung Nô!
Mục đồng đặt gối quỳ thưa,
"Kêu tôi làm vậy tôi vừa gặp ông".
Trạng nguyên bèn hỏi mục đồng,
"Nay phong một chức Quận công cho chàng"
Mà ông nhớ thuở giữa đường,
"Tôi xin một chức về làng cho xong.
Tôi xin trùm cả mục đồng"
Trạng nguyên mới hỏi chưng trong lời rầy.
"Ví bằng cho chức trùm này,
Tôi xin thay bảng phủ này tấc xa.
Ngựa xe võng giá thướt tha,
Một năm ăn bảy vạn ba quan tiền"
Trạng rằng việc ấy cũng nên,
"Cho người trùm cả ta lên trên đường".
Quan sang kiệu tán vẻ vang,
Mười ngày mới đến lý hương quê nhà.
Này đoạn Cúc Hoa ở nhà,
Một mình vắng vẻ đêm hòa nhớ thương.
Thiếp thì vò võ trông chàng,
Chàng thì hăm hở Trường An [1] vui cười!
Chàng đi yên phận no đôi [2],
Thì thương lấy thiếp mồ côi ở nhà,
Chàng đã yên phận thất gia,
Xin thương lấy thiếp ở nhà đơn sơ.
Chàng dù tham chốn nguyệt hoa,
Trai lành gái tốt đắm sa [3] chăng về.
Hay là trực tiết hiền thê,
Hay là hội chủ đầy đi phương nào.
Con ơi con ở làm sao,

Chú thích:

1. *Trường An:* đây chỉ kinh đô phồn hoa lịch sự.
2. *No đôi:* đủ đôi. Ý nói Phạm Công có lẽ đã lấy vợ khác.
3. *Đắm sa:* đắm say, sa ngã.

Củi lửa chẳng có ra vào ai hay.
Chồng thì chẳng có ai rầy,
Trông lại phóng ngày mang mẽ [1] làm chi
Vái cùng thiên địa chứng tri,
Tôi còn thơ dại tiểu nhi một mình.
Ví dù nhị nở thai sinh,
Quỷ thần phù hộ thoát mình nở hoa.
Trước sau không có người ta,
Chồng thì cách trở đường xa chưa về.
Cúc Hoa nước mắt sầu bi,
Con ôi đến tháng tư kia những là.
Cha con còn ở phương xa,
Dầu mà con có sinh ra phen này.
Lấy chi nuôi nấng con rầy,
Đợi cha con về hãy xổ cho chăng.
Mẹ thì thơ dại chưa từng,
Cụp lại mà nằm chớ có làm mau.
Cụp nằm lại ấp lấy rau,
Chớ có trằn trọc mà đau nhiều bề.
Chẳng phương chồng lại vừa về,
Tớ thầy đã đến một khi những là.
Trạng nguyên về đến quê nhà,
Vợ thì hầu đẻ vậy hòa làm nau.
Cúc Hoa quằn quại bụng đau,
Con thì hầu để làm mau vội vàng.
Phạm Công về đến đầu làng,
Cúc Hoa chuyển dạ vội vàng sinh ra.
Phạm Công mới nói vậy hòa,
Mừng thay nằm vậy Cúc[2] mà chớ hay.
Nghiêng mình thấy Trạng buổi rầy,
Phạm Công ôm lấy nàng đây chớ chầy.
Em ôi anh đã về nay,
Người ta chạy đến đông tây rỡ ràng.
Tắm rửa cho mát lòng thương,

Chú thích:

1. ***Mang mẽ:*** có mang.
2. *Cúc*: Cúc Hoa.

Mới đem nàng Cúc lên giường thuốc thang.
Người ta chạy đến bốn phương,
Mà đem cá thịt vẻ vang cho rày.
Mừng quan Phò mã về đây,
Nàng liền nằm vậy sau nay những là.
Ba ngày nàng mới thốt ra,
"Đi thi kể đặng năm ba tháng chầy.
Hay là đã kết duyên rầy"[1]
Phạm Công mới kể tháng ngày nguồn cơn:
"Vào thi đến cửa thiên nhan,
Anh bèn thi đỗ gả con cho rầy,
Lòng anh trực tiết lắm thay,
Tưởng lại đêm ngày, anh những nhớ thương.
Anh thì trực tiết long vàng,
Nàng thì ra đường mình khoẻ yên chơi.
Ơn nàng trực tiết chưa rồi,
Hãy còn ân ái đắm vui nỗi gì.
Trạng nguyên mới nói một khi,
Ai ngờ lại sống mà về đến đây.
Hung Nô chặt hết chân tay,
Khoét mắt khoét mày anh cáo chẳng ra.
Mười hai bộ sứ xuống tra,
Thổ công bắt hết gian tà ai ai.
Những thương Công chúa hôm mai,
Lại thương em phải mang thai ở nhà [a]
Này lời nàng mới nói ra,
Sự đã có đó chàng hòa nói chi.
Thấy con mặt mũi phương phi
Xem bằng vàng ngọc vậy thì khá thương.
Đặt tên Tiến Lực rõ ràng,
Cha mẹ rõ ràng xem bằng tiên nga.
Từ ngày tuổi mới lên ba,
Giặc đâu người đánh thay cha cầm quyền.

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: Lại thương em phải *ử* thai ở nhà.

Chú thích:

1. Cúc Hoa ngờ chồng đã kết duyên với người khác, mà quên vợ ở nhà.

Cúc Hoa thấy nói lòng phiền,
Miệng còn hơi sữa nói nên thế cùng.
Sinh ra chưa chẳng bằng xong,
Con đòi đánh giặc đền công những là.
Con ôi bày chước cùng cha,
Chớ ở kiêu hãnh người ta chê cười.
Thấy con chúa khí mừng lòng [1]
Bây giờ doanh liễu quân trong quân ngoài.
Tuần này mới đặng vui chơi,
Thanh nhàn đồng nhạc muôn đời cùng nhau.
Ái ân mọi nỗi trước sau,
Cúc Hoa rầu rầu thì lại có thai.
Chàng vương Tiến Lực là trai,
Bây giờ nàng lại có thai thế nào.
Cưu mang chín tháng tâm bào,
Sinh ra nữ tử ngọt ngào bằng hoa.
Hình dung tươi tốt tiên nga,
Cho tin sang đến Cúc Hoa bây giờ.
Sinh đăng hai đứa con thơ,
Phạm Công đỗ Trạng tin đưa sớm ngày.
Mới bảo sá nhân hai người,
Vâng lệnh cho nó tới nơi trình bày.
Xuống thuyền mà đưa tin này,
Cho người đưa đón mười ngày tới nơi.
Công danh cẩn mật trong ngoài,
Quân gia ai những canh ngoài canh trong.
Nửa ngày sá nhân đến cùng,
Nhà ông Tri phủ ở trong biết gì.
Hai người bước đến tâu quỳ:
"Chẳng hay đôi ấy việc gì sang đây".
Sa nhân bước tới trình trưng,
"Tôi người quan Trạng sang đây tỏa lời.
Thầy tôi Phò mã cao ngôi,
Vừa quyền Tiết chế dạy tôi những là"

Chú thích:

1. Ý nói dáng vẻ con khôi ngôi tuấn tú, cha mẹ rất vui mừng.

Tướng công khi ấy nói ra,
Chẳng hay quan Trạng quê nhà ở đâu?
Sá nhân bước tới quỳ tâu:
"Có trong thư ấy biết đâu mà trình".
Tướng công cất lễ vội vàng,
Mở ra xem thấy tái hoàn làm sao.
Thơ rằng:

Trời cao muôn trượng, non cách ngàn trùng, thương cha cùng mẹ.

Xưa kia tôi bé, tên là Phạm Công. Ơn đức cửu trùng, cho tôi Phò mã, lòng rằng chức nhỏ, tăng chức Quận công, lại phong cho tôi, Khâm sai tiết chế, hai bề thủy bộ, khắp hết chư doanh, ơn đức thánh minh, quyền phong trọng thưởng. Tôi thì ở lại, cha mẹ ra về, vợ chồng kết nghì, thì không tiền của, cửa nhà đói khổ, còn sáu đồng tiền, bây giờ làm nên, trình cha mẹ biết. Cúc Hoa mãn nguyệt [1], sinh đặng hai con, tuổi hãy còn non, một trai một gái, làm thư nhắn lại, cha mẹ hay cùng, mọi nỗi phân minh...

Thư rồi Thừa tướng mới hay,
Nằm lăn mà khóc trời hay chăng trời.
Hỡi rằng đói khổ thương ôi,
Tướng công mới nói một lời rằng bây.
Xem thư thấy vậy mới hay,
Mừng cho con được [a] phen này hiển vinh.
Gửi lời Phò mã phân minh,
Con thì đỗ Trạng hiển danh trong triều.
Mừng cho con thì quyền cao,
Phú quý đường nào cha mẹ tới qua.
Gửi lời về với Cúc Hoa,
Bao giờ cho thấy kẻo mà thương con.
Năm này nhan sắc hãy còn,
Hay là màu gương [b] võ vàng mười phân [2]
Tướng công dạy bảo gia thần,
Cho hai nén bạc sá nhân [3] ăn về [c].

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: ... con *thời*

b. Bản A, B chép: ... *mục* gương.

c. Bản C chép: ... *đem* về.

Chú thích:

1. *Mãn nguyệt:* no ngày đủ tháng, đầy tháng.
2. Ý nói nhan sắc giảm đi nhiều chăng.
3. *Sá nhân:* người hầu xưa.

Này đoạn hai sá hồi quy,
Lễ quan Tri phủ trở về phân minh.
Mười ngày mới đến bản doanh,
Vào thưa quan Trạng hồi quê bữa này.
Làm tôi đi đã về đây,
Cho người gửi đến đôi nơi ông bà.
Này đoạn Tướng công mới qua.
Thốt thôi lại kể sự nhà Phạm Công.

Nghi Xuân, Tiến Lực bị Tào Thị (dì ghẻ) bạc đãi, hai anh em phải bỏ nhà ra đi tìm cha

Thư nàng xem thấy thương thay,
Buộc vào giải áo con rẩy kẻo rơi.
Thư thì mẹ đã buộc rồi.
Bây giờ mẹ lại rời đi đường nào!
Mặt trời mọc đã vừa cao,
Mẹ buộc thư vào kẻo lại rơi đi.
Bộ hành qua lại tức thì,
Bồng con nàng hãy giã đi nhà mồ.
Bộ hành thấy sự hồ đồ,
Đàn bà nào ở lắm trò đêm nay?
Cúc Hoa mới nói rằng bây,
Thương con thơ dại bằng nay những là...
Tôi đi chẳng đặng đâu mà,
Ngồi đây ta ấp [a] con ta làm vầy
Cúc Hoa bèn nói con hay:
Ở đây thổ lộ khốn thay những là!
Hai con ngoảnh mặt [b] trở ra,
Cho mẹ bắt rận vậy hòa một khi.
Phải nghe trở lại tức thì
Cúc Hoa khi ấy, kíp đi cho rồi.
Thấy tay vạch bắt trên đầu,
Ngó bèn chẳng thấy mẹ đâu những là!
Bởi anh em, cả chúng ta,

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: *mãi* ấp

b. Bản A, B chép: *sấp* mặt...

Để cho mẹ mất bây giờ khôn ra.
Ấy là mẹ thực hồn ma,
Có đâu ở đặng cùng ta chốn này?
Anh em nước mắt thì đầy,
Lạ gì khôn xiết đi này đắng cay.
Đường trường cách trở xa thay,
Đi hai tháng chầy thảm thiết lòng nay.
Này doanh trấn thủ nào đây?
Cao Bằng chốn ấy ta rầy tới qua.
Quân lại quát mắng những là,
Dinh công Tri phủ đóng ra chốn này.
Đem nhau hành khất [1] qua ngày,
Đi đâu thì cũng thêm rầy lòng kia.
Bước vào đến cửa tức thì,
Xin cơm mà để đỡ khi đói dồn.
Tướng công xem thấy nỉ non,
Đũa vàng đặt xuống mâm son tức thì.
Con ai thơ dại hài nhi? [2]
Nào cha mẹ nó, mà đi ăn mày?
Con vào ngồi ở trong này,
Bồng em tay mỏi nặng rày thương ôi!
Bồng em nhỏ đẫm mồ hôi,
Tướng công ngùi ngùi nước mắt sầu thay!
Thấy hai đứa nhỏ đến đây,
Anh em này trẻ giống mặt Cúc Hoa.
Tướng công thôi, mới hỏi ra,
Ấy ai dám lấy Cúc Hoa làm rầy?
Nó giống bàn chân bàn tay,
Vừa mắt vừa mày lại giống hàm răng!
Anh em bồng bế làm xong,
Sao mà nó giống Phạm Công vậy thì!
Kêu vào mà hỏi một khi,
Nào cha mẹ nó, nói đi ăn mày?
Tri phủ mới phán rằng bây:

Chú thích:

1. *Hành khất:* đi ăn xin.
2. *Hài nhi:* con trẻ.

Nói rằng kể hết xưa nay mọi lời.
Cha nó Đô đốc cao ngôi,
Có đâu con nó tuất côi [1] ăn mày!
Làm chi đến nỗi thế vầy,
Tôi gẫm ông này nói quấy chẳng xong!
Lấy một bát gạo bên trong,
Đem ra cứu kẻ khổ không những là.
Con đòi lấy gạo đem ra,
Kêu hai đứa nhỏ đứng xa ăn mày.
Gạo ông Tri phủ cho bay,
Chàng vương Tiến Lực ngày rầy nói ra:
Tuổi tôi còn bé ngây thơ,
Cho gạo bây giờ, biết nấu làm sao?
Gạo người hãy cất đem vào,
Xin cơm một ít khát khao lòng này.
Ông bà thấy nói thương thay,
Lấy cơm một bát cho rầy tiểu nhi [2]
Mới đút cho em một khi,
Em đói vậy thì em hãy ăn đi [a].
Nghi Xuân mới nói một lời,
Anh đút tôi rồi, tôi chẳng ăn chi.
Tiến Lực nước mắt sầu bi,
Em ăn cho khỏe ngại gì cùng ta [b].
Ăn rồi trả bát chủ nhà,
Bồng em tự ý đi ra chớ chầy.
Tướng công thấy vẻ ăn mày,
Ba bốn này rầy dạ hãy còn thương.
Anh em tự ý lên đường,
Non cao cách trở, đường trường khó đi,
Chim kêu vượn hót tứ bề,
Đi chín ngày vừa đến quán "Ly Xuân"
Anh em tới đó nghỉ chân,

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: ... ăn *ôi*.

b. Bản A, B chép: ... *khỏ* gì *dữ* ta

Chú thích :

1. *Tuất côi*: côi cút, cũng như bồ côi.

2. *Tiểu nhi*: trẻ con.

Bạn hành trông thấy rần rần thương ghê!
Nghi Xuân còn nhỏ biết gì,
Bảo Tiến Lực thì, có ở qua [1] nuôi.
Anh em còn dại thương ôi,
Ăn mày ngày tháng mà nuôi em cùng.
Bạn hàng thấy nói thương lòng,
Ai ai chẳng khỏi đến bồng Nghi Xuân.
Lân la [2] dò hỏi băn khoăn[a]
Người ta ai cũng đón ngăn những là.
Hỏi rằng nào mẹ, nào cha?
Chẳng ai nuôi nấng mà ra ăn mày?
Nghi Xuân mới nói rằng bây,
Cha tôi để mẹ thôi này đã lâu.
Mẹ tôi quỷ quái cơ cầu,
Lấy chồng từ trước thêm sầu lắm thay.
Cha tôi lại muốn cao tay,
Liền đi lấy vợ cho tầy mẹ tôi.
Đôi người này khá vừa đôi [b],
Bây giờ ngùi ngùi thảm thiết xót xa.
Chúng tôi muốn ở cùng cha,
Song lòng dì ghẻ ở ra nhiều bề!
Rắp ranh bồng lấy em đi,
Cho cha với mẹ vậy thì cùng nhau.
Bạn hàng áy náy trước sau,
Người ta cấp dưỡng bấy lâu tháng ngày.
Anh em mới nói lời rầy:
Ta ở chốn này ta đợi tin cha.
Hỏi thăm mụ quán ngâm nga,
Ở đây khách khứa vào ra thế nào?
Mụ quán hợp nói tiêu hao [3],

Khảo dị:

a Bản C chép: *Kẻ thăm người hỏi băn khoăn*.

b Bản A, B chép: ... *hay phá vừa* đôi.

Chú thích:

1. *Qua*: tao.

2. *Bản A, B đều chép*: non na, chúng tôi phiên là "Lân la" vì ở tiếng Việt có một số vùng phát âm còn lẫn lộn phụ âm đầu (*l*) và (n).

3. *Tiêu hao*: tin tức.

Khách khứa ra vào cũng hội nhau đây.
Anh em ở đó ăn mày,
Trước là hành khất sau rầy đợi cha.
Bạn hàng xem thấy xót xa,
Người ta cấp dưỡng vậy hòa đã quen.
Một ngày xin đặng năm tiền,
Miễn qua ngày tháng đợi tin cha về.
Đợi quan trấn thủ một khi,
Nhậm Cao Bằng quận chốn kia chầy chầy.
Truyền quân dỡ trại ra về,
Làm sao trong ruột sầu kia đằm đằm!
Nhậm thì đã đặng ba năm,
Hoa Lang, Nhật Bản xa xăm về đầu [1].
Quân nhấn mừng rỡ ngày thâu,
Hương nha, sơn lạp [2] bò trâu kém gì
Ra đưa ông Trạng hồi quy.
Xiết bao sứ sự [3] man di xa gần.
Truyền quân đóng trại nghỉ chân
Người ta mất vía nguồn cơn ngày rầy.
Quân gia mừng rỡ vui thay,
Chúng tôi về rầy viếng vợ thăm con.
Ở nhà thêm nghĩ nước non,
Rầy thời có kẻ, tôi con đưa về.
Hai bên phố xá hàng hà,
Bốn bề cá, thịt, rượu, trà riêng chung.
Đều mua hết sạch như không,
Phần thì khí giới lớp trong, lớp ngoài.
Mua thịt, mua cá hôm mai,
Làm liệu ngày rầy cho Trạng ăn chơi.
Quân ông trấn thủ người trời
Nào ai có dám nói lời tương tranh.
Quân làm cá thịt rành rành,
Bạn hàng mới nói làm anh lời này.

Chú thích:

1. Ý nói: các nước Hoa Lang, Nhật Bản nghe tiếng oai phong Phạm Công, cho nên đều quy phục.

2. *Hương nha, sơn lạp:* loại hương, nến.

3. *Sứ sự:* việc đi sứ.

Rầy ông trấn thủ về đây,
Hai đứa kia mày sao chẳng xin ăn?
Họa người nghĩ đến nguồn cơn,
Người cho tiền bạc, mà ăn tháng ngày.
Thấy người bảo xót xa thay,
Bồng Nghi Xuân đến ăn mày nhà ông.
Theo chân nhà bếp làm xong,
Thấy làm cá thịt đã đông rầy rầy.
Anh là Tiến Lực trình bày,
Trông qua chú bếp xót rầy chạy theo.
Còn cơm dư dật ít nhiều,
Xin cùng một thể em tôi nguôi lòng.
Hai người nhà bếp nói cùng,
Thôi nhìn nước mắt ròng ròng nhỏ sa!
Thấy bay tao tưởng người nhà,
Con bà Phò mã Cúc Hoa thêm sầu.
Hai người vừa nói với nhau.
Trẻ con thơ dại biết đâu qua vì.
Bảo bay thời chớ lo chi,
Vào xin người đã lo gì làm qua [a]
Xin người rồi sẽ trở đi,
Có còn qua [1] sẽ vậy hòa cho bay.
Chàng vương Tiến Lực mừng thay
Bồng Nghi Xuân đến chấp tay liền quỳ.
Nhà bếp bưng cơm một khi,
Đủ no mọi vật mĩ vì [2] nhiều thay!
Trạng nguyên chửa biết đâu nay,
Nhìn thôi nước mắt chảy ngay ròng ròng [b]
Trạng nguyên liền hỏi làm xong,
Nào ngờ quân phòng vâng lấy cơm đây,
Chàng vương cất lấy cơm rầy,
Cơm này cúng mẹ ngày rầy xót xa.

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *chúng* qua.

b. Ở đây chúng tôi theo bản C cho hợp vần.

Chú thích:

1. *Qua:* tao

2. *Mĩ vì*: (mỹ vị) thức ăn ngon.

Vì mẹ tên là Cúc Hoa,
Thiêng thì hưởng lấy về nhà cùng con.
Anh em nước mắt nỉ non,
Cúng rồi mới nói nguồn cơn đôi hồi.
Trạng nguyên mới bảo mọi người.
Kêu hai đứa lại hỏi chơi kẻo buồn.
Anh em bay bế theo liền,
Cho ông người hỏi nguồn cơn sự gì?
Trạng nguyên mới nói một khi:
“Quê hương bản quán nói thì ông hay”
Chàng vương quỳ gối thưa bày:
“Bản quán tôi rày ở phủ Quỳnh Vân.
Nói ra xấu hổ muôn phần”
Trạng nguyên nghe nói băn khoăn trong lòng.
Trẻ thơ xiết nỗi đèo bòng,
Châu đượm khăn hồng nước mắt phát ra.
Hỏi thăm đến sự mẹ cha,
Ở đâu mà bỏ bay qua ăn mày.
Nói ông lấy gạo cho bay,
Đến cơ hội này có giấu làm chi.
Tiến Lực đặt gối thưa quỳ,
“Cha tôi chẳng khó khăn chi vậy mà.
Xưa nay sang trọng những là,
Đi thời võng giá quân gia bằng người.
Mẹ tôi bất hạnh chầu trời,
Cha quyền Đô đốc, chúng tôi ăn mày”.
Trạng nguyên hỏi gạn lời này:
“Cha quyền Tể tướng tên rầy là chi?”
Tiến Lực đặt gối trình thưa:
“Danh hiệu trước thì tên đặt Phạm Công.
Một mình năm chức vua phong,
Sai đi trấn thủ ngàn trùng phương xa.
Mẹ tôi tên là Cúc Hoa,
Ông tôi Tri phủ đường xa nước người.
Mẹ già con chịu tuất côi,
Cha đi cưới vợ mà nuôi tức thì.
Cưới một dì ghẻ đem về,
Tên là Tào Thị của chi cũng rồi.

Ở nhà chửi mắng chúng tôi,
Cơ hàn thảm thiết ngậm ngùi phải đi.
Chúng tôi có một bức thư,
Đệ trình ông rầy xem hộ [a] cùng tôi"
Trạng nguyên xem đọc vừa rồi.
Bấy giờ ngã xuống ở nơi giường rồng.
Tam hồn thất phách như không,
Một hồi định tỉnh bồng con vào lòng.
"Con ôi còn dại ấu trùng,
Khốn khổ trong lòng con hỡi là con!"
Quân gia kêu khóc nỉ non [b]
Trạng nguyên than thở xót con trong lòng.
Bao nhiêu sứ sự man nhung,
Khóc theo ông Trạng Phạm Công tơi bời.
Hai bên phố sá đường này,
Thấy quan người khóc sao ngồi cho yên.

Phiên âm từ bản Nôm Đồng văn đường,

Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội. AB.14

Khảo dị:

a. Bản A, B chép: xem *tờ*.

b. Bản A, B chép: *bằng* non.

PHÙ DUNG TÂN TRUYỆN

TIỂU DẪN

Phù Dung tân truyện là truyện một vụ án giết người cướp của. Qua một bức tranh "Phù dung" tác giả đã tố cáo bộ máy cai trị phong kiến không thực hiện công lý mà còn tham lam vơ vét tiền bạc, bỏ lơ cho kẻ gian hoành hành. Vương Thị và Thôi Anh là những nạn nhân đã biết khôn khéo đấu tranh, nên vụ án mới được đưa ra ánh sáng, kẻ gian phải đền tội.

Vương Thị không phải là một phụ nữ mềm yếu, nhu nhược. Người phụ nữ ấy có ý chí mạnh mẽ, thông minh, linh hoạt, không thể cho bọn lang sói khuất phục. Hàng tháng trời sống bên cạnh chúng, nhưng nàng luôn luôn nuôi chí căm thù tìm mọi cơ hội trả thù cho chồng.

Bên cạnh Vương Thị, Thôi Anh cũng là một nhân vật đáng quí. Chàng là một người biết trọng danh dự, có lòng yêu chung thủy. Khi vụ án đã được giải quyết, đã lấy lại được tư trang tài hoa, và "bức sắc văn" bổ nhiệm làm quan ở huyện Vĩnh Gia; chàng được Cao Công khuyên "Kíp nên sắm sửa kịp ngày phó quan", nhưng chàng vẫn quyết định trước hết phải tìm cho được Vương Thị.

Lòng chung thủy của Thôi Anh rất xứng đáng với tinh thần kiên trinh bất khuất của Vương Thị và cả hai đều thu hút được cảm tình của người đọc.

Phù Dung tân truyện tuy chỉ là câu chuyện của vụ án giết người cướp của, nhưng mang ý nghĩa xã hội, tác giả xây dựng trong truyện một đôi nhân vật chung tình, dưới xã hội phong kiến trong hoàn cảnh khó khăn, hạnh phúc của những nhân vật ấy được duy trì, được bảo vệ, chủ yếu là do tài trí, đức độ và sự cố gắng của chính bản thân họ.

Tác giả đã chuyển từ văn xuôi của nguyên tác thành truyện thơ. Với bút pháp tả cảnh, tả tình đặc sắc, nêu được mối liên quan giữa ngoại cảnh và nội tâm, gây xúc động cho người đọc. Có thể nói đây là một truyện thơ hay có nhiều câu mang ảnh hưởng của Truyện Kiều, Phan Trần, Nhị Độ Mai...

*

* *

Niên hiệu Chí Chính nhà Nguyên (1231 – 1367) ở huyện Chân Châu (Giang Tô) có Thôi Tuấn Thần con nhà giàu sang, có tài văn võ lại thêm tài vẽ giỏi. Bức tranh *Phù Dung* của chàng có vẻ đẹp rung động lòng người.

Chàng kết duyên cùng Vương Thị là người có nhan sắc, giỏi thơ văn, vợ chồng ý hợp tâm đầu.

Sau đó chàng được bổ làm Huyện úy Vĩnh Gia (Chiết Giang), chàng đem theo gia đình thuê thuyền đến nhiệm sở. Đến bến Đại Mã (Tô Châu), chàng thương các chân sào vất vả, cho dừng thuyền nghỉ. Chẳng ngờ tên chủ thuyền Cố A Tú thấy họ Thôi giàu có nổi lòng tham, cùng thủ hạ mưu bày tiệc rượu ép chàng uống say rồi giả trang xông vào thuyền cướp bóc.

Thôi Tuấn Thần thế bí nhảy xuống sông tự tử. Vương Thị định chết theo, nhưng bị A Tú giữ lại vì thấy nàng nhan sắc, muốn ép gả cho con trai hắn. Nàng đành nuốt hận, nương náu tạm ở đó để mong tìm được xác chồng.

Một đêm, nhân bọn A Tú ngủ say, nàng trốn khỏi thuyền, đi bộ một đêm tới một ngôi chùa toàn sư nữ tu hành. Nàng nói dối là bị vợ cả đánh ghen nên phải trốn. Sư cụ thương người hiền lành, nhan sắc, làm lễ thế phát cho nàng và đặt tên là Tuệ Viên. Một hôm có người khách tới chùa cúng bức tranh *Phù Dung,* Vương Thị sửng sốt nhận ra tranh của chồng, liền hỏi sư cụ tên người tặng tranh. Nàng xúc động bèn đề vào bức tranh bài thơ tứ tuyệt:

Những là lưu lạc bấy lâu,
Vật ấy, ai đem đến cảnh này?
Hay đức thiên tin đà báo mộng,
Mở đường cho khách giải oan đây?

Tình cờ Cao Nạp Lễ viên quan Ngự sử đã về hưu đến chơi chùa, thấy tranh đẹp, thơ hay liền mua về treo. Nào ngờ chính do bức tranh mà vụ án đã được khám phá.

Thôi Tuấn Thần nhảy xuống sông, lần mò được vào bãi, giả làm hàn sĩ lần hồi kiếm ăn. Rồi chàng đệ đơn tới cửa công xin tra xét vụ án. Nhưng vì không có tiền đút lót nên không được quan xét đến. Sau chàng được Cao Ngự sử nuôi để dạy con cái. Nhân dịp Cao Ngự sử mừng thọ bảy mươi tuổi, Thôi được mời vào tiệc. Nhìn thấy bức tranh *Phù Dung* và nét chữ của vợ mình, chàng thổ lộ mối tình đầu, nhờ Cao tra xét.

Cao, một mặt, dò la tìm người đã cúng tranh cho chùa, một mặt, cho gọi Vương Thị đến dinh để dò hỏi đầu đuôi. Biết mình không đủ quyền hạn, nên Cao phải lưu cả hai người ở lại trong dinh chờ cơ hội, nhưng không cho họ gặp nhau.

Nhân dịp quan Án sát họ Triết đi thanh tra địa phương đến thăm, Cao bảo chàng viết tờ trình và nhờ họ Triết tra hỏi giúp. Nhờ đó chàng được giải oan. Bọn A Tú bị bắt và bị xử tử. Cao khuyên chàng đi nhận chức ở huyện Vĩnh Gia. Trước hôm họ Thôi lên đường, Cao Ngự sử mở tiệc, cho người mời Tuệ Viên ra chào. Lúc đó hai vợ chồng vui mừng đoàn tụ.

Làm quan ở Vĩnh Gia được sáu năm, Thôi xin về hưu. Trên đường trở về nhà, vợ chồng Thôi ghé thăm Cao Ngự sử thì cả hai ông bà đều đã qua đời.

Vợ chồng Thôi thương xót lập đàn chay, cuối cùng trở về quê vui cảnh điền viên.

*

* *

Phù Dung tân truyện ra đời vào khoảng thế kỷ XIX gồm có 1120 câu. Tuy ở trang đầu sách có ghi: Trúc Lâm cư sĩ, nhưng vẫn chưa rõ tên tác giả là ai? Chính vì thế, chúng tôi vẫn xếp truyện này vào loại truyện Nôm khuyết danh.

Ở Viện Hán Nôm có hai văn bản khắc in bằng chữ Nôm: một bản mang ký hiệu AB68 do Liễu Văn Đường tàng bản, in năm 1819. Một bản mang ký hiệu Nb10, mất tờ đầu ghi năm khắc in. Chúng tôi đã đối chiếu hai văn bản nói trên và thấy không có những khác biệt lớn.

Tác phẩm này đã được nhóm ông Lại Ngọc Cang phiên âm ra Quốc ngữ qua bản chữ Nôm mang ký hiệu AB68, và do Nxb Văn học xuất bản năm 1964. Giữa bản phiên âm và bản chữ Nôm cũng có đôi chỗ khác biệt, nhưng không đáng kể.

Lần này biên soạn, chúng tôi dựa vào bản chữ Nôm mang ký hiệu Nb10 là chính, còn các văn bản dùng làm khảo dị theo ký hiệu như sau:

A: *Phù Dung tân truyện,* Viện Hán Nôm, ký hiệu Nb10.

B: *Phù Dung tân truyện,* Liễu Văn đường, 1819, AB68.

C: *Phù Dung tân truyện,* Nxb Văn học, Hà Nội, 1964.

Hành môn[1] nhân thuở ngày rồi,[a]
Ngẫm cơ[b] bĩ thái mấy người tài danh
Vốn xưa một bức họa bình[2]
Truyện trong kim cổ[3] rành rành còn ghi.
Thờ ơ thay, tạo hóa nhi[4]
Thương, vui, tan, hợp riêng gì một ai?
Làm cho điêu đứng sự đời,
Cái phong lưu để nợ người phong lưu.
Chia hai làm sự ân cừu,
Cho khi vinh hiển, bắt điều tuân chiên.

*
* *

Kìa năm Chí Chính[5] triều Nguyên,
Có người xưa vốn ở miền Chân Châu[6].
Họ Thôi tên chữ Tuấn Thần,
Nhờ ơn tiên ấm[7] bội phần giàu sang.
Nghiệp nhà thư kiếm[8] sẵn sàng,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Nha môn.*

b. Bản C chép: *Ngẫm xem.*

Chú thích:

1. *Hành môn:* cửa làm bằng tre, tượng trưng cho cảnh nhà sơ sài đơn giản của người dật sĩ, tác giả mượn điển trong Kinh Thi để ví hoàn cảnh của mình với người ẩn dật.

2. *Một bức họa bình:* bức tranh Phù Dung của Thôi Tuấn Thần.

3. *Kim cổ:* Sách Kim cổ kỳ quan. Truyện có 40 hồi, trong đó hồi thứ XXVII chép việc Thôi Tuấn Thần nhận ra bức trướng Phù Dung.

4. *Tạo hóa nhi:* trẻ tạo, ý nói trời chẳng khác trẻ con, thường hay trêu ghẹo người đời.

5. *Chí Chính:* niên hiệu Thuận Đế (1341 - 1367) nhà Nguyên, tương đương với Trần Dụ Tông nhà Trần nước ta.

6. *Chân Châu:* huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô (Trung Quốc) ngày nay.

7. *Tiên ấm:* phúc ấm của tổ tiên.

8. *Thư kiếm:* Thư tức Thi Thư, chỉ việc văn chương; kiếm: cung kiếm, chỉ việc võ bị.

Lăng vân là chí, xuyên dương là tài[1].
Thông hay thư họa mọi mùi, [2]
Phù Dung một bức vẽ vời nên tranh.
Tốt tươi mấy đóa đầu cành,
Vẻ tan[3] hơn hớn, màu thanh não nùng.
Tư trời[4] nho nhã khiêm cung,
Văn chương kinh sử làu không khác thường.
Bản Châu [5] có ả họ Vương,
Cầu Ô sớm đã bắc đường sông Ngân [6]
Nàng càng sắc sảo tinh thần,
Gương thu lóng lánh, vẻ xuân dịu dàng.
Luật thơ, thể phú, cung đàn,
Giá so ả Tạ, nàng Ban kém gì? [7].
Từ ngày an phận vu quy[8],
Đem câu "giai lão" [9] tạc ghi giải [(a)] đồng.
Sân siu [10] cá nước mây rồng[11],
Đã êm chăn gối, lại nồng lửa hương.
Có khi vắng vẻ thư đường[12],

Khảo dị:

a. Bản A chép: *dại đồng.*

Chú thích:

1. *Lăng vân:* Xông lên tận mây xanh. Sách Hán Thư có câu: "Phiêu phiêu hữu lăng vân chi chí" (phơi phới có ý chí xông lên tầng mây).

Xuyên dương: xuyên thủng lá cây dương (liễu). Dưỡng Do Cơ nước Sở bắn rất giỏi, đứng xa trăm bước mà bắn phát nào cũng trúng.

2. Nói về tài viết chữ và vẽ tranh của Thôi Tuấn Thần.

3. *Vẻ tan:* sắc đó, màu đỏ.

4. *Tư trời:* tư chất trời phú cho.

5. *Bản Châu:* cùng (vốn) một châu (với Thôi Tuấn Thần).

6. *Cầu Ô:* cầu Ô Thước; sông Ngân: sông Ngân Hà. Cầu Ô Thước nối liền hai bờ sông Ngân Hà cho hai vợ chồng Ngưu Lang – Chức Nữ gặp nhau. Tác giả mượn điển này để nói việc hai vợ chồng họ Thôi kết duyên.

7. *Ả Tạ:* Tạ Đạo Uẩn người đời Tấn. Nàng Ban: Ban Tiệp Dư người đời Tây Hán, cả hai giỏi về âm nhạc và thơ ca.

8. *Vu quy:* chỉ việc người con gái đi về nhà chồng.

9. *Giao lão:* Do câu trong Kinh Thi: "Bách niên giai lão", vợ chồng cùng sum họp đến già.

10. *Sân siu:* quyến luyến không dời.

11. *Cá nước mây rồng:* hình ảnh tượng trưng chỉ sự hòa hợp, sự tương đắc giữa vua tôi.

12. *Thư dường:* nhà dọc sách.

Bút hoa đối vận, chén vàng chuyên tay.
Có khi vui chốn hiên tây,
Đã đua[a] cầm nguyệt, lại bày cờ tiên.
Ba sinh [1] đã phỉ mười nguyền,
Bên tài, bên sắc vẹn tuyền cả hai.
Vẫy vùng chưa thỏa chí trai,
Nợ thư hương [2] hãy đeo đai[3] bên lòng.
Chàng nhờ di ấm tiên công[4],
Bỗng nghe có chỉ cửu trùng [b] [5] ban ra.
Bổ làm Huyện úy Vĩnh Gia[6],
Ở trên mưa tưới, móc sa đượm nhuần.
Chàng mừng gặp hội Long Vân[7],
Giúp vua Nghiêu Thuấn, chăn dân Cát Hoài. [8]
Đinh ninh thánh huấn[9] ở tai,
Hành trang sắm sửa đường dài phó quan.
Túi thơ, bầu rượu, cây đàn,
Vợ chồng nói gót chỉ đường bước ra.
Xe loan, vó ký lân la,
Một hai thị nữ, năm ba hề đồng.

*
* *

Khảo dị:

a. Bản C chép: *đã so...*

b. Bản B chép: *triều đình...*

Chú thích:

1. *Ba sinh:* Tiếng nhà Phật nói về kiếp luân hồi của người, quá khứ, hiện tại, tương lai. Nghĩ rộng chỉ sự gặp gỡ (giữa vợ chồng, bè bạn).

2. *Thư hương:* mùi thơm trong quyển sách; văn học cổ điển thường dùng danh từ này để chỉ nền nếp nhà nho.

3. *Đeo đai:* mang, đeo.

4. *Di ấm tiên công:* nhờ ấm phong của cha ông để lại.

5. *Cửu trùng*: Chín tầng, chỗ ở của vua.

6. *Vĩnh Gia:* tên một huyện thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

7. *Long vân:* rồng mây (dẫn điển ở Chu Dịch). Ý nói vua tôi ý hợp tâm đầu; nghĩa rộng chỉ công danh.

8. *Cát, Hoài:* dẫn điển Cát Thiên thị và Võ Hoài thị là hai ông vua có chính lệnh tốt, lấy đức để cai trị dân. Do đó, nhân dân thời bấy giờ được sống yên vui.

9. *Thánh huấn:* lời dạy của thánh hiền (về nhiệm vụ giúp vua, yên dân).

Lăm le ngư hức hồng phong, [1]
Hay đâu rằng sự hóa công quải người[2].
Vĩnh Gia huyện ấy xa khơi,
Thông đường thủy lộ, cách vời Chiết Giang.
Thuyền đâu chực bến sẵn sàng,
Có tên A Tú là phường sao công[3],
Sinh nhai vốn đã quen vùng,
Đóng thuyền rước khách qua sông là nghề.
Tiện đây chàng mới gọi thuê,
Hằng châu thuận lối đưa về cũng hay.
Vội vàng giục giã tớ thầy,
Tư trang dọn dẹp dang tay xuống thuyền.
Buồm lan hây hẩy gió tiên,
Nước xô bánh lái, sóng chen mái chèo.
Kìa đâu ghềnh đá cheo leo,
Làn cây chênh chếch [a], đứa tiều thung thăng[4]
Thảnh thơi rìu gió, búa trăng,
Nước khe, chè núi, củi rừng, làm vui.
Kìa đâu thăm thẳm doành khơi,
Chiếc thuyền ngư phủ [5] buông mồi đắng ca[6].
Rủ nhau [b] cần trúc la đà,
Sinh nhai quen thú vào ra bể hồ.
Kìa đâu, tiếng sáo vi vu,
Đàn trâu đứa mục[7] quanh co bên đèo.
Giong chơi cõi Thuấn, trời Nghiêu,
Khúc ca "Thanh Thảo" buổi chiều [c] đưa chân.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Làn cây *xốc xếch;* bản C chép: Làn cây *cao thấp.*

b. Bản A chép: Rủ *ngang...*

c. Bản C chép: *mái chèo* đưa chân.

Chú thích:

1. *Ngư hức, hồng phong:* cá bơi ngoài sông, chim bay thuận gió, chỉ bước đường công danh được hanh thông.

2. *Hóa công quải người:* Trời trêu người. Trời trêu người gây nên biến cố ở dọc đường.

3. *Sao công:* người lái thuyền.

4. *Đứa tiều:* người kiếm củi.

5. *Ngư phủ:* người đánh cá.

6. *Đắng ca:* cất tiếng hát.

7. *Đứa mục:* người chăn trâu.

Kìa đâu vui thú canh vân[1],
Thôn trang hớn hở, nội sằn[2] vào ra.
Dan tay điền phủ[3] năm ba,
Nghiêng bầu phong nguyệt, ngâm thơ cổn biều[4]
Càng nhìn cảnh vật càng yêu,
Cỏ hoa nhường có han chào[5] với ai.
Giục lòng du tử[6] tơi bời,
Hứng tình cất bút ngâm chơi một bài:
"Bầu trời ai vẽ khéo nên tranh,
Nước trí, non nhân[7] thú hữu tình?
Sóng dợn non xanh, cây lóng lánh,
Đá xô doành bạc, nước chông chênh.
Chân trời mây họp, cao chen thấp.
Mặt đất rêu pha, biếc lộn xanh.
Phong nguyệt tư mùa kho tạo hóa
Ngắm xem mà ngợ cảnh Bồng, Doanh"[8].
Cảnh thanh thú là vui chơi.
Qua đầu đại mã, tới vời Tô Châu[9]
Hạ sang quyên[10] đã giục mau
Tiếng cưu[11] réo rắt bên lầu nhỏ to.
Gió nam thổi lướt ngọn bồ,
Lập lòe lửa lựu nong lò càn khôn.
Bên ngàn vượn hót véo von,
Trên lầu ong óng tiếng con ve sầu.
Ngàn cây, nội cỏ rầu rầu,

Chú thích:

1. *Canh vân:* cày bừa, làm.
2. *Nội sằn:* Vốn chữ là "sằn dã", nơi Y Doãn nhà Ân ở ẩn cầy ruộng.
3. *Điền phủ:* người cày ruộng.
4. *Cổn:* làm cỏ; *biều*: bừa ruộng.
5. *Han chào:* hỏi han, đón chào.
6. *Du tử:* chỉ người đi xa quê nhà, ở đây chỉ Thôi Tuấn Thần đi làm quan xa.
7. *Nước trí, non nhân:* lấy điển trong sách Luận ngữ, người trí giả hay thích cảnh sông nước, người nhân giả hay thích cảnh núi non, có ý nói nước chảy lưu loát, thông suốt khắp nơi, núi non đồ sộ, vững bền.
8. *Bồng, Doanh:* Bồng lai và Doanh châu, chỉ cảnh tiên.
9. *Tô Châu:* tỉnh lỵ Giang Tô, Trung Quốc.
10. *Quyên:* chim đỗ quyên, con chim cuốc kêu vào mùa hè.
11. *Cưu:* Con chim tu hú, kêu vào mùa hè.

Kẻ hiềm khốc lại, người cầu nam huân[1]
Lòng thương thuyền hộ nhọc nhằn,
Rằng mùa viêm nhiệt truân cần[2] sao nên?
Tìm nơi bến mát đỗ thuyền,
Vỗ về, chàng lại thêm tiền thưởng công.
Chu nhân[3] ai nấy nức lòng,
Dan tay, tiệc cúc, rượu thông khuyên mời.
Nào ngờ A Tú phi loài[4],
Vốn phường bội nghĩa tham tài côn quang[5]
Thấy chàng đồ đệ tư trang,
Bảo nhau làm sự tà gian hại người.
Rằng: "Đây bãi vắng, ghềnh khơi,
Nhà thôn xa thẳm nào ai biết gì?
Châu ta[6] đó cũng gần kề,
Tới lui được cả hai bề tiện hai.
Làm trai phải lập chí trai,
Trần trần chớ bắt chước người mai kim[7]
Rồi ra nhân tếch, cá chìm,
Xưa nay ai biết lối chim trong rừng.
Bèn bày một tiệc lễ thần,
Rượu ngọn mua lại mà dâng cho chàng.
Thưa rằng: "Thực rượu Phần Dương[8]
Tiếng đồn dậy khắp địa phương chốn này"
Chàng thời tính thực, lòng ngay,
Những ngờ hậu ý nào hay bạc tình?
Vội vàng tay cất lấy bình,

Chú thích:

1. *Khốc lại:* bọn quan lại tàn tác, tượng trưng trời nóng nực, nam huân: gió nam mát mé.

2. *Truân cần:* Vất vả cần cù.

3. *Chu nhân:* người làm trên thuyền.

4. *A Tú phi loài:* A Tú chẳng phải loài người, là tên bất nhân.

5. *Côn quang:* Chỉ những kẻ hung bạo, giết người cướp của.

6. *Châu ta:* Chỉ Tô Châu.

7. *Trần trần:* (tiếng cổ) câu nệ, cố chấp; người mai kim: người chôn vàng, dẫn điển Lưu An nhà Tây Hán lên núi, lập dàn tế lễ chôn vàng. Sau Lưu An thành tiên bay lên trời, nhưng chỗ chôn vàng vẫn còn dấu vết.

8. *Phần Dương:* tên một địa phương ở Hòa Bình có rượu ngon nổi tiếng.

Thông dong thử rót chén quỳnh[1] uống chơi.
Hơi men thơm nức trong ngoài,
Nước trong như tuyết lưng trời mới sa.
Phô bày tiêm ngọc,[a] đũa ngà,
Bàn chen vân mẫu, chép lòa dạ quang,[2]
Thời trân[3] mỹ vị sẵn sàng,
Dan tay thù tạc với nàng chuyên bôi[4].
Vừa khi ác xế non đoài,
Ráng trôi [b] mặt nước, trăng soi ngọn tần[5].
Chàng càng dấy đức tinh thần.
Hứng nên một luật, tám vần ngâm chơi:
"Trải qua ghềnh đại mã
Vừa tới chốn Tô Châu,
Xao xác trời ban tối,
Đìu hiu cảnh một màu,
Pha non, màu trắng nhạt,
Nấp bụi, tiếng quyên mau.
In trời, nước trắng phau.
Rèm thưa cho gió lọt,
Cửa hé để trăng thâu.
Ngày vắng, bàn cờ gác,
Đêm thanh, khúc địch rầu.
Nước non cầm mấy điệu
Phong nguyệt rượu lưng bầu,
Gấp cái tiêu tao[6] lại,
Ngụ tình thảo mấy câu"
Những là đưa đẩy khuyên mời,
Chén thông, chén cúc, khi vơi, khi đầy.

Khảo dị:

a. Bản C chép: Phô bày, *mâm ngọc*...

b. Bản B, C chép: *Sóng trôi*...

Chú thích:

1. *Chén quỳnh:* chén ngọc.

2. *Vân mẫu:* loại đá quý, có nhiều màu sắc óng ánh, thường dùng làm mặt bàn ghế; *Dạ quang*: thứ ngọc quý, trong đêm tối có ánh sáng lấp lánh.

3. *Thời trân:* thức ăn quý đang mùa.

4. *Chuyên bôi:* trao chén (rượu) cho nhau.

5. *Ngọn tần:* chỉ các loại rau cỏ mọc dưới nước.

6. *Tiêu tao:* tiêu điều buồn bã.

Cuộc vui chàng đã quá say,
Bầu Lưu Linh[1] nhắc trên tay nhẹ phèo.
Chu nhân có ý nom dòm,
Bao nhiêu châu báu biết nhầm[2] chẳng sai.
Sắp nhau thủy thủ mấy người,
Mình thay quần áo, mặt bôi lạ lùng.
Cầm dao, giật mái, cuốn bồng,
Của tư trang quét sạch không làu làu.
Giấc say chàng nhấp chưa lâu,
Giật mình nào đã biết đâu việc gì.
Côn quang xúm lại tư bề,
Loài vô lương có thương gì đến ai?
Trật khăn, xé áo tơi bời,
Mũi dao đã rắp hại người trung lương.
Chàng đà tấm tức gan vàng,
Cắn răng mà trách tạo doan chẳng vì[3]
Số là gặp bước gian nguy,
Kình nghê vào lạch có khi cũng hèn.
Ngậm cười mà xuống cửu tuyền,
Chả hơn chết đuối đọi đèn[4] hay sao.
Biết cơ đành chẳng khơi nào,
Đem thân gieo xuống sóng đào cao xong.
Thương thay một lũ gia đồng,
Lưỡi gươm tứ ngược [5] chẳng dong một người.
Nàng trông đau đớn rụng rời,
Kêu oan dễ thấu đến trời được đâu?
Nghĩa rằng được chốn sang giàu,
Nhờ nơi thư kiếm vẽ màu phấn son.
Ai ngờ họa phúc vô môn [6],

Chú thích:

1. *Lưu Linh:* người đời Tấn, một trong đám Trúc Lâm thất hiền, tính thích rượu, đi đâu cũng đem theo bầu rượu, có sáng tác bài "Tửu đức tụng" (ca tụng đức tính tốt của rượu).

2. *Biết nhầm:* biết rõ, không sai lầm.

3. *Tạo doan chẳng vì:* trời chẳng thương vì.

4. *Đọi đèn:* chưa rõ nghĩa.

5. *Lưỡi gươm tứ ngược:* Lưỡi gươm tàn bạo.

6 *Họa phúc vô môn:* tai họa và phúc đức không nhất định, không thể lường trước được.

Bể sâu mà nổi nên cồn như không!
Thôi thời sinh tử dữ đồng[1]
Toan gieo mình xuống dòng sông theo chàng.
Lạ chi những thói tà gian,
Tài kia sắc nọ đôi dòng cùng yêu.
Thấy nàng nhan sắc mỹ miều,
Đã vừa con mắt dễ siêu tấm lòng.
Lựa lời bèn mới nói sòng[a][2]
Rằng: "Duyên tác hợp thiên công khéo là[3]
Thôi đừng giận nguyệt, hờn hoa,
Nối dây đàn ấy mặc ta sau này".
Nàng đà gan tức ruột đầy,
Nghiến răng trời đất, chau mày non sông.
Thưa rằng: "Cá chậu chim lồng,
Nghĩ câu: "Đồng nhật"[4] thẹn lòng tham sinh.
Hơi chăn còn ấm bên mình,
Hồn kia văng vẳng dưới doành còn oan.
Sá chi cái cánh hoa tàn?
Xin đem mệnh bạc về làng thủy vân[5].
Trước là cho vẹn nhân luân,
Sau là khỏi hổ với Thần giao duyên[6].
Tú rằng: "Chấp nhất sao nên?
Làm người hai chữ "kinh, quyền"[7] cho thông.
Tài kia ví có[b] anh hùng,
Thời sao lại mắc ở trong tay này?
Toàn thân cho thế là may,

Khảo dị:

a. Bản C chép: Nói *cùng*

b. Bản C chép: Ví *biết...*

Chú thích:

1. *Sinh tử dữ đồng:* sống chết có nhau.
2. *Nói sòng:* nói thẳng ra.
3. Ý nói duyên vợ chồng do trời tác thành.
4. *Đồng nhật:* cùng một ngày. Lời thề nguyền của vợ chồng, nguyện cùng chết một ngày.
5. *Làng thủy vân*: Làng mây nước, cõi chết ở chốn sông nước.
6. *Giao duyên*: gắn bó tơ duyên.
7. *Kinh, quyền: Kinh:* đạo thường nguyên tắc không thay đổi.

Quyền: quyền biến, tạm thời thay đổi cho thích nghi với cảnh biến. Văn học dùng 2 từ này để nói việc khéo xếp đặt không cứng nhắc, biết linh động trong lúc cần thiết.

Người kia đã khuất, thương vay cũng thừa.
Ta nay riêng một cõi bờ,
Chân nhàm thành thị, mắt dơ sang giàu.
Sông Tần bến Vị [1] mặc dầu,
Một thuyền phong nguyệt, một bầu giang khê.
Phúc Sinh một chút [(a)] giai nhi, [2]
Say sưa mùi đạo, theo nghề văn chương.
Chan chan gác phấn, lầu hương, [3]
Biết đâu bình tước[4] mà giương cung thần?
Với nàng hẳn có túc nhân[5],
Đừng so hơn thiệt, chớ phân ngắn dài,
Huy châu có chốn Phật đài,
Tiến hương chừng độ nay mai cũng về.
Riêng khoang khóa kín song the,
Mối tơ đành để qua hè sang thu.
Bấy giờ sẽ bắc cầu ô,
Lời xưa: "Nghĩa một chuyến đò là đây".
Nàng nghe tức tối vơi đầy,
Châu chan mặt ngọc, đắng cay gan vàng.
Nghĩ mình chút phận hồng nhan,
Gặp cơn thời vận, gian nan nhường này.
Bước chân sa xuống vũng lầy,
Dễ hầu chắp cánh mà bay được nào?
Những mình sống thác quản bao,
Hình hài kẻ khuất làm sao sau này?
Cũng liệu mặt dạn, mày dày,
Đợi chàng phỏng một vài ngày bên giang.
Lập mồ đắp điếm cho chàng,

Khảo dị:

a. Bản C chép: một *lũ*...

Chú thích:

1. *Sông Tần bến Vị:* chỉ những nơi sông nước.

2. *Giai nhi:* đứa con yêu quý.

3. *Gác phấn lầu hương:* chỉ người con gái đẹp, con nhà quyền quý.

4. *Bình tước:* chim tước vẽ trên bình phong. Điển trong Đường Thư nói về người con gái của Đậu Nghị có tướng quý. Nghị vẽ hình 2 con chim tước ở màn con gái và nói ai bắn trúng mắt chim thì sẽ được kết hôn với con gái mình. Văn học dùng điển này để nói việc chọn được vợ quý hay rể hiền.

5. *Túc nhân:* nhân duyên từ kiếp trước.

Họa là hồn dưới suối vàng được yên.
Nguyền xưa chút chửa vẹn nguyền,
Thời xin khi xuống cửu tuyền gặp nhau.
Vội vàng lấp thảm vùi sầu,
Sụt sùi nàng mới cúi đầu thưa lên.
Rằng: "Tôi bồ liễu [1] phận hèn,
Rủi may cũng mặc dây duyên tơ hồng.
Ơn người rày đã rộng dong,
Khác nào chim ở trong lồng được ra?
Đám xin gửi phận đằng la[2],
Cái thân bèo bọt, phong ba cũng đành.
Xót thay kẻ khuất dưới doành,
Muôn trông nghĩ lại chút tình vô cô[3].
Rộng cho nắm đất bên gò,
Vớt thây vô chủ đắp mồ thiên niên".
Khen rằng "việc ấy cũng nên,
Chẳng quên nghĩa trước, ắt bền duyên sau".
Truyền đòi thủy thủ giục mau,
Kết giấy mặt nước, rà câu dưới dòng.
Đêm ngày luống chẳng quản công,
Dòng sông đáy nước sạch không làu làu.
Nàng càng thêm giục cơn sầu,
Gan kia là sắt, hẳn âu cũng mềm!
Biết đâu tăm cá, bóng chim,
Hay theo Vương Bột, hay tìm Khuất Nguyên[4].
Hay là vui chốn cung tiên?
Hay vào động bích, hay lên thiên đài?
Đăm đăm ăn mật nằm gai[5],

Chú thích:

1. *Bồ liễu:* Loại cây cỏ mềm yếu. văn học cổ dùng từ bồ liễu để chỉ thân phận yếu đuối của người phụ nữ. Đấy là theo quan niệm xưa.

2. *Đằng la:* loại cây dây leo phải nương nhờ vào cây lớn khác mới sống được, tiếng chỉ phụ nữ phải sống nhờ vào chồng, theo cách nhìn xưa.

3. *Vô cô:* Vô tội, không có tội gì.

4. *Vương Bột:* danh sĩ đời Đường. Khuất Nguyên danh sĩ đời Chiến Quốc. Cả hai người đều chết đuối.

5. *Ăn mật nằm gai:* Còn nói "nằm gai nếm mật", theo điển Việt Vương Câu Tiễn nuôi chí phục thù Ngô Phù Sai hàng ngày nằm trên gai, nếm mật đắng để nhắc mình ghi nhớ mối thù. Chỉ sự chịu đựng gian nan để mưu đồ việc lớn.

Mình trong thuyền ván, dạ ngoài đáy sông.
Có phen[a] hé mái, cuốn bồng,
Tưởng chàng đồng vọng[1] cuối dòng xa xa.
Có phen nương bóng đèn hoa,
Tưởng chàng thơ thẩn, ngâm nga bên màn.
Có phen gió thổi buồm lan,
Tưởng chàng lựa phím đàn loan dặt dìu.
Có phen sóng dợn mái chèo,
Tưởng chàng sịch bức rèm treo mọi ngày.
Những là gượng gạo làm khuây,
Chồi ngô, tin gió đã bay lá vàng[2].
Ngàn thu gieo nặng cành sương,
Thoát thoi[b] đàn nhạn bay sang ải Tần[3].
Trọng thu[4] vừa tới trung tuần,
Làu làu phách thỏ[5] in ngần trên không.
Gần xa đâu đấy nức lòng,
Khắp ngoài thành thị, khắp trong lâm tuyền
Đua nhau rượu các, chè sen,
Kìa lầu Dữu Lượng, nọ đèn Trịnh Lang[6]
Trong thuyền mở tiệc đoàn loan,
Tham vui quá chén mơ màng say mê.
Ngả nghiêng, thiêm thiếp giấc hòe[7],
Giữa giời, một bóng trăng khuya với nàng.

Khảo dị:

a. Bản C chép: Có *khi...*

b. Bản A chép: *Thập thò...*

Chú thích:

1. *Đồng vọng:* pháng phất hiện ra; văng vẳng.

2. Ý nói mùa thu đã tới, lá ngô đồng vàng úa đã rụng theo gió. Thơ cổ có câu: Ngô đồng nhất diệp lạc thiên hạ cộng tri thu (một lá ngô đồng rụng, mọi người đều biết mùa thu đến).

3. *Bay sang ải Tần:* nhạn bay qua dãy núi Tần Lĩnh, vượt Hoa Trung, xuống miền Nam nắng ấm.

4. *Trọng thu:* tháng Tám âm lịch.

5. *Phách thỏ:* chỉ mặt trăng, hồn phách con ngọc thỏ.

6. *Lầu Dữu Lượng, đèn Trịnh Lang:* Chưa rõ gốc gác và ý nghĩa của các danh từ này.

7. *Giấc hòe:* Theo điển trong Nam kha ký của Lý Công Tá đời Đường nói về Thuần Vu Phần ngủ một giấc say, uống trọn một đời phú quý trong mơ. Văn học cổ thường dùng điển này để chỉ giấc ngủ.

Xa trông khách địa, tha hương [1],
Nhạn thưa thớt bóng, cây man mác cành.
Xa trông gót bãi, đầu ghềnh,
Phau phau mặt nước, xanh xanh chân trời.
Xa trông cảnh vật đôi nơi,
Lan reo [a] trong gió, hoa cười dưới trăng.
Xa trông giữa ánh bạch vân[2],
Nào đâu là chốn hai thân ra vào.
Công sinh dưỡng, đức cù lao,
Sự lòng càng nghĩ, càng ngao ngán lòng.
Sinh làm chi số long đong!
Đây làm chi kiếp má hồng dở dang?
Đã liều ngọc nát, hoa tàn,
Chờ xong oán Sở, nợ Hàn[3] thời thôi.
Hóa công chút chẳng chiều người,
Mà cam đạp đất, đội trời hay sao?
Liều mình lánh cuốn ba đào,
Tìm đường ẩn bóng, bay cao mới là.
Một mình nghĩ ngợi gần xa,
Nhà thôn văng vẳng tiếng gà một hai.
Khoan khoan chèo quế bẻ bai[4],
Trong ngoài êm ả, nào ai biết gì?
Ghềnh hoa may cũng gần kề,
Xăm xăm chỉ nẻo ngàn khuya tếch vời.
Pha phôi khóm rậm, đường gai
Biết đâu quen thuộc tìm nơi ẩn mình?
Cây chen, đá mọc chông chênh,
Chân đi một bước, tầm quanh mấy lần.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Lô* (lan) reo...

Chú thích:

1. *Khách địa tha hương:* đất khách quê người.

2. *Bạch vân:* mây trắng. Theo điển trong sách Đường Thư, Địch Nhân Kiệt đời Đường đi xa nhà, nhớ cha mẹ, một hôm lên núi Thái Hàng trông thấy đám mây trắng bèn chỉ và nói: Cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy.

3. *Oán Sở nợ Hàn:* Khi vua nước Hàn bị Hạng Tịch nước Sở giết, Trương Lương lập chí quyết đánh Hạng Tịch để báo thù cho nước Hàn. Ở đây ý nói: Vương Thị lập chí giết A Tú báo thù chồng.

4. *Bẻ bài:* Khoai thai, nhịp nhàng (tiếng cổ).

Gớm cho cái kiếp phong trần,
Hồng nhan phỏng có nợ nần chi đây?
Than ôi! Trời thẳm, đất dầy,
Nước đời lắm nỗi chua cay lạ lùng!
Một mình lo sợ hãi hùng,
Tóc xanh sầu trút, má hồng thảm phai.
Bâng khuâng đêm ngắn, sầu dài,
Bóng trăng đã xế non mai tà tà.
Cất đầu thấy nẻo xa xa.
Bóng đèn thấp thoáng, tiếng gà nhặt khoan.
Bẻ lau, vạch cỏ tìm sang,
Đến gần thấy có tam quan Phật đường.
Xăm xăm bước tới vội vàng,
Lẻn vào đứng dựa bên tường náu thân.
Giờ lâu mới định tâm thần,
Một mình luống những bàn gần, lo xa.
May chân gặp chốn thiền gia[1],
Thời nương cửa Phật, cho qua ngày trời.
Lại e trong chốn thiền trai[2],
Thiền tăng chưa tỏ gái trai nhường nào?
May ra gặp bạn má đào,
Cái thân lưu lạc quản nào muối dưa[3]?
Sư trai gặp lũ dâm tà,
Thời trong bể khổ, biết là kêu ai?
Còn đương than thở vấn dài,
Vừa khi tiểu nữ ra ngoài tam quan.
Lòng mừng lên tiếng vội vàng,
Chào thôi, nàng mới thở than sự lòng.
Tiểu nghe trở lại tăng phòng,
Bạch sư: "Có khách má hồng quê xa".
Cùng tôi năn nỉ thiết tha,

Chú thích:

1. *Thiền gia:* nhà chùa.

2. *Thiền trai:* phòng riêng thanh tịnh của nhà sư ở trong chùa.

3. *Hai câu này ý nói:* Nếu gặp được sư nữ, ắt tìm được chốn nương thân, tu hành, chẳng quản khổ hạnh.

Rằng xưa vả cũng dấu nhà môn mi[1].
Trần duyên quả kiếp nặng nề,
Chán bên tục lụy, lách bề phồn hoa.
Đem thân nương chốn chiền già,
Ngửa trông từ hóa[2], biết là có thương?
Sư rằng: "Biến thái[3] khôn lường,
Tạo nhân[4] nghiệp ấy chưa tường làm sao.
Cửa mây hãy rộng cho vào,
Mà xem cho tỏ thấp cao mới tường"
Tiểu vâng lời dạy rước nàng,
Đưa vào đến trước thảo đường[5] hầu sư.
Nhác trông tướng mạo dung nghi,
Than rằng: "Tây tử, Minh Phi[6] giá nào.
Xa gần quê khách phương nào?
Nhân sao lạc bước tìm vào thiền lâm?
Hay là tú mạc [7] vọng nhầm,
Xe tơ xốc xổi khúc cầm dở dang?
Hay là chếch mác buồng lan,
Long quân ruồng rẫy, bẽ bàng hoa xuân?
Hay là nhận quả, xoay vần,
Nguyên xưa hẳn có nợ nần dưa rau[8]?
Vả trong phép Phật đạo màu,
Xưa nay có hẹp ai đâu bao giờ".
Lựa lời nàng mới trình thưa:
Châu Chân tiện quán[9] vốn nhà họ Vương.

Chú thích:

1. *Môn mi:* Do Dương Ngọc Hoàn được Đường Minh Hoàng yêu mà cả họ Dương được trọng dụng. Người đương thời có câu: nam bất phong hầu, nữ tác phi; quân khan nữ khước thị môn mi (trai chẳng phong hầu, gái làm bà phi. Người xem con gái thực là môn mi vậy). Văn học cổ thường dùng chữ môn mi để chỉ phẩm giá con gái nhà quyền quý.

2. *Từ hóa:* Lấy lòng từ bi để giáo hóa.

3. *Biến thái:* sự thay đổi trong cuộc đời..

4. *Tạo nhân:* gây ra nguyên nhân.

5. *Thảo đường:* nhà cỏ của kẻ ẩn sĩ, nhà riêng của sư.

6. *Tây tử:* Tây Thi, người con gái đẹp thời Xuân Thu. *Minh Phi*: Dương Quý Phi, người vợ đẹp của Đường Minh Hoàng.

7. *Tú mạc:* bức màn thêu, nghĩa rộng chỉ duyên phận người phụ nữ đã có chồng.

8. *Nợ nần dưa rau:* có duyên nợ với đời tu hành.

9. *Tiện quán:* quê quán, hèn mọn (tiếng nói nhún).

Trẻ thơ sớm khuất song đường,
Đem thân cát lũy mà nương cây cù[1].
Lạnh lùng bao quản sương thu,
Nâng khăn, sửa túi vốn lo việc thường.
Chủ trương[2] khéo [a] nhẽ phũ phàng.
Bẻ hoa dòi trận nồng nàn lắm sao!
Xiết bao nuốt tủi, ngậm sầu,
Kiếp tần duyên ấy chắc đâu mà chờ?
Lạc chừng xảy bước bơ vơ,
Tìm nơi cửa độ, nương nhờ từ vân [3],
Dám xin mở rộng lòng nhân,
Đem thuyền bát nhã [4] vớt thân ba đào!
Sư nghe nàng nói thấp cao,
Chạnh niềm lân mẫn, xôn xao khúc vàng [5].
Đưa nàng lạy trước Phật đường,
Nam mô tam bảo, thập phương độ trì [6]
Lẽ thường ngũ giới, tam qui [7],
Đổi màu phấn đại, theo về thiền gia.
Khấu đầu, từ tạ sư già,
Pháp danh, mới đổi tên là "Tuệ Viên".
Cam lồ [8] rửa sạch trần duyên,

Khảo dị:

a. Bản B chép: Chủ trương rất...

Chú thích:

1. *Cát lũy:* dây sắn; cây cù: cây to, cành cong xuống để dây bìm, dây sắn bò lên. Văn học cổ dùng điển này ở Kinh Thi để diễn ý người vợ lẽ nương nhờ người vợ cả.

2. *Chủ trương:* người làm chủ trong nhà, chỉ vợ cả.

3. *Cửa độ,* cửa Phật vì Phật độ người (chở người) qua bến mê.

Từ vân: Do câu "từ vân pháp vũ", nghĩa là mây từ bi, mưa pháp bảo. Ở đây ý nói bóng mây đẹp che chở người ta mát mẻ, như lòng từ bi của Phật cứu được mọi sự khổ não cho chúng sinh.

4. *Bát nhã:* chữ Phạn là Prajna, nghĩa là trí tuệ.

5. *Lân mẫn:* thương xót; khúc vàng chỉ lòng người. Ý nói nhà sư thương xót, xúc động sao khi nghe Vương thị kể lể cầu xin.

6. *Tam bảo:* phật, pháp, tăng; *thập phương*: bốn phương chính, bốn phương bàng, trên trời và dưới đất; *độ trì:* tế độ và phù trì (cứu giúp và giữ gìn).

7. *Ngũ giới:* năm điều răn của Phật: đừng sát sinh, đừng trộm cắp, đừng tà dâm, đừng nói bậy, đừng uống rượu; *tam quy:* quy y phật, quy y pháp, quy y tăng.

8. *Cam lồ:* (cam lộ): nước móc ngọt, một thứ nước trong sạch. Theo Kinh Phật thì Phật A di đà hóa thân thuyết pháp, vẩy nước cam lồ để rửa sạch lòng trần tục và tội lỗi cho chúng sinh.

Triện hương [a] [1] ngày vắng, ngọn đèn đêm thanh.
Sớm khuya kinh giáo tập tành,
Mõ quyên điểm nguyệt, chày kình nện sương [2]
Nàng từ được thú tựa nương,
Say mùi thanh tịnh, quên đường phồn hoa.
Lần lần tháng trọn ngày qua,
Khi vào vận động, sinh ra thiên đài [3].
Cỏ hoa riêng một bầu trời,
Mây che màn sớm, nguyệt soi gương chiều.
Lâng lâng chẳng bộn trần hiêu [4],
Trúc khua là phách [b], thông reo là đàn.
Lần thâu trăng bạc, gió vàng [5],
Sen già lại cúc, cúc tàn lại mai.
Có phen thanh vắng Phật đài,
Đá ngăn cửa tục, hoa cài động tiên.
Chạnh niềm nhớ nỗi trần duyên,
Tinh linh phản phất ở bên trai phòng [6].
Vội vàng cất mặt qua trông,
Nước in xanh ngắt, mây lồng trắng phau.
Nửa tình, nửa cảnh thêm sầu,
Càng ngơ ngẩn mặt, càng đau đớn lòng.
Trăm năm để một chữ "đồng",
Kiếp lai sinh[7] họa tương phùng là may.
Biết ai gia tấm niềm tây,
Mượn câu khiển muộn[8] cho khuây sự tình.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Nén hương*

b. Bản C chép: Trúc khua là *dịp*....

Chú thích:

1. *Triện hương:* nén hương thắp ở cái đỉnh khắc chữ triện.

2. *Mõ quyên:* tiếng mõ nghe như tiếng chim Cuốc kêu. *Chày kình:* cái vồ nện chuông đẽo theo hình con cá kình.

3. *Thiên đài:* cảnh vật của nhà chùa.

4. *Trần hiêu* (hiêu trần): ồn ào, bụi rậm, chỉ nơi phồn hoa, náo nhiệt.

5. *Trăng bạc, gió vàng:* chỉ mùa thu, mùa có trăng sáng nhất và có gió heo may. Gió vàng (kim) gió mùa thu vì mùa này thuộc hành kim.

6. *Tinh linh;* quỷ thần, đây chỉ linh hồn của Thôi Tuấn Thần.

7. *Kiếp lai sinh:* kiếp sau, kiếp sắp tới.

8. *Khiển muộn:* làm cho khuây khỏa cơn buồn. Đây nói Vương Thị làm thơ để khuây khỏa nỗi buồn.

Ngâm rồi than thở một mình,
Chạnh niềm xảy nhớ bên ghềnh Chiết Giang.
Trần duyên trót đã lỡ làng,
Đem thân phấn đại, vui lòng cỏ cây [1].
Những là lần lữa am mây,
Ô tà mấy độ, thỏ hay mấy lần [2].
Đông qua vừa tiết tân xuân,
Có người thí chủ[3] miền gần tới chơi.
Sư già thết đãi khuyên mời,
Khách rằng: "Muôn dội thiền trai hậu tình".
Đôi tay nâng bức họa hình,
Đan thanh góp [a] lại mấy cành phù dung.
Thưa rằng: "Bút pháp lạ lùng,
Rày xin dâng lại trai phòng hầu sư"
Sư rằng: "Hậu ý tương tư, [4]
Nam mô tam bảo, chân như [5] độ người".
Treo lên vách phấn [6] thiền trai,
Đố ai biết được thợ trời xui quanh?
Duyên ưa, vật lạ, cảnh thanh,
Ong xa xa liệng, bướm quanh quanh dờn.
Tuệ Viên phải buổi thanh nhàn,
Thẩn thơ dạo trước tổ đường giong chơi,
Thấy tranh treo đó an bài,
Thất kinh mới bạch rằng: "Ai cúng dàng?" [7]
Sư rằng vừa buổi xuân quang,
Gần đây có khách thập phương hậu tình".

Khảo dị:

a. Bản C chép: Đan thanh *chấp*...

Chú thích:

1. *Phấn đại:* Chỉ nhan sắc người đàn bà đẹp (đại: nguyên nghĩa là màu đen dùng để vẽ lông mày của phụ nữ).

2. *Ô:* Chim quạ, chỉ mặt trời. *Thỏ*: chỉ mặt trăng. Câu này ý nói ngày tháng đã nhiều lần thay đổi.

3. *Thí chủ:* người tín chủ bố thí cho nhà chùa.

4. *Tương tư:* giúp đỡ, bố thí cho.

5. *Chân như:* danh từ nhà Phật, chỉ bản thể tối cao duy nhất của vũ trụ.

6. *Vách phấn:* vách quét vôi trắng.

7. *Cúng dàng:* cúng dường: nhà chùa hay thường dùng từ này để nói về sự dâng hoa quả, đèn hương, phẩm vật cho nhà chùa.

Nàng nghe tỏ hết phân minh,
Sự lòng, lòng những làm thinh để lòng.
Tần ngần trở lại trai phòng,
Niềm riêng, riêng vẫn mơ mòng đợi ai.
Chờ khi vắng vẻ trong ngoài,
Ngụ tình [1] tay thảo một bài làm ghi.
Thơ rằng:
"Những là lưu lạc bấy lâu nay,
Vật ấy ai đem tới cảnh này?
Hay đức thiên tôn đà báo ứng,
Mở đường cho khách giải oan đây?"
Tấm lòng phó mặc tứ tri[2],
Tiểu tăng ai dễ biết gì sự ai?
Sớm khuya ra trước Phật đài,
Lâm râm lạy đức Như Lai khấn nguyền.
Xin cho báo được thù riêng,
Muôn trông chư Phật, Hoàng thiên độ trì.
Nào ngờ thiên võng nan tri[3]
Trong cơ báo ứng riêng gì ai ru?
Có quan Ngự sử đại phu,
Họ cao vốn ở Tô Châu ngoại thành.
Tuổi cao khi đã hoàn thành[4]
Xin về trí sĩ gia đình nhà cư.
Thừa lưa[5] khi gióng vó lừa,
Thanh tâm tìm đến cửa từ hành hương.
Thấy tranh treo trước Tổ đường,
Câu thơ nét vẽ, mọi đường mọi ưa.
Xem rồi ngỏ với thiền sư,
Giá ngân[6] đưa lại nhà từ đầu hương.

Chú thích:

1. *Ngụ tình:* gửi gắm tình cảm một cách kín đáo vào trong bài thơ.

2. *Tứ tri:* bốn biết: trời biết, thần biết, mình biết, người biết (do điển Dương Chấn đời Hậu Hán trả lời Vương Mật đến đút lót cho mình.

3. *Thiên võng nan tri:* lưới trời khó có thể biết được, kẻ phạm tội thì khó thoát khỏi vòng pháp luật.

4. *Hoàn thành:* làm quan đã được công thành danh toại.

5. *Thừa lưa:* tình cờ, bất chợt (tiếng cổ).

6. *Giá ngân:* giá bạc, tính ra tiền.

Lấy tranh về chốn thư đường,
Nhìn xem bút pháp, lại càng thanh tao.
Khi nhàn hạ, lúc ra vào,
Càng nhìn cốt cách, càng yêu kỳ tài.

*

* *

Hay đâu muôn sự tại trời,
Vì tranh mách lối cho người gặp nhau.
Trong cơ thanh khí tương cầu[1]
Tấn Tần đôi ngả, Trần Châu lại gần[2]
Thôi sinh từ xuống doành ngân[3],
Lặn theo dòng nước dần dần đã xa.
Lẻn mình lên bãi trường sa[4].
Vi lô[5] man mác, sương hoa lạnh lùng.
Lại càng sợ chí anh hùng,
Sóng cồn, phải khúc sông cùng biết sao?
Lại lo thành lửa cá ao[6],
Một đoàn gia tiểu[7] làm sao chu toàn?
Thương nàng chút phận thuyền quyên.
Vì chồng mà phải oan khiên[8] đến mình.
Một là vạn tử nhất sinh,

Chú thích:

1. *Thanh khí tương cầu:* do câu: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương giao" (Chu Dịch), ý nói người và sự vật hễ cùng thanh khí tất có cảm ứng với nhau.

2. *Tấn, Tần:* tên hai nước chư hầu thời Xuân Thu. Dòng vua hai nước này thường kết hôn với nhau. Trần Châu, thôn Châu Trần ở Từ Châu chỉ có hai họ, trai gái hai họ đời đời kết hôn với nhau. Trong văn học cổ thường dùng hai điển này để nói việc trai gái lấy nhau. Câu này ý nói Thôi Tuấn Thần cùng Vương Thị đã là vợ chồng, tuy xa cách nhau, nhưng nay lại sắp cùng nhau đoàn tụ.

3. *Doành ngân:* dòng nước bạc, nơi bọn A Tú âm mưu ám hại Thôi Thuần.

4. *Trường sa:* bãi cát dài ở bên sông.

5. *Vi lô:* cây lau

6. *Thành lửa cá ao:* do câu "Thành môn thất hỏa, ương cập trì ngư". Theo Uyên giám loại hàm, một hôm cửa thành nhà Tống bị hỏa hoạn, quân sĩ múc nước ao ở gần thành để chữa cháy, làm cho ao bị cạn, cá chết. Tác giả dùng điển này để ví những người cùng đi với Tuấn Thần đều bị vạ lây.

7. *Gia tiểu:* vợ con, chỉ vợ Tuấn Thần và người theo hầu đều bị bọn A Tú ám hại.

8. *Oan khiên:* Mắc tai nạn một cách oan uổng.

Hai là nhục tiết, ô danh khởi nào?
Hóa khi khéo nỡ lòng nào[a],
Lấy tơ mà trói[b] anh hào mới ghê!
Nỗi thương, nỗi giận bề bề,
Như say, như tỉnh, như mê một mình.
Đầu non nguyệt các chênh chênh,
Hàn Sơn[1] văng vẳng tiếng kình xa xa.
Tìm đường nhận lối lân la,
Vào nơi thôn ổ[2] để mà nương thân.
Giả làm hàn sĩ khó khăn,
Giở nghề thủ họa kiếm ăn lần hồi.
Bơ vơ đất khách quê người,
Mình thua áo Lã, ruột vơi cơm Hàn[3].
Đòi phen trông dải Chiết Giang,
Như trong lửa giận, như đan mối sầu.
Lân la tìm đến Tô Châu,
Biết đâu câu cự, biết đâu hạng đồng?[4]
Đòi quen thân lý[5] cửa công,
Thế cô, tay trắng đã không ai vì.
Vào ra luống chực tụng kỳ[6]
Có ai xét lẽ thị phi cho mình?
Thôi quán xá, lại trường đình,
Biết ai mà tỏ tâm tình với ai?
Thờ ơ bạn liễu, khách mai,

Khảo dị:

a. Bản A chép: .... lòng sao

b. Bản C chép: lấy tơ mà *buộc*

Chú thích:

1. *Hàn Sơn:* một ngôi chùa thuộc tỉnh Giang Tô (Trung Quốc).

2. *Thôn ổ:* chỉ nơi làng xóm quê mùa.

3. *Lã:* Lã Mông Chính người nhà Tống, *Hàn:* Hàn Tín người nhà Hán. Lúc hàn vi, Lã Mông Chính phải mặc áo rách, còn Hàn Tín thì phải đi xin cơm ăn. Câu này tả cảnh đói rách của Thôi Tuấn Thần lúc bị sa cơ, áo rách như Lã Mông Chính, bụng đói như Hàn Tín.

4. *Câu cự:* lưỡi câu. Thường một vật gì rơi vào chỗ bí hiểm đều phải dùng lưỡi câu để lấy ra mới được. *Hạng đồng*: cái ống có một lỗ nhỏ để đút đơn từ, dấu má vào, chỉ người nào có trách nhiệm mới được mở lấy. Ở đây có ý nói rằng, Thôi Sinh không biết làm thế nào để tìm ra manh mối sự thật, và không biết nộp đơn khiếu tố vào chỗ nào.

5. *Thân lý:* giãi tỏ lý lẽ của mình

6. *Tụng kỳ:* định kỳ xét kiện.

Sầu xây thảm chất, ngày dài hơn năm.
Khi than thở, lúc ngồi nằm,
Tức hơi mà lại tủi thầm một thân.
Trách thay những kẻ mục dân,
Chẳng soi đến giống bất nhân hại người.
Bấy lâu lỡ bước xảy vời,
Lấy đâu ngày tháng lần hồi cho qua?
Tìm vào phú hộ danh gia,
Vẽ thuê, viết mướn [a] để mà hộ thân.
Một ngày dạo chốn thôn dân [b],
Thấy nơi cảnh trí, mười phần thanh tao.
Oanh ca, yến vũ xôn xao,
Mau thưa tiếng trúc, ngọt ngào đàn thông.
Đua tươi liễu lục, đào hồng,
Hào tuôn nước Nhược [1] sen lồng thức mây.
Ngoài thành riêng áng cỏ cây,
Hoa in gấm đất [c], gió bay hương trời.
Nghênh ngang tòa rộng đẫy đài,
Gác trong ngoạn nguyệt, hiên ngoài nghinh phong.
Đường mai, ngõ liễu chập chùng,
Chi lan khắp viện, phù dung diễu tường.
Tà tà vừa ngả bóng dương,
Cao công nhân buổi thừa lương [2] ra ngoài
Xiêm nghê, áo vũ[3] thảnh thơi,
Dấu trong thành thị, dáng người lợi danh.
Nền Tô Tử, thú uyên minh[4]
Câu thơ "Lương phủ" [5] hứng tình ngâm nga.

Khảo dị:

a. Bản A chép: viết *bán*

b. Bản C chép: Một ngày dạo *thú*...

c. Bản C chép: Hoa in nem đất...

Chú thích:

1. *Nước Nhược:* nước sông Nhược Thủy, cảnh tiên.

2. *Thừa lương:* hóng mát.

3. *Xiêm nghê:* Xiêm áo nhiều màu óng ánh như sắc mây; *áo vũ:* áo làm bằng lông chim.

4. *Nền Tô Tử:* ý nói có văn tài như Tô Đông Pha đời Tống. *Thú Uyên Minh:* thú tiêu khiển thanh tao như Đào Tiềm đời Tấn.

5. *Lương phủ:* tên một khúc ca, tương truyền do Gia Cát Lượng đời Thục Hán sáng tác, nêu lên cái chí của kẻ trượng phu.

Sinh bèn đứng lại trình thưa,
Đôi tay nâng thiếp thảo thư đệ vào:
Ông xem nét bút lạ sao,
Càng nhìn cốt cách, càng yêu tinh thần.
Khác nào phượng vũ băng vân[1],
Lối thư, lối thảo, lối chân cũng già.
Khen rằng: "Dòng dõi đại gia,
Nhân sao lưu lạc đâu mà đến đây".
Sinh rằng: "Từ thuở thơ ngây,
Theo nghề thư họa bấy nay tập tành.
Dám đâu bán ngọc cầu danh,
Phải khi gặp bước lênh đênh nhỡ nhàng".
Thấy người trang mạo đường đường,
Lời ăn nết nói dịu dàng thong dong.
Hẳn âu cửa quý con dòng,
Chữ rằng: "Quân tử cố cùng"[2] chẳng ngoa.
Đem chàng vào chốn sân hoa,
Hỏi tường quê quán cũng là họ tên.
Nghe lời như giục cơn phiền,
Lệ đầm tràng áo, sầu chen áng mày.
Rằng: "Tôi gặp bước bèo mây,
Oan khiên nhiều nỗi đắng cay muôn phần.
Quê hèn vốn ở Châu Chân,
Thôi thời là họ, Tuấn Thần là tên.
Mưa nhân may đội ơn tiên,
Bổ làm Huyện úy ở miền Vĩnh Gia.
Một đoàn đồ đệ, thê noa,
Khởi trình vừa tới đó là Chiết Giang.
Thấy tên thủy thủ sẵn sàng,
Thuê thuyền thuận nước đưa sang cho gần.

Chú thích:

1. *Phượng vũ:* chim Phượng hoàng múa lượn. *Băng vân:* mây bay lơ lửng. Ý nói chữ Tuấn Thần viết đẹp như Phượng múa, mây bay.

2. *Quân tử cố cùng:* nguyên lời của Khổng Tử ghi ở sách *Luận ngữ*: người quân tử cũng có lúc cùng quẫn, nhưng bao giờ cũng giữ được tiết tháo. Ý nói, người quân tử cũng có lúc gặp cảnh cùng túng.

Vừa qua đại mã giang tân[1],
Chẳng may phải kẻ chu nhân tham tàn.
Công văn, tài hóa, tư trang,
Đã dành cướp của, lại toan hại người.
Đem tôi ném xuống dòng khơi,
Một đoàn gia thuộc, biết ai thế nào?
Lặn đi lánh chốn ba đào,
Lẻn mình lên bãi, tìm vào thôn dân.
Bấy lâu lưu lạc một thân,
Nương nhờ đất khách, kiếm ăn lần hồi.
Bình Giang[2] tố cáo [(a)] mới rồi,
Lễ tâm chẳng có, công sai[3] hững hờ.
Biết ai thân thuộc cậy nhờ,
Tới lui khôn tiện, đợi chờ luống công.
Đường mây lỡ bước tao phùng[4],
Cảm công dưỡng dục, đau lòng biệt ly".
Ông rằng: "Phận sự nam nhi,
Dọc ngang tám cõi, vỗ về bốn dân.
Song le khi khuất, khi thân[5]
Phải theo máy tạo xoay vần mới nên.
Vương Tôn, Nhụ Tử[6] đời trên.
Sa sơ cũng phải có phen tòng quyền.
Kẻ thời chịu nhục thiếu niên[7]
Kẻ thời lột áo trong thuyền[8] mới xong.

Khảo dị:

a. Bảng C chép: Bình giang *tường cáo.*

Chú thích:

1. *Đại mã giang tân:* bến sông có nhiều thuyền bè đỗ sầm uất.

2. *Bình giang:* Một huyện ở tỉnh Giang Tô.

3. *Công sai:* bọn lính cầm trát của quan sai đi bắt kẻ bị can phạm làm việc bất chính. Ở đây chỉ bọn quan lại.

4. *Đường mây:* đường công danh; *tao phùng:* tình cờ gặp gỡ.

5. *Khi khuất, khi thân:* khi co, khi duỗi, tức lúc thất thế, khi may mắn.

6. *Vương Tôn:* Hàn Tín. *Nhụ Tử:* Trần Bình. Cả hai người đều ở thời Hán - Sở.

7. *Chịu nhục thiếu niên:* Hàn Tín lúc còn hàn vi, bị một anh hàng thịt bắt chui qua dưới háng.

8. *Lột áo trong thuyền:* Trần Bình có lần đi đò, người chở đò thấy Bình chững chạc, đẹp trai, nên tưởng có vàng bạc, châu báu, toan mưu giết Bình cướp của. Bình biết ý, bèn cởi áo, đưa cho người chèo đò.

Đến khi về tới Hán Trung[1],
Như chim thuận gió, như rồng gặp mưa.
Vẫy vùng cá nước duyên ưa,
Mới hay bĩ thái là cơ chuyển vần.
Ta nay làm khách dật dân[2],
Đoàn nhi tôn hãy vẫy chân "chi hồ".[3]
Phiền chàng tạm giả vân du,
Rộng đem đạo thánh thử cho nhi đồng.
Hãy khuyên [a] lánh dục, chờ trong,
Thiên công đâu lại có dong loài tà?"
Chàng nghe nước mắt rủ sa,
Rằng: "Con lưu lạc kể đà bấy lâu.
Bóng dương chẳng tỏ hang sâu,
Bệnh trần nghĩ lại mà đau đớn lòng.
Bên mình mang thác sạch không,
Đội ơn lượng cả bao dong thương người.
Dám xin làm đạo tôi người,
Lấy công trâu ngựa đền bồi ơn cao".
Ông [b] nghe chàng nói thương sao,
Đòi gia nhân lại, rước vào thư hiên.
Sửa sang giá bút, án nghiên,
Lục thư bát pháp[4] tập rèn hậu sinh.

Khảo dị:

a. Bản C chép: Hãy *xin*...

b. Bản A chép: *Công*...

Chú thích:

1. Nói việc Hàn Tín, Trần Bình đã về với Lưu Bang. Sau khi vào đất Tần, Lưu Bang bị Hạng Tịch ghen ghét, đưa ra khỏi Trung Nguyên, phong cho tước Hán Trung vương ở đất Ba Thục. Ở nơi này, Lưu Bang ra sức chiêu mộ binh lính, chọn lựa nhân tài để trở về Trung Nguyên đánh báo thù.

2. *Dật dân:* người ở ẩn, nhởn nhơ vui chơi qua ngày tháng theo ý định của mình.

3. *Câu này ý nói:* vẫn phải dạy con cháu học tập. (Chi, hồ, dã, giả là những chữ chỉ lối học cử nghiệp xưa.

4. *Lục thư:* sáu cách cấu tạo chữ Hán: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thành, chuyển chú, giả tá. Đời xưa, trẻ con tám tuổi vào trường học viết chữ; *Bát pháp*: tám phép vạch ra từng nét trong khi viết chữ: nét chấm, nét ngang, nét sổ, nét mác, nét móc, nét sổ đá, nét phẩy, nét phẩy gập. Câu này ý nói: Sau khi Cao Công biết Tuấn Thần là người tài nho nhã bèn cho người mời vào làm gia sư dạy học cho cháu.

Lối Liễu tử, thiếp Lan đình[1],
Giấy bay long phượng, bút kinh quỉ thần.
Mở mang sử Mã, kinh Lân[2],
Sâu nguồn Thù, Tứ, rộng sân Chu, Trình[3].
Ra công dạy dỗ, tập tành,
Tấm thân nào biết nhục vinh là gì.
Hay đâu rằng sự bất kỳ,
Cao công tuổi đã tới khi thất tuần.
Vang lừng mở tiệc diên tân[4]
Váng tai sênh sáo, rợp sân mận đào.
Vầy vui chủ khách xôn xao,
Thôi sinh bồi thọ[5] cũng vào dưới hiên.
Vừa khi cất mặt trông lên,
Thấy tranh treo đó quả nhiên của mình.
Vả thêm một luật ngụ tình,
Thực tay Vương Thị rành rành chẳng sai.
Thất kinh, nói chẳng lên lời,
Sầu tuôn cuồn cuộn, châu rơi ròng ròng.
Bỗng sao thấy sự lạ lùng,
Thong dong, ông mới gạn gùng đầu đuôi.
Sinh rằng: "Đâu dám giấu lời?
Tranh kia [a] chỉ thực tay tôi họa thành.
Câu thơ đề ở bức tranh,

Khảo dị:

a. Bản A chép: Tranh *này*...

Chú thích:

1. ***Liễu tử:*** Liễu Công Quyền người đời Đường, nổi tiếng là người viết chữ tốt; ***thiếp Lan đình***: dẫn điển Vương Huy Chi người đời Tấn dùng bút chế bằng râu chuột để viết bài tựa Lan đình tập gồm 324 chữ. Chữ viết rất đẹp, nên người ta khắc bài tựa ấy vào ván khắc in thành nhiều bản để học trò tập viết.

2. ***Sử Mã:*** sử ký của Tư Mã Thiên. *Kinh Lân*: kinh Xuân Thu của Khổng Tử.

3. *Thù, Tứ:* hai con sông ở nước Lỗ, nơi Khổng Tử mở trường dạy học. Nói Thù, Tứ là nói Khổng học; Văn chương Thù, Tứ là chỉ văn chương khuôn mẫu. *Chu, Trình*: Chu Hy, và Trình Dy, Trình Hạo người đời Tống. Những người này là bậc đại nho, dạy nhiều học trò.

4. ***Diên tân:*** tiệc mời khách.

5. ***Bồi thọ:*** hầu tiếp những người đến mừng thọ.

Rõ ràng thực bút chuyết kinh ngẫu đề[1]
Nguyên chưng ngày trước đề huề, [2]
Nhân sao lưu lạc lại về đến đây?"
Nghe lời sinh nói lạ thay,
Ngẫm rằng thực của ở tay tăng thiền.
Tuy rằng chưa tỏ căn nguyên,
Song tình ông cũng nửa tin nửa ngờ.
Hay quan thú lệnh[3] hững hờ,
Cho loài gian đảng thừa cơ hung tàn.
Thiền sư ví chẳng dong gian,
Thời sao chưa lấy đạo tang [4] trong chùa?
Sự này âu phải toan lo,
Sai người hỏi lấy căn do cho tường.
Đoạn rồi, ông mới nhủ chàng
"Xưa nay "thiên bất dong gian" đã lề[5].
Thôi thôi chớ lệ việc gì,
Đã đành Hợp Phố, có kỳ hoàn châu[6].
Kiến bò miệng chén chẳng lâu,
Xin bền gan sắt, chớ mau giọt tình.
Gạt sầu, hãy gượng làm thinh.
Chớ nên để lộ phong thanh ra ngoài.
Lạ gì dừng mạch, vách tai[7]

Chú thích:

1. *Chuyết kinh:* chuyết: vụng về; kinh: sợi gai. Điển trong Hán sử: Mạnh Quang vợ của Lương Hồng đời Hán rất cần kiệm, thường chỉ mặc váy bằng sợi gai. Văn học cổ dùng để chỉ người vợ cần kiệm, hiền đức. Ở đây, Tuấn Thần nói khiêm: vợ mình là người vụng về.

Ngẫu đề: tình cờ mà làm thơ.

2. *Đề huề:* nắm tay nhau cùng đi, ở liền kề bên nhau.

3. *Thú:* quan Thái thú; *Lệnh*: quan Lệnh doãn. Hai chức quan giữ việc ở phủ, huyện.

4. *Đạo tang:* tang vật ăn trộm.

5. *Câu này ý nói:* trời không dong kẻ gian tà.

6. *Hợp Phố hoàn châu:* điển sách Hậu Hán thư: Mạnh Thường người đời Hậu Hán được về giữ chức Thái thú quận Hợp Phố, một quận có nhiều ngọc trai quý. Trước khi Mạnh Thường đến, bọn Thái thú ở đây thường bắt dân đi mò ngọc trai để chúng vơ vét, nên trai có ngọc dần dần biến đi nơi khác hết. Mạnh Thường đến, bỏ lệ cũ, nên chưa đầy một năm sau trai có ngọc lại kéo về Hợp Phố, nhân dân lại được no ấm yên vui; ý nói vật quý đã mất, nay lại trở về chủ cũ.

7. *Dừng mạch, vách tai:* Thành ngữ "tai vách mạch dừng", ý nói phải cẩn thận kẻo dễ bị lộ chuyện ra ngoài. (Dừng là tấm vách bằng tre hay bằng ván gỗ ngăn cách hai buồng).

Chim kia thoát lưới băng vời, biết đâu?"
Nghe lời khuyên nhủ [a] trước sau,
Trở ra về chốn thư lâu tần ngần.
Ông bèn mới dạy giai phân,
Lên chùa liệu đó, ân cần hỏi han.
Gia nhân vâng tới Phật đường,
Bạch sư thôi, mới ngỏ ngang sự tình.
"Quan tôi từ được bức tranh,
Dấu yêu như thể ngọc lành hôm mai.
Thơ đề một nét một tươi,
Chẳng hay giá ấy là người đâu ta?
Tranh kia vốn ở thiền gia,
Của ai hậu thí [1] hay là mua đâu?
Thiền sư vâng dẫn trước sau,
Rằng: "Đây quen thú dưa rau đã lề.
Đèn hương, kinh kệ sớm khuya,
Tửu tăng ai có thiết gì trò chơi?
Nhân khi xuân phục vừa rồi,
Có người thí chủ đến chơi già chiền.
Gọi thường A Tú là tên,
Đóng thuyền chở khách ở miền Chiết Giang.
Lòng thành đem lại cúng dàng,
Thời vâng treo chốn Tổ đường đấy thôi.
Còn như lậu bút[2] mấy lời,
Thực tay sư chú, tên người Tuệ Viên.
Châu Chân [b] quê ở gần miền,
Dốc lòng mộ đạo, tham thiền[3] đã lâu".
Gia nhân nghe tỏ gót đầu,
Trở về cứ thực trước sau trình bày.
Ông rằng: "Vốn chuyện miền này,

Khảo dị:

a. Bản C chép: nghe lời khuyên *rõ*...

b. Bản B chép: Châu Chân

Chú thích:

1. *Hậu thí:* Hậu tình bố thí cho.
2. *Lậu bút:* nét bút quê mùa.
3. *Tham thiền:* tu hành theo đạo Phật.

Dong chi những lũ cáo cầy vất chân?"[1]
Vào nhà, bàn với phu nhân,
Nỗi chàng kể hết vân vân sự tình:
"Thương người dòng dõi trâm anh,
Vả mang tước mệnh triều đình qua đây.
Phải cơn hoạn nạn đắng cay,
Để cho chàng đến thế này sao đang?
Âu là cứu chính, trừ gian,
Dẹp loài hung đảng cho an phong trần[2].
Trước là vì nước, cứu dân
Sau là cõi đức, nền nhân càng bền".
Bà rằng: "Xốc nổi sao nên?
Việc này hỏi đến Tuệ Viên mới tường.
Tôi xin sửa chốn Tĩnh đường[3],
Sai người làm lễ, rước nàng tụng kinh.
Nhân khi ngày vắng đêm thanh,
Thông doanh tôi sẽ ướm tình hỏi han".
Ông bèn đặt một trai đàn[4],
Sắm sanh lễ vật đưa sang nhà chiền.
Bạch cùng sư chú Tuệ Viên,
Rằng: "Quan Ngự sử gần bên Châu thành.
Phu nhân tính nết hiền lành,
Say sưa mùi đạo, trai thành [5] đã lâu.
Những e phép Phật nhiệm màu,
Chân kinh bí quyết [6] biết đâu cho tường.
Gọi là lấy tấm lòng thương [7],
Rước người về chốn Tĩnh đường thụ kinh [8].
Tuệ Viên nghe biết sự tình,

Chú thích:

1. *Vất chân:* tự do hoành hành.

2. *Phong trần:* gió bụi, nghĩa rộng chỉ chiến tranh. Ở đây chỉ sự bất bình.

3. *Tĩnh đường:* ngôi nhà yên tĩnh, thanh khiết, chỉ nơi thờ Phật.

4. *Trai đàn:* tục gọi đàn chay, nơi làm lễ lớn để cúng Phật.

5. *Trai thành:* lòng thành kính trai giới.

6. *Chân kinh:* kinh sách chính tông nói về giáo lý đạo Phật. *Bí quyết:* pháp lực huyền bí của đạo Phật.

7. *Tấm lòng thường:* dịch chữ hằng tâm, tức tấm lòng mộ đạo luôn giữ được chân thành.

8. *Thụ kinh:* xin học về nghĩa lý kinh Phật.

Nghĩ mình lưu lạc lênh đênh bấy chầy.
Những là kinh kệ làm khuây,
Ngọn đèn diễn khắc [1], tiếng chày tan canh.
Biết ai mà tỏ sự tình
Mảnh trăng với bức họa hình [(a)] đây thôi.
Bấy lâu chưa tỏ tăm hơi,
Thoi oanh [2] kia đó đợi người mãi sao?
Vả nghe Ngự sử quan cao,
Đỉnh chung [3] dòng dõi mận đào vẻ vang.
Vâng lời sang đấy đèn hương,
May ra khi cũng có đường giải oan.
Thưa rằng: "Vâng lệnh nhà quan,
Tiểu tôi đâu dám từ nan [4] ru mà?"
Sắm sanh pháp bảo, cà sa [5],
Trở vào từ với sư già bước lên.
Đường cù [6] gió thổi xe tiên,
Mây từ phấp phới, hoa sen ngọt ngào.
Chim đưa, cỏ đón, hoa chào,
Trải qua dặm liễu đã vào đại trang [7].
Phu nhân rước đến Tĩnh đường,
Treo tranh tam thế, đốt hương bảo đài [8].
Kinh cứu khổ, kệ Như Lai,
Đã khoa ngũ cúng, lại bài chí tâm [9].
Câu kinh, câu giải [10] chi lầm [(b)]?

Khảo dị:

a. Bản A chép họa bình.

b. Bản C chép: ... *câu kệ* chi nhầm.

Chú thích:

1. *Diễn khắc:* kéo dài.
2. *Thoi oanh:* ngày tháng đi mau như chim oanh bay nhanh, như con thoi đưa mau.
3. *Đỉnh chung:* vạc và chuông là hai vật quý, chỉ nhà giàu sang quyền thế mới có.
4. *Từ nan:* từ chối khó khăn, vất vả.
5. *Pháp bảo, cà sa:* bát, gậy, áo cà sa là những vật dụng của nhà sư.
6. *Đường cù:* đường đi bốn ngả
7. *Đại trang:* trang trại lớn (của Cao Ngự sử).
8. *Tranh tam thế:* tranh 3 vị Phật: quá khứ, hiện tại, tương lai; *hương bảo đài:* hương thơm quý.
9. *Khoa ngũ cúng:* năm khoa cúng của nhà Phật: hương, hoa, đèn, trà, quả; *bài chí tâm*: chí tâm tín bảo chép ở Kinh vô lương thọ.
10. *Câu giải:* lời kinh kệ có tác dụng giải thoát mọi nỗi lo âu trần tục.

Khi bàn nghĩa lý, khi chăm hương đèn.
Một ngày là một nên quen,
Đạo là sư chủ, tình nên bạn bè.
Nhân khi thanh vắng đêm khuya,
Mùi hoa bảo thụ, chén chè lão mai [1]
Trăng thanh, gió mát thảnh thơi,
Phu nhân ướm hỏi một hai sự lòng.
Rằng: "Xem sư chú tinh thông,
Tài so thước ngọc, giá trong nhà vàng
Khác loài hoa cỏ tầm thường,
Nhân sao mà phải tìm đường xuất gia?".
Nàng nghe nước mắt nhỏ sa,
Sự mình, mình lại thưa qua gót đầu.
Mấy lời là mấy hạt châu,
Gương lòa nước thủy[2] hoa rầu vẻ xuân.
Nỗi nhà gặp vận gian truân,
Nỗi chồng oan thác, nỗi thân lạc loài.
Đem mình nhờ bóng Như Lai,
Muốn đem nước tưới[3] độ người thác oan.
Cho nên nấn ná thiền quan[4],
Sầu kia chất để một gian Tĩnh đường.
Dám xin nhờ đức nương nương[5],
Ruộng phương chửng tế [(a)], mở đường hiếu sinh[6]
Thưa cùng lão tướng phân minh,
Họa may lượng cả thấu tình tôi ngươi.
Tra cho tỏ mặt, tỏ người,
Ra uy sấm sét giết loài tà gian.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Ruộng phương *cực tế*...

Chú thích:

1. *Hoa bảo thụ:* là hoa cây quý; chè lão mai là chè ướp hương mai già.

2. *Nước thủy:* nước thủy ngân tráng trên mặt gương.

3. *Nước tưới:* nước cam lộ, nhà Phật dùng cành dương dúng vào nước cam lộ rẩy cho chúng sinh để tẩy rửa mọi phiền não.

4. *Thiền quan:* cánh cửa nhà chùa, chỉ nhà chùa.

5. *Nương nương:* dùng để gọi mẹ, hoặc người ngang hàng với mẹ, tỏ ý tôn kính (tiếng cổ).

6. *Chửng tế* là cứu vớt; *mở đường hiếu sinh* là mở lòng từ thiện, mở cho con đường sống.

Quản chi gan óc lầm than,
Đem thân trâu ngựa đền ơn bể trời".
Phu nhân nghe hết đầu đuôi,
Khuyên nàng rằng: "Hãy nguôi nguôi tấm lòng.
Chữ rằng: "Thiên đạo chí công [1],
Ngay gian nào có lọt trong lưới trời?
Độ trì có đức Như Lai,
Nguyện xin chứng giám kẻo người oan khiên".
Có khi thanh vắng [(a)] mai hiên,
Rèn thưa hây hẩy, gió truyền hơi may.
Ông bà họp mặt dan tay,
Rượu nồng men cúc, hương bay gió đàn.
Cao ông vui chuyện thanh nhàn,
Phu nhân mới kể sự nàng đầu đuôi.
Ông rằng: "Sự đã tỏ mười,
Ẩn vi [2] thời cũng có trời có trong.
Anh hùng mới biết anh hùng
Ngọc lành sao nỡ vùi trong cát lầm?
Xin cho sở nguyện tòng tâm,
Bích ngô lại gặp lương cầm mới cam[3]
Ví dù chẳng diệu cơ dam [4],
Thời ai kẻ bắc, người nam còn gì?
Giận thay, những giống hồ ly,
Chông muông song chửa định kỳ ngu [(b)] nhân [5].
Sao cho trảm thảo trừ căn [6],

Khảo dị:

a. Bản C chép: *nhân* khi vắng vẻ...

b. Bản A chép: ... *lư* nhân.

Chú thích:

1. *Thiên đạo chí công:* đạo trời rất công bằng..

2 *Ẩn vi:* kín đáo tinh vi.

3. *Bích ngô:* cây ngô đồng; *lương cầm:* chim phượng. Chim phượng thường đỗ ở cây ngô đồng. Văn học cổ dùng điển này để tả cảnh vợ chồng hợp duyên, xứng tài với nhau.

4. *Cơ dam:* cơ: máy, dam: giây dàm. Ý nói tạo hóa huyền vi như cái máy có thể khép mở được, như sợi giây có thể ràng buộc được. Cả hai câu ý nói nếu máy trời không huyền diệu thì vợ chồng họ Thôi đã kẻ bắc người nam rồi còn đâu được cùng một nơi.

5. *Chông muông:* đặt chông đánh bẫy loài thú dữ. *Ngu nhân:* chức quan coi sóc bảo vệ rừng.

6. *Trảm thảo trừ căn:* Nhổ cỏ trừ hết rễ.

Tùy cơ liệu lượng dần dần mới nên.
Tiệc rồi ông lại nhà chiên [1]
Phu nhân trở gót về bên Tĩnh đường.
Kệ kinh cứ giữ việc thường,
Sớm khuya bầu bạn với nàng làm đôi.
Đèn trăng, quạt gió thảnh thơi,
Tĩnh đường xem bẵng[2] phòng trai khác gì.
Đông qua, xuân đã tới kỳ,
Có quan giám sát mới về thanh tra.
Vốn dòng họ Tiết[3] đại gia,
Cùng Cao Ngự sử, cũng là tương tri.
Trường văn, kim bảng danh đề,
Văn thao võ lược, hai bề vẹn hai.
Bình Giang vâng mệnh Khâm sai,
Dựng vườn công chính, dẹp loài tà gian.
Nhân khi công vụ thư nhàn,
Trăng soi đài bách, gió đàn ca oanh [4]
Xôn xao cảnh vật, nhân tình,
Tiếng chim cổ tái, bóng cành mơ xuân [5].
Chạnh niềm nhớ đến cố nhân,
Trỏ niềm trúc đã, dời chân nam thành.
Vó thông [6] dặm liễu gập ghềnh,
Lân la tìm đến môn đình Cao công.
Vầy vui cam vũ, xuân phong, [7]
May chân kim mã, thỏa lòng Đào nguyên [8].
Tình cố cựu, nỗi hàn huyên,
Cao công mới gọi sinh lên đứng hầu.
Chàng vâng khép áo, sửa bào,

Chú thích:

1. *Nhà chiên:* dịch chữ chiên đường: nhà ngồi dạy học.

2. *Bẵng:* bằng, đọc thanh khứ cho hợp âm vận.

3. *Họ Tiết:* Tiết Phổ Hóa, giữ chức Giám sát Ngự sử lúc bấy giờ.

4. *Đài bách:* chỉ dinh quan Ngự sử, vì xung quanh dinh trồng nhiều cây bách. Đó là loại cây cứng rắn, tượng trưng cho tiết tháo của quan Ngự sử.

5. *Cổ tái:* biên tái cũ, ở đây chỉ Bình Giang.

6. *Vó thông:* vó ngựa thông. Đời Hậu Hán, có viên Ngự sử rất cương trực, thường cưỡi ngựa thông. Sau chữ này được dùng để chỉ quan Ngự sử.

7. *Cam vũ xuân phong:* mưa ngọt, gió mát, chỉ sự hội ngộ phải thời vui vẻ.

8. *Đào nguyên: cảnh tiên* chỉ người ẩn dật, tức Cao Nạp Lễ.

Bước ra làm lễ, khấu đầu trước hiên.
Tiết công trông mặt hỏi liền
Khen rằng: "Thực đấng thiếu niên anh tài,
Dung nghi, đức hạnh gồm hai,
Chẳng hay hiền sĩ là người đâu ta?
Mấy tuần thu nguyệt, xuân hoa?
Vong niên [1] gia khách hay là sở sinh".
Cao công [a] rằng: "Đã Thôi Anh,
Vốn nhà xưa cũng trâm anh nối dòng.
Chiết Giang vấp khúc hãi hùng,
Dở dang hai chữ: "Cùng, thông" chưa đành.
Cao công mới dạy Thôi sinh:
"Cứ đem tâm sự thực tình cung chiêu".
Sinh nghe bối rối trăm chiều,
Lòng riêng thổn thức như khêu mối phiền.
Vâng lời trở lại thư hiên,
Thân cung [2] mọi nỗi căn nguyên đệ trình.
"Gia nhân A Tú đích danh,
Chiết Giang đó cũng giáp thành Bình Giang".
Cao công rằng: "Cậy Hiến đường [3],
Thôi tra xét thẩm cho tường ngay gian".
Tiết công nghe biết tỏ tường,
Từ quan Ngự sử, chỉ đường lùi chân.
Bừng bừng lửa giận khôn ngăn,
Vó thông thẳng chỉ tới phần Bình Giang.
Trát đòi bản hạt địa phương,
Hổ phù [4] một đạo vội vàng sai đi.
Quân quan hỏa tốc tinh phi [5],

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Tao công...*

Chú thích:

1. *Vong niên:* quên cả tuổi tác. Chỉ hai người bạn chênh lệch nhau nhiều tuổi, vẫn lấy tình bạn mà giao du.

2. *Thân cung:* Thôi Tuấn Thần làm tờ khai trình bày sự việc A Tú mưu hại mình để Tiết Phổ Hóa biết.

3. *Hiến đường:* chức Ngự sử.

4. *Hổ phù:* cái dấu có núm hình đầu hổ: Ở đây chỉ tờ lệnh có đóng dấu của quan Ngự sử sai người cầm đi tróc nã.

5. *Hỏa tốc tinh phi:* đi nhanh như sao bay.

Chiếu danh A Tú bắt về mình tra.
Mấy tên thủy thủ ngoan tà,
Điểm danh tróc nã [a] không tha một người.
Đạo tang bắt được rõ mười,
Cũng đem áp giải chực ngoài công nha.
Bắt vào đối chứng sân hoa,
Bên là A Tú bên là Thôi Sinh.
Khẩu tiêu nhận diện rành rành,
Đạo tang còn đó; dối quanh được nào?
Dạy rằng: "Tội ác nan đào,
Đã mưu cướp của cớ sao hại người?
Chữ rằng: "Thiên võng khôi khôi" [1]
Dối ai, hầu dễ dối trời được sao"
Truyền đem thiết tỏa [2] đóng vào,
Phó cho khoái thủ bá dao [3] cực hình.
Mấy tên thủy thủ ác danh,
Cũng đem chính pháp, gia hình chẳng dong.
Mới hay Thiên đạo chí công,
Gian hung lại gặp nguy hung sự lề [4]
Bao nhiêu tang vật xưa kia,
Dạy cho chiếu số giao về Thôi Sinh.
Vâng lời giao nhận phân minh,
Bước vào lạy tạ Hiến đình trở ra [5].
Hai hàng châu lệ nhỏ sa,
Nghĩ mình, mình lại xót xa nỗi mình.
Thù kia, oán nọ đã đành.
Duyên xưa còn vướng chút tình tao khang [6].
Phân ly từ buổi Chiết Giang,
Minh dương đôi ngả chưa yên bề nào.

Khảo dị:

a. Bản A chép: .... *nã tróc...*

Chú thích:

1. *Thiên võng khôi khôi:* lưới trời lồng lộng, rộng bủa khắp bốn phương.
2. *Thiết tỏa:* cái xiềng làm bằng sắt, khóa sắt.
3. *Khoái thủ:* người coi việc hành hình. Bá đao: hành tội bằng dao.
4. *Gian hung:* kẻ gian ác; *nguy hung:* việc dữ, việc nguy hiểm đến tính mệnh.
5. *Hiến đình:* cũng như hiến đường (xem chú thích câu 821).
6. *Tình tao khang:* tình vợ chồng lấy nhau từ thuở nghèo hèn.

Ví dù biết tỏ âm hao [1]
Long cung kia với lương kiều là đâu [2]
Vật vờ gió thảm, mưa sầu,
Mảnh trăng đỉnh núi, nhịp cầu tà dương.
Nỗi mừng rộn[a] với nỗi thương,
Gập ghềnh khách địa, ngổn ngang gia tình. [b]
Đường cù ngại bước chông chênh,
Xót nàng lưu lạc, tủi mình long dong.
Trở về lạy tạ Cao công,
Rằng: "Con lạc nạn bình bồng [3] tới đây.
Lòng riêng ngậm đắng nuốt cay,
Dẫu ngăn mối thảm, khôn khuây mạch sầu.
Nghiến răng, bấm bụng bấy lâu,
Thân hèn nào đã chắc đâu có rầy?
Trộm nhờ đại đức ra tay,
Đuốc dương soi tỏ gian ngay rành rành.
Công tái tạo, đức trùng sinh [4]
Trăm năm kết cỏ, ngậm vành luống [5] may.
Ông rằng: "Những đấng anh hùng,
Xưa nay ai vượt qua vòng thịnh, suy.

Khảo dị:

a. Bản C chép: Nỗi mừng *bõ* ...

b. Bản B chép: *gia đình*

Chú thích:

1. *Âm hao:* tin tức.

2. *Long cung:* cung điện của Long vương, nghĩa rộng chỉ chốn sông nước. *Lương kiều:* Nhịp cầu, chỉ đám mây ở trên không. Cả hai câu ý nói, nếu biết tin tức vợ thì dù phải xuống thủy cung hay lên trời cao cũng quyết đi tìm cho bằng được.

3. *Lạc nạn:* gặp tai nạn mà phải lâm vào cảnh lưu lạc; *bình bồng:* trôi nổi, phiêu bạt.

4. *Tái tạo:* dựng cái nhà đã đổ. *Trùng sinh:* làm sống lại cái đã chết. Ý nói công của Cao đã cải tử hoàn sinh cho rồi.

5. *Kết cỏ ngậm vành:* nói việc báo đáp ơn sâu. Sách Tả truyện "Nguỵ Thù lúc hấp hối dặn con là Nguỵ Khỏa chôn theo người thiếp yêu. Khỏa không làm theo, cho người ấy về lấy chồng. Sau Khỏa làm tướng đánh nhau với Đỗ Hồi: Đỗ Hồi ngã ngựa chết. Đêm ấy, Khỏa mơ thấy ông già xưng là cha người con gái được Khỏa cứu sống đã kết cỏ làm vướng chân ngựa của Đỗ Hồi để đền ơn. *Ngậm vành:* báo ơn. Theo tích Dương Bảo thời Đông Hán bắt được một con chim sẻ bị thương, đem về nuôi cho khỏe rồi thả ra. Về sau có một đứa trẻ mặc áo vàng cầm bốn cái vòng ngọc đến tạ ơn.

Sự lòng phó mặc cao ty [1],
Việc trăm năm, chớ nói chi rậm lời".
Xiết bao thở ngắn, than dài,
Trông ra ác dữ non đoài ngậm gương [2].
Bao nhiêu tài hóa, tư trang.
Dậy: "Đem về chốn thư đường nghỉ ngơi".
Năm canh, ruột rối lơi bời,
Nới yên lửa giận, chưa vơi mạch sầu.
Sá chi những lũ mương dầu [(a)]?
Trách thay con tạo cơ cầu đa đoan!
Thương thay con én lạc đàn,
Biết nơi cổ lũy hay ngàn bình sa [3]
Chiết Giang mấy độ phong ba,
Cánh bèo trôi giạt biết là về đâu?
Thâu đêm, vấn vít mối sầu,
Ra vào một bóng, trước sau một đèn.
Rèm thưa gió lọt, trăng xuyên,
Tiếng gà khoan nhặt, mõ quyên[4] vắn dài.
Sao thưa lác đác da trời,
Vầng son[5] thoắt đã hé vời phù tang [6].
Chàng bèn điểm giở tư trang,
Cầm thư thuở trước, phấn gương [(b)] mọi ngày.
Lạ chi bát nước sẩy tay,
Có ai vét lại cho đầy được chăng?
Phúc sao còn bức sắc văn [7],
Ấn chương phê phó mười phần còn nguyên.
Bâng khuâng như quạt lửa phiền,

Khảo dị:

a. Bản B chép:... nương *rô*

b. Bản B chép:.... *phấn hương*

Chú thích:

1. *Cao ty:* (trời) cao, (đất) thấp.
2. Ở đây, chỉ mặt trời đã lặn ở sau núi đã lấp một phần.
3. *Cổ lũy:* tòa thành cổ. *Bình sa*: bãi cát phẳng.
4. *Mõ quyên:* tiếng Cuốc kêu đều đều như tiếng mõ.
5. *Vầng son:* mặt trời.
6. *Phù tang:* một loài cây cao to, nơi mặt trời mọc. Văn học cổ dùng danh từ này để chỉ phương Đông, phía mặt trời mọc.
7. *Sắc văn:* tờ sắc vua ban.

Xem rồi, chàng mới đem lên thưa trình.
Cao công xem hết phân minh,
Rằng: "Mừng nền tước [a], trâm anh còn dài.
Nay đà bĩ cực thái lai [1]
Bõ khi hoạn nạn, lạc loài bấy nay.
Giao long đã gặp mưa mây,
Kíp nên sắm sửa chọn ngày phó quan".
Sinh rằng: "Từ buổi Chiết Giang,
Lẻ loi phận bạc, lỡ làng tơ duyên.
Sá chi nữa cái thân hèn,
Dám đam[2] danh lợi mà quên ước nguyền?
Vợ chồng phong hóa đầu tiên,
Sầu chung, có lẽ vui riêng cho đành?
Xin tìm thấy mặt chuyết kinh,
Đoàn viên rồi sẽ công danh vội gì".
Công rằng: "Nhân nguyện thiên tùy [3],
Trong cơ thanh khí tương kỳ [4] chẳng không.
Khoan nao, chớ vội phiền lòng,
Già đây vốn đã giúp công những ngày,
Vội truyền sửa chốn hiên tây,
Tiệc quỳnh chén cúc, dan tay mừng chàng.
Truyền gia nhân, xuống Tĩnh đường,
Mời phu nhân với nàng Vương ra mừng.
Phu nhân vốn đã biết chừng,
Nàng nghe, luống hãy dùng dằng viển vông.
Phu nhân mới ngỏ sự lòng,
"Việc chàng thế ấy, phép công thế này.
Bây giờ đã tỏ gian ngay,
Thời đành Hợp Phố đến ngày về Châu.

Khảo dị:

a. Bản A chép: nền *trước*.

Chú thích:

1. *Bĩ cực, thái lai:* Theo Kinh Dịch thì quẻ Bĩ lúc cùng cực thì chuyển sang quẻ Thái. Ý nói việc xấu qua đi điều tốt lại đến.

2. *Đam:* say mê.

3. *Nhân nguyện thiên tùy:* trời chiều theo ý muốn của người ta.

4. *Thanh khí tương kỳ:* từ câu: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", cùng hơi tiếng, cùng cảm thông, ắt cùng tìm đến gặp nhau.

Cũng là lo giúp việc nhau,
Vậy nên kinh kệ bấy lâu ra vào".
Nàng nghe chuyển động tâm bào [1],
Bâng khuâng như giấc chiêm bao mơ màng.
Tức thì đổi dạng tăng trang,
Theo phu nhân tới thềm lan xem tình.
Nẻo xa ngấp ngó dưới mành,
Dung nghi thực đích Thôi sinh rõ ràng.
Rén chân lên trước thềm lan,
Vật mình, lăn khóc thở than sự tình.
"Mừng chàng gặp hội công danh,
Dám xin nghĩ lại chút tình cỏ hoa.
Từ khi gặp bước phong ba,
Hoa trôi, bèo dạt, biết là có may?"
Chàng đương vui chén dở say,
Thoạt nghe nàng nói, chân tay rụng rời.
Nỗi riêng, dở khóc pha cười
Mừng mừng, tủi tủi bồi hồi xiết bao.
Vội vàng đứng dậy, han chào,
Sầu tuôn gió trúc, thảm dào mưa mai,
Nhìn nhau than thở vắn dài,
Bốn hàng nước mắt chảy xuôi ròng ròng.
Cùng nhau lạy tạ Cao công,
Rằng "con tái thế tương phùng [2] là đây.
Đội ơn tác hợp cao dày,
Xương kia dù nát, nghĩa này dám quên".
Ông [(a)] rằng: "Sự bởi tiền duyên,
Ai hay chẳng hẹn mà nên lạ lùng.
Kíp truyền sửa chốn tĩnh phòng,
Dạy mời Huyện úy vợ chồng nghỉ yên.
Chiếu hoa, trướng huệ, gối uyên,
Tiểu đồng hai đứa, nha hoàn [(b)] hai tên [3]

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Công...*

b. Bản A chép: *liễu* hoàn

Chú thích:

1. *Chuyển động tâm bào:* trong lòng xúc động bồi hồi.
2. *Tái thế tương phùng:* gặp lại nhau ở kiếp sau.
3. *Tiểu đồng:* đứa hầu trai; *A hoàn:* đầy tớ gái.

Khấu đầu làm lễ trước hiên,
Cùng nhau nối gót về bên tĩnh phòng.
Vợ chồng trò chuyện thong dong,
Mành đưa gió liễu, bình xông khói đàn [1].
Lan mừng huệ, huệ mừng lan,
Đuốc hồng tỏ mặt, chén vàng chuyên tay.
Đương cơn tiệc, ngọc vui vầy,
Giật mình xảy nhớ đến ngày lưu ly,
Nàng rằng "Từ buổi phân phi [2],
Hoa rầu nước xiết, bèo e sóng cồn.
Ruột tằm, gan vượn héo hon,
Thu gầy vóc nhạn, hạ mòn xác quyên,
Đem thân nương chốn rừng thiền,
Mảnh trăng làm bạn, ngọn đèn làm đôi.
Mặt quỳ [3] sương tuyết pha phôi,
Non xây khối thảm, bể khơi mạch sầu.
Sắc, không [4] cậy có phép màu,
Thân này ai có chắc đâu hội này?"
Chàng rằng: "Bĩ, thái xưa nay,
Có khi hoạn nạn, có ngày vinh hoa.
Nhưng mà thời cũng tại ta,
Vì chung quá chén hóa ra sự này.
Đã từng hoạn nạn đắng cay,
Trải phen khổ tận đến ngày cam lai [5]
Mừng vui trò chuyện vắn dài,
Thú lâu [6] đã giục mấy hồi tan canh.
Phù tang tỏ bóng đồng chinh [7],
Tiếng chim văng vẳng trên cành bẻ bai.

Chú thích:

1. *Bình xông khói đàn:* hương khói bạch đàn từ trong bình bốc ra.

2. *Phân phi:* chia ly.

3. *Mặt quỳ:* hoa quỳ hướng về phía mặt trời. Văn học cổ dùng hoa quỳ để chỉ người phụ nữ lúc nào cũng chung thủy với chồng.

4. *Sắc, không:* tiếng nhà Phật cho rằng muôn sự trên đời tuy rằng có, nhưng thực ra chính là không.

5. *Khổ tận, cam lai:* cơn cay đắng đã hết, lúc ngọt bùi tới...

6. *Thú lâu:* (doanh) trại lính.

7. *Đồng chinh:* cái chiêng đồng, văn học cổ dùng để chỉ mặt trời mọc ngang tầm ngọn cây trông như cái chiêng đồng.

Vội vàng sửa áo ra ngoài,
Lân lầu lão tướng, giãi lời thủy chung.
Ông [(a)] rằng: "Cái bước cùng không.
Mặc cơ tạo hóa với trong chuyển vần.
Từ chàng vâng mệnh thánh quân,
Thoi đưa thấm thoắt đã gần hai niên.
Việc này trì hoãn sao nên?
Kíp nên gióng giả bấc yên đăng trình" [1]
Cao công mở tiệc tiễn hành,
Dan tay chuốc chén, giãi tình xa xôi.
Ba tuần [2] từ tạ vừa rồi,
Ông về trang viện, chàng dời đường hoa.
Cung mây, quán tuyết lân la,
Ngựa xe về nẻo Vĩnh Gia bằng chừng.
Non nhân, nước trí đôi từng,
Phất phơ quạt gió, vang lừng ca oanh.
Xôn xao như mục tiều canh,
Thôn trang sum họp, thị thành vầy vui.
Lân la dặm liễu, đường mai,
Hay đâu rằng đã tới nơi địa đầu, [(b)]
Nghe tin lại lệ [3] sắp nhau,
Tưng bừng đón rước trước sau lạy mừng.
Công lòng ái sĩ, thân [(c)] dân[4]
Dốc đem đạo thánh mà chăn dân trời.
Roi Lưu, cầm Tiện [5] khoan thai.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Công*...

b. Bản A chép: ...... địa *cầu*.

c. Bản B chép: ... *thần* dân.

Chú thích:

1. *Bấc yên đăng trình:* bấc yên lên mình ngựa để lên đường.

2. *Ba tuần:* Ba tuần rượu tiễn biệt.

3. *Lại lệ:* lại: đề lại, thông lại, thư lại, lệ: cai lệ, lính lệ, đội lệ.

4. *Ái sĩ, thân dân:* yêu mến sĩ phu, gần gũi dân chúng.

5. *Roi lưu:* dẫn điển Lưu Khoan người Đông Hán, khi giữ chức Thái thú ở Nam Dương, chỉ dùng roi cỏ bồ để phạt người có lỗi. *Cầm Tiện*: dẫn điển Bật Tử Tiện, người thời Xuân Thu, khi làm quan tể ở Vũ Thành chỉ dùng nhân chính để yên dân, lúc rỗi thường gẩy đàn cầm làm vui. Vì thế, người ta gọi nhà làm việc của quan huyện là "cầm đường".

Ra tay kỳ ký thử tài ngưu đao [1].
Hà dương san sát hoa đào [2],
Phả phê [3] gió đức, dồi dào mưa nhân.
Phường nho sĩ, kẻ nông dân,
Chốn vui huyền tụng, chốn mừng phong nhương [4].
Nhà nghiệp hộ, khách khinh thương,
Người thường no đủ, chợ thường vui chơi.
Cầm đường nhân buổi thảnh thơi,
Tái sinh ơn rộng bể trời nhớ thay.
Quan sơn cách trở nước mây,
Chút lòng báo đáp có ngày nào nguôi.
Tháng ngày thấm thoát đưa thoi,
Xuân thu phút đã đổi dời sáu phen.
Cứ trong hội điển [5] triều Nguyên,
Sáu năm đủ lệ cho quyền thoái hưu.
Sắm sanh xe ngựa ruổi mau,
Thằng đồng lệch thếch, con hầu le te [(a)].
Hồi tiên [6] thẳng trở ra về,
Quan sơn muôn dặm, giang khê mấy lần?
Tô Châu vừa tới gần gần,
Băn khoăn nhớ chốn ân nhân tìm vào,
Đến nơi trang viên họ Cao,
Cỏ hoa nhường ủ, mận đào kém tươi.
Hỏi han sau trước mọi lời,
Rằng ông bà đã xa rời xe mây [7],

Khảo dị:

a. Bản B chép: con hầu lê *thê*.

Chú thích:

1. *Kỳ ký:* tên hai thứ ngựa tốt, Văn học cổ dùng từ này để chỉ người tài giỏi trong đời.

Ngưu dao: dao giết trâu. Theo sách Luận ngữ: "Sát kê yên dụng ngư dao "(Giết gà sao lại dùng dao mổ trâu). Văn học cổ dẫn điển này để chỉ người có tài lớn, tạm thời làm chức nhỏ.

2. *Hà dương sau sát hoa đào:* Theo điển Phan Nhạc nhà Tấn, làm quan Huyện lệnh Hà Dương, trồng cây đào khắp các nơi trong huyện, vì thế sau này người ta gọi huyện Hà Dương là huyện hoa, chỉ nơi nhân dân sống yên vui.

3. *Phả phê:* (tiếng cổ) đầy đủ, thừa thãi.

4. *Huyền tụng:* ca ngợi. *Phong nhương*: được mùa

5. *Hội điển:* Bộ sách chép thể lệ pháp luật trong từng triều đại.

6. *Hồi tiên:* cái roi điều khiển ngựa khi trở về.

7. *Xe mây:* dịch chữ vân xa; xe đi ở trên mây, ở đây ý nói đã chết.

Nghe lời phách lạc hồn bay,
Như tuôn giọt thảm, như xây thành sầu.
Hóa công khéo lẽ cơ cầu [1]
Làm nên bãi bể nương dâu cho đành.
Tuy không nặng nhọc thai sinh,
Nhưng công tái tạo, tác thành hậu thay!
Bây giờ hạc lánh, mây bay,
Bao giờ trả được nghĩa này cho an?
Gió mưa tầm tã khóc than,
Thương ôi! Cơ tạo khôn bàn biết sao?
Gọi là một tiệc giản mao [2]
Họa là bể thẳm trời cao thấu tình.
Trước sau giải tỏ tấc thành,
Ba tuần bạc điện[3] muôn tình bi ai.
Trước mồ lại lập đàn trai,
Tụng kinh giải thoát, cầu người siêu sinh.
Thủy chung trọn vẹn phân minh,
Thong dong lại tới thiền đình [4] ngày xưa.
Tạ ơn sư cụ phúc thừa,
Tấm thân lưu lạc nào ngờ có may?
Đầu đuôi nàng mới giãi bày:
"Đã cam chịu tội bấy chầy dối quanh.
Gọi là lễ bạc, lòng thành,
Ơn người tế độ, tâm tình hậu thay!
Xiết bao công nặng, đức dày,
Đường tuy cách trở, lòng này dám quên".
Sư rằng: "Tác hợp thiên duyên [5],
Mà cơ báo ứng nhãn tiền không sai [6].
Nam mô tam bảo Như Lai,

Chú thích:

1. *Cơ cầu:* ác nghiệt, hay ganh ghét người đời.

2. *Giản mao:* một thứ cỏ. Ngày xưa người ta dùng thứ cỏ này buộc túm lại để ở chỗ thờ tự. Khi tế, người ta rót rượu vào túm cỏ ấy, cho rằng thứ cỏ này là một thứ thanh khiết, có thể thông cảm với quỷ thần.

3. *Bạc điện:* lễ nghi đơn bạc (lời nói khiêm).

4. *Thiền đình:* sân chùa.

5. *Tác hợp thiên duyên:* duyên vợ chồng do trời định.

6. *Báo ứng nhãn tiền:* việc báo ứng hiện ra ngay trước mắt.

Thập phương chư Phật độ người hiển vinh.
Giã sư, giả cảnh đăng trình,
Thẳng dong lối cũ về thành Châu Chân.
Sớm dà giao lại công văn,
Tạ quan Thứ sử, lui chân về nhà,
Phần du [1] muôn cỗi rườm rà,
Dào tươi tốt lộc, liễu tha thướt cành.
Người tộc thuộc, kẻ xung quanh,
Kẻ đua mừng rỡ, người tranh rước mời.
Dan tay về chốn hiên mai,
Bày tình cố cựu, giãi lời hàn huyên.
Vang lừng mở tiệc yến duyên,
Lầu đua hoa ngọc, cửa chen lý đào.
Tình xưa, ơn cũ dồi dào,
Khi ra bằng hữu, khi vào tôn thân [2],
Khi rượu thánh, lúc thơ thần,
Khi vui hoa cỏ, khi vần cung thương.
Công danh chút đã vẹn đường,
Nở nang cõi đức, vững vàng nền nhân.
Quyền môn [3] đã biếng ruổi chân,
Thôi quan, may được làm dân thái bình.
Tiêu dao di dưỡng tính tình,
Hai kho phong nguyệt, một bình sơn khê [4].
Điền viên vui thú thôn quê,
Giong chơi ngày Thuấn, hả hê nội Sần [5].
Thung thăng cõi thọ, đài xuân [6],
Miếu đường mặc kẻ lợi dân phù đời.
Tam hòe, ngũ quế, tốt tươi,

Chú thích:

1. *Phần du:* quê hương Cao tổ nhà Hán. Văn học cổ thường dùng danh từ này để chỉ quê hương của một người nào đó.

2. *Tôn thân:* họ hàng, thân thích.

3. *Quyền môn:* cửa quyền, chỉ chốn quyền quý.

4. *Phong nguyệt:* Gió trăng là hai kho vui. Sơn khê: núi và khe, tức là non và nước được thu lại trong bức tranh vẽ.

5. *Ngày Thuấn:* thời vua Thuấn, thời thái bình.

Nội sần: chỗ Y Doãn nhà Ân ở ẩn cày ruộng.

6. *Đài xuân:* cõi thọ (sách *Trang Tử*).

Giá so Đào, Nguyễn[1] rất vời phong lưu.
Đời đời nối dõi cơ cừu,
Núi nam bể bắc, xuân thu lâu dài.
Trải xem ngẫm nghĩ sự đời.
Chuyện xưa chép để cho người làm gương.
Cơ quan[2] phải nhận cho tường,
Thịnh suy bì thái là thường xưa nay.
Mấy người nhân nghĩa thảo ngay.
Có gian truân, lại có ngày phong lưu.
Những người bạc ác ngoan ngu,
Chẳng lo đến sự oán thù về sau.
Nghĩa rằng trời chẳng biết đâu,
Đến khi hoạn nạn đáo đầu kêu ai?
Nhân khi thừa hứng xem chơi,
Cứ trong truyện sách dẫn lời quốc âm.
Mà xem thiên lý nhân tâm,
Trong cơ báo ứng có nhầm[a] chi đâu?
Lời quê chắp chảnh nên câu,
Chép làm một truyện để sau mua cười.

Phiên âm từ bản Nôm (mất tờ đầu ghi năm tháng khắc in), ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm, Nb10.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Trong cơn báo ứng có *làm*...

Chú thích:

1. *Đào, Nguyễn:* hai họ nhà Tấn con cháu nối đời làm quan.
2. *Cơ quan:* Then máy do trời sắp đặt.

PHƯƠNG HOA

TIỂU DẪN

Ngày xưa, ở huyện Thuần Lộc (nay là Hậu Lộc) có ông Trương Đài, làm bạn với ông Trần Điện ở huyện Lôi Dương (nay là Thọ Xuân). Hai người cùng thi đỗ một lần, làm quan tại triều. Trương Đài sinh được hai trai là Cảnh Tĩnh, Cảnh Yên. Trần Điện sinh được một gái là Phương Hoa. Hai gia đình giao ước, cho Cảnh Yên lấy Phương Hoa làm vợ, chỉ đợi ngày làm lễ cưới.

Lúc bấy giờ có một viên quan võ là Tào Trung úy. Nghe đồn Phương Hoa có nhan sắc, Tào đến cầu hôn nhưng bị từ chối. Y tức giận, mạo chỉ nhà vua, đem quân đến Thuần Lộc, vu cho Trương Đài phản nghịch, bắt tội tử hình. Cửa nhà bị triệt hạ, mẹ con Cảnh Yên, Cảnh Tĩnh phải tìm đường trốn tránh.

Mấy mẹ con phiêu bạt lên Thạch Thành, một huyện ở miền núi. Bà mẹ dựng am thờ Phật. Vợ Cảnh Tĩnh là Thị Trinh sinh được một đứa con gái là Tiểu Thanh, rồi qua đời trong cơn túng quẫn. Cả gia đình Cảnh Tĩnh ngày càng lâm vào cảnh đói rách khó khăn. Họ lại phải rời vùng cao, về miền xuôi sinh sống. Cảnh Tĩnh dắt mẹ già, Cảnh Yên bồng cháu nhỏ, bước cao bước thấp lần về huyện Lôi Dương. May sao, họ kiếm được chỗ nương náu qua ngày. Cảnh Tĩnh may gặp được người mời ngồi dạy trẻ.

Câu chuyện gia đình họ Trương tan nát, Trần Điện cũng biết, nhưng đành chịu bó tay, Tào Trung úy lại cho người đến dạm hỏi Phương Hoa. Trần Điện đóng chặt cửa, tránh mặt không tiếp. Phương Hoa đêm ngày ảo não, suốt bảy tám năm trời, không ra khỏi nhà. Một hôm, có người bạn gái ở Nghệ An đến chơi, khi cô ấy ra về, Phương Hoa phải đi tiễn chân. Trên đường trở về nhà Phương Hoa gặp Tiểu Thanh. Cháu bé này hằng ngày vẫn ra chợ xin ăn. Phương Hoa thương xót bảo cháu bé về ở với mình. Tiểu Thanh về xin phép gia đình và đã được cả nhà đồng ý.

Nuôi Tiểu Thanh một thời gian, Phương Hoa mới biết rõ tình hình. Nàng chưa dám nói thực với cha mẹ, nhưng đã nhờ Tiểu Thanh kể rõ chuyện cho mẹ con Cảnh Tĩnh biết là, nàng vẫn một lòng chung thủy. Nàng quyết định trợ giúp Cảnh Yên ăn học: Nàng may cho anh mấy bộ áo quần và năm nén bạc, dặn Tiểu Thanh nói với Cảnh Yên đêm nay đến một chỗ hẹn để nhận món quà đó. Nàng sai Liễu Thị, một đứa ở gái trong nhà mang quà cho Cảnh Yên.

Không ngờ một đứa ở khác tên là Đào nghe trộm, biết được sự việc. Đào về mách lẻo với chồng là Hồ Nghi. Vốn là một đứa gian tà, Hồ Nghi không cho vợ biết, nấp sẵn một chỗ từ chập tối. Cô Liễu mang quần áo vàng bạc đến nơi, bị hắn rút dao đâm chết, cuỗm tất cả của cải, trốn đi. Đúng canh ba, Cảnh Yên đến chỗ hẹn thì chỉ thấy một thây người máu me đầm đìa. Anh

hoảng hốt bỏ chạy. Sáng mai, gia nhân của Trần Công lần theo dấu chân, về đến lều tranh của ba mẹ con Cảnh Yên, thì thấy có vết máu ở quần áo Cảnh Yên. Thế là Cảnh Yên bị tống ngục.

Phương Hoa vô cùng sợ hãi. Biết Cảnh Yên không thể là thủ phạm, nhưng nàng không biết xử trí thế nào. Mẹ Cảnh Yên trước tai bay vạ gió, đâm ra uất ức ưu phiền. Tuổi già sức yếu, bà chết giữa cảnh nghèo nàn, con đang bị giam giữ. Phương Hoa biết tin, giao cho Tiểu Thanh mấy nén bạc để cho Cảnh Tĩnh lo việc mai táng, dặn xin chôn mẹ vào ban đêm. Đúng đêm ấy, nàng lén bước theo Tiểu Thanh ra lăn khóc bên mộ bà. Nàng chỉ còn biết cách dặn Cảnh Tĩnh cố bình tâm để chờ cho tai qua nạn khỏi.

Triều đình xuống chiếu mở khoa thi. Phương Hoa nghĩ ra một mẹo: Nàng xin với bố mẹ ra kinh đô lập quán bán hàng, được ông bà Trần Công đồng ý. Nhưng ra đó, nàng lại cải dạng nam trang, lấy tên họ quê quán Cảnh Yên để xin ứng thí. Tài văn chương xuất sắc đã làm cho nàng đỗ cao, đứng vào hàng Tiến sĩ.

Đêm trước khi treo bảng, nhà vua đã nằm mộng thấy thần cho biết khoa này có vị Tiến sĩ tài hoa. Tỉnh dậy, vua truyền cho các ông tân khoa vào bệ kiến. Khi nhìn thấy Cảnh Yên, vua ngờ ngợ hỏi:

- Tiến sĩ Thanh Hoa sao giống con gái vậy?

Phương Hoa rập đầu thú thực mình là con gái, con quan Ngự sử họ Trần ở Lôi Dương, đội tên chồng đi thi, hòng xin triều đình xét cho điều oan khuất. Vua hỏi rõ nguồn cơn, biết được sự thể, liền sai trị tội Tào Trung úy, truy nã bắt được Hồ Nghi. Cảnh Yên mới được thoát ngục. Vua cho Cảnh Yên làm các văn bài, xét thấy anh cũng xứng đáng là một vị Tiến sĩ. Hai vợ chồng được phong tước vinh quy về làng, làm lễ tế mẹ cha, đến hầu ông bà Trần Công, đón anh, đón cháu. Một nhà xum vầy hạnh phúc.

*

* *

Câu chuyện cũng như các nhân vật trong *Truyện Phương Hoa* không hề có sử sách nào ghi chép, nhưng các di tích liên quan thì hãy còn khá nhiều. Cuộc điều tra thực địa cho biết có tìm được gia phả họ Trần ở làng Đồng Tâm (nay thuộc xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Gia phả ghi tên mấy cha con anh chị em Phương Hoa. Những người này cũng đều được làng Thanh Hà thờ làm Thành hoàng. Các họ Trương, họ Tào cũng đều có dòng họ ở các huyện Hậu Lộc, Hoằng Hóa. Đền thờ và di tích Phương Hoa, Cảnh Tĩnh v.v... vẫn còn ở các huyện Thọ Xuân, Thạch Thành v.v... Tuy nhiên, những kết quả thực địa ấy vẫn chưa khẳng định được câu chuyện Phương Hoa có thực hay không! Tác phẩm *Phương Hoa tân truyện* ra đời lúc nào và có đúng là câu chuyện diễn ra vào triều đại nhà Lê, thời Cảnh Hưng v.v... hay không, vẫn chưa thể trả lời dứt khoát, mặc dầu có chi tiết được xác minh là đúng [1].

---

1. Xem *Truyện Phương Hoa* (Thanh Hóa - 1978) của Vũ Ngọc Khánh, phần khảo luận (70 trang) đã đề cập kỹ các vấn đề này.

Nội dung, ý nghĩa *truyện Phương Hoa* từ lâu đã được nhiều người chú ý. Các tác giả các truyện nôm cùng tên, đều gần như chung mục đích thể hiện chủ đề luân lý. Nghĩa An Đường cho rằng: "Về các mặt trung, trinh, tiết, liệt, hiếu đễ, thuận, từ, không một tác phẩm nào khác bằng được Phương Hoa". Ngoài ra, các tác giả cũng muốn thể hiện quan niệm thiện thắng ác, thiên địa tuần hoàn, bĩ cực thái lai v.v... Những nhà nghiên cứu gần đây đều nhấn mạnh vào sự phản ánh xã hội phong kiến, ở một thời kỳ mà ông vua chỉ là bù nhìn, quan lại người trung thì ít, kẻ gian thì nhiều. Bộ máy thống trị thối nát, nên đời sống nhân dân lương thiện luôn luôn bị đe dọa v.v...

Điểm nổi bật ở tác phẩm này là sự đề cao nhân vật phụ nữ. Hai tuyến nhân vật được miêu tả thì tuyến nhân vật nữ, chính diện hay thứ yếu đều là những con người đáng quý, đáng thương (bà mẹ, nàng Thị Trinh, nàng Liễu, cháu bé Tiểu Thanh). Nhất là Phương Hoa. Nàng là hiện thân của tấm lòng chung thủy. Tai biến đến với nhà họ Trương mỗi lúc một chồng chất, tưởng như nghẽn lối, nhưng Phương Hoa vẫn không chùn bước, nàng vẫn một lòng son sắt chờ đợi. Song nàng lại không thể hiện sự chung thủy này bằng cách chịu đựng tiêu cực, âm thầm đau khổ. Nàng đã đem hết tài năng, trí tuệ ra giải thoát cho người yêu. Phương Hoa khác với nhiều nhân vật trong các truyện xưa, nàng không nhờ vào lực lượng trời đất thần thánh nào, cũng không dựa vào một lý thuyết đạo đức phong kiến nào cả. Lòng chung thủy của Phương Hoa có gốc gác tự tình nhân ái, vị tha, tinh thần trách nhiệm và dũng cảm bảo vệ chân lý, bảo vệ hạnh phúc. Nàng biết kiên nhẫn đúng lúc, táo bạo phải nơi. Điều khá độc đáo của nội dung *Truyện Phương Hoa* là sự thắng lợi hoàn toàn do con người trong cuộc biết giành giật lấy. Thắng lợi không bao giờ tự nhiên mà đến, mà cũng không thần thánh nào đem lại giúp cho. Phải chính con người tự hành động, biết tổ chức cho thắng lợi tới gần. Phương Hoa đã làm được như thế.

Câu chuyện Phương Hoa giả trai, thi đỗ Tiến sĩ cũng không phải hoàn toàn không có cơ sở thực tế. Lịch sử ta có ghi chuyện bà Nguyễn Thị Duệ, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh (tỉnh Hải Hưng) đỗ Tiến sĩ đời nhà Mạc, được mời dạy dỗ trong cung các vua Mạc, vua Lê và chúa Trịnh. Xã Kiệt Đặc thờ bà làm Phúc thần. Hình ảnh Phương Hoa cũng làm ta nhớ đến nàng Mạnh Lệ Quân trong một cuốn tiểu thuyết ở Trung Quốc. Mạnh Lệ Quân cũng giả trai, thi đỗ làm quan đến chức Thừa tướng để có điều kiện cứu giúp người yêu là Hoàng Phủ Thiếu Hoa. Song nhân vật Phương Hoa khác hẳn các nhân vật trong sách, trong đời đã kể trên đây. Phương Hoa đã hiện ra với đầy đủ những phẩm chất đảm đang trung hậu một cách hồn nhiên, bình dị, chứ không nhuốm màu quý tộc siêu nhân.

*

* *

Truyện Phương Hoa từ lâu đã được nhiều tác giả chú ý. Những nhà Nho

đã lấy đề tài này để viết thành truyện nôm[1]. Nhưng các truyện này đều ra đời sau truyện khuyết danh.

Hiện nay, truyện khuyết danh có các bản sau đây (gọi là các bản A, B, C để tiện sử dụng):

+ Bản A (chữ Nôm) *Phương Hoa tân truyện*, Thịnh Mỹ đường tàng bản, in năm Thành Thái, Tân Sửu (1901), ký hiệu Thư viện KHTU: AB 86.

+ Bản B (Quốc ngữ) *Phương Hoa tân truyện*, do Xuân Lan (Hải Hưng - Hà Nội) xuất bản năm 1914.

Từ sau năm 1914, *truyện Phương Hoa* được in ra Quốc ngữ nhiều lần, hầu hết nội dung đều giống như bản B, (trừ một vài chỗ, sẽ nói sau). Các bản Quốc ngữ này gồm có:

- *Truyện Phương Hoa* (Ngày mai, Hà Nội, 1950).
- *Phương Hoa* (Phúc chí, Hà Nội, không rõ năm xuất bản).
- *Phương Hoa* (Bình dân, Hà Nội, 1958).
- *Phương Hoa* (Phổ thông, Hà Nội, 1959).

+ Bản C: (Quốc ngữ) *Truyện Phương Hoa* (Nxb Văn Học, Hà Nội, 1964). Bản này do Phùng Uông hiệu khảo, chú thích, Ninh Viết Giao, Lê Hoài Nam giới thiệu. Đây là một cuốn sách làm công phu và đầy đủ hơn cả. Việc đối chiếu, khảo dị được tiến hành nghiêm túc (chỉ có đôi sơ xuất nhỏ). Các soạn giả đã căn cứ vào bản A (bản chữ Nôm), có đối chiếu với bản B. Những câu, những chữ bản A, xét ra vô nghĩa, sai vần thì dựa vào bản B để thay thế. Làm như vậy là đúng, đảm bảo được nội dung và nghệ thuật của *Truyện Phương Hoa*. (Thực ra, có lẽ khi phiên âm truyện năm 1914 Xuân Lan đã căn cứ vào một bản Nôm nào đó, ngày nay không tìm thấy).

Văn bản *Phương Hoa tân truyện* dưới đây, chúng tôi lấy theo bản C, dùng bản A làm khảo dị, có đối chiếu với những bản Quốc ngữ khác khi cần thiết.

---

1. Các bản ấy là:

- *Phương Hoa bị lục* của tác giả Nghĩa An đường Tường Bình. Chưa tìm được tiểu sử người này. Ký hiệu TVKH là AB.441.

- *Phương Hoa tối tân truyện* của Dật Sơn Nguyễn Ngọc Trì soạn năm Duy Tân IX (1915), ký hiệu AB 283

- *Phương Hoa tân truyện* của Nguyễn Cảnh (Thanh Hóa, bản Nôm chép tay, sưu tầm ở địa phương.

Tất cả ba bản này đều đã được phiên âm ra Quốc ngữ và được công bố trong bản C đã nói trên (của nhóm Phùng Uông, Ninh Viết Giao - Lê Hoài Nam, xuất bản năm 1964).

Riêng *Phương Hoa tân truyện* của Nguyễn Cảnh còn được công bố một lần nữa trong tác phẩm *Truyện Phương Hoa* Vũ Ngọc Khánh giới thiệu (xuất bản ở Thanh Hóa năm 1978). So với bản in năm 1964, bản này có nhiều chỗ dị đồng và được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Nay mừng vận mở hanh thông,[1]
Bắc Nam hòa thuận, Tây Đông thái bình.
Bốn phương [(a)] hải yến hà thanh, [2]
Muôn dân trăm họ thái bình âu ca. [3]
Tích xưa, người ở Thanh Hoa,
Có hai hiền sĩ thực ra anh tài.
Tên là Trần Điện, Trương Đài,
Trẻ thơ cửa tuyết [(b)] dùi mài nghiệp nho. [4]
Thấy nhau nên đấng học trò,
Kết làm bằng hữu, nhỏ to tin dùng.
Mười năm ăn ở một phòng,
Tuy riêng hai sách, song chung một đèn.
Bảo nhau khuya sớm tập rèn,
Chuyên cần lập nghiệp mới nên kịp người
Trường môn hơn chúng rõ mười, [5]
Bỗng nghe có chiếu chỉ trời khai khoa. [6]
Trở về lạy mẹ, trình cha,[(c)]
Rủ nhau sắm sửa đi ra kinh thành.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Đâu đâu* hải yến hà thanh

b. Trẻ thơ *đứng cửa*

c. *Thưa rằng đạo mẹ đức cha*

Chú thích:

1. *Vận mở hanh thông:* thời vận tốt lành.

2. *Hải yến hà thanh:* bể lặng sông trong.

3. *Âu ca:* cùng vui, đều giọng hát (vui cảnh thái bình).

4. *Trẻ thơ cửa tuyết:* tuổi nhỏ cùng học một thầy (do tích học trò của Trình Tử đến trường, đứng chờ ngoài cửa vì thầy đang nghỉ. Khi thầy mở mắt thì tuyết đã xuống dày đến một thước). Người ta dùng hình ảnh "cửa tuyết" để chỉ sự tâm thành học đạo của trò đối với thầy.

5. *Trường môn hơn chúng rõ mười:* đã rõ mười mươi là có sức học hơn chúng bạn trong trường.

6. *Chiếu chỉ trời:* chiếu chỉ của nhà vua.

Khai khoa: mở kỳ thi.

Bèn.vào nộp quyển đề danh,
Năm ngày kéo bảng xứ Thanh hai chàng.
Hà Trung, Thuần Lộc họ Trương,
Chiếu trời là huyện Lôi Dương họ Trần. [1]
Đất bằng sấm dậy dần dần,
Thánh quân cần được liên thành đống lương.[(a)] [2]
Hôm mai lệ ngọc, nhà vàng,
Xem hoa thượng uyển [(b)] lên đàng vinh quy. [3]
Đồn vang kẻ chợ nhà quê,
Đến nhà tế lễ thần kỳ tổ tiên[4]
Vui vầy ca xướng yến diên, [5]
Việc xong gia thất mới liền phó kinh. [6]
Hôm mai phụ tá thanh minh,
Lợi dân ích quốc, nổi danh các đường[7]
Vua ban Thuần Lộc họ Trương,
Thượng thư bộ Hộ, giữ giàng việc dân,
Lại ban Ngự sử họ Trần,
Vâng ra nẩy mực cầm cân thay quyền.
Trương Công lấy được vợ hiền,
Sinh ra Cảnh Tĩnh, Cảnh Yên hai chàng.
Cả khôn luyện tập văn chương, [8]
Lăm le bẻ quế hiển dương nghiệp nhà. [9]
Trần Công tuổi tác vừa già,
Hôm mai cầu khẩn sinh ra một nàng. [10]

Khảo dị:

Bản A

a. ... hiền thần *đảm dang*

b. xem hoa *đường có...(?)*

Chú thích:

1. *Thuần Lộc:* tên huyện cũ, nay là Hậu Lộc; *Lôi Dương*: tên cũ, nay là một phần Thiệu Hóa, một phần Thọ Xuân (đều thuộc tỉnh Thanh Hóa).

2. *Đống lương:* rường cột (quan lại có tài đức giúp vua).

3. *Thượng uyển:* vườn hoa của nhà vua. Người thi đỗ Tiến sĩ được vào xem.

4. *Thần kỳ:* thần thánh thờ ở làng, xóm.

5. *Ca xướng, yến diên:* tiệc vui có ca hát, ăn uống.

6. *Phó kinh:* đi đến kinh đô (nhận việc).

7. *Các đường:* chỉ vào dinh thự, cơ quan của triều đình. Ý nói: cả hai người đều nổi danh trong triều nội.

8. *Cả khôn:* lớn khôn.

9. *Lăm le bẻ quế:* rắp tâm đi thi để đỗ cao.

10. *Hôm mai cầu khẩn:* sớm chiều đi lễ, xin cho được sinh con.

Hình dung yểu điệu dịu dàng,
Tam tòng tứ đức nên trang nữ tài.[1]
Bèn cho đèn sách hôm mai,
Liền thông[a] kinh sử văn bài mọi phương.
Trần Công xem bằng ngọc vàng,[2]
Hiếm hoi mới đặt tên nàng Phương Hoa.
Xuân xanh tuổi mới mười ba,
Tin ong sứ điệp vào ra tưng bừng.[3]
Song le còn kén tơ trăng[4]
Ngọc lành đợi giá đến chừng mới trao[5]
Hai ông tuổi tác đã cao,
Vậy làm sớ tấu đệ vào Thánh vương.
Xin về trí sĩ quê hương,[6]
Đức vua chuẩn thứ, lòng thương lão thần.[7]
Bèn ban voi ngựa kim ngân,
Đường hoa bến liễu, binh quân thuyền bè.
Vang lừng dậy khắp bốn bề,
Hai ông trí sĩ[b] về quê tiếng đồn.
Trương Công bèn mở trường môn[8]
Trước là giáo tập hai con học hành[9]
Sĩ nhân đâu đấy nức danh,[10]
Gần xa cũng đến tập tành chan chan.
Có khi thong thả thanh nhàn,
Bà phu nhân mới thở than sự tình:

Khảo dị:

Bản A:

a. Liền *hay* kinh sử *văn thơ* mọi đường

b. Hai ông *giáo sĩ*...

Chú thích:

1. *Tam tòng:* ba điều phải theo: theo cha, theo chồng, theo con. Đây là nói về thân phận phụ nữ. *Tứ đức*: bốn nết tốt: công, dung, ngôn, hạnh.
2. *Xem bằng:* coi như
3. *Tin ong, sứ điệp:* mối lái, nhắn nhe giạm hỏi.
4. *Tơ trăng:* Sợi tơ do ông Nguyệt lão xe cho. *Kén tơ*: chọn tơ duyên.
5. *Ngọc lành đợi giá:* ngọc quí, được giá mới bán.
6. *Trí sĩ*: về nghỉ.
7. *Chuẩn thứ:* vui lòng chuẩn y, đồng ý.
8. *Mở trường môn:* mở trường học.
9. *Giáo tập:* giảng dạy, tập rèn.
10. *Sĩ nhân:* đám học trò.

"Ông vui giáo tập môn sinh[1]
Chẳng lo đến sự gia đình cho con.
Như thằng Cảnh Tĩnh đã khôn,
Hôn nhân đã định chẳng còn lo chi.
Phận yên phu xướng phụ tùy,[2]
Giàu ăn khó chịu, mặc thì nhân duyên.
Chút còn một kẻ Cảnh Yên,
Xin ông định liệu kết nguyền nơi nao.
Kẻo ta già cả tuổi cao,
Cơ trời dễ biết khi vào vần xoay"[3]
Trương công rằng: "Mặc bà bay,
Xem đâu là thực thảo ngay hiền hòa.
Biết đường nội trợ tề gia[4]
Liệu cho con nó cửa nhà có nơi".
Bà phu nhân mới ngỏ lời:
"Miền ta còn ít những người đảm đang.
Phỏng so bên gái mọi đường,[5]
Con quan Ngự sử là nàng Phương Hoa.
Có nhan sắc, có nết na,
Vả trong cựu nghĩa, hay là ta lên...?[6]
Trương công rằng: "Việc ấy nên,
Xa xôi miễn được thảo hiền là may".
Thốt thôi mở lịch xem ngày[7]
Dọn hòm cân bạc, liền tay tỉnh ròng[8]
Sắm sanh đồ đệ gánh gồng,[9]
Cảnh Yên ngựa bạch, Trương công kiệu vàng.
Tôi đòi võng giá nghênh ngang,

Chú thích:

1. *Môn sinh:* học trò cùng học một thầy, một trường.
2. *Phu xướng, phụ tùy:* chồng nói vợ theo.
3. *Cơ trời:* Sự chuyển vần bí mật do trời định.
4. *Nội trợ tề gia:* lo lắng, thu xếp việc cửa nhà.
5. *Phỏng so:* giá như mà đem so sánh.
6. *Cựu nghĩa:* nghĩa cũ, tình bạn bè vốn có từ xưa

Ta lên: Chúng ta cùng đến. Thuần Lộc giáp biển, Lôi Dương gần rừng. Dùng từ "ta lên" rất hợp và rất quen thuộc trong dân gian.

7. *Thốt thôi:* nói xong.
8. *Ý cả câu:* chuẩn bị tiền nong (toàn bạc tốt) rương hòm để đi đường.
9. *Đồ đệ:* học trò.

Nhật trình đến huyện Lôi Dương ba ngày.[1]
Nghe tên Ngự sử mừng thay,
Dạy người ra dọn lầu tây, công đường[2]
Chiếu hoa dưới phản trên giường,
Tranh treo mành cuốn, phô trương bốn bề.
Mở mang dặm liễu đường hòe,[3]
Đã phô quán Sở, lại khoe lầu Tần.[4]
Ông bà vào đến cửa ngăn,
Nhìn xem phong cảnh họ Trần càng ưa.
Trần công mũ áo liền ra,
Vội vàng đón rước ông bà Trương Công.
Thấy nhau đổ đệ gánh gồng,
Tuy lời chưa nói trong lòng đã hay.
Anh em vào chốn lầu tây,
Bàn lan tiệc ngọc, dan tay vui chào[5]
Rằng: "Từ xa cách cựu giao,
Riêng lòng tưởng vọng, khát khao bấy chầy.
Rày mừng anh chị đến đây,
Vui này cũng ví bằng ngày đề danh"[6]
Trương công nghe nói phân minh,
Vợ chồng mới ngỏ sự tình vân vi:
"Tôi cùng anh, nghĩa cố tri,
Một thầy đèn sách một kỳ vinh hoa.
Phước sinh hai trẻ sớm ra,[7]
Như thằng anh nó, tôi đà khỏi lo.
Sông Ngân đã bắc cầu Ô[8]
Giàu ăn, khó chịu, phận do Thiên tào[9]
Mặc đời cua máy cáy đào,

Chú thích:

1. *Nhật trình:* đường đi hàng ngày.

2. *Lầu tây:* là nhà riêng.

3. Đường hai bên có trồng hòe, liễu, được sửa sang cho quang đãng.

4. *Quán Sở lầu Tần:* Nơi tổ chức rượu trà ca nhạc.

5. *Bàn lan tiệc ngọc*: mâm thơm, cỗ quý (dọn tiệc lớn, sang trọng.

6. Niềm vui ngang với ngày cùng nhau thi đỗ.

7. May có phúc mà sinh được hai con.

8. Đã bắc cầu Ô thước trên Ngân hà cho Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau. Ý nói đã cưới vợ cho Cảnh Tĩnh.

9. *Thiên tào:* trên trời. Tùy trời định cho giàu hay nghèo thì theo phận ấy.

Gai nào ai vót, quả nào ai vo.[1]
Đêm ngày ấy những còn lo,
Còn thằng em nó cửa nhà chưa xong.[2]
Bấy nay đèn sách văn phòng,
Chưa tìm được kẻ giúp trong cửa nhà.
Anh thì sinh được Phương Hoa,
Nghe rằng cháu cũng nết na thảo hiền.
Dám xin quy nhất vẹn tuyền,[3]
Cho con cái nó kết nguyền cùng nhau.
Ta thì trọn vẹn trước sau,
Đã kim lan lại Trần Châu càng bền[4]
Trần công rằng: "Việc ấy nên,
Lọ là anh phải cần quyền chi đâu"[5]
Dạy đồng về chốn Tây lâu,[6]
Bảo cô mày hãy ra hầu bác đây.
Đồng về sự thực trình bày,
Phương Hoa nghe thấy mừng thay trong lòng:
Vội vàng tô điểm hình dung,
Môi son má phấn khăn hồng điểm trang.
Áo quần hây hẩy hơi sương
Rà rà tóc phượng, ngang ngang mày ngài.
Trên đầu ngọc dắt, trâm cài,
Dưới chân ren rén gót hài khoan khoan.
Bước ra đứng mé thềm loan,
Trần công thấy thế hỏi han sự lòng.
Chàng thì thiếu kẻ giúp trong[7]
Khiến cho người giữ đạo tòng sớm trưa.

Chú thích:

1. *Cua máy cáy đào:* người nào có số phận, có công việc nấy, cứ thế mà lo. Phải theo luật tự nhiên, cái gai không ai vót cũng nhọn, cái quả không ai vo cũng tròn.

2. *Cửa nhà chưa xong:* chưa thành gia thất

3. *Quy nhất vẹn tuyền:* chu toàn cho đôi trẻ cùng xum họp một nhà.

4. *Kim lan:* tình bạn thân thiết, đẹp đẽ và bền vững.

Trần Châu: Tình gắn bó (do tích xưa hai họ Châu, Trần ở Từ Châu, Trung Quốc đời đời con cháu kết hôn với nhau).

5. *Cần quyền:* cân nhắc, băn khoăn.

6. *Dạy đồng:* bảo đứa tiểu đồng.

Tây lâu: lầu riêng của phụ nữ ở.

7. *Kẻ giúp trong:* người nội trợ (dịch đúng chữ Hán).

Phỏng đà mặt xứng, lòng ưa,
Nên chăng thì nói, chớ chờ lời min.[1]
Phương Hoa liếc mắt mà nhìn,
Xem chàng văn mạo, giá nên anh hào[2]
Dứt lời nàng mới thưa vào,
"Rằng: "Tôi phận gái khác nào hạt mưa[3]
Vả tôi niên thiếu ngây thơ,
Biết đâu trong sự thế cơ ý tình.[4]
Tùy cha định liệu quyến hành,
Rủi may đã cậy mối manh tơ hồng.[5]
Chữ rằng: gái có tam tòng,
Nên chăng hai chữ mặc lòng mẹ cha"
Thót thôi vột rút[a] vào nhà,
Trần công mới bảo[b] rõ bà được hay.
Yến diên lễ vật đặt bày[6]
Trần Trương hai họ chấp tay khấn nguyền.
Chúng tôi xưa kết bạn hiền,
Rày cho con cháu kết duyên đá vàng
Ba tuần cúng tửu, hiến hương[7]
Chứng cho con cháu thọ trường bách niên[8]
Đoạn rồi ăn uống mời khuyên

Khảo dị:

Bản A:

a. Thất thôi, *thất trút* vào nhà

b. Trương công mới *hỏi*...

Chú thích:

1. *Lời min:* lời ta (min: tiếng cổ).

2. *Văn mạo:* vẻ mặt dáng người đẹp đẽ.

3. *Lấy ý ca dao:* Thân em như hạt mưa sa.

Hạt vào gác tía, hạt sa ruộng lầy (luống cày).

4. *Thế cơ ý tình:* hoàn cảnh, cơ hội, ý tứ, tình hình. Ý nói Phương Hoa chưa hiểu rõ gia đình và tính tình bên ấy.

5.*Đã cậy:* tin vào, mong vào duyên số quyết định.

Tơ hồng: dựa vào các tích:

- Vi Cố gặp ông Nguyệt lão mang cái dãy có dây tơ đỏ, xe cho từng cặp vợ chồng.

- Trương Gia Trinh cho 5 cô con gái của mình ngồi sau màn, mỗi người cầm một sợi tơ màu. Nguyễn Chấn rút sợi tơ hồng, được lấy cô con gái thứ ba, đẹp nhất.

6. *Yến diên:* cỗ bàn.

7. *Cúng tửu, hiến hương:* dâng rượu, thắp hương.

8. *Thọ trường bách niên:* sống lâu cùng nhau đến trăm năm đầu bạc.

Trương công sắm sửa nói lên ý tình.
Kỳ này mới lễ vấn danh,[1]
Lan giai[(a)] đại lễ xin anh định kỳ.[2]
Trần công rằng: "Việc xướng tùy,
Trăm năm há một chốc gì mà lo".
Hai bên trò chuyện nhỏ to,
Bao nhiêu lễ vật phó cho ân cần.
Tiệc rồi xe ngựa dời chân,
Hai người về đến huyện Thuần bản hương.
Thong dong rồi lại mở trường
Giáo nho tập sĩ, thư đường tiêu dao[3, (b)]
Nhân duyên nhiều nỗi lao đao,
Xoay vần phút bỗng xôn xao nhỡ nhàng.
Đã hầu được nửa đông trường[4]
Sắm sanh lễ vật rước nường vu quy[5]
Chẳng hay thủ tướng nam nhi,[6]
Họ Tào, Trung úy đương khi vua dùng,[7]
Tính thì bạo ngược gian hung,
Mối manh tin tức vội thông sự nàng.[8]
Biết rằng có gái Lôi Dương,
Có tài có sắc dịu dàng nết na.
Họ Tào mừng rỡ hay là,
Sắm sanh đồ đệ, vội mà vào ngay.[9]
Một dòng xe ngựa tớ thầy,

Khảo dị:

Bản A

a. *Ran tay* đại lễ xin *chen* định kỳ

b. ... thu đường *hôm mai*

Chú thích:

1.*Vấn danh:* lễ giạm hỏi.

2.*Lan giai đại lễ:* lễ nộp cheo. Ý nói: xin định ngày cưới.

3. *Giáo nho tập sĩ:* dạy bảo học trò.

Thư đường tiêu dao: sống thư thả, nhàn hạ cùng với sách vở (trong nhà học).

4. *Đã hầu:* đã gần như.

Nửa đông trường: ròng rã nửa năm.

5. Gia đình họ Trương đã sửa soạn để đón Phương Hoa về nhà chồng.

6. *Thủ tướng:* Viên tướng đứng đầu. Đây nói Tào Trung úy đứng đầu tỉnh.

7. *Trung úy:* chức quan võ đời Lê, hàm tòng ngũ phẩm.

8. *Vội thông sự nàng:* đã nhanh chóng biết tin tức về tài sắc của Phương Hoa.

9. *Đồ đệ:* đây chỉ vào bạn tùy tòng.

Nhật trình đi đã năm ngày đến nha.[1]
Trần công mũ áo liền ra,
Nghe rằng quan khách Quốc gia về đòi[2]
Chè thang thết đãi khuyên mời,
Họ Tào mới ngỏ khúc nhôi sự lòng:
"Nay tôi tài thiển trí nông,[3]
Ơn vua, Trung úy sắc phong mới rồi.
Song còn thiếu kẻ làm đôi[4]
Nâng khăn sửa túi cho tôi dưới màn.
Nghe người có gái hồng nhan,
Vậy nên tôi dám lờn bơn cả lòng,[5]
Dám xin làm đạo xướng tòng,
Để khi hôm sớm giúp trong gia đình".
Trần công nghe rõ sự tình,
Trình: "Hầu đã cất công trình vào đây,[6]
Nó thì có nhan sắc chi,
Thua bên tiết nghĩa, kém bề thanh tân.[7]
Có con quan [(a)] ở huyện Thuần,
Cùng tôi xưa kết bạn gần cố tri.
Biết rằng có gái nữ nhi,
Ông bà cũng một hai kỳ hỏi han,
Lẽ đâu trong nghĩa lan vàng,
Trót đã gả bán hợp hoan giao thề.[8]
Đói no yên phận một bề,
Ngọc lành chi để mà nài giá cao[9]

Khảo dị:

Bản A:

a. Có con anh ....

Chú thích:

1. *Đến nha:* đến nhà của Trần công.
2. *Quan khách Quốc gia:* vị quan to của nước.
3. *Tài thiển trí nông:* trình độ kém (Tào Trung úy giả vờ khiêm tốn).
4. *Kẻ làm đôi:* cùng đôi vợ chồng.
5. *Lờn bơn:* cá lờn bơn nằm trườn ra, đây có ý như lần khân, không giấu giếm. *Cả lòng:* to gan, ý nói mạnh dạn.
6. *Hầu:* tước hầu. Trần Công theo phép xã giao gọi Tào Trung úy là hầu để cho có vẻ cung kính.
7. Ý nói đức kém mà sắc đẹp cũng kém.
8. *Hợp hoan giao thề:* đã vui vẻ họp nhau, có nguyền gả con cho nhau.
9. Xem chú câu 52. Chữ *nài* ở đây sai vần, có thể đọc *nề*.

Ví dù hầu có sớm vào,
Ắt là lại được cửa nào còn hơn"[1]
Họ Tào nghe nói nguồn cơn,
Sầm sầm nét mặt, nhơn nhơn tấc lòng,
Vội vàng từ giã Trần Công,
Ngựa dù, thầy tớ ruổi giong đặm trường.
Đến miền Thuần Lộc quê hương,
Hỏi thăm tên họ rõ ràng tính danh[a]
Bèn làm một chiếu rành rành,[b][2]
Sắm sanh thầy tớ, tùy hành[c] gươm đao.
Đến nơi gác tía lầu cai,
Xăm xăm ngoài cửa, tốc vào một khi.
Nghiêm trang binh mã quan y,
Đến nơi ngoài cửa ra uy hỏi rằng:
"Nhà Trương công có phải chăng
Mày sao làm sự bất bằng như không?
Thốt thôi, tay mở quyển rồng[3]
Rõ ràng bốn chữ: "Cửu trùng khâm sai"[4]
Trước thì đem[d] chém Trương Đài,
Kẻo còn mại quốc vì tài gian ngoa[e][5],
Thốt thôi, đem quân vào nhà,
Bắt Trương công lại nó hòa chém tươi.
Trường môn sợ hãi rụng rời,[6]
Cảnh Yên, Cảnh Tĩnh kêu trời đã vang:

Khảo dị:

Bản A

a. ... Tên họ, *tính danh tỏ tường*

b. .... một chiếu *rõ ràng*

c. ... thầy tớ *sẵn sàng*...

d. Trước thì *cưỡng* chém...

e. ... vì tài tà gian

Chú thích:

1. *Ý nói:* nếu ông đến sớm, thì chúng tôi không thấy đâu hơn nhà ông.

2. *Chiếu:* chiếu chỉ của nhà vua. Đây là tờ chiếu giả.

3. *Mở quyển rồng:* mở chiếu chỉ của nhà vua (chiếu thường viết trên giấy vàng có vẽ rồng.

4. *Cửu trùng:* chín từng, chín bệ (nơi vua ở, vua ngự) Cửu trùng là chỉ vào nhà vua. *Cửu trùng khâm sai:* viên quan được vua sai đi, có quyền hành lớn.

5. *Mại quốc:* bán nước. Tào Trung úy kết tội Trương Đài là phản quốc.

6. *Trường môn:* học sinh trong trường.

Cảnh Yên, Cảnh Tĩnh đôi chàng,
Bà phu nhân với lại nàng Thị Trinh.
Hãi hùng phách tán hồn kinh,
Thương cha thảm thiết, lo mình oan gia.
Cửa sau liền bảo nhau ra,
Tìm nơi chú bác để mà nương thân.
Truyền quân mã ở trong làng
Cửa nhà phá tan, bạc vàng thì thu.
Ba ngày sạch hết cơ đồ.
Lại đòi xã, khán, truyền cho tỏ tường[1]
"Trương Đài mạn phép nhà vương, [2]
Sự này tội nó đã đương sơn hà.
Vợ con có về đến nhà
Thì đem tiến nạp để mà lấy công". [3]
Sự lòng làm đã nén lòng, [4]
Ngựa dù, thầy tớ ruổi rong tức thì.
Dặn dò đệ tử tùy nhi,
Việc nhà vương chớ nói chi rông dài. [5]
Xót xa thay nỗi Trương Đài,
Cơ đồ dường ấy gia tài sạch không
Thương chàng nhân nghĩa hiếu trung [6]
Chẳng hay oan uổng cực lòng mà thương
Hình hài giãi nắng dầu sương,
Lấy ai khuya sớm lửa hương phụng thờ.
Thất cơ thay, lẽ thiên cơ, [7]
Phu nhân, Cảnh Tĩnh bơ vơ lạc loài.
Hãi hùng nương tựa cõi ngoài,
Nào còn có dám vãng lai về nhà.
Tìm vào nẻo vắng nơi xa,

Chú thích:

1. *Xã khán, xã đoàn, xã trưởng*, khán thư, những chức dịch trong làng.

2. *Phép nhà vương:* phép vua.

Tội đương sơn hà: tội to như sông như núi.

3. Vợ con Trương Đài đang trốn, nếu tìm về thì phải bắt nộp sẽ có thưởng.

4. Ý nói Tào Trung úy đã vơi được sự tức giận trong lòng.

5. Tào nói với bọn theo hầu: Việc vua chúa không được bép xép.

6. Theo ý trong đoạn văn thì *chàng là* chỉ Trương Đài (dùng ép).

7. *Thất cơ:* bị sa cơ thất thế. Cả câu: Tại sao số trời lại xui cho mình gặp cảnh như vậy.

Sớm vào trú quán, tối ra ngụ đình.
Thương cha vả lại sợ mình.
E khi người thế, biết tình ta chăng! [1]
Mẹ con lo với nhau rằng,
Cha mày tội lỗi đạo hằng quân vương [2]
Bây giờ ai kẻ yêu đương,
Âu là ta phải tìm phương thanh nhàn. [3]
Cho qua thời vận gian nan,
Kẻo chi người bắt, ta oan đến mình
Mẹ con bàn bạc sự tình,
Tìm lên đến huyện Thạch Thành xa khơi. [4]
Tình cờ thấy có một nơi,
Non xanh nước biếc, khác vời trần gian.
Hàng thông, dãy quế chan chan,
Hồ sen, suối chảy, đá bàn, tường xây.
Trúc mai lan huệ xum vầy,
Đào đông phô thắm, liễu tây khoe vàng.
Trên thì phương tiện tiền đường,
Dưới làn quan có chữ vàng anh linh[5]
Thấy trong phong cảnh hữu tình,
Bảo nhau rằng chốn nương mình đâu hơn.
Ở đây phong cảnh kỳ sơn, [6]
Nhân gian dễ biết nguồn cơn là gì, [7]
Giả danh làm kẻ tăng ni,
Xuất gia, khuya sớm ta thì tựa nương [(a)] [8]

Khảo dị:

Bản A:

a. Xuất giá, *bắc cảnh bốn bề mở chi* (?)

Chú thích:

1. *Người thế:* người đời. Ý nói: e rằng có người biết tông tích của ta.

2. *Đạo hằng quân vương:* Đạo thờ vua thường phải theo. Ý câu này không ổn. Bà phu nhân bảo con là cha mày phạm tội bất trung (?).

3. *Phương thanh nhàn:* nơi yên ổn, an toàn.

4. *Thạch Thành:* Tên một huyện miền núi ở tỉnh Thanh Hóa.

5. *Cảnh chùa:* Trên có điện thờ, chỗ khấn lễ, dưới có cửa tam quan, có đề chữ thếp vàng.

6. *Kỳ sơn:* núi non xa lạ.

7. Người đời khó biết được nguồn gốc, nông nổi.

8. *Tăng ni:* sư nam, sư nữ.

Xuất gia: bỏ gia đình đi tu.

Chuyên cần tung niệm đèn hương,
Xã dân đâu đấy cúng dàng kính tin. [1]
Anh em vui thú già triền, [2]
Nương nơi nhân trí, giải phiền cũng khuây, [3]
Ở ăn được một tháng chầy,
Cháo rau nương tựa qua ngày đói khi.
Thị Trinh thai dựng mãn kỳ, [4]
Sinh ra một gái phương phi muôn phần.
Nào hay số hệ xoay vần,
Thị Trinh nàng đã đến tuần sinh ly. [5]
Tự nhiên phải bệnh bất kỳ,
Thuốc thang chẳng chịu, cơm thì kém ăn.
Lại thêm đau đớn nhọc nhằn,
Liệu cơ thế đã mười phần khôn đang.
Thị Trinh cầm lấy tay chàng,
Nói mà giọt ngọc hai hàng chứa chan:
"Chúng ta phải bước cơ hàn,
Tựa nương được chốn già lam [a] cửa người
Hay đâu cơ biến đổi dời,
Xa nơi gia quán, lạc loài [b] sơn quan, [6]
Lại mang bệnh chốn hiểm thâm, [7]
Ắt là mệnh thiếp khôn cầm được qua.
Thương chàng đáo để xót xa [8]
Một mình dắt díu mẹ già con thơ.

Khảo dị:

Bản A

a. ... được chốn *danh lam*...

b. ... gia quán, *ngụ miền*...

Chú thích:

1. *Cúng dàng:* biến âm của chữ cung dưỡng là cung đốn và nuôi dưỡng.

2. *Già triền:* nơi tu hành của người theo đạo Phật, như chữ già lam.

3. *Nhân trí:* Cảnh núi non làm vui cho người có nhân, cảnh sông nước làm vui cho người có trí.

4. *Thai dựng mãn kỳ*: có chửa đến ngày đẻ.

5. *Tuần sinh ly:* lúc chết (cùng sống phải chia lìa..

6. *Gia quán:* nhà cửa, quê hương.

Sơn quan: Nơi cửa ải, nơi núi non.

7. *Bệnh chốn hiểm thâm:* đau nơi hiểm trong người, khó chữa.

8. *Đáo để:* tận cùng, hết sức.

Đã như bẻ ngọn lìa tơ [1]
Lênh đênh góc biển, bơ vơ chân trời".
Thở than chưa kịp hết lời,
Hồn hoa trót đã tếch vời tiên phương. [2]
Chồng sầu, mẹ thảm, em thương,
Vật mình lăn lóc bên giường đòi khi. [3]
"Chẳng hay gặp bước gian nguy,
Cơ đồ tan nát, thân thi cát lầm [4]
Đem thân nương chốn sơn lâm,
Lấy ai khuya sớm viếng thăm mộ phần.
Mẹ con lỡ bước sa chân,
Tựa nương cảnh bụt, gửi thân quê người.
Mẹ già gần đất xa trời,
Nỡ nào nàng lại tếch vời âm cung. [5]
Để con trứng nước ấu xung [6]
Lấy ai dưỡng dục bế bồng cho anh".
Kể sao cho hết sự tình,
Đem nàng táng lại bên thành mái sau.
Đặt bày tang lễ muối rau,
Một phần quốc ngữ mấy câu tế nàng [7]
Văn Tế rằng:
Trước linh sàng, khóc mà than rằng: [8]
Trời thương khai khí, xoay vần chẳng khỏi hơi âm [9]
Người có năm thường, yêu mến chi bằng đạo vợ [10]
Nhớ nàng xưa,
Mày liễu dịu dàng,

---

1. *Bẻ ngọn, lìa tơ:* cây mất ngọn, tơ đứt đoạn.

Chú thích:

2. *Tiên phương:* cõi tiên.

3. *Đòi khi:* nhiều lần.

4. *Thân thi cát lầm:* thi thể không được chôn cất (Cảnh Tĩnh kể lể nông nỗi cha bị xử chém, bỏ thây).

5. *Âm cung:* âm phủ.

6. *Ấu xung*: non bé, thơ dại.

7. *Quốc ngữ:* tiếng nước nhà, tiếng Nôm (không phải là chữ Quốc ngữ).

8. *Linh sàng:* bàn thờ người mới chết.

9. *Hai khí:* khí âm, khí dương.

10. *Năm thường:* do chữ tam cương ngũ thường. Năm đạo thường là: vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn.

Mặt hoa hơn hở,
Tuổi xuân xanh vừa mới cả khôn: [1]
Duyên tơ đỏ sớm đà gặp gỡ
Số đã bày: dân cửa tướng công
Lòng đã xứng: vợ người quân tử
Hỡi ôi,
Những mới xum vầy,
Bỗng thành cách trở
Ấy ai làm phận hẩm duyên ôi!
Mà ai khiến gương lòa đá lở.
Thương vì mỗi mẹ già yếu đuối, bỗng nàng về âm phận, ai nâng niu bát cháo lưng rau?
Xót vì điều con trẻ thơ ngây, mà nàng xuống Đào nguyên, ai cúc dục lưng cơm bầu sữa? [2]
Mối tình bao xiết đắng cay
Bát nước khôn bàn cơn cớ [3]
Canh chầy nguyệt xế, thảm thương đường nọ nỗi này;
Đêm vắng sầu tuôn, tơ tưởng nết ăn nết ở.
Rày nhân:
Tiết chí tống chung [4]
Lấy gì trả nghĩa?
Lễ vi vật bạc, gọi là ba chén đầy vơi [5]
Bể rộng non xanh, ngỏ chút tấc lòng thương nhớ.
Việc rồi, gìn giữ đạo hằng, [6]
Hai bên hiếu kính cũng bằng như nhau.
Ngày thường lệ bữa cơm rau,
Thương con xót mẹ, lòng sầu sinh ly.
Mẹ già gìn giữ tiểu nhi, [7]
Xã dân đâu đấy thấy gì cũng thương.

Chú thích:

1. *Cả khôn:* lớn khôn.
2. *Đào nguyên:* nguồn đào, cõi tiên.
Cúc dục: nuôi nấng.
3. Ý nói bát nước đã đổ không vớt lên được nữa.
4. *Tống chung:* chôn cất.
5. *Lễ vi vật bạc:* lễ cúng thô sơ ít ỏi.
6. *Việc rồi:* việc đã xong.
7. *Tiểu nhi:* đứa bé. Ý nói bà mẹ trông nom đứa cháu nhỏ.

Ít nhiều tư cấp cúng dâng,
Thờ cha, thờ mẹ giữ giàng chăm chăm.
Những nương tựa chốn thuyền lâm, [1]
Sự tình lần lữa bảy năm trời tròn.
Tiểu Thanh vừa mới cả khôn,
Hình dung má phấn môi son da ngà.
Vốn sinh ra chốn chiền già,
Cho nên mới đặt tên là Tiểu Thanh,
Tháng ngày khuyên nhủ tập tành,
Văn chương cũng đã thông minh khác thường.
Phu nhân mới bảo hai chàng:
"Bấy lâu ta chịu lỡ làng gian nguy.
Dầu cha mày có phi vi, [2]
Bảy năm nay cũng có kỳ đại khoan. [3]
Sự này âu phải luận bàn,
Tìm về quê quán hỏi han dần dà".
Hai con vâng cứ mẹ già,
Sắm sanh lễ vật hương trà oản thang.
Dâng lên cúng trước tiền đường,
Chúng tôi từ thuở tựa nương cảnh triền.
Đã nhờ chư Phật hoàng thiên,
Rày xin tìm tõi về miền hương quê. [4]
Lòng thành, lễ vật có gì,
Nguyện xin linh ứng, hộ trì bình sinh. [5]
Khấn rồi ra mộ Thị Trinh
Khóc rằng: "Trọng nghĩa tâm tình chúng ta,
Cậy nhau muôn việc tề gia,
Bấy lâu từng biết bao là [a] nhớ thương.
Anh rày trở lại quê hương,

Khảo dị:

Bản A:

a. Bấy lâu *tường biệt âu là...*

Chú thích:

1. *Thuyền lâm:* nhà chùa.
2. *Phi vi:* làm điều sai trái.
3. *Đại khoan:* khoan hồng, đại xá.
4. *Tìm tõi:* Tìm tòi.
5. *Hộ trì bình sinh:* phù hộ, bảo vệ cho được bình yên, khỏe mạnh.

Thong dong sẽ lại rước nàng về sau".[1]
Tiểu Thanh lăn khóc vật đầu:
"Đạo con, nghĩa mẹ cách nhau bấy chầy.
Để tôi trứng nước thơ ngây,
Phù trì dưỡng dục bấy nay ơn bà.[2]
Chúng tôi về ở quê nhà,
Một mình mẹ ở đường xa quê người.
Thấu chăng trên chín dưới mười,[3]
Một lưng cơm bạc tế nơi mộ vàng.[4]
Thốt thôi trở lại từ đường,
Dời chân dạo khắp bốn phương triền già.[5]
Than cùng phong cảnh cỏ hoa:
"Nương nhờ ăn ở vào ra bấy chầy.
Người dạo viễn, cảnh xum vầy[6]
Người về, cảnh ở chốn này đăm chiêu".
Tĩnh, Yên vừa nói hết điều,
Xem màu hoa cỏ ra chiều chẳng tươi.
Có hoa yên ngọc rời rời,[7]
Xem phong cảnh vật, chân dời khôn đương.
Bèn ngâm thi luật một chương,[8]
Đem ra diễn trước tiền đường song song.[9]
Thơ rằng:
Người lưu lạc, cảnh xa khơi
Bởi cảnh mà người được thảnh thơi,
Cảnh có người hiền nên thắng cảnh,
Mến người được cảnh mới nên thời.[10]

---

1. Ý nói: sau này yên ổn sẽ rước hài cốt nàng về quê.

Chú thích:

2. *Phù trì dưỡng dục:* nuôi dạy chăm sóc.
3. *Trên chín, dưới mười:* Trên chín tầng trời, dưới mười phương đất.
4. *Cơm bạc:* bát cơm trắng (đơn sơ không có gì).
Mộ vàng: mộ đất đã ngả màu vàng.
5. Trước khi rời chân, còn đi khắp chung quanh ngôi chùa.
6. *Dạo viễn:* người đi xa.
7. *Hoa yên ngọc rời rời:* một thứ hoa ủ rũ (?).
8. *Thị luật một chương:* một bài thơ Đường luật.
9. *Diễn trước tiền đường:* đọc trước bàn thờ.
10. Câu không rõ nghĩa. Phùng Uông đoán cây này phải là: Người nhờ cảnh mến mới nên người.

Người vào cảnh mến người thong thả,
Cảnh có người hiền cảnh tốt tươi,
Cảnh ở thú nhàn nên cảnh rạng,
Người về công việc có cao vời[1]

*
* *

Thế rồi sắm sửa gánh gồng,
Tĩnh dắt từ mẫu, Yên bồng Tiểu Thanh
Mẹ con dời bước nhật trình,
Hỏi thăm làng nước dân tình lân la
Đến đâu hành khất dần dà[2]
Mười lăm ngày đến, đấy là Lôi Dương.
Thấy đông chợ búa phố phường,
Bảo rằng: "Đây dũng dễ đường dung thân.
Về làm chi dưới huyện Thuần,
Âu là ta sẽ trú chân chốn này.
Nhà quan Ngự sử đâu đây,[3]
Ắt là sau cũng có ngày gặp ta".
Đình tây một góc ngăn ra,
Trước là rau cháo sau là nương thân.
Tĩnh vào hành khất phương dân[4]
Gặp người họ Nguyễn muôn phần phú gia[5]
Thấy chàng sĩ tử hiền hòa,
Nguyễn công mới gọi vào nhà hỏi han:
"Ta đây thương kẻ sĩ hàn,[6]
Ở đây ắt cũng thành nhàn ấm no.
Dạy dăm ba đứa học trò,
Phỏng như thế ấy thầy đồ chịu chăng?"
Nghe thôi Tĩnh mới trình rằng:

Chú thích:

1. *Cao vời:* trời đất cao rộng.
2. *Hành khất:* ăn xin.
3. *Quan Ngự sử:* Chỉ vào Trần Điện.
4. *Hành khất phương dân*: xin ăn ở dân địa phương.
5. *Phú gia:* nhà giàu.
6. *Sĩ hàn*: người học trò đói khổ.

"Lời ông bà dạy tôi vâng đã đành.
Mẹ cùng em ở ngoài đình,
Mà tôi no ấm một mình làm chi".
Thấy lời ăn nói có nghì[1]
Cho chàng tiền gạo như thì đi ra.
Của này để kính lão bà,
Trình người rằng vậy, rồi mà vào đây.
Được lời Cảnh Tĩnh ra ngay,
Bèn về chốn ở trình rày phu nhân.
Nghĩ rằng được chốn đức nhân,[a]
Bảo con vào đấy trú chân trợ thì.
Vâng lời mẹ dạy ra đi,
Liền vào giáo tập sĩ nhi học hành[2]
Cảnh Yên, từ mẫu, Tiểu Thanh.
Tháng ngày [b] nương tựa ẩn hình với nhau.
Chuyên cần đèn sách cháo rau,
Biết đâu quê quán biết đâu cửa nhà.
Trương công từ phải oan gia,
Trần công nghe biết xót xa nhiều bề
Rằng: "Anh nhân, hiếu, trung, nghì, [3]
Cớ sao mà chịu gian nguy cơ nàn. [4]
Một là văn võ bách quan,
Người trung thì ít, kẻ gian thì nhiều:
Vua thì cao ngự trong triều,
Cho nên anh phải chịu điều uổng danh.
Mong ra động đạt đế đình, [5]
Lại lo những sự cháy thành vạ lây. [6]
Vua thì muôn việc một ngày,

Khảo dị:

Bản A:

a. Nghĩ rằng được chốn *trú chân*

b. *Hãy còn* nương tựa...

Chú thích:

1. *Có nghì:* có nghĩa.
2. *Sĩ nhi:* học trò trẻ con.
3. *Trung nghì:* trung nghĩa.
4. *Cơ nàn:* tai nạn.
5. *Động đạt đế đình:* Tâu lên cho vua và triều đình biết chuyện.
6. *Cháy thành vạ lây*: bị liên quan với tai nạn.

Có xem đâu đến những bầy tôi xa!"
Khá khen thiếu nữ Phương Hoa!
Nghĩa, nhân, tiết, hạnh, ít là hòa hai.[1]
Tin từ nghe vẳng bên tai,
Đêm ngày rười rượi, hôm mai rầu rầu.
Hãi hùng, thương xót, lo âu,
Cảnh Yên chàng hỡi, đi đây bây giờ?
Bèo trôi góc bể bơ vơ,
Biết đâu là chốn cậy nhờ tựa nương?
Lòng phiền nhạt phấn phai hương,
Ủ ê mày liễu, võ vàng mặt hoa.
Thương chàng than khóc xót xa,
Không thông tin tức, dễ mà hỏi han.
Hầu mong nhấn cá gửi nhàn[2]
Lại e mây nước suối ngàn biết đâu
Đôi khi hôm sớm vào hầu,
Chào mời ăn nói ra mầu ủ ê.
Trần công biết ý sinh nghi,
Hỏi rằng: "Con có việc gì riêng tây.
Cho nên mặt ủ mày gầy?"
Nàng bèn ren rén trình bầy cùng cha.
Rằng: "Tôi đáo để xót xa,[3]
Từ nghe tin tức sự nhà Cảnh Yên,
Trước là tủi phận trách duyên,
Nguồn ân bể ái phút nên đôi đường[a]
Sau là cảm nghĩa thương chàng
Văn nhân tài tử nhỡ nhàng truân chiên[4]
Cho nên lỗi ước sai nguyền,
Khiến tôi sao chẳng đeo phiền sầu bi".

Khảo dị:

Bản A:

a. ... bể ái *thấy liền đối phương*

Chú thích:

1. *Ít là hòa hai:* hiếm có người thứ hai sánh kịp.

2. *Nhấn cá gửi nhàn:* thành ngữ "ngư nhạn" của Trung Quốc chỉ vào chuyện thông tin tức.

3. *Đáo để xót xa:* câu đặt ngược: xót xa đáo để (rất đau xót).

4. *Truân chiên:* nỗi gian nan.

Thấy lời con nói vân vi
Nửa thì thương bạn, nửa thì xót con.
Tưởng khi giao diện đối ngôn,
Ba vuông sánh với bảy tròn thông gia,[1]
Bây giờ mặt cách lòng xa,
Đơn sai nghĩa ấy, biết là làm sao![2]
Dạy con mọi nỗi tiêu hao,
Giữa cho vững, chớ tơ hào với ai.[3]
Kẻo chi dừng mạch vách tai,
Lạnh răng vì bởi hở môi gió vào.
Ngày sau, Trung úy họ Tào,
Mới manh tin tức liền vào hỏi han.
Trần công biết ý cơ quan[4]
Then cài cửa đóng, chẳng toan tơ hào.
Khen Phương Hoa chí khí cao,
Lòng son dạ sắt, chẳng bao giờ rời.
Phòng không bảy tám năm trời,
Đêm ngày tơ tưởng một người họ Trương.
Hằng dâng bát nước nén hương,
Để mà khấn lạy mười phương chín nguyền.[5]
Rằng: "Tôi nhi nữ thiếu niên,
Mẹ cha đã định kết duyên với chàng.
Phút nên cơ biến lỡ làng,
Cá tăm, nhạn tích, dặm trường bấy lâu.[6]
Dù chàng lưu lạc đến đâu,
Xin toàn tính mệnh mai sau lại về:
Cho tôi giữ đạo tương kỳ[7]
Cầu thì tất ứng, nguyện thì tất thông.[8]
Cao minh xin chiếu cho cùng,

Chú thích:

1. Ý nói Trần công nhớ ngày cùng Trương công hẹn ước thông gia
2. *Đơn sai nghĩa ấy*: sai lời, sai tình giao ước.
3. Ý dặn Phương Hoa phải giữ kín câu chuyện.
4. *Cơ quan:* cơ mưu kín đáo (không phải nghĩa ngày nay).
5. *Chín nguyên:* dịch chữ cửu nguyên, cửu tuyền (chín suối).
6. *Cá tăm, nhạn tích*: mất tin tức (cá mất tăm, nhạn mất tích).
7. *Tương kỳ:* cùng gắn bó với nhau.
8. Ý nói: cầu nguyện thế nào thì được trời đất phù hộ cho như thế.

Kéo sai nguyền ước mà lòng lao đao".
Tình cờ có khách cựu giao,
Con quan Tổng đốc qua vào Nghệ An,
Qua nơi đến cõi gần miền,
Nhớ người cố cựu, vậy lên chơi bời.
Phương Hoa thấy bạn đến nơi,
Rước vào mừng rỡ, chơi bời với nhau
Trình rằng: "Chị đã chơi đâu?"
Thưa rằng: "Tôi phải vào hầu nghiêm quân[1]
Đến đây nhớ bạn cố nhân,
Cho nên đồ đệ dời chân bước vào"[2]
Nàng rằng: "Cựu nghĩa tương giao,
Bấy lâu em những khát khao mơ màng".
Tưng bừng thiết đãi trà thang,
Đoạn rồi thầy tớ lên đàng ra đi.
Phương Hoa tiễn bạn cố tri,
Sắm sanh võng giá vậy thì liền ra.
Đến nơi làng chị vừa trưa,[3]
Kẻ đi người lại tạ từ chia tay.
Phương Hoa về được một giây.
Tiểu Thanh bước đến ăn mày cửa hiên.
Trình rằng: "Tôi kẻ truân chiên,
Xin bà sẽ mở lòng hiền đội ân".
Nàng nghe Thanh nói vân vân
Xem hình dung cũng có phần bảnh bao[4]
Bây giờ nàng nói gọi vào,
Hỏi nào quê quán, hỏi nào mẹ cha.
Tiểu Thanh ren rén thưa qua:
"Ngây thơ nào biết cửa nhà là đâu,
Mẹ thì đoản mệnh đã lâu[5]
Ơn bà dưỡng dục cháo rau bấy chầy".

Chú thích:

1. *Nghiêm quân*: cha (dùng như chữ nghiêm đường..
2. *Đồ đệ*: Ở đây dùng như nghĩa tớ, thầy cùng đi.
3. *Làng chị:* làng trên. Xưa ở nông thôn hay chia ra làng trên, làng dưới, làng chị, làng cá v.v...
4. *Bảnh bao*: ý dùng như chữ kháu khỉnh.
5. *Đoản mệnh:* chết sớm.

Nàng rằng: "Thương xót khốn thay,
Thôi con đừng có ăn mày làm chi.
Thương mày niên thiếu tiểu nhi
Muốn cho no ấm ở thì với tao?
Người ta giục dạo xôn xao,
Cửa bà đức hạnh ra vào tựa nương. [1]
Tiểu Thanh trở lại vội vàng
Trình bà rằng: "Có một nàng đi qua,
Xem chiều đức hạnh điều hòa,
Thấy tôi khiến bắt về nhà dưỡng nuôi[2]
Xin bà ở với chú tôi
Mẹ con rau cháo lần hồi nuôi nhau
Tôi xin vào đấy ở hầu,
Đường hơn lẽ thiệt tôi đâu có nhầm".
Phu nhân nghe cháu khóc thầm,
Dạy rằng: "Vào đấy mà thăm ý tình[3]
Nhà người sang trọng quyền hành,
Nhiều khi bàn bạc triều đình quốc gia [4]
Phỏng mày nghe được sự ta [a] [5]
Thì con tin tức kẻo bà lo âu".
Tiểu Thanh vâng dạy trước sau,
Xăm xăm liền bước đến hầu nàng Phương,
Trình rằng: "Người có lòng thương
Tôi xin hầu hạ tựa nương ăn mày".
- Tao cho xách một đôi giày,
Dời chân theo võng một giây đến nhà.
Thanh từ đến với Phương Hoa,
Dấu yêu, áo lụa quần là cấp cho.

Khảo dị:

Bản A:

a. *Thế nào người ấy* sự ta

Chú thích:

1. Hai câu 541 và 542 này muốn nói là: Khi Phương Hoa nói chuyện với Tiểu Thanh, những người đứng chung quanh đó cũng vun vào, khuyên cháu bé nghe lời mà kiếm nơi nương tựa.

2. *Khiến bắt:* bảo cho (sai khiến) là để đưa về (bắt về).

3. *Thăm ý tình:* dò xét tình hình, ý tứ.

4. *Ý nói:* có khi họ kể chuyện trong triều đình.

5. *Sự ta:* Tình hình về việc nhà mình.

Tin dùng nhiệm nhặt nhỏ to [1]
Khiến sao nghe vậy, chẳng lo vụng nhầm.
Trong ngoài cắt đặt chăm chăm,
Lòng nàng yêu trộm dấu thầm đòi khi.
Cho ăn cho mặc phù trì,
Tuy rằng nuôi nấng, khác gì thịt xương [2]
Thanh từ yên thú tựa nương,
Được bề vinh hiển, thêm đường khôn ngoan.
Sự mình mọi việc lo toan:
Thương bà xót chú [a] cơ hàn cháo rau.
Nàng thường gạn hỏi bấy lâu,
Tình cờ chẳng ngỏ trước sau sự nhà. [3]
Có đêm vừa nhẫn canh ba, [4]
Một Thanh với lại Phương Hoa trong màn.
Nhân khi vắng vẻ thanh nhàn,
Nàng bèn dậy mới hỏi han sự tình:
"Tớ, ngươi tuy chẳng có sinh,
Song le cũng đã công trình dưỡng nuôi.
Bao nhiêu tình sự khúc nhôi,
Thì con nói thực mọi nhời mẹ hay".
Tiểu Thanh nghe nói chau mày:
"Tôi ơn cửa mẹ bấy chầy hiển vinh. [5]
Áo dày cơm nặng trọng tình [b]
Nói ra thì sợ sự mình xấu xa.
Song trong đạo mẹ con ta,
Dễ hầu có giấu nữa mà làm chi.
Ông tôi xưa thuở đương thì,
Thượng thư bộ Hộ, phù trì Thánh quân.

Khảo dị:

Bện A:

a. Nàng *liền hỏi ngỏ:...*

b. Cơm nặng *vào mình.*

c. Cho về *giáo sĩ...*

Chú thích:

1. Ý nói: tin cẩn, việc to nhỏ đều giao cho.
2. Ý nói: làm con nuôi mà chẳng khác gì con đẻ.
3. Ý nói: Tiểu Thanh có ý giữ gìn, không vô tình để lộ việc nhà.
4. *Vừa nhẫn:* vừa đúng.
5. *Bấy chầy hiển vinh:* lâu nay được vinh hiển (ý là no ấm).

Đến ngày tuổi tác mãn tuần,
Cho về trí sĩ [c] huyện Thuần ba niên.
Con là Cảnh Tĩnh, Cảnh Yên,
Chẳng hay phải bước oan khiên bất kỳ.
Có quan khâm mạng quốc uy, [1]
Cứ trong chiếu chỉ tru di Trương Đài.
Lại thêm thu hết gia tài,
Mẹ con từ đấy lạc loài truân chiên.
Cha tôi với chú Cảnh Yên,
Đem bà với mẹ tôi lên Thạch Thành.
Tháng ngày nương tựa ẩn danh,
Kỳ này nghe đã thái bình đại khoan.
Cho nên nghĩ ngợi lo bàn,
Tìm về quê quán hỏi han thăm tình
Mẹ tôi tên gọi Thị Trinh,
Vô duyên phút đã bỏ mình xa xôi,
Trước sau trình thực khúc nhôi.
Mẹ đà hỏi hết, tôi thời giấu chi".
Phương Hoa nghe nói vân vi,
Ôm Thanh mà khóc ngã kề dưới hiên,
Rằng: "Tao với chú Cảnh Yên,
Vốn ngày xưa đã kết nguyền Trần Châu [2]
Bởi vì lưu lạc bấy lâu,
Cho tao vò võ lo âu một mình,
Khôn thông tin tức dữ lành,
Đói no chẳng biết ý tình làm sao.
Riêng lòng tưởng vọng khát khao,
Lòng trời xui khiến mày vào đến đây.
Cam lòng ao ước bấy chầy,
Giao tương cho bõ thuở ngày sinh ly. [3]"

Khảo dị:

Bản A

a. Canh tàn *dặm* lặn, trời thì *phân* minh

Chú thích:

1. *Khâm mạng quốc uy:* (chữ dùng ép) viên quan vâng mệnh vua, lấy uy quyền của nhà nước.

2. Xem chú câu 132.

3. Ý nói: gặp gỡ cho bõ ngày xa cách.

Nói năng mọi nỗi vân vi,
Canh tàn, trăng lặn, [a] trời thì bình minh
Phương Hoa bèn dạy Tiểu Thanh:
"Con ra ngoài ấy trần tình chú hay.
Thím đưa một nén bạc này,
Gọi là kính chú thì mày đem ra.
Để dùng khuya sớm nuôi bà,
Ít nhiều rau cháo cho qua lúc này".
Thanh vâng lĩnh lấy trong tay
Vội vàng trở gót ra ngay đường ngoài [a]
Trình bà thưa chú mọi lời,
Rằng: "Tôi vào đấy cửa người tựa nương,
Tin dùng nhiệm nhặt yêu thương,
Song le gia sự thường thường hỏi han.
Đội ơn công đức muôn vàn,
Ấm no nên được thanh nhàn thảnh thơi[b]
Đêm qua người tỏ hết lời[c]
Nghe thôi mới biết vốn người nhà con[d]
Trước [e] đà chỉ núi thề non,
Trao duyên cùng chú sắt son ân cần [g]
Bởi ta nhỡ bước gian truân,
Cho nên kẻ Tấn, người Tần bơ vơ. [1]
Nàng nay lòng vẫn đợi chờ,
Thiên duyên xui đến bây giờ gặp ta.
Bạc này nàng dạy đem ra,
Gọi là kính chú, hầu bà bấy nhiêu.
Đương cơn nước xiết buồm xiêu, [2]
Tuy rằng của ít, nghĩa nhiều với ta".

Khảo dị:

Bản A

a. *Tay cầm nén bạc dùi chầy đến nơi (?)*

b. *Khối niềm con thụ cơn hàn ấm no (?)*

c. Đêm qua *dã lọt lời cùng*

d. *Từ nghe thím cũng* vốn người *nhà ta*

e. *Nay đã chỉ núi...*

g. *Quyết lòng cầm sắt trước sau ân cần*

Chú thích:

1. Tích xưa hai nước Tấn Tần đời đời thông gia. Duyên Tấn Tần là duyên tình bền chặt.
2. *Nước xiết, buồm xiêu:* Sóng gió làm nghiêng thuyền, ý nói gặp gian nguy.

Cảnh Yên nói với mẹ già,
Rằng: "Công, nghĩa ấy ít là hòa hai.[1]
Người là chức trọng, cao tài,
Đoái thương đến kẻ lạc loài khó khăn.
Ví dù tham phú phụ bần[2]
Thì lòng son sắt nghĩa nhân đâu còn.
Hiếm gì lệnh tộc cao môn,[3]
Đợi ta bảy tám năm tròn làm chi?"
Dạy Thanh: "Con lại kíp về,
Liệu lời chú, nói cho y sự tình."[4]
Thanh về trình bạch phân minh,
Rằng: "Tôi ra đấy nói trình khúc nhôi,
Thì bà tôi với chú tôi,
Mừng mừng, tủi tủi, bồi bồi xiết chi.
Mừng rằng người lại thương vì,
Nghĩa thì người nhớ, của thì người cho.
Tủi vì nông nỗi cơ đồ,
Phú mà tất tưởi Việt Hồ đôi nơi.[5]
Nhắn rằng: Muôn đội ơn người,
Rộng thương đến kẻ lạc vời khá thương.
Thuở xưa còn mặt nghiêm đường,
Cùng quan Ngự sử lan vàng bấy lâu.
Đã nguyền hai họ Trần Châu,
Ắt rằng Kim cải, nghĩa sâu muôn đời.[6]
Hay đâu hoạn nạn cơ trời,
Khiến nên thay đổi cho người biệt ly.
Công cha đức mẹ nặng nề,
Còn chưa trả được huống gì ái ân.
Ví mà vong nghĩa phụ bần,[7]
Dám đâu nói chuyện Tấn Tần làm chi.

Chú thích:

1. *Ít là hòa hai:* không thể có hai người như vậy.
2. *Tham phú phụ bần:* tham giàu, phụ kẻ nghèo.
3. *Lệnh tộc cao môn:* mà giàu sang, quyền quí.
4. *Nói cho y:* nói cho đúng.
5. Nước Việt ở phương Nam, Hồ ở phương Bắc. Việt Hồ chỉ vào sự xa cách.
6. *Kim cải:* duyên gắn bó.
7. *Vong nghĩa phụ bần:* phụ bạc đối với người nghèo quên tình nghĩa.

Nghĩ mình lưu lạc bấy chầy,
Tưởng rằng người đã xum vầy phượng loan[1]
Thói thường: giàu: hợp, khó: tan:
Nào ai thương kẻ cơ hàn làm chi.
Ai ngờ người lại thương vì,
Tưởng tình, nhớ nghĩa, ấy thì trọng thay.[2]"
Nghe Thanh biện bạch trình bày,
Mọi lời ăn nói dạ này như in.[3]
Từ ngày biết rõ nghe tin,
Chẳng còn lo sợ muôn nghìn xa xăm.
Ngon ăn là lại yên nằm,
Hai ngày lại dạy ra thăm một kỳ.[4]
Từ thông tin tức đi về
Đêm thì thím cháu, ngày thì mẹ con.
Một chiều là một ngọt ngon,
Lòng thường thương nhớ núi non khác gì.
Thương chàng cơ thực hàn y[5]
Mẹ thì già yếu, mình thì gian truân.
May cho hai mớ áo quần,
Bút hoa thư chép ân cần một phong.[a]
Tinh ngân năm lạng bạc ròng,[6]
Tiểu Thanh, đòi lại bên phòng thở than.[7]
Rằng: "Tao thương chú muôn vàn,
Mẹ con đói khát cơ hàn cậy ai.
Lấy gì rau cháo hôm mai,
Lấy gì đèn sách dùi mài nghiệp nho.
Vậy nên tao phải toan lo,
Áo quần với bạc phó cho trong này.

Khảo dị:

Bản A:

a. Bút hoa thư chép *đi đà* một phong (?)

Chú thích:

1. Ý nói: tưởng rằng Phương Hoa đã đi lấy người khác.
2. *Trọng thay:* quý hóa thay.
3. *Dạ này như in:* đúng như bụng nghĩ của mình.
4. *Ý nói:* cứ hai ngày Phương Hoa lại cho Tiểu Thanh ra thăm bà và chú một lần.
5. *Cơ hàn thực y:* đói cơm, rách áo.
6. *Tinh ngân:* bạc tốt.
7. *Đòi lại:* gọi đến.

Để chàng tư cấp tháng ngày,
Vậy thì phó thác cho mày đem đi.
Lại lo nhiều kẻ gian phi,
Con thì thơ dại, đường thì xa xăm.
Sợ khi sơ suất vụng nhầm
Hở lời mà lại tiếng tăm đến mình.
Con sẽ ra trước trần tình,
Đêm nay chú phải thân chinh mà vào. [1]
Đứng chờ ngoài chốn vườn đào,
Đêm khuya sẽ khiến người nào đem ra".
Tiểu Thanh vâng dạy bấy giờ
Liền ra trình chú sau xin tỏ tường
Chàng rằng: "Chẳng lo bạc vàng,
Chú vâng cho đẹp lòng nàng mà thôi."
Thanh về biện bạch khúc nhôi,
Nhân khi thanh vắng liền đòi Liễu ra:
"Nghĩ trong thầy tớ nghĩa nhà,
Một Đào, một Liễu vốn là cựu nguyên, [2]
Đào thì gia thất đã yên,
Tham bề Tần Tấn, chẳng chuyên ra vào [3]
Mày thì thủ túc với tao, [4]
Nguồn cơn phải giấu tiêu hao tỏ tường.
Đêm nay có khách viễn phương.
Nguyên ta vốn đã hẹn chàng đến đây.
Người thì giữ lấy của này,
Canh ba thanh vắng thì mày đem ra.
Thấy ai đứng trước vường hoa,
Nam nhi đích thực, của nhà sẽ trao.
Ví dù khách có xin vào,
Thì ngăn cấm, kẻo tơ hào sự ta. [5]
Nàng đương dặn bảo trong nhà

Chú thích:

1. *Thân chinh:* tự mình, không nhờ ai đi.
2. *Cựu nguyên:* nguồn gốc cũ. Ý nói tình nghĩa đã lâu.
3. Ý nói cô Đào đã lấy chồng, ít khi đến.
4. *Thủ túc:* tay chân, gần gũi.
Tiêu hao tỏ tường: kể cho nghe đầu đuôi tường tận.
5. *Tơ hào sự ta:* để lộ việc mình, dù là chi tiết nhỏ.

Phải khi Đào thị đi qua ngoài đường.
Đứng nghe rõ biết sự nàng,
Trở về mách bảo cùng [a] chàng Hồ Nghi
Rằng: "Bà có khách cố tri,
Một hòm dạy Liễu đêm thì đem ra". [1]
Hồ Nghi tính cũng gian tà,
Tin lời vợ nói, thực là chẳng sai.
Cắp gươm mặc áo ra ngoài,
Xăm xăm đến trước gốc mai đứng rình.
Giọt đồng hồ điểm ba canh [2].
Bây giờ Liễu dậy một mình bước ra.
Thấy người lấp ló nẻo xa
Hỏi rằng: Ai đấy? Hay là lang quân [3]
Lòng mừng, chân bước đến gần,
Giáp mặt xem rõ thực chàng Hồ Nghi.
Hỏi rằng: Anh đứng đây chi?
Rứt lời Liễu nói, Hồ Nghi liền hoài, [4]
Gươm tra một nhát vào vai, [5]
Liễu liền ngã xuống gốc mai bên thành. [6]
Thương thay thân nghĩa công trình,
Vì thầy mà phải bỏ [b] mình oan thân.
Một hòm tài khóa kim ngân.
Hồ Nghi lấy sạch rời chân về nhà.
Trời cao đất rộng thẳm xa,
Đêm trường thanh vắng ai là kẻ hay.

Khảo dị:

Bản A

a. Trở về mách bảo *rằng chàng*...

b. ... mà phải *oan* mình oan thân

c. Hồn lạc phách *xiêu*

Chú thích:

1. *Một hòm:* đây là quần áo, vàng bạc, Phương Hoa bỏ trong cái hộp.

2. *Giọt đồng hồ*: Đồng hồ làm bằng cái bầu hồ đựng nước, xoi lỗ cho nhỏ từng giọt để tính giờ khắc.

3. *Lang quân:* dùng theo nghĩa gốc là chàng trai (sau này có nghĩa là người chồng).

4. *Hoài*: ôm lấy (chữ dùng ép).

5. *Gươm tra*: tra ở đây có nghĩa là sả xuống.

6. *Bên thành:* thành ở đây có nghĩa là bờ tường.

Liễu thì phách lạc hồn bay,[c]
Nàng thì ngồi đợi đêm chầy canh khuya.
Càng mong, càng chẳng thấy về
Hay như Chiêu Đức, hay rày Thịnh Lang.[1]
Oan thay nỗi Cảnh Yên chàng,
Tin lời thực hẹn, lên đường xông pha.
Xăm xăm đến trước vườn hoa,
Canh đà năm khắc, trời đà lặng trăng.[2]
Nghĩ rằng: Còn đợi lâu chăng?
Một mình tìm tõi thung thăng trong ngoài.
Bước ra dẩy trúc hàng mai,
Vô tình [a] chân xéo phải vai người nằm.
Máu me quần áo ướt đầm,
Hãi hùng hoảng hốt xăm xăm bước về.
Vô tình biết khúc nhôi gì,
Sáng ngày Đào Thị nó thì ra thăm.
Bên thành thấy Liễu còn nằm,
Mình đầm đất cát, áo đầm máu me.
Ôm lòng thương bạn ra về,
Trình bà rằng: "Liễu có gì thác oan?
Máu me quần áo chan chan..."
Nàng nghe Đào nói, hồn tan phách rời.
Than rằng: "Trọng nghĩa tôi ngươi,
Có công có của sao trời chẳng dung?"
Vội vàng vào bạch Trần công,[3]
Người nghe [b] thấy nói hãi hùng liền ra.
Trước sau thấy đã thực thà,
Trạnh lòng thương nó, xót xa muôn phần.
Trên vai thấy dấu bàn chân,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Xăm xăm* chân xéo...

b. *Trần công* thấy nói...

Chú thích:

1. *Chiêu Đức, Thịnh Lang*: tên nhân vật trong một vụ án (sách xưa) tương tự như việc xảy ra giữa Cảnh Yên và Hồ Nghi.

2. *Canh đà năm khắc*: đến canh năm, trời sắp sáng.

3. *Bạch*: trình với.

Nhìn xem đích thật nam nhân chang nhám.[1]
Bên sườn thấm máu đầm đam,
Mời truyền đệ tử đi tầm cho ra.[2]
Càng tìm, dấu tích càng xa.
Nơi trên ngọn cỏ, nơi xa bên đường.
Đến nơi ngọn chợ đầu làng,
Bên vào tới đó thấy [a] chàng Cảnh Yên.
Sự tình âu hẳn quả nhiên,
Hãy còn rây máu ở bên áo quần.
Này đà thực kẻ gian nhân,
Làm đơn liền giải chẳng phần khoan dung.[b]
Lệnh quan sai bắt đã xong,
Liền đem giam chấp ở trong ngục hình.[3]
Anh còn giáo tập môn sinh,
Nàng còn sầu nhớ, cháu còn khóc thương.
Nghe chàng phải bước lo lường,
Than rằng: "Nhiều nỗi gian nàn đắng cay.
Vội vàng chân bước đến nay,
Về thăm từ mẫu kẻo người nhớ mong.[4]
Phương Hoa cám cảnh trong lòng,
Dạy Thanh tiền gạo đêm lần ra nuôi.
Đêm thì thắc mắc ngậm ngùi
Thương chàng oan uổng giam nơi ngục hình
Lão bà tư lự thất tình[5]
Chẳng hay ăn uống mà sinh tật nguyền.[6]
Nàng càng cảm nghĩa lo phiền,
Dạy Thanh gìn giữ, thuốc thang đêm ngày.

Khảo dị:

Bản A:

a. Vào bèn thấy nó con chàng Cảnh Yên(?)

b. ... *Chẳng* phần *thong dong.*

Chú thích:

1. Ý nói thấy dấu chân đàn ông giẫm trên đám máu.
2. *Đi tầm*: truy tìm.
3. *Giam chấp*: giam giữ ngục hình: đây muốn nói là nhà tù.
4. Mấy câu này là nói Cảnh Tĩnh đang trọ dạy học, vội vàng về với mẹ.
5. *Tư lự thất tình*: lo lắng đâm ra ngây dại.
6. *Chẳng hay ăn uống*: bỏ cả ăn uống.

Non mai khi phải gió may, [1]
Lão bà mới hỏi, đắng cay trăm điều:
"Người tiên nhân ở trong triều[2]
Giàu sang dễ biết bao nhiêu bấy giờ?
Tiếc thay trung nghĩa đợi chờ,
Vì sa cơ phải [a] đến cơ hội này.
Mẹ bảo cho chúng con hay,
Ở thì phải giữ bằng nay thực thà.
Đừng theo những tính gian tà,
Tham vàng, bỏ nghĩa nữa mà lụy danh. [3]
Hãy tu nhân đức hiền lành,
Thịnh suy, bĩ thái đã đành xưa nay. [4]
Hãy nên [b] nuôi lấy em mày,
Oan kia cũng khỏi, nạn này cũng qua.
Mẹ thì tuổi tác mình già,
Mai sau mưa nắng biết là làm sao".
Nói thôi giọt ngọc tuôn rào,
Hồn hoa giá đã lọt vào linh tiêu. [5]
Lòng chàng lắm nỗi đăm chiêu,
Bên đình ngã tựa khóc kêu một mình.
Than rằng: "Bể thẳm non xanh,[c]
Buồm xiêu, nước xiết, đường quanh dường này!"
Phương Hoa [d] đợi nhẫn canh chầy,
Gọi Thanh [e] mới dạy rằng: "Mày đi xa,
Hỏi han cho biết sự bà,
Thuốc thang cơm cháo xem đà mạnh chưa [g]?"

Khảo dị:

Bản A:

a. Vì sa cơ *cũng* đến...
b. *May* thì nuôi lấy...
c. Than rằng: "*Bể ái hận sao (?)*
d. *Khóc rằng, đợi nhẫn...*
e. *Nàng bèn* mới dạy...
g. *Dường đà dường ấy mình đà dường chưa (?)*

Chú thích:

1. Cây mai trên núi gặp gió bấc trở nên khô héo. Ý nói bà cụ kiệt sức.
2. *Tiên nhân:* người đã mất. Đây chỉ vào Trương Đài. Nhưng đoạn văn này lúng túng thành ra khó hiểu.
3. *Nữa mà lụy danh:* kẻo mà làm mất thanh danh.
4. *Thịnh suy, bĩ thái:* hết vận xấu đến vận tốt, lẽ tuần hoàn như vậy.
5. Ý nói hồn đã bay lên trời (bà cụ mất).

Thanh liền vâng dạ sau xưa,
Vội ra một chốc thì vừa đến nơi.
Thấy bà chung mệnh biếng dời,[1]
Vật mình lăn khóc rụng rời chân tay.
Than rằng: "Hoan nạn dường này,[a]
Mà sao bà vội xe mây cho đành".[2]
Chàng liền mới dạy Tiểu Thanh:
"Con về trong ấy trần tình người hay.
Dám xin trợ cấp lúc này,
Được dù nhiều ít thì mày đem ra.
Để mà tính liệu [b] việc và ..."
Thanh về nói với Phương Hoa tỏ tường.
Nàng đà bối rối trăm đường,
Một mình chẳng biết lo lường làm sao.
Lấy hai nén bạc trong bao,
Cửa buồng liền gọi Thanh vào dúi cho.
Nói năng [c] khóc lóc nhỏ to,
Rằng: "Tao lo lắng công phu bấy chầy.
Xót xa vì nỗi chú mầy,
Một mình giam chấp đêm ngày ngục trung.
Phu nhân mệnh tận, số chung,[3]
Đã hay nhà khó của không nhỡ nhàng.
Không đền trả nghĩa cưu mang,
Thím là nhi nữ cũng thương muôn phần.
Thương người thì phải lo thân,
Nghĩ nơi nhân nghĩa Châu Trần, chưa giao.[4]
Bấy nhiêu là nghĩ của tao,
Đem ra ngoài ấy làm sao mặc lòng.

Khảo dị:

Bản A:

a. Than rằng: *khốn nạn...*

b. Đẻ mà *lo nghĩ* việc bà

c. *Nói mà* khóc lóc...

Chú thích:

1. *Chung mệnh biếng dời:* hết kiếp, tận số.

2. *Xe mây:* cỡi xe mây mà đi (đã chết).

3. *Mệnh tận, số chung:* như câu 849. Số chung là hết số.

4. *Câu hơi lúng túng.* Có thể hiểu là tuy chưa chính thức cưới hỏi, nhưng đã chấp nhận.

Đưa bà về chốn âm cung,
Xin an địa hạ kẻo lòng lo thay. [1]
Nói trình bác Tĩnh cho hay,
Ban đêm sẽ dụng, ban ngày chẳng nên, [2]
Khi đưa người xuống hoàng tuyền, [3]
Thì giồng lấy một cây đèn cho cao.
Sáng khắp địa giới thiên tào, [4]
Linh hồn được thoát, tiêu giao mộ phần, [5]
Chưng khi làm lễ tế văn, [6]
Để cho vẹn đạo hôn nhân với chàng".
Tiểu Thanh vâng dạy vội vàng,
Ra ngoài minh bạch tỏ tường trình qua.
Bạc thì đem bán phú gia,
Đây thì cũng được độ và mươi quan.
Cũng làm mọi việc lo toan,
Tìm nơi kiểu táng cho an lúc cùng. [7]
Đến canh ba mới tống chung, [8]
Cứ như nghi tiết lễ trong việc hằng. [9]
Ai ai thấy cũng khen rằng,
Khó khăn mà giữ [(a)] đạo hằng hiếu trung.
Đêm thì nàng mới ra cùng,
Canh ba mới thấy bên đông có đèn.
Vội vàng đóng cửa cài then,
Mẹ con trông nẻo tìm đường ra ngay. [10]
Khóc than vật vã thương thay,

Khảo dị:

Bản A:

a. Khó khăn *giữ lấy*...

Chú thích:

1. *An hạ địa*: mồ yên mả đẹp.
2. *Ban đêm sẽ dụng*: dụng, có ý nói sẽ cử hành việc chôn cất.
3. *Hoàng tuyền:* suối vàng.
4. *Địa giới thiên tào:* dưới đất trên trời.
5. Ý nói: linh hồn sẽ từ nơi mồ mả mà được siêu thoát lên trời.
6. *Chưng khi:* chưng là tiếng đệm cũ: chưng khi ấy là vừa khi.
7. *Kiểu táng:* chôn tạm, phủ bằng cây cơ.
8. *Tống chung:* chôn cất (đưa đến nơi cuối cùng.
9. *Việc hằng:* tục lệ thường phải theo.
10. *Mẹ con:* đây là Phương Hoa và Tiểu Thanh.

Than rằng bể rộng, đất dày, trời cao.
Đương cơn hoạn nạn lao đao,
Lấy gì trả nghĩa cù lao ân cần.
Đoạn rồi đi đến mộ phần,
Nhủ chàng Cảnh Tĩnh xa gần khúc nhôi:
"Xin anh săn sóc việc người.
Và đọc văn tế để tôi trở về.
Kẻo khi tình sự ngỏ nghê, [1]
Miệng ong lưỡi én, thế chê người cười. [2]"
Tĩnh rằng: "Muôn đội ơn người,
Nghìn vàng chưa dễ đền nơi tấm lòng."
Phương Hoa trở lại phiền lòng,
Mẹ con dắt díu về phòng tây lâu.
Sáng ngày ai nấy bảo nhau:
Khi đêm nghe thấy khóc đâu lạ dường?
Tiếng nghe nhi nữ khóc thương...
Chẳng rằng: "Chẳng biết người dường ở đâu...!
Đang cơn muôn thảm nghìn sầu,
Họ hàng chúng bạn trước sau biết gì".
Mọi tuần các lễ như y,
Tế cơm rau cháo đòi khi mặc chàng.
Lưng cơm, bát muối, nén nhang,
Khó khăn, song giữ đạo thường cho chuyên.
Tuần vừa nhân tiết thu thiên, [3]
Bỗng nghe nhà nước có truyền mở khoa.
Các châu các phủ gần xa,
Đều vào nộp quyển trên tòa phủ liêu. [4]
Các quan vâng mệnh trong triều,
Cứ trong bạ tịch, bao nhiêu đệ vào. [5]
Cảnh Yên khôn nghĩ thế nào,

Khảo dị:

Bản A:

a. *Phương Hoa tất những bể kinh sách cùng (?)*

Chú thích:

1. *Tình sự ngỏ nghê:* sự tình lộ ra.
2. *Miệng ong lưỡi én:* những lời đơm đặt.
3. *Thu thiên:* tiết mùa thu.
4. *Phủ liêu:* cơ quan cầm mọi quyền hành bên cạnh triều đình (dưới thời Lê Trịnh).
5. *Bạ tịch:* sổ sách (ghi tên các thí sinh).

Phương Hoa phải tính thấp cao mưu này.[a]
Dễ ai tư cấp chàng rày,
Lo toan trong dạ đêm ngày bơ vơ.
Lòng nàng nghĩ ngợi sau xưa,
Tìm lời dối trá mà thưa sự tình:
"Đội ơn từ mẫu dưỡng sinh,
Thương cha cúc dục, công trình cù lao.
Tôi giờ người cả tuổi cao,
Muốn cho con kết nơi nào hợp hoan.
Cảnh Yên thì đã vận nàn,
Dễ hầu còn có lo toan việc gì.
Tôi xin ra ở kinh kỳ,
Bán hàng kén khách kịp thì kết duyên.
Chấp kinh cũng có tòng quyền,[1]
Kẻo lo thân gái cao niên nhỡ nhàng".
Trần công rằng: "Mặc ý nàng,
Giữ cho cẩn thận khỏi đường[a] trăng hoa.
Vốn dòng đệ tử lương gia,[2]
Đừng trăng gió nữa người ta chê cười".[3]
Nàng vâng cha dạy mọi lời,
Sắm sanh bạc bảy, vàng mười trăm cân,[4]
Đường hoa dặm liễu dời chân,
Nguyệt thu lóng lánh, hoa xuân thẹn thò.
Năm ngày ra đứng thành đô,
Tìm nơi nhà quán ở cho gần chàng.
Sắm sanh dọn dẹp bày hàng,
Chiều thanh vẻ quý huy hoàng thong dong.[b]
Tiếng đồn khắp hết tây đông,
Có nàng tiên nữ giá trong quý quyền,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... cẩn thận, kẻo *sai* đâu là

b. Của ngon vật lạ, đủ lông cực bổng (?)

Chú thích:

1. *Chấp kinh*: theo đúng sách vở, đúng nguyên tắc.

Tòng quyền: phải tùy cơ mà xử trí, không thể khăng khăng chấp nhận.

2. *Đệ tử lương gia*: con nhà tử tế.

3. *Nữa:* kẻo mà.

4. Ý nói: mang theo nhiều tiền bạc (ra dọn cửa hàng).

Xuân xanh còn tuổi thiếu niên,
Có bề nhan sắc có bên mĩ miều.
Xem tình [a] những khách ra vào,
Người nào cũng trọng, kẻ nào cũng ưa.
Dù ai phong nguyệt say sưa, [1]
Thì nàng uốn lưỡi đong đưa chiều lòng.
Dù ai quý khách quần hồng, [2]
Gió lay chẳng chuyển tấc lòng sắt son.
Mấy lời nguyện với nước non,
Dù mà bia tạc [b] đá mòn chẳng quên.
Lại thương một nỗi Cảnh Yên,
Tiểu Thanh khuya sớm gạo tiền dưỡng nuôi.
Triều đình chiếu mở khoa khôi,[c]
Nhưng ban sắc chỉ chẳng coi ngục hình. [3]
Xuân thiên tiết đến thanh minh, [4]
Bỗng đà thấy chiếu triều đình mở khoa.
Văn nhân tài tử gần xa,
Đều vào ứng thí quốc gia cầu hiền.
Nàng từ nghe biết thấy tin,
Nghĩ mình một sức giá nên khôi tài. [5]
Sử kinh làu giở hôm mai,
Văn chương phú lục mọi bài lầu thông.
Phun châu nhả ngọc nức lòng, [6]
Đã tường kinh sử, lại thông truyện ngoài.[7]

Khảo dị:

Bản A:

a. *Đêm thanh* những khách...

b. *Dù ẩn bi đắc... (?)*

c. ... chiếu mở *khoa thi*

Chú thích:

1. *Phong nguyệt:* gió trăng (ý nói người đến trêu ngẹo).

2. *Quần hồng:* chỉ vào phụ nữ đẹp. Ý nói có người sự thực quý mến muốn kết thân với Phương Hoa.

3. Ý nói nhà vua không xét trong số người bị giam, ai không có tội thì tha cho người ta đi thi.

4. Ngày xuân, vào tiết tháng Ba.

5. Phương Hoa tự xét mình cũng có thể đứng đầu trong đám sĩ tử.

6. *Phun châu nhả ngọc*: làm văn, làm thơ hay.

7. Ngày xưa người đi học chủ yếu học kinh sử. Các sách khác gọi là ngoại truyện, ngoại thư.

Trá hình gái đổi làm trai,
Oai nghi diện mạo anh tài phương viên.[1]
Áo quần, lệ bộ, bút nghiên,[2]
Quyển đề Thuần Lộc, Cảnh Yên là chàng.
Xăm xăm ra tới thí trường,[a]
Tay đưa quyển nộp vội vàng vào thi.
Danh dương bẻ quế tài uy,[3]
Quyển thi đều được ba kỳ có tên.
Tiếng đồn dậy khắp bốn bên,
Cảnh Yên thực có đã nên danh tài.
Sức rành [b] bạt chúng tót vời,[4]
Chẳng hay dung mạo tướng người làm sao.
Đến hôm đệ tứ lại vào,[5]
Vua thì đương ngự tòa cao lầu vàng.
Bỗng chiêm bao thấy lạ dường,
Một người áo tía đai vàng hẳn hoi.
"Xưng rằng: "Thiên sứ trên trời,
Ban sai sắc lệnh vâng lời xuống đây.
Cảnh Yên hoan nạn bấy chầy,
Đức vua dùng lấy khoa này cho yên.
Văn chương dù nhẫn hay hèn,[6]
Cũng cho lấy chữ Cảnh Yên vào chầu".
Nói rồi phút biến đi mau,
Vua liền thức dậy trên lầu một khi.
Bèn đòi văn võ tức thì:
"Chiêm bao Trẫm thấy điều thì lạ thay!
Ngọc hoàng thiên sứ xuống đây,

Khảo dị:

Bản A:

a. ... ra tới *trường môn*

b. *Phương trình* bạt chúng...(?)

Chú thích:

1. Ý nói Phương Hoa cải trang trông cũng đàng hoàng như con trai.

2. *Lệ bộ:* đồ đạc.

3. *Danh dương bẻ quế:* thi đỗ, được nêu tên lừng lẫy.

4. *Bạt chúng:* sức vượt hẳn nhiều người.

5. *Hôm đệ tứ:* hôm mở kỳ thi thứ tư. Một khoa thi xưa có bốn trường, cũng gọi là kỳ. Đệ tứ là kỳ vào tứ trường.

6. *Dù nhẫn hay hèn:* được hay kém.

Cảnh Yên dùng lấy khỏa này tài cao.
Chẳng hay tài cán nhường nào,
Trong triều khoa có người nào thế không?"[1]
Bá quan văn võ tâu rằng:
"Cảnh Yên, tên đã đậu chương ba kỳ
Thánh quân thần mộng thiên ky,[2]
Ắt là cũng có điều kỳ chẳng không".
Thốt thôi, bái tạ cửu trùng,
Bá quan văn võ đều cùng ra đi.
Đến hôm treo bảng bốn kỳ,
Chữ son chói lọi danh đề thứ ba[3]
Huệ lan dậy khắp gần xa,[4]
Cảnh Yên, Thuần Lộc, Thanh Hoa một dòng.
Vua truyền Tiến sĩ năm ông,
Đều vào yến ẩm đền rồng hôm nay.
Năm viên sắm sửa chỉnh tầy (tề),[5]
Đai vàng áo tía bước ngay vào chầu.
Cứ trong khoa thứ trước sau,[a]
Vua thì cao ngự trên lầu [b] trông ra.
Phán rằng: "Tiến sĩ Thanh Hoa,
Trẫm xem như thế đàn bà chẳng sai"
Vội vàng liền bỏ cân đai,
Khấu đầu bái tạ dưới giai thưa quỳ:[6]
"Tôi nay chính thực nữ nhi,
Thương chồng nên phải đi thi thay chồng".
Vua nghe thấy sự lạ lùng,

Khảo dị:

Bản A

a. ... khoa thứ *uy nghi*

b. Vua thì *đang ngự lầu rồng* trông ra

Chú thích:

1. *Triều khoa:* khoa thi ở triều đình. Sau khi đỗ Hội thi vào thi Đình để phân các giáp nhất, nhì, tam cho các ông Tiến sĩ.

2. *Thiên ky:* thiên cơ. Thần mộng thiên ky là giấc mộng có thần báo cho biết số trời đã định.

3. *Danh đề thứ ba:* Tên Cảnh Yên thi đỗ Tiến sĩ thứ ba.

4. *Huệ lan:* đây chỉ các hoa thơm để nói tiếng thơm truyền rộng.

5. *Năm viên:* năm viên Tiến sĩ.

6. *Dưới giai:* dưới thềm.

Tưởng trong thần mộng hãi hùng, mới tra. [1]
Khúc nhôi nàng mới thưa qua,
“Con quan Ngự sử, quê nhà Lôi Dương,
Chồng xưa con Thượng thư Trương,
Chẳng hay tội lỗi nhà vương việc gì.
Có quan khâm mạng mất kỳ, [2]
Cảnh Yên sợ hãi lánh đi cõi ngoài.
Tôi nay thấy chiếu cầu tài,
Tiếc trong công đức vật nài đòi khi”. [3]
Phán rằng: “Sự ấy cũng kỳ,
Trương công trung nghĩa tội thì ở đâu?
Đã thương tuổi tác về chiều,
Cho về trí sĩ bấy lâu quê nhà.
Vì đâu mà phải oan gia?
Mà người trung nghĩa bỗng ra cơ nàn.
Sự này ắt bởi hồng nhan, [4]
Gặp người hung bạo nó toan tranh mày.
Từ ngày vấn lễ đến nay,
Có ai lại đến hỏi mày nữa chăng?”
Nàng bèn quỳ gối tâu rằng:
“Có quan Trung úy danh xưng họ Tào
Ngựa dù, áo tía, võng đào,
Xôn xao thầy tớ liền vào hỏi tôi.
Nói rằng đã có một nơi,
Chè thang thết đãi một hồi ra đi.[5]”
Vua rằng: “Sự ấy chẳng nghi, [6]
Trương công oan ấy Trẫm thì hỏi tra.”
Kíp sai lực sĩ về nhà.
Bắt Tào Trung úy điệu ra kinh thành.

Chú thích:

1. *Mới tra:* vua ngạc nhiên, mới tra hỏi cho kỹ.

2. *Khâm mạng bất kỳ*: viên quan vâng lệnh nhà vua bất ngờ đến nhà.

3. Câu tối nghĩa: ý muốn nói tôi nhiều lần dằn vặt, tiếc tài của chồng.

4. Ý nói: vua đoán là tại Phương Hoa đẹp nên có người muốn tranh đoạt.

5. *Câu đặt hơi lúng túng.* Ý muốn diễn đạt là: cha tôi nói rằng tôi đã có nơi có chốn. Ông đã đem trà nước thết đãi. Xong đó, Tào Trung úy ra đi.

6. *Chẳng nghi:* không còn phải nghi ngờ gì nữa.

Điệu vào đối diện đế đình,[1]
Hỏi Phương Hoa: "Phải dung hình này chăng?"
Nàng nhìn rõ mặt, tâu rằng:
"Thằng này hẳn thực là thằng xưa kia".
Vua quan nổi giận tức thì:
"Mày sao dám sự phi vi lạ dường?
Về thu điền sản gia hương,
Đã đền oan mệnh cho chàng Trương công".
Triều đình nghị luận chẳng dong,
Lệnh truyền tru diệt tam tông họ Tào.[2]
Trách Trung úy ở bạc sao,
Tay làm mình chịu lẽ nào còn oan!.
Triều đình xong việc luận bàn,
Vua liền phán hỏi: "Cảnh Yên đâu rày?"
Nàng liền quỳ lạy tâu bày:
"Chồng tôi giam chấp trong nơi ngục trường".
Phán rằng: "Xa lánh viễn phương,
Cớ sao giam chấp ngục trường làm chi?"
Tâu rằng: "Chung thủy vân vi
Có hai Đào, Liễu tùy nhi trong nhà.[3]
Chàng thì chẳng dám vào ra,
Đem vàng bạc Liễu đưa ra cho chàng.
Cho nên Liễu bước lên đường,
Phải cơn họa ấy lo lường bấy nay."
Phán rằng: "Trẫm đã biết hay,
Phó quan Ngự sử việc này làm sao?"
Ngự sử đặt gối tâu vào,
Luận rằng: "Sự bởi con Đào chẳng sai.
Vào ra thầy tớ hôm mai,
Cho nên nó biết há ai được tường?"
Khâm sai về đến gia hường,
Bắt con Đào thị với thằng[a] Hồ Nghi.
Điệu vào đến trước đan trì,
Hỏi rằng: "Tội ấy mày thì làm sao?

Khảo dị:

Bản A:

a. ... Đào thị với *chàng*...

Chú thích:

1. *Đối diện đế đình:* mặt giáp mặt giữa triều đình.
2. *Tru diệt tam tông*: giết cả ba họ.
3. *Tùy nhi:* kẻ theo hầu.

Một hòm vàng bạc biết bao,
Oan hồn con Liễu hiện vào kêu đây!
Vả nó là bạn xưa nay,
Làm sao oan uổng đắng cay muôn phần?"
Hồ Nghi, Đào Thị đến gần,
Hồn tan, phách lạc, tay chân rụng rời.
Khấu đầu kêu hết mọi lời,
Cá kia không thoát lưới trời, lọ ai.[1]
Bá quan rằng: "Sự chẳng sai,
Chiếu cho tội nó thủ tài sát nhân.[2]
Đào kia tội cũng dự phần,
Vợ chồng một đảng tham tàn khôn tha!"
Đã xong hai lẽ chính tà,
Sai người tức tốc vào tra ngục đường.
Quan sai sổ luật cho chàng,[3]
Đêm vào đối diện với nàng Phương Hoa.
Bao nhiêu sĩ tử chúng ta,
Chẳng ai như vợ lương gia nhà chàng.[4]
Đưa nhau vào đến đền vàng,
Thực là sau trước rõ ràng Cảnh Yên.
Thong dong vua ngự phán truyền:
"Khoa này Tiến sĩ, năm viên định rày.
Nhưng song tài sức[a] chàng hày,
Trẫm còn chưa biết giở hay vụng hèn.[b]
Ba bài văn sách ra liền,[5, c]
Thử xem tài cán của viên thế nào.[d]
Kẻo mà có sứ Thiên tào,

Khảo dị:

Bản A:

a. Nhưng song *trong sức*...

b. Trẫm *nay* chưa biết *sức này có hay*

c. *Ra bài* văn sách *hôm nay*

d. ... viên này làm sao

Chú thích:

1. *Lọ ai:* chẳng cứ là ai, chẳng cứ là người.
2. *Thủ tài sát nhân*: giết người lấy của.
3. *Sổ luật*: cho một nét sổ xóa tên khỏi tội, gạch tên.
4. *Vợ lương gia:* vợ tốt.
5. *Văn sách*: một loại văn xưa thí sinh phải trả lời nghị luận về một vấn đề nào đấy.

Đêm qua Trẫm thấy chiêm bao nhỡn tiền.[1]
Chàng bèn lĩnh lấy bút nghiên,
Nhận bài tức tốc tay liền làm văn.
Ba giờ nộp quyển thánh quân,
Vua bèn phó hạ triều thần cẩn tra.[2]
Sức thì đáng đỗ thứ ba,
Tài thì đọ với Phương Hoa ai bì,
Bảng treo cho chàng một kỳ,
Chính danh kẻo chịu tiếng nhờ nữ nhi.
Dù, chương, hương án uy nghi,[3]
Chàng vâng chiếu chỉ vinh quy rỡ ràng.
Lại phê quan chức cho nàng,
Phu nhân tiết giữ, chữ vàng thanh danh.
Vợ chồng ra trước điện đình,
Cúc cung bái tạ Thánh minh trở về.
Qua ngõ hạnh, sang làng hoè,[4]
Thong dong ngựa cỡi, dù che rườm rà.
Trước về tế lễ mẹ cha,
Sau bèn đến lạy ông bà Trần công.
Mẹ cha mừng người bằng lòng,
Bởi chưng nguyệt lão tơ hồng xe dây.
Yến diên lễ vật thiết bày,
Bèn hành đại lễ, rượu say động phòng.
Chàng rằng: “Muôn giã ơn lòng,
Nghĩ nguồn cơn lại tủi trong tính tình”.
Nàng rằng: “Phận gái chữ trinh,
Cho nên chẳng quản công trình đợi nhau”.
Bây giờ hết nỗi thảm sầu,
Nguồn ân bể ái xem nhau bằng vàng.
Dõi sinh quý tử lan tôn,[5]
Một mai phụng dưỡng gia môn đời đời.[6]
Nay mừng gặp hội hoa khai,
Mới hay bĩ cực thái lai từ rày.

Chú thích:

1. *Chiêm bao nhỡn tiền:* chiêm bao mà thấy rõ ràng trước mắt.
2. *Phó hạ*: giao xuống. *Cẩn tra:* tra khảo cho kỹ lưỡng.
3. *Dù, chương:* cái lọng, tấm biển (cho người đỗ Tiến sĩ).
4. *Ngõ hạnh, làng hòe*: biểu tượng xưa chỉ việc thi đỗ, làm quan.
5. *Quý tử lan tôn:* con cháu đông đúc và đều sang quý.
6. *Gia môn:* đây là nói tổ tiên.

Bút hoa lưu với động đình,[1]
Ngày rồi chép lại mấy lời nôm na.

Phiên âm theo bản của Phùng Uông, NXB. Văn học, Hà Nội 1964.

---

1. Mấy chữ "động đình" này không có nghĩa. Có lẽ là chữ khác chép lầm. Phùng Uông đoán: phải là chữ *lan đài*, có nghĩa là sử sách.

Bị chú: Ở phần cuối này, văn bản truyện Phương Hoa lại có sự dị đồng quan trọng. Trên đây, chúng tôi đã căn cứ vào bản nôm AB86 và bản Phùng Uông năm 1964. Nhưng tất cả các bản quốc ngữ đều có thêm số lượng câu (không rõ căn cứ vào đâu). Cụ thể:

Bản Xuân Lan năm 1914, từ câu 1131, chép:

... Sức thì đáng đỗ thứ ba,
Tài thì sánh với Phương Hoa tót vời,
Bảng treo cho chàng rõ mười,
Chính danh kẻo chịu tiếng người dèm chê.
Khỏi mang tiếng lụy nữ nhi,
Ơn vua chiếu chỉ vinh quy rỡ ràng.
Lại phong quan chức cho nàng,
Phân nhân tiết liệt, chữ vàng thanh danh.
Vợ chồng ra trước triều đình,
Cúc cung bái tạ Thánh minh trở về.
Qua ngõ hạnh, tới làng hoè.
Thong dong ngựa cỡi, dù che rườm rà.
Trước về tế lễ mẹ cha,
Sau thì đến lạy ông bà Trần công.
Mẹ cha trông thấy vui lòng.
Mới hay Nguyệt Lão tơ hồng xe duyên.
Bên bày lễ vật yến diên,
Xong bề đại lễ, tới bên động phòng.
Chàng rằng muôn đội ơn lòng.
Nghĩ nguồn cơn lại tủi trong tính tình.
Nàng rằng: "Phận gái chữ trinh,
Chi nên chăng quản công trình đợi nhau.
Bây giờ hết nỗi thảm sầu,
Nguồn ân bể ái trước sau vuông tròn".
Dõi sinh quế tử, lan tôn,
Một mai phụng dưỡng lan tôn đời đời.
Nay mừng gặp hội khoa tài,
Mới hay bĩ cực thái lai từng hồi.
Bút hoa nhân tháo ngồi rồi,
Hứng vui chép chuyện mấy lời nôm na

Các bản Quốc ngữ (đã dẫn ở trên) từ câu 1145 lại chép:

Quê nhà Thuần Lộc thăng dong,
Đón anh, đón cháu đều cùng vinh quy.
Vinh hoa phú quý ai bì,
Công khanh nối gót, quế hòe đầy sân.
Cho hay những bậc danh nhân,
Truân chiên trời vẫn dành phần vinh quang.
Bĩ kia đến thái rõ rang.
Liêm chính trung hậu là gương muôn đời.

NỮ TÚ TÀI

TIỂU DẪN

Nữ Tú tài là một trong bốn mươi truyện có ở sách Kim cổ kỳ quan. Chính tên sách là *Nữ Tú tài di hoa tiếp mộc*. (Tú tài gái rời hoa cây nọ tiếp cành kia). Một tác giả vô danh đã diễn ra quốc âm theo thể thơ lục bát. Sách được viết vào khoảng thế kỷ thứ XIX, gồm 922 câu.

*

Phi Nga là con gái quan Tham tướng Văn Sác, nàng vừa có sắc lại có tài cưỡi ngựa bắn cung, giận triều đình trọng văn, khinh võ, nàng cải trang lấy tên là Tuấn Khanh theo học văn chương. Lúc này, Tuấn Khanh kết bạn với Đỗ Tử Trung và Ngụy Soạn Chi, ba người đi thi đều đỗ tú tài.

Một hôm Tuấn Khanh bắn chim để chọn một trong hai người làm chồng. Chim bị trúng mũi tên rơi xuống trường học. Tử Trung bắt được, nhưng vội trở về có việc, mới đưa mũi tên cho Soạn Chi. Sau khi Tuấn Khanh nhận được tên bắn có chữ ký "Phi Nga" từ tay Soạn Chi đưa tới, Tuấn Khanh kể lại khiến Soạn Chi yên chí "Phi Nga" là chị của Tuấn Khanh. Soạn Chi bèn đưa ngọc trang để đính hôn. Tuấn Khanh cũng yên trí rằng Soạn Chi nhặt được tên, bèn nhận ngọc trang và sẽ thành hôn sau khi thi hội.

Đến kỳ thi hội, Tuấn Khanh không cùng đi thi với hai bạn Đỗ, Ngụy, vì sợ theo đuổi thi cử, có khi bị lộ chân tướng. Trong cuộc thi hội, Đỗ Tử Trung đỗ Trạng nguyên, Ngụy Soạn Chi đỗ Thám hoa.

Về sau cha Tuấn Khanh bị vu làm phản. Tuấn Khanh lại giả trai đến Kinh tìm gặp Ngụy Soạn Chi, nhưng không gặp, chỉ gặp Tử Trung. Tử Trung giúp cha Tuấn Khanh thoát tội, và Tử Trung phát hiện Tuấn Khanh là gái lâu nay vẫn giả trai. Tuấn Khanh biết không thể giấu được nữa, phải thú thực đã trót đính hôn với chàng Soạn Chi. Tử Trung phân trần chính chàng đã bắt được tên và đưa cho Soạn Chi. Rút cục Tuấn Khanh biết Tử Trung chính là người bắt được tên, bèn lấy Tử Trung và làm mối Cảnh tiểu thư (bạn của Phi Nga lúc giả trai) cho Ngụy Soạn Chi.

*

Trong khi biên soạn chúng tôi đã căn cứ vào các văn bản:

A. *Nữ Tú tài tân truyện*, khắc in đời Thành Thái năm Nhâm Dần, Thịnh văn đường tàng bản.

B. *Nữ Tú tài*, Đinh Gia Thuyết biên soạn, Nxb. Tân Việt, 1952.

C. *Nữ Tú tài*, Trần Phong Sắc biên soạn, ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội, $8^0$3835.

Chúng tôi chủ yếu lấy bản A làm chính, và tham khảo các bản B, C.

Thong dong nhân thuở khi nhàn [a]
Thấy trong Kim cổ kỳ quan [1] sách ngoài.
Họ Văn có nữ tú tài,
Con quan Tham tướng tuổi vời xuân xanh.
Vả thêm quốc sắc khuynh thành
Đã hay nghề ngựa, lại lành nghề cung.
Thân thiếu nữ, giả anh hùng,
Trượng phu mấy kẻ địch cùng kém xa.
Đặt tên là ả Phi Nga [2]
Huyên đường sớm vắng, còn nhà nghiêm quân [3]
Tống triều đại chấn tư văn [4]
Nho phong thời thắm, võ thần thời khinh.
Phi Nga có chí cậy mình,
Quyết lòng nấu sử, xôi kinh [5] theo thời.
Quần chân, áo chít, cài khuy,
Trá hình làm đấng nam nhi học hành.
Cải danh hiệu ốc [6] Tuấn Khanh [b]
Lạy cha, tôi mới khởi trình tòng sư.
Đêm ngày luyện tập thi, thư
Phong tư [7] chỉnh chện ngôn từ khoan dung.
Bạn cùng Ngụy Soạn, Tử Trung [8]

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Thung dung* nhân thuở thanh nhàn.

b. Bản B chép: Cải danh hiệu *đích* Tuấn Khanh.

Chú thích:

1. *Kim cổ kỳ quan:* tên một bộ tiểu thuyết Trung Quốc. Bộ sách này gồm có 40 truyện, trong đó có truyện Nữ Tú tài.

2. *Phi Nga* là tên thực của Nữ Tú tài.

3. *Huyên đường chỉ mẹ.* Kinh Thi có câu: "An đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối", ước mong được cỏ huyên, để trồng ở chái nhà phía Bắc vì mẹ hay ở chái nhà phía Bắc, nên thường dùng chữ huyên để chỉ mẹ. Nghiêm quân chỉ người cha.

4. *Tống triều đại chấn* tư văn: Văn học ở triều Tống đương lúc thịnh vượng.

5. *Nấu sử, xôi kinh:* ôn tập kinh sử cho kỹ.

6. *Ốc:* gọi là, gọi.

7. *Phong tư:* dáng điệu:

8. *Ngụy Soạn, Tử Trung*: hai bạn của Tuấn Khanh.

Đua nhau trận bút vẫy vùng kình, côn [1]
Một phen cá vượt Vũ môn [2]
Ba chàng cùng chiếm khôi nguyên tú tài.
Tiếng đồn dậy khắp vang trời [a]
Kẻ xin sửa túi, người nài nâng khăn.
Bướm dờn, ong liệng vườn xuân,
Ai hay rằng kẻ nho nhân, nữ tài.
Ba người kinh sử dùi mài,
Mặc ai kết chỉ, mặc ai gieo cầu [3]
Một hôm thanh vắng thư lâu [4]
Tử Trung nói cợt trình hầu Tuấn Khanh.
Rằng: "Hai ta tuổi xuân xanh,
Đồng niên, đồng cảm, khoa danh cùng đồng.
Ước gì biên dịch thư, hùng [5]
Một trai một gái vợ chồng đẹp đôi.
Soạn Chi nghe nói mỉm cười,
Rằng: "Âm dương vốn khí trời bẩm sinh.
Ví mà biến tướng cải hình,
Lấy nhau, đây cũng nguyện tình gả cho!"
Tuấn Khanh có ý thẹn thò,
Lệ [6] khi ngồi đứng loã lồ hình dung.
Thời ta khôn nẻo đề phòng,
Giả rằng quy tỉnh [7] phủ công ra về.
Nghĩ mình rằng phận nữ nhi,
Sớm khuya bè bạn gần kề lửa hương.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Tiếng đồn *vang động khắp nơi.*

Chú thích:

1. *Kình, Côn:* hai loại cá to ở biển.

2. *Vũ môn* tức Long môn, một bên sông do vua Hạ Vũ đào trong khi trị thủy; mỗi khi nổi sóng, cá tranh nhau nhẩy lên, con nào nhẩy qua thì sẽ hóa rồng, còn con nào không qua thì rơi xuống. Trạng nguyên thì có câu: "Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi" (Ba tầng sóng cửa Vũ, một tiếng sấm đất bằng), cũng là ý nói về người thi đỗ.

3. *Kết chỉ*, do tích chỉ đỏ buộc chân trong truyện "Vy cố". *Gieo cầu*, do tích ném quả cầu để kén rể trong truyện "Tam hợp bảo kiếm".

4. *Thư lâu*: lầu đọc sách.

5. *Thư:* chim mái; *hùng*: chim trống, (trống mái) *biên dịch:* biến hóa thay đổi. Ý nói nếu một người hóa ra con gái thì hay.

6. *Lệ*: e rằng.

7. *Quy tỉnh*: về thăm.

Cùng nhau một chiếu một giường, [a]
Tử Trung, Ngụy Soạn hai chàng xưa nay.
Họa là có kẻ biết hay,
Thời ta xa chạy cao bay mới hào [b].
Dẫu mà khép nép ra vào,
Nương long đột khởi [1] má đào hây hây.
Dễ mà gìn giữ đêm này,
Lửa gần rơm [2] lỡ sự này biết sao!
Đã hay rằng chẳng thế nào,
Song xem Đỗ Tử ước ao trái tình.
Tuổi cùng thập bát [3] xuân xanh,
Soạn Chi nhị thập [4] hai anh quốc tài.
Âu ta quyết lấy một người,
Kết làm phu phụ lứa đôi, [c] phỉ nguyền.
Cát đằng nhờ gió đưa duyên [5]
Song hai gã ấy tài hiền ngang nhau [d]
Nào qua đã hẳn hơn đâu,
Dễ mà kết chỉ gieo cầu cho xong.
Một tay bưng mấy quả bồng [e]
Thuyền quyên thì một, anh hùng thì hai.
Chẳng hay duyên phận bởi trời,
Mượn cơ tạo hóa thay lời nhân gian.
Còn đang nghĩ ngợi lo toan,

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... chung chiếu, chung giường.

b. Bản B chép: Trời ta xa chạy cao bay néo nào.

c. Bản B chép: Kết làm phu phụ *hợp đôi.*

d. Bản A chép: Song hai gã ấy *sắc* hiền *tày* nhau.

e. Bản B chép: Đôi tay *bưng lấy* quả bồng.

Chú thích:

1. *Nương long đột khởi*, ý nói hai vú phồng cao, biểu lộ con gái đã dậy thì.

2. Ở câu tục ngữ "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén". Ý nói con gái ở với con trai lâu ngày thế nào cũng có khi lỡ.

3. *Thập bát*: mười tám tuổi. Tuấn Khanh và Đỗ Tử Trung đều 18 tuổi.

4. *Nhị thập:* 20 (tuổi..

5. Lý Nguyên Ánh con vua Đường Cao Tổ được phong là Đằng Vương, lúc làm Thứ sử Hồng Châu xây một cái gác rất cao, Đằng Vương Các. Năm Cảnh Thái đời Minh sửa lại, có biển đề ngoài cửa "Giang Tây đệ nhất lầu": lần thứ nhất ở Giang Tây. Cổ thi có câu "Thời lại phong Tống Đằng Vương Các". Khi lên gió thổi gác Đằng Vương, ý nói người ta đến dịp may mắn.

Bỗng nghe chim tước kêu ran ngoài lầu.
Càng như khêu gợi cơn sầu,
Ngẩn ngơ mặt ngọc, rầu rầu vẻ hoa [(a)]
Nàng bèn ngước mắt trông ra,
Trên cây, tước [1] đỗ xa xa vừa tầm.
Lấy tên miệng nhổ tay cầm,
Đề thơ bát tự lâm râm khấn nguyền.
Đề rằng: "Phát tất ứng huyền" [2]
Bắn con chim tước phải tên rõ ràng.
Chim bay rơi xuống học tràng [3]
Tử Trung thoắt thấy vội vàng ra xem.
Thấy tên cắm ở đầu chim,
Nhổ ra chàng mới nhận ra chữ đề.
Vô tình ai biết sự chi,
Trông sau bỗng thấy tùy nhi [4] gọi về [(b)]
Cầm tên trao bảo Soạn Chi,
Rằng "Tay diệu thủ [5], tài kỳ xuyên dương. [(c)]
Tử Trung từ tạ bản trường,
Theo hề hồi tỉnh lưỡng đường xuân, huyên [6]
Soạn Chi thấy chữ đề tên,
Rằng: "Tài này hẳn quả nhiên đại tài.
Song hiềm một nỗi sự người,
Phi Nga chưa rõ gái trai dường nào?"
Một mình nghĩ ngợi thấp cao,
Tuấn Khanh thoắt đã trở vào cải trang.

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... *âu sầu nét* hoa.

b. Bản B chép: Trông sau bỗng *có* tùy nhi *lại thì*.

c. Bản A chép: Rằng này diện thử tài kỳ bắn trương.

Chú thích:

1. *Tước:* chim sẻ.

2. Tuấn Khanh đề 8 chữ vào mũi tên. "Thí bất vọng phát, phát tất ứng huyền" (chẳng bắn bậy, bắn ra ắt phải trúng theo với dây cung).

3. *Học tràng:* trường học.

4. *Tùy nhi:* trẻ theo hầu.

5. *Diệu thủ:* Tay khéo, tay giỏi; *Tài kỳ*: tài lạ; *xuyên dương*: thủng lá dương liễu. Điển tích lấy ở Chiến Quốc sách: Dưỡng Do Cơ nước Sở là một tay bắn giỏi, thường đứng xa trăm bước bắn trúng lá cây dương liễu, trăm phát trúng cả trăm.

6. *Hề tích hề đồng:* trẻ trai theo hầu. *Xuân, huyên*: cha mẹ.

Lại y nam tử đường đường [1]
Xăm xăm bước tới học đường mà lo.
Thấy Soạn Chi mặt ngẩn ngơ,
Cầm tên mà ngắm câu thơ chữ đề.
Tuấn Khanh mới bảo rằng thì,
Tên ai bắt được chữ gì mà coi.
Soạn Chi rằng: "Lúc mới rồi,
Thấy tên bắn tước có đôi thơ đề.
Đã nên rằng của dị kỳ,
Phi Nga tự ký thực thì nữ nhân.
Song còn nghĩ ngợi phân vân
Đàn bà chưa dễ mấy thân lành nghề".
Tuấn Khanh rằng dám giấu gì.
Phi Nga tên ấy thực thì chị tôi
Phải khi dạo cảnh hiên mai,
Bắn con chim tước bay rơi bên này.
Sự tình trình để anh hay,
Thực tay thiếu nữ chẳng tay anh hùng
Soạn Chi rằng mới lạ lùng,
Nữ nhân tài kể dầu lòng thủ khoa [2]
Hỏi thăm chị ả Phi Nga,
Xuân xanh độ mấy mặt hoa dường nào.
Đã tìm nơi sánh anh hào,
Hay còn cung cấp lầu cao đợi thì.
Tuấn Khanh rằng: "Hỏi làm chi,
Tôi thì mười tám chị thì đôi mươi.
Hình dung thể dáng con người,
Chị tôi thì cũng như tôi khác nào!
Ngọc lành còn đợi giá cao [3]
Hôn nhân chưa định nơi nào kết nghi.
Phép nhà chẳng dám phi vi,
Nhìn làm chi, hỏi làm chi, hỡi chàng?"

Chú thích:

1. *Nam tử đường đường:* con trai ngồn ngộn, ý nói người tuấn tú, đáng bậc tài trai.

2. *Thủ khoa:* đỗ đầu khoa thi.

3. Sách *Luận ngữ* có câu: mỹ ngọc đãi giá (ngọc quý còn đợi giá). Xưa Tử Cống hỏi Khổng Tử, nay có viên ngọc quý, bỏ hòm cất đi hay là cầu giá đắt mới bán? Khổng Tử nói bán đi, bán đi, nhưng ta còn đợi giá. Đây nói về người con gái kén chồng.

Soạn Chi nghe nói tỏ tường,
Khác nào Lưu, Nguyễn gặp nàng tiên nhân [1]
Rằng em muốn kết Châu, Trần [2],
Cậy anh gánh vác đỡ đần cho nên.
Hạnh nào nương lửa bén duyên,
Cũng vì mấy chữ trúc tiên thơ đề. [3]
Tuấn Khanh rằng chẳng lệ chi,
Vâng lời em sẽ thử về hỏi xem.
Liệu lời mà nói cho êm,
May mà chị lại nghe em chớ thì.
Dù mà nên chữ vu quy [4]
Thời anh phải lấy vật gì đưa sang.
Soạn Chi mở tráp lấy vàng [a]
Đưa ngay một chiếc ngọc trang báu kỳ.
Lại đề tiểu luật một thơ,
Rằng đưa vi vật [5] làm ghi tấm lòng.
Phiền anh trình đến tướng công [6]
Xin qua chị ả lầu trong xem tường.
Gọi là ghi tấm lòng thường,
Xin xem thấy của thì thương đến người.
Thơ rằng:
"Trộm nghe danh giá động lòng,
Cung quế hương đưa trải mấy thu,
Tòa ngọc ra tay buông đạn sẻ,
Sông Ngân nhờ dịp bắc cầu Ô".
Tuấn Khanh xem của chịu lời,

Khảo dị:

a. Bản A chép: Soạn Chi *mở đưa* lấy vàng.

Chú thích:

1. *Lưu:* Lưu Thần, *Nguyễn*: Nguyễn Triệu: hai người cùng đi hái thuốc núi Thiên Thai trong ngày mồng 5 tháng 5, gặp hai nàng tiên kết duyên với nhau, sau nhớ nhà đòi về thì đã đến đời cháu thứ 7.

2. *Châu, Trần:* tên một thôn ở Từ Châu (Trung Quốc., trong thôn chỉ có hai họ Châu và Trần, đời đời thông hôn với nhau.

3. *Trúc tiên:* tên bằng tre, cái tên của Tuấn Khanh bắn chim sẻ rơi sang nhà học có đề thơ. Thực ra là trúc tiễn, ở đây đọc chệch là tiên cho hợp vần.

4. *Vu quy:* nói về con gái đi lấy chồng.

5. *Vi vật:* vật nhỏ, vật mọn.

6. *Tướng công:* tiếng tôn xưng, đây chỉ quan Tham tướng, cha Tuấn Khanh.

Tạ từ thôi mới tái hồi bản gia [1]
Mặt hoa luống thẹn đường hoa,
Than rằng sự bởi trăng già trêu ngươi.
Lòng ta sắp lấy một người,
Bói tên thì lại lạc loài khác tên [2]
Nàng rằng than thở sự duyên,
Rằng lòng chẳng rắp mà nên lạ lùng.
Tiếc thay chàng Đỗ Tử Trung [3]
Đồng niên vả lại oai dung đức tài,
Cùng ta muốn kết duyên hài, [4]
Song tên thì lại ở nơi tay người.
Soạn Chi chắc hẳn [5] mười mươi, [(a)]
Sự mình chẳng lộ cho ai biết tình,
Đêm ngày tơ tưởng một mình,
Tuấn Khanh lại đến tập tành làm văn.
Soạn Chi sẽ hỏi sự nhân,
Tuấn Khanh rằng sự mười phân đã đành
Ngọc trang em đã đệ trình,
Chị rằng hội thí danh thành [6] sẽ hay.
Ngọc trang chị chịu cầm tay,
Vâng lời em mới sang đây tức thì.
Xin anh chớ lệ điều chi,
Vu quy liền với vinh quy càng màu.
Soạn Chi rằng chẳng bao lâu,
Nguyện xin như ý sở cầu [7] cho cam.
Xin đừng ra dạ bắc, nam.

Khảo dị:

a. Bản A chép: Soạn chi *ất đã hẳn rằng*.

Chú thích:

1. *Tái hồi bản gia:* trở lại nhà mình.

2. *Bói tên:* bắn tên để bói xem trúng ai; *khác tên*: người bắn được tên bắn lại khác, không phải tên mà người mình đã để ý.

3. Tuấn Khanh không biết Tử Trung nhặt được tên trước rồi mới đưa cho Soạn Chi, cứ tưởng Soạn Chi nhặt được đầu tiên.

4. *Duyên hài:* nhân duyên hòa thuận.

5. Soạn Chi cứ cho rằng Phi Nga là chị gái Tuấn Khanh, chứ không biết Tuấn Khanh và Phi Nga chỉ là một.

6. *Hội thí danh thành:* thi hội thành danh, đỗ thi hội.

7. *Như ý sở cầu,* do câu *Sở cầu như ý*: cầu sao được vậy.

Mà chê lươn vấn, mà than chạch dài
Tuấn Khanh nghe nói mỉm cười,
Trình rằng: đã [a] có đôi nơi cao dầy [1]
Có tiên thì hậu mới hay [2]
Đã trồng cây đức ắt dày nên nhân,
Mấy lời gắn bó vân vân,
Đành rằng thiên địa quỷ thần chúng ta.
Còn đương trò chuyện song nga [b]
Bỗng nghe chiếu chỉ khai khoa cầu hiền [3]
Soạn Chi thoắt thấy tin truyền,
Rủ hai anh bạn đều lên Kinh kỳ.
Tuấn Khanh có ý trở về,
Trình quan Tham tướng xin thi kịp người.
Dạy rằng: "Con gái nữ hài [4]
Thi hương đã đỗ tú tài thì thôi.
Thôi đừng thi cử theo người,
Nỡ [c] người ta biết nữ hài thì sao?
Âu là cáo bệnh mới cao,
Anh em ai biết sự nào mà nghi!"
Thoắt thôi Đỗ Tử, Soạn Chi,
Hai anh cũng đến rủ ra vào trường.
Tuấn Khanh vâng cứ nghiêm đường, [5]
Giả rằng bị bệnh phi thường cáo thi.
Hai người khi ấy ra đi,
Tới nơi đầu quyển [d] vào thi đua tài.
Công danh ai dễ nhường ai,

Khảo dị:

a. Bản A chép: *hổ*.

b. Bản B chép: Còn đương trò chuyện *lân la*.

c. Bản B chép: *Nữa*...

d. Bản B chép: Tới nơi *nộp* quyển...

Chú thích:

1. *Cao, dầy:* chỉ trời đất: Thiên cao địa hậu: trời cao đất dầy.

2. *Tiên*: trước; *hậu:* sau. Ý nói trước có hay thì sau mới hay.

3. *Chiếu chỉ khai hoa cầu hiền*: nhà vua ban chiếu chỉ, mở khoa thi để cầu hiền tài giúp việc.

4. *Nữ hài*: gái trẻ.

5. *Nghiêm đường:* cũng như nghiêm quân, chỉ người cha.

Hai chàng cùng chiếm tam khôi [1] bảng vàng.
Tiếc thay tài Tuấn Khanh chàng,
Có thi thì cũng bảng vàng tam khôi,
Soạn Chi xem bảng xuân [2] rồi,
Đinh ninh bèn nhớ đến lời đính hôn.
Về nhà Tham tướng họ Văn [3]
Nào hay thời vận gian truân quở người.
Phải chăng Binh Đạo [4] vô loài,
Cùng quan Tham tướng bất hài [5] đã lâu.
Nó làm một bản vọng tâu [6]
Vua đòi Tham tướng về chầu giam tra.
Biên phong điền sản [7] cửa nhà,
Cùng là thân thích chẳng tha một người.
Nhưng cho có một tú tài,
Rằng chàng công tử là người văn nhân.
Tuấn Khanh bèn cũng theo chân,
Theo vào trong ngục ân cần dặn cha [(a)]
Mấy lời sau trước thưa qua,
Mưa tuôn giọt ngọc, lệ sa nến duyềnh [(b)]
Rằng: "Xưa có gái Đề Oanh [8]
Cứu cha khỏi nạn nên danh nữ tài,
Tôi nay cũng phải nữ hài,
Xin soi gương trước, báo nơi đạo thường".
Nói thôi mở túi lấy vàng,

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... ân cần *trình* cha...

b. Bản A chép: Mưa tuôn *lệ* ngọc *nhuộm* sa nên duềnh

Chú thích:

1. *Tam khôi*: ba lần đỗ đầu.

2. *Bảng xuân:* bảng yết những người đỗ thi hội, vì thi hội về mùa xuân.

3. *Tham tướng họ Văn*: Văn Sác, thân phụ Tuấn Khanh.

4. *Binh Đạo*: tên kẻ vu cáo Tham tướng Văn Sác.

5. *Bất hài:* không bằng lòng nhau.

6. *Vọng tâu:* tâu bậy, vu cáo.

7. *Biên:* tịch biên (ghi vào sổ); *phong*: niêm phong; *điền sản*: ruộng vườn, của cải.

8. *Đề Oanh:* con gái út Thuần Vu Ý đời nhà Hán. Ý không có con trai chỉ có 5 con gái, chẳng may phạm tội sắp bị chém. Ý than phiền không có con trai, cho nên lúc hoãn cấp chẳng nhờ đâu được. Đề Oanh thương xót, theo cha lên Kinh dâng thư lên Hán Văn Đế xin vào cung làm tỳ thiếp để chuộc tội cho cha. Văn Đế thương tình tha cho Thuần Vu Ý khỏi chết.

Chia cho những kẻ ngục trường làm ơn.
"Đã hay, quan pháp vô thân[1]
Song le giữ lấy chữ "nhân" làm đầu.
Khoan cho lão tướng[2] giải sầu,
Đội ơn lượng cả các hầu ngục quan".
Ngục đường mấy kẻ cũng ngoan,
Nghe lời bèn để lão quan ở ngoài.
Tướng công sẽ bảo tú tài,
Rằng: "Con là phận nữ hài đào thơ.
Tiến Kinh vạn lý trình đồ[3],
Lệ khi ấm lạnh lõa lồ ai theo.[a]"
Nàng rằng: "Ngựa cưỡi, cung đeo,
Rừng hoang núi quạnh, hiểm nghèo quản ru!
Miễn là giải được oan vu,
Một đoàn phụ tử thiên thu yên lành.
Lạy cha con kíp khởi trình,"
Về nhà khi ấy một mình lo toan.
Gọi Văn Long[4] đến thở than,
Rằng: "Bây giờ lúc gian nan hiểm nghèo.
Ta là thân gái bọt bèo,
Vì cha nên phải quyết liều mình đi.
Quan sơn ngàn dặm[5] quản chi,
Song hiềm thiếu kẻ nữ nhi theo đòi.
Phiền người kiếm lấy một người,
Trá hình nam tử[6] với ngươi theo cùng!"
Long rằng: "Xin cả vợ chồng,
Quảy bầu, dắt ngựa, mang cung theo hầu".
Vợ chồng Long mới bảo nhau,
Rằng: "Trong nghĩa nặng ơn sâu chưa đền.

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... Lõa lồ thì sao.

Chú thích:

1. *Quan pháp vô thân:* phép công không có tư vị thân tình ai.
2. *Lão tướng:* tướng già, chỉ Văn Tham tướng.
3. *Tiến Kinh vạn lý trình đồ:* đường lên Kinh xa muôn dặm.
4. *Văn Long:* tên một người đầy tớ nhà họ Văn.
5. *Quan sơn ngàn dặm:* quan: cửa ải, nơi biên giới; sơn: núi, ý nói đường sá xa xôi hiểm trở.
6. *Trá hình nam tử:* ăn mặc giả con trai.

Bây giờ người phải oan khiên,
Không dưng người có tua phiền đến ai [a]
Con người quốc sắc nữ tài [1]
Còn liều chẳng nghĩ dặm dài xông pha.
Huống chi thân kẻ chúng ta,
Mình đừng e lệ đường xa nỗi gần!
Hễ lòng tu ở có nhân,
Ắt là thiên địa đền ân sau này".
Vợ chồng Long cũng ngoan thay,
Nghe lời chồng bảo theo ngay vào nhà.
Đổi thay quần áo đàn bà,
Mặc đồ nam tử theo ra tức thì.
Vợ chồng khi ấy cùng đi,
Tuấn Khanh được kẻ nữ nhi theo hầu.
Đêm ngày mưa nắng giãi dầu,
Một cung một ngựa một hầu lân la.
Chẳng dù muôn dặm đường xa,
Chân đi miệng niệm di đà hộ thân [2]
Khấn rằng: Thái thượng lão quân, [3]
Cưỡi trâu hóa phép phong vân chớ chầy.
Kìa trời cao, nọ đất dầy,
Xét soi kíp giải oan này cho xong.
Bèn làm văn sớ một phong,
Khấn cầu thiên địa, thổ công linh thần [4]
Văn sớ rằng:

Thành Đô phủ, Cẩm Trúc xã, tín nữ văn nhân, tên là Phi Nga, cầu khấn cho cha, tên là Văn Sác, phải thằng khinh bạc, tích dĩ hiềm thù, cố ý vong vu, phụ thân bị tróc, thiên địa giáng phúc, cấp giải oan khiên, cho được bình yên, lại về tướng phủ, trúc tiên ước cũ, cho

---

Khảo dị:

a. Bản B chép: không dưng ai có cần phiền đến ai

Chú thích:

1. *Quốc sắc*: sắc nước; *nữ tài*: con gái có tài. Ở đây chỉ Tuấn Khanh (Phi Nga..)

2. *Di đà:* Tuấn Khanh niệm Phật cho mình hay là tế độ cho phụ thân. Ở đây, có lẽ tế độ cho phụ thân thì hợp hơn, vì Tuấn Khanh lúc này quên mình để cứu cha thoát tội.

3. *Thái thượng lão quân* họ Lý tên Nhĩ, thụy là Đam, tự Bá Dương, mới sinh ra đã bạc đầu nên gọi là Lão Tử. Các nhà tu đạo đều thờ làm Thủy tổ.

4. *Thổ công linh thần:* thần linh thiêng của địa phương.

đẹp duyên dài, khấn lạy Phật trời, thần linh chư vị, sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm, chứng thử thôn Câm, can phong thượng cớ [1].

Cẩn phong một số vân vân,
Ngày đi, tối lại nương thân khẩn cầu.
Mưa chán nắng nấu dãi dầu,
Thành Đô phủ ấy, đã hầu tới nơi.
Lầu Tần quán Sở [2] thảnh thơi,
Tạm vào trú ngụ, ở nơi nhà hàng.
Nào ngờ cách bức hòe tường,
Trông sang thấy có một nàng tiểu nga.
Nhìn xem vẻ mặt nhân từ [a]
Long lanh mắt phượng, thẩn thơ mày ngài.
Vén mành nàng ghé trông ra [b]
Thấy chàng len lén gót hoa đứng rình.
Người quốc sắc, vẻ khuynh thành.
Khóe tường ghé mắt, bực rành phong tư [c] [3]
Ngẫm rằng thực khách thi thư,
Dung nghì chĩnh chện ngôn từ khoan thai.
Hẳn người danh sĩ cao tài,
Đi đâu đồ đệ lạc loài tới đây.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *Vẻ vang mặt mũi lừ đừ.*

b. Bản C chép:... nàng *liếc* trông ra.

c. Bản A chép: *Phép* tường ghé mắt, *bức hàng giai an.*

Chú thích:

1. Bài văn sớ mỗi câu 4 chữ, vừa chữa Hán vừa chữ Nôm, đại ý như sau: "Tôn nữ tôn vốn là văn nhân, tên là Phi Nga, ở xã Cẩm Trúc phủ Thành Đô, xin cầu cho cha tên là Văn Sác bị kẻ khinh bạc, hiềm thù từ lâu, nó cố ý vu cáo (nên) cha tôi bị bắt. (Xin) trời đất giáng phúc, chóng giải oan ức cho cha được bình yên, trở về tướng phủ (dinh). (Xin phù hộ cho tôi theo) lời ước bởi tên đẹp duyên hài (Bản A ghi trước tên chúng tôi ngờ sai: theo bản B chép "trúc tên" có lẽ đúng hơn). Khấn lạy phật trời, các vị thần linh, cầu mong được như ý, nguyện được như lòng, kính dâng 1 phong sớ, xin chứng giám tấc lòng (của tôi).

2. *Tần, Sở:* tên hai nước chư hầu về đời Chu (Trung Quốc). Lầu Tần, quán Sở là chỉ lầu nọ quán kia đông đúc.

3. Ghé mắt nhìn rõ con người vào bậc có vẻ lịch sự.

Hay là ông nguyệt xe dây [1]
Giẩy giun chàng đến chốn này cùng ta.
Mặt hoa ẩn bóng tường hoa,
Dòm xem thử ý người ta thế nào.
Càng nhìn càng nổi trận rào [2]
Nương long thổn thức áo bào mưa chan [3].
Biết ai mà đặng thở than,
Ước gì đây đấy giao hoan một phòng,
Thuyền quyên đã tỏ anh hùng,
Sao anh hùng chưa tỏ lòng thuyền quyên.
Ruột tằm gan vượn nào yên [(a)],
Bồi hồi chưa định kinh quyền làm sao [4]
Tuấn Khanh lập chí làm cao,
Gọi hề lấy rượu đưa vào bình phong.
Chàng cùng đồ đệ thong dong
Tạm bày tiệc ngọc chén chung là đà.
Bỗng đâu thấy một cụ già,
Tay bưng tiểu hạp [5] đồ trà cam, lê.
Trình rằng: "Lấy tấm lòng quê,
Nhà hàng tôi ở gần kề lân la.
Trộm nghe công tử đường xa,
Tinh trà sẵn có [(b)] của nhà đưa sang.
Vật tuy bé mới lạ thường,
Song le nghĩa ví ngàn vàng trọng thay".
Tuấn Khanh đương lúc dở say,
Rằng: "Lòng cho khách, khách rày đội ơn!

Khảo dị:

a. Bản B chép: Ruột tằm *bối rối* nào yên.

b. Bản A chép: Tinh trà *nên* có.

Chú thích:

1. *Ông nguyệt xe giây*: do điển Nguyệt hạ lão nhân: ngày xưa Vy Cố đi cầu hôn, thấy ông già tựa túi vải dưới bóng trăng xem sách, hỏi thì bảo là hôn thư, lại hỏi trong túi có vật gì thì bảo là dây đỏ để buộc chân những vợ chồng nào có duyên số lấy nhau. Vì thế, người ta cho rằng hôn nhân đều do Nguyệt lão xe duyên.

2. *Trận rào:* trận mưa rào.

3. Lòng ngực thổn thức và nước mắt chứa chan thấm ướt áo.

4. *Kinh quyền*: *kinh*: đạo dùng khi thường: *quyền*: đạo dùng khi biến. Chấp kinh tòng quyền: giữ theo đạo thường, nhưng cũng có lúc quyền biến cho được việc.

5. *Tiểu hạp:* hộp nhỏ (bản B chép: tiểu níp).

Từ ra, sợ bảo rằng hơn,
Lấy ra, chưa tỏ căn nguyên dường nào.
Đã hay vay mận giả đào,
Song ơn này chưa biết bao giờ đền.
Vả bấy nay chưa từng quen,
Nào ai biết họ tường tên bao giờ?
Mụ rằng "Nàng Cảnh tiểu thư[1],
Con quan Tướng quốc[2] khi xưa kén chồng.
Ở cùng ông ngoại tướng công,
Thấy chàng văn mạo oai dung khác thường.
Nay chàng muôn dặm đường trường.
Qua đây là chốn phố hàng hôi tanh.
Sẵn đây có của ngon lành,
Gọi là vật mọn sai hành tôi đưa.
Gọi là[a] ghi tấm lòng thơ,
Họa nên kim cải[3] duyên ưa cùng người"
Tuấn Khanh bèn chịu mỉm cười,
Mới ngâm tiểu luật thử chơi xem lòng.
Thơ rằng:
Có lòng hậu đãi khách xa đường,
Mừng mặt nay xem trọng bằng vàng,
Hiềm chút lạ lùng lòng chưa tỏ,
Lấy gì làm của trả ơn nàng?
Bút hoa tay thảo cẩn phong,
Gửi lời mụ lão tạ lòng ân nhân.
Lĩnh lời mụ lão ra sân,
Gọi hầu bèn hỏi vân vân mọi lời.
Văn Long mách bảo rạch ròi[b],

Khảo dị:

a. Bản B chép: *để mà...*

b. Bản B chép: Văn Long mách bảo *một hai.*

Chú thích:

1. *Cảnh tiểu thư:* cô gái họ Cảnh.

2. *Tướng quốc:* Một chức quan ngang Tể tướng.

3. *Kim cải:* kim là cái kim khâu, để gần đá nam châm thì dính vào; cải là hạt cải, để gần hổ phách thì hút vào. Sách Bác Vật chí ghi: Hổ phách thập giới, từ thạch dẫn châm, các dĩ loại cảm: hổ phách hút hạt cải, đá nam châm bắt kim, đều tùy theo loài mà cảm nhau.

Rằng: "Chàng công tử tú tài họ Văn.
Chưa đâu xứng kết hôn nhân,
Cớ sao mụ hỏi ân cần làm chi.
Nghe lời mụ lão trở về,
Mấy lời bộc bạch đưa thơ cho nàng.
Nàng từ xem thấy thơ chàng,
Đã say văn mạo [a] lại tường họ tên.
Bỗng đâu như chất lửa phiền.
Bèn đề một bức thơ tiên họa vần.
Thơ rằng:
Trộm nghe công tử dạo qua đường,
Mừng mặt nay xem trọng ngỡ vàng,
Vậy có chút lòng đưa vật mọn,
Xin thương đừng tiếng: giả ơn nàng!
Tuổi già đem đến lang quân [b],
Cứ lời thưa thốt ân cần cho thông.
Nàng bèn vào gửi phú ông,
Rằng tôi thấy ả con dòng họ Văn.
Thực là tài tử văn nhân,
Hình dung văn mạo mười phân chỉnh tề.
Trú bên [c] tửu điếm [1] tạm thời,
Lòng tôi đây muốn kết nghì hợp duyên.
Đã tra tỏ họ tường tên,
Dám trình ông dạy có nên chăng là.
Phú ông tính khí thực thà,
Rằng: "Xưa con nguyện [2] ông dà nhớ đây!
Bây giờ lại đẹp duyên này,
Gọi hề lấy áo ông nay ra mừng.
Tuấn Khanh còn tiệc tưng bừng,

Khảo dị:

a. Bản C chép: Đã *hay tướng* mạo...

b. Bản B chép: *Giục* già đem đến *văn* quân.

c. Bản B chép: *Trọ* bên...

Chú thích:

1. *Tửu điếm*: quán rượu.

2. *Xưa con nguyện*: Khi xưa Cảnh tiểu thư (cô gái họ Cảnh) đã phát nguyện, bao giờ tìm được người vừa ý mới kết nghĩa trăm năm.

Đã nghe tin nhạn [1] bay chừng tới nơi.
Mụ già len lén trình lời.
Rằng thơ này của bà tôi trong lầu.
Dạy tôi đem đến đưa hầu,
Nguyện xin quân tử hảo cầu [2] kết duyên.
Chàng bèn mở bức vân tiên [3]
Thảo thôi, mình lại ngợi khen rằng tài.
Tiếc thay rằng cũng một loài,
Trượng phu mà kết duyên hài đẹp đôi.
Lặng ra, sợ bảo rằng hèn [a]
Chê ra, lại sợ người cười hẹp dong.
Phải tìm quỷ kế mới xong.
Rằng ta đã đợi ơn lòng xiết bao.
May chân mới tới động đào,
Giáng Hương, Từ Thức [4] dễ nào gặp tiên.
Lửa gần hương muốn bén duyên,
Anh hùng nữ phụ thuyền quyên nói chiềng [b]
Sợ rằng đã có tao khang,
Mới hay bất khả hạ đường biết sao
Mụ rằng: 'Thục nữ, anh hào,
Làm chi e lệ thấp cao hãy chiềng.
Nguyện xưa nàng đã hỏi tường,
Mới đem duyên kết cùng chàng không đâu.
Nỡ nào ruồng rẫy tủi nhau,

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... sợ bảo rằng *tồi.*

b. Bản B chép: ... thuyền quyên *rẫy ruồng.*

Chú thích:

1. *Tin nhạn*: chim nhạn đưa tin, do điển chim nhạn đưa thư của Chiêu Quân ở Nhạn môn quan về cho vua Hán trong tiểu thuyết "Song phượng kỳ duyên".

2. *Quân tử hảo cầu*: tốt đôi với người quân tử. Bài thơ Quan thư ở Kinh Thi có câu: "Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu" (Cô gái hiền lành dịu dàng, tốt đôi với người quân tử).

3. *Vân tiên*: Giấy đề thơ, bức thư.

4. Từ Thức đời Trần làm Tri huyện Tiên Du (Bắc Ninh) đi xem hội mẫu đơn ở chùa Phật Tích, gặp người con gái vịn gẫy cành hoa mẫu đơn, bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ Thức thương tình cởi áo chuộc cho người con gái đó được tha. Sau cáo quan về Tống Sơn (Thanh Hóa) đi chơi lạc vào động tiên, gặp tiên cô là Giáng Hương. Giáng Hương chính là cô gái vịn gẫy cành hoa khi trước, Từ Thức cùng Giáng Hương kết nghĩa vợ chồng.

Nơi sao khẩn nguyện nơi cầu lại vong." [a]
Mụ còn năn nỉ chưa xong,
Trông ra đã thấy phú ông tới gần,
Tuổi vừa thất thập ngoại tuần,
Phơ phơ tóc bạc, xoăn xoăn râu rồng.
Đến chào chàng tiểu tướng công, [1]
Mừng rằng hạnh ngộ tương phùng đến đây.
Già còn cháu gái thơ ngây,
Là con Cảnh Tướng quốc nay ở cùng.
Bồ côi, và giữ con dòng,
Đua đòi kim chỉ nữ cộng kịp người.
Chưa nơi nào đẹp duyên hài,
Bằng lòng lấy nó chọn người hợp duyên [b]
Thấy chàng công tử sĩ tiền,
Dám xin hạ cố tòng quyền [2] nên chăng.
Tuấn Khanh bèn mới thưa rằng,
"Đội ơn quốc lão [3] xem bằng Thái san [4]
Đoái thương đến kẻ sĩ hàn [5],
Chẳng so hơn thiệt chẳng bàn trọng khinh.
Song nàng dòng dõi tướng khanh [6],
Đã khuynh quốc sắc, lại danh nữ tài [7]
Tôi là vũ tướng nhi hài [8],
Hổ thân ít chữ phải mài cung đao.
Dám đâu đọ khách lầu cao,
Bao giờ đai bạc cẩm bào [9] sẽ hay.

Khảo dị:

a. Bản B chép:.... *Nỡ nào* khẩn nguyện nơi cầu *nơi* vong.

b. Bản A chép: *Người* lòng lấy nó...

Chú thích:

1. *Tiểu tướng công:* tiếng gọi tên những con trai còn trẻ.
2. *Hạ cố tòng quyền: hạ cố:* trên đoái xuống; *tòng quyền:* tạm quyền nghi cho xong việc.
3. *Quốc lão*: người già trong nước.
4. *Thái Sơn:* tên quả núi ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Núi này rất cao, các đế vương dùng làm nơi tế phong thiên: đây nói là về sự cao xa.
5. *Sĩ hàn* tức *hàn sĩ*: học trò nghèo hèn.
6. *Tướng khanh:* bậc quan to.
7. *Khuynh quốc sắc:* sắc đẹp nghiêng nước; *danh nữ tài:* người con gái nổi tiếng tài giỏi.
8. *Vũ tướng nhi hài:* con nhà quan võ.
9. *Cẩm bào:* áo gấm, đai bạc cẩm bào chỉ người đỗ đạt làm quan, có phẩm phục.

Vả còn nghiêm phụ[1] khi nay,
Mắc oan còn phải tìm bài giải oan,
Dám xin lạy đấng tôn nhan[2],
Xét trình cho kẻ sĩ hàn đội ơn."
Lão ông nghe nói căn nguyên,
Khen rằng thực kẻ sĩ hàn hiếu trung.
Dỗ người, người chẳng nghe cùng.
Về không thì sợ mất lòng cháu ta.
Âu là già dụng mưu già,
Tìm nơi phương tiện[3] ắt là phải nghe.
Nhủ rằng: "Ngọc diệp kim chi[4]
Lứa đôi xem cũng phải thì lứa đôi.
Nghe già, chàng hãy chịu lời,
Gửi qua nghiêm phụ để người được hay.
Việc rồi chàng trở về đây,
Lễ nghênh hôn ấy, già may bèn dùng.[(a)]"
Thấy lời lão tướng gạn gùng,
Chàng liền sảy nhớ Tử Trung bạn hiền.
Còn không chưa định nhân duyên,
Bèn toan một bước[(b)] tạm quyền giả danh.
Rằng: "Ơn lão tướng hậu tình,
Đoái thương đến kẻ lữ hành, tha hương[5].
Dạy lời phương tiện đôi đường,
Vâng lời kẻo bận lòng vàng nặng thương.
Trong mình cởi lấy ngọc trang[6],
Tay dâng rằng: "Chút vận thường làm tin.
Gọi là tiểu lễ tòng quyền,
Cho người đành dạ[(c)], tôi xin khởi trình.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Lễ nghinh hôn ấy, già nay *xin giùm*.

b. Bản A chép: Bèn toan một kỳ...

c. Bản B chép: *Trao* người đành dạ...

Chú thích:

1. *Nghiêm phụ:* người cha, cũng như nghiêm quân, nghiêm đường.
2. *Tôn nhan:* trước mặt ngài, tiếng tôn xưng.
3. *Phương tiện:* lời nhà Phật, tùy phương nhân tiện, theo phương hướng và nhân việc tiện lợi mà làm. Phương pháp để đạt đến mục đích.
4. *Ngọc diệp kim chi*: lá ngọc cành vàng, chỉ con gái nhà quý phái.
5. *Lữ hành*: khách đi đường; tha hương: làng khác, quê khác.
6. Ngọc trang của Soạn Chi trao cho Tuấn Khanh để đính hôn với Phi Nga.

Nguyện cho vạn sự giai thành [1]
Thời tôi sẽ biện vấn danh [2] lễ thường".
Phú ông lĩnh lấy ngọc trang,
Đưa về lại phó cho nàng tiểu thư.
Nàng vâng lĩnh lấy bây giờ,
Như khơi bể ái, như khua cơn sầu.
Lão ông bèn trở lại lầu,
Truyền làm tiệc rượu mừng hầu tân lang [3].
Gọi là lễ tiễn lên đường,
Phó Kinh thành sự [4] thì chàng hồi quy.
Tiệc rồi từ tạ bèn đi,
Buộc yên, cột ngựa, hài hề theo sau.
Thảnh thơi thơ túi rượu bàu,
Thẳng dong dặm liễu, vó câu bước dồn.
Gập ghềnh cách trở giang sơn,
Kìa non Thúy lĩnh [5] nọ ngàn Tương Dương [6]
Xa xôi muôn dặm đường trường,
Tuấn Khanh thoắt đã tới phương Kinh kỳ.
Tìm anh Đỗ Tử, Soạn Chi,
Trước mừng, sau nữa hoan hùy giải oan.
Tử Trung thoắt thấy ngọc nhan [7],
Thân hài giở gót miệng khoan khoan chào.
Rằng: "Xin quý hữu tạm vào",
Tha hương ngộ cố [8] xiết bao là mừng.
Hai người mừng rỡ tưng bừng [(a)],
Kẻ vui cố hữu [9] người mừng tân quan. [10]

Khảo dị:

a. Bản B chép: Hai người *trò chuyện* tưng bừng.

Chú thích:

1. *Vạn sự giai thành:* muôn việc đều nên.
2. *Vấn danh*: lễ ăn hỏi.
3. *Tân lang:* chàng rể mới.
4. *Phó Kinh thành sự:* đến Kinh nên việc.
5. *Thúy lĩnh:* núi biếc hay là núi Thúy bình lĩnh ở tỉnh Cam Túc, Trung Quốc.
6. *Tương Dương*: có thể là tên một huyện thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, những cảnh núi non từ Thành Đô lên Biện kinh đều phải đi qua? Cũng có thể chỉ là mượn để chỉ cảnh núi rừng.
7. *Ngọc nhan*: mặt ngọc, tiếng gọi tôn, gọi lịch sự.
8. *Tha hương ngộ cố, do câu:* tha hương ngộ cố tri: đất khách gặp bạn cũ.
9. *Cố hữu:* bạn cũ, chỉ Tuấn Khanh.
10. *Tân quan:* quan mới, chỉ Tử Trung mới thi đỗ.

Cùng nhau đồng tịch đồng bàn,
Tuấn Khanh hỏi: "Ngụy tôn nhan đâu rày?"
Tử Trung bèn mới kể bày,
Rằng: "Anh Ngụy Soạn từ ngày thấy tên [a]
Bảng vàng chiếm được khôi nguyên,
Thẳng dong xe ngựa về miền bên anh".
Tuấn Khanh nghe rõ chân tình,
Làm thinh kẻo lọ sự tình hở hang [b],
Rằng: "Tôi muôn dặm đường trường,
Hành đồ chẳng gặp, Ngụy chàng vinh quy.
May còn quý hữu đây thì,
Thương em xin nặng lòng vì phụ thân".
Tuấn Khanh kể hết vân vân,
Tử Trung nghe rõ ân cần duyên do,
Nói rằng: "Phải xảy tiếm thù [c],
Cho tôn bá [1] phải oan tù gian truân.
Anh thì tu một biểu văn [d]
Để tôi tâu đến Thánh quân cửu trùng.
Phiên triều [e] khi ngự thung dung,
Xét soi chẳng để oan vòng kẻ ngay.
Tôi xin gắng sức việc này,
Gọi là kẻ mỏng, người dày đỡ nhau!"
Tuấn Khanh mới giải mạch sầu
Bèn làm biểu tấu đệ hầu quan nhân.
Tử Trung xem hết phân vân,
Cân đai, áo mũ rời chân tức thì.
Tuấn Khanh mới bảo tùy nhi [2],
Đi chơi gọi đến Kinh kỳ mấy khi [f]
Mảng nghe quán nọ lầu kia,

Khảo dị:

a. Bản A chép: *những thời* thấy tên.

b. Bản B chép: kẻo *sợ sự mình* hở hang.

c. Bản B chép:...phải *kẻ oán* thù.

d. Bản B chép: Anh thì *làm một bản* văn.

e. Bản B chép: *Thiên* triều...

f. Bản B chép: Đi chơi *cho biết* Kinh kỳ *tẻ vui.*

Chú thích:

1. *Tôn bá:* bác.

2. *Tùy nhi:* trẻ đi theo; đầy tớ.

Tâu rồi, Trung đã trở về chủ gia.
Nhác trông bên góc chiếu hoa,
Tiểu hàm [1] bỏ ngỏ, người đà vắng tanh.
Đến liền xem của Tuấn Khanh,
Cởi ra thấy sớ tính danh nữ tài,
Khen rằng thực đấng nữ tài,
Bấy nay ai biết rằng ai là gì?
Trung bèn lấy sớ giấu đi,
Tiểu hàm lại để như y ai ngờ [a],
Nực cười tư tưởng ngồi chờ,
Tuấn Khanh lâu mới ngẩn ngơ trở về.
Tử Trung rằng hội giai kỳ [2],
Giắt tay cười mãi ngồi kề với nhau.
Rằng: "Anh em đã bấy lâu,
Bây giờ đã phỉ sở cầu [3] từ đây!"
Tuấn Khanh bất ý nào hay,
Ngẫm mình, mình lại ngại nay sự mình!
Ngẫm khi cử động, dòm hành,
Thì ta giữ chẳng lộ hình khi nao!
Khác chăng một chút má đào,
Nương long song đã cao cao vừa tày.
Ví mà chàng có biết hay,
Ba thu thì đã đến nay còn gì [b]
Vậy bèn giả nói rằng thì,
Việc chi quý hữu cười, chê bấy chiềng.
Tử Trung gọi hởi bõ chàng [c]
"Ai ngờ công tử là nàng nữ nhân.
Khi xưa đã thấu sự nhân,
Chước gì biến dịch hôn nhân chớ thì [d].

Khảo dị:

a. Bản B chép: Tiểu hàm lại để như y *bao giờ.*

b. Bản B chép: *Lả lơi thì đã đến đây làm gì.*

c. Bản B chép: Tử Trung rằng: *"Buổi tương phùng,*

d. Bản B chép: *Ước gì biên dịch Châu Trần một khi*

Chú thích:

1. *Tiểu hàm:* hòm bé.

2. *Giai kỳ:* thời kỳ tốt đẹp.

3. *Sở cầu:* điều mình cầu ước. Câu này Tử Trung nhắc lại câu "ước gì biến dịch thư hùng" khi trước.

Mới hay nhân nguyện thiên tùy [1]
Lo là đòi hỏi làm chi nữa mà!"
Tuấn Khanh đã tỏ bệnh ra,
Phải thầy diệu thủy Pháp Loa [2] khôn đành.
Nhưng mình chưa biết sự mình,
Hãy còn khép nép dạng hình như không.
Sớ trong tay áo Tử Trung,
Giở ra hỏi "Chữ cẩn phong ai đề.
Của này dấu tích làm ghi,
Há không dấu tích mà phi bạn này".
Tuấn Khanh đỏ mặt, tía mày,
Nương long, giậm giục, giở bài rời chân.
Hình như phi điểu thất quần [3]
Lạ lùng khôn nẻo ẩn thân, náu hình.
Nghĩ mình tủi xót sự mình,
Dám xin bày thực chân tình biết sao?
"Thương hoa xin chớ ngại nào,
Hãy khoan khoan để má đào gửi thân.
Ngửa trông bể ái nguồn ân,
Song thời đã trót định thân [4] cùng người.
Lòng tôi ái sắc tham tài,
Hai anh quyết lấy một người kết duyên.
Ngựa nào gác được hai yên,
Cho nên tôi phải gửi nguyền bói tên,
Bắn chim vừa thủa ứng huyền,
Ai hầu chàng được [(a)] thì nên vợ chồng.
Phải tay Nguỵ Soạn anh hùng,
Được tên lại viết thư phong, ngọc lành.
Chữ rằng: tòng nhất bất canh, [5]

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Ai mà bắt được...*

Chú thích:

1. *Nhân nguyệt thiên tùy:* người ước ao, trời cũng chiều theo.

2. *Pháp Loa:* một vị thần sư ở đời Trần.

3. *Phi điểu thất quần:* chim bay lạc đàn, ý nói bị lộ chân tướng hóa ra lúng túng như chim lạc đàn không biết tựa vào đâu.

4. *Định thân*: định việc vợ chồng.

5. *Tòng nhất bất canh:* theo một không đổi. Ý nói người phụ nữ chỉ có một chồng không thay lòng đổi dạ.

Chẳng thì dám tiếc tiện hình [1] này đâu!"
Trung rằng: "Báo ứng nhiệm màu,
Lặng nghe ta kể trước sau cho tường.
Nguyên xưa ở chốn học đường,
Nhổ tên đầu tước, thực chàng Tử Trung.
Mới hay thiên đạo chí công [2]
Bây giờ lại tỏ hình dung rõ ràng.
Giữ tên hạ thủ vi cường,
Ngọc này sẵn đợi ngọc trang chàng là?
Chàng rằng phảng phất ngày xa,
Nghĩ lâu thì lại nhớ ra quên gì.
Đề vân thiên hạ hư phi [a]
Phát tất ứng huyền, chữ ký Phi Nga!"
Tuấn Khanh rằng: "Mới dị kỳ,
Thế mà anh Ngụy Soạn chi nhận càn".
Chàng rằng: "Thiên vận tuần hoàn [3]
Kẻo kêu rằng chịu, kẻo van rằng đừng.
Giục lòng hương lửa tưng bừng,
Trả quyền Nguyệt lão xích thằng [4] xe dây".
Trăng trăng, gió gió, mây mây
Kẻ yêu quốc sắc, người say văn tài.
Duyên sâu sánh với tình dài
Bỏ công đăng hỏa [5] dùi mài xưa nay.
Bỗng đâu rong ruổi đến đây,
Tưởng rằng cố hữu, ai hay chuyên hài.
Trượng phu thiện kính anh tài,
Thuyền quyên dầu đấng vạn loài chẳng tha.
Vén cành âu hẳn hái hoa.
Khỏi lầu mới gọi nàng Ba bước vào.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Để thơ chim tước bay sang*.

Chú thích:

1. *Tiện hình:* tấm thân hèn mọn.
2. *Thiên đạo chí công:* đạo trời rất công bằng.
3. *Thiên vận tuần hoàn:* vận trời theo thứ tự mà xoay vần.
4. *Nguyệt lão xích thằng:* đã chú thích ở trên. Câu này bản B chép: Khen thay nguyệt lão xích thằng xa đây.
5. *Đăng hỏa:* đèn lửa, công học tập.

Chàng liền cởi áo cẩm bào,
Thuyền quyên sánh với anh hào giao hoan [1]
Trướng loan nghiêng ngửa gối loan [2]
Thấm duyên Thần nữ, phỉ nguyền Tương quân [3]
Vui vầy bể ái nguồn ân,
Mưa trên đỉnh Sở, mây vần ngàn Tương [4]
Khắc giờ hơn sợ nghìn vàng,
Say sưa vẻ nguyệt, mơ màng giấc mai.
Cùng nhau đã phỉ duyên hài,
Nàng bèn năn nỉ trình lời vân vân:
Thiếp nay là phận nữ nhân,
Một chân đã phó lang quân cầm quyền.
Lòng con nghĩ ngợi chưa yên,
Soạn Chi đã trót nhận tên phải lầm.
Ta nay đã hợp sắt cầm [5],
Ắt chàng Nguỵ Soạn tủi thầm không đâu.
Tôi xin toan một chước mầu [(a)];
Tích xưa dĩ mã dịch ngưu [6] thay là
Nguyên tôi ngày trước đi qua,
Nghỉ Thành Đô phủ, gần nhà phú ông.
Thấy nàng thục nữ hình dung,
Trầm ngư lạc nhạn [7] tuyệt vòng trần gian.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Tôi xin *đoạn* một chước mầu.

Chú thích:

1. *Giao hoan:* vui với nhau.

2. *Trướng loan*: màn thêu chim loan, tượng trưng sự trẻ trung tươi đẹp như loan phượng (Loan là loài chim phượng hoàng, chim trống là phượng, mái là hoàng, chim còn non là loan); Gối loan: gối vẽ hình chim loan.

3. *Thần nữ:* Dương đài thần nữ; *Tương quân*: Sở Tương Vương. Tống Ngọc Cao đường phú chép: Sở Tương Vương chơi chầm Vân Mộng (thuộc Hồ Bắc, Trung Quốc), mộng cùng mỹ nữ chung gối, mỹ nữ nói: "Thiếp là thần nữ ở dưới Dương đài, sớm làm mây, chiều làm mưa". Nhân thế, các nhà thơ thường dùng chữ mây mưa và điển thần nữ với Tương Vương để nói về trai gái hội ngộ.

4. *Đỉnh Sở, ngàn Tương:* chỉ hai cảnh núi non, cũng như bãi Sở sông Ngô chẳng hạn.

5. *Sắt cầm*: tên hai thứ đàn của Trung Quốc; vợ chồng hòa hợp, bởi câu "thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm": vợ con vui vẻ hòa hợp, như gẩy đàn sắt cầm.

6. *Dĩ mã dịch ngưu:* đem ngựa đổi trâu.

7. *Trầm ngư lạc nhạn*: cá lặn nhạn sa; ý nói vì sắc đẹp đến nỗi cá phải lặn, chim cũng phải sa.

Con Cảnh Tướng quốc ở quan.
Thấy tôi muốn kết phượng loan duyên lành.
Tôi đã làm chước từ hành[1],
Song nàng chỉ quyết một tình khăng khăng.
Vậy tôi phải lấy ngọc trang,
Mượn đồ chàng Ngụy đưa sang tức thì.
Gọi là lễ mọn sá chi,
Rắp ranh để kết duyên nghì đủ đôi.
Kẻo tôi đã trót chịu lời,
Bói tên thấy ở tay người biết sao.
Ai ngờ thiên võng nan đào[2]
Giấy giun thiếp bỗng tìm vào tới đây.
Ơn chàng thương đến hậu thay,
Muốn đem nàng ấy về tay Ngụy chàng.
Khác nào vàng lại đổi vàng,
Kẻ về bên ấy, người sang bên này!
Tử Trung nghe nói mừng thay,
Rằng: "Thi diệu kế[3] ta nay bằng lòng.
Còn đi xem việc Tam công[4],
Hôm qua đã tấu cửu trùng ngự coi.
Phán quan Lại bộ tra rồi,
Ta đi xem thử lượng tài[5] làm sao?
Tử Trung bèn tới đài cao[a],
Gặp quan Lại bộ vừa vào tấu tri[6],
Tâu rằng[b] Tham tướng lão kỳ,[7]
Lại ra trọng trấn biên thùy an dân[8].

Khảo dị:

a. Bản B chép: Tử Trung *lên tới lầu* cao.

b. Bản B chép: *Lượng tâu*...

Chú thích:

1. *Từ hành:* chối từ ra đi.
2. *Thiên võng nan đào*: lưới trời khó tránh.
3. *Thi diệu kế:* thi hành mẹo giỏi.
4. *Tam công:* Ba chức quan lớn nhất của Trung Quốc: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.
5. *Lượng tài*: cân nhắc, xét xử.
6. *Lại bộ:* Một bộ coi việc tuyển chọn bổ dụng, đứng đầu 6 bộ; tấu tri: tâu lên vua biết.
7. *Lão kỳ:* bậc lão thành kỳ cựu.
8. *Trọng trấn biên thùy an dân:* (trông coi) nơi biên giới trọng yếu để cho dân được yên ổn.

Thằng Bình Đạo ở bất nhân,
Mưu đồ phản kẻ trung thần oan khiên.
Tội thằng Bình Đạo đương nhiên,
Đem đầy Đông Hải mười niên sẽ về.
Họ Văn phủ nội[1] vật gì,
Phó hoàn[2] tham tướng lĩnh về phủ trung.
Lại sai trọng trấn đổng nhung[a]
Truyền công[b] án viện[3] cứ công phụng hành.
Tử Trung nghe rõ phân minh,
Vợ chồng sắm sửa khởi trình vinh quy.
Nhà quan Tham tướng đã về,
Ngoài đình, Ngụy Soạn chực kề đợi tin.
Tưởng rằng về đến thì nên.
Chẳng ngờ đã phỏng tay trên nực cười.
Cổ tân kia mới bất tài,
Thập thành ngồi đợi một hai lấy tiền[4]
Tuấn Khanh việc rõ tòng quyền,
Đổi thay quần áo như in mọi ngày.
Đến mừng Ngụy Soạn trình bày,
Rằng: "Em cam chịu lỗi này biết sao.
Nghe tin anh đỗ bảng cao,
Vội mừng kể đã biết bao là mừng.
Cho cam lặn suối qua rừng,
Thần kinh[5] chỏ nẻo tới chừng thăm tin.
Đành hay có chí thì nên,
Khôi nguyên mừng mới, nhân duyên phải thì.
Chữ rằng: "Thiên tải nhất thì"[c],
Lọ gieo lá thắm, lọ xe chỉ hồng.

Khảo dị:

a. Bản A chép: *tự* nhung

b. Bản A chép: Truyền *quan*.

c. Bản A chép: Thiên tải *giai kỳ* (ngàn năm mới có dịp tốt).

Chú thích:

1. *Phủ nội:* trong phủ, trong dinh.

2. *Phó hoàn:* giao trả.

3. *Công án viện*: nơi thi hành pháp luật.

4. *Thập thành:* mười phần thành cả mười. Đánh tổ tôm sắp hạ ù lấy tiền thì bị người khác ù tay trên, thế là bất tài.

5. *Thần kinh*: kinh nhà vua.

Nay mừng gặp hội kỳ phùng,[1]
Dám xin tạm trú thong dong mấy ngày.
Em về minh bạch trình bày,
Gửi qua nghiêm phụ người hay sự lòng".
Nàng bèn vào lạy Tướng công,
Nỗi niềm gia sự thủy chung trần tình[a]
Rằng: "Tôi nhân việc lại Kinh
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Bởi chung văn sớ cầm tay,
Tiện khi cầu khấn đêm ngày cho cha.
Bỗng quên bỏ ngỏ hòm ra.
Tử Trung xem thấy biết là nữ nhân.
Lộ tình và nặng niềm tin,
Cho nên chàng ép[b] hôn nhân đã thành.
Lạy cha xin thú thực tình,
Chẳng ham hoa nguyệt mà khinh khép nhà.
Tướng công mừng rỡ thay là,
Rằng: "Khen gái trả ơn cha mới tài.
Mừng con đã dẹp duyên hài,
Việc gì bởi phận, tại trời xui ra.
Cớ sao thấy gã tân khoa[2],
Ngựa xe đến chực bên nhà đã lâu.
Ngày xưa có thấy vào hầu,
Hỏi han xem ý ra màu rấp ranh.
Cha thì giả cách vô tình,
Khách thì vốn dạ đinh ninh một lòng.
Vắng con cha chẳng nói cùng,
Bây giờ đã vậy khách mong nỗi gì".
Nàng bèn thưa thớt vân vi:
Bói tên chàng Ngụy toan khi lộn sòng.
Được tên là Đỗ Tử Trung,
Con đã tra thực thủy chung rõ ràng.

Khảo dị:

a. Bản A chép: ... *tự* tình

b. Bản B chép: Cho nên *nàng* ép...

Chú thích:

1. *Kỳ phùng:* gặp gỡ lạ lùng.
2. *Tân khoa:* người mới thi đỗ.

Trình qua nghiêm phụ được tường,
Soạn Chi đến quán chào chàng Tử Trung.
Rằng: "Tôi thấy sự lạ lùng
Cho nên tôi thấy trình cùng quý huynh.
Nguyên tôi giao với Tuấn Khanh,
Chị chàng tôi đã rắp ranh Tấn Tần[1]
Giao rằng chiếm được bảng xuân,
Trở về rồi sẽ hôn nhân kết nguyền.
Nay tôi đã chiếm khôi nguyên,
Cứ lời giao ước cho nên tới hầu.
Ngỡ là y ước sở cầu,
Ai ngờ biến cải ra mầu bạc đen.
Nỡ nào ở thế cho nên,
Nhẹ bên đai ấn, nặng bên má đào.
Thuyền quyên nỡ phụ anh hùng,
Để anh hùng luống chốc mòng thuyền quyên.
Phiền anh gắng sức một phen.
Gửi qua Tham tướng có nên chăng tường."
Thấy lời chân thực khá thương,
Tử Trung mới bảo rõ ràng cho hay.
Rằng: "Trang tình nghĩa xưa nay,
Há rằng mới có một nay ru mà.
Lần lần năm đã kể ba,
Tuy hình nam tử, thực là nữ nhân.
Bởi chưng để lộ sới văn.
Cho tôi mới biết ân cần hỏi tra.
Nàng bèn sự thực nói ra,
Cùng tôi lời đã giao hòa kết duyên,
Mới hay thành sự tại thiên,[2]
Một lời nói cợt mà nên vợ chồng.
Nàng thì đã vẹn chữ tòng,[3]
Chị thì chẳng có, anh hòng làm chi?
Rõ ràng còn có giấu gì,

Chú thích:

1. *Tấn Tần*: Đời Xuân Thu hai nước chư hầu đời đời kết hôn với nhau, người ta mượn để chỉ việc kết hôn hay thông gia.

2. *Thành sự tại thiên*: việc thành là ở trời;

3. *Tòng*: tòng phu, do chữ "xuất giá tòng phu" (lấy chồng theo chồng).

Anh em là nghĩa lan chi[1] bạn vàng?"
Soạn Chi nghe nói bàng hoàng,
Giục hề sắm sửa lên đường hồi gia.
Giận rằng sa kế đàn bà,
Soạn Chi nghĩ lại tưởng mà kể ngươi.
Tìm lời chữa thẹn đỡ thời,
Một ngày mắc tiếng, muôn đời tạc bia.
Thế gian họa hổ họa bì[2]
Tri nhân, tri diện, ai thì tri tâm[3]
Sự này ta đã trót lầm,
Vậy bèn kể lể nghĩ thầm xưa sau:
"Sắc tài ai kém ai đâu,
Rủi may là phận, ai hầu biết sao.
Sắt cầm duyên những ước ao,
Lượng công trình kể biết bao công trình.
Vô tình thay, khách vô tình,
Nỡ đem lòng bạc mà khinh nghĩa vàng".
Thấy lời than thở cũng thương,
Tử Trung mới bảo Ngụy chàng cho hay:
Đã nên may khéo là may,
Lễ nghinh hôn đã đặt bày vừa xong.
Phiền anh vào gửi Tướng công,
Cho vào làm lễ cúc cung từ đường[4].
Tiệc rồi em lẻn lên đường,
Thì anh sắm sửa vinh hương cũng vừa.
Soạn Chi mặt mũi ngẩn ngơ,
Đười ươi giữ ống[5] hững hờ tính sao?
Chẳng đi ra ý làm cao,

Chú thích:

1. *Lan chi tức chi lan:* cỏ chi và cỏ lan là loại cỏ thơm, người ta quen mượn để chỉ anh em bạn tốt.

2. *Họa hổ họa bì:* vẽ cọp chỉ vẽ được da.

3. *Tri nhân:* biết người; *tri diện:* biết mặt; *tri tâm:* biết lòng.

4. *Cúc cung:* cúi mình làm lễ, *từ đường:* nhà thờ.

5. *Đười ươi giữ ống:* Người đi hái củi ở trong rừng thường xỏ tay vào ống nứa, lỡ gặp đười ươi thì đưa tay có ống nứa cho nó giữ, rồi thừa lúc nó ngửa mặt lên trời thì rút tay ra mà trốn đi. Người ta mượn câu chuyện ấy để ví những việc làm không đâu (Đười ươi: một loài vật giống khỉ, ở trong rừng hay khoét mắt người, hễ bắt được người thì, giữ lấy cổ tay, rồi ngửa mặt lên trời mà cười, khi mặt trời lặn mới ngoảnh xuống).

Đi thời còn mặt mũi nào mà đi.
Thôi thôi ở cũng mà chi,
Lời rằng một chữ vị là quản bao!
Gọi hề sắm sửa cho tao!
Văn cân[1] đai cước, cẩm bào nghiêm trang.
Bèn vào Văn tướng từ đường,
Cứ trong hôn lễ phần hương[2] khấn cầu.
Nguyện xin báo ứng nghiệm mầu,
Họ Văn, họ Đỗ cùng nhau thọ tràng.
Tướng công mở tiệc giữ giàng,
Khuyên mời tân khách họ hàng no say.
Đương khi tiệc yến vui vầy,
Tráp trầu nàng mở sắp bày được ra.
Lễ mừng hai họ gần xa,
Rồi nàng lại trở gót hoa về phòng,
Vợ chồng vào lạy Tướng công,
Tạ cùng Nguỵ Soạn, giải lòng vân vi:
"Nàng ba là nghĩa lan chi,
Phiền anh tạm trú đợi thì sẽ hay.
Để tôi tuyển trạch[3] được ngày,
Cùng nhau ta sẽ xum vầy vinh hương.
Soạn Chi ngồi lặng tư lường[4]
Ra chiều có ý bẽ bàng lắm thay.
Giờ lâu Soạn mới thưa bày,
Trình rằng: "Đợi một vài ngày thì vâng"[a]
Vợ chồng Đỗ thị vào phòng,
Sắm sanh đồ đệ Tử Trung lên đường.
Vó câu khoan bước dặm trường,
Trở Thành Đô phủ chốn hàng ngày xưa.
Mong cho thấy mặt tiểu thư[b],

Khảo dị:

a. Bản A chép: ...đợi một vài ngày thì *lâu*.

b. Bản B chép: Mong cho *gặp* mặt tiểu thư.

Chú thích:

1. *Văn cân:* knăn quan văn.
2. *Phần hương:* đốt hương.
3. *Tuyển trạch*: kén chọn.
4. *Tư lường*: nghĩ ngợi.

Nạp nghênh hôn lễ ta đưa nàng về.
Gả cho anh Ngụy Soạn Chi,
Cùng nhau ta sẽ lưỡng quy nhất đoàn.[1]
Những mong than thở sự duyên,
Thành Đô phủ ấy gần miền tới nơi,
Bỗng nghe tiếng nhạc vang trời,
Giục lòng thiếu nữ viễn hoài[2] nhớ trông.
Vội mừng ngỡ tiểu tướng công,
Nào ngờ Đỗ Tử vào trong sảnh đường[3]
Phú ông sắm sửa vội vàng,
Ra hầu quý khách chưa tường duyên do:
"Tôi là già lão hèn ngu,
Việc gì xin chỉ giáo cho mừng lòng?"
Bấy giờ chàng Đỗ Tử Trung,
Khuyên mời "Quan lão tướng công cùng ngồi:
Cho tôi trình gửi vài lời,
Có tin hỷ sự[4] vầy vui thay là[a].
Rằng anh Ngụy Soạn Thám hoa,
Đồng song[5] vả lại đồng khoa bảng vàng.
Ngày xưa có gửi ngọc trang,
Vốn đem duyên kết cùng nàng tiểu thơ.
Lễ nghênh hôn cậy tôi đưa,
Trình quan lão tướng chọn giờ lên xe."
Mấy lời lão tướng ngồi nghe,
Rằng: "Tôi tuổi tác hàn vi phạp tài[6].
Có con cháu gái nữ hài,
Nguyên xưa đã lấy tú tài họ Văn.
Chàng còn dở việc nghiêm quân,
Cho nên chưa định hôn nhân đưa về.

Khảo dị:

a. Bản B chép: vầy vui *đó mà*...

Chú thích:

1. *Lưỡng quy nhất đoàn*: hai đám vinh quy nhập làm một đoàn.
2. *Viễn hoài:* nhớ người xa.
3. *Sảnh đường:* nhà khách.
4. *Hỷ sự:* việc vui mừng.
5. *Đồng song:* bạn cùng học một trường.
6. *Phạp tài:* thiếu tài, kém tài. Bản B chép: bất tài.

Gửi trình lời thực lòng quê,
Còn không lão dám tiếc chi nói trình." [a]
Tử Trung rằng: "Vốn ngọc trang,
Tuấn Khanh đã đổi cho chàng Soạn Chi.
Họ Văn đã hẹn vu quy,
Lại thêm một bức thư đưa rõ ràng.
Phiền già đưa đến mặt nàng,
Nhận xem tự dạng [1] mới tường sự duyên.
Nàng nhìn trong bức thư tiên,
Bài thơ thì đã quả nhiên của mình [b]
Song hiềm một nỗi Tuấn Khanh,
Bấy lâu bỗng vắng phong thanh cá nhàn. [2]
Ước ao [c] thấy mặt tiểu quan, [3]
Cho cam công khách hồng nhan đợi chờ,
Quải người [4] thay, bấy ông tơ,
Xe duyên chểnh mảng, thẫn thờ niềm đơn.
Ước gì rõ được căn nguyên,
Thắm phai cho biết, bạc đen cho tường,
Nhân sao chiếm nhận ngọc trang,
Xưa nay ai biết Ngụy chàng là ai.
Dạy chi [d] nhưng sự trái tai,
Thiên duyên [5] chẳng lọ vật nài ép duyên!
Vì mà ỷ thế cậy quyền,

Khảo dị:

a. Bản B chép:...lão dám tiếc chi nói *càn*.

b. Bản B chép: Thì *bài thơ họa quả nhiên* của mình.

c. Bản A chép: *Chước nào...*

d. Bản B chép: *Rày* chi

Chú thích:

1. *Tự dạng:* nét chữ.
2. *Phong thanh cá nhàn*: nói về tăm hơi tin tức do tiếng gió và nhạn đưa đến.
3. *Tiểu quan:* quan trẻ, chỉ Tuấn Khanh.
4. *Quải người*: trêu người, ghẹo người.
5. *Thiên duyên:* duyên trời.

Thì đành bình thủy [a] hoàng tuyền [1] thấy ai?
Phiền ông ra gửi lạy người,
Phú ông lại cứ như lời trình qua.
Tử Trung nghe nói thiết tha.
Sai quân về rước hầu bà [2] tới nơi.
Dẫu cho tỏ khúc nhôi này [b]
Trước sau minh bạch lựa bày mới xong [c]
Nàng vân lĩnh mệnh thẳng dong,
Lên xe liền tới phú ông thảo đường [3]
Nực cười thay cảnh thư nương,
Nhác trông xa ngỡ em chàng Tuấn Khanh.
Ghé nom trong bức mành mành,
Nhìn xem nhan sắc dáng hình như in.
Nghĩ rằng nàng tới đem tin,
Ắt là ta hẳn phỉ nguyền từ đây.
Vội vàng bèn trở gót giày [4]
Mời rằng nương tử vào ngay trong phòng.
Ong mừng bướm, bướm mừng ong.
Kẻ mong tin nhạn, người trông thư truyền.
Hỏi thăm công tử bình yên,
Đến đây công tử hàn huyên việc gì?
Tuấn Khanh rằng: "Phận nữ nhi,
Chấp kinh quyền [5] cũng phải tùy mới thông.

Khảo dị:

a. Bản A chép: Đã *tác bích* thủy.

b. Bản B chép: Dẫu cho *rõ nỗi niềm tây*.

c. Bản B chép:... minh bạch *chuyện này* mới xong.

Chú thích:

1. *Bình thủy:* bèo nước; *hoàng tuyền*: suối vàng, ý nói đành trôi giạt hay chết xuống suối vàng.

2. *Hầu bà:* chỉ vợ Tử Trung, tức Phi Nga, tức Tuấn Thanh.

3. *Thảo đường*: nhà tranh, nói nhún nhà xoàng.

4. Thái Ung đương tiếp khách, nghe Vương Sán đến, vội vàng ra đón đến nỗi đi ngược cả giày.

5. *Chấp kinh quyền*: đã giải thích ở trên.

Tôi đà phận đẹp cưỡi rồng [1]
Muốn cho nàng cũng chữ đồng [2] vinh hoa.
Thực là ngày trước đi qua,
Trá hình nam tử nay ta rõ ràng.
Bởi chàng có việc nghiêm đường,
Cải trang cho tiện đường trường xông pha,
Nay tôi đã vẹn thất gia,
Phu quân là Trạng tân khoa nhà ngoài.
Còn chàng Ngụy Soạn quốc tài,
Chưa nơi nào đẹp duyên hài xứng cân.
Thấy nàng đáng giá phu nhân,
Cho nên tâm sự ân cần đem sang,
Vốn ngày xưa chiếc ngọc trang,
Thực là của Ngụy Soạn chàng vấn danh.
Bởi tôi ngày trước trá hình,
Nên bây giờ phải thân hình trình qua.
Nàng thời sắm sửa bước ra,
Chào quan hoàng bảng tân khoa [3] lấy lòng.
Trở về lạy tạ phú ông,
Chị em ta cũng đều cùng vinh quy".
Mấy lời nàng Cảnh ngồi nghe,
Nghĩ rằng chưa tỏ Soạn Chi dạng hình.
Nhưng mà khoa mục tướng khanh [4]
Có hình thì mới có danh ắt là.
Nàng bèn minh bạch trình qua,
Phú ông nghe nói lòng hòa mừng thay.

Chú thích:

1. *Cưỡi rồng*: bởi chữ thừa long. Ngụy Hoàng Thượng cùng Lý Ung làm quan Tư đồ, cùng lấy con gái quan Thái úy Hoàng Nguyên Thúc, người ta khen hai cô gái họ Hoàng đều cưỡi rồng.

2. *Chữ đồng:* chữ đồng tâm.

3. *Hoàng bảng tân khoa:* người mới đỗ bảng vàng.

4. *Khoa mục tướng khanh*: người thi đỗ làm quan to.

Truyền làm tiệc ngọc vui vầy [a]
Lễ nghênh hôn cũng đặt bày nghiêm trang.
Nàng vào bái tạ từ đường,
Lạy ông thôi mới mời chàng Tử Trung.
Tiệc rồi đồ đệ [b] thung dung,
Xe xe, ngựa ngựa thẳng dong lên đường.
Vui chân chẳng ngại dặm trường.
Đến nơi gia tướng Ngụy chàng tân nhân.
Nhìn xem quốc sắc mười phân,
Nghĩ rằng khách cũng là xuân càng mầu.
Mừng lòng đã toại sở cầu,
Người xe chỉ thắm, ta xâu hạt vàng.
Song song anh, yến, phượng, hoàng, [1]
Cùng nhau mở tiệc lên đàng vinh quy.
Tiệc bày hồng nhạn [2] tứ vi,
Họ hàng thân thích, hả hê vui vầy.
Xướng ca đàn hát ba ngày,
Tiệc rồi ai nấy chia tay ra về.
Tử Trung mới hỏi Soạn Chi,
"Ngọc trang đã hợp, nào thì trúc tiên? [3]
Giao hoàn [4] cho phỉ sở nguyền,
Các tùy kỳ tiện [5] mới yên dạ này".
Trúc tiên soạn mới cầm tay,
Vâng lời bèn mới đưa ngay [c] trả chàng.

Khảo dị:

a. **Bản B chép:** *yến tiệc* vui vầy...

b. **Bản B chép:** Tiệc rồi *thầy tớ*...

c. **Bản B chép:** *gửi ngay* trả chàng.

Chú thích:

1. *Anh, yến, phượng, hoàng*: bốn giống chim cùng đôi lứa với nhau.

2. *Hồng nhạn*: loài chim bay có thứ tự trước sau, ví như anh em.

3. Ngọc trang là vật Tuấn Khanh lấy của Ngụy Soạn Chi trao làm tin cho Cảnh tiểu thư. Trúc tiên: cái tên Tuấn Khanh bắn chim để bói việc hôn nhân, đã lọt tay Đỗ Tử Trung mà Đỗ lại trao cho Ngụy, nay trả về Đỗ.

4. *Giao hoàn*: giao trả lại.

5. *Các tùy kỳ tiện*: Ai nấy đều tùy theo phương tiện riêng của mình, cũng như nói "đâu về đấy".

Giao rằng bốn họ vinh xương,
Có người khoa mục, có nàng thục nhân.
Đời đời xuân lại thêm xuân,
Dõi truyền Đỗ, Ngụy, Cảnh, Văn bốn nhà.
Truyện này dù thực dù ngoa,
Cứ trong tiểu thuyết diễn mà chép [a] chơi.
Miễn là lầm lỗi theo lời,
Chẳng ca Bạch Tuyết, chẳng tài Thanh Liên.
Ít nhiều chấp chảnh một thiên [b]
Ai chê mặc ý, ai khen mặc lòng.
Dõi truyền phúc lộc, thọ chung [c]
Kiêm toàn bách phúc, hưởng đồng thiên xuân.

Phiên âm từ bản Nôm Thịnh văn đường,
khắc in đời Thành Thái, năm Nhâm Dần.

Khảo dị :

a. **Bản A chép**: ... *chỉ* chơi

b. **Bản A chép**: ... một *biên*

c. **Bản A chép**: Dõi truyền *Đức tộ miên hồng*.

QUAN ÂM THỊ KÍNH

TIỂU DẪN

Quan Âm Thị Kính là một truyện thơ Nôm viết theo thể lục bát kể về một người con gái lương thiện phải trải qua nhiều oan khổ, nhưng nhờ có đức nhẫn nhục và lòng từ bi mà được đắc quả thành Phật Bà Quan Âm.

*
* *

Thị Kính, con nhà nghèo kết duyên cùng Thiện Sỹ, con nhà phú ông. Một đêm, Thiện Sỹ ngồi đọc sách mệt mỏi mới ngủ thiếp đi. Thị Kính nhìn lên cằm chồng thấy râu mọc ngược, cho là điềm gở, định cầm dao cắt đi. Bỗng chồng giật mình tỉnh dậy, tưởng vợ có bụng hại mình liền hô hoán lên. Cha mẹ chồng một mực gán cho nàng tội mưu sát chồng và đuổi về nhà cha mẹ đẻ. Thị Kính buồn tủi toan bề tự vẫn, nhưng vì thương cha mẹ già không nỡ dứt tình, bèn quyết chí đi tu cho tròn quả phúc để đền ơn sinh thành. Nàng cải dạng nam nhi, đổi tên là Kính Tâm đến tu ở chùa Vân Tự.

Song chưa được bao lâu thì tai vạ lại xảy đến. Nguyên trong vùng có Thị Mầu con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ. Một hôm nhân đi lễ chùa trông thấy Kính Tâm tưởng là trai, liền đem lòng say đắm. Bị chú tiểu thờ ơ, Thị Mầu vẫn không nén được lòng ham muốn, về nhà ả tư thông cùng với đứa đầy tớ trai, không may có chửa. Bị hào lý trong làng tra hỏi, Thị Mầu đổ riệt cho Kính Tâm, vì thế Kính Tâm bị sư cụ bắt ra ở ngoài cổng chùa. Ít lâu sau Thị Mầu sinh con trai và trả cho Kính Tâm. Nàng thương đứa hài nhi vô tội nên nuôi nấng tử tế. Kịp khi đứa trẻ lên ba thì Kính Tâm mất, để lại một bức thư cho cha mẹ. Lúc sư vãi trong chùa ra liệm thi hài và khi đọc bức thư tuyệt mệnh thì ai nấy đều rõ Kính Tâm đã hai lần bị oan. Thiện Sỹ từ khi đuổi vợ về nhà cha mẹ thì ngày đêm thương nhớ. Lúc được tin vợ mất, chàng cùng người nhà đến chùa lo việc ma chay và trọn đời tu hành ở đấy.

Kính Tâm được siêu thăng và trở thành Phật Bà Quan Âm.

*
* *

Quan Âm Thị Kính từ trước vẫn được độc giả coi như một tác phẩm khuyết danh. Gần đây, có ý kiến cho rằng tác giả là Nguyễn Cấp - một nhà

văn Việt Nam sống vào đầu thế kỷ XIX [1], nhưng cũng chưa có bằng chứng chắc chắn.

Mặt hạn chế chủ yếu của tác phẩm là chịu ảnh hưởng quan niệm siêu hình của Phật giáo trong cách lý giải hiện thực. Tác giả cho rằng cuộc đời là vô nghĩa và tu hành mới là con đường cứu vớt con người. Thông qua việc mô tả số phận đắng cay của Thị Kính, tác phẩm đã đạt tới một giá trị hiện thực khách quan sâu sắc. Nội dung tác phẩm đã tố cáo một xã hội đầy rẫy những bất công ngang trái đến nỗi một người phụ nữ trong trắng như Thị Kính đã phải chịu những nỗi oan tày trời. Số phận của nàng đã trở thành điển hình cho biết bao số phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Về mặt nghệ thuật, tác phẩm cũng đạt đến một trình độ khá điêu luyện qua những câu thơ lục bát trau chuốt khi thì châm biếm, khi thì đậm đà màu sắc trữ tình...

*

* *

Quan Âm Thị Kính có bản viết bằng chữ Nôm, có bản đã được phiên âm ra Quốc ngữ:

Bản chữ Nôm: Bản A: *Quan Âm chú giải tân truyện*. Ký hiệu thư viện Hán Nôm AB46 được khắc in vào năm Tự Đức thứ 21 (1868) do nhà in Thịnh văn đường tàng bản.

Bản B: *Quan Âm chính văn tân truyện*. Ký hiệu thư viện Hán Nôm AB638, khắc in vào năm Khải Định thứ 4 (1919) do Phúc An hiệu tàng bản.

Bản C: *Quan Âm Chu Thị Kính*, bản chữ Quốc ngữ, Nhà xuất bản Cây Thông (88 Lò Đúc Hà Nội). Sách không để tên tác giả, không có khảo dị và chú thích. Ký hiệu Vb. 1864 Thư viện Thông tin khoa học xã hội.

Bản D: *Quan Âm Thị Kính truyện* của Đinh Xuân Hợi, ký hiệu VV.973. Thư viện Quốc gia. Tân dân thư quán xuất bản 1929. Cả hai bản trên, các soạn giả đều không nói rõ phiên âm từ bản Nôm nào.

Trong quá trình khảo sát chúng tôi nhận thấy các bản C, D gần với bản Nôm A. Trong khi phiên âm chúng tôi chủ yếu dựa vào bản A và lấy các bản B, C, D làm khảo dị.

1. *Từ điển văn học*. Nhà xuất bản KHXH. 1984. Tr. 251.

Nhân sinh thành Phật dễ đâu,
Tu hành cứu khổ rồi sau mới thành.
Ai hay bền dạ làm lành,
Chứng minh trong chốn minh minh cũng tường. [1]
Rằng [(a)] Ngô thị tụng Kim cương, [2]
Chân thân còn đấy tượng vàng ngàn thu. [3]
Rằng Địa tạng [4] dốc lòng tu,
Độ cho cũng khỏi được từ đấng thân. [5]
Ấy là những chuyện gần gần,
Tu thân mà độ được thân lắm người.
Lọ là đức hạnh tót vời,
Đức Quan Âm [6] ấy truyền đời còn ghi.
Vốn xưa là đấng nam nhi,
Dốc niềm từ thuở thiếu thì xuất gia.
Tu trong chín kiếp hầu qua,
Bụi trần rũ sạch thói tà rửa không.
Đức Mầu Ni [7] xuống thử lòng,
Hiện ra một ả tư dung mỹ mầu.
Lần khân ép dấu nài yêu,
Người rằng: vốn đã lánh điều trăng hoa.
Có chăng kiếp khác họa là,

Khảo dị

a. Bản C chép: *Nàng*.

Chú thích:

1. *Chốn minh minh*: nơi tối tăm mờ mịt.

2. *Kim cương:* tên một bản kinh Phật.

3. *Tượng vàng*: tức tượng bằng vàng. Ý nói Ngô Thị Kính trong Kim cương mà về sau người ta đúc tượng vàng để thờ.

4. *Địa tạng:* tên một vị Bồ Tát có phép rất mầu nhiệm.

5. Câu này ý nói cha mẹ của Phật Địa tạng mất sớm, người không kịp nuôi, sau nhờ tu hành mà cứu được cha mẹ khỏi địa ngục.

6. *Quan Âm:* tức Phật Quan Thế Âm Bồ Tát thường cứu khổ cho chúng sinh.

7. *Đức Mầu Ni:* tức Phật Thích Ca Mầu Ni.

Kiếp này sợi chỉ [1] chót đà buộc tay.
Nào ngờ phép Phật nhiệm thay,
Nhớ lời mà đã vin ngay lấy lời.
Chờ sang kiếp nữa đủ mười
Thử cho đày đọa suốt đời có sao.
Cõi trần mượn cửa thác vào,
Hóa sinh sinh hóa [2] nhẽ nào cho hay.
Cao ly là nước lớn thay,
Đại bang thành [3] vốn xưa nay gọi là.
Lũ tà quận ấy bao xa,
Hồ nam huyện Bắc có nhà Mãng ông.
Gia tư [4] thì cũng bậc trung,
Chỉn hiềm trước cửa treo cung [5] còn trầy.
Rằng Kim tiên kể thiêng thay [6],
Bào thai mộng nguyệt [7] mãn ngày treo khăn.
Tuy chưa phải dạng thạch lân,
Khẩn cầu cũng bỏ người thân muộn màng,
Đặt cho Thị Kính tên nàng,
Đượm nhuần sắc nước dịu dàng nét hoa.
Lạnh lùng chim cũng phải sa [(a)] [8],
Người tiên cung ở đâu ta trên đời.
Điểm trong tứ đức [9] vẹn [(b)] mười,
Cửa Vương Đạo [10] dễ chọn người sàng đông.

Khảo dị

a. Bản B chép: *Nhạn*

b. Bản B chép: *dư*

Chú thích:

1. *Sợi chỉ... buộc tay*: Ý nói đã thề nhất định không làm điều gì cũng như buộc sợi chỉ vào mấy ngón tay không cho động đậy nữa.

2. *Hóa sinh sinh hóa:* sự sinh ra và biến hóa trong trời đất.

3. *Đại bang thành*: thành trì của nước lớn.

4. *Gia tư*: tiền của trong nhà

5. *Trước cửa treo cung*: lấy tích trong Kinh Lễ sinh con trai thì treo cung bên trái cửa để tỏ ra cung tên là việc của con trai.

6. *Kim tiên*: người con gái đi tu đắc đạo gọi là Kim tiên.

7. *Mộng nguyệt*: nằm mộng thấy trăng. *Treo khăn*: lấy điển trong Kinh Lễ sinh con gái thì treo khăn bên phải cửa để tỏ ra khăn lược là việc của con gái.

8. *Chim sa*: do chữ "lạc nhạn" đẹp đến nỗi chim nhạn trông thấy phải rơi xuống.

9. *Tứ đức*: bốn đức của người đàn bà (công, dung, ngôn, hạnh).

10. *Vương đạo*: tên một ông thầy dạy học đời Tấn, có nhiều học trò giỏi.

Ở trong quận có họ Sùng,
Săn khuôn [a] y bát [1] vốn dòng cân đai.
Sinh chàng Thiện Sỹ là trai,
Qua vòng tổng giốc mới ngoài gia quan [2]
Kể điều tài mạo cũng ngoan,
Gã Tào kiếp trước chàng Phan [3] thân [b] này.
Đã trồng bạch bích từ đây,
Còn chờ bói phượng [4] chửa vầy bạn loan,
Thư trung đành có ngọc nhan [5],
Sách đèn còn bận buông màn Đổng Xuyên [6].
Vẳng nghe họ Măng gần miền,
Lam Kiều [7] là chốn thần tiên có người.
Bức tranh Khổng tước vẽ vời [8],
Tay hèn dễ bấn mấy đời cho tin.
Đem cân mà thử nhấc lên,
Bên tài bên sắc đôi bên cũng vừa.
Mượn lời trên giát trình thưa,
Cầu hôn mới viết thư từ đệ sang [c].
Mở ra họ Măng xem tường [d],
Cùng phu nhân mới lo lường trước sau.
Bấy nay vốn đã quen nhau,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *rất*

b. Bản C chép: *phen*

c. Bản B chép: không có hai câu trên

d. Mở thư họ Măng

Chú thích:

1. *Sẩn khuôn y bát*: ý nói Thiện Sỹ vốn con nhà quyền thế.

2. *Tổng giốc:* chữ trong Kinh Thi nói đứa con có hai xoáy tóc hai bên như hai cái sừng. Gia quan: đến 20 tuổi thì đội mũ.

3. *Gã Tào, chàng Phan:* tức Tào Tử Kiến đời Tam Quốc và Phan Nhạc đời Tấn, người đẹp và có tài làm thơ.

4. *Bói phượng*: kén vợ.

5. *Ngọc nhan*: nhan sắc đẹp như ngọc.

6. *Buông màn Đổng Xuyên:* Đổng Trọng Thư hiệu là Quảng Xuyên vây màn ba năm đọc sách mắt không ngó ra ngoài.

7. *Lam Kiều*: tên một cái cầu ở huyện Lam Điền (TQ), nơi có tiên ở.

8. *Khổng tước*: con sông.

Họ người vả cũng công hầu [1] xưa kia.
Con trai rèn tập sớm khuya,
Nhà thi thư vẫn giữa nghề thi thư.
Vừa đôi vừa lứa quan thư [2],
Há rằng Trịnh với Tề [3] dư mà ngờ.
Đành rằng anh yến lọc lừa, [4]
Lại con nay đợi mai chờ nơi nao.
Tơ hồng đã khéo xe vào,
Viết thư toán cát mà trao họ Sùng.
Nàng nghe nghĩ ngợi đã xong,
Năm canh thắc mắc trong lòng thảm thương.
Linh xuân một khóm hầu vàng, [(a)] [5]
Quế non Yên chửa nở nang chồi nào [6].
Có ta [(b)] một chút má đào,
Thần hôn cũng đã ra vào làm khuây.
Áo Lai chửa múa sân này [7],
Thời đem kinh bố [8] mà hay gọi là.
Tòng phu nẻo đã từ xa,
Thừa hoan như lúc ở nhà được đâu [9].
Song thân thấy ý đeo sầu,
Gọi nàng mới dạy gót đầu cho hay.
Kể là phụ mẫu xưa nay,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *đồng*

b. *Con ta* một chút má đào

Chú thích:

1. *Công hầu:* 2 tước trong 5 tước của triều đình (công, hầu, bá, tử, nam) dùng để chỉ những người có quan tước lớn trong triều.

2. *Quan thư:* tên một bài thơ trong Kinh Thi (quan: hòa thuận, thư: thư cưu, tương truyền giống chim này biết nghĩa vợ chồng).

3. *Tề với Trịnh:* lấy điển Tề Hy Công muốn gả con gái cho Thế tử Hốt nước Trịnh. Thế tử nói: "Nước Tề to, nước Trịnh nhỏ không xứng đáng với nhau". Ý nói không môn đăng hậu đối.

4. *Anh, Yến:* Hai thứ chim trống mái thường cặp nhau. *Lọc lừa*: chọn lựa mãi mới được.

5. Chỉ cha mẹ đã già.

6. Cả câu ý nói chưa sinh con trai.

7. *Áo Lai:* tức Lão Lai người nước Sở thời Xuân thu, thờ cha mẹ rất có hiếu.

8. *Kinh bố:* Do chữ "Kinh thoa bố quần" là cái thoa bằng gai, cái váy bằng vải: chỉ con nhà nghèo.

9. *Thừa hoan:* nhận lấy sự vui vẻ.

Gái sinh mong sớm đến ngày hữu gia.
Cứ xem phúc trạch nhà ta, [1]
Một mai cũng dễ trai già nở châu [2].
Sự nhà chớ lấy làm sầu,
Miễn con giữ đạo làm dâu cho tròn.
Núi kia ắt hẳn chưa mòn,
Thông kia sương tuyết cũng còn chửa chi [(a) 3].
Vả xem lối lại đường đi,
Quanh đây thăm viếng đôi khi cũng gần.
Nàng nghe dạy dỗ ân cần,
Gạt châu mới nghĩ, dần dần cũng khuây ?
Cá đi nhạn lại tin bay,
Đủ năm lễ đã đến ngày thừa long [4].
Đào yêu ơi ói màu hồng.
Ngọc trao chén dặn [5] hương xông áo nguyền.
Gió Đằng [6] kể khéo đưa duyên,
Chàng Lưu đón dắt đến miền Thiên Thai [7].
Tiếng cầm tiếng sắt bẻ bai,
Tiếng chuông tiếng trống êm tai rập rình.
Một đôi tài sắc vừa xinh,
Đố Tăng Do [8] vẽ bức tranh nào bằng.
Có đêm thề thốt dưới trăng,
Một rằng: thế thế, hai rằng sinh sinh [9].
Đá kia tạc lấy lời minh [10],

Khảo dị:

a Bản C chép: *chờ* chi.

Chú thích:

1. *Phúc trạch:* phúc ấm để lại cho đời sau.
2. *Trai già nở châu:* do câu "Lão bạng sinh châu". Ý nói người già mà sinh được con quý.
3. *Thông kia sương tuyết cũng còn chửa chi*: ý nói cha mẹ già nhưng còn khỏe như đá núi không mòn và cây thông gặp sương tuyết vẫn còn xanh .
4. *Thừa long*: cưỡi rồng.
5. *Chén dặn*: là chén rượu uống lúc làm lễ hợp cẩn cúng ông tơ hồng.
6. *Gió Đằng:* bởi chữ "Đằng Vương Các: lấy tích ông Vương Bột đời Đường đi thuyền nhờ thuận gió mà chỉ một đêm tới gác vua Đằng. Chỉ vận tới duyên may.
7. *Chàng Lưu*: tức Lưu Thần người đời Đông Hán cùng Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai hái thuốc, tình cờ gặp tiên rồi cùng kết làm vợ chồng.
8. *Tăng Do:* Tên một người thợ vẽ khéo đời xưa.
9. *Thế thế, sinh sinh:* kiếp này qua kiếp khác kết duyên cùng nhau.
10. *Lời minh:* lời thề ước.

Vàng đâu thếp lấy chữ tình mà gieo.
Thực rằng [a] nết đủ mọi điều,
Đã niềm trung hiếu lại chiều đoan trang.
Ở trên hiếu thuận song đường [1],
Lòng quỳ [2] dám trễ tay khương nào đời.
Câu thơ liễu nhứ ngâm chơi,
Dẫu tài nàng Tạ [3] chẳng soi cho tày.
Khuyên chàng kinh sử đêm ngày,
Thang mây [4] mong nhắc chân giày cho cao.
Nghi gia [5] hai chữ thơ đào,
Nhận ra trăm nết nết nào mà chê.
Hôm mai trong chốn thâm khuê, [6]
Kẻ đường kim chỉ người nghề bút nghiên.
Canh khuya bạn với sách đèn,
Mỏi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Nào khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang dưới cằm.
Vô tâm xui bỗng đa tâm,
Dao con sẵn đấy mới cầm lên[b] tay.
Vừa ra sấp tiện cho tày,
Giật mình chàng đã thức ngay bấy giờ.
Ngán thay chữa dép [c] vườn dưa, [7]
Dẫu ngay cho chết cũng ngờ rằng oan.
Thất thần[8] nào kịp hỏi han,
Một lời la lối rằng toan giết người.

Khảo dị:

a. Bản D chép: *Mà người*

b. Bản C chép: *liền...*

c. Bản C chép: *nhỡ* dép

Chú thích:

1. *Song đường:* chỉ cha mẹ.

2. *Quỳ:* loài cây có hoa luôn hướng về mặt trời (Lòng trung thành với người trên).

3. *Nàng Tạ:* tức Tạ Đao Uẩn, cháu Tạ An đời Tấn nổi tiếng thông minh học rộng, có tài biện bác.

4. *Thang mây:* do chữ "vân thê" chỉ đường công danh.

5. *Nghi gia:* vợ chồng ăn ở hòa thuận, nên cửa nên nhà.

6. *Thâm khuê*: buồng kín (nơi phụ nữ ở).

7. *Chữa dép vườn dưa*: lấy ý trong câu tục ngữ "qua điền bất nạp lý": đi qua vườn dưa thì không sửa giầy vì người ta sẽ nghi mình hái dưa.

8. *Thất thần*: sợ hãi.

Song thân nghe tiếng rụng rời,
Rằng sao khuya khoắt mà lời gớm thay.
Chàng rằng giấc bướm[1] vừa say,
Dao con nàng bỗng cầm tay kề gần.
Hai vai hộ có quỷ thần,
Thực hư đôi nhẽ xin phân cho tường.
Nàng vâng thưa hết mọi đường,
Rằng từ dựng khúc loan hoàn đến nay.
Án kia nâng ở ngang mày [2],
Sạch trong một tiết thảo ngay một bề.
Xót chàng đèn sách mỏi mê,
Gối Ôn công [3] thuở giấc hòe thiu thiu.
Thấy râu chút [(a)] có chẳng đều,
Cầm dao tiện để một chiều như nhau.
Há rằng có phụ tình đâu,
Muôn trông xét đến tình đầu kẻo oan.
Thác đi phỏng lại sinh hoàn, [4]
Thời đem lá phổi buồng gan dãi bày.
Công cô [5] rằng bảo cho hay,
Trộm gương cắt [6] phấn cũng đầy chan chan.
Mấy người một ngựa một yên,
Nay Trương mai Lý [7] thế gian hiếm gì.
Ấy may mà tỉnh ngay đi,
Đinh đinh đinh nữa có khi còn đời.
Sự này chớ lấy làm chơi,
Sai người tức khắc đến mời Mãng ông.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *mọc...*

Chú thích:

1. *Giấc bướm:* do chữ "Điệp Mộng". Trang Chu nằm ngủ mơ hóa ra con bướm.

2. Do câu "Cử án đề mi", ý nói Thị Kính thờ chồng một cách rất cung kính.

3. *Gối Ôn Công*: Tư Mã Quang hiệu Ôn Công người đời Tống rất chăm học, khi ngủ thường gối lên một cái gối bằng cây đẽo tròn, gối lăn làm cho tỉnh giấc lại trở dậy đọc sách.

4. *Thác đi phỏng lại sinh hoàn*: chết đi thì khó mà sống lại được.

5. *Công cô:* bố mẹ chồng.

6. *Trộm gương cắp phấn*: do chữ "Du hương thiết phấn", lén lúc chồng đi vắng mà tư tình với người ngoài.

7. *Nay Trương mai Lý:* tức nay người này, mai người khác.

Trách rằng: sự mới lạ lùng,
Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu.
Khúc cầm bỗng dở dang nhau,
Say đâu với đứa trong dâu hẹn hò [1].
Sông kia còn có kẻ dò,
Lòng người kia dễ mà đo cho cùng.
Sự này mười mắt đều trông,
Thôi đừng tra hỏi gạn gùng nữa chi.
Nghe anh nào có bụng gì,
Đêm về dạy đấy sao [a] thì mặc anh.
Lắng nghe kể lể sự tình,
Ngậm ngùi nghĩ đến con mình mà thương.
Nỗi kia đoạn nọ ngổn ngang,
Tủi thân khôn đậu hai hàng nhỏ sa.
Thưa rằng trong nghĩa thất gia [2],
Ơn lòng chiếu cố thực là hậu thay.
Hiếm hoi mới một chút này,
Được nương bóng ấy đã may bội phần.
Nguyền xưa mong vẹn Tấn Tần, [3]
Hai non ngoảnh lại cho gần cả hai.
Nào ngờ trẻ mỏ nghe ai,
Thả chông đường nghĩa rắc gai lối tình.
Phù dung [4] nỡ để lìa cành,
Giếng sâu nỡ để rơi bình [b] từ đây.
Nước trong bát đã rời tay,
Có còn bốc lại cho đầy được chăng.
Mưa tan mây cuốn nửa chừng,
Rộng dong dạy thế xin vâng lĩnh về.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *sau...*

b. Bản C chép: mình

Chú thích:

1. *Trong dâu:* do chữ "Tang gia bộc thượng": Trong ruộng dâu và trên bờ sông Bộc, nơi trai gái nước Trịnh, nước Vệ hẹn hò nhau để tự tình. Đây chỉ thói dâm ô.

2. *Nghĩa thất gia*: ý nói nghĩa vợ chồng.

3. *Tấn Tần*: tên hai nước đời Xuân Thu Chiến Quốc. Hai nước này thường gả con cho nhau nên có chữ "duyên Tấn Tần".

4. *Phù dung:* tên một loài hoa thường để ví với người con gái đẹp.

Lờn bơn [1] chịu tốt [a] một bề,
Quản làm sao được kẻ chê người cười.
Gọi con đến trước lạy người,
Lạy lương nhân [2] đã sẽ rời chân ra.
Lòng nàng xiết nỗi xót xa,
Má đào ủ dột mặt hoa âu sầu.
Đến nơi làm lễ khấu đầu [3],
Lạy công cô [4] đoạn hồi sau lạy chồng.
Như tuôn giọt lệ dòng dòng,
Nín hơi thổn thức nỗi lòng sau xưa.
Kể từ kim cải [5] duyên ưa, [b]
Dây leo cây bách mong nhờ về sau. [c]
Dầu ai phụ bạc cùng nhau,
Đã thần ba thước trên đầu chứng tri. [6]
Vì đâu phút hợp phút ly,
Kiếp này đã dở chắc gì kiếp sau.
Thiệt công ô thước bắc cầu,
Chàng Ngưu ả Chức [7] giã nhau từ rày.
Ngập ngừng tới lúc chia tay,
Đôi bên sùi sụt bốn mày châu chan.
Ai làm chia phượng rẽ loan,
Đang tay nỡ bẻ phím đàn làm đôi.
Lòng chàng nghĩ lại bồi hồi,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *ép*

b, c. Bản B không có hai câu này.

Chú thích:

1. *Lờn bơn:* một loại cá mình dẹp chỉ nằm một bề. Ý nói phải chịu để yên không phản ứng.

2. *Lương nhân:* chỉ người chồng.

3. *Khấu đầu*: cúi rạp đầu xuống đất.

4. *Công cô*: bố mẹ chồng.

5. *Kim cải* là duyên vợ chồng quấn quít nhau như nam châm bắt lấy cái kim và hổ phách hút lấy hạt cải.

6. *Chứng tri:* chứng kiến mà biết cho.

7. *Chàng Ngưu ả Chức:* tức Ngưu Lang và Chức Nữ. Chức Nữ là cháu của Trời lấy Ngưu Lang (chàng chăn trâu) từ khi lấy chồng Chức Nữ sinh lười biếng việc canh cửi khiến Trời giận mới chia rẽ mỗi người một ngã, lấy sông Ngân Hà để ngăn cách và chỉ cho mỗi năm gặp nhau một lần vào đêm 7-7. Chim ô thước (chim quạ) bắc cầu cho họ gặp nhau.

Trước tuy còn giận sau rồi lại thương.
Duyên này mà đã dở dang,
Còn nên gảy khúc cầu hoàng nữa sao. [1]
Lưu tô sương gió lọt vào,
Đem mâm mà chứa ngọc giao hẳn đầy. [2]
Phấn kia còn dấu bình này,
Hương kia còn dính áo này chưa phai.
Xanh xanh khóm liễu Chương đài, [3]
Tiếc thay đã để tay ai vin cành.
Muôn thu viếng chốn giai thành,
Vẫn còn hai chữ nan [a] bình [4] mang đi.
Nàng từ dở bước vu quy
Nhân duyên thôi có nghĩ gì như [b] ai.
Đã oan vì chiếc tăng hài,
Mặt nào mà lại đi hai lần đò [5].
Trách người sao nỡ dày vò,
Để cho Tiểu Ngọc [6] giận no cũng già.
Nhạn hàng phỏng có đôi ba,
Thà rằng minh mục chẳng thà buồn tênh [7].
Tôi vì phận liễu một cành,
Liều đi thì để mối tình cậy ai.
Phòng riêng vò võ hôm mai,
Trông ngày đằng đẵng lại dài hơn năm.
Buồng trong giọt ngọc đầm đầm,
Mùi ăn không nhớ giấc nằm chẳng ngon.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *nam*

b. Bản D chép: *đến*

Chú thích:

1. *Khúc cầu hoàng:* tức Phượng cầu hoàng (chim phượng tìm chim hoàng). Tư Mã Tương Như gảy khúc nhạc Phượng cầu hoàng để quyến rũ Trác Văn Quân.

2. *Ngọc giao*: bởi tích Giao nhân thường ở dưới bể đi lên cõi trần. Khi cáo biệt với chồng thì khóc, nước mắt nhỏ xuống thành ngọc châu.

3. *Liễu Chương đài*: Dịch ý câu thơ Hàn Hoành gửi cho vợ họ Liễu ở Chương đài "Chương đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ ? (Cây Liễu Chương đài ngày trước xanh xanh nay còn không ?).

4. *Nan bình:* việc uất ức khó chịu mà không được bằng lòng.

5. *Đi hai lần đò*: hai lần lấy chồng.

6. *Tiểu Ngọc*: con gái vua Ngô Phù Sai suốt đời không kết duyên cùng ai.

7. Câu này ý nói chẳng thà chết nhắm mắt còn hơn buồn tênh.

Nực cười sự nhỏ con con,
Bằng lông mà nảy ra cồn Thái Sơn [1].
Vì chi bấy [a] phận hồng nhan,
Cành hoa nở muộn thì tàn mà thôi.
Xót thay tóc bạc da mồi,
Vì ai nên nỗi đứng ngồi chẳng khuây.
Vò dày chút phận thơ ngây,
Sự vui chưa thấy thấy ngay sự phiền.
Lấy chi báo đức sinh thành, [2]
Dễ đem má phấn mà đền trời xanh.
Có khi dốc chí tu hành,
Lánh miền trần tục nương mình thiền môn.
Độ trì nhớ đức Thế tôn [3],
Dở dang thuở trước vuông tròn mai sau.
Nghiêm từ [4] hưởng phúc về sau,
Họa đền nghĩa nặng ơn sâu ít nhiều [b].
Thượng thừa [5] là Phật là tăng,
Xích thằng ai đã Kim thằng hẳn dai [6].
Chỉ e thưa gửi rõ bài,
Thương con ắt hẳn nỡ hoài cho đi.
Thôi thì xuất cáo [7] làm chi,
Thân này còn quản thị phi được nào.
Bàn thầm mọi nhẽ thấp cao [c],
Ba mươi sáu chước [8] chước nào là trên.
Xuất gia quyết một gan liền,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *chút*

b. Bản C chép: ... *cho bằng*

c. Bản C chép: *cho* cao

Chú thích:

1. *Thái Sơn*: tên một quả núi rất cao thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc, thường để ví với những cái gì cao hơn.

2. *Đức sinh thành*: ơn cha mẹ sinh ra và nuôi nấng.

3. *Đức Thế tôn:* tiếng tôn xưng Phật Thích Ca.

4. *Nghiêm từ:* tức cha mẹ.

5. *Thượng thừa*: ví phép Phật như cỗ xe lớn chở người tới cõi Phật.

6. *Xích thằng:* sợi dây để ông Nguyệt lão dùng để buộc chân hai người kết làm vợ chồng.

7. *Xuất cáo*: con đi đâu thì phải báo cho cha mẹ biết trước.

8. Do câu "tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách": ba mươi sáu chước, chước chạy là hơn cả.

Phụ tình đới nguyệt bước lên dặm trường.
Quần chăn áo chít dịu dàng,
Giả hình nam tử ai tường căn nguyên.
Song đường [1] thấy sự ngạc nhiên,
Ruột tằm như rối thêm phiền não ra.
Biết đâu dặm thẳng đường xa,
Biết là giếng cạn hay là bể sâu.
Chốc đà phần ấy tuổi đầu,
Đến nay cả [a] lớn vừa hầu cậy trông.
Giải kia nhầm dắt chữ đồng,
Tủi duyên [b] xẩy bỗng nở lòng Sâm Thương [2],
Hay là bực tuyết buồn sương [3].
Như ai khoét vách trèo tường chả chơi.
Vậy thì sao chẳng một lời,
Biết mà gả phắt cho đời cho xong.
Đá vàng nghe cũng bền lòng,
Nhẽ nào trống thủng bỗng không đến điều.
Vì đâu gió quở mây chiều,
Để nguồn trôi nổi cho bèo mênh mông.
Mắt lòa chân chậm răng long,
Dễ nhờ lá ngọc hết công tìm tòi.
Biết bao nước mắt mồ hôi,
Cây đồng được mấy mươi chồi cho cam.
Bây giờ đôi ngả bắc nam,
Biết còn quanh quất cõi phàm hay không [4].
Nghìn năm nghiêng lở non đồng, [5]
Biết còn ứng tiếng lạc chung đó là [6].
Thương thay lụ khụ tuổi già,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *cây*

b. Bản B chép: tủi duyên *phận ấy*...

Chú thích:

1. *Song đường:* chỉ cha mẹ.

2. *Sâm Thương:* sao Hôm mọc vào buổi tối, sao Mai mọc vào buổi sáng. Ý nói sự cách trở không bao giờ gặp được nhau.

3. *Bực tuyết buồn sương*: chán nỗi lạnh lùng.

4. *Cõi phàm:* cõi người ta ở.

5. *Non đồng*: núi có mỏ đồng để đúc chuông.

6. *Lạc chung:* quả chuông ở đất Lạc Dương. Câu này ý nói mẹ mất con thì đau lòng.

Dế năm canh nguyệt quốc ba tháng hè.
Nàng từ xa chốn hương khuê,
Nỗi nhà man mác mọi bề mà lo.
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sầu [1] cao ngất phá cho tan tành.
Tưởng ân trời bể [2] mông mênh.
Dễ mà đền được ân tình ấy đâu.
Tà tà bóng ngả cành dâu,
Sớm khuya dưới gối ai hầu hạ thay.
Vắng lời khuất mặt lúc này,
Lòng người thiểu não biết ngày nào nguôi.
Nghĩ điều mưa nắng xa xôi,
Cảm thương đòi đoạn bồi hồi từng nao.
Chân dời [a] đất khách đã lâu,
Chiêm bao lẩn thẩn ở đâu quê nhà.
Hỏi thăm dặm liễu dần dà,
Ngỡ đâu Vân Tự chăng là ở đây.
Bốn bề phong cảnh lạ thay,
Bồng lai [3] khi cũng thế này mà sao.
Cửa thiền [4] sẽ lén chân vào [b],
Trông lên sư phụ vừa ngồi tụng kinh.
Mưa hoa [5] rưới khắp bên mình.
Nhởn nhơ đá cũng xúm quanh gật đầu [6].
Mới hay đạo Phật rất mầu,
Nghĩ đâu cũng dễ đổi sầu làm vui.
Từ khi kinh giáo vừa rồi,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *đi...*

b. Bản D chép: *cao.*

Chú thích:

1. *Thành sầu:* mối sầu cao ngất như cái thành.

2. *Ân trời bể:* ơn cha mẹ như trời cao biển rộng.

3. *Bồng lai:* tên một trong ba ngọn núi có tiên ở.

4. *Cửa thiền:* cửa chùa.

5. *Mưa hoa:* bởi chữ "vũ hoa" lấy tích đời Đường có ông sư tên Nghiệm ngồi tụng kinh ở chùa Vân Hoa. Trời mưa hoa xuống nhiều lắm.

6. *Đá gật đầu*: lấy tích đời xưa học trò La Thập giảng kinh Nát bàn ở núi Hổ Ngưu mà hỏi mấy hòn đá ở xung quanh nghe lời ông nói có hợp với lòng Phật không thì mấy hòn đá gật đầu.

Lạy sư mấy bạch khúc nhôi tỏ tường.
Kể từ tên tuổi gia hương,
Nhà xưa theo dấu văn chương cũng là.
Chán chường danh lợi phồn hoa,
Chắp tay xin đến thiền già quy y.
Sư rằng: này đạo từ bi,
Rộng đường phổ độ [1] hẹp gì trần duyên.
Nhưng sao đương độ thiếu niên,
Nhìn xem phong thể cũng nên con người.
Cớ chi nhà lối xa khơi,
Đem mình đài các [2] vào nơi lâm tuyền.
Hay là tủi phận hờn duyên,
Hay là đeo lụy mang phiền chi chăng.
Chỉn e vượn sở lạc chừng [3],
Bận lòng đến cả cây rừng cũng kinh.
Thưa rằng trẻ mỏ thư sinh,
Làm chi cho [a] được lụy mình chớ e.
Nền nhân nhờ bóng sân hòe,
Cũng mong rạng cửa ngựa xe mấy người [b]
Đoái trông thế sự nực cười,
Như đem trò rối mà chơi khác gì.
Phù vân một đóa bay đi,
Khi thì áo trắng lúc thì muông đen [4].
Chật đường nam thoán như nêm,
Cân đai nhanh nhản người quen với mình.
Chẳng thèm thịt tháp [c] quân khanh,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *đến*...

b. Bản C chép: cũng *may tới* cửa...

Bản D chép: cũng mong *tranh đấu*...

c. Bản D chép: *ra áng*...

Chú thích:

1. ***Phổ độ:*** cứu cho mọi người khỏi mê khỏi khổ, tế độ hết thảy mọi người.

2. *Đài các:* Nền cao và nhà lầu (chỉ nhà quyền quý).

3. *Vượn Sở:* bởi chữ "Sở vượn" chỉ những con vượn nước Sở.

4. *Khi thì áo trắng khi thì muông đen*: Áo trắng do chữ "bạch y"; Muông đen do chữ "thương cẩu", lấy tích trong bài thơ của ông Đỗ Phủ vì việc đời thay đổi không thường, ví như đám mây nổi trên nền trời, như chiếc áo trắng một chốc đã hóa làm con chó xanh.

Mà đem thân thể làm hình [a] dịch chi [1].
Cho nên mến cảnh trụ trì,
Dám xin nhờ bóng tăng huy xét lòng.
Sư khen rằng: kẻ nho phong, [2]
Đã suy đến chữ sắc không đấy mà [3].
Kìa hoa kìa ảnh phút qua,
Kìa sương kìa tuyết [b] kìa là chiêm bao.
Lọ là tranh trí thấp cao,
Kẻ lo khuyết chí người gào thất thanh.
Lấy ai làm nhục làm vinh,
Trăm năm là đám cỏ xanh rì rì.
Sao bằng vui thú viên kỳ [4],
Dứt không tử tướng xá gì hai bên.
Dạo này huyền thực là huyền,
Hư vô mà vẫn đạm nhiên thế này [5].
Tiểu đà mến đạo đến đây,
Kính Tâm tên đặt từ nay gọi thường.
Vâng lời nương cảnh thượng [c] phương [6].
Khêu đèn bát nhã [7] gióng chuông tam thuyền.
Chân kinh ghi chữ tâm truyền [8],
Trực tòa long nhiễu vui miền hổ khê [9].
Đòi [d] cơn tưởng nỗi hương khuê.

Khảo dị:

a. Bản C chép: hình, phiên theo bản C

b. Bản C chép: *chớp...*

c. Bản B chép: *thập...*

d. Bản B chép: *dôi,*

Chú thích:

1. *Làm hình dịch chi:* để cho người sai khiến.

2. *Nho phong:* thói nhà học trò.

3. *Sắc không*: sắc là tất cả những gì hiện ra bên ngoài, không là chẳng có gì cả. Kinh Phật: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" (sắc mà không, không mà sắc).

4. Vui thú viên kỳ (viên vườn kỳ: gò). Đây chỉ chỗ tu hành.

5. *Hư vô:* chủ trương của Phật giáo cho có cũng như không, thực cũng như hư. *Đạm nhiên*: một cách thanh đạm yên lặng.

6. *Thượng phương:* chùa ở trên núi cao.

7. *Bát nhã:* chữ nhà Phật là trí tuệ, thoát ly những tư tưởng xấu.

8. *Tâm truyền:* truyền cho ghi nhớ vào lòng.

9. *Hổ khê:* tên một cái khe ở núi Lư Sơn Trung Quốc, có người gặp cọp ở đấy mới đặt tên là hổ khê.

Người đi nghìn dặm lòng về năm canh.
Sự mình mình giận với mình,
Nặng tình cũng phải nặng tình làm khuây.
Thanh gươm trí tuệ mài đây [1],
Bao nhiêu khổ não cắt ngay cho rồi.
Hương xông pháp giới ngùi ngùi,
Thông rung trống kệ trúc hồi mõ sênh.
Có người cảnh lại càng thanh,
Buồn không cũng nảy ra cành liền hoa.
Đã lồng trăm tấm cà sa [2].
Nhưng người tiên vẫn không ra khác phàm.
Dập dìu trước chốn thiền am,
Đứa hoài xuân những muốn [(a)] làm ni cô [3]
Ngỡ chàng Phan Nhạc đấy ru [4],
Ra đâu cũng ném quả cho tiếc gì.
Trời sinh tư sắc làm chi,
Hoa tươi bướm cũng có khi bận lòng.
Trong làng có một phú ông,
Gia tư đọ với Thạch Sùng kém đâu [5],
Tiểu thư ở chốn hồng lầu,
Tuổi vừa đôi tám Thị Mầu là tên.
Lá hồng đặt xuống nâng lên,
Mối duyên đo đắn chưa nên mối gì.
Nào rằng chữ nết khuê vi,
Này rằm mồng một cũng đi cúng dàng.
Nhác trông thấy tiểu dịu dàng,
Sóng thu [6] xui khiến cho nàng khát khao.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *ước*

Chú thích:

1. *Gươm trí tuệ,* bởi chữ tuệ kiếm trong kinh Phật. Đức Văn Thù cầm gươm đến cửa Phật để trừ khử các mối phiền não cho chúng sinh.

2. *Cà sa:* áo của hòa thượng mặc.

3. *Ni cô:* người đàn bà đi tu.

4. *Phan Nhạc:* tức Phan An nổi tiếng có sắc đẹp, khi ra đường con gái chạy theo đùa bỡn ném hoa quả đầy xe. Câu này ý nói Kính Tâm đẹp như Phan Nhạc đời xưa, nên đàn bà con gái đem lòng yêu mến.

5. *Thạch Sùng:* một người giàu có đời Tấn.

6. *Sóng thu:* bởi chữ "thu ba" con mắt xanh biếc lóng lánh như làn sóng mùa thu.

Người đâu có dạng thanh tao,
Bóng hoa dưới nước [a] vẻ sao trên trời.
Rắp thưa chưa kịp hết lời,
Mời dàn mặt, thoắt đã dời chân đi.
Khấn sao đức Phật độ trì,
Xui ra [b] có độ chước gì được thân.
Như không phải kiếp Châu Trần [1]
Thời xin một trận phong vân [2] cũng nhờ.
Lạ cho tiểu vẫn hững hờ,
Mấy phen thì cũng thờ ơ với mình.
Hoa kia nói hẳn khuynh thành [3].
Chào hoa, hoa lại vô tình mới căm.
Tri âm chẳng gặp tri âm,
Để ai mong đứng mong nằm sầu riêng.
Trách ông Nguyệt lão nào thiêng [c],
Có khi bên thích bên kinh kẻo là.
Đăm đăm tưởng nguyệt mơ hoa, [4]
Biết sao khuây khỏa cho qua được sầu.
Trong nhà sẵn đứa thương đầu [5],
Quyền nghi một chút dễ gì ai hay.
Nào ngờ vùng thuốc mưa bay, [d]
Hạt kia gieo đấy đợi này thì sinh. [e]
Ba trăng [6] coi đã khác hình,

Khảo dị:

a. Bản B chép: *đất*...

b. Bản B chép: *duyên*...

c. Bản B chép: *Tiểu thiên kia hợp lương duyên*

d, e. Bản B chép: Tấm đào lọt gió đông lay
Giấc xuân êm ái đã hay tính tình

Chú thích:

1. *Châu Trần*: hai họ đời đời kết thông gia với nhau. Nghĩa bóng: kết đôi một cách cân xứng.

2. *Trận phong vân:* cũng như nói trận mây mưa, chỉ việc trai gái giao hoan.

3. *Khuynh thành:* nhan sắc cực đẹp nhìn một lần thì đủ nghiêng thành người.

4. *Tưởng nguyệt mơ hoa*: nghĩ đến chuyện trăng hoa trai gái.

5. *Thương đầu:* chỉ người đầy tớ thường chít khăn xanh trên đầu.

6. *Ba trăng:* tức ba tháng (trải ba tuần trăng).

Bữa ăn thì biếng mùi chanh lại thèm [1].
Song thân ngờ mới hỏi xem [a],
Sao con đã mọc ra điềm chẳng hay.
Thế mà ai hỏi bấy nay,
Đôi bên tay áo chẳng day bên nào.
Lỡ rồi thôi biết làm sao,
Chớ con giả mận gieo đào [2] với ai.
Dễ mà ăn cáy bưng tai,
Răng răng nghe chuyện bề ngoài hổ ngươi.
Nàng rằng: đâu khép những lời,
Ngọc lành hay có dại đời thế đâu.
Cành hoa vẫn giữ còn mầu,
Con oanh dầu gáy cho sầu giới [b] thây.
Ví dù tính nước lòng mây.
Nhà nào mà nhịn đến rày chưa đi.
Năm xung tháng hạn phải khi,
Hóa ra thế ấy hỏi chi tức mình.
Dứt lời nghe mõ nguyệt bình,
Rằng đòi con gái ngoại tình ra tra.
Phú ông nghĩ sự nhuốc nha,
Trở vào tấc lưỡi trở ra vỗ mình.
Rằng con sinh sự sự sinh,[3]
Há rằng họa ở trời xanh gieo vào.
Một là động địa làm sao,
Nước phương mộc dục trôi vào chẳng sai.
Hay là nhầm thuốc dông dài,
Cái dâm dương hoắc [4] thì ai cũng vừa.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Song thân *thấy sự ngạc nhiên*

b. Bản D chép: *mực*...

Chú thích:

1. Người có thai ăn cơm ít mà thèm của chua.

2. *Giả mận gieo đào:* chính chữ "đầu đào báo lý" (cho ta quả đào thì ta trả cho quả mận). Mận và đào là đồ trai gái tặng nhau để làm quen.

3. *Sinh sự sự sinh:* người hay sinh việc thì việc lại sinh ra.

4. *Dương hoắc*: tên một thứ cây sống được lâu năm, lá như bàn tay, hoa tím hoặc trắng, rễ và lá dùng làm vị thuốc.

Ba là phải đứa bỏ bùa, [1]
Miệng cười [a] hoan hỷ nó cho bao giờ.
Vô tình nào có ai ngờ,
Thế mà ăn nói ỡm ờ như không.
Khôn mà thưa gửi cho xong,
Kẻo thì bè chuối trôi sông chăng là.
Dắt tay kinh dẫn nàng ra,
Con mang bụng nặng cha già lưng eo.
Những là chê khó chê giàu,
Để nay con dại dễ hầu ai mang.
Phú ông nghe nói hổ hang,
Nhủ rằng sao đấy liệu đường thưa đi.
Thưa rằng hổ phận nữ nhi,
Tam tòng [2] hằng giữ một ly dám dời.
Dẫu khi bãi Hán chơi bời,
Đố người [b] cường bạo một đời dám trêu.
Điều đâu như dệt như thêu,
Điều đâu ai khéo đặt điều xấu xa.
Có đâu những thói dâm tà,
Bởi vì xấu máu hóa ra thế này.
Thực là họa gió tai bay [3],
Bỗng dưng gắp lửa bàn tay tội đời.
Nàng rằng nào phải nói chơi,
Đừng quen dạo lá những lời vắt chanh.
Tướng kia coi dạ hiện hình,
Nhãn quang như thủy có lành được đâu.
Chẳng may ngày tháng bao lâu,
Má hồng coi đã ra mầu xanh xanh.
Phải ai thì thú thực tình,
Luật [4] cho đoàn tụ công thành thất gia.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *Miếng trầu...*

b. Bản B chép: Đố người *hung* bạo...

Chú thích:

1. *Bùa* là thứ thuốc làm người ta say mê.
2. *Tam tòng:* ở nhà theo cha, đi lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con.
3. *Họa gió tay bay*: tai họa ở đâu đưa đến.
4. *Luật* là phép nước đặt ra để định lệ hoặc phạt tội.

Không thì một chữ thưa qua.
Chín trâu chưa dễ chuộc ra được nào.
Nghe lời đe nẹt mà nao,
Nghĩ mình đã chót dễ sao bưng bồng.
Thương đầu [1] nó đã tếch xong,
Nói ra thêm xấu vả không có bằng [2].
Phép người đã [a] cứ cung xưng [3],
Yêu ai chỉ những may chưng được nhờ.
Thưa rằng trước hãy còn sơ,
Cạn sông thì đá sờ sờ khôn che. [4]
Xưa nay ở chốn thâm khuê,
Dẫu ong tay bướm chưa hề biết ai.
Phải khi lên chốn thiền trai, [5]
Kính Tâm tiểu ấy gặp người sau bia.
Quá yêu chót đã nguyền thề,
Nhị hoa phó mặc bướm kia ra[b] vào.
Dầu nên cầu bắc gửi trao,
Nhờ làng ân ấy đời nào dám quên.
Rõ ràng chỉ mặt tường tên,
Truyền đòi tiểu lại nhãn tiền đôi co [6].
Mảng tin thầy tớ đều lo,
Dữ lành nào biết duyên do việc gì.
Vâng đòi sư dẫn tiểu đi,
Tay thì lần hạt miệng thì niệm [c] kinh.
Đến nơi làng hỏi sự tình,
Tiểu kia đã quyết tu hành đến đây.
Sóng thu [7] sao hãy còn say,

Khảo dị:

a. Bản B chép: Phép *làng phải* cứ *nói* xưng.

b. Bản C chép: ... *bay*...

c. Bản C chép: *tụng*...

Chú thích:

1. *Thương đầu:* chỉ người đầy tớ thường chít khăn xanh trên đầu.
2. *Vả không có bằng:* không có chứng cớ.
3. *Cung xưng*: khai kẻ đồng phạm ra.
4. *Cạn sông thì đá sờ sờ* (tục ngữ). Ý nói cạn lẽ thì không dấu được.
5. *Thiền trai:* nhà ở thanh tĩnh trong chùa.
6. *Đôi co:* Đối mặt hai người mà tra hỏi việc gì.
7. *Sóng thu:* ánh mắt như sóng nước mùa thu.

Thị Mầu kia đã trình bày phân minh.
Nói ngay thì cũng thứ tình,
Liệu ta chớ có dối quanh nữa đòn.
Lặng nghe đau đớn lòng son,
Biết tu quả ấy có tròn được chăng.
Bây giờ cải dạng nam tăng,
Nói ra dễ giữ thói hằng được nao [a] [1].
Thực vàng dẫu lửa mà sao,
Đốt than cho thử mấy tao cũng dầu [2].
Trước sau nông nỗi gót đầu,
Rằng câu không sắc [3] dễ hầu dám sai.
Như còn bận [b] dạ trần ai,
Thì xin có đức Như Lai [4] trên đầu.
Trái tai làng hỏi Thị Mầu,
Cứ thưa một mực trước sau rành rành.
Làng rằng thôi chẳng oan tình,
Tiểu kia cứ thực mà trình mới xong.
Chẳng suy Phật ấy là lòng,
Như đường gia thất [5] cũng không cấm mà [c].
Thôi đừng dối Phật với nhau,
Ăn hoa lội nước [6] thì rau qua sào.
Mộc thiên chẳng dụ được nào,
Vui mình lại quyến đứa nào thiện chơi.
Giả hình làm tiểu dối đời,
Dễ ai dễ dối được trời kia ru
Liệu ba mươi sáu đường tu,

Khảo dị:

a. Bản D chép: ... *khói nhang* được vào

b. Bản B chép: ... *đeo*...

c. Bản D chép: ... *nào.*

Chú thích:

1. *Thói hằng:* thói thường.
2. *Tao:* lần lượt, lần.
3. *Không sắc*: cũng như nói sắc không.
4. *Như Lai*: tên đức Phật.
5. *Gia thất*: đây nói về vợ chồng.
6. *Hoa lội nước:* do chữ "thủy thoa hoa": con cá lội nước như chiếc thoa dệt cửi.

Chẳng thì văn bút võ vồ để chi.[1]
Nói sao cũng cứ chi chi,
Thằng roi đứa nọc tức thì truyền mau.
Làm cho chín khúc cùng[a] đau,
Đào nhăn nhó mặt liễu cau cớn mày.
Hải đường gặp trận gió tây,
Lá lung lay rắc hoa bay tơi bời.
Mười phương Phật chín phương trời,
Có hay đến sự dưới đời oan ru ?
Đuốc nào soi thấy lời vu,
Bôi nhòa đen trắng lộn mù phải chăng.
Càng van càng một khăng khăng,
Nỡ nào để tiếng thầy Tăng giết người[2].
Vóc bồ[3] xem đã tơi bời,
Thương thay sư mới cất lời van lơn.
Thưa rằng làm phúc nào hơn,
Mở lòng Bồ Tát[4] dẹp cơn lôi đình.
Khoán[5] làng vâng nộp phân minh,
Dại khôn xin hãy thứ tình một phen.
Cất[b] lời đạo đức nói lên,
Dẫu người độc nữ cũng nên xuôi lòng.
Rắp toan khảo đả cho cùng,
Nay sư đã lĩnh thì dong cho về.
Thuyền từ tế độ cũng ghê,
Chẳng thì sai sẩy sáng mê còn gì.

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... *quặn*...

b. Bản C chép: *Một*...

Chú thích:

1. *Văn bút võ vồ:* bút là quan văn dùng để kết án người ta. Vồ là quan võ dùng để trị người có tội.

2. *Thầy Tăng giết người:* Do điển bà mẹ Tăng Sâm đang ngồi dệt vải thì có người đến báo tin Tăng Tử giết người. Bà không tin vì cho rằng con mình không thể là kẻ sát nhân được. Một người thứ hai báo tin ấy, bà vẫn không tin, nhưng đến người thứ ba thì bà hoảng hốt chạy đi tìm con xem hư thực ra sao. Thì ra một kẻ trùng tên với Tăng Sâm phạm tội giết người.

3. *Vóc bồ:* Bồ là cây cỏ bồ dùng để ví với sức vóc người con gái.

4. *Bồ Tát:* tiếng Phạn có nghĩa là cứu độ cho khắp cả mọi người.

5. *Khoán:* Món tiền phạt của người ngoại tình phải nộp cho làng.

Ngửa [a] nhờ giọt nước dương chi,
Dẫu cho đã héo rồi thì lại tươi.
Giãn ra sư mới ngỏ lời,
Rằng con đã mắc tiếng người chê bai,
Tam quan [1] ra ở mái ngoài,
Kẻo e miệng thế mỉa mai đến thầy.
Dầu con có thực chuyện này,
Lòng trần rửa sạch từ nay thì chừa.
Như không mà phải tiếng ngờ,
Cũng nên khuyên gượng làm ngơ kẻo buồn.
Vâng lời ra ở thiền môn [2],
Trông tòa phương trượng dám còn vào ra. [3]
Nương mình bên khóm cúc hoa,
Một hai chồi chúc năm ba cụm tùng.
Gương bạch nhật quạt thanh phong,
Cười cùng thiếu nữ bạn cùng thuyền quyên.
Lấy gì làm chuyện giải phiền,
Quyển kinh trăm lá ngọn đèn một hoa.
Bạch vân [4] kia nẻo xa xa,
Song thân ta đấy là nhà phải không.
Bể non chửa chút đền công,
Bấy lâu nay những nặng lòng vì con.
Ngỡ đà [b] qua hạn cự môn,
Ai hay Thái tuế [5] lại còn theo đây.
Tiền sinh nghiệp chướng [6] có dày,
Cho nên trời mới đem đầy nhân gian.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *cũng*...

b. Bản B chép: *là*...

Chú thích:

1. *Tam quan:* cửa có ba lối vào ra (tả hữu và ở giữa).

2. *Thiền môn:* ngoài cửa chùa.

3. *Tòa phương trượng*: tòa chính để thờ Phật.

4. *Bạch vân:* lấy tích Địch Nhân Kiệt người đời Đường đi làm quan xa: Một hôm lên núi Thái Hàng quay lại thấy một đám mây trắng bảo với người tả hữu rằng: nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy. Sau dùng chữ "Bạch vân" để chỉ lòng nhớ cha mẹ.

5. *Thái tuế:* Tên một ngôi sao trong lá số tử vi, người nào đến hạn Thái tuế thì mắc phải nạn.

6. *Tiền sinh nghiệp chướng:* ác nghiệp oan chướng của kiếp trước để lại.

Mắt phàm khôn tỏ ngay [a] gian,
Hai phen đem buộc tiếng oan bằng trời.
Chân kinh tụng mấy muôn lời,
Tai ương hay cũng rụng rời như tro.
Xá phù chi đứa dâm ô [b],
Nước tùy duyên [1] rửa đi cho kẻo mà.
Chữ rằng nhẫn nhục nhu hòa,
Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu.
Duyên [c] vàng bao quản công phu,
Mắt ngừng trên vách [d] mấy thu đã chầy.
Lá ngô [2] lần điểm đốt tay,
Thị Mầu đã đủ đến ngày sinh trai.
Phú ông chi khéo nữa hoài,
Con ai thì phó trả ai giữ giàng,
Lòng nàng dở dở dang dang,
Lọt lòng hôi hổi [e] chẳng thương được nào [3].
Trên tay nâng giọt máu đào,
Hầu đi lại đứng toan vào lại ra.
Ngỡ chơi đâu biết thế mà,
Cắn răng đem dứt ruột rà cho ai.
Cắm đầu ra nẻo thiền trai, [4]
Ôm con len lén đứng ngoài mái hiên.
Tiểu đương tụng niệm khấn nguyền [g],
Bỗng nghe tiếng trẻ tá lên giật mình.
Ngoảnh đi thì dạ chẳng đành,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *nhân*...

b. Bản D chép: *thù*...

c. Bản C chép: *lọc*...

d. *Dãi dầu gió bích*...

e. Bản B chép: Ruột tằm hối hổi; - Bản D chép: *Giải lòng khoái thích*..

g. Bản B chép: khấn *cầu*....

Chú thích:

1. *Tùy duyên*: theo duyên người đời lấy công đức mà rửa sạch oan chướng.

2. *Lá ngô:* tức là cây ngô đồng, mỗi khi đến mùa thu thì rụng xuống. *Lần điểm đốt tay*: bởi chữ "khuất chỉ" là đếm đốt ngón tay mà tính ngày tháng. Đây nói từ lúc có thai đến mùa thu vừa được chín tháng mười ngày.

3. *Chẳng thương được nào*: Đây nói Thị Mầu chẳng thương gì đến đứa con.

4. *Thiền trai:* nhà ở thanh tĩnh trong chùa.

Nhận ra thì hóa là tình chẳng ngay.
Gớm thay mặt dạn mày dày,
Trân trân [1] rằng giả con đây mà về.
Cơ thiền [2] kể đã khắt khe,
Khéo xui ra đứa làm rê riếu mình [a].
Nhưng mà trong dạ hiếu sinh, [3]
Phúc thì làm phúc dơ thì đành dơ [b].
Cá trong chậu nước sởn sơ [c],
Thì nay chẳng cứu còn chờ khi nao.
Chẳng sinh cũng chịu cù lao, [4]
Xót tình măng sữa nâng vào trong tay.
Bữa sau sư phụ mới hay,
Dạy rằng: như thế thì thầy cũng nghi.
Phỏng như khác máu [5] ru thì.
Cho ai mặc nấy can gì đa mang.
Bạch rằng: muôn đội thầy thương,
Xưa nay thầy dạy mọi đường nhỏ to.
Dẫu xây chín đợt phù đồ [6]
Sao bằng làm phúc cứu cho một người.
Vậy nên con phải vâng lời,
Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều.
Sư nghe thưa lại mấy điều,
Khen rằng cũng ít ít nhiều từ tâm [7].
Rõ là nước lã [8] mà nhầm [d],

Khảo dị:

a. Bản B chép: làm *bia xấu mình.*

b. Bản C chép: ... cờ *thì mặc cơ.*

c. Bản C chép: *...bơ vơ.*

d. Bản B chép: *Rõ ràng* nước lã *người dưng.*

Chú thích:

1. *Trân trân*: mặt trơ ra không biết hổ thẹn.
2. *Cơ thiền*: then máy đạo Phật.
3. *Hiếu sinh*: ham muốn sự sống.
4. *Cù lao:* công cha mẹ nuôi nấng khó nhọc.
5. *Khác máu:* là nói không phải con mình sinh.
6. *Phù đồ:* tên cái tháp thờ Phật.
7. *Từ tâm:* lòng nhân từ.
8. *Nước lã*: bởi câu "Giọt máu đào hơn ao nước lã" là nói người họ hàng trọng hơn người dưng.

Cũng [a] đem giọt máu tình thâm [1] hòa vào.
Mẹ vò thì sữa khát khao [2],
Lo nuôi cơn nhện làm sao cho tuyền.
Nâng niu xiết nỗi trân chuyên, [3]
Nhai cơm mớm sữa để nên con người.
Đến dân ai cũng chê cười,
Tiểu kia tu có trót đời được đâu:
Biết chăng một đứa thương đâu,
Mình là hai với Thị Mầu là ba [4].
Ra công nuôi bộ thực là [5, (b)],
Nhưng buồn có trẻ hóa ra đỡ buồn.
Khi trống tàn lúc chuông dồn,
Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.
Phù trì như thổi ra ngay,
Lọ phương hoạt ấu [6] lọ thầy bảo anh.
Bùa thiêng đã sẵn kim kinh,
Ma vương kia cũng phải kiêng lọ là
Thoi đưa tháng trọn ngày qua,
Mấy thu mà đã lên ba tuổi rồi.
Con mày mà giống cha nuôi, [7]
Hình dung ý tứ khác nào bản sinh [c].
Mai ngày đến lúc trường thành,
Cơ cầu dễ rạng tiền trình hơn xưa [d].
Vừa mừng con đã sởn sơ,
Ai ngờ tằm kéo hết tơ thì già.

Khảo dị:

a. Bản C chép: *mà*...

b. Bản B chép: *Gẫm* công nuôi bộ...

c. Bản B chép: khác nào *sinh sinh*.

d. Bản B chép: *lối* xưa.

Chú thích:

1. *Giọt máu tình thâm:* là nói con chính mình đẻ ra.

2. *Mẹ vò thì sữa khát khao:* là nói không đẻ thì không có sữa.

3. *Truân chuyên:* khổ sở, khó nhọc.

4. *Cả hai câu ý nói*: việc thực hay giả, oan hay không chỉ có đứa ở, Thị Mầu và Kính Tâm biết.

5. *Nuôi bộ:* không có sữa mà cũng tìm cách nuôi con.

6. *Phương hoạt ấu:* tên một bài thuốc cho trẻ uống mau lớn. Bảo anh: bảo hộ cho trẻ con yên lành.

7. *Cha nuôi:* chỉ Kính Tâm vì khi ấy Kính Tâm giả trai.

Gió vàng [1] một chút thoảng qua,
Lá ngô [2] biến sắc cành hoa ủ màu.
Than rằng này đạo cao sâu,
Cầm lòng tịch diệt [(a)] ngon đâu phàm trần [3].
Hóa thân thì mượn chân thân,
Siêu thân được nghiệm tinh thần mang đi.
Ký quy [4] đành chẳng lệ gì,
Đoái tình trứng nước [5] nghĩa thì cũng thương.
Gọi con từ giã mọi đường,
Bút hoa mới viết vài hàng căn nguyên.
Thảo như nhắn nhủ [(b)] cẩn quyền,
Cầm tay rồi đoạn tìm lên quê nhà.
Chờ khi xả tự thoát ra [6],
Lên hầu sư phụ vừa mà bạch ngay.
Dứt lời thoắt đã chia tay,
Khói hương đã sẵn xe mây liền về [(c)].
Khen cho trẻ nhỏ mà ghê,
Vật mình lăn khóc ngồi kề một bên.
Vâng lời nhủ [(d)] lại dám quên,
Xăm xăm lên bạch sư trên thiền đường.
Nghe lời sự nghĩ mà thương,
Dạy rằng nào bản đạo trường ra coi,
Kính Tâm chầu Phật đi rồi,
Nào ra chăm sóc cứ noi lẽ thường.
Giờ lâu vào bạch rõ ràng,
Rằng nay tiểu ấy xem dường nữ nhi.

Khảo dị:

a. Bản D chép: *Sát tuyệt*...

b. Bản D chép: *dạy dỗ*...

c. Bản D chép: *nước*...

d. Bản B chép: *dặn*...

Chú thích:

1. *Gió vàng*: bởi chữ "Kim phong" vì mùa thu là hành kim nên gió thu là gió vàng.

2. *Lá ngô*: lá cây ngô đồng.

3. *Tịch diệt*: diệt hết. Đây chỉ Kính Tâm qua đời.

4. *Kính quy:* do chữ "sinh tử quy" (sống gửi chết về).

5. *Trứng nước:* đứa con đang lúc thơ ấu.

6. *Xả tự:* bỏ thân ở chùa, bỏ phàm trần mà tìm vào cõi Phật.

Sư rằng nghe nó hồ nghi [1],
Vãi đâu ra thử có thì lại thưa.
Vãi [2] rằng sự chẳng còn ngờ,
Thế mà đày đọa bấy giờ đến nay.
Sai vào nói với làng hay,
Quả nhiên đêm nọ thôn này đổ ra.
Kêu gào tín nữ lão bà,
Đều rằng tu thế mới là chân tu.
Cha con Mầu Thị phao vu,
Mõ truyền lập tức ra cho làng đòi.
Khoán [3] sư dân đã thu hồi,
Chiếu thu nạp một bắt bồi làm hai.
Trị tang [4] các việc trong ngoài,
Phú ông có đổ cho ai được nào.
Tiểu nhi sư mới gọi vào,
Cha con có nhủ những sao bây giờ.
Bạch rằng thương chút con thơ,
Dối giăng [5] có bạch một tờ lại đây.

Mỗ phủ huyện xã Nguyễn Thị Kính Tâm thư. Rằng:

Ơn sơn hải một chút chi chưa báo, ở sao đành dầu đi có sao đành. Phận liễu bồ mười đấy cũng như không [6] sống cũng tủi dẫu thác cũng tủi. Muôn kiếp một tấm lòng xin gửi lại mươi hàng. Thị Kính nay: hổ phận nữ lưu, nhơ nền phúc ấm. Từ kết tóc sớm trao dây tú mạc, ba thu [7] vừa mới ấm chăn loan. Vì cắt râu nên nổi sóng Ngân Hà, một phút nào ngờ tan Ô thước. Tòa Ngưu Nữ [8] hai nơi cách trở, khóm xuân huyên [9] đòi đoạn bồi hồi. Chốn phần hương theo với nước non, đặt gánh hiếu phải xa dời dặm khách: Miền lan nhược ấy chốn Phật tự tìm vào. Mây khói nương bè từ cho vượt khỏi sông mê. Đuốc

---

Chú thích:

1. *Hồ nghi:* nghi ngờ.
2. *Vãi:* người đàn bà đi tu đã già.
3. *Khoán:* Món tiền phạt của người ngoại tình phải nộp cho làng.
4. *Trị tang:* sắp đặt công việc trong đám tang.
5. *Dối giăng:* lời dặn lại của người chết.
6. *Mười đấy cũng như không:* bởi câu "nhất nam viết hữu thập nữ viết vô (Đẻ một con trai cho là có. Đẻ mười con gái vẫn cho là không.
7. *Ba thu:* trải qua ba mùa thu (tức ba năm).
8. *Ngưu Nữ:* Ngưu Lang, Chức Nữ.
9. *Xuân huyên:* chỉ cha mẹ.

quang minh mong đốt cháy thành sầu, bể khổ hạnh bỗng chạy lên bãi giác [1]. Cảnh Vân tự buồn vui miền Thứu Lĩnh [2] rẩy cành dương chẳng bận chút trần ai. Ả Thị Mầu đơm đặt chuyện Vu sơn [3], gầy vóc liễu đã cam lòng giả sở. Thuở làm vợ để chồng ngờ thất tiết, lúc làm trai cho gái đổ oan tình, nên nghĩ âu chín chữ cù lao xa xôi, chốc đã sáu thu cách trở [4], bận lòng khi đán mộ [5]. Nghĩ nên trời xin đường ly biệt, nuôi nấng gọi là một chút, viếng thăm thay một lúc thần hôn. Muôn phần bội bạc đã cam rồi [(a)]. Trăm lạy nghiêm từ xin ở lại. [6]

Nay thư.

Xem rồi sư phụ mới hay,
Thương cho tiếng nọ lời này những oan.
Xa xôi cách mấy trùng san,
Cho đưa thư tới hương quan quê nàng.
Sắm sanh lễ vật mọi đường,
Phú ông vâng phải tính phương chu toàn,
Ngửa tay [7] chịu việc tần phiền,
Nhờ con báo bổ [8] đã nên cam lòng.
Thị Mầu cũng bạn má hồng,
Để cầu phải khóc khóc chồng dở dang.
Phần thì hổ với lên bàng [(b)] [9],
Phần thì dầu với song đường nói day [10].
Còn người còn cái thẹn này,

Khảo dị:

a. Muôn kiếp một tấm lòng... đã cam rồi.

Bản B chép: Tâm thư xin gửi lại duyên loan... vì diễn tu chồng phải tiếng bội phu... Nam tăng cải dạng, gái hoài xuân nọ lại đổ oan tình, còn chữ hiếu thần hôn bỏ vắng. Đạo làm con bội bạc đã cam rồi.

b. Bản C chép: ... *dân làng*

Chú thích:

1. *Bể khổ hạnh bỗng chạy lên bãi giác*: thoát khỏi bể khổ hạnh lên cõi Phật.
2. *Thứu Lĩnh:* tên một quả núi ở Ấn Độ, tương truyền Phật thường ở đó.
3. *Chuyện Vu sơn:* nghĩa bóng là trai gái chung cha với nhau.
4. *Sáu thu:* trải qua sáu mùa thu: tức là đã sáu năm.
5. *Đán mộ:* sớm và tối (nghĩa như "thần hôn").
6. *Nghiêm từ:* tức cha mẹ.
7. *Ngửa tay:* Đây nói việc của người khác mà mình phải hứng lấy.
8. *Báo bổ:* đền ơn trả nghĩa.
9. *Lân bàng:* hai bên xóm giềng.
10. *Nói day:* nói một cách khó chịu.

Phải liều như thể vợ thầy Trang sinh [1].
Trầm luân [2] kiếp ấy đã đành [(a)],
Trời là còn có chút tình xót xa [(b)].
Thương thay họ Mãng tuổi già,
Bức thư đưa đến mở ra rụng rời.
Vẫn mong đã mấy năm trời,
Thấy như lại hóa ra người biệt ly.
Ỷ hòe [3] một giấc còn gì,
Người là người cổ thư là thư không.
Quản bao nước thẳm non cùng,
Gieo khăn chuốt áo thăng dong tức thì.
Nghe tin Thiện Sỹ theo đi,
Gánh sầu san sẻ nặng nề cả ba.
Thấp cao dặm trúc ngàn hoa,
Qua Bình tây đến đấy là chùa Vân.
Cẩn quyền xót nỗi song thân,
Nước non liền lội mấy lần thẳm xa.
Nghĩ trông ba thước hồng la [4],
Trách thầy Tử Hạ [5] khóc mà được chăng [(c)].
Thềm cung tự vắng ả Hằng [6],
Tìm kim dưới nước mò trăng dưới đầm [7].

Khảo dị:

a. Bản B chép:

Nghĩ mình lại hẹn cho mình

b. *Càng trông càng thấy thâm tình xót xa.*

c. Bản B chép: *Kín* thầy Tử Hạ khóc *ma con thầy*

Chú thích:

1. *Trang sinh*: tức Trang Chu người đời Chiến Quốc.

2. *Trầm luân:* chìm đắm vào bể khổ.

3. *Ỷ hòe:* dựa vào cây hòe: lấy điển một người tên Uyên nằm mơ thấy mình ngủ dựa vào cây hòe, hỏi Nguyên Thực. Thực đáp: chữ hòe cạnh chữ mộc có chữ quỷ, tựa vào thì tất chết thành quỷ. Quả nhiên Uyên chết. Đây nói Thị Kính đã qua đời.

4. *Hồng la:* bức lụa đỏ đề tên họ chức tước người chết.

5. *Thầy Tử Hạ* họ Bốc tên Thương, khi có đứa con mất, thầy thương khóc đến nỗi lòa cả hai mắt.

6. *Ả Hằng:* Hằng Nga trên cung trăng. Đây chỉ Thị Kính.

7. *Tìm kim dưới nước mò trăng dưới đầm:* Ý nói từ khi Thị Kính trốn đi đã mất công tìm hỏi mà không thấy ví như mò kim dưới vực sâu, bắt bóng trăng giữa đầm nước.

Non Hành [1] nhạn vắng tin thăm,
Sông hồ lưới cá thì tăm cũng chìm.
Bấy lâu tin tức đã êm,
Ai hay di thể [2] còn tìm thấy đây.
Giữa đường thoắt gánh khỏi tay,
Xuân già huyên cỗi [3] sau này làm sao.
Lòng chàng chín khúc tiêu hao,
Hạt châu [4] lai láng tấm bào như nung.
Lời nguyền chỉ núi thề sông,
Tiếng là da má nghĩa cùng thịt xương.
Tơ duyên bỗng xẻ đôi đường.
Vì anh lỗi đạo cho nàng ngậm oan.
Châu rơi có nhẽ phục hoàn,
Cũng mong Liễu thị tay Hàn [5] mai ngay.
Nửa chăn [6] để bụi đã dày,
Uyên ương ước lại xum vầy đồng khâm [a].
Vi Cao lòng vốn chăm chăm [b],
Vương Tiêu phỏng độ mấy năm tái hoàn [7]
Thề rằng núi chuyển [c] nhân gian,
Lại xin theo dấu nát bàn ở đây.
Họa chăng gặp kiếp sau này,
Chăng thì xin hóa làm cây hàn bằng.
Ai coi thấy chẳng ngập ngừng,
Động lòng mà khóc người dưng sụt sùi.
Một toan bồ bạc tới lui,

Khảo dị:

a. Bản D chép: ... *hợp duyên.*

b. Bản D chép: Vi Cao lòng *vẫn liền liền.*

c. Bản C chép: biếng chuyện.

Chú thích:

1. *Non Hành:* bởi chữ Hành Sơn, tên ngọn núi ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

2. *Di thể:* hình thể còn để lại.

3. *Xuân già huyên cỗi:* Ý nói Thị Kính bỏ đi thì cha mẹ già yếu ai trông nom.

4. *Hạt châu:* nước mắt.

5. *Liễu Hàn*: tức Liễu thị và Hàn Hoành (xem chú thích Chương đài). Ý nói Thiện Sỹ ước mong gặp Thị Kính trở lại.

6. *Nửa chăn:* ý nói chăn chỉ còn một nửa.

7. *Vi Cao, Vương Tiêu*: tên người đời Đường.

Đắp mồ [a] tổ đạo đặt nơi ủy hình. [1]
Theo đi kìa với bao tình,
Đi nuôi hoàng thạch thì sinh bạch đầu [b].
Tiếng tiêu oanh ói giọng sầu,
Một giây bạch bố bắc cầu độ vong [2].
Kìa ai muốn khảo cho cùng,
Theo đi cùng trạnh tấm lòng ăn năn.
Nỗi cơn lệ vũ sầu vân, [3]
Sắp hồi pháp khí cùng cần linh phan [4].
Vùi hương chôn ngọc đã an,
Cửa thiền mới đặt pháp đàn làm chay [5].
Sắp đồ thập cúng [6] treo bày,
Lòng đi ba cõi hương bay chín trời [7].
Bảo đường tụng niệm mấy lời,
Chúc cho giải thoát sang đời mai sau.
Ai hay phép Phật nhiệm màu,

Khảo dị:

a. Bản C chép: *Dọn đường...*

b. Bản C chép: *Theo đứa kia mấy bạo tình*
Đứa nuôi hoàng *khẩu người* sinh bạch đầu.

Chú thích:

1. *Đắp mồ tổ đạo đặt nơi ủy hình:* tìm nơi đào huyệt để an táng người chết

2. *Oanh ói*: tiếng kêu vang tai.

Bắc cầu độ vong: theo nghi lễ trong chùa khi đưa người chết ra huyệt thì lấy một tấm vải trắng rất dài bắt những người đi đưa đội lấy làm cái cầu để linh hồn người chết vượt được sông mê bể khổ.

3. *Lệ vũ sầu vân:* nước mắt như mưa và khối sầu như mây.

4. Những đồ cúng cùng cờ hiệu của Phật.

5. *Pháp đàn:* đàn lập lên để cúng.

6. *Đồ thập cúng:* 10 đồ cúng gồm: hoa, hương, ngọc anh lạc, hương rửa, hương lan, hương xông, lọng cờ, áo mã, âm nhạc và lễ vật.

7. *Ba cõi:* bởi chữ Tám giới (dục giới, sắc giới và vô sắc thiên, biến thiên, huyền thiên, u thiên, hiệu thiên, chu thiên, viên thiên và dương thiên).

Có khi nước Trúc [1] ở đâu cũng gần.
Giữa trời kết đóa tường vân [(a)] [2],
Đức Thiên tôn [3] hiện toàn thân xuống đàn [(b)].
Truyền rằng nào tiểu Kính Tâm [(c)],
Phi thăng [(d)] làm Phật Quan Âm tức thì.
Lại thương đến đứa si nhi,
Lên tay cho đứng liền khi bấy giờ.
Kìa như Thiện Sỹ lờ đờ [(e)] [4],
Cho làm con vẹt đứng nhờ một bên.
Độ cho hai nhóm xuân huyên [5],
Giơ tay cầm quyết [6] bước lên sen tòa.
Siêu thăng thoát cả một nhà,
Từ nay phúc đẳng [(g)] hà sa [7] vô cùng.
Lên miền cực lạc hội đồng [8] [(h)],
Là người khi ấy đều trông rành rành.
Thực hay lành lại gặp lành,
Nam mô Di Phật [9] tu hành thì coi [(i)].

Phiên âm từ bản chữ Nôm "Quan Âm chú giải tân truyện",
ký hiệu thư viện Hán Nôm AB46.

Khảo dị:

Bản D chép:
a. *Vẩn vẩn tổ giáp tường loan*
b. *Đồng phan bảo cái giao hoan âm thầm*
Bản C chép:
a. *Tưng bừng đàn sáo tiếng vang*
b. *Tràng phan bảo cái dao quang tấu vân*
c. Bản B chép: *Chiến trời phong đức* Kính Tâm
d. Bản B chép: *hóa thân...*
e. *Mê hồ*
g. Hướng phúc.
h. *Trang nghiêm sắc tướng kim dung.*
i. Hiếu trinh gương ấy nêu lưu danh.
Người nay làm được cũng thành kém chi.

Chú thích:

1. *Nước Trúc:* tức nước Thiên Trúc là nơi đức Phật giáng sinh (Ấn Độ ngày nay).
2. *Tường vân:* mây sắc đẹp báo điềm lành.
3. *Đức Thiên tôn:* ý nói đức Phật làm đấng tôn trọng ở đời.
4. *Lờ đờ:* cũng như nói: lừ đừ, rù rờ (không có tài quyết đoán).
5. *Độ cho hai nhóm xuân huyên*: Độ là cứu vớt. Đây ý nói phù hộ cho ông bà họ Mãng.
6. *Cầm quyết*: là miệng đọc thần chú và tay làm ấn quyết.
7. *Phúc đẳng hà sa*: Phúc nhiều như cát ở bãi sông.
8. *Lên miền cực lạc hội đồng*: Lên tụ họp ở nơi rất sung sướng.
9. *Nam mô Di Phật*: câu thường dùng khi cúng lễ hoặc nói chuyện.

PHẬT BÀ QUAN ÂM

TIỂU DẪN

Truyện *Phật Bà Quan Âm* còn gọi là *Nam Hải Quan Âm Phật sự tích ca* viết theo thể thơ lục bát kể về sự tích Phật Bà Quan Âm.

Vua Diệu Trang Vương ở nước Hưng Lâm tuổi đã cao mà chưa có con kế vị. Vua và hoàng hậu lo buồn đến miếu Tây Nhạc cầu tự. Ngọc Hoàng Thượng đế bèn cho ba con trai nhà họ Thi Thứu Lĩnh thác sinh làm con gái của Trang Vương. Hai công chúa là Diệu Thanh và Diệu Âm lớn lên lấy phải hai phò mã bất hiền. Trang Vương buồn bực, chỉ còn hy vọng công chúa thứ ba là Diệu Thiện chọn được phò mã có tài đức xứng đáng để nhường ngôi trị vì đất nước. Nhưng Chúa Ba từ nhỏ đã kính mộ đạo Phật, xin cha mẹ cho xuất gia tu hành. Trang Vương bèn sai đày Chúa Ba ra sau vườn. Hoàng hậu và hai chị hết lời khuyên can nhưng Chúa Ba vẫn không đổi ý. Trang Vương tức giận sai đao phủ đem chém, nhưng đúng lúc đó có con hổ nhảy vào cứu. Chúa Ba ngất đi, một lúc sau có thanh y sứ dẫn xuống địa ngục. Đi qua mười tám cửa ngục tù, Chúa Ba thấy những người có tội phải chịu cực hình. Chúa động lòng từ tâm bèn xin Ngọc Hoàng rộng lòng tha thứ cho tất cả những người đó, và biến chốn địa ngục trở thành thiên đường. Chúa Ba tỉnh dậy được Phật Thích Ca thử thách, cho đến tu hành ở chùa Hương Tích. Sau chín năm, được truyền thụ cả mọi phép Phật, phép Tiên.

Bấy giờ Trang Vương vì tàn ác, bất nhân, bị trừng phạt phải chịu chứng bệnh kỳ lạ, khắp người chốc lở, tanh hôi. Chúa Ba ở thượng giới thấy vua cha mắc bệnh hiểm nghèo bèn hóa thành lão tăng xuống trần chữa bệnh. Lão tăng bảo Trang Vương phải tìm xin được tay và mắt của vị tiên ở chùa Hương để làm thuốc thì mới khỏi bệnh. Lúc ấy Chúa Ba ở chùa Hương đã tự mình khoét mắt, chặt tay trao cho sứ giả mang về. Trang Vương khỏi bệnh. Hai công chúa chị đang gặp nạn cũng được Chúa Ba cứu thoát. Trang Vương cùng hoàng hậu đem lễ vật đi tạ ơn thì nhận ra tiên nhân ở chùa Hương chính là Chúa Ba. Trang Vương hối hận quy thiền, cả hoàng hậu và hai công chúa ở lại tu hành tại chùa. Chúa Ba được Ngọc Hoàng Thượng đế sắc phong là Quan Thế Âm Bồ Tát có nghìn mắt nghìn tay, ngồi trên tòa sen coi giữ, phù hộ cho chúng sinh miền Nam Hải. Công chúa Diệu Thanh được làm Đại Thiện Văn Thù Bồ Tát, công chúa Diệu Âm làm Đại Thiện Phổ Hiền Bồ Tát.

*

* *

Qua việc trình bày sự tích Phật Bà Quan Âm như trên, tác giả truyện thơ đã gửi gắm nguyện vọng của nhân dân, kết án kẻ thống trị tàn ác bạo ngược. Bất kể thực trạng xã hội có bao bất công đau khổ, đông đảo quần chúng nhân dân vẫn tin chắc ở chính nghĩa, những thế lực siêu nhiên như Ngọc Hoàng Thượng đế, Phật Thích Ca ủng hộ. Tác phẩm cũng cho thấy dân gian có một tấm lòng vị tha, nhân ái đối với những người tội lỗi. Ngay cả những người tàn ác như Trang Vương nhưng biết hối hận cũng được Phật rộng lòng tha thứ. Công chúa Diệu Thiện trước sau là hình ảnh tiêu biểu cho con người hiếu nhân, quyết tâm phá vỡ cái luân lý thoái hóa và bất lực của chế độ xã hội đương thời.

*

* *

Từ trước đến nay, truyện thơ này đã được lưu truyền và trải qua sự tu chỉnh, thêm bớt của nhiều soạn giả, do đó, có nhiều dị bản.

Gần đây, ông Lê Mạnh Thát có tìm được một bản truyện *Nam Hải Quan Âm* bản hạnh Quốc ngữ diệu soạn trùng san, cuối truyện có đề niên hiệu và tên các tác giả: "Hoàng triều Tự Đức tam niên, tuế thứ Canh Tuất, mạnh xuân cẩn chí. Trúc lâm Tuệ Đăng Hòa thượng Chính giác Chân Nguyện diệu soạn [1]

Việc phát hiện tác giả của tác phẩm là điều rất quý, nhưng đến nay ý kiến này vẫn chưa được đông đảo các nhà nghiên cứu và bạn đọc thừa nhận. Hơn nữa, ở văn bản viết bằng chữ Nôm hiện lưu trữ ở Thư viện Viện Hán Nôm mang ký hiệu AB.224 không ghi tên tác giả. Chính vì lẽ đó, chúng tôi vẫn xếp truyện này vào truyện Nôm khuyết danh.

Trong khi biên soạn, chúng tôi căn cứ vào bản chữ Nôm ký hiệu AB.224 là chính và lấy bản *Đức Phật Bà truyện*, NXB Cây Thông, Lò Đúc, Hà Nội làm khảo dị.

1. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội. 1988. Tr.293.

Chân Như [1] đạo Phật rất màu,
Tâm trung chữ hiếu niệm đầu chữ nhân
Hiếu là độ được đấng thân,
Nhân là vượt hết trầm luân mọi loài.
Thần thông [(a)] ngàn mắt ngàn tay,
Cũng trong một điểm linh đài hóa ra.
Này trong [(b)] bể nước Nam ta,
Phả môn có đức Phật Bà Quan Âm.
Niệm ngài thường niệm ở tâm,
Dẫn xem sự tích ca ngâm cho tường.

Đoạn thứ nhất
TRANG VƯƠNG CẦU TỰ

Đời xưa vua Diệu Trang Vương,
Hưng Lâm nước ấy bốn phương một nhà.
Chính phi bảo đức Bá Nha,
Sáu cung đủ cả, ngọc ngà thiếu chi.
Chỉn lo [(c)] dưới gốc còn trì, [2]
Mai sau được kẻ nối vì đế vương
Mới cùng hoàng hậu lo lường,
Rằng: "Sao tử tức [3] muộn màng bấy ru [(d)]
Hay vì giặc giã đâu đâu,
Mà ta giết nó bấy lâu đã nhiều.
Phép binh như lửa cháy diều,

Khảo dị :

a. *Tinh* thông...

b. *Xem* trong...

c. *Chỉ e*...

d. Bấy *lâu*.

Chú thích:

1. *Chân Như:* đạo chân chính của Phật.
2. *Còn trì:* còn cháy. Ý nói hiếm muộn chưa có con.
3. *Tử tức:* đường con cái.

Hà không oan uổng luống tiêu mạng người.
Chính cung tâu lại mấy lời:
"Trong cơ báo ứng đạo trời chi không.
Có đền Tây Nhạc đế cung,
Khấn sao được những [a] như lòng thế gian.
Dám xin vua lập một đàn,
Cầu thai, ta lại giải oan cho người".
Đức vua nghe nói mừng cười,
Sai người Triệu Chấn vâng lời truyền mau.
Sắm sanh hương, quả, đèn dầu,
Bao nhiêu lễ khấn, lễ cầu đủ no.
Lại sai Đát Nam Chi Đô,
Lễ nghi đem đến đền chùa đế cung.
Truyền cho sư cả Chí Không:
"Rằng vâng lệnh ngự một lòng kính thay.
Đàn chay làm bảy đêm ngày,
Việc ngài cầu tự, việc thầy tụng kinh".
Chí Không vâng mệnh rành rành,
Năm mươi thày tớ tập tành trống chuông.
Bàn trong, án ngoại tròn vuông,
Mưa bay nước phép, hương tuôn khói đàn.
Ngày ấy vua ngự xe loan,
Hành hương làm lễ, trông đàn [b] dâng lên.
Trên đàn sư giữa, vua trên,
Một bên hoàng hậu, một bên cung tần.
Đức vua quỳ xuống khấn rằng:
"Tôi từ trị nước nuôi chưng dân trời.
Cũng may dân được yên vui,
Mà sao hoàng tử nối đời chưa sinh.
Hay là trong lúc dùng binh,
Nhiều khi sát phạt oan tình chúng chăng?
Lòng thành, lễ bạc kính dâng,
Rày tôi tạ quá [1] xin thần chứng minh.

Khảo dị :

a. Khấn sao được vậy...

b. *Trống* đàn...

Chú thích:

1. *Tạ quá:* xin lỗi.

Xin đem sớ, tấu thiên đình,
Cho hoàng tử được giáng sinh tôi nhờ".
Chúc xong [a] vua phán bấy giờ:
"Các sư thành kính phụng thờ cho ta.
May mà sinh hoàng tử ra,
Thì trẫm ắt thưởng cho mà hậu thay".
Phán rồi xe loan về ngay,
Gió đưa nghi ngút hương bay trong đền.

Đoạn thứ hai
BỒ TÁT TIỀN THÂN

Miếu thần thấy sớ đốt lên,
Bàn cùng bộ hạ sự duyên gót đầu:
"Vua Trang thành kính kêu cầu,
Lập đàn trai tiếu [1] mong hầu có thai. [b]
Hóa sinh cho đúng kiếp người,
Thử coi thượng giới có ai chăng là"
Mắt thần thiên lý [2] trông ra,
Rằng: "Bên Thứu Lĩnh [3] có nhà họ Thi.
Ba đời phúc đức đã dày, [c]
Đến ông trưởng giả càng ngày càng nhân.
Chẳng tham phú quý phù vân, [4]
Một niềm hiếu thiện xa gần đều khen.
Sinh được ba con đều hiền,
Thi Văn, Thi Phổ là tên đó là. [d]

Khảo dị :

a. *Lễ* xong...

b. Lập đàn trai tiếu *mừng* hầu có thai

c. ... *ai bì*

d.... Là tên đó *mà*.

Chú thích:

1. *Trai tiếu:* thày tu lập bàn cầu đảo bằng cỗ chay.

2. *Thiên lý:* nghìn dặm. Ý nói nhìn tầm xa.

3. *Thứu Lĩnh: gọi là núi Linh Thứu, tên núi ở nước Ma Yết Đà miền Trung Ấn Độ, nơi Phật Thích Ca giảng kinh Pháp Hoa.*

4. *Phù vân:* mây nổi. Do câu: "Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân" (làm việc bất nghĩa mà giàu sang, đối với ta như đám mây nổi). Ý nói coi thường sự giàu có, sang trọng.

Rất hiền là con thứ ba, [1]
Nhân đức thuần hòa hơn cả hai anh.
Ở hiền sao chẳng gặp lành,
Nhân vì một sự cháy thành vạ lây.
Vì ngươi Vương Cật bên kia, [a]
Nó ở nơi khác nó thì đứa gian.
Nó thường quẩy chốn hà san, [2]
Binh trời [b] đánh nó tồi tàn chẳng dung.
Cùng đường vào lạy Thi Ông,
Ông thấy đói khát chạnh lòng cho ăn.
Ba con đã can ông rằng:
"Nó là trộm cướp cho gần chẳng nên.
Binh trời đã dẹp nó yên,
Mà ta dung lấy nữa phiền lụy chăng !"
Vương Cật lúc ấy hung hăng,
Bổ ra ngoài rừng, vào phá nho gia,
Giết người, lấy của, đốt nhà,
Trăm thây tử khí hơ đà xung thiên. [3]
Ngọc Hoàng phán hỏi sự duyên,
Trách họ Thi ở nhân hiền để đâu ?
Gần nhau mà chẳng cứu nhau,
Để cho trăm họ âu sầu vì ai ?
Truyền bắt Thi thị [4] ba trai,
Chuyển vào trong động bỏ dài chẳng tha
Ấy sự con ông Thi gia,
Xin thần xét lại tâu qua thiên đình.
Cho ba người ấy giáng sinh,
Thì Trang Vương cũng được dành đội ơn".
Lúc ấy có Tây Nhạc thần, [5]

Khảo dị :

a. Vì người Vương Cật *tai bay*.

b. *Bệnh người*...

Chú thích:

1. *Nguyên chú*: huý là Thi Thiện.
2. *Hà san:* sông và núi. Ý nói đi khắp nơi.
3. *Xung thiên:* hơi bốc lên tận trời.
4. *Thi thị:* nhà họ Thi.
5. *Tây Nhạc thần:* thần miếu Tây Nhạc.

Mới lên tâu ở trước sân Ngọc Hoàng.
Tâu rằng: "Hạ giới Trang Vương,
Thành tâm sớ điệp lập đàn cầu thai.
Nhà Thi thị có ba trai,
Vốn dòng tích phúc xưa nay đã nhiều.
Vì chẳng biết được [a] cứu nhau,
Tai bay vạ buộc [b] tình đầu nên thương.
Dám xin xét lại tỏ tường,
Rộng tha lỗi ấy, rộng đường đầu thai.
Trước cho Trang Vương dài đời,
Sau cho cứu độ những loài chúng sinh".
Ngọc Hoàng mới phán phân minh:
"Truyền thần vào động lệnh hành tha ra.
Chuyển trai làm gái cả ba,
Ba hồn cửu phách [1] đợi mà thác sinh".

Đoạn thứ ba

BỒ TÁT GIÁNG SINH

Trang Vương vốn ở chẳng lành,
Nhưng có lòng thành ước cũng được nên.
Cơ mầu chuyển động tự nhiên,
Chính cung hoàng hậu mới liền thụ thai.
Lòng vua mừng rỡ hôm mai,
Ơn thầm cảm ứng chẳng sai đâu là.
Lo ngày kết tử khai hoa, [2]
Được một công chúa tên là Diệu Thanh.
Lòng vua dường có bất bình,
Rằng: "Sinh con gái thì sinh làm gì ?"
Năm sau thai dựng đến kỳ
Nghĩ được hoàng tử ắt thì vui thay.

Khảo dị :

a. Vì *chưng chẳng biết* cứu nhau

b. Tai bay vạ *gió*...

Chú thích:

1. *Ba hồn cửu phách*; tức "ba hồn chín vía", "chín vía" chỉ về nữ, "bảy vía" chỉ về nam. Ý nói cho ba người đầu thai làm con gái.

2. *Kết tử khai hoa:* khai hoa kết quả. Ý nói đến kỳ sinh nở.

Chẳng ngờ mãn tháng no ngày,
Lại sinh gái nữa, toan rày giết con. [a]
Triều thần can gián một khi,
Tha cho mới đặt cho là Diệu Âm.
Mưa qua gió lại âm thầm,
Chính cung mừng lại tin nhằm có thai.
Trong cung nức những hương trời,
Hào quang sáng khắp mọi nơi bảo đài. [b]
Lòng vua bao xiết vui vầy, [c]
Kỳ này hẳn khác hai kỳ năm xưa.
Hẳn sinh hoàng tử chẳng ngờ,
Không, sao điềm tốt bây giờ thấy ra.
Thoi đưa tháng lại ngày qua,
Lại sinh công chúa mặt hoa dời dời [d]
Đào trên mây, hạnh trên trời,
Cổ kiêu ba ngấn, miệng cười trăm hoa
Vẻ thanh trong ngọc trắng ngà,
Trăng tròn nét mặt, núi xa dạng mày.
Ngắm xem cốt cách thanh kỳ, [e] [1]
Bụi trần chẳng có mảy may chút nào.
Sắc tuy rằng sóng sánh đào, [g]
Nhưng mà đoan chính trông vào nghiêm trang.
Tuổi thơ mà đã khác thường,
Ai ai cũng kính tiên nương dưới trần.
Lòng vua sao một tần ngần, [h]
Nghe sinh công chúa mười phần chẳng tươi.
Phán rằng: "Tuổi ngoại năm mươi,
Chẳng được hoàng tử lấy ai nối vì ?
Sinh ba con gái làm chi,

Khảo dị :

a.... toan rày giết *đi*

b. Hào quang sáng khắp *trong ngoài cung vi*

c. ... *hoan hùy*

d. ... *mặn mà tốt tươi*

e. ... cốt cách *ai tầy*

g. Sắc tuy *khác vẻ thanh tao.*

h. Lòng vua *thêm lại...*

Chú thích:

1. *Thanh kỳ:* thanh cao khác người.

Sự bất đắc dĩ rồi thì làm sao ?"
Triệu Chấn đặt gối tâu vào:
"Bởi trời định thế, người nào cho hay.
Nhưng xem trong sách xưa nay, [a]
Vua Nghiêu nhường vị, Thuấn [1] thay lấy quyền.
Thuấn trao cho Vũ người hiền,
Ấy truyện trong sách có truyền, phải không. [b]
Dám xin Thánh đế yên lòng,
Nuôi ba công chúa để mong trưởng thành.
Kén tài phò mã anh hùng,
Thay quyền thái tử nối dòng tổ tiên".
Nghe thôi vua giải lòng phiền, [c]
Ban cho thị nữ giữ gìn Chúa Ba.

Đoạn thứ tư

CÔNG CHÚA MỘ PHẬT

Cõi trần mà có Thường Nga, [2]
Khỏi vòng trứng nước, thoát đà cả khôn.
Êm đềm trong chốn khuê môn,
Lạ thay tình, tính, dung, ngôn khác người.
Không trang điểm, chẳng chơi bời,
Ăn chay niệm Phật, nói lời từ bi.
Một mình nào có ai hay, [d]
Thân này trần thế, lòng này Phật tiên.
Có hôm ra chốn xuân viên, [3]
Theo cùng hai chị vui miền thưởng hoa.
Diệu Thanh công chúa nói ra:
"Chúng ta đội đức mẹ cha dường này.

Khảo dị :

a. Nhưng xem *sách chép...*

b. Truyện trong thanh sử còn truyền lưu thông

c. *Vua nghe nên bớt* lòng phiền

d. *Chúa bà ai kẻ biết chi*

Chú thích:

1. *Nghiêu, Thuấn:* hai ông vua hiền thời Thượng cổ ở Trung Quốc.
2. *Thường Nga:* tức Hằng Nga. Chỉ người con gái đẹp.
3. *Xuân viên:* vườn xuân.

Thanh nhàn vô sự vui thay,
Kẻ thường ví được thế này cho chăng ?”
Diệu Âm công chúa nói rằng:
“Một mai khôn lớn định chưng vợ chồng.
Bấy giờ cách trở tây đông,
Dễ ta hầu được ở cùng nhau chăng ?”
Chúa Ba chẳng nói chẳng rằng,
Trông hoa cười, mến tần ngần với hoa.
Thấy em chẳng nói chẳng hề,
Hai chị mới hỏi tỉ tê sự lòng.
Thưa rằng: “Sắc vẫn là không, [1]
Thử suy giấc mộng ngẫm trong người đời.
Đua danh, đua lợi tơi bời,
Như đem trò rối làm chơi lạ thường.
Dù ba mươi sáu tán vàng, [2]
Tuổi ngoài ba vạn sáu ngàn ngày thôi.
Huống gì kẻ tục trần ai,
Lại có luân hồi [3] mấy kiếp mà thương.
Phu thê là đạo cương thường, [4]
Trăm năm chung được chén vàng mãi ru.
Nghĩ ra nên cũng buồn rầu,
Sao bằng mượn cảnh mà tu lấy mình.
May ra siêu thoát tử sinh,
An thân nước Phật vui hình cõi tiên.
Trên trời báo đức sinh nên,
Mai sau ngài ở [a] tòa sen đời đời.
Giữa thì tế độ cho người,
Dưới những quỷ loài cứu lấy nơi nơi. [b]”

Khảo dị :

a. Mai sau *lại ở*...

b. ... cứu lấy *đôi* nơi.

Chú thích:

1. *Sắc, không:* tức câu “sắc sắc không không”, tiếng nhà Phật. Những gì hiện rõ ra là sắc, không là hư không, trống rỗng. Theo đạo Phật thì không là vượt lên trên thế giới có thực. Nói cảnh thế gian hư hư thực thực, biến ảo khôn lường.

2. *Ba mươi sáu tán vàng:* do câu “Vua Ngô ba mươi sáu tán vàng, chết xuống Âm phủ chẳng mang được gì”. Chỉ sự giàu có.

3. *Luân hồi:* bánh xe quay trở lại. Thuyết nhà Phật cho rằng chúng sinh luẩn quẩn trong vòng sinh sinh hóa hóa như bánh xe quay hết vòng lại quay trở lại.

4. *Cương thường:* tức Tam cương (quân thần, phu phụ, phụ tử) và Ngũ thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Đây là nói đạo vợ chồng là một trong ba điều của Tam cương.

Đoạn thứ năm

HAI CÔNG CHÚA LẤY HAI PHÒ MÃ BẤT HIỀN

Nói năng chưa kịp hết lời,
Đức vua có lệnh truyền đòi ba con.
Rằng: "Rầy công chúa cả khôn,
Toan bề gia thất lại còn đợi chi" ?
Bấy giờ hai chị tâu quỳ:
"Vua cha định liệu vậy thì con vâng".
Thấy con tâu vậy vui mừng,
Định hai phò mã kén chưng triều thần.
Trạng nguyên họ Triệu quan văn,
Gả bà Chúa Nhất dành phần truyền gia. [a]
Lại có quan võ họ Hà,
Hay nghề cung kiếm gả bà Chúa Hai.
Hai chàng tin dụng hôm mai,
Kẻ cung Đông, kẻ cung Đoài ở riêng.
Ra vào chầu chực mấy niên,
Đức Trang Vương đã tuổi liền sáu mươi.
Mặt rồng khi ấy tốt tươi,
Làm yến gia thọ [1] cho mời trăm quan,
Vua tôi họp mặt đoàn loan,
Phò mã, công chúa tả ban chầu gần.
Chén mừng chén chúc mấy tuần,
Đức vua vui uống có phần quá say.
Ngự vào nằm nghỉ bấy chày,
Trăm quan lạy tạ chia tay lui về.
Giấc rồng tỉnh lại ban khuya,
Hỏi: "Hai phò mã nay thì chầu đâu ?"
Ai ngờ về phủ đã lâu,
Giọt đồng hồ điểm ban đầu trống ba.
Lôi đình vua mới mắng ra,
Rằng: "Cho quyền bính để mà cậy trông.

Khảo dị :

a. Gả bà Chúa Nhất *yên* phần *thất* gia.

Chú thích:

1. *Gia thọ:* mừng thọ.

Hôm mai chầu chực đền rồng,
Bên tả bên hữu đề phòng chẳng ly.[1]
Có đâu đêm hãy còn khuya,
Ta say chưa tỉnh bỏ về chẳng coi.
Giang sơn nay phó có người,
Thứ ba phò mã được tài trẫm trao".
Tức thì vời[a] hoàng hậu vào,
Sự con, sự rể tiêu hao giãi bày.
Hoàng hậu nghe phán mới hay,
Tâu: "Chúa Ba rầy tuổi cũng đã nên.
Kén dùng may được rể hiền,
Để sau xem sóc cho yên nghiệp nhà."

Đoạn thứ sáu
TRANG VƯƠNG MUỐN GẢ CHỒNG CÔNG CHÚA TỪ CHỐI

Đức Trang truyền chỉ phán ra,
Dạy đòi công chúa thứ ba vào chầu.
Chúa Ba vâng lệnh lên hầu,
Đức vua mới phán trước sau sự tình:
"Ba con tuổi đã trưởng thành,
Hai chị con đã yên lành thất gia
Hiềm vì sự yến hôm qua,
Việc nước, việc nhà, đành để con xem.
Trong triều văn võ hai bên,
Mặc lòng đẹp ý đâu nên cha dùng.
Quyền cao, chức trọng cha phong,
Cũng như hoàng tử để phòng mai sau".
Chúa Ba đứng lặng giờ lâu,
Từ nghe cha dạy lòng sầu xót xa.
Cúi đầu lạy trước thềm hoa,
Tâu rằng: "Con đội đức cha sinh thành.

Khảo dị :

a. ... *mời*...

Chú thích:

1. *Chẳng ly*: không rời.

Nói sao nghe vậy mới đành,
Nhẽ đâu con dám trái tình mẹ cha.
Nhưng sao tôi [a] khác người ta,
Bẩm sinh từ thuở sinh ra đến rầy.
Chỉ tin đạo Phật đêm ngày,
Thấy đường gia thất lòng này dửng dưng".
Vua nghe cả tiếng mắng rằng:
"Con đâu quái chứng nói năng lạ lùng.
Ta làm vua chốn đền rồng,
Rất tôn nghiêm cấm là trong lâu đài.
Con đâu mà để ra ngoài,
Đi theo sãi vãi dông dài xấu xa !"
Chúa Ba lạy lại tâu qua:
"Lầu loan gác phượng ai là chẳng yêu.
Trân châu ai chẳng muốn nhiều,
Phu thê ai cũng dập dìu đoàn viên,
Song lòng con vốn tự nhiên,
Xuất gia chỉ dốc một niềm mà thôi.
Cũng vì tư bẩm tính trời,
Xin đừng ép uổng lòng tôi làm gì".
Đức Trang thêm giận một khi,
Như sấm như sét ai thì chẳng kinh !
Chúa Ba lại lạy, lại trình:
"Xin xét tấm tình kẻo mệt thánh cung. [1]
Cha thương dù có ép lòng,
Thì con xin lấy kẻ dòng lương y".
Vua rằng: "Văn võ thiếu gì,
Mình châu vóc ngọc sánh chi kẻ thường ?"
Tâu rằng: "Kẻ ấy tuy thường,
Có bề cứu thế, có đường độ dân".
Vua nghe nổi giận trăm phần,
Bắt đem đày đọa ra chưng sau vườn.

Khảo dị :

a. Nhưng sao *con*...

Chú thích:

1. *Thánh cung:* mình thánh, chỉ nhà vua.

Đoạn thứ bảy

TRANG VƯƠNG ĐUỔI RA SAU VƯỜN
CÔNG CHÚA MỘT LÒNG MỘ PHẬT

Chúa Ba từ ấy cảm thương,
Nghĩ đem điều hiếu suy lường mà coi.
Thuận cha được một bề thôi,
Trăm năm đến lúc sau rồi nào hay.
Tưởng cha sát phạt đã đầy,
Mai sau vào kiếp luân hồi ai lo ?
Mắt trần nào đã thấy cho,
Lòng trần báng bổ nói dầu có tin. [a]
Thôi thôi dốc một lòng nguyền,
Đành thân chịu khổ giữ bên chiền già. [1]
Thân này thành Phật may ra,
Hộ nước, hộ nhà thì mới có phương.
Giữ chi hiếu nhỏ tầm thường,
Giữ đường hiếu lớn mới đường báo ân. [b]
Càng xem nghiệp chướng [2] cõi trần,
Càng say đạo Phật muôn phần chẳng khuây.
Sau vườn ở đó đêm ngày,
Trông sao, trông tuyết, trông mây một mình.
Một mình niệm Phật, niệm kinh,
Gió thanh là quạt, trăng thanh là đèn.
Cũng mừng khỏi chốn trần duyên,
Ở đây càng được tinh chuyên kẻo còn.
Đêm khuya [c] hoàng hậu bồn chồn,
Nhớ con vắng vẻ, thương con âm thầm.
Truyền hai thị nữ ra thăm,
Nơi ăn, nơi ở, nơi nằm làm sao.

Khảo dị :

a. Lòng trần báng bổ *dễ hồ* có tin.

b. Giữ đường hiếu lớn *rõ ràng* báo ân.

c. Đêm *ngày*...

Chú thích:

1. *Chiền già:* do chữ "già lam", chỉ nhà chùa.

2. *Nghiệp chướng:* từ nhà Phật. Việc làm từ kiếp trước, kiếp sau phải chịu hậu quả.

Hai người đến đó bước vào,
Khuyên dỗ đức chúa thấp cao sự lòng:
"Phủ son, gác tía, lầu hồng,
Nhân sao chẳng ở, bạn cùng cỏ hoa ?"
Chúa Ba tình thực nói ra:
"Ta ưa thanh vắng, chẳng ưa lâu đài.
Càng nhiều chầu chực gái trai,
Càng nhiều phiền não luân hồi khổ thân.
Chữ rằng: nhất nhật tu thân, [1]
Mấy kiếp phong trần rũ sạch như không.
Ta từ khỏi chốn bụi hồng,
Như khỏi địa ngục lên vòng thiên cung.
Bạn cùng gió mát trăng trong,
Tự tại mặc lòng kẻo lụy trần ai".
Nói thôi ngửa mặt lạy trời, [a]
"Chứng minh xin chớ để sai lòng này !"
Thoắt thôi thị nữ lui về,
Tâu bà hoàng hậu vân vi [b] rạch ròi:
"Hai tôi dỗ đã hết lời,
Khăng khăng chúa quyết say nơi đạo Thiền.
Thưa đi thưa lại cần quyền, [2]
Chúa chỉ một niềm kinh giáo say mê".

Đoạn thứ tám
TRANG VƯƠNG KHUYÊN VỀ LẤY CHỒNG
CÔNG CHÚA XIN Ở LẠI TU HÀNH

Hoàng hậu nét mặt ủ ê,
Thương con mà luống [c] nằn nì cho con,
Hẹp chi gác tía lầu son,
Liễu đào thơ yếu nước non dãi dầu.

Khảo dị :

a. .... khấn trời

b. .... nhời ngay rạch ròi

c. Thương con *luống những*...

Chú thích:

1. *Nhất nhật tu nhân:* một ngày làm việc nhân.
2. *Cần quyền:* cầu khẩn người khác làm điều gì đó.

Vừa than vừa thở giờ lâu,
Xảy nghe ngự giá lui chầu vào cung.
Lên chầu tâu trước ngai rồng,
Rằng: "Nay cửu trùng [1] sao sắc kém tươi ?
Việc gì phán bảo chúng tôi,
Vâng biết mọi lời kẻo để lo âu".
Rằng: "Đày công chúa đã lâu,
Nhớ con trẫm những âu sầu chẳng an."
Hoàng hậu quỳ xuống tâu lên:
"Con thơ dại dột dám xin thứ tình".
Bấy giờ xa giá phát hành,
Cùng bà hoàng hậu dạo quanh sau vườn.
Chúa Ba đón liền xe loan,
Tâu rằng: "Con tội muôn vàn đã cam".
Đức vua phán rằng: "Tha giam,
Cho về cung cấm, chớ đam [2] tu hành". [a]
Chúa Ba từ tạ đinh ninh:
"Con xin tu hành ở chốn hậu viên".
Hoàng hậu lăn khóc một bên:
"Thế thì lòng mẹ chẳng yên được nào".
Chúa qùy rón rén thưa vào:
"Lòng con chỉ một ước ao chiền già.
Nguyện vì cõi Phật lâu xa,
Trần gian sống mấy mươi mà chẳng tu.
Ví tham danh lợi tranh đua,
Sau đến thực gần biết thuở nào lên".
Đức vua nhịn giận mà khuyên,
Rằng: "Con sao nỡ để phiền cho cha ?
Công trình khó nhọc sinh ra,
Nuôi con mong để tuổi già cậy trông
Bây giờ bỏ chốn lầu rồng,
Cha khuyên, mẹ dỗ quyết lòng đi tu.
Hay gì sãi vãi ở chùa,

Khảo dị:

a. Bốn câu này bản Cây thông không có.

Chú thích:

1. *Cửu trùng:* chín tầng trời, chỉ chỗ ở của vua. Đây dùng để gọi vua.

2. *Chớ đam:* Chớ say mê quá.

Rau dưa khổ hạnh, bo bo tháng ngày.
Như con còn có thiếu chi,
Mà con lại bỏ làm điều ấy ru !"
Thoắt thôi hai kiệu về lầu,
Lại thấy hai chị đến sau dỗ dành:
"Từ em đày đọa một mình,
Hai chị thảm thiết tâm tình lắm thay !
Em về chớ có ở đây,
Kẻo vua cha giết mất rày mà thương".
Thưa rằng: "Sinh tử là thường,
Dẫu có nghìn vàng dễ đổi được vay.
Em xin tu ở chốn này,
Hai chị về rày chầu chực trong cung.
Thấy em nói chẳng chuyển lòng,
Nặng lời thét mắng đùng đùng một khi.
Chúa thấy hai chị chẳng vì,
Thưa rằng: "Bớt giận, làm chi nhọc lòng.
Thân đồng nhưng bóng chẳng đồng,
Dám xin hai chị rộng dung mặc dầu".
Bấy giờ hai chị về lầu,
Tâu với hoàng hậu trước sau sự lòng.
Hoàng hậu lên tâu ngai rồng,
Lại sai thị nữ nội cung bắt về.

Đoạn thứ chín

THỊ NỮ BÀY KẾ, CÔNG CHÚA ĐẾN VƯỜN SAU

Thị nữ trình Chúa Ba hay:
"Chúng tôi vâng lệnh dỗ rày chúa nghe.
Nhược bằng chúa chỉ đam mê,
Chúng tôi mạn phép bắt về chẳng tha".
Chúa Ba rất trực mắng la,
"Đã hay vâng phép vua cha cho đòi.
Dẫu sao cũng đứa tới lời,
Chúng bay sao dám rẻ người bẩy kia.
Chẳng về thì bắt lôi về,
Ấy ta tội gì hãy nói cho ra ?
Ta nhân một sự xuất gia,

Ở đây vì có lệnh cha bắt đày".
Thị nữ thấy ý khôn lay,
Đặt ra một chước nói ngay một bài:
"Chốn này vắng vẻ hôm mai,
Tu hành dễ được lâu dài đấy ru !
Có chùa Bạch Tước cảnh màu,
Năm trăm tăng đạo bấy lâu trụ trì.
Vua phán Chúa Ba trở về,
Tu đấy có bề hơn chốn hậu viên".
Chúa Ba mới giải lòng phiền,
Hỏi: "Vua cha có phán truyền thế chăng ?
Phỏng như lời có thực rằng,
Thế thì như nguyện cũng bằng lên tiên".
Thị nữ trở lại trong đền,
Tâu đức hoàng hậu gửi liền ngự [1] hay:
"Chúng tôi khuyên dỗ cả ngày,
Chúa tôi cũng chẳng chút lay tấm lòng.
Chúng tôi đặt chước nói cùng,
Rằng: "Lệnh điện rồng cho chúa đi tu".
Xin chúa hãy trở về lầu, [a]
Để sang chùa Tước mà tu đông người.
Chúa tôi mới nói mới cười,
Rằng: "Được như lời mới thỏa lòng xưa".
Ấy là chúng tôi chước lừa,
Phải đem sau trước trình thưa giãi bày".
Đức vua mới phán rằng: "Bay,
Đặt chước ra rầy phải dụng chước chăng ?"
Truyền đòi chùa Tước chúng tăng,
Rằng: "Mai công chúa đến chơi chùa này.
Dỗ về cho được, chớ chầy,
Không thì tao giết chúng mày chẳng tha !"
Nói thôi [b] mới sai người ra,
Rước lấy công chúa về tòa Kim Lâu.

Khảo dị :

a. ... hãy *giở* về *cho*.

b. Nói *rồi*...

Chú thích:

1. *Ngự:* vua thường xưng là ngự: Đây gọi vua.

Bước vào vọng bái khấu đầu,
Vua cha nhìn mặt giờ lâu mới truyền.
Rằng: "Con đã đắm đạo Thiền,
Cho ra chùa Tước theo miền tăng ni".

Đoạn thứ mười

CÔNG CHÚA Ở CHÙA TƯỚC CÁC SƯ BÀY KẾ KHỔ SAI

Tạ từ chúa mới ra đi,
Hai chị cầm lại một khi chẳng rời.
Các quan văn võ trong ngoài,
Cùng đưa đức chúa mỗi người một than. [1]
Chúa từ [2] văn võ các quan:
"Xin đem quân lại, chớ phiền quân đi.
Tạ lòng xin các quan về,
Chấp lấy nhân chính phù trì thánh cung". [3]
Trăm quan thưa một lời chung:
"Xin chúa trở lại đành lòng thân dân.
Nhớ xưa lời dạy thánh nhân,
Thuận thân là đạo, nghịch thân là tà.
Lòng lành chẳng lo xuất gia,
Trong cung thờ Phật cũng là chân tu.
Ra ngoài những kẻ phàm phu,
Lấy làm cợt diễu ô đồ khó nghe".
Chúa rằng: "Mời các quan về,
Cõi trần nào dễ [a] biết chi mà rằng".
Nói thôi chúa kíp dời chân,
Trông chùa Bạch Tước đến gần tự biên
Lao xao tăng chúng mách tin:

Khảo dị :

a. Cõi trần nào *đã*...

Chú thích:

1. *Than:* thở than, buồn rầu.
2. *Từ:* từ biệt, chia tay.
3. Cả câu ý nói: nắm lấy nhân và chính mà giúp rập vua trị nước.

"Ấy ba công chúa vua truyền ngày xưa. [a]
Nể người ta chẳng chối [b] từ,
Vua át [c] làm tội bây giờ chẳng dung".
Bèn mời công chúa vào trong,
Trình kể sự lòng sau trước chúa hay.
"Chúng tôi khổ hạnh ở đây,
Ăn mày lộc Phật mỗi ngày một lưng.
Chúa Ba quý giá ai bằng,
Làm chi sãi vãi danh xưng thế cười".
Chúa Ba dạy lại mấy lời:
"Giàu sang mà, chẳng luân hồi vậy vay ?" [d]
Chúng tăng cứ thực trình bày,
"Đức vua có lệnh truyền rày chúng tôi.
Dỗ cho được chúa kíp hồi, [e] [1]
Không vậy [g] giết người, chùa đốt ra tro".
Chúa rằng: "Chẳng phải phiền lo,
Tử sinh hữu mệnh biết hầu làm sao !"
Chúng tăng thấy nói chẳng vào,
Thác từ cắt việc cho nao tấm lòng,
"Hễ đà ở chốn chùa phòng,
Muối dưa, gánh nước với cùng nấu cơm. [h]
Đốt hương, quét tước già lam,
Giã gạo, bổ củi việc kham cả ngày. [i]
Bữa ăn đủ năm trăm thày [k] [2]
Gióng chuông, rung trống không ngày nào dưng".
Chúa Ba thấy nói mừng rằng:

Khảo dị :

a. Vua truyền hôm xưa
b. ... ta chẳng *tận* từ
c. Vua bắt...
d. Giàu sang *hà* chẳng luân hồi vậy *thay*.
e. ... *chúa phải* kíp hồi.
g. Không *sẽ* giết người...
h. ... với cùng *thổi* cơm
i. ...việc *làm luôn tay*.
k. Bữa ăn đủ *một* trăm thầy.

Chú thích:

1. *Kíp hồi:* gấp trở về
2. Ý nói phải nấu cơm cho năm trăm thầy tăng dùng.

"Hữu thân hữu khổ lẽ thường thế gian.
Ta đà vào chốn thiên quan,
Chỉ mong đắc đạo, há toan tiếc mình".
Nói thôi vào trước tĩnh đình, [1]
Chắp tay lạy Phật, tụng kinh, tham thiền. [2]
Bao nhiêu công việc chùa chiền,
Một mình gánh vác truân chuyên chẳng từ.
Lòng thành động đến trên trời, [a]
Ngọc Hoàng phán lời Thái Bạch, Kim Tinh.
Rằng: "Có công chúa tu hành,
Một ngày trăm việc thấy hình mà thương.
Lệnh truyền thần tướng, thần vương,
Giúp việc công chúa giữ giàng sớm khuya.
Rồng thì tuôn nước đến kề,
Hùm thì hái củi [b], chim thì nhặt rau.
Thổ địa thì quét trước sau,
Lục đinh, thần tướng đứng hầu đốt hương
Còn tiên: oản, quả, trà, thang, [3]
Kẻ chuông, người trống mọi đường chia nhau",
Phép trời giúp chúa nhiệm màu,
Trăm việc một khắc ai hầu biết ra. [c]
Cả chùa sư vãi trẻ già, [d]
Tưởng rằng phép chúa ai là chẳng kinh.
Rủ nhau vào tấu triều đình,
Kẻo e rồi lụy đến mình khốn thay !

Khảo dị :

a. ... động đến *thiên đài*

b. Hùm thì *bổ* củi...

c. ... ai hầu *chẳng kinh.*

d. Cả chùa sư vãi *ào ào.*

Chú thích:

1. *Tĩnh đình*: ngôi đình yên lặng, yên ổn. Chỉ nơi tu hành.
2. *Tham thiền:* ngồi quặt hai chân ra sau, nghiêm trang suy nghĩ đạo lý.
3. *Thang*: nước nóng.

Đoạn thứ mười một

CÔNG CHÚA KHÔNG VỀ, TRANG VƯƠNG ĐỐT CHÙA

Đức Trang vốn sự tâu bày,
Lôi đình thét mắng: "Chúng bay a tòng".
Lệnh sai lực sĩ đùng đùng,
Đốt chùa, giết hết mọi phòng tăng ni.
Tăng ni lăn khóc như ri,
"Bởi vì chúa, đến nỗi này thảm thương." [a]
Chúa Ba kêu vái [b] bốn phương:
"Vì tôi để vạ cho vương đến người.
Mười phương Phật, chín phương trời,
Hoàng thiên, hậu thổ chứng lời cho không ?"
Cầm dao cắt máu ròng ròng,
Lạy trời đem máu tưới tung lên trời. [c]
Tự nhiên chuyển động dời dời,
Sấm ran mưa xuống khắp nơi chùa chiền.
Gió êm lửa tắt được liền,
Ai cũng khen chúa phép tiên lạ lùng.
Lực sĩ thấy sự hãi hùng,
Tâu về Trang chúa cửu trùng ngự hay. [d]
Phán rằng: "Bắt chúa về đây,
Chẳng về thì bắt giết ngay chớ nể".
Hoàng hậu xin khất một khi:
"Tôi xin đặt kế họa thì phải nghe.
Đem ra kỹ nhạc trăm nghề,
Dỗ rằng chẳng về [e] hẳn giết, chẳng chơi.
Ai ngờ lòng sắt khôn dời,
Tiệc bày mặc tiệc, tu thời lai tu. [g]

Khảo dị :

a. Bởi vì chúa, đến nỗi *ni đoạn trường*

b. Chúa bà kêu *lạy*...

c. ... *vảy* tung lên trời.

d. *Vội về tâu mấy* cửu trùng ngự hay

e. *Dỗ bảo chẳng về...*

g. ... tu thời *mặc* tu

Đoạn thứ mười hai

TRANG VƯƠNG GIẾT HẠI CHẲNG DUNG
THẦN PHẬT CÙNG ĐẾN BẢO HỘ

Bấy giờ có lệnh trên lầu, [a]
Truyền bắt làm tội trọng tù giết ngay.
Pháp quan vâng lệnh dám chày, [1]
Đem ra trường pháp đem nay gia hình.
Thấy tin hoàng hậu bộ hành, [2]
Ôm con lăn khóc vật mình đòi phen. [3]
Một giây vua đã biết tin,
Lại phán chỉ truyền: "Tha giết đi cho.
Đem về ra mở ngục u, [4]
Lãnh cung chốn ấy thảm sầu bốn bên". [b]
Gián ra vua lại nài khuyên,
Đức chúa càng phiền quỳ lại tâu qua:
"Đã hay đạo mẹ đức cha,
Trời cao bể rộng báo đà xứng chưa ?
Nhưng tôi khổ hạnh bây giờ,
Mai sau cha mẹ được nhờ độ siêu. [5]
Kẻo e [c] nghiệp chướng đã nhiều,
Chẳng tai bể khổ cũng nhiều sông mê".
Vua nghe càng giận đòi khi, [d] [6]
Lại truyền lực sĩ đem đi gia hình.
Bấy giờ thổ địa thần linh,
Ở lãnh cung tới thiên đình tâu lên.
Ngọc hoàng Thượng đế phán truyền,

Khảo dị :

a. ... có *lịnh đức vua.*

b. Lãnh cung chốn ấy *để cho thảm phiền.*

c. *Bởi vì...*

d. Vua nghe *nổi giận trăm bề.*

Chú thích:

1. *Dám chày:* không dám chậm trễ.
2. *Hoàng hậu bộ hành*: hoàng hậu đi bộ đến.
3. *Đòi phen:* nhiều phen.
4. *Ngục u:* ngục tối.
5. *Độ siêu:* cầu nguyện cho vong linh những người đã chết lên khỏi địa ngục.
6. *Đòi khi:* cũng như đòi phen.

Sai các thần xuống bốn bên độ trì.
Rằng: "Là Bồ Tát xưa kia,
Thác sinh hạ giới khi nay phải nàn [a] [1]
Chư thần mau xuống chớ khoan,
Hễ thấy có giết kíp toan cứu người".
Canh năm vừa mới rạng trời,
Lực sĩ áp điệu ra nơi pháp trường.
Chúa Ba nhan sắc như thường,
Nghĩ lòng lên được thiên đường từ đây.
Quan quân gươm giáo sắp đầy;
Bỗng đâu cơn gió thổi ngay đùng đùng.
Tối tăm trời đất mịt mùng,
Hào quang sáng khắp cả trong trường đình.
Gươm dao chẳng phạm được mình,
Pháp quan thấy thế tâu trình bề trên. [b]
Vua Trang lại có lệnh truyền:
"Không trảm thì giảo [2] chết liền xem sao ?"
Quan quân áp đến xôn xao, [c]
Bỗng đâu mãnh hổ nhảy vào tha đi.
Các quan về tâu vua hay, [d]
Vua rằng: "Trời đất dung gì kẻ gian ?"

Đoạn thứ mười ba

CÔNG CHÚA HỒN CHƠI ĐỊA PHỦ
TỪ TÂM CỨU KẺ NGỤC TÙ

Hổ tha vào tới rừng hoang,
Đức chúa mơ màng như lúc chiêm bao.
Chẳng hay đấy là nơi nào,
Biết ai mà hỏi lối vào đường ra.

Khảo dị :

a. Thác sinh hạ giới *phen ni...*
b. ... tâu trình *căn nguyên*
c. ... áp đến *ồn ào*
d. ... về tâu *một khi*

Chú thích:

1. *Phải nàn*: gặp nạn.
2. *Không trảm thì giảo*: Không chém thì cắt cổ cho chết.

Bàng hoàng, phách nguyệt hồn hoa,
Thấy thanh y sứ đến mà hỏi han.
Tay cầm bảo cái cờ phan, [1]
Hào quang sáng khắp mọi ngàn dưới trên.
Trình: "Có Diêm vương lệnh truyền,
Dạy mời đức chúa về đền Phong Đô".
Qua mười tám cửa ngục tù,
Hỏi đây là chốn ở đâu, tên gì. [a]
Thưa rằng: "Địa phủ âm ti",
Chúa mới gẫm lại một khi sự lòng.
"Hẳn ta chẳng chịu lấy chồng,
Vua cha đem giết thác trong chốn này".
Sứ rằng: "Chẳng phải vậy vay,
Mười vua thập điện rước ngài xuống chơi.
Xin mời ngài hãy tới nơi,
Lại về dương thế rày mai chẳng chày".
Chúa theo sứ giả liền đi,
Mười tám cửa ngục một khi tới gần.
Những quân canh ngục vui mừng,
Đầu trâu đón rước dăng dăng hai hàng,
Chúa trông vào chốn ngục đường,
Gió tanh hơi thấu đến xương lạnh lùng.
Tối tăm ngày cũng mịt mùng,
Quân tù eo óc đứa trong đứa ngoài.
Chúa mới hỏi sứ từng lời:
"Chẳng hay tội nghiệp những người làm sao? [b]"
Thanh y dẫn lại thấp cao:
"Tội gì cũng có xiết bao ngục tù. [c]
Kìa ngục đem ném vạc dầu,
Xác người thùng thũng từ [d] đầu đến chân.
Dưới thì lửa đốt cháy ran,

Khảo dị :

a. Hỏi đây là chốn *đứa mô,* tên gì.

b. ... những người *ấy sao?*

c. ... xiết bao *thảm sầu.*

d. Xác người *dừ nát...*

Chú thích:

1. *Bảo cái cờ phan:* lọng và cờ phướn của nhà Phật.

Dầu sôi, người khóc muôn phần khổ thay.
Vì trên trần thế tội dày,
Trong lòng hiểm độc sâu cay quá chừng.
Bạo nghịch thiên địa thánh thần,
Phật tiên tổ khảo quân thân với thầy.
Kìa ngục huyết, hồ gớm thay,
Hồ sâu những máu tanh hôi lạnh lùng. [a]
Bất đem nhận đầu vào trong,
Thò lên rắn rết thuồng luồng cắn ngay.
Bởi vì trút bỏ bào thai,
Gian dâm bất tội cả hai đứa cùng.
Kìa ngục nằm trên bàn chông,
Chông là chông sắt *lưng hông* tồi tàn. [b]
Ngục Kiếm Thụ, ngục Đao San,
Gươm đao từng đống, như ngàn núi *cây*. [c]
Vứt lên da thịt còn gì,
Bởi vì người ấy bất nghì [1], bất nhân.
Rủ rê lừa lọc ngu dân,
Để cho đến nỗi mất thân mất nhà.
Chiết kiều kìa ngục Đầu Hà,
Quỷ sứ đánh bắt cho sa xuống cầu
Cầu cao xa xuống sông sâu,
Chó đồng, rắn sắt cắn đầu cắn hông.
Bởi vì lấp giếng [d] ngăn sông,
Phá việc vợ chồng, hại kẻ công danh.
Kìa bàn vả sắt quỷ binh,
Là ngục chửi chị, chửi anh, chửi chồng.
Bội tâm [2] là ngục mọi lòng,
Những loài bất hiếu bất trung tiếc gì.
Ngục đâm cối, ngục giăng tay,

Khảo dị :

a. Hồ sâu những máu tanh *nay lạ lùng.*

b. ... nghĩ trông tồi tàn

c. ... như ngàn núi *kia.*

d. Bởi vì *lấy* giếng...

Chú thích:

1. *Bất nghì:* bất nghĩa.
2. *Bội tâm:* mang lòng phản trắc.

Vì phí của trời bỏ giấy chữ kinh.
Cho nên cối giã sình sình,
Giang hai tay đóng những đinh sắt vào.
Kìa ngục bạt thiệt làm sao,
Cầm kìm lôi lưỡi máu trào mà kinh.
Bởi vì miệng lưỡi co quanh,
Đảo điên đơm đặt làm khuynh hãm người.
Kìa ngục hay nói dối đời,
Quỷ đứng vả miệng, quỷ ngồi bẻ răng.
Nào ai tung lưới [a] bắn săn,
Hay giết trâu lợn, hay ăn thịt cầy.
Có ngục ác thú một bầy,
Hổ lang, ưng khuyển cắn chay ruột già.
Xe lửa là ngục hỏa xa,
Quay đi quay lại thịt da tan tành.
Bởi vì cậy thế cậy mình,
Hiếp kẻ cô quả cướp tranh ruộng vườn.
Cột đồng là ngục đốt than,
Mấy tay chức dịch tham tàn làm ôm.
Kìa ngục rắn hổ rắn giun,
Quấn người cắn máu [b] lại phun mặt người.
Bởi vì bới móc chê bai,
Ghen tuông người nọ, dông dài sự kia.
Còn như thân thích thì lìa,
Thấy kẻ đói khát chút gì chẳng cho.
Tham tài giữ lợi bo bo,
Kẻ cùng kẻ bệnh chẳng phù [1] chẳng thương.
Xiết bao khoảnh độc thiên nương,
Những các người ấy phải mang ngục này.
Xẻ cưa dựng ngược gớm thay,
Đem đá nặng xuống [c] thân thi tan tành.
Ấy là các cửa ngục hình,

Khảo dị :

a. ... *giơ* lưới...

b. Quấn người *hút* máu...

c. Đưa *đá ném xuống*...

Chú thích:

1. *Chẳng phù*: không giúp đỡ.

Để vì thất đức tại mình biết sao.
Lòng trần tưởng chẳng chi nao,
Ai hay quả báo [1] khi vào âm ti.
Lại xem một ngục A Tỳ, [2]
Mấy tầng chông sắt đen sì tối âm. [a]
Ngục này thực tội đà thâm, [b]
Biết mấy hình nặng dưới âm mà rằng.
Là người làm hại quân thân,
Làm hại thiên hạ muôn dân lắm người.
Với người sâu sắc nước đời,
Đã được hoá kiếp chẳng từ ác tâm.
Cơ thâm thì tội cũng thâm, [3]
Ác hữu ác báo chẳng nhầm chút nao.
Dối người, dối được trời nào,
Giới thần [c] vua Táo soi vào con tim.
Dương gian chết có một phen,
Phép âm bắt mãi chết liền sống ngay.
Làm cho thảm thiết đọa đày,
Cho bỏ lại ngày ác nghiệp dương gian".
Chúa Ba thấy nói thở than,
Chẳng đành con mắt, chẳng an tấm lòng.
Ước sao hình ngục vắng không,
Bao nhiêu tội chúng sạch trong làu làu.
Bỗng thấy ba người đến sau,
Sụt sùi khóc lóc cúi đầu trình thưa:
"Bởi vì chùa Tước bữa xưa,
Can liên sự chúa bây giờ đến đây".
Chúa Ba thấy nói thương thay,
Gửi xin Diêm phủ tha ngay ba người.

Khảo dị:

a. ... đen sì tối *tăm*

b. Ngục này *là ngục rất thâm.*

c. *Dưới trần...*

Chú thích:

1. *Quả báo:* từ nhà Phật. Báo ứng là cái nhân mà kiếp trước đã tạo ra, nếu kiếp trước làm điều thiện thì kiếp này được điều thiện, kiếp trước làm điều ác thì kiếp này bị điều ác báo lại.

2. *A Tỳ:* Tên một địa ngục, nơi trừng trị tội nhân nặng nhất trong tám địa ngục. Người bị trừng trị phải chịu hết kiếp này đến kiếp khác không thoát ra được.

3. *Cả câu ý nói:* mưu sâu làm hại người thì tội càng nặng.

Ba người đã được lên đời,
Thanh y dẫn chúa chân dời từ lâu. [a]
Lại mời đến chốn Kim Cầu, [b]
Chàng phan, bảo cái trước sau ngất đường.
Dưới trên những phô phô trương, [c]
Rồng vàng mây đỏ bốn phương chầu vào.
Chúa nghe tiếng nhạc xôn xao,
Lại nghe thì khóc lào xào nơi xa.
Thanh y dẫn lại trình qua:
"Có phúc: đàn sáo, sênh ca đãi đồng.
Vô phúc: dẫu vào ngục trung,
Phủ việt [1], dùi đồng khảo đánh, giam tra".
Chúa nghe lời nói xót xa,
Cảm thương trong bụng kêu ca thiên đình.
Khẩn cầu chuyển chú niệm kinh,
Ngọc Hoàng cảm động chí thành tự nhiên. [d]
Bảo hoa bay khắp bốn bên,
Hào quang sáng suốt dưới trên ngục thành.
Gông cùm rơi rụng tan tành,
Bao nhiêu tù rạc nhẹ mình tỉnh ra.
Thoắt chốc vua thập điện qua,
Chào hỏi Chúa Ba trần thế xuống đây. [e]
Chúa Ba rằng: "Giã ơn người,
Nhọc phiền bệ hạ tới nơi làm gì ?"
Vua rằng: "Nghe đức từ bi,
Mở lòng thương xót độ trì chúng sinh.
Khắp mười tám cửa ngục hình,
Một giờ đại xá siêu sinh [2] từ rày. [g]
Thực là đắc đạo linh thay,

Khảo dị :

a. Thanh y dẫn chúa *chầu dời giờ lâu*

b. ... đêm chốn Kim *lâu*

c. Dưới trên *gấm nhiễu* phô trương.

d. Ngọc Hoàng cảm động *lòng thành* tự nhiên

e. Chào hỏi Chúa Bà *dương thế xuống chơi*

g. Một giờ đại xá *thiên sinh*...

Chú thích:

1. *Phủ việt:* búa rìu lớn dùng để trị người có tội. Ý nói hình phạt nặng.

2. *Siêu sinh:* thoát ra ngoài vòng sinh tử, không còn bị vướng trong vòng luân hồi

Chuyển trong địa ngục ra ngay thiên đàng. [a]
Phán đem bảo cái, tán vàng,
Hai mươi bốn cặp rõ ràng bày ra.
Sáu tàu đưa tiễn về nhà,
Đến sông Nại Hà [b] rồi mới chia tay.

Đoạn thứ mười bốn
CÔNG CHÚA TRỞ VỀ DƯƠNG THẾ
PHẬT TỔ DẪN VÀO CHÙA HƯƠNG

Chúa Ba hồn phách tỉnh say,
Vẫn còn ngọc thể như ngày giáng sinh.
Trông ra rừng núi một mình,
Biết đâu [c] có chốn am thanh nương nhờ.
Đương khi phảng phất bơ vơ,
Thấy một người lạ lẳng lơ đến gần.
Hỏi rằng: "Phải công chúa chăng,
Ta kết phu phụ đạo hằng ở đây".
Chúa rằng: "Sao nói thế hay, [d]
Xuất gia đệ tử thân này xem không.
Mới rồi qua địa phủ cung,
Thấy sự hãi hùng quả báo ghê thay.
Thôi đừng nói sự làm vầy,
Đã quyết lòng này như sắt nấu nung".
Chúa Ba lòng chỉ biết lòng,
Nào ngờ người ấy cũng không thường mà.
Ai hay là Phật Thích Ca,
Ướm xem lòng chúa có đà kiên chăng ?
Thấy chúa một mực nói năng,
Ngài mới khen rằng: "Lòng đạo kiên thay.
Ta là Phật tổ Như Lai,
Thấy kẻ có đạo ướm chơi biết tình".
Chúa Ba vừa tạ vừa kinh,

Khảo dị :

a. *Truyện cho địa ngục lên ngay thiên đàng.*
b. Đến sông Nhị Hà...
c. Biết *đây*...
d. ... *Nói lạ lùng thay*

Rằng: "Tôi nhục nhãn [1] ngài đành xá cho !"
Đức Phật mới chỉ đường tu,
Rằng: "Có một chùa ở Hương Tích sơn.
Gần bể Nam Việt, thanh nhàn,
Song tu chốn ấy kíp toan viên thành".
Chúa Ba lạy bạch chân tình:
"Bụng đói, miệng khát bộ hành làm sao ?"
Đức Phật lại cho quả đào,
Dạy rằng: "Ăn vào bất diệt [a] bất sinh".
Lạy từ Chúa mới bộ hành,
Xa xôi rừng rú một mình gian truân.
Thái Bạch sai Hương Tích thần,
Hóa làm lốt hổ đưa chân cho người.
Hổ vừa nhảy tót đến nơi,
Chúa mới lạy trời mà khấn nguyền ra:
"Như tôi ở có lòng tà,
Bội nghịch, bất hiếu xin sa miệng hùm".
Hổ liền quỳ xuống thưa rằng:
"Tôi chẳng phải hổ xin đừng ngại chi.
Tôi là thần núi Hương kia,
Vâng lời Thái Bạch sai đi dẫn đường".
Chúa liền theo bước đi sang,
Trèo đèo qua suối đến Hương Tích chùa.

Đoạn thứ mười lăm

CÔNG CHÚA THÀNH PHẬT KIM ĐỒNG SIÊU THOÁT PHÀM TỤC

Non cao chất ngất mịt mùng,
Âm thanh, cảnh vắng bốn mùa cỏ cây.
Trên thì trăm sắc tầng mây,

Khảo dị:

a. ... bất *tử*...

Chú thích:

1. *Nhục nhãn:* từ nhà Phật, là con mắt thịt. Ý nói mắt người thường, không phải Phật nhãn, pháp nhãn và thiên nhãn.

Dưới thì bể nước xanh rì [a] như gương.
Cá chim chầu lại tĩnh đường,
Hạc thường tiến quả, hươu thường dâng hoa.
Một mình một núi Phổ Đà, [b]
Thân là thân Phật, cảnh là cảnh tiên
Tu hành đã được chín niên [c]
Bao nhiêu phép Phật, phép Tiên vào lòng.
Lúc giờ tam phủ công đồng,
Hộ thành quả phúc phán trong linh tuyền.
Chư Phật Bồ Tát dưới trên,
Thần linh, thần tướng, thiên thiên vàn vàn. [d]
Động Nguyên, Hải Ngọc, Linh Quan,
Ngũ lôi, thần tướng, Thành hoàng, xã ti.
Đều ra tới trước lạy quỳ,
Xin tôn đức chúa lên vì tòa sen.
Thần thông biến hóa tự nhiên,
Một thân hóa được ra ngàn muôn thân.
Mắt soi khắp hết cõi trần, [e]
Lắng tai nghe thấu xa gần bốn bên.
Chúa đà thành Phật, thành Tiên,
Còn một chút hiềm: đồ đệ chưa ai.
Thổ thần trình: "Có Thiện Tài,
Ở dưới hạ giới vốn người Duyên Châu.
Mẹ cha khuất mặt đã lâu,
Trẻ có chí mầu lánh tục xuất gia".
Phật Bà dạy đem nó ra,
Hỏi nguồn cơn [g], hỏi kinh khoa một bài.
Bèn cho tạm ở mái ngoài,
Thử xem giới hạnh Thiện Tài làm sao.
Ngài đòi các tướng thần vào,

Khảo dị :

a. ... bể nước trong rầy...
b. Một mình *tu núi Phả Đa.*
c. ... đã được *mấy* niên.
d. ... thiên thiên *vần vần*
e. Mắt *trông*...
g. Hỏi *căn nguyên.*

Dặn rằng: giả cách làm loài [a] kiếp nhân.
Nửa đêm áp đến ngoài sân,
Ngài cũng giả cách ngã lăn hãi hùng.
Kêu rằng: "Có ai cứu không?"
Ngài chạy sa xuống nghìn trùng hang sâu.
Thiện Tài cũng chạy theo sau,
Thương thầy đem đầu gieo xuống dưới hang.
Phật Bà từ ấy tin thương,
Thoát cho xác cũ dẫn hồn phách lên.
Thiện Tài theo Phật về đền,
Phật hỏi: "Hang ấy mày nhìn có ai ? [b]"
Thưa rằng: "Thấy một xác người",
Phật rằng: "Xác ấy phàm thai của mày.
Thoát cho cho sạch trần ai,
Cho biến hóa được, cho dài thân sau".

Đoạn thứ mười sáu

THỦY THẦN BÁO ĐÁP ƠN PHẬT NGỌC NỮ QUY Y PHẬT PHÁP

Này sự con vua Thủy thần,
Thái tử đi tuần đội lốt lý ngư.
Đi nhầm mắc lưới vật vờ, [c]
Phỏng chậm một giờ dao thớt phải sa.
Phật Bà trông thấy nẻo xa,
Dậy Thiện Tài gấp đi ra chớ trì.
Hóa làm hình dạng nữ nhi,
Mua lấy cá ấy tức thì phóng sinh.
Thái tử về được thủy đình,
Vua mừng lấy ngọc dạ minh báo người.
Con gái thái tử lên mười,
Lòng mộ xin nài mang ngọc ra đi.
Đến nơi bái tạ một khi,
Lại xin ở lại trụ trì tụng kinh.

Khảo dị :

a. Giả cách *ồn ào* kiếp nhân.

b. ... mày nhìn *thấy* ai.

c. Mắc lưới vẩn vơ

Dạy rằng: "Thày hỏi [a] thực tình,
Tu thì khổ hạnh có đành được chăng ?"
Long Nữ quỳ xuống thưa rằng:
"Thày tu ngày trước trăm phần khó thay". [b]
Vua cha làm đọa làm đầy,
Mà thày chịu được đắng cay nhiều bề.
Huống tôi nhờ có thầy đây, [c]
Tuy rằng khổ hạnh được rày cam tâm".
Ngài liền dạy phép [d] thiền lâm,
Câu kinh câu kệ miệng ngâm ngày ngày.
Tả Long Nữ, hữu Thiện Tài,
Cho làm huynh đệ hôm mai đứng hầu. [e]

Đoạn thứ mười bảy

TRANG VƯƠNG ĐA SÁT BẤT NHÂN
THƯỢNG ĐẾ LÀM CHO BỊ BỆNH NẶNG

Đoạn này nói chuyện dưới đời,
Trang Vương từ thuở nỡ hoài chúa đi.
Đốt chùa, hại đến tăng ni,
Long thần lúc ấy tâu quỳ thượng thiên.
Thiên đình đòi sổ tra xem,
Truyền bắt cõi phách [g] xuống miền âm ty.
Nam Tào mở sổ tâu quỳ:
"Hai mươi năm nữa đến kỳ [1] sẽ hay".
Phán rằng: "Số thọ còn chầy,
Giáng cho bệnh nặng thuốc gì chẳng an".
Ông hoàng vâng lệnh xuống liền,
Bao nhiêu khí độc vào đền Trang Vương.

Khảo dị :

a. ... thày *bởi* thực tình
b. ... trăm phần *khổ* thay
c. Huống tôi *ngờ thầy từ bi*
d. Ngài *dạy các phép*...
e. Cho làm *đồ đệ* hôm mai *chẳng rời*
g. Truyền bắt *hồn* phách...

Chú thích:

1. Cả câu ý nói: Trang Vương số thọ hai mươi năm nữa.

Vua Trang phát bệnh lạ thường,
Thân hình chốc lở, chiếu giường tanh hôi.
Đêm ngày thảm thiết bồi hồi,
Thuốc thang cầu khẩn chẳng vơi chút nào.
Động lòng chúa Phật trên cao,
Mắt ngài thông thấu biết bao cõi trần.
Thấy vua cha phải gian truân,
Đòi Thiện Tài lại ân cần thở than:
"Ta nay phải xuống trần gian,
Giả làm hòa thượng lo toan sự này".

Đoạn thứ mười tám

TRANG VƯƠNG YẾT BẢNG TÌM THẦY THUỐC PHẬT TỔ GIẢ LÀM TĂNG NI CỨU TRỊ

Này đoạn hoàng hậu khổ thay,
Thương con chưa giảm lại nay lo chồng.
Tâu vua định kẻ nối dòng,
Ngự truyền: "Chàng rể phải dùng biết sao ?"
Sai quan đòi phò mã vào, [a]
Phò mã giở tiệc chén đào xướng ca.
Hai phò mã say la đà,
Sai viên đợi chẳng thấy ra trở về. [b]
Vua nghe giận con bất nghì,
Thêm sầu, thêm bệnh hôn mê mơ màng.
Chính cung lăn khóc bên giường,
Nghĩ Chúa Ba lại thêm càng đắng cay.
Con hiền mà nỡ phụ hoài,
Hai giống phi loài còn để làm chi. [c]
Thấy cha khốn khó gian nguy, [d]
Theo chồng hát xướng vui vầy cho yên.
Vua Trang bao xiết lòng phiền,

Khảo dị:

a. Sai *người...*

b. *Hoạn quan* đợi chẳng thấy ra, giở về.

c. Con hiền mà nỡ *giết ngay*
Hai đứa vô loài còn để làm chi

d. Cha đương bệnh trạng gian nguy.

Mới phán lời truyền: "Treo bảng văn lên.
Ai mà chữa được trẫm yên,
Trẫm nhường thiên hạ thay quyền trị dân".
Một chốc thấy ông lão tăng,
Đến gần giật lấy bảng văn vội vàng.
Quan quân thấy kẻ giở giang,
Bắt đem vào nộp triều đường vua hay.
Hòa thượng đặt gối tâu bày:
"Tôi dòng được tạng vốn thầy chính tông".
Vua nghe tâu vậy mừng lòng,
Phán rằng: "Chữa được thưởng công những gì ?"
Tâu rằng: "Lời ấy khó nghe,
Bảng treo chữa được nhượng vì [a] ngôi sao.
Bây giờ trọng thưởng làm sao,
Nói đà chẳng thực, thuốc nào dám đưa ?"
Đức vua thét mắng một giờ,
Lại cho thăm bệnh thử chờ thuốc thang
Lão tăng vâng đến long sàng,
Xem rồi, rằng: "Chứng lạ thường khó thay.
Thuốc phàm dễ chữa được vay,
Có tiên nhân rày tu ở Hương Sơn
Xin được tay mắt làm hoàn, [1]
Điều vào với thuốc mới toan chữa lành".
Đức vua thấy nói trái tình,
Mắng rằng: "Vô lý chẳng đành vào tai.
Người ta hai mắt hai tay,
Ai có thừa thãi mà thày nói xin ?" [b]
Tâu rằng: "Đừng giận, chớ phiền,
Lão tăng xin dẫn căn nguyên giãi bày.
Hương Sơn là chốn linh đài, [c]
Tiên nhân tu đó đã đầy chín niên.

Khảo dị :

a. ... chữa được những vì...

b. ... mà thày *hỏi* xin.

c. Hương Sơn *chỗ ấy thiêng thay*..

Chú thích:

1. *Hoàn:* viên tròn. Ở đây ý nói xin được tay và mắt tiên nhân để làm thuốc viên thì mới chữa được.

Cứu người chỉ một lòng nguyền,
Tiếc thân còn có làm duyên phúc gì. [a]
Tiên nhân người chẳng quản gì,
Trông cho vua được yên vì trị dân".
Đức vua thấy nói ân cần,
Hỏi: "Đem vàng bạc, kim ngân lễ gì ?"
Tâu rằng: "Vàng bạc làm chi ?
Mâm trầm bạch này thanh kiết mà thôi. [b]
Đường ba ngàn dặm đến nơi,
Tôi xin ở lại năm ngày nghỉ chân".
Lòng vua nghĩ ngợi tần ngần,
Nửa phần tin, lại nửa phần còn nghi.
Bèn sai Triệu Chấn ra đi,
Cứ lời tăng dặn nẻo về Tích Sơn.
Lại truyền Tả trấn môn quan:
"Nuôi lão tăng ấy giữ giàng chớ tha.
Đợi xem được thuốc về nhà,
Xem lão tăng nói thực thà hay không".

Đoạn thứ mười chín
PHÒ MÃ MƯU BỎ THUỐC ĐỘC
PHẬT CHÚA PHÁ MƯU GIAN

Này chuyện phò mã lạ lùng,
Họ Hà, họ Triệu đồng lòng mưu gian.
Nghe vua dùng thuốc Tích Sơn,
Sợ khi chữa được ắt toan nhường quyền.
Sai người gia thuộc đi đêm,
Vào nhà Tả trấn giết liền lão tăng.
Lại sai một người dặn rằng:
"Cầm một phong thuốc vào dâng bệ tiền.
Nói dối rằng là thuốc tiên,
Đã đi lấy được ở miền Tích Sơn".
Ấy là hai đứa mưu gian,

Khảo dị :

a. Tiếc thân *sao gọi Phật tiên độ trì.*

b. Mâm trầm bạch *ấy thánh kỳ mà thôi.*

Nó dâng thuốc độc để toan cướp quyền.
Ai ngờ phép Phật thông huyền,
Chúa Bà biết trước ngài liền hóa thân,
Giả thân là lão tăng nhân,
Chân thân một khắc về chưng cảnh chùa.
Đòi thần Du Địch dặn dò:
"Vào đền hóa tướng giữ vua đêm ngày".
Nửa đêm có thuốc dâng ngay
Rằng: "Thuốc chùa Tích đưa thày lão tăng".
Du Địch quỳ xuống tâu rằng:
"Ấy thuốc phò mã toan chưng hại người".
Vua Trang nghe nói rụng rời,
Chờ khi trời sáng sai người khám tra. [a]
Cử người dâng thuốc xưng ra,
Rằng: "Hai phò mã lòng tà kế sâu. [b]
Bởi lo hòa thượng giúp vua,
Một mai thiên hạ nhường cho cầm quyền".
Vua nghe vừa giận vừa phiền,
Rằng: "Loài súc sản chẳng nên giống người".
Truyền bắt Triệu, Hà hai người,
Với đứa đem thuốc phó nơi cực hình. [c]

Đoạn thứ hai mươi

HAI CÔNG CHÚA BỊ GIAM
THỔ ĐỊA THỔ THẦN BÁO MỘNG

Hai bà công chúa thất kinh,
Trốn vào hậu đình kêu với chính cung.
Chính cung kêu lạy ngôi rồng:
"Hai con thơ dại xin dung thứ vầy. [d]
Chúa Bà đã giết bấy chầy,
Còn hai chút này có lẽ chẳng dung ?"

Khảo dị :

a. ... sai người *khảo* tra
b. ... lòng tà *bấy lâu*
c. *Mấy đứa dâng thuốc phó nơi hành hình*
d. ... xin dung *một lần*

Phán tha, đày vào lãnh cung,
Thanh, Âm hai chúa cực lòng khốn thay. [a]
Nhớ xưa em nói lời này,
Bao nhiêu sự thế phút rày như không.
Thà giết như em cho xong,
Chẳng thà hãm ở lãnh cung làm vầy, [b]
Thổ thần mộng báo cho hay,
Rằng: "Em con sống ở rày Hương Sơn.
Nay mai trở lại dương gian,
Trước độ [1] Thánh hoàng, sau độ hai ngươi".
Chiêm bao rõ biết mọi lời,
Hai người từ ấy ăn chay tu hành.
Đốt hương niệm Phật lòng thành,
Khấn nguyền xin được siêu sinh âm thầm.

Đoạn thứ hai mươi mốt

CẮT TAY MẮT CHỮA BỆNH CHO TRANG VƯƠNG RỒI TẠ TỪ VỀ NÚI HƯƠNG TÍCH

Này sự Triệu Chấn, Lưu Khâm,
Hai người lên chốn sơn lâm đến chùa.
Tiên nhân vâng thấy chiếu vua,
Tay mắt bên tả dạy cho cắt về.
Lưu Khâm bước đến gần kề,
Cầm dao chẳng dám động hề tra tay. [c]
Tiên nhân giục bảo chớ chầy,
Kíp lấy về rày kẻo để vua trông. [d]
Cắt ra máu chảy ròng ròng,
Hai người lễ tạ đều cùng trở ra.

Khảo dị:

a. Bản *Cây thông* chỉ có hai câu:

Chúa Ba đã sớm lìa trần
Thanh, Âm hai chúa thêm phần khốn thay.

b. *Còn hơn ở chốn lãnh cung làm vầy*

c. ... động hề *ra* tay

d. ... kẻo để vua *mong*.

Chú thích:

1. *Độ:* cứu giúp.

Triệu Chấn về đến nước nhà,
Ôm tay, đem mắt vào tòa dâng lên.
Hoàng hậu cất tay nhận xem:[a]
"Giống Chúa Ba cũ như in lạ đời !"
Hai hàng nước mắt tuôn rơi,
Vua rằng: "Thiên hạ thiếu người giống nhau !"
Hoàng hậu rằng: "Chẳng sai đâu,
Tôi đã nhận dấu trước sau tỏ tường,[b]
Nốt ruồi chính giữa hổ quan,
Thực con tôi có còn bàn rằng ai.
Người dưng ai nỡ hoài tay,
Tình thân cốt nhục nên rày hoài thân".[c]
Thoắt thôi vua mới phán rằng,
"Phó giao tay mắt thầy tăng kíp điều".
Thuốc cao luyện được một liều,
Phán đồ bên tả, bệnh tiêu tức thì.
Bệnh bên hữu hãy còn y,
Vua hỏi: "Chước gì cho đỡ liền đi ?"[d]
Thầy rằng: "Tả trị tả hay,
Hữu biên phải dụng mắt tay bên đoài"[1]
Vua rằng: "Tay mắt của người,
Nhẽ đâu xin được cả hai bên mà".
Thầy rằng: "Tuy thế song mà,
Bệnh gì thuốc ấy ắt là mới hay[e]
Vả tiên nhân cũng từ bi,
Dẫu ta xin hết người thì cũng trao.
Huống còn phần ấy tiếc nào,
Phúc làm cho trót quản bao đến mình".
Lưu Khâm phụng mệnh tái hành,
Lại có lời chiếu lên trình tiên nhân.

Khảo dị :

a. ... cất tay, *mắt* xem.

b. ... trước sau *rõ ràng*

c. ... nên nay *hại mình*

d. Chước gì cho *đã* liền *ngay*

e. ... mấy là thần y

Chú thích:

1. *Bên đoài:* cũng tức là bên hữu, chỉ bên phải.

Trong lời chiếu chỉ ân cần:
"Xin tiên chữa cảm mười phần cho yên.
Rồi ra cả nước lập đền,
Muôn năm cung dưỡng [a] chúc nguyền tôn linh".
Chúa đà nghe biết chân tình,
Dạy Thiện Tài hóa làm hình Tiên nhân.
Lưu Khâm cầm dao đến gần,
Bảo rằng: "Kíp lấy băng chừng hồi gia".
Cắt thôi máu chảy chan hòa,
Tiên nhân chính sắc [b] nói ra làm vầy:
"Khen cho hòa thượng thuốc thầy, [c]
Giúp được vương thể, mệnh này để ai. [d]"
Lưu Khâm về nộp tức đài,
Vua mới dạy: "Mời hòa thượng vào trong.
Thuốc thang điêu luyện vừa xong,
Tiến vào cửu trùng linh nghiệm thiêng thay. [e]
Thần thông nào kịp giở tay,
Mặt rồng tươi tốt hơn ngày xưa kia.
Triều đường cung cấm tứ bề, [g]
Yến mừng tiệc hát vui vầy xôn xao. [h]
Luận tôn hòa thượng quyền cao,
Trăm quan bước vào tuyên chiếu nhường ngôi.
Hòa thượng lại giã từ lui:
"Tính quen non nước thú vui tháng ngày.
Dám khuyên Bệ hạ từ rày,
Ở lòng nhân đức cho hay lấy mình.
Các quan văn võ triều đình,
Giúp vua lo nước cho thành chữ trung.
Tiểu tăng đã thoát bụi hồng,
Cầu chi danh lợi mà trông ngôi nhường".

Khảo dị :

a. Muôn năm *hương khói*...

b. Tiên nhân *thình sắc*...

c. ... hòa thượng *giỏi thay*

d. *Chữa được long* thể, *tài* này để ai

e. Tiến *nạp* cửu trùng, linh nghiệm *mau* thay.

g. ... cung *viện* từ bề

h. ... *phả bê ồn ào.*

Thoất thôi từ tạ lên đường,
Trăm quan đưa tiễn vội vàng theo sau.
Bỗng không thấy ở trên đầu,
Một tờ giấy kệ bốn câu giữa trời.

Kệ rằng:

Ngô nãi Tây phương Nhất thế tôn
Đặc lai cứu nhĩ bệnh trừ căn
Tòng kim chính đạo vô tà sắc
Mạc sử linh chân nhiễm tục hồn

Dịch:

Ta vốn Tây phương Nhất thế tôn
Đến đây chữa bệnh trị tận nguồn
Từ nay đạo chính không tà sắc
Chớ để linh nhân nhuốm tục hồn.

Đoạn thứ hai mươi hai
TRANG VƯƠNG GIỮA ĐƯỜNG GẶP YÊU QUÁI GIẶC HÀ TIẾM NGÔI

Trăm quan thấy giấy kệ rơi,
Đem vào tâu ngự xem lời làm sao.
Rằng: "Ta mệnh ở Nam Tào,
Ngọc Hoàng thương đến mới trao kệ này.
Trẫm nhớ ơn Tiên nhân thay,
Tính sao giả nghĩa mới hay bằng lòng",
Bèn đòi Triệu Chấn đến cùng,
Hỏi rằng: "Tiên nữ hình dung thế nào ?"
Chấn rằng: "Chẳng biết làm sao,
Giống Chúa Ba ấy hao hao dạng hình".
Vua rằng: "Sự ấy chưa minh,
Chờ khi lễ tạ sẽ đành hỏi thăm".
Nào hay chúa Thanh, chúa Âm,
Hai chúa âm thầm ở chốn lãnh cung.
Từ nghe thần mộng lạ lùng.
Mong em mình, chỉ một lòng đinh ninh.
Ai ngờ mắc phải yêu tinh,

Thanh sư, bạch tượng biết tình mình ra. [a]
Giả làm hình dạng Chúa Ba,
Dụ đem đi đến núi xa lạ lùng.
Hai yêu xưng ép làm chồng,
Hai bà khăng khắng một lòng chẳng cho.
Thà giết [b] chẳng chịu dâm ô,
Nó hãm làm tù lại quá lãnh cung,
Khi ấy quân canh lãnh cung,
Không thấy hai chúa hãi hùng tâu lên.
Tức khắc vua sai người liền,
Người đón, người tìm khắp cả tây đông.
Có con thị nữ Thúy Hồng,
Nghĩ đạo thầy tớ cố công thăm dò.
Yêu tinh thấy vậy nó lo, [c]
Bắt giam thị nữ làm cho dứt đường.
Quan quân tìm khắp mọi phương,
Chẳng thấy tin tức, ai tường căn nguyên. [1]
Quan quân thấy sự ngạc nhiên,
Tâu vua lên hỏi người tiên trên chùa.
Đức vua truyền: "Sắm đủ đồ",
Kẻ theo kiệu ngọc, kẻ phù xe loan.
Phát hành chưa đến Hương Sơn,
Huyện Trừng Tâm lại mắc nàn yêu tinh. [d]
Ma vương sợ lộ sự mình,
Nửa đêm hóa trận phong sinh đùng đùng.
Vua Trang cùng với chính cung,
Nó bắt vào động hãi hùng hôn mê,
Triệu Chấn vốn thuộc đường đi,
Tìm lên chùa Tích toan bề hỏi tin.
Yêu tinh rình đón cả đêm,
Lại bắt Triệu Chấn cũng đem giam liền.

Khảo dị :

a. ... biết tình *gần xa*

b. Thà *chết*...

c. ... thấy vậy *sợ* lo

d. *Tới Trừng Tâm huyện* mắc nàn yêu tinh.

Chú thích:

1. *Tường:* rõ.

Vua Trang đà mắc con yêu,
Lại thêm một điều trong nước giặt pha.
Có con phò mã họ Hà,
Hận vì [a] ngày trước giết con nó rầy.
Trốn sang Môn quốc bấy chầy,
Chiêu được binh mã đến ngoài ba muôn. [b]
Nhân khi vua ngự chùa Hương,
Nó vào tiếm vị vua Trang hững hờ. [c]

Đoạn thứ hai mươi ba
PHẬT CHÚA ĐẾN THIÊN ĐÌNH MỘT MÌNH THIỆN TÀI TRỪ YÊU QUÁI

Vua Trang mắc nạn vật vờ,
Chúa Ba bấy giờ có nhớ hay quên. [d]
Chỉ vì có lệnh Hoàng thiên,
Hội các chư Phật ở trên Giao Trì.
Phật Bà giở việc ra về,
Cho nên trong nước lắm bề gian nan.
Thiện Tài thấy sự chẳng an,
Bàn với Long Nữ lo toan việc này: [e]
"Nước nhà sư phụ khốn thay,
Phải con Hà Phượng tiếm [1] rày còn chi.
Thày còn vắng vẻ chưa về,
Hai ta phải xuống phù trì Quốc vương".
Thổ thần lại bảo rõ ràng:
"Quốc vương đương mắc trong đường yêu tinh".
Bàn nhau chiêu tập thiên binh,
Thần quan thần tướng lệnh hành kíp đi.

Khảo dị :

a. *Hiềm* vì...

b. Chiêu *binh mãi mã được* ngoài ba muôn.

c. Nó vào tiếm vị *xưng vương bấy giờ*

d. Vua Trang mắc nạn *ngẩn ngơ,*
Chúa Ba *bận việc bấy giờ cho nên*

e. ... lo toan *sự* này

Chú thích:

1. *Tiếm:* chiếm quyền. Đây nói chiếm ngôi vua.

Thường niên [a] Thái tuế cũng tùy,
Hơn một trăm lẻ những vì thần vương.
Mặc áo sắt, đội mũ vàng,
Ngọn cờ chỉ núi Thanh Lương tức thì.
Thiên binh đến động Liễu Hoa,
Bày ra bốn mặt bổ vây trùng trùng.
Yêu tinh hai đứa thị hùng, [1]
Thấy thiên binh đến cũng không kinh gì.
Nó thời hóa phép lạ thay,
Mình cao bốn trượng, sáu tay, ba đầu.
Sài lang, hổ báo như sâu,
Nó đi như gió u u cả rừng. [b]
Linh quan, thiên tướng mắng rằng:
"Chúng bay loài súc sao chăng nộp mình ?" [2]
Hai yêu nó chẳng giao binh,
Nó tung lửa độc cháy xanh lè lè.
Nó phun nước độc đen sì,
Phá vào chẳng được giữ vây ở ngoài.
Long Nữ mới bảo Thiện Tài:
"Phải đi mượn lửa của Hồng Hài Nhi.
Mượn lửa Tam muội [3] thần kỳ,
Hai lửa ấy về mới bắt được ma.
Tôi xin về dưới vua cha,
Lĩnh nước thủy phủ giang hà [4] một khi".
Hai người hai nẻo đều đi,
Thiện Tài mượn được Hài Nhi giúp cùng.
Long Nữ về đến thủy cung,
Mượn được binh thủy đồng lòng đến ngay, [c]
Nước dâng, lửa phóng tứ bề,

Khảo dị :

a. *Đương* niên...

b. ... *lao xao* cả rừng.

c. ... đồng lòng *trợ* ngay

Chú thích:

1. *Thị hùng:* cậy có sức mạnh.

2. *Sao chăng nộp mình:* sao không chịu nộp mình.

3. *Tam muội*: chỉ thiền bậc cao. Khi ấy thân thể và tâm trí của người tu hành đã lìa xa sự tà loạn. Lửa tam muội: lửa của người tu hành đã đắc đạo cao.

4. *Nước thủy phủ giang hà*: nước sông dưới âm ty.

Hai yêu lúc ấy lực nguy thế cùng.
Thanh sư ẩn vào động trung,
Bạch tượng cũng trốn vào trong thạch bàn.
Dẹp loài yêu quái đã an,
Thiên binh chủ khách hợp hoan tái hồi.[a]

Đoạn thứ hai mươi tư

PHẬT CHÚA TÌM CỨU TRANG VƯƠNG
KIM CƯƠNG BẮT YÊU QUÁI

Yêu tinh nó đã dẹp rồi, [b]
Vua Trang chưa biết ở nơi đâu là.
Đến khi chúa Phật về nhà,
Thiện Tài kể sự vua cha làm vầy.
Vội vàng lên núi trông mây,
Xem thấy phụ mẫu còn rầy hang sâu.
Hai chị với một con hầu,
Với quan Thừa tướng âu sầu thương thay.
Chúa lên bạch Phật Như Lai,
Kim Cương bát bộ phụng sai vội vàng.
Xuống tìm các động các hang,
Bắt con yêu ấy, tìm vua Trang rày, [c]
Vua Trang, Hoàng hậu thấy ngay,
Còn bốn người nữa nằm mê biết gì.
Chúa cho nước phép giải đi,
Tự nhiên tỉnh lại một khi lại lành.
Đức Trang nhận rõ chân hình, [d]
Rằng: "Ai cứu mình chẳng lại thầy tăng.
Ơn thầy khôn xiết nói năng,
Xưa đà trị bệnh, nay chưng trị tà".
Nói rồi giọt ngọc tuôn sa:
"Không thấy ai dễ an nhà nước cho".

Khảo dị :

a. ... hoan *khải* hồi

b. Yêu tinh *đã dẹp tan* rồi.

c. Bắt con yêu, *cứu Trang Vương ngày rầy.*

d. *Vua Trang* nhận rõ chân *tình.*

Đoạn thứ hai mươi lăm

TRANG VƯƠNG VỀ NƯỚC
LẠI ĐI HƯƠNG TÍCH

Lão tăng từ tạ về chùa,
Vua với Thừa tướng lại lo việc triều.
Bao nhiêu quân sĩ đi theo,
Doanh kia, vệ nọ đã đều đến đông.
Thoắt thôi ngự giá về cung,
Giữa đường mới biết tin trong kinh kỳ. [a]
Rằng con phò mã tiếm vì, [1]
Vua mới tức thì chỉnh áp quan quân.
Quan quân đồng sức đồng lòng,
Tuốt gươm, nạp súng đùng đùng uy linh.
Giặc Hà khi ấy bỏ thành,
Trốn về Mân quốc một mình nước xa.
Đức Trang chính ngự nước nhà, [b]
Yến diên mở tiệc hát ca dãi đồng.
Nhà yên, nước trị đã xong,
Nhớ ơn tiên nữ tấm lòng cảm thay.
Bàn rằng: "Xây tháp, xây đài,
Để vua vọng bái hôm mai báo đền".
Hoàng hậu nghe nói tâu liền:
"Nguyên lòng ta muốn đi lên đến chùa.
Ngày xưa bán lộ tái hồi, [2]
Ngày nay ta phải đến nơi mới đành".
Phán rằng: "Trẫm cũng lòng thành,
Muốn cho đến chốn tạ tình tiên nga".
Lệnh truyền xa giá bày ra,
Lại lên Hương Tích đến tòa tiên đô.

Khảo dị :

a. ... mới biết *rằng* trong kinh kỳ

b. *Vua* Trang *chính trị* nước nhà.

Chú thích:

1. *Tiếm vì:* tiếm ngôi.
2. *Bán lộ tái hồi*: đi nửa đường lại quay về.

Đoạn thứ hai mươi sáu

TRANG VƯƠNG LẠI ĐẾN HƯƠNG SƠN
CẢ NHÀ NHẬN ĐƯỢC CÔNG CHÚA

Này sự chúa Phật về chùa,
Cảm ơn thần tướng hộ phù vua cha.
Mới bày quý vật tiên gia,
Rau vàng, măng ngọc để mà tạ ơn.
Tạ xong các vị tướng thần,
Bỗng nghe ngự giá dần dần đến nơi.
Phật liền phán bảo Thiện Tài:
"Hóa làm thân người đón rước phân minh".
Phật lại ngồi trên rành rành, [a]
Tiên nữ hóa hình không mắt không tay.
Trần gian chân, giả ai hay,
Dấu máu còn đầy ngọc thể chứa chan.
Đức vua đứng khấn ngoài màn:
"Giả ơn tiên nữ muôn vàn tấm thương.
Tuy rằng lễ vật tầm thường,
Xin cho soi xét tấc vuông lòng thành".
Khấn thôi chẳng thấy động hình,
Chẳng thấy nói lại biết tình làm sao. [b]
Trách cùng hoàng hậu tiêu hao:
"Trẫm là vua chúa ngôi cao làm vầy.
Đường xa chẳng ngại đến đây,
Tiên nhân lẳng lặng trẫm nay phiền lòng.
Hay là hiềm trẫm đàn ông,
Hoàng hậu thử đến gần trong thế nào ?"
Hoàng hậu mới bước chân vào,
Nhác trông chỉn thực má đào Chúa Ba.
Khóc lên một tiếng ngã ra,
Thanh, Âm hai chúa đến mà ôm lên. [c]
Vội vàng vua hỏi sự duyên,

Khảo dị:

a. Hóa lại người thế rước mời phân minh.

Phật liền hiển hiện ràng rành.

b. Chẳng thấy đáp lại sự tình làm sao.

c. ... đến mà ôm kêu.

Tỉnh ra hoàng hậu tâu lên rằng vầy:
"Thực là Chúa Ba chẳng sai,
Thảo nào ngày trước thấy tay tôi ngờ".
Vua rằng: "Đem giết ngày xưa,
Hổ tha lên núi bây giờ còn đâu". [a]
Vua ngờ mới đến tận nơi,
Quả nghiên là Chúa chẳng sai chút nào.
Vỗ con nước mắt tuôn trào, [b]
Hỏi rằng: "Đã thác mà sao lại còn ?
Bơ vơ đã chín năm tròn,
Làm sao nói được thì con nói cùng ?"
Chúa Ba mới kể thủy chung,
Rằng: "Con dốc lòng niệm Phật y quy. [c]
Cho nên Thượng đế hộ trì,
Phán thần Địa lý hóa lốt hổ tinh.
Đem vào đến giữa rừng xanh,
Gặp sứ Diêm đình rước xuống âm ty.
Cứu cho tù ngục một khi,
Sứ lại đưa về, con lại tái sinh.
Đức Như Lai thấy tu hành,
Dẫn cho con đến tụng kinh chốn này.
Chân tu được chín năm chày,
Chư thánh tôn rày Phật chúa chùa Hương.
Thấy cha phải bệnh phi thường, [1]
Hóa làm hòa thượng tìm đường cứu cha.
Chẳng ngờ lại gặp yêu ma,
Con lại phải hóa làm hòa thượng ngay.
Nhờ trên đức Phật Như Lai,
Sai tám tướng trời phá động rước ra.
Nhân vì liều mình [d] cứu cha,

Khảo dị :

a. ... bây giờ *hẳn ai.*

b. *Thấy* con *giọt ngọc* tuôn *rào.*

c. Rằng: "Con *sắt đá một lòng quy y.*

d. ... liều *mạng* cứu cha

Chú thích:

1. *Bệnh phi thường:* một chứng bệnh lạ không bình thường.

Khoét hai con mắt, cắt hòa[1] hai tay.
Cho nên lẩn quất làm vầy,
Thấy cha đến rầy nào có biết đâu".
Đức vua nghe nói thảm sầu,
Ước gì phép mầu cho đủ mắt, tay.
Tâu rằng: "Lời ước khó thay,
Những người có bụng trời rầy cũng tin.
Như cha muốn được con toàn,
Thì cha khấn nguyền hối quá từ nay.[2]
Dốc niềm tu đức trời hay,
Thì con ắt được mắt tay lại toàn".
Đức vụa mừng, vội khấn liền,
Phật Bà lại hóa tự nhiên tức thì.
Hai tay hai mắt vẹn người,
Hai thân, hai chị đều vui vẻ lòng.
Ấy là phép Phật lạ lùng,[a]
Giả làm chước ấy để phòng cứu cha.
Kinh Lăng Nghiêm, truyện Phật Bà,
Thiên biến vạn hóa thực là linh thay.
Cho nên chùa tạo tượng ngài,
Làm ra nghìn mắt nghìn tay bởi vì.[b]
Nghìn tay, nghìn mắt linh thay,
Sắc không, không sắc ai hay mà dò.[c]
Thấy cha báng đạo đốt chùa,
Phải làm thế ấy để cho bất ngờ.

Khảo dị :

a. ... phép Phật *thần thông*.

b. ... nghìn tay *lưu truyền*

c. *Vui trong thế giới ba nghìn*
Sắc không, không sắc *phép thiêng khôn* dò.

Chú thích:

1. *Hòa*: và, cùng. Đây có nghĩa là khoét mắt và cắt hai tay.
2. *Hối quá:* hối lỗi.

Đoạn thứ hai mươi bảy

TRANG VƯƠNG HỐI HẬN QUY THIỀN
PHẬT PHÁP LINH THIÊNG HÓA QUY

Đức vua đã được ơn nhờ,
Tu thiên từ ấy lòng lo với lòng. [a]
Chúa Ba lại tâu cửu trùng:
"Dạy về lấy chồng hay để ở đây ?"
Vua rằng: "Đừng nói làm vầy,
Con có tu rầy mới cứu được cha".
Lại truyền tả hữu gần xa:
"Ai cũng niệm đức Thích Ca trên đời. [b]
Trẫm nay ơn bụt ơn trời,
Trẫm ở chốn này ai về mặc ai".
Truyền đòi Thừa tướng nhường ngôi,
Các quan khóc tạ một thôi trở về. [c]
Đức vua cùng bà chính phi,
Với hai bà chúa trụ trì am tăng. [d]
Phật Bà phán Thiện Tài rằng:
"Làm cỗ chay để kính dâng thường ngày." [e]
Hóa ra lầu gác đền đài,
Hai thân, hai chị yên nơi tu hành.
Bốn người đều một bụng thành, [g]
Đức vua càng lại đinh ninh bội phần.
Hồi tâm, hồi được quỷ thần, [h]
Bao nhiêu nghiệp chướng nợ nần rửa thanh.

Khảo dị :

a. Tu nhân *tích đức hằng lo một lòng*

b. *Phải niệm đức Phật* Thích Ca trên đời.

c. *Về nước mặc người trẫm lại ở đây,*
Truyền ngôi Thừa tướng từ nay
Bá quan bái tạ chia tay ra về.

d. Đức vua cùng *mấy* chính phi,
Với hai *chúa chị quy y tĩnh đường.*

e. ... kính dâng *hằng* ngày

g. ... *lòng* thành

h. Hồi tâm *khiến* được...

Lúc ấy hai đứa yêu tinh, [a]
Phật tổ bắt được gia hình nặng thay !
Phật Bà trông thấy thương vay,
Lại lên xin đức Như Lai lĩnh về.
Cũng dung cho ở gần kề, [b].
Dạy cho đạo Phật quy y tháng ngày.
Phép ngài kể nhiệm màu thay,
Dỗ được người ác đến loài yêu tinh, [c]

Đoạn thứ hai mươi tám
NGỌC HOÀNG SẮC PHONG TƯỢNG PHẬT
CẢ NHÀ SIÊU THOÁT VÀO CÕI TIÊN

Xẩy nghe có sắc thiên đình,
Kim Tinh vâng mệnh phụng hành ra đi.
Khen rằng: "Đại từ, đại bi,
Cứu khổ cứu nạn đức dày ơn xa. [d]
Trần gian thiện ác chính tà,
Lắng nghe, liếc mắt thoắt đà thấu thay. [e]
Nam vô linh ứng thiêng thay,
Liên hoa bảo tọa chính vì thiên lâm.
Sắc phong là Quan Thế Âm,
Phổ Đà Nham, cả bể Nam mình ngài".

Sắc phong rằng:

Thượng đế sắc phong cho Chúa Ba là: đại từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn, Nam vô linh cảm Quan Thế Âm Bồ Tát, cho cùng ngồi trên tòa sen, lại phó cho làm chúa Nam Hải Phổ Đà nham coi các đạo tràng.

Chúa Thanh, chúa Âm hai người,
Khi gặp yêu quái chẳng dời lòng trinh.
Lại hay một đạo tu hành,
Cho nên trời chứng lòng thành phong cho.
Diệu Thanh phong là Văn Thù,

Khảo dị :

a. *Thanh sư, Bạch tượng* yêu tinh.
b. *Dung cho chầu chực* gần kề.
c. *Hóa* được người ác *cùng* loài quỷ tinh.
d. ... đức *kia hải hà*.
e. ... thoắt đà *thấy* ngay.

Diệu Âm cũng được phong cho Phổ Hiền.
Thoát trần nhờ được cõi tiên,
Đại thiện, Bồ Tát được liền cả đôi. [a]
Thanh sư, Bạch tượng hai yêu,
Cho ngồi lên đá dạy nhau tính lành. [b]
Văn Thù cưỡi con sư xanh,
Phổ Hiền tượng trắng rành rành rắc ban.

Sắc ban rằng:

Thượng đế sắc phong: Chúa Diệu Thanh làm Đại thiện Văn Thù Bồ Tát, cho cưỡi con thanh sư. Chúa Diệu Âm làm Đại thiện Phổ Hiền Bồ Tát, cho cưỡi con bạch tượng ra vào, làm Chúa lâu dài các đạo tràng núi Thanh Lương.

Trang Vương là Đô tiên quan
Thiện Thắng Bồ Tát được nhàn tấm thân.
Hoàng hậu là Đô phu nhân,
Khuyến thiện Bồ Tát muôn phần phúc chung.
Thiện Tài, Long Nữ [c] có lòng,
Trời sắc [d] Kim đồng, Ngọc Nữ ban cho.
Một nhà vinh hiển thơm tho,
Thiên trường, địa cửu phụng thờ lửa hương. [e]
Khắp ngoài bốn bể, bốn phương,
Đâu đâu là cũng cúng dường kính tin
Sở nguyện cầu ắt như nguyền,
Cảm ứng liền liền đội đức chí tôn.
Dẫu cho nước cạn đá mòn, [g]
Hương Sơn, Nam Hải vẫn còn dấu thiêng.

Đoạn thứ hai mươi chín

CA NGỢI CÔNG ĐỨC KHUYẾN GIỚI THẾ NHÂN

Phật Bà ngài vốn tự nhiên,

Khảo dị :

a. Thoát trần *lên* được cõi tiên,
Đại Thiện, Bồ Tát *đặt liềm ngôi kiêu*

b. Cho *chầu chực đó học the* tính lành.

c. ... *Ngọc* Nữ ..

d. *Sắc tặng*...

e. ... phụng thờ *khói* hương

g. ... *sông* cạn...

Hóa thân biết mấy mươi nghìn ức ru.
Nguyên là Bồ Tát thuở xưa,
Hiện làm công chúa độ cho xa gần.
Trên thì hiếu báo người thân,
Dưới thì nhân cứu cõi trần cõi ma. [a]
Có thân ngồi núi Phổ Đà,
Thân lên trên Phật, thân qua dưới đời.
Thần thông nghìn mắt nghìn tay,
Phổ môn hiện để lộ loài ngu mông.
Vẫn là sắc, vẫn là không,
Hóa thân đem mất đàn ông đàn bà. [b]
Bảo đài lên chín thức hoa,
Gió nhân, mưa phép khắp hòa chúng sinh.
Trên trời dưới đất xoay quanh,
Bao nhiêu khổ nạn trần thanh hộ trì. [1]
Cho nên Phật hiện làm vì,
Nghe tiếng người khấn ứng ngay cứu liền.
Chỉn vì ngu tục chẳng tin,
Tin mà thành ít thì mong phúc nào. [c]
Ai hay tín kính trông vào,
Giữ nhân, giữ hiếu chẳng nao tấm lòng.
Dẫu khi có chút ngại ngùng,
Khấn cầu ngài đã ứng trong khấn cầu.

Khảo dị :

a. Phật Bà pháp chỉ vô biên,
Một thân hóa mấy mươi nghìn muôn thân.
Vốn là Bồ Tát Thiên thần,
Thác sinh công chúa nhất tâm tu hành.
Trên thời hiếu thảo sinh thành,
Dưới thời nhân cứu chính sinh cõi trần.

b. Lấy công sắc sắc không không,
Giả làm nam nữ thử lòng người ta.

c. Cho nên Phật hiện từ bi,
Ai hay khấn đến ngài thì độ cho
Chỉ vì kẻ tục ô đồ,
Dữ nhiều lành ít chẳng lo sửa mình.
Cho nên niệm Phật tụng kinh,
Ngài tuy có giáng, phúc lành chẳng bao.

Chú thích:

1. *Trần thanh hộ trì*: tìm nghe tiếng kêu khổ để đến giúp đỡ.

Trăm năm dẫu đến mai sau, [a]
Có ngài chứng quả chẳng lo não phiền.
Dẫu cho lên Phật, lên Tiên,
Xiết bao là phúc là duyên muôn đời.
Nôm na xin diễn tích Ngài,
1438 Cho người ít chữ nhớ lời kính tin.

Phiên âm theo bản Nôm *Đức Phật Bà truyện,*
ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm AB.224.
Không ghi năm khắc in.

Khảo dị :

a. ... *đến lúc* mai sau

TRÊ CÓC

TIỂU DẪN

Trê Cóc là truyện Ngụ ngôn, mượn việc xích mích của hai giống vật Trê và Cóc để phản ánh sinh hoạt của xã hội đương thời, một xã hội thường nảy sinh những cảnh tranh chấp kiện tụng. Nó tố cáo thói lấn hiếp người, cái cảnh lý dịch cường hào hoạnh họe nhân dân, cảnh quan lại bẻ vẹo công lý để đục khoét hối lộ v.v... Tình trạng xã hội ấy được miêu tả bằng 398 câu thơ lục bát hóm hỉnh mà chua cay.

Lời thơ bình dị, ít điển cố, dễ nhớ, dễ hiểu càng có sức mạnh lưu truyền rộng rãi trong quần chúng. Lời ăn tiếng nói của nhân dân được phản ánh khá trung thành. Trong truyện có những thành ngữ, tục ngữ "vểnh râu trê", "cóc bôi vôi" v.v... vừa biểu hiện ý tứ trào lộng sâu sắc vừa phản ánh đậm đà màu sắc ngôn ngữ dân tộc.

Về thời điểm xuất hiện truyện Trê Cóc, có những ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng truyện Trê Cóc ra đời vào khoảng triều Trần [1]. Nhưng gần đây các ý kiến đều cho rằng truyện Trê Cóc ra đời vào khoảng triều Nguyễn, cuối thế kỷ XIX [2].

*

* *

Cóc đẻ trứng dưới ao. Trứng nở ra một đàn nòng nọc, Trê thấy nòng nọc giống mình. Đến ngày đầy cữ, Cóc ra thăm, nhưng không thấy con. Cóc bèn nhảy xuống ao tìm. Trê ở dưới ao thấy động, bơi ra đuổi Cóc. Cóc về bàn với chồng viết đơn kiện Trê. Trong đơn Cóc viện cá Chép, Mè, Măng, Trắm và các loài thủy tộc khác làm chứng.

Quan đòi Trê và các chứng tá lên hầu kiện. Trước công đường, Trê chối không bắt con của Cóc, các chứng tá đều về bè với Trê. Quan tạm cho Cóc về và giam Trê lại để tra xét. Trê bị nha lại hành hạ khổ sở. Vợ Trê ở nhà tìm thầy thợ chạy chọt để Trê được tha. Vợ Trê tìm đến Triều Đẩu (một loài cá giống cá Quả, ban đêm hay ngoi lên chầu sao Bắc Đẩu) vốn nổi tiếng biết nhiều lý luật. Triều Đẩu cho tay chân là Lý Ngạnh đi đút lót cho Thông

---

1. Bùi Kỷ. Truyện Trê Cóc. Khai Trí Tiến Đức tập san, số 4. 1942. Tr. 21-22.

2. Nguyễn Lân. Truyện Trê Cóc. NXB Văn Hóa. Hà Nội. 1959. Tr. 11. Hoa Bằng. Truyện Trê Cóc. NXB Phổ thông. Hà Nội. 1962.

Chiên. Thông Chiên xin quan cho người về tận nơi điều tra. Nha lại về thấy nòng nọc giống Trê bèn làm biên bản trình quan cho là Cóc vu khống. Quan tin vào tờ biên bản của bọn nha lại bèn tha Trê và bắt giam Cóc. Lúc này, vợ Cóc chạy tìm thầy thợ cứu Cóc. Y đến các bạn cùng loài như Chẫu Chuộc, Ễnh Ương, Ếch. Ếch giới thiệu Nhái Bén là tay thầy kiện giỏi. Nhái Bén khuyên Cóc hãy chờ, Nòng Nọc đứt đuôi sẽ trở về với Cóc:

"Giống nào giống ấy tranh giành làm chi".

Quả nhiên, khi Nòng Nọc đứt đuôi thì chúng về với Cóc. Cóc đưa con đến trình quan và kiện lại Trê. Quan lúc đó mới biết là Cóc bị oan, tha cho Cóc và kết án Trê tội phạt lưu.

*

* *

Truyện Trê Cóc vốn viết bằng chữ Nôm, sau này các soạn giả phiên âm ra Quốc ngữ. Hiện nay, chúng tôi cũng chỉ mới tạm biết được một số văn bản như sau:

A. Trê Cóc tân truyện, Phúc An Đường tàng bản, Khải Định tứ niên.

B. Trê Cóc tân truyện, Thịnh Văn Đường tàng bản. Kiến Phúc nguyên niên tân san.

C. Trê Cóc tân truyện, Thịnh Mỹ Đường tàng bản, Thành Thái lục niên.

D. Trê Cóc, Hoa Bằng hiệu đính, NXB. Phổ thông. Hà Nội. 1962.

E. Truyện Trê Cóc. Bùi Kỷ khảo đính. Tân Việt. 1952.

G. Truyện Trê Cóc. Nguyễn Lân khảo đính. NXB Văn Hóa Hà Nội. 1959.

H. Trê Cóc. Bình Dân thư quán. Hà Nội.

I. Trê Cóc. Hoàng Liên Sơn sưu tập. Hiệu sách Văn hiến. Hà Nội.

K. Trê Cóc. Xuân Lan phiên âm, ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội. $Q^0$122 (9).

Trong khi biên soạn chúng tôi chủ yếu dựa vào bản D và tham khảo các bản B, C, E, G. Chúng tôi căn cứ vào bản D là chính, bởi vì khi biên soạn ông Hoa Bằng cũng đã căn cứ vào bản chữ Nôm A và tham khảo đối chiếu với các bản Quốc ngữ E, G. Đó là những bản phiên âm, chú thích tốt, chúng ta có thể tin cậy được.

Truyện đời có cổ, có kim,
Ngẫm trong vật lý mà xem cũng kỳ.
Những tuồng loài vật biết gì,
Cũng còn sự lý tranh thi[1] khéo là.
Nhớ xưa Trê Cóc đôi nhà,
Vì tình nên phải sinh ra oán thù.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra đài các, khi vô cung đình.
Tới khi thai sản thành hình,
Dưới ao Trê mới đem mình thoát xong.
Nhìn xem lòng những mừng lòng,
Trở về ngồi chốn nghiêm phòng[2] nghỉ ngơi.
Chàng Trê đây mới tới nơi,
Thấy đàn nòng nọc nhảy ngoi rầm rầm[a].
Nhìn xem[b] dạ những mừng thầm,
Giống Trê như lột chẳng lầm vẻ chi.
Bắt về yêu dấu bù trì,
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.
Hay đâu Cóc cũng vô tình,
Nhớ ngày đầy cữ, ra rình thăm con.
Tới nơi chờ đợi nỉ non,
Bờ trơ cõi đất, nước còn tăm không.
Âm thầm[c] nghĩ cũng giận lòng,
Vội vàng nhảy xuống bên trong dạo tìm.
Bọt bèo lầm nước, đương đêm,
Động tin, Trê mới[d] nổi lên hỏi dò.

Khảo dị:

a. Bản B chép: *đã lầm*.

b. Bản B chép: *nhác trông*.

c. Bản B chép: *lầu lầu*.

d. Bản B chép: *biết*.

Chú thích:

1. *Tranh thi:* tranh nhau thi thố.
2. *Nghiêm phòng:* buồng kín. Nơi thâm nghiêm.

Lăng ra, thấy Cóc lên bờ,
Trê liền quát mắng, tri hô vang rầm [a]
"Cóc kia đâu đó tối tăm?
Dạ gian phi đạo, tặc dâm chẳng lành [1].
Cóc rằng: "Ai kẻ gian manh,
Gây ra [b] những sự sinh tình gớm ghê.
Vì con nên phải sớm khuya,
Không dưng ai có xuống chi chốn này!"
Nghe lời, Trê tức giận thay,
Vểnh râu, mắng Cóc chua cay [c] nhiều điều:
"Cóc kia cả quyết gan liều,
Con người coi đã mỹ miều lắm thay!
Một ngày là giống chúng bay,
Nghề bôi vôi vẫn nồng say chẳng chừa [2]
Một tội mất, mười tội ngờ,
Biết đâu mà khéo tri hô hỏi dồn,
Thôi đừng đua dại tranh khôn,
Trở về ngồi tót gầm giường là xong!"
Cóc liền dương mắt tròng tròng, [d]
Rằng, "Khôn, người cũng có trong ao tù.
Ta đây dẫu có hèn ngu,
Nhà ta cũng có cơ đồ đỉnh đang [3]
Ra vào gác tía nhà vàng,
Cõi bờ mặc sức nghênh ngang chơi bời.
Nghiến răng chuyển chín phương trời,
Ai ai là chẳng rụng rời sợ kinh.

Khảo dị:

a. Bản B chép: vang lừng.

b. Bản B chép: Thiết ra.

c. Bản B chép: ... tỉnh say...

d. Bản B chép: ... trừng trông. Bản D chép: trừng trừng.

Chú thích:

1. Ý nói: ban đêm vô cớ vào nhà người ta không phải là quân trộm cắp thì hẳn là kẻ tà dâm, chứ không phải là người lương thiện.

2. *Trong truyện cổ tích:* Cóc có lần ra Vũ môn thi với các loài cá, nhưng vì hình dạng xấu xí, quan trường bôi vôi đánh dấu vào đầu, và đuổi về. Vì thế, ta có câu: "May ra như rồng gặp vận, chẳng may ra như cóc bôi vôi".

3. *Đỉnh đang:* cái vạc và cái sanh, đồ dùng của nhà quyền quý, chỉ cảnh gia đình giàu sang.

Huống mi giống cá hôi tanh,
May chăng được một môi canh những là".
Đành lòng Cóc trở ra về,
Vợ chồng bàn định sớm khuya ngại ngùng.
Rằng con đang độ ấu xung [1],
Xa xôi non nước lạ lùng biết sao.
Khuyên chàng chớ nghĩ thấp cao,
Công bao những chịu, của bao cũng đành [a]?
Cóc rằng: "Bay khéo lo quanh,
Can chi chịu phế, xem tình làm sao[b].
Đàn bà nông nổi khác nào [c],
Biết đâu những chuyện dở hay mà bàn.
Trê kia đã có lòng tham,
Được thua quyết kiện một đơn xem mà.
Kêu oan đến cửa quan nha.
Làm đơn mà khống minh tra tỏ tường" [2]

Đơn rằng:

Trung Đình [3] phủ, Tường Miếu [4] huyện, Bích Gia [5] xã, Thạch Cốc [6] thôn, Trần Văn Cóc khấu bẩm vì khổ ức sự, một chút tình duyên vì có đàn con, vốn xưa ở cạn, tới khi thai [d] nghén sinh ở ao Trê, trai gái để huề, một đàn nòng nọc, đương cơn sinh dục, hiện có tứ bề, danh Chép, danh Mè, danh Măng, danh Trắm, cậy người đỡ tắm, [e] mụ Riếc, mụ Rô; mượn người thăm dò, anh Lươn [g] anh Trấu [7]. Tìm nơi nương náu, Cóc mới về quê, vì nỗi thê nhi, Cóc ra thăm viếng [h]. Bốn bề im tiếng, chẳng thấy một ai. Cóc hỏi khúc nhôi [8], Trê

Khảo dị:

a. Bản B chép: Giá thì chịu giá hết sao cũng đành.

b. Bản B chép: Rằng chẳng giá nữa xem tình làm sao.

c. Bản B chép: ..... dạ thay

d. Bản B chép: có nghén.

e. Bản B chép: ... nhờ người nước tắm.

g. Bản B chép: ... hôi mò, thằng lươn thằng...

h. Bản B chép: ..... thăm hỏi.

Chú thích:

1. *Ấu xung*: trẻ thơ mới lọt lòng. Bản D chép: Ấu trùng.
2. *Khống*: tố cáo, tức đi kiện; minh tra: tra xét rõ ràng.
3. *Trung Đình*: giữa sân.
4. *Tường Miếu*: tường ở đền, ở miếu.
5. *Bích Gia*: vách nhà.
6. *Thạch Cốc*: hang đá.
7. *Anh Trấu*: Chạch Trấu.
8. *Khúc nhôi*: đầu đuôi, tình hình.

liền thét mắng, sinh tình ngạnh ác, cố dạ gian tham. Đạo nghĩa cha con [a], khôn đường nhẫn nhục. Vị thử cụ đơn[1]. Khấu bẩm đường quan[2], soi xét lòng đơn, xin người cứu vấn[3]. Nhờ ơn son phấn, âm phận thê nhi, vạn vạn bái.

Kim khấu bẩm.

Phủ quan nghe tỏ lòng đơn,
Truyền đòi nha lại các phiên[4] vô hầu.
Xem đơn danh Cóc gót đầu [b]
Đoạt nhân thủ tử[5] lẽ đâu làm vầy.
Thực hư tình ý chưa hay,
Cứ trong đơn khất cũng ngờ lắm thôi.
Truyền cho thảo trát vô đòi,
Mấy danh chứng tá giải hồi nghiêm tra.
Các thầy vâng lệnh trở ra,
Đòi tiền thông lệ[6] bản nha tức thì.
Trát thảo cho dấu chữ "y"[7]
Truyền cho lệ dịch tức thì phát sai [c]

Trát rằng:

Hải Giang phủ, Tri phủ đàm, vị trát phát lệ binh[8] nhất định, y phái tùy hành, cứ hương lý dịch, thôi dẫn danh Trê, chứng tá các bề, truyền đòi cho hết, cùng người bàng tiếp[9] danh Chép, danh Mè, danh Măng, danh Trắm.

Cụ thử nhất đoàn[10] duyên cớ nguyên đơn, danh Trần Văn Cóc, đồng tình

---

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... làm con.

b. Bản B chép: chủ đơn danh Cóc quỳ đây.

c. Bản B chép:....sang tùy phát sai.

Chú thích:

1. *Vị thử cụ đơn:* vì thế trình bày đầy đủ trong đơn này.
2. *Khấu bẩm đường quan:* cúi bẩm trình lên quan đứng đầu một nha hoặc một bộ.
3. *Cứu vấn:* xét hỏi.
4. *Các phiên:* như các bộ.
5. *Đoạt nhân thủ tử:* cướp và bắt con người ta.
6. *Tiền thông lệ:* tiền lệ phí về việc kiện theo thể lệ đã định.
7. *Chữ "y":* chữ quan phê vào đơn tỏ chuẩn y cho phép thi hành.
8. *Lệ binh:* lính lệ.
9. *Bàng tiếp:* láng giềng.
10. *Cụ thử nhất đoàn:* bắt đủ để xét cả một lượt.

ức khổ, vị thử đẳng danh [1] đồng đảng gian manh, [2] đoạt nhân thủ tử [3] vị thử hợp trát [4] giang giải [5] hồi trình, lập tức dẫn thôi [6] y như trát nội [7]. Hợp trát.

Lệ binh vâng trát thôi đòi [8],
Bộ hành mới kéo về nơi thanh trì [9]
Truyền đòi lý dịch tức thì,
Dẫn thôi thủ phạm danh Trê ra hầu,
Nghe tin chứng tá đâu đâu,
Sửa sang chè rượu cùng nhau khuyên mời,
Lệ rằng: "Quan pháp như lôi [10],
Chỉ đâu đánh đó, chẳng đâu là lành.
Trê kia là đứa gian manh,
Chúng ngươi họp đảng đồng tình nhất môn [a].
Đây mà cứ phép việc quan,
Thì bay thịt nát xương tan chẳng lành.
Song bên lý, có bên tình,
Liệu sao các việc thỏa tình người ta.
Kẻo khi quan lại còn xa,
Đây mà nổi giận trút ra cũng nhiều".
Chàng Trê ngóc cổ liền kêu,
Dân đen có biết chi điều gian ngoan.
Vì ai nên phải tiếng oan,
Dám xin mấy cậu liệu đường giúp cho [b],
Chữ rằng: "Nhất nhật tại tù", [11]
Hết bao nhiêu cũng xin lo dám nề.
Còn như danh Chép, danh Mè.

Khảo dị:

a. Bản B chép: chúng người đồng đảng cũng là nhất môn.

b. Bản B chép: ... cho xong.

Chú thích:

1. 2. 3. vì những tên này thông đồng gian trá, cướp bắt con người ta.

4. *Hợp trát:* theo đúng luật mà ban trát.

5. *Giang giải:* đóng gông giải về.

6. *Dẫn thôi:* bắt đem đến.

7. *Y như trát nội:* đúng như lời trong trát.

8. *Thôi đòi:* thúc dục đòi ra hầu kiện.

9. *Thanh trì:* ao trong.

10. *Quan pháp như lôi:* phép quan như sấm.

11. *Nhất nhật tại tù:* một ngày ở tù. Do câu: "Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại" (một ngày ở tù bằng ngàn năm ở ngoài).

Cũng trong lân lý [1] một bề với tôi.
Sửa sang lễ vật lên hầu,
Có tôi đã đứng làm đầu thời xong! [a]
Lệ nghe lời nói êm lòng [b],
Bèn đưa nhau đến cửa công tạ trình. [c]
Lệ vào lạy trước công đình,
Trát sai đã bắt đẳng danh [2] hồi trình.
Quan liền chỉ phán phân minh,
"Trê kia sao dám gian manh làm vầy?
Nguyên đơn danh Cóc quỳ đây,
Đoạt nhân thủ tử sự này có không?"
Trê vào lạy tạ vừa xong,
Cất đầu kể hết nỗi lòng xa xôi:
"Sự này tại chú Cóc tôi,
Dạ gian [3] vô cớ xuống ngồi bên ao.
Bây giờ tôi có kêu sao,
Hỏa giang kiến diện [4] qua rào nhảy ra.
Sợ rằng ngỏ tiếng tăm ra.
Vậy nên trước phải thân thưa đỡ đòn.
Ví dù Cóc lại có con,
Lẽ đâu để cách nước non sao đành.
Đầu đen là giống phù sinh [5]
Dám xin soi xét tấm tình kẻo oan."
Quan rằng: "Bay khéo gian ngoan",
Truyền đò chứng tá tiếp hàng hỏi qua
Mè, Nheo, Trắm, Chép nhảy ra,
Khấu đầu lạy trước quan nha diện trình:
"Chúng tôi thật kẻ vô tình,

Khảo dị:

a. Bản B chép: thì thôi

b. Bản B chép: lời cũng nể lòng.

c. Bản B chép: công môn tạ tình.

Chú thích:

1. *Lân lý:* láng giềng, hàng xóm.
2. *Đẳng danh:* mọi tên.
3. *Dạ gian:* ban đêm.
4. *Hỏa giang kiến diện*: lửa sáng thấy mặt.
5. *Phù sinh:* loài để nổi.

Xưa nay vốn thực hiền lành biết chi. [a]
Mặc ai vùng vẫy giang khê,
Biết thân tránh khỏi lưới nghề thời xong.
Biết đâu Trê, Cóc sự lòng,
Buộc đòi đôi chữ, phù đồng [1] khổ thay!
Đèn trời soi xét gian ngay,
Lẽ đâu ao cá vạ lây cháy thành?" [2]
Cóc vào bẩm trước công đình:
"Chẳng đưa các chúng đồng tình mưu gian,
Người thân thích, kẻ lân bàng,
Cùng trong vây cánh một đoàn nó thôi.
Vả trong đất nước khác vời,
Cóc khô ở chốn quê người biết sao.
Ngửa trông lạy đức quan cao,
Cứu đàn con đỏ phiêu lưu kẻo mà".
Quan rằng [b] "Cho Cóc lui ra,
Đem Trê giam đó hậu tra [3] vội gì".
Lệ binh vâng lệnh tức thì,
Đem Trê vào trại liền mi [4] chẳng chầy.
Canh giờ nghiêm cấm khổ thay!
Mười người như một, đều tay lấy tiền [c]
Quan cứ lệnh, lính cứ truyền,
Đã ngày cổ buộc, lại đêm chân cùm.
Đòn tra thịt nát xương tan,
Đánh cho mấy chục, chập đòn roi đôi.
Vợ chồng Trê những ngậm ngùi,
Ra vào phí tổn hết bao cũng đành.
Có công lặn suối chèo ghềnh,
Tìm người lý sự hỏi tình nông sâu.

Khảo dị:

a. Bản B chép:...lương phân biết gì.

b. Bản B, E chép: quan truyền.

c. Bản B chép: Một người là một ngón tay là tiền.

Chú thích:

1. *Phù đồng:* thông đồng làm bậy.

2. *Vạ lây cháy thành:* ý nói bị liên lụy. Do câu: thành môn thất hỏa, họa cập trì ngư (cháy ở cửa thành, vạ lây đến cá ở dưới ao).

3. *Hậu tra:* đợi để tra xét.

4. Giam lại.

Xa nghe Triều Đẩu[1] anh hùng,
Đưa tin hoàng tước[2] hỏi cùng phải chăng.
Đầu đuôi mấy khúc thưa rằng:
"Thực tôi là phận tảo tần[3] chàng Trê.
Nay đơn chàng Cóc tâu quỳ,[(a)]
Vậy nên, Trê phải giam mi vào tù.
Đàn bà ngu dại vụng lo,
Đội ơn quan bác liệu cho phận nhờ".
Kình[4] rằng chẳng ngại việc chi,
Đây ta nào phải lụy gì đến ai.
Có tên Lý Ngạch[5] thôn ngoài,
Cũng trong thủ hạ tôi đòi ra đây.
Vốn người độc ác xưa nay,
Cho đi giúp chúng việc này hẳn xong".
Trê nghe thấy nói mừng lòng,
Liền quỳ lạy Ngạch kể thông mọi lời,
Sửa sang đồ vật thảnh thơi,
Tôm he các mực đủ mùi trân cam[6],
Ngạch rằng: "Quan sự đã am[7]
Những phường cáo giả oai hầm ghê thay.
Việc quan xử muốn[(b)] xong ngay,
Thời trong lại bộ có thầy Thông Chiên[8].
Muốn cho trong ấm ngoài êm,
Phải đưa lễ tốt các phiên mới đành.
Ngạch vào tư thất[9] bẩm trình,
Trê ra lạy trước công đình tâu thân.[(c)]

Khảo dị:

a. Bản B chép: Vị đơn danh Cóc quỳ tâu.

b. Bản B chép:... xử quyết: ...xong bay.

c. Bản B chép: thiên tâu

Chú thích:

1. *Triều Đẩu:* tên một loài cá.
2. *Hoàng tước:* chim sẻ vàng.
3. *Tảo tần:* chăm lo việc nhà, ý nói người vợ cần cù.
4. *Kình:* cá Kình.
5. *Lý Ngạch:* cá Ngạnh.
6. *Trân cam: Trân*: quý báu, *cam*: ngon ngọt: Chỉ thức ăn ngon quý.
7. *Am:* am hiểu.
8. *Thông Chiên:* tên thầy Thông lại tên là cá Chiên.
9. *Tư thất:* nhà riêng.

"Gọi là lễ mọn kính dâng,
Dám xin soi xét phận dân ngu hèn.
Chàng Trê giam trấp mấy phen,
Cũng vì điên đảo làm thiên [a] án tù. [1]
Lòng ngay chẳng dám mưu mô [b]
Lưới Thang [2] rộng mở ơn nhờ xiết bao".
Quan rằng: "Kêu vậy biết sao,
Đây ta cũng chẳng suy mao cầu tỳ. [3]
Cứ trong tình lý mà suy,
Thời như đơn Cóc có khi cũng huyền.
Cho đồng đối tụng hai bên,
Có bên bị, có bên nguyên mới tường."
Cóc ngồi chực sẵn bên tường,
Nghe lời quan phán vội vàng nhẩy ra.
Trê nghe chở có huyên hoa,
Hùm dầu có cánh ta đà chẳng ghê.
Quả tình nào có hồ nghi,
Ra điều bán dạ, lâm trì [4] khó coi.
Phù sinh mấy kiếp ở đời,
Làm chi rắn cắn được voi còn chầy.
Chỉ nghề dạy khỉ leo cây,
Xui nguyên giục bị, chỉ hay bầy trò. [c]
Ai ngờ xã thử thành hồ [5],
Chỉ điều cậy thế làm cho hại người.
Biết rằng hươu chết tay ai,
Mỏ chim, nanh chuột tranh hơi có nhiều.

Khảo dị:

a. Bản B chép: án tử lẽ oan;

b. Bản B chép: ... sinh hư.

c. Bản B chép: Khéo trò dục bị, xui nguyên...

Chú thích:

1. *Làm thiên:* làm lệch.

2. *Lưới Thang:* lưới của Thành Thang, chỉ chăng có một mặt mà mở ba mặt cho cá thoát, chỉ pháp luật nhân từ.

3. *Suy mao cầu tỳ*: bới lông tìm vết.

4. *Bán dạ lâm trì:* nửa đêm đến ao.

5. *Xã thử thành hồ:* chuột ở nền xã (chỗ tế trời đất), cáo ở bờ thành, không ai dám đào tổ mà bắt, vì chạm đến chỗ thờ cúng và lở thành. Đây ý nói cậy thần cậy thế.

Quan rằng: "Bay chớ rối điều,[1]
Việc quan chẳng lọ nhiều kêu mới là.
Lệ đâu đòi mấy thầy nha,
Cho đi nghiệm thực hậu tra mới tường.
Trê kia quả có tình gian,
Cứ trong luật lệ y đơn mà làm"
Các thầy vâng lệnh lên đường,
Theo chân thầy tớ một đoàn thong dong.
Kéo về đến chốn ao trong,
Cho đòi Tổng Tép[2] đều cùng khám thăm.
Thấy đàn nòng nọc lăng xăng[a]
Vẫy vùng mặt nước đen rầm như Trê.
Nha rằng: "Sự chẳng hồ nghi,
Đầu đuôi hình tượng giống Trê đó rồi".
Khám tường biên thực chẳng sai,
Sự tình nha lại tức hồi trình qua,
"Ngửa trông đội đức cao xa,
Vâng sai án nghiệm minh tra tỏ tường.
Trê kia quả có tình oan,
Hiện còn Tổng Tép ký đơn về trình".

Đơn rằng:

Hải Giang phủ, Đường Hào huyện, Thái Cốc xã, Hùng Văn Trê trình về phúc bẩm[3] sự: mấy khúc đầu đuôi, hiện có mấy người thường đi thường lại, ở chốn ao sen, bất ý đương đêm, Cóc vào xuyên tạc[4], Trê liền phát giác, Cóc nhẩy qua rào, cậy thế hùng hào. Vậy nên trị chúng, thay trời trị chúng, tiếng trống nghìn quân, nhờ lượng đường quan, cho về khám xét. Đầu đuôi tình tiết, nhà đã biên tường, vị tử cụ đơn, trông ơn khám xét, minh tra các tiết, tỷ đắc thân oan[5], vạn vạn bái.

Kim khấu bẩm.

Quan truyền bắt Cóc ra tra,
"Sao bay đơn kiện sai ngoa làm vầy?

Khảo dị:

a. Bản B chép: lăm xăm.

Chú thích:

1. *Rối điều:* nói nhiều lời: lắm điều.
2. *Tổng Tép:* Chánh tổng tên là Tép.
3. *Phúc bẩm:* thưa lại.
4. *Xuyên tạc:* làm sai sự thực.
5. *Tỷ đắc thân oan:* khiến giải tỏ được nỗi oan.

Nay đơn nha khám về đây,
Trê kia là đứa tình ngay có gì!"
Cóc ra lạy trước sân quỳ,
Bẩm rằng: "Lại[1] giấu cho Trê lắm điều.
Chẳng qua hối lộ đã nhiều
Vậy nên mới nói mè nheo những lời".
Bản nha tức giận mọi người.
Bẩm xin lôi Cóc ra ngoài trại canh.
Truyền cho thẩm xét phân minh,
Ký giam ở đó, kẻo tình còn oan.
Cóc ngồi dài thở ngắn than,
Những là tức ruột, căm gan cho đời,
Biết chăng có một ông trời,
Nghiến răng có thấu xin soi đến cùng.
Ai làm oan thác sự lòng,
Thời xin tiếng sấm cửu trùng[2] nổi lên.
Cóc ngồi trằn trọc thâu đêm,
Vợ chồng bàn định nỗi niềm trước sau.
"Phải tìm thầy thợ cho mau,
Để cho thiếp được trước sau rõ mười.
Đua nhau cái trí mà thôi,
Chẳng mừng chi được, chẳng buồn chi thua.
Thiếp xin đi lại toan lo,
Làm sao trả được oán thù mới thôi.
Cóc về dạo khắp mọi nơi,
Qua miền Chẫu Chuộc, tới miền Ễnh Ương.
Thôi lặn suối lại trèo nương,
Giếng sâu, bụi rậm, lòng càng ngẩn ngơ. [a]
Vô tình đương lúc gió mưa,
May sao gặp Ếch vẩn vơ cõi ngoài. [b]
Ếch đương quen thú ngồi chơi,
Nhác trông thấy Cóc sắp rời chân ra.

Khảo dị:

a. Bản B chép: Đường chông lối tắt...

b. Bản B chép: ... thẩn thơ...

Chú thích:

1. *Lại:* nha lại.

2. *Cửu trùng:* chín lần. Đây chỉ trời trên cao chín tầng mây.

Rằng: "Đâu mà đến đây ta?
Cớ sao thân thể coi mà kém xuân?
Hay là có việc chi chăng?
Bà con nói thực xin đừng giấu nhau".
Cóc rằng: "Có việc chi đâu,
Vì chồng con phải lo âu chưa đành.
Trê kia là đứa gian manh,
Bắt con mà lại sinh tình sai ngoa.
Làm đơn phúc tấu quan nha, [1]
Vậy nên Cóc phải giam tra thế này. [a]
Có công len lỏi tới đây,
Nhờ chàng liệu giúp việc này họa xong".
Ếch rằng: "Đồng trắng, nước trong,
Tôi đây tiếng cả nhà không có gì.
Thấy lời chị nói nằn nì,
May ra giúp được việc chi cũng đành.
Nghề tày thầy kiện nổi danh,
Có chàng Nhái Bén thực anh bợm già.
Đơn từ ấn mực vào ra,
Bàn tay tráo trở, coi đà non không.
Muốn cho các việc mau xong,
Phải tìm đến chốn hỏi cùng sự duyên.
Cóc nghe Ếch nói căn nguyên,
Trở về dạo khắp các miền hỏi thăm.
Nước non cây cối âm thầm,
Một mình Cóc lại xăm xăm một mình,
Hay đâu cảnh thú hữu tình,
Lùi chân bóng mát, nương mình cõi dâm.
Gió mưa ngọn cỏ lâm dâm,
Nhác trông thấy Bén đương nằm nghỉ ngơi.
Chào rằng: "Chị Cóc đến chơi,
Việc gì mà phải tìm tòi đến ta?
Dặm nghìn non nước thẳm xa,

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... tù giam những là.

Chú thích:

1. *Phúc tấu:* tâu lại, thưa trình lại.

Cớ sao mà khéo lân la biết đường".
Cóc rằng: "Muốn đội ơn chàng,
Vì tình mà phải đa mang với tình.
Nói ra lắm sự bất bình,
Vì Trê nên phải đem mình đến anh.
Xiết bao kể nỗi ức tình, [a]
Nhịn đi chẳng được, tức mình lắm thôi.
Cố lòng lấy của đè người,
Đơn từ điên đảo mấy hồi khổ thay!
Quan tham, lại cũng chẳng ngay,
Vậy nên bắt Cóc đọa đầy [b] bấy lâu.
Nghĩ mình càng thảm càng sầu,
Biết ai là kẻ nông sâu mà bàn.
Vậy nên quanh suốt đường xa,
Trước là biết Ếch, sau ra tường chàng.
Dù trong lẽ dại đường khôn,
Dám xin chỉ giáo, tôi con được nhờ".
Bén rằng ngán chuyện đàn bà.
Làm gì việc ấy khéo mà nói quanh.
Tuy cùng một kiếp phù sinh,
Giống nào giống ấy tranh giành làm chi.
Trê kia là đứa ngu si,
Chẳng qua tham dại nghĩ gì nông sâu.
Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
Con đương dưới nước, dễ hầu làm chi.
Để cho Trê nó bù trì [1]
Rụng đuôi nó lại tìm về là hơn.
Muốn cho êm ái đôi bên,
Thời đem trình phủ mà xin Cóc về.
Nhược bằng có dạ tranh thi,
Lại làm đơn phúc [2] cho Trê khó gì"
Nghe lời Cóc cũng nằn nì:

Khảo dị:

a. Bản B chép: Dặm ngàn nhiều nỗi ức tình.

b. Bản B chép: ... tội tình...

Chú thích:

1. *Bù trì:* săn sóc giúp đỡ.

2. *Đơn phúc*: đơn kiện tại.

"Làm cho bõ ghét cho Trê mới đành.
Kẻo Trê nó những cậy mình".
Nghe thôi, vợ Cóc tạ tình ra đi.[a]
Trở về cửa phủ tức thì,
Dặn chồng sau trước mọi bề đinh ninh.[b]
Lại về chốn cũ thăm tình,
Quả như Bén nói rành rành chẳng sai.
Cười cười nói nói tả tơi,
Sửa sang lễ vật tới nơi công đường.
Cóc vào lệ tạ quỳ đơn,
Đầu đuôi một lũ Cóc con sang trình.

Đơn rằng:

Nguyên danh Cóc trình, vì khất thôi cứu[1] sự, vì Trê gian khiếu[2], nên Cóc thân oan, sự đã tỏ tường, vậy nên tục Khống[3]. Trời sinh có giống, ai dám tranh càn, Trê quả lòng gian, tìm đường giam chấp[4], mấy phen thăm bắt, tin tức vắng không. Nay đã khỏi vòng, trở về đất cũ, trần tình cụ thể,[5] đồng đồ[6] những đệ, Cóc tôi yếu vế. Vậy phải chịu im, vị thử phục quỳ, ơn trên soi xét. Giãi bày các tiết, nhờ lượng cao xa, dân được điều hòa, khỏi đường oan khốc.

Trình đơn trước mặt công đình,
Phủ quan nổi giận lôi đình thét vang.
"Sự đâu có sự dị thường,
Nha môn sao dám tự đương làm vầy."
Truyền đòi nha khám vô đây,
Giao cho Bang biện[7] việc này mới xong.
Bản nha hiệp nghị một lòng,
Khấu đầu lạy trước cửa công tạ tình.
Rằng "Đem dấu trát tra minh.
Bắt Trê nhận thực tượng hình mới biên[c]

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... mừng thầm trở ra.

b. Bản B chép: Dặn chồng trò truyện khúc nhôi đã đành.

c. Bản B chép: ... tượng hình mới hay.

Chú thích:

1. *Khất thôi cứu:* xin xét cho ra.
2. *Gian khiếu:* kêu gian, kiện cáo.
3. *Tục thống:* tiếp tục kêu lại.
4. *Giam chấp:* giam giữ lại.
5. *Trần tình cụ thể:* bày tỏ nỗi lòng ở đơn này.
6. *Đồng đồ:* những kẻ cùng bọn.
7. *Bang biện*: một chức quan cũng như trợ tá bây giờ.

Chẳng qua con tạo đảo điên
Sinh sinh hóa hóa, hiện truyền chi đây.
Chúng tôi [(a)] giữ việc lòng ngay,
Dám đâu gian dối chuyện này cho đang".
Quan rằng: "Việc ấy dở dang,
Truyền Trê ra trước công đường hỏi qua.
Roi dâu mấy chập đòn tra,
Gian ngay thú thực thưa qua cho tường.
Dám xem nhân mệnh làm thường,
Cố nhiên cướp đoạt đường đường như chơi.
Cứ trong lý luật [(b)] mà coi,
Lưu tam thiên lý [1] tội ngươi đã đành.
Bao nhiêu đồ vật sắm sanh,
Truyền Trê phải chịu cho thanh mọi bề. [2]
Cóc kia thôi chớ nằn nì,
Được con là trọng, kêu chi thêm càng.
Trê kia thực có lòng tham, [(c)]
Đã đem đầy chốn xa đường thì thôi".
Quan trên chỉ phán mấy hồi, [(d)]
Cóc vào trình lạy mấy lời bẩm qua.
"Ngửa trông đức cả cao xa,
Non công, bể đức kể đà xiết bao.
Đoái thương đến phận nhi tào [3]
Gọi là lễ mọn đem vào tạ ơn".
Quan rằng: "Thôi chớ ân cần,
Thế thời cũng đã có phần hậu thay.
Khéo đâu lễ vật đặt bày,
Biết thôi, trả lại cho bay đem về".

Khảo dị:

a. Bản B chép: ... vì tôi

b. Bản B chép: ... luật lệ...

c. Bản B chép: ... lòng gian.

d. Bản B chép: Quan trên chỉ phán mấy lời.

Chú thích:

1. *Lưu tam thiên lý:* Đày đi ba ngàn dặm.

2. *Thanh:* xong xuôi.

3. *Nhi tào:* đàn trẻ.

Tạ từ Cóc trở ra về,
Vợ chồng mừng rỡ đề huề ngổn ngang.
Bước ra khỏi chốn công đường,
Thông Chiên giật lễ, Đề Tôm cướp tiền.
Ôm đầu vỗ vế ngả nghiêng,
Kẻ đòi bầu rượu, người xin bao chè.
Được kiện Cóc trở ra về [a]
Họ hàng náo nức mọi bề mừng vui [b]
Chè sen, rượu cúc thảnh thơi,
Cóc bèn [c] chịu chuyện, Bén ngồi ngâm thơ.
Vang lừng trong hội mây mưa,
Say sưa mặc sức, xướng ca thỏa lòng.
Mới hay duyên ngộ kỳ phùng, [1]
Anh hùng tỏ mặt anh hùng hẳn hoi.
Ngẫm xem thế sự nực cười.
Cũng là dở cái trò chơi đó mà.
Vẽ vời mấy tiếng ngâm nga,
Tỏ tường sự lý để ra với đời.

Phiên âm theo bản của Hoa Bằng,
NXB Phổ thông, Hà Nội, 1962,
Đồng thời có đối chiếu với bản Nôm Phúc An đường.

Khảo dị:

a. Bản B chép: sự tình Cóc trở về quê.

b. Bản B chép: ... nói cười mừng vui.

c. Bản B chép: Cóc ngồi.

Chú thích:

1. *Duyên ngộ kỳ phùng:* duyên gặp gỡ một cách lạ lùng.

LƯU NỮ TƯỚNG

(Trích)

TIỂU DẪN:

Tại Thư viện Viện Hán Nôm hiện còn hai bản truyện thơ Nôm *Lưu nữ tướng*. Một bản chép tay nhan đề *Lưu nữ tướng truyện*, kí hiệu AB.276, chúng tôi gọi là bản A. Một bản khắc in của Liễu Văn Đường tàng bản, năm Tự Đức, Canh Thìn (1880), cũng có nhan đề là *Lưu nữ tướng truyện*, ký hiệu AB.62 bis, chúng tôi gọi bản này là bản B. Sau khi nghiên cứu văn bản, chúng tôi thấy bản A có 2166 câu lục bát, trong khi bản B chỉ có 1594 câu và có thêm hai bài tứ tuyệt, hai bài thơ thất ngôn bát cú. Về mặt văn bản thì bản A tuy là chép tay, nhưng chữ Nôm chuẩn hơn bản B, nội dung cũng đầy đủ hơn và lời thơ cũng cổ kính hơn. Vì thế, chúng tôi đã chọn bản A làm bản gốc để phiên âm, giới thiệu, còn bản B chỉ để tham khảo và khảo dị khi cần thiết.

*
* *

Lưu nữ tướng truyện là một tác phẩm khuyết danh, có lẽ ra đời vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, do chịu ảnh hưởng phần nào tinh thần quật khởi của những cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn trong giai đoạn này. Tinh thần đó có thể thấy rõ ngay trong chủ đề của tác phẩm. Như tên gọi của nó, *Lưu nữ tướng truyện* là truyện kể về nữ tướng họ Lưu, là một đề tài khá đặc thù trong thể loại truyện thơ Nôm nói chung. Có thể nói, hầu hết truyện thơ Nôm đều đề cao vai trò của người phụ nữ, nhưng đó là người phụ nữ trong tình yêu, trong hôn nhân và gia đình, trong đấu tranh chống lễ giáo phong kiến. *Lưu nữ tướng truyện* cũng đề cao vai trò người phụ nữ, nhưng là người phụ nữ trong cương vị một bà tướng, một thủ lĩnh của đám nghĩa quân chống lại triều đình. Trong *Lưu nữ tướng truyện* cũng có nói đến tình yêu, nói đến hôn nhân, đến hạnh phúc lứa đôi, nhưng tư tưởng chủ đề xuyên suốt tác phẩm là ca ngợi ý chí kiên cường bất khuất của một người phụ nữ dám ngang nhiên dựng cờ khởi nghĩa chống lại đám vua quan gian ác, bạo tàn. Và ý nghĩa tư tưởng, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm cũng chính là ở chỗ đó.

*
* *

Lưu nữ tướng truyện theo bản A là 2166 câu thơ lục bát. Nội dung tóm tắt như sau:

Lưu Định là một vị trọng thần, có một người con gái tài kiêm văn võ, chưa gả chồng vì chưa tìm được người xứng đáng. Một ngày kia, Lưu Định được vua cho phép từ Kinh đô về thăm quê nhà, nhưng khi hết hạn lại bị mắc bệnh nặng phải ở lại quê để điều trị. Trong triều có một tên nịnh thần, giữ chức cao trong tòa Xu mật, tâu với vua rằng Lưu Định quá hạn không về triều là có ý mưu việc phản nghịch. Vua nổi giận, sai sứ giả đem chiếu chỉ về quê Lưu Định, xử tội tru di tam tộc và thi hành ngay tại chỗ. Nghe đọc chiếu, Lưu Định đang mang bệnh nặng, tức uất lên mà chết. Thân thích họ Lưu đều thác oan, chỉ có Lưu nữ (con gái Lưu Định) lúc ấy đi hành hương ở nơi xa là được thoát. Nghe tin dữ, Lưu nữ vô cùng căm giận, cùng gia nhân họ Lưu kéo đến đóng ở Kinh Sơn, dựng cờ khởi nghĩa, quyết chí báo thù cho cha. Bấy giờ có chàng Tư Mã, quê ở Bắc Ninh, lên Kinh thi hội. Khi qua đất Kỳ Sơn, thấy ở một cửa hàng bán quạt có một chiếc quạt đề bài thơ hay, chàng tìm cách dò hỏi lai lịch người viết và được biết đó là con gái viên Đô đốc họ Vương.

Tư Mã bèn họa thơ, nhờ người đưa vào cho Vương tiểu thơ. Cô gái hiểu ý, cảm lòng và phục tài Tư Mã, nàng bèn sai thị nữ ước hẹn với chàng mối duyên chồng vợ. Tư Mã từ biệt ra đi, đến Kinh Sơn vào lúc xế chiều thì bị quân cướp (bộ hạ Lưu nữ tướng) đón đường, cướp hết hành trang. Đang lúc lúng túng, chàng gặp Lưu nữ (cải dạng nam trang). Thấy chàng là "đấng khác vời", Lưu nữ đem lòng yêu mến, mời vào sơn trại để tìm cách giúp đỡ. Lưu nữ mời Tư Mã ở lại sơn trại giúp mình việc quân cơ, nhưng không xong, Lưu nữ tiễn chàng lên Kinh ứng thí.

Tới Kinh, Tư Mã thi đỗ Trạng nguyên, và được phép về quê theo lệ vinh quy bái tổ. Trên đường trở lại Kinh đô, chàng rẽ qua Kinh Sơn thăm bạn, nhưng Lưu nữ đã đem đại quân kéo đi nơi khác, chỉ sai một Đại tướng cầm đầu một đại quân ở lại chờ và trao cho Tư Mã một bài thơ ngầm tỏ ý nhớ nhung, yêu đương. Nhưng Tư Mã đã không nhận ra điều đó. Sau khi tới Kinh và vào triều kiến nhà vua, Tư Mã được phong chức Ngự sử.

Đang lúc đó thì ở biên thùy, Lưu nữ tướng đã kéo binh tới đánh phá các quan ải, đi tới đâu cũng được "quân tình yêu mến, dân tình ngóng trông".

Triều đình hạ lệnh cho Đại tướng Trương Dũng đem quân đi dẹp. Nhưng Lưu nữ tướng đã định sẵn mưu kế, dụ Trương Dũng vào nơi hiểm địa mà phục binh bắt sống. Tin bại trận đưa về triều đình, nhà vua rất lo lắng, phái Khâm sai về trấn Đông, gọi viên Đô đốc họ Vương đến Kinh đô, sai đi tiễu trừ quân khởi nghĩa. Dò biết Vương Đô đốc là cha vợ tương lai của Tư Mã, Lưu nữ tướng ra lệnh lui quân trở về căn cứ địa, việc binh tạm ngừng.

Trong lúc nhàn rỗi, Lưu nữ tướng đi chơi đây đó và vẫn cải dạng nam trang. Một hôm Lưu nữ tướng gặp một tiểu thư cùng thị nữ vào lễ Phật ở một ngôi chùa, nàng chợt nảy ra ý tinh nghịch, hạ lệnh cho quân sĩ đón đường chờ lúc tiểu thư đó trở ra, bắt đem về trại. Nhưng vị tiểu thư ấy lại chính là Vương tiểu thư. Sau khi thử ý, biết rõ lòng chung thủy của nàng đối với Tư

Mã. Lưu nữ tướng đem lời an ủi, lưu nàng ở lại, hẹn sẽ tìm cách làm cho trọn vẹn lời ước hẹn của nàng với Tư Mã.

Trong lúc đó, Vương Đô đốc ở trấn thành, được tin con gái đến thăm mình bị "giặc" bắt, thì nổi lòng căm giận, đem đại binh đến đánh. Nhưng trước thế phòng ngự vô cùng vững chắc của Lưu nữ tướng, Đô đốc họ Vương không làm sao phá nổi, đành tâu rõ sự thể về triều đình. Nhà vua cảm giận, muốn ngự giá thân chinh, nhưng Tư Mã xin được đi dụ hàng trước đã.

Tư Mã đến dinh Lưu nữ tướng, cùng bạn cũ họp mặt. Sau nhiều lần hội đàm, Lưu nữ tướng bằng lòng nhận điều kiện do Tư Mã đề nghị: triều đình nộp cho nàng viên quan Xu mật để nàng trả mối thù cha. Điều kiện này được nhà vua cho thực hiện ngay. Sau đó, Lưu nữ tướng giải tán quân khởi nghĩa, đưa Vương tiểu thư đến trấn thành trả cho Vương Đô đốc, rồi cùng Tư Mã vào triều. Nhà vua tỏ lời an ủi ban khen, muốn cho nối chức cha thuở xưa, nhưng Lưu nữ tướng tâu xin về thăm quê để lập bàn thờ tế cha. Tại đây, Lưu nữ tướng đã giết viên quan Xu mật, trả xong thù cũ.

Rồi tiếp đó, nàng cùng Tư Mã đến thăm Vương Đô đốc, và nhận ông quan già này làm cha nuôi. Nàng bỏ nam trang, mặc xiêm y ra chào mọi người. Nhà vua được tin, đòi cho được cô gái họ Lưu vào triều xem mặt, rồi cho phép Tư Mã lấy cả nàng và Vương tiểu thư.

Thế là cả ba cùng sống trong cảnh thuận hòa hạnh phúc lâu dài.

*

* *

Sau đây là phần văn bản phiên âm, chú thích, khảo dị, trích theo bản A.

Đoạn đầu: Giới thiệu vị trọng thần Lưu Định. Lưu Định được phép về thăm quê. Bị tên quan nịnh thần trong tòa Xu mật tìm cách hãm hại. Cả họ nhà Lưu Định bị tru di tam tộc. Lưu Định đang bị bệnh nặng tức uất lên mà chết.

Tiết vừa cúc nhụy sen chìm [1]
Mưa ngâu rả rích, gió kim [2] lạnh lùng
Bên tường sang sảng lá đồng [3]
Tuyết in đáy biếc, sương phong ráng vàng
Ve gầy vắng tiếng cầm xoang [4]
Hành sơn nhạn liệng [5] Tương giang cá chìm [6]
Khách thơ chè quế rượu tăm,
Xem gương thanh bạch, gác rèm phong vân [7]
Thảnh thơi thay, chốn thiên tân [8]
Ủng điềm thụy ái, đượm nhuần hòa phong [9]
Vẻ càn giãi bóng Đông cung [10]
Ngợi [11] thơ Thiên bảo [12] thong dong đời bằng.

Khảo dị:

Từ câu 3 đến câu 10 Bản B không chép.

Khảo dị từ đây về sau đều căn cứ theo bản B.

Chú thích:

1. *Cúc nhụy sen chìm:* cúc bắt đầu nẩy nhụy, nở hoa và sen thì đã tàn chìm xuống đáy nước. Ý nói mùa hè hết, mùa thu bắt đầu.

2. *Gió kim:* tức gió thu.

3. *Sang sảng lá đồng:* tiếng lá ngô đồng rơi ở bên tường nghe rõ mồn một. Lá ngô đồng rụng hết là tượng trưng cho cảnh mùa thu.

4. *Cầm xoang:* cung đàn, đây chỉ tiếng ve kêu. Xoang là điệu nhạc điệu hát. Ở đây tác giả ví tiếng ve kêu như tiếng đàn.

5. *Hành Sơn:* là một trong năm dãy núi cao có tiếng ở Trung Quốc. Tương truyền hàng năm vào mùa thu, chim nhạn lánh rét phía Bắc, bay xuống dãy Hành Sơn ở miền Nam, rồi ở lại đấy, đợi đến mùa xuân mới bay trở về phương Bắc.

6. *Tương giang:* tên con sông lớn ở Hồ Nam. Mùa thu, sóng dữ, cá phải ẩn sâu xuống đáy nước.

7. Ý cả câu nói: theo tấm gương của những người sống thanh bạch xa chốn công danh quyền quý.

8. *Chốn thiên tân:* nói cảnh sắc tươi đẹp.

9. Nói về cảnh đời thái bình, chính sự tốt lành.

10. *Vẻ càn:* là tượng nhà vua. *Đông cung:* chỉ ngôi thái tử trong triều. Nghĩa cả câu: nhà vua đã có thái tử, xứng đáng nối ngôi vua sau này.

11. *Ngợi:* tiếng cổ, nghĩa là ngâm, thường nói ngâm ngợi.

12. *Thơ "Thiên bảo":* tên một chương trong "Tiểu nhã" (Kinh Thi. nội dung nói về việc cầu trời bảo hộ cho sự nghiệp của vua được mọi điều tốt đẹp và trường cửu như mặt trăng mặt trời.

Làu làu nhật nguyệt thăng hằng[1]
Đã mừng nước trị, lại mừng dân yên
Nhân khi trăng ánh thư hiên[2]
Quyển vàng[3] hứng mở, giải phiền ngâm chơi
Truyện ngoài[4] rằng có một người
Tên là Lưu Định, gồm tài võ văn
Trong triều nảy mực cầm cân,
Một tay đắp đức, muôn dân thuận tình
Quế hòe[5] nối dấu công danh
Trời sinh Lưu tướng đáng danh nữ tài
Công dung ngôn hạnh[6] vẹn mười,
Văn dung chẳng kém, võ tài chẳng thua
Gia công luyện tập sớm trưa,
Chọn tài lương đống mới đưa tin nhàn[7]
Ra vào[a] cửa Khổng làng Nhan[8]
Sớm ôn kinh sử, tối bàn đao cung
Định công lòng những mừng lòng.
Chắc rằng con phượng, cháu rồng chẳng sai
Tuy rằng là kẻ nữ tài,
Phỏng[9], ra vực nước[b] phù đời cũng nên
Mới hay vạn sự tại thiên[c]
Thời vừa giữa tiết minh niên[10] ngày lành

Khảo dị:

a. *Vẫy vùng* cửa Khổng làng Nhan.

b. *Dẹp loàn vực nước* phù đời cũng nên

c. *Nay mừng cảnh lạc thiên nhiên.*

Chú thích:

1. Ý cả câu là lời ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị vững bền.
2. *Thư hiên:* phòng đọc sách, phòng học.
3. *Quyển vàng:* do chữ hoàng quyển, chỉ sách vở nói chung.
4. *Truyện ngoài:* do chữ "ngoại truyện" chỉ những chuyện không chép trong chính sử.
5. *Quế hòe:* chỉ con nhà dòng dõi, gia thế.
6. *Công, dung, ngôn, hạnh*: chỉ 4 đức của người phụ nữ thời phong kiến.
   Công: nữ công gia chánh.
   Dung: nét mặt.
   Ngôn: nói năng.
   Hạnh: đạo đức.
7. *Tin nhàn*: tức tin nhạn, chỉ tin tức.
8. *Cửa Khổng làng Nhan*: Khổng là Khổng Tử. Nhan là Nhan Hồi, học trò giỏi của Khổng Tử. Cả câu chỉ việc học hành nói chung.
9. *Phỏng:* tiếng cổ, có nghĩa là: có lẽ, xem chừng.
10. *Minh niên:* năm mới.

Công vào lạy trước đan đình[1]
Tâu xin thám tỉnh[2] gia đình cố hương
Xin về thám tỉnh miếu đường[a]
Gửi xin đến độ thu sang ra chầu[b]
Châu phê[3] ban xuống[c] long lâu[4]
Đoạn Công vâng mệnh, khấu đầu lui ra[d]
Trở về hớn hở mặt hoa
Bách quan liêu hữu[5] nào là[e] thiếu ai?
Tiễn đưa[g] rượu cúc, trài mai.
Trường đình[6] mấy dặm đã ngoài đế đô,
Những màng ngắm cảnh giang hồ,
Nước phau phau trắng, mây mù mù xanh.
Véo von vượn hót đầu ghềnh,
Một lòng[h] nhớ chúa trăm tình xót xa.
Nửa trăng[7] về đến quê nhà,
Nghe tin, thân thích đều ra chật đường
Nội đao[i] thị lập[8] hai hàng,
Long câu[9] dừng vó[k], sảnh đường xuống yên.

Khảo dị:

a. *Kim phê ban trước điện vàng.*

b. *Phán rằng đến tiết xuân sang ra chầu.*

c. *Vâng ban ra khỏi long lâu*

d. Bản B không chép.

e. Bách quan *hội diễn đến hầu thiếu ai.*

g. *Thú vui* rượu cúc, trà mai.

h. Một *mình* nhớ chúa trăm tình xót xa.

i. *Nghiêm quân* thị lập hai hàng.

k. *Dừng long lâu, trước* sảnh đường xuống yên.

Chú thích:

1. *Đan đình:* sân trước cung điện nhà vua.

2. *Thám tỉnh:* thăm hỏi

3. *Châu phê:* chữ son của vua phê vào các văn bản.

4. *Long lâu:* lầu rồng, chỉ nơi vua ở.

5. *Liêu hữu:* bạn cùng làm quan một triều đình.

6. *Trường đình:* trên những đường lớn ở Trung Quốc xưa, cứ mười dặm người ta lập một cái quán, làm nơi nghỉ chân và tiễn biệt nhau của khách đi đường, gọi là trường đình.

7. *Nửa trăng*: nửa tháng.

8. *Nội đao:* chỉ bọn quan hầu vác gươm theo kề bên. Thị lập: đứng hầu.

9. *Long câu*: ngựa mạnh.

Công vào lạy trước linh tiền [1]
Trở ra mở tiệc đoàn viên tưng bừng
Hương lân [2] ai chẳng lại mừng,
Từ phen tát bể, phát rừng tới nay
Công rằng: "Bận việc năm mây [3]
Cho nên hương đảng [4] đợi ngày xa [(a)] khơi"
Xướng ca lừng lẫy trong ngoài,
Chén quỳnh mừng chuốc đầy vơi mấy tuần
Những màng nghĩ ngợi xa gần,
Thời vừa trời đã cuối xuân sang hè
Việc nhà việc nước hai bề,
Ngổn ngang đường nọ, nỗi kia tơi bời
Hiếu trung còn nặng hai vai,
Quân, sư, phụ [5], ước vẹn đôi ba bề
Sửa sang gia sự chỉnh tề,
Nào hay trời [(b)] đã cuối hè sang thu.
Có khi thừa hứng đường cù [6],
Kim phụng hây hẩy, lá ngô lạ đường
Định Công khí cảm nắng sương,
Cầu linh đan dược mười phương thiếu gì?
Biểu ra tâu trước đan trì
Sai quan khâm mệnh kíp về vấn ninh [7]
Thương vì trịnh trọng [(c)] triều đình,
Thương vì [(d)] tài kẻ lão thành cần vương [8]
Đại triều chính sự ngai vàng

Khảo dị:

a. Cho nên hương đảng đợi ngày *diễn* khơi.

b. Nào hay *ác* đã *gọi* hè sang thu.

c. Thương vì *lương đống* triều đình.

d. Thương *thay* tài kẻ lão thành cần vương.

Chú thích:

1. *Linh tiền:* chỉ bàn thờ gia tiên nhà Lưu Định.

2. *Hương lân:* xóm giềng.

3. *Việc năm mây:* việc nhà vua, do điển Lưu Bang lúc chưa dựng cơ đồ nhà Hán, đi đến đây cũng có năm sắc mây che ở trên đầu.

4. *Hương đảng:* những người cùng trong một làng.

5. *Quân, sư, phụ:* vua, thầy học, cha.

6. *Đường cù*: đường ngang ngõ dọc, đây chỉ đường cái nói chung.

7. *Vấn ninh:* hỏi thăm sức khỏe

8. *Cần vương*: tận lực lo việc nhà vua.

Phán cùng văn võ tỏ tường thủy chung
Lạ gì kẻ nịnh, người trung [a],
Tuy rằng cùng mặt nhưng lòng hiểm sâu
Thôi triều Xu mật quì tâu:
"Xem ý lão tướng thấy âu biến dời [b]
Rắp lòng tiếm đoạt ngôi trời [c]
Thiên Linh vạn đã dành nơi quê nhà
Vậy nên cáo bệnh chẳng ra,
Ngu thần một tấu ngự qua xét tình.
Thiên uy nổi trận lôi đình,
Phán rằng: "Đố quốc [1] quyết tình chẳng tha"
Lại sai lệnh tiễn [2] truyền ra,
Ngự triều nghị việc [d] Quốc gia thế nào.
Tả văn hữu võ [e] cùng vào
Ngự triều mới phán tiêu hao [3] mọi lời:
"Đã hay vương mệnh ở trời,
Bất trung chẳng để những người tà gian.
Bây giờ đông mặt bách quan,
Truyền cho [g] văn võ luận bàn làm sao.
Định Công chức trọng quyền cao,
Phản quân tội ấy lẽ nào còn oan?"
Trong triều ai dám luận bàn?
Có quan Đô đốc Nội hàn [4] quỳ tâu:
"Xem lòng lão tướng bấy lâu,
Phù đời giúp nước, dễ hầu có hai?
Một tay sửa việc trong ngoài,

Khảo dị:

a. Lạ gì *nịnh vẫn ghét* trung.

b. Xem *lòng Lưu Định* thấy âu biến dời.

c. Rắp *toan mây chắn gương* trời.

d. *Bày* triều nghị việc Quốc gia thế nào.

e. *Bách quan văn* võ đều vào.

g. *Phó* cho văn võ luận bàn làm sao.

Chú thích:

1. *Đố quốc:* con mọt của Quốc gia, nghĩa rộng: kẻ làm hại nước.

2. *Lệnh tiễn*: cái cờ, giữa có đề chữ lệnh, trên có cắm cái tên, dùng để truyền đạt, sai phái mệnh lệnh.

3. *Tiêu hao:* tin tức, ở đây có nghĩa là ngành ngọn, trước sau mọi lẽ.

4. *Quan Đô đốc Nội hàn*: viên quan đứng đầu Viện Hàn lâm.

Kẻ yêu, người ghét đặt bài vông vu [1]
Hạ thần tài thiển trí ngu [2]
Cao minh lượng thánh xét cho hạ thần".
Trách lòng Xu mật vô nhân [3]
Chẳng xong đố quốc, lại phần hại dân.
Bách quan ai dám xử phân?
Quân vô minh [4] để trung thần chịu oan.
Lệnh truyền phó xuống võ ban,
Tru di tam tộc [a] Lưu quan tức thì
Vâng sai chiếu chỉ thiên uy
Chiêng khua, trống gióng ruổi về Kinh Châu
...

Lưu nữ tướng kéo quân đi đánh phá các quan ải. Triều đình ra lệnh cho Đại tướng Trương Dũng đem quân đi dẹp. Nhưng Lưu nữ tướng đã định sẵn mưu kế, dụ Trương Dũng vào nơi hiểm địa mà phục kích bắt sống.

...
Trí cơ chẳng khác nào ngơi,
Biên cương phút đã dậy hơi phong trần.
Trấn quan khôn lẽ xử phân
Biểu về cáo cấp tấu văn thượng đài [5]
Rằng: bên Hà Bắc cõi ngoài,
"Cờ xưng khởi nghĩa, chữ bày tướng quân.
Đến đâu bố đức thi ân,
Tản tài dụ chúng [6], lấy nhân chiêu hiền [7]
Binh tinh, lương túc [8] vẹn truyền,
Mở mang đã tiến tới miền bình dân
Xin sai chiếu tướng ra quân

Khảo dị:

a. *Nghiêm hình bất tội* Lưu quan tức thì.

Chú thích:

1. *Vông vu:* hoặc vọng vu: nói khống điều xấu cho người khác để tìm cách hãm hại.
2. *Tài thiển trí ngu*: tài kém trí dần, đây là câu nói nhún.
3. *Vô nhân*: Cũng có nghĩa như bất nhân.
4. *Quân vô minh*: vua không sáng suốt.
5. *Thượng đài*: đệ trình lên trên, chỉ việc tây bày lên nhà vua.
6. *Tản tài dụ chúng*: bỏ tiền ra mua lấy lòng dân.
7. *Lấy nhân chiêu hiền*: dùng chân chính mà thu lấy kẻ tài giỏi.
8. *Binh tinh, lương túc*: quân mạnh, lương đủ.

Thế cô khôn địch yêu quân[1] gian hùng
Dám xin thách đức cao thông
Xét soi ngu thiển, muôn trông chuẩn tình!"
Thiên uy[2] nổi giận lôi đình[3]
Phán rằng: "Thử tiết[4] sao khinh lưới trời"[5]
Vội truyền kén tướng chọn tài .
Sai Trương Công kíp[a] chỉ vời tiến công
Thiện uy biến sắc non sông
Dẫu tài cất vạc[6] xem không kể gì!
Đến nơi, đồn lũy tức thì,
Báo[b] cùng Lưu tướng định kỳ giao công[7]
Nghe tin bên giặc tuyển[c] phong,[8]
Sai cờ đằng[d] báo[9] ngựa lồng về thân[10]
Thấy lời, Lưu tướng băn khoăn,
Than rằng: "Trung nghĩa quỉ thần đã hay!
Ví dù lòng chẳng có ngay,
Thời sơn hà ấy trở tay còn gì
Tấm lòng nguyện có thiên tri[e][11]
Ngay thì ai biết, luật thì phải gian".
Một mình thôi nghĩ lại bàn,
Ngồi[g] trong quân nhẫn[12] trăng tàn, đèn khêu

Khảo dị:

a. *Hùng binh vạn đội* chỉ vời tiến công.
b. Ráp cùng Lưu tướng *hẹn* kỳ giao công.
c. Nghe tin bên giặc *tiên* phong.
d. Sai cờ *kíp* báo ngựa lồng về thân.
e. *Bây giờ thế đã nhiêm my.*
g. *Tướng* trong quân nhẫn trăng tàn đèn khêu.

Chú thích:

1. *Yêu quân:* thế lực bọn yêu nghiệt.
2. *Thiên uy:* oai trời, oai vua.
3. *Trận lôi đình*: trận sấm sét, cơn giận dữ.
4. *Thử tiết:* bọn trộm cướp nhỏ mọn như lũ chuột.
5. *Lưới trời:* pháp luật nhà nước.
6. *Tài cất vạc*: cũng như tài cử đỉnh, chỉ người có sức mạnh vô địch.
7. *Giao công:* đánh nhau.
8. *Tuyển phong*: cho đội quân mạnh làm mũi nhọn tiến công.
9. *Sai cờ đằng báo*: sai quân cầm cờ lệnh cấp tốc về báo.
10. *Thân*: bẩy tỏ, thưa trình.
11. *Thiên tri:* trời biết.
12. *Nhẫn:* tiếng cổ, có nghĩa là cho đến khi.

"Đời xưa những đấng anh hào,
Hiếu trung cũng chẳng phép nào vẹn hai.
Mấy thu nếm mật nằm gai,[1]
Thề lòng trả được giận dài[2] mới yên.
Trượng phu xử sự kinh quyền[3]
Nghĩ đâu những tiếng[(a)] chê khen nhùng nhằng"
Quyết rồi, ra lệnh tưng bừng[(b)],
Truyền chư tướng sĩ đến chưng phủ đường
Vâng vào thị lập đôi hàng,
Lưu Công trượng kiếm, đăng đàn, xuất sư[4]
Rằng: "Ta từ thuở khai cờ,
Giơ gươm núi lở[(c)], quyết trừ yêu hung
Khôn tam một tiết cúc cung[5]
Chẳng lòng vạn thặng chẳng lòng vi quân[(d)][6]
Trời nhầm[(e)] thương hảo tâm nhân
Phen này ta quyết trả ân thù nhà
Giúp nhau chưng thuở can qua[7]
Nghìn xuân, công ấy sơn hà để ghi
Tới sau gặp hội khả vi[8]

Khảo dị:

a. *Tai đâu giữ tiếng* chê khen *chẳng cùng.*

b. Quyết rồi ra lệnh *tiên phong.*

c. Giơ gươm *thích huyết* quyết trừ yêu hung.

d. Chẳng lòng vạn thặng chẳng lòng *công* quân.

e. Trời *dù* thương hảo tâm nhân

Chú thích:

1. *Nếm mật nằm gai:* chỉ sự nung nấu chí căm thù. Do điển cũ: Thời Xuân Thu, nước Việt bị nước Ngô diệt, Câu Tiễn là vua nước Việt nung nấu chí căm thù với vua Ngô là Phù Sai, ban ngày thường nếm mật đắng, ban đêm thường nằm trên gai nhọn, cố ý sống trong tình trạng *ăn không ngon, ngủ không yên* để luôn luôn nhắc nhở mình tìm cách báo thù cho nước Việt.

2. *Giận dài:* mối thù sâu sắc lâu dài, dịch chữ "trường hận" trong tiếng Hán.

3. *Kinh quyền*: đạo lý thường tình và sự linh hoạt khác thường.

4. Cả câu ý nói: Lưu Công mang gươm lên đàn xuất quân.

5. *Khôn tam:* hào thứ ba của quẻ khôn (Kinh Dịch), chỉ sự phục tùng. Cúc cung: cúi mình làm lễ, tỏ lòng trung thành.

6. *Vạn thặng:* muôn cỗ xe, nghĩa rộng chỉ nhà vua. Chẳng lòng vạn thặng, có nghĩa là: chẳng có lòng muốn làm vua. Vi quân: làm vua.

7. *Thuở can qua*: thời chiến tranh.

8. *Hội khả vi:* cơ hội tuận tiện có thể làm nên sự nghiệp.

Lời này mà có chẳng y, đã trời[1]!"
Nghe lời tướng sĩ ngùi ngùi
Rằng: "Ơn đại đức một hai chửa đền,
Niềm trung canh cánh không yên,
Hiểm nghèo dám ngại, cung tên chí thường?
Tướng quân chí đại, uy cường
Dám xin quả quyết, chớ dường hồ nghi!"
Mấy lời ước thúc đã y,
Mới truyền hiệu lệnh tinh kỳ[2] nghiêm minh
Ngày sau, muôn đội hùng binh,
Tiến sang Đông quận, trú dinh hội đồng
Vội truyền kén tướng tiên phong,
Tên là Cảnh Nhạc, anh hùng đảm đang
Binh nhung bài bố[a] sẵn sàng,
Phù kiều[3] sớm đã bắc sang đại hà
Bài binh, bố trận đi ra[b]
Thế dường chẻ trúc ai là chẳng kinh?
Kể dư mười vạn tinh binh,
Nín nghe điều đạo[4] tiến hành nghiêm trang
Đồn binh cách một dặm trường,
Sai công mã dịch[5] tin sang triều đình
Con thăm[6] ruổi đến trấn thành
Dưới cờ đại tướng rành rành gửi qua,
Rằng: "Bên giặc đã quá hà
Hiệu xưng mười vạn, quân đà giáp quân[7]

Khảo dị:

a. *Bố binh bài trận sẵn sàng.*

b. Đến *đâu truyền cắt uy ra.*

Chú thích:

1. *Đã trời:* đã có đèn trời soi xét. Ý cả câu nói: nếu lời này mà chẳng giữ đúng thì đã có trời xét xử.

2. *Tinh kỳ:* chỉ chung các thứ cờ.

3. *Phù kiều:* cầu phao, cầu nổi bắc qua sông.

4. *Nín nghe điều đạo:* nín lặng mà nghe sự điều khiển của cấp chỉ huy, chỉ sự phục tùng tuyệt đối của quân đội.

5. *Mã dịch:* quân coi việc phu trạm, đưa tin tức, công văn bằng ngựa trạm.

6. *Con thăm:* dịch chữ "thám tử": đây là quân của triều đình phái đi dò thăm tình hình đối phương.

7. *Giáp quan:* đến sát cửa quan.

“Đồn làm trên núi Thạch Lan
Ngày xem trận pháp, dậy ran góc trời”.
Trương Công nghe nói cả cười,
Rằng: “Tan giặc ấy như chơi, khó gì?
Nhớ trong hồng phúc thiên uy,
Lấy đầu Lưu tướng xem thì dễ không!”
Vội vàng sắm sửa binh nhung,
Tiền chi Trương Dũng tiên phong đại kỳ.
Ba quân chỉ ngọn cờ tuy,
Tiến sang tặc cảnh[1], tức thì giao công.
Hai bên giáp trận vừa xong.
Súng ầm ầm nổ, ngựa giong ruổi vào.
Tên như mưa, đạn như sao,
Dư hai mươi trận, ai nào được ai?
Chiêng vàng[2] đã gác non đoài
Trống thu quân mới về nơi đất mình
Tuần dư án giáp, lưu binh[3]
Sai người mật thám tặc tình làm sao.
Vâng tra, về gửi thấp cao,
Rằng: “Lưu tặc đa tẩu ngoài hôm qua”
Trương Công rằng: “Thực hay nha[a][4]
Thám cho tường tận, kẻo sa chước hèn”.
Lại sai thám mã ruổi lên,
Quả nhiên về gửi trướng tiền ngõ thông[b][5]
Tướng công nghe nói mừng lòng[c],

Khảo dị:

a. *Tướng quân* rằng thực hay *mà*.

b. *Đều về thân đã quả nhiên chẳng vòng.*

c. *Trương* Công nghe nói *tin* lòng

Chú thích:

1. *Tặc cảnh:* địa phận của giặc.
2. *Chiêng vàng:* chỉ mặt trời.
3. *Cả câu ý nói:* cả hai đều đóng quân nghỉ ngơi.
4. *Hay nha:* phải chăng.
5. *Ngõ thông:* ngõ hầu hay biết.

Chiến tâm[1] cũng chẳng quan phòng như xưa[2]
Cậy rằng thế thắng, mưu thừa,
Nào e đường hiểm, nào ngờ chước cao?
Truyền binh thu xếp dòng dao[3]
Đem trăm khinh kỵ[4] ruổi vào yên dân
Trông sang tặc cảnh gần gần
Ngắm xem phong cảnh nhiều phân hữu tình
Thừa hư[5] pha đánh địa hình,[a]
Tiến vào xem giặc đồn binh thế nào.
Bốn bề bát ngát non cao,
Quân phòng nghiêm mật, lũy hào hiểm sâu.
Truyền quân tiểu nã[6] trước sau[b]
Binh tình[7][c] nào thấy ai đâu một người?
Trương Công lên ngựa cả cười,
"Tiếc cho rằng đã cơ ngơi dường này!
Ví dù cứ hiểm đóng đây,[8]
Nghìn quân, muôn ngựa khôn hay lẽ nào
Thế mà thích chí lung lao
Chẳng hay cờ thấp, cuộc cao nỗi gì."
Truyền ra hỏa hiệu tức thì,[9]
Lửa binh choi chói, gió uy[d] đùng đùng.
Hỏa phong[10] ngất đỉnh sơn phong[11]
Vừng hồng đã xế, lửa hồng chưa lên.

Khảo dị:

a. Thừa hư *phi lâm địa* hình
b. Truyền quân *tầm* nã trước sau.
c. *Vắng không* nào thấy ai đâu một người.
d. Lửa binh choi chói, gió *lay* đùng đùng.

Chú thích:

1. *Chiến tâm:* ý chí chiến đấu.
2. *Quan phòng:* đề phòng.
3. *Dòng dao:* chỉ chung các thứ binh khí.
4. *Khinh kỵ:* đội quân cưỡi ngựa tốt, trang bị nhẹ để di chuyển được nhanh chóng.
5. *Thừa hư:* nhân lúc đối phương không ngờ tới.
6. *Tiểu nã:* bắt lấy mà trừ đi.
7. *Binh tình:* tình hình quân sự.
8. *Cứ hiểm:* đóng chốt ở nơi hiểm trở.
9. *Hỏa hiệu:* hiệu lệnh truyền đi bằng cách đốt lửa.
10. *Hỏa phong:* nơi đặt trạm đốt lửa để báo tin có giặc, thường gọi phong hỏa đài.
11. *Sơn phong:* đỉnh núi.

Bỗng nghe reo động vang tai,
Bên trong sơn cước chuyển dời pháp tên
Đường đường một tướng đương tiên [1]
Kim đao, ngân giáp [2] thét lên mắng [(a)] rằng:
"Tiền chi Trương Dũng phải chăng?
Thế thời bên trí sao bằng bên ngu
Còn nhiều hào kiệt trượng phu,
Hẳn thua ru, hẳn được ru, vội cười?
Nghĩ rằng [(b)] thương nát [3] dân trời [4]
Vậy nên tuyệt vực, lánh lời sàm ngôn [5]
Thấy người cậy mạnh tranh khôn,
Ra tay cho biết, kẻo còn khoe khoang!"
Trương rằng: "Lộc nặng, ơn sang,
Trung thần phó đạo hỏa thang [6] là thường
Mai già chẳng ngại tuyết sương,
Có gian hùng mới tỏ gương anh hùng.
Cần vương vốn đã tạc lòng,
Nguy nan là phận, cát hung ngại nào?"
Thốt [7] rồi phi mã, huy đao [8]
Đem trăm khinh kỵ, cùng vào giao công
Khá khen chí khí Trương Công
Thế cô mà tấm cô trung càng bền [9]
Một mình xung đột trận tiền,
Tặc binh tứ diện kíp liền tiến ra [(c)]

Khảo dị:

a. Kim đao, ngân giáp thét lên *hỏi* rằng.

b. *Oan là* thương nát dân trời.

c. Tặc binh tứ diện *kín kìn kéo* ra.

Chú thích:

1. *Đương tiên*: hiện đứng ở phía trước.

2. *Kim đao, ngân giáp:* đai vàng giáp bạc.

3. *Thương nát:* làm cho thương vong tan nát.

4. *Dân trời*: cũng như dân chúng (đây ngụ ý cho rằng dân chúng nhờ lòng hiếu sinh của trời đất mà sống được..

5. *Sàm ngôn:* Lời nói gièm, nói xấu làm mất giá trị người khác.

6. *Phó đạo hỏa thang:* dày đạp lên nước sôi lửa bỏng, chỉ sự coi kinh nguy hiểm.

7. *Thốt:* tiếng cổ, nghĩa là nói.

8. *Phi mã, huy đao:* phi ngựa, vung đao.

9. *Tấm cô trung:* lòng trung thực không được ai hiểu đến, chỉ một mình mình biết.

Gươm binh [a] bắt được bấy giờ,
Bèn đem giải nạp dưới cờ trung quân,
Khải hoàn ca ngợi vang lừng,
Tiến sang Đông quận gửi thân [1] được tường.
Hàn âm [b][2] ruổi đến trấn đường
Nghe tin, Lưu tướng vội vàng xuất nghênh.
Ba quân lừng lẫy hoan thanh [3]
Gửi vào bái tạ, thỏa tình chúa tôi.

...

Lưu nữ tướng đi chơi chùa, gặp một tiểu thư xinh đẹp, bèn hạ lệnh cho quân sĩ đón đường bắt đem về trại. Vị tiểu thư ấy lại chính là Vương tiểu thư.

Thôi xanh vàng, lại biếc xanh,
Thuyền hồng bày đội, tiếng sênh đòi ngàn [4]
Gió đưa nhẹ mái thuyền lan, [5]
Điệu xoang lưu thủy, cung đàn cao sơn [6]
Cảnh màu dễ chạnh niềm đơn [7]
Chốn say rượu thánh, nơi ran câu thần
Một chiều nhác thấy mái gần,
Trông chiền [8] phong cảnh tuyệt trần không hai.
Bèn vào đề cảnh một bài [c]
Bóng nghiêng, lòng hãy đeo đai cửa Già [9]

Khảo dị:

a. Từ câu 720-721 ở bản B chép dôi thêm hai câu:

Gươm giơ máu chảy sáng lòa,
Ngựa Trương tướng bỗng xăm sa chẳng ngờ.

b. *Kiệu* âm ruổi *tới phủ* đường.

c. *Những màng vịnh tuyết đề mai.*

Chú thích:

1. *Gửi thân:* thân là bày tỏ: gửi thân là gửi trình cho rõ sự việc.
2. *Hàn âm:* tiếng gà gáy vào buổi tối.
3. *Hoan thanh:* tiếng reo mừng.
4. *Tiếng sênh đòi ngàn*: tiếng sáo vang ở hai bên bờ sông.
5. *Thuyền lan:* thuyền làm bằng gỗ mộc lan; có khi chỉ là cách nói cho đẹp.
6. Cả câu nói về việc Lưu nữ tướng cùng bộ hạ dạo chơi non nước, bày cuộc gảy đàn làm vui (*Lưu thủy, cao sơn*: chỉ khúc đàn tri âm tri kỷ, người gảy và người nghe cùng đồng cảm).
7. *Cảnh màu:* tiếng cổ, nghĩa là cảnh đẹp.
   Dễ chạnh niềm đơn: dễ động lòng.
8. *Chiền:* chùa (tiếng cổ) .
9. *Cửa Già:* cửa chùa, (do chữ Già lam là chùa).

Nhựa thông [a] quyện bạc áo là
Ve đàn ánh ỏi, dế ca vang lừng.
Lân la đường hạnh [1] ước chừng.
Trong chiều nhác thấy tiểu trăng một người.
Tuổi xuân phỏng độ hai mươi,
Áo phô bách nạp [2] miệng cười Thích Ca [3]
Trên tay nâng chén thanh trà [4]
Gửi rằng: "Phong vị thiền gia toan nhàn [5]
Gọi là biểu [6] tấm lòng đan,
Nam vô công đức quý quan nhậm tình [7]
Công rằng: "Cảnh vắng, am thanh,
Rau non [8], nước suối, tu hành có chi [b]
Anh hùng đến cảnh từ bi,
Mảnh vui cõi phúc, quên về đường danh.
Tiểu vào bạch án chân kinh [9]
Rằng đà đa tạ thịnh tình ấy thay [c]!
Bạch kim [10] một nén trao ngay,
Đệ hầu hòa thượng, lễ thay tấm lòng [d]"
Tiểu rằng: "Phúc đẳng vô cùng [11]"
Nghiêng mình từ tạ tướng công trở vào.

Khảo dị:

a. *Đinh* thông *cuốn bạt* áo là.

b. Rau non nước suối, *thiền khuynh* có gì.

c. Rằng đà đa tạ *sữa* tình *trọng* thay.

d. Đệ hầu hòa thượng lễ *nay lấy* lòng.

Chú thích:

1. *Đường hạnh:* đường trồng cây hạnh, tức cây mận.

2. *Áo bách nạp:* một loại áo của nhà sư may bằng nhiều mảnh vải chắp lại.

3. *Miệng cười Thích Ca*: miệng cười hiền dịu như nụ cười của Phật Thích Ca.

4. *Thanh trà:* nước chè trong trẻo.

5. *Toan hàn*: chua và lạnh; chỉ cách sống đạm bạc, khổ hạnh của nhà chùa.

6. *Biểu:* biểu lộ, bày tỏ.

7. *Nhậm tình:* nhận lấy sự thành thật.

8. Rau rừng nói chung.

Rau non: rau ở chốn núi non, chỉ các loại.

9. *Bạch án chân kinh: Bạch án*: nói trước bàn đọc sách. *Chân kinh*: những kinh sách thực thụ, chân truyền của Phật giáo, nhưng ở đây là tiếng chỉ vị sư trụ trì ở chùa này.

10. *Bạch kim:* bạc trắng.

11. *Phúc đẳng vô cùng*: hoặc phúc đẳng hà sa, là tiếng nhà chùa cầu Phật ban phúc lành vô biên cho tín đồ.

Chiêng vàng đã gác non cao,
Dưới thông, trà hãy ngạt ngào hinh hương [1]
Bỗng đâu hẩy trận Đằng vương [2]
Thày lay [3] sớm đã tỏ gương Tần đài [4]
Xa trông sực sực đường mai, [5]
Theo hầu sau trước, phỏng [(a)] vài ba mươi
Dặm hoa lừng lẫy hương trời [6]
Phút giây, kiệu đã đến nơi cửa thiền
Nghĩ rằng hẳn khách quý quyền,
Chàng lui gót ngọc sang bên Tây đường [7]
Kiệu dừng, hé bức [(b)] rèm sương [8]
Khác nào non thúy [9] rạng gương Quảng Hàn [10]
Gót hài khoan bước thềm lan [11]
Mỹ miều tiên tử chơi ngàn Bồng Lai [12]
Khách kiều [13] xót liễu, thẹn mai [14]
Chiều thanh, vẻ liệt châu trai [15] vẹn tuyền.
Dâng hương, lạy trước Phật tiền,
Ám kỳ mấy nỗi cần quyền niệm đan [16]

Khảo dị:

a. Theo hầu sau *kiệu* phỏng vài ba mươi.

b. Kiệu dừng *chợt thác* rèm sương.

Chú thích:

1. *Hinh hương:* hương thơm.

2. *Hẩy trận Đằng vương:* thành ngữ tiếng Hán chỉ dịp may đưa lại.

3. *Thày lay*: tiếng cổ, nghĩa là can thiệp, dính dáng đến việc người khác không liên quan đến mình.

4. *Tỏ gương Tần đài:* ý nói hiểu rõ lòng trong trắng của con gái viên Đô đốc quận Đông.

5. *Sực sực:* chỉ sự xuất hiện đột ngột.

6. *Hương trời:* dịch chữ "Thiên hương" chỉ người con gái tuyệt sắc.

7. *Tây đường:* nhà phía Tây.

8. *Rèm sương:* rèm che sương gió.

9. *Non thúy:* non xanh.

10. *Quảng Hàn*: chỉ mặt trăng.

11. *Thềm lan:* thềm nhà có trồng hoa lan, hoặc cũng có khi chỉ là cách nói cho đẹp lời.

12. Ý cả câu nói cô gái đẹp mỹ miều như nàng tiên dạo chơi ở núi Bồng Lai.

13. *Khách kiều:* chỉ cô gái đẹp có dáng dấp yêu kiều.

14. *Xót liễu thẹn mai:* ý nói trước vẻ đẹp của cô gái, khiến cho cây mai cây liễu là loài thảo mộc mà dường như cũng tủi thẹn xót xa.

15. *Châu trai:* ngọc trai. Ý nói vẻ đẹp "vẹn tuyền", hoàn bích như ngọc không có vết.

16. Ý cả câu nói cô gái chú ý đem tấm lòng thành gửi vào trong lời cầu nguyện sâu kín (ám kỳ).

Từ nhan ánh sắc hoa nhan [1]
Lạ con mắt thế trần gian biết nào?
Chàng từ thấy giá thanh cao,
Rắp toan sửa mũ dưới đào [2] thử chơi
Lại e người lại lạ người,
Giở chiều đường đột ngại lời thớt thăng
Ví bằng có có, chăng chăng,
Nữa công vốc nước xem trăng, ai đền.
Nghĩ rồi trở ngựa, xuống thuyền,
Đòi người tâm phúc mật truyền sự cơ
Bên màn lĩnh mệnh bấy giờ
Ngàn hoa ám hiệu đợi chờ chúa xuân. [3]
Ác vừa giại [4] mái tây lan [5]
Tiểu thư kiệu mới dời chân cõi Già
Liễu dinh [6] cách mấy trùng xa
Thần hôn [7] giờ khắc những là tưởng trông
Vẳng nghe gác gióng tiếng chuông,
Lạ lùng đường khách [(a)], ngại ngùng tha hương
Áo là đẫm giọt hơi sương, [(b)]
Trường Canh đã điểm [8] dặm đường còn xa
Đèn ngư thấp thoáng vũng hoa [9]

Khảo dị:

a. Lạ lùng *lữ* khách, ngại ngùng tha hương.

b. Áo là *sương đẫm mùi hương.*

Chú thích:

1. *Từ nhan*: vẻ mặt từ bi của Phật; *Hoa nhan:* mặt đẹp như hoa.

2. *Sửa mũ dưới đào*: do thành ngữ: "Lý hạ bất chỉnh quan" (dưới cây mận không sửa lại mũ), chỉ việc làm dễ gây sự nghi ngờ, như đi dưới cây mận mà sửa mũ thì dễ bị ngờ là hái trộm mận.

3. *Chúa xuân:* ở đây chỉ cô gái đẹp tuyệt trần như chúa xuân làm chủ các loài hoa.

4. *Giại*: tiếng cổ, nghĩa là chiếu xiên xuống.

5. *Tây lan:* nhà bên cạnh ở phía Tây. Ý cả câu nói mặt trời đã xế bóng về mé Tây.

6. *Liễu dinh*: chỉ dinh trại viên đô đốc quận công, cha của cô gái.

7. *Thần hôn:* (nói tắt thành ngữ "hôn định như thần tỉnh" (tối thăm sớm hỏi) chỉ bổn phận của người con hầu hạ cha mẹ, buổi tối phải trông nom cho cha mẹ yên giấc ngủ, buổi sớm phải thăm hỏi xem cha mẹ có mạnh khỏe không ...).

8. *Trường Canh đã điểm*: Trường Canh cũng gọi là Thái Bạch hay Kim Tinh, là tên của sao Hôm, mọc vào buổi tối. Cả câu ý nói đêm đã xuống nên sao Hôm đã hiện thành điểm sáng trên bầu trời.

9. *Đèn ngư:* ánh đèn của thuyền chài, thuyền đánh cá. *Vũng hoa:* mặt nước, mặt sông, đây là cách nói cho đẹp.

Kiệu phu còn [a] hãy lân la khách trình [1]
Những là giong ruổi dặm xanh, [b]
Bỗng đâu [c] bình thủy [2] nổi nên khéo là
Bên đường tiểu lộ vừa qua,
Quân đâu mai phục tiến ra ngăn đường.
Trong cơ thảng thốt, kinh hoàng,
Khác gì Ngụy Tổ lầm đường [d] Hoa Dung [3]
Tiểu thư khi ấy kế cùng,
Than rằng: "Trời đất phụ lòng thảo ngay!
Thần hôn muôn dặm bấy nay,
Chỉ, cam [4] ước vẹn, nước mây xá nài
Bỗng đâu gặp bước chông gai,
Non cao nước thẳm nào ai biết gì?"
Phục binh thừa thế ra uy,
Đánh tan quân kiệu, cướp đi phương nào.
Thế cô hầu biết làm sao? [e]
Nghĩ rằng giếng cạn, lầu cao [5] đã đành.
Tặc binh đoạt lộ thượng trình [g] [6]

Khảo dị:

a. *Tiểu thư kiệu* hãy lân la khách trình.

b. *Những màng tính dặm biếc* xanh.

c. Bỗng *duyên* bình thủy nổi nên khéo là.

d. Khác gì *Tào Mạnh tẩu* đường Hoa Dung.

Hai câu 999 và 1000 bản B không chép. Trường hợp này có thể do bản in khắc thiếu.

e. Thế cô hầu *dễ biết bao.*

g. *Phục* binh *đề thứ kê hành.*

Chú thích:

1. *Khách trình:* đường đi nơi xa lạ, nơi đất khách.

2. *Bình thủy:* bèo nước.

3. *Ngụy Tổ:* chỉ Tào Tháo, là vua Thái Tổ nhà Ngụy thời Tam Quốc, sau khi thua trận Xích Bích, Tháo bỏ chạy về phía Bắc vì sợ phục binh, phải bỏ đường lớn, chạy theo đường hẻm, nhưng khi tới Hoa Dung thì bị Quan Vân Trường vâng lệnh Khổng Minh đón bắt.

4. *Chỉ cam:* chỉ và cam là vị ngon ngọt, tức là nói bổn phận làm con phải chăm sóc nuôi nấng cha mẹ. Ở đây, cô gái muốn nói là ước sao được tới chỗ cha (Vương Đô đốc) đóng quân để hầu hạ, săn sóc cha.

5. *Giếng cạn lầu cao:* chỉ sự tự tử để cho tròn danh tiết. Do các điển cũ: Đời Đường, vợ Trần Trọng giữa đường gặp giặc, không chịu khuất phục nhảy xuống giếng cạn tự tử. Đời Tấn, Thạch Sùng có người thiếp yêu là Lục Châu, bị Tôn Tú là quyền thần đòi Sùng dâng nàng cho mình, nàng Lục Châu không chịu nhục, đã nhảy từ lầu cao xuống đất tự tử.

6. *Đoạt lộ thượng trình:* cướp đường để tiến lên.

Hàm mai [1] chút chẳng dám trình kiêu lung [2]
Xa nghe tiếng nhạc thẳng giong,
Đuốc hoa trăm ngọn ánh hồng giang tân [3]
Bên đường, xuống ngựa gửi thân [4]
Rằng: "Vâng mệnh rước quý nhân xuống thuyền".
Tiểu thư nghe nói thêm phiền,
Song khi xử biến, tòng quyền [(a)] biết sao
"Trong cơ dù phản lẽ nào [(b)] [5]
Bấy giờ ta sẽ quyết cao chí hồng [6]"
Còn đương nghĩ ngợi chửa xong,
Phút giây đã đến bên sông bao giờ.
Lênh lang mặt nước như tờ,
Dưới thuyền nhất tự [7], trên cờ thất tinh [8]
Chân lồng đáy bạc [(c)] long lanh
Gương hằng ánh sắc biếc xanh làu làu
Lạc hà, cô lộ [9] một màu
Khen ai khéo vẽ nên bầu hồ thiên [10]
Tứ bàng tuyệt tích thôn yên [11]
Tới lui hai lẽ rộn bên tấc lòng
Tai nghe thánh thót giọt đồng,

Khảo dị:

a. Song khi *cơ* biến *dùng* quyền biết sao.

b. Trong cơ dù *có* lẽ nào.

c. Chân lồng đáy *nước* long lanh.

Chú thích:

1. *Hàm mai:* Ngậm tăm ở miệng để không nói một lời. Đó là cách giữ yên lặng, bí mật tuyệt đối trong khi hành quân thuở xưa.

2. Ý cả câu muốn nói kỷ luật tuyệt đối nghiêm nhặt trong quân đội của Lưu nữ tướng.

3. *Giang tân:* bến sông.

4. *Gửi thân:* gửi trình cho rõ, thưa trình bày tỏ rõ sự việc.

5. Ý cả câu: để xem công việc xoay chuyển (phản) ra như thế nào.

6. *Chí hồng*: chí khí cao.

7. *Thuyền nhất tự:* thuyền san sát dàn ra như chữ nhất.

8. *Cờ thất tinh:* cờ thêu hình sao Bắc Đẩu.

9. *Lạc hà, cô lộ:* ráng chiều hôm, và con cò lẻ loi cô đơn, mượn ý từ một câu tả cảnh thu trong Hán văn: "Lạc hà dữ cô lộ tề phi, thủ thủy cộng trường thiên nhất sắc" (Ráng chiều với cò lẻ cùng bay, nước thu và trời xanh bao la một màu).

10. *Bầu hồ thiên:* chỉ bầu trời đẹp như cảnh tiên huyền ảo.

11. Ý cả câu nói: khắp bốn bề, tuyệt không có dấu vết khói lửa của làng xóm, cảnh hoàn toàn hoang vắng.

Lầu canh thoắt đã điểm chừng [a] sang hai
Tin xuân gửi trước kiệu mai
Rằng: "Xin gót ngọc xuống chơi thuyền hồng".
Tiểu thư nghe nói [b] chạnh lòng,
Lạ lùng đường khách, ngại ngùng bước hoa
Đến nơi, [c] thanh sứ [1] gửi qua,
Tiểu chu [2] mới dạy để ra rước nàng.
Sự tình khôn lẽ dở dang,
Rầu rầu kim sắc, hải đường chẳng tươi.
Thuyền lan gác mái tới nơi,
Vẳng nghe tiếng ngọc dạy mời vào trong.
Thác rèm [3] tỏ dạng tướng công [4]
Sắc dường mũ ngọc [5], tuổi vòng gia quan [6]
Thanh tân lạ vẻ trần gian,
Anh hùng so gấp hồng nhan mấy trùng
Phân ngôi tân chủ tây đông [7]
Lễ rồi tương kiến thong dong đều ngồi
Hoa đường lừng lẫy tiệc mồi [8]
Trà thôi, Công mới khúc nhôi gan tường:

Khảo dị:

a. Lầu *xanh giọt* đã *thẻ đồng sanh* hai.

b. *Nghe lời sứ* nói chạnh lòng.

c. Đến *gần* thanh sứ gửi qua.

Từ câu 1030-1031 bản B chép dôi thêm hai câu

Tiểu thư luống rộn trăm đường
Đoàn loan lừa chất, gan vàng tơ vương

Chú thích:

1. *Thanh sứ:* chỉ người mối lái.

2. *Tiểu chu:* chiếc thuyền nhỏ.

3. *Thác rèm:* Cuốn rèm.

4. *Tỏ dạng tướng công*: lộ rõ vẻ người, trông đường bệ như một vị tướng công quyền quý.

5. *Mũ ngọc:* do chữ "ngọc quan", (*Hán thư* chép rằng Trần Bình mặt như mũ ngọc), ý nói mặt rất đẹp.

6. *Gia quan*: lễ đội mũ. Thuở xưa, con trai nhà quyền quý cứ đến 19 tuổi thì làm lễ gia quan để chứng tỏ đã bước vào tuổi trưởng thành.

7. *Tân chủ tây đông*: hai bên chia ngôi chủ khách cùng ngồi, theo lệ xưa khách ngồi phía tây, chủ ngồi phía đông.

8. *Tiệc mồi:* chỉ tiệc rượu sang trọng.

"Thừa nhan[1] may[a] trộm tấc gang[2]
Chỉn hiền chưa tỏ tiên trang[3] quê nào?
Dòng dà[4] hoa tộc[5] làm sao?
Đã tường mặt ngọc, xin trao lời vàng.
Kẻo phiền lòng những mơ màng[6]
Dưới trăng luống ngẩn cung hoàng[7] chửa xong"
Lắng nghe lời khách gạn gùng,
Tiểu thư chính sắc[8] thong dong đáp rằng:
"Viễn nhân[9] non nước khơi chừng,[b]
Nghĩ lòng trịnh trọng cùng chăng với lòng
Lạm sinh[10] trâm hốt[11] cùng dòng,[c]
Dõi truyền thi lễ,[d] quận Đông: quê nhà
Nghiêm đường[12] vâng trấn cõi xa,
Hoa thay lá đổi kể đà ba sao[e][13]
Thần hôn luống những khát khao[g][14]

Khảo dị:

a. *Quỳnh* nhan *nay* trộm tấc gang.

b. Viễn nhân non nước *dùng dằng.*

c. Lạm sinh trâm hốt *tủi dòn.*

d. *Con quan Đô đốc* quận Đông quê nhà.

e. Hoa thay lá đổi *trải* đà *mấy đông.*

g. Thần hôn luống những *bận lòng.*

Chú thích:

1. *Thừa nhan*: được tiếp, được gặp mặt.

2. *May trộm tấc gang:* trộm là tiếng nói nhún, tấc gang là gần kề bên.

3. *Tiên trang:* nơi ở của người tiên.

4. *Dòng dà:* dòng dõi.

5. *Hoa tộc:* ý nói chưa hiểu rõ.

6. *Mơ màng:* ý nói chưa hiểu rõ.

7. *Cung hoàng:* lòng khao khát người đẹp. Do điển cũ: Đời Hán Tư Mã Tương Như mê sắc đẹp của Trác Văn Quân, liền dạo khúc đàn "phụng cầu kỳ hoàng" để tỏ tình. Trác Văn Quân cảm tiếng đàn, liền bỏ nhà trốn theo Tương Như.

8. *Chính sắc:* làm vẻ mặt nghiêm lại.

9. *Viễn nhân:* người ở phương xa.

10. *Lạm sinh:* tiếng nói nhún, ý nói lạm được sinh ra.

11. *Trâm hốt*: cái trâm cài đầu và cái hốt cầm tay, là những biểu tượng chỉ người quyền quý.

12. *Nghiêm đường:* chỉ người cha.

13. *Ba sao*: đã qua ba năm.

14. Ý cả câu: lòng lúc nào cũng lo lắng về bổn phận hầu hạ, thăm nom cha.

Trường thành thiên lý âm hao khốn tường [a]
Trướng nhung e nỗi phong sương,
Gia từ [1] muôn việc khôn phương [2] theo đòi.
Cửa viên [3] hầu hạ thiếu người,
Chỉ, cam vậy phải vâng lời hiến thân
Nghĩ rằng thiên tướng cát nhân [4]
Hay đâu còn bận gót trần thế vay?
Đầu may dầu nhẫn [5] chẳng may,
Lòng này phó nước non này chứng minh
Dám xin thể tất chân tình [6]
Rộng cho, kẻo khách lộ trình còn xa"
Lưu Công nghe tỏ họ hoa [7]
Mới hay Tư Mã nghi gia [8] duyên lành [b].

Phiên âm từ bản Nôm chép tay.
Ký hiệu thư viện Viện Hán Nôm AB. 276

Khảo dị:

e. Trường thành thiên lý *tồn vong chửa* tường.

g. Mới hay Tư Mã nghi gia *cầm* lành.

Chú thích:

1. *Gia từ:* tiếng chỉ mẹ mình.
2. *Khôn phương:* không có cách nào.
3. *Cửa viên:* cũng như cửa doanh trại.
4. *Thiên tướng cát nhân:* trời giúp người lành.
5. *Dầu nhẫn:* tiếng cổ, nghĩa là dù cho.
6. *Thể tất chân tình:* đặt mình vào địa vị của người mà hiểu rõ sự thật thà chân thành của người.
7. *Họ hoa:* hoa là danh từ đẹp lời. Cô gái này họ Vương.
8. *Nghi gia:* nên cửa, nên nhà.

LÝ CÔNG

TIỂU DẪN

Chúng tôi giới thiệu *Truyện Lý Công* căn cứ theo bản Nôm *Lý Công tân truyện* do Thành Văn Đường khắc in năm 1879, ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm AN76, và có tham khảo bản phiên âm *Lý Công truyện* của Nhà in Văn Minh, Hải Phòng, năm 1920.

Đây là một truyện Nôm khuyết danh khá quen thuộc đối với công chúng bình dân trước đây. Các văn bản đều không ghi năm sáng tác, tuy nhiên, có ý kiến cho rằng thời điểm xuất hiện truyện này có thể là khoảng đầu thế kỷ XIX.

Truyện Lý Công ca ngợi tình yêu son sắt thủy chung của một đôi trai gái, đã vượt ra ngoài lễ giáo khắt khe của hôn nhân phong kiến, vượt qua mọi thử thách tàn bạo của các thế lực bạo tàn, để đạt tới hạnh phúc lứa đôi. Nhưng bên cạnh chủ đề chính, truyện cũng còn có ý nghĩa tố cáo hiện thực, vạch trần được những cái xấu xa của xã hội phong kiến đương thời, những cái xấu cái ác mà đến cả Thượng đế ở trên cao tít thượng giới cũng phải ghê người:

Ngọc Hoàng ngồi ngự tam quan
Trông xuống hạ giới mọi đàng mọi ghê.
Kẻ trung mắc phải gian nguy
Người gian võng lọng đi về sớm trưa
Người hiền phải chịu sa cơ
Người gian áo gấm phất phơ quần hồng.

*
* *

Đời vua Bảo Vương có hai vợ chồng quan Tể tướng giàu có. Họ ngày đêm cầu trời khấn Phật để sinh được một người con trai. Đứa trẻ sinh ra đã có sách cầm tay, mặt mũi thông minh, tuấn tú, được đặt tên là Lý Công. Đến năm Lý Công lên 10 tuổi, ông bà Tể tướng chết, Lý Công mồ côi phải đi ăn mày để kiếm sống.

Cùng khi ấy vua Bảo Vương sinh được một nàng công chúa, khi sinh đã có vàng cầm tay, dung nhan cực kỳ xinh đẹp, nhà vua rất mực yêu chiều.

Thị Hương là con quan Tri phủ, một người thông thạo nhiều sử sách và giỏi về thuật số được vời vào cung vua.

Một hôm Thị Hương ra chợ, gặp Lý Công đang đi ăn mày, nàng nhận ra ngay đấy là người có tướng làm vua. Thị Hương bèn lấy bốn quan tiền đưa cho Lý Công. Vì bị bớt tiền chợ như thế thức ăn kém ngon, công chúa quở mắng Thị Hương. Thị Hương thưa thật sự tình. Công chúa bèn cho mời Lý Công vào, biếu Lý Công một nén vàng và trao cho Lý Công thanh gươm báu.

Một hôm vua Bảo Vương đến thăm con gái và gặp Lý Công. Bảo Vương vô cùng tức giận, sai đóng gông Lý Công và phá nhà công chúa. Nhà vua định chém đầu Lý Công và cho mười voi giày công chúa.

Mẹ công chúa và các thị nữ khóc than thảm thiết, các quan dâng sớ, xin vua cha tha chết cho công chúa. Bảo Vương bằng lòng tha cho công chúa tội chết, nhưng bắt phải đi đày. Công chúa cùng Lý Công bị bỏ bè chuối trôi sông. Sau đó, Thị Hương cũng theo lên bè để cởi trói, tháo gông và giúp đỡ hầu hạ họ. Họ được cá chép, vua Thủy Tề và các thần linh giúp cho việc ăn uống. Sau đó bè trôi sang nước Hung Nô, công chúa lên bờ mở quán bán hàng. Nàng khuyên Lý Công hãy gác việc tình ái mà lo việc học hành. Chúa Hung Nô thấy công chúa đẹp thì say đắm, tương tư, bày đặt âm mưu để cướp công chúa. Thị Hương xem thiên văn biết rõ sự tình liền báo cho Lý Công và công chúa biết. Hai người đành chia tay nhau. Công chúa cắt tóc trao cho Lý Công. Lý Công trao cho nàng quyển sách mà khi mới đẻ chàng đã cầm ở tay. Công chúa cũng trao lại cho chàng chiếc xuyến vàng mà khi mới sinh nàng đã có sẵn trong tay.

Chúa Hung Nô định hại Lý Công, nhưng Lý Công đã được Ngọc Hoàng cứu thoát. Bấy giờ Tả tướng trong triều Hung Nô là họ Cao sinh được một người con trai văn võ kiêm toàn, thao lược tinh thông, có sức khỏe hơn người, tên là Cao Vân. Vua Hung Nô ra lệnh cho Cao Công phải giết Lý Công. Cao Vân nài xin cha cho mình được thế mạng Lý Công. Cao Công đành phải giết Cao Vân. Sau đó, Lý Công đổi tên là Cao Vân, rồi về nước quyết chí học hành để lập công danh.

Còn ở đất Hung Nô, chúa Hung Nô bắt ép công chúa phải lấy hắn. Công chúa tìm mọi cách để từ chối. Cưỡng bức công chúa không được, chúa Hung Nô sai người đóng cũi sắt nhốt công chúa rồi thả trôi sông. Công chúa được vua Thủy Tề cứu. Chúa Hung Nô tức giận ra lệnh cắt mũi, xẻo tai, chặt hết chân tay công chúa. Công chúa phải ra chợ ăn mày.

Sau 10 năm xa vắng, Bảo Vương thấy nhớ thương công chúa. Hoàng hậu cũng thương nhớ con khôn nguôi. Do không có con trai, Bảo Vương muốn kén người tài đức để nhường ngôi, bèn cho mở khoa thi. Lý Công lấy tên Cao Vân đi thi và đỗ Trạng nguyên. Vua muốn gả con quan Thừa tướng cho Cao Vân. Cao Vân tâu xin được đi đánh Hung Nô rồi về mới lo việc hôn nhân. Dẹp xong Hung Nô, Trạng nguyên đi tìm vợ, nhưng không thấy. Bấy giờ tình cảnh

công chúa rất thảm thương. Nàng bị cắt mũi, xẻo tai, chặt chân tay và phải đi ăn mày. Cao Vân gặp công chúa, hỏi nguồn cơn và đưa công chúa về triều.

Lý Công lấy xuyến vàng trong rương, công chúa lấy sách ra, và hai người kể hết sự tình.

Công chúa được rẩy thuốc tiên trở nên lành lặn và xinh đẹp hơn xưa. Họ viết thư gửi về nhà. Nhận được thư con, Bảo Vương mang binh sang đánh tan Hung Nô, rồi đón công chúa về.

Lý Công về tìm cha nuôi là Cao Công, đón Cao Công về triều. Họ lại vào rừng đón cả Thị Hương về sum họp. Thế là thiên hạ yên vui thái bình. Lý Công lên ngôi vua.

*

* *

Truyện Lý Công gồm cả thảy 1652 câu. Sau đây là phần văn bản phiên âm, chú thích.

Lược bày đời vua Bảo Vương
Trị vì thiên hạ bốn phương thuận hòa
Có quan Tể tướng quốc gia,
Cửa nhà hào phú ông bà giàu thay
Vợ chồng cầu khẩn ăn chay,
Xin sinh trai gái họa may muôn đời
Có lòng thấu đến bụt trời
Cho bà Tể tướng bỗng người thụ thai
Đến tuần chín tháng mười ngày,
Sinh ra nam tử tốt tươi lạ lùng
Đặt tên là chàng Lý Công,
Sinh ra khỏi lòng có sách cầm tay
Mẹ cha xem thấy mừng thay,
Chăm chút đêm ngày ví thể vàng tươi.
Đến tuần tuổi mới lên mười,
Ông bà Tể tướng bỗng dời về quê [1]
Lý Công rầu rĩ ủ ê,
Bồ côi tất tưởi trăm bề khó khăn
Ăn mày, đèn sách gian truân,
Khắp chốn xa gần ai thấy cũng thương.

*

* *

Thuở ấy có vua Bảo Vương,
Sinh ra công chúa phi phương lạ lùng
Con bà Hoàng hậu chính cung,
Sinh ra vốn có vàng ròng cầm tay,
Vua cha xem thấy, mừng thay,
Truyền đòi mụ chị [2] đêm ngày dưỡng nuôi.

Chú thích:

1. Ý nói cha mẹ đều chết.
2. *Mụ chị:* chỉ người bảo mẫu nuôi con vua.

Tuổi xuân vừa mới lên mười,
Hây hây ngọc đúc tựa người thần tiên
Mặt nhìn trăm thức hoa sen
Nhác trông cứ tưởng là tiên non bồng.
Quang âm [1] thấm thoát mười đông,
Đức vua xem thấy con rồng [2] tốt tươi
Phát truyền văn võ trong ngoài,
Khởi công thổ mộc dựng nơi nhà vàng
Lầu son, cửa sổ, câu lơn
Để công chúa ngự tòa vàng xem hoa
Bốn mươi bà mụ sánh tòa [3]
Một trăm thể nữ [4] vua cha ban chầu
Đêm ngày dưỡng dục trên lầu,
Khuya sớm vào chầu, tiện chốn thiên cung.
Thấy con kinh sử chưa thông,
Lệnh truyền treo bảng kén trong triều đình
Ai là nữ sắc sử kinh [5]
Khá đem đệ kiến, tâu trình vua cha
Chín châu, chín quận gần xa,
Kén tài nữ sắc này ta tiến vào
Có quan Tri phủ tài cao,
Sớm sinh một gái má đào phi phương,
Đặt tên là nàng Thị Hương,
Lục kinh, chư sử [6] trăm đường lầu thông
Vào chầu công chúa vừa xong,
Chiềng trước mặt rồng thiên hạ ai đương !
Con vua Bảo Tượng Quốc vương
Ngày mua vật thực [7] tiền thường một quan
Năm tiền một bữa nấu ăn,
Thị Hương lĩnh lấy dời chân tức thì.

Chú thích:

1. *Quang âm:* ánh sáng và bóng tối, chỉ thời gian nói chung.
2. *Con rồng:* đây chỉ công chúa.
3. Ý nói nhiều bảo mẫu ở trong cung.
4. *Thể nữ*: những người hầu gái trong cung điện nhà vua.
5. *Nữ sắc sử kinh*: chỉ những người phụ nữ có học.
6. *Lục kinh chư sử:* sáu bộ kinh và các pho sử. Ý cả câu nói thông thạo nhiều sử sách.
7. *Vật thực:* thức ăn.

Vừa ra đến chợ một khi,
Thấy rồng che phủ tứ vi một người.
Nguyên nàng số lý nghề nòi [1]
Dưới đất trên trời thuộc hết mọi phương
Khoan khoan chân mới bước sang,
Thấy chàng họ Lý ngồi đương ăn mày.
Đầu thời đội nón cỏ may,
Mặt võ mình gày, cầm sách giờ lâu.
Dưới đất có bốn rồng chầu,
Kiệu vàng tán bạc trên đầu hào quang
Thị Hương xem thấy rõ ràng,
Bước tới vội vàng chào Lý thánh quân
Sự tình xin tỏ nguyên nhân,
Duyên do thảm thiết gian truân nhường này.
Lý Công khi ấy trình bày:
"Nàng sao gieo vạ nhời này cho ai ?
Tôi là tiện sĩ nhỡ thời, [2]
Chẳng thương thì chớ gieo nhời mà chi ?
Vua đâu có đến thế ni
Thiên hạ vậy thì ai kẻ làm dân ?"
Thị Hương đặt gối phân trần
Kìa kìa tán phủ mười phân ngất trời
Bây giờ chàng chịu bồ côi
Mai sau lầu phượng chàng ngồi trị dân
Năm tiền chùa phát mua ăn,
Lệ thường phải đủ thời trân [3] đưa về.
Giúp chàng dù có điều chi,
Giết tôi tôi cũng dâng ni bốn tiền
Để chàng tư [4] việc bút nghiên
Vải thưa một tấm triều thiên [5] che đầu"
Lý Công lạy tạ giờ lâu,
Khen người có mắt trước sau chu tuyền

Chú thích:

1. *Số lý nghề nòi*: Ý nói giỏi về thuật số và lý học, biết được nhiều việc tương lai.
2. *Tiện sĩ:* học trò hèn mạt, một kiểu nói nhún thời xưa.
3. *Thời trân:* thức ăn quí theo từng mùa.
4. *Tư:* dùng vào việc gì.
5. *Triều thiên*: một thứ mũ vua ngày xưa.

Thị Hương còn có một tiền,
Mua xong bày đặt dâng lên vội vàng
Mâm son, bát sứ, lồng bàn,
Nhiều bày gấm phủ dâng sang cửa đền [1]
Công chúa trông thấy ngạc nhiên
Nem kia chả nọ dưới trên kém mùi
Công chúa quở trách một hồi,
Mắng rằng: "Tôi tớ trọn đời thẳng ngay !
Năm tiền sao có ngần này,
Phải giết thị nữ ngày rày chẳng tha !"
Thị Hương đặt gối tâu qua:
"Chúa giết tôi chịu bằng tha ơn rầy.
Phiên tôi đi chợ hôm nay,
Xảy gặp nam tử tên rầy Lý quân.
Bồ côi đói rách muôn phần
Cỏ may làm nón che thân dãi dầu
Dưới đất có bốn rồng chầu
Kiệu vàng dát bạc trên đầu hào quang.
Thấy chàng tướng mạo khác thường,
Cho nên trộm phép kính dâng bốn tiền
Ví dù chẳng giết tôi hèn,
Kẻ công người của phúc liền chia hai".
Công chúa thấy nói ngùi ngùi,
Sự bởi duyên trời thoắt động lòng thương
Đũa sơn đặt xuống mâm vàng,
Hai hàng châu lệ chứa chan khăn hồng:
"Sự này quả thật hay không ?
Người hèn đâu có thần long theo hầu !
Cho ra đòi Lý vào lầu,
Tao xem có thực tình đầu sẽ tha.
Nhược bằng ăn nói sai ngoa
Thì tao giết hết gần xa họ mày !"
Thị Hương nghe nói mừng thay,
Ra tìm họ Lý trình bày duyên do:
"Có nàng tiên nữ thành đô,

Chú thích:

1. *Đền:* chỉ cung điện công chúa ở.

Dạy tôi ra bảo chàng vô, người đòi".
Lý Công thấy nói rụng rời:
"Nam nhân đâu dám gần người nữ nhi
Vào e người giết tôi đi..."
Thị Hương tâu quì: "Rằng đã có tôi,
Họa chi tôi chịu cho người".
Lý Công cất gót tới nơi đền vàng
Tới nơi đền các nghiêm trang,
Phong quang họ Lý rõ ràng bình gương.
Công chúa mới hỏi Thị Hương:
"Chẳng hay sao có dị thường báu tinh [1] ?
Nhân dân có khí tinh anh,
Cho nên có ngọc thủy tinh vào lầu ?"
Thị Hương đặt gối quỳ tâu !
"Có chàng họ Lý vào hầu thánh minh.
Hẳn không có ngọc thủy tinh,
Cho nên sáng vặc thần linh khác gì"
Công chúa nghe nói một khi,
Chín lần cửa đóng mở đi xem chàng.
Màn rồng [2] một bức che ngang:
"Thiếp hỏi thăm chàng duyên cớ làm sao ?
Chẳng hay cha mẹ nhường nào ?
Cho nên chàng chịu tiêu hao võ vàng.
Cha xưa chức cả triều đường,
Hay là tiện sĩ ở hàng thứ dân ?
Tuổi chàng kể đã mấy xuân ?
Thì chàng khá nói dần dần thiếp hay".
Lý Công quỳ gối thưa bày:
"Quê tôi nức tiếng xa nay nghìn trùng
Cha tôi chức cả triều trung,
Vốn dòng họ Lý vua phong ba đời.
Cha tôi sớm vắng chầu trời,
Cho nên luống chịu bồ côi tháng ngày.
Lúc sinh có sách cầm tay,

Chú thích:

1. *Báu tinh:* ngôi sao cao quý. Ý nói Lý Công có khí tượng khác thường.
2. *Màn rồng:* màn thêu rồng.

Thiên tư tính bẩm vốn rầy tinh anh".
Công chúa nghe nói hữu tình:
"Người sinh có sách, ta sinh có vàng
Hai ta con đức Ngọc hoàng,
Trên trời sai xuống bốn phương trị vì.
Nguyện cùng trời đất chứng tri,
Họ Lý có phải duyên kia ngãi này?
Tôi xin tự giúp chàng nay..."
Gấm thêu hoa dệt cất ngay áo vừa.
Bốn bề gang tấc quá ưa,
Mới tỏ bây giờ sự bởi thiên công.
Thoắt thôi hoa nở gấm phong,
Chim hồng anh vũ [1] nhiều lồng gấm hoa.
Đại hồng long trảo [2] đem ra,
Ngũ thể già già sức tựa phù dung
Cắt xong đặt xuống dưới cung,
Tiên sa phượng múa, vương công nửa giờ.
May rồi ba mớ áo vừa,
Dạy đòi thị nữ đem đưa cho chàng
Lý Công chịu lấy áo nàng,
Mặc vào xem khác dung nhan nhường này.
Công chúa xem thấy mừng thay,
Lấy vàng một nén trao tay cho chàng
Dẫn chàng ra khỏi đền vàng,
Dặn trong quân pháp nghiêm trang chớ vào
Lánh mình cho khỏi binh đao,
Ngày nào thi đỗ cẩm bào sẽ hay
Chớ còn lai vãng tới đây,
Mà vua chém giết oan thay linh hồn !
Lý Công chịu áo cùng vàng,
Vâng nhời công chúa, tìm phương ra ngoài.
Cửa nhà đèn sách hôm mai
Thần đồng nức tiếng nên trai anh hùng
Cuộc vui công chúa chưa xong,

Chú thích:

1. *Anh vũ:* chim vẹt.
2. *Đại hồng long trảo:* vóc đại hồng có thêu móng rồng.

Lưới trời mắc phải động lòng cảm thương
Công chúa mới dạy Thị Hương.
Ra đòi họ Lý rõ ràng phân minh
Nào quyển sách thuở mới sinh
Đem ra cho thiếp giảng kinh kẻo phiền.
Lý Công cầm sách dâng lên
Công chúa mới lấy gươm liền trao ra
"Gươm ngay có phép Khương Nha [1]
Cầm chỉ vào tòa, tòa xé làm hai"
Hai bên gắn bó một nhời
Công chúa thấy người, người chửa thấy min [2]
Muốn cho thấy mặt nhau liền
E chàng thấy sắc bỏ quên văn phòng [3]
Cho nên mới dặn Lý Công,
Muốn cho thấy mặt ở trong bảo tòa
Sớm vào thì tối lại ra,
Có hôm còn ở trong tòa thị trang. [4]
Này đoạn Bảo Tượng Quốc vương [5]
Thoái triều từ thuở bóng gương đang tròn
Nhớ con gác phượng lầu son,
Xe loan tán phượng thăm con vội vàng
Bách quan đài chế [6] sẵn sàng
Quần thần phù tá quan sang mọi tòa
Tiệc bày nhạc nhã xướng ca.
Lý Công còn ở trong tòa chưa hay.
Gươm vàng cất lấy cầm tay;
Đằng vân giá vũ phút bay lên trời.
Sa ngay xuống chỗ vua ngồi,
Gươm vàng lồ lộ tốt tươi lạ lùng.

Chú thích:

1. *Khương Nha:* chưa rõ điển tích
2. *Min:* ta
3. *Văn phòng:* những đồ dùng cho việc học hành như giấy mực bút, cả câu ý nói sợ Lý Công thấy sắc đẹp của công chúa thì say mê mà sao nhãng việc học hành.
4. *Tòa thị trang:* nhà để công chúa trang điểm.
5. *Bảo Tượng Quốc vương:* Vua nước Bảo Tượng, tức Bảo Vương, vua cha của công chúa.
6. *Bách quan đài chế:* trăm quan, gồm các quan như Thượng thư và Tổng chế v.v... chỉ số đông các quan nói chung...

Bảo Vương trông thấy hãi hùng
Ngỡ sứ cửu trùng [1] sai xuống việc chi.
Lý Công đặt gối tâu quỳ:
"Tôi người hạ giới ở thì dương gian.
Bồ côi đói rét cơ hàn,
Ăn mày đi học tìm sang nước này.
Có bà công chúa ở đây,
Đòi tôi vào rầy, giảng sách người nghe.
Chẳng vào, người giết tôi đi
Vâng mệnh tôi thì phải tới ngay đây".
Bảo Vương nghe thấy giận thay,
Cầm con kim xuyến [2] chỉ ngay mình chàng:
Nam Tào Bắc Đẩu trở đương,
Hào quang sáng khắp hộ chàng Lý sinh.
Bảo Vương nổi trận lôi đình,
Nam nhân sao dám vào thành nữ nhi ?
Lệnh truyền đem Lý Công đi
Đóng cùm trói chặt vậy thì chẳng thương.
Ngọc Hoàng sai khiến rồng vàng
Kíp đi che phủ mình chàng Lý Công.
Bách quan văn võ triều trung,
Sợ công chúa để Lý Công mắc nàn.
Bảo Vương rằng: "Sự ngứa gan,
Xui nên công chúa gây loàn chẳng tha.
Con ta tuổi mới mười ba,
Cả lòng đắm nguyệt say hoa làm vầy"
Thấy con quyến gió theo mây,
Bảo Vương mới phán nhời này một khi
Lệnh truyền tiểu sứ [3] tức thì,
Dỡ nhà công chúa ngay đi bây giờ.
Truyền ra chưa kịp lệnh thưa,
Chín lầu công chúa một giờ phá tan,
Công chúa trông thấy thở than:
"Vì ta để họa vấn vương cho người

Chú thích:

1. *Sứ cửu trùng:* sứ giả nhà vua.
2. *Kim xuyến:* một thứ võ khí ngày xưa.
3. *Tiểu sứ:* chỉ một chức quan nhỏ thừa hành nhiệm vụ của nhà vua.

Thiên sầu, địa thảm, thương ôi !
Một giờ chuyển động mọi nơi ầm ầm"
Công chúa vò võ thương thầm:
"Thị Hương em hỡi, tình quân thế nào ?
Lỗi mày mà cũng tại tao
Việc này em tính làm sao bây giờ ?"
Thị Hương đặt gối quỳ thưa:
"Trình bà đừng lấy làm lo nỗi gì.
Người trời trời lại chở che,
Kiếp tiên đày đọa ê chề mãi sao ?
Sự này chẳng sợ gươm đao,
Tam thập lục kế dĩ đào vi tiên [1]
Áo quần thu xếp đã yên,
Tôi xin nhặt lấy mặc liền đi ngay.
Tôi xin trốn trước đêm này,
Cù lao, bãi bể, chớ rầy chúa ra".
Tôi con đạo phải thực thà,
Thị Hương lấy áo quần đà mười đôi.
Đêm thâu nguyệt tỏ sáng trời,
Thị Hương đã ngồi bãi cát tràng sa.
Bừng bừng trời mới sáng ra,
Bảo Vương đòi bốn quan già vào ngay:
"Con ta lỗi đạo làm vầy
Để thời bờ cõi có ngày họa sinh.
Bốn quan kíp phải vào thành,
Bắt công chúa lại nộp mình cho ta".
Bốn quan vâng lệnh chương tòa
Từ có công chúa mười ba năm chầy.
Cửa cài then khóa, cẩn thay,
Chúng tôi mới thấy hôm nay mặt bà.
Vâng lệnh bắt công chúa ra,
Để người phán đoán giết, tha tùy tình.
Công chúa lăn khóc vật mình:
"Xin quan già tấu phụ sinh tôi cùng.

Chú thích:

1. Ý cả câu nói: Ba mươi sáu chước, chước chạy là hơn cả. Ý nói nên trốn đi.

Cho tôi vẹn thủ hiếu trung [1]
May ra thoát khỏi, ghi lòng Thái Sơn".
Bốn quan quỳ gối tâu liền,
"Việc có triều quyền há một chúng tôi".
Nhiễu hồng năm thước giở rồi,
Trói công chúa lại nộp nơi đền rồng,
Bảo Vương xem thấy giận lòng,
Cầm gươm bước xuống một lòng đoạn ân [2]
Bốn quan đặt gối dâng can:
"Xin vua lượng lại khoan khoan vội gì.
Để mà tra hỏi vân vi,
Con thơ có dễ trốn đi đường nào ?"
Các quan hỏi lại thấp cao:
"Ái ân họ Lý được bao lâu rồi ?
Có không bà thử nói coi,
Kẻo vua cha giết oan nơi hồn này".
Công chúa khi ấy tâu bày:
"Trông ơn vương phụ cao rày rộng tha.
Lòng con kính mẹ thờ cha,
Trăng thu vằng vặc chẳng lòa tỉnh tinh
Gìn lòng nấu sử sôi kinh,
Con thơ đâu dám tư tình nguyệt hoa.
Cúi đầu muôn lạy vua cha
Thương con thơ dại xin cha thứ tình".
Bảo Vương nổi trận lôi đình,
"Nếu không họ Lý vào thành làm chi ?"
Phán rằng: "Cởi áo ngay đi,
Con thơ đâu dám khinh khi phép nhà !"
Công chúa than khóc kêu ca,
Bảo Vương chẳng chuyển chẳng tha chút nào.
Công chúa nước mắt tuôn trào,
Muốn trông mẹ đến kíp vào xin con:
"Vua cha phán giết con thơ,
Gửi xin lạy mẹ quỳ thưa can cùng".

Chú thích:

1. *Vẹn thủ hiếu trung:* giữ trọn đạo hiếu trung.
2. *Đoạn ân:* cắt đứt ân tình cha con, ý nói toan giết công chúa.

Mẹ là Hoàng hậu chính cung,
Nằm lăn ngay xuống bệ rồng với con.
Một trăm thị nữ cung môn,
Nghe vua phán giết ồn ồn khóc ngay.
Vàng ba hòm đỡ trao tay,
Triều đình can được ta rày thưởng cho.
Thoắt thôi có bốn quan già
Sáng ngày dâng điệp vào tòa can vua.

Điệp rằng:

Trung thần tận lực, hết sức thờ vua, dựng nghiệp khai đồ, trí mưu hiền ngộ [1], triều đình củng cố, tôi gián vua hiền, phục vong [2] tâu lên, vô nam dụng nữ, muôn đời kế tự, dõi nghiệp tông đường, quân minh thần lương [3], phụ truyền tử kế. Nàng còn thơ bé, tuổi mới mười ba, vua giết chẳng tha, tôi xin thế mạng.

Nay điệp.

Bảo Vương cầm sớ mắng rằng:
"Các quan sao khéo khăng khăng tâu bày.
Con ta lỗi đạo làm vầy,
Để thời tám cõi chưng nay dấy loàn
Đông triều văn vũ bách quan,
Ai còn can nữa mổ gan chém đầu".
Triều đình ai dám còn tâu ?
Đủ mặt chư hầu ngậm miệng bi ai.
Bách quan đài thế trong ngoài,
Đòi mười voi lại đóng nơi giang hà.
Dạy mười lực sĩ đem ra,
Mười gươm sắc xuống đứng chờ dòng sông.
Mười voi thời sửa hoàng tông [4]
Mười gươm thì chém Lý Công tổi tàn.
Công chúa nghe lệnh thiên nhan,
Hai hàng châu lệ chan chan khăn hồng.

Chú thích:

1. *Hiền ngộ*: tài giỏi thông minh.
2. *Phục vọng:* cúi mình xuống mà mong rằng...
3. *Quân minh thần lương:* vua sáng suốt, bày tôi lương thiện.
4. Ý cả câu nói: trừng trị công chúa bằng cách cho mười con voi giày xéo.

Khóc than: "Thủy bộ, tây đông,
Triều sĩ anh hùng sao chẳng can vua ?
Thương thay ! Tuổi mới mười ba
Phải vua cha giết giang hà thảm thay
Thương ôi: chẳng có con trai,
Sinh tôi là gái lấy ai trị vì ?"
Giã quê, giã cảnh tức thì,
Giã cha, giã mẹ một khi chương tòa.
Một ngày một cách một xa,
Chẳng còn thấy mẹ là bà chính cung.
Chẳng còn dự chốn lầu hồng
Trăm hoa nghìn liễu trắng hồng nở đua.
Bảy châu, tám quận thành đô,
Chợ tan nhà đóng, đều đua xem người
Thuyền tàu trăm chiếc buông chèo,
Thiền sầu địa thảm ào ào tới nay.
Nói về Hoàng hậu ngày rầy,
Thương con nên phải cố nay can chồng
Một trăm cung nữ theo cùng
Thác thì củng cố can chồng tha con:
"Đội ơn Bệ hạ nghìn muôn,
Đã dùng đến thiếp thì thương con cùng
Thiếp nay chủ quỹ [1] ở trong
Tề gia nội trợ việc dùng chẳng sai.
Bốn mươi hai tuổi thụ thai
Ngỡ sinh nam tử nối đời tổ tiên
Ai ngờ sinh được con hiền,
Mới mười ba tuổi muôn nghìn yêu thương.
Kể từ thập nguyệt ưu mang,
Tấm thân mỏi mệt con đương nhọc nhằn.
Của ngon vật lạ chẳng ăn,
Đã mang chín tháng lại toan mười ngày.
Kim long hóa thạch lòng tay
Vò võ đêm ngày, thiếp những ngồi mong
Vua thời có kẻ tướng công,

Chú thích:

1. *Chủ quỹ:* người giữ vai chính trong việc thờ cúng.

Thiếp thời vò võ trong cung chín lần
Máu dây thấm ướt áo quần,
Ba năm luống chịu nhọc nhằn nuôi con.
Mặt hoa, mày liễu thiếu niên,
Nỡ nào cha giết chúa tiên cho đành.
Muốn cho nước trị nhà bình,
Thiếp xin liều mạng thế mình cho đang !"
Cung nhân trông thấy nương nương,
Ròng ròng nước mắt hai hàng nhỏ sa
Bảo Vương quở mắng thét la:
"Vỡ loàn con tặc sự đà gớm ghê !
Mày ngài má phấn làm chi,
Say mê hoa nguyệt vậy thì xấu xa.
Sở Vương say đắm sắc hoa,
Truất bà Hoàng hậu bỏ ra chẳng nhìn
Minh Vương [1] vui sắc lưu liên,
Bởi nghe vô kỵ [2] loạn quyền Quốc gia
Ngô Vương say đắm Tây Thi [3]
Việt Vương cướp nước, thất thì, tại ai ? [4]
Nước loàn vì gái tơi bời
Ai còn can nữa ta thời chẳng dung".
Hoàng hậu lăn khóc bệ rồng:
"Tôi xin một lượt thác cùng theo con".
Cung nga thể nữ ồn ồn,
Đều rơi nước mắt bồn chồn kêu la
Lệnh truyền đòi công chúa ra,
Lý Công điệu xuống giang hà cả hai
Muôn dân thiên hạ ai ai
Đều sa nước mắt, tối trời một khi [5]

Chú thích:

1. Tức Đường Minh Hoàng (Huyền Tông).

2. *Vô kỵ:* không e sợ gì. Ý cả câu nói Đường Minh Hoàng say mê nhan sắc Dương Quý Phi, quá nghe lời nàng không kiêng kỵ gì cả nên nước mới sinh bạo loạn.

3. *Cả hai câu ý nói:* Ngô Phù Sai (Ngô Vương) vì mê sắc đẹp Tây Thi, nên lơ là việc nước, bị Việt Vương Câu Tiễn đánh bại, việc lỡ thời thất thế ấy là lỗi tại ai ?

4. Xem chú thích 3.

5. Ý cả câu nói nhân dân than khóc làm xúc động cả đất trời, khiến bầu trời như âm u buồn thảm.

Kể từ công chúa ra đi,
Một manh áo rách vậy thì che thân.
Da như ngọc tuyết trắng ngần,
Tóc mây chấm đất muôn phần vẻ tiên
Mặt hoa mày liễu thiếu niên,
Lý Công mới thấy mặt tiên phen này
Hạt châu lai láng, thương thay,
Vì tôi, người chịu thác rày cùng tôi,
Chẳng lo chi Lý bồ côi,
Thác rồi lại được theo đòi mẹ cha.
Thương người vóc ngọc mình ngà,
Thác oan luống những xót xa ngậm ngùi.
Chúa rằng: "Chàng Lý kia ơi !
Chẳng lo chi thiếp mệnh trời đã yên.
Thiếp thời có tướng, có quyền,
Triều đình văn võ người hiền giúp cho
Thương chàng tiện sĩ học trò,
Sá chi hài cốt thân cô tồi tàn".
Vừa đi vừa khóc vừa than,
Chẳng ngờ đã đến đại giang ngân hà
Mười voi trông thấy tiên nga
Thấy người oan uổng, chống ngà thét vang
Muôn ngàn xóm lở, rừng tan,
Sóng tuôn lai láng, nước tràn ngẩn ngơ
Kình, nghê, thu, vược [1] xót xa,
Nhảy lên thế mạng cho bà Hoàng tông:
Muông chim cầm thú trên không,
Cùng thời hoa quả dâng trong giang hà.
Bảo Vương chẳng chuyển chẳng tha,
Phóng voi vào sở [2] quan già lại can:
"Nỡ nào vua giết chúa tiên, [3]
Giết thời ta chịu, ta liền can thôi.
Chẳng qua giết một con người,
Giết chín mười người, dễ giết muôn dân ?

Chú thích:

1. *Kình, nghê, thu, vược:* tên mấy loài cá biển.
2. *Phóng voi vào sở:* thả con voi về chỗ ở của nó.
3. *Chúa tiên:* chỉ công chúa.

Làm tôi cùng chúa phải cần [1]
Chẳng qua già thác một lần mà thôi.
Thác gương soi sáng muôn đời,
Để cho quê, chợ biết người tôi ngay.
Can vua, vua chẳng nghe rầy,
Xin ba tiếng lệnh, gươm này tuốt ra".
Triều đình nghe nói thực là,
Bèn giở về nhà nói với vợ con:
"Đạo ngay thờ chúa lòng son,
Thương bà công chúa thác oan phen này.
Can vua, vua chẳng nghe rầy,
Ngày nay tự vẫn cùng người cho xong".
Vợ con lăn khóc tây đông,
Một biểu theo chồng giãi hết sau xưa
Một người, một biểu, một thư,
Cúi đầu phục vọng tâu thưa cửu trùng

Biểu rằng:

Trung thần tận lực, hết sức phò vua, dựng nghiệp khai cơ [2] trọn niềm cơm áo, thờ vua tận đạo, lạn ngạch tiêu đầu [3], tám cõi góp thu, đem về một mối, đặng nên cơ hội, sửa trị muôn dân, chúng tôi trung thần, dâng lời can gián, trời cao đằng đẵng [4], địa hậu trùng trùng [5], vua sinh Hoàng tông, vô nam dụng nữ, để sau kế tự, nối nghiệp tông đường, văn vũ hai hàng, xin thay công chúa.

Nay biểu.

Bảo Vương rằng: "Trẫm chẳng nghe,
Trẫm nay chẳng để làm gì Hoàng tông !"
Bách quan văn võ triều trung,
Nghe ba tiếng lệnh, gươm buông sáng lòa.
Bốn bề đèn lửa như hoa,
Hoàng tông nghe thấy khóc đà thương thay!
Cả kêu một tiếng lên rầy:

Chú thích:

1. *Cần:* siêng năng, chăm chỉ.
2. Mở mang cơ nghiệp
3. *Lạn ngạch tiêu đầu:* sứt trán bù đầu. Ý nói khó nhọc vất vả.
4. *Đằng đẵng*: lồng lộng.
5. *Địa hậu trùng trùng:* đất dày lớp lớp.

"Triều đình văn võ thứ tay [1] cho cùng !"
Nghe nhời văn võ triều trung:
"Đã tha chẳng giết thì ông bắt đày
Tử sinh nào có ai hay,
Trẩm bắt đi đày thì nước mới an".
Triều đình khôn nói, khôn can,
Bèn đóng đưa nàng bãi cát tràng sa.
Mới đem công chúa về nhà,
Bốn lão quan già quỳ lạy song song.
Công chúa lệ ứa đôi dòng,
Gửi rằng: "Ai nấy hết lòng thờ vua:
Mẹ tôi dù đến bao giờ,
Cậy triều ta phải toan lo việc người
Cha tôi tuổi cả chầu trời,
Trăm quan chọn người hiền sĩ thay tôi
Lập làm phượng các lâu đài [2]
Hương hỏa đêm ngày, trọn thảo trọn trung.
Sinh tôi là gái ngoại tông,
Bắt đi đày cùng, về chẳng thấy cha
Thương thay hoa hỡi là hoa !!
Ví ta lòng dạ gian tà nước mây,
Thời bay đua nở đòi cây [3]
Ta mà trinh tiết thì mày chờ ta !"
Cành vàng lá ngọc la đà
Bốn bề thui thủi trông hòa xuống ao
Nguyện cùng trời rộng đất cao,
Khóc than văn võ khắp trào trăm quan:
"Tôi mà bạc hạnh tà gian [4]
Nguyện xin cá nuốt tôi tàn thân nhi [5]
Lòng tôi trung tiết trung nghì,
Xin được trở về thấy mặt mẹ cha".
Bảo Vương quở mắng ầm la:

Chú thích:

1. *Thứ tay:* nới tay.
2. Ý cả câu nói: lập lên nhà vua, ngự ở gác phượng và lâu đài.
3. *Đòi cây:* nhiều cây.
4. *Bạc hạnh tà gian:* nết xấu gian tà.
5. *Thân thi:* thân thể, thây xác.

"Vợ con như thế ai mà cậy trông !
Ví cho mày lấy Lý Công,
Khắp trong thiên hạ chứa lòng giận cha".
Lệnh truyền bắt công chúa ra,
Lý Công điệu xuống đày xa tức thì.
Hoàng hậu thương con, trở về,
Ruột tằm chín khúc như chia mối sầu
Bách quan đài chế trong lầu,
Một lễ đưa chúa trước sau ngày rầy.
Này đoạn bè chuối trôi nay,
Trôi chín mươi ngày đến bãi tràng sa [1]
Thị Hương ngảnh mặt xem ra,
Thấy bè lẳng lặng xa xa giữa dòng:
"Bà ơi, bà xuống dòng sông,
Tôi gieo mình xuống thác chung cùng bà".
Lý ngư [2] chở lấy đem ra,
Thị Hương khi ấy xông pha lên bờ
Cởi dây, gỡ trói cho bà [3]
Gông cùm mở hết cả hòa Lý quân.
Chia nhau kẻ áo người quần,
Gọi là che tạm kẻo thân giãi bày
Đói cơm, khát nước thảm thay,
Bốn bề nước mặn uống rầy xót xa
Lấy áo lụa quyến dải là
Chờ sương sa xuống để mà che nhau
Công chúa đòi đoạn tỏ rầu,
Trăm thảm nghìn sầu xao xác khôn nguôi !
Gọi nhủ: "Thị Hương em ơi,
Chị cầm chẳng đậu, bỏ đòi cùng em !
Bè này dù có trôi sang,
Em đi hành khất nuôi chàng hôm mai.
Vì ta, người chịu khốn thay,
Nghĩ tình chàng Lý ngày rầy mà thương".
Ba người lăn lóc ba phương,
Lý ngư lại giở tấu chương cho liền

Chú thích:

1. *Tràng sa*: Bãi cát dài.
2. *Lý ngư*: Cá chép.
3. *Bà:* chỉ công chúa.

Tâu rằng: "Nay có ba tiên [1]
Bảo Vương chẳng hiền, nỡ bắt đày đi
Đói cơm, khát nước gian nguy,
Tâu vua tiến thực [2] đỡ khi cơ hàn".
Bấy giờ Thủy Tề Long Vương
Trên thời thập diện, dưới đương công đồng
Của ngon vật lạ làm xong,
Chả công, nem phượng, dâng trong chiếc bè
Cam lồ, nước quý càng ghê
Ba ngày ăn uống đòi thì no say
Này đoạn bè ấy khi nay,
Trôi một năm chẩy sang nước Hung Nô
Dỡ bè lên đất làm nhà,
Cỏ lau lều dựng, ở xa phố phường
Công chúa mới bảo Thị Hương:
"Em đi hành khất về thương chị cùng !
Bây giờ đày ở dòng sông,
Mai sau về chốn đền rồng, báo ân".
Thị Hương hành khất xa gần
Bữa no bữa đói nuôi ăn tháng ngày
Gửi tình chàng Lý được hay:
"Cha đã đày thiếp ngày nay cùng chàng
Phu thê là nghĩa tao khang, [3]
Thiếp gắng khuyên chàng chớ vội niềm tây
Tôi nay cha đã bắt đày
Tôi xin giữ vẹn lòng này tôi đi...
Bao giờ về đến đan trì [4]
Thăm cha cùng mẹ sẽ thì đoàn viên
Thiếp xin kết nghĩa anh em,
Đói no thiếp cũng áo xiêm cùng chàng".
Lý Công nước mắt hai hàng:
"Vui gì mà lại nói đường nguyệt hoa ?

Chú thích:

1. *Ba tiên:* chỉ Lý Công, Công chúa và Thị Hương.

2. *Tiến thực:* cho thức ăn.

3. *Nghĩa tao khang:* nghĩa cám bã, chỉ tình nghĩa vợ chồng từ lúc còn hàn vi, từ thuở ban đầu chưa nên sự nghiệp gì.

4. *Đan trì:* thềm đỏ, chỉ chỗ vua ở.

Bao giờ về đến quê nhà,
Dù nàng thương đến thì ta ơn rầy".
Công chúa thấy nói thương thay,
"Khuyên chàng hãy học vui nay thư đường [1]
Đói no đã có Thị Hương,
Nó đi hành khất tựa nương tháng ngày
Sự còn kín đáo lạ thay,
Thiếp xin lập phố ngồi đây bán hàng
Trước là nhờ khách qua đàng,
Họa may lai vãng tới hàng ta chăng ?
Khi giận cũng có khi thương,
Khi đày cũng có khi thường nhớ trông
Trăm quan văn võ triều trung,
Họa ai [2] cứu được vợ chồng ta đi !"
Lý Công mới nói một khi:
"Nàng đà chẳng khác nguyệt kia đêm rằm
Chẳng háo, chẳng kém, chẳng lầm,
Có khi tỏ đến nghìn năm tiếng đồn.
Nước này cũng có vương tôn [3]
Có văn, có vũ nghĩa khôn an lòng
Thấy nàng nhan sắc má hồng,
Giết tôi thôi lại tình chung với nàng".
Công chúa đã có tam quang [4]
"Chi cho phạm đến mình chàng một khi
Mấy nhời chàng dạy thiếp nghe"
Công chúa bèn lập chợ quê bán hàng.
Ở đây là chốn phố phường,
Ai ai cũng ngỡ là tiên non hồng
Ngồi thời hoa nở sắc hồng,
Tóc mây dài tựa trăm vòng thần tiên
Người ta đồn dậy khắp miền,
Dù già dù trẻ cũng lên xem nàng
Ngày sau đồn đến tòa vàng,

Chú thích:

1. *Thư đường*: phòng đọc sách. Ý cả câu nói cứ vui với sách vở và chăm học hành.
2. *Họa ai:* họa may có ai đó.
3. *Vương tôn:* con nhà quí phái.
4. *Tam quang:* mặt trời, mặt trăng và tinh tú; Ý nói có trời soi xét.

Hung Nô nghe nói lòng càng xót xa !
Thoắt xem từ bấy đến giờ
Đã nằm lại dậy đã ra lại vào
Tiên đâu mà đến nước tao ?
Truyền quân sửa kiệu, anh hào đỡ xe
Kiệu vàng tán tía ra đi
Thử xem tiên nữ một khi thế nào ?
Tán vàng ngồi ở trên cao,
Ngựa xe võng giá xôn xao ai tày,
Mắt phàm trông thấy liền say,
Hung Nô bước xuống sánh bầy yêu đương
Xúm quanh sau trước xem tường:
"Ở đâu mà đến bán hàng chợ ni ?"
Công chúa đặt gối tâu quỳ:
"Tôi là viễn khách vốn đi bán hàng.
Cha tôi vượt Sở mới sang,
Qua Tề đến Triệu ngổn ngang chưa về
Gã kia là nghĩa phu thê,
Lý Công là hiệu kết nghì ái ân.
Tiếng đồn bên nước Tề quân,
Ba đồng đấu gạo dân ăn no rầy.
Vợ chồng tôi mới sang đây,
Buôn ba năm rầy, sau sẽ hồi hương".
Hung Nô thấy nói lòng thương,
Rộng cho một nén lên đường hồi quy
Hung Nô trở lại đan trì,
Tương tư mắc phải bệnh thì trọng thay.
Mơ màng như tỉnh như say
Hồn hoa thiêm thiếp, mình gầy xác ve
Toan mưu hại Lý một khi,
Hãm nàng công chúa chực bề tư gian
Lệnh truyền văn vũ bách quan,
Bay làm thuốc độc trong màn cho ta
Thị Hương hành khất phương xa
Mới về, xem thấy người đà ủ ê.
Thấy trời u ám tứ bề,
Thị Hương ngửa mặt một khi xem trời

Ba rồng đã chạy ba nơi [1]
Kiệu nghiêng đàng kiệu, tàn rơi đàng tàn.
Thiên văn nàng rõ cơ quan [2]
Xem mây một trận gian nan bất thường.
Hạt châu lai láng hai hàng,
Gọi Lý Công chàng, ông phải nghĩ đây
"Từ đây ta phải phân tay,
Thầy tớ mình rầy thôi lại cách xa".
Hạt châu lã chã khăn là:
"Sầu chi em bảo cho ta hay tình ?"
Thị Hương lăn khóc vật mình:
"Hung Nô Chúa ấy ra hình dị tâm [3]
Công chúa thì người hãm cầm
Tôi phải biến tầm [4] mà chẳng thấy ông
Thiên văn tôi đã lầu thông,
Trên trời dưới đất nói cùng ông hay".
Lý Công nước mắt chan đầy:
"Thương thay công chúa người rầy chẳng yên".
Thị Hương ra lạy chúa tiên [5]:
"Hàng bà bán mãi lấy tiền ai ăn ?
Xe tơ kết tóc mấy lần,
Hung Nô người dạy quần thần giết ông
Nói dù bà chẳng yên lòng,
Nhất nhật tương phùng vạn kiếp nhân duyên".
Chúa liền nước mắt lưu liên
Thưa rằng: "Anh chớ ưu phiền chi anh !
Ngỡ là ta trở về thành,
Thấy cha cùng mẹ cho anh giao hòa
Để mà kính mẹ thờ cha,
Ai ngờ lại mắc oan gia hai đường
Tôi xin cắt tóc cùng chàng,
Đơn sai đã có tam quan trên đầu

Chú thích:

1. *Ba rồng:* chỉ Lý Công, Công chúa và Thị Hương.
2. *Ý cả câu nói:* Xem thiên văn mà biết rõ mọi việc mầu nhiệm.
3. *Dị tâm*: khác lòng.
4. *Biến tầm*: tìm khắp nơi.
5. *Chúa tiên:* chỉ công chúa.

Cha tôi chính ngự long lâu [1]
Cửu trùng ngôi báu rồng chầu thong dong
Nghĩ rằng thân gái ngoại tòng [2]
Lấy chồng thì phải theo chồng ra đi".
Thoắt thôi cắt tóc một khi,
Tóc kia chấm đất cắt thì ngang lưng
Thị Hương em hỡi nghe chăng ?
Cùng nhau kể hết đãi đằng khúc nhôi.
Nói năng chưa kịp hết nhời,
Bỗng đâu thấy sứ ra đòi Lý Công
Lý Công nước mắt ròng ròng,
Công chúa đau lòng giãi tỏ khi nay:
"Cha đày đã mấy thu chầy,
Mà lòng chưa dám chút rày lần khân
Bây giờ cách trở Việt, Tần [3]
Giữ lòng sau trước chút phần mà thôi
Lang quân Lý tử kia ôi ! [4]
Kiếp này chẳng được đền bồi kiếp sau
Lấy gì làm dấu cho nhau,
Trăm thảm nghìn sầu để thiếp chịu mang".
Lý Công nước mắt hai hàng,
Bèn lấy quyển sách mẹ chàng sinh ra:
"Giữ gìn đã mấy thu qua,
Giao cho công chúa phụng thờ làm ghi
Dù vua có bắt nàng đi,
Nàng thì giữ lấy chớ hề bỏ rơi".
Nàng rằng: "Thảm lắm chàng ôi !
Xuyến này là dấu mẹ tôi sinh rầy
Hãy xin vàng ấy cầm tay,
Dù chàng lưu lạc chớ khuây lòng vàng
Ví dù cách trở đôi đàng,
Nhìn thấy xuyến vàng thì nhớ đến tôi
Dù khi sinh tử nước người,

Chú thích:

1. *Long lâu:* lầu rồng, chỉ nơi vua ở.
2. *Ngoại tòng:* theo về bên ngoại.
3. Ý cả câu nói xa cách nhau như nước Việt, nước Tần ngày xưa.
4. *Lý tử:* chỉ Lý Công.

Hễ trông thấy của thì tôi nhớ chàng".
Vợ chồng chưa hết thở than,
Phút đâu có sứ đòi chàng tự nhiên
Hung Nô vua phán hai bên.
Mật công thuốc độc dâng lên cho chàng
Ngọc Hoàng ngồi ngự tam quan
Trông xuống hạ giới mọi đàng mọi ghê
Kẻ trung mắc phải gian nguy,
Người gian võng lọng đi về sớm trưa
Người hiền phải chịu sa cơ,
Người gian: áo gấm phất phơ quần hồng
Thần tiên kíp xuống là xong.
Cửu long [1] xuống cứu Lý Công phen này
Vua quan đưa thuốc độc nay,
Lý Công uống lấy phát rầy hào quang
Hung Nô xem thấy chẳng đang.
Cầm gươm bước xuống hại chàng Lý Công
Đâm vào gươm gãy tan không,
Phật trời cứu lấy Lý Công phen này
Cho nên trời mới sáng ngày
Hung Nô kíp gọi chàng nay đem vào
"Quê hương nó ở nơi nao ?
Vào cung trộm hết vàng tao thế này ?
Đòi quan Tả tướng vào đây
Mưu chi giết được ngày rầy Lý Công
Ví mà việc ấy làm xong,
Thì tao ban chức Quận công cho mày
Nhược bằng mày chẳng giết rầy,
Thì tao giết hết họ mày gần xa".
Tả tướng lĩnh Lý Công ra,
Đem về bỏ ngục vậy hòa hỏi han
Ngọc Hoàng sai một rồng vàng,
Bốn bề che phủ mình chàng Lý Công.
Này đoạn Tả tướng triều trung,

Chú thích:

1. *Cửu long:* chín con rồng.

Họ Cao là hiệu nối dòng thư trai [1]
Sinh được nam tử tốt tươi,
Cao Vân là hiệu vốn người thông minh
Tuổi vừa đôi tám xuân xanh,
Văn theo vũ lược, nghề, kình sánh vai
Binh thư chàng thuộc đòi nơi
Sức hay cử đỉnh, trên đời ai đang
Lý Công trở lại gia đường,
Cao Vân xem tướng hào quang sáng lòa
Bước vào lạy mẹ cùng cha:
"Đế vương tâu đến nhà ta bao giờ !"
Cao Công khi ấy nói ra:
"Lệnh vua phán giết chàng là Lý Công."
Cao Vân nghe nói xót lòng:
"Tôi xin thế mạng Lý Công thay cùng".
Cao Công nghe nói hãi hùng:
"Cha đâu mà lại có lòng hại con.
Con cha, cha dấu cha thương,
Con người dẫu có đảm đang, mặc người
Xấu xa cũng thể con nuôi [2]
Tươi tốt mặc người cha chẳng có thương".
Cao Vân nước mắt hai hàng:
"Cha khôn phép giết được chàng Lý Công
Mình người da sắt xương đồng
Vợ là công chúa má hồng như hoa.
Hung Nô lòng có gian tà,
Hãm hại công chúa, lòng đà như không
Ba phen đã giết chẳng xong,
Giết chàng chẳng được, cố lòng hại cha
Giết tôi, cha [3] được vinh hoa
Quyền phong thái tử, họ cha hóa rồng [4]
Tôi thác, có miếu đặt phong [5]

Chú thích:

1. *Thư trai:* phòng đọc sách, ý nói con nhà có học thức.
2. *Con nuôi:* đây ý nói là con do mình sinh đẻ nuôi nấng.
3. *Cha:* tức Cao Công.
4. *Họ cha hóa rồng:* ý nói trở nên cực kỳ cao sang.
5. Ý nói được phong thần và lập miếu thờ.

Sử kinh chép để dõi trong muôn đời".
Thấy con nói đã hết nhời,
Tội tình họ Lý bèn dời cho con
Cao Vân nước mắt như tuôn:
"Khuyên chàng chớ ở nước non khác thường
Dù tôi thác xuống suối vàng,
Cậy anh khuya sớm giữ giàng cha tôi".
Nói năng chưa kịp hết nhời,
Vua truyền đem giết bỏ nơi sông ngoài
Cao Vân tiết liệt anh tài,
Thế cho họ Lý chẳng sai đâu là
Cao Công cầm kiếm bước ra,
Thấy con, nước mắt chan hòa thảm thêm
Đôi hàng nước mắt lưu liên,
Lâm râm khấn vái Hoàng thiên bảo đài [1]
"Con tôi thế mạng cho người,
Lạy chín phương trời cứu lấy con tôi".
Ngọc Hoàng nghe nói ngùi ngùi,
Phán Nam Tào xuống dưới đời một thôi.
Cao Vân còn một chút hơi,
Cầm gươm chém lấy đầu rơi chẳng còn
Chém rồi lại mổ lấy gan
Ta kíp tái hoàn [2] tâu đến Quốc vương:
"Tôi nay đã lĩnh Lý Công,
Vâng lời vua phán bỏ công chém đầu".
"Mặt đông văn vũ trước sau,
Vàng ròng trẫm thưởng tước hầu làm ghi
Còn như Lý Công một khi,
Truyền cho tống táng thân thi an lòng".
Trở về nói với Lý Công:
Con ôi có biết được lòng cha thương
"Con cha thế mạng đã an,
Tử sinh cha cậy một chàng hôm mai
Tên con cha đã cải rồi,

Chú thích:

1. *Hoàng thiên bảo đài*: Ngọc Hoàng ngự ở toà báu tức Thượng đế.

2. *Tái hoàn*: trở về.

Cao Vân là hiệu về nơi họ nhà.
Tìm thầy mà học phương xa,
Ngày nào thi đỗ khôi khoa [1] sẽ về.
Vợ con chớ nhận làm chi,
Nếu nhận vậy thì tội đến ta nay
Vàng ròng năm lạng của này,
Thượng trình [2] mang lấy một giây tức thì
Đăng khoa cập đệ [3] sẽ về,
Báo thù việc ấy để ghi tấm lòng".
Cúi đầu quỳ lạy Cao Công,
Nói với công chúa lại cùng Thị Hương.
"Dù vua có bắt hai nàng,
Khá nên trực tiết, cương thường chớ khuây [4]
Dù nàng có tự vẫn nay,
Xin cha trợ táng thuở nay thân nàng
Mồ xây mả đẹp kỹ càng,
Chớ để mình nàng tất cả mà thương".
Thoắt thôi họ Lý lên đường
Xông đột dặm trường đến đất Bảo Vương
Cải tên, cải họ [5] rõ ràng,
Rừng nho, bể thánh chẳng thường hở tay
Này đoạn công chúa thương thay
Hung Nô hãm hiếp bắt rầy hôn nhân.
Bảo rằng: "Thay áo đổi quần,
Hương xông, xạ đốt, áo khăn sạch mùi".
Hung Nô gian ác nước đời,
Phán rằng: "Công chúa đứng ngồi cùng ta".
Công chúa đặt gối tâu qua,
Rằng: "Tôi hoa nguyệt vốn đà tính không
Phận hèn chuyên giữ một chồng
Tâu lệnh cửu trùng, chẳng dám thờ hai".
Hung Nô rằng: "Trẫm chẳng nài,

Chú thích:

1. *Khôi khoa*: đỗ đầu khoa thi .
2. *Thượng trình*: lên đường.
3. *Đăng khoa cập đệ*: thi đỗ.
4. Cả câu ý nói: cố giữ tiết tháo, chớ quên đạo thường.
5. *Cải tên, cải họ*: đổi tên đổi họ.

Nghĩ chi hương lửa thắm phai sắc nàng
Thế gian bối rối chẳng đang,
Bù mà thắm lửa phai hương sá nào !"
Công chúa nước mắt tuôn dào,
Ôm nàng Hương Thị, hạt châu ròng ròng
"Tôi xin giả nghĩa Lý Công,
Ba năm ba tháng cho xong cũng vừa".
Hung Nô rằng: "Trẩm không chờ,
Ta đây đã quyết, nàng đà phải nghe".
Nàng liền lăn khóc tỉ tê:
"Lấy uy hãm hiếp còn chi tình nồng !
Thác thì thiếp thác cho xong,
Trọn đạo vợ chồng, vẹn nghĩa mẹ cha.
Dù vua chẳng nghĩ gần xa,
Giết tôi hồn được theo hòa Lý Công
Vua nay mắt phượng mày rồng,
Hiếp người con gái có chồng làm chi ?
Giết chồng hãm vợ ra gì,
Làm vua bất chính hết bề trị dân".
Hung Nô tức giận căm gan,
Mới phán lực sĩ hai chàng bắt ra
Đóng vào cũi sắt cho ta,
Đem bỏ công chúa giang hà mênh mông
Thị Hương đem bỏ rừng thông,
Một mình văng vẳng cực lòng càng thương
Động Đình [1] Thủy Tề Long Vương,
Cứu ngay công chúa khỏi đường gian nguy
Hung Nô tức giận đem về
Tóc dài cắt vấn ủ ê má hồng
Mũi tai cắt hết não nùng,
Chân tay cắt cả không mong giữ giàng
Mày đà trọn đạo tao khang,
Sai chúng đem nàng bỏ chợ Thanh Dương
Này đoạn công chúa càng thương,
Một mình ở chợ Thanh Dương thảm sầu

Chú thích:

1. *Động Đình:* nơi ở của vua Thủy Tề.

Năm canh thức nhấp ruột đau
"Chàng ơi ! Có biết lòng sầu thiếp nay ?
Bữa này cơm thiếp ăn mày,
Có thương thì hưởng chút này, chàng ơi !
Khấn rồi lại khấn Thị Hương
Em ơi ! Phiêu bạt tha phương chốn nào ?
Đầm đầm nước mắt tuôn trào,
Có thương đến chị thì vào ăn cơm".
Lạy rồi nằm đất gối rơm,
Tang tóc thờ chồng để đủ ba đông
Thương cha lại nhớ đến chồng
Lo nhà lo nước triều trung mối giềng.
Này đoạn Bảo Vương mười niên,
Buồn thôi mới ngự trên đền nhớ con
Thấy hoa trong chậu còn non,
Nhị còn bao lại hoa còn nở ra
Lá vàng chơm chởm thay là
Đợi trông công chúa về tòa nội cung
Muôn chim kia cũng dốc lòng
Đua nhau nép lại vào lồng chẳng bay
Cá nằm ép xuống ao này,
Bởi công chúa bị cha đày thác oan
Một mình cách trở đầu non,
Mười năm chẳng thấy tiên còn hỡi tiên [1]
Lấy ai bồi dưỡng thiếu niên ?
Bấy giờ nghĩ lại nhớ phiền luống trông
Này đoạn Hoàng hậu chánh cung,
Lệ nhỏ khăn hồng còn một chút nay,
Lệ châu giọt ngọc tuôn đầy,
Mưa nắng đêm ngày có thấu hay chăng ?
Đòi phen châu lệ ngập ngừng
Nhớ con mẹ chẳng biết chừng hỏi ai.
Phán đòi văn vũ trong ngoài,
Ai tìm công chúa tái hồi được chăng ?
Bách quan văn vũ tâu rằng:

Chú thích:

1. *Tiên:* chỉ công chúa.

"Bà tôi [1] cá bể đã ăn chẳng còn".
Hai hàng nước mắt nỉ non
Châu sa giọt ngọc nào còn thấy ai...
"Trẫm thì chẳng có con trai
Trẫm phải kén tài sĩ tử đăng khoa
Lịnh truyền văn vũ gần xa,
Dạy ai có đức, trẫm hòa nhường ngôi !"
Đua nhau văn vũ trong ngoài !
Đều vào ứng thí trước đài thiên nhan,
Rừng nho bể thánh lừng vang,
Ai ai cũng muốn Vũ môn hóa rồng [2]
Này đoạn nói chàng Lý Công,
Cải tên họ khác giữ dòng Cao Vân
Ăn mày mà học dưỡng thân
Xuyến vàng để lại, bảo trân chẳng cần
Bữa ăn thất thểu cháo rau,
Mình gầy, mặt võ ai hầu chẳng thương !
Nghe vua chiếu mở kho tràng,
Khấn trời thi đỗ bảng vàng bõ công
Trước là đền đức Cao Công
Sau là rước lấy Hoàng tông đem về
Áo quần thu xếp ra đi,
Xuyên rừng, lội suối, quản chi công trình
Đua tài kinh sử khoa danh,
Trạng nguyên phút đỗ chói danh bảng vàng
Vua ban dù ngựa nghênh ngang
Lọng vàng, đai ngọc phô trương lên chầu
Xem hoa ruổi ngựa đua nhau,
Xướng ca lừng lẫy vui thâu đêm ngày
Trạng nguyên ra lễ vua rầy,
Vua xem thấy Trạng thương thay bận lòng
Hạt châu hàng lệ đôi dòng,
"Giá còn công chúa bằng lòng gả cho"
Lệnh truyền văn võ triều đô,

Chú thích:

1. *Bà tôi:* Chỉ công chúa.

2. *Vũ môn hóa rồng:* Theo truyền thuyết xưa, cá chép vượt cửa Vũ thì hóa thành rồng, đây dùng điển này chỉ việc thi đỗ.

Ai sinh gái đẩm dâng vua ngày rầy
Kén đòi văn võ đông tây,
Con quan Thừa tướng ngày rầy trâm anh
Tuổi vừa mười tám xuân xanh
Hình dung nhan sắc nổi danh một bề
Đưa vào hầu hạ đan trì
Vua dạy vậy thì nuôi để làm con
Vua nhìn em vững ngọc Côn [1]
Đòi Trạng vào phán gả con cho rầy
Thực là đôi lứa xứng thay,
Sắm sanh lễ vật trẩm rầy gả cho
Cao Vân [2] đặt gối tâu qua !
"Tôi xin phó nhận rồi bề sẽ toan [3]
Hung Nô cõi ấy biên quan [4]
Tôi xin đến đấy chu toàn ba năm
Phục tùng, tôi mới chiêu an [5]
Tả bình hữu thuận, khải hoàn, tấu văn". [6]
Bảo Vương mới phán vân vân,
Truyền cho hải đạo [7] sắp quân tức thì
Thủy bộ quản suất [8] một khi
Này binh quan Trạng tìm về báo ơn
Cao Công nghe nói nguồn cơn
Biết là quan Trạng báo ơn rõ ràng
Con ta ngày trước thay chàng,
Sáng ngày, vào gián nhà vương [9] một nhời
"Trạng nguyên rầy có binh trời,
Tâu vua chớ đánh bại người làm chi
Chẳng bằng hàng Trạng một khi,
Nước ta có Trạng vậy thì mới an".

Chú thích:

1. *Ngọc Côn:* ngọc ở núi Côn Sơn, ý nói người tài và quí.
2. *Cao Vân:* Lý Công đổi tên là Cao Vân.
3. Ý cả câu nói xin đi nhận chức trước rồi sẽ tính việc hôn nhân.
4. *Biên quan:* chỗ quan ải giáp nước khác.
5. Ý cả câu nói khi Hung Nô đã hàng phục, bấy giờ sẽ vỗ về cho họ được yên.
6. *Ý cả câu nói:* Tả hữu xung quanh đến bình định, sau đó sẽ khải hoàn về tâu vua
7. *Hải đạo:* đội quân đường bể.
8. *Thủy bộ quản suất*: cai quản đốc suất cả quân thủy lẫn quân bộ.
9. *Gián nhà vương:* can ngăn nhà vua (Hung Nô).

Hung Nô chẳng biết nguồn cơn,
Tức thì khiến tướng cầm đơn ra đầu [1]
Can qua gươm giáo kíp thâu,
Bốn bể về đầu, tám cõi bụi trong [2]
Đoạn rồi lễ tạ Cao Công
Trở về lừng lẫy xiết lòng thảm thương !
Trạng nguyên cầm lấy gươm vàng,
Dạy quân đem xuống để chưng thuyền rồng
Trạng nguyên chiếu diệu thần thông
Chỉ mũi thuyền rồng, binh tán làm hai
Tiến vào cung điện lâu đài,
Hung Nô mọi chốn xem rầy làm sao.
Đã xem cung chính [3] trước sau,
Lại xem cung thứ [4] cùng vào cung ba [5]
Bèn xem khắp hết gần xa,
Chẳng thấy công chúa ở hòa phương nao !
Hai hàng nước mắt tuôn dào,
Ắt là đã thác còn đâu mà lường !
Đêm khuya vắng vẻ phòng hương
Lại ra ngoài chợ, phố phường một khi
Này đoạn công chúa càng ghê,
Đoạn xong hành khất lại về gốc đa
Tóc mây bỏ rối xấu xa,
Mặt hai hàng chữ gọi là quỷ nương [6]
Mũi tai hết sạch thảm thương
Chân tay chặt hết, tiễn nương tật tàn
Tả tơi rách rưới lang thang,
Lý Công chẳng biết mặt chàng là ai
Lại gần ren rén mà coi
Nàng bèn lẩn xuống, đương ngồi cúng cơm:
"Lý Công chàng hỡi là chàng !
Dương gian âm phủ hai đàng khác nhau

Chú thích:

1. *Khiến tướng cầm đơn ra đầu:* sai tướng đem thư ra đầu hàng.

2. *Bụi trong:* bụi không vẩn đục, chỉ sự thanh bình. Ý nói thiên hạ hàng phục và cả nước được thái bình.

3. 4. 5. *Cung chính, cung thứ, cung ba:* Ba nơi ở của các vợ vua.

6. Ý nói bị thích hai chữ "Quỷ nương" (con quỉ cái) vào mặt.

Dù chẳng hồn ở nơi đâu
Cũng lên tạm hưởng cơm rau thiếp mời".
Lý Công nghe nói một nhời,
Ruột đau đòi đoạn, rụng rời đòi khi !
Hầu mong đem lấy nàng về,
Lại e mình thế tứ bề cười chăng
Mẹ cha chưa báo đạo hằng [1]
Ơn anh mong giả họa chăng vẹn tuyền
Làm ơn báo oán chẳng nên,
Nếu mà nhận lấy vua liền giết cha
Làm thinh, kíp đến dò la,
Ướm tình mà hỏi, thử qua nhời này
"Thanh Dương hàng quán đã đầy,
Cớ sao nằm đất cực thay mấy nàng ?"
Hai hàng giọt ngọc chứa chan,
Vừa nói vừa khóc ruột gan như bào:
"Mặc người hàng quán ra vào,
Tôi nay tang chế dám đâu nằm giường
Chồng tôi thác mười năm trường,
Lòng tôi giữ vẹn tóc tang những ngày...
Đêm khuya vắng vẻ đông tây,
Trình ông hỏi chuyện ấy rầy làm chi ?"
Trạng nguyên rằng: "Chẳng hề chi,
Tôi là thầy bói nhân đi qua rầy
Thấy nàng trung hiếu thương thay,
Nàng mà có bói thì thầy bói cho".
Nàng nghe nửa lệ [2] nửa lo:
"Lạy thầy xin bói hộ cho, ơn thầy !"
Trạng nguyên tính đốt ngón tay:
Bảo rằng: "Quẻ ấy thật may cho nàng
Ngày mai có Trạng viễn phương,
Đón rước lấy nàng làm vợ chính cung".
Công chúa nghe nói hãi hùng
Tủi mình lỗi tiết thờ chồng chẳng ngay

Chú thích:

1. *Đạo hằng*: đạo (bằng) thường.
2. *Lệ*: e lệ, e ngại.

Nàng liền lẫn khóc thở dài
Rằng: "Dùng chi kẻ chân tay chẳng liền
Trước là hổ với hoàng thiên
Sau là lỗi đạo bệ tiền các quan [1]
Xin thầy hãy tạm bảo ban,
Kẻo thì người bắt lại làm khổ tôi !"
Trạng nguyên trong dạ ngùi ngùi,
Làm thinh, để dạ, bước lui trở về
Canh khuya vắng vẻ tứ bề,
Trạng nguyên ra về nào có ai hay
Tâng bẩng vừa mới sáng ngày,
Trạng nguyên ra trước tỏ bày sự duyên
Nói cùng văn võ trong thuyền,
Đêm nay nằm thấy một điềm chiêm bao
Thấy thần tướng cả hình cao,
Mũ vàng, thẻ bạc, hồng hào tốt xinh.
Bảo ta sau trước phân minh,
Rằng: "Vợ ta ở trú đình [2] chốn đây
Một mình vò võ bấy nay,
Mũi tai không có, khóc rầy nhân gian
Tay chân cụt hết tật tàn,
Mặt trăm hàng chữ [3] xem nàng khó khăn
Nhời thầy nào có linh chăng,
Hay là trời khiến mệnh căn bảo toàn".
Liền cùng văn võ bá quan,
Đề huề dù, võng, dạo đàng chợ quê
Trước là tìm thấy hiền thê,
Sau là cho biết chợ quê thế nào...
Đôi bên kiệu tán lao xao,
Nghiêm bày quân chúng [4] ai nào dám đương
Nửa giờ tới chợ Thanh Dương,
Nam thanh, nữ tú, chật đường, vui thay !
Công chúa còn nằm chưa hay,

Chú thích:

1. *Bệ tiền các quan:* trước bệ các quan, ý nói trước các quan trong triều.
2. *Trú đình:* chỗ tạm trú.
3. *Mặt trăm hàng chữ:* mặt bị thích nhiều hàng chữ.
4. *Nghiêm bày quân chúng:* dàn quân một cách nghiêm chỉnh.

Thở than thân phận thảm thay trong lòng
Trạng nguyên xem thấy hình dong,
Nói cùng hiền sĩ: "Thực rằng vợ ta
Nhời thần mách bảo chẳng ngoa,
Truyền quân mau chóng đem ra thuyền rồng".
Đầm đầm giọt lệ khăn hồng,
Nay mừng rước được Hoàng tông [1] đem về
Công chúa lăn khóc ủ ê:
"Lạy ông tôi thực người quê ăn mày
Người là quan Trạng cao thay,
Thiếu chi nữ sắc, dùng rày bần nhân ?"
Nàng đương than thở thiệt hơn,
Tam quân [2] liền võng mau chân đưa về
Mừng thay xum họp phu thê,
Trạng nguyên thôi mới trở về chẳng đi.
Bách quan thấy sự lạ kỳ
Đều chê quan Trạng thật thì dại ngây
"Tiếc cho quan lấy người này,
Là kẻ ăn mày chẳng có tay chân.
Tốt phúc ta làm đại thần,
Thì ta đóng cửa kén xuân nữ tài
Khôn ngoan nhan sắc vừa hai,
Hơn là ông Trạng lấy người bần nhân !"
Người ta đồn dậy xa gần,
Trạng nguyên chịu vậy chẳng cần cười chê
Canh ba vắng vẻ tứ bề,
Trạng nguyên mới hỏi hiền thê nhời này:
"Chồng nàng thác mấy năm nay,
Sao nàng mất hết chân tay như vầy ?"
"Gửi tình quan Trạng người hay,
Chồng tôi sớm thác bấy nay mơ màng".
Trạng nguyên mới mở hòm rương,
Bèn lấy xuyến vàng rồi mới đem ra
Công chúa nước mắt chan hòa.

Chú thích:

1. *Hoàng tông:* chỉ công chúa.
2. *Tam quân:* ba quân, tức các quân lính.

Trạng nguyên mới nói dàn hòa thấp cao
"Xuyến vàng này của em trao
Em ơi ! Biết được lòng nào hay không ?
Anh nay là chàng Lý Công
Con vua Bảo Tượng cửu trùng vua cha".
Thoắt thôi công chúa nói ra:
"Người là quan Trạng tên là Lý Công
Bao nhiêu tích trước mặn nồng,
Xin chàng nói hết ngọn dòng nghe qua
Tôi con Bảo Tượng chương tòa,
Bao nhiêu sự nhà chàng nói tôi hay ?
Đầu đuôi thì bởi tại ai,
Xin chàng nói hết tôi nay được tường".
Lý Công kể hết mọi đường.
"Đầu đuôi ấy bởi Thị Hương vẽ vời
Thị Hương đi chợ một ngày,
Thấy tôi đói khó cho ngay bốn tiền
Cho nên nàng bắt vào đền,
Vua cha bắt được ngỡ liền gian manh
Đem tôi đi giết trường hình [1]
Bách quan triều đình can gián chẳng cho
Bỏ sông trôi đến Hung Nô,
Vua này lại giết chẳng tha ngày rầy".
Lý Công nước mắt tuôn đầy,
"Có quan Thừa tướng người rầy họ Cao
Con người như ngọc tốt sao !
Người đem thế mạng bấy lâu đêm ngày,
Nên tôi cơ khổ lắm thay,
Lại trở về rầy thi đỗ Trạng nguyên.
Con gái Thừa tướng như tiên
Gả cho, chẳng chịu kết duyên, tìm nàng".
Đoạn này nói chuyện xuyến vàng
Lý Công hỏi nàng: "Nào sách ngày xưa ?"
Đứng lên công chúa liền thưa:
"Sách tôi gìn giữ đã vừa mười năm".

Chú thích:

1. *Trường hình:* nơi hành hình các tội nhân.

Lý Công mới hỏi ân cần:
"Thị Hương lưu lạc cơ bần hà phương" [1] ?
Nghe lời, công chúa càng thương,
"Thị Hương đem bỏ một phương xa rồi"!
Hai người lăn khóc một thôi
Trên trời bỗng thấy một đôi tiên rầy.
Lấy bầu đan dược [2] nhúng tay,
Vẩy cho công chúa một giây lại hoàn
Mũi tai hơ hớ dung nhan,
Mặt hai hàng chữ lại an dần dần
Lại toàn vóc ngọc tay chân,
Hình dung nhan sắc mười phần hơn xưa
Công chúa nước mắt như mưa
"Xin chàng chớ vội giao hòa làm chi
Tôi xưa cha đã đày đi,
Tôi quyết trở về thấy mặt mẹ cha
Cùng là thấy bốn quan già
Thời tôi kết nghĩa giao ca cùng chàng".
Trạng nguyên mỉm miệng cười rằng:
"Bấy lâu ai tưởng vui mừng như nay !"
Nghe lời mừng động niềm tây;
Viết thư một bức gửi rầy hồi quy
Xá nhân [3] chịu lấy đem về,
Trông chừng thẳng tới đan trì Bảo Vương
Cá mừng thấy có thư nàng,
Giương vây chắc chắn hai hàng lội ra
Chim mừng thấy có thư nhà
Bèn bay lên xuống chất đà nên non
Vượn mừng vui vẻ ru con
Chim mừng, nhảy nhót véo von đêm ngày
Suối mừng, đàn ngọt chảy ngay,
Ve mừng, êm ả hát ngay mùa hè
Thư đem về đến đan trì,
Tâu: "Thư công chúa gửi về thiên môn".

Chú thích:

1. *Hà phương:* nơi nào.
2. *Đan dược:* thuốc tiên.
3. *Xá nhân*: viên chức cấp thấp chuyên làm việc sai phái.

Thấy thư mà chẳng thấy con,
Vua cha mừng tủi, lệ tuôn khăn hồng.
Phán nhời Hoàng hậu chính cung:
"Này thư công chúa niêm phong mới hồi" [1]
Bấy giờ Hoàng hậu chính ngôi,
Xem thư mà khóc: "Trời ơi, chăng trời !
Thấy thư mà chẳng thấy người,
Cơ khổ bấy trời ! Xiết nỗi lầm than".
Doãn quan, đài chế, tả ban [2]
Nghe thư công chúa, bách quan chạy vào
Mong người như cá mong sao,
Như hạn mong rào [3] như nắng mong mưa.
Vua ban văn võ bấy giờ,
Mở thư công chúa xem qua tức thì:

Thư rằng:

Kính thăm vương phụ, cùng với chính cung
Văn vũ triều trung, mọi nơi khắp hết.
Tôi sinh là gái, tuổi mới mười ba,
Trước duyên trời khiến, nên gặp Lý Công
Cha ngỡ gian hùng, đem con đi giết,
Triều đình can gián, cha lại bắt đày.
Trôi một tháng chầy, tới nước Hung Nô
Thói bạc gian tà, thấy con nhan sắc,
Quyết bề gian hiếp, bắt làm chánh cung,
Cao Công có lòng, đem con thế mạng
Lồng lộng đạo trời, Lý Công biết được
Lại trở về quê, phút nay lại gặp
Cập đệ đăng khoa, chân chuốc hài hoa
Mặt mày lồ lộ, lòng trời phù hộ
Chẳng hại Lý Công, con chịu mười đông
Nén hương bát nước, thờ cha hết sức
Thờ mẹ hết lòng. Hung Nô lại bắt,
Đã bỏ xuống sông, lại một cũi đồng
Đem về hành tội, cắt mũi cắt tai

Chú thích:

1. *Mới hồi:* mới gửi về.
2. Cả câu nói về các quan chức trong triều nói chung.
3. *Hạn mong rào:* đại hạn mong được mưa rào.

Chặt hết chân tay, mặt đề hàng chữ...

Bái thư

Bảo Vương nghe đọc thư rồi,
Sai mười lực sĩ qua vời các vua
Tống, Tề, Lương, Sở, mọi khu,
Nước Hàn, nước Trịnh cùng phù Yên Kinh
Mỗi nước ra một vạn binh,
Đền thời tiến thẳng vào thành Hung Nô
Thủy triều nước chảy lên bờ,
Bộ binh rợp núi xông pha chiến trường
Đầu binh tới nước Bảo Vương,
Cuối binh còn ở nước Lương, nước Tề,
Binh đi ba tháng như xe,
Bảo Vương làm yến vỗ về chư quân
Đông tây văn võ triều thần
Vui lòng lĩnh lấy ba quân binh ròng
Trước là trả nợ triều trung,
Sau là sang rước Hoàng tông nước người
Hoàng hậu là đấng anh tài
Mình mặc áo giáp nên trai anh hùng
Một trăm cung nữ theo cùng:
"Chúng tôi chủ tướng đều lòng Cần vương" [1]
Này đoạn chư tướng đi sang,
Gọi là Hoàng hậu mở đường tiên phong
Hai mươi cờ đỏ thẳng giong,
Những tiếng anh hùng đột pháo xông tên [2]
Thủy lộ lừng lẫy hai bên,
Đi sáu tháng liền đến nước Hung Nô
Hung Nô xem thấy sự đồ [3]
Đòi Trạng nguyên hỏi toan lo phương nào
Trạng nguyên đặt gối tâu vào:
"Đã có anh hào, vua chẳng phải nghi
Liền sai quan Trạng một khi,
Tiếp bà Hoàng hậu đánh về Hung Nô

Chú thích:

1. *Cần vương:* giúp vua.
2. *Đột pháo xông tên:* xông pha vào nơi tên đạn.
3. *Sự đồ:* quân lính của Trạng.

Cờ vàng, cờ đỏ đều đua,
Rước quan thẳng tới, lướt vô chẳng chầy
Tên bắn như thể ong bay,
Hai bên bờ phất thẳng ngay vào đền.
Hung Nô tám cõi chạy tan,
Đói khát cơ hàn vì trận chẳng nên
Tướng trời vừa xuống đông biên,
Bắt Hung Nô liền chém hết phanh thây
Cuốn cờ thẳng đuổi đường mây,
Hoàng hậu kíp rầy vội vỗ lấy con
Này đoạn chư tướng đi sang,
Thấy giặc đã tàn, chư tướng mừng thay
Chư tướng mới nói nhời này:
"Là Hung Nô rầy ta bắt giết chơi !"
Trạng nguyên gửi biểu tâu rồi,
Vua cha Bảo Tượng chương đài một khi
Vua cha làm chiếu gửi đi,
Mới dạy Trạng thì tìm lấy Cao Công
Gửi sang sắc tước quyền phong;
Thế ngôi Thiên chúa, Cao Công cầm quyền
Lập đàn miếu vũ một đền,
Thờ Cao Vân, đoạn, chàng liền về quê.
Này đạo Cao Công một khi,
Vợ chồng nên trốn một thì đầu non.
Ngồi đang năn nỉ thiệt hơn,
Làm phúc mong lại được còn giàu sang
Con sinh thế mạng cho chàng,
Con đi đánh giặc tha phương chưa về
Ròng ròng nước mắt như mưa,
Con sinh, con dưỡng [1] bây giờ vắng ai
Trạng nguyên lạy trời một khi,
Xe loan sắm sửa kíp thì tìm cha [2]
Lại vào đến chốn sơn gia [3]
Cao Công ngỡ giặc, thoát đà khóc ngay:
"Ngửa trông lượng cả cao dày
Xin tha già yếu, bắt rầy làm chi ?"
Trạng nguyên nhìn biết một khi

Chú thích:

1. *Con sinh*: con đẻ chỉ Cao Vân; con dưỡng: con nuôi, chỉ Lý Công.
2. Chỉ Cao Công.
3. *Sơn gia:* nhà ở trong núi.

Ôm cha mà khóc xiết gì khúc nhôi
"Nào hay cha lại gặp tôi,
Cao Vân anh hỡi chầu giời đã lâu !
Để cho tôi chịu thảm sầu,
Trời cao, bể rộng, xa nhau suốt đời
Giặc kia đã dẹp yên rồi,
Ngựa xe dìu dặt phản hồi tìm cha.
Rước về sửa trị nước nhà,
Phiên bang chúa tể phong cha trị vì".
Cao Công nghe nói một khi,
Lên xe loan thẳng đường về triều ca [1]
Bấy giờ đã dẹp an qua,
Nhân dân đâu đó âu ca, tụng huyền [2]
Rầy mừng nước trị nhà yên,
Kiệu vàng tán bạc đi tìm Thị Hương.
Thảm thương đã mấy năm trường,
Thị Hương mặc áo điểm trang ngày rầy
Dã nhân [3] ngồi chực đêm ngày,
Ở cùng thú vật biết rầy người tiên
Ngày ngày hái quả đem lên,
Thạch bàn [4] đặt xuống, khấn lên hưởng cùng
Nước trong dưới suối trùng trùng,
Gió trăng trong mát mấy vùng đêm thu
Xem mây một trận mịt mù.
Hai kiệu đã có hai vua trị vầy
Đoái nhìn phương Bắc xem mây,
Có bà Hoàng hậu sang đây những là.
Theo sau có tướng trảo nha [5]
Chẳng ngờ đã chiếm thành xa ngày rầy
Ngựa xe người đã tới đây,
Một giờ sẽ tới đến rầy chẳng lâu !
Mảng còn đứng ngắm trên cao,
Kiệu vàng người đã đứng vào đầu non
Bây giờ mới biết rằng con,
Xưa kia lưu lạc nước non xa vời

Chú thích:

1. *Triều ca:* triều đình.
2. *Âu ca:* ca hát. Ý nói nhân dân sống trong cảnh thái bình vui vẻ.
3. *Dã nhân*: người rừng.
4. *Thạch bàn*: tảng đá phẳng và vững chắc.
5. *Trảo nha*: móng và vuốt. Ý nói các tướng thân cận và tài giỏi sắc bén.

Mới biết bĩ cực thái lai [1]
Hoàng tông còn đợi ở ngoài Thanh Dương
Với cùng Hoàng hậu tòa chương,
Cùng sang dẹp giặc tha phương bấy chầy
Thuở xưa chịu lụy đã đầy,
Bây giờ họp mặt vui vầy dám quên
Giã từ chốn cũ lâm tuyền [2]
Cùng nhau trở gót lại miền Thanh Dương
Công chúa sực thấy Thị Hương,
Hàn huyên kể nỗi đoạn trường bấy nay:
"Bây giờ mới gặp em đây,
Một nhà nay lại xum vầy như xưa".
Cam lồ, công chúa tay đưa,
Tắm cho Hương Thị bây giờ thanh quang
Đem ra lại tắm cho chàng.
Cao công trẻ lại bốn phương trị vì
Tắm cho Hoàng hậu chính phi,
Bảy mươi đẹp lại bằng thì trẻ trung
Mừng nay nước trị thung dung
Trạng nguyên mới giãi tỏ lòng một khi:
"Lạy cha ở lại đan trì,
Lạy anh ở miếu, em thì hồi hương".
Lên xe trở lại triều đường,
Thủy vương dâng nước đưa chàng bấy nay.
Đường đi mười một tháng chầy,
Khi về không đến ba ngày ba đêm
Bảo Vương còn ngự áo xiêm
Phán rằng: "Hoàng hậu có điềm nên công"
Mặt đông văn võ triều trung,
Phong quan thưởng tướng đền cùng ơn sâu
Chẳng cho ai khó ai giàu
Có quan, có tướng, vẻ hầu [3] bằng tiên
Bày làm đại lễ yến diên [4]
Vợ chồng từ đấy trong đền vui thay
Hoa đua nở, nhị hương bay,
Cành vàng lá ngọc tốt thay lạ lùng

Chú thích:

1. *Bĩ cực thái lai:* hết khổ đến sướng.
2. *Lâm tuyền:* rừng suối, chỉ nơi Thị Hương đã ẩn náu.
3. *Vẻ hầu:* có vẻ gần được.
4. *Yến diên:* yến tiệc.

Kình, nghê dưới suối thong dong,
Đua nhau vùng vẫy, phỉ lòng ước ao
Chim mừng vỗ cánh bay cao,
Vượn mừng ríu rít ra vào hỏi han
Đông mặt văn võ bách quan
Vua mừng Phò mã ca hoan một nhà
Bảo Vương chính ngự chương tòa,
Nhường ngôi thiên tử Lý ta trị vì.
Bảng treo khắp hết chợ quê,
Rầy mừng thiên hạ đã về làm tôi
Chịu truyền họ Lý lên ngôi,
Cải niên hiệu khác là đời Lý Vương
Mới gia phong [1] ả Thị Hương
Thứ phi ngôi đặt yêu đương chúa dùng
Công chúa phong làm chánh cung,
Còn nàng Tào thị bệ rồng thứ ba
Tưng bừng trăm họ âu ca,
Thị Hương khi ấy bỗng đà thụ thai
Sinh ra một chút con trai,
Tuấn tú anh tài, rạng rỡ văn chương
Nhường ngôi phủ trị bốn phương
Nối xưng là hiệu Lý Vương muôn đời
Vợ chồng khi đã chầu giời
Người đã lên trời mãn kiếp ba tiên [2]
Còn đang nói kể sự duyên
Thấy Cao Vân đã ngồi trên tòa vàng
Mừng nhau ba bảy hỏi han:
“Anh về, em ở dương gian thêm phiền !”
Giàu sang cũng bởi thiên duyên
Nhân rồi [3] chép để lưu truyền hậu lai.

Phiên âm từ bản Nôm Thành Văn Đường,
Ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm, AN76.

Chú thích:

1. *Gia phong*: phong thêm chức tước.
2. *Ba tiên:* chỉ Lý Công, Công chúa và Thị Hương.
3. *Nhân rồi*: nhân khi nhàn rỗi.

CHÀNG CHUỐI TÂN TRUYỆN

(Trích)

TIỂU DẪN

Về văn bản, truyện Nôm Chàng Chuối hiện có một bản Nôm tại Thư viện Viện Hán Nôm, nhan đề *Chàng Chuối tân truyện*, ký hiệu AB.84.

Đây là một truyện thơ Nôm khuyết danh, xuất hiện vào khoảng đầu thời Nguyễn, tức khoảng đầu thế kỷ XIX. Trên nền truyện dân gian quen thuộc *Sơn Tinh Thủy Tinh*, truyện *Chàng Chuối* chủ yếu kể về *Chàng Chuối* là con trai của Thủy Tinh. Dựa theo môtip truyện dân gian về các nhân vật có bề ngoài xấu xí như kiểu chàng Cóc, chàng Nhái, chàng Sọ Dừa, truyện *Chàng Chuối* kể về một chàng trai rất đẹp trai, nhưng lại đội lốt một con cá chuối, tạo nên những tình tiết khá ly kỳ và lý thú. Thực chất, đây chính là một chuyện cổ tích thần kỳ được lắp ráp vào truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh*, rồi được diễn ca thành truyện thơ Nôm.

*

* *

Vua Hùng có người con gái xinh đẹp tên là My Nương, lúc mười lăm tuổi, Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng tới hỏi làm vợ. Hùng Vương khó nghĩ, bèn giao hẹn hễ sáng ngày mai ai đem lễ vật đến trước thì nhà vua sẽ gả con gái cho.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Tinh đến trước lấy được My Nương. Thủy Tinh đến sau, tức giận đem quân đánh Sơn Tinh, nhưng bị thua trận. Trên đường trở về, Thủy Tinh gặp một người con gái đẹp và lấy nàng làm vợ. Sau đấy, Thủy Tinh trở về Thủy cung, người vợ trên dương thế sinh ra một con cá chuối.

Mặc cho thiên hạ chê cười, nàng vẫn tần tảo nuôi nấng Chuối. Chuối thường biến thành người, nói chuyện với mẹ. Một hôm, vì tò mò, ba cô con gái của viên quan họ Lý đến xem Chuối. Từ đó Chuối "đêm ngày mơ tưởng hồn hoa". Chuối nhờ mẹ đến hỏi con gái quan họ Lý cho chàng. Vì thương con, mẹ chàng cũng đành liều. Cuối cùng, viên quan họ Lý cho cô con gái thứ ba là Lý Dung và Chàng Chuối lấy nhau. Chàng Chuối trút bỏ lốt cá thành chàng trai trẻ tuấn tú. Chẳng bao lâu tin đồn đến tai vua, vua đòi chàng vào tra hỏi sự tình, rồi sắc phong đại tướng cho chàng. Chàng Chuối vâng lệnh triều đình đi trấn giữ ải Bắc.

Trên đường trở về nhà, gặp vợ ở miếu đường. Chàng Chuối mới biết khi mình vắng nhà, do ghen ghét nên cả hai người chị của Lý Dung đã đẩy nàng xuống sông. Biết nàng là vợ Chàng Chuối, vua Thủy Tề đã cho nàng cải tử hoàn sinh. Để vạch mặt hai chị, Chàng Chuối cho Lý Dung vào hòm kín giả làm quà cho hai chị. Cuối cùng vua Thủy Tề gọi chàng về phong chàng làm thái tử, vợ chàng làm cung phi.

*

* *

Sau đây là phần văn bản tác phẩm phiên âm, chú giải. Chúng tôi trích 388 câu trong tổng số 1.218 câu lục bát.

Đoạn mở đầu: tả cảnh đất nước thanh bình dưới thời vua Hùng.

Thong dong nhân thủa thư nhàn
Mở pho quốc sử mới bàn Việt Nam.
Càng nhìn, càng mặn, càng ham,
Cảnh tiên khá ví, cõi phàm khôn chuyên.
Đất thiêng sinh thánh di truyền,
Quân minh dư áo, thần hiền sửa sang.
Hùng Vương ngôi báu trị trường
Quốc gia đôi chín [1], kỷ cương một lề.
Muôn dân đầm ấm phả phê,
Mặc dầu thương mại, mặc nghề nông tang.
Trời xuân mưa gió dịu dàng,
Chẳng lay cây ngọc, chẳng tan thuyền bè.
Rầu lòng ngợi phú ngâm thi,
Thái bình mừng lập khoa thì Nghiêu thiên [2]

Vua Hùng có người con gái xinh đẹp là Mỵ Nương. Sơn Tinh Thủy Tinh cùng tới hỏi làm vợ.

Lại sinh một ả nhường hoa,
Hùng Vương mới đặt tên là Mỵ Nương.
Trẻ thơ tính đã khác thường,
Thanh tân đòi một, phi phương vẹn mười.
Nhìn xem nhan sắc tốt tươi,
Dáng đi thêm não, miệng cười thêm say.
Mày như liễu, tóc như mây,
Hàm răng đen rức, cổ tay trắng ngần.
Chữ rằng: "Xuân lại thêm xuân",
Tuần ngoài đôi bảy tuổi gần mười lăm.
Vua cha thấy đã mừng thầm
Rắp khuyên bà Nguyệt kéo nhầm dây tơ.

Chú thích:

1. *Đôi chín:* tức mười tám, chỉ 18 đời vua Hùng.
2. Ý cả câu nói đời thái bình thịnh trị như thời Nghiêu Thuấn xưa.

Sàm nhân tâu nhỏ một khi,
Bà tôi cũng mới dậy thì tốt tươi.
Ngẫm trong thế sự nực cười,
Hễ người xấu mặt kết người hồng nhan.
Quần thần hội họp đương bàn,
Tự nhiên xẩy thấy đôi chàng ở đâu.
Bước vào sân trước khấu đầu,
Dãi bày tâm sự xin cầu hôn nhân.
Nhìn xem khí tượng tinh thần
Có bề chí khí, có phần oai phong.
Thiên nhan thấy cũng lạ lùng,
Tuy người đã rõ nhưng lòng chưa quen
Tức thì phán hỏi họ tên,
Rằng hai viên ấy, ở miền nơi đâu ?
Một viên quỳ trước gửi tâu:
Nhà tôi chín thực thấy hầu chẳng xa.
Mảng vui rừng núi lân la,
Triều phu thấy những gọi là Sơn Tinh.
Tuy rằng am cỏ lều gianh
Hằng vui đạo chính, chẳng sinh thói tà.
Bên tai nghe tiếng ngọc hòa
Rằng trong nhà nước có bà thần tiên.
Cả lòng tâu trước ngự tiền,
Họa là may được kết duyên Châu Trần[1].
Thủy Tinh chàng lại quỳ tâu:
Nhà tôi ở cũng chẳng sâu mấy từng.
Thường quen mặt nước bóng giăng,
Ngư ông vốn những gọi rằng Thủy Tinh
Tuy rằng: người mọn thuyền khinh
Bụi trần rửa sạch, đạo lành hằng chơi.
Trộm nghe thiên tử con trời
Sớm sinh thánh nữ khác vời trần gian !
Cả lòng tâu trước thiên nhan
Ngộ may duyên bén một đoàn lửa hương.
Ngự tiền đôi gã phi thường

Chú thích:

1. *Kết duyên Châu Trần*: kết duyên vợ chồng.

Phán cùng văn, vũ, triều đường đôi bên.
Đọ xem Sơn, Thủy ai nên,
Trọn giờ đôi tuổi ngự tiền được hay.
Lưỡng ban đặt gối tâu bầy,
Đội ơn cơm nặng áo rày rộng ban.
Biết chừng giúp nước dẹp loàn
Yên nơi bờ cõi, sạch đoàn kiến ong.
Rằng: như dựng vợ, gả chồng,
Cho ai nấy được, ở lòng thánh vương.
Phán rằng hai gã khôn lường
Thủy, Sơn chưa dễ ai nhường ai đâu
Nhân duyên chẳng lọ ép cầu
Mà cho một ả làm dâu hai nhà.
Cũng điều cá nhảy nhạn sa
Khôn cầm quả ngọc gieo cầu tay ai.
Phán rằng: hễ sáng ngày mai,
Cứ như lời ước độ lai các đồ
Sắm sanh thổ sản toan lo,
Ai đem đến trước thì cho như nhời.
Hai người vâng lệnh con giời
Cúi đầu lạy tạ, chân dời bước đi.
Đều cùng hỏa tốc, tinh phi.
Người đi nước trí, kẻ về non nhân [1]
Rút đường phép nghiệm như thần
Dẫu xa nghìn dặm xem gần tấc gang.
Đôi người ao ước một nàng,
Nhường như gió cả chia vàng giữa sông !

Sơn Tinh đến trước, lấy được Mỵ Nương, Thủy Tinh tức giận đem quân đánh Sơn Tinh, nhưng bị thua trận.

Chẳng lo chẳng quản chẳng suy,
Chưa đầy một phút đã quy các điều.
Tạ ân đức Thuấn nhân Nghiêu
Tiếng đồn phò mã trong triều đã vang.
Nghinh ngang trước gã sau nàng

Chú thích:

1. Cả câu ý nói: Kẻ đi xuống biển, người đi lên vùng núi. Nước trí non nhân là dựa theo câu "Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy" (Kẻ nhân thích chơi núi, kẻ trí thích chơi nước) trong *Luận ngữ*.

Ngựa xe dìu dặt về ngàn Tản Viên
Nghìn năm hương lửa bén duyên,
Đã thề non thẳm lại nguyền giời cao.
Thủy Tinh sau mới bước vào
Thấy Sơn Tinh đã kết giao cùng nàng.
Nhơn nhơn nổi giận vội vàng,
Nhường như sư tử dậy dàng oai phong.
Hư không hóa phép thần thông,
Ào ào gió thổi, đùng đùng mưa sa.
Tiến lên nước chẩy chan hòa
Xem trong phép tắc chỉn đà uy linh
Liền sai tám vạn hùng binh
Tai nghe phó chỉ nhật trình đuổi theo.
Quân đi mặt nước như bèo
Chiêng kề, trống giục, tiếng đèo Tản Viên
Hùng Vương nghe biết sự duyên,
Mật sai sứ giả cấp truyền Sơn Tinh.
Truyền làm lưới sắt vây quanh,
Ngăn sông tiệt lộ giữ mình cho yên.

...

... Đánh nhau kể đã ba ngày,
Đã no binh pháp, lại bầy trận cơ.
Thủy Tinh vô ý nào ngờ
Rằng Sơn Tinh đã có nhờ tay trong.
Mở con sách ước thần thông,
Tự nhiên nước bỗng cạn không bốn bề.

** Trên đường trở về, Thủy Tinh gặp một người con gái đẹp và lấy nàng làm vợ. Sau đấy Thủy Tinh trở về Thủy cung, người vợ trên dương thế sinh ra một con cá chuối.*

Mã la ba tiếng chỉn ghê
Thủy Tinh phút đã rút về nơi đâu.
Chỉ truyền tướng sĩ mau mau
Lấy tre làm cốn, lấy lau làm đình
Đương hiểm chửa có hồi binh,
Đóng nơi cửa Hát ý tình cũng vui.
Thủy Tinh xem thấy một người,
Phỏng chừng đôi bẩy sánh bẩy My Nương.
Hình dung nhan sắc dịu dàng,

Cửa Tần còn cấm nghìn vàng chưa long [1]
Da ngà, tóc phượng, lưng ong
Miệng cười hơn hớn, não nùng lòng xuân.
Một chiều là một thanh tân,
Càng nhìn càng mến, càng gần càng ưa
Ngạt ngào yểu điệu đong đưa,
Ngọc nào dễ xứng cho vừa đồng cân.
Thủy Tinh liền bước đến gần,
Mượn nhời hoa nguyệt Châu Trần gửi trêu. [2]
...
Đêm ngày nghĩ nỗi sinh sơ,
Thủy Tinh mới dẫn sau xưa cùng nàng.
Ta nay là chúa thủy đường,
Đem quân lên đánh sơn trang bấy chầy.
Cùng nhau họp mặt đường mây,
Nào hay là nỗi phận tay bao giờ
Cho nàng luống chịu ngẩn ngơ,
Anh đà ghi dạ nhời xưa một bề.
Một ngày cũng nghĩa phu thê,
Dù nàng thai dựng [3] sinh gì cũng nuôi.
Đừng nghe nhời thế ngược xuôi,
Nữa khi cách mặt mà nguôi tấc lòng.
Mấy nhời cặn kẽ thủy chung
Hòa cơn mưa gió vẫy vùng chỉn ghê
Thủy Tinh kéo về hải tề [4]
Nàng thì vò võ nhiều bề xót xa,
Hai hàng nước mắt châu sa,
Hồn mai thất thểu, mặt hoa võ vàng !
Nỗi mình năn nỉ phòng hương,
Ngùi ngùi trạnh nhớ nhời chàng bấy nay.
Rẩy đà mãn nguyệt no ngày,
Sinh ra một Chuối tốt thay lạ nhường.
Hoa in vẻ gấm rỡ ràng.

Chú thích:

1. Ý cả câu: là cô gái trinh bạch còn cấm cung trong lầu son gác tía.
2. Ý cả câu: thử ướm lời trêu ghẹo chuyện kết duyên vợ chồng.
3. *Thai dựng:* có chửa, có mang.
4. *Hải tề:* tức *hải tế* là vùng biển, *tế* đọc là *tề* cho hiệp vần.

Lại thêm thấy có chữ "vương" trên đầu.

** Chuối thường biến thành hình người. Vì tò mò, ba cô con gái viên quan họ Lý đến xem Chuối. Từ đó Chuối "đêm ngày mơ tưởng hồn hoa".*

Có ngày nhà vắng âm thầm,
Ở trong chậu nước ầm ầm bước ra.
Nàng nghe thấy tiếng nẻo xa,
Vào thì đã thấy lột ra làm người.
Dung nghi tư chất khác loài,
Mình mặc long cổn, thắt đai lam điền.
Đầu thì đội mũ triều thiên
Chân hài đủng đỉnh hoa chiên rõ ràng.
Khoan thai bước tới lên đường,
Lạy từ mẫu mới kể tường khúc nhôi.
Trình rằng bác sinh ra tôi,
Vốn dòng thủy tộc là ngôi thượng hoàng
Bấy chầy cách trở đôi phương,
Mẹ thì chớ ngại miệng thường người ta.
Mấy nhời minh bạch thưa qua,
Xin đừng có lộ hở ra sự tình.
Nàng nghe con nói phân minh,
Đành lòng thôi lại sắm sanh đi làm
Ở nhà thanh vắng mặc chàng,
Gác xuân, lầu nguyệt nghênh ngang chơi bời.
Mảng xuống hoa liễu buồn cười,
Hay là tơ đỏ bởi giời xe duyên.
Có quan họ Lý gần miền,
Sinh ra ba gái thiếu niên lạ đời.
Gót câu đủng đỉnh chân hài,
Mày tầm mắt phượng đọ vời Tố Nga.
Miệng cười trăm thức nở hoa,
Dầy dày lưng tuyết, dà dà tóc loan.
Chưa từng bước khỏi cửa màn
Nghe đồn náo nức khôn hàn nết na.
Rủ nhau tìm tới đến nhà,
Cười cười nói nói xem mà có chăng.
Chuối nghe tiếng nói vang lừng,
Thu hình vào chậu trừng trừng mắt trông.
Ba nàng dạo khắp tây đông

Trở vào thấy Chuối nằm trong chậu đồng.
Chuối xem thấy mặt lượn vòng.
Cất đầu lắc cổ vẫy vùng vội vàng
Thở đùn hớp hớp hai mang,
Ba nàng thấy sự dị thường trở ra.
Chuối từ thấy mặt ba nàng,
Đêm ngày mơ tưởng hồn hoa chốc mòng.
Biết ai sứ điệp tin ong,
Mà cho thấy ý thuận dòng nước xuôi.
Chuối buồn nằm chẳng vẫy đuôi,
Lửa tương [1] chất chứa nhường sôi trận sầu.
Ngại ngùng chẳng muốn đi đâu
Nằm trong chậu nước cầu dầu về hoa !

** Viên quan họ Lý cho cô con gái thứ ba và Chàng Chuối lấy nhau.*

Tiểu đồng trình hết thấp cao,
Người đem sính lễ gửi vào tâu qua.
Tướng công sắm sửa bước ra
Đón nàng cùng Chuối vào nhà thảnh thơi.
Chuối bèn làm lễ một thôi
Cất đầu bốn lễ như người thức song
Lễ thôi tân chủ hai đồng,
Vội vàng mở tiệc lan thông khuyên mời.
Họ hàng ăn uống chơi bời,
Cùng nhau chén ngọc đầy vơi la đà.
Kim ô bóng đã hầu tà,
Đến giờ mới dậy lên nhà sàng đông.
Cho chàng vào lễ tơ hồng,
Đẹp duyên phu phụ phỉ lòng ước ao.
Họ hàng rộn rập xôn xao,
Nào ai dễ biết sự nào đấy vay.
Phòng tây ngào ngạt hương bay,
Chuông đưa viễn tự tiếng chầy nhặt khoan [2]
Chờ khi vắng vẻ thanh nhàn,

Chú thích:

1. *Lửa tương*: ngọn lửa tương tư.

2. *Viễn tự:* chùa xa. Ý cả câu: tiếng chuông từ ngôi chùa xa vẳng tới lúc mau lúc thưa.

Chàng bèn trút lốt dung nhan khác thường.
Mặt hoa mày liễu phi phương
Thung dung bước tới bên dường thở than.
Rằng: "Hai ta bởi tạo đoan,
Ước nguyền nay đã phỉ nguyền phòng hương,
Ruột tằm đòi đoạn tơ vương,
Trước sau mới nói nỗi nàng sự anh".
Nàng rằng: "Muôn kiếp đã đành,
Lọ đà sứ điệp lọ đành tin ong.
Rầy đà vẹn chữ tam tòng,
Kẻo còn tưởng cá, kẻo mong tin nhàn". [1]
Đôi người to nhỏ giao hoan,
Vầy vui cung nguyệt gấm càng thêm hoa.
Mảng vui ngỡ ả Hằng Nga,
Nào hay vừng thỏ đã ra góc ngàn.
Vội vàng sợ lộ thế gian
Bước ngay vào lốt người khôn biết nào.

** Sau khi nhận được sắc phong đại tướng, Chàng Chuối vâng lệnh triều đình ra trấn giữ ải Bắc.*

Kíp đòi Chàng Chuối vào ngay,
Để ta tra hỏi sự này cho minh.
Chàng vào phục vọng điện đình,
Nỗi cha, nỗi mẹ nỗi mình tâu lên.
Vua bèn chỉ phán ngự tiền,
Sắc phong đại tướng được đền công xưa.
Triều đình vâng chiếu chỉ vua,
Truyền cho Lại bộ bấy giờ sắc phong.
Chàng vào bái tạ cửu trùng,
Tạ từ vâng trước sân rồng bước ra.
Cha con ruổi ngựa đường hoa,
Kìa mai, nọ liễu, này là hương quan
Đến nhà vào bái từ nhan,
Vui mừng yến ẩm ca dan ba ngày.
Tiệc thôi sắm sửa chẳng chầy,

Chú thích:

1. *Cá, nhàn:* cá và nhạn (nhàn) là hai con vật tượng trưng cho tin tức, thư từ... trong văn thơ cổ.

Đòi nàng mới dạy, niềm tây sự tình.
Anh nay vâng mệnh triều đình,
Trấn biên ải Bắc Kinh thành chẳng xa.
Nàng nên giữ đạo tề gia,
Đêm ngày phụng dưỡng mẹ già cho anh.
Thần môn định tỉnh việc mình,
Phải chuyên tần tảo tấc thành chớ khuây
Chẳng chầy lại hợp trướng mây
Chớ hề cách mặt lầu tây ngại ngùng.
Nàng nghe nhời dặn thủy chung,
Gạt hàng châu lệ, sự lòng trình qua.
Rằng: "Anh vâng lệnh Quốc gia,
Rày trong muôn việc, cửa nhà thiếp hay.
Xin chàng gắng sức ra tay,
Để cho danh giá nức bay xa gần.
Ấy là lòng thiếp ân cần,
Chớ còn quyến luyến Châu Trần làm chi.
Bình an đôi chữ lại về,
Nghĩa danh vẹn cả mọi bề mới nên".

Trên đường trở về nhà, gặp vợ (Lý Dung) ở miếu đường, Chàng Chuối mới biết khi mình vắng nhà, do ghen ghét nên hai người chị của Lý Dung đã đẩy nàng xuống sông. Biết nàng là vợ Chàng Chuối, vua Thủy Tề đã cho nàng cải tử hoàn sinh. Chàng Chuối cho Lý Dung vào hòm kín để làm quà cho hai chị.

Bây giờ ta hãy tái hoàn,
Đến nhà thời hãy hỏi han thế nào ?
Mặc anh sẽ liệu chước cao,
Để xem đôi chị làm sao đấy rày.
Đôi người than thở niềm tây,
Đông phương đã rạng ngàn mây bao giờ
Sắp thuyền đồ thứ y như,
Sênh khua, trống dóng canh tư đến nhà.
Chàng bèn nhủ Lý Dung ra,
Để vào hòm kín làm quà đưa sang.
Ông bà Lý tướng vội vàng
Thương con mừng rể, bàng hoàng hồn hoa.
Tướng công bèn trở vào nhà
Nằm lăn mà khóc kể đà đứt hơi.

Giờ lâu mới nói một nhời
Rằng: "Ba chúng nó tắm chơi giang hà,
Chẳng ngờ phải trận mưa sa,
Vợ chàng trôi mất biết hòa kêu ai.
Lặn câu chẳng thấy khôn nài
Hô hồn an táng ở nơi sau vườn".
Nói thôi ngần ngại đòi cơn,
Hồn hoa phảng phất, đã hơn nửa giờ.
Thôi chẩy mới ráo nước mưa
Chàng sai lấy võng để đưa ngài về.
Chàng rằng: "Sinh tử sự lề
Tại hồ thiên số ai hề thác oan.
Dám xin thong thả thanh nhàn
Đừng thương nhớ nữa chẳng an tâm thần".
Nói thôi trở lại vườn xuân,
Đôi nàng sơn sớt theo chân vội vàng.
Làm chiều thương xót nỗi nàng,
Chàng rằng chớ nói tôi càng cực thay !
Bây giờ sự đã nhường này,
Biết làm sao siết, nói hay được nào.
Tưởng vì đông liễu tây đào,
Thủy cung tiên hợp chiêm bao mơ màng.
Rày về thấy mặt đôi nàng,
Hôm nay thực của vật thường mừng nhau.
Nhủ rằng vẫn muốn đã lâu,
Vắng em thấy chị còn đâu tấm lòng.
Đôi chị nghĩa đã hẳn xong
Liền khênh hòm đến bên phòng mở ra.
Vừa khi dãi bóng đèn hoa
Lý Dung chào chị ăn quà cùng tôi.
Giã ơn đôi chị yêu rồi,
Tấm em sạch sẽ lên ngồi gốc cây.
Đôi chị thẹn mặt bước ngay.
Sợ lòng cha mẹ hổ rày thế gian.
Rủ nhau lên ở tuyệt ngàn.
Liều mình tự ải khôn toan sống nào.

Chữ rằng: "Thiên võng nan đào" [1]
Hễ người ác nghịch làm sao khỏi mình ?
Lại thêm Thượng đế ra hình.
Sai Thiên lôi đả tan tành thịt xương.

Đoạn kết: Vua Thủy Tề phong Chuối làm thái tử, vợ Chuối làm cung phi.

Hay đâu thiên địa tuần hoàn,
Long vương mới phán vời con về chầu.
Sứ sai vâng mệnh chẳng lâu,
Mở đường rẽ nước mới hầu y như.
Chàng bèn vâng chiếu chỉ vua,
Tinh phi chẳng dám trù trừ ở lâu.
Chàng vâng chiếu chỉ vào chầu
Lạy vua thôi mới vào hầu Lý Công.
Trước sau bầy hết sự lòng,
Tạ từ thôi mới thung dung lên đàng.
Dậm hèo lên ngựa sẵn sàng,
Trước bà từ mẫu với nàng Lý Dung.
Phép làm rẽ nước thần không
Tinh phi một phút tới cung lâu đài
Chàng vào lạy trước bệ dài,
Tâu rằng: tôi đã vâng nay về chầu.
Thượng hoàng phán hỏi nhời này,
Sắc phong thái tử quân thay Thủy Tề.
Phong nàng họ Lý cung phi
Khen rằng: trinh tiết sớm khuya tảo tần.
Còn nàng Kẻ Hạt tứ nhân
Đặt làm một miếu đền rồng tòa chương.
Dương gian sinh Thái tử chàng,
Song còn một sự My Nương còn hiền.
Trễ chân một phút cho nên,
Giở về cửa Hát kết duyên cùng nàng.
Ngày sau xe giá hồi loan,
Thúy xa mới nói cùng nàng sự duyên.
Ở lâu lộ thế chẳng nên,
Thương nàng vả giận tiếc tiền duyên kia.

Chú thích:

1. *Thiên võng nan đào*: lưới trời khó thoát.

Trăm năm đến tiết mùa hè
Lại dâng tuôn nước gần kề ngàn hoa.
Sơn Tinh thấy nước chan hòa
Lại ra phép ước để mà đỡ che.
Quân đi mặt nước như xe,
Sợ nơi chài cát giở về sông con.
Lại quanh ra cửa Hát môn,
Giở về đất Lủ, chước khôn tập tành.
Đệ niên sang tiết xuân sinh,
Xuân qua tới hạ tiền binh lên ngàn.
Mênh mông nước dẫy chứa chan.
Lênh lang núi đá, khi sang bên Chò
Sơn Tinh lòng chẳng quản lo
Mở con sách ước cạn khô tức thì.
Anh hùng nghĩ lại từ bi
Kẻ trong nước trí, người thì non nhân.
Ngẫm xem Sơn Thủy đôi thần
Một thần khá trách, một thần khá khen.
Vợ chồng đạo cả thiên duyên,
Phải duyên thì bén, lỗi nguyền thì không.
Thấy người đã mặn lửa hồng,
Sao lòng chẳng thẹn, mà lòng còn theo.
Truyện này tích cũ hiểm nghèo,
Có điều đã bớt, có điều lại thêm.
Xin ai ngẫm lý mà xem
Dầu quê kệch tiếng thì thêm thất vào.

Phiên âm từ bản Nôm. *Chàng Chuối tân truyện*,
Thư viện Viện Hán Nôm, ký hiệu AB.84.

HOÀNG TÚ TÂN TRUYỆN

(Trích)

TIỂU DẪN

Hoàng Tú tân truyện hiện còn một bản chữ Nôm, do nhà Thịnh Văn Đường khắc in năm Tự Đức 34 (1881) tại Hà Hội; ký hiệu Thư viện Hán Nôm AB. 84. Bản phiên âm của Nguyễn Ngọc Xuân, Nhà xuất bản Văn Minh, Hà Nội - Hải Phòng, năm 1919, cũng căn cứ theo bản Nôm trên.

Tác phẩm này cũng thuộc loại khuyết danh và không có niên đại sáng tác. Căn cứ vào nội dung và ngôn ngữ trong truyện, chúng ta có thể đoán định thời điểm xuất hiện của tác phẩm này là nằm trong nhóm những truyện thơ Nôm ở giai đoạn muộn, nghĩa là vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX.

Cốt truyện *Hoàng Tú tân truyện* khá đơn giản, nhân vật cũng không nhiều. Tư tưởng chủ đề chính của truyện nhằm ca ngợi một chàng trai nhà nghèo mà có chí học hành, đồng thời cũng nhằm ca ngợi một phụ nữ kiên trinh chung thủy với chồng, trong lúc chồng gặp nạn, kẻ xấu đến dụ dỗ, nàng đã tìm cách đưa hắn vào tròng và tố giác mưu gian của hắn. Cuối cùng vợ chồng lại được sống hạnh phúc trong cảnh đoàn viên.

Đặc điểm nổi bật về mặt văn chương của truyện là ở chỗ rất ít dùng điển cố, ít dùng từ Hán mà câu thơ cũng không quá nôm na dễ dãi, như ở phần lớn những truyện thơ Nôm khuyết danh khác.

*

* *

Nội dung tác phẩm như sau:

Hoàng Tú quê ở Tràng An, bố mẹ làm nghề bán đậu phụ. Hoàng Tú được cha mẹ cho đi học và chàng học rất giỏi. Thấy chàng thông minh hơn người, quan Thừa tướng họ Vương muốn nhận chàng làm con nuôi và cho chàng học hành đến nơi đến chốn. Chàng từ chối và chỉ nhận là học trò của quan Thừa tướng.

Một hôm chàng tình cờ gặp Ngọc Côn, một người con gái xinh đẹp, nhưng kiêu ngạo. Nàng nhất định từ chối lời hẹn ước của chàng. Về nhà, chàng liền kể rõ sự tình cho quan Thừa tướng nghe. Quan Thừa tướng lập tức sai người sang hỏi Ngọc Côn cho chàng. Hoàng Tú lấy được Ngọc Côn. Sau đó chàng đi thi, đỗ Trạng nguyên. Rồi chàng được cử đi làm Sứ thần bên Ngô. Ngọc Côn cải dạng nam trang sang Ngô, mong được gần chàng. Hoàng Tú gặp Tiểu Hồng và lấy nàng làm thiếp.

Một người bạn là Tống Thần vu cho chàng lấy trộm ấn vàng của vua, do đó Hoàng Tú bị đi đày. Tống Thần lập tâm dụ dỗ Ngọc Côn làm vợ. Ngọc Côn dùng mưu bắt quả tang Tống Thần trong lúc hắn lẻn đến nhà mình, rồi làm biểu tâu lên vua, kể rõ nỗi oan của Hoàng Tú. Vua tha cho Hoàng Tú, bắt Tống Thần đi đày và phong Ngọc Côn là Tiết nghĩa phu nhân.

*

* *

Sau đây là phần văn bản phiên âm, chú giải, trích 426 câu trong tổng số 1026 câu thơ lục bát.

Thư nhàn ngồi tựa hiên mai,
Trải xem tích cũ truyện ngoài chép chơi.
Họ Hoàng xưa có một người,
Ở Tràng An quận, quê nơi Vị Triều.
Ông cha xưa cũng mỹ miều,
Vận suy nên phải lắm điều gian truân.
Làm nghề đậu phụ kiếm ăn,
Chồng buôn, vợ bán chuyên cần sớm khuya.
Giữ lòng hai chữ nhân nghì,
Chẳng hề làm sự phi vi hoạnh tà [1]
Chút hiềm con muộn, mình già,
Âm công, dương đức để đà hậu thay !
Ngọc Hoàng long bút phê ngay,
Sai tinh tú xuống đầu thai họ Hoàng.
Điềm lành thụy ứng thiên hương,
Thanh kỳ sinh được phi phương tú tài.
Hình dung diện mạo khác người,
Mẹ cha chăm chút hôm mai giữ gìn.
Tuổi vừa lên tám thanh niên,
Đặt ngay Hoàng Tú là tên rõ ràng.
Thần đồng tài lạ khác thường,
Trước nhà ngay giữa công đường tướng doanh.
Rằng: "Ngọc Siêu cũng học hành,
Bảng vàng chiếm được mức danh cùng người.
Bây giờ vực nước, phù đời,
Cầm quyền Tể tướng lộc trời thừa Ngu.
Chớ rằng: thấy khó mà lo !
Nắng lâu ắt cũng có mưa trận rào.
Hãy tu vẹn trí anh hào,
Gia công đèn sách thế nào cũng nên".

Chú thích:

1. *Phi vi hoạnh tà:* những điều ngang trái gian tà.

** Hoàng Tú làm đôi câu đối dán trước cửa. Quan Thừa tướng nhìn thấy, hết sức mến phục, mời Hoàng Tú sang chơi.*

Qua đông, sang tiết xuân thiên,
Minh niên khai bút [1] thử liền đối chơi.
Cửa ngay hàng trúc tướng tài
Sách ta vạn quyển, trúc người nhìn can.
Viết thôi dán trước song quan,
Để người bên ấy xem gan tướng tài.
Phải khi Thừa tướng chơi ngoài,
Hỏi rằng: câu đối của ai lạ lùng ?
Câu đối rằng:
Gia trung vạn quyển thư tràng hữu
Môn ngoại thiên can trúc đoản vô [2]
Xem thôi đấu trí nhi đồng,
Xem hai hàng trúc thử lòng làm sao.
Thần đồng cất bút thêm vào,
Chữ tràng, chữ đoản ý cao sự tình.
Tướng công xem hết phân minh,
Truyền đào hàng trúc hết quanh bên hồ.
Lại thêm câu trúc đoản vô,
Đối thư tràng hữu tài phô hiền hào
Tướng công mới dậy tiêu hao,
Đến đời Hoàng Tú rằng tao yêu vì.
Sang đây tao hỏi vân vi,
Ngũ kinh, chư sử dùng khi tập tành.

** Sau khi biết gia cảnh và học lực của chàng, quan Thừa tướng cho chàng làm nghĩa tử.*

Tướng công thấy nói khen ngoan,
Rằng: tuy con trẻ cơ quan nhiệm mầu.
Cứ như vấn đáp mấy câu,
Đáng tài khôi thám công hầu tới tay.
Bảo dây tướng công nhời này,

Chú thích:

1. *Minh niên khai bút:* nhân ngày đầu năm mới lấy bút ra viết câu gì đó hoặc bài thơ để lấy may cho cả năm.

2. Nghĩa 2 câu đối như câu: "Sách ta vạn quyển, trúc người nghìn can" ở trên.

Cho làm nghĩa tử [1] sang đây theo đòi.
Tập tành đèn sách kịp người,
Minh linh nghĩa dưỡng [2] theo đòi nên danh.

** Hoàng Tú từ chối làm con nuôi, chỉ nhận là học trò của quan Thừa tướng.*

Chàng liền thưa hết sự tình,
Cù lao cúc dục công sinh nặng nề.
Nưng niu bú mớm bù trì
Đền ân, giả thảo sự gì cho cam.
Bây giờ ra dạ bắc nam,
Thấy triều nghĩa tử lòng tham phụ nghì.
Xin đừng ép uổng làm chi,
Trước là lỗi đạo tủi bề thông huyên.
Đơn hàn thấy khó dám phiền,
Vận cơ bĩ thái làm nên có thì.
Chuyên cần dốc trí nam nhi,
Người bền hơn của, tưởng chi bạc tiền.
Giàu sang vì phận vì duyên,
Phúc này lưu loát của liền đầy khe.
Lờn bơn trực phân một bề,
Nghĩa nhân hãy dốc vẹn bề nghĩa nhân.
Trước sau trình hết ân cần,
Tạ quan Tể tướng dời chân trở về.
Tướng công khen trí cũng ghê,
Vả yêu vả sót nhân nghì đảm đang.
Tướng công mới đặt quyển vàng,
Chẳng làm nghĩa tử, thời đàng tòng sư.
Sinh vâng nhời dậy huấn từ.
Sử kinh vấn đáp trơn tru giòng giòng.
Xem đâu thuộc đấy làm lòng
Phú thi văn sách lầu thông làu làu.
Tập đâu cũng trúng tên đầu,
Lân la gieo ngọc ném châu chơi bời.

Chú thích:

1. *Nghĩa tử:* con nuôi.
2. *Minh linh, nghĩa dưỡng:* cũng có nghĩa là con nuôi.

** Hoàng Tú ngỏ lời với Ngọc Côn, nhưng nàng kiêu ngạo từ chối.*

Vừa cơn mưa tạnh gió tan,
Thuyền quyên quân tử một đoàn đường hoa.
Sinh bèn nói ý xa xa,
Cầu Ô giầy bắc Ngân Hà vầy vui.
Hạc thông xem đã sánh đôi,
Phượng hoàng viếng cảnh nghỉ ngơi ngô đồng.
Nên chăng thời quyết cho xong,
Kẻo còn bối rối bòng bong tơ vò.
Xét tình mà nghĩ lòng cho,
Tràng An quân bắc Việt, Hồ bởi đâu.
Ngọc Côn liền đáp lại sau,
Thực vàng chớ thử mà đau lòng vàng.
Đi đây những khách qua đường.
Nói sao mặc ý xem thường mặc ai.
Nhời người gác để ngoài tai,
Giá cao, giá thấp khác loài kém xa.
Ghẹo người sao chẳng xem ta,
Mình như hơi cú ước hòa hơi tiên.

** Vương tướng công sai người sang hỏi Ngọc Côn cho chàng. Phú ông là bố Ngọc Côn nhận lời. Hoàng Tú lấy được Ngọc Côn.*

Công rằng duyên phận vợ chồng,
Vốn chung Nguyệt lão tơ hồng lọ chi.
Sai người sang hỏi tức thì
Đến nhà mới ngỏ vân vi mọi nhời.
Duyên này tác hợp bởi giời,
Vương công Tể tướng dậy tôi sang hầu.
Phú ông nghe nói trước sau,
Ân quan đoái đến muối rau phận thường
Tưởng dưa đổi được cao lương,
Quê mùa rầy được tựa nương quý quyền.
Hiềm con trẻ dại thiếu niên,
Viếng hầu tôi gửi sự nên tại người.
Gia nhân thưa hết khúc nhôi,
Phú ông rằng ấy duyên trời định cho.
Nhiễu tầu buộc lấy vải sô,
Vậy nên đường nghĩa một nhà trúc mai.
Chín niềm kim thạch chẳng sai,

Tướng công mới định duyên hài vấn danh.
Hẹn bày đại lễ xuất hành,
Sắm sanh các vật giờ lành mới sang.
Phú ông tiệc mở lừng vang,
Hai bên nội ngoại họ hàng vầy vui.
Nệm cao, Tể tướng quan ngồi,
Trương đăng kết thể [1] nhiều nơi thanh kỳ.
Tướng công mới dạy một khi
Nam giao nữ cấu sự thì bắt tay.
Tế tơ hồng, Nguyệt xe dây,
Dạ trương hoa chúc, rượu say động phòng.

** Hoàng Tú đi thi đỗ Trạng nguyên, vinh quy bái tổ. Ít lâu sau chàng được cử đi làm Sứ thần ở bên Ngô.*

Bốn phương náo nức tin truyền.
Vào tràng đua sức sấm rền vang tai.
Sinh liền chiếm được bảng mai,
Năm ngày cập đệ ai ai kính nhường.
Mùi hoa sực nức thiên hương,
Trạng nguyên bái tạ quân vương đền rồng.
Cân đai đủng đỉnh thong dong,
Phán khen thiếu tuấn có công học hành.
Song thân cụ khách thơm danh,
Xuân xanh lại có tài lành đảm đang.
Giở về bái tạ họ Vương,
Tướng công mới dạy vinh hương [2] ân cần.
Sửa sang bài phủ chư quân,
Kiệu thầy thứ nhất, song thân thứ nhì.
Cờ, dù, hương án uy nghi,
Thứ ba ngựa trạng, vợ thì thứ tư.
Họ hàng tiếp hậu từ từ,
Vị triều sắm sửa an cư doanh đường.
Quỳnh lâm yến ẩm trà thang,
Hoa đình chốn ấy vẻ vang ba ngày.
Nam nhi phỉ chí rồng mây,

Chú thích:

1. *Trương đăng kết thể*: treo đèn kết hoa.
2. *Vinh hương*: vinh qui bái tổ về làng.

Tin ong, sứ điệp chẳng sai chút nào.
Mặc lòng quý khách ra vào,
Kẻ đem trâm đến, người trao thư truyền.
Xôn xao thục nữ thuyền quyên,
Quyết lòng vàng đá vẹn nguyền nghĩa xưa.
Tới quê vừa được tuần dư,
Tưởng nguồn cơn cũ bấy giờ sẽ thương.
Trước vào tế lễ từ đường,
Hai bên bóng hạc nghiêm trang sáng lòa.
Tạ thôi mới lạy mẹ cha,
Đức rầy phụ mẫu sinh ra tài hiền
Nay tôi đã đỗ khôi nguyên,
Cho cam công học phỉ nguyền bình sinh.
Nói năng chưa hết sự tình,
Tin đâu đã thấy sứ xanh về mời.
Rằng: vua chỉ phán chúng tôi,
Kíp về đón Trạng khâm sai Sứ thần.
Việc vương chẳng khá từ nan,
Vào nhà Trạng mới thở than ân cần.
Mẹ cha ở lại bình an,
Con nay thất hiếu đã cam lỗi nghì.
Ngỡ là chiếm được xuân vi [1]
Mẹ cha được cậy, vợ thời được âu
Bây giờ ngàn dặm quan sơn,
Mười đông sứ sự nguồn cơn thương tình !
Mẹ rằng: gánh việc triều đình,
Khuyên con tạc chữ trung thành chớ âu [2].

** Ngọc Côn cải dạng nam trang sang Ngô, nơi chồng làm Sứ thần, để mong có dịp gần gũi bên chồng.*

Trá hình nam tử bước ra,
Cài xiêm, mặc áo ai hòa biết chi.
Tiền tài sắm sửa đưa đi,
Khách thương xa lạ ngỡ thì nam nhân.
Đáp tầu về bến Hào Tân,

Chú thích:

1. *Chiếm được xuân vi:* tức thi đỗ.
2. *Âu:* lo, thường nói lo âu.

Tiếng quan, tiếng khách vân vân thuộc thời.
Nàng đà thuộc tiếng nước người
Kinh đô dạo khắp mọi nơi phố hàng.
Tìm nơi lập thú nghiêm trang,
Dốc lòng quyến khách họ Hoàng làm đôi.
Tình cờ xẩy có một nơi,
Cảnh thanh thú vị bầu trời vẽ nên !
Sửa sang cảnh vật đã yên,
Phòng hoa quán nguyệt hai bên rõ ràng.
Phù dung thược dược quanh tường,
Lưu phô quần thắm cúc trương tán vàng.
Huệ lan bày, hạnh trăm hàng,
Dập dìu thị nữ nghênh ngang ra vào.
Xa trông ngỡ chốn động đào,
Nhiều nơi quý khách xúm vào chen nhau.
Bướm ong nhạn cá khôn thâu,
Lòng còn e lệ quả cầu chưa trao.
Lầu Tùy ẩn bóng biết sao,
Nàng thời trông đợi ước ao mong chồng.
Đêm ngày tơ tưởng chốc mòng [1]
Băn khoăn cố quốc loan phòng dang tay.

** Hoàng Tú gặp Tiểu Hồng, mến nàng và lấy nàng làm thiếp.*

Trạng rằng: đừng nói chuyện dài,
Chăn loan, gối phượng trúc mai hợp hòa.
Yêu cây vì bởi tiếc hoa,
Thú vui mến cảnh lân la chốn này.
Dù ai rút lá rung cây,
Lang quân thơ thẩn chẳng khuây gốc cù [2]
Nàng rằng: đã hẳn thế ru,
Thời xin quả quyết chỉ cho một lòng.
Thiếp nay bồ liễu đứng hằng,
Phận hèn bèo bọt dám rằng khoe duyên.
Anh hùng yêu đến thuyền quyên,

Chú thích:

1. *Chốc mòng:* mong mỏi.
2. *Gốc cù:* dịch chữ "Cù mộc" chỉ người vợ cả.

Của chi giầu tính vẹn nguyền thủy chung.
Bây giờ thiếp mấy tin lòng,
Điều hơn nhẽ thiệt đều cùng ngỏ nghê.
Phòng khi kẻ thế cười chê,
Rằng cung tiên nữ đám bề nguyệt hoa.
Ô danh mang tiếng xấu xa,
Hay chàng thử ý đàn bà nông sâu.
Lòng người hiểm trở biết đâu,
Xin chàng nghĩ lại thiếp hầu mới an.
Trạng rằng: chiều khách hồng nhan,
Thơ này ghi tạc cơ quan mọi đường.
Thơ rằng:
Thu vào một mối mó ra tay
Quyến cả Đằng Vương vững nức cay.
Phơi phới hỏi sương đông tuyết đến
Đùn đùn nước ngọc hạ tuôn đầy.
Thơ thôi đưa lại cho nàng,
Ái ân kim thạch rõ ràng bút ghi.
Cùng nhau non nước nguyền thề,
Động phòng hoa chúc ngỏ nghê tấc lòng.
Nhị đào im ỉm còn phong,
Xui người quân tử não nùng xót yêu.
Đã nên quốc sắc mỹ miều,
Anh hùng ai chẳng đắm xiêu những là.
Đòi phen tỉa nhị bứt hoa,
Ngả nghiêng nương ngọc tựa ngà sánh đôi.
Rầy rà anh yến xum vui
Kẻo lo thuyền bách [1] ngược xuôi một mùa.
Ái ân đã thỏa chung tình.
Hùng, bi trình thụy [2] dõi sinh hai hòe.
Xướng tùy [3] phải đạo phu thê,
Lòng mừng đã được vẹn nghì thủy chung.

Chú thích:

1. *Thuyền bách:* chỉ thân phận lênh đênh của người phụ nữ như chiếc thuyền gỗ bách.

2. *Trình thụy*: tỏ rõ điềm lành.

3. *Xướng tùy*: để xướng và nghe theo, nói về đạo vợ chồng hòa thuận, chồng nói vợ nghe lời.

** Vì ghen ghét, Tống Thần, bạn của Hoàng Tú, vu cho chàng tội ăn trộm ấn vàng của vua.*

Tống Thần ra dạ bất nhân,
Hiềm vì sự trước ái ân cùng nàng.
Cố lòng ăn trộm ấn vàng,
Gieo tai gieo vạ cho chàng Trạng nguyên.
Đoạn rồi giỗ kết nhân duyên,
Ắt là thời vẹn mười nguyền chẳng sai.
Tức thì dâng bản cáo nài, [1]
Phán truyền sứ giả vâng bài vãng tra.
Khâm sai lĩnh mạng giở ra,
Đến nơi Trạng ở vào nhà khám xem.
Ấn vàng còn để sau hiên.
Sự này đích thực hiển nhiên chẳng nhầm.
Điện vào tâu đặt cửu trùng,
Lôi đình một trận triều trung phán rằng.
Ngỡ là quân tử tài năng,
Ai ngờ cưu dạ [2] lăng nhăng giống hèn.
Đem đầy sơn hải mười niên,
Răn loài gian dối cho yên chúng tà.

** Tống Thần đến tán tỉnh Ngọc Côn.*

Mong lòng những sự dâm tà,
Rắp cầu duyên hợp đến nhà Ngọc Côn.
Tự tình sau trước véo von,
Đường kia nỗi nọ nỉ non reo cười.
Ai hay vũng biến nên ngòi,
Mà xui nước Tấn sang chơi nước Tần.
Ngọc Côn mới ngỏ vân vân,
Tống Thần lại gạn ái ân sự lòng.
Bởi vì Nguyệt lão tơ hồng,
Tới rày mới được xe cùng một dây.
Vậy nên mới dẫn đến đây,
Xưa kia có biết chốn này là đâu.

Chú thích:

1. *Cáo nài:* tố cáo và khiếu nại, chữ "nại" đọc thanh bằng thành "nài" cho hợp vần điệu niêm luật câu thơ.

2. *Cưu dạ:* mang dạ, đem lòng.

Dù chăng duyên nợ bấy lâu,
Rày xin tạm chút về sau thế nào.
Nên chăng thì quyết mấy nao.
Kẻo lòng quân tử ra vào ủ ê.
Cây cao lá rậm xanh rì,
Rứt năm ba ngọn biết chi mà ngờ.
Nàng thời liễu yếu đào tơ,
Nữa cơn mưa gió bây giờ cậy ai.
Ngọc kia vốn vã sửa mài,
Há còn vèn vẹn sợ ai chút gì.

** Ngọc Côn lập mưu bắt Tống Thần.*

Nàng rằng người có lòng vì,
Đã yêu đến thiếp thiếp thì đội ơn.
Sự tình dám ngỏ nguồn cơn,
Trình chàng đừng nghĩ thiệt hơn dối lòng.
Xin chàng hãy trở về phòng,
Kẻo mà lộ tiết gia đồng cười chê.
Đêm mai chàng đến ban khuya,
Thung dung ta sẽ hoan hùy trúc mai.
Đạo trời báo ứng chẳng sai,
Xui lòng chàng Tống hôm mai lại vào.
Nào hay nàng có chí cao,
Cửa sau gian giữa hố đào bên trong.
Chàng thời bối rối tấm lòng,
Say hoa tưởng nguyệt chót mong sự này.
Cửa sau thấy ngỏ bước quàng,
Sa chân xuống hố nghĩ càng long đong !

** Vua tha cho Hoàng Tú, bắt Tống Thần đi đầy và phong Ngọc Côn là Tiết nghĩa phu nhân.*

Cửu trùng nổi giận thình lình
Phán rằng: phó mặc triều đình khám tra.
Khám xem thấy thực chẳng ngoa,
Luận đầy sơn hải mà tha Trạng về.
Vua khen rằng vẹn nhân nghì,
Vợ đã khôn khéo chồng thì khỏi lo.
Phu nhân Tiết nghĩa phong cho,
Chữ vàng choi chói, ai hồ chẳng khen.
Tống Thần vâng mệnh chỉ truyền,

Đưa đi hơn tháng tới miền hải sơn.
Thấy nhau kể lể niềm đơn,
Anh về tôi gửi giã ơn chị rầy.
Kẻ về người ở chia tay,
Long câu sang sảng đường mây tếch chừng.
Đêm ngày vừa khỏi suối rừng,
Dần dà phút đã tới chưng Kinh kỳ.
Vào chầu đặt gối tâu quỳ,
Phen này tôi đã trở về ngự hay !
Phán rằng oan Trạng bấy chầy,
Vì ta chẳng rõ gian ngay ngoại thần
Cho nên ngư mục hỗn châu [1]
Tội bèn lai láng hiền nhân phải nàn.
Khỏi rày vì vợ khôn ngoan,
Báo thù lại được khỏi oan cho chồng.
Ngự phê long bút dòng dòng,
Trạng nguyên lưỡng quốc vinh phong rõ ràng.
Triều thần văn võ hai hàng.
Vợ chồng lạy tạ Thánh hoàng gia vinh...

** Vợ chồng kể lể tâm sự cùng nhau, Ngọc Côn ngỏ ý cho Tiểu Hồng làm tiểu thiếp.*

... Rầy mừng thoát khỏi vận nàn,
Gia đình sum họp một đoàn thanh tao.
Nói thôi cùng bước chân vào,
Dang tay đến chốn động đào nghỉ ngơi.
Nguồn ân bể ái đầy vơi,
Song song loan phượng sánh đôi một nhà.
Cùng nhau vẹn đạo thất gia,
Một niềm kính trọng xót xa chẳng dời.
Nói năng lọt hết mọi nhời,
Ở đây kể tháng đã rồi chín năm.
Vẹn bề nghĩa trọng tình thâm,
Sự nàng nàng nghĩ xót thầm lại quê.
Gìn lòng chẳng dám ngỏ nghê,
Nữa tôi đòi biết sự thì khó thay.

Chú thích:

1. *Ngư mục hỗn châu:* mắt cá lẫn với hạt châu, ý nói thật giả lẫn lộn.

Trong ngoài mấy kẻ chân tay,
Của cho làm vốn tiền rầy năm mươi.
Hoặc giai hay gái đẹp đôi,
Lấy nhau mặc ý, tìm nơi mặc lòng.
Trong nhà mọi việc vừa xong,
Đoạn rồi mới dậy con Hồng hẳn hoi.
Trình lang quân hết mọi nhời
Con này nghĩa trọng mấy tôi cùng chàng.
Cho làm tiểu thiếp giữ giàng,
Sớm khuya hầu hạ gia dàng cũng nên.
Hầu rằng: nhời ấy nài khuyên,
Hồng đâu ngươi hãy đứng lên quạt màn.
Hồng rằng: phận bé đơn hàn,
Muôn trông ân đội lòng quan thương vì.
Đền ơn khôn biết lấy gì,
Dám xin ngửa giãi lòng quỳ hướng dương.
Ngộ may được vẹn trăm đường,
Bõ cơn khuya sớm tựa nương cửa hầu.
Việc rồi Trạng ở lại trào,
Nàng bèn trở lại bản châu nước nhà...

** Ngọc Côn đóng giả cô gái nước Ngô để giải thích việc nàng sang nước Ngô trước đây.*

... Trạng rằng: nàng có đi đâu,
Ở nhà phụng dưỡng tây lầu thần hôn [1]
Ví dù dạ có khéo khôn,
Đường trường vạn thủy, thiên sơn lạ lùng.
Nước người thực khách non bồng,
Tiền duyên tố định [2] tơ hồng đã lâu.
Nàng liền đủng đỉnh bước vào,
Cài trâm mặc áo xì xào tiếng Ngô.
Làm chiều khách lạ đào thơ,
Dáng đi yểu điệu nhời thưa nhu mì.
Người tiên đâu dám sánh bì,
Trình hầu xem lại thực thì phải chăng.

Chú thích:

1. *Thần hôn:* sớm tối, chỉ việc sớm hôm thăm nom cha mẹ.
2. *Tiền duyên tố định*: mối nhân duyên đã định sẵn từ trước.

Hay hầu tưởng khách cung giăng,
Vàng đem thử đá thử than đủ mười.
Ngọc kia đã vẹn rũa mài,
Lại gần nhìn lại có sai chăng là ?
Làm chiều trở gót bước ra,
Trạng liền kéo lại mới hòa biết hay.
Tưởng mình nghĩ nực cười thay,
Lừa người lại phải rầy người lừa ta.
Hỏi thăm rằng vợ ở nhà,
Nào hay kẻ bắc cùng là người nam.
Mừng đà vẹn đạo sắt cầm,
Sự này ắt bởi giời gần trêu ngươi.
Nàng bèn ren rén thưa nhời,
Trước sau minh bạch xin người thứ cho.
Nhẽ đâu gái có mưu mô,
Phòng hương bỏ vắng sang Ngô lấy chồng.
Nghĩ nhời ngày trước thẹn thùng,
Cho nên chàng ở ra lòng thờ ơ.
Tưởng rằng phận gái bơ vơ,
Chồng con ruồng rẫy nương nhờ vào đâu ?
Một mình tính trước liệu sau,
Vậy nên quả quyết theo nhau cho đành.
Một mình lại nghĩ một mình,
Làm sao cho khỏi thế tình mỉa mai.

** Kết thúc, đoàn viên, Hoàng Tú được thăng quan tiến chức.*

Mới hay duyên phận bởi trời,
Cho nên lại được no đôi một nhà.
Rầy mừng bướm được gần hoa,
Huệ lan đua nở khắp tòa thơm tho.
Bõ cơn kẻ Việt, người Hồ,
Khát khao như hạn trông mưa chốc mồng
Thuyền quên sánh mới anh hùng,
Ước sinh năm quế, tám đồng [1] sởn sơ.

Chú thích:

1. *Năm quế, tám đồng*: chỉ việc các con đều hiển đạt, do tích cũ: năm con trai của họ Đậu đều học giỏi, thi đỗ, người đời gọi là năm cành quế, tám anh em nhà họ Hàn đều hiển đạt, người đời gọi là tám cây ngô đồng, và thường gọi chung là *năm quế, tám đồng*.

Hoan hùy từ sớm đến trưa
Giai khôn mọi vẻ, gái ưa trăm chiều,
Vợ chồng sang tạ Vương Siêu,
Tướng công trông thấy lòng yêu kính vì.
Nhủ ra chầu trực đơn trì
Sửa sang việc nước cũng thì việc dân.
Ra tay nẩy mực cầm cân,
Để cho tục hậu dân thuần mới ngoan.
Vợ chồng từ tạ tái hoàn,
Ngựa xe sau trước trị trang vào chầu.
Chức thăng thượng tướng ở đầu,
Giúp nên binh mạnh dân giàu nức danh.
Đời xưa thịnh trị thái bình,
Cháu con theo gót hiển vinh lâu dài,
Những người tuấn tú sĩ tài
Khoa danh nối cửa, cân đai rạng nhà.
Cũng điều phù tá Quốc gia,
Muôn thành tràng trị dân ca thái bình
Nôm na truyện cũ tập tành,
Bút hoa bèn chép để dành làm gương.

Phiên âm từ bản Nôm Thịnh Văn Đường,
Thư viện Viện Hán Nôm, ký hiệu AB.84.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

TIỂU DẪN

Lục súc tranh công là một truyện thơ Ngụ ngôn dài. Theo Bùi Kỷ, tác phẩm gồm có 453 câu.

Tác giả cùng thời điểm sáng tác truyện đều không có. Có ý kiến cho đây là tác phẩm của Tự Đức. Trương Vĩnh Ký thì cho đây là sáng tác của Thiệu Trị. Theo cố đạo Đơni thì muộn nhất tác phẩm này cũng phải xuất hiện từ những năm đầu đời Minh Mệnh, vì trong sách còn dùng tiếng "trấn", mà từ Minh Mệnh thì "trấn" đã đổi ra "tỉnh" rồi. (G.Cordier.Morceaux choisis d'auteurs annamites). Cụ Bùi Kỷ thì cho đây là tác phẩm của một người thuộc phái cựu học ở về vùng Nghệ Tĩnh trở vào, và xét lối văn là thuộc về khoảng thời gian Lê mạt, Nguyễn sơ gì đó.

Như vậy là có nhiều ý kiến cho *Lục súc tranh công* là của một tác giả ở miền Trung, vì có dùng nhiều tiếng địa phương miền Trung. Vả lại, thực chất tác phẩm này cũng phổ biến nhiều ở miền Trung hơn miền Bắc.

Ý nghĩa của truyện *Lục súc tranh công* là gì? Trước đây có người cho truyện này nói về sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau công trạng là nhằm ám chỉ sáu Bộ của triều Nguyễn: Bộ Công, Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Binh, Bộ Hình. Sáu Bộ này từng suy bì, ghen tị, tranh chấp lẫn nhau gây ra mối bất hòa trong triều đình, vì vậy truyện này ngụ ý khuyên giải để các Bộ đều yên phận chăm lo công việc triều chính, phụng sự nhà vua.

Giả thiết này còn cần được nghiên cứu thêm trên cơ sở những sử liệu đáng tin cậy. Song ý nghĩa rõ ràng của truyện có thể nhận thấy, đó là lời khuyên: mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội đều có vai trò nhất định, đều được coi trọng như nhau không ai hơn ai kém ai, do đó không nên suy bì tị nạnh, khinh bỉ lẫn nhau, mà mỗi người đều phải cố gắng làm tròn bổn phận trong cương vị của mình để góp phần hữu ích cho xã hội.

Ngoài ý nghĩa giáo huấn của một truyện Ngụ ngôn, *Lục súc tranh công* cũng còn có giá trị hiện thực phê phán ở mức độ nhất định, khi nói về từng loài vật, như khi nói đến trâu thì gợi được nỗi khổ cực vất vả của người lao động bị áp bức bóc lột, nói đến ngựa thì làm người đọc liên tưởng đến sự hống hách của bọn thống trị, nói đến các con vật khác như dê, lợn, thì vạch trần được những đặc điểm, tính cách xấu xa bỉ ổi của bọn quyền quý trong xã hội phong kiến...

Về văn chương, *Lục súc tranh công* không dùng thể lục bát như các

truyện thơ khác, mà dùng thể nói lối trong tuồng cổ. Với thể thơ này, số tiếng cũng như vần điệu trong câu không gò bó, do đó, tác giả có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự do thoải mái hơn. Một điểm nổi bật về nghệ thuật là tác giả đã tả rõ tình trạng, đặc điểm của từng con vật, con nào ra con nấy, lại thêm giọng văn xen đôi câu trào phúng hóm hỉnh, nên gợi được hứng thú cho người đọc. *Lục súc tranh công* vì thế có giá trị như một vở tuồng hài đầy thú vị và sinh động.

*

* *

Cốt truyện có thể tóm lược như sau:

Sáu con vật nuôi trong nhà là trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn, suy bì ganh tị lẫn nhau. Con vật nào cũng cho là mình có công, có địa vị quan trọng, còn con vật khác là vô dụng. Cuối cùng, chủ nhà phải đứng ra khuyên giải, sáu con vật mới lại hiểu nhau và yên phận với công việc của mình.

*

* *

Sau đây là phần giới thiệu văn bản phiên âm, chú giải toàn bộ gồm 453 câu, theo bản của Bùi Kỷ.

TỰA

Trời hóa sinh muôn vật
Đất dung dưỡng [1] muôn loài
Giống nào là giống chẳng có tài
Người đâu dễ không người nhờ vật.
Long chức quản bổ thiên, dục nhật [2]
Lân quyền tư giúp thánh, phò thần [3]
Quy thông hay thành bại, kiết hung [4]
Phụng lầu [5] biết thịnh suy, bĩ thái.
Trong trời đất ba ngàn thế giới [6]
Đều xưng rằng tứ vật chí linh.
Nhẫn đến loài lục súc hi sinh [7]
Trời cho xuống hộ người dương thế.

TRÂU

Trâu mỏi nhọc, trâu liền năn nỉ:
"Một mình trâu ghe [8] nỗi gian nan
Lóng [9] canh gà vừa mới gáy tan
Chư đã gọi thằng chăn vội vã

Chú thích:

1. *Dung dưỡng:* nuôi nấng.

2. *Bổ thiên, dục nhật*: giúp trời, tắm mặt trời. Rồng làm mưa khi hạn hán, như vậy là giúp trời; sau cơn mưa, mặt trời lại sáng tỏ như vậy là tắm mặt trời.

3. Theo sách cổ, đời thái bình, Kỳ lân mới xuất hiện, cho nên nó được coi như loài thú giúp thần thánh trong đời thịnh trị.

4. Ngày xưa, người ta dùng mai rùa để bói cho biết thành công hay thất bại, điều tốt, điều xấu.

5. *Lầu:* biết rõ.

6. *Ba ngàn thế giới*: theo kinh Phật, vũ trụ gồm ba ngàn thế giới.

7. *Nhẫn đến:* cho đến. Hy sinh: loài vật làm thịt để cúng tế.

8. *Ghe:* nhiều.

9. *Lóng:* nghe.

Dạy rằng: đuổi trâu ra thảo dã [1]
Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng
Chưa bao lâu thoắt đã rạng đông.
Vừa đến buổi cầy vừa bua việc [2]
Trước cổ đã mang hai cái niệt [3]
Sau đuôi thêm kéo một cái cày
Miệng đã làm, mũi lại dòng dây
Trên lưng ruồi bâu, dưới chân đỉa cắn.
Trâu mệt đã thở dài, thở vắn
Người còn hầm hét, mắng ngược mắng xuôi
Liệu vừa đứng bóng mới thôi
Đói hòa [4] mệt, bước khôn dời bước.
Ai thong dong, trâu nào ben [5] đặng?
Trâu nhọc nhằn ai dễ thế [6] cho?
Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no [7]
Lại vườn đậu, vườn mè [8] khiến trở.
Làm không kịp thở
Ăn không kịp nhai
Tắm mưa, trải gió chi nài
Đạp tuyết, giày sương bao sá.
Có trâu, sẵn tằm tơ, lúa má
Không trâu, không hoa quả, đậu mè
Lúa gặt cắt lên đà có trâu xe
Lúa chất trữ, lại để dành trâu đạp.
Từ tháng giêng cho đến tháng chạp
Kể xuân hè, nhẫn đến thu đông
Việc cày bừa nông vụ vừa xong.
Lại xe gỗ, dầm công liên khói [9]
Bất luận xe rào, xe củi.

Chú thích:

1. *Thảo dã*: đồng cỏ.
2. *Bua việc*: công việc.
3. *Niệt*: cái dây.
4. *Hòa:* và.
5. *Ben:* bì.
6. *Thế:* thay.
7. *No:* đủ.
8. *Mè:* vừng.
9. *Dầm công:* làm việc không nghỉ. *Liên khói:* luôn luôn.

Nhẫn đến loài phân bổi [1], tranh tre.
Hễ bao nhiêu nhất thiết của chi
Thì đã phú [2] mặc trâu chuyên chở
Bao quản núi non hiểm trở
Chi nài khe suối dầm dề.
Cong lưng chịu việc nặng nề
Cay đắng những lời dức lác [3]
Ăn thì những rơm khô cỏ rác
Ở quản chi ràn lấm, tráp nè [4]
Trâu dựng nên nông nọ, nỗi kia
Trâu làm đặng căn [5] trên, bồ dưới.
Nghĩ suy lại công trâu cho phải
Lẽ cho trâu thao lụa [6] mặc dày.
Không chi thì quần vải, dải gai
Không chi thì khố lưỡi cày [7] cũng khá
Ăn cho phải những cơm với cá
Không nữa thì rau cháo cũng nên
Đến mai sau già cả sức hèn
Cũng bảo dưỡng bõ công lao chí [8]
Khi mạng một chẳng đơm [9] chẳng tế.
Lẽ "sinh cư, tử táng" mới ưng [10]
Thuở sống đà không dạ yêu đương
Khi thác lại đoạn tình siêu độ [11]
Bảo nhau sắm con dao, cái rổ
Khiến nhau vơ mớ củi, nấm mè
Rằng: trâu này là cốt Phật xưa kia [12]

Chú thích:

1. *Bổi*: cỏ rác.
2. *Phú:* phó.
3. *Dức lác:* mắng nhiếc.
4. *Ràn lấm:* chuồng bẩn lấm. *Tráp nè:* nơi để cỏ rơm, cành cây.
5. *Căn:* chỗ chứa thóc.
6. *Thao lụa:* tơ lụa.
7. *Khố lưỡi cày:* thứ khố vải một đầu vuông, một đầu chéo.
8. *Lao chí:* khó nhọc.
9. *Đơm:* cúng.
10. *Sinh cư, tử táng:* sống cho ở, chết đem chôn. *Mới ưng:* mới phải đạo.
11. *Siêu độ:* nhà Phật làm lễ cầu cho linh hồn người chết được siêu thoát.
12. Theo sách xưa, ở Ấn Độ có loài trâu gọi là Phật ngưu, ai uống máu nó thì sống lâu.

Phát đình liệu [1] cho hồn thăng thiên giới.
Có hình tích, giống chi để lại
Người người đều bàn bạc với nhau:
Kẻ thì rằng: Tôi lãnh cái đầu.
Người lại nói: Phần tôi cái nọng
Kẻ giành lòng bòng ép gối mà kê [2]
Còn sừng đem về ép thoi, làm lược.
Kẻ thì chuốc hoa tai, làm ngạt quạt [3]
Người lại tiện chén rượu bầu liều [4]
Làm tù và mà thổi cũng kêu
Tiện quân cờ mà đánh cũng tốt.
Kẻ thì làm cái mõ, cái hộp
Người lại tỉa cán quạt, cán dao.
  Còn giò chia nhau
  Làm nham, làm thấu [5]
Trâu gẫm lại là loài cầm thú
Phận sao chịu vậy, dám nài!
Trâu thác đã công nghiệp phủi rồi [6]
Trâu sống lại kiện nài với chủ:
Không nhớ thuở bôi chuông đường hạ [7]
Ơn Tề Vương vô tội kiến tha [8]
Tưởng chưng khi sức mọn tuổi già
Cam Điền Tử dạy con chớ bán [9]
  Lời cổ nhân còn dặn
  Sao ông chủ vội quên?

Chú thích:

1. *Đình liệu*: cây thuốc to.
2. *Lòng bòng*: bong bóng. Người ta lấy bong bóng trâu phơi khô ép làm gối.
3. *Ngạt quạt*: cái chốt xâu các nan quạt.
4. *Bầu liều:* cái bầu dùng để đong.
5. *Nham, thấu:* hai món ăn như kiểu nem thính nem trạo.
6. *Công nghiệp:* công lao. Phủi: xóa đi.
7. *Bôi chuông:* theo lễ cổ khi đúc xong một quả chuông, người ta giết trâu, lấy máu bôi vào chuông. *Đường hạ:* dưới thềm, dưới nhà.
8. Tề Tuyên Vương thấy người ta dắt trâu đi giết để lấy máu bôi chuông, bèn rủ lòng thương, ra lệnh tha cho.
9. *Điền Tử Phương*: người đời Chiến Quốc, rất thương trâu ngựa già, dặn người nhà đừng đem bán.

Chẳng nhớ câu "Dĩ đức hành nhân" [1]
Lại lấy chữ "Báo ân dĩ oán!" [2]
Nói chi nữa cho dài chuyện vãn.
Thưa chủ xin nói thép [3] một lời:
Như loài muông, vô tướng, vô tài
Nuôi giống ấy làm chi cho nhọc?
Ăn cho lớn, dương vai, dương vóc
Giỡn với nhau vạch cửa, vạch sân
Một ngày ba bữa chực ăn,
Thấy đến việc, lén mình lét lét [4]
Chưa rét đã phô răng xét
Xo ro đuôi quýt vào trôn.
Vấy bếp người, tro trấu chẳng còn
Ba ông táo lộn đầu, lộn óc.
Chưa sốt [5] đã nằm dài thở dốc
Lè lưỡi ra phỏng ước dư gang
Lại thấy người lơ đĩnh lơ hoang [6]
Tài ăn vụng thôi thì hơn chúng
Như muông biết cày nương, bừa ruộng
Thì muông kể biết mấy công ơn?
Muông, người cho ăn cháo, ăn cơm
Trâu, người bắt nhai rơm, nhai cỏ.
Khi muông thác tống chung an thổ [7]
Có gạo tiền cấp táng toàn thân.
Trách một lòng chư ở bất công.
Hậu ư bạc, bạc đem làm hậu [8]
Muông nghe nói, giận đau phế phổi
Liền chạy ra sủa mắng vang tai:
Trời đã sinh các hữu kỳ tài [9]

Chú thích:

1. *Dĩ đức hành nhân*: lấy điều phúc đức để thi hành lòng nhân.
2. *Báo ân dĩ oán:* lấy oán báo lại cái ân.
3. *Nói thép*: nói lý sự.
4. *Lét lét*: vẻ sợ sệt, tránh cho không ai trông thấy.
5. *Sốt:* nóng bức.
6. *Lơ đĩnh lơ hoang*: hờ hững.
7. *Tống chung*: đưa lúc chết. *An thổ:* chôn xuống đất.
8. Đáng xử bạc lại xử hậu, đáng xử hậu lại xử bạc.
9. *Các hữu kỳ tài:* mỗi giống vật có một tài riêng.

Lớn việc lớn, bé thì việc bé.
Bởi vì đó lớn vai, lớn vế
Thì chuyên lo nông bổn [1] cày bừa
Vốn như đây ốm yếu chân tay
Cũng hết sức gia trung [2] xem xét
Trách sao khéo thổi lông tìm vết?
Giận thày lay [3] vạch lá tìm sâu.
Ai ai đều phận thủ [4] như nhau.
Khấn khấn [5] cũng một lòng thờ chủ
Kẻ điều kia, người thì việc nọ
Đứa coi ngoài có đứa giữ trong
Đêm năm canh con mắt như chong
Đứa đạo tặc né oai khủng động [6]
Ngày sáu khắc, lỗ tai bằng trống.
Đứa gian tham thấy bóng cũng kinh
Lại đến ngày kị lạp tiên sinh
Cũng ra sức săn chồn, đuổi sóc.
Bao quản chui gai, lướt góc
Chi nài múa mỏ, lòn hang.
Anh trâu sao chẳng biết thương
Nỡ lại tra lời sanh nạnh [7]
Ăn thì cơm thừa, canh cặn
Ăn thì môn sượng, khoai sùng [8]
Tới bữa ăn chẳng luận ít nhiều.
Có cũng rằng không cũng chớ
Trâu rằng: trâu ăn rơm với cỏ
Mà còn có một thằng chăn
Tốn áo quần cũng tốn cơm ăn
Rồi lại tới gạo tiền đằng khác:

Chú thích:

1. *Nông bổn:* nghề làm ruộng là gốc.
2. *Gia trung:* trong nhà.
3. *Thày lay:* thóc mách, chõ vào việc người khác.
4. *Phận thủ:* giữ một phần việc gì.
5. *Khấn khấn:* khăng khăng, một lòng một dạ.
6. *Khủng động:* sợ hãi.
7. *Sanh nạnh:* tị nạnh, suy bì.
8. *Khoai sùng*: khoai hà.

Tính chất lót [1] một năm hai đạc
Về thằng chăn đã hết một trâu
Cũng mạnh cày, mạnh kéo nên giàu
Hãy cho nhẹm [2] mình trâu là quý
Vốn như đây gia tài ủy ký [3]
Mà chủ không tốn kém đồng nào
Nếu không muông coi trước, giữ sau
Thì của ấy về tay kẻ trộm
Trâu biết nói, trâu không biết xét.
Suy mình muông công nghiệp đã dày.
Khi sống thì gìn giữ của đời
Khi thác xuống giữ cầu âm giới [4]
Người có phước, muông đưa ra khỏi
Ai vô nhơn, qua chẳng đặng đâu!
Chủ có lòng suy trước, xét sau.
Khi lâm tử [5], gạo tiền tống táng.
Chủ đã có công dày, ngãi rộng
Muông dễ không tiếp rước, đãi đưa
Thấy anh trâu chưa biết căn do
Nói vài chuyện, kẻo chê muông dại".

*
* *

Trâu với muông hai đàng đối nại
Chủ nghe qua khó nỗi xử phân:
"Thôi thôi đừng nhi ngã thiệt hơn [6]
Phú lưỡng bạn dĩ hòa vi quý".
Hai vật đã tương đồng hoan hỉ
Lại cùng nhau từ tạ một lời:
"Như luận trong công nghiệp hai tôi:

Chú thích:

1. *Chất lót:* dè xẻn. Ở đây, tính chất lót: tính ít nhất.
2. *Nhẹm*: vừa đủ.
3. *Ủy ký*: phó thác.
4. *Âm giới*: âm phủ.
5. *Khi lâm tử:* khi chết.
6. *Nhĩ ngã thiệt hơn:* so bì người với ta.

Ăn có bữa, lo không có bữa
Dám thưa người báu gì giống ngựa
Mà trau tria [1] lều trại nhọc nhằn?
Ăn cho ăn những cháo đậu xanh.
Ở thì ở những tàu lợp ngói.
Bữa bữa dạo chơi tắm gội
Ngày ngày chắn vó [2] hớt mao
Sắm sửa cho chẳng biết chừng nào
Suy tính lại dư trăm dư chục.
Sắm lá vả, sắm yên, sắm lạc [3]
Sắm chơn đưng [4] hàm thiếc, dây cương
Dời tiền, dời hậu bao vàng,
Thắng đái, dây cương thếp bạc.
Gẫm giống ấy:
Nết na giớn giáo
Tính khí chàng ràng
Tuy đang khi mọi vẻ nghiêm trang
Trong gia sự nhiều điều ngơ ngáo
Nghề cày bừa, nghe coi lếu láo
Việc bắn săn coi cũng ươn tài
Chủ nuôi không biết chủ là ai
Nhà ở chẳng biết nhà mà lại
Dại không ra dại
Khôn chẳng nên khôn
Ngất ngơ như ốc mượn hồn
Nuôi giống ấy làm chi cho rối"

NGỰA

Ngựa nghe nói, tím gan, nổi phổi
Liền chạy ra hầm hí vang tai

Chú thích:

1. *Trau tria*: sửa sang.
2. *Chắn vó:* cắt gọt móng.
3. *Lạc:* nhạc đeo cổ.
4. *Chơn* (chân) *đưng:* bàn đạp.

Ớ nầy, nầy, tao bảo chúng bay
Đố mặt ai dài bằng mặt ngựa?
Tuy rằng thú, cũng hai giống thú
Thú như tao ai dám phen lê [1]
Tao đã từng đi quán, về quê
Đã nghe trận đánh nam, dẹp bắc.
Mỏi gối nâng phò xã tắc
Mòn lưng cúi đội vương công
Ngày ngày chầu chực sân rồng
Bữa bữa dựa kề loan giá
Ông Cao Tổ năm năm thượng mã
Mới dựng nên cơ nghiệp Lưu gia [2]
Ông Quan Công sáu ải thoát qua [3]
Vì cậy có Thanh Long, Xích thố [4]
Đã nhiều thuở ngăn thành, thủ phủ
Lại nghe phen đột phá, xông tên
Đàng xa xôi ngàn dặm quan sơn
Ngựa phi đệ [5] một giờ liền thấu
Các chú đặng ấm no nằm ngủ
Bởi vì ta cần cán, giữ gìn
Khấn khấn lo nhà trị, nước yên
Chốn chốn đặng nông bô lạc nghiệp [6]
Các chú những nằm trong xó bếp
Tài các người ở chốn quê mùa
Đừng đừng buông lời nói khật khù [7]
Bớt bớt thói chê bai giớn giác.
Nếu tao chẳng lo trông việc nước
Giặc đến nhà ai để chúng bay?
Thật biết một mà chẳng biết mười

Chú thích:

1. *Phen lê*: phân bì.

2. Lưu Bang năm năm cưỡi ngựa đánh dẹp, giành được thắng lợi, lên làm vua, tức là Hán Cao Tổ.

3. Quan Vũ đời Tam Quốc bỏ Tào Tháo về với Lưu Bị, vượt qua sáu cửa ải.

4. *Thanh Long, Xích thố:* tên thanh đao và con ngựa của Quan Vũ.

5. *Phi đệ:* chạy nhanh như bay.

6. *Nông bô lạc nghiệp:* dân cày yên vui nghề nghiệp.

7. *Khật khù:* gàn dở.

Chớ lừng lẫy cậy tài cậy thế".

*

* *

Ngựa nói lâu, gẫm càng hữu lý
Vậy chủ bèn phân giải một lời:
"Đại tiểu các hữu kì tài [1]
Vô đắc tương tranh nhĩ ngã [2]"
Trâu với ngựa cùng muông bà gã,
Mới ra ngoài từ tạ, phân nhau
Ngựa giận dê, đứng lại giây lâu
Bèn phát trạng [3] cáo nài với chủ:
"Dê với ngựa cũng là giống thú
Chăn đồng chăn, nuôi cũng đồng nuôi
Dê người cho ăn nhảy chơi bời,
Ngựa người bắt kị biền luân tế [4]
Gẫm giống chi hữu đầu vô vĩ
Hình con con bụng lớn chang bang [5]
Cáng náng như đứa có hạ nang [6]
Sớn sác tợ con chàng kẻ cướp,
Nghề tế kiệu [7] coi đà xấu vóc.
Việc cầy bừa nhắm bóng [8] cũng ươn
Hễ thấy người thấp thoáng đôi bên,
Liều há miệng kêu la: bé hé"
Dê nghe ngựa nói dê quá tệ
Liền chạy ra vác mặt, vinh râu
Dê nói rằng "Ta đọ với nhau
Thử anh lớn hay là tôi lớn
Anh đã từng vào dinh, ra trấn
Sá cho tôi tiểu thú quê mùa?

Chú thích:

1. *Đại tiểu các hữu kì tài*: vật lớn vật nhỏ đều có tài riêng.
2. *Vô đắc tương tranh nhĩ ngã*: không được ganh tị nhau.
3. *Phát trạng cáo nài:* đưa đơn khiếu nại.
4. *Kị biền*: cưỡi chạy. *Luân tế:* chạy luôn không nghỉ.
5. *Chang bang:* to phềnh.
6. *Hạ nang:* bệnh sa dì.
7. *Tế kiệu:* chạy nước kiệu.
8. *Nhắm bóng*: xem hình dạng.

Mạnh thì lo việc nước, việc vua
Song chớ khá cậy tài, cậy tướng.
Ai có tài, chủ ban chủ thưởng
Ai không công, tay làm hàm nhai
Chẳng dám ăn lúa má, môn khoai
Không hề phạm đậu mè, hoa quả
Khuyên khuyên chớ nói ngang nói ngửa
Bớt bớt đừng ỷ thế cậy tài
Ai chẳng biết đuôi ngựa thì dài
Dài thì để xua mòng [1] đuổi muỗi.
Vốn như đây đuôi tuy vắn vỏi
Đây cũng không mượn ngựa nối thêm
Ngàn dặm trường, mặc ngựa khoe êm
Ba gò sỏ, dê đà xong việc.
Việc dê thì dê biết.
Việc ngựa thì ngựa hay
Bừa cày có thú bừa cày
Kiệu tế, có muông [2] kiệu tế.
Dê vốn thị thuộc về việc lễ.
Để hòng khi về hạng tư văn [3]
Để dành khi tế thánh tế thần
Lại có thuở kì yên, kì phước
Hễ có việc, lấy dê làm trước
Dê dâng vào người mới lạy sau.
Ngựa tuy rằng hình tượng lớn cao
Tam sanh [4] lễ, ai dùng đến ngựa?
Dầu đến việc làm đình, làm chợ
Cũng lấy dê trảm thảo, bồi cơ [5]
Nhân đến ngày mạng tướng xuất sư.
Cũng lấy dê khấn cầu tổ đạo [6]

Chú thích:

1. *Mòng:* loài ruồi to hay cắn trâu bò.

2. *Muông:* loài thú.

3. *Tư văn:* Hội tư văn gồm những người trong giới Nho học được thành lập để tôn thờ Khổng Tử.

4. *Tam sanh:* ba giống thú dùng làm đồ tế lễ: dê, lợn và trâu hay bò.

5. *Trảm thảo, bồi cơ:* phát cỏ đắp nền. Theo tục xưa, khi làm đình giết dê để tế thổ thần.

6. *Tổ đạo:* mở đường. Khi xuất quân, thường giết dê để tế cờ.

Lễ cốc sóc [1] thánh nhân còn bảo:
Tử Cống sao dê sống bỏ đi [2]
Ngựa nói ngang mà chẳng biết suy
Dê nào có thiếu chi công trạng?
Nói cho xứng đáng
Há dễ cơ cầu
Dê tuy rằng vô vĩ vô đầu
Quan phong chức Trường tu chủ bộ [3]
Hèn như dê ai mà dám đọ
Tiện như dê, quý bất khả ngôn.
Ngựa rằng: Ngựa ở chốn quyền môn.
Phong cho ngựa chức chi nói thử?
Thưa chủ nghiệm việc dê với ngựa
Cân mà coi ai trọng ai khinh!
Ngựa nghe qua tỏ đặng sự tình
Dê rằng: Bé, ai hay chưa lớn?
Dê nói lại, tài dê cũng rắn
Ngựa thưa qua, sức ngựa thêm rồng
Chủ phê cho lưỡng bạn tương đồng
Chấp sự giả các tư kì sự [4]

*

* *

Lời tự thuận hai đàng xong xả
Dê phát ngôn, bèn trở nại gà
Nuôi chúng tôi lợi nước lợi nhà
Nuôi giống gà, thật vô ơn ngãi
Thấy chủ vãi đám ngò vạt cải [5]
Túc nhau bươi, chếch gốc, trốc cây [6]

Chú thích:

1. *Cốc sóc:* lễ cổ; mỗi tháng, vào ngày mồng một, vua chúa giết dê để cúng tổ tiên.

2. *Tử Cống:* học trò Khổng Tử. Tử Cống muốn bỏ lễ Cốc sóc, vì tiếc mỗi tháng mất một con dê.

3. *Trường tu chủ bộ:* ông chủ bộ dài râu, tức biệt hiệu của con dê.

4. *Chấp sự giả các tư kì sự:* người nào coi việc gì cứ giữ việc ấy.

5. *Vãi:* rắc hạt giống. *Ngò:* rau mùi. *Vạt:* đám.

6. *Bươi:* luống. *Trốc:* làm bật lên.

Thấy người trồng đám đậu, vồng [1] khoai
Rủ nhau vầy nát bông, nát lá
Rất đến nỗi thấy nhà lợp rạ
Kéo nhau lên vậy vã tưng bừng
Cho ăn rồi quẹt mỏ, sấp lưng [2]
Trời chưa tối đã lo việc ngủ.
Ba cái rác nằm không yên chỗ
Mấy bụi rau nào để bén dây
Cả ngày thôi những khuấy, những rầy
Nuôi giống ấy làm chi vô lối?"

GÀ

Gà nghe nói, nóng gan, nóng phổi
Liền nhảy ra, chớp cánh [3] giương đầu
Nẩy, Nẩy! Gà ngũ đức thẳm sâu:
Nhân, dũng, tín, võ, văn, gồm đủ [4]
Trên đầu đội văn quan một mũ
Dưới chân đeo hai cựa thần thương [5]
Đã ghe phen đến chốn chiến trường
Lập công trận đánh vang tai, lói óc.
Thuở Tây Lũng tam canh trống thúc
Gà gáy đầu ba tiếng đêm khuya
Một tiếng rằng: thiên nhật tác thì [6]
Hai tiếng rằng: quốc tộ tác xương [7]
Ba tiếng rằng: nhân gian tác lạc [8]

Chú thích:

1. *Vồng*: luống.
2. *Sấp lưng:* quay lưng lại.
3. *Chớp cánh*: vỗ cánh.
4. Theo sách xưa, con gà có năm đức: nhân (khi có mồi gọi gà khác đến ăn), dũng (thấy kẻ địch dám xông tới đánh), tín (gà gáy đúng giờ giấc) võ, (chân gà có cựa sắc), văn (đầu có mào đỏ như đội mũ).
5. *Thần thương*: giáo sắc.
6. *Thiên nhật tác thì*: thì giờ bắt đầu cho đúng.
7. *Quốc tộ tác xương:* ngôi vua thịnh vượng lâu bền.
8. *Nhân gian tác lạc:* cõi đời bắt đầu yên vui.

Đã cứu nạn, Mạnh Thường đặng thoát [1]
Lại khuyên người Tấn sĩ năm canh [2]
Hễ ai toan cải dữ về lành
Gà cũng biết tỉnh, mê giấc điệp [3]
Nhẫn đến chuyện Chu gia bá nghiệp.
Coi giò gà xét biết thịnh suy [4]
Dóng canh khuyên vui dạ kẻ tiêu y [5]
Cất tiếng gáy, toại lòng người đãi đán [6]
　Cứ mấy điều mà đoán
　Đã tỏ việc phải chăng
Giận anh dê cứ nói việc ăn
Khéo kiếm chác những điều xoi tệ
Dê phong Chư bộ, gà chức Tư thần [7]
Nói vài điều đã biếng xứng cân.
Huống gì có ngoại khoa biết mấy?
Chưa biết ai hay rầy, hay khuấy
Chưa biết ai ngủ sớm, ngủ mê
Gà không người chăn giữ đi về
Nên gà mới lỗi lầm bươi móc
Dê lầm thế không ai xem sóc
Việc phá dê bằng chín bằng mười
Bữa ăn gà tốn kém mấy hơi?
Nói những chuyện so chày buộc chặt
Kể ít chuyện cho dê biết mặt
Kẻo rằng gà vô thú trong đời
Chẳng nhớ xưa đêm sáng, tốt trời
Xui kẻ nhớ vợ hiền thêm chạnh [8]

Chú thích:

1. Mạnh Thường Quân người thời Chiến Quốc chạy nạn đến cửa quan thì cửa quan đã đóng; nhờ người tùy tùng giả làm tiếng gà gáy, người giữ thành ngỡ là đã sáng, mở cửa thành. Nhờ thế, Mạnh Thường Quân thoát nạn.

2. *Tấn sĩ:* chỉ hai chí sĩ đời Tấn là Tổ Địch và Lưu Côn đêm nghe gà gáy trở dậy múa gươm.

3. Theo sách xưa, những người tốt nghe tiếng gà gáy thì dậy ngay để làm điều lành.

4. Khương Tử Nha xem chân gà mà đoán biết nhà Chu hưng thịnh và nhà Thương mất.

5. *Tiêu y:* ban đêm để nguyên cả khăn áo, không ngủ, ngồi chờ sáng.

6. *Đãi đán:* đợi sáng; nói người có chí đêm không ngủ, chờ sáng đến làm công việc.

7. *Tư thần:* giữ chức báo cho mọi người biết là trời đã sáng.

8. Sách xưa có câu: người vợ hiền nghe tiếng gà gáy, đã khuyên chồng trở dậy.

Thức vua Thuấn làm lành giấc tỉnh [1]
Gà thua dê một hàm râu nịnh
Nghĩ lại coi không ích lợi chi
Gà dễ đâu có dám phân bì
Nói điều phải mà nghe cho đặng?

*
* *

Dê nghe nói công lênh nhẹ nặng
Mới biết suy hơn thiệt mọi điều:
“Thôi thôi, nói ít biết nhiều
Dê xin chịu lập lờ tự thuận”
Gà còn hãy chưa nguôi cơn giận
Bèn nhất ngôn thưa chủ một lời:
“Như chúng gà vốn đạo làm tôi
Giữ một tiết thức khuya dậy sớm
Thuở ấu thơ người còn triu trớn [2]
Đến lớn khôn đều có riêng quan [3]
Ai siêng bươi, siêng móc thì no
Bằng biếng lặt, biếng tìm thì đói.
Gà gẫm lại thân gà thêm tủi
Làm tôi người không đặng nhờ chi
Theo ăn rồi ngủ ngáy sì sì
Giả ngây dại biết gì việc chủ
Ngẫm diện mạo, dị hình, dị thú
Xem dung nhan khác thế lạ đời
Như nuôi chơi, chẳng phải giống chơi
Chạy rau cám, như tiền nội án [4]
No đú mỡ, nhảy quanh, nhảy quất
Đói xép hông, cấn máng cấn chuồng
Mỗi một ngày ba bữa ròng ròng
Đã chẳng thấy bữa nào sai chạy

Chú thích:

1. Theo sách xưa: vua Thuấn nghe tiếng gà gáy liền trở dậy để làm điều lành.
2. *Thuở ấu thơ người còn triu trớn:* lúc nhỏ còn được con người săn sóc.
3. *Riêng quan:* công việc làm ăn riêng.
4. *Tiền nội án:* phí tổn trong việc kiện cáo.

Báu bối gì mà người yêu vậy?
Mù quáng chi mà phải báo cô."[1]

LỢN

"Chú gà chớ lung lăng múa mỏ
Giữ có ngày cắn cổ chẳng tha!
Ghét thương thì mặc lượng chủ nhà
Chớ thóc mách kiếm lời phỉ báng
Như các chú lao đao đã đáng
Heo thong dong, ăn nhảy mặc heo
Nội hàng trong lục súc với nhau
Ai sánh đặng mình heo béo tốt?
Vua ngự lễ Nam giao đại đột [2]
Phải có heo mới gọi tam sành
Đừng đừng quen lời nói lanh chanh
Bới bớt thói chê ai ăn ngủ
Kìa những việc hôn nhân giá thú
Không heo ra tính đặng việc chi?
Dầu cho mời năm bảy chuyến đi
Cũng không thấy một người thấp thoáng
Việc hòa giải, heo đầu công trạng
Thấy mặt heo, nguôi dạ oán thù
Nhẫn đến khi ngu phụ, ngu phu
Giận nhau đánh giập đầu, chảy máu
Làng xã tới lao đao, láu đáu
Nào thấy ai gỡ rối cho xong
Khiêng heo ra để lại giữa dòng
Mọi việc rối liền xong trơn trải
    Phải chăng, chẳng phải
    Nghĩ lại mà coi
Việc quan hôn, tang, tế vô hồi [3]
Thảy thảy cũng lấy heo làm trước

Chú thích:

1. *Báo cô:* nuôi cho ăn không.
2. *Đại đột:* lớn lao.
3. *Vô hồi:* liên tiếp.

Bởi gà nhỏ nói lời lấn lướt
Nên phải phân ít chuyện mà nghe.
Dễ heo nào có dạ dám khoe?
Khắn khắn cũng lo làm việc phải
Heo cũng biết đền ơn báo ngãi
Heo cũng hay tiêu họa, trừ tai
Toái thân phân cốt [1] chi nài?
Nát thịt tan xương bao quản?
Lòng thờ chủ ngay đà tỏ rạng
Thân mình này ví bằng như không
Tại chú gà lời nói khùng khùng
Mới sinh sự so đo trường đoản.

*
* *

Vậy chủ bèn phân đoán
Phê một câu khúc tận kỳ tình [2]
"Gà biết chữ xả sinh thủ nghĩa [3]
Heo đặng câu sát thân thành nhân [4]
Thôi thôi, đừng nghĩ ngã thiệt hơn
Phú lưỡng bạn tịnh sinh, tịnh dục. [5]"
Nhân rảnh thảo ra một bức
Chép ra cho rõ sự đời
Sự này cũng sự nói chơi
Ai muốn thì đọc mà cười cho vui.

Theo bản phiên âm, chú giải của Bùi Kỷ.

Chú thích:

1. *Toái thân phân cốt:* thịt nát xương tan.
2. *Khúc tận kỳ tình:* rõ cả tình lý một cách gãy gọn.
3. *Xả sinh thủ nghĩa:* bỏ tính mạng để giữ lấy nghĩa.
4. *Sát thân thành nhân:* hy sinh tính mạng của mình để làm tròn đạo nhân.
5. *Tịnh sinh, tịnh dục:* cùng sống và cùng sinh sản ra cho nhiều.

PHAN TRẦN

TIỂU DẪN

Cốt truyện *Phan Trần* lấy sự tích một cuộc tình duyên về đời Tĩnh Khang nhà Tống, Trung Quốc. Tác giả viết truyện này, hiện nay vẫn chưa rõ là ai. Truyện viết theo thể lục bát, gồm 936 câu.

Phan công và Trần công vốn là bạn đồng học và cùng làm quan tại triều. Hai bên ước hẹn: hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái thì sẽ kết nghĩa thông gia với nhau.

Về sau, họ Trần sinh con gái đặt tên là Trần Kiều Liên, họ Phan sinh con trai đặt tên là Phan Tất Chánh, và đúng như lời hẹn ước, họ Phan trao quạt, họ Trần trao trâm để làm vật đính hôn.

Sau này Trần công chết, gặp lúc loạn ly, mẹ con Kiều Liên phải chạy loạn, chẳng may lạc nhau. Trần Kiều Liên vào tu ở chùa Kim Lăng, lấy pháp danh là Diệu Thường.

Phan Tất Chánh thi Hương đỗ thủ khoa nhưng thi Hội bị trượt. Phan nhớ đến người cô tu ở chùa Kim Lăng bèn đến thăm và ở lại đấy dùi mài đèn sách. Ở đây, Phan cảm mến tài sắc của Diệu Thường, nhờ vãi Hương công mối manh, nhưng Diệu Thường cự tuyệt. Phan ốm tương tư, Diệu Thường phải đến thăm. Đến nửa đêm, Phan quyết định đến phòng Diệu Thường tạ ơn. Diệu Thường từ chối, Phan dọa tự vẫn, nên nàng đành phải cho vào. Trong khi trò chuyện, hai bên nhận được nhau.

*

* *

Truyện *Phan Trần* chủ yếu giải quyết vấn đề tình yêu giữa Phan sinh và Trần Kiều Liên. Hai họ Phan và Trần đã định đoạt cuộc hôn nhân cho hai người con từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Nhưng họ không bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến. Phan sinh và Kiều Liên đã gặp nhau, trao đổi nỗi niềm yêu đương. Trước khi yêu đương, họ chưa hề biết giữa họ đã có lễ vật đính ước "trâm" và "quạt".

Nội dung cốt truyện còn phản ánh chế độ phong kiến suy tàn: những cảnh loạn ly, gia đình ly tán...

Bằng lối thơ trữ tình, nồng nàn, *Phan Trần* ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, tình cảm con người. Bút pháp của tác giả dí dỏm, hóm hỉnh. Đoạn tả

Phan sinh ốm tương tư với những danh từ thuốc bắc "liên nhục, liên kiều..." ... đoạn Phan sinh van lơn Kiều Liên, gợi đến lòng "từ bi", "quả phúc" để xin nàng yêu chàng...

Thơ lục bát trong Phan Trần chải chuốt hơn các truyện Nôm khuyết danh khác, và có nhiều câu giống như trong *Truyện Kiều*.

*

* *

Truyện *Phan Trần* ra đời vào khoảng thế kỷ thứ XIX. Truyện gồm có các bản chữ Nôm:

Phan Trần truyện, Thành Thái, Giáp Tý, ký hiệu Thư viện Hán Nôm AB.26

Phan Trần truyện, Duy Tân, Nhâm Tý, ký hiệu Thư viện Quốc gia R.1561...

Từ trước đến nay, *Phan Trần* đã được rất nhiều soạn giả phiên âm ra Quốc ngữ:

Phan Trần, Đào Phương Bình, NXB Phổ thông, Hà Nội, 1972.

Phan Trần, Nguyễn Trác, Nguyễn Tường Phượng... NXB Văn hóa, Hà Nội, 1961.

Phan Trần, Đồ nam cư sĩ biên dịch, ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội Q8°360 v.v...

Trên đây chúng tôi tạm liệt kê một số bản có ghi trong thư mục của các thư viện. Nhưng thực tế sách ở thư viện không có đầy đủ. Nhất là những sách viết bằng chữ Nôm, có thư viện có sách mà người đọc không mượn được, vì bộ phận này thiếu người phụ trách nên tạm đóng cửa.

Phan Trần là một tác phẩm được nhiều người quan tâm, chúng tôi rất muốn sưu tầm nhiều văn bản khác để khảo dị. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn của ta như đã trình bày ở trên, nên chúng tôi không thực hiện được ý muốn. Do đó, trong khi biên soạn, chúng tôi phiên âm theo bản Nôm hiện có ở Thư viện Viện Hán Nôm mang ký hiệu AB.26 là chính, và lấy bản *Phan Trần*, NXB Phổ thông, Hà Nội, 1972, làm khảo dị, bản này chúng tôi viết tắt là bản ĐPB.

Giữa bản Nôm và bản Quốc ngữ có nhiều chỗ khác nhau, cho nên chúng tôi chỉ ghi lại ở phần khảo dị những trường hợp khác nhau từ hai chữ trở lên.

Trên em thong thả hội vui,
Tương tư tình nghĩa xem chơi quyển vàng.[a]
Thấy trong triều Tống Tĩnh Khang,[1]
Một chàng Hòa Quận, một chàng Đàm Chu.[2]
Bảng vàng bia đá[3] ngàn thu,
Phan, Trần hai họ cửa nho đôi truyền.
Kể từ đến sáng thiếu niên,
Một song tình nặng, một thuyền nghĩa sâu.
Tới tuần hội cả đua nhau,
Bút nghiên phỉ chí, cung dâu[4] bằng nguyền.
Xem hoa chỉ nẻo hội tiên,
Gió đưa hương lạ, sấm rền tiếng xa
Ơn trên mưa rưới móc sa,
Cùng làm Phủ doãn[5] một tòa hiển vinh.
Niềm công chính, dạ trung trinh,
Muôn dân sao phúc, triều đình cột cao.
Ngay, tin trời có phụ nào,
Tốt cung quan lộc, vượng hào thê nhi.[6]

Khảo dị:

a. Trên am thong thả *sách cầm,*
Nhàn nương án ngọc, buồn ngân quyển vàng.

Chú thích:

1. *Tĩnh Khang:* niên hiệu vua Tống Nhân Tông bên Trung Quốc, vào năm 1126-1127.

2. *Hòa Quận, Đàm Chu:* hai huyện bên Trung Quốc

3. *Bảng vàng bia đá*: ngày xưa những người thi đỗ được yết tên trên bảng vàng, khắc vào bia đá.

Nói việc đỗ đạt

4. *Cung dâu*: cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bồng, đời xưa khi nhà vua sinh con trai, lễ quan lấy cung gỗ dâu, tên cỏ bồng bắn ra bốn phía và một phát lên trời, một phát xuống đất, ngụ ý người con lớn lên có chí tung hoành ở bốn phương.

Nói chí làm trai

5. *Phủ doãn* : chức quan cai trị thành phố ở Kinh đô.

6. *Hào:* tên quẻ trong *Kinh Dịch,* mỗi quẻ chia làm sáu hào. Vượng hào thê nhi: đường vợ con đều tốt.

Ứng điềm xà hủy, hùng bi,[1]
Hai nhà chính thất[2] một kỳ thụ thai.
Cùng nhau mở tiệc mừng vui,
Huệ lan họp mặt, trúc mai khoe mình.
Vang lừng giáp xướng đào sênh,[(a)]
Rượu thông cao thấp, chén quỳnh[3] đầy vơi.
Lời nguyền trên thẳm dưới khơi,
Dốc lòng tín nghĩa trọn đời thông gia.[(b)]
Hai ta đồng học đồng khoa,
Đồng niên, đồng cán, một nhà đồng thân.
Đổi trao chỉ Tấn tơ Tần,[4]
Họ Phan thì quạt, họ Trần thì trâm.
Đêm ngày trau chuốt[(c)] giao cầm,
Kẻo quên ước cũ, kẻo nhầm quyền xưa.[(d)]
Bỗng may gặp sự tình cờ,
Khéo linh linh miệng, khéo như như lòng.
Tuyết sương trắng điểm cành xuân,[(e)]
Phan phu nhân mới khai dòng nước hoa.
Vườn xuân phơi phới mưa sa,
Quế non Yên[5] đã trổ ra một cành.
Sinh thay công tử[(g)] tốt lành,

Khảo dị:

a. *Tưng bừng nhịp sáo, nhịp* sênh.

b. *Cùng nhau chỉ dạ định lời* thông gia

c. *Mai này đành để...*

d. ... kẻo lầm *duyên* xưa

e. *Thẩm ngày khuất tháng vừa đông.*

g. Sinh *ra nam* tử...

Chú thích:

1. *Xà hủy, hùng bi: hùng* là con gấu, *xà* là một loài rắn. Mơ thấy gấu là điềm sinh con trai, mơ thấy rắn là điềm sinh con gái. Ý nói một nhà sinh con trai, một nhà sinh con gái.

2. *Chính thất:* vợ cả. Đây chỉ Trần phu nhân và Phan phu nhân.

3. *Chén quỳnh:* chén đựng rượu bằng ngọc quỳnh. Chỉ đồ dùng sang trọng của những nhà quyền quý.

4. *Tấn Tần:* thời Xuân Thu con vua nước Tấn và con vua nước Tần kết hôn với nhau. Sau dùng chữ này chỉ việc hôn nhân.

5. *Quế non Yên*: do chữ "Yên Sơn". Yên Sơn là biệt hiệu của Đậu Vũ Xứng đời Tống, dạy dỗ năm con trai cùng hiển đạt. Người đời ví năm con trai của Yên Sơn như năm chồi quế. Đây ý nói họ Phan sinh con trai quý.

Hai vai chỉnh chện, ba đình[1] nở nang.
Đành hay phỉ chí hồng tang,
Đặt cho Tất Chánh rõ ràng là tên.
Cành lan hoa nở báo tin, [a]
Trần phu nhân mới hé then động đào. [2]
Một nàng tiên nữ xinh sao,
Mày ngang bán nguyệt, miệng chào trăm hoa.
Mỉa chiều cung quế Hằng Nga,
Trần công mới đặt tên là Kiều Liên.
Lửa hương đành để bén duyên,
Lòng trời chiều cả hai bên ước cầu.
Thư từ đi lại [b] cùng nhau,
Kẻ nâng niu ngọc, người trau chuốt ngà.
Lần lần hè lại thu qua,
Hai ông lẩn thẩn [c] tuổi đà cao niên.
Tạ triều dâng thủ thư tiên, [3]
Đem nhau xe hạc về miền hương quan. [4]
Chia tay nam bắc băng ngàn,
Tới quê nhà đã hầu tàn ba trăng.
Đường đi ngất nẻo hơi chừng,
Tuyết sương mấy dặm, suối rừng bao nhiêu.
Dễ mà tin tức dập dìu,
Thì đem lòng thấm phó liều trời xanh.
Hãy nuôi con đến trưởng thành.
Đã còn trâm nghĩa quạt tình chớ quên. [d]

Khảo dị:

a. *Đông qua xuân thoắt báo tin.*

b. *Tin đi mối* lại...

c. ... *thấm thoắt*...

d. *Sẵn* còn trâm nghĩa quạt tình *chẳng* quên.

Chú thích:

1. *Ba đình:* ba phần của mặt là trán, sống mũi và cằm. Ý nói mặt mày phương phi.

2. *Động đào:* do chữ "đào hoa động", tục truyền ở động hoa đào có tiên ở. Ý nói họ Trần sinh con gái.

3. *Thư tiên:* giấy viết thư. Ý nói hai ông viết thư tạ ơn triều đình để về hưu trí.

4. *Xe hạc:* xe do chim hạc kéo. Chỉ tuổi già. Cả câu ý nói tuổi già trở về quê.

Tơ hồng lá thắm [1] là duyên,
Dẫu bao giờ gặp cũng nên bấy giờ.
Phan về sắm sửa [a] lầu thơ,
Khuyên con dóng giả sớm trưa học bàn. [b]
Ôn đặt gối, Đổng vây màn, [2]
Sớm nhuần kinh sử, tối bàn văn chương.
Trần thì về chốn phòng hương
Dạy con canh cửi việc thường nữ công
Trướng hoa phấn, gấm vân long
Gồm hay thi họa lảu thông cầm kỳ
Ngọt bùi ngày tháng du di
Gái trai chừng đã đến thì xuân xanh [c]
Phan công mới dạy Phan sinh
Rằng: "Nhà ta nghiệp học hành xưa nay
Muốn xem bằng [3] chấp cánh bay [d]
Mong con gặp hội rồng mây [4] kịp người
Chớ tham những thói [e] chơi bời

Khảo dị:

a. Phan *thời về chốn* lầu thơ

b. Khuyên con *ròng rã* sớm trưa *sách đèn*

c. *Hoa dưới trướng, gấm trên khung*
Gồm hay thi *lễ, làu* thông cầm kỳ
Những mong khuya sớm phù trì
Hai nhà con đã đến *kỳ* xuân xanh.

d. *Bây giờ cha tuổi tác này*

e. Chớ tham *tửu sắc...*

Chú thích:

1. *Tơ hồng:* theo truyền thuyết của Trung Quốc, có một người tên là Vi Cố đi cầu hôn, gặp một ông lão ngồi xem sách dưới ánh trăng. Vi Cố hỏi thì ông lão đáp: "Lão xem số lấy vợ lấy chồng trong thiên hạ". Vi Cố lại hỏi trong túi đựng gì, ông lão đáp "Túi đựng dây xích thằng để buộc chân vợ chồng trên dương thế". Nói việc nhân duyên. Sau những từ *xích thằng, tơ hồng, tơ đỏ, chỉ hồng, chỉ thắm* đều dùng chỉ việc nhân duyên.

Lá thắm: Cung nữ Hàn thị đời Đường đề thơ vào lá thả xuống ngòi nước từ cung vua trôi ra ngoài. Vu Hựu nhặt được. Sau Hàn thị được tự do, hai người thành vợ chồng. Sau dùng chữ *tơ hồng, lá thắm* để chỉ duyên vợ chồng.

2. *Ôn đặt gối*: Tư Mã Ôn công đời Tống rất chăm học, đọc sách thâu đêm, trằn trọc trên gối không ngủ. *Đổng vây màn:* Đổng Trọng Thư đời Hán chăm học, buông màn đọc sách, ba năm liền không ra ngoài.

3. *Bằng:* loài chim lớn trong truyền thuyết. Chỉ chí nam nhi.

4. *Hội rồng mây:* bởi chữ "long vân khánh hội", rồng bay có mây theo. Ở đây nói công danh hiển đạt.

Lụy mình, vả lại thế cười, người chê
Nghe rằng thu tuyển [a] đến kỳ,
Bút nghiên sắm sửa [b] vào thi họa là.
Gặp thời thu nguyệt [1], xuân hoa, [2]
Làm sao cho trọn quyết khoa [3] thì làm.
Bõ công luyện tập mới cam,
Hay đây anh yến qua làn nước mây. [c]
Nhân duyên đã chiếc trâm này,
Của Trần công, để cho mày đính hôn.
Tuy rằng cách trở nước non,
Hãy còn trăng bạc, hãy còn trời xanh.
Đừng như Ngô tướng, Tràng Khanh, [4]
Quên bài thuốc dặn, phụ manh áo nguyền.
Hãy cho công nghiệp vẹn tuyền,
Hóa rồng rồi sẽ rước tiên [5] cũng vừa".
Nghe lời phụ huấn sau xưa, [6]
Phan sinh từ tạ bấy giờ bước ra.
Theo chân, đồng tử năm ba,
Con long câu [7] cái tỳ bà ruổi mau.
Pha non trúc, trải ngàn dâu,

Khảo dị:

a. *Rầy nghe thi* tuyển...

b. Bút nghiên *dóng dả*...

c. *Đừng nghe anh én, chớ nhàn* nước mây

Chú thích:

1. *Thu nguyệt:* trăng mùa thu. Chỉ kỳ thi hương.

2. *Xuân hoa:* hoa mùa xuân. Chỉ kỳ thi hội.

3. *Quyết khoa:* Ý nói đi thi khoa ấy quyết đỗ.

4. *Ngô tướng:* tức Ngô Khởi, làm quan nước Lỗ, khi Tề chưa đánh Lỗ. Vua Lỗ định phong cho Ngô Khởi làm tướng, nhưng còn ngại vì vợ Khởi là con gái nước Tề. Khởi bèn giết vợ, do đó được phong làm tướng cầm quân đi đánh Tề. Đời xưa cũng cho Khởi như vậy là tàn nhẫn.

Tràng Khanh: hiệu của Tư Mã Tương Như. Trác Văn Quân mới góa chồng. Tư Mã Tương Như gẩy đàn khúc "Chim phượng tìm chim hoàng" để gợi tình. Nửa đêm Trác Văn Quân sang chỗ Tương Như. Hai người rủ nhau trốn đi, đến quán rượu gán áo, truy hoan với nhau.

Câu này ý nói đừng ăn ở bạc tình như Ngô Khởi, cũng không quá đắm đuối như Tư Mã Tương Như và Trác Văn Quân.

5. Ý nói thi đỗ rồi sẽ lấy vợ.

6. *Phụ huấn:* lời cha dạy.

7. *Long câu*: con ngựa đẹp.

Vàng hiu hiu đón, ngọc làu làu đưa.
Chào én sớm, hỏi nhạn trưa,
Ba tuần trăng đã vừa thì tới nơi.
Phun châu, nhả ngọc đua tài,
Giải nguyên [1] tên đã tự ba bốn ngày.
Đưa tin về đến nhà hay,
Tức thì lại trỏ đường mây tếch chừng.
Bảng xuân [2] nay đã dự mừng,
Muôn hồng nghìn tía tưng bừng đến ai.
Qua dặm liễu, khỏi ngàn mai,
Ướm đào, hỏi mận tới vời thần kinh. [3]
Phồn hoa thay, thú hữu tình,
Công hầu, xe ngựa, tướng khanh, lâu đài.
Mây tuôn, sĩ tử đôi nơi,
Mới hay thi phận, học tài phân minh.
Lạ thay danh giá như sinh,
Bảng người thì bốn, bảng mình có ba. [4]
Lòng trời còn dấm tài hoa,
Khôi nguyên đành để đến khoa sau này.
Bước ra thẹn mặt chau mày,
Công danh sự nghiệp dễ khuây khỏa cùng. [a]
Ra không, liệu giở về không,
Thẹn thùng bạn hữu, sợ lòng mẹ cha. [b]
Chẳng bằng ta lập chí ta,
Ba thu thấm thoát có là bao lâu.
Làm chi thắc mắc nên sầu,
Hồng còn đón gió, rồng hầu đợi mưa.
Biết đâu miệng thế khôn lừa,
Vén mây nhảy sóng [5] bấy giờ sẽ hay.

Khảo dị:

a. Công danh *đôi chữ* dễ khuây khỏa *lòng*

b. *Đi* không *lại* giở về không
Thẹn *cùng chúng bạn, sợ cùng* mẹ cha

Chú thích:

1. *Giải nguyên*: đỗ đầu thi Hương. Cũng gọi là thủ khoa.
2. *Bảng xuân:* do chữ "Xuân bảng". Chỉ khoa thi hội.
3. *Thần kinh:* Kinh đô nhà vua.
4. Ý nói có bốn kỳ thi, Phan trượt kỳ thứ tư.
5. *Vén mây nhảy sóng:* nói dịp trổ tài trong khoa cử.

Vả nghe kim nổi độ này,
Trông lên đường cũ bụi bay lối về.
Mấy tài dẹp loạn phò nguy,
Tay mình thì chửa đến khi cầm cờ. [a]
Tống thần [1] những mặt ngẩn ngơ,
Xôn xao tơ trúc, trơ trơ mặt đồng.
Xanh xanh chẳng giúp anh hùng,
Thì chi lũ kiến đàn ong tơi bời.
Cho nên lẩn thẩn quê người,
Tìm nhà thanh vắng, tiện nơi tập tành.
Một đèn, một sách, một mình,
Bướm ong khuất nẻo, én anh khuây đường.
Ngậm ngùi trông cảnh gia hương,
Đã thiên vịnh nhớ, lại chương ngậm sầu. [2]
Hơi gió lọt, bóng trăng thâu,
Khi nhàn giở chiếc trâm nhau ra nhìn.
Nước non cách mấy dặm nghìn
Biết lòng còn nhớ hay quên hỡi lòng ?
Chăn đơn gối chiếc lạnh lùng
Tưởng nhân duyên ấy như vòng tơ vương
Hay đâu tạo hóa khôn lường
Trần công thoắt đã suối vàng xa chơi
Xót người mẹ góa, con côi
Phụng thờ hương khói chưa rồi ba đông [b]
Bỗng đâu binh lửa ầm ầm
Khói bay nhà bạc, than lầm cửa thưa [c]
Lánh ra đường lạ ngẩn ngơ [d]
Mẹ già đầu bạc, con thơ má đào
Ngày hỏi khách, tối trông sao
Hãi hùng bước thấp bước cao gập ghềnh

Khảo dị:

a. Tay mình chỉ chửa đến khi *phất* cờ

b. Phụng thờ *nhang* khói chưa rồi ba *năm*

c. *Gió* bay nhà bạc, *cát* lầm cửa thưa

d. Lánh *nàn tưởng bước* ngẩn ngơ

Chú thích:

1. *Tống thần*: bề tôi nhà Tống.

2. Ý nói Phan sinh làm thơ tả cảnh nhớ nhà.

Chứa chan bốn giọt lệ tình
Biết đâu quen thuộc gửi mình được an ?
Trải qua một quãng hàn san [1]
Chênh chênh nguyệt đã gác ngàn non mai
Bỗng nghe trống giục liên hồi
Đêm khuya, rừng rậm rụng rời biết đâu
Pha càn khóm trúc, chòm lau
Kẻ chân bãi sở, người đầu sàn non [a]
Con tìm mẹ, mẹ tìm con,
Cỏ cây man mác nước non lạ lùng.
Xót nàng thơ yếu trẻ trung,
Trời xanh nỡ phụ má hồng chẳng bênh.
Một mình trong dặm rừng xanh,
Châu chan má phấn, tấm oanh khúc vàng. [2]
Tình cờ gặp ả họ Trương,
Ở Kim Lăng [3], đến hỏi nàng thấp cao.
Con người yểu điệu thanh cao,
Dáng dồi giọt tủi [b], chiều ngao ngán sầu.
"Tên gì, quê họ nơi đâu,
Gặp nhau xin ngỏ cho nhau biết cùng.
Cùng là gác tía lầu hồng,
Thế nao thì cứ dãi lòng cho minh." [c]
Nỉ non [d] mới kể sự tình,
Nỗi quê cách trở, nỗi tình truân chiên.
Vốn nhà khoa hoạn dõi truyền,
Bước lưu ly khổ, tủi nền nếp xưa. [e]

Khảo dị:

a. Kẻ chân bãi *nước*, người đầu *đỉnh* non

b. Dáng *sùi sụt* tủi...

c. *Tưởng rằng cùng bạn má hồng,*
Đoái thương nên mới gạn gùng phân minh

d. Hạt châu...

e. *Chẳng cho biết họ tường tên,*
Tưởng con có ấy tủi nền nếp xưa.

Chú thích:

1. *Hàn san:* núi rét: Chỉ nơi rừng núi quạnh hiu, lạnh lẽo.

2. *Tấm oanh khúc vàng:* lòng rối như tơ tằm.

3. *Kim Lăng:* tên một địa phương Trung Quốc, thuộc huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô ngày nay.

Trương rằng: "Thân gái hạt mưa,
Biết đem mình ấy bây giờ cậy đâu ?
Gần đây có một cảnh màu,
Nữ trinh, chùa ấy ở đầu Kim Lăng.
Thênh thênh cửa bụt đâu bằng !
Xuất gia tín nữ, tiểu tăng cũng đầy
Chớ nề dưa muối, am mây,
Hãy nương náu khỏi nạn này là hơn".
Dắt tay nàng đến thiên môn, [1]
Bạch sư mới kể hàn ôn [2] gót đầu.
Khêu đèn hạnh, thắp hương màu,
Chắp tay lạy Phật, khấu đầu quy sư.
Sư rằng: "Này đạo Chân Như, [3]
Viển vông cửa Bụt [a] bi từ hẹp ai.
Dốc lòng [b] thụ giáo thiền trai, [4]
Giữ mùi thanh đạm trọn đời kiên trinh. [c]
Tam quy, ngũ giới [5] chứng minh,
Xem câu nhân giả, niệm kinh Di đà. [6]
Sớm cung quả, tối dâng hoa,
Duyên xưa nợ cũ [d] để già độ cho.
Trên tam bảo, dưới tam đồ, [7]
Lòng tin lấy chữ Nam mô [8] báo đền.
Diệu Thường mới đặt là tên,
Hãy cho đưa xuống phòng thiền nghỉ ngơi".

Khảo dị:

a. *Mênh mông* cửa Bụt...

b. *Đã rằng...*

c. *Chớ nề dưa muối, chớ nài nem chanh.*

d. Duyên xưa *nỡ phụ...*

Chú thích:

1. *Thiền môn:* cửa nhà chùa.

2. *Hàn ôn:* lạnh và ấm. Câu nói khi gặp nhau để hỏi thăm nhau. Câu này ý nói kể chuyện thân mật.

3. *Chân Như:* đạo chân chính của Phật.

4. *Thiền trai:* phòng thanh tịnh của nhà sư.

5. *Tam quy*: quy Phật, quy pháp, quy tăng. *Ngũ giới:* năm điều răn của nhà Phật: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói càn, không uống rượu.

6. *Di đà:* tên một bộ kinh của nhà Phật.

7. *Tam đồ:* từ nhà Phật chỉ ba con đường: ngũ quỷ, súc sinh và địa ngục.

8. *Nam mô:* dịch từ tiếng Phạn, nghĩa là kính lễ, hướng về, nương nhờ.

Nàng vâng thụ giáo Như Lai, [1]
Nhỏ to mới giả ơn người họ Trương.
Thong dong trong chốn [a] tĩnh đường,
Buồn trông phong cảnh tha hương ngập ngừng.
Một lòng thờ Phật, kính tăng, [b]
Chẳng hay từ mẫu lạc chừng nơi nao ?
Than rằng đội đức cù lao, [2]
Bể sâu bao dặm, trời cao mấy trùng.
Nếu sinh là kiếp đàn ông,
Thời tìm nước thẳm non cùng quản chi !
Bởi sinh làm phận nữ nhi,
Nghĩ thì càng tủi, nhớ thì luống thương.
Từ ô [3] chim chóc vật thường
Còn mòng kiếm chốn tìm đường trả ơn
Mưa sầu gió thảm từng cơn
Để ai chịu phận thờn bơn một bề [4]
Biết ai dãi tấm lòng quê
Có chăng đợi đức từ bi [5] chuyển vần".
Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần
Chạnh lòng xảy nhớ Châu, Trần [6] nghĩa xưa
Dãi dầu kể mấy nắng mưa
Thề phai nguyền nhạt, bây giờ biết đâu ?
Quạt này ai để cho nhau
Phong phong mở mở đổi sầu làm khuây,

Khảo dị:

a. *Thoắt thôi về* chốn...

b. *Kìa thì Bụt, nọ thì* tăng.

Chú thích:

1. *Như Lai:* hiệu của đức Phật Thích Ca.

2. *Cù lao*: khó nhọc, chỉ công cha mẹ.

3. *Từ ô:* quạ hiền, giống chim có hiếu thường kiếm mồi về mớm cho mẹ.

4. *Thờn bơn:* loài cá mình dẹt, ý nói cảnh cô đơn chịu lép.

5. *Từ bi:* lòng thương xót, đức độ của Phật.

6. *Châu, Trần:* tên một thôn ở Trung Quốc (nay thuộc huyện Phong, tỉnh Giang Tô) có hai họ Châu, Trần đời đời thông gia với nhau. Chỉ nhân duyên tốt đẹp.

Chốn Lam Kiều cách nước mây [1]
Bùi Hàng kia dễ biết đây nẻo nào [2]
Non Thiên Thai [3] mấy tượng cao,
Lưu lang [4] chưa dễ tìm vào tới nơi.
Đã đành góc bể chân trời,
Lân la ngày bạc qua vời tuổi xanh.
Một mình những tủi duyên mình,
Nén hương biếng thắp, quyển kinh ngại nhìn.
Phải khi sư phụ bước lên,
Dè chừng mới hỏi rằng: "Duyên cớ nào.
Ra chiều ủ liễu phai đào,
Hạt châu lai láng quẹn bào chưa phai.
Hay là nhớ liễu Chương Đài, [5]
Xạ lan mùi cũ, hán hài thói xưa.
Hay là nhớ nỗi mây mưa,
Ước ao nghĩa phượng, đợi chờ bạn lân ?
Hay là tiếc phận hồng nhan,
Sợ phai thức phấn, lo tàn màu hoa. [a]
Hay là khổ hạnh tương cà,
Hư thân mâm ngọc đũa ngà bấy nay ?"
Diệu Thường ren rén thưa bày:

Khảo dị:

a. Sợ phai **thức phấn**, *e* tàn màu hoa.

Chú thích:

1. Tên cây cầu ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Bùi Hàng người đời Đường hỏng thi, đi chơi được Vân Kiều tặng thơ "Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh, huyền sương đảo tận kiến Vân Anh. Lam Kiều tận thị thần tiên quật, hà tất kỳ thu thướng ngọc kinh" (Chén quỳnh tương vừa uống xong sinh trăm mối cảm, thuốc huyền sương giã xong sẽ thấy được Vân Anh, Lam Kiều chính là nơi tiên ở, cần gì phải vất vả đến ngọc kinh). Sau Bùi Hàng qua Lam Kiều, khát nước vào hàng xin uống. Bà lão bảo Vân Anh đem nước ra mời. Bùi Hàng cảm sắc đẹp, thác cớ xin ngủ lại và ướm hỏi Vân Anh làm vợ. Bà già bảo phải có chày cối ngọc tán thuốc tiên thì mới lấy được Vân Anh. Sau Bùi Hàng tìm được, giã thuốc đủ một trăm ngày thì lấy được Vân Anh. Hai vợ chồng được lên cõi tiên. Sau, dùng chữ Lam Kiều chỉ nơi người đẹp ở hoặc nói việc nhân duyên.

2. Xem chú thích 1.

3. *Thiên Thai:* tên một ngọn núi ở phía Bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang. Chỉ cõi tiên.

4. *Lưu lang:* Lưu thần đời Hán nhân tiết Đoan ngọ cùng Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai hái thuốc tiên, cùng chung sống trong nửa năm.

5. *Chương Đài:* tên một cung xây dựng từ đời Tần. Chỉ nơi đài các lịch sự.

"Nỗi tôi tôi bạch, lạy thầy thầy thương,
Loạn ly từ cách gia hương.
Trông ơn thầy đã rộng đường bao dong,
Tưởng câu sắc sắc không không. [1]
Dám đâu còn bận chút lòng gió trăng !
Chỉn e từ mẫu lạc chừng,
Một mình chẳng biết suối rừng là đâu.
Mẹ già bóng ngả cành dâu, [2]
Phòng khi sốt mặt, váng đầu cậy ai.
Đã no cầu khẩn Bụt trời,
Nào khoa cứu khổ, nào bài độ sinh.[3]
Càng trông càng vắng phong thanh,
Lẽ nào trong đạo sinh thành chẳng thương [a] ?"
Thầy rằng: "Bĩ thái khôn lường, [4]
Trăng thường tròn khuyết, nước thường đầy vơi.
Nhịn sầu hãy gượng làm tươi, [b]
Kẻo khi nguyệt nở, hoa cười chẳng hay.
Hãy tu vẹn quả phúc này,
Đừng long tiết ngọc, chớ lay cơ thiền.
Kìa Địa Tạng, nọ Mục Liên, [5]
Độ thân dẫu xuống cửu tuyền [6] cũng an.
Xem người cũng có thiện duyên,
Đừng lo ngại lắm, chớ phiền muộn chi [c]

Khảo dị:

a. Lẽ nào *hai chữ ân tình* chẳng thương

b. Nhịn sầu *mà* gượng làm *vui*

c. Đừng lo *lắng nữa*, chớ phiền muộn chi

Chú thích:

1. *Sắc sắc không không:* từ nhà Phật. "Sắc" chỉ các hình tượng, màu sắc, "không" chỉ sự hư không huyền ảo. Sắc sắc không không nghĩa là sắc mà lại hóa không, tưởng không mà lại hóa sắc. Ý nói đạo Phật huyền diệu không lường được.

2. *Bóng ngả cành dâu:* do chữ "tang du". Khi mặt trời sắp lặn, bóng nắng còn sót lại trên cành dâu. Chỉ tuổi già.

3. *Cứu khổ, độ sinh:* giúp loài người khỏi khổ.

4. *Bĩ thái*: do chữ "bĩ cực thái lai", hết khổ đến sướng.

5. *Địa Tạng*: danh hiệu một vị Bồ Tát.

Mục Liên: đệ tử nhà Phật, có phép thần thông, từng vào địa ngục cứu mẹ.

6. *Độ thân*: tu hành thành đạo, cứu được mẹ khỏi tội.

Cửu tuyền: chín suối. Chỉ cõi âm. Câu này nói Mục Liên xuống địa ngục cứu mẹ.

Ở đây nhờ đức từ bi,
Mẹ con ắt cũng có khi lại gần".
Nàng nghe thày dạy ân cần,
Tát vơi bể Sở, khơi dần sông Nghiêu.
Lòng thu đã đổi ít nhiều [a]
Sớm khua mõ cá, tối khiêu chuông kình. [1]
Vầng trăng bạc, ngọn đèn xanh,
Dâng hương ngũ vị, tụng kinh Tam thừa. [2]
Nhân hẩy gió, đức nhuần mưa,
Vượn dâng quả cúng, chim đưa hoa mừng.
Đàn thông, phách suối vang lừng,
Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh.
Mây phủ tán, liễu che mành,
Nước non Thiên Trúc, cung đình Bồng Lai. [3]
Tiếng thơm danh lạ đời nơi, [b]
Đã hay rằng cảnh có người mới yên.
Vãng lai quan khách dập dìu,
Kẻ lên lễ Phật, người vào bạch sư.
Nơi viết kệ, chốn đề thơ,
Mặt thiền đạo đức lòng từ băng thanh. [c]
Rửa thông thế tục thường tình,
Một bình tĩnh thủy, một cành dương chi. [4]
Những mong nương náu qua thì,
Biết đâu cơ tạo, chắc gì nhân duyên.
Ai ngờ một tấm tự nhiên,

Khảo dị:

a. *Muối dưa dấp đối ...*

b. *Hoa thơm cỏ lạ đôi* nơi

c. *Mắt trần càng nhộn,* lòng từ *càng* thanh

Chú thích:

1. *Mõ cá:* mõ làm hình con cá. *Chuông kình:* chuông khắc hình cá kình (cá voi.. Đó là hai loài ngủ cũng không nhắm mắt. Ý nói sự siêng năng.

2. *Tam thừa:* ba loại kinh của nhà Phật là *Bồ Tát thừa, Tích Chí thừa* và *Thanh Văn thừa.*

3. *Thiên Trúc:* cũng gọi là Tây Trúc, chỉ nước Phật. *Bồng Lai:* tục truyền Bồng Lai là ngọn núi ngoài biển có tiên ở. Chỉ cõi tiên...

4. *Tĩnh thủy:* nước trong sạch. *Dương chi:* cành dương. Lấy tích đức Phật dùng cành dương nhúng vào nước cam lồ vẩy cho chúng sinh để cứu khổ cứu nạn.

Có khi cũng động đến trên xoay vần.[1]
Hai phương chỉ Tấn tơ Tần,
Bỗng đâu như thất dần dần lại cho.
Phan sinh từ ở Thành Đô[2]
Lần lần nắng hạ mưa thu từng ngày.
Nhớ song thân, ngậm ngùi thay,
Nhớ hương thôn, cách nước mây mấy từng.
Nhớ xưa còn nhỏ nghe rằng,
Có cô tu ở Kim Lăng cũng gần.
Tức thì trở nẻo dời chân,
Thênh thênh bãi bạc, lần lần dặm xanh.
Mới hay sơn thủy hữu tình,
Cỏ hoa đón gió, én anh đưa người.
Cửa chùa phơi phới gần nơi,
Nhác trông cảnh bụt bầu trời lạ sao !
Chập chùng quán thấp, lầu cao,
Hương nghi ngút tỏa, hoa ngào ngạt bay.
Chuông rền, mõ ruổi, khánh lay,
Thông già điểm trống, trúc gầy khua sênh.
Thầy đương kinh giáo tập tành,
Diệu Thường ngồi tựa bên mành câu lơn.
Nhác trông ra mái tam quan,
Thấy chàng niên thiếu lạc ngàn ngẩn ngơ.
Lạ con mắt, hãy còn ngờ,
Gác mành mành hỏi: "Khách thơ quê nào ?
Vả người là cửa mận đào[a][3]
Việc gì mà khéo tìm vào non sâu ?"
Sinh nghe khúm núm dưới lầu,
Gửi rằng: "Con cháu đến hầu sư cô"[b]
Trình tên tuổi, bạch duyên do,

Khảo dị:

a. Vả *con người* cửa mận đào

b. Gửi rằng: "Con cháu *sang lầu* sư cô"

Chú thích:

1. *Tấm tự nhiên:* tấm lòng. *Xoay vần:* trời đất chuyển vần. Ý nói hai người nhớ nhau động đến cả trời.

2. *Thành Đô:* thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

3. *Cửa mận đào:* do chữ "đào lý chi môn": nói nơi quyền quý sang trọng.

Giở nông nỗi trước, kể trò chuyện sau.
Sư nghe chăm chú giờ lâu, [a]
Quyển vàng gác lại, hạt châu sụt sùi:
"Vào đây ngồi ghé thảnh thơi [b]
Thế mà cô nghĩ là ai vô tình.
Vấn an các việc gia đình,
Anh càng kiện, chị khang ninh cô mừng. [c]
Khen ai tỏ nẻo đưa chừng,
Cho con lặn suối, băng rừng tới đây.
Đây tuy thú mọn cỏ cây,
Thanh nhàn cứ ở lâu ngày cũng quen.
Gần cô cho tiện sách đèn,
Lọ là khuất nhiễu chốn phồn hoa chi.
Cũng đừng áy náy lòng quê,
Bao giờ áo gấm mặc về mới cam ! [1]
Ngựa hồng, đai bạc, áo lam,
Trời cho, vả có chí làm thì nên.
Phải khi hương lửa bén duyên,
Thỏa lòng tuổi tác [d] rạng nền tổ tông".
Dạy thôi mới dặn Hương Công,
"Đưa công tử xuống [e] tây phòng nghỉ chân".
Trải xem thú lạ chiều xuân,
Hoa về cửa động, đá ngăn vách chiền [2]
Người thành thị, khách lâm tuyền,
Hồng nhan chi mấy để nao lòng này.
Tưởng người trong trướng hôm nay,

Khảo dị:

a. Sư nghe *lặng ngắm*...

b. *Dạy rằng: "Hãy bước vào ngồi*

c. *Mới thăm hỏi sự nhà mình*
Anh *thong thả*, chị *bình ninh* cô mừng.

d. *Bõ công* tuổi tác...

e. Đưa *chàng về mái*...

Chú thích:

1. *Áo gấm mặc về:* do câu "mã thượng cẩm y hồi". Ý nói thi đỗ cưỡi ngựa, mặc áo gấm vinh quy về quê nhà.

2. *Vách chiền:* vách nhà chùa.

Gọi Hương ướm hỏi ắt hay sự lòng [a]
"Ấy ai tầm thước trẻ trung,
Chực hầu sư phụ đứng trong giảng đường.
Bởi vì e lệ chưa từng,
Rồi đây cũng muốn chắp gương ả Hằng". [b]
Thấy lời, Hương mới thưa rằng:
"Người đâu chẳng biết, lạc chừng tới đây.
Vả khi lỡ bước đường mây,
Nàng Trương đưa lại chốn này quy y. [1]
Khách đà về đạo từ bi,
Nhìn làm chi, hỏi làm chi nữa chàng.
Già nua ăn nói sỗ sàng, [c]
Thôi thôi xin xuống tĩnh đường hầu cô".
Nghe lời sinh mới thẹn thò,
Nhỏ thưa: "Xin hãy xét cho, [d] chớ cười.
Lạ lùng nên mới hỏi chơi,
Há rằng đã tận tình ai ru mà !"
Vãi Hương từ trở lại nhà,
Một mình trong chốn lầu hoa mới càng. [e]
Thôi thắc thỏm, lại mơ màng,
Đèn xanh một ngọn, quyển vàng ba con.
Biết ai mà được nỉ non,
Tối than trăng chị, ngày đan gió dì.
Niềm riêng khôn xiết ủ ê,
Hoàng oanh hót nhớ, tử quy kêu sầu.
Bồi hồi tháng trọn, ngày thâu,
Trong lòng đã cậy trên đầu sáng thay. [g]

Khảo dị:

a. Người thành thị, *kẻ* lâm tuyền,
Đòi phen thấy cảnh, đòi phen chạnh niềm.
Tưởng người *nương cánh hé rèm,*
Gọi Hương *công mới dò xem* sự lòng.

b. *Lâu lâu lại thấy thoáng* gương ả *Hằng.*

c. Già nua *thưa thốt* sỗ sàng.

d. *Gượng thưa rằng: "Hãy* xét cho...

e. Một mình *chàng chốn lầu hoa, lại càng.*

g. Trong lòng đã *vậy,* trên đầu *chưa hay*

Chú thích:

1. *Quy y*: tu hành nương nhờ bóng Phật.

Bỗng may may khéo là may,
Nhác trông ra mái lầu tây thấy nàng.
Thẩn thơ trước dãy hành lang,
Vin cành biếc, hái hoa vàng làm thinh.
Xa xa phảng phất dạng hình,
Đức Quan Âm [1] đã giáng sinh bao giờ.
Vội vàng làm cách bờ lơ, [2]
Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời:
"Kể từ đến cảnh Bồng Lai,
May thay đã trộm thấy người tiên cung.
Mới hay sắc sắc không không,
Chẳng duyên mà dễ đến vòng trần duyên. [a]
Ba sinh ước vẹn mười nguyền, [3]
Chiêm bao lẩn quẩn ở bên giảng đình.
Sư còn lân mẫn [4] chúng sinh,
Xin thương đến tấm lòng thành với nao !"
Bỗng nghe tiếng lạ lùng sao,
Trái tai khôn biết lẽ nào dám thưa.
Nghĩ mình ở đám rau dưa,
Há nên tìm tiếng đong đưa cùng người.
Làm thinh thà chịu mất lời,
Thềm hoa lẩn bóng, phòng trai trở giày.
Bước vào khép bức rèm the, [b]
Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.
Một mình lui tới bẽ bàng,
Khôn bề năn nỉ, dễ đường nhắn nhe !
Đeo sầu chàng trở ra về,
Xem chiều thêm thẹn, e e nực cười.

Khảo dị:

a. Mới hay *hai chữ sắc* không,
Chẳng *tơ* mà dễ *dối lòng* trần duyên.

b. *Vội vàng* khép bức rèm *mây*

Chú thích:

1. *Quan Âm:* tức Phật Quan Thế Âm, danh hiệu đức Phật. Đời Đường kiêng tên vua Thái tôn nên chỉ gọi là Quan Âm.

Tượng tô theo hình đàn bà, diện mạo lộng lẫy. Đây nói người đàn bà đi tu đẹp.

2. *Bờ lơ:* vờ vĩnh.

3. Ý nói ước hẹn từ ba kiếp trước.

4. *Lân mẫn:* thương xót.

Trách người một, trách ta mười,
Bởi ta sàm sỡ nên người dẩy dun.
Còn trời, còn nước còn non,
Còn trăng, còn gió hãy còn đó đây.
Dẫu rằng trăng gió nước mây,
Nỗi riêng mình biết giãi bày với ai !
Thẫn thờ ngày vấn tình dài,
Nhân khi vắng vẻ sẽ mời vãi Hương. [a]
Rằng: "Đây là khách tầm thường,
Đem thân đài các mà nương già chiền. [1]
Trước là lâu phận cầu duyên [b],
Hai là thong thả sách đèn cũng vui.
Cho nên đạm bạc [c] phải mùi,
Những say mùi đạo mà nguôi nỗi nhà.
Nào ai là kẻ vào ra, [d]
Đã quen làm nũng với già bấy lâu.
Nghĩa sâu đành trả ơn sâu,
Bây giờ phải gỡ mối sầu cho xong.
Trên tòa ngọc nữ, kim đồng, [2]
Chẳng hay Phật đã thấu lòng cho chăng ?
Cửa từ phương tiện đâu bằng,
Kim thằng xin đổi xích thằng [3] này cho.
Ở đây vì cảnh nhà chùa,
Lẽ đâu có dám chuyện trò trăng hoa.
Nhưng vì duyên kiếp thế mà,

Khảo dị:

a. *Trăng trăng, gió gió, mây mây*
Biết là giờ nỗi nước này cùng ai !
Chờ khi vắng vẻ hiên mai,
Tìm Hương mà lại giãi bày cùng Hương.

b. *Một là an phận chờ* duyên

c. Cho nên *dưa muối...*

d. *Sớm trưa ai kẻ biết ta*

Chú thích:

1. *Đài các*: nhà quyền quí sang trọng. *Già chiền:* do chữ "già lam", chỉ nhà chùa.

2. *Ngọc nữ, kim đồng:* đệ tử trai gái theo hầu đức Phật.

3. *Kim thằng:* dây vàng nhà Phật dùng để buộc kinh.
Xích thằng: dây đỏ của Nguyệt lão xe duyên vợ chồng.
Ý nói nhờ đức Phật tế độ cho thành duyên.

Dẫu làm sao cũng cậy già giúp nao !"
Lặng nghe lời nói thấp cao,
"Thế thì già biết [a] làm sao sự này.
Nương mình cửa Bụt xưa nay, [b]
Non ngăn thói tục, gió bay niềm trần.
Hương đèn khuya sớm độ thân,
Biết đâu quán Sở, lầu Tần viển vông. [1]
Trộm nghe đã rõ sự lòng, [c]
Tu hành chẳng lẽ lộn vòng gió trăng.
Vả nàng cùng bạn thiền tăng, [2]
Ra vào sượng mặt, nói năng ngại điều.
Một niềm vàng ngọc nâng niu,
Bây giờ sao nỡ dặt dìu mưa mây,
Huống chi những tiếng thày lay,
Tuổi già đã chót mũ này che tai.
Nhẽ đâu mà dám chịu lời, [d]
Mặc người Tần, Sở, mặc người Trần, Châu".
Lặng nghe đã rõ nông sâu,
Nghĩ lời Hương nói ra màu lửng lơ. [e]
Hai hàng lã chã nhường mưa:
"Biết đem lòng ấy bây giờ cậy ai.
Vì duyên nên phải vật nài,
Có thương thì xét, mà cười thì oan.
Ba trăng nấn ná thiền quan, [3]
Nghĩ quen thuộc ấy mà van vỉ cùng.
Nào ngờ [g] ngại tiếng quản công,
Nào lòng quảng đại, nào lòng từ bi ?

Khảo dị:

a. *Gửi rằng:* "Già biết làm sao sự này
b. Nương mình cửa Bụt bấy chầy
c. *Nghe lời cũng trộm xét lòng*
d. *Đa mang chẳng* dám...
e. *Chàng nghe ngẫm nghĩ giờ lâu*
Tưởng lời Hương nói ra màu *đẩy đưa*
g. *Hãy dừng* ...

Chú thích:

1. *Quán Sở, lầu Tần*: chỉ cảnh tình ái gió trăng.
2. *Thiền tăng:* nhà sư ở chùa. Nói bạn tu hành.
3. *Thiền quan*: cửa chùa.

Chẳng yêu, chẳng xót, chẳng vì,
Lại còn bịn rịn làm chi cảnh này.
Bụt kia xin chứng lòng ngay,
Duyên kia dù rủi, dù may tại già"
Thấy chàng ý tứ thiết tha, [a]
Ngọt ngào đầu lưỡi, mặn mà lỗ tai:
"Vâng ra thì tiếng để đời,
Chẳng vâng thì nể lòng người biết bao.
Tận từ dám tiếc công nào,
Còn e lòng khách động đào nghe chăng.
Bây giờ là khách phòng tăng, [b]
Say sưa mùi đạo, dửng dưng bụi hồng. [1]
Lệ khi hoa chẳng chiều ong,
Uổng công tuổi tác, thẹn lòng văn nhân".
Chàng rằng: "Già hãy ân cần,
Đàn này tai ấy dần dần cũng êm.
Ai hay rằng chẳng cải kim, [2]
Bởi vì duyên trái, nên tìm đến đây. [c]
Hãy về dìu dắt cho hay,
Dẫu làm sao, quả phúc này cũng nên"
Thấy chàng có ý cần quyền, [d] [3]
Vâng lời Hương mới về bên tĩnh đường.
Canh khuya nguyệt gác cành sương,
Nằn nì thử ướm xem nàng ra sao,
Rằng: "Đây cảnh quạnh non cao,
Xưa nay biết mận quen đào là ai.

Khảo dị:

a. *Nghe lời năn nỉ* thiết tha

b. Bây giờ *làm* khách *thiền* tăng

c. Đã *nơi dan díu* nên tìm *tới* đây

d. *Nghe* chàng *gắn bó* cần quyền

Chú thích:

1. *Mùi đạo:* sự tu hành. *Bụi hồng:* do chữ "hồng trần". Ý nói đã tu hành thì dửng dưng với cảnh trần tục.

2. *Cải kim:* hạt cải và kim khâu. Hổ phách hút hạt cải, nam châm hút kim. Ý nói lòng cảm mến nhau.

3. *Cần quyền:* khẩn khoản nhờ vả.

Phải khi qua chốn thư trai, [1]
Thấy chàng khắc khoải những lời mà thương. [a]
Lân la bỗng giở sự nàng,
Mấy lời thì bấy nhiêu hàng hạt châu.
Khuyên can [b] đã bạch gót đầu,
Rừng thiền xin nhớ những màu yến anh.
Càng van càng một đinh ninh,
Rằng duyên, rằng nợ, rằng tình một hai.
Nể lời đã chót chịu lời,
Chiều ai, hay chẳng chiều ai mặc nàng".
Lời đâu thêm động lòng vàng,
Trách ai sao khéo đặt đàng cho nên.
Gập ghềnh lỡ bước thuyền quyên, [2]
Đem thân bồ liễu [3] nương miền tùng lâm. [4]
Đã mừng được chốn an thân,
Gió mưa đâu lại ầm ầm bên tai. [c]
Thì xin tiểu gửi lạy người.
"Chốn này chẳng khá dạy lời ong ve.
Kiếp tu đã nguyện bồ đề, [5]
Lòng son bảy mối tóc thề mười phương.
Một lòng kinh độ đèn hương, [d]
Dám còn để mối tơ vương bên lòng.
Vả người là đấng thư trung,
Tấc mây đâu nỡ để lồng gương thu.
Bao dong xin hãy xét cho,
Từ rày những tiếng nhỏ to gác ngoài".

Khảo dị:

a. Thấy chàng khắc khoải *đôi hồi* mà thương

b. *Xin người...*

c. Đã mừng *khuất nẻo tiếng tăm*
Bướm ong đâu lại ầm ầm bên tai.

d. Một đèn, *một sách, một* hương

Chú thích:

1. *Thư trai*: phòng học. Chỉ chỗ Phan sinh ở.
2. *Thuyền quyên:* người con gái đẹp.
3. *Bồ liễu:* cây liễu và cỏ lác, hai giống mềm yếu. Chỉ người phụ nữ.
4. *Tùng lâm:* rừng tùng. Chỉ nơi chùa chiền.
5. *Bồ đề*: tục truyền Phật Thích Ca khi tu hành thành đạo ngồi dưới gốc cây này. Ý nói đã một lòng theo Phật.

Xem nàng vàng đá chẳng sai,
Vội vàng lại đến thư trai trình chàng:
"Đã vâng uyển chuyển trăm đường,
Khăng khăng khóa ngọc then vàng chẳng long.
Ai ngờ con trẻ [1] lạ lùng,
Kiên gan có lẽ ép lòng làm sao".
Chàng từ nghe tiếng tiêu hao, [a]
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Đem mình làm khách thiền môn,
Gió lay trướng ngọc, tuyết mòn án nghiên.
Não nùng chi mấy tình duyên,
Nhẹ danh tài tử, nặng phiền giai nhân. [b]
Đem mình van vỉ mấy lần:
"Mười phân tiết cẩn không phần quyền nghi.
Ai hay phép Bụt cầm trì,
Ở thì cũng thẹn, về thì chẳng xong, [c]
Âu là già hãy giúp công,
Lại lần này nữa xem lòng làm sao ?"
Dặn rằng: "Đã quyết chí cao,
Nợ lòng từ đấy [d] kiếp nào trả cho.
Thì xin [e] ra trước cửa chùa,
Mà nghe khách niệm Nam mô một lời
Đoạn rồi nam bắc đôi nơi,
Nỗi niềm phó mặc Bụt trời chứng minh".
Nghe lời tình cũng thiết tình, [g]

Khảo dị:

a. Chàng *rằng: "Nghe rõ* tiêu hao

b. *Vẻ chi hai chữ* tình duyên,
Nhẹ danh tài tử, nặng *nguyền* giai nhân.

c. Đem mình van *thiết* mấy lần,
Mười *phần mà chẳng một phần ủ ê.*
Ai hay phép Bụt *cả nể,*
Ở thì cũng thẹn, về thì chẳng xong.

d. Nợ lòng *để đến...*

e. *Chẳng thì...*

g. Nghe lời *chàng đã biết* tình

Chú thích:

1. *Con trẻ:* do chữ "hóa nhi". Ý nói tạo hóa hay bày đặt ra lắm chuyện oái oăm, bất thường như trò trẻ con.

Trở vào Hương mới đinh ninh gót đầu:
"Mới hay dòng dõi công hầu,
Nói thì đón trước rào sau nặng nề.
Tình duyên theo đuổi một bề,
Đầm đìa khóe mắt, ủ ê áng mày". [a]
Van rằng: "Đừng nỗi bèo mây,
Phận này ngỡ được chốn này là yên.
Ai ngờ quả kiếp xui nên,
Một thân thiếu nữ truân chiên [1] mấy lần.
Đã nhờ tình thật ân cần,
Chẳng thương mà dạy nợ nần trăng hoa.
Phòng khi sư phụ biết ra,
Người là thân thích, ta là ngược xuôi.
Gió bay lời thế xa xôi,
Thì ta hầu dễ đứng ngồi được đây ?
Âu là chịu bạc cùng thầy,
Liệu đường mà giã cảnh này cho xong.
Phận bèo bao quản long đong,
Thì mình lánh trước hơn lòng phụ sau !" [b]
Thấy chiều lan thảm, huệ sầu,
Xót nàng Hương mới ra màu van khuyên:
"Lạy thưa, xin chớ vội phiền,
Trót đà lỡ miệng, rầy xin kín lòng.
Rõ ràng [c] tiết sạch giá trong,
Vàng không thẹn lửa, sen không nệ bùn.
Quả tu ve vuốt chưa tròn,
Lại còn bất giữ cương thường phân minh. [d]

Khảo dị:

a. *Rằng: "Xin nửa khắc đến hầu,*
Đợi nàng một tiếng giã nhau mà về.
Thấy người đeo đẳng mọi bề,
Hoa ngừng trước mặt, nguyệt e cúi mày".

b. Phận hèn bao quản long đong,
Thà rằng lánh trước hơn lòng *lụy* sau

c. *Miễn nàng...*

d. Quả tu ve vuốt *cho* tròn,
Bỗng mà ruồng rẫy nước non sao đành.

Chú thích:

1. *Truân chiên:* gian nan vất vả.

Ba trăng tiếng kệ câu kinh,
Bạch viên sao nỡ phụ tình Huyền Trang."[1]
Nàng nghe Hương nói nể nang,
Dập sầu lại mở quyển vàng làm khuây.
Xăm xăm Hương một lòng ngay,
Nỗi nàng hờn giận giãi bày với sinh.[a]
Rằng: "Chàng cửa tướng nhà khanh,
Sắc tài há thiếu[b] cầm lành đưa duyên.
Xin chăm[c] đèn sách bút nghiên,
Sự nàng xin chớ cần quyền nữa chi.
Nếu nàng phải bước ra đi,
Tấm lòng oan ức tội thì ở ai ?".
Nghe lời lo sợ đến nơi:
"Từ rày chẳng dám ép nài nữa đâu ![d]
Xin đừng để tiếng cho nhau,
Chẳng thì non thẳm vực sâu cũng tìm.
Cậy già về giữ cho im,
Dám còn nhắn cá gửi chim nữa nào !"
Mặt thơ thẩn, dạ xôn xao,[e]
Tới lui ngần ngại, ra vào dở dang.
Gió từ hây hẩy đưa hương,
Thôi trận uất ức lại cơn tư hoài.
Vó đâu rền rĩ bên tai,
Gà đâu eo óc, lòng ai tiêu điều.[g]

Khảo dị:

a. *Lại sang đến chốn mọi ngày đinh ninh*

b. *Lứa đôi há kiếm...*

c. *Khuyên người...*

d. *Nửa oan lòng khách* tội thì *tại* ai ?
Bỗng không thể thốt hại người",
Van rằng: "Chẳng dám ép nài nữa đâu !

e. *Chàng từ thơ dại tiêu hao*

g. *Lạnh lùng áng tuyết đoạn trường dòi nan !*
Trăng thiền vằng vặc in lầu,
Lâm râm đèn hạnh gượng sầu thiu thiu.

Chú thích:

1. *Bạch viện*: con vượn trắng. Huyền Trang tức Đường Tăng. Đường Tăng nuôi một con vượn trắng rất tinh khôn. Khi chết lại hiện thành người trả vòng ngọc bích cho Huyền Trang. Ý nói tu cho trọn, không phụ nghĩa thầy trò.

Tiếng chuông, tiếng cảnh, tiếng tiêu,
Sách nhìn biếng đọc, cầm treo biếng đàn.
Bấy nay nương náu thiền quan,
Muối dưa nhạt nhẽo, sương hàn pha phôi.
Lại thêm sầu não đứng ngồi,
Đá kia cũng đổ bồ hôi lọ người !
Bệnh tương tư cũng nực cười,
Chẳng ăn, chẳng nói thở dài từng khi.
Thuốc thì khai uất, bổ tì,
Bệnh đi một nẻo, thuốc đi một đường.
Trên thì cúng Phật mười phương,
Dưới thì phép chú lập đàn giải oan.
Tương thì đại thánh huyền đàn,
Thư bùa thần chúc chẳng đường nào thiêng.
Sư thì ăn ngủ chẳng yên
Mời thầy gieo quẻ bốc tiền xem sao.
Quẻ phong san [1], động hai hào,
Giống chàng Mai Bích khát khao để mà. [(a)]
Hô danh quẻ bói không sai,
Ta mà giữ phép mình người chăng chơi.
Thương sư vả lại thương ai,
Sẽ theo Hương đến thư trai thăm chàng. [(b)]
Nghiêng mình hé bức rèm sương,

Khảo dị:

a. *Dễ phương ngũ tích, dễ bài hát trân.*
Bùa nào giả, thuốc nào dần
Dược sư ngán nỗi, lão quan không điều.
Có chăng liên nhục, liên kiều,
Dùng thang đồng nữ mới tiêu bệnh chàng.
Lòng cô còn rộn trăm đường,
Mười phương đã khắp, nén hương đã tàn.
Bói ra thì quẻ phong san,
Động hào thiếu nữ ai bàn cho ra.

b. *Có chăng ta biết sự ta*
Diệu Thường là một, vãi già là hai.
Vì sư, vả cũng nể người,
Nàng theo Hương đến *phòng* trai thăm chàng.

Chú thích:

1. *Phong san*: tên một quẻ trong *Kinh Dịch* nói về âm (gió, núi) mỗi quẻ sáu hào âm hoặc dương. Chỉ thiếu nữ. Ý nói bệnh tương tư thiếu nữ.

Chiều thanh khép nép, tiếng vàng khoan thai.
"Trộm nghe sương tuyết hơi hơi,
Thuốc tra giảm mấy, cơm xơi thế nào ?
Lạy trời cho mát mẻ nao,
Kẻo sư tuổi tác ra vào băn khoăn".
Bên tai nghe tiếng nàng gần,
Mười phần phiền não, chín phần đổ sông.
Vội vàng tay gạt đôi dòng,
Bạch rằng: "Đã đội ơn lòng đến đây.
Bệnh sao cơn tỉnh cơn say,
Mới rồi thì thế, lúc này thì không.
Như lúc này, thế đã xong,
Rồi ra khỏi chứng nấu nung ruột này.
Vì ai trời Bụt đã hay, [a]
Độ trì cho họa là may chút nào".
Hạt châu thánh thót quẹn bào,
Vẻ hoa dường võ, sắc đào dường phai.
Chiều lòng nàng phải lựa lời,
Rằng: "Người thành kính thì trời chứng tri.
Hãy xin hỷ xả từ bi,
Cơn này đừng ngại nghị chi thêm càng". [b]
Sinh đương nấu sắt nung vàng,
Bỗng nghe như nước cành dương tưới nhuần,
Bảnh bao thanh sảng tinh thần, [c]
Thiều quang đem lại [1], phong trần [2] gửi bay.
Vừa mong giở nỗi niềm tây,
Ngoài hiên nghe sịch tiếng giầy xa xa.
Giã sinh, nàng trở gót hoa,
Khơi mành mành, thấy sư già xuống thăm.
Thấy chàng tựa án nâng cằm,

Khảo dị:

a. Rồi ra *nào biết dược thong thả* này
Vì ai trời *nhẽ có* hay,

b. Cơn này *đừng thắc mắc* chi thêm càng

c. *Thảnh thơi thư sảng...*

Chú thích:

1. *Thiều quang:* đẹp đẽ, sáng sủa như ánh sáng mùa xuân.
2. *Phong trần:* gió bụi. Chỉ nơi trần tục.

An nhàn sư đã [a] bình tâm trở về.
Đêm thanh nguyệt gác rèm the,
Xa trông bóng đã đến khuya cách lầu.
Trống canh đánh thức cơn sầu, [b].
Sông Ngân thử bắc lấy cầu Ô [1] xem.
Sao tàn, sương tuyết êm êm,
Tuyết hoa chấp chới theo thềm lân la. [c]
Thừa khi gió quạt cánh gà,
Lay mành mượn tiếng nàng ba [2] lọt vào.
"Thương mấy nao ! Nể mấy nao !
Làm sao trong ấy ? Làm sao ngoài này ?
Một lời công đức nặng thay,
Nên bây giờ phải đến đây tạ lòng.
Đã rằng hỉ sả bao dung,
Gió sương nỡ để lạnh lùng tâm can". [d]
Nàng đương khêu ngọn đèn tàn,
Nỉ non nghe tiếng ngoài hiên rụng rời.
Thưa rằng: "Rừng mạch, vách tai,
Đêm hôm xin chớ rậm lời làm chi !"
Rằng lòng [e] đã giữ một bề,
Thương thì cũng đội, trách thì cũng vâng.
Dứt dây chẳng nệ động rừng,
Làm chi để tiếng tiểu tăng thế cười.
Thôi thôi tôi cũng lạy người,
Sương sa lành lạnh về ngay kẻo mà.

Khảo dị:

a. *Nhẹ nhàng* sư *mới*...

b. *Sầu vừa ngót, ngót lại* sầu

c. Sao tàn, sương *dịu, tuyết* êm
Gió tường ẩn bóng bên thềm lân la.

d. Gió sương nỡ để lạnh lùng *sao an*

e. *Xưa nay*...

Chú thích:

1. *Cầu Ô:* cầu do quạ bắc. Tục truyền ngày 7 tháng 7 âm lịch hàng năm, quạ làm cầu bắc qua sông Ngân cho Ngưu Lang sang gặp Chức Nữ. Ở đây ý nói Phan sinh tự đến gặp Diệu Thường.

2. *Nàng ba:* chỉ ngọn gió.

Trách ai ta lại hận ta, [a]
Bước ra gặp vía Hằng Nga bẽ bàng.
Bấy lâu vâng phép Tạng Vương, [1]
Dám còn đeo thói Thọ Dương [2] chốn này.
Trót ơn để phải đến đây, [b]
Chẳng thương để tiếng nước mây oan người.
Hẹp chi một cánh cửa ngoài,
Chẳng cho vào bạch Như Lai một điều.
Kiếp này bạc, kiếp sau yêu,
Lại như ả Bích, quyết liều cho xong". [3]
Sởn gai lời thốt lạ lùng,
Nếu thi gan với anh hùng thì thua.
Ai cười trời, Phật xét cho,
Cho vào mà kể duyên do mới tường !
Phòng trai vừa hé then sương, [c]
Dưới đèn lóng lánh mặt gương quảng hàn. [4]
Lan mừng huệ, huệ mừng lan,
Ngọc quan hớn hở, từ nhan nhu mì.
Xin thương cho thấu tường vi,
Trời cho Lưu, Nguyễn đến kỳ gặp tiên [d] [5].

Khảo dị:

a. *Mọi thong thả hãy về ngơi kẻo mà*
Chàng rằng: "Ta những giận ta,

b. *Vì ơn nên* phải đến đây

c. *Cửa mây...*

d. Ngọc quan *khấp khởi,* từ nhan *ngập ngừng.*
Nỉ non chàng mới gạn rằng:
Bấy lâu mượn gió gác Đằng truyền hơi.

Chú thích:

1. *Tạng Vương:* tức Địa Tạng Vương. Ý nói đã quy Phật.

2. *Thọ Dương:* tức Thọ Dương công chúa, con gái *Tống Võ Đế.* Nàng nằm ngủ dưới hiên điện Hàm Dương, hoa mai rụng xuống dính vào trán nàng. Các cung nữ thấy đẹp đua nhau bắt chước dính hoa mai lên trán để trang điểm. Ý nói đã tu hành thì không nghĩ đến trang điểm nữa.

3. *Ả Bích:* tên một cô gái con nhà thường dân không thiết kẻ sang. Câu này Phan sinh bảo Diệu Thường cứ nhún mình như ả Bích thì chàng quyết liều thân.

4. *Quảng hàn:* cung trăng. Theo *Long thành Tục,* vua Đường Minh Hoàng được thuật sĩ làm phép lạ đưa lên mặt trăng chơi, thấy tấm biển có chữ "Quảng hàn thanh hư chi phủ" (phủ trống rỗng, lạnh và rộng). Sau dùng chỉ mặt trăng. Ở đây nói Diệu Thường đẹp.

5. *Lưu, Nguyễn:* Lưu Thần và Nguyễn Triệu. Theo *Thần tiên ký:* hai người vào núi Thiên Thai hái thuốc, bị lạc đường và được gặp tiên.

Thực là ngàn dặm nhân duyên,
Trăm năm nghĩa ấy ngôn ngang thế nào ? [a]
Tên gì, quê họ nơi nao,
Vì đâu xui khiến cho vào đến đây ?
Nguồn cơn xin dạy cho hay,
Phật tiền quán nước, làng mây thế nào ?"
Nghe thôi chín khúc [1] như bào, [b]
Giở sao xiết nỗi, nói sao nên lời.
Gửi rằng: "Phận cánh hoa rơi,
Đẫy dầy, may lại gặp người nâng lên".
Bản hạnh vừa dở sự duyên, [c]
Dẫu lòng vàng đá, cũng nghìn xót xa:
"Đàn chân quê thiếp còn xa,
Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều Liên.
Bào thai đã hẹn nhân duyên,
Quạt ngà, trâm ngọc kết nguyền họ Phan
Rồi ra cách trở quan san, [2]
Chẳng may bóng hạc khơi ngàn non Hoa. [3]
Cô đơn con trẻ, mẹ già,
Phấn trôi quẹn má, sương pha bạc đầu.
Lửa binh nhà cửa còn đâu, [d]
Tuyết sương quẩy một gánh sầu đi ra.
Đoạn trường thay lúc phân kỳ, [4]
Mẹ thì bãi bắc, con thì non tây.
Khóc than cũng thấu cao dày, [5]

Khảo dị:

a. *Dương đài đã trận Chương Đài,*
Căn nguyên phải gạn một lời làm sao.

b. *Nàng nghe lời nói bẽ chiều*

c. *Bây giờ còn dám dấu người sao nên !*
Nằn nỉ mới ngỏ sự duyên,

d. *Cửa nhà binh lửa đâu* đâu

Chú thích:

1. *Chín khúc:* chín khúc ruột.

2. *Quan san:* cửa ải và núi. Chỉ sự xa cách.

3. *Non Hoa:* do chữ "Hoa biểu", lấy tích vua Hoàng đế mất, đời sau có câu "vân ám Đỉnh hồ long khứ viễn, nguyệt minh Hoa biểu, hạc quy trì (Đỉnh hồ mây che tối tăm, rồng đã đi xa; trăng sáng soi non Hoa, hạc về muộn). Sau dùng điển này để nói người đã chết.

4. *Phân kỳ:* chia đường. Nói lúc chia tay mỗi người một ngả.

5. *Cao dày:* bởi chữ "thiên cao địa hậu" (trời cao đất dày). Chỉ trời đất.

Xui nàng Trương lại dắt tay cửa thiền.
Oan chi chút phận thuyền quyên,
Chữ tình cám cảnh mối duyên bẽ bàng. [a]
Rừng thiền ơn đã rộng thương,
Tấm thành lễ Phật đèn hương khấn trời.
Họa may phù hộ cho người, [b]
Đền công sinh nặng [1], giải lời nguyền sâu.
Thân này mà dở dang nhau,
Thì xin tu lấy thân sau để dành,
Hoa trôi, nước chảy lênh đênh,
Mặt nào còn giở tâm tình cùng ai !
Dù chàng ép trúc, nài mai,
Tìm nơi giếng cạn thấy người hồng nhan.
Để ai ngọc nát hoa tàn,
Giải oan xin lập đàn tràng cho nhau" [c] !
Chuyện nàng nghe hết nông sâu,
Ngẫm xem con tạo cơ cầu khéo thay. [d]
"Bấy lâu mơ tưởng đêm ngày,
Ai ngờ Phan đó, Trần đây mà lầm.
Tri âm chưa rõ tri âm,
Thì xin bên quạt bên trâm sánh vào".
Vội vàng trâm quạt đổi trao,
Nhận xem nào có chút nào là sai !
Khắc lời hẹn ước chữ bài,
Rành rành tên tuổi hai người song song.
Rõ ràng khánh hội long vân,
Chăn loan chung chạ, dải đồng ấm êm.
Sắc tài đem thử cân lên,
Quân tử ngay thẳng, thuyền quyên trung bình.

Khảo dị:

a. Chữ tình cảm cảnh, *chữ* duyên bẽ bàng

b. *Khẩn cầu, và sẵn* đèn hương *cửa người.*
Họa chi run rủi cơ trời,

c. Giải oan *chàng phải lập đàn* cho nhau"

d. *Sinh nghe ngẩn mặt giờ lâu,*
Ngẫm rằng: "Con tạo cơ *mầu* khéo thay !

Chú thích:

1. Ý nói đến công cha mẹ.

Lời thề thế thế xinh xinh,
Đem vàng chạm lấy bài minh ân tình.
"Hãy xin cẩn tiếng giữ hình,
Phong thanh chớ để lọt mành bay ra".
Chuyện đang dệt gấm thêu hoa,
Trống canh giục giã, tiếng gà xôn xao. [a]
Tạ ơn ra khỏi phòng đào,
Vàng kim ô đã mọc cao hơn lầu.
Tiếng đàn nghe hết giọng sầu,
Thi ngâm phú đọc những câu thái hòa.
Bên thì tha thướt cà sa,
Kệ kinh tụng niệm bằng ba trước ngày. [b]
Sự tình một đó một đây,
Dẫu bà nghìn mắt, dẫu thầy tám tai. [1]
Mành thông, cửa trúc, sân mai,
Ngày người đất Bụt, đêm người động tiên.
Cuộc buồn lẩn thẩn đầy niên,
Đông hoàng nay đã cầm quyền đưa xuân.

Khảo dị:

a. Vội vàng *mở tráp tay* trao,
Nhìn xem nào có chút nào là sai !
Cành trâm thích, quạt chữ bài,
Rành rành tên họ hai người song song.
Mừng nhau lần kể sự lòng.
Gian nan ngày trước, lạnh lùng bấy nay.
Biên lời đó, chép lời đây,
Bút hoa dẫu vạn, tờ mây dẫu nghìn.
Xe vàng lẫn áo hồng sen,
Hết phen sầu não tới phen vui mừng.
Rỉ tai chàng mới dặn rằng:
"Ở đây nương náu hãy đừng hở hang.
Công danh chờ thuở xuân sang,
Thế nào rồi sẽ phượng hoàng rủ nhau".

b. *Dặn dò chưa dứt cạn sâu,*
Trên am một tiếng chày đâu hãi người.
Vội vàng sinh trở gót hài,
Ngoài hiên hoa đã nhộn cười cùng oanh.
Non đông lò lửa hé mành,
Tiếng cầm bên ấy, tiếng kinh bên này.

Chú thích:

1. Ý nói hai người tình tự người ngoài khó mà biết được.

Vũ môn cửa mở thiên ân,
Lý ngư gặp hội [1] thanh vân phải tầm. [a]
Giục đồng quảy tráp, ôm cầm,
Lên chùa từ tạ, xuống phòng thưa qua. [b]
Nàng rằng: "Chàng học quyết khoa,
Nhìn xem khí sắc như hoa gặp thì. [c]
Ở đây nương bóng Bồ đề,
Chăm chăm một tấm lòng quỳ hướng dương. [2]
Chúc cho hai chữ bình an,
Lúc về ắt hẳn cả đoàn hiển vinh".
Nói thôi giục ngựa đăng trình,
Cỏ non lớp lớp, non xanh tầng tầng.
Qua bãi bể, đến đường rừng,
Chim chào khách cũ, hoa mừng người quen.
Cửa trường đến đã thấy tên,
Danh tài đủ mặt cao hiền thấp ai.
Thơm lừng cây quế cỏ trời,

Khảo dị:

a. *Thông thông, trúc trúc, mai mai,*
Ngày người đất Bụt, đêm ngày động tiên.
Đầu gành còn điểm mõ quyên,
Vo ve đàn dế bỗng chen gió vàng.
Khúc cầm thông mới dạo sương.
Chào oanh, sớm đã vội vàng tin mai.
Lân la tháng Bụt ngày trời,
Hạ qua, thu tới, đông rồi lại xuân.
Vũ môn mừng đã đến tuần,
Phượng loan rày gặp phong vân phải tầm.

b. Lên chùa *bạch đã*, xuống *thềm bảo* qua.

c. *Bõ ngày áo gấm xem hoa sẽ về.*

Chú thích:

1. *Vũ Môn*: tên một địa danh ở Trung Quốc. Theo truyền thuyết: cửa Vũ Môn có sóng dữ. Hàng năm vào tiết tháng ba cá chép tập trung ở đây vượt qua sóng. Con nào vượt được thì hóa rồng. Sau dùng chỉ việc thi cử.

2. *Quỳ hướng dương*: *quỳ*: một thứ hoa luôn luôn hướng về mặt trời, chỉ lòng trung thành. Ở đây ý nói Kiều Liên hướng về Phan sinh như hoa quỳ hướng về mặt trời.

Người nào cũng chắc vin chơi được cành. [a]
Nào hay đến lúc xướng danh,
Loa truyền Tất Chánh lên đình thụ ân
Thám hoa vào lạy sân rồng,
Hoa vàng, cật bạc, áo hồng, cân đai.
Hoa cù ngựa dạo rong chơi,
Gái trang son phấn xem người tài hoa.
Tiếng thơm lừng lẫy gần xa,
Bảng vàng tuổi trẻ, mẹ cha chưa già.
Vua ban cờ biển bia ngà,
Trống giong, cờ mở ấy là vinh quy.
Thư nhà trước phải đem đi,
Thư chùa thì phải đem về Kim Lăng.
Bên tai nghe được hảo âm, [1]
Hoa xuân điểm trắng, trăng rằm vén mây.

Khảo dị:

a. *Ngùi ngùi dặm liễu ngàn sương,*
Tiễn đưa hai chữ bình khương mấy lòng.
Thoắt thôi ngang dọc tây đông,
Ngựa quen đường cũ ruổi rong tếch chừng.
Thông reo, vượn hót, chim mừng,
Hương chùa đưa gió, hoa rừng phun sương.
Tuần du, vừa tới cửa trường,
Danh tài mây hợp, hiền lương sao bầy.
Cùng vào vâng lạy năm mây,
Côn bằng phỉ sức, rồng mây phải thì.

Chú thích:

1. *Hảo âm:* tin tức tốt lành. Nói việc Phan sinh thi đỗ.

Âm công tích đã lâu thay, [a]
Rõ ràng tông tổ đức dày nhi tôn.
Thám hoa ngày ở từ môn,
Tâm thành nên đức thế tôn độ người.
Mới hay bĩ cực thái lai,
Ở trong trần lụy biết ai công hầu.
Chẳng trọng nhau, chớ khinh nhau,
Những loài yến tước biết đâu chí hồng. [1]
Kể sao xiết nỗi vui mừng,
Ngựa xe rầm rập nghe chừng đến nơi.
La dậy đất, trống vang trời,
Tán vàng bảo cái chen mùi phân phân.
Áo triều phục, mũ cánh chuồn,
Lên chùa lễ Phật tiến hương chu toàn.
Nghĩ sao vẹn đạo cương thường,

Khảo dị:

a. Thám hoa vào lạy *đan trì,*
Cẩm bào phô cật, hoa chi giắt đầu.
Tiếng thơm lừng lẫy *đâu đâu,*
Kẻ siêng ong bướm, người mau cá nhàn.
Ngán thay hỡi bạn hồng nhan,
Làm chi rác lỗ tai quan khéo là.
Một thư nhắn gửi về nhà,
Một thư đưa đến cửa chùa báo tin.
Từ ngày chàng ruổi dặm nghìn,
Tấm lòng dựa cánh cửa chiền đăm đăm.
Bên tai *thoắt mừng* hảo âm,
Hoa *mai* điểm *tuyết,* trăng rằm vén mây.
Cô nghe tin cháu mừng thay,

Chú thích:

1. *Yến tước, chí hồng:* do câu "Yến tước an tri hồng hộc chí" (Chim én, chim sẻ sao biết được chí của chim hồng, chim hộc.. Ý nói kẻ tiểu nhân không hiểu được chí của người quân tử.

Thì đem trâm quạt đến bàn cùng cô.[a]
Cô rằng: "Phận đẹp duyên ưa,
Mừng cho đôi lứa đã vừa đồng cân.
Nhưng đây là cảnh chân chân,[1]
Tu hành[b] chịu việc hôn nhân sai lời.
Gần đây đã có một người,
Đưa nàng đến chốn Phật đài ngày xưa.
Cậy người biện lễ ông tơ,
Xin sáng bên ấy[c] mà đưa nàng về.
Trời cho[d] phỉ chí nam nhi,
Vinh quy cùng với vu quy một ngày.
Phù rồng chấp phượng[2] ra tay,
Mặc cô trai giới[e] ở đây khẩn cầu".
Tạ ân cùng bước xuống lầu,
Thám hoa thì trước, mà sau Diệu Thường.
Áo hồng đã ruổi xe vàng,
Thay tràng bồ tát, đeo tràng trân châu.
Hôm qua là kẻ tăng mầu,
Hôm nay rõ mặt công hầu phu nhân.
Lên chùa lạy Phật, lạy thần,

Khảo dị:

a. Chẳng *yêu* nhau, chớ *rẻ* nhau
Những loài yến tước biết đâu chí hồng
Đương mừng náo nức tưng bừng,
Một đoàn nghe đã ruổi rong gần miền.
Xe xe, ngựa ngựa lẫn chen,
Hoa quan mừng rước, chim quen đón chào.
Chênh vênh ngoài chốn non cao,
Áo hồng, đai bạc bước vào cửa không.
Chuông kêu lẫn tiếng thiều rung,
Cờ xem bảo cái, tán lồng trắng phau.
Hương đèn tạ Phật vừa an,
Mới đem trâm quạt để bàn cùng *sư*

b. *Tăng già...*

c. Xin *hầu sang đó ...*

d. *Mừng* hầu ...

e. Mặc cô *kinh kệ ...*

Chú thích:

1. *Chân chân:* thực thực. Chỉ cõi Phật.

2. *Phù rồng chấp phượng:* do chữ "phan long phụ phượng". Ý nói ra tay giúp vua trị nước.

Lạy thầy vạn phúc đội ơn đời đời.
Phòng tăng từ tạ các nơi,
Vãi Hương, ơn ấy mấy đời cho quên.
Từ đây giã cảnh giã chiền,
Giã non giã nước, giã miền cỏ hoa.
Cảnh này giữa khoảng trung xa,
Khi vào báo lý, khi ra đầu đào. [1]
Kim Lăng sang đã hầu vào,
Vàng dâng mười vạn vi mao trướng cùng. [a]
Thế này của chẳng xứng công,
Nặng ơn phiếu mẫu, nhẹ lòng Vương Tôn. [2]
Lên đường vui với nước non,
Xe mòn bánh kéo, ngựa mòn vó câu.
Lòng mừng nhẹ bước nên mau,
Ba tuần đã đến Hoa Châu quê nhà.
Xuân huyên [3] tươi tốt rườm rà,
Trên đầu điểm tuyết, màu da vẻ mồi.
Trên giường thất bảo đều ngồi,
Thám hoa quỳ lạy tận nơi thưa tường:

Khảo dị:

a. *Trên lầu còn thoáng mùi hương lạ đời.*
Nàng liền thay chuỗi hạt trai,
Đã phô thức phấn, lại gài then mây.
Lên chùa lạy Bụt, lạy thày,
Giã Hương công, đội ơn này chẳng quên.
Giã non, giã nước, giã chiền,
Giã mai, giã trúc, giã miền cỏ hoa.
Cảnh nay trong chốn đường hoa,
Vào chơi thết đãi, bước ra phụng chiền
Thoắt thôi xe ngựa dập dìu,
Sang Kim Lăng, cứ như điều nhà sư.
Tiệc thời mười lạng vàng đưa,
Nước non kể mấy tóc tơ thẹn thùng.

Chú thích:

1. *Đầu đào báo lý:* ném quả đào (thì được) trả lại quả mận. Nói việc tặng đáp nhau.

2. *Phiếu mẫu:* người đàn bà giặt vải. *Vương Tôn:* Hàn Tín, lúc Hàn Tín còn nghèo, phiếu mẫu thường cho ăn cơm. Sau Hàn Tín làm tướng nhà Hán, có công, được phong vương, đem ngàn vàng đến trả ơn.

3. *Xuân huyên:* cây xuân và cây huyên. Chỉ cha mẹ.

"Từ khi du đãng bốn phương,
Thần hôn [1] đánh lỗi đạo thường làm con. [a]
Phúc thừa muôn đội tổ tông,
Bảng vàng may trộm bút son tên đề. [b]
Nhân duyên vâng lĩnh quạt thề,
Nhờ tay Nguyệt lão [2] khéo xe lạ lùng.
Lượng trên nhờ đã bao dong,
Cùng vào lạy tạ tấm lòng mới an".
Mừng cho duyên đã nên duyên,
Công thành danh toại đã nên thân người.
Đem nhau sang chốn thọ đài,
Lạy bà Trần thị kẻo người chờ mong.
Người từ gặp bước long đong,

Khảo dị:

a. *Rạng ngày lại ruổi* nước non,
Giải rong cờ bướm, dặm dồn vó câu.
Vui lòng, nhẹ bước nên mau,
Ba *trăng* đã đến Hòa Châu *cảnh* nhà.
Xuân huyên *đối khóm già già,*
Trên đầu *vẻ bạc, ngoài* da *thức* mồi.
Rõ phô tiệc rượu đầy vơi,
Dưới hiên lâu chuốc thọ bôi đôi tuần.
Môn đình xuân lạy thêm xuân,
Thư thư rạng nước, đai cân nối nhà.
Thắm hoa quỳ lạy thêm hoa,
Niềm xưa, nỗi trước lân la bày trường
Con từ du học bốn phương,
Thần hôn đành lỗi đạo thường làm con

b. Phúc thừa muôn đội *tràng môn,*
Bảng vàng may trộm *chữ* son tên đề.

Chú thích:

1. *Thần hôn*: sớm tối thăm viếng. Nói bổn phận làm con thờ cha mẹ.
2. *Nguyệt lão:* từ chữ "Nguyệt hạ lão nhân" (ông già ngồi dưới trăng). Từ điển này, những chữ *Nguyệt lão, trăng già, ông tơ* dùng để chỉ người làm mai mối trong việc hôn nhân.

Dặm nghìn trời đất xui lòng đến đây.[a]
Nặng vì tình nghĩa xưa nay,
Rước về phụng dưỡng đêm ngày thay con.
Tơ duyên nay đã vuông tròn,
Vui này rửa hết lòng buồn bấy lâu.
Tạ ơn nàng lại khấu đầu,
Cùng chàng lĩnh mệnh sang hầu phu nhân.
Đến nơi vào lạy từ thân,
Rằng: "Từ ly biệt ba xuân lâu ngày.
Trời cho hội họp ở đây,
Cũng là âm đức chứa đầy đã lâu".
Mẹ con giở nỗi trước sau,
Nào mừng, nào tủi, nào sầu, nào vui.[b]
Mừng cho loan phượng nên đôi,
Tấm lòng vinh hiển nhờ tài trượng phu.
Khuyên con phụng sự công cô,
Đêm ngày nâng giấc sớm trưa ngọt bùi.
Gia đình hòa khí mới vui,

Khảo dị:

a. *Ngửa trông trời bể bao dong,*
Thứ cho dưới gối tấm lòng tiểu nhi.
Rằng: "Con từ gián đình vi,
Ngán lòng nương cửa mọi bề nhớ trông.
Nhờ hồng phúc, đội âm công,
Gặp khi kim bảng, động phòng cả hai.
Rồi đem nhau *đến* thọ đài,
Lạy bà Trần thị kẻo người nhớ mong.
Người từ *nhỡ* bước long đong,
Trời xui ngàn dặm để lòng *tới* đây.

b. Nặng *bên* tình nghĩa xưa nay,
Rước về phụng dưỡng đêm ngày thay con.
Chữ duyên *rầy* đã vuông tròn,
Đem tin mừng lại, kẻo buồn bấy lâu.
Tạ ơn nàng lại khấu đầu,
Cùng chàng *vâng* mệnh sang hầu *từ thân.*
Bước vào vừa đến giữa sân,
Song song cùng đặt bức khăn lạy chào.
Sụt sùi kể lể thấp cao,
Nỗi con, nỗi mẹ tiêu hao tỏ tường:
"Mừng con, và đội ơn chàng.
Thân già được thấy giàu sang, ai ngờ ?"

Dâu con giữ đạo làm tôi cho tròn.
Tạ từ về lạy nghiêm đường, [1]
Rằng: "Xin mở tiệc gia tường yến tân. [2]
Một là khánh thọ [3] song thân,
Hai là khoa giáp tạ ân Thượng hoàng.
Ba là bái tổ tư đường,
Bốn là bốn cõi giang sơn thánh hiền.
Năm là khánh hạ tân nhân,
Chén mời làng họ tân bằng gần xa. [a]
Đào nương hát múa bài hoa,
Chúc thọ mười bốn tam đa ba bài.
Tiếng đàn chen chúc tiếng người,
Ấm êm cung hãm, khoan thai cung huỳnh.
Kể sao xiết nỗi quang vinh,
Tiệc mừng trọn tháng linh đình mới xong.
Bên mình vui dải đồng tâm, [4]
Nối thơ vô đố, hòa cầm chung nghi.
Thêm yêu vì cách nhu mì,
Phấn son những dáng từ bi hơn người.
Huệ lan ngày lại tốt tươi,

Khảo dị:

a. *Lạy thôi nàng giở sau xưa:*
May nhờ một sớm móc mưa tưới nhuần.
Xiết đâu kể nỗi gian truân,
Một nhà sum họp Tấn Tần từ đây.
Duyên hương lửa, hội rồng mây,
Bỏ công ly biệt, bõ ngày tân toan.
Thoắt thôi từ tạ dưới màn,
Về lầu mở tiệc đoàn viên chúc mừng.
Chơi vơi hoa chúc tưng bừng,
Véo von đàn hát, vang lừng phách sênh.
Cung nam cung bắc cung hùynh,
Đọ như tiếng kệ tiếng kinh chẳng nhường.
Có khi cợt phấn, diễu hương,
Sau những Bồ Tát, trước nhường Tiên Nga

Chú thích:

1. *Nghiêm đường:* chỉ cha. Đây gọi Phan công.

2. *Gia tường yến tân:* mở tiệc mừng trong nhà có việc vui.

3. *Khánh thọ:* mừng thọ.

4. *Dải đồng tâm:* nói việc trai gái yêu nhau hoặc bạn bè thân thiết cùng một lòng một dạ với nhau.

Tam tòng, tứ đức chẳng sai đạo thường.
Xuân huyên sương tuyết trình tường,
Trời xuân tư nhuận cả vườn đều xuân. [a]
Sứ trời [1] trên chiếu đến gần,
Đặt lên hương án trước sân lạy quỳ.
Tuyên trong lời chiếu triệu về,
Trở vào thu xếp trình nghi vội vàng. [b]
Bước lên lạy tạ nghiêm đường,
Lạy bà từ mẫu, từ nương ân cần
Cùng nàng xe ngựa dời chân,
Nước non quen thuộc ba tuần đến nơi.
Bệ rồng gang tấc mặt trời,
Tâu lời trung nghĩa, dâng bài tu nhương.
Phải duyên ngư thủy đồng đường,
Ấn son, cờ lệnh, gươm vòng trao tay.
Cúi đầu lĩnh mệnh năm mây,
Tài theo Gia Cát [2] kể bài Tôn, Ngô. [c] [3]
Ngọn cờ ra cõi Thành Đô,
Nguyệt thị xuống cúi, Thiền vu [4] cúi đầu.
Quan nhất phẩm, tước phong hầu,

Khảo dị:

a. *Có khi ướm nguyệt chào hoa,*
Lầu sơn phảng phất cửa già gió trăng.
Huệ lan đang rộn tiệc mừng,
Tin hay đã thấy tưng bừng sứ hoa.
Việc quan hẳn khác việc nhà,
Lạy nghiêm từ đã, lạy bà từ thân.

b. Bốn câu này bản ĐPB không có

c. Phải duyên ngư thủy *nhất* đường,
Ấn *hoa kín mật,* gươm vàng trao tay.
Mệnh trời vâng chiếu năm mây,
Ra tài Khấu, Đặng, thử tay Tiêu, Tào.

Chú thích:

1. *Sứ trời:* sứ giả của nhà vua.

2. *Gia Cát:* tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh. Ông là nhà chính trị và quân sự nổi tiếng thời Tam Quốc, giúp Lưu Bị chia ba thiên hạ.

3. *Tôn, Ngô:* tức Tôn Vũ và Ngô Khởi. *Tôn Vũ:* người nước Tề thời Xuân Thu, có tài dụng binh, được vua Ngô dùng làm tướng. Tôn Vũ giúp vua Ngô làm bá chủ chư hầu. *Ngô Khởi:* xem chú thích 4, tr. 628.

Cả câu ý nói Phan Tất Chánh có tài giúp vua trị nước.

4. *Thiền vu:* vua rợ Hung Nô, một dân tộc ở phía Bắc Trung Quốc.

Đài lân, gác phượng danh lưu công thần.
Mấy khi cô tiểu Kim Lăng,
Sắc phong "Nhất phẩm phu nhân" rõ ràng.
Trên đời còn có phượng hoàng,
Tao khang [1] còn chuyện Trần, Phan dõi truyền.
Non nhân cây đức trồng thêm,
Dựng nêu ngay thẳng, đắp nền tròn vuông.
Xuân huyên tươi tốt khang cường,
Quế lan danh giá, tôn bằng nhởn nhơ. [a] [2]
Quạt ngà trâm ngọc để thờ,
Chứa lành nên được phúc dư đời đời.
Tân thanh lấy chuyện làm vui,
Còn trong bĩ thái ai người chê khen.

Khảo dị:

a. *Đông Nam chỉ ngọn cờ mao,*
Non xanh sấm động ba đào gió rơi.
Cáo, kình im lặng tăm hơi,
Doành ngân rửa mác, non đoài treo cung.
Khải ca lừng lẫy phu công,
Đã ngoài nanh vuốt, lại trong cột rường.
Gia hốt ngọc, giắt ấn vàng,
Cõi bờ mở rộng, mối rường xây nên.
Đồng hưu rò rõ thẻ khuyên,
Công ghi gác phượng, danh truyền dài lâu.
Nhà chung đỉnh, cửa đai cân,
Vinh phong sắc "quận phu nhân" cho nàng.

Chú thích:

1. *Tao khang: tao* là bã rượu, *khang* là cám. Sách *Hậu Hán thư* viết chuyện Tống Hoằng nói: "Người bạn chơi lúc còn nghèo không thể quên được, người vợ lấy lúc còn cám bã nuôi nhau thì không thể bỏ được". Chỉ người vợ gắn bó từ thuở còn nghèo nàn.

2. Cả câu ý nói cha mẹ mạnh khỏe, con cháu vinh hiển.

Mới hay xe chỉ nhân duyên,
936 Càng lâu, càng thắm, càng bền, càng dai. [a]

Phiên âm theo bản Nôm *Phan Trần truyện*, Thành Thái, Giáp Tý.
Ký hiệu Thư viện Hán Nôm: AB.26.

Khảo dị:

a. *Móc mưa nhuần gội ơn sang,*
Nền nhân đạo đức rạng hàng quế lan.
Trăm năm duyên sánh phượng loan,
Tao khang hai chữ Trần, Phan dõi truyền.
Tốt tươi hai khóa xuân huyên,
Thêm mừng nước trị, nhà yên đời đời.
Lạy thay cùng đạt cơ trời,
Chớ khoe quyền thế, chớ cười hàn vi.
May ra ai cũng một thì,
Hơn nhau hai chữ "nhân nghì" là hơn.
Người quân tử, khách hồng nhan,
Kiều khôn còn rộng, tạo đoan còn dài.
Nôm na chép chuyện mà chơi,
Xét xem bĩ thái, dám lời khen chê.
Thực thà dám sánh tân kỳ,
Gọi là làm nhãn để ghi sau này

LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI

TIỂU DẪN

Vào khoảng năm Vĩnh Bình (58-75) đời nhà Hán, có hai chàng trai Lưu Thần và Nguyễn Triệu, nhân Tết Đoan ngọ, vào núi hái thuốc. Họ lạc vào động Thiên Thai, gặp và kết duyên với tiên nữ. Sống vui vầy ở tiên giới một năm, họ trở về thăm quê hương thì cửa nhà đổi khác, họ hàng làng xóm không nhận ra. Một ngày trên tiên bằng một năm dưới trần. Họ buồn rầu tìm lại Thiên Thai, nhưng cũng không gặp tiên nữa (tương tự như truyện Từ Thức ở ta, Nguyễn Dữ kể trong *Truyện kỳ mạn lục*).

Ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, đề tài Lưu Nguyễn vào Thiên Thai được nhiều người khai thác. Truyện Nôm này sáng tác theo hướng đó. Tác giả tôn trọng nội dung không thêm bớt (khác với các vận dụng đề tài của tác giả *Từ Thức tân truyện*. Tư tưởng chủ đề của tác giả cũng không tập trung hẳn vào một điểm nào nổi bật. Ở đấy có cả sự băn khoăn về cảnh tiên trần huyền diệu, cả mơ ước thoát ly, và sự gắn bó với thiên nhiên. Lời văn nhiều chỗ điêu luyện, giàu điển tích, chứng tỏ tác giả có học vấn cao. Nhiều câu bắt chước *Truyện Kiều* (như các câu 41,88,90,159,160 v.v...) và cũng có những câu dịch thoát ý thơ Trung Quốc (như câu 247,248) [1]

*

* *

Bản Nôm *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai* hiện có ở Thư viện Khoa học Trung ương, ký hiệu AN 220 (Liễu Văn Đường tàng bản). Năm 1912, Xuân Lan đã phiên âm và cho xuất bản (nhà in Văn Minh - Hà Nội. Hải Phòng, Nguyễn Ngọc Xuân). Tại Thư viện Quốc gia có bản Quốc ngữ này, ký hiệu P.5303 (23). Năm 1963, Vũ Ngọc Khánh đã tiến hành khảo sát cả hai bản trên đây và công bố (cùng với cuốn *Truyện Từ Thức* và nhiều tư liệu khác chung quanh đề tài Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai: thơ Hán, thơ Nôm đời Hồng Đức, đời Nguyễn, chèo Lưu Nguyễn v.v...). Phần văn bản sau đây là bản Vũ Ngọc Khánh đã công bố. Việc chú giải, chúng tôi không chủ trương làm kỹ, vì phần lớn các điển tích đã sử dụng trong *Từ Thức tân truyện*, bạn đọc có thể xem lại.

---

1. Tác giả Trung Quốc Tào Đường có 5 bài thơ *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai* rất nổi tiếng.

Trăm năm trong hội kỳ phùng,
Nguồn ân bể ái tình chung tiên trần,
Cơ tác hợp, sự tiền nhân,
Trong vòng tạo hóa xây vần ai qua.
Kìa tiên muội, nọ tiên nga,
Nước dương khôn sái ngoài lò trần tâm [1].
Đỗ Lan cách mấy cao thâm,
Cùng chàng Trương kết tri âm cõi trần.
Ví chàng duyên kiếp nợ nần,
Sợi tơ hầu dễ buộc chân ai vào.
Non tiên một đóa yêu đào,
Cỏ hoa hớn hở như chào chúa xuân.
Người tử phủ, khách hồng quần, [2]
Phải duyên nghìn dặm như gần tấc gang.
Thấy trong tiền định rõ ràng
Mới hay kim cải đá vàng là duyên.
Ngẫm xem truyện cũ người tiên,
Bút văn sinh hãy ghi truyền sử xanh.
Vĩnh Bình niên hiệu Hán Minh, [3]
Đức vua rõ xét chính thanh tục thuần.
Làu làu ngọc chúc mười phần,
Trăm quan xứng chức muôn dân an bình.
Rộng dài lò lợi đường danh
Mà trong di tích thích tình mặc ai.
Người điếu nguyệt, khách chương đài,
Người trong quá tuyết, kẻ ngoài tháp mây.
Lưu Thần, Nguyễn Triệu hai thầy,
Ngoài vòng cương tỏa, tháng ngày tiêu dao.
Khang dân thọ thế làm cao,

Chú thích:

1. *Sái:* rảy. Ý cả câu: rảy nước phép cho nguội lòng tục.
2. *Tử phủ:* gác tía (ý nói người chốn nhà quan sang).
3. *Hán Minh:* đời Minh đế nhà Hán.

Sâm linh mộc dược ra vào y lâm
Đoan dương vừa tiết mồng năm,
Hái lan bẻ quế thường chăm việc mình.
Rượu bồ tay chuốc chén quỳnh,
Bạn bè di dưỡng tính tình lân la.
Núi Thiên Thai mấy dặm xa,
Cỏ cây bóng mát yên hà vẻ thanh.
Một bầu cảnh vật khéo xinh,
Xui lòng nhẹ bước vân trình dọc ngang.
Trời hôm đãi vẻ dương quang,
Mây đèo che mát, gió hang quạt nồng.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Đồng không lối mục, rừng không ca tiều.
Véo von vượn hót chim kêu,
Đàn không phách suối, tấm yêu não nùng.
Thú vui mấy kẻ biết cùng,
Kìa liên quân tử, nọ tùng trượng phu. [1]
Nương hoa dựa liễu ngao du,
Những say phong vị mà no tính tình.
Cơm liễu ngọt, nước suối thanh.
Lộc trời chứa sẵn, nuôi mình tự nhiên.
Đoái trông một giải thanh tuyền,
Nước nguồn tuôn rẫy, dáng miền nhân cư. [2]
Cùng nhau lần bước thẩn thơ,
Ai là động chủ mà thưa hỏi cùng.
Bốn bề đá xếp mây lồng,
Nào hay cửa tía lầu hồng gần xa.
Cơ duyên đâu khéo khéo là,
Đầu non bỗng thấy nhởn nhơ hai nàng.
Da ngà mặt ngọc đoan trang,
Hằng Nga thấp thoáng bóng gương Quảng Hàn.
Điểm trang tinh bội vân hoàn,
Dong nghi ai cũng một làn như ai.
Phong tư yểu điệu khác vời,

Chú thích:

1. *Liên quân tử, tùng trượng phu*: hoa sen và cây thông, tiêu biểu cho phẩm chất cứng rắn và cao đẹp.

2. *Nhân cư:* người ở. Ý nói vùng đất mới này xem như cũng có xóm làng.

Nét mây in nguyệt gót hài nở hoa.
Cung giăng thềm quế thẩn thơ,
Phong phanh thắm đỏ, phất phơ đào vàng.
Thu ba lóng lánh doành sương,
Thuyền tình như giục khách sang bến tình.
Lạ lùng khôn tỏ tính danh,
Chào mời như đã quen mình những xưa.
Nỗi lòng bối rối nhường tơ,
Nửa mừng, nửa sợ, nửa ngờ, nửa tin.
Biết đâu là tục là tiên,
Biết đâu là nợ là duyên nhường nào.
Song song hoa liễu mỉm chào,
Càng say nỗi khách càng cao gót trần.
Động trời lầu mở khóa xuân,
Góp thâu phong nguyệt, chứa chân yên hà.
Lầu rồng gác phượng mấy tòa,
Rõ ràng cửa ngọc rèm ngà phô trương.
Quấn quanh dòng nước mênh mang,
Ngát rừng hoa nở bên đường gió đưa.
Giường thất bảo, tướng cửu hoa,
Nệm thêu anh vũ, gối thùa uyên ương,
Bếp giời đâu cũng sẵn sàng,
Cơm vừng rượu cúc, vật thường nem dê.
Linh đình mở tiệc hội huê.
Khách tiên bỗng trước bình the bước vào.
Chiều phong vận, vẻ thanh tao,
Lời mừng miệng chúc, quả đào tay nâng,
Khuyên mời lơi lả tưng bừng,
Cuộc vui nay biết kể thưng đấu nào.
Xiêm nghê áo vũ dập dìu,
Thiên Thai hội ấy động đào ngày xưa.
Bạn tình cũ, mối duyên ưa,
Bầu tiên chuốc rượu, bâng khuâng vì tình.
Cùng nhau hương hỏa ba sinh,
Đi về thì mượn chim xanh trao lời.
Lả lơi kể lể đầu đuôi,
Người tiên mấy kẻ nhuộm mùi trần ai:
"Thiếp nay nương chốn Dao Đài,

Tiết trong tuyết trắng, giá ngoài trăng trong.
Lẳng lơ thay nhẽ hóa công,
Chưa cho thoát được khỏi vòng ái ân.
Phúc căn lần nhắc đồng cân,
Đường tu sinh cũng có phần ngang ngang.
Vậy nên biết lối quen đường,
Khiến cho giao kết loan hoàng đẹp đôi.
Tạc ghi hai chữ duyên hài,
Dám xin giao ước vẹn mười thủy chung."
Dưới trăng lòng đã giãi lòng,
Lâu đài chung một, lan phòng riêng hai.
Đôi nhà tơ trúc vầy vui,
Cùng nhau chuốc chén giao bôi la đà.
Động phòng soi ngọn đuốc hoa,
Rõ ràng vẻ ngọc, lập lòa bóng hương.
Von Vu một gối uyên ương,
Mây mưa đằm thắm mơ màng đêm xuân.
Khúc đàn lưu thủy hành vân,
Tiếng tơ đầm ấm mười phân dương hòa.
Trùng trùng bóng nguyệt lầu hoa,
Làng ôn nhu ấy cửa nhà đào non. [1]
Tuổi già sánh với càn khôn,
Ngâm chương chung vũ, vui đoàn vân nhưng [2]
Dài đồng một mối khăng khăng,
Sâm Thương khuya sớm cách chừng mặc ai.
Hai nhà phận đẹp hòa hai,
Trần duyên phỏng độ mấy mươi cho bằng,
Vì chàng luyện phép phi thăng,
Nhẹ nhàng phàm cốt ví bằng cánh lông.
Dong chơi tháng bách năm tùng,
Chàng đầu xanh, thiếp má hồng chẳng phai.
Tiêu dùng bao hết kho trời,
Gió đông trăng núi thảnh thơi mặc dầu.
Góp thâu vàng cúc một lầu,

Chú thích:

1. *Ôn nhu:* có nghĩa là ấm và mềm, gọi đó là ôn nhu hương: làng ấm mềm.

2. *Vân nhưng*: con cháu huyền (tức bốn đời) gọi là vân, con cháu vân gọi là nhưng. Vân nhưng là con cháu năm đời.

Trước hè chất chứa mấy tầu tiền sen.
Hạc cầm lạ lạ quen quen,
Lá màu thanh nữ ngọn đèn tố nga.
Gió trăng non nước bao già,
Khi vào động bích, khi ra vườn đào.
Đường cát ngọc, lối cỏ dao,
Bên cành hồng thụ, ngạt ngào hương đưa.
Cảnh tình một vẻ một ưa,
Dàn tay bầu rượu túi thơ rong dài.
Chồi lan khóm huệ đua tươi.
Hơi trần nhuộm đã đượm mùi thiên hương.
Nửa năm ở chốn lầu trang,
Mối trần còn mắc tơ vương mấy vòng.
Nào hay con tạo giở lòng,
Tờ mờ lắm nỗi lạ lùng hay chưa!
Cơ duyên đâu khéo lật lừa,
Khiến người trong hội thẫn thờ hồn mai.
Tấm lòng ai phụ chi ai,
Tơ duyên kia cũng thắm phai lọ là.
Năm năm tuổi hạc không già,
Hẳn không tử biệt như là thế nhân.
Đoái trông một giải cầu Ngân,
Sinh ly nhường cũng có phần ở trong.
Tiếng chim kêu hót não nùng,
Xót thân bồ liễu đau lòng hương quan.
Cùng nhau dài vắn thở than:
"Đeo tiền cỡi hạc thân nhàn đến nay.
Bụi hồng cách mấy từng ngày,
Cố viên thư nhạn bấy chầy vắng tin.
Họ hàng kẻ thuộc người quen,
Kể làm sao xiết mối duyên cũ càng."
Lửa phiền như nấu tâm can,
Tình kia cảnh nọ ngổn ngang bời bời.
Khi buồn trọ chốn hiên mai,
Đầu non quyên giục mấy hồi đêm trong.
Kìa non nọ suối khơi chừng,
Vẫy vùng giục lộ thung thăng phi phù.
Đào nguyên nhận suối ngẩn ngơ

Hoa man mác lối, cỏ lơ thơ đường,
Bầu trời bát ngát thanh dương
Chiều xuân văng vẳng, bóng xuân tà tà.
Càng nhìn phong cảnh gần xa,
Càng như xui nỗi nhớ nhà khôn khuây.
Tấc niềm chàng mới giãi bày:
"Cung mây từ thuở sum vầy trúc mai.
Lạ trong kỳ ngộ duyên trời,
Đôi dây cầm sắt một lời tất giao.
Khoác tay quấn sợi tơ đào,
Riêng ai chếch gối lẽ nào cho đang.
Tấm lòng còn chút dở dang,
Tạm ly xin hãy tìm đường thăm quê".
Nghe lời không thuốc mà mê,
Liệu lời nàng mới nằn nì thấp cao:
"Khuyên chàng hãy nghĩ lấy nao,
Đắn đo cân nhắc bên nào là hơn.
Kìa trong thế giới ba ngàn.
Lò cừ nung nấu mấy phen đổi dời.
Trăm năm phú quí cuộc đời,
Thanh nhàn khôn ví Bồng Lai một ngày.
Bốn bề phong cảnh vui vầy,
Dập dìu ngựa gió xe mây cũng tình.
Đan bất lão, nước trường sinh,
Càng thông tiên thuật, càng lành nghề xưa.
Nương vòng chính khí vào ra,
Lợi danh năm lọc bảy lừa mà chi."
Trách người vụng chẳng hay suy,
Khăng khăng quyết hẳn một bề chia phôi.
Cũng là hưng tận bi lai,
Nước bèo khôn dễ ép nài mưa tuôn.
Hai con ngảnh lại hai đường,
Mây tan mưa cuốn dở dang nửa chừng.
Mấy lời thề thốt dưới trăng,
Hỏi lòng có nhớ hay chăng hỡi lòng.
Ví chăng duyên kiếp đèo bòng,
Làm chi dan díu bận lòng sắt son.
Khuôn duyên kia trót chẳng tròn,

Trần duyên thương kẻ dạ còn đa mang.
Tràng đình mấy dặm thanh dương,
Chung tình một khóm giữa đường chia đôi,
Mặt rồng ngao ngán tình hoài,
Lời ghi thư ngọc, chén mời rượu vân.[1]
Bài chiết liễu, thể hồi văn,[2]
Tự tình ngâm mấy câu thần tiễn đưa.
Nào hay từ đó đến giờ,
Ai là Sào, Hứa, ai là Y, Chu?[3]

Nào người kết nghĩa giao du những ngày.
Thoi oanh thấm thoắt hồng bay,
Lá trần đâu đã đổi thay mấy lần.
Cảnh tình nghĩ đến xa gần,
Đã mê như túy, lại phần như si.
Biết đâu là chốn Thê Trì,
Biết đâu là chốn yêu vì kết giao.
Cùng nhau bàn bạc thấp cao
Mưu sinh nào biết chước nào ngàn năm.
Hương trần tơ tuyết bao lăm,
Tất giao khôn nổi, sợi cầm tay ai.
Thăm tình chốn cũ Thiên Thai,
Họa may tình lại gặp người tình chăng.
Thương ôi lỡ bước lạc chừng,
Dễ mà chắp lá lìa rừng được sao.
Doành kia suối nọ thấp cao,
Gót trần len lỏi ra vào quản đâu.
Trời hôm lắng đắng non sâu,
Áo cừu sắp xếp nhuộm màu khói sương.
Một bầu đổi khác phong quang,
Lơ thơ cây đứng ngổn ngang đá nằm
Thung thăng đào thủy tùng lâm,
Cá khe hớp nước, hươu nằm ăn hoa.

Chú thích:

1. Lấy chữ trong thơ Đường: rượu vân dịch, tờ ngọc thư.

2. *Chiết liễu:* bẻ cành liễu để tiễn đưa. Thơ Hồi Văn của Tô Huệ (ý nhớ chồng..

3. Sào Phủ, Hứa Do là hai người ẩn dật. Y Doãn và Chu Công là hai người ra giúp đời. Cả câu muốn nói, bạn cũ ai xuất, ai xử.

Đào nguyên vẫn một màu xưa,
Mà người khuyến tửu bây giờ là ai?
Bước tương tư khéo khéo thay,
Vào ra quán tuyết làng mây dùng dằng.
Rắp lòng hỏi đến cung trăng,
Biết rằng khách có thực chăng với tình.
Biết đâu ả Tố, nàng Quỳnh,
Thấy người ca khúc tưởng hình ngày xưa.
Nhường như đứng đợi nằm chờ,
Càng xui mỗi khách ngẩn ngơ vì tình.
Nghĩ mình những xót duyên mình,
Rủi run mới biết khuôn xanh nhiệm màu.
Còn duyên hương lửa cùng nhau,
Đèn giăng lọ phải gieo cầu mấy nên.
Nương hồng, phấn chửa lạc duyên,
Chàng xuân sắp đã tới miền cực du.
Hoa cười liễu múa nhấp nhô,
Tùng dương tản đón hạc đưa tiếng mừng.
Người xưa lòng vẫn ngập ngừng,
Xem chiều dường cũng sượng sùng cả hai.
Thở than mấy đoạn ly hoài,
Ai ai tình phụ nên người dở dang.
Trang đài nay ví tròn hương,
Cam lòng thẹn gió e sương bấy chầy.
Trùng phùng dễ mấy xưa nay,
Bát kia nước đổ vét đầy khôn nên.
Nghe càng như gửi mối phiền
Giận lòng vàng đá, nọ nguyền non sông.
Lửa hương ngày một não nùng,
Sợi tơ nhuộm lại vẻ hồng nào tươi.
Phượng hoàng mong lại đẹp đôi,
Kẻo còn ba bảy quả mai than thầm.
Thấu chăng hỡi khách tri âm,
Tính tình mấy khúc sắt cầm bẻ bai.
Vườn xuân êm ả chiều trời,
Bướm xa nay dễ nức mùi hoa xưa.
Phong đào rủ bức trướng họa,
Chỉ thêu tình tự, tơ thùa ái ân.

Cưỡi rồng dãi vé thanh vân,
Lòng xuân bể rộng, ngày xuân trời dài.
Ngậm ngùi nước chảy hoa trôi,
Dấu tiên thoang thoảng, cõi đời hương bay.
Cơ mầu ai kẻ biết hay,
Trùng phùng bao được sum vầy bạn tiên.
Gửi lời hỏi khách đào nguyên,
Sự đâu trước hẹn sau quên lạ lùng.
Trần tiên huyền diệu khôn cùng,
Biết rằng có có không không đâu là.
Nhân khi thong thả ngâm nga,
Lời quê ghi chép nôm na mấy lời.

Phiên âm theo bản Xuân Lan, ký hiệu Thư viện Quốc gia P. 5303 (23), đồng thời có đối chiếu với bản Nôm Liễu Văn Đường.

TRINH THỬ

TIỂU DẪN

Truyện thơ Nôm *Trinh thử* (con chuột giữ trọn tiết trinh) hiện không còn một bản Nôm nào của Thư viện Hán Nôm và Thư viện Quốc gia. Trước chiến tranh chống Pháp còn những bản sau đây ở Viện Bác Cổ mà nay không còn:

– *Trinh thử truyện,* một bản 19 tờ, Mùa xuân năm Tự Đức, Ất Hợi (1875). Đại Trứ Đường tàng bản, ký hiệu AC.77.

– *Trinh thử tân truyện,* (La souris Chaste. Poeme humoristique) Hà Nội, Quảng Thành, (1910) (autogr) 8°3580 (15). Texte en chữ Nôm et transcription.

– Bản Phúc Văn Đường in bằng chữ Quốc ngữ có lẽ in vào khoảng sau năm 1910.

– *Truyện Trinh thử,* do cụ Bùi Kỷ hiệu đính năm 1942.

Trong khi tuyển chọn chúng tôi chủ yếu căn cứ theo bản *Truyện Trinh thử* do cụ Trần Văn Giáp khảo thích và giới thiệu, Hà Nội, Nhà xuất bản Văn hóa, 1959, dày 140 trang. Ký hiệu Vb.2289 (Thư viện Thông tin khoa học xã hội).

*

* *

Truyện Trinh thử là một truyện thơ Nôm làm theo thể lục bát, gồm 850 câu. Đây là một tác phẩm khuyết danh. Thời điểm sáng tác không đề rõ trong nguyên bản. Trước đây có ý kiến cho rằng đây là tác phẩm ra đời cuối đời Trần, do Hồ Huyền Quy soạn. Nhưng chứng cớ nay không còn. (Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu,* Hà Nội, 1941). Qua những tài liệu cụ thể, cụ Trần Văn Giáp đoán định rằng *Truyện Trinh thử* là bản dịch Nôm của *Đông Thành Trinh thử truyện,* viết bằng chữ Hán trong "Truyền kỳ tập lục". Và cụ xếp tác phẩm này vào khoảng nửa sau thế kỷ XIX.

*

* *

Một đêm trăng sáng, con chuột Bạch đi kiếm mồi về nuôi con, bị chó đuổi, chạy trốn vào một cái hang. Không ngờ hang ấy là nhà của một đôi vợ

chồng chuột khác. Lúc ấy, chuột Cái đi vắng, chuột Đực thấy chuột Bạch xinh đẹp tự nhiên chạy vào nhà, đem lời ve vãn. Viện lẽ này, lẽ khác, chuột Đực hết dỗ dành lại đe dọa. Nhưng chuột Bạch tìm được lý lẽ chính đáng, bác lại một cách ôn tồn, khăng khăng một mực giữ trọn tiết trinh, khi hết nạn lại trở về với đàn con thơ.

Chuột Bạch ở nhà chuột Đực vừa ra, thì chuột Cái cũng vừa về tới nhà. Thấy chồng mình tiễn chuột Bạch ra cửa và cùng nhau xướng họa thơ từ, chuột Cái đánh ghen, sinh sự với chuột Bạch và chuột Đực. Khi chuột Cái chạy sang nhà chuột Bạch gây sự thì bị mèo đuổi. Chuột Bạch và chuột Cái cùng chạy, chẳng may chuột Cái rơi xuống ao suýt chết. May thay, chuột Cái được Hồ Huyền Quy vớt lên và giảng giải lẽ phải trái cho nghe.

*

* *

Truyện Trinh thử là một truyện Ngụ ngôn bằng văn vần có giá trị, đã mượn câu chuyện mấy con chuột để lên án thói gian tà của bọn giàu sang quyền quý trong xã hội phong kiến, và đề cao nhân nghĩa đạo đức, đề cao những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ. Văn chương *Truyện Trinh thử* gọn và thoát, nhiều câu trau chuốt, hàm súc. Để miêu tả nhân vật, sự việc, tác giả đã vận dụng được nhiều tục ngữ, ca dao, ngạn ngữ của nhân dân một cách nhuần nhuyễn, thanh toát. Ngoài ra, cũng có một số câu phảng phất hơi văn *Truyện Kiều*.

*

* *

Sau đây là phần văn bản phiên âm, khảo dị và chú thích: (Chú ý: phần khảo dị gồm *bản A*, là bản Nôm do Nhà Đại Trứ Đường khắc in năm Tự Đức, Ất Hợi, 1875, *bản B* là bản Phúc Văn Đường, in bằng chữ Quốc ngữ trước 1942, *bản C* là một bản in cũ theo bản Bùi Kỷ in năm 1942).

Vừa năm Long Khánh đời Trần [1],
Muôn phương triều cống [2], mười phân thái bình.
Ngụ miền Lộc Động [3] cảnh thanh,
Là Hồ sinh [4] vốn thiện danh [5] đương thì.
Nhiều bề cách vật trí tri [6],
Tiếng muông chim [7], lại hay suy nên lời.
Kinh thành nhân thuở ra chơi,
Lý Lê [8] thủ tướng gần nơi ngự nhà.
Canh ba thánh thót đồng hồ [9],
Lạ nhà chưa ngủ, hồ đồ [10] xiết bao.
Bỗng nghe bên [(a)] cỗi bích đào [11],

Khảo dị:

a. Bản A, B: Bỗng nghe *trên* cỗi bích đào.

Chú thích:

1. Niên hiệu của Trần Duệ Tông (1373 - 1377), nhưng đây chỉ là thời gian tượng trưng.

2. *Triều cống*: vào triều và dâng phẩm vật địa phương, câu này ý nói, Quốc gia cường thịnh, các nước phiên thuộc đều cống phẩm thời dâng triều đình để tỏ ý phục tùng.

3. *Lộc Động:* tên nơi quê quán của Hồ sinh, một nhân vật trong truyện. Nguyên Lộc Động là tên gọi của tên Bạch Lộc Động. Bạch Lộc Động là nơi ở ẩn đọc sách của Lý Bột đời Đường, khi ở đó có nuôi con hươu trắng làm cảnh. Về phương diện văn chương, đề tài bài này là "thử" nghĩa là chuột. Vì thế, tác giả mượn chữ "lộc" là hươu để chọi với chuột. Đó là một nghệ thuật chơi chữ trong lối văn cổ.

4. *Hồ sinh:* thư sinh họ Hồ, đây chỉ Hồ Huyền Quy.

5. *Thiện danh:* một mình nổi tiếng.

6. *Cách vật trí tri:* biết suốt được sự lý mọi vật. Bốn chữ "cách vật trí tri" lấy ở trong sách *Đại học*. Tống Nho coi là cơ sở của cả một trình tự tiến triển của bậc đại học phong kiến. Vì thế, về sau người ta thường dùng bốn chữ ấy để nói sự học rộng biết nhiều.

7. *Tiếng muông chim:* tiếng nói, tiếng kêu của các loài thú, loài chim. Ý nói Hồ Huyền Quy có tài thông hiểu tiếng kêu của các loài vật.

8. *Lý Lê:* theo chữ Hán, Lý với Quý, Lê với Ly, hình chữ giống nhau, có lẽ vì vậy mà tác giả đã dùng để ám chỉ tên Quý Ly.

9. *Đồng hồ:* có hồ (bầu, bình, bằng đồng, thời xưa người ta đựng nước vào đó để xem giờ; hồ có lỗ cho nước nhỏ giọt dần dần, người ta xem ngấn nước mà tính giờ khắc. (Chú ý: câu thơ có từ "thánh thót" là chỉ tiếng nước đồng hồ nhỏ giọt).

10. *Hồ đồ*: phân vân, mập mờ. Đây là phân vân, e ngại.

11. *Cỗi bích đào:* gốc cây bích đào.

Tiếng con muông [1] sủa bào hao [2] dậy dàng.
Chẳng là chuột Bạch bên tường
Cong đuôi mà chạy, vội vàng hãi kinh.
Cửa hang sẵn ở góc thành,
Chạy vào ngay đấy ẩn mình một khi [3].
Mất mồi muông lại chạy đi,
Trong hang nhường tiếng nam nhi [4] hỏi rằng:
"Uẩy ai quen thuộc chưa tường, [a]
Đêm khuya đường đột [5] vì chưng cớ nào?"
Hồ sinh thấy sự lạ sao,
Đến bên tường ghé mắt vào dòm chơi.
Thấy con chuột đực nằm dài,
Lời ăn tiếng nói như người chưa khôn [6].
Đương khi nói ngọt nói ngon,
Bấy giờ chuột Bạch còn run như *cầy* [7].
Một giây tỉnh lại mới hay:
Vì chưng lỡ bước biết đây chốn nào.
Tới lui khôn biết làm sao.
Khác nào như thể *cáy* vào hang *cua* [8].
Dám bày nông nỗi trình thưa:
Rằng: "Tôi nhà cũng quanh co miền này
Quá chân lạc lối tới đây,
Chẳng may bỗng gặp *muông cầy* bất nhân [9].
Phúc sao mà cũng mau chân.
Chạy vào lại được gửi thân chốn này.

Khảo dị:

a. Bản A: Uẩy ai quen thuộc chưa *từng*.

Chú thích:

1. *Con muông:* đây chỉ con chó.
2. *Bào hao:* gầm thét, gầm gừ (tiếng thú dữ gầm).
3. *Một khi:* lập tức, tạm một lúc.
4. *Nam nhi:* con trai, đây chỉ con chuột đực.
5. *Đường đột:* xông xáo, xúc phạm một cách bất thình lình.
6. *Như người chưa khôn:* như người khờ dại.
7. *Run như cầy:* cầy là một tên khác để gọi con chó. Ta thường nói (run như cầy sấy), nghĩa là run như con chó trời rét bị ướt lông, đem đến gần lửa cho sưởi. Ý nói sợ lắm.
8. *Cáy* vào hang *cua:* một người lâm vào một hoàn cảnh không làm chủ được tình thế. Ý nói: lúng túng, lạ lùng.
9. *Bất nhân:* không tốt, độc ác.

Rộng cho nương náu ở đây,
Được qua nạn ấy ơn dày dám vong [1]”.
Lời ăn tiếng nói thong dong,
Chàng nghe cũng động tấm lòng nước mây [2].
Rằng: “Sao cả quyết tới đây,
Nào chồng con ở đâu nay làm gì.
Một mình khuya khoắt ra đi,
Dường như giống *vạc*, có gì ăn đêm [3]?
Hay là nhắn cá gửi *chim* [4]
Đêm xuân đón gió đi tìm mùi hương? [5]
Rằng ta, rộng rãi lòng thương,
Phỏng như gặp kẻ phũ phàng thì sao?”
Nàng nghe chàng nói thấp cao,
Nỗi mình mới kể tiêu hao [6] xa gần:
“Thiếp nay ở mé đông lân,
Vì cơ thương cẩu, lang quân tếch ngàn! [7]
Nỗi lòng khôn xiết thở than,
Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
Rồng rồng [8] theo nạ [9] sớm trưa,
Của đâu cho được dư thừa miếng ăn.
Pha phôi [10] chẳng quản nhọc nhằn,

Chú thích:

1. *Dám vong:* dám quên.

2. *Lòng nước mây:* mây với nước không có thể chất cố định, hay thay đổi; do đó lấy nước mây mà ví với lòng không chính đính. Ý nói muốn trêu ghẹo ve vãn.

3. *Vạc đi ăn đêm*: Vạc là giống đi ăn đêm, người ta thường lấy danh từ giống vạc để chỉ những kẻ đi kiếm ăn đêm hay làm việc một cách lén lút, ngụ ý bất chính.

4. *Cá gửi chim:* gửi thư mà bỏ vào trong bụng cá, buộc vào chân chim để đưa tin. Ý nói trai gái đưa tin cho nhau bằng những cách thầm kín.

5. Cũng như câu trên. Ý nói trai gái hẹn hò nhau, cùng đi tìm nhau làm điều bất chính.

6. *Tiêu hao*: tin tức, nông nỗi.

7. *Thương cẩu*: chó xanh, do câu “Bạch vân hóa vi thương ẩu” (đám mây trắng hóa thành hình con chó xanh. để chỉ sự biến đổi bất thường ở đời.

– *Lang quân tếch ngàn:* chồng chết.

8. *Rồng rồng:* đàn con loài cá quả, cũng gọi “ròng ròng”.

9. *Nạ*: mẹ. Tục ngữ: “”Ròng ròng theo nạ, cá quả theo con”. Ý nói đàn cá quả luôn luôn theo mẹ chúng, và ngược lại, cá quả mẹ cũng luôn luôn ở sát bên đàn con.

10. *Pha phôi:* dãi dầu cực khổ.

Chân *le* chân *vịt* [1] nào phân đêm ngày.
Nghe quan thủ tướng bên này,
Cửa nhà tráng lệ của đầy bằng non.
Muốn ăn hét phải đào giun [2]
Pha bờ xông bụi nào còn biết e.
Đêm hôm cũng dấn mình đi,
Sang đây kiếm ít đem về làm lưng [3].
Ai ngờ gặp đứa gió trăng [4].
Cho nên khuất nẻo lạc chừng khốn thay".
Chàng nghe nông nỗi giãi bầy,
Quyết lòng cầm sắt [5] một hai dỗ dành;
Rằng: "Nàng giãi hết chân tình,
Thương thay phận gái một mình long đong.
Đã hay trong đạo vợ chồng,
Nghĩa sâu tình nặng há lòng chẳng thương.
Kinh quyền [6] đôi lẽ là thường,
Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.
Chẳng lo mẹ góa con côi,
Sớm khuya *loan phượng* no đôi [7] dường nào.
Chẳng lo liễu cợt hoa chào,
Bướm gìn *ong* giữ làm sao cho truyền.
Vả nàng là gái thuyền quyên,
Phòng khi gặp lúc vô duyên khôn dè [8]

Chú thích:

1. *Chân le chân vịt:* long đong vất vả, cách nói tượng hình theo dáng đi lạch bạch khó khăn của loài le loài vịt.

2. *Ăn hét đào giun:* muốn ăn chim hét phải mất công đào giun để làm mồi đánh bẫy. Ý nói: muốn kiếm miếng ăn thì phải mất công.

3. *Làm lưng:* làm vốn, làm lương dự trữ.

4. *Gió trăng:* hai chữ "gió trăng" ở câu này có lẽ chỉ vào kẻ đi ăn sương, ăn đêm, tức là trộm cắp, du đãng, chứ không thể chỉ kẻ gió trăng trai gái như nghĩa quen thuộc.

5. *Cầm sắt*: hai loại nhạc cụ thường hòa tấu với nhau, nên dùng để tượng trưng cho sự hòa hợp vợ chồng, và cũng có khi chỉ vợ chồng. Ý câu này muốn nói: quyết lòng muốn kết duyên vợ chồng với chuột Bạch.

6. *Kinh quyền*: Kinh là đạo thường, quyền là đạo biến, có thể thay đổi đạo thường, không câu chấp quá.

7. *No đôi:* đủ đôi.

8. *Khôn dè:* không biết mà đề phòng.

8. *Khôn dè*: không biết mà đề phòng.

Ví mà dốc tấm lòng quỳ [1]
Giữ sao cho được trọn bề hướng dương. [2]"
Nàng nghe ăn nói sỗ sàng,
Muôn sầu tầm tã hai hàng châu chan.
Cúi đầu thưa nói khoan khoan:
"Thiếp như phận liễu gặp cơn gió đoài [3].
Đã thương dám mới ngỏ lời,
Nhớ trong thanh sử [4], hôm mai ghi lòng.
Chữ rằng: "Tòng nhất nhi chung" [5],
Gái hiền thờ chỉ một chồng chẳng hai.
Cương thường đạo cả há chơi,
Một niềm hằng giữ mấy lời đinh ninh.
Vả nay bóng đã xế mành [6]
Dám đâu còn lại gieo mình nữa nao!
Mặc ai *ong bướm* xôn xao,
Mười phần cũng chẳng chuyển dao [7] một phần.
Hạ qua dám ước lại xuân [8]
Dễ hầu *gà* luộc [9] mấy lần nữa sao.
Phận dành cho ả họ Tào [10]

Chú thích:

1. *Quỳ*: thứ hoa bao giờ cũng hướng về phía mặt trời. Hoa này còn gọi là hoa hướng dương, cũng là tượng trưng cho ý nghĩa trung thành. Vì vậy, đây nói "lòng quỳ", có nghĩa là: lòng trung thành.

2. *Hướng dương:* quay về hướng mặt trời trung thành với một ai đó, với một lý tưởng nào đó.

3. *Gió đoài:* tức là gió tây; nguyên chữ là chữ đoái, tên một quẻ trong *Kinh Dịch*, thuộc phương Tây; ta thường đọc chệch là âm bằng, rồi thành thói quen.

4. *Thanh sử:* sử xanh, đời xưa người ta chưa có giấy, dùng mảnh tre xanh, cho nên gọi là thanh sử.

5. *Tòng nhất nhi chung:* theo một chồng mà ở trọn đời.

6. *Xế mành:* bóng mặt trời đã xế về chiều, ý nói đã luống tuổi.

7. *Chuyển dao:* lay chuyển, câu này ý nói không thay lòng đổi dạ.

8. *Hạ qua dám ước lại xuân*: đã sang qua mùa hè, không dám mong trở lại mùa xuân, ý nói tuổi xuân xanh đã qua, không dám ước mong trở lại.

9. *Gà luộc mấy lần:* ý nói người đàn bà cải giá. Lời tục xưa có nói: "Gà luộc lại" để chỉ lễ cưới lần thứ hai của người thiếu phụ. Thường tình gà chỉ luộc một lần, gà luộc lại là gà đã ôi rồi, không còn mới mẻ gì. Cả hai câu ý nói: "Tôi đã luống tuổi rồi không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện tái giá".

10. *Ả họ Tào:* theo "Liệt nữ truyện" nàng Linh nữ là vợ Tào Văn Thúc, góa chồng, người nhà muốn bắt ép cải giá, nàng bèn lấy dao cắt mũi đi để thủ tiết.

Mong sân hòe [1] được thanh tao là mừng.
Bây giờ xẩy bước lỡ chừng,
Tôi đây đã đội ơn chưng [2] lòng chàng.
Đoái thương thân phận lỡ làng,
Dạy đường phương tiện [3], lòng càng cám ơn.
Tóc tơ dãi hết nguồn cơn,
Quyết liều chịu tốt *thờn bơn* [4] một bề.
Vu quy [5] núi chỉ non thề,
Tấm lòng đá tạc, vàng ghi dám dời.
Ở đời kiên ngạnh [6] với đời,
Kẻo *e oanh yến* những lời khen chê!"
Chàng rằng: "Nàng vẫn chấp mê [7]
Chẳng hay [8] lo trước ắt thì lụy sau.
Hãy suy cho thấu cơ mầu [9],
Trong khi tụy, hoán [10], dễ hầu một ai.
Chữ rằng: "Xuân bất tái lai [11]
Một ngày là mấy sớm mai hỡi nàng.
Tới lui đôi lẽ cho tường,
Tính bề xử biến [12] hơn đường kiên trinh.

Chú thích:

1. *Sân hòe*: tượng trưng cho con trai. Đời xưa Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân, có nói rằng: "Sau này con cháu ta phát đạt cũng như ba cây hòe này tốt tươi", sau con quả làm nên. Vì thế, người ta thường dùng điển sân hòe để nói về sự con cháu hiển đạt, và dùng chung để chỉ con cái. *Thanh tao:* đây nghĩa là êm đềm rạng rỡ.

2. *Chưng*: ở, ơn chưng là ơn ở.

3. *Phương tiện*: tùy tiện, làm cho thích đáng, cho phải chăng, đây là từ thường dùng trong Kinh Phật cũng như trong văn cổ.

4. *Thờn bơn một bề*: thờn bơn là loài cá mình dẹp, đã nằm là chịu ép một bề không trở mình lại được dễ dàng như các loài cá khác. Cả câu ý nói đành chịu yên phận.

5. *Vu quy*: về nhà chồng, đi lấy chồng.

6. *Kiên ngạnh*: bền cứng.

7. *Chấp mê*: cứ hiểu sai mãi, không sáng suốt.

8. *Chẳng hay*: không biết.

9. *Cơ mầu*: cơ là máy, mầu là nhiệm mầu, có hiệu lực.

Cơ mầu đây nghĩa cũng như máy tạo hóa, cơ tạo hóa.

10. *Tụy, hoán*: tên hai quẻ trong *Kinh Dịch*, tụy là họp, hoán là tan, tụy hoán có nghĩa như tụ tán, hợp và tan.

11. *Xuân bất tái lai*: mùa xuân đi không trở lại, tức là tuổi trẻ không trở lại cho người ta.

12. *Xử biến*: hành động trong trường hợp bất thường.

Kết làm phu phụ chi tình [1]
Chẳng lo thuyền bách [2] lênh đênh giữa nguồn
Lòng xuân tưởng đến cũng buồn
Chẳng nghe câu vị phương ngôn thường lề.
"Chơi xuân kẻo hết xuân đi
Cái già sồng sộc nó thì theo sau".
Ngựa qua cửa sổ [3] bao lâu
Kíp toan kiếm chốn bán sầu mua vui
Hoa tàn nhị rữa thì thôi
Bấy giờ ai kẻ còn lời tóc tơ.
Một mình giữ đống con thơ [4]
Dễ ai lo lắng sớm trưa với nàng.
Có khi biến, có khi thường,
Suy điều cùng chiếu cùng giường vầy vui.
Song song như đũa có đôi,
Ấm no cùng thỏa, ngọt bùi cùng ăn.
Bằng khi vò võ nửa chăn,
Canh khuya trằn trọc, băn khăn vui gì
Được chăng một tiếng tiết nghì [5]
Bắc đồng cân thử xem bề nào hơn.
Xưa nay mấy kẻ hồng nhan
Gan vàng dạ ngọc cơ hàn được đâu [6]
Như người phú các thư lâu [7]
Lòng son dạ sắt mình đâu dám bì!"
Nàng rằng: "Phận gái vụng về
Đấn đo chút cũng thấu bề phải chăng.

Chú thích:

1. *Phu phụ chi tình:* cái tình vợ chồng.

2. *Thuyền bách*: bởi chữ "Bách chu", tên một bài thơ trong *Kinh Thi*. Bài thơ này nói người góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh giữa dòng sông.

3. *Ngựa qua cửa sổ*: dịch danh từ "Bạch câu quá khích" (bóng ngựa trắng lướt qua khe cửa) nói thời gian đi nhanh chóng, đời người thấm thoát không được bao lâu.

4. *Đống con thơ*: cũng như đàn con thơ.

5. *Tiết nghì:* tức là tiết nghĩa, đọc chệch đi cho hợp điệu. Xưa kia khi phiên tiếng Hán ra tiếng Việt, người ta hay đọc âm trắc ra bằng như: loại đọc loài, loạn đọc loàn...

6. *Gan vàng dạ ngọc cơ hàn được đâu:* tuy kiên gan vững dạ như vàng ngọc, nhưng gặp cảnh đói rét thì đã chắc giữ vững được chăng.

7. *Phú các thư lâu:* cũnh như lầu son gác tía, chỉ các hạng tài nữ được ở vào cảnh phong lưu phú quý.

Vợ chồng đạo cả lẽ hằng [1]
Tạo đoan [2] lẽ ấy há rằng phải chơi.
Kể từ thuở mới thiên khai [3]
Nằm hang ở nội [4] chưa ai biết gì.
Cũng còn có lễ lệ bì [5]
Chê loài cẩu hợp [6] răn bề dâm bôn [7].
Phu thê phong hóa chi nguyên [8]
Sự vong như thể sự tồn [9] kẻo quê [10]
Trời đâu phụ kẻ tiết nghì [11]
Lân Kinh [12] Mao giản [13] tạc ghi còn truyền.
Đời xưa mấy gái tiết hiền [(a)] [14]
Chẳng nên giống nọ thì nên giống này.
Mấy người tính nước lòng mây [15]

Khảo dị:

a. Bản C: Đời xưa mấy *kẻ* tiết *hèn*.

Chú thích:

1. *Lẽ hằng:* lẽ thường, lối thường.

2. *Tạo đoan*: gây mối đầu. Từ này gốc ở câu văn cổ: "Thiên địa chi đạo, tạo đoan hồ phú phụ" (Đạo trời đất gây ra mối đầu tiên từ đạo vợ chồng), cho nên người ta thường chỉ dùng hai chữ tạo đoan để nói đạo vợ chồng.

3. *Thiên khai*: lúc mới có trời đất.

4. *Nằm hang ở nội*: dịch từ: "Huyệt cư dã sử", trạng thái xã hội nguyên thủy, người ta chưa biết làm nhà, gặp đâu ở đấy, khi nóng ở ngoài đồng, khi rét ở trong hang.

5. *Lệ bì:* hai miếng da thú thuộc chín, theo hôn lễ thời cổ, hai miếng da này dùng để làm lễ vật cưới vợ. Hai miếng da ấy, một miếng của họ nhà chồng, một miếng của bên vợ trao đổi cho nhau, mỗi bên giữ một miếng để làm bằng chứng.

6. *Cẩu hợp*: tụ hợp một cách cẩu thả, trai gái lấy nhau không chính thức.

7. *Dâm bôn:* do sự dâm đãng mà đi theo nhau, lấy nhau.

8. *Phong hóa chi nguyên*: nguồn gốc của phong tục giáo hóa.

9. *Sự vong như thể sự tồn*: thờ người lúc mất cũng như lúc sống.

10. *Kẻo quê:* nếu không thì sai lầm.

11. *Tiết nghì*: nghì là nghĩa, tiết nghì tức tiết nghĩa.

12. *Lân Kinh:* do sự việc Khổng Tử chép *Kinh Xuân Thu*, tức là sử của nước Lỗ đến chỗ nói về việc bắt được 1 con kỳ lân què thì ông dừng bút không viết tiếp nữa, vì cho đó là điềm xấu, nên người ta cũng gọi *Kinh Xuân Thu* là *Lân Kinh*.

13. *Mao giản: Mao* tức Mao Trành, người chú giải *Kinh Thi*, vì thế cũng gọi *Kinh Thi* bằng tên người chú giải là *Mao Thi*. Còn *giản* là thẻ tre, người xưa dùng để ghi chép khi chưa có giấy. Ở đây dùng *Mao giản* để đối lại với *Lân Kinh*. *Kinh Thi* là cuốn sách có nói đến nhiều loài cỏ cây cầm thú côn trùng, trong đó có loài chuột.

14. *Tiết hiền*: có tiết nghĩa tốt.

15. *Tính nước lòng mây:* tính lẳng lơ (xem thêm nước mây).

Sớm đưa gã Lý tối vầy chàng Trương [1];
Sử xanh còn chép rõ ràng,
Lòng này đâu dám ra tuồng như xưa.
Kẻ chồng còn đó trơ trơ,
Cùng người khác đã đợi chờ tình chung.
Kẻ thời mới khuất mặt chồng,
Chưa xanh ngọn cỏ, cải dong, biến nghì [2]
Những loài ấy kể làm chi
Rành rành bia miệng [3] còn ghi đến rày".
Chàng nghe lại nói lời này:
"Nàng tuy biết một chưa hay biết mười.
Đã là tai mắt ở đời
Cứ mình, chớ bắt chước người vụ danh.
Ở trong thế sự vẩn thanh [4]
Hễ mà miễn được ích mình thì thôi.
Ví dù bắt chước như ai
Nói mầu trinh tiết, ở loài bôn ba [5]
Hán thời Lã Hậu [6] ai qua
Sớm khuya cửa tía, vào ra nhà vàng
Từ khi khuất mặt Hán Hoàng
Mà lòng tư túi với chàng Tự Cơ.
Ả Hồ Dương [7] nọ chẳng vừa
Cớ gì mà lại toan thờ Tống công [8]

Chú thích:

1. *Sớm đưa gã Lý, tối vầy chàng Trương:* Vầy là vui vầy, vui đùa. Gã Lý chàng Trương: danh từ chung, nghĩa cũng như anh A anh B; không có người đích danh. Câu này nghĩa là nay anh này, mai anh khác.

2. *Chưa xanh ngọn cỏ:* chết chưa được bao lâu, trên nấm mồ cỏ mọc chưa xanh. *Cải dong:* thay đổi phục trang, bỏ áo tang ăn mặc đẹp. *Biến nghì:* thay lòng đổi dạ.

3. *Bia miệng:* miệng người nói cũng như bia chép.

4. *Thế sự vẩn thanh:* việc đời đục (vẩn), trong (thanh) lẫn lộn, nghĩa là tình thế lộn xộn. Cả hai câu ý nói: trong lúc tình thế rối ren, miễn làm sao được lợi cho mình thì thôi.

5. *Bôn ba:* chạy ngược chạy xuôi, cầu danh vụ lợi. Cả câu nghĩa là: ngoài miệng thường nói về giữ trinh tiết, nhưng sự thực vốn thuộc hạng người bất chính, gian tà như Lã Hậu, Vũ Hậu.

6. *Lã Hậu:* vợ Hán Cao Tổ, tính dâm ô, tư thông với Tự Cơ, thường giấu Tự Cơ ở trong bức vách treo áo.

7. *Hồ Dương:* tên một công chúa đời Hán Quang Vũ.

8. *Tống công:* tức Tống Hoằng, một người hiền tài đời Hán Quang Vũ. Hồ Dương, công chúa hóa chồng, muốn lấy Tống Hoằng, nài Tống bỏ vợ để lấy mình, nhưng Tống Hoằng không chịu.

Kìa như Vũ Hậu [1] cũng nồng
Mày *ngài* được sánh bệ *rồng* mấy phen [2]
Vua Đường thoắt mới xe tiên [3]
Rủ rèm [4] trong đã có nguyền riêng tây.
Họ Trương đôi gã [5] đẹp thay
Hứa Tam Tư [6] lại chuyên tay mận đào.
Điêu Thuyền [7] há chính chuyên nào.
Khi ra Lã Bố khi vào Đổng Công [8]
Gặp ai thời nấy là chồng
Cõi đời đâu đấy đều cùng cười chê.
Thử coi lấy đấy mà suy
Người thiêng hơn vật, nào nghì ở đâu.
Người thời đắc thế sang giầu
Còn cầu thích ý, còn cầu hưu danh [9] [(a)].
Huống chi vật mọn quần sinh
Giữ sao vẹn chữ tiết trinh mà bì".
Gót đầu nàng lặng ngồi nghe,
Lâu lâu lại ngoảnh mặt đi thở dài.
Chàng nghi [(b)] đàn đã êm tai,
Kể đường lợi hại nói chơi xa gần.

Khảo dị:

a. Bản C: Còn cầu thích *chí*, còn cầu hưu danh.

b. Bản A: Chàng *ngỡ* đàn đã êm tai.

Chú thích:

1. *Vũ Hậu*: một hoàng hậu đời Đường, tức là Vũ Tắc Thiên, một người nổi tiếng dâm ác.

2. *Mày ngài được sánh bệ rồng mấy phen*: mày ngài chỉ phụ nữ. Vũ Hậu hai lần lấy vua, trước lấy Đường Thái Tông, sau lấy Đường Cao Tông.

3. *Xe tiên:* chết. Cả câu ý nói: vua Cao Tông mới mất.

4. *Rủ rèm*: dịch chữ "Thùy liêm thính chính" là ngồi sau rèm mà tham dự công việc chính quyền.

5. *Họ Trương đôi gã:* Trương Địch Chi và Trương Xương Tông, cả hai đều được Vũ Hậu mến yêu.

6. Các bản đều viết "Hứa Tam Tư" có lẽ sai, mà là "Hùa Tam Tư", nghĩa là vào hùa, kéo bè với Tam Tư. Thừa ý câu trên nghĩa là: hai gã họ Trương vào hùa với Tam Tư để chim chuột Vũ Hậu.

7. *Điêu Thuyền:* một thiếu nữ tuyệt sắc, là con nuôi của Vương Doãn ở cuối đời Đông Hán.

8. *Khi ra Lã Bố khi vào Đổng Công:* chỉ việc Điêu Thyền vừa tư thông với Lã Bố, vừa tư thông với Đổng Trác.

9. *Hưu danh:* tiếng tốt.

Rằng: "Thương nàng chửa yên thân,
Ở nơi đình chủ [1] đông lân [2] bây giờ.
Khó khăn nhà xác như vờ [3]
Nước sông gạo chợ, củi mua củi đồng.
Thịt chẳng có, cá thời không
Chốn nằm chẳng có màn mùng che thân.
Gà về bới nát cỏ sân
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngõ ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn nằm dũi đất ngậm hơi gầy gò [a]
Vật nuôi còn chửa được no, [b]
Của đâu thừa thãi để cho đến nàng.
Vả hay tiếc của giữ giàng
Giang san một nắm lại càng dấu dung.
Vắt chày ra nước [4] dòng dòng
Miếng ăn dè cối [5] chớ hòng mon men [c]
Hứng tay dưới, vắt tay trên
Rán sành ra mỡ, [6] bon chen từng điều.
Treo *cổ chó,* buộc cổ mèo [7]
Bình dưa, lọ muối chắt chiu nom dòm [d]
Vặt đầu cá [e], vá đầu tôm [8],

Khảo dị:

a. Bản C: Lợn *ngồi cụi* đất ngậm hơi gầy gò.

b. Bản A: Vật nuôi còn chửa *ấm no.*

c. Phiên âm theo bản A, B.

d. Bản C: Bình *rau, cóng* muối chắt chiu nom dòm

e. Bản A: Chặt đầu cá, vá đầu tôm.

Chú thích:

1. *Đình chủ:* người chủ trọ. Đây chỉ người chủ có nhà cho chuột Bạch ở nhờ.

2. *Đông lân*: láng giềng bên Đông.

3. *Xác như vờ*: khô đét và rỗng không như xác con vờ. Tục ngữ có câu: "Xác như vờ, xơ như nhộng".

4. *Vắt chày ra nước*: gốc ở câu tục ngữ: "Vắt cổ chày ra nước". Ý nói ráo riết rất mực, rất hà tiện.

5. *Miếng ăn dè cối*: ý nói cất đi, giấu thật kỹ, lấy cối đá đè lên cho khó lấy ra được.

6. *Rán sành ra mỡ*: cùng một nghĩa như câu: "Vắt cổ chày ra nước". Ý nói ráo riết đến cực độ.

7. *Treo cổ chó, buộc cổ mèo*: ý nói giữ gìn nghiêm ngặt, không hở ra một chút gì cho các giống vật nuôi trong nhà như chó và mèo có thể ăn vụng được.

8. *Vặt đầu cá, vá đầu tôm:* ý nói lấy cái này bù vào cái kia, nhưng thiếu thốn vẫn hoàn thiếu thốn.

Liệu thưng [1] bữa sớm bữa hôm ít nhiều.
Hạt rơi hạt rụng bao nhiêu,
Chậu bồn [2] úp lại ai đào chẳng ra [(a)].
Thấy nàng lòng dạ xót xa,
Châu chan [(b)] [3] sầu tủi nghỉ hòa [4] thương cho.
Anh nay nhờ phận ấm no
Tổ nhân thiên táng [5], huyệt do mối đùn [6]
Hợi long nhập thử chuyên môn
Bao nhiêu hổ thủy [7] cũng tuôn nhập đoài [8]
Rày chen vượng tướng hào tài, [9]
Đóng phương Tị Ngọ [10], mấy đời đến nay.
Vả xem cây lộc [11] tốt thay,
Quý nhân phù trợ [12] tài này làm nên.

Khải dị:

a. Bản A: Chậu bồn *trút* lại *họa* đào chẳng ra.

Bản B: Chậu bồn úp lại *nổi* đào chẳng ra.

b. Bản A: *Châu lan xấu tủi* nghĩ hòa thương cho.

Chú thích:

1. *Liệu thưng:* thưng là dụng cụ để đong gạo. Câu này ý nói: liệu san sẻ nhiều ít gọi là cho có bữa ăn.

2. *Chậu bồn*: *bồn* là cái chậu rộng. *Chậu bồn* là chỉ thứ chậu làm bằng một khúc gỗ đục trũng giữa để tạo thành cái chậu.

3. *Châu chan*: nước mắt giàn giụa.

4. *Hòa*: mà, cũng.

5. *Tổ nhân thiên táng*: tổ nhân là ông tổ, đây chỉ mả ông tổ.

– *Thiên táng*: theo quan niệm cũ là trời để mả cho, nghĩa là mả chôn tự nhiên mà kết không phải do người lựa chọn kiểu đất.

6. *Huyệt do mối đùn*: đống đất mả do mối đùn. Theo thuyết phong thủy cũ, ngôi mộ nào được thiên táng, thì mối đùn lên thành mả, người không phải đào hố và đắp thành nấm mồ.

7. Theo thuyết phong thủy đất để mả có các long mạch. Cả câu nghĩa là: long mạch từ Tây Bắc quanh vào huyệt trường, chuyển sang Tây Nam. *Hổ thủy:* nước về bên tay phải huyệt để mả.

8. *Đoài*: là phương Tây, cả câu nghĩa là: tất cả nước bên phải (hổ thủy) chảy cả về phương Tây.

9. *Vượng tướng*: giúp thêm nhiều. *Hào tài*: nhiều tiền của.

10. *Đóng phương Tị Ngọ*: Tị là Đông Nam, Ngọ là chính Nam, đây chỉ hướng nhà ở về hướng Nam và Đông Nam là hướng mát mẻ, tốt lành. *Tục ngữ* xưa: "lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam".

11. *Xem cây lộc:* một phép xem bói lấy lá cây hay bông hoa mà đoán sự tốt xấu. Nhất là hay dùng lá trầu không, gọi là xem lá lộc.

12. *Quý nhân phù trợ:* người sang giúp đỡ.

Lại xem tiền định [1] chẳng hèn,
Mười thầy [2] cũng nói như in một lời.
Số tử vi [3] đã giãi bầy
Tham lang thủ mệnh [4], ắt rày vượng thay.
Vậy nên gặp cửa người [5] đây
Ngôi cao nhất phẩm lộc đầy thiên chung [6]
Tòa ngang dãy dọc trùng trùng
Tả lầu hoa tạ [7], hữu cung ngọc đường [8]
Của thời núi bạc non vàng
Thóc Chu lúa Hán [9] kho tàng xiết đâu
Thạch Sùng [10] tắc lưỡi lắc đầu
Nhân sinh rất mực hòa giầu hòa sang [11]
Thức gì thức chẳng sẵn sàng
Giàu lòng ăn ở, nghênh ngang một mình.
Vả nhà lắm kẻ hiền lành
Tụng kinh chẳng nỡ sát sinh loài gì.
Khi vui khúc khích đầu hè [(a)]

Khảo dị:

a. Bản A - C - B: Khi vui *rúc rích* đầu hè.

Chú thích:

1. *Tiền định:* một phép xem số theo thuyết định mệnh.
2. *Thầy*: chỉ thầy bói, thầy số.
3. *Tử vi*: một phép xem số mệnh người ta căn cứ vào ngày sinh tháng đẻ...
4. *Tham lang thủ mệnh*: *tham lang*, tên một vì sao trong số tử vi; *thủ mệnh*, đóng ở cung mệnh. Theo số tử vi, có sao tham lang đóng ở cung mệnh mà đắc địa là tốt số, giàu có.
5. *Cửa người*: tiếng gọi tôn trọng chỉ nhà ông ấy.
6. *Thiên chung:* chung là đồ dùng để đo lường xưa; cả câu ý nói: quan nhất phẩm được hưởng lộc bằng một nghìn chung thóc.
7. *Hoa tạ:* nhà có trồng hoa xung quanh.
8. *Ngọc đường:* nhà trang hoàng đẹp. Chỉ nhà giàu sang, bên trái có lầu hoa tạ, bên phải có cung ngọc đường.
9. *Thóc Chu, lúa Hán:* thóc như thóc của nhà Chu, lúa như lúa của triều Hán. Chu, Hán là hai triều đại giầu có ở Trung Quốc, trong kho thường có rất nhiều thóc lúa.
10. *Thạch Sùng*: tên một ông quan đời Tấn, người ở Nam Bì, rất giầu, tính lại xa xỉ, thường lấy sáp ong đem nấu trong bếp thay củi, lấy mỡ chùi nồi. Tục truyền sau khi chết hóa ra con mối bò trên xà nhà, tiếc của quá nên cứ luôn luôn tắc lưỡi kêu vì thế, người ta gọi con mối là con Thạch Sùng. Cả câu ý nói: giầu có đến nỗi Thạch Sùng cũng phải khiếp sợ.
11. *Hòa giầu hòa sang:* vừa giầu vừa sang.

Dẫu rằng gia chủ chẳng hề dẻ dui [a] [1]
Ngẫm thân được chốn yên vui
Hiềm vì một chút số xui muộn mằn
Muốn cho vẹn nghĩa Tấn Tần [2]
Tìm phương phụ hậu [3] ân cần những lo.
Đã từng xem quẻ bói rùa [4]
Còn toan bói hạc [5] xem cho mới đành.
Nghe rằng Già pháp [6] thần linh
Quyết lòng cầu tự [7] đinh ninh đến chùa.
Trong nhà hắc hổ trấn [8] phù
Sinh con sinh cái nuôi cho dễ dàng
Tìm thày Biển Thước [9] lập phương
Mã đề, quy bản, sà sòng, lộc nhung [10]
Nhân sâm, liên nhục [b] mật ong
Pha cao hổ cốt, ban long luyện hoàn
Bổ trong ngũ nội [11] đã an
Vợ chồng lục vị, thập toàn uống chung [12]

Khảo dị:

a. Bản A: *Từng* rằng *ông tý* chẳng hề *dẻ doi.*
Bản B - C: *Túng* rằng *ông tý* chẳng hề *dẻ doi.*

b. Bản C: Nhân sâm, *hồng* nhục, mật ong.

Chú thích:

1. *Dẻ dui, hay dẻ doi*: khinh bỉ, coi thường. Như rẻ rúng.
2. *Nghĩa Tấn Tần*: nghĩa vợ chồng. Đời Xuân Thu, hai nước Tấn với Tần đời đời làm thông gia với nhau.
3. *Tìm phương phụ hậu*: tìm cách giúp vào hào tử tức cho sau này, nghĩa là tìm cách làm cho có con.
4. *Bói rùa*: một phép bói bằng mai rùa.
5. *Bói hạc*: tức là phép bói Dã Hạc, do Dã Hạc Tử đặt ra.
6. *Già pháp*: phép Phật, phép nhà chùa, do chữ Già lam (là nhà chùa) gọi tắt.
7. *Cầu tự:* cầu có con trai để nối dõi về sau.
8. *Hắc hổ trấn phù*: trong nhà dán bùa vẽ hắc hổ để ngăn ma quỷ vào ám ảnh.
9. *Biển Thước*: tên một thầy thuốc giỏi đời Xuân Thu. Đây ý nói tìm thầy thuốc hay có tiếng để bốc thuốc.
10. *Mã đề*: tên một cây cỏ dùng hạt nó làm vị thuốc. *Quy bản:* Yếm con rùa, dùng nấu thành một thứ cao để làm thuốc bổ. *Sà sòng:* tên một cây cỏ, lấy hoa già của nó làm thuốc. *Lộc nhung:* sừng non con hươu dùng làm thuốc bổ. Còn mấy danh từ sau: nhân sâm, liên nhục (hạt sen), mật ong, cao hổ cốt, cao ban long, đều là tên các vị thuốc bổ.
11. *Ngũ nội*: cũng như ngũ tạng: tim , gan, tỳ, phổi, thận.
12. *Lục vị, thập toàn*: tên hai phương thuốc bổ của Đông y.

Trong lòng còn nghĩ chưa xong
Rắp tìm một kẻ thiên phòng [1] chưa ai
To đầu vú, cả giái tai
Dày nơi ngư vĩ [2] cao nơi ngọa tàm
Biết đâu như thế mà tìm
Nhờ tay Nguyệt lão khéo đem kết nguyền
Hôm qua nháy mắt [3] cho liền
Nhện sa [4] trước mắt báo tin ngoài thềm
Bé chân gà [5] mới so xem
Vững con, tươi cái, ngoài đem quá nồi [6]
Cho hay duyên kiếp bởi trời
Nghiệm xem báo ứng rạch ròi chẳng sai.
Hôm nay mẹ nó đi chơi
Phỏng chừng cũng đến có đôi ba ngày
Mà nàng lạc lối tới đây
Và coi hình tướng, cũng tầy nàng oanh [7]
Khác loài tước bộ, xà hành [8]
Lại xem phụ tướng kiên trinh ai bì
Muốn lên một chút nghĩa chi
Chẳng hay nàng có khứng [9] vì cùng chăng?
Đưa duyên nhờ gió gác Đằng [10]
Đành hay con tạo nhắc bằng đồng cân

Chú thích:

1. *Thiên phòng*: phòng bên cạnh, tức là vợ lẽ.

2. *Ngư vĩ*: nghĩa đen là đuôi cá, đây là đuôi con mắt.

Ngọa tàm: nghĩa đen là con tằm nằm, đây là chỗ đuôi mi mắt. Theo sách tướng, ngư vĩ dầy, ngọa tàm cao là tướng nhiều con.

3. *Nháy mắt:* theo quan niệm mê tín, đây là điềm hay, ứng báo trước cho biết.

4. *Nhện sa:* xem chú thích 3.

5. *Bé chân gà:* một phép xem bói bằng chân gà.

6. *Vững con, tươi cái, ngoài đem quá nồi*: đều là hiện tượng xem chân gà thấy tốt. (Theo phép xem chân gà, con là ngón trỏ, cái là ngón giữa, ngoài là ngón ở ngoài, nội là giữa, ngoài đem quá nồi là ngón ngoài chỉ vào giữa).

7. *Nàng Oanh:* tức là Thôi Oanh Oanh trong truyện *Tây sương*, một nhân vật có cả tài cả sắc.

8. *Tước bộ, xà hành*: bước đi nháy nhót như chim sẻ, đi lại vặn mình như rắn. Đó là những tướng rất hèn rất xấu.

9. *Khứng*: dịch nghĩa chữ "khẳng" nghĩa là chịu, bằng lòng.

10. *Gác Đằng*: cả câu này là dựa theo ý câu thơ "Thời lai phong Tống Đằng Vương các" để chỉ sự may mắn, thuận lợi.

Xá toan cách cựu đỉnh tân [1]
Lại vầy lại hợp cho nhuần sớm khuya
Nọ là núi chỉ non thề
Bất kỳ nên nghĩa tương kỳ mới hay.
'Đem con sang ở bên này
Phòng khi ấm lạnh đỡ thay cho mình
Nơi ăn chốn ở chung chinh [2]
Chẳng lo khó nhọc cũng đành ấm no". [3]
Nàng nghe chàng nói nhỏ to
Bấy giờ mới kể sự Hồ Quý Ly [4]
"Làm người mang tính *hồ* nghi [5]
Thấy người cốt ngạnh [6] chẳng vì chẳng yêu.
Vẫy vùng ếch giếng [7] tự kiêu
Tham lam chẳng khác Lý Miêu đời Đường [8]
Bể rộng gác phượng [9] tấc gang
Quyên lòng khuyển mã [10] toan đường dong thân
Nỡ làm đố quốc [11] hại dân
Những phần ích kỷ, nào phần ích ai
Rồi ra động đất chuyển trời
Bấy giờ có lẽ đứng ngồi làm thinh

Chú thích:

1. *Cách cựu đỉnh tân: cách* và *đỉnh* là tên hai quẻ trong *Kinh Dịch*, cả câu có nghĩa là đổi cũ thay mới.

2. *Chung chinh:* cùng chung ở một nơi, ở chung.

3. *Cũng đành ấm no*: cũng yên tâm được ấm no.

4. *Hồ Quý Ly*: Tể tướng đời Trần, sau cướp ngôi nhà Trần lập ra nhà Hồ (1400 - 1407).

5. *Hồ nghi*: ngờ vực. Nói người có tính hay nghi ngờ người khác giống như con cáo (hồ là cáo).

6. *Cốt ngạnh*: cứng rắn, trung thực. Cả câu ý nói không ưa những người bổn tính trung thực.

7. *Ếch giếng tự kiêu:* nghĩa giống như câu tục ngữ "Ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung".

8. *Lý Miêu*: tên hèm của viên quan đời Đường là Lý Nghĩa Phủ, trong bụng hắn rất hiểm độc, nhưng ngoài mặt vẫn làm ra bộ nhu mỳ, người đời bấy giờ không ưa, đặt cho hắn tên hèm là Lý Miêu (con mèo họ Lý).

9. *Bể rộng gác phượng*: nơi cung điện vua ở, đây tượng trưng cho vua.

10. *Khuyển mã*: chó ngựa, loài chó ngựa biết ơn chủ. Câu này ý nói: không lo báo đáp ơn vua, chỉ mưu lợi ích cho mình.

11. *Đố quốc*: con mọt của Quốc gia.

Cá ao lệ[1] nửa[(a)] cháy thành
Cũng nhiều cấp[2] phải lánh mình cho hay
Sao bằng đình chủ[3] thiếp nay
Ba gian oa[(b)] xá[4] tháng ngày tiêu dao.
Chẳng lo đuổi *thỏ* săn *hươu*[5]
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì
Kình nghê[6] vui thú *kình nghê*
Tép tôm thì lại vui bề *tép tôm*
Xem loài bán *thỏ* buôn *hùm*[7]
Thấy mồi như *trĩ* bởi tham mắc dò[8]
Thà ăn *cáy*, ngáy o o[9]
Còn hơn ngay ngáy[10] ăn *bò* làm chi[(c)]?
Chớ quen bán chó mua dê
Vui cùng hạc nội[11] ham chi gà lồng

Khảo dị:

a. Bản C: Cá ao *sợ* nửa cháy thành.

b. Bản C: Ba gian *thảo* xá tháng ngày tiêu dao.

c. Bản C: Còn hơn *phảng phất* ăn bò làm chi?

Chú thích:

1. *Lệ*: sợ, như ta nói e lệ là e sợ. Cả câu này dịch câu chữ Hán: thành môn thất hỏa, họa cập ngư (cháy ở cửa thành, vạ lây đến cá trong ao).

2. *Cũng nhiều:* sẽ có nhiều người; *cấp*: là kíp, ngay lập tức. Cũng nhiều cấp đổi là "cùng nhau kíp" thì xuôi nghĩa hơn.

3. *Đình chủ*: chủ nhà trọ.

4. *Oa xá:* nhà hầm nhỏ. Ở phương Bắc Trung Quốc xưa, vì khí hậu rét lạnh, người nghèo thường khoét hầm vào gò đất làm nhà ở cho ấm, gọi là oa xá. Vì vậy người ta dùng chữ oa xá để chỉ nơi nhà nhỏ hẹp, nhà như hang ếch.

5. *Đuổi thỏ săn hươu:* đuổi con thỏ con hươu, nói sự tranh bá đồ vương ở trên đời.

6. *Kình nghê:* hai loài cá to sống vùng vẫy nơi biển khơi. Kình nghê tượng trưng cho những kẻ có thế lực. Tép tôm tượng trưng cho lớp người nghèo.

7. *Bán thỏ buôn hùm:* bán con thỏ mình hiện có để mua con hùm (hổ) còn ở trên rừng. Cả câu ý nói, bỏ sự yên lành chắc chắn, chuốc lấy sự nguy hiểm bấp bênh.

8. *Thấy mồi như trĩ bởi tham mắc dò:* chim trĩ chỉ vì mồi mà mắc bẫy. Câu này có ý ví người ta chỉ vì tham danh lợi mà mắc phải tai nạn.

9. *Ăn cáy, ngáy o o:* tục ngữ, chỉ cuộc sống đạm bạc mà thanh thản vô sự.

10. *Ngay ngáy*: dáng bộ lo lắng. Do câu tục ngữ: "Ăn thịt bò thì lo ngay ngáy". Ý nói cuộc sống phè phỡn thì luôn luôn phải lo lắng phấp phỏng.

11. *Hạc nội*: chim hạc ở tự do ngoài đồng, ý nói người không bị ràng buộc, được tự do. Cả bốn câu (321 - 324) nghĩa là: thà rằng sống giản dị, kiếm lấy mà ăn, gặp sao hay vậy, được thảnh thơi tự do như chim hạc ở ngoài đồng, còn hơn ăn ngon mặc tốt mà bị lo lắng, ràng buộc, phụ thuộc vào người khác, như con chim được người nuôi béo mà bị nhốt trong lồng.

Sá chi chiều ấy [1] như không
Xác ve luống chịu tiếng trong cõi đời
Gặp sao hay vậy bao nài
Cớ chi mà phải nghe ai bây giờ".
Chàng rằng: "Hãy được nương nhờ
Bao giờ biến cải bấy giờ sẽ hay
Chưa khi đến nỗi cháy mày [2]
Vội chi mà bỏ chốn này đi đâu?
Mặc khi báo ứng nhiệm mầu
Quý Ly dù có về sau chẳng tuyền.
Cưỡi *rồng* ta đã băng nguyền [3]
Ứng điềm hùng hủy [4] vầy đoàn gái trai
Chước nào ước được như lời
Cũng đành muôn kiếp ngàn đời chẳng quên".
Nàng rằng lời dạy quá nên
Song trong lòng nọ đá vàng dám nguôi!
Tuy rằng nương náu ở đời
Dường *ve* gầy gục, dường *dơi* võ vàng
Những lo trọn đạo thờ chồng
Chồng sao thiếp vậy, kẻo càng xấu nhau
Hầu mong nát ngọc trầm châu [5]
Lầu cao chẳng quản, giếng sâu chẳng từ [6]
Bận vì một lũ con thơ
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay
Ví đeo tính nước lòng mây [7]

Chú thích:

1. *Chiều ấy:* chiều là bề, phương diện.

2. *Cháy mày:* dịch chữ "nhiên mi", cháy lông mày, nói về sự cần kíp ở ngay trước mắt.

3. *Cưỡi rồng:* dịch chữ "thừa long", chỉ việc lấy vợ. *Băng nguyền:* cũng như phỉ nguyền: "Phỉ nguyền sách phượng đẹp duyên cưỡi rồng".

4. *Ứng điềm hùng hủy:* báo mộng đẻ con. *Kinh Thi* có câu: "Duy hùng duy bi, nam tử chi tường; Duy hủy duy xà, nữ tử chi tường", nghĩa là chiêm bao thấy con gấu con bi là điềm sinh con trai; chiêm bao thấy con rắn con rết là điềm sinh con gái. Vì hùng bi là tính mạnh nên đoán là con trai; rắn rết tính hay nấp lén, nên đoán là con gái.

5. *Nát ngọc trầm châu*: làm cho viên ngọc vỡ, hạt châu chìm. Cả câu ý nói tự tử để thủ tiết với chồng.

6. Câu này nói rõ tự tử cho rồi, không quản ngại gì bằng cách nào: gieo mình từ lầu cao xuống đất hay trầm mình trong giếng sâu cũng được.

7. *Tính nước lòng mây*: chỉ tính cách lẳng lơ.

Chi con chim Việt đỗ rày cành nam [1]
Mấy thu nước mắt chan cơm
Lưng canh đĩa muối quải đơm thường lề.
Bởi phân làm thập nhị chi [2]
Trong kinh ghi dạy *thử* bì [3] còn gương
Dám đâu lỗi đạo cương thường
Nghĩa phu phụ nỡ dám dường bội vang.
Thấy câu phu xướng phụ tòng
Ghi lời tiên thánh dặn lòng đinh ninh
Há còn kén *cá* chọn canh
Cơm nem đã trải, cay chanh đã từng [4]
Ơn chàng thương kẻ lỡ chừng
Xin đừng dạ tiếng gió trăng nữa này".
Nghe lời chàng mới chau mày
Nghĩ rằng tiết ngọc khó lay được nào
Dỗ dành không biết chước sao
Vẫn là hờ hững làm cao với mình
Lại bầy lời khác ướm tình
Để xem lòng gái tiết trinh kìa là:
"Rầy nhân *bướm* được gần hoa
Thuyền *ngư* ông tới doành mà chẳng nhưng [5]
Chàng Lưu [6] từ sánh ả Hằng [7]
Bởi chưng gặp gỡ há rằng rắp ranh

Chú thích:

1. *Chim Việt... cành nam*: dịch nghĩa câu: "Việt điểu sào nam chi", ý nói không bao giờ quên được nghĩa cũ, nơi cũ, nơi gốc tích. Cả hai câu ý nói: nếu tôi lẳng lơ thì tôi không còn ở chốn cũ nữa.

2. *Thập nhị chi*: mười hai hàng địa chi, ứng với mười hai loài vật: Tí là chuột, Sửu là trâu, Dần là hổ... để tính năm, tháng, ngày giờ.

3. *Thử bì:* da con chuột. Thơ "Tướng thử" trong *Kinh Thi* có nói con chuột còn có da, ví như người ta cần phải có lễ nghĩa. Cả hai câu ý nói: theo lời dạy trong *Kinh Thi*, chuột chúng ta đứng hàng đầu địa Chi, cần phải giữ lễ.

4. *Cơm nem đã trải, cay chanh đã từng*: cơm nem là cơm nắm gói lá đem đi ăn đường xa. *Cay chanh:* cay chua. Cả câu ý nói: trong hoàn cảnh đạm bạc, chua cay cũng đành chịu vậy.

5. *Chẳng nhưng*: cũng như chẳng dưng, không ngồi yên. Cả câu ý nói: thuyền người đánh cá đã ra tới khơi lẽ nào lại không quăng chài để đánh cá.

6. *Chàng Lưu*: tức là Lưu Thần. Theo truyền thuyết, Lưu Thần vào núi Thiên Thai hái thuốc gặp tiên nữ.

7. *Ả Hằng*: tức là Hằng Nga, cũng chỉ chung người con gái đẹp.

Bạch Viên xưa kết Tôn sinh [1]
Chẳng vì dan díu bỏ kinh tòng quyền.
Cầm lành dù chẳng nối huyền [2]
Nghe trong tình ý còn nên tiếng gì
Bá Nha đã gặp Tử Kỳ [3]
Bảo sơn [4] ai nỡ trở về tay không".
Nghe lời nàng mới ngán xong
Rằng: "Sao quân tử ra lòng sài lang? [5]
Quy dâm [6] ghi lại còn gương
Trong kinh giới sắc, [7] sao chàng chẳng răn?
Tràng Khanh tư ả Văn Quân [8]
Tống sinh dùng gái chủ nhân chẳng vì [9].
Chàng sao chưa tắt sông mê
Xui ai cải tiết biến nghì sao đang!
Ví lòng thiếp chẳng đá vàng
Thời danh tiếng ấy nữa chàng để đâu!"
Chàng nghe thấy nói gật đầu
Rằng: "Anh là kẻ bất cầu lợi danh
Chớ tin bạch diện thư sinh [10]

Chú thích:

1. *Bạch Viên, Tôn sinh*: hai nhân vật chính trong *Truyện Lâm truyền kỳ ngộ* (còn gọi *Truyện Bạch Viên Tôn Khác* hoặc *Truyện Viên Thị*).

2. *Nối huyền*: do chữ "tục huyền" là nối lại giây đàn, đây là nói chồng chết lại đi lấy chồng. (Thường người ta dùng chữ "tục huyền" để nói người đàn ông góa vợ lại lấy vợ khác).

3. *Bá Nha:* tên người gẩy đàn hay, nhưng ít người biết thưởng thức, chỉ có Chung Tử Kỳ là người tri âm, hiểu được tiếng đàn của Bá Nha.

4. *Bảo sơn:* núi có nhiều ngọc báu. Cả câu ý nói: không ai đã vào núi ngọc báu mà lại trở về tay không.

5. *Sài lang:* nghĩa đen là giống heo, chó sói. Nghĩa bóng là tham lam gian ác như giống beo sói.

6. *Quy dâm*: dâm dục như loài rùa.

7. *Giới sắc*: kiêng việc sắc dục.

8. *Tràng Khanh*: tên tự của Tư Mã Tương Như, một chàng văn nhân đa tình đẹp trai đời xưa. *Văn Quân*: tức là Trác Văn Quân, một người đàn bà góa, mê tiếng đàn của Tràng Khanh, đã bỏ nhà trốn theo chàng.

9. *Tống sinh:* tức là Tống Ngọc phải lòng người con gái chủ nhà bên, láng giềng, có làm bài "Thần nữ phú".

10. *Bạch diện thư sinh*: người học trò mặt trắng, danh từ chỉ người văn sĩ còn trẻ, non mặt chưa trải việc.

Một văn luận thử [1] mà khinh giá này
Xiết bao *bướm* lũ *ong* bầy.
Chẳng quen khoét vách chẳng hay họ tường
Dám cho thiết ngọc thâu hương [2]
Ghín trong danh tiết, lánh đường phiền hoa.
Ví dù đem thói dâm tà
Mày *loan* tóc *phượng* vào ra hiếm gì
Tin *chim* như cá gửi đi
400 Cũng nhiều nơi rắp, nơi vì riêng tây.
Bưng đấp [3] làm mặt [(a)] chẳng hay
Những lời hoa nguyệt xưa nay chưa hề
Thấy nàng gái ở có nghì
So xem khác giá nữ nhi thời này
Ước nên chút nghĩa nước mây
Chẳng mê vì sắc, bởi say vì tình
Chúa xuân dầu có đành hanh
Đến vườn cũng bẻ một cành cho cam
Rồi ra đôi ngả bắc nam
401 Dầu lòng thu tưởng xuân tầm [4] được chăng?
Tình xuân ví chẳng đãi đằng
Cũng đà mang tiếng răng răng [(b)] bề ngoài".
Dứt lời nàng mới giãi bày:
"Những điều mặt dạn mày dày khó coi
Vườn xuân chàng sẵn có nơi
Nguyệt hoa sao nỡ ép nài như ai
Bây giờ rừng mặt vách tai [(c)]
Việc trong mới rắp kẻ ngoài đã hay

Khảo dị:

a. Bản C: Bưng *tai* làm mặt chẳng hay,

b. Bản C: Cũng đã mang tiếng *lăng nhăng* bề ngoài.

c. Bản C: Bây giờ rừng *mạch* vách tai.

Chú thích:

1. *Văn luận thử*: bài văn bàn luận về chuột, chỉ bài phú của Tô Đông Pha, tả rõ cái tính khôn ngoan tinh quái của con chuột.

2. *Thiết ngọc thâu hương*: ăn trộm ngọc, ăn cắp hương thơm, chỉ việc trai gái dan díu thầm vụng.

3. *Bưng đấp:* bịt tai lại không nghe.

4. *Thu tưởng xuân tầm*: mùa thu thì tưởng nhớ, mùa xuân thì đi tìm tòi. Ý nói những sự mong ước viển vông không bao giờ thành sự thực được.

Vầng trăng đã ngả về tây
Để cho thiếp trở về rẩy với con
Đường trường trở cách nước non
Lũ hài [1] tưởng nó hãy còn thơ ngây
Nể lời quanh quất mãi đây
Hoặc người [2] về đó, lời này tiếng kia
Lại càng dại dáng nga mi [3]
Trăm năm danh tiết xướng tùy [4] sao đang
Ví đem tang bộc thói thường [5]
Xưa nay dạ sắt gan vàng như không".
Biết rằng nàng chẳng chuyển lòng
Bấy giờ chàng mới nói sòng hòa may:
"Vốn người chính thất nhà này
Trâm anh lệnh tộc [6] xưa nay vẫn là
Đàn bà ấy mới đàn bà
Ngọt ngào có một, sai ngoa chưa từng.
Chiều chồng khuya sớm nở nang
Phải chăng chẳng dám cạy răng một lời
Ra vào bặt tiếng ngậm hơi
Một mình săn sóc hôm mai nhọc nhằn
Muốn cho được kẻ đỡ đần
Quan quan hảo điểu [7] muôn phần những mong
Chẳng như kẻ bấc người đông
Ghen tuông vì nỗi chồng chung nồng nàn
Cát leo cù mộc [8] rắp toan.

Chú thích:

1. *Lũ hài*: lũ hài nhi, lũ con thơ.

2. *Người*: đây chỉ vợ chuột Đực.

3. *Nga mi:* Mày ngài, ở đây tượng trưng cho phụ nữ.

4. *Xướng tùy:* do câu "phu xướng phụ tùy" (chồng đề xướng, vợ nghe theo) nói về đạo vợ chồng hòa thuận.

5. *Tang bộc:* do từ "Tang gian bộc thượng" trên sông Bộc trong bãi dâu, chỗ trai gái hẹn hò gặp nhau.

6. *Trâm anh lệnh tộc*: trâm là cái trâm cài đầu, anh là cái dải mũ, chỉ chung về bậc khoa hoạn. Lệnh tộc là họ có danh tiếng. Cả câu ý nói: vợ tôi vốn là con nhà dòng dõi quý tộc.

7. *Quan quan hảo điểu*: chim tốt tiếng kêu ríu rít.

8. *Cát leo cù mộc*: cát là thứ dây leo (dây sắn), cù mộc là cây to, từ này gốc ở thơ "Cù mộc" trong *Kinh Thi*, nói ví những người tì thiếp nhờ vợ cả che chở cho được êm ấm.

Xích thằng [1] xui khéo tạo đoan một niềm
Được nàng làm chị làm em
Cùng ăn cùng ở chẳng hiềm giận chi."
Nàng rằng: "Chàng dạy thế thì
Phụ nhân đố kỵ [2] xưa kia còn lời
Phương ngôn câu ví để đời
Nhường cơm, nhường áo, dễ ai nhường chồng!
Hiếm chi trong chốn non sông
Thiên hương quốc sắc như bông hoa đèn [a]
Sá chi nửa cánh hoa tàn
Tình kia ý nọ bàn hoàn nữa chi
Thiên cao mà lại thính ti [3]
Trên đầu chẳng nghĩ còn thì có ai
Cố lòng ép trúc nài mai
Mượn dao thiếp quyết một bài cho xong".
Bấy giờ kinh sợ hãi hùng
Bát trân [4] chàng mới giãi lòng cho qua
Rằng: "Nàng may lại tới nhà
Tiễn đưa một tiệc, gọi là cố tri [5]
Dẫu rằng dưa muối chớ nề,
Còn thừa nàng phải đưa về cho con
Gọi là của khác nước non
Đưa ra mọi thức miếng ngon mỹ hào [6]
Nem *lân* chả *phượng yến* sào
Đàn con chưa dễ biết bao mùi này".
Trình rằng: "Nhà thiếp xưa nay

Khảo dị:

a. Bản C: Thiên hương quốc sắc *não nùng chiêu đâm*.

Chú thích:

1. *Xích thằng:* dây đỏ, chỉ nhân duyên vợ chồng, do tích Vi Cố đời Đường đi chơi đêm, gặp một ông già đeo cái túi ngồi dưới trăng xem sổ, Vi Cố hỏi sổ gì, thì nói là sổ hôn nhân, hỏi túi gì, thì nói túi đựng dây đỏ để buộc hai người nào có duyên vợ chồng với nhau.

2. *Phụ nhân đố ky*: đàn bà hay ghen tuông, ghen ghét nhau.

3. *Thiên cao thính ti*: trời ở trên cao, nhưng nghe thấy dưới thấp, nghĩa là trời ở trên cao, nhưng đều biết cả sự hay dở ở thế gian.

4. *Bát trân*: tám món đồ ăn quý.

5. *Cố tri*: bạn quen biết cũ, đây nghĩa là bạn, ý nói xin kết làm bạn quen.

6. *Mỹ hào*: món ăn ngon.

Ngày nào cũng phải như ngày thanh minh [1]
Vả trong cương tỉnh phong thanh [2]
Giang sơn một dải, triều đình tri danh [3]
Mở mang trời cũng có mình [4]
Lẽ nào dám để thường tình cười chê
Xin thôi cho thiếp trở về
Ơn chàng non túi để thì đền sau".
Rằng: "Bây giờ chửa thấy đâu
Chẳng là rồi đến mai sau ích gì
Cho hay rằng thói nữ nhi
Biết chăng chỉ có một bề mà thôi".
"Chàng sao khéo nói nên lời
Hoa kia nguyệt nọ ra người phải ru?"
Bây giờ trong dạ oán thù
Lặng ngồi chàng mới nghĩ cho rạch ròi
Như ta cứu nạn cho rồi
Cho nên ơn nặng muôn đời chớ sao
Thế mà nhiều nỗi ước ao
Thấy nào giả nghĩa thấy nào giả ân?
Khôn ngoan rất mực hồng quần [5]
Tại bình [6] mà nói, chối dần cũng xuôi
Nghĩ thương thân phận lạc loài
Chồng con nào có biết ai hay là.
Trông người ra cách phong hoa
Thế mà những thói dâm tà thì không

Chú thích:

1. *Thanh minh:* một tiết trong mùa xuân, 15 ngày sau tiết xuân phân, vào khoảng mồng 5 mồng 6 tháng ba âm lịch, người ta thường lấy tiết này làm ngày tảo mộ. Tiết thanh minh và tiết hàn thực (ăn nguội) rất gần nhau: vì thế chuột Bạch mượn ý để nói nhà thiếp thường ăn uống đạm bạc chay tịnh quen rồi.

2. *Cương tỉnh phong thanh*: lề thói tiếng tăm ở nơi hàng xóm.

3. *Tri danh*: biết tiếng.

4. *Mở mang trời cũng có mình*: cả câu này dựa theo ý câu chữ Hán: "Thiên khai ư tý". Trời mở ra bắt đầu từ hội chuột, mình đây là con chuột Bạch tự xưng cho cả loài chuột.

5. *Hồng quần*: quần màu đỏ, chỉ người phụ nữ.

6. *Tại bình*: ngồi trong bình phong, do câu chữ Hán: "Nữ tử tại bình" (người con gái ngồi trong bình phong) nghĩa là ngồi một chỗ kín đáo không bước chân ra ngoài.

Hay buồn lý Bắc, *lân* Đông [1]
Chờ nơi cốt cách, mà lòng chẳng yên
Nay ta nói đã đến điều
Chẳng lay tiết ngọc, chẳng xiêu lòng vàng
Tính rằng khuyên dỗ lấy nàng
Đỡ khi chim cá, tiện đường chung tư [2]
Nghĩ mình là kẻ văn thư
Đầu đuôi nghĩ lại mà dơ dáng đời
Thôi thì thôi cũng chịu thôi
Kiếm đường chữa thẹn mấy lời cho qua:
"Thiềm cung [3] bóng đã tà tà
Khuyên rằng mau trở lại nhà với con
Nhưng lời ban tối nỉ non
Thấy nàng có dạ sắt non thử tình
Trăng hoa coi những làm thinh
Có trời hẳn biết cho mình mà thôi.
Ví dù đây cũng như ai
Ép tình cá nước phải nài nẫm chi [a]
Nàng hay nói quái nói kỳ
Xưa nay âm thịnh dương suy [4] thường tình
Khen cho một dạ kiên trinh
Dẫu rằng nghiêng nước nghiêng thành [5] dễ đâu
Xin đừng để tiếng cho nhau
Cành hoa còn giữ được mầu tại ta".
Thưa rằng: "Thân phận đàn bà

Khảo dị:

a. Bản C: *Lấy điều củ củ*, phải nài nẫm chi.

Chú thích:

1. *Lý Bắc, lân Đông*: phía Bắc làng, phía Đông láng giềng, ý nói người chỗ này, người chỗ khác đều lấy vợ, lấy chồng, thấy thế mà buồn.

2. *Đỡ khi chim cá:* không phải thơ đi thơ lại; *chung tư:* tên một loài sau họ, như châu chấu, sinh nhiều con. Nguyên trong *Kinh Thi* có một bài thơ tên là "Chung tư", lấy loài sâu bọ tượng trưng cho sự nhiều con. Đây cũng dùng theo ý đó.

3. *Thiềm cung*: cung con thiềm thừ (con cóc), tức là cung trăng, do truyền thuyết vợ Hậu Nghệ uống trộm thuốc trường sinh rồi trốn lên cung trăng hóa thành con cóc (thiềm thừ).

4. *Âm thịnh dương suy*: khí âm thịnh, khí dương suy; khí âm tượng trưng cho đàn bà, khí dương tượng trưng cho đàn ông.

5. *Nghiêng nước nghiêng thành*: chỉ người con gái đẹp ở tầm cỡ quốc gia.

Trông ơn đã được khỏi qua nạn rồi
Đức đầy đành trả muôn đời
Nghe lời thiếp, phải liệu lời kêu ca
Ơn đầy trả nghĩa trăng hoa [1]
Lại là nghiệp chướng [2] lại là trái duyên
Xin chàng nghĩ lại chớ phiền
Đừng hồ nghi nữa, thiếp xin trở về".
Bấy giờ sắp sửa ra đi
Vợ chồng lo lắng việc chi đã về [(a)]
Thấy chàng đưa tiễn đề huề [(b)]
Ngâm thơ mà giãi lòng quê kẻo nồng [(c)]
Thơ rằng:
"Non sông cách trở vững ba thu
Giấc bướm [3] mơ mồng nứi vọng phu [4]
Khe kẻ rắp cùng gan *phượng* chạ [5]
Trách chàng toan tuốt ruột *tằm* khô.
Một niềm dạ sắt in vầng thỏ [6]
Mất lúc lòng vàng chỉ bóng ô [7]
Chăn gối lẻ loi đà mấy tối
Mà lòng đã nỡ thế kia ru?"
Chuột Bạch tức ý họa rằng:
"Danh tiết [8] kia mà biết mấy thu

Khảo dị:

a. Bản C: Vợ chàng *đâu bỗng liều về tới nơi.*

b. Bản C: Thấy chồng đưa tiễn *một người.*

c. Bản C: *Tức mình thơ thẩn một bài liều ngâm.*

Chú thích:

1. *Trả nghĩa trăng hoa:* dịch chữ hoa nguyệt nghĩa là lấy sự tình dục mà đền lại ơn nghĩa.

2. *Nghiệp chướng:* chữ nhà Phật, nghĩa là tội ác có thể gây chướng ngại cho đường chính nghĩa. Cả câu ý nói: trăng hoa là tội ác gây chướng ngại cho đạo đức.

3. *Giấc bướm*: dịch từ Hán "Hồ điệp mộng" (nằm mơ hóa làm bươm bướm), ý nói mơ mộng viển vông, ở đây muốn nói đêm ngủ nằm mơ, giấc mơ.

4. *Vọng phu*: ngóng chồng.

5. *Phượng chạ*: cũng như nói "phượng chạ loan chung", vợ chồng chung đụng.

6. *Vầng thỏ*: chỉ mặt trăng. (Truyền thuyết xưa nói: trong mặt trăng có con thỏ ngọc luyện thuốc tiên).

7. *Bóng ô:* ô là con quạ, chỉ mặt trời (Thần thoại Trung Quốc nói: trong mặt trời có con quạ vàng ba chân).

8. *Danh tiết*: danh dự và tiết nghĩa.

Nghe *quyên* khắc khoải tiếng tư phu [1].
Mày *ngài* hoa ủ sầu khôn tả
Má phấn chan rơi giọt chẳng khô
Chút nghĩa đã nguyền vầng ngọc *thỏ*
Tấm lòng phó mặc bóng kim ô
Thâu đêm mang tiếng rằng kia nọ
Dạ sắt gan vàng dễ biết ru?"
Họa thơ rồi tạ lấy lòng
Giãi bầy có cả vợ chồng cùng nghe:
"Gặp cơn sóng gió bất kỳ
Nhờ ơn cứu vớt đêm khuya nặng tình
Có nhà chị cũng như anh
Người ta ai cũng lòng lành như ai
Dè chừng bắt bóng [2] dông dài
Đá mòn đã vậy miệng người thì sao [3]?
Xưa nay danh giá thế nào
Vì tôi một chút ra vào cho nên
Phải chăng chị để em xin
Bận lòng lo lắng giang sơn nỗi nhà".
Bấy giờ nàng đã bước ra
Liệu điều chàng cũng giải hòa cho xuôi
Nàng rằng: "Trong bấy nhiêu lời
Rào sau đón trước cho ai đó mà?
Chẳng tư núi, chẳng trăng hoa
Tội chi mà thiết việc mà người dưng?"
Tía tai đỏ mặt tưng bừng
Vật mình nàng lại vang lừng nói ra:
"Có chi thiếp mới vắng nhà
Đã lòng như nguyệt quyến hoa tơi bời?
Vừa lòng thích ý thì chơi
Nhà này còn có xem ai ra gì
Cửa nhà lo lắng sớm khuya

Chú thích:

1. *Tư phu:* nhớ nghĩ đến chồng.

2. *Dè chừng bắt bóng:* phỏng đoán, đoán chừng; cũng nói dè chừng.

3. Câu này ý nói: không nên phỏng đoán hão, nói sai lạc sự thực mà người ta cười cho tiếng xấu để đời. Theo ý câu tục ngữ "trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ".

Sướng se mạ cạn [1] đi về xiết bao
No cơm thì dửng hồng mao [2]
Dục hà dục hĩ [3] muốn sao thì làm
Ai ngờ mặt *sứa* gan *hầm* [4].
Rắp toan *gà* luộc rượu tăm [5] thỏa lòng.
Khác nào như *nhện* đánh vòng [6]
Ếch kia trong giếng còn mong kẻ dò
Đói thì đầu gối phải *bò*
No cơm ấm cật còn lo lắng gì?
Chẳng thương đến nỗi thê nhi
Tìm mồi khuya sớm đã đi đỡ chàng
Trở về vừa đến đầu tường
Thấy con *muông* đứng cửa hang nó rình
Đã lâu nghe vắng phong thanh
Ngậm hơi như thóc [7] đem mình về đây
Lại e lũ *khỉ* buông dây
Đến nhà nên nỗi nước này mà thương".
Ghen tuông nhiều tiếng dở dương
Chàng van như *Cốc* [8], bầy tường đầu đuôi
Canh khuya chưa nhấp [9] còn ngồi
Lạ gì vắng vẻ thức coi cửa nhà
Bỗng nghe ngoài chốn tường hoa
Tiếng con *muông* sủa từ xa lại gần

Chú thích:

1. *Sướng se mạ cạn*: sướng là ruộng gieo mạ, se là ruộng cạn hết nước. Cả câu ý nói, làm lụng đi về vất vả.

2. Cây này ý nghĩa cũng như câu tục ngữ: "No cơm ấm cật, giậm giật mọi đường".

3. *Dục hà dục hĩ*: muốn làm gì thì làm, bạ cái gì muốn cái ấy.

4. *Mặt sứa gan hầm*: hầm cũng như hùm, do hùm đọc chệch. Mặt sứa, mặt thì ngó bộ mềm yếu như con sứa, mà bạo gan hung dữ như con hùm (hổ). Tục ngữ: "Mặt sứa gan lìm" ví những người trông mặt mềm yếu mà thực chất lại gan lỳ.

5. *Gà luộc rượu tăm*: những đồ sính lễ cưới vợ. Ý chuột cái trách chồng muốn lấy vợ lẽ.

6. *Nhện đánh vòng*: nhện dăng tơ thành vòng mạng lưới rồi lại nằm loanh quanh trong vòng ấy.

7. *Ngậm hơi như thóc*: im lặng không dám nói năng gì, do câu tục ngữ "Im như thóc".

8. *Van như Cốc*: do câu tục ngữ: "Lạy như Cốc". Cốc là tên một loài chim khi đi cứ gục đầu xuống luôn như van lạy.

9. *Nhấp*: nhấp mắt; *chưa nhấp*: chưa ngủ được.

Chút vì [1] nàng mới lỡ chân
Hoặc khi muôn một trở ngăn đường nào
Song nga [2] chưa biết làm sao
Bồi hồi gan *vượn* [3], xôn xao khúc tằm.
Thập thò hầu rắp ra thăm
Thấy nàng bạch thử đâm sầm vào hang
Dữ lành hai lẽ chưa tường
Dắt tay đã bảo có đường tìm ra
Nói rằng trong nghĩa *lân* gia [4]
Phải con *muông* đuổi, thế sa đường cùng
Một mình thân gái long đong
Dám xin cứu nạn ơn lòng chẳng quên
Một làm phúc, hai làm duyên
Chẳng nê, cho ở một bên hẹp gì.
Vừa ngồi một chốc lại đi
Há rằng có ý tứ gì cùng ai
Có sao gieo [a] nặng những lời
Nghe ra chẳng chút vào tai cũng phiền!"
Nàng rằng: "Sự đã quả nhiên
Nào ai nói đặt cho nên đoạn trường
Vợ con vừa bước ra đường
Ở nhà thắc mắc [5] lo lường đứng trông
Phỏng rằng cậy dạ cậy lòng
Thế thì dỗ gái về phòng làm chi?
Ngửa nghiêng như ốc biết gì [6]
Bật ngay tăm hẳn dường dê mắc sừng [7]

Khảo dị:

a. Bản C: Có sao ***đè*** **nặng những lời.**

Chú thích:

1. *Chút vì:* cũng như chỉ vì, vì rằng.
2. *Song nga:* phân vân bên nọ bên kia, chưa rõ ra thế nào; do dự chưa kịp giải quyết.
3. *Bồi hồi gan vượn:* hốt hoảng lo sợ, (giống vượn có tính hốt hoảng).
4. *Lân gia*: nhà láng giềng.
5. *Thắc mắc:* đây nghĩa là ngồi không yên, thấp thỏm.
6. *Ngửa nghiêng như ốc biết gì:* loài ốc chỉ có khi úp xuống đất bò, mới mở miệng, còn khi ốc đã ngửa nghiêng thì miệng nó kín, nằm im và không biết gì cả.
7. *Dê mắc sừng*: con dê bị mắc sừng vào bụi rậm, tập trung lo lắng hết sức để gỡ, im tăm không kêu lên được. Hai câu này ý nói: im đi, ngậm miệng như ốc ngửa nghiêng, còn chối cãi thì như dê mắc sừng vào bụi rậm khó mà giải thoát được.

Thôi thôi chẳng lọ nói năng
Dấu voi ruộng rạ nghĩ rằng kín thay
Hang hầm ai dám móc tay
Chuột nào lại dám cắn dây buộc mèo
Ai là toan rắp thế nào
Không dưng ai có bỗng theo về nhà
Ruồi kia một phút bay qua
Biết là đực cái, lọ là sự ai [1]
Ở trong chưa tỏ bằng ngoài
Dễ mà ăn *cáy* bưng tai [2] được nào!
Mê say chìm đắm má đào
Như *mèo* thấy mỡ, khát khao thật là
Già chẳng thương trẻ chẳng tha
Khác nào như *ếch* thấy hoa [3] thì vồ
Thuồng luồng ở cạn có ru
Mà toan bắt chước đứa ngu sờ sờ
Chiếu chăn nào có hững hờ
Mà như *voi* đói thì vơ dông dài
Quen mùi bận khác ăn chơi
Có ngày cũng được như ai ghẻ tàu [4]
Bấy giờ khốn đổ cho nhau
Miệng kểnh gọi *chó* tay mau đuổi ruồi [5]
Ví dù lầm phải vợ ai
Dòng sông bè chuối [6] mới hay cho đời

Chú thích:

1. *Ruồi... bay... biết đực cái:* ý nói là người tinh ý, không có gì che mắt được, đây cũng là ý của câu tục ngữ tương tự.

2. *Ăn cáy bưng tai*: theo kinh nghiệm tục truyền, ăn con cáy thì hay ngứa tai, phải gãi. Ý nói sự thật rõ ràng thì không giấu được.

3. *Ếch thấy hoa:* do câu tục ngữ: "Ếch vồ hoa mướp" cũng như câu "mèo thấy mỡ"; ý nói tối tăm vì tham lam, say mê.

4. *Ghẻ tàu:* tiếng lóng, tiếng tục, chỉ bệnh giang mai, bệnh hoa liễu.

5. Câu này ý nói: người mắc bệnh hoa liễu, miệng thì xuýt xoa kêu đau, tay thì xua ruồi vì lở lói, bẩn thỉu.

6. *Dòng sông bè chuối*: bè đóng bằng cây chuối đem thả trên dòng sông. Theo hình phạt dã man thời xưa, đàn bà có chồng thông dâm với trai, bị bắt quả tang, thì cả hai người đều bị trói đẩy lên cái bè chuối, thả giữa dòng sông cho trôi ra biển.

Sáng tai họ, điếc tai cày [1]
Mà lòng lại tưởng đến người đào thơ
Những mong lại có bao giờ
Cho khuây khỏa dạ, kẻo mơ mẩn tình
Ví không duyên nợ ba sinh [2]
Nàng sao gặp nỗi bất bình tới đây".
Nghĩ càng như tỉnh như say
Mặt như đầu lợn [3] nhìn thày trơ trơ
Nàng ngờ phải thuốc phải bùa
Ve sầu xác rũ [4] nó cho ăn quàng
Cho nên thơ thẩn vô vàng
Tìm *hươu* [5] cho kíp cháo thang giã giùng.
Kẻo lòng tơ tưởng mơ mòng
Khỏi hồn *Thục đế* [6], khỏi lòng *Đỗ quyên*
Bây giờ tính nết đã quen
Chắc rằng *cua* lỗ khó lên trên trời [7]
Nàng rằng: "Bất chạch đằng đuôi
Kiện vô chứng cớ khôn lời đôi co
Nguyên viết hữu, bị viết vô
Minh đơn so với duyên do thế nào
Nó thì thất hướng tại đào [8]
Đi lên rừng biết đường nào truy đương [9]

Chú thích:

1. *Sáng tai họ, điếc tai cày*: họ là nghỉ, đứng lại. Con trâu lười khi cày ruộng, người cầm cày bảo nó họ, nghỉ, thì nó nghe ngay, nhưng khi bảo nó đi, thì nó lờ đi như điếc, không nghe thấy gì. Cả câu ý nói: người lười không thích làm việc chỉ thích nghỉ (Tục ngữ).

2. *Ba sinh:* chữ nhà Phật, ba đời luân chuyển, kiếp trước, kiếp này và kiếp sau.

3. *Đầu lợn nhìn thày*: mặt dần ra và mắt trơ ra như đầu lợn luộc nhìn thày cúng (do ý câu tục ngữ tương tự).

4. *Ve sầu, xác rũ*: ve sầu là xác con ve sầu; xác rũ là xác con quốc chết rũ. Theo tục truyền thì xác con ve sầu và xác con quốc là hai vị thuốc trong bùa yêu, bùa mê.

5. *Tìm hươu:* kiếm con hươu. Theo tục truyền hễ lỡ ăn phải bùa yêu hay bùa mê, ăn cháo hươu thì khỏi.

6. *Thục đế* hay *Đỗ quyên* đều là tên kiếp trước của con quốc, theo cổ tích dân gian.

7. Cả câu nghĩa là con cua nằm trong hang trong lỗ tài nào bay lên được trời, ý nói u mê không còn biết gì.

8. *Thất hướng tại đào:* chữ việc quan, chỉ sự luôn luôn trốn biệt.

9. *Truy đương*: tầm nã bắt bồi thường. Danh từ việc quan xưa, nhất là hay dùng trong văn tự ruộng đất hay vay nợ.

Vô tang tích tịch tình tang
Khôn làm lý đoán [1] cho tường được đâu
Rầm nhà tiếng hỏi lao xao
Ai hay rằng sự giấu đầu hở đuôi
Vẫn còn thèm thịt thèm xôi
Ngày thường cơm tẻ thiếp nuôi lệ gì
Có câu rằng "quý dịch thê" [2]
Gái này chẳng dám nằn nì thương yêu
Già rồi lẫn cẩn bỏ liều
Sá chi vú trễ lưng teo sồ sề
Chẳng ưa cà chín bầu già
Tuổi đà nhi lập, lịch đà quá niên [3]
Có trăng nên nỗi phụ đèn
Chẳng ngon thể sốt thời liền bén hơi
Cười ra nước mắt hổ ngươi
Khen ai khéo đặt nên lời ví xưa
Còn duyên kẻ đón người đưa
Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh [4]
Thế tình chuộng lạ ham thanh
Thân tiên thân *cú* ra tình xấu chơi
Cầu Nôm [5] nồi thủng lạ đời
Kẻo còn nhọc xác mệt người xông pha
Cắn đuôi tha trứng gần xa [6]

Chú thích:

1. *Lý đoán*: lấy lý lẽ mà đoán định.

2. *Quý dịch thê*: khi sang thì đổi vợ, bỏ vợ cũ lấy vợ mới.

3. *Nhi lập*: Sách *Luận ngữ* có câu: "Tam thập nhi lập" (ba mươi tuổi thì đức tính được đính chính, bắt đầu lập nên sự nghiệp). Cả câu ý nói đã ngoài ba mươi.

4. *Chùa Bà Đanh*: tên là chùa Bảo Sơn, ở làng Đình Xá, tổng Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chùa thờ vị Thánh Bà, huệ hiệu là Pháp Phong. Nơi ấy cấm không ai được làm nhà ở gần, xung quanh lại trồng tre bao bọc. Vì thế cho nên vắng vẻ hiu quạnh. (Còn một số địa phương cũng có chùa Bà Đanh, và ý nghĩa của câu tục ngữ cũng là chỉ sự vắng vẻ).

5. *Cầu Nôm nồi thủng:* tục ngữ: "Nồi thủng (hay đồng nát) lại về Cầu Nôm, con cái nó mồm về ở với cha". Cầu Nôm, tên xã ở Thuận Thành, Bắc Giang, có nghề nấu đồng, chuyên đi mua nồi thủng, đồng nát để nấu chảy thành đồng, rồi lại đúc đồ đồng mới. Cả câu ý nói: đàn bà lắm lời thì đuổi về với cha.

6. *Cắn đuôi tha trứng*: tục thường nói giống chuột khôn lắm, khi tha trứng, một con ôm quả trứng vào bụng nằm ngửa ra, một con cắn đuôi con chuột ấy kéo về tổ. Cả câu ý nói kiếm ăn vất vả.

Cái thân tất tả như bà đánh *ong* [1]
Dã tràng xe cát luống công [2]
Tò vò nuôi *nhện* há mong cậy nhờ [3]
Ít lời chẳng muốn nói ra
Những điều chàng ở ắt là chẳng quên
Chen nhau từng cạnh cho nên
Trong bàn đã phỏng tay trên [4] nực cười
Tổ tôm [5] kia thực là tài
Cửu vạn [6] bát sách [7] chờ hoài bán chi [8]
Âm dương bác cục được thì [9]
Cứ chi đứng hậu [10] cứ chi lối lề. [11]»
Chàng rằng: "Lời nói cũng kỳ
Kể khoan kể nhặt thói quê thường tình
Tiếng chua hơn nữa [12] vắt chanh
Toan đường tầm gửi lấn cành được sao
Ta đây dễ nạt được vào
Chẳng như kẻ quặp râu [13] vào dễ doi.

Chú thích:

1. *Bà đánh ong:* tục ngữ "tất tả như bà đánh ong". Cả câu ý nói luống cuống rối rít.

2. *Dã tràng xe cát:* tục ngữ: "Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì". Dã tràng thuộc loại cua nhỏ sống trên các bãi biển, xe cát thành từng viên chất đống, chỉ được ít nhiều lại bị sóng biển đánh vào trôi đi mất hết.

3. *Tò vò nuôi nhện:* tục ngữ: "Tò vò mà nuôi con nhện, đến khi nó lớn nó quện nhau đi". Giống tò vò sống bằng con nhện. Khi nó đẻ, đẻ vào con nhện để khi trứng nở ra con thì con nó có sẵn đồ ăn là con nhện. Vì vậy, ta thấy tò vò bắt nhện chất đầy tổ rồi xây kín, ta bảo tò vò nuôi con nhện. Cả hai câu ý nói làm mất công không.

4. *Bàn:* bàn đây nói bàn đánh bài tổ tôm. *Phỏng tay trên:* lấy đi trước mất.

5. *Tổ tôm:* một lối chơi bài lá, bài có 120 quân, có ba hàng văn, sách, vạn, mỗi hàng 40 quân, số người dự cuộc là năm người. Tổ tôm vốn do chữ "tụ tan" trại ra.

6. *Cửu vạn:* tên quân bài tổ tôm.

7. *Bát sách:* xem chú thích 6.

8. *Bán chi:* tên một quân bài tổ tôm, cũng gọi là chi chi.

9. *Âm dương bác cục:* bàn xóc đĩa. Đánh xóc đĩa dùng bốn đồng tiền để vào một cái đĩa lấy bát úp lại, xóc lên rồi chia ra hai bên, bên chẵn, bên lẻ. Âm là đồng tiền úp sấp; Dương là đồng tiền ngửa mặt có chữ.

10. *Đứng hậu:* danh từ chuyên môn dùng trong sòng xóc đĩa. *Đứng* là đồng tiền không nhảy; *Hậu* là đồng tiền đang nhảy, lại đứng lại một tiếng.

11. *Lối lề:* danh từ xóc đĩa chỉ đồng tiền nhảy lên ngã xuống theo đúng quy luật.

12. *Hơn nữa:* nữa là nhiều, hơn nữa: nhiều hơn.

13. *Kẻ quặp râu:* người sợ vợ. Tục ngữ: "Xưa kia ông có thế đâu, bởi chưng sợ vợ, nên râu quặp vào".

Cũng toan níu náu [a] cho rồi
Càng ngày càng một tỏ coi những mầu
Cắm đầu mà chịu vuốt râu [1]
Đã cam như *ngựa* cầm tầu [2] mây phen
Giống *lừa* ưa nặng [3] đã quen
Thôi đừng rức lác huyên thiên [4] tít mù".
Bấy giờ nàng lại tri hô [b]
Xắn quần xắn áo thập thò cửa hang.
Rằng: "Đà mang tiếng tao khang [5]
Những nhờ rễ mận [c] rễ bàng [6] cùng nhau
Bây giờ nên nỗi cơ cầu
Bà làm cho tỏ ra đầu ra đuôi."
Miệng thời thở ngắn thở dài
Tìm đường thăm lối kíp dời đông *lân*
Cửa hang chuột Bạch, tới gần
Đã phần xỉ vả lại phần mỉa mai.
Chuột Bạch đỏ mặt tía tai
Hỏi rằng: "Ai đấy mắng ai chốn này?"
Con này chưa biết bà đây
Lại toan tiếng nọ lời này đành hanh.
Con *mèo* thủng thỉnh góc thành
Đến xem tranh đấu [7] ra tình làm sao
Hai bên hồn lạc phách xiêu
Trèo non nhảy núi ra chiều lao đao
Lạ đường chuột cái sa ao

Khảo dị:

a. Bản A: Cũng toan *dín* náu cho rồi.
Bản B: Cũng toan *nhịn nhục* cho rồi.

b. Bản A: Bây giờ nàng lại *si xô*.

c. Bản A: Những nhờ rễ *bậm*, rễ bàng cùng nhau.

Chú thích:

1. *Chịu vuốt râu*: chịu ngồi yên để cho người ta vuốt râu, chịu sự khinh bỉ, coi thường.

2. *Ngựa cầm tầu*: ngựa bị giam cầm trong chuồng (Tầu hoặc tàu: chuồng ngựa). Cả câu ý nói đã cam chịu như con ngựa bị nhốt ở trong chuồng.

3. *Lừa ưa nặng*: tục ngữ "thân lừa ưa nặng", cả câu ý nói: đối đãi tử tế không muốn, lại muốn bị đánh mắng như con lừa quen mang đồ nặng.

4. *Rức lác huyên thiên*: mắng nhiếc rầm trời.

5. *Tao khang*: người vợ lấy lúc hàn vi.

6. *Rễ mận rễ bàng*: tình nghĩa quấn quýt lấy nhau như rễ cây chằng chịt.

7. *Tranh đấu*: đây nghĩa là cãi nhau xô xát.

Lạ đường chuột cái sa ao
Thực là báo ứng trời nào có xa
Bạch thời chạy được về nhà
Bước vào cóng gạo liền sa mình vào
Ngẫm xem báo ứng [1] kíp sao [a]
Hồ sinh đứng nấp tường đào thử trông
Thấy con chuột cái vẫy vùng
Trên bờ mèo chực những mong ra chào
Hồ giơ tay mới đuổi *mèo*
Vén quần lội xuống cán bèo vớt lên.
Ráo lông tỉnh lại vừa yên
Cúi đầu mà lạy, khoan khoan trình bày
"Thiếp nay là phận thơ ngây
Phải chồng ruồng rẫy tới đây gặp nàn
Ơn ông cứu được thân tàn
Thửa công đức ấy muôn vàn xiết đâu
Nhờ ông lượng để cao sâu
Hẳn cơ tạo hóa quên đâu kẻ hiền".
Sinh rằng: "Những tính hay ghen
Hễ là già néo ắt liền đứt dây
Rõ ràng kể nói cho hay:
Ban khuya chuột Bạch đến đây tìm mồi
Phải con muông đuổi một thôi
Vào hang mày ẩn yên rồi lại ra
Lạ gì gái đẹp đến nhà
Chồng ngươi cũng muốn lân la với tình
Song le phận gái kiên trinh
Ra chiều khôn lẽ [2] dỗ dành lại thôi
Ngươi về chưa tỏ đầu đuôi
Máu ghen nghiền ngẫm nói lời éo le
Dẫu rằng đức Phật từ bi
Ắt là cũng giận huống gì chồng ngươi

Khảo dị:

a. Bản B: *Gẫm* xem báo ứng *nhiệm mầu.*

Chú thích:

1. *Báo ứng*: chữ nhà Phật, ý nói làm thiện thì gặp điều tử tế, làm việc ác thì gặp điều không may.

2. *Khôn lẽ:* khó khăn không làm sao được.

Há rằng việc ấy bởi ai
Mình làm mình chịu trách người sao nên
Tính hay bạo hổ [1] đã quen
Dám tìm chuột Bạch đánh ghen tại nhà
Lại làm xấu bạn đàn bà
Oan lòng tiết phụ nghĩ đà phải chưa?"
Nàng vâng nghe biết sau xưa,
Rằng: "Ơn ông dậy bây giờ mới hay;
Mấy lời nghĩ lại *hổ* thay
Trăng kia đã khuyết khôn xoay được tròn
Trót đà cả giận mất khôn
Bây giờ cắn rốn [2] lại còn được ru!"
Liệu lời sinh mới dạy cho
Lấy đường khuyên giải điển mô [3] mọi lời:
"Việc này cơn cớ vì ngươi
Liệu về nói dỗ chồng nguôi thì là
Muốn cho yên cửa yên nhà
Chẳng gì hơn ở thuận hòa cùng nhau
Dễ ai đội áo qua đầu [4]
Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tầy
Ái ân là nghĩa nặng thay
Vợ chồng há phải một ngày rồi quên
Ở đời vô sự là tiên [5]
Mà điều yên đẹp hơn bên cục cằn
Trót đà cùng chiếu cùng chăn
Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ [6]
Tính sao như thế nước cờ

Chú thích:

1. *Bạo hổ*: gốc ở câu trong sách *Luận ngữ*: "Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối" (Bắt hổ và lội qua sông tay không, chết cũng không trách hối), câu này có ý chê người mạo hiểm vô ích.

2. *Cắn rốn:* dịch nghĩa chữ "Phệ tề", ý nói hối hận.

3. *Điển mô:* đúng mực, do danh từ "Ngũ điển, tam mô" là tên tám thiên trong *Kinh Thư*, trình bày công việc của thánh nhân, để làm mẫu mực chung cho mọi người.

4. *Đội áo qua đầu*: theo ý câu tục ngữ nói người làm việc trái ngược, không thuận lẽ phải.

5. *Vô sự là tiên:* tục ngữ: "Vô sự tiểu thần tiên" (không gây ra việc gì thì được sung sướng như tiên). Ý nói chớ nên gây việc khó vào mình.

6. *Con nhện mấy lần vương tơ*: ý nói đàn bà chẳng lẽ đi lấy chồng mấy lần.

Nghĩ cho một phải hai vừa thì thôi
Chớ toan những sự tranh phôi [1]
Bới bèo ra bọ, tanh hôi cửa nhà
Đàn bà như hạt mưa sa
Gặp sao hay vậy biết là đâu hơn
Dẫu chồng trăm giận nghìn hờn
Cũng nên bấm bụng van lơn dỗ dành
Một câu nhịn chín câu lành
Chớ nên tật đố [2] cậy mình cậy công.
Mới là phải đạo xướng tòng
Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con
Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon
Rang rang [3] thổi hết khéo khôn đàn bà
Mèo lành ở mả [4] đâu là
Của yêu đâu có bầy ra ở ngoài
Thôi đừng đua sức thi hơi
Há rằng ba chốn bốn nơi được nào
Tránh *voi* xấu mặt hay sao
Hãy xem *sứa* vượt được nào qua đăng [5]
Làm chi mặt vược, mặt lăng [6]
Rút dây chẳng sợ động rừng kia ru.
Thi hơi với giải [7] thì thua
Đàn bà đâu có tranh đua cho đành
Kíp toan cải dữ làm lành
Ắt là sum họp *yến anh* một nhà

Chú thích:

1. *Tranh phôi:* tranh giành hơn thiệt.

2. *Tật đố:* ghen tuông, ghen ghét.

3. *Rang rang*: tiếng người ngoài chê cười dị nghị ồn ào.

4. *Mèo lành ở mả*: tục ngữ: "Mèo lành bao giờ ở mả". Ý nói có làm điều tai ác mới sinh có chuyện

5. *Sứa vượt qua đăng*: tục ngữ: "Sứa nào vượt được qua đăng". Đăng là hàng rào bằng tre nứa cắm vòng vòng ở giữa dòng nước chảy để bắt cá. Con sứa không biết nhảy, bị nước đẩy vào trong đăng thì làm sao vượt qua được. Cả câu ý nói: vợ không vượt được chồng.

6. *Mặt vược, mặt lăng*: người có vẻ mặt lầm lầm như mặt cá vược, cá lăng.

7. *Thi hơi với giải*: giải là một loài có mai giống như ba ba và to, sống ở dưới nước lâu mới phải lên mặt nước hút không khí, lặn được rất lâu, vì hơi dài. Cả câu ý nói: làm một việc quá sức mình thì làm sao thắng lợi được.

Dịu dàng phải phép đàn bà
Chẳng thời chua xót lệ sa dòng dòng".
Nàng vâng lời dạy ghi lòng
Trở về van lạy cùng chồng chớ sai.
Hồ sinh về chốn thư trai [1]
Dở nghiên bút mới ghi lời kẻo quên
Nào ngờ vi vật [2] chính chuyên
Rằng *chê* rằng cũng nên khen lệ gì
Cũng hay trinh tiết giữ nghì
Vật còn đường ấy huống chi là người
Ai hay đen bạc biến dời
Tuy người chẳng biết nhưng trời đã hay.
Những người mặt dạn mày dầy
So xem ắt cũng chẳng tầng *muông dê*.
Như lòng chuột Đực khá chê
Toan đường quyến rũ dạ mê đạo lành
Ấy là chuột Bạch chí thành
Ví dù nó chẳng tiết trinh, ra gì!
Thấy chưng quả phụ nhân nghì
Chẳng khuyên đường chính mà mê thói tà
Vậy nên eo óc cửa nhà
Chẳng nhưng chỉ trách đàn bà ngon ghen [3]
Khá khen chuột Bạch trinh kiên
Trăng hoa chẳng tưởng giữ gì tấm son
Dẩu rằng đá lở non mòn
Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dời
Gặp cơn lầm chốn xa vời
Chẳng tham chiều dãi nghe lời *bướm ong*
Mặc ai cợt diễu thử lòng
Gan vàng chẳng chuyển chẳng long chút nào
Đương cơn gặp bước lao đao
Thế mà vẫn được ra vào ấm no
Khá chê *chuột* Cái dại rồ

Chú thích:

1. *Thư trai:* phòng đọc sách.
2. *Vi vật:* giống vật nhỏ bé thấp hèn như chuột chẳng hạn.
3. *Ngon ghen:* hay ghen, thích ghen.

Chồng đi hoa nguyệt chẳng cho được nào?
Phải điều khuyên dỗ thấp cao
Cớ chi đè nén sống dao cậy mình
Làm trai ba bẩy mới xinh
Tài nào mà giữ một mình được ru
Cả ghen nên nỗi cay chua
Chồng ruồng rẫy phải sa hồ càng thương
Người xưa câu ví còn gương:
Đàn bà cả tiếng tan hoang cửa nhà
Sự này dù thực dù ngoa
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình
Xét xem giống vật cho tinh
Mà cơ báo ứng rành rành chẳng sai
Huống chi là đấng làm người
Thừa lòng [1] cho chính nào trời phụ ai!
Tóc tơ một chút chẳng sai
Vậy nên làm chuyện đặt vài lời hoa
Khi rồi, ai muốn ngâm nga
Gọi là theo thói nôm na dõi truyền.

Theo bản phiên âm, chú giải của Trần Văn Giáp, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1959.

Chú thích:

1. *Thừa lòng*: do chữ Hán "Kỳ tâm", nghĩa là: cái lòng của mình, cái bụng dạ của mình...

TUYỂN PHU NGỘ PHỐI TÂN TRUYỆN

(Trích)

TIỂU DẪN

Truyện thơ Nôm *Tuyển phu ngộ phối tân truyện* (Truyện kén chồng lầm) hiện còn một bản Nôm khác in năm Tự Đức 33 (1880) của Cẩm Văn Đường tàng bản, tại Hà Nội, do Lê thị hiệu đính, ký hiệu kho sách Viện Hán Nôm là AB.51. Trước đây có bản phiên âm của Xuân Lan, nhà in Văn Minh, 1913. Trong khi tuyển chọn, chúng tôi chủ yếu sử dụng bản Nôm Tự Đức, và có tham khảo bản phiên âm của Xuân Lan. So sánh hai bản, thì bản Xuân Lan chắc cũng phiên âm từ một bản Nôm tương tự bản Tự Đức hiện còn, trừ một số trường hợp phiên âm chưa chuẩn xác, nói chung giữa hai bản những trường hợp cần khảo dị là không đáng kể. Riêng phần cuối, có lẽ do sơ xuất trong khi phiên âm hoặc trong khi in, nên bản Xuân Lan đã bỏ thiếu mất hai câu 865, 866 như sau:

Phá toang não bể sầu thành,
Thử xem thiên địa đa tình với ai.

*
* *

Tuyển phu ngộ phối tân truyện là một truyện thơ Nôm làm theo thể lục bát, gồm 876 câu. Đây là một tác phẩm khuyết danh. Bản Nôm Tự Đức có đề Lê thị hiệu đính, nhưng cũng chưa rõ họ Lê là ai, và dù sao thì đây cũng chỉ là người hiệu đính chứ không phải là tác giả. Về thời điểm sáng tác tuy không để rõ trong nguyên bản, song căn cứ vào nội dung tư tưởng và những vấn đề được phản ánh trong tác phẩm như việc đề cao vai trò của tầng lớp thương nhân và giá trị đồng tiền, đồng thời căn cứ vào nghệ thuật của tác phẩm như nhiều câu nhiều đoạn chịu ảnh hưởng của *Truyện Kiều* v.v... thì cũng có thể đoán định rằng, tác phẩm này cũng chỉ xuất hiện vào khoảng cuối, Lê đầu Nguyễn, nghĩa là khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.

*
* *

Ngọc Chân là một cô gái tài sắc, con một gia đình trung lưu, đã có nhiều người ướm hỏi, nhưng nàng chưa bằng lòng lấy ai, nàng xin cha mẹ cho được

tự do kén chồng, và nàng đã đặt một phòng tuyển phu (phòng kén chồng) tại nhà. Chẳng bao lâu tin đồn đã lan xa khắp mọi nơi. Thái Chu, một nho sĩ tài hoa, phong nhã, dòng dõi trâm anh, là người đầu tiên tìm đến với Ngọc Chân. Khi Thái Chu đến phòng tuyển phu, Ngọc Chân làm bộ bắc bậc kiêu kỳ, đưa ra những điều kiện chưa có ở Thái Chu để từ chối, rồi lại mắng nhiếc chàng một trận rất thậm tệ. Thái Chu nhẫn nhục lựa lời bày tỏ với Ngọc Chân, nhưng nàng vẫn một mực từ chối. Sau Thái Chu là Xuân Đài, một người bạn học của Chu và cũng là một người thông minh, tuấn tú, nổi tiếng văn chương, thế mà, mặc dầu ăn nói hết sức mềm mỏng, khôn khéo, nhưng cũng vẫn bị Ngọc Chân xỉ vả nhục nhã, phải lủi thủi ra về.

Bấy giờ có Trịnh Tường là một anh chàng giàu có, ăn chơi đã đủ vành, nghe đồn Ngọc Chân nổi tiếng tài sắc, bèn rắp tâm quyết chiếm nàng làm vợ. Sẵn tiền của trong tay, hắn liền thuê Thanh Xuân, một mụ mối vào hạng thượng đẳng băng nhân, thực hiện âm mưu của hắn. Mụ Xuân đã thuê người viết một bức thư tình, rồi lại đem vàng đút lót cho ả Duyên là thị nữ của Ngọc Chân, để ả Duyên đưa mụ vào hầu hạ Ngọc Chân. Khi đã lọt vào được nhà Ngọc Chân, mụ Xuân một mặt ngon ngọt dỗ dành nàng, một mặt ra sức tâng bốc Trịnh Tường: "Khoe rằng dòng dõi trâm anh. Nay mai công toại danh thành chẳng lâu..." Cuối cùng, Ngọc Chân đã xiêu lòng và đồng ý lấy Trịnh Tường.

Lấy được Trịnh Tường, Ngọc Chân những tưởng đã kén được người chồng đúng như ý muốn của mình, nào ngờ sau khi chung sống một thời gian, nàng mới vỡ lẽ, Tường chỉ là một tên vũ phu vô học. Nàng lựa lời khuyên nhủ Trịnh Tường cố gắng học hành thi cử, thì Trịnh Tường chẳng những không nghe mà còn dọa đánh nàng:

Thôi đừng kể lể làm chi,
Để ta là kẻ ngu si thôi mà.
Nàng còn thiển nghĩ không ra,
Cứ gì biết chữ mới là người hay.
Qui gì mà hội rồng mây
Hãy cho giàu có thời đây đủ tài.
Sách rằng giáo phụ sơ lai,
Nàng còn nói chữ thì hay phải đòn.

Thế là "Già kén kẹn hom"! Nàng chỉ còn biết ôm hận một đời:

Khóa xuân kể bấy nhiêu niên,
Chọn hương kén vị mà nên chuyện thừa.

Nội dung chỉ có vậy, tình tiết, mâu thuẫn trong truyện đều không có gì ly kỳ, phức tạp. Tư tưởng chủ đề của tác phẩm do đó cũng dễ thấy. Ở đây, tác giả muốn qua sự việc kén chồng của một cô gái trẻ đẹp, nhưng hợm hĩnh, đ...

nêu lên một bài học cho nữ giới, như câu kết của truyện đã ghi:

Làm gương thục nữ đương thì,
Nên coi cho tỏ kẻo khi mà nhầm!

Truyện có cấu trúc theo kiểu ngụ ngôn dân gian, lời thơ thanh thoát, rất ít dùng điển cố, và có nhiều đoạn thấy khá rõ hơi hướng của văn chương *Truyện Kiều.*

Ý nghĩa trào phúng của truyện từng được giới sân khấu trước đây khai thác để đưa lên sân khấu chèo. Theo *Thực nghiệp dân báo* số ra ngày 8 tháng 7 năm 1929, thì rạp Sán Nhiên đài năm đó đã diễn vở chèo *Tuyển phu ngộ phối,* và giới thiệu như sau: "Một cô gái tài học có thừa, vì kiêu kỳ bị làng văn chơi chua, cho một anh chồng mít đặc, đến nỗi khi đến cửa công bị làng văn mỉa mai chế giễu, nhiều đoạn bông lơn không nín cười được".

*
* *

Sau đây là phần văn bản phiên âm, có kèm theo khảo dị và chú thích (Trích 226 câu trong tổng số 876 câu thơ lục bát).

Đoạn mở đầu, nói về việc Ngọc Chân kén chồng:

Cõi người gương mắt cân tình,
Coi đi nhắc lại tinh bình dễ đâu.
Chuyện đời ngẫm nghĩ cũng mầu [a]
Chọn vàng mà lại phải thau lạ lùng.
Gẫm cơ tạo hóa cho cùng,
Vẫn hay [b] cái kiếp má hồng đa truân.
Có người tên gọi Ngọc Chân
Trông chiều cũng lịch, coi xuân cũng tình.
Da tuyết trắng, tóc mây xanh,
Gương trong chải chuốt, ngọc lành hoa tươi.
Hình dung nhan sắc vẹn mười,
Da tươi phải khoảng nữ tài nở nang.
Khuê nghi khổn phạm giữ gìn,
Biết người giâm ngọc Lam Điền là ai [1]
Nghĩ mình mang lấy sắc tài,
Kén đôi phải lứa kẻo hoài ngày xanh.
Hương lân nhiều kẻ rắp danh
Song đường chừng đã ép tình một hai
Nàng rằng tác hợp bởi trời
Tước bình xin hãy đợi người bắn tin [2]

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: Chuyện đời ngẫm nghĩ *có mầu.*

b. Bản Xuân Lan: *Mấy hay* cái kiếp má hồng đa truân.

Chú thích:

1. *Giâm ngọc Lam Điền:* giâm có nghĩa như giâm cành, ươm cây, Lam Điền là ngọn núi có ngọc quí nổi tiếng, thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc xưa. Cả câu này và câu trên ý nói: Giữ gìn dung nghi (khuê nghi) và đức hạnh (khổn phạm) của người con gái cho tốt, để rồi xem người giâm ngọc quí là ai đây? Nghĩa là chàng trai nào sẽ trân trọng giá trị của mình đây?

2. *Tước bình*: theo điển tích thời Đường, có người muốn kén rể, bèn làm bức bình phong có vẽ hai con công (khổng tước) hẹn hễ ai bắn hai phát tên trúng vào mắt hai con công thì người ấy gả con gái cho. Mấy chục người dự thi đều bắn trượt. Cuối cùng, có Lý Uyên tức sau này là vua Đường Cao Tổ, bắn trúng, nên được lấy cô gái. Về sau, trong văn học Nôm cũng dùng từ *tước bình:* bình phong vẽ chim sẻ, (và văn học Nôm cũng dùng từ *bắn sẻ)* để chỉ việc đi hỏi vợ, kén vợ hoặc nhắm nhe một cô gái nào làm vợ. Đây là một xu hướng giản lược hóa trong ngôn ngữ, từ *tước bình* vốn là do từ *Khổng tước bình* mà ra; nhưng vì đã bỏ chữ *khổng* nên người ta chỉ dịch chữ *Tước* là chim sẻ mà thôi.

Một mai nguyện được như nguyền
Tóc tơ may họa báo đền biển non.
Song đường nghe giải tấc son,
Chiều lòng cho được vuông tròn chữ duyên.
Tuyển phu riêng mở một hiên,
Chiếu hoa ngoài đặt, màn tiên trong bày
Chư kim lan [1] kén những ngày
Cầm thi mấy kẻ, thêu may mấy người.
Phong hoa tuyết nguyệt ngâm cười
Nữ lưu mà cợt những người phong tao...

Đoạn nói về Thái Chu, người đầu tiên đến nơi tuyển phu của Ngọc Chân

Có người tên gọi Thái Chu
Cõi hiền rong ruổi dòng nho vẫy vùng
Trâm anh vốn vẫn nối dàng
Rất chiều phong nhã vào nhòng tài hoa
Nghe tin có ả Hằng Nga
Đủ khuôn tài điệu cũng nhà thư hương
Thiên Thai lối chửa được tường
Cho người đi dạo tìm đường mối manh
Được băng nhân tới lữ đình
Hàn huyên chưa ngỏ bụi trần tiêu hao
Rằng từ nghe tiếng má đào
Phòng văn luống những khát khao bấy chầy
Chẳng nề muôn dặm dường mây
Dám đem tâm sự giãi bày trước sau
Người hàn uyển khách Tần lâu [2]
Sông Ngân mượn thước bắc cầu nên chăng [3]
Nói thôi mụ mới thưa rằng
Đào tiên xa rứt quế giăng cao cùng

Chú thích:

1. *Kim lan*: chỉ bạn bè thân thiết, cùng chí hướng. *Chư kim lan* là các bạn bè.

2. *Hàn uyển:* vườn bút, vườn văn, cũng như hàn lâm, chỉ nơi văn chương, người hàn uyển cũng như nho sĩ. *Tần lâu*: lầu Tần, do Tần Thủy Hoàng sai xây dựng nguy nga tráng lệ. Chỉ nơi ở của người con gái đẹp.

3. Đây mượn tích cổ (chim thước bắc cầu qua sông Ngân cho Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau hàng năm) để ướm hỏi việc Thái Chu muốn kết duyên với Ngọc Chân.

Chẳng phê lệ tiếng quản công [1]
Vâng ra lệ sự chẳng xong ngại lời
Xin đưa chàng được tới nơi
Nông sâu thử ý gần khơi [2] ướm tình
Cầu hoàng gảy khúc đàn tranh [3]
Chàng Tương ả Trác nguyện manh mối nào [4]
Ra tay mở khóa động đào
Trùng quan chi đợi chiêm bao khó lòng
Chàng vâng tới trước lầu hồng
Người bèn đánh tiếng hương phòng biết tin
Sai đòi thị nữ tên Duyên
Rằng nghe [a] có khách gần miền lại chơi
Cho ra ướm hỏi mấy lời
Dọc ngang dò thử vắn dài đo qua
Chu lang chợt thấy Duyên ra
Lạnh lùn xuân thủy chói hoa yêu đào
Sóng tình chừng đã xiêu xiêu
Dường nơi dưới trướng xiết bao trên màn
Vừa đương dạ nghĩ lòng bàn
Duyên đà tới trước nhặt khoan thưa chào
Chủ rằng khách ở lầu nào
Gót trần đâu bỗng lạc vào động tiên
Chàng nghe giọng đã pha phèn [5]
Ngọt ngào sẽ tới trước hiên tự tình
Rằng trong duyên nợ ba sinh
Há rằng gió lá chim cành như ai
Tuyển phu lừng lẫy tiếng ngoài

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: *Nghe tin* có khách gần miền lại chơi.

Chú thích:

1. Cả câu ý nói: Chẳng đáp ứng thì lại e rằng mang tiếng tiếc công sức.

2. *Khơi*: xa

3. *Cầu hoàng*: tức khúc đàn "Phượng cầu hoàng", do Tư Mã Tương Như đánh để tỏ tình với nàng Trác Văn Quân, sau Văn Quân cảm tiếng đàn, bỏ nhà trốn theo Tương Như. Đây chỉ việc chàng Thái Chu muốn tỏ tình với nàng Ngọc Chân.

4. *Chàng Tương ả Trác*: tức Tư Mã và Trác Văn Quân.

5. *Giọng đã pha phèn:* phèn tức phèn chua, ý nói giọng nói chua ngoa.

Bấy lâu rắp bắn một bài tin xuân
Bồng doanh mây nước mấy lần
Xa xôi những ngại khôn phần tới nơi
Nào hay kim cải duyên dời
Thầm xui lặng khiến xa khơi nên gần
Thực là túc trái lương nhân [1]
Duyên tơ như dắt dần dần lại đây
Sự trăm năm bởi ngày nay
Muôn đường âu cũng cậy tay Gió dì [2]
Nghe lời Duyên vội gạt đi
Rằng tôi lả phận thị nhi thấp hèn [a]
Lược khăn khuôn xếp giữ gìn
Biết đâu anh yến cần quyền dám đang
Chàng rằng tiên cấm nghiêm trang
Lá thơ đề đoạn cửa hang còn cài
Tình sâu nên phải vật nài
Trăm nghìn hãy giúp một vài tiếng nao
Họa chi chỉ rút tơ trao [b]
Nghĩa dày ơn nặng nhẽ nào dám khuây
Giọng tình năn nỉ êm thay
Duyên vâng trở lại song mây trình rằng:
Bấy lâu then khóa khăng khăng
Những là khép cửa đẩy trăng trả giời [c]
Khách đâu khéo giãi trăm bày [d]
Thấy người rặt thấy những lời trăng hoa
Nàng nghe nói hết gần xa

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: Rằng tôi vá phận thị nhi *phận hèn.*

b. Bản Xuân Lan: Họa *là chỉ nối* tơ trao.

c. Bản Xuân Lan: Những là khép cửa *cung trăng đợi thời.*

d. Bản Xuân Lan: Khách đâu *khéo giãi tai bời*

Chú thích:

1. *Túc trái:* mối duyên nợ có từ kiếp trước; *lương nhân:* mối nhân duyên tốt đẹp.

2. *Gió dì:* tức dì Gió, đảo lại cho hiệp vần, dì Gió là thần Gió trong thần thoại Trung Quốc; đây chỉ người mối lái, xe chỉ, giúp đỡ cho thành vợ thành chồng.

Gót sen [(a)] nhè nhẹ bước ra tuyển đường [1]
Nhác trông đã thấy Chu Lang
Sai hầu pha nước dâng thang [2] chào mời
Chàng coi [(b)] phong vị khác đời
Giở cầm thi vịnh ngâm lời non sông
Rằng nghe thấy tiếng má hồng
Phượng hoàng e lệ ngô đồng cành cao
Rắp toan bẻ liễu vin đào [(c)]
Đông quân [3] phân phó nhờ chiều bao dung
Nàng rằng nói chẳng thẹn lòng
Dám gan bắt hổ vượt sông gớm đời
Phỏng như đo được mấy hơi
Cũng toan thi gió với trời được bao
Phải hồng hãy tập bay cao
Tên treo bảng hổ tơ trao họa là
Hạc đâu [(d)] dám đứng với gà
Trúc đâu dám để tước ra đậu cùng
Cũng đòi đề lá thả sông [4]
Cũng đòi học một khúc đồng Tương Như [5]
Thôi đừng tập giọng cầm thư
Nữa hao giấy khách, nữa hư bút tàu

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: Gót *tiên* nhè nhẹ bước ra tuyển đường.

b. Bản Xuân Lan: *Lặng trong* phong vị khác đời.

c Bản Xuân Lan: *Rắp gai* bẻ liễu *vén* đào.

d Bản Xuân Lan: *Phụng* đâu dám đứng với gà.

Chú thích:

1. *Tuyển đường*: nhà kén chọn chồng, căn phòng dùng làm nơi kén chồng.

2. *Thang*: nước nóng. Đây chỉ chén nước chè nóng.

3. *Đông quân*: cũng như Đông hoàng, tức chúa xuân.

4. *Đề lá thả sông*: tích cũ kể về người cung nữ đề thơ trên chiếc lá đỏ rồi thả từ ngòi nước trong cung ra, sau có người bắt được lá ấy và lấy người cung nữ làm vợ; đây mượn từ "đề lá thả sông" để chỉ việc tỏ tình.

5. *Khúc đồng Tương Như*: tức khúc tơ đồng, khúc đàn của Tương Như (xem lời chú thích các câu 71, 72 ở đoạn trên).

Ở đây là chốn hà châu [1]
Đợi người quân tử hảo cầu sẽ hay [2]
Chàng [a] nghe lời nói chua thay
Liệu chiều phen nữa họa may ăn nhời
Rằng mang tai mắt ở đời,
Nhẽ nào chẳng rõ những người thanh tao
Ngọc mà giữ mãi giá cao
Để cho đi lại biết bao thiệt thòi...
Nàng rằng thôi chớ rậm lời
Vườn xuân vẫn đợi kén người tìm xuân.
Chưa ai ra xứng Châu Trần [3]
Những là lên mặt Tề nhân thì đầy [4]
Thấy người thấy những dong dài [b]
Chẳng rằng có vững anh tài hay không
Còn quen ghẹo phấn cợt hồng
Thế nào cũng gặp thẹn thùng có phen
Chu nghe chiều chẳng hợp duyên

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: *Lặng nghe* lời nói chua thay.

b. Bản Xuân Lan: Thấy người thấy những *chương dài*.

Chú thích:

1. Dựa theo ý mấy câu thơ trong *Kinh Thi:* "Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu" (Chim thư cưu kêu quan quan, ở trên bãi sông, người thục nữ yểu điệu, đẹp đôi cùng chàng quân tử). Chỉ việc vợ chồng đẹp đôi vừa lứa. Ở đây ý Ngọc Chân muốn nói mình là người con gái vừa đẹp vừa đức hạnh, nhưng còn xem người con trai có xứng đôi không rồi sẽ hay.

2. Xem chú thích 1.

3. *Châu Trần:* tên một thôn cổ thuộc huyện Phong, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, trong thôn chỉ có hai họ Châu, Trần, đời đời làm thông gia với nhau. Do đó, từ Châu Trần trong văn học dùng để chỉ việc hôn nhân.

4. *Tề nhân:* người nước Tề, chỉ tích truyện trong sách *Mạnh Tử* (Ly lâu hạ), nói về một người nước Tề có thói huênh hoang, thường đi nhặt mót rượu thịt người ta tế mộ ở các bãi tha ma để ăn uống, rồi về nhà lại vênh váo nói với vợ là do các bạn bè giàu sang thết đãi. Đây mượn tích này để nói Thái Chu là người lên mặt huênh hoang, chứ không có thực tài.

Sè đem vó Ký [1] lên yên ra về [a]
Vừa đi vừa hận nhiều bề [b]
Vừa say vừa tiếc để huề dặm mai.

Đoạn miêu tả tâm trạng Ngọc Chân sau khi lấy nhầm phải Trịnh Tường, và đoạn kết thúc truyện.

Có khi gió mát trăng thanh
Nghĩ mình mà tiếc cho mình xót xa
Ví không lau ngọc chuốt ngà
Phỏng như nát nhị trôi hoa cho đành
Độc ngầm chi lắm trời xanh
Mà đem con cú đỗ cành hoa mai
Có khi ngọc nát vàng phai
Như ai tang bộc dông dài cũng xong
Kể bao xạ ướp hương xông
Kể bao điểm phấn tô hồng bấy lâu
Nào người kén ngọc tìm châu
Nào người đài các công hầu là ai
Phí công lược giắt trâm cài
Phí công nghiên bút thiệt đời tinh anh
Giận thay kẻ thiết người thanh
Kẻ coi như ngọc người khinh như bùn
Biết bao sông cạn đá mòn
Mà mong gương tỏ trăng tròn như ai
Xe dây sao chẳng thẳng tay
Còn ai chăng lệch thế này nữa không
Xưa sao ông Nguyệt chính công
Giờ sao ông Nguyệt ra lòng thiên tư

Khảo dị:

a. Bản Xuân Lan: Sẽ đem *vó ngựa* lên yên ra về.

b. Bản Xuân Lan: Vừa đi vừa *giận* nhiều bề.

Chú thích :

1. *Vó Ký:* ngựa Ký ngựa Kỳ là hai giống ngựa quý thời xưa, cũng gọi ngựa thiên lý, (giống ngựa ngày đi ngàn dặm).

Hay là vò rối dây tơ
Hay là già lẩn ngẩn ngơ xe lầm
Trước là thẹn mặt tri âm
Sau là thẹn kẻ hữu tâm với mình
Đố ai gỡ được mối tình
Đố ai giải được chuyện mình cho khuây
Mặc người Tần Tấn mưa mây
Cái thân bồ liễu biết ngày nào an.
Khi nào thấm tiết bạc gan
Muôn nghìn cái số hồng nhan bây giờ
Vì ai nhện phải vương tơ
Xem nhầm con mối đong đưa đến điều
Cũng là một kiếp má đào
Kẻ nơi quyền quý người vào ngu dân...

*
* *

Buồn trông hây hẩy gió đông
Vẻ đào kém thắm màu hồng kém tươi
Buồn trông chum chúm hoa cười
Nghĩ mình mà thẹn với người biết hoa
Buồn trông phơi phới tuyết sa
Miệng ngâm cảnh tuyết mà ra cảnh mình
Buồn trông leo lẻo trăng thanh
Hằng Nga hớn hở mà mình châu chan
Khen người bày kế gian ngoan
Khóa vàng giấu giếm mở càn mà ra
Khóa sầu đóng nguyệt cài hoa
Bữa thường khuây khỏa được và bốn phân
Cớ sao cái thói hồng quân
Chỉ hay thâm oán hồng quần mà thôi
Ví mà lên được thiên đài

Quyết đem trời xuống trần ai giải tình
Hỏi rằng nhầm nhặt tại mình
Hay là duyên kiếp nợ tình bao nhiêu
Thôi đừng oán ít than nhiều
Thôi đừng nghĩ ngợi những điều gần xa
Trông xuân mà thẹn với hoa
Tưởng thu mà thẹn trăng già chẳng công
Biết thì chẳng ố màu hồng
Xuân đường cài khóa thu phòng đóng then.

*
* *

Ai ngờ hẩm phận ôi duyên
Chí không như chí để nên cực lòng
Trêu ngươi chi lắm hóa công
Thuyền quyên chẳng biết anh hùng thì thôi
Dẫu sao ngọc lẫn đá vôi
Cũng liều cái nợ cho rồi trăm năm
Đêm xuân giọt ngọc đầm đầm
Cũng liều bằng chẳng ôm cầm thuyền ai
Càng cho giọt ngọc càng dài
Càng dong xuân lắm càng ai tưởng nhiều
Nghĩ đi nghĩ lại trăm chiều
Chỉ đem lòng trắng phó liều trời xanh
Phá toang não bể sầu thành
Thử xem thiên địa đa tình với ai
Thái Chu với lại Xuân Đài
Vẫn nhà dòng dõi khác loài người ta
Hai người thi đỗ hai khoa
Hai người cùng chiếm Thám hoa bảng rồng
Lan lan quế quế trùng trùng
Đua nhau đoạt gấm tranh hồng tốt tươi

Mạnh tay góp nhặt truyện người
Ghi vào một tập xem chơi cũng kỳ
Làm gương thục nữ đương thì
876 Nên coi cho tỏ kẻo khi mà nhầm.

Phiên âm từ bản Nôm Cẩm Văn Đường, ký hiệu AB.51.
(Thư viện Viện Hán Nôm).

TỪ THỨC

TIỂU DẪN

Theo sách *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ (thế kỷ XVI) câu chuyện Từ Thức có thể tóm tắt như sau:

Từ Thức vốn là người ở Hóa Châu, làm Tri huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Năm Quang Thái thứ 19 (1396), Từ đi chơi hội mẫu đơn, gặp cô gái đang bị nhà chùa bắt giữ, vì cô đã vô ý làm gãy cành hoa. Từ cởi áo gấm chuộc lỗi cho nàng. Ai cũng khen Từ hiền đức. Nhưng vốn tính say mê nghệ thuật, rượu cờ, Từ làm việc quan một cách biếng nhác. Bị cấp trên quở phạt, chàng treo ấn từ quan đi ngao du sơn thủy. Một ngày đến huyện Tống Sơn (tức là Hà Trung ngày nay) ở Thanh Hóa, Từ thấy một trái núi đẹp xuất hiện ngoài cửa biển Thần Phù, liền chèo ra xem, đề thơ ngắm cảnh. Bỗng thấy núi nứt ra một cái hang, khi Từ bước vào thì cửa hang khép lại. Hai cô gái hầu áo xanh đã chực sẵn, mời Từ vào yết kiến chúa tiên. Bà chúa xưng là Ngụy phu nhân, sau khi giới thiệu nơi đây là núi Phù Lai, động thứ 6 trong 36 động, và cho Từ biết là Từ sẽ được kết duyên với con gái bà là Giáng Hương, để báo đền ơn trước. Giáng Hương chính là người con gái làm gãy cành hoa ngày xưa. Lễ cưới được tổ chức ngay, có nhiều tiên đến dự; bà Kim Tiên làm chủ cuộc vui. Từ được sống những ngày hạnh phúc.

Được một năm, Từ nhớ nhà, thường làm thơ để tả nỗi niềm tâm sự. Trông ra bể, thấy thuyền buôn đi về phương Nam, chàng càng tha thiết nhớ làng quê, mới xin về thăm nhà. Ngụy phu nhân và Giáng Hương đều ngậm ngùi, thương Từ còn nặng lòng trần tục. Họ đành sắp xếp cho chàng về, sắm một cỗ xe, gửi một phong thư lụa. Từ về đến nhà thì quê hương đã đổi khác. Một năm ở tiên giới bằng một trăm năm dưới trần. Từ bùi ngùi hối hận, muốn lên xe về cõi tiên, nhưng xe đã hóa thành chim loan bay mất. Lá thư của Giáng Hương đã ghi trước những lời ly biệt. Từ bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi không ai biết tung tích ở đâu nữa.

Truyện kể ở *Truyền kỳ mạn lục* là như vậy. Nhưng tác giả khuyết danh trong bản *Từ Thức tân truyện* lại thêm hẳn một đoạn sau. Ở dưới trần gian, Từ Thức buồn rầu, hối hận, thì trên cõi tiên, Giáng Hương cũng sầu não nhớ chồng. Nàng xin với Kim Tiên cho đón Từ Thức trở lại để được sum vầy. Câu chuyện thành ra có hậu.

*

* *

Truyện *Từ Thức* lâu nay đã được giới nghiên cứu quan tâm. Có ý kiến cho rằng hành động Từ Thức vào cõi tiên là một hình tượng để cụ thể hóa giấc mơ thoát ly hiện thực, chán nản với những cảnh ô trọc của đời. Con người nho sĩ ước mơ một thế giới Bồng Lai. Nhưng ước mơ sao mà thực hiện được. Họ cứ phải quay về với thực tế đau thương. Hình ảnh Từ Thức quay về trần giới, chìm trong dâu bể đổi thay, chính là thể hiện sự bế tắc, cả cõi tiên nữa, cõi tiên đẹp trong tưởng tượng, nhưng không phải đầy đủ hạnh phúc như người đời nghĩ, mà cũng chứa đầy dằn vặt, ngổn ngang. Lê Quí Đôn đã rất tinh vi khi nhận xét:

Thế gian khổ tác Thiên Thai mộng
Thùy thức Thiên Thai diệc hí trường!
(Thiên Thai bao kẻ từng xây mộng
Nào biết Thiên Thai cũng hí trường)

Cũng có khuynh hướng cho rằng *Truyện Từ Thức* mang nghĩa thiết tha với quê hương chôn rau cắt rốn. Người xưa quan niệm tiên giới là cảnh đẹp, nhưng cũng không bằng nơi chôn rau cắt rốn. *Truyện Từ Thức* biểu hiện rõ rệt về tấm lòng quê: Quê hương có thể mộc mạc, nghèo nàn và không hiếm những nỗi bất bình, nhưng không một ai có thể rời bỏ được.

Riêng *Từ Thức tân truyện* của tác giả khuyết danh lại mang ý nghĩa khác hẳn: Tác phẩm gợi ra một khuynh hướng hoàn toàn trữ tình, gác bỏ mọi ý nghĩa khách quan, không chú ý đến những tư tưởng thoát ly yếm thế, những màu sắc tiên phật hoang đường, mà hoàn toàn là câu chuyện tình duyên trọn vẹn. Ba nhân vật chính trong truyện (Từ Thức, Giáng Hương và Kim Tiên) đều là những tâm hồn phong phú, tha thiết với yêu đương. Tác giả khuyết danh đã xoay hẳn chủ đề quen thuộc của cổ tích trong *Truyền kỳ mạn lục,* và cũng thể hiện một trình độ nghệ thuật khá điêu luyện, vững vàng. [1]

Văn bản truyện Nôm Từ Thức hiện có: (gọi theo A, B, C)

A. *Từ Thức tân truyện,* Quan Văn Đường tàng bản, khắc in năm Duy Tân, Nhâm Tí (1912), tại Thư viện KHTƯ, ký hiệu AB. 213 (Ký hiệu này chung cho cả mấy cuốn truyện đóng chung với nhau. Ký hiệu riêng phần truyện Từ Thức là AN.216). Truyện dài có 608 câu lục bát.

B. *Từ Thức tân truyện* (Quốc ngữ) do Nguyễn Ngọc Xuân phiêm âm, (nhà in Văn Minh, Hải Phòng - Hà Nội xuất bản năm 1919).

Hai bản này cùng nội dung kết cấu, số lượng câu như nhau, trừ một số ít chỗ dị đồng.

C. *Truyện Từ Thức* (Quốc ngữ), Nhà xuất bản Văn học in năm 1963. Cuốn này do Vũ Ngọc Khánh soạn. Soạn giả đã căn cứ vào bản A, B trên đây, cùng với một bản chép tay chép được từ năm 1950, để hoàn thành một số bản có khả năng đúng nhất. Việc biên soạn đã được tiến hành công phu, đồng

---

1. Xem phần khảo luận trong *Truyện Từ Thức* (Văn học, H., 1967.).

thời với một công trình khảo luận tương đối nghiêm túc. (Ở sách này soạn giả còn cung cấp thêm các vở *Chèo Từ Thức,* các thơ văn viết về Từ Thức và về *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai.* Đặc biệt có in thêm truyện Nôm *Từ Thức tiên hôn.* Truyện này do Lê Khắc Khuyến, hiệu Nguyệt Đình, người xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa soạn. *Từ Thức tiên hôn* viết theo đúng cốt truyện ở *Truyền kỳ mạn lục,* nội dung phần cuối khác với *Từ Thức tân truyện.* Tác phẩm đã xuất bản bằng Quốc ngữ sau năm 1920).

Dưới đây, chúng tôi sử dụng bản C, tức là bản *Truyện Từ Thức* của Vũ Ngọc Khánh (năm 1963), và một lần nữa, điểm lại các bản A, B nói trên để làm khảo dị [1].

---

1. Gần đây, (1988) Nhà xuất bản Thanh Hóa có cho in cuốn *Truyện Từ Thức* khổ nhỏ, dạng phổ thông, do Mai Thị Ngọc Chúc biên soạn. Văn bản dựa theo bản 1963 của Vũ Ngọc Khánh, nên chúng tôi không sử dụng cuốn này nữa.

Buồng văn hiu hắt canh tàn,
Đêm thu trăng lọt cửa đan gió lò[1]
Càng khêu đèn hạnh nhỏ to,[2]
Giở xem lục cựu thấy pho truyện kỳ.[3]
Trần triều gặp hội thanh di,[4]
Nhân ra bốn bể, chính về trăm quan.[5]
Khang cù tiếng hát dậy vang,[6]
Chắp thơ giải uẩn[a] phím đàn nam phong.[7]
Tống Sơn cấu khí thần đồng[8],
Họ Từ tên Thức vốn dòng thư hương.
Tràng thu, cướp giải văn chương,[9]
Tuổi xanh nức tiếng, đền vàng biết tên.
Móc mưa nhuần đội ơn trên,
Xuất thân huyện tể, nhiệm miền Tiên Du.[10]
Trung thanh hai chữ đội đầu,[11]
Vóc rồng lẫn cá, dao trâu[b] thí gà.[12]

Khảo dị:

Bản B:

a) Chắp thơ giải *huấn*.

b) ... *dao châu* thí gà.

Chú thích:

1. *Cửa đan*: cửa phên có ô.
2. *Đèn hạnh*: đèn dầu lạc, bấc nhỏ (đèn hạt hạnh).
3. *Lục cựu*: sách cũ.
4. *Thanh di*: nghĩa như thanh bình.
5. Ý nói chính sách nhân từ ban ra khắp thiên hạ, quan lại trông coi việc chính sự đầy đủ.
6. *Khang cù*: con đường lớn.
7. *Giải uẩn*: cởi mối giận. *Nam phong*: tên một khúc ca. Ý nói thời thanh bình như thuở vua Thuấn gẩy đàn, cởi mở nỗi phiền của dân chúng.
8. Ý nói: đất Tống Sơn chung đúc được người trẻ tuổi tài giỏi.
9. *Tràng thu*: kỳ thi tổ chức vào mùa thu.
10. *Huyện tể*: quan đứng đầu một huyện.
11. *Trung thanh*: trung thành và trong sạch.
12. Ý nói: người xuất sắc ở lẫn với người kém. Tài to mà làm việc nhỏ.

Cam đường bóng ngả tà tà, [1]
Gió xuân quyến gót mưa hòa dặm khơi.[a]
Chiếu chăn một cõi thảnh thơi,
Sửa sang cây đức, tài bồi [b] nền nhân.
Thanh bình chưa dễ đâu hơn
Phương vui thỏ cõi, hùm vờn nhện sông [2]
Tấc lòng giữ phép phụng công [3]
So bề phủ tự, đáng phòng tuần lương[4]
Huyên hòa vừa tiết xuân sang, [5]
Dũ hiên tơ liễu, đưa tường thoi oanh, [6]
Gần miền một áng thiền quynh, [7]
Nức nô cảnh Phật, linh đình hội xuân.
Thắm vàng là lượt chen chân,
Cuộc vui mã tích, xa trần thiếu ai. [8]
Yến cư thong thả ngày dài, [9]
Khiến lòng quan khách say mùi thuyền gia[10]
Vó câu lẵng đẵng đường hoa,
Một vài tiểu lại, dăm ba hề đồng.[11]
Trải xem phạm vũ mấy trùng, [12]

Khảo dị:

Bản A:

a) ... mưa hòa dặm *xe.*

... một cõi công thă (?)

b) ... *lấy* đức, *vỗ về lấy* nhân.

Chú thích:

1. Mượn tích xưa để nói người làm quan được dân kính phục.
2. Ý nói khắp nơi đều yên ổn, tuân theo phép nước.
3. *Phụng công*: giữ gìn phép tắc.
4. *Nhòng*: tiếng cổ, có nghĩa là cao. Phong tao tài điệu rất *nhòng* ai so (Hoa tiên).
Phủ tự: vỗ về chăm sóc.
Tuần lương: ông quan có đức.
5. *Huyên hòa:* ấp áp.
6. Ý nói mùa xuân đến (liễu rủ bên hiên, oanh liệng như đưa thoi bên tường).
7. *Thiền quynh*: cửa chùa.
8. *Mã tích*: dấu chân ngựa; Xa trần. bụi xe.
9. *Yến cư:* nhàn hạ.
10. *Thuyền gia:* nhà chùa.
11. Ý nói đi theo Từ Thức, có một người hầu cận.
12. *Phạm vũ:* cảnh nhà Phật (chữ Phạm dành riêng cho nhà chùa, như chữ phạm lâm, phạm đường).

Ao sen rủ biếc, sân tùng tán xanh. [1]
Tiếng tiu, tiếng cảnh rập rình, [2]
Cầu phan phổ độ, quyển kinh sấm cầu. [3]
Tiệc thôi kẻ trước người sau,
Bóng hà tu đã gác đầu non tây. [4]
Một chiền, một cảnh, một thầy, [5]
Dặm hòe vắng khách, am mây thưa người.
Góc tường gió thật nắng soi,
Lá ngan ngát rụng, chim thoi thót về. [6]
Chàng còn lẩn thẩn trước hè,
Dừng chân sực thấy hương khuê một người. [7]
Nữ đằng vấn vít chồi mai, [8]
Mắt ngừng lệ ngọc, má thôi thức đào. [9]
Hoa buồn, lệ ủ trăm chiều,
Nhường đau Tây tử, nhường liều Lục Châu. [10]
Cành lê như khuất bóng lầu
Mây lần lệch mái, trăng thâu chênh vành[11]
Tuy chưa giáp mặt bày tình,
Vì say vẻ phượng, dễ khuynh tơ tầm[12]
Giục đồng, vẫy tiểu hỏi thăm:
"Ấy ai mắc bối lỗi lầm bởi sao?
Đèn từ dầu sáng bóng cao,
Chẳng soi cho thấu, nỡ nào phấn vương".(?)
Thấy lời gạn gục sự nàng, [13]

Chú thích:

1. Lá sen nở xanh trên hồ, cây tùng xòe tán trước sân.
2. *Tiu, cảnh:* hai thứ nhạc khí.
3. Ý nói việc cúng lễ, đọc kinh trước bàn thờ Phật.
4. *Hà tu:* nắng trời buổi chiều.
5. *Chiền:* ngôi chùa.
6. *Thoi thót:* lác đác.
7. *Hương khuê:* phòng đẹp của con gái. Đây ý nói cô gái khuê các.
8. Ý nói cô gái bị trói vào gốc cây (như cây đằng quấn vào cây mai).
9. *Ngừng:* tiếng cổ, có nghĩa là ứa nước mắt.
10. *Tây tử:* Tây Thi, người đẹp thời Chiến Quốc; *Lục Châu:* người đẹp, vợ của Thạch Sùng, không chịu thất tiết với Tôn Tú.
11. *Mây tần:* chỉ vào lông mày. *Trăng thâu:* chỉ vào khuôn mặt. Ý tả sự thiểu não của Giáng Hương.
12. *Tơ tầm:* ý nói tơ lòng. Từ Thức thấy nàng đẹp nên lòng xao xuyến.
13. *Gạn gục:* tiếng cổ, căn vặn.

Tiểu rằng: "Khách ấy xa đường tới đây,
Mẫu đơn hoa nở đầy đầy,
Mảng lòng quyến nhị, quá tay vin cành. [1]
Vì hoa mở hội Phật đình,
Đã khi sa sẩy phải canh đám rời". [2]
Chàng nghe tiểu nói ngậm ngùi,
Chạnh bề tiếc ngọc, ngỏ [a] lời van lơn:
"Vẻ chi một đóa mẫu đơn,
Màu hồng chưa dễ trọng hơn má hồng.
Sẩy tay trót đã thẹn lòng,
Bây giờ nước đổ khôn mong vét đầy.
Khách xin làm lễ tạ vay, [3]
Cởi trao cẩm bạch, đổi thay xuyến vàng
Gọi là chuộc lỗi cho nàng,
Thôi đừng nặng nhẹ nữa càng tủi hoa".
Tiểu rằng: "Đây cảnh chiền già,
Bồ đề cây cả bóng xa hẹp gì.
Khách mà còn nặng lòng vì,
Xem cho đâu dám, dạy thì phải vâng".
Từ lang khấp khởi lòng mừng
Hoa may dun dủi, các Đằng gặp nhau [4]
Lần tơ tay gỡ mối sầu,
Đỡ hoa trận gió, nâng châu bóng dầm. [5]
Vén mây mở mặt trăng rằm,
Vành đan quế đã tối sầm, lại trong. [6]
Trước hiên đã đặt quần hồng,
Ngỏ lời nàng mới tạ lòng Từ lang:

Khảo dị:

Bản A, B:

a) ... tiếc ngọc, *nhỏ* lời...

Chú thích:

1. Ý nói Giáng Hương quá thích mẫu đơn nên đã bẻ một cành.
2. Lời chú tiểu, nói nhiệm vụ mình phải gác giữ người bị trói.
3. *Tạ*: đền đáp.

Vay: giúp hộ. Từ Thức xin bồi thường, đền lỗi cho nàng.

4. *Các Đằng:* lấy điển Vương Bột làm bài phú gác Đằng, để chỉ vào duyên may gặp gỡ.
5. Đỡ cho hoa khỏi bị đánh, vớt hòn ngọc dưới nước lên.
6. Đan quế (màu son, cây quế): chỉ vào mặt trăng.

"Thiếp nay son phấn phận thường,
Vì yêu hoa đã bẽ bàng với hoa.
Một lời vàng ngọc trao ra,
Tưởng công đức ấy biết là để đâu.
Lấy gì trả được ơn sâu,
Thiếp đành thẹn với trên đầu xanh xanh".
Dịu dàng tiếng nói vẻ thanh,[a]
Càng như xui khách vẩn quanh tấc niềm [1]
Rằng: "Khi lửa cháy lan thềm,
Dẫu gan sắt đá [b] cũng mềm lọ ai.
Đã yêu nhau [c] dám tiếc lời,
Miễn là khỏi lụy đến người hồng nhan.
Há rằng đâu dám làm ơn,
Xét [d] lòng cho, ấy là hơn đền bồi.
Nay [e] đà giáp mặt rõ mười,
Lượng xuân xin đoái đến người tấc công.[g]
Để [h] cùng nguyện trước cửa không,
Tạc ghi hai chữ: tâm đồng nên chăng?" [2]
Dứt lời nàng mới thưa rằng:
"Niềm ân ái ấy, đãi đằng xiết đâu,[3]
Lọ là thề trọng nguyền sâu,
Thiếp vàng minh khắc, dám đâu quên lòng.[4]
Bây giờ chưa tiện gạn gùng,
Dám xin nghĩa ấy để lòng mà thôi".
Từ lang vừa rắp trả lời,

Khảo dị:

Bản A:

a) ... tiếng nói *thanh* thanh

b) Dẫu rằng lòng đá cũng mềm...

c) Đã yêu, *đâu* dám...

d) *Biết* lòng cho...

e) *Song* đà...

g) *Duyên này có kẻ xe rồi chẳng không.*

h) *Xin* cùng nguyện trước *Nam cung.*

Chú thích:

1. Ý nói lòng ngổn ngang, nhiều xúc động.
2. *Tâm đồng:* đồng lòng, yêu nhau.
3. *Đãi đằng:* bàn giải. *Đãi đằng xiết đâu* là không thể nói hết.
4. *Minh khắc:* ghi tạc.

Trông ra trăng đã xế ngoài hàn khê.[1]
Nàng bèn từ tạ xin về,
Mặt đều giã mặt, ai hề biết ai[2]
Dặm mây đường liễu chia hai,
Người tiên còn chút tình rơi cõi trần.
Để cho lòng khách nhọc nhằn,
Ngày mong tin thước, đêm lần gối uyên.[3]
Biết ai mà hỏi sự duyên,[a]
Khi buồn thì lại trông niềm cựu du.[4]
Vườn xuân hoa nở tranh đua,
Am mây còn tưởng non Vu những ngày.[b] [5]
Còn trời còn nước còn mây,[c]
Mà người tri kỷ vắng rầy[d] biết sao.
Giấc nào là chẳng chiêm bao,
Bữa nào là chẳng khát khao âm thầm.
Sầu dường bể, khắc dường năm,
Câu thơ biếng nghĩ, khúc cầm biếng khêu.
Tiếng mây, tiếng gió, tiếng triều[e]
Đàn khuya tiếng dế, mõ chiều tiếng quyên[6]
Người buồn gặp cảnh thêm phiền,[g]
Tiếc người nhớ cảnh đôi phen trạnh lòng.
Những là mơ tưởng chốc mòng

Khảo dị:

Bản A:

a) *Có* ai mà hỏi...

b) ... còn tưởng *Thế tôn báu tàng*.

c) ... còn nước, còn *non*.

d) ... tri kỷ *không còn* biết sao.

e) Bản B: ... tiếng gió, tiếng *thiều*.

g) Bản A: *Ỏi tai những tiếng khêu phiền*.

Chú thích:

1. *Hàn khê:* khe núi lạnh lẽo. Chữ *xế* trong câu có lẽ sai, phải là chữ *ló* mới đúng thời gian.

2. Ý nói chia tay mà chưa biết tên nhau!

3. *Tin thước:* tin chim thước. *Gối uyên*: gối có thêu con chim uyên ương.

4. *Cựu du*: nơi đã đi chơi trước đây.

5. *Am mây:* chốn nhà chùa. *Non Vu:* mượn tích thần nữ đến giao hoan với vua Sở để chỉ sự gặp gỡ trai gái.

6. *Tiếng triều:* tiếng sóng

Tiếng quyên: tiếng quốc kêu nghe như mõ.

Chữ cầu chểnh mảng, chữ công ơ hờ.[1]
Gác văn pháp, bỏ án từ,
Nha đình nhãng việc, thai tư trọng lời[(a)] [2]
Chàng nghe bứt rứt thở dài,
Giật mình xu phó, nên người đê ngang.[3]
Vẻ chi năm đấu gạo vàng,[4]
Uốn lưng co gối cho càng tổn hơi.
Hoạn đồ càng rậm chông gai,[5]
Quận Bành Trạch, quyết cởi đai Đào Tiềm.
Giàu sang gác để một bên,
Ấn treo thiên khuyết, sắc niêm huyện tào[6]
Tính tình di dưỡng[(b)] là cao,
Thà ra[(c)] tịch cảnh hơn vào quyền môn[7]
Gánh vũ trụ, túi càn khôn,
Tháng ngày phong nguyệt, nước non yên hà[8]
Lưỡng gian đâu chẳng là nhà,[9]
Còn dài ngày tháng, chưa già nước non.
Đi về thủy quách, yên đồn,
Sớm hang thê hạc, tối cồn tiềm giao[10]
Cấp thu cảnh vật dồi dào,
Động trăng ấy thú, nguồn đào ấy duyên.

Khảo dị:

a) *Phủ đường lắm bận dầy dưa nặng lời.*

b) *Thích tình thuận tính* là cao.

c) Bản A: *Thì là* tích cảnh...

Chú thích:

1. *Cần, công:* chỉ vào việc quan hàng ngày.

2. *Nha đình:* nơi công sở. *Thai tư trọng lời*: quan trên nói nặng lời (quở phạt).

3. *Xu phó:* đi theo cầu cạnh. *Đê ngang*: thấp cao, ý nói bị xem thường.

4. Xưa Đào Tiềm làm quan lệnh ở Bành Trạch. Có cấp trên đến, bắt ông phải đón tiếp. Ông than rằng: ta không thể vì 5 đấu gạo mà phải khom lưng (xem cả câu 142).

5. *Hoạn đồ:* con đường làm quan.

6. Ý nói Từ Thức bỏ ấn tín vào sắc chỉ, lưu tại huyện để bỏ đi.

7. *Tịnh cảnh:* nơi ẩn dật.

8. *Phong nguyệt, yên hà:* gió, trăng, khói, ráng chỉ vào cảnh thiên nhiên.

9. *Lưỡng gian:* trời và đất.

10. *Thủy quách yên đồn:* sông nước làm nơi chở che, mây khói làm nơi trú ngụ. *Thê hạc:* chỉ vào Hàm Rồng; *Tiềm Giao:* chỉ vào Vực Tôm. Cả hai nơi này đều ở Thanh Hóa. Ý nói Từ Thức đi du ngoạn nhiều nơi.

Cơm hồ ma, nước cúc tuyền, [1]
Vó lừa cầu Bá, con thuyền doành thu. [2]
Một ngày trông cửa Thần Phù, [3]
Khen ai thủy mặc vẽ đồ hóa công.
Một trời một biển mênh mông,
Nước tuôn trắng xóa, mây lồng biếc om.
Viễn sơn cao ngất mấy chòm,
Sóng reo róc rách, đá vòm chênh vênh.
Cánh buồm dạt lá tàu nghiêng,
Gió chung tám mặt, kinh riêng bốn mùa.
Chạnh lòng bắt chước chàng Tô, [4]
Quan lan một chiếc, tiểu chu rập rềnh. [5]
Gió đưa lai láng thủy trình,
Bé hồ Phạm tử, nhỏ ghềnh Đông Pha. [6]
Thẳm khơi chưa tỏ đôi bờ,
Núi non đâu đã [(a)] vờ vờ nổi ngang.
Hàn nham đổ lộn yên quang [7]
Hà y che kín, thủy thường buộc quanh. [8]
Dễ xui thấy cảnh sinh tình,
Buộc thuyền mỏm đá, lách mình sườn non.
Khói xây gió xuốn ùm ùm,
Hang bày rượu lễ, suối tuôn cơm vừng. [9]
Thảnh thơi nương cát vin đằng, [10]

Khảo dị:

Bản A:

a) Núi non đâu *bỗng*...

Chú thích:

1. *Cơm hồ ma:* cơm vừng. *Cúc truyền:* suối hoa cúc.

2. *Vó lừa cầu Bá:* lấy điển Trịnh Khải đời Đường cưỡi lừa đi trong tuyết trên cầu Bá để tìm tứ thơ.

3. *Thần Phù:* cửa biển ở huyện Nga Sơn (Thanh Hóa).

4. *Chàng Tô:* Tô Đông Pha đời nhà Tống.

5. *Quan lan:* xem sóng. *Tiểu chu:* chiếc thuyền nhỏ.

6. Ý nhắc đến thú chơi sông nước của Phạm Lãi (ở Ngũ Hồ) và của Tô Đông Pha (ở sông Xích Bích).

7. Ý tả ánh mặt trời chiếu vào thành núi đá.

8. Ráng trời, dòng nước như xiêm áo phủ quanh cảnh vật.

9. Trong hang Từ Thức có những phiến đá hình như cỗ bàn, suối chảy ra có lẫn những hạt cơm vàng.

10. *Nương cát vin đằng:* vin cây rễ có.

Thơm bay đồi quế [a], hơi lừng mùi sen.
Bâng kháng mặt lạ, lòng quen,
Người nhà gặp thú lâm tuyền thêm ưa.
Liền tay ngụ cảnh đề thơ,
Long xà một vẫy, châu cư năm vần. [1]
Thơ rằng:
Nghìn hàng cây biếc một vừng son,
Hoa cỏ mời người tới động môn.
Vin lạch đã không thầy hái thuốc,
Theo dòng còn có khách tìm nguồn.
Khúc cầm để vị dù lưu loát,
Chén rượu sinh nhai đủ ngọt ngon.
Xa gần bao ná chốn Đào thôn? [2]
Ngâm nga chữ cảnh câu thần,
Bút đoan vòn ướt, mực ngần chưa khô.
Nào hay máy nhiệm khô dò, [3]
Vô tình trời bỗng vun cho hữu tình.
Cửa hàng sực mở thênh thênh,
Nhác trông bỗng thấy giật mình sợ sao.
Nhẹ chân chàng thử bước vào,
Ngòi tuôn ranh rách, sóng gieo ầm ầm.
Tứ bề lạnh lẽo tối tăm,
Rêu ngồi mặn nhạt, đá nằm dọc ngang,
Quang co mấy lối dương tràng, [4]
Biết đâu thăm hỏi khôn đường tới lui,
Trông ra cửa đã đóng rồi,
Núi lam hơi chướng đứng ngồi không yên,
Biết là động quỷ hang tiên?
Làm tươi tỉnh gượng sẽ men róc lần. [5]

Khảo dị:

a) Thơm bay *mùi* quế...

Chú thích:

1. Bút thảo như rồng bay rắn lượn. Thơ như châu ngọc.

2. Bài thơ này chính là bản dịch nguyên văn chữ Hán trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. Các bản Nôm đều không chép chữ Hán và tên người dịch.

3. *Máy nhiệm:* máy nhiệm màu của tạo hóa.

4. *Dương tràng:* ruột dê. Ý nói đường trong hang khuất khúc.

5. *Men móc:* tiếng cổ: lần mò.

Càng trông càng rõ dần dần,
Mây gần yên lặng, đá gần khẳng phiu.
Có chừng đường lối ra vào,
Gà eo óc gáy, chim xào xạc bay.
Nắng soi độ nửa ban ngày,
Mở quang đường rộng, ra ngay đất bằng.
Long lân phượng các tầng tầng [1]
Từ lang lòng đã chắc rằng cõi tiên.
Song còn nhiều lạ chưa quen,
Nửa mừng, nửa sợ, nửa tin, nửa ngờ,
Một mình ngơ ngẩn ngẩn ngơ
Ai là kẻ biết mà đưa tin vào.
Bóng dương xê xế hầu chiều,
Nhấp mai thay nước, nếm đào đổi cơm [2]
Hương trời thoang thoảng đưa thơm,
Tựa hoa theo liễu, rắp tìm tới nơi.
Xa trông thấp thoáng bóng người,
Tay nâng tiểu hạp ra mời Từ lang [3]
Lời thưa, tiếng nói dịu dàng,
Rằng: "Vâng ôn chỉ, rước chàng vào trông [4]".
Vội mừng theo sứ thanh đồng, [5]
Làng tiên chốn ấy thiếu phong cảnh gì.
Ngọc đường gấm trải màn che,
Lò hương ngũ vị, chén chè lục thanh.
Chàng còn khép nép bên mành,
Hài loan nghe sịch hậu đình bước ra.
Khoan khoan một vị tiên nga,
Chiều thanh, vẻ quí, chữ hòa, chữ trang. [6]
Dung nghi khác giá tầm thường,
Quần thoa vẻ nhạt, cử hoàng tiếng trong. [7]

Chú thích:

1. *Long lâu phượng các:* lầu rồng gác phượng.
2. Ăn quả mai cho đỡ khát, ăn đào cho đỡ đói.
3. *Tiểu hạp:* cái tráp nhỏ.
4. *Ôn chỉ:* lệnh trên ban xuống.
5. *Thanh đồng:* người tiên.
6. Thanh lịch, cao quý, hòa nhã, trang trọng.
7. *Cử, hoàng:* hai thứ ngọc dùng để trang sức.

Chàng vào thi lễ vừa xong,
Ngọc âm sang sảng cách song phán rằng:[1]
"Khen ai chỉ nẻo đưa đường,
Cho chàng lặn suối qua rừng bấy nay.
Hang trời thứ sáu là đây,[2]
Bốn mươi chín cảnh chất đầy Bồng Lai[3]
Cũng vì xui khiến lòng trời,
Không dưng ai dễ tìm tòi được ru!
Nghe chàng ngày nhận Tiên Du,
Hội xuân ai những nức nô Phạm đường.[4]
Tầm phương có khách đài trang,
Nạn hoa may lại gặp chàng giúp nhau.
Gần quanh nào[a] phải ai đâu,
Giáng Hương này ấy vốn chầu chực đây.
Tương tư chút đã lâu ngày,
Lòng ta những thắc mắc thay sự nàng.
Bây giờ may lại gặp chàng,
Cơ duyên cũng rắp vẹn đường thủy chung".
Chàng nghe nói chạnh tấc lòng,
Biết rằng cợt, thực, có, không mà lường.
"Hổ tôi bèo cánh phận thường,[5]
Phù sinh trái hạn mấy đường công danh.[6]
Chút lòng làm bạn cảnh thanh,
Lân la[b] nước biếc non xanh qua ngày,
Gót trần lạm bước thanh mây,
Lẽ đâu đường đột thế này cho nên.
Thứ tình muôn đội ơn trên,

Khảo dị:

Bản A:

a) *Những thì* nào phải...

b) *Lần hồi* nước biếc...

Chú thích:

1. Tiếng ngọc của bà tiên ngồi trong rèm nói ra.
2. Núi Phù Lai ở Thần Phù là động tiên thứ sáu trong 36 động.
3. Sách *Liệt Tiên truyện* nói Bồng Lai là một đảo tiên ở Bột Hải.
4. Xem câu 35. Đây nhắc lại ngày hội hoa ở nhà chùa.
5. Từ Thức nói: anh thực thẹn vì cuộc đời vô định.
6. *Phù sinh trái hạn:* mang nợ vì cái kiếp bềnh bồng.

Dám chi kể lể tiền duyên cũ càng".[1]
Kim Tiên mới dạy với nàng:
"Phải ra từ tạ có chàng lên đây.
Giáng Hương vội trở gót giày,
Nhởn nhơ một lũ tớ thầy bước ra
Bảnh bao xuyến ngọc trâm hoa,
Phất phơ áo mũ, rườm rà xiêm nghê.
Dường còn khép nép rụt rè,
Mai e tuyết sớm, liễu e gió chiều.[2]
Phù dung chúm chím nhị điều,
Điểm trang chẳng lọ là [a] nhiều mới xuân
Mùi Lê gió thoảng đưa gần,
Từ lang lòng đã mười phần thiết tha.
Nghĩ âu người ấy hẳn là,
Một mai cầm sắt thực là bén duyên.[b]
Ba sinh đã phỉ mười nguyền [c],
Đỗ Lan xưa vẫn vẹn tuyền [d] thế thôi.[3]
Lọ là nguyệt sứ băng môi,[4]
Phận này duyên ấy ắt thời trong tay.
Tình cờ rủi lại hóa may,
Lựa sao được chốn tiên này kết thân [e]
Ca dài mở hội yến tân [5],
Sơn hương dìu dặt, khúc xuân vang lừng.
Phòng tiêu gió cuốn dây đàn,
Tiệc vu chuốc chén rượu mừng trao ta.
Lệ thường hôn cấu đã đầy,
So trong kim cổ cuộc này hẳn chưa.

Khảo dị:

a) Động *người điểm sắc lọ Kiều* mới xuân.

b) ... cầm sắt *may mà...*

c) *Thời đâu chưa dễ hơn đâu*

d) ... xưa cũng *thế này mà thôi*

e) Lựa sao *thương các định ngày kết đèn (?)*

Chú thích:

1. Ý nói không dám kể đến ngày gặp gỡ ở hội chùa.
2. Ý tả dáng điệu mảnh dẻ của Giáng Hương.
3. *Chuyện thần tiên:* nàng Đỗ Lan Hương kết duyên với Trương Thạc.
4. Trăng làm mối lái. Đây nói không phải nhờ ông tơ nữa.
5. Mở tiệc đãi khách có ca hát.

Mộng hồn say giấc mây mưa,
Đá Vu Sơn tạc tiếng dư Cao Đường [1]
Mấy thu chăn chiếu hồ sàng, [2]
Bụi Chiêu Quân lấp gối chàng Ngưu Sinh [3]
Đấy đây từ bén duyên lành,
Khát khao bõ lúc phật đình thẳng qua.
Đầu xanh vẹn ước tuổi già
Cháu con chung vũ, cửa nhà đào yêu [4]
Lan vàng hai chữ sương siu, [5]
Tơ xe bạch phát, gấm thêu đan tình
Thoi đưa thấm thoát tin oanh,
Sen tàn thôi lại cúc xanh thay màu.
Đốt tay lần kể bóng câu [6]
Gió toan trải lá, sương hầu nhuốm hoa.
Chưa gần đã hóa ra xa,
Trách chàng phụ chốn tiên nga [(a)] cho đành.
Tuy rằng chắp cánh liền cành,
Tuy rằng khuya sớm bên mình Giáng Hương.
Lòng trần còn chút đa mang,
Nghĩ bao giờ trạnh quê hương bấy giờ.
Ba thu rộn rã hồn cơ
Ải Nam sương cuốn lần mơ giấc hồ. [7]
Ngập ngừng nhớ cảnh phần du, [8]
Anh em bè bạn mấy thu đến giờ.

Khảo dị:

a) Bản A: Trách chàng phụ chốn tiên *gia*..

Chú thích:

1. Xem lại chú thích câu 122. Cao Đường là tên bài phú nói đến chuyện non Vu.

2. *Hồ sàng:* một loại giường.

3. Lấy điển Ngưu Tăng Nhụ lạc vào cõi tiên, gặp các nàng Chiêu Quân, Thái Chân.

4. Chữ dùng trong *Kinh Thi:* chung tư nói chuyện đông con cháu. *Đào yêu:* nói chuyện con cái thành gia thất.

5. *Sương siu:* tiếng cổ có nghĩa là quyến luyến.
Lan vàng: Kim lan, tình bạn.

6. *Bóng câu:* bóng ngựa. Ngày tháng đi mau như bóng ngựa qua cửa sổ.

7. Ý nói trông về phương Nam mù mịt, quê hương ở xa.
Giấc hồ: giấc mơ.

8. *Phần du:* chỉ quê hương.
Buồn trông cửa biển mịt mùng.

Phòng loan lãng đãng [a] trúc tơ,
Đàn sao khác phím, sáo ngờ ngẩn cung.
Buồn trông cửa bể mịt mùng
Lá buồm thương khách vẫn dòng Nam minh. [1]
Lại càng như giục sự mình,
Nước non bao nả gia tình bấy nhiêu.
Đoái trông bóng ác ban chiều,
Máu quyên đôi giọt rơi theo lửa hè. [2]
Lại càng như giục lòng quê,
Lòng theo mây bạc cùng về cố đô. [3]
Nhân khi vắng vẻ chuyện trò,
Kể bày tâm sự nhỏ to với nàng:
Bấy lâu sum họp nhà vàng,
Tình sâu đã vậy, nghĩa càng nhặt thay.
Lòng ta như bát nước đầy,
Khăng khăng đành để dạ này dám quên,
Song còn một chút riêng phiền,
Nói ra lộ những chẳng yên lòng nàng [4].
Từ ta xa chốn quê hương,
Một mình nào kẻ họ hàng có ai.
Đường thì cách trở xa xôi,
Nhà thời đơn bạc một mùi đạm trong. [5]
Mà người cậy được thì không,
Để nơi phần mộ tổ tông sao đành.
Xin nàng thấu hết tấc thành,
Há ta nỡ ở ra tình thắm phai.
Nàng nghe như mướt mồ hôi,
Trách duyên sao khéo những lời chông chênh.
Hay là cợt yến cười oanh,
Đắn đo lòng đá, thử thanh tuổi vàng? [6]

Khảo dị:

a) Bản A: Phòng loan *thang nhặt* trúc tơ

Chú thích:

1. Có thuyền buôn đi về phương Nam.
2. Tiếng cuốc kêu mùa hè, giọng não nuột (theo tích chim đỗ quyên kêu rỏ máu).
3. *Mây bạc:* chỉ quê nhà (theo điển xưa, người ta nhìn mây trắng mà nghĩ là nơi cha mẹ ở).
4. *Lệ:* tiếng cổ, có nghĩa là ngại.
5. *Đạm trong:* dịch chữ thanh đạm, nghèo nàn mà trong sạch.
6. Ý nói hay chàng đùa cợt để thử lòng vàng đá?

Hay là lệ phấn phiền hương, [1]
Quạt trâm lỡ phận, loan hoàng trái khuôn. [2]
Lời thề chưa cạn chén son,
Đào chưa phai thắm, lan còn quyến hương.
Trọng vì chút nghĩa tao khang, [3]
Lẽ đâu thiếp dám giữ chàng ở đây.
Trót vì dan díu đến nay,
Nghìn năm chẳng kiếp một ngày cũng duyên.
Dù ta lạnh ước tan nguyền, [4]
Thiếp đành phận cánh hoa tàn quản chi.
Khuyên chàng xin hãy rộng suy,
Cõi trần sống độ phỏng thì trăm năm
Sức voi chịu được mấy lăm, [5]
Lá khô bèo nổi cũng cầm bằng không.
Chẳng vui thể chốn non bồng,
Phần du xin thử nán lòng cũng nguôi[6]
Khen nàng kèo cọt đến lời, [7]
Từ lang song đã quyết bài phân ly.
Bước lên thỉnh mệnh đan trì, [8]
Kim Tiên biết ý xin về ngán xong.
Thương nàng, giận khách văn phòng,
Dối rằng: mặc đó, dễ cùng cấm ngăn.
Bấy lâu kíp miệng [(a)], chầy chân, [9]
Tình cơ lữ, ắt bội phần tư quy. [10]

Khảo dị:

a) Bản A: Bấy lâu *ẩn* miệng...

Chú thích:

1. *Lệ phấn phiền hương:* để cho người đẹp phấn hương đau buồn.

2. *Loan hoàng trái khuôn:* chim trống, chim mái, duyên lứa không hợp.

3. *Tao khang:* tình vợ chồng thuở hàn vi (đói nghèo ăn tấm cám).

4. *Lạnh ước tan nguyền:* tình duyên tan vỡ.

5. *Lấy lăm:* bao nhiêu. Cả câu, ý nói ở dưới trần, dù sức lực bao nhiên cũng không tồn tại lâu dài.

6. Ý nói: tình quê hương cố nén đi thì sẽ nguôi dần.

7. *Kèo cọt:* nói đi nói lại. Kèo, tiếng cổ nghĩa là nài, kép.

8. *Đan trì:* thềm son. Từ Thức đến nơi Kim Tiên để xin về.

9. *Kíp miệng:* kíp có nghĩa là giữ kín (không phải là nhanh chóng như nghĩa thông thường). Bản A dùng như *ẩn* cũng có lý.

10. *Tình cơ lữ:* tình cảnh đất khách quê người.

Tư quy: nhớ nhà.

Nhân duyên nào phải một thì,
Ví mà bao nả, chẳng về có đâu (?)
Đạo người phải nhớ trước sau,
Lá xanh bởi cỗi, dòng sâu bởi nguồn
Ở lâu xem vậy cũng buồn,
Lấy ai coi sóc tông môn đỡ chàng. [1]
Chớ nghe nhi nữ tình thường,
Đèo bòng mãi thế nữa càng luống công.
Chàng vâng lạy trước [a] đền rồng,
Về phòng riêng mới giã cùng Giáng Hương:
"Một lời chỉ đá thề vàng,
Há còn sẻ nhớ chia thương chốn nào,
Khuyên nàng lòng chớ lung lao,
Tin xuân thấm thoát hoa đào chẳng lâu.
Chữ tình hằng ngẫm về sau,
Lời trân trọng giữ, chớ sầu muộn chi.
Dù ta giáo giở phụ nghì, [2]
Đôi vừng nhật nguyệt xin thì xét minh".
Nàng nghe lăn khóc vật mình:
"Than ôi! Ai nỡ dứt tình mấy ôi!
Từ đây kẻ ngược người xuôi,
Chia hai mái tóc, chia đôi tấm lòng.
Từ đây thẹn phấn tủi hồng,
Lẻ loi chăn thúy, lạnh lùng gối loan.
Chàng về sao thiếp dám can,
Cẩm bào một bức, hoa hàn một phong. [3]
Tiễn đưa cửa thiếp tạ lòng,
Biết bao giờ lại tính cùng duyên Ngâu. [4]
Nói thôi như giục cơn sầu,

Khảo dị:

Bản A:

a) Chàng vâng *bái biệt...*

Chú thích:

1. *Tông môn:* cửa tổ, ý nói nhà thờ tổ tiên.
2. *Phụ nghì:* phụ nghĩa.
3. *Hoa hàn:* phong thư, do chữ hoa tiên, từ hàn (dùng ép).
4. *Duyên Ngâu:* duyên lứa giữa vợ chồng Ngâu (Ngưu Lang, Chức Nữ).

Khăn bào lệ dọt [a] nhuốm thâu đầm đìa [1]
Dặm trường đôi ngả mây chia,
Hoa ngăn động khẩu, nước về nhân gian [2]
Nàng thời vò võ trướng loan,
Chàng thời lặn suối tách ngàn pha phôi.
Doanh thâu một cuộc vừa rồi,
Bàng quang song đã có người Lạn Kha [3]
Chàng Từ giở lại quê nhà,
Nhìn xem di chỉ biết là cố cư [4]
Phong trần cõi cũ dấu xưa,
Hai già một khóm, liễu thơ hai hàng.
Rêu rải ngõ, phấn trôi tường,
Cô đình đứng gió, thảo đường ngăn mưa. [5]
Lều tranh tường đất lơ thơ,
Điền gia đổi phú, thôn cư đổi người. [6]
Cho hay cõi tĩnh ngày dài,
Mấy giây phút đã sự đời trăm năm [7]
Chốn hoang tịch bước vào thăm,
Ngùi ngùi thấy cảnh, đăm đăm theo phiền.
Cháu xa mấy lớp tằng huyền,
Đã khơi đốt sẩn, khôn nhìn dây dưa.
Bụi cây, dấy cũ nên bờ,

Khảo dị:

a) Khăn bào lệ *ngọc*...

Chú thích:

1. *Lệ dọt*: không nên lầm với giọt lệ. Dọt, viết bộ thủy và chữ đột, cũng có nghĩa là nước mắt (từ cổ).

2. Câu này dịch từ thơ Đường:
Hoa lưu động khẩu ưng trường tại
Thủy đáo nhân gian định bất hồi (Tào Đường)
(Hoa còn cửa động hoa còn mãi
Nước chảy xuống trần, nước chảy xuôi
K. dịch).

3. *Lạn kha:* rìu nát. Tục truyền Vương Chất đời Tấn lên núi hái củi, xem tiên đánh cờ, thấy rìu bị nát, về nhà thì bước sang đời khác.

4. *Di chỉ:* vết tích còn lại. *Cố cư:* nhà cũ.

5. *Cô đình:* ngôi đình trơ một mình. *Thảo đường*: nhà tranh.

6. Việc cày bừa thay đổi, người trong làng đều là người lạ.

7. *Cõi tĩnh:* cõi tiên. Ngày trên tiên giới dài hơn ngày dưới trần.

Mắt tin cuộc đổi, lòng ngờ giấc say.[1]
Nguồn cơn biết ngỏ ai hay,
Giận cơ tang hải, trách ngày thiếu niên.[2]
Thà rằng đừng gặp bạn tiên,
Nhưng mà đã gặp kết duyên cho tròn.
Làm cho ruồng rẫy nước non,
Bởi ta niềm tục hãy còn đa mang.
Bây giờ trót đã giở dang,
Duyên xưa nỡ để quải quàng cả hai[3]
Tiên trần dịu vợi đôi nơi,[4]
Nghìn vàng đổi được trận cười nữa chăng.[5]
Hải môn sóng nước khơi chừng,
Chân mây mặt đất biết rằng hỏi ai.
Kiếp này lỗi hẹn thời thôi,
Lưu lang dễ tới Thiên Thai mấy lần.[6]
Giận duyên nghĩ ngợi tần ngần,
Xa xôi bao lại được gần cận nhau.
Đường mai tuyết nhặt mưa mau,
Mối riêng những chạnh, mạch sầu khôn trao.
Biết phương nào, biết chốn nào,
Có chăng còn một chiêm bao thấy nàng.
Đã đành tan hợp sự thường,
Tìm nơi thanh vắng tựa nương hỏa là.
Hoàng Sơn nẻo ấy bao xa,[7]
Nghe rằng thắng cảnh cõi nhà xứ Thanh.
Trên đỉnh thẳm, dưới doành xanh,[8]
Mây len lỏi đá, nước quanh quẩn đèo.
Một bầu sơn thủy cheo leo,
Trời đành lập để trao theo cho chàng.

Chú thích:

1. Mặt thấy rõ sự thay đổi, nhưng lòng đang ngờ hay mình còn mê.

2. *Tang hải:* bể dâu. Ý phàn nàn cuộc thay đổi.

3. *Quải quàng:* tiếng cổ, có nghĩa là trở ngại.

4. *Diệu vợi:* tiếng cổ, có nghĩa là xa côi, mờ mịt.

5. Lấy điển Quắc công lập kế cho Bao Tự cười, được thưởng nghìn vàng. Ở đây chỉ có nghĩa là khó có hy vọng gặp Giáng Hương.

6. Lấy điển Lưu Thần, Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai (tương tự như Từ Thức).

7. *Hoàng Sơn:* tên dãy núi ở huyện Nông Cống.

8. *Doành:* cũng đọc là duềnh: dòng nước.

Tiện nghi xem được sẵn sàng,[1]
Vắng bên danh lợi, xa đường oán tranh.[2]
Mặc dù di dưỡng tính tình,[3]
Chín mươi chín đỉnh một mình chủ trương.[4]
Đìu hiu lều cỏ vài gian,
Xuân hoa tươi đậm, thu sương thầu màn.
Thừa hư thông hát suối đàn,[5]
Văn chương đại khối, thanh nhàn hóa công.[6]
Sẵn sàng kho tạo của chung,
Sân sây vàng cúc, ao rồng tiền sen.[7]
Hoa tàn lá rụng quá niên,
Suy xem vạn vật, biết tin tứ thì[8]
Có phen hàng bộ thu về,[9]
Lôi thôi cánh nhạn, dầm dề giọt sương.
Nam song một giấc huy hoàng,[10]
Tỉnh say Lý Bạch, mơ màng Động Tân.[11]
Có phen lãng uyển rước xuân,
Hang tan khí lạnh, cây nhuần vẻ tươi.[12]
Tà dương một khúc lạ tai,
Cầm châu phong nguyệt, rước mồi giang sơn.[13]
Niềm trần gió thổi bụi tan,
Tuy không vũ khách, cũng làn văn nhân.[14]

Chú thích:

1. Ý nói cảnh vật bày ra cho Từ Thức đến ở.

2. *Oán tranh:* chỉ vào cuộc đời bon chen.

3. *Mặc dù:* (nghĩa cổ) tùy thích của mình.

4. *99 đỉnh:* Sách *Đại Nam thống nhất chí* chép: núi Trướng ở Hàm Rồng có 99 ngọn. Ca dao Thanh Hóa cũng có câu: *99 ngọn để huề*...

5. *Thừa hư:* giữa chốn bao la.

6. Ý nói mang tâm hồn phong phú của văn nhân mà sống an nhàn với tạo vật.

7. Ý nói hoa cúc đầy sân, lá sen đầy ao.

8. *Tứ thì:* bốn mùa.

9. Cả hai câu tả cảnh mùa thu: những chữ nhạn hàng, sương bộ ở câu dưới làm rõ ý này.

10. *Nam song:* cửa sổ hướng Nam, đây dùng như ý giấc mộng Nam Kha.

11. Ý tả phong cách Từ Thức: bắt chước nếp sống rượu thơ của Lý Bạch, tu đạo của ông tiên Lã Đồng Tân.

12. Tả cảnh mùa xuân ấm áp.

13. Ý tả cảnh Từ Thức vui thú với thiên nhiên.

14. *Vũ khách:* người đạo sĩ.

Hạ qua đông tới lần lần,
Mai che vẻ trắng, nhuốm dần tóc xanh.
Ai hay những kẻ tài tình,
Cơ duyên trời đã để dành về sau.
Từ chàng giã bạn hồng lâu,
Giáng Hương luống những thảm sầu đa mang.
Chạnh niềm vả trách vả thương,
Trách chàng phụ nghĩa, thương chàng lỡ duyên.
Nước non tuy cách dặm nghìn,
Giấc hoa thường lẩn quất niềm Hoàng Sơn.
Nghĩ rằng: từ hội mẫu đơn,
Gặp nhau nên mới trót gian díu cùng.
Liễu đào một phút tây đông
Vì chưng chẳng đã dũ xong niềm trần.
Rày đà tát cạn nguồn ân,
Vui lòng tuyền thạch, lánh thân thị thành. [1]
Bấy lâu cách mặt xa tình,
Duyên hương lửa, để nguội tanh cũng rầu.
Ví dù lần lữa ngày thâu,
Ái ân nỡ phụ lòng nhau sao đành.
Tủi chàng và tủi duyên mình,
Liệu lời, nàng mới lên trình Kim Tiên:
"Thiếp nay bèo bọt phận hèn,
Phước dư [a] may được sánh chen cửa rồng.
Tấc mây để bận hương trong,
Pha phôi tuổi hạc, thẹn thùng bóng loan. [2]
Những ngờ vẹn nghĩa keo sơn,
Đương vui bỗng đứt dây đàn biết sao.
Khách thơ tình phụ má đào,
Ngẫm nhân duyên ấy lẽ nào còn nên.
Song từ cách trở mấy phen,
Lòng Từ lang hẳn chưa quên chốn này.

Khảo dị:

a) Bản A: Ơn *thương* may được...

Chú thích:

1. *Tuyền thạch:* suối và đá. Cả đoạn này ý nói: Giáng Hương biết ở dưới trần, Từ Thức đã dứt khoát được với tục lụy, đang đem thân sống với rừng núi thiên nhiên.

2. Ý nói sợ cuộc sống cô độc, sợ tuổi già.

Cùng tôi trong lúc chia tay,
Quê chàng nghe đã nước mây đổi đời.
Sa cơ sẩy bước nhỡ vời,
Bể xuân chi nỡ hẹp hòi chẳng thương.
Dám chi thấu hết đoạn trường,
Đối duyên Ngâu kẻo lỡ đường bơ vơ."
Thấy lời kể lể sau xưa,
Kim Tiên se sẽ ngỏ đưa tiếng vàng:
"Mấy thu sáng nguyệt tròn gương
Mới ca tụ đã nên đường phân sơ. [1]
Thương nàng bồ liễu ngây thơ.
Mà chàng chếch bóng ngẩn ngơ cõi trần,
Cũng đà rắp một hai lần,
E lòng nàng có ân cần nữa không.
Bây giờ đã hẳn như lòng
Cùng nhau cho vẹn chữ đồng cũng hay".
Cát tinh lại phán chọn ngày, [2]
Truyền cho sắm sửa xe mây rước chàng
Sự sao sự mới lạ nhường,
Hoàng Sơn gặp lúc nạp lương nửa chiều. [3]
Bóng Kim ô xế nửa đèo,
Chồi sương mới hết, tiếng triều còn êm
Chàng đương lắng vượn nghe chim,
Hé song chờ gió, ôm cầm đợi trăng. [4]
Khách đà bẻo lẻo rộn rừng, [5]
Như đưa điều tốt, như mừng tin xa.
Bên trời chàng mới trông xa.
Mây tuôn vẻ trắng, ráng pha thức hồng.
Gấm thêu hoa dệt trùng trùng,
Hương đưa thụy khí, bóng lồng tường quang, [6]

Chú thích:

1. *Ca tụ:* ca hát và sum họp (lấy chữ trong sách *Lễ ký*).
2. *Cát tinh:* sao tốt, ý nói chọn ngày tốt.
3. *Nạp lương:* hóng mát.
4. *Hé song:* mở cửa sổ.
Ôm cầm: ôm đàn.
5. *Khách:* con chim khách. *Bẻo lẻo:* hót líu lo, mách lẻo.
6. *Thụy khí, tường quang:* những điều mới lạ tốt đẹp, trong cảnh sắc rõ ràng ấm áp.

Dừng xe, chợt thấy hai nàng,
Lời thưa êm ái, tiếng trường [a] khoan thai.
Rằng: "Tôi vâng mệnh tiên đài,
Phù sơn chốn ấy lại mời chàng lên. [1]
Trùng phong một bức vân tiên, [2]
Để chàng lấy đấy làm tin chớ ngờ,
Các lời đã dẫn trong tờ,
Lên xe kíp ruổi bây giờ kẻo lâu".
Mở thư xem hết [b] gót đầu,
Chàng rằng: "Vâng dạy phải mau chớ chầy.
Nước non bầu bạn bấy nay,
Khách xin đề giã cảnh này một thiên".
Nói thôi giở lấy bút nghiên.
Giãi lòng từ biệt lâm tuyền mấy câu:
Một giấc phù dung trải mấy xuân[3]
Yên hà sẻ lối hẹn ba thân[4]
Dẫn đoàn viên hạc đi tìm bạn [5]
Đành để giang sơn vắng chủ nhân
Đề thôi non nước rầu rầu,
Đá toan đứng dậy, nước hầu xô lên.
Chàng vui để cố sơn phiền,
Hoa rầu mặt ủ, chim rền tiếng kêu.
Cảnh dầu bóng ngả chân đèo,
Chàng trông chừng chốn am tiêu tếch ngàn
Đằng không nghìn dặm mê man, [6]
Đẩy xe trước gió, ngang tàng bên mây.
Mịt mù khói tỏa sương bay,
Nhác trông tiên động phút giây đã gần

Khảo dị:

a) Bản A: Lời *oanh* êm ái, tiếng *vàng*...

b) Bản A: Mở thư xem *biết* gót đầu

Chú thích:

1. *Phù sơn:* tức núi La Phù.
2. *Vân tiên:* bức thư phong kín.
3. *Phù dung:* không rõ nghĩa, có nghĩa là phù du (cuộc đời mau chóng).
4. *Ba thân:* nghĩa như ba kiếp: quá khứ, hiện tại, vị lai.
5. *Viên hạc:* con vượn và con chim hạc.
6. *Đằng không:* bay lên trời.

Tinh biền gác mái bạch vân,[1]
Cùng nhau thị nữ men chân bước vào.
Nhìn xem cảnh ấy cảnh nào.
Liễu mừng thầm liễu, hoa chào mỉm hoa.
Còn quen thuộc chưa bao xa,
Ngại riêng vì bởi trước đà vụng toan.
Nghiêng mình đứng trước thềm đan
Hoa dung thấp thoáng hương lan ngát rừng.
Kim Tiên mới ngỏ lời rằng:
"Từ lang nay lại xích thằng nhiệm trao.[2]
Gia hương biến cải nhường nào,
Bấy nay ăn ở ra vào những đâu?
Hoàng Sơn tu được bao lâu,
Hãy còn đeo đẳng hương sầu nữa thôi?[3]
Khéo léo thay khách trần ai,[4]
Cất công tìm tõi đến vời non tiên.
May mà kim cải bén duyên,
Lứa đôi dường ấy phụ nguyền cho đang.
Phấn hồng để thẹn đài trang,
Trước sau trăm sự tại chàng phải chưa?"
Thoắt nghe những tiếng đá đưa,[5]
Toan trình bỡ ngỡ, rắp thưa ngại ngùng.
Rằng: "Tôi chút phận bình bồng,
Chở che muôn đội tấm lòng tiên cô.
Trót từ trở lại phần du,
Bụi bay nhà cửa, cát mù động mây.
Nước nghiêng khôn vớt lại đầy,
Bất tình cam chịu lỗi này tại tôi.[6]
Biết suy ra sự đã rồi,

Chú thích:

1. *Tinh biền:* hai cỗ xe song song ruổi như sao.

2. *Xích thằng:* dây cỏ. Theo điển sách *Tục u quái lục* Vi Cố gặp ông Nguyệt lão có cái túi đựng những sợi chỉ đỏ, buộc duyên kiếp người đời. Câu này có ý nói Từ Thức lại được xe duyên trở lại.

3. *Hương sầu:* mối sầu quê hương.

4. *Khéo léo thay:* đây là lời trách không phải lời khen. Bà Kim Tiên nói mát chê Từ Thức không khôn khéo.

5. *Đá đưa:* lời nặng nhẹ (hờn dỗi).

6. *Bất tình:* vụng về.

Trách mình, chi dám trách người hẹp dung.
Vậy nên lánh đục tìm trong,
Chiếc thân kia với tấm lòng khoan khoan.
Mượn màu trí thủy nhân sơn. [1]
Tiêu dao ngày tháng thanh nhàn cho qua".
Mấy lời bạch trước sân hoa,
Phán tiên đồng rước chàng ra mái ngoài.
Hay đâu duyên sẩy vân sui,
Khi nên, chẳng lọ rậm lời mới nên.
Thế gian đâu có tục huyền, [2]
Liên tài cũng bởi Kim Tiên có lòng. [3]
Nghĩ chàng là đấng thư trung, [4]
Muốn cho kháng lệ vẹn trong đạo hằng. [5]
Vời nàng lên mới phán rằng:
"Đã đành hậu hội sao bằng tiền duyên. [6]
Tiếc vì đôi lứa thiếu niên,
Tơ Tần chỉ Tấn vẹn nguyền duyên xưa [7]
Kẻo còn mong mỏi đợi chờ,
Biết nhau há một bây giờ hay sao?"
Uyên ương lại hợp trướng đào,
Thẹn đều thẹn cả, mừng đều mừng chung.
Ba sinh phận đẹp cõi rồng, [8]
Thước Kiều vẫn dịp, loan phòng sẵn duyên. [9]
Tiếng cầm tiếng sắt đưa chen,
Tơ tình ấm lạnh kết nguyền non sông.

Chú thích:

1. *Trí thủy nhân sơn:* theo câu trong sách *Luận ngữ* người có trí thích nước, người có nhân thích núi.

2. *Tục huyền:* nối lại dây đàn; từ này dùng không hợp lắm. Tục huyền chỉ vào cảnh vợ chết lấy vợ khác.

3. *Liên tài:* yêu thích tài năng.

4. *Thư trung:* trong sách. Đây nói Từ Thức là người có học.

5. *Kháng lệ:* đôi lứa vợ chồng.

Đạo hằng: chỉ đạo thường không thay đổi.

6. Ý nói tất nhiên cuộc xum họp ban đầu thường là đẹp hơn.

7. *Tấn Tần:* hai nước đời Xuân Thu đời đời kết thông gia.

8. *Cõi rồng:* con gái được lấy chồng tài giỏi.

9. *Thước Kiều:* cầu Ô thước bắc cho vợ chồng Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau.

Sánh bày phượng lữ song song, [1]
Tuổi chung giai lão năm cùng tràng xuân.
Thực là tài tử giai nhân,
Thiên duyên đã định, tiên trần mà chi.
Thừa nhàn mượn bút chép ghi, [2]
608 Phong lưu gọi một truyện kỳ mà chơi.

Phiên âm theo bản của Vũ Ngọc Khánh,
NXB Văn học Hà nội, 1963.

Chú thích:

1. Các bản đều chép *lữ*, không rõ nghĩa.
2. *Thừa nhàn*: nhân lúc rảnh.

NHỊ ĐỘ MAI

TIỂU DẪN

Nhị Độ Mai là tác phẩm viết về đề tài trung hiếu tiết nghĩa. Truyện phản ánh khá rõ nét những mâu thuẫn trong nội bộ quan lại phong kiến: người trung thần và kẻ gian thần.

Những con người trung hiếu tiết nghĩa đều nêu cao phẩm chất đạo đức theo lễ giáo phong kiến. Truyện phản ánh sâu sắc những mâu thuẫn của xã hội lúc bấy giờ. Một xã hội rối loạn. Ở biên giới ngoại xâm đe dọa, trong nước bọn gian thần Hoàng Tung giết người trung thần, đầy đọa phụ nữ, công khai ăn hối lộ v.v... Vua chỉ là kẻ hôn quân, không còn đủ sáng suốt để phán xét phải trái. Bọn vua quan sống một cuộc đời xa xỉ, hèn nhát, đầy tội ác. Lư Kỷ là kẻ gian thần nắm mọi quyền thế trong tay, "Ngang vua phú quí, nghiêng trời uy linh". Trong đám quan lại thì mong được yên thân, cho nên họ khuyên nhau:

Đại gia rày ở quan kinh,
Theo đòi nhiều ít thế tình là xong.

Họ khuyên bảo nhau cư xử theo thế tình, một xã hội luật pháp không được tôn trọng. Lư Kỷ được vua tin dùng, cho nên càng lộng quyền. Mai Bá Cao, Hỉ Đồng đều bị chết oan. Gia đình họ Mai, họ Trần bỗng chốc phải ly tán. Cuộc đời tươi đẹp của Hạnh Nguyên vừa hé mở đã bị vùi dập trong cuộc ép duyên vô nhân đạo. Tất cả những sự việc bi thảm ấy đều do tên sát nhân Lư Kỷ gây nên.

Trong xã hội ấy, con người đã có quyền có chức, lại càng táng tận nhân tình để cầu mong đạt được nhiều danh vọng, giàu sang. Vì thế, mới có cảnh: Lương Ngọc gặp hoạn nạn, đến nhà Hầu Loan - bố vợ chưa cưới, để nương nhờ. Bố vợ chẳng những không cho Lương Ngọc ở, mà còn bảo:

Ở đây mười mắt trông vào,
Rõ ràng án ấy, tha sao cho đành.
Kíp truyền ngục tối giao canh,
Rồi đây ta sẽ tiến kinh cho rồi!

Sống trong những cảnh như vậy, mọi tầng lớp nhân dân đều căm ghét và chống lại chúng: Dân chài nổi dậy định đánh Giang Khôi, sĩ tử đánh xé Lư Hoàng. Những cảnh đấu tranh ấy phản ánh một phần nào lòng căm phẫn của những người bị áp bức.

Truyện *Nhị Độ Mai* viết bằng thơ lục bát, lời thơ phổ thông, hồn nhiên, được

nhân dân ưa thích. Những đoạn miêu tả về người, về cảnh, về tình, lời thơ tuy có chữ Hán, có điển cố, nhưng không đến nỗi khó hiểu. Những đoạn tả tâm tình người yêu phải ly biệt, đã sử dụng lối tiểu đối, gợi nên nhiều nỗi thương cảm:

Xót người tú các hương khuê,
Mối tình ly biệt, đường đi phong trần.
Sông dù cạn, núi dù lay,
Đã liều xương trắng, dám thay lòng vàng.

Tuy thế, trong truyện vẫn có những đoạn rườm rà. Tuy chữ trung là tư tưởng chỉ đạo của truyện, nhưng ở cuối truyện đã có hàng trăm câu tả đám tế, đám cưới ca ngợi sự thắng lợi của gia đình trung nghĩa. Cách xây dựng nhân vật chưa tập trung, tản mạn. Chúng ta thấy, đoạn đầu nhân vật được nhắc đến nhiều là Bá Cao, đoạn giữa là Hạnh Nguyên, đoạn cuối cùng là hai thanh niên họ Mai và họ Trần.

Tác giả viết cuốn truyện này là để phục vụ lễ giáo phong kiến, bảo vệ trật tự phong kiến. Vai trò của quần chúng không được đề cao như trong tác phẩm Thạch Sanh... Lực lượng đánh đổ bọn gian thần trong *Nhị Độ Mai* chủ yếu là những ông quan trung trực và sĩ tử hăng hái. Bá Cao diệt trừ bọn Lư Kỷ, Hoàng Tung để bảo vệ vua, trung với vua. Cho nên khi Bá Cao bị vua xử chém vẫn chỉ một mực nguyền rủa bọn Lư, Hoàng, chứ không hề trách móc vua. Thậm chí, Xuân Sinh "Trách vua Đường ở bất minh", đấy mới chỉ là ý nghĩ. Còn cái lễ giáo trung với vua vẫn ám ảnh mọi người, không cho phép ai đụng chạm đến vua. Vì thế, cuối cùng Xuân Sinh tuyệt vọng, nhảy xuống sông tự tử.

Nhị Độ Mai còn nhiều dấu vết của ý thức hệ phong kiến. Chính những điểm này đã hạn chế phần nào tác dụng của tác phẩm.

*
* *

Đời Đường Đức Tông có Mai Bá Cao, Tri huyện Lịch Thành có một người con trai là Mai Lương Ngọc. Lúc bấy giờ, trong triều có hai gian thần: Lư Kỷ, Hoàng Tung. Mai Bá Cao căm ghét và muốn trừ diệt bọn chúng. Nhân dịp có chiếu chỉ được thăng chức vào Kinh, ông càng có quyết tâm trừ khử bọn gian thần.

Một hôm, trong bữa tiệc mừng thọ Lư Kỷ sáu mươi tuổi, Mai Bá Cao đem chuyện xưa ra chỉ trích Lư, Hoàng. Lư Kỷ tức giận lắm, rắp tâm hãm hại. Nhân dịp có quân giặc Thát xâm phạm bờ cõi, Lư Kỷ tâu xin vua cử Phùng Lạc Thiên và Trần Đông Sơ là hai quan văn đi đánh giặc. Mai Bá Cao can vua, nói rõ nguyên nhân có chiến tranh là vì Lư, Hoàng cướp của chẩn tế, làm cho dân đói, và xin vua hãy:

Lấy đầu hai gã Lư, Hoàng,
Ắt là Thát trở về hàng không sai.

Vua Đường nổi giận, khép Mai Bá Cao vào tội hoãn binh giúp giặc, sai đem chém. Lư Kỷ mạo chỉ của vua ra lệnh truy nã nhà họ Mai. Nhờ có Đỗ Thân báo tin, mẹ con Mai Lương Ngọc trốn thoát. Bà Mai Bá Cao nương náu ở nhà em tại Sơn Đông. Còn Lương Ngọc cùng Hỉ Đồng đến nhà bố vợ chưa cưới là Hầu Loan để lánh nạn. Hỉ Đồng mặc giả làm Lương Ngọc vào trước. Hầu Loan trở mặt, sai lính bắt định đem nộp lấy công, Hỉ Đồng tự tử chết thay Lương Ngọc. Lương Ngọc tủi phận liền tự vẫn. May nhờ có nhà sư cứu sống nuôi ở chùa, giúp việc trồng cây, làm vườn, lúc này Lương Ngọc lấy tên là Hỉ Đồng.

Một hôm, Trần Đông Sơ đến thăm cảnh chùa, thấy cảnh đẹp bèn mượn Lương Ngọc về trông nom vườn. Đến ngày giỗ Mai Bá Cao, Trần Công nhớ thương bạn cũ, sửa lễ cúng ở ngoài vườn và khấn thầm: Nếu họ Mai còn người dòng dõi thì hoa mai nở "bội thường hơn xưa". Không ngờ đêm ấy trời nổi mưa gió, hoa mai rụng hết. Trần Công chán nản cuộc đời, muốn đi tu. Con gái Trần Công là Hạnh Nguyên lại cầu khấn hoa mai nở. Mấy hôm sau hoa mai lại nở tươi đẹp:

Hương đâu phức phức tứ bề,
Hoa đâu san sát đầy khê một vườn.

Trần Công mừng rỡ, mở tiệc thưởng vịnh thơ, nhân đó thấy bài thơ của Hỉ Đồng trên vách. Về sau, mới biết rõ là Mai Lương Ngọc, ông bà mừng vui bàn nhau gả Hạnh Nguyên cho chàng.

Tuy Trần Công đã bị cách chức, nhưng Lư Kỷ vẫn mưu toan làm hại. Khi nước Sa Đà đem quân đánh nhà Đường, Lư Kỷ tâu vua bắt Hạnh Nguyên đi cống, để cầu hòa. Nửa đường Hạnh Nguyên nhảy xuống sông tự vẫn. Nàng trôi dạt vào nhà Châu Bá Phù.

Gia đình Trần Công bị truy nã. Mai sinh và Trần sinh được tin chạy trốn, giữa đường gặp cướp, hai người lạc nhau.

Mai sinh được đưa về nhà Châu Bá Phù. Ở đây Mai sinh và Hạnh Nguyên gặp nhau. Còn Trần sinh sau khi bị cướp, cuộc sống khổ sở quá, chàng bèn nhảy xuống sông tự vẫn. Chàng được một gia đình thuyền chài cứu vớt, đem về nuôi và hứa gả con gái là Ngọc Thư cho chàng. Một hôm, Giang Khôi, một tên quan bạo ngược định bắt Ngọc Thư. Dân chài căm ghét hò nhau định đánh. Nhân việc đó, Trần sinh gặp Khâu Đề đốc. Khâu nhận Trần Sinh làm con nuôi và hứa gả con gái là Vân Tiên cho chàng.

Mai sinh đổi tên là Mục Vinh, còn Trần sinh lấy tên là Khâu Khôi để đi thi. Mục Vinh đỗ Trạng nguyên, Khâu Khôi đỗ Bảng nhãn. Lư Kỷ ép gả con gái cho Khâu Khôi, chàng từ chối sỉ vả: "Lũ quyền gian". Lư Kỷ giận lắm, toan bắt bỏ ngục. Tin ấy lan ra làm cho các sĩ tử vô cùng phẫn nộ. Họ bèn họp nhau lại đón đánh Lư Kỷ, Hoàng Tung.

Nhờ việc đó, vua Đường biết hết tội lộng quyền của Lư, Hoàng. Hai tên gian thần bị chém đầu. Hai gia đình họ Mai, Trần được hưởng hạnh phúc.

*

* *

Có ý kiến cho rằng *Nhị Độ Mai* ra đời sau *Truyện Kiều* vào đầu đời Nguyễn và có thể là của Lý Văn Phức [1]. Đấy chỉ mới là phỏng đoán, chứ chưa có lấy gì làm bằng cứ chắc chắn. Chính vì thế, chúng tôi vẫn xếp *Nhị Độ Mai* vào loại truyện Nôm khuyết danh.

Truyện *Nhị Độ Mai* có nhiều bản khắc in bằng chữ Nôm:

Nhị Độ Mai diễn ca. Quảng Thịnh Đường tàng bản. 1936.

Nhị Độ Mai diễn ca. Quảng Văn Đường tàng bản. 1907.

Nhị Độ Mai diễn ca. Đồng Văn Đường tàng bản. 1884.

Nhị Độ Mai diễn ca. Phúc Văn Đường tàng bản. 1876.

Vân vân...

Các bản phiên âm bằng Quốc ngữ:

Nhị Độ Mai. Nhà in Văn Minh. Hải Phòng. 1922.

Nhị Độ Mai. Nhà in Kim Khuê. Hải Phòng. 1924.

Nhị Độ Mai. Nhà in Ngô Tử Hạ. Hà Nội. 1926.

Nhị Độ Mai. NXB. Ngày Mai. Hà Nội. 1949.

Nhị Độ Mai. NXB. Tân Việt. Sài Gòn. 1952.

Nhị Độ Mai. NXB. Phổ thông. Hà Nội. 1957.

Nhị Độ Mai. NXB. Văn học. Hà Nội. 1972 v.v...

Tất cả các bản đều có khác nhau ít nhiều. Có trường hợp khác tiếng, khác câu, có trường hợp khác cả một đoạn bốn năm câu.

Trong khi biên soạn chúng tôi đã sử dụng các văn bản theo ký hiệu như sau:

A. *Nhị Độ Mai*. NXB. Văn học. Hà Nội. 1972.

B. Bản chữ Nôm của Quan Văn Đường.

C. Bản của nhà in Ngô Tử Hạ.

Đ. Bản của NXB. Tân Việt.

E. Bản của NXB. Phổ thông.

G. Bản chữ Nôm của Phú Văn Đường.

Ở đây, chúng tôi phiên âm theo bản A. Bản này vốn phiên âm từ bản Nôm B, văn bản phiên âm tuy có chỗ khác biệt, nhưng không đáng kể. Tuy dựa vào bản A là chính, nhưng chúng tôi đã đối chiếu nó với hai bản Nôm B và G. Nếu giữa bản A với các bản B, G có chỗ nào khác biệt, chúng tôi ghi lại ở phần khảo dị.

---

1. Lê Trí Viễn, Hoàng Ngọc Phách. Nhị Độ Mai. NXB Văn học. Hà Nội, 1972, tr.56.

Hóa nhi [1] thăm thẳm nghìn trùng,
Nhắc cân phúc tội, rút vòng vần xoay.
Ngàn xưa mấy kẻ gian ngay,
Xem cơ báo ứng [2] biết tay trời già.
Tuần hoàn lẽ ấy chẳng xa,
Chớ đem nông nỗi [a] mà ngờ cao xanh.
Trời nào phụ kẻ trung trinh,
Dù vương nạn ấy, ắt dành phúc kia.
Danh thơm muôn kiếp còn ghi,
Để gương trong sách, tạc bia dưới đời.
Gian tà đắc chí mấy hơi,
Mắt thần khôn giấu, lưới trời khôn dung.
Uy quyền một phút như không,
Xem bằng lửa đá, ví cùng đám mây.
Thanh nhàn khi tựa hiên tây,
Vui lòng đèn sách nghỉ tay văn bài.
Truyện ngoài xem "Nhị Độ Mai",
Nhà Đường truyền vị đến đời Đức Tông [3].
Thường Châu [4] có kẻ thanh trung, [5]
Bá Cao là chữ, vốn dòng họ Mai.

Khảo dị:

a) Bản C chép: nông *nổi* (cũng có nghĩa: nông nổi, cạn cợt, nên không hiểu được ý cao sâu của trời (cao xanh).

Các bản khác đều chép là nông *nỗi*.

Chú thích:

1. *Hóa nhi*: trẻ tạo. Gọi tạo hóa (ông trời) là trẻ con vì tạo hóa bày đặt việc đời như trò trẻ, (khóc đó rồi lại cười đó, sướng đó rồi khổ đó). "Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán, dắt díu người lên cạn mà chơi" (Cung oán).

2. *Báo ứng:* ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ, đó là "báo ứng" theo quan niệm người xưa.

3. *Đức Tông:* Vua thứ chín nhà Đường, 780 - 805 sau Công nguyên.

4. Nay là huyện Vũ Tiến, tỉnh Giang Tô (Trung Quốc).

5. *Thanh trung:* trong sạch và ngay thẳng.

Điềm hùng [1] sớm đã sinh trai [a]
Trời cho văn tướng kén tài Trạng nguyên [b]
Đặt cho Lương Ngọc là tên [c]
Tài hoa đáng bực trích tiên [2] dưới đời [d]
Tơ kia đã phải duyên trời,
Hôn nhân đã định về nơi họ Hầu.
Chỉ vì ngoại ly [3] bấy lâu,
Chưa trao lễ nhạn, mới đầu thiếp canh [4]
Mai công Tri huyện Lịch Thành [5]
Gương trung sáng vặc, túi thanh nhẹ bồng.
Cầm đường [6] ngày tháng thung dung,
Tên ngay là tiết, nước trong ấy lòng.
Bấy lâu Lư Kỷ tướng công,
Tuy quyền tước lớn, mà phong độ hèn.
Túi tham của đút chật lèn,
Dung bên gian đảng, ghét bên hiền tài.
Mai công mấy độ quan ngoài,
Bạn bè nhờ có mấy người đồng niên [7]
Trong triều hết sức giữ gìn,
Kẻ ngôi Thiêm sự [8], người quyền Thượng thư

Khảo dị:

a, b, c, d) Bốn câu này bản C, bản Đ và bản E chép:

Nền trung trực, dạ trang đài,
Trời cho văn tứ, đáng tài Trạng nguyên
Đặt tên Lương Ngọc dõi truyền,
Thông minh rất mực phượng tiên trong đời.

Theo ý chúng tôi, có mấy chữ gò ép: văn tứ, phượng tiên.

Chú thích:

1. *Điềm hùng:* điềm gấu, điềm sinh con trai.

2. *Trích tiên:* vị tiên có tội đày xuống trần gian, có nghĩa là người trời.

3. *Ngoại ly:* làm quan ở địa phương, ngoài Kinh đô.

4. *Lễ nhạn:* lễ cưới. *Thiếp canh:* cái thiếp biên tên tuổi người con gái để trao cho nhà trai. Câu thơ ý nói bước đầu của việc hỏi vợ, mới hỏi tên tuổi, chưa đưa lễ vật.

5. *Lịch Thành:* một huyện thuộc tỉnh Sơn Đông, cách xa Giang Tô.

6. *Cầm đường:* nhà ngồi gẩy đàn. Nhắc tích Bật Tử Tiện làm quan huyện Đan Phủ, gẩy đàn mà công việc đều xong. Về sau danh từ *Cầm đường* chỉ nhà quan huyện làm việc.

7. *Đồng niên:* cùng đỗ một khoa.

8. *Thiêm sự:* một chức quan văn cũng gần như Thượng thư.

Kìa Đảng Tiến, [1] nọ Đông Sơ, [2]
Kẻ tòa Đô sát, người toà Hán lâm.
Chu toàn trong [(a)] ngoại mười năm,
Bè trung chống vững, mưu thâm [(b)] chớ hòng.
Một ngày huyện vụ [3] vừa xong,
Vào trong ông mới ngỏ cùng phu nhân.
Rằng: "Ta vốn kẻ trung thần,
Trên vì nước, dưới vì dân mới là!
Ví bằng [(c)] theo thói người ta,
Uốn lưng co gối cũng nhơ một đời.
Lọ là cầu cạnh chi ai,
Chẳng trong lang miếu [4] cũng ngoài điền viên [5]
Con ta trạc tuổi thanh niên
Có gương khoa giáp, có nền đỉnh chung [6]
Sao cho giữ được chữ trung,
Mới là hiếu tử nối dòng thư hương". [7]
Những là vui chuyện nội đường [8]
Sảnh ngoài bỗng có hai chàng báo tin:
Mai công phụng chỉ thăng thuyên, [9]
Chiếu trời mây [(d)] vỗ, ân trên mưa nhuần.
Triều ban [10], dự bậc quan thân,

Khảo dị:

a) Bản Đ, bản E chép: *dã ngoại.*

b) Bản C, Đ, E chép: *lòng cảm.* Không đúng ý bằng *mưu thâm.*

c) Bản Đ, E chép: *ví dù.* Không đúng nghĩa bằng *ví bằng.*

d) Bản E chép: *mưa vỗ* (hai tiếng mưa trong một câu).

Chú thích:

1, 2. Hai bạn thân của Mai Bá Cao đương làm quan to tại triều.

3. *Huyện vụ:* việc quan trong huyện.

4. *Lang miếu:* triều đình, nơi làm quan.

5. *Điền viên:* ruộng vườn, nơi nghỉ ngơi vui thú.

6. *Đỉnh chung:* cái vạc và cái chuông. Danh từ này có hai ba chú thích khác nhau. Đa số thì nói: ngày xưa nhà phú quí đông người ăn, phải thổi cơm bằng vạc, gọi người tôi tớ bằng chuông. Có nơi nói: thức ăn đựng bằng vạc, gọi người hầu việc bằng chuông v.v... Nhưng các chú thích đều thống nhất ở chỗ: đỉnh chung là cảnh đại phú quí.

7. *Thư hương:* mùi thơm của sách, ý nói nhà Nho.

8. *Nội đường:* nhà trong, tư thất, đối với công đường nơi làm việc quan.

9. *Thăng thuyên:* được thăng chức và đổi đi nơi khác.

10. *Triều ban:* cấp bậc trong triều.

Lại khoa cấp sự giữ phần gián quan [1]
Tin đâu khều tấm trung can, [2]
Một hai quyết hẳn [(a)] trừ gian phen này.
Truyền làm tiệc rượu vui vầy,
Dặn dò gia sự định ngày khởi thân [3]
Tàng tàng chén cúc ba [(b)] tuần,
Đòi công tử với phu nhân dạy lời.
Rằng: "Bấy lâu những ở ngoài,
Dạ này tấm tức với người quyền gian.
Rày vâng đài gián [4] thăng quan.
Phen này ta quyết cả gan phen này.
Bấy giờ một dở một hay,
Hợp nhau nào biết có ngày nữa thôi.
Cũng đừng bịn rịn lôi thôi,
Mẹ con sớm liệu về nơi quê nhà.
Điền viên vui thú nông gia,
Tiện con đèn sách ấy là lẽ nên!
Ví dù giải kết [5] có tin,
Bảo nhau sớm liệu tìm miền ẩn thân.
Chờ cho thiên địa xoay vần,
Sẽ toan tính với thù nhân sau này.
May mà vua chứng lòng ngay,
Đàn hồ, lũ thỏ, một ngày quét thanh.
Bấy giờ phu quí, phụ vinh.
Đưa tin sẽ đón thăng kinh cũng vừa".

Khảo dị:

a) Bản E chép: *quyết phải.*

b) Bản Đ, E chép: *vài tuần.*

Chú thích:

1. *Lại khoa cấp sự:* một chức Gián quan, nghĩa là một chức quan có nhiệm vụ can ngăn vua, khi vua làm điều trái.

2. *Trung can:* gan của người trung trực. Câu thơ ý nói: Mai Bá Cao được tin thăng chức Gián quan mà trong triều đang có bọn gian thần Lư Kỷ, Hoàng Tung lộng quyền, nên tin ấy càng khêu tấm lòng trung nghĩa của ông.

3. *Khởi thân:* cất mình ra đi, lên đường.

4. *Đài gián:* chức Gián quan nói trên.

5. *Giải kết:* cởi, mở chỗ thắt lại; có khi là đưa đến chỗ cuối cùng, chỗ cởi nút. Ở đây có nghĩa là: kết cục công việc xảy ra không được tốt.

Tân bằng [1] mừng rỡ chật nhà,
Tiếp thù, ông bận những là hàn ôn [2].
Phu nhân nửa lệ [3] nửa buồn,
Đòi công tử lại [(a)] mẹ con bàn hoàn [4].
Rằng: "Nghe như bô con bàn,
Phen này quyết với quyền gian đối đầu.
Sẻ đàn, phượng độc [(b)], chắc đâu,
Cái lo này để về sau tày trời".
Nghe thôi [(c)] công tử thưa lời:
"Thế rằng cái đạo làm tôi mới là.
Nhà huyên [5] xin chớ lo xa,
Hễ trời có mắt thì ta lệ gì?
Hãy cho vẹn tấm trung nghì. [6]
Vinh, khô, đắc, táng [7], sá chi cuộc đời".
Ông vừa xong việc khách ngoài,
Bước vào trong, bỗng nghe lời con thưa.
Vuốt râu cười nói lôi la [(d)] [8]
Khen rằng: "Ấy thực đại gia con nòi!
Trẻ thơ biết đạo làm tôi,
Gương trung hiếu, lấy một lời mà suy.

Khảo dị:

a) Bản Đ chép: **công tử *đến*.**

b) Bản Đ, E chép: phượng *một*.

c) Bản Đ, E chép: nghe *rồi*.

d) Bản C , Đ, E chép: *lui ra*, không đúng ý câu thơ: Mai công vẫn ở trong phòng nói chuyện với gia đình rồi "truyền gọi lại nha". Có điều lầm lạc này là vì chữ *lôi la* (Nôm) viết giống chữ *lui ra*, nên đọc lầm.

Chú thích:

1. *Tân bằng*: khách và bạn.

2. *Hàn ôn:* rét và ấm. Chuyện hàn ôn là chuyện lúc gặp nhau kể lể tin tức thân mật.

3. *Lệ:* e ngại "Lệ khi bướm chẳng chiều ong" *(Phan Trần)*.

4. *Bàn hoàn:* chính nghĩa băn khoăn, vương vấn không rời được. "Nỗi riêng riêng những bàn hoàn" *(Truyện Kiều)*. Ở đây ý nói: bàn đi bàn lại.

5. *Nhà huyên:* mẹ. Huyên là một thứ cỏ dịu dàng, ví với người mẹ, cũng như thung (hoặc xuân), một thứ cây rắn rỏi, thường ví với người cha. *Thung huyên:* cha mẹ.

6. *Trung nghì:* trung nghĩa: *nghì* là biến âm của *nghĩa* "Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghì" *(Lục Vân Tiên)*.

7. Vinh, khô, đắc, táng: tươi, héo, được, mất. Ý nói: những sự thay đổi tất nhiên ở đời, người thức giả không sá kể.

8. *Lôi la:* (tiếng cổ) chuyện trò vồn vã, thân mật.

Mới hay hổ phụ, lân nhi, [1]
Khéo tay tính trẻ cũng y tính già".
Nói rồi truyền gọi lại nha,
Đương đường nhủ hết nỗi xa nỗi gần:
"Làm người biết đạo tu thân,
Việc quan phải giữ lấy nhân làm đầu.
Tiếng thanh bạch để về sau,
Dầu rằng uống nước, ăn rau, chớ nài.
Việc văn án phải quan hoài [2]
Một câu nặng nhẹ, mấy người oan khiên.
Khuyên đừng đối trắng thay đen.
Ngược dân [3] dưới, dối quan trên, khó lòng.
Giữ gìn đôi chữ hiếu trung,
Sao cho không hổ với trong cao dày [4]
Ta đây vả tiếng quan thầy,
Giã nhau một chút niềm tây gọi là.
Rồi đây một bước một xa,
Nghe ta hay chẳng nghe ta, mặc dầu!"
Dạy rồi ai nấy cúi [(a)] đầu,
Rằng: "Vâng khuyên nhủ từ sau ghi lòng".
Trù phòng [5] dọn rượu vừa xong [(b)]
Một công tử với hai ông bà ngồi.
Dặt dìu sẽ rót chén mồi, [6]
Nghìn câu trân trọng, trăm lời biệt ly.
Người trằn trọc nỗi về quê,
Kẻ năn nỉ nỗi đường đi giữ gìn.

Khảo dị:

a) Bản Đ chép: *cuối* đầu (sai hẳn nghĩa. Có sự sai lạc vì chữ Nôm *cúi* và *cuối* viết giống nhau nên phiên âm sai).

b) Bản Đ, E chép: dọn *dẹp,* (không đúng ý nghĩa câu thơ vì lúc này mới bắt đầu hội họp).

Chú thích:

1. *Hổ phụ, lân nhi*: cha như hổ, con như kỳ lân. Ý nói: cha con cùng người cao quí cả.

2. *Quan hoài:* để tâm lo lắng. Câu thơ ý nói: phải xét xử cho công bằng để tránh sự oan ức cho dân.

3. *Ngược dân*: xử tàn ác với dân.

4. *Cao dày*: trời cao đất dày.

5. *Trù phòng*: nhà bếp, người làm bếp.

6. *Chén mồi:* chén bằng đồi mồi.

Người khuyên cẩn thận sớ tiên, [1]
Kẻ răn nhắc nhỏm sách đèn sớm khuya. [2]
Lôi thôi giở nỗi lâm kỳ, [3]
Ngoài đầy vơi chén, trong mê mẩn tình.
Phu nhân rằng: "Buổi lên Kinh, [a]
Phỏng cho mấy đứa tùy hành hầu [b] ông?"
Mai công rằng: "Lọ chi đông,
Một chàng Mai Bạch vốn trong họ nhà.
Gọi là làm bạn đường xa.
Gọi là ngày gió ngày mưa đi hầu".
Còn đương trò chuyện trước sau,
Xôn xao nghe bỗng tiếng đâu gần gần.
Đầu tiên ông mới động thân, [c]
Trông ra đã chật một sân những người.
Bẩm rằng: "Dân dã [d] chúng tôi, [4]
Tấm lòng xin ngỏ, chút lời xin thưa.
Từ ngày trọng ly [5] đến giờ,
Một đường sao phúc, muôn nhà Phật sinh [6]
Bao nhiêu Lại tệ dân tình [7]
Đốc soi chẳng chút đỉnh đinh dám lòa.
Tấc lòng xem tựa mẹ cha,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: phu nhân *hỏi*: Buổi *đăng* Kinh.

b) Bản Đ chép: *theo* ông (điệp ý với chữ tùy hành).

c) Bản C, Đ, E chép: *Gót giày* ông mới động *chân*.

d) Bản Đ, E chép: Dân *sự*.

Chú thích:

1. *Sớ tiên*: tờ tâu vua. Ý câu thơ nói: nên cẩn thận lúc làm sớ tâu vua, không nên nóng nẩy vội vàng sợ có điều sơ suất.

2. Sớm khuya sách đèn đây là việc của Mai sinh. Kẻ đây là Mai công.

3. *Lâm kỳ*: đến chỗ rẽ, đến ngã đường ngoặt.

4. *Dân dã:* dân quê.

5. *Trọng ly:* tiếng nói tôn kính, cũng như trọng nhậm, nghĩa là cai trị một nơi.

6. *Một đường sao phúc*: do chữ Hán "nhất lộ phú tính" Ngôi sao giáng phúc tượng trưng người làm ơn nhiều cho dân. *Muôn nhà Phật sinh*: ông Phật sống, thường đi làm phúc cho muôn nhà. Ý câu thơ: nhân dân tôn trọng Mai công như tiên, Phật.

7. *Lại tệ dân tình:* cái tệ của Nha lại, và tình cảnh nhân dân.

Đọc ca mạch tuệ [1] ngâm thơ cam đường [2]
Bấm tay mười mấy năm trường,
Mưa xuân tưới khắp một phương Lịch Thành.
Rày vâng thăng điệu lai kinh [3]
Thỏa lòng hồ thỉ [4] phỉ tình đai cân [5]
Thênh thênh nhẹ bước thanh vân [6],
Cành cây dám tưởng bận chân loan hoàng [7].
Nghĩ cho chút phận tầm thường,
Đạo con cái được tựa nương bấy chầy.
Chỉn e tiếp ly [8] sau này,
Lòng thương cần được như rày mấy phân?
Bấy giờ lễ cách quan dân,
Tưởng công đức trước, lại năn nỉ nhiều.
Lòng thành nay quyết xin theo,
Làm đơn ái mộ [9] dâng liều một chương.
Họa là vua nặng lòng thương.
Thấy tình Trường Xã, lưu chàng Khấu quân".
Ông rằng: "Vâng [(a)] biết lòng dân,
Lời trung hậu ấy, tình thân ái này.

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *vẫn* biết.

Chú thích:

1. *Mạch tuệ*: bông lúa mạch. Nhắc tích Trương Kham đời Hán, làm quan biết khuyên dân chăm việc cấy lúa, trồng dâu. Lúa tốt dâu xanh. Nhân dân làm bài ca khen ngợi ông quan tốt.

2. *Cam đường*: tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, nhắc lại công đức của Thiệu Bá đời Chu, một ông quan tốt, thường ngồi xử kiện ở gốc cây cam đường. Nhân dân nhớ ơn bảo nhau đừng chặt cây cam, giữ làm kỷ niệm.

3. *Thăng điệu lai Kinh:* được thăng chức đến Kinh thành nhận việc.

4. *Hồ thỉ:* do chữ: "Tang bồng hồ thỉ", nghĩa là cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cỏ bồng, tiêu biểu cho chí khí người con trai, đem cung tên mà giúp đời giúp nước.

5. *Đai cân:* giải buộc và khăn. Chỉ người làm quan, việc làm quan.

6. *Thanh vân:* mây xanh, bước thanh vân là con đường bay nhảy.

7. Câu thơ ngụ ý nói: chim phượng hoàng thường đỗ cây cao, những cành thấp bụi gai không xứng với loài chim quí ấy. Ngụ ý: chức Tri huyện Lịch Thành không xứng đáng với tài Bá Cao, nên dân không dám giữ lại.

8. *Tiếp ly:* người nhậm chức thay chân Bá Cao.

9. Khấu quân tức Khấu Tuân đời Đông Hán, làm quan Thái thú ở Trường Xã được nhân dân rất quí mến. Lúc Khấu đi đánh giặc có công, được thăng chức và đổi đi nơi khác, nhân dân làm đơn ái mộ (yêu mến), vua Quang Vũ nghĩ đến tình dân cho Khấu ở lại một năm.

Ta làm Huyện tể bấy nay, [1]
Có chi công đức đáng rày truy tư? [2]
Phương chi thế lộ bây giờ, [(a)]
Dễ dò bụng hiểm, khôn lừa mưu gian.
Họ Lư cưu dạ [3] tham tàn,
Rình như miếng mộc, những toan hại người
Phỏng mà theo hẳn như lời, [(b)]
Ắt [(c)] là mua chuộc lòng người tại ta.
Miệng sàm dệt gấm thêu hoa [4]
Công nào chưa thấy tội đà đến ngay.
Lại càng mang tiếng chẳng hay,
Yêu đây, để xấu cho đây, kẻo [(d)] gì?"
Dân nghe biết ý quyết đi,
Lui ra còn dám nằn nì nữa đâu.
Một đoàn kẻ trước, người sau.
Khen cho rằng khéo bảo nhau một bề.
Lễ đâu đưa đến tức thì,
Vạn dân tản, vạn dân y sẵn sàng [5]
Thưa rằng: "Gọi chút lễ thường,
Mà lòng tạc đá ghi vàng không sai" [(e)]
Ông nghe thấy ý vật nài,
Kíp truyền thu lễ, trao lời giã ơn.
Phu nhân, công tử xuống thoàn (thuyền).
Mai công ở lại đợi còn bàn giao.
Ngại ngùng thay lúc phân bào [6]

Khảo dị:

a) Bản E chép: thế *sự*.

b) Bản Đ, E chép: *được* như.

c) Bản Đ, E chép: *hẳn* là.

d) Bản Đ, E chép: *ích gì*.

e) Bản Đ, E chép: mà lòng *tạc dạ ghi xương* (tiếng dùng không ổn: lòng tạc dạ thì tạc vào chỗ nào?).

Chú thích:

1. *Huyện tể:* quan cai trị đứng đầu một huyện tức Tri huyện.

2. *Truy tư:* thương nhớ sau khi người ấy đã đi rồi.

3. *Cưu dạ:* mang dạ, có bụng, *cưu dạ tham tàn:* có bụng tham tàn.

4. Miệng những kẻ gièm pha (sàm) hay bịa đặt ra nhiều điều (thêu dệt).

5. *Vạn dân tản, vạn dân y:* áo và dù của muôn dân, nghĩa là lễ vật của nhân dân đem tiễn Mai Bá Cao để tỏ lòng yêu mến.

6. *Phân bào:* chia vạt áo, cầm vạt áo mà từ giã nhau, cũng như chia tay.

Kẻ về tử lý [1] người vào ngọc Kinh [2]
Cho hay là kẻ trung trinh,
Nặng lòng vương sự [3], nhẹ tình gia mang [4].
Mặc ai châu lệ hai hàng,
Gác tình nhi nữ xem thường như không.
Vài ngày huyện vụ giao xong,
Ra thành lên kiệu thăng dong nhật trình.
Huyện dân chực sẵn tiễn hành,
Hương đăng bày án [5], tràng đình [6] dựng bia [a].
Đón đưa khắp mặt thiếu ai,
Mấy tòa quan tỉnh, mấy người hương thân [7]
Người dường ra ý ân cần,
Ông thì đủng đỉnh có phần xem khinh [8]
Giã nhau mười dặm tràng đình,
Trông theo đã khuất mây xanh mấy trùng.
Nước non đưa đón người trung,
Suối tuôn dòng chảy, núi chồng lớp cao.
Xăm xăm [b] cỏ đón hoa chào,
Hang men móc vượn, cây xào xạc chim.
Tấc gang Kinh quốc [9] chờ xem,
Đường ngày giục kiệu, điếm đêm đỗ cờ.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *dọn nơi*. *Dọn nơi quan nghỉ* có phần đúng hơn, chứ *dựng bia* làm gì? lại không ăn vần với dưới.

b) Bản Đ, E chép: *nhởn nhơ*, có phần đúng hơn, vì hoa cỏ đón chào thì làm thế nào mà đi được để gọi là ***xăm xăm***. (Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình - Truyện Kiều).

Chú thích:

1. *Tử lý*: làng có trồng cây tử, nơi cha mẹ ở, tức quê hương.

2. *Ngọc Kinh:* Kinh đô nhà vua.

3. *Vương sự*: việc vua, việc công.

4. *Gia mang:* việc nhà bận rộn, việc tư. Câu thơ ý nói: coi việc nước nặng hơn việc nhà.

5. *Hương đăng bày án:* theo lễ nghi ngày xưa, dân đón đưa quan to phải bày hương án có đèn có đỉnh trầm để tỏ lòng tôn kính.

6. *Tràng đình:* ngày xưa đường đi chia ra từng trạm nghỉ chân (đình). Trạm ngắn gọi là đoản đình, trạm dài gọi là trường (tràng) đình.

7. *Hương thân:* những người văn thân trong làng, trong huyện.

8. *Xem khinh:* Ý nói: ung dung, thư thái, không coi là quan trong lắm. (Không phải coi thường, khinh rẻ, vì Mai công không coi khinh nhân dân).

9. *Kinh quốc:* Kinh đô, Thủ đô của một nước.

Kìa chài sớm, nọ cày trưa,
Gió gần giọng mục, mây xa tiếng tiều,
Quê người phong cảnh đìu hiu
Trăng thanh, gió mát đường chiều chuộng ai!
Những màng dong ruổi dặm dài,
Trông ra bỗng thấy bốn người xa xa.
Hỏi ra mới biết rằng là:
Trong Kinh, Lại bộ sai nha đón mình.
Hoàng hôn gác bóng chênh chênh,
Truyền tìm quán khách tạm đình [a] nghỉ ngơi.
Bốn người tức khắc vâng lời,
Trước đi tìm chốn thảnh thơi đón mời.
Tuy rằng quán khách hẹp hòi,
Chốn nằm cũng tĩnh, chốn ngồi cũng thanh.
Thung dung hỏi chuyện trong Kinh:
"Lư, Hoàng lũ ấy tung hoành ra sao?"
Thưa rằng: "Chức trọng quyền cao,
Triều quan quá nửa ra vào làm tôi.
Ai ai khóa miệng bịt hơi,
Ngang vua phú quí, nghiêng trời uy linh.
Đại gia [1] rày ở quan kinh,
Theo đòi nhiều ít thế tình là xong". [2]
Mai công nổi giận đùng đùng,
Rằng: "Phen này quyết chẳng dung loài hồ.
Vào đây ta sẽ hay cho,
Đừng Tung, đừng Kỷ, hết Lư, hết Hoàng!
Mặt nào bắt chước thế thường,
Thiết tha ban tối, khoe khoang giữa ngày."
Gan càng tức, ruột càng đầy,
Truyền thôi cuộc rượu, vào ngay trong bình [3]
Sáng mai thức dậy trông quanh,

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *bộ hành*. Sai ý câu thơ.

Chú thích:

1. *Đại gia:* chính nghĩa là người cha, về sau thành tiếng xưng hô tôn trọng người làm quan, cũng như "đại nhân", "Tướng công".

2. Ý câu thơ nói: cứ thù phụng, đút lót ít nhiều như người đời vẫn thường làm là được.

3. *Bình:* tức bình phong.

Treo trên thấy có bức tranh Di, Tề [1].
Như khêu tấm dạ trung nghì,
Dạy đem nghiên bút tay đề bốn câu [a] [2]
Than rằng: "Thanh ứng khí cầu" [3]
Người kim cổ, dạ [b] trước sau một đường.
Lại truyền giục kiệu lên đường,
Trong Kinh quốc đã tấc gang đó rồi.
Một vùng riêng đặt phủ trời [4],
Hoàng thành chăm chắm [5] kỳ đài cao cao.
Cõi người nước Nhược, nguồn Đào [6]
Liền mây ngàn dãy, bày sao trăm tòa.
Chập chồng vách gấm, tường hoa,
Cửa lầu ngũ phượng, thềm nhà lưỡng long.
Bách quân đóng chặt sân phong [7]
Tiếng chen xe ngựa, vẻ lồng cân đai.
Tìm vào Lại bộ tới nơi,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *thơ đề mấy câu.* Có phần đúng hơn.

b) Bản Đ, E chép: *bụng* trước sau.

Chú thích:

1. *Di, Tề:* Bá Di, Thúc Tề, hai con vua nước Cô Trúc cùng nhường ngôi lại cho em thứ ba, rủ nhau ở ẩn trên núi Thủ Dương. Lúc Vũ Vương nhà Chu đánh Trụ (vua nhà Thương), hai ông Di, Tề ra đón xe mà can ngăn không được, quay về núi Thủ không chịu dùng thóc gạo nhà Chu, hái rau vi ăn cho đỡ đói. Có người bảo: đất nước thuộc nhà Chu thì rau vi cũng của nhà Chu. Hai ông nhịn đói mà chết. Người đời xưa cho hai ông là bậc hiền sĩ.

2. Bốn câu thơ bằng chữ Hán trong tiểu thuyết *Nhị Độ Mai* dịch ra tiếng Việt như sau:

Thuở xưa núi Thủ hái rau vi,
Muôn kiếp danh thơm, miệng ấy bi.
Vì kiến đời này còn kẻ ấy.
Miếu đường chi để lũ gian phi.

3. *Thanh ứng khí cầu:* do câu "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", nghĩa là cùng tiến thì hưởng ứng với nhau, cùng chí khí thì tìm nhau. Ý nói: Mai Bá Cao cũng trung nghĩa như Bá Di, Thúc Tề nên thông cảm chóng.

4. *Phủ trời:* chỗ vua đóng đô.

5. *Chăm chắm:* thẳng tắp.

6. *Nước Nhược:* bởi chữ "Nhược thủy", một con sông nước chảy lờ đờ ở phía cực Tây Trung Quốc. *Nguồn Đào:* bởi chữ "Đào nguyên", suối có hoa đào. Hai nơi tục truyền có tiên ở. Câu thơ ý nói: Kinh thành đẹp như cảnh tiên.

7. *Sân phong:* sân có trồng cây phong (loại cây bàng). Ngày xưa cung điện nhà Hán hay trồng cây phong, nên người ta thường gọi sân cung điện là sân phong.

Truyền nha môn, định ngày mai tiến chầu.
Ngắm xiêm, sửa mũ giờ lâu,
Uốn lưng năm lạy, khấu đầu ba phen.
Lạy rồi len lén tâu lên,
Chúc câu vạn tuế, dâng trên cửu trùng.
Tiếng trời đưa lại bệ rồng:
“Đặt tòa Gián viện”[1] kén dùng kẻ trung.
Sao cho sắt đá một lòng,
Miệng hùm chớ sợ, vẩy rồng chớ ghê”.
Tâu rằng: “Hổ phận ty vi[a][2]
Đem lòng khuyển mã đền nghì cao sâu[b]”.
Thềm đan vừa buổi tan trào,
Bách quan làm lễ khấu đầu lui ra,
Mai công toan trở lại nhà,
Tiện gần tướng phủ sang qua vào liền.
Nghiêm trang cửa thế sân quyền,
Trước bia hạ mã[3] chật lèn ngựa xe.
Ông bèn giả cách vô tri,
Ngồi chăm chắm kiệu, vào kề nghi môn[4]
Môn quan[5] trông thấy thét dồn,
Xôn xao bẻ bót, ồn ồn hỏi tra.
Ông rằng: “Đâu chẳng biết ta.
Huyện quan về Bộ Lại khoa ngày rày.
Buổi chầu nhân tiện sang đây,
Nhờ ai trong ấy bẩm thay cho tường”.
Môn quan rằng: “Lệ phủ đường,
Có đồ yết lễ, có vàng mấy bao.
Có thì sẽ bẩm cho vào,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *ngu si*. Tiếng *ty vi* có phần cầu kỳ.

b) Bản Đ, E chép: *Đem lòng khuyển mã đền nghì bể sông. Tan triều lệnh ngự vào trong, Bách quan lui xuống đều cùng bước ra.*

Chú thích:

1. *Gián viện:* cơ quan của Gián quan làm việc, cơ quan có nhiệm vụ can vua.

2. *Ty vi:* thấp bé.

3. *Bia hạ mã:* bia đề chữ “hạ mã” để trước dinh thự những quan to hoặc miếu đền linh thiêng cho người qua đường biết mà xuống ngựa, tỏ ý kính sợ.

4. *Nghi môn:* cửa chính của nhà quan to.

5. *Môn quan:* quan coi cửa.

Bằng không hãy chực ngoài rào xa xa".
Ông rằng: "Lệ đặt bao giờ,
Ấy là Quốc pháp [1] hay là phủ quy [2]?
Ta đây vốn chẳng cần chi,
Vào thì cũng được, ra thì cũng nên!"
Không xuống kiệu, vẫn ngồi trên,
Tay cầm thủ bản [3] ném bên thềm ngoài.
Kíp truyền quân kiệu tháo lui,
Sang tòa Đô sát, họp người đồng niên
Phùng công ra đón rước liền,
Chủ tân [4] một hội, hàn huyên mấy lời.
Sự tình kể lể lôi thôi,
Ngoài muôn ngàn dặm, trong mười mấy năm.
Xiết bao trò chuyện tri âm,
Khói hương cao thấp, chén trầm đầy vơi.
Mai công rằng: "Lúc mới rồi,
Tức gan mà lại nực cười lắm sao."
Kể từ tướng phủ mới vào,
Thế nào khinh dể, thế nào hỏi han.
Miệng đường lại, [5] mặt môn quan,
Kẻ xin đòi lễ, mình toan ném tờ.
Đinh ninh kẽ tóc, chân tơ.
Từ đầu đến cuối kể qua một hồi.
Chư công [6] rằng: "Hãy kín hơi,
Nghĩ cho chín, mới là người tri cơ [7].
Rồi đây trời cũng có ta,
Làm bao giờ, biết bấy giờ mới cao".
Ông rằng: "Những sợ [(a)] thảo nào,
Bè gian trách chẳng quyền hào lắm ru!

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *như thế* thảo nào.

Chú thích:

1. *Quốc pháp:* phép của nước.
2. *Phủ quy:* nội qui của tướng phủ.
3. *Thủ bản:* bản giấy viết tay.
4. *Chủ tân:* chủ nhà và khách khứa.
5. *Đường lại:* Nha lại, những người tùy thuộc làm việc trong một quan thự.
6. *Chư công:* các ông. Ở đây là mấy ông bạn thân với Bá Cao.
7. *Tri cơ:* biết cơ hội, biết thời cơ.

Như bây giờ việc nên lo,
Quấy hôi đặt miệng, bày trò Trào Châu [1]
Tôi đà tính trước nghĩ sau,
Muốn yên chi khỏi lấy đầu họ Lư?
Thôi đừng sợ oán sợ thù,
Rày lần mai lữa, nhập nhù khó coi.
Việc này giao một mình tôi,
Để xem Kỷ với họ Mai thế nào!
Ví bằng giải kết làm sao,
Giữ gìn Mai Thị gỡ [(a)] vào lối sinh [2]
Già này dù thác cũng vinh,
Suối vàng khuất mặt cũng khinh khích cười".
Thoắt thôi từ tạ mấy người,
Tấc lòng thề chẳng đội trời với ai.
Ngày xuân thấm thoát đưa thoi,
Lư công tuổi thọ sáu mươi vừa tuần.
Định ngày vui mở tiệc xuân,
Vua cho lễ vật, nội thần [3] đen ban.
Lại truyền văn võ bá quan,
Cứ ngày cùng đến tướng môn lễ mừng.
Phủ đường, dọn dẹp tưng bừng,
Rỡ ràng kết thái trương đăng [4] trong ngoài.
Vóc đề chữ, gấm thêu bài,
Vịnh ca Thiên bảo [5], chúc lời Nghiêu Hoa [6]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *trỏ* vào lối sinh.

Chú thích:

1. *Trào Châu*: một địa điểm thuộc tỉnh Quảng Đông, nơi Hàn Dũ bị giáng chức ra làm Thứ sứ vì đã dâng biểu xin vua chép quyền thần. Tác giả nhắc việc này có ý nói: việc Bá Cao sẽ giống như thế. Nhưng việc Hàn Dũ lại xảy ra ở đời Đường Hiến Tông sau Đức Tông. Chắc tác giả nêu tích này ra, không để ý đến thứ tự thời gian của sự kiện lịch sử.

2. Gỡ cho khỏi bị tiêu diệt.

3. *Nội thần*: quan hầu trong nội cung nhà vua như thị vệ, nội giám, hoạn quan...

4. *Kết thái, trương đăng:* kết hoa, treo đèn.

5. *Thiên bảo:* một bài thơ trong *Kinh Thi* có chín chữ *như* để chúc tụng nhà vua: bền *như* núi, dài *như* sông, đẹp *như* mặt trăng, đỏ *như* mặt trời mọc .v.v...

6. *Nghiêu Hoa*: lời của người coi ấp Hoa chúc vua Nghiêu khi đến thăm ấp: chúc giàu có, sống lâu, đông con trai.

Dập dìu chốn múa [a] nơi ca,
Trò bày bách hí, [1] nhịp hòa bát âm.
Chong giá nến, quạt lò trầm,
Rót bình rượu ngọc, dâng mâm đào vàng.
Võng đầy cửa, ngựa chen đàng,
Khắp triều quan đến, khắp hoàng thân ra.
Bày phô chén ngọc, đũa ngà,
Gia hào [2] mấy thức [b], trân la [3] mọi mùi
Tướng công thăm thẳm xa ngồi,
Tiếp tân phó mặc con nuôi họ Hoàng.
Mai công lễ vật tầm thường,
Miến vài cân với lạp hoàng [4] vài đôi.
Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
Tìm Lư công đến tận nơi tiến trình.
Tướng công ngồi trước thọ bình [5],
Chói vàng bông mũ, ngất xanh hoa bào [6]
Tư bề trướng gấm màn đào,
Mùi hương xạ ngát, tiếng thiều nhạc [7] rung.
Trông xa [c] nhác thấy Hoàng Tung,
Xem đơn lễ mới thung dung dạy lời:
"Ít nhiều có lễ thì thôi,
Hãy thu lấy đấy, khuyên mời hẳn hoi.
Tay này là bậc đại tài,
Để ta mua chuộc làm tôi tớ nhà".
Cứ lời, Tung mới bước ra,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: ... chốn *vũ*...

b) Bản C, Đ, E chép:... mấy *vị* ...

c) Bản G chép: *Trông ra*...

Chú thích:

1. *Bách hí:* trăm trò vui.
2. *Gia hào*: đồ nhắm ngon.
3. *Trân la*: thứ rau thơm và quí.
4. *Lạp hoàng*: nến vàng, sáp ong.
5. *Thọ bình*: bình phong có chữ thọ.
6. *Hoa bào*: áo thêu (hoặc vẽ) hoa.
7. *Thiều nhạc*: khúc nhạc đời vua Thuấn có tiếng hay nhất đời xưa. Đây ý nói: âm nhạc rất hay.

Chào rằng: "Vâng mệnh ân gia [1] mời ngồi.
Lễ đơn [2] đây đã thu rồi,
Dám khuyên [(a)] vài chén tiệc vui gọi là!"
Mai công rằng: "Những ở xa,
Chẳng hay qui chức tuổi đà bao nhiêu?"
Tung rằng: "Tuổi cũng chưa nhiều,
Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già".
Ông rằng: "Thực cũng khéo là,
Thế mà nghĩa phụ [3] thế mà ân nhi [4].
Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn?
Mới hay vượng khí tướng môn [5],
Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng". [6]
Tung nghe ra giọng đâm hông,
Mặt ngăn ngắt tím, mắt sòng sòng trông.
Các quan biết ý Hoàng Tung,
Giả điều mời rượu Mai công ép nài.
Ông rằng: "Lượng rượu kém ai,
Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.
Nghe hơi tử khí [7] đâu đây,
Dẫu rằng nửa chén đưa cay chẳng màng.
Đến đây vâng mệnh Thánh hoàng,
Sá vui kèo rót với tuồng quyền gian".
Hoàng Tung đỏ mặt sốt gan,
Bất thình lình bỗng trong bàn mất vui.
Như mèo tiu nghỉu mất tai. [(b)]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *xin* vài chén. Các bản khác chép: khuyên vài chén.

b) Bản G chép: *như mèo thui thủi mất tai.*

Chú thích:

1. *Ân gia:* cha nuôi, ở đây tức là Lư Kỷ, bố nuôi Hoàng Tung.

2. *Lễ đơn:* đơn kê các lễ vật đưa đến

3. *Nghĩa phụ:* cha nuôi (cũng như tiếng *ân gia).*

4. *Ân nhi:* con nuôi.

5. *Vượng khí tướng môn:* khí thượng vượng ở nhà quan Tể tướng.

6. Lư Kỷ 60 tuổi là cha, Hoàng Tung 54 tuổi là con. Sáu tuổi đã sinh con đầu lòng. Một câu chế giễu cay độc.

7. *Hơi tử khí:* hơi người chết. Ngày sinh nhật, tiệc thọ linh đình mà nói có tử khí là một cách rủa mát bố con Lư Kỷ.

Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai.
Vào trong tức tốc một hơi,
Bên mà Lư Kỷ, kể ngồi nỉ non.
Nhỏ to chua cái, chua con: [1]
"Hôm xưa kiệu đến nghi môn còn ngồi.
Mới rồi đưa lễ diễu chơi.
Đã câu rủa mát, lại lời đưa chênh.
Gần chùa gọi Bụt là anh [2],
Không văn pháp nữa, còn danh giá gì."
Lư rằng: "Con chớ lo chi,
Ra tay, rồi sẽ liệu kỳ [a] bẻ mai,
Cho vào bạn đảng [3] thì thôi,
Bấy giờ dẫu nghỉ [b] kêu trời cũng xa!"
Bè gian đang sắp mưu lừa,
Bỗng đâu nội giám đã ra truyền đòi.
Liền tay thảo sớ một bài,
Theo chân nội giám vào nơi đền rồng.
Vua Đường rằng: "Buổi thong dong,
Hứng vui nên gọi tướng công hầu cờ".
Bàn son bày sẵn quân ngà.
Lư công có ý chịu thua hai bàn.
Đứng tâu trước mặt long nhan:
"Lòng lo việc nước, nào toan đến cờ.
Ai hay những kẻ chẳng ngờ,
Lời biên quan [4] báo, thực là không sai.
Ong trong tay áo có người,
Giao thông giặc Thát [5] toan bài nọ kia.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: liệu *bề*. Bản G chép: liệu *ngày*.

b) Bản E chép: nghỉ (các bản khác chép là nghĩ).

Chú thích:

1. *Chua cái, chua con:* danh từ *chua* có nghĩa là chú dẫn, dẫn giải (chua nghĩa sách); ở đây là kể tỉ mỉ việc lớn việc bé.

2. Do câu ca dao: "Gần chùa gọi Bụt bằng anh. Thấy Bụt hiền lành bế Bụt đi chơi". Ý nói: coi thường những người tốt, lành với mình.

3. *Bạn đảng:* đảng làm phản, bọn chống lại triều đình.

4. *Biên quan:* quan coi biên giới.

5. *Giặc Thát:* Thát Đát, một bộ phận của Hung Nô, về sau là Mông Cổ.

"Tâu lời nghe [a] những ngô nghê..."
Một tờ đoản biểu [1] tức thì giở ra.
Vua Đường cất lấy xem qua,
Mới hay bạn nghịch ấy là Bá Cao.
Truyền xem chính pháp thị tào [2],
Lư công xin để buộc vào có tang.
Ghé tai tâu mật mọi đường:
"Xin làm như thế mới tường đầu đuôi".
Buổi chầu vừa rạng ngày mai,
Đường hoàng rằng: "Mới tin ngoài lại tâu:
Ải quan rợ Thát [3] khuấy rầu,
Định ngày tiến thảo [4] ngõ hầu an biên [5].
Cho Đông Sơ với Lạc Thiên,
Kẻ quyền Than tán, người quyền Đổng binh [6].
Văn thần ra sức đăng bình [7],
Dẹp yên khói giặc, quét thanh bụi Hồ".
Hai người nghe nói căn do,
Trước thềm phủ phục, mướt mồ hôi lưng.
Mai công ra trước tâu rằng:
"Dám bày lòng kiến xin dâng bệ rồng.
Phen này động việc binh nhung,
Cũng vì Lư Kỷ, Hoàng Tung hai người.
Khéo là bày việc trêu ngươi,
Cấm cơ chẩn mễ [8], cướp mồi tiểu di [9],
Thóc kho, của nước thiếu chi,

Khảo dị:

a) Bản G chép: *Tâu lời ấy...*

Chú thích:

1. *Đoản biểu:* tờ biểu ngắn (báo cáo để tâu vua).

2. *Chính pháp thị tào:* xử theo pháp chính (xử tử) và đem chém ở pháp trường.

3. *Rợ Thát:* phong kiến Trung Quốc ngày xưa coi các dân tộc chung quanh Trung Quốc là *mọi rợ*. Rợ Phát, rợ Hồ v.v...

4. *Tiến thảo:* đem quân đi dẹp giặc.

5. *An biên:* làm cho biên giới được yên ổn.

6. *Than tán, Đổng binh:* hai chức quan coi việc đem quân đi đánh giặc.

7. *Đăng bình:* dẹp giặc cho yên dân.

8. *Chẩn mễ:* gạo phát chẩn.

9. *Tiểu di:* dân mọi rợ nhỏ. Ý câu thơ nói: bọn gian thần Lư Kỷ, Hoàng Tung đã cướp thóc gạo mà vua định đem phát chẩn cho dân tiểu di, nên dân nổi loạn.

Xin cho chẩn thải [1] theo y lệ thường.
Lấy đầu hai gã Lư, Hoàng,
Ắt là Thát trở về hàng chẳng sai.
Can chi gây việc cõi ngoài,
Đem tài qua giáp ép người văn chương" [2].
Vua Đường [a] nổi giận vội [b] vàng,
Rằng: "Vì giặc Thát tìm đường hoãn binh".
Kíp truyền đao phủ chính hình.
Mới hay tấm dạ trung trinh [c] khác thường.
Hãy còn ngảnh lại triều đường,
Miệng còn sỉ nhục Lư, Hoàng chưa thôi,
Thương thay trung nghĩa như ai,
Sa cơ một phút ra người cửu nguyên [3]
Trần Đông Sơ với Lạc Thiên,
Vạ lây cũng phải cách quyền hồi dân [4]
Hai người thương kẻ trung thần,
Nghĩ tình bè bạn [d] ân cần thở than.
Cùng Mai Bạch mới lo toan,
Vào chùa Tướng quốc bàn hoàn với sư.
Xin đem linh cữu để nhờ.
Giục chàng Mai Bạch về nhà đưa tin.
Mới hay tục ngữ thế truyền,
Lời rằng "họa chí vô đơn" [5] cũng thường.
Lòng chua xót, bước phong sương,
Nửa đường Bạch cũng suối vàng chơi xa.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Đường hoàng.

b) Bản E chép: *tòa* vàng.

c) Bản Đ, E chép: *kiên* trinh.

d) Bản Đ, E chép: *bạn hữu.*

Chú thích:

1. *Chẩn thải:* phát chẩn và cho vay.

2. *Qua giáp:* giáo mác và áo giáp. Cả câu ý nói: bắt ép những quan văn đi đánh giặc.

3. *Cửu nguyên:* chín suối, cõi chết.

4. Hai bạn thân của Mai Bá Cao là Trần Đông Sơ và Phùng Lạc Thiên cũng bị liên lụy cách chức về làm dân.

5. *Họa chí vô đơn:* bởi câu *"họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai"*, nghĩa là tai họa không đến một mình, phúc lộc không lại hai lượt.

*

* *

Lư công giả chỉ sai [a] ra,
Đến Thường Châu nã một nhà họ Mai.
Ruổi mau lệnh tiễn [1] hỏa bài [2]
Mấy ngày thoắt đã tới nơi Châu Thường.
Còn đương trách cứ phủ đường,
Biết tình [b] may có một chàng Đồ Thân.
Đêm khuya kíp vội dời chân,
Mách công tử với phu nhân liệu đường.
Mẹ con xiết nỗi kinh hoàng,
Cùng xuôi nỗi thảm [3] vội vàng trốn đi.
Chia đường tìm chốn trợ thì,
Đỡ đi gấp khúc [c], đỡ khi vận cùng.
Phu nhân sang đất Sơn Đông,
Có em ly đó cũng trong đồng bào [4].
Đồ Thân lòng tiết nghĩa sao.
Tưởng ân nghĩa trước xin theo đi cùng.
Sửa sang hành lý vừa xong,
Một công tử với Hỉ Đồng bước [d] ra.
Nghi Trưng huyện ấy chẳng xa,
Nhạc thân [5] ly đó tên là Hầu Loan.
Ngại ngần gặp bước gian nan,
Người bâng khuâng mẹ, kẻ bàn hoàn con.
Trời đà mở lối sinh môn [6]
Rồng về biển, cọp về non bao giờ?

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Lư công *mạo chỉ truyền ra.*

b) Bản C, Đ, E chép: *mỏng tai.*

c) Bản Đ, E chép: gấp *rút* (sai nghĩa câu thơ).

d) Bản Đ, E chép: *đi* ra.

Chú thích:

1. *Lệnh tiễn:* lá cờ nhỏ có chữ lệnh, ngọn cờ vẽ mũi tên của các quan võ dùng để ra hiệu lệnh.

2. *Hỏa bài*: mảnh gỗ có viết chữ dùng làm hiệu lệnh của các quan, có phê chữ *hỏa* nghĩa là cần kíp như lửa nóng, cũng như ta dùng tiếng *hỏa tốc* ngày nay.

3. *Cùng xuôi nỗi thảm:* cùng nén nỗi thảm xuống.

4. Danh từ *đồng bào* dùng đây theo nghĩa hẹp của nó là anh em ruột.

5. *Nhạc thân*: ông nhạc (chỉ bố vợ Mai sinh).

6. *Sinh môn:* cửa sống, con đường sống.

Phủ binh [1] khen khéo hững hờ,
Canh năm vừa kéo đến nhà họ Mai.
Trước sau nào thấy [a] một ai,
Khói nhà lạnh ngắt, tiếng người vắng tanh.
Sai nha nó những nghi tình, [b]
Bảo nhau tầm nã chung quanh trong làng.
Phu nhân phận ấy đã an [c],
Cũng may được chốn nhà em nương mình.
Thương thay công tử tuổi xanh,
Long đong mấy hội, gập ghềnh mấy phen.
Từ khi thầy tớ xuống thuyền,
Thuận dòng thủy đạo [2] tới miền Nghi Trưng.
Tới nơi lên bộ dùng dằng.
Vào nơi phạn điếm [3] hỏi chừng trước sau:
Lạ lùng xin tỏ cho nhau,
"Huyện quan có phải họ Hầu tên Loan?"
Nhà hàng thấy khách hỏi han, [d]
Trình rằng: "Thôi chớ hỏi bàn làm chi.
Lòng người ăn xổi ở thì,
Nặng bên danh lợi, nhẹ bề thân hơi.
Cho hay giầu điếc, sang đui,
Tìm vào [e] trước đã lắm người ra không".
Nghe thôi [g] công tử ngại ngùng,
Ngồi bên khen chú [h] Hỉ Đồng mỏng tai.
Đêm khuya ghé lại rỉ lời:
"Lòng người nham hiểm, thói đời viêm lương
Mới rồi nghe chuyện nhà hàng,

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: nào *có* một ai.

b) Bản Đ, E chép: *thấy thế.*

c) Bản C, E chép: đã *cam.*

d) Bản B, Đ, E, G chép: thấy nói. *Thấy khách* có phần đúng hơn. Nói và hỏi trùng lặp.

e) Bản G chép: *Tìm người.*

g) Bản G chép: *Nghe rồi.*

h) Bản C, Đ, E chép: *gả, Hỉ Đồng.*

Chú thích:

1. *Phủ binh:* lính phủ ở Thường Châu, quê Mai Công.
2. *Thủy đạo:* đường thủy.
3. *Phạn điếm:* hàng cơm, quán cơm.

Họ Hầu đây cũng là phường lăng nhăng.
"Mà ta lánh nạn bằng chừng, [a]
Chúng tôi dại dạ nghĩ đừng vội tin.
Chấp kinh nếu chẳng tòng quyền [1]
Sợ khi [b] muôn một chu tuyền làm sao? [2]
Tôi xin thay mặt trước vào,
Nghe binh tình ở thế nào thử xem.
Bằng ra lòng cá dạ chim,
Tôi đương nạn ấy, người tìm nẻo xa".
Túi hành lý gửi vào nhà,
Tớ thầy đổi áo bước ra lên đường.
Lạ lùng lẫn lộn hèn sang,
Hỉ Đồng đi trước, để chàng theo sau.
Đồng đà [c] liệu trước mưu sâu,
Mua tì sương [3] đã buộc đầu giải [d] lưng.
Bước vào cửa huyện Nghi Trưng,
Để công tử chực nghe chừng một nơi.
Cậy người môn lại thưa lời,
Đưa tin bán tử [4] họ Mai sang hầu.
Truyền cho vào tận trong lầu,
Hầu Loan hỏi hết gót đầu vân vân.
Hỉ Đồng thưa chuyện xa gần,
Nỗi nhà oan khốc, nỗi thân lạc loài.
Nói [e] thôi giả cách sụt sùi,
Nào hay Hầu Thị là người bạc đen.
Dứt lời trở mặt quở liền:

Khảo dị:

a) Bản G chép: *lánh tội.*

b) Bản G chép: *Sợ kinh.*

c) Bản G chép: *Hỉ Đồng.*

d) Bản C, E chép: *lai* lưng; bản Đ chép: *đai* lưng.

e) Bản Đ, E chép: *thoắt* thôi.

Chú thích:

1. *Chấp kinh:* giữ lẽ thường (gần như ta nói: giữ đúng nguyên tắc); tòng quyền: theo lúc biến (bất thường) mà làm (gần như ta nói: linh động).

2. *Muôn một:* muôn phần chỉ chắc một phần, nghĩa là không may, nguy hiểm; Chu tuyền: lo cho trọn vẹn.

3. *Tì sương:* một thứ thuốc độc.

4. *Bán tử:* con rể.

Tội nhân ai dễ có quyền dám dong?
Con ta yểu điệu khuê phòng,
Có Tây tử [1] đó, thiếu đông sàng [2] nào!
Ở đây mười mắt trông vào,
Rõ ràng án ấy tha sao cho đành".
Kíp truyền ngục tốt giao canh:
"Rồi đây ta sẽ tiến Kinh cho rồi".
Bấy giờ công tử đứng ngoài,
Trông vào đã thấy tơi bời điệu ra.
Quá thương nhường muốn hỏi qua,
Hỉ Đồng liếc mắt xa đưa ý chàng.
Trong mình sẵn gói tì sương,
Giở ra nuốt ực quyết đường quyên sinh.
Nghĩ người con trẻ thương tình,
Nghĩa thầy tớ nặng, thân mình xe không.
Những rằng [a] Mai Thị thân vong [3],
Giả hình, ai biết Hỉ Đồng là ai.
Một đoàn ngục tốt tơi bời,
Khiêng ra cửa bắc, táng ngoài đồng không.
Mai sinh theo hút xa trông,
Viếng thăm, làm dấu, mới phong nên phần [4]
Nghĩ đi nghĩ lại tần ngần,
Tay không đất khách, một thân quê người.
Biết cùng ai tỏ khúc nôi,
Dở dang hai lẽ, tới lui khó lòng.
Bước lần bỗng tới gần sông,
Xuống thuyền nhờ để tìm vùng lánh xa.
Trọn ngày đến bến lên bờ,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *tưởng* là. Bản G chép: *Những là.*

Chú thích:

1. *Tây tử:* Tây Thi, một cô gái đẹp tuyệt, người nước Việt (đời Xuân Thu bên Trung Quốc). Vua nước Việt là Câu Tiễn muốn báo thù nước Ngô, đem Tây Thi dâng cho vua Ngô Phù Sai. Phù Sai mê Tây Thi quên việc nước, bị Câu Tiễn tiêu diệt.

2. *Đông sàng:* giường bên đông, ý nói: rể tốt. Do tích Vương Hy Chi là một người tốt, lúc có đến kén rể ở nhà họ Vương thì Hy Chi vẫn điềm nhiên ngồi trên giường ở phòng bên đông. Ý câu thơ nói: nếu có con gái đẹp thì thiếu gì người đến xin làm rể.

3. *Thân vong:* chết.

4. *Phần:* ngôi mộ. *Phong nên phần:* đắp thành mộ.

Trời hôm vào đấy là chùa Thọ Am.
Than rằng: "Tội báo cho cam,
Thế này trời hãy còn làm đến đâu.
Họ Lư tầm não còn lâu,
Tấm thân đã biết về sau thế nào?"
Trong lưng sẵn giải lụa đào,
Cởi ra, sinh đã buộc vào cành cây
Thương ôi! Sao khéo đang tay!
Thân này đã quyết với dây ấy rồi.
Trời còn cứu kẻ anh tài,
Trong chùa bỗng có một người bước ra.
Lòng lành thấy sự oan gia,
Trở vào bạch [1] với sư già trước sau.
Sư ra dạy cởi xuống mau,
Khương thang [2] kíp đổ, giờ lâu tỉnh dần.
Thấy người trạng mạo văn nhân,
Quá thương sư mới hỏi gần hỏi xa.
Nỗi mình đâu dám giở ra,
Sinh bèn chống chế, kêu ca liệu lời.
Rằng: "Con chút phận tôi đòi,
Giữ đồ thầy để mất vài bốn bao.
Trở về nghĩ chẳng tha nào,
Bực [a] mình nên phải quyết liều quyên sinh".
Sư rằng: "Cửa Bụt thênh thênh,
Tòng quyền hãy tạm gửi mình ở đây.
Nhà chùa công việc cũng đầy,
Dẫu rằng lau án, tưới cây cũng là.
Vả trông ra dáng con nhà,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *Cực mình*. Có phần đúng hơn. *Bực mình* thì không đến quyên sinh bao giờ.

Chú thích:

1. *Bạch:* thưa. Tiếng dùng trong nhà chùa.

2. *Khương thang:* nước gừng nóng.

Sẵn nghiên bút viết một vài chữ [a] xem."
Vâng lời cất bút Giang Yêm [b] [1]
Tay đề bốn chữ [c] "Thọ Am tự thuyền" [2].
Sư rằng: "Này bút thiên nhiên [3]
Lọ tìm Vũ kiếm [4], lọ khen Lan đình" [5].
Phòng văn giao mặc viết kinh
Vườn hoa lại phó một mình sửa sang. [d]
Sức người như giúp hơi dương,
Một vườn tươi tốt bằng nhường thêm xuân.
Những mong bóng Phật nương thân,
Hay đâu bỗng chốc lương nhân dắt vào. [6]
Nỗi sư nào biết đâu nào,
Chẳng là tên gọi Nhật Cao họ Trần.
Thám hoa võ cử [7] xuất thân,
Ba nơi tọa trấn mấy lần đổng binh. [8]
Thờ ơ áng lợi nền danh,
Vui lòng tuyền thạch [9], gửi mình thuyền am [10].
Trần Đông Sơ ấy là em,
Một ngày thong thả mới tìm sang chơi,
Anh em kể lể lôi thôi,
Có khi nhắc chuyện họ Mai khóc thầm.
Mai sinh riêng dạ nghĩ ngầm,
Xem trò chuyện ấy biết tâm tích [11] rồi.

Khảo dị:

a, b, c) Bản C, Đ, E, G chép: Sẵn nghiên bút viết một vài *tờ* xem. *Dẫu rằng xấu tốt chẳng hiềm, Sinh bèn đề chữ* "Thọ Am tự thuyền".

d) Bản G chép: Vườn hoa giao phó một mình, Cây cây bón tưới, cành cành sửa sang.

Chú thích:

1. *Giang Yêm:* một danh sĩ nước Lương đời xưa, ở bên Trung Quốc, văn hay chữ tốt.
2. *Thọ Am tự thuyền:* chùa Thọ Am.
3. *Bút thiên nhiên:* bút tự nhiên viết tốt như trời phú tính cho.
4. *Vũ kiếm:* nét bút như gươm múa.
5. *Lan đình:* lối chữ của Vương Hy Chi, tươi đẹp như hoa nở, lưu truyền về sau gọi là thiếp Lan đình.
6. *Lương nhân:* người tốt, người đem duyên tốt lại.
7. *Thám hoa võ cử:* đỗ Thám hoa võ.
8. *Tọa trấn:* ngồi làm quan ở một nơi. Đổng binh: coi sóc việc binh, đem quân đi đánh.
9. *Tuyền thạch:* suối và đá, tức là cảnh núi rừng.
10. *Thuyền am:* nhà chùa.
11. *Tâm tích:* việc giấu kín trong lòng.

Hai ông tìm hứng mua vui,
Dắt tay, sánh bước, chân dời vườn sau.
Xem hoa vừa ý, gật đầu,
Trình anh mới kể mấy câu nằn nì:
"Mười năm [a] theo việc vương kỳ [1],
Sân Đào [2] mấy lớp, đông ly [3] bỏ rèm.
Gốc cằn, cỗi rậm, khó xem,
Cỏ cây ví với am thuyền kém xa.
Tiểu đây kể khéo có thừa,
Nhà em bên ấy xin nhờ một tay".
Sư rằng: "Anh cũng là may,
Ngày xưa được chú tiểu này bỗng không.
Họ Vương tên gọi Hỉ Đồng,
Bút nghiên tay giỏi, nghi dung con nhà.
Việc quen sửa cảnh, vun hoa,
Cho về bên ấy nương nhờ cũng hay!"
Mai sinh bèn lạy tạ thầy,
Theo về Trần phủ [4] một giây đến nhà.
Trần công cười nói lôi la, [b]
Đòi công tử với cùng là phu nhân.
Tiểu thư cũng gọi đến gần,
Rằng: "Hôm nay buổi dời chân tham thuyền [5]
Xin anh được gã thiếu niên,
Cảnh hoa việc biết [c], bút nghiên nghề nòi".
Những xem phong dạng con người,
Một nhà ai cũng một lời khen lao,
Mai sinh đành phận biết sao,

Khảo dị:

a) Bản G chép: *Mấy năm.*

b) Bản Đ, E, G chép: *lui ra.*

c) Bản G chép: *Việc hoa cảnh biết.*

Chú thích:

1. *Vương kỳ:* kinh đô nhà vua, như là đế đô, kinh kỳ.

2. *Sân Đào:* sân họ Đào tức là Đào Tiềm, đời nhà Tấn một nhà thơ làm Tri huyện treo ấn từ quan về nơi vườn ruộng, làm bài thơ "Qui khứ lai từ".

3. *Đông Ly:* giậu bên đông, nơi trồng các thứ hoa đẹp.
Bỏ rèm: buông rèm xuống, ý nói sống nhàn tản ẩn náu.

4. *Trần phủ*: dinh của Trần Đông Sơ.

5. *Tham thuyền:* thăm cảnh chùa.

Khi ra viết thiếp, khi vào sửa hoa.
Cửa người ngày tháng lân la,
Một mình riêng những xót xa sự mình.
Sinh ly xa cách huyên đình [1],
Một cây bóng ngã [(a)] mấy cành tang du [2].
Sơn Đông [3] non nước mịt mù.
Niềm thương nỗi nhớ biết hồ có nguôi.
Nghi Trưng [4] một nắm cát vùi,
Vì ai nên nỗi thiệt thòi đến ai.
Sau này dù nhẫn có trời [(b)],
Nghĩa kia có biết đền bồi được chăng?
Thành sầu cao ngất tầng tầng,
Một vườn cây gió đêm trăng thẫn thờ.
Hay đâu con tạo lọc lừa,
Chen vòng hắc vận [5], trao tơ xích thằng [6]
Có phen bên gió, dưới trăng,
Buổi man mác bóng, cơn văng vắng người.
Trong vườn tha thướt dường ai,
Xem toàn đổ lá, giục đòi [7] hái hoa.
Người đâu [(c)] trong ngọc trắng ngà [8],
Mặt vành vạnh nguyệt, tóc ngà ngà mây.
Lập lòa mớ đính mớ thay,
Sắc xiêm hoa dệt, nét giầy phượng thêu.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Một cây bóng *ngã* (không đúng nghĩa).

b) Bản Đ, E chép: có *người. Có trời* hợp lý hơn vì *có trời* soi lại, nhưng *có đền được nghĩa không,* mới đúng ý câu thơ.

c) Bản G chép: *Đến* đâu.

Chú thích:

1. *Huyên đình:* sân có trồng cỏ huyên, chỉ chỗ mẹ ở.

2. *Tang du:* cây dâu, cây bưởi. *Bóng ngả cành tang du:* bóng chiều tức là cảnh già. Do chữ "Tang du mộ cảnh", nghĩa là cảnh bóng nắng buổi chiều trên cây dâu, cây bưởi.

3. *Sơn Đông:* nơi Mai phu nhân lánh nạn, chỗ người em làm quan.

4. *Nghi Trưng:* nơi Hầu Loan làm Tri huyện. Nhắc lại việc Hỉ Đồng hy sinh cứu Mai sinh.

5. *Hắc vận:* vận đen, lúc không may.

6. *Xích thằng:* chỉ thắm tơ hồng, chỉ buộc duyên vợ chồng (theo tích trong truyện đời xưa: ông Tơ, bà Nguyệt xe duyên vợ chồng).

7. *Hoàn, a hoàn, đòi:* đầy tớ gái.

8. So câu này với câu "Rõ ràng trong ngọc trắng ngà" trong *Truyện Kiều.*

A hoàn một lũ nối theo,
Quạt tha thướt phẩy, lò dìu dặt mang.
Xa xa thoang thoảng mùi hương,
Mai sinh trông liếc, rõ ràng tiểu thư.
Mối tình buộc lấy khư khư,
Hồn bâng khuâng quế, phách thờ thẫn mai [1]
Của đâu trêu nghẹo chi ai,
Ấy người cung Quảng [2], hay người đài Dương [3].
Tấc riêng riêng những mơ màng [4]
Chữ tư đề dưới chữ tương ngày ngày.
Nghĩ mình lưu lạc đã dày,
Chút niềm tâm sự dám bày cùng ai.
Lại mang cái tiếng tôi đòi,
Nhân duyên trời có chiều người cho chăng.
Thu đông trải mấy gió trăng,
Bông đào chợt đã báo chừng nửa xuân.
Một vườn cảnh vật tiên tân [5]
Mõ xa cánh bướm [(a)], kệ gần lưỡi oanh! [6]
Trần công nhân buổi dạo quanh,
Đầy vườn thấy nở chật cành hoa mai.
Tính ngày mai, tối mười hai, [(b)]
Truyền làm tiệc rượu đặt nơi hoa đình [7]
Vào trong khi bất thình lình,
Phu nhân xem thấy ra tình không vui.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *cành biếc.*

b) Bản G chép: *đêm mười hai.*

Chú thích:

1. *Hồn quế, phách mai:* hồn như cây quế, phách như cây mai (Hồn phách thơm tho nhẹ nhàng) một cách tả giấc ngủ cho bóng bảy, đẹp lời văn.

2. *Cung Quảng:* cung Quảng Hàn, tức cung trăng.

3. *Đài Dương:* Dương đài nơi vua Tương Vương nước Sở nằm mơ thấy hội ngộ với thần nữ ở núi Vu Sơn.

4. So câu này với câu "Nỗi riêng riêng những bàn hoàn" trong Truyện Kiều.

5. *Tiên tân:* tươi tốt, mát mẻ.

6. *Mõ xa cánh bướm, kệ gần lưỡi oanh:* gõ mõ, đọc kệ là chuyện nhà chùa. Giọng chim oanh hót gần nghe như lời kệ, cánh bướm phất phơ xa xa như tay gõ mõ (hơi ép). Hoặc là: Mai sinh vừa ở cảnh nhà chùa sang lại, vướng ngay tình ái, nên mõ và kệ bây giờ với chàng chỉ là cánh bướm, giọng oanh.

7. *Hoa đình:* nhà chòi xây ở vườn hoa để thưởng thức hoa.

Rằng: "Vườn ta cảnh ưa người,
Sắc ông sao bỗng kém tươi, thêm sầu?"
Ông rằng: "Há phải vì đâu, [a]
Ngày mai sực nhớ giỗ đầu Mai huynh [1]
Nghĩa bằng hữu, bậc trung trinh,
Thấy hoa mai, bỗng động tình xót ai".
Sáng ngày mượn tiếng thưởng mai,
Đem lòng thành kính, viếng người tinh anh:
"Có thiêng chăng nhẽ, Mai huynh!
Chớ nề u hiển [2] thấu tình anh em.
Bây giờ kẻ khuất đã cam,
Kẻ còn run rủi cho tìm thấy tôi."
Trông hoa lại nhớ mấy lời:
"Họ Mai còn chút lạc loài nên thương.
Phỏng ngày sau có ra tuồng,
Thì hoa lại [b] nở bội thường hơn xưa".
Hóa nhi khen khéo thờ ơ,
Bởi đâu một trận gió mưa đêm trường.
Sáng mai trông lọt bốn tường,
Cánh [c] hoa dưới đất, mùi hương trên trời.
Trần công chẳng thấy như [d] lời,
Thương tình bạn, giận sự đời, ngổn ngang.
Gác ngoài phú quí một tràng,
Mũ ni, tràng hạt, quyết đàng xuất gia.
Phu nhân, công tử vào thưa:
"Xưa nay mưa gió rụng hoa đã thường [e].
Làm chi nhọc bụng lo lường.
Tuổi già, nhà vắng, thêm đường dở dang".
Ông rằng: "Thôi chớ bàn ngang,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E, G chép: *chẳng đánh mà đau.*

b) Bản Đ, E chép: *thì hoa mai nở.*

c) Bản E chép: *cành hoa.*

d) Bản Đ, E chép: chẳng *nên* lời.

e) Bản C, E chép: ... *là thường. Là thường* tự nhiên hơn *đã thường*

Chú thích:

1. *Mai huynh:* ông anh họ Mai tức Mai Bá Cao.

2. *U hiển:* âm phủ và dương gian (ý nói: kẻ khuất người còn). "Chớ nề u hiển mới là chị em" *(Truyện Kiều).*

Một lời nói, dẩu nghìn vàng đổi sao![a][1]”
Cả nhà xiết nỗi thảm sầu,
Tiểu thư lạy trước[b] thưa sau giãi bày.
Rằng: “Xin đợi lại mấy ngày,
Cầu trời, khấn Phật hoa này lại tươi”.
Ông rằng: “Thực có như lời,
Mai hoa độ nở mới dời lòng ta”[2].
Tiểu thư ra trước vườn hoa,
Khấn năm bảy lượt, lạy và bốn phen.
Lòng thành thấu cửa trùng thiên[3],
Cành phàm đã chắp hoa tiên bao giờ.
May đâu[c] đến bữa thứ ba,
Mai sinh thức dậy bấy giờ còn khuya.
Hương đâu phưng phức tứ bề,
Hoa đâu san sát đầy khê một vườn.
Tấm lòng mừng rỡ như son,
Đề thơ tứ tuyệt thất ngôn[4] một bài.
Đề rồi bẻ một cành mai,
Trao con đòi, cậy đưa lời đến ông[d].
Một nhà thấy sự lạ lùng.
Trước sau một lũ đều cùng[e] ra coi.
Trần công rằng: “Sự tỏ mười.
Chắc rằng Mai Thị còn người làm nên!”
Nỗi tu gác để một bên,

Khảo dị:

a) Bản G chép: *đổi đâu.*

b) Bản Đ, E chép: Tiểu thư *lập chước* (không xuôi nghĩa)

c) Bản G chép: May *sao* ...

d) Bản C, Đ, E chép: đưa lời *Trần Công.*

e) Bản C, Đ, G chép: *tới* coi.

Chú thích:

1. Nhất quyết không thay đổi lời nói, tức là ý đã định.

2. Chỉ có hoa mai nở mới thay đổi được lòng ta.

3. *Cửu trùng thiên:* chín lần trời, tức trời cao thăm thẳm.

4. Bài thơ:

Mấy dãy hoàng mai ngất bóng gần,
Móc mưa một trận giục tin xuân.
Hoa đêm xưa thế, đêm này thế,
Rụng lại thêm tươi, dễ mấy lần!

Truyền đem tửu quả [1] đặt lên hoa đình.
Trên bày bài vị [2] Mai huynh.
Bấy giờ tình cảnh Mai sinh thực là...
Tìm nơi đình tử [3] xa xa,
Trông ngay trước mộc vị [4] cha, thở dài.
Vô tình ai biết sự [(a)] ai,
Tiểu thư liếc mắt đưa chơi biết tình.
Sinh xem biết ý chân thành,
Nỗi nghi dường đã bớt canh cánh lòng.
Nhớ tên hiệu chữ Mai công,
Viết [(b)] vào mảnh giấy dán trong nắp hòm.
Ra vào giấu giếm, nom dòm.
Gọi là tiện chút sớm hôm phụng thờ.
Trần công đi lại xem hoa,
Truyền đòi công tử tên là Xuân sinh.
Rằng: "Ta xưa những ở Kinh,
Chẳng hay con đã học hành tiến chưa.
Rày nhân nhị độ mai hoa [5],
Con đề tức cảnh một thơ tiến trình".
Còn đương khuyên bảo Xuân sinh,
Trông lên đã thấy bên bình có thơ.
Trần công đòi hỏi bấy giờ,
Mới hay đề đó là thơ Hỉ Đồng.
Khen câu ngọc đúc vàng ung,
Vóc trong miệng, gấm trong lòng [6] vẽ nên.
Xuân sinh thấy sẵn thơ trên,

Khảo dị:

a) Bản B, Đ, E chép: *là* ai

b) Bản C, Đ, E chép: *Đề* vào.

Chú thích:

1. *Tửu quả:* rượu và các thứ quả.

2. *Bài vị:* cái bài bằng gỗ (có khi bằng đồng) để đề (hoặc dán) danh hiệu người chết vào mà thờ.

3. *Đình tử:* nhà chơi mát xây ở vườn hoa. Mai sinh đứng ở nhà này xa trông bài vị.

4. *Mộc vị:* bài vị làm bằng gỗ.

5. *Nhị độ mai hoa:* hoa mai nở lần thứ hai.

6. Bởi câu chữ Hán "tú khẩu cẩm tâm", nghĩa là miệng thêu, lòng gấm. Ý nói văn hay (ý nghĩ và lời nói cùng đẹp).

Cũng theo vận ấy đề liền bốn câu [1]
Trần công vừa ý gật đầu,
Tiểu thư lại thấy ở đâu đến gần.
Dạy rằng: "Nữ tử năng văn [a] [2],
Theo đòi con cũng họa vần thử coi".
Tiểu thư cất [b] bút vâng lời,
Bên tường cũng vịnh một bài nối sau [3]
Khen tài nhả ngọc phun châu,
Ba vần già dặn, bốn câu thanh kỳ.
Yên xong, ông trở gót về,
Cùng phu nhân mới nằn nì một hai:
"Hỉ Đồng là bậc hiền tài [c],
Ở đây chớ để tôi đòi xem khinh".
Mai sinh thui thủi bên đình,
Một mình tính quẩn lo quanh việc nhà.
Xưa nay nghe tiếng đồn xa,
Phồn hoa thứ nhất ấy là Châu Dương [4].
Hôm nay nhân buổi thanh lương [5],
Dời chân xem thử phố phường những sao.
Chập chùng quán thấp lầu cao,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: nữ tử *văn nhân* (không đúng), ở đây không nói đến văn nhân.

b) Bản Đ, E chép: *cầm* bút.

c) Bản C, Đ chép: là *kẻ có tài*. Có phần đúng hơn. Làm bốn câu thơ như thế có gì mà gọi là "bậc thiên tài".

Chú thích:

1. Bốn câu thơ của Xuân sinh:

Mấy sắc mai hoa bóng dể gần,
Khác cho hớn hở một nhà xuân.
Chứng cho trời khiến hoa kia nở,
Xưa một lần, nay lại một lần.

2. *Năng văn:* có tài làm văn (có khả năng về văn).

3. Bài thơ của Hạnh Nguyên:

Phẩm mai qui cách bẩy hoa gần,
Lũ trẻ lòng thành hóa lại xuân.
Trời chớ dứt lòng trung nghĩa ấy.
Nên cho hoa lại nở hai lần.

4. *Châu Dương:* Dương Châu, tên một thị xã lớn ở tỉnh Giang Tô.

5. *Thanh lương:* khí trời trong sạch, mát mẻ.

Tạ, Vương mấy chốn, Nguyễn, Đào mấy nơi [1]
Ngựa xe, dù lọng chen vai [a],
Kìa người đại cổ, nọ người phú thương [2].
Màn che mái, gạch ken đường,
Bầu nhà vàng nuột, rèm hàng lưu ly.
Khắp người viễn khách cư kỳ [3],
Tây dương chung cảng, Cao Ly riêng hàng [4].
Bên ngoài một giải trường giang [b],
Tàu chen mũi đổ, thuyền giương buồm về.
Chài lan san sát lá tre,
Chiếc đưa mái đẩy, chiếc kề bến neo.
Những là mến cảnh noi theo,
Khi về vừa bóng xế chiều tới nơi.
Phòng riêng đã vắng tăm hơi,
Nắp hòm bỏ ngỏ, vị bài thấy không.
Tìm sau tìm trước lung tung.
Nghĩ thầm [c] lòng những giận lòng đòi cơn.
Chẳng [d] hay trong lúc du quan [5]
Tiểu thư cùng với thúy hoàn ra chơi,
Mở hòm nhác thấy mộc bài,
Ngạc nhiên cất lấy thưa lời đến ông.
Trần công rằng: "Sự lạ lùng,
Hỉ Đồng này thực Mai công tử rồi!"
Đòi hoàn ra mới dạy lời [e],
Dặn dò hãy thử ướm chơi thăm tình,

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *Xe lừa dù cá* chen vai. Bản B chép: dù *lá*.

b) Bản Đ, E chép: *Lớp* ngoài một *dãy* trường giang.

c) Bản Đ, E chép: nghĩ *riêng*.

d) Bản Đ, E chép: *ai* hay.

e) Bản C, Đ, E chép: đòi *thúy hoàn* mới dạy lời.

Chú thích:

1. Tạ, Vương, Nguyễn, Đào là những nhà phong lưu phú quí ở đất Giang Tô đời Tấn. Ở đây, định tả cảnh phồn hoa bậc nhất Dương Châu.

2. *Đại cổ, phú thương:* những nhà buôn bán lớn và giàu.

3. *Viễn khách cư kỳ:* người khách xa đến, buôn bán những thứ lạ.

4. *Tây dương:* Các nước ở Tây Âu. Cao Ly tức là Triều Tiên. Câu thơ tả cảnh tàu bè Âu Á qua lại ở cảng Dương Châu.

5. *Du quan:* đi xem chơi. Ở đây, Mai sinh đi xem cảnh Châu Dương.

Hoàn rằng: "Hỡi hỡi Mai sinh,
Toan gieo cái vạ tày đình cho ai?
Bây giờ Lư tướng nghe hơi,
Sai về trách cứ một hai lấy người.
Kẻo còn quanh quẩn những lời,
Còn nay Vương Thị, còn mai Hỉ Đồng?"
Mai sinh nghe tỏ sự lòng,
Uốn lời thú thực phô sòng van lơn:
"Mai nay muôn đội ơn hoàn,
Mưu gì cứu được khỏi con đường cùng".
Thúy hoàn mới ngỏ thực lòng:
"Vâng lời trước [a] thử ướm lòng đấy thôi.
Mới rồi nhân thấy vị bài [1],
Rõ tình ông dậy cho lời không sao!"
Mai sinh ren rén bước vào,
Nửa mừng nửa sợ biết bao là tình [b].
Ông rằng: "Sao những giấu quanh,
Nghĩ là ai, chẳng là mình đấy ư?
Thế mà bác những hững hờ [c],
Thứ cho lỗi ấy từ xưa đến rày".
Lạy thôi, sinh mới giãi bày:
Từ ngày về quán, từ ngày nghe oan.
Bao nhiêu tình tự nguồn cơn,
Sơn Đông chia bước, Hầu Loan trở lòng.
Ơn Đồ Thân, nghĩa Hỉ Đồng,
Dây oan khi cởi, cửa không khi nhờ. [2]
Bước đường xa, cái sống thừa,
Tấc riêng riêng những nào ngờ có nay!"
Ông rằng: "Nương náu ở đây,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *tôi* thử ướm lòng.

b) Bản Đ, E chép: bao *nhiêu* tình.

c) Bản Đ, E chép: bác *cứ thờ ơ*.

Chú thích:

1. *Vị bài:* do tiếng *bài vị* đảo ngược lại.

2. *Cửa không:* cửa Phật, do chữ "sắc sắc không không" của đạo Phật, nghĩa là "sắc mà không, không mà sắc", ý nói: những điều ta nom thấy đó (sắc) chưa hẳn là có, những điều ta không trông thấy được (không) chưa hẳn là không.

Thù kia ắt cũng có ngày trả xong.
Niệm cùng công tử một phòng,
Anh em liệu đấy dốc lòng nghiệp nho".
Tình thế nghị [1] nghĩa ngao du,
Văn chương tri kỷ, chuyện trò chiếu tâm [2]
Mặc ai gặp bạn tri âm,
Ông bà riêng những bàn thầm rỉ tai:
"Mai sinh là bậc thiên tài,
Câu văn cẩm tú, vẻ người y quan [3].
Lòng ta muốn gả Hạnh Nguyên,
Thiên tài, quốc sắc [4] hai bên cũng vừa.
Chẳng lâu thấy đó bây giờ,
Bảng vàng rõ mặt đuốc hoa [5] định ngày".
Bà rằng: "Được thế là may,
Thế thì tuổi tác lòng này cũng an!"
Thà la có một thúy hoàn,
Ra vào nghe tỏ [(a)] chuyện bàn đinh ninh.
Lòng riêng, riêng cũng hậu tình, [(b)]
Khi ra đon đả với sinh thì thầm.
Người khuê các [6] khách thư cầm [7]
Ngoài đành đãi ngọc, trong ngầm [(c)] tựa mai. [8]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: nghe *thấy* chuyện.

b) Bản Đ, E chép: *thuận* tình.

c) Bản Đ, E chép: trong *đành* tựa mai.

Chú thích:

1. *Thế nghị:* tình nghĩa bạn bè, đời này sang đời khác.

2. *Chiếu tâm:* soi lòng, xét thấu tận lòng.

3. *Y quan:* áo mũ. Ý nói: có thể làm quan to.

4. *Thiên tài:* tài trời cho. *Quốc sắc:* người con gái đẹp nhất trong nước. Người con gái đẹp đến làm cho nghiêng nước nghiêng thành. Do một câu thơ chữ Hán tả người đẹp. "Nhất cố khuynh nhân thành, Tái cố khuynh nhân quốc", nghĩa là quay lại nhìn một cái, làm cho thành người ta nghiêng, nhìn cái nữa, làm cho nước người ta đổ. Ý nói: cái đẹp làm cho vua chúa say mê đến nỗi đổ thành, mất nước.

Nguyễn Du đã dịch: "Một hai nghiêng nước, nghiêng thành". Ở đây, ý nói tài và sắc cùng tuyệt vời.

5. *Bảng vàng:* bảng ghi tên người thi đỗ. *Đuốc hoa:* đuốc thắp trong phòng vợ chồng đêm mới cưới. Ý nói: thi đỗ sẽ cưới vợ.

6. *Người khuê các:* người ở trong phòng khuê, ở nhà gác, tức là con gái nhà sang trọng.

7. *Thư cầm:* sách và đàn, tiêu biểu cho người văn nhân, tài tử. "Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang" *(Truyện Kiều)*.

8. *Đãi ngọc:* ngọc đợi giá cao. *Tựa mai:* dựa vào họ Mai. Ý nói: hai bên Hạnh Nguyên và Mai sinh chờ đợi nương tựa nhau.

*

* *

Ông tơ khen khéo cợt người,
Đã xe vào, lại thử rời bắc nam,
Làm cho chí tái chí tam [1]
Rồi ra đố lại vào ngoàm mới thôi.
Phủ Trần chưa hết chuyện vui,
Bỗng đâu có chỉ [2] đến nơi quan hoài [3].
Đảng công, Lư Kỷ ngồi ngoài,
Truyền rằng có chỉ dạy đòi Trần gia.
Đọc rồi mới biết rằng là:
Biên quan [4] có nước Sa Đà [5] động binh.
Khói lang [6], bụi ngựa tung hoành,
Khuấy hôi cõi Hán, chọc tanh ải Tần [7]
Lư công dâng chước hòa thân [8].
Truyền đòi con gái họ Trần kết thân.
Ban cho áo mũ Chiêu Quân [9],
Đảng công vâng mệnh đưa chân cõi ngoài
Nghe ra xiết nỗi bồi hồi,
Ấy ai mưu hiểm, giục người sinh ly?
Khởi hành đã định nhật kỳ,
Lư công giục giã ngận tùy [10] quan sai.
Hạnh Nguyên ra yết nhà ngoài,

Chú thích:

1. *Chí tái, chí tam:* đến hai ba lần.
2. *Chỉ:* chiếu của vua ban ra.
3. *Quan hoài:* quan tâm, để ý.
4. *Biên quan:* cửa ải, nơi biên giới.
5. *Sa Đà:* một bộ lạc thuộc nước Đột Quyết ở phương Tây Trung Quốc, nay thuộc vùng sa mạc Tân Cương.
6. *Lang:* sói. Khói lang: khói lửa do bọn lang sói gây ra.
7. Hán và Tần nói đây là tiêu biểu cho đất nước Trung Quốc.
8. *Hòa thân:* giảng hòa và kết thân gia (gả con cho nhau).
9. *Chiêu Quân:* tức là Vương Tường, một cung nhân của Nguyên đế nhà Hán, rất đẹp và có đức có tài. Nàng bị bọn quyền thần âm mưu tâu vua bắt đi cống Hồ. Chiêu Quân ra khỏi biên giới Trung Quốc, nhớ nhà nhớ nước, nhảy xuống sông Hắc Hà tự tử. Nhân dân thương xót lập miếu thờ. Hạnh Nguyên và Nguyệt Nga về sau cũng làm giống như Chiêu Quân.
10. *Ngận tùy:* bước theo (đi theo).

Ngửa gan tấm tức mấy lời vân vân:
"Vẻ chi một chút Hồ trần [1]
Những tài thao lược, kinh luân đâu nào?
Dẹp yên mượn sức má đào,
Khen ai đặt để cái mưu cũng già!
Kiếp này không xé được da,
Kiếp sau quả báo, oan gia kẻo gì.
Gớm tuồng mộc vị thần vì [2],
Mãng thêu hoài chỉ, đai xuy uổng vàng". [3]
Lư công nghe nói ngang tàng,
Mắt sòng sọc khỏe, mặt sường sượng gân.
Tiền đường [4] dọn tiệc chủ, tân,
Đảng công cất lên vào dẫn nhà trong.
Trần công rỉ bảo Đảng công.
Trỏ Mai sinh mới giãi lòng một hai.
Rằng: "Này công tử họ Mai,
Trong khi hoạn nạn lạc loài đến đây.
Em cho nương náu những ngày,
Rắp tâm đem tiểu nữ sum vầy kết duyên.
Mưu kia ai vẽ cho nên,
Để loan chếnh bóng, để [a] uyên chia hàng [5]
Việc nhà nhờ bác sửa sang,
Cho cùng Trần điệt [6] lên đường xuất quan". [7]
Thoắt thôi nghe có lệnh troàn: (truyền)
Bốn mươi thị nữ dân gian kén rồi.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *cho* uyên chia hàng.

Chú thích:

1. *Hồ trần*: bụi Hồ (coi người Hồ như cát bụi).

2. *Mộc vị, thần vị:* chính nghĩa là bài vị, tượng thần bằng gỗ. Ở đây nói bọn bù nhìn, hạng người không ra gì, uổng cơm áo.

3. *Mãng:* thứ rắn to có hoa. Ở đây là *áo mãng* tức áo chầu thêu con mãng. *Đai:* cái vòng đeo ngang lưng ngoài áo chầu.

Xuy: mạ, xuy vàng: mạ vàng. Câu thơ ý nói: hoài chỉ thêu áo, hoài vàng mạ đai cho bọn bù nhìn.

4. *Tiền đường:* nhà đằng trước, nhà khách.

5. Loan phượng, uyên ương là loài chim đi đôi, ở đây chỉ có mình loan và mình uyên, ý nói vợ chồng chia cách.

6. *Trần điệt:* cháu gái họ Trần, tức Hạnh Nguyên.

7. *Xuất quan:* ra cửa ải.

Trong danh sách bấy nhiêu người,
Cùng ra Phiên quốc theo đòi Hạnh Nguyên
Lại truyền không được trì diên [1]
Trong hai ngày hạn xe tiên lên đường.
Áo Hồ đưa lại một rương,
Dạy cho nương tử cải trang xuất hành.
Nàng rằng: "Quân mệnh đã đành,
Tủi mình khuê khổn, liều mình tinh chiên [2].
Bao giờ khỏi đất Trung nguyên [3]
Bấy giờ thay áo Hồ phiên vội gì.
Chịu trời chăng! Một chữ thì [4]
Áo này không đổi, lòng kia khôn dời!"
Đảng công khen đã nên lời,
Cứng lòng thiết thạch, hổ người tu mi [5]
Thẹn thay cho kẻ vô nghì,
Khi này dạ Sở, lúc kia bụng Tần [6].
Lời trung khêu ruột gian thần,
Bưng tai giả điếc, nổi gân bất bình.
Ngoài thì quan khách linh đình,
Trong thì nàng những đau tình biệt ly [7].
Lạy hai thân, kể mọi bề,
Châu chan nét liễu, dầm dề giọt mai.
Rằng: "Con chút phận nữ hài,
Công cha nghĩa mẹ chốc mười mấy niên [8].

Chú thích:

1. *Trì diên:* chậm trễ.

2. *Khuê khổn:* buồng the, ý nói: người con gái có nề nếp. *Tinh chiên:* tanh hôi. Câu thơ ý nói: tủi thân mình nề nếp mà phải đem dâng cho bọn giặc tanh hôi

3. *Trung nguyên:* phong kiến Trung Quốc ngày xưa cho nước mình là Trung nguyên, còn những nước chung quanh là mọi rợ.

4. *Thì:* thời vận. Câu thơ ý nói: chưa gặp cơ hội, phải thua trời.

5. *Thiết thạch:* sắt đá. *Tu mi:* râu mày, chỉ đàn ông. Ý câu thơ nói: lòng sắt đá Hạnh Nguyên làm cho người râu mày phải thẹn.

6. *Dạ Sở, bụng Tần:* lòng thay đổi bất thường, khi theo Tần, khi theo Sở, hai nước đối địch.

7. So với câu này trong *Truyện Kiều:* "Ngoài thì chủ khách dập dìu. Một nhà huyên với một Kiều ở trong."

8. So câu này với câu *"Hổ sinh ra phận thơ đào. Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong"* trong *Truyện Kiều.*

Môn mi [1] mong những nhờ duyên.
Ngõ đem tấc cỏ báo đền ba xuân [2]
Hiểm thay chước kẻ gian thần,
Xui nên kẻ Tấn người Tần như không.
Có ra chi phận má hồng,
Khôn đem chữ hiếu, đền công chữ cù [3]
Rồi đây muôn dặm đất Hồ,
Biết câu thập nữ viết vô [4] từ rày.
Xin đừng nhớ đối, sầu thay,
Liều bằng muôn [(a)] một [5] những ngày một hai".
Thoắt thôi sùi sụt ngắn dài,
Gặp ghềnh mới ngụ một bài biệt thi [6].
Giờ lâu lưỡng lự vân vi,
Gọi Xuân sinh lại nằn nì rỉ tai:
"Nặng vì chút nghĩa họ Mai,
Ngẫm ra âu cũng có trời ở trong.
Lời cha mẹ, nghĩa vợ chồng,
Nhân duyên chưa ghép, chữ đồng [7] đã in.

Khảo dị:

a) Bản E chép: *mệnh* một (rõ nghĩa hơn). Tất cả các bản khác đều chép: *muôn* một (cũng có nghĩa là không may, là chết).

Chú thích:

1. *Môn mi*: cái cửa võng, trang trí làm cho cửa đẹp. Tiếng dùng trong một bài thơ chữ Hán an ủi người sinh con gái. Có ý nói: Người con gái làm nên (Hoàng hậu, cung phi, phu nhân v.v...) làm cho nhà vẻ vang cũng như cái cửa võng đẹp.

2. So với câu: *"Liệu đem tấc cỏ quyết đền ba xuân" (Truyện Kiều).*

3. *Chữ cù:* chữ *cù lao*, nghĩa là khó nhọc. Do thơ Lục nga có câu: "Ai tai phụ mẫu, sinh ngã cù lao: thương thay cha mẹ sinh ra khó nhọc".

4. *Thập nữ viết vô:* mười con gái cũng coi bằng không. Quan niệm phong kiến cho rằng con gái không nối dõi được, nên khinh thường phụ nữ.

5. Ý câu thơ nói: liều như đã chết từ lúc mới sinh ra cùng ý với câu Truyện Kiều *"Cầm như chẳng đỗ những ngày còn xanh"*.

6. Bài thơ từ biệt của Hạnh Nguyên:

Hòa Phiên khen chước đã nên cao,
Để thiệt chi cho phận má đào,
Trời thẳm luống đau tình viễn biệt,
Biển sầu khôn trả nghĩa cù lao
Quạt nồng ấp lạnh dù bao nả,
Hỏi ngủ hầu cơm lại lúc nào?
Mong mỏi hai thân dù thấy mặt.
Có chăng phảng phất giấc chiêm bao.

7. Chữ đồng, chữ *đồng tâm.* Ý nói: hai bên vợ chồng (trai gái) đã bằng lòng nhau.

Vả xem bậc ấy không hèn,
Rõ gương khoa giáp, rõ nền tướng khanh [1].
Nhờ em đãi lấy lòng thành,
Ngoài tình bầu bạn, trong tình anh em.
Mọi bề trong ấm ngoài êm,
Chị dù chín suối cũng cam tấc lòng.
Chị nhờ em gánh hiếu trung,
Chồi huyên gần cỗi, cội thung gần già [2].
Công danh tuổi ấy đang vừa,
Trâm anh [3] chung đỉnh dấu nhà sẵn đây.
Dù thương đến chị sau này,
Hoặc tuần hàn thực [4], hoặc ngày thanh minh.
Suối vàng rưới một giọt tình,
Nén hương, tờ giấy, chén canh cũng là!"
Lôi thôi xiết nỗi gần xa,
Trông Mai công tử nhường đưa mối sầu.
Thẹn thùng khôn nói năng đâu,
Sóng thu một lét [5], hạt châu đôi hàng.
Cửa ngoài chực sẵn xe hương
Lư công giục giã lên đường xuất quan.
Kiệu phu bước nhặt, bước khoan,
Đảng công một ngựa điệu đoàn vệ binh.
Đoản đình thôi lại tràng đình,
Bên xe Mai Bích, Xuân sinh hai chàng.

Chú thích:

1. Câu thơ ý nói: người ấy có thể đỗ đạt (khoa giáp) và làm quan to (tướng khanh).

2. *Thung (xuân) huyên:* cha mẹ. Câu thơ ý nói: cha mẹ đã đến còi già.

3. *Trâm anh:* cái trâm cài mái tóc và cái giải mũ, hai thứ trang sức tiêu biểu cho hạng người quyền quí. Câu thơ ý nói: nhà sẵn có nề nếp, dòng dõi làm quan to.

4. *Hàn thực:* ăn đồ lạnh (đồ nguội). Tết mồng ba tháng ba (âm lịch), ở Trung Quốc kỷ niệm Giới Tử Thôi chết cháy ở trong rừng, người ta ăn đồ nguội, không nấu nướng. Tử Thôi giúp Tấn Trùng Nhĩ (đời Xuân Thu) phục quốc. Xong cuộc, Tử Thôi không chịu làm quan, vào ở ẩn trong rừng. Trùng Nhĩ đốt rừng để Tử Thôi phải ra, nhưng Tử Thôi không ra, chịu chết cháy.

5. *Lét:* tiếng cổ, liếc, hay dùng trong các truyện cũ "Sóng thu một *lét* hữu tình (Hoàng Trừu). *Lét* chừng, sinh đã dần dà đến ngay (Hoa tiên).

Bắc, Nam một lối [a] đôi hàng,
Ải quan đâu đã [b] chia đường biệt ly.
Khi sao cửa các phòng khuê,
Giờ sao thui thủi một xe đất này [1].
Hồn mai tỉnh tỉnh say say,
Mới trong vài bữa xem tày mấy niên.
Trông xa khi khoác rèm lên,
Vòng thành chất ngất, tòa đền trai lơ [c] [2].
Kiệu phu quỳ bẩm mấy lời:
Hàm Đan [3] huyện ấy có nơi Trùng Đài [4].
Nàng truyền đóng lại nghỉ ngơi,
Lên đền dạo cảnh, xem chơi gọi là.
Huyện thành sắm sửa gần xa,
Đài vừa dọn sạch, nàng vừa xuống xe.
Hương đăng vừa đủ lễ nghi,
Tiện, nàng lên đấy lạy về gia hương.
Quan quân đóng chật huyện đường,
Một nàng Hạnh với hai chàng cùng lên.
Từng từng đợt dưới, đợt trên,
Ngắm xem phong cảnh bốn bên chập chùng.
Cao cao thôi lại tầng tầng,
Trời như khổ thấp, đất bằng dường xa.
Bảo nhau rồi mới nhận ra,
Đông Nam phương ấy, ấy là cố hương.
Xuân sinh đoán biết ý nàng,
Muốn điều từ biệt với chàng Mai sinh.
Một mình bước xuống làm thinh.
Mặc ai trên ấy tự tình với ai.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *ai khéo* đôi đàng.

b) Bản Đ, E chép: *ai khéo* chia đường.

c) Các bản B, Đ, E đều chép: trai lơ (không có nghĩa).

Chú thích:

1. So với câu: "Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường" (Truyện Kiều).

2. *Trai lơ:* nghĩa ngày nay là lẳng lơ, không đứng đắn. Nghĩa cũ là cheo leo, chênh vênh, không vững vàng.

3. *Hàm Đan:* một huyện thuộc tỉnh Trực Lệ.

4. *Trùng Đài:* đài xây chồng chất mấy đợt.

Trông chàng, nàng mới rỉ tai:
"Trăm năm ghi tạc một lời từ đây.
Bao nhiêu tình tự xưa nay,
Tóc tơ giải một chốn này là thôi!"
Mai sinh nhân lúc vắng người,
Gạt ngang nước mắt, bày lời trước sau:
"Nói càng như gợi cơn sầu,
Trách vì phúc bạc [1] sánh đâu má đào.
Tấc lòng thề với trời cao,
Quản chi trắng tóc, nỡ nào nối dây [2].
Phiên bang đến đấy phen này,
Sẵn ngôi phi hậu [3] dành ngày vinh hoa.
Riêng ai trách lẫn trời già,
Xe tơ sao khéo hững hờ cợt ai".
Nàng rằng: "Lời dạy dường sai,
Tấm thân đã phó cửa Mai những ngày.
Sông dù cạn, núi dù lay,
Đã liều [a] xương trắng dám thay lòng vàng.
Đem thân đối với cương thường [4],
Tạ lòng người cũ treo gương dưới đời.
Mình nào sánh với tanh hôi?
Mặt nào còn đứng cõi đời được ru!
Khuyên chàng nghi nghĩa Xuân Thu [5],
Mối tình hãy gác, mối thù chớ quên.
Cùng em cho tiện sách đèn,
Công danh gặp hội thanh niên đang vừa.

Khảo dị:

a) Các bản C, Đ chép: đã *liền* (không đúng nghĩa).

Chú thích:

1. *Phúc bạc:* phúc mỏng, ít phúc.

2. *Nối dây:* dây đàn đã đứt, đem nối lại, nghĩa là lấy vợ kế, lấy người khác. Ở đây Mai sinh định nói: Hạnh Nguyên đi rồi thì Sinh ở vậy đến già không lấy ai nữa.

3. *Phi hậu:* vợ vua.

4. *Cương thường:* bởi chữ Tam cương (nghĩa vua tôi, cha con, vợ chồng), Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), đạo làm người theo quan niệm Nho giáo.

5. *Nghĩa Xuân Thu:* nghĩa phục thù do câu chữ Hán "Xuân Thu nghĩa tại phục thù", ý nói nghĩa Xuân Thu cốt ở phục thù. Sách Xuân Thu được viết ra để thanh trừ những bọn "loạn thần tặc tử", bọn tôi xấu, con hư làm hại nhà, hại nước. Ở đây Hạnh Nguyên dặn Mai sinh quyết nuôi chí phục thù.

Một mai lộc nước, phấn vua,
Danh mình cũng rạng, thù nhà cũng xong.
Riêng [a] ai đành trọn chữ tòng,
Suối vàng tươi mát, má hồng lây thơm.
Rồi đây kẻ Bắc, người Nam,
Cành hoa xin tặng để làm của tin.
Vật thường gọi chút làm duyên!"
Tự tình mới lại tả thiên luật đường.[b] [1]
Trùng Đài ghi để một chương [c]
Giã nhau còn nhớ đôi đường biệt ly.
Mai sinh đôi giọt dầm dề,
Thoa thì chịu lấy, thơ thì họa theo [2].
Bâng khuâng lời ít tình nhiều,
Thị tì đâu đã dập dìu kéo lên,
Cùng nhau lạy trước đài tiền,

Khảo dị:

a) Các bản C, Đ, E, G chép: *thân* ai.

b) Các bản B, Đ, E chép: *Luật Đường mới ngụ một thiên giãy bày. Trùng Đài còn nhớ là đây. Giã nhau gọi nhớ đến ngày biệt ly.*

c) Bản G chép: *Trùng Đài còn nhớ là đây.*

Chú thích:

1. Luật đường: thể thơ đời Đường. Bài thơ của Hạnh Nguyên:

Thêu dệt ra chi một chữ tình.
Để người kim cổ buộc vào mình.
Ngang mày Mạnh Thị chưa nâng ấn.
Thấp mặt Chiêu Quân đã mất tranh.
Ly biệt nỡ nào dời nửa bước,
Đoàn viên chắc hẳn đợi ba sinh.
Trời già khen cũng chua cay lắm
Thêu dệt ra chi một chữ tình.

2. Thơ họa của Mai sinh:

Não người chi bấy, hỡi chung tình!
Nông nổi nào ai tỏ với mình.
Dễ vạch tơ sầu tìm lấy mối,
Khôn đem nét thắm vẽ nên tranh.
Gieo lầu dám ép tình Trương phụ,
Ôm cột thêm buồn phận Vĩ sinh.
Rắp những vạch trời kêu một tiếng,
Não người chi bấy, hỡi chung tình!

Lần thang bước xuống, giục liền gióng xe.
Gia hương tình nặng bề bề,
Ải quan đâu đã gần kề tới nơi.
Tổng binh sửa chốn nghỉ ngơi,
Đảng công đã dạy cho mời cải trang.
Ngắm mình ra vẻ Man phương [1],
Xiêm tơi tả bức, áo lang lổ mùi.
Lông cài trên mũ một đôi,
Đổi hình khuê nữ ra người Yên chi [2].
Ngựa đâu kéo đến tức thì,
Mai sinh gần đấy phù trì lên yên.
Hình dung ai vẽ cho nên,
Hương xạ đã đổi mã yên bao giờ [3]
Hai chàng cảm nỗi gần xa,
Đều cùng đọc một câu thơ tiễn hành [4]
Lên yên nàng cũng gửi tình,
Đọc rồi mới giục hai sinh trở về.
Ngại ngùng thay, lúc phân kỳ [5],
Người về cố quốc [(a)], kẻ đi sa trường [6]
Người đồng thất [7], kẻ tha phương,
Hàng chân sùi sụt, bước đường chia đôi.
Nàng còn dặn với mấy lời:
"Thù kia chớ để đội trời ở chung.
Sao cho tâm lực hiệp đồng [8],
Mổ gan nghịch tặc, thỏa lòng nữ nhi".
Xót người tú các hương khuê [9],

Khảo dị:

a) Bản G chép: Người về cố *quận*.

Chú thích:

1. *Man phương:* phương người mọi rợ, tức người mọi rợ (quan niệm của Trung Quốc phong kiến).
2. *Yên chi:* danh hiệu vợ vua ở nước man di, như Hoàng hậu, phi hậu ở Trung Nguyên.
3. Xe hương đã đổi ra yên ngựa.
4. Mấy bài thơ này ý và lời cũng giống như hai bài trên, chúng tôi bỏ bớt.
5. So với câu: "Đoạn trường thay, lúc phân kỳ" trong Truyện Kiều.
6. *Sa trường:* bãi cát lớn. Câu thơ tả cảnh biệt ly.
7. *Đồng thất:* cùng ở một nhà.
8. *Tâm lực hiệp đồng:* lòng và sức cùng hiệp lại.
9. Tú các hương khuê: gác gấm, buồng hương, chỉ người con gái sang trọng.

Mối tình ly biệt, đường đi phong trần.
Lạ tai mấy tiếng man nhân [1],
Giọng xa ríu rít, giọng gần ét eo.
Bên trời phong cảnh đìu hiu,
Sương soi cỏ áy, gió reo cây già.
Sắc quân hiệu lệnh càng già,
Tiếng còi lư diệp, lá cờ ngô công [2]
Bước đường ngày một lạ lùng,
Tiểu thư ngày một đau lòng biệt ly.
Quen tài tức cảnh vịnh đề,
Trên yên mới vịnh cổ thi một bài [3]
Ngựa dong mấy khoảng [a] dặm khơi,
Núi đâu đã thấy gần nơi diện [b] tiền.
Man nhân [c] quỳ trước thưa lên:
Núi Hà Lan ấy có đền Tô quân [4]
Bước vào xem tượng truyền thần.
Mặt tròn khuôn nguyệt, môi nhuần vẻ đan [5].
Tấc lòng kính kẻ trung can, [d]
Liền tay vịnh miếu, vịnh sơn hai bài [6].

Khảo dị:

a) Các bản Đ, E chép: Mấy *lớp*.

b) Các bản Đ, E chép: Núi *cao* đã thấy gần nơi *Điện* tiền.

c) Các bản Đ, E, G chép: *Thổ* binh.

d) Bản G chép: Trung *thần*.

Chú thích:

1. *Man nhân:* người mọi rợ, người nước Sa Đà.

2. *Lư diệp:* lá lau. *Ngô công:* con rết. Còi làm bằng lá lau. Cờ quăn queo, có ria như con rết.

3. Bài thơ của Hạnh Nguyên:

Thổi lá ngô đồng trận gió thu,
Nhàm tai tiếng lạ khiến người sầu.
Chớ rằng: riêng một lòng ta thảm,
Trăm vạn người theo cũng cúi đầu.

4. *Tô quân:* Tô Vũ đời Vũ đế nhà Hán, sang sứ Hung Nô bị vua Hung Nô bắt đi chăn dê mười chín năm. Lúc được tha về, nhân dân địa phương cảm lòng trung trực của Tô, lập đền thờ ở núi Hà Lan, nơi Tô Vũ chăn dê.

5. *Vẻ đan:* vẻ son, màu đỏ.

6. Thơ vịnh miếu:

Nước tuyết, cơm hiên, vững thước cầm.
Truyền thơ cậy đã nhạn về thăm.
Trong tay cờ tiết nên trung hiếu,
Giận phải chăn dê mười chín năm.

Lần lần gió tối sương mai,
Đường đi thoắt đã tới nơi đại hà.
Hỏi ra mới biết rằng là,
Ấy sông Hắc thủy [1], mộ bà Chiêu Quân.
Nàng bèn truyền gọi thổ nhân [2],
Đem hòm áo, phó doành ngân tức thì [3].
Yên xong mới bảo thị tì,
Đã thay Hồ phục [4] để chi áo này.
Ném theo một khúc sông đầy,
Hoa trôi mặt nước, bướm bay giữa dòng.
Vì đâu y phục bất đồng,
Bỗng đem nữ sắc [5] phó cùng thủy hương [6],
Trông theo tấc dạ thêm càng,
Tả lòng lại ngụ luật Đường bốn câu [7].
Đường trường dặm ngựa đuổi mau,
Trông lên đã thấy miếu đâu gần gần.
Trên yên dạy hỏi thổ quân,
Thưa rằng: "Miếu ấy Chiêu Quân một tòa,
Xuất quan [(a)] từ thuở Hán gia,
Quyết liều đến Hoắc thủy hà trầm châu [8].
Tiết trinh khôn đổi được đâu,
Tấm thiêng [(b)] ngược nước trở đầu về nam.
Cõi này mến chút danh thơm,

Khảo dị:

a) Các bản Đ, E chép: *Xuất thân*. *Xuất quan* đúng hơn.

b) Các bản Đ, E, G chép: *Vóc* thiêng.

Chú thích:

1. *Sông Hắc thủy:* sông nước đen (Hắc Long Giang).
2. *Thổ nhân:* người địa phương.
3. *Doành ngân:* dòng nước bạc.
4. *Hồ phục:* quần áo người Hồ.
5. *Nữ sắc:* đồ trang sức của phụ nữ.
6. *Thủy hương:* xóm làng ở dưới nước, tức là nơi thủy phủ.
7. Bài thơ của Hạnh Nguyên:

   Hòm áo Trung Nguyên phó giữa dòng
   Kêu xin Hà Bá giữ cho cùng,
   Rắp đem mạng bạc theo dòng bích,
   Trung thổ còn gần chưa quyết xong.

8. *Trầm châu:* gieo mình xuống nước.

Dựng làm miếu vũ sớm hôm phụng thờ. [a]
Một phương bậc tối linh từ [1]
Kể năm, ba bốn trăm thừa đã lâu.
Oai linh đã khắp đâu đâu,
Kẻ xin cứu mệnh, người cầu chiêm bao"
Tiểu thư nghe nói mừng sao,
Trước đền xuống ngựa bước vào thử coi.
Nguy nga miếu mạo hẳn hoi,
Một tòa thần tượng trên ngồi nghiêm nhiên.
Oai linh mình [b] thánh, dáng tiên,
Lồng màn vẻ trắng, ánh đèn sắc tươi.
Son vàng mặt khảm tay ngai,
Lò trong ngát xạ, đỉnh ngoài bay hương.
Lạnh lùng bát ngát hơi dương,
Nhìn qua rợn tóc, trông tường sởn gai.
Nữ đồng, võ sĩ [2] đủ người,
Hầu trong hai ả, chầu ngoài tám viên.
. Đồ thờ cắm giá án tiền,
Một bên bảo kiếm, một bên tỳ bà [3].
Tiểu thư lưỡng lự một giờ,
Sụp ngồi bốn lạy xa xa tự tình.
Khấn thầm, thở ngọn, than ngành:
Nỗi chồng oan uổng, nỗi mình truân chiên.
Lầm người vì chước hào phiên,
Đem thân yểu điệu tới miền hôi tanh.
Cũng liều bao quản tử sinh,
Thề rằng quyết chẳng nhơ mình tiểu man [4].
Thiêng chăng thu lấy hồn oan,
Rộng cho chầu chực trước ban là nhờ!

Khảo dị:

a) Bản G chép: *danh lam* phụng thờ.

b) Các bản Đ, E, G chép: *Vóc* thánh.

Chú thích:

1. *Tối linh từ*: đền rất thiêng.

2. Trong đền có những tượng con gái nhỏ (nữ đồng) và võ [illegible]ng hầu

3. *Tỳ bà:* tên một loại đàn của phụ nữ dùng. Đây là chiếc đàn mà Chiêu Quân thường gảy rất hay.

4. *Tiểu man:* rợ nhỏ mọn. Tiếng phong kiến Trung Quốc ngày xưa gọi người các nước Phiên.

Khấn rồi nghỉ lại miếu thờ,
Đêm trường cho tiện đợi chờ chiêm bao.
Hay đâu mấy độ Công tào [1],
Đã đem lời khấn tâu vào Chiêu Quân.
Phán rằng: "Mới thực hiền nhân,
Nặng bề sơn hải [2], nhẹ thân yêu kiều [3]
Bảng trời [4] hôm nọ mới treo,
Mai sinh tên đã giật lèo [5] Trạng nguyên,
Ngày sau phu phụ đoàn viên,
Nay ta hãy cứu một phen mới là".
Bèn ban nữ sứ bước ra,
Đòi hồn nàng lại, nhủ qua ân cần.
Rằng: "Ta là Hán Chiêu Quân,
Cứu cho cũng dự phu nhân trinh thành.
Rồi ra về đến quê mình,
Sau đây phú quí phụ vinh vẹn tròn".
Dạy rồi phó thả thần hồn,
Lại đòi lực sĩ ôn tồn nhủ qua: [a]
"Đón nàng khi sắp đầu hà [6]
Đem về đại quốc vườn hoa Bá Phù.
Người Trung châu, trả Trung châu,
Mặc ai chọn nghĩa, báo thù mặc ai." [b]
Gió đâu lọt cánh cửa ngoài.
Tỉnh ra còn nhớ mấy lời chiêm bao.
Nghĩ ra nào biết đâu nào [c],
Vững lòng khi dám chắc vào những đâu...
Ân tiền ren rén cúi đầu,

Khảo dị:

a) Bản G chép: *dặn* qua.

b) Bản G chép: báo thù *với* ai.

c) Bản G chép: *thế* nào.

Chú thích:

1. *Công tào: quan hầu, bộ hạ.*

2. *Sơn hải:* lời thề vững như núi, sâu như bể.

3. *Yêu kiều:* thân thể phụ nữ mềm mại tươi đẹp. Câu thơ ý nói: Trọng lời thề hơn thân mình, nên liều bỏ thân để giữ được lời thề với Mai sinh.

4. *Bảng trời:* bảng của nhà vua, bảng trường thi.

5. *Lèo:* giải treo. Giật lèo Trạng nguyên: giật giải đỗ đầu (đỗ Trạng).

6. *Đầu hà:* gieo mình xuống sông.

Bước ra lại vịnh bốn câu lưu đề [1]
Lên yên gióng ngựa ra đi,
Núi cao đã thấy gần [(a)] kề tới nơi.
Hỏi tên là Lạc Nhạn đài, [2]
Trùm mây mờ mịt, ngất trời chon von.
Nàng rằng: "Tích trước ghi lòng,
Chiêu Quân gửi nhạn thư phong chốn này.
Đường đi nhân tiện qua đây,
Nhắn nhàn bắt chước chuyện ngày ấy chơi".
Kíp truyền man tốt mấy lời,
Dọn đường núi Nhạn, kíp dời gót loan,
Phò nàng ngồi kiệu đăng san, [3]
Hai hàng thị nữ, một đoàn phiên binh.
Bước cao bước thấp gập ghềnh,
Quăn queo lối [(b)] chuột, chênh vênh tai mèo [4].
Nương đá quạnh, [(c)] vịn cành oeo,
Chim xào xạc lá, vượn leo lắt cành. [(d)]
Sẵn sàng cảnh vật chung quanh,
Phong [5] đồn mở quạt, mây xanh buông màn.
Bước lên tuyệt đỉnh làn làn [(e)],
Trông nhường chật đất (?), với toan đến trời.

Khảo dị:

a) Bản D, E chép: *hầu kề*. Không tự nhiên bằng *gần kề*.

b) Bản C, E chép: *đuôi chuột*. Đuôi chuột thì không quăn queo.

c) Bản G chép: *Len* đá quạnh.

d) Bản Đ chép: *reo rắt* cành (không đúng nghĩa).

e) Bản Đ chép: tuyệt đỉnh *tàn tàn* (không đúng nghĩa).

Chú thích:

1. Bài thơ để lại:

Đem thân nhi nữ trả ơn vua
Khiếp ngọn kim phong giục vó lừa
Cung Hán đến nay tang hải bấy!
Nhạn môn còn vẳng tiếng tỳ bà.

2. *Lạc Nhạn đài:* đài nhạn sa.

3. *Đăng san:* lên núi. Tên một thứ kiệu nhỏ và nhẹ để trèo núi có khi người ta gọi là cái đăng sơn.

4. *Tai mèo:* đá tai mèo, thứ đá nhỏ tròn và nhọn như tai mèo. Câu thơ tả đường đi khó khăn vất vả.

5. *Phong:* thứ cây giống cây bàng của ta, có tán xòe ra như nan quạt. Phong đồn: đồn có giống nhiều cây phong.

Mặt sau lần bước lên chơi,
Nhìn lâu bỗng thấy một nơi có đầm.
Mắt mèo trong vắt, nổi tăm,
Rắn quần quại khúc, măng nhăm [a] nhép hàm.
Cheo leo sườn núi trông sang,
Khe kia suối nọ, ngổn ngang mấy trùng [b].
Nửa ngày nổi trận âm phong, [1]
Phất phơ lật lá, lạnh lùng thấu xương.
Đất đâu sơn thủy lạ dường?
Ngẩn ngơ mình những cảnh thương nỗi mình:
"Xót thay đôi đức sinh thành, [2]
Bao giờ nguôi được chút tình nhớ thương.
Một ngày một ngả bóng tang, [3]
Da mồi sạm mặt, tóc sương điểm đầu.
Biết nhau thêm dở dang nhau,
Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng! [4]
Ấy ai chắp mối xích thằng,
Biết mà dứt chỉ, thà đừng vương tơ.
Như lời thần mộng họa là,
Còn duyên chăng nữa, cũng chờ lai sinh [5].
Đường cùng giữ lấy thơm danh,
Thôi thì gác hiếu với tình một bên.
Chấp kinh, nếu chẳng tòng quyền,
Nữa khi nước đến e nên cát lầm".
Tấc lòng cả quyết khôn cầm,
Tấm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
Thị tỳ trông trước nhìn sau,
Nàng đà gieo ngọc trầm châu bao giờ.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *nhom* nhép (sai vần câu trên).

b) Bản G chép: *Bờ mòn đặt cạm đá hòm rải chông.*

Chú thích:

1. *Âm phong:* gió lạnh, hình như từ cõi âm (cõi chết) đưa đến.
2. *Đôi đức sinh thành:* công ơn cha mẹ: sinh ra và nuôi lớn lên.
3. *Bóng tang:* bóng cây dâu, ý nói: cha mẹ đã già.
4. Hai câu này nói đến Mai sinh.
5. *Lai sinh:* kiếp sau.

Ai hay[a] ra sự chẳng ngờ.
Phiên binh nhớn nhác, nhớn nhơ một đoàn.
Bảo nhau sắp sẵn mưu gian,
Cải trang bắt lấy thúy hoàn để thay.
Miệng bình bưng kín ai hay
Chăm chăm giục ngựa mấy ngày trẩy sang.
Hấp him thay nhẽ Man vương!
Hững hờ nào biết rằng nường hay ai.
Thúy hoàn riêng được hẳn hoi,
Đổi hình tỳ thiếp thay ngôi phi tần[1].
Mới hay trời với giai nhân,
Được riêng chữ nghĩa[b], nắm phần chữ danh.
Làm cho chán nỗi thử thanh,
Trải bao nạn trước, mới dành phúc sau.
Tiểu thư từ xuống đầm sâu
Hồng vân[2] một đóa đón đâu nửa chừng.
Ào ào tiếng gió lay rừng,[c]
Giữa trời vũ giá vân đằng[3] đem đi.
Mấy lời thần mộng xa nghe:
"Ta đây vâng mệnh đưa về Trung Hoa!"
Giờ lâu bỗng thấy chân sa,
Nhìn thôi mới rõ một tòa danh viên[4].
Canh khuya văng vẳng bốn bên,
Thôi năn nỉ khóc, lại rền rĩ than.
Tỉnh mê riêng những bàng hoàng,
Nào non nước tá? Ủy! Vườn tược đâu?
Chẳng hay là đất Trung châu,
Nhà quan Ngự sử[5] là Châu Bá Phù.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: ai *ngờ*.

b) Bản Đ, E chép: chữ *tiết*.

c) Bản G chép: tiếng gió *rèo rừng*.

Chú thích:

1. *Phi tần:* cũng như cung tần, cung nhân.

2. *Hồng vân:* mây hồng.

3. *Vũ giá vân đằng:* cưỡi mưa, đè mây. Ý nói: sự biến hóa đi lại của quỉ thần, cũng như thành ngữ "Đi mây về gió".

4. *Danh viên:* khu vườn nổi tiếng.

5. *Ngự sử:* chức quan coi việc giám sát chính trị.

Ông đang thượng ly Đông Đô [1].
Để lưu con gái với phu nhân nhà.
Tiểu thư vả bậc tài hoa,
Khuê phòng tiểu tự [2] gọi là Vân Anh.
Đốt hương vừa buổi đêm thanh,
Nghe đâu ti tỉ như hình tiếng ai.
Giờ lâu truyền gọi con đòi,
Soi đèn xem thử có người đâu đây.
Tiểu hoàn vâng lệnh ra ngay,
Soi xem bỗng rụng rời tay, trở về.
Rằng: "Người đâu của dị kỳ?
Lông chim đuôi hổ vằn vè áo khăn [a].
Ở đâu về đấy nhưng nhưng,
Ấy rằng quỉ sứ, hay rằng hồ tinh!"
Một nhà sào gậy xúm quanh.
Hạnh Nguyên mới bạch thực tình trước sau.
Thấy người phong điệu cửa hầu [3]
Dạy cho vào đến trước lầu hỏi han.
Hạnh Nguyên mới kể nguồn cơn:
Nỗi nhà tách bạch, nỗi oan rạch ròi.
Hòa Phiên khi đến nước ngoài.
Miếu thần ứng mộng, Nhạn nhai [4] gieo mình.
Phép thiêng cải tử hoàn sinh,
Ở hiền may lại gặp lành đến đây.
Phu nhân rằng: "Ấy mới hay,
Thế gian cũng có sự này lạ ghê.
Thần còn cứu kẻ nhân nghì,
Dễ hầu người chẳng liệu bề xót nhau?
Ở đây chẳng ngại chi đâu, [b]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E, G chép: *Đính đầu lông hổ vằn vèo áo lưng.*

b) Bản G chép: chớ ngại *gì* đâu.

Chú thích:

1. *Thượng ly Đông Đô:* đương làm quan ở Đông Đô.

2. *Tiểu tự: tên nhỏ, ở đây ý nói:* tiểu thư này lúc còn bé ở khuê phòng gọi là Vân Anh.

3. *Phong điệu cửa hầu:* tính cách và dáng điệu con nhà phú quí.

4. *Nhạn nhai:* núi Nhạn, nơi Hạnh Nguyên gieo mình xuống cái đầm sâu ở chân núi.

Cho làm nghĩa nữ [1] bạn bầu tiểu thư.
Rồi sau nhắn bảo mẹ cha,
Trời cho khí dễ, họa là gặp nhau".
Hạnh Nguyên vâng mệnh trước sau,
Sụp ngồi nàng mới gật đầu mấy phen.
Vân Anh từ được bạn hiền,
Yêu bên chữ sắc, trọng bên [a] chữ tài.
Hai người như thể một người,
Ngang tay tú các, sánh vai lan phòng [2]
Dệt thêu, học lẫn nữ công,
Lúc chia hoa ướp, [b] khi chung phấn giồi
Hạnh Nguyên khi đứng khi ngồi,
Khóc thầm trong vắng, gượng cười ngoài sân.
Nàng đà được chốn an thân,
Xót thay chàng Bích, chàng Xuân hai người.
Ải quan chân chửa kịp dời,
Mã bài [3] đã có chỉ đòi Đảng công.
Chẳng ngờ Lư Kỷ tấu trong,
Thiên lao [4] đã bắt vợ chồng Đông Sơ.
Hai chàng còn tiễn tiểu thư,
Cũng ban mật chỉ [5] truyền cho bắt về.
Đảng công chống chế mọi bề,
Cấp thêm hành lý giục đi lánh mình.
Cùng nhau hai gã thư sinh,
Ngẩn ngơ đất khách gập ghềnh quê xa.
Trời hôm xế bóng tà tà,

Khảo dị:

a) Bản Đ chép: trọng *nhau* chữ tài (sai vần với câu trên).

b) Bản G chép: Lúc chia hoa *ép*.

Chú thích:

1. *Nghĩa nữ:* con gái nuôi.

2. *Tú các, lan phòng:* gác thêu, phòng lan. Ý nói: nơi ở sang trọng đẹp như gấm thêu, thơm như hoa nở.

3. *Mã bài:* lúc có việc báo khẩn cấp, gọi là *mã bài.* Cũng như tin hỏa tốc.

4. *Thiên lao:* nhà lao của vua chúa, người ta cho cầm thẻ bài cưỡi ngựa đi rất nhanh, để giam người phạm tội.

5. *Mật chỉ:* chỉ dụ bí mật của vua, quan. Lệnh kín.

Côn quang [1], đâu bỗng gặp ba bốn người.
Lòng tham còn biết thương ai,
Cướp hành lý hết, áo ngoài sạch không.
Tạm ngồi trước miếu bên sông,
Thuyền quang nghe có thùng thùng trống canh.
Nghi cho là kẻ gian tình [a],
Nghe hơi kéo một đạo binh lên bờ.
Xuân sinh kíp lánh đường xa,
Bắt liền Mai Bích mới đưa xuống thuyền.
Chàng bèn cất mặt trông lên,
Thấy trong khoang giữa, ngồi nền [2] một ông.
Mấy lời sang sảng tiếng đồng:
"Tên kia sao giám cả lòng mưu gian?"
Sinh rằng: "Đâu dám to gan,
Đèn trời xin thấu nỗi oan cho người.
Tôi cùng người bạn anh tôi,
Tìm người thân thích lạc loài đến đây.
Nào ngờ gặp sự chẳng may,
Dám xin xét tấm lòng ngay được nhờ."
Ông xem ra dáng con nhà,
Truyền đem nghiên bút thử vài câu chơi.
Chàng vâng lĩnh bút đề bài,
Viết xong chế nghệ [3] một bài nộp đi.
Ông rằng: "Nhục nhỡn nan tri [4],
Thử cho thì chớ, dù chê dám nài.
Bước lên xin hãy tạm ngồi,

Khảo dị:

a) Bản G chép: *Nghĩ mình* là kẻ gian tình.

Chú thích:

1. *Côn quang:* gậy gộc. Chỉ bọn dùng gậy gộc đi cướp phá, hành hung. Nói chung là bọn lưu manh trộm cướp.

2. *Nền:* Nhã nhặn, đứng đắn, có phong thể. *Ăn mặc nền:* ăn mặc đúng lễ lối, phong thể. *Ngồi nền một ông:* một ông ngồi có vẻ đứng đắn, đúng phong thể, đúng nề nếp.

3. *Chế nghệ:* lối văn tám vế (bát cổ) như lối kinh nghĩa ngày xưa dùng trong việc thi cử.

4. *Nhục nhỡn nan tri:* mắt thịt khó biết. Mắt thịt là mắt không sáng suốt, trái với mắt thần, thánh. Quan niệm xưa "Người trần mắt thịt". Có người giỏi, điều hay trước mắt mà không trông thấy.

Áo đưa một cặp, ngắn dài quản chi.
Gặp nhau dễ giấu nhau chi,
Họ tên sao đấy? Ở quê xa gần?"
Sợ [a] lòng, sinh những ngại ngần,
Giả danh rồi sẽ nghe dần về sau.
Thưa rằng: "Xin kể gót đầu,
Tên Vinh họ Mục, Thường Châu là nhà".
Ông rằng: "Quê đấy chẳng xa,
Có quen Mai Thị cùng là ai không?"
Sinh rằng: "Cùng ở một vùng,
Bạn bè cũng biết có công tử chàng,
Từ khi gặp biến phi thường,
Chẳng hay đâu đấy tìm phương lánh mình.
Tôi nay vâng đẹp duyên bình [1],
Xin tường quí tính, đại danh được nhờ".
Ông rằng: "Cũng chẳng đâu xa,
Ở Giang Nam tỉnh, tên là Lạc Thiên.
Cách quan về việc bình Phiên. [2]
Rày vâng khai phục [3] ra miền Ngọc kinh".
Đêm khuya trống đã sang canh,
Truyền đem gối đệm, nghỉ mình khoang trong.
Mấy tuần thuận bến xuôi dòng,
Mai bồng [4] trăng tối, buồm dòng gió trưa.
Quan lão luyện, khách tài hoa,
Cuộc cờ trên lái, đường tơ dưới lèo.
Mây buổi sớm, nước ban chiều,
Thơ ngâm ngoài mạn, rượu kèo [5] trong khoang
Kinh thành mong mỏi tấc gang,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *dần* lòng.

Chú thích:

1. *Duyên bình:* duyên được ngồi sau bình phong, nghĩa là được làm thư ký. Danh từ do tích Mạnh Thường Quân, một người có tiếng là giao thiệp rộng, rất đông khách, lúc tiếp khách, có thư ký ngồi sau bình phong để ghi chép.

2. *Bình Phiên:* dẹp giặc Phiên. Câu này nhắc lại mưu gian của Lư Kỷ bịa ra chuyện giặc Thát để hại Mai Công.

3. *Khai phục:* được phục lại chức cũ. Nhắc lại việc Lạc Thiên bị cách chức hồi xưa.

4. *Mai bồng:* mui thuyền.

5. *Kèo:* (tiếng cổ): rót rượu mời (kèo rượu)

Chiều lòng, nước cũng bằng dường như tên.
Bỗng đâu một chiếc kề bên,
Hỏi ra mới biết là thuyền Châu công.
Gặp nhau kể hết sự lòng,
Họ Châu môn đệ [1], họ Phùng ân sư.
Châu công rằng: "Lễ gọi là,
Kính dâng một lễ gọi đưa tấc thành.
Hà Nam vâng mệnh tuần hành, [2]
Một phương xích tử [3] triều đình trong tay,
Những là lo lắng đêm ngày,
Dưới màn ai kẻ đỡ thay tờ bồi. [4]
Ân sư liêu hữu [5] có ai,
Môn sinh xin được một người là may!"
Phùng công rằng: "Đã sẵn đây!
Mục Vinh gặp mấy buổi nay cũng kỳ.
Văn chương tài mạo ai bì,
Có chăng là một chữ "thì" [6] kém ta.
Cánh bằng [7] khi gặp gió xa,
Tung mây chưa biết lên đà đến đâu.
Nhân duyên may gặp được nhau,
Việc nha xem đỡ, ta sau sá gì"
Hai ông trò chuyện dã dề,
Mới đem học Mục đưa về Châu công.
Của đưa gọi chút lấy lòng,
Một hòm tân phục, hai phong nhật trình [8]
Tiễn rồi lại dặn Mục Vinh:
"Trượng phu xin nhớ quản tình biệt ly".
Yên xong trở mũi thuyền đi,

Chú thích:

1. *Môn đệ:* học trò hoặc người chịu ơn. *Ân sư:* thầy học, hoặc người làm ơn.

2. *Tuần hành:* đi xem xét tình hình địa phương.

3. *Xích tử:* con đỏ (con mới đẻ ra còn đỏ) tức là nhân dân. Vua chúa ngày xưa nói: coi nhân dân như con thơ mới đẻ.

4. *Tờ bồi:* giấy tờ, ở đây là giấy tờ việc quan.

5. *Liêu hữu:* bạn làm quan với nhau, có khi gọi là bạn đồng liêu.

6. *Chữ thì:* thời gian, thời vận, ý nói chưa gặp thời nên chưa hiển đạt.

7. *Cánh bằng:* cánh chim bằng, một giống chim tương truyền là to nhất và bay cao nhất thế gian. Cánh bằng tiêu biểu cho người có tài bay nhảy cao, chóng.

8. *Tân phục:* quần áo mới. *Nhật trình:* sổ để ghi chương trình đi đường hàng ngày.

Kẻ thì phó ly [1] người thì tiến kinh.
Thương thay còn một Xuân sinh,
Liền đêm hôm ấy lánh mình xa xa.
Sáng ngày thức dậy nhớ ra,
Sơn Đông quen một người là Thái Câu.
Xưa từng lỵ phủ Nhiêu Châu [2],
Cách quan nghe mấy năm sau ở nhà.
Hỏi thăm tìm đến hỏi qua,
Cửa vào đã thấy có tờ biên phong [3].
Cũng vì Lư Kỷ, Hoàng Tung,
Chứng cho một án giao thông giặc ngoài.
Xuân sinh thấy sự kíp dời,
Một mình mặt đất, chân trời bơ vơ.
Than rằng: "Thung cỗi huyên già,
Thiên lao biết có bao giờ biện oan [4].
Người tuổi tác, khách cô đan,
Để ai tan nghé, rẽ đàn vì ai?
Xót ai thui thủi phương trời,
Hồng nhan khi đã ra người cửu nguyên.
Hiếu tình đeo nặng hai bên,
Dặn dò những chắc chu tuyền có ta.
Mai kha ơi! Hỡi Mai kha! [5]
Rời nhau một bước, nên xa mấy trùng!
Mỗi đêm sương tuyết lạnh lùng.
Khỏi chăng? Hay đã mắc vòng trần ai?
Thương thay trung nghĩa mấy người,
Kẻ thì oan thác người nơi ngục hình.
Trách vua Đường ở bất minh,
Dung bên gian đảng mà khinh hiền tài".
Bên lòng trăm mối bời bời,
Trông ra một nước một trời mênh mông.

Chú thích:

1. *Phó ly:* đến chỗ làm quan.
2. *Nhiêu Châu*: tên một huyện, nay thuộc tỉnh Giang Tây.
3. *Biên phong*: tịch biên và niêm phong. Ngày xưa nhà có tội nặng, người bị bắt, của cải bị tịch thu, nhà cửa bị niêm phong.
4. *Biện oan*: trình bày cho rõ sự oan ức.
5. *Mai kha*: anh họ Mai (tức Mai sinh).

Tử sinh xem nhẹ lông hồng,
Quyết liều, sinh đã gieo sông bao giờ.
Hay đâu khéo cũng may mà,
Gần đâu đấy, có ngư gia đỗng thuyền.
Giăng chài vớt được chàng lên,
Tỉnh dần, trông rõ hai bên ngồi nhìn.
Trẻ già một lũ cạn khan [1],
Đầu cành cạch tóc, mình nhờn nhợt da.
Ngồi bên thuyền chủ một bà,
Ngồi bên một ả mặt hoa tột vời.
Ngồi trông ra rõ mặt người,
Thương ôi! Sao nỡ bỏ hoài tuổi xanh!
Ở đâu mà đến chài mình,
Hãy còn im ỉm khí sinh [2] lạ đời.
Thay quần đổi áo tơi bời,
Ngư bà mới hỏi mấy lời trước sau:
"Chẳng hay quê, họ nơi đâu?
Gặp nhau xin tỏ cho nhau biết cùng.
Làm sao mà phải gieo sông?
Hay là tội lệ [3], cát hung thế nào?"
Xuân sinh mới kể gót đầu:
"Quê tôi ở huyện Thường Châu cũng gần.
Cha làm quan, họ nhà Trần,
Chẳng may mắc phải gian thần vu oan.
Tâu vua bắt chị hòa Man [4].
Thiên lao lại bắt thung đường phó giam [5].
Tôi tiễn chị tôi xuất quan,
Bỗng nghe mật chỉ sai quan nã về.
Vậy nên tôi phải lánh đi,
Chẳng may gặp lũ gian phi giữa đường.
Than ôi! Đương hợp mà tan,

Chú thích:

1. *Cạn khan*: nghĩa chính là khô, phơi ra, bày ra. *Nghĩa rộng*: nhiều, đông. *Một lũ cạn khan*: một lũ đông người.

2. *Khí sinh*: do chữ Hán "sinh khí", nghĩa là hơi sống.

3. *Tội lệ*: tội lỗi, tội tình.

4. *Hòa Man*: hòa với người Man, tức là nước Sa Đà nói trên.

5. *Phó giam*: bắt đem bỏ ngục.

Một mình tránh khỏi nguy nàn tới đây.
Cả liều vào quán vơi đầy,
Phúc sao, may khéo là may, gặp người".
Ngư bà nghe bấy nhiêu lời,
Nhủ rằng: "Thôi cũng có trời chẳng không!
Năm xưa vớt được giữa dòng,
Một vòng ăm ắp những vòng với thoa.
Khen thầy nó dặn lão bà,
Để cho con gái tên là Ngọc thư,
Gặp ông thầy số năm xưa,
Đoán cung mệnh [1] cháu khen bà phu nhân.
Gạo công đòi đủ trăm cân,
Khen đi, khen lại phu nhân khác thường.
Bây giờ may vớt được chường, (chàng)
Mà xem tướng mạo đường đường đáng quan.
Hẳn rằng thiên địa tuần hoàn [2]
Mà cho chàng lại trôi ngang vào chài.
Nên nay lại vớt được người,
Hai phen vớt được một đôi rõ ràng.
Thôi đừng quản thiệt tham hơn,
Băn khoăn kén cá, phàn nàn chọn canh.
Ngọc thư cho kết duyên lành,
Họa là phú quí phụ vinh kịp ngày.
Được như số đoán là may [3],
Vong hồn cũng thỏa đến thầy nó xưa".
Xuân sinh nghĩ đã trót nhờ,
Vả xem phong dạng Ngọc thư ra tuồng.
Thưa rằng: "Chút phận tha hương,
Đã thương yêu đến, dám ruồng rẫy ru!
Xin vâng, nhưng hãy xin chờ,
Bảng vàng rồi sẽ đuốc hoa cũng vừa".
Bà mừng kíp gọi Ngọc thư.
Một lời đã định phải ra chào mời.

Chú thích:

1. *Cung mệnh*: cung bản thân số tử vi, đứng đầu mười hai cung: cha, mẹ, vợ, con, anh, em, tài sản...

2. *Thiên địa tuần hoàn*: trời đất xoay vần.

3. Một thầy số đoán Ngọc thư được làm một vị phu nhân.

Thẹn thùng lững thững chân dời,
Nàng e còn đứng, chàng coi đã tường.
Quả nhiên nhan sắc dị thường,
Mai hình tú bộ [1] khác phường ngư gia.
Khi vui nảy phút hứng thừa,
Khen thầm trong bụng nên thơ một bài [2].
Thấy chàng, nàng cũng mừng vui,
Dáng người thanh tú, vẻ người văn chương.
Chắc rằng có phận giàu sang,
Hứng lòng cũng ngụ luật Đường bốn câu [3].
Dần dà quen thuộc bấy lâu,
Mới hay nương tử họ Châu ấy là.
Nực cười thay! Thú ngư gia,
Sớm qua tầm thủy, tối hề Hàn san [4].
Ca chèo, nhịp nhặt, nhịp khoan,
Trăng lòn sau lái, gió đàn trước mai [a].
Bốn mùa mặt nước sinh nhai,
Lưỡi câu, sợi chỉ, tay chài mặt sông.
Mặc ai danh lợi trong vòng,
Xiêm vằn vặn lưới, đai long lỏng thằng [b] [5]

Khảo dị:

a) Bản Đ chép: gió đàn trước *song*. Không đúng vần câu dưới.

b) Bản Đ, E chép: đi long lỏng *thừng*.

Chú thích:

1. *Mai hình tú bộ:* thân hình manh mảnh như cây mai, gót đẹp như thêu, gấm, ý tả người con gái tuyệt đẹp.

2. Thơ của Xuân sinh:

Tốt đẹp, ưa nhìn, lọ điểm trang,
Nâu gai ăn đứt vẻ nghê thường.
Ví dù sấm sửa xênh xang gió,
Ngờ những Hằng Nga xuống một phương.

3. Thơ của Ngọc thư:

Chiều thanh vẻ quí, có nhường ai?
Bỗng chốc đem thân vướng áo chài.
Tiếng sấm đất bằng đành có lúc,
Cành hoa thượng uyển há nhường ai.

4. *Tầm thủy*: sông Tầm Dương ở tỉnh Giang Tây. *Hàn san*: núi Hàn có ngôi chùa cổ, ở ngoài thành Cô Tô thuộc tỉnh Giang Tô.

5. *Thằng*: dây thừng. Ý nói thơ: xiêm đai chỉ lưới và dây kéo lưới.

Thoi đưa nấn ná ba trăng [a]
Trải phần đông quí, sang chừng xuân qua.
Tết lành [b] náo nức gần xa,
Neo thuyền giặt lưới, giăng bè dựng nêu.
Ngư bà mới bảo Ngọc Kiều,
Mượn điềm bói cá thay gieo tú cầu. [1]
Lưới này như được cá dầu,
"Duyên con thì định xuân sau kén ngày.
Vì bằng ba lưới không tay,
Thành thân [2] thong thả sau này sẽ hay".
Bàn rồi chia việc làm ngay,
Kẻ buông tay lưới, người gay cột chèo.
Cầm sào chàng cũng đẩy theo,
Ngọc thư đỡ lấy có chiều lần khân.
Lạ gì đôi lứa vừa xuân,
Ai hay rơm bén lửa gần với ai? [c]
Ngư bà liếc thấy vừa hai,
Nghĩ thầm truyện ấy có người, có ta!
Người yểu điệu, kẻ tài hoa
Một thuyền trăng gió vào ra dễ gần
Hai tay kéo lưới dần dần, [d]
Lý ngư [3] đâu đấy trần trần một đôi,
Sinh rằng: "Ăn những ngồi rồi,
Rày xin đem bán chợ chơi một lần".
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà cho trải với thế nhân đủ điều,
Chàng vừa đi khỏi chợ chiều,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: ba *đông*. Không đúng vần với câu trên.

b) Bản Đ, E chép: Tết *trung*

c) Bản Đ chép: với *nhau*. Sai hẳn vần ở câu dưới.

d) Bản Đ, E chép:

Khi vào sát áo, khi ra chạm quần
Nghe nặng lưới, kéo lên dần

Chú thích:

1. *Tú cầu*: quả cầu bằng vóc. Tục xưa vua chúa kén rể, cho con gái ngồi trên lầu cao, ném quả cầu xuống. Trai tân ai nhặt được là được làm rể.

2. *Thành thân*: nên vợ nên chồng.

3. *Lý ngư*: cá chép.

Thuyền ai đâu đã ghé chèo tới nơi.
Trên mui ngồi tót một người,
Nghênh ngang dáng cậu, nói cười giọng quan.
Một thuyền vâng dạ đã ra,
Tiểu hầu, đầy tớ, một đoàn như rươi.
Khoe khoang nửa tấc đến trời.
Quần hồ sột soạt, áo mồi trai lơ.
Trông sang nhác thấy Ngọc thư,
Khác nào như ếch thấy hoa động lòng [a] [1].
Đặt nêu [b] một mẹo hư không,
Bạc năm mươi lạng một phong sẵn sàng.
Giao cho đầy tớ đưa sang,
Mua làm tiểu thiếp, toan đường ép duyên.
Thuận lòng bao quản sang hèn.
Tam bành bà đã nổi lên một hồi,
Ngọc thư ngấm nguýt một hai,
Trong khi quá giận, lắm lời sam sưa [2].
Khuyển, ưng [3] một lũ mắt đưa,
Để phong bạc, bắt Ngọc thư đem về.
Tiếng nàng kêu dậy giang khê,
Một đoàn thuyền hộ kéo bè la om.
Vác sào, quơ gậy ỳ òm,
Lao xao nổi tép nổi tôm một vùng.
Lời thô tiếng tục như ong,
Kẻ toan cướp lại, người hòng đánh nhau.
Bàn dày, bàn mỏng giờ lâu,
Xuân sinh trong chợ may đâu vừa về,
Can rằng: "Xin hãy im đi,
Khôn không qua lẽ, phép thì có quan".

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *xúm quanh, rắn ếch, bướm hoa.*

b) Bản Đ, E chép: đặt *ra* một mẹo.

Chú thích:

1. Do câu: "Ếch thấy hoa dâm bụt". Người ta câu ếch hay dùng hoa dâm bụt kéo lê trên bèo, ếch thấy vồ vào hoa bị mắc lưỡi câu.

2. *Sam sưa*: lẫn lộn. *Lời sam sưa:* nói quá lời, không lễ phép.

3. *Khuyển, ưng*: chó săn và chim cắt, hai thứ cầm thú hay hại đồng loại để đắc lực với chủ nuôi.

Bảo nhau tìm chốn kêu oan,
Dắt theo chứng tá, một đoàn ngư nhân .
Bước đi bóng xế đã thân [a] [1]
Nửa đường gặp lũ quan quân dài dài.
Đèn lồng trước kiệu hàng hai,
Hiệu đèn đề đốc chữ nhồi nét son.
Giữa đường quì xuống kêu dồn,
Nghe truyền dừng kiệu, ôn tồn [b] hỏi tra.
Thưa rằng: "Chút phận ngư gia,
Gặp chàng công tử, họ là họ Giang.
Khinh người hèn, cậy mình sang,
Lấy điều thần thế, toan đường hiếp ai.
Kề thuyền cướp lấy vợ người,
Oan [c] này, muôn đợi đèn trời xét cho.
Cao minh xin thứ dân ngu,
Vội vàng kêu miệng, nào lo kịp tờ".
Lệnh quan một tiếng truyền ra:
"Con quan quen ỷ thế cha, cũng thường.
Tên này phong dạng ra tuồng [2],
Nhìn xem chưa hẳn là phường ngư gia!"
Kíp truyền tới bến đại hà,
Bắt Giang công tử về nha tức thì.
Nguyên đơn [3] cũng bắt đem về.
Kiệu đi một lúc đã kề đại doanh.
Hiên môn [4] vẽ hổ trước bình,
Giáo thăm thẳm dóng, quân sình sịch hơi.
Thung dung xuống kiệu sảnh ngoài.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: bóng đã *xế dần*. Tự nhiên hơn là *xế thân*.

b) Bản C, Đ, E chép: *ồn ồn* hỏi tra, không đúng với ý nghĩa câu thơ.

c) Bản Đ, E chép: *chuyện* này.

Chú thích:

1. *Xế thân*: quá giờ thân. Ngày xưa chia ngày ra mười hai giờ: tý, sửu, dần, mão, thìn, ty, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi. Giờ thân vào khoảng bốn năm giờ chiều.

2. Câu này nói Xuân sinh người đi khiếu nại (đối với câu trên, chữ *tên* này hơi tối nghĩa, có thể lầm với Giang Khôi ở câu trên).

3. *Nguyên đơn*: người đưa đơn kiện.

4. *Hiên môn*: hoặc viên môn: cổng chất bằng xe, nơi quan tướng đóng.

Tiếng loa thị sự [1], hồi còi thu quân.
Hầu hai bên dãy biền thân [2],
Nệm chăm chăm trải, nến giần giật giong (chong).
Ngậm tăm lặng ngắt như không,
Trại ngoài điểm trống, dinh trong dóng kèn.
Một vòng quân khảo [3] như nêm,
Hàng giăng giá nọc, chật lèn túi roi.
Giao canh [4] trống mới sang hai,
Phạm tù đã thấy lôi thôi điệu về.
Giang Khôi nhường cũng khiếp uy,
Liếc trông mặt sắt lặng nghe tiếng đồng.
Quở rằng: "Cậy thế thị hùng,
Ra ngoài văn pháp, vào trong dâm tà.
Án này cứ miệng ngư gia,
Phỏng như tội ấy, nghĩ là đáng chưa?"
Kiên gan Khôi cũng lôi la:
Rằng mua, rằng bán, rằng lừa trăm khoanh.
Rồi ra chứng tá phân minh,
Nhường cưng cứng lưỡi, nhường quanh quẩn lời.
Quan môn biết sự chẳng sai,
Lấy điều nhỏ nhặt truyền đòi Ngọc thư.
Hỏi ra mới biết rằng là:
Liễu dù gặp gió, sen chưa nhuốm bùn [5].
Đòi Giang Tri huyện [(a)] quở dồn:
"Cha [(b)] làm dân mục [6] dung con bất tài.
Mắt trông, tay trỏ đủ mười,
Phép vua khôn thứ, miệng người khôn che.
Tội con phạt bốn mươi bê [7],

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Đòi *Giang Tri phủ*.

b) Bản Đ, E chép: *Khen* làm dân mục (không đúng nghĩa, có thể là in sai).

Chú thích:

1. *Thị sự*: xét xử việc quan. Ở đây nói tiếng loa báo giờ làm việc quan.
2. *Biền thân*: những người thuộc viên làm việc trong nha môn.
3. *Quân khảo*: những lính làm việc tra khảo.
4. *Giao canh*: lúc tiếp canh nọ sang canh kia.
5. Câu thơ bóng bảy nói Ngọc thư tuy bị bắt, nhưng chưa bị hãm hiếp.
6. *Dân mục*: người chăn nuôi dân, tức là quan đầu hạt (cha mẹ dân).
7. Bê (tiếng cổ), thứ đồ bằng gỗ để đánh: gậy, trượng.

Cha đà biết tội tha về lượng cho.
Nguyên đơn một lũ họ Châu,
Chờ mai thẩm [1] lại mới hồ tha xong".
Truyền cho ở lại nha phòng [2],
Sáng mai sẽ hỏi xem trong tình đầu [a]
Ai hay sự bởi vì đâu,
Quan Đề đốc ấy họ Khâu gọi là.
Hiếm hoi mới được mộng xà [3],
Vân Tiên một gái mặt hoa khuynh thành.
Cũng trong họ mạc chung quanh,
Vốn là cậu ruột Mai sinh đấy mà!
Từ khi khởi nạn Mai gia [4]
Phu nhân sang đó nương nhờ bấy lâu.
Cách đêm vừa sáng hôm sau,
Buông rèm hỏi lũ họ Châu xem tình.
Ngư bà đâu dám giấu quanh,
Mới đem sự tích Xuân sinh kể bày.
Xót lòng ông mới dạy ngay,
Hãy đem tên rể vào đây hỏi tường.
Xuân sinh thấy sự rõ ràng
Bấy giờ chàng kể nỗi chàng đầu đuôi:
Từ khi gặp gỡ họ Mai,
Khi toan xe chỉ, khi đòi xuất quan [5]
Khi lánh nạn, lúc nghe oan,
Cùng Mai sinh, nỗi hợp tan mấy lần.
Chàng vừa kể hết xa gần,
Mai phu nhân bỗng khóc lăn trong [b] rèm.

Khảo dị:

a) Bản G chép: Sáng mai *hỏi lại*...

b) Bản Đ, E chép: khóc lăn *dưới* rèm.

Chú thích:

1. *Thẩm*: xét kỹ càng. Thẩm án là xét án, thẩm định là xét và định, thẩm phán là xét xử (một chức quan tòa).

2. *Nha phòng*: phòng làm việc của Nha lại ở công đường.

3. *Mộng xà*: mơ thấy rắn, tức điềm sinh con gái, cũng như mộng hùng (gấu) là điềm sinh con trai.

4. *Khởi nạn Mai gia*: khi họ Mai bắt đầu mắc nạn.

5. Nhắc lại chuyện Trần công bàn gả Hạnh Nguyên cho Mai sinh, chuyện tiễn Hạnh Nguyên ra khỏi cửa ải.

Khóc rồi mới bước ra thềm,
Cầm tay chàng mới nhìn xem một giờ.
Dạy rằng: "Gang tấc nên xa [1]
Thế mà già vẫn còn ngờ là ai!"
Khâu công rằng: "Hãy khoan thai,
Dám xin mời cả vào ngồi nhà trong.
Thay quần đổi áo yên xong,
Rồi ra sẽ kể sự lòng với nhau".
Ngư bà chưa tỏ [a] gót đầu,
Thôi bâng khuâng nghĩ, lại chầu hầu trông:
"Ủy, sao nhà kiện, cửa công,
Ra tình nhìn nhận, ra lòng yên thân?"
Thư phòng rót chén tẩy trần [2],
Một ông với một chàng Xuân bàn hoàn.
Kể lòng mấy chuyện hợp tan,
Nhà trong cũng mở một bàn tiệc hoa.
Ngồi trên nhường tuổi ngư bà,
Hai phu nhân với tiểu thư hai người.
Nhìn lâu ngợp mắt làng chài,
Mâm vàng chồng chất, chén mồi đầy vơi.
Hải vị tốt, yến sào tươi [3],
Khác màu nấu chuội [4], khác mùi hơ qua.
Vả trong bồi tiếp tiệc hoa,
Hai nàng tiên nữ, hai bà phu nhân.
Mừng thầm con đã yên thân,
Gẫm lời thầy số mười phần chẳng sai.
Khâu công xong tiệc rượu ngoài,
Mai phu nhân mới rỉ tai vài lời:
"Nghĩ rằng cậu mợ hiếm hoi,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: chưa *rõ* gót đầu.

Chú thích:

1. Ý câu thơ nói: gần nhau thế mà hóa ra xa nhau, vì không biết tin tức.

2. *Tẩy trần*: rửa bụi. *Chén tẩy trần:* tiệc đãi người ở xa mới đến hoặc mới về.

3. *Yến sào*: tổ con én bể làm bằng các thứ rêu bể trộn với nước bọt én. Có tiếng là thứ ăn rất bổ.

4. *Nấu chuội*: luộc qua, nấu không cẩn thận. *Dúng vào nước sôi*: chuội tơ, chuội lụa.

Điểm hùng chưa ứng chút trai muộn mằn.
Này xem công tử họ Trần,
Khôi ngô vẻ mặt, đai cân dấu nhà.
Tòng quyền cho nghỉ nương nhờ,
Minh linh [1] rồi sẽ đổi ra đông sàng".
Bàn rồi bèn giục giã chàng,
Thung dung trước mặt gia nương khấu đầu. [2]
Vâng lời theo họ là Khâu,
Tên là Khôi, để từ sau gọi thường.
Còn ngư bà với Ngọc nương,
Cũng cho nhìn nhận trong đường thân hơi [3].
Ngư bà xin tới bến ngoài,
Tìm người phường bạn, giã lời với nhau.
Ông truyền sắp kiệu theo hầu,
Rập rình gươm trước, ngựa sau ra tuồng.
Ngồi trong nghé ngửa nom ngang,
Phút đâu kiệu đã tới đường bến xưa.
Vội vàng bước xuống thuyền nhà,
Kẻ quen người thuộc còn ngờ rằng ai.
Giờ lâu nhìn mặt tỏ mười, [a]
Nọ người khoác nách, nọ người vỗ tay.
Hỏi săn hỏi đón đã đầy,
Kiện làm sao đấy? Kiệu này của ai?
Bà rằng: "Kiện cáo gì tôi,
Này này! Anh nó vào ngồi với quan!
Từ rày phường bạn đừng nhờn,
Đủ trăm văn lý, đủ muôn thế thần! [4]
Giang Khôi rày hẳn biết thân,
Hôm xưa thầy tớ một sân chịu đòn.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: nhìn *rõ mặt* người.

Chú thích:

1. *Minh linh*: Một loài sâu giống như con nhện. Tục truyền con tò vò bắt thứ nhện này về nuôi trong tổ, khi lớn nó bay đi. Vì thế có câu "tò vò mà nuôi con nhện, đến khi nó lớn nó quện nhau đi". Danh từ *minh linh* đây chỉ con nuôi.

2. *Gia, nương*: cha mẹ. Tiếng xưng hô có tôn kính.

3. *Thân hơi*: thân thiết, gần gụi.

4. Câu thơ ý nói: Xuân sinh là người học giỏi có nhiều lý sự, có nhiều thế thần.

Kẻo còn bắt những hầu non.
Kẻo còn hống hách, kẽo còn dọa hơi".
Cùng nhau từ giã mấy lời,
Lại lên ngồi kiệu, kíp dời về dinh.
Khâu Khôi yên phận đã đành,
Đường xa này chuyện Mục Vinh còn dài.
Phủ Châu nương náu cửa người,
Án tờ xem đỡ, văn bài tập riêng.
Tài mẫn tiệp [1], tính khôn miêng [2], (minh)
Phần chăm việc khách, phần siêng việc mình.
Hà Nam một tỉnh chính thanh, [3]
Châu công biết sức, thêm tình yêu đương.
Nghĩ mình có gái Vân nương,
Quyết lòng đành rắp đông sàng đợi ai.
Xa nhà chưa dám ngỏ lời,
Tin đâu đã có chỉ đòi lai Kinh.
Tỏ tin, bàn với Mục Vinh,
Khuyên chàng về phủ Đại Danh [4] quê nhà.
Băn khoăn muôn dặm đường xa,
Tu [(a)] thư [5] mới gửi cho bà phu nhân.
Trong thư mọi nỗi xa gần,
Dặn dò lấy lễ sư tân [6] đãi chàng.
Đinh ninh một việc đông sàng,
Chuyện riêng lại phụ mấy hàng dặn sau.
Mục Vinh sắm sửa quân hầu,
Trỏ đường tư thất họ Châu trở về.
Tay cung, thanh quất, cây tỳ [7],
Ngao du sơn thủy, đề huề gió trăng.

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *Tư* thư (điệp ý: thư gửi cho bà vợ là tư rồi).

Chú thích:

1. *Mẫn tiệp*: nhanh nhẹn, sáng suốt.

2. *Khôn miêng*: thông minh. Đọc miêng để vần với câu trên.

3. *Chính thanh*: chính sự trong sạch, tức là cai trị giỏi, dân được nhờ, vì có Mục Vinh giúp việc.

4. *Đại Danh*: tên một phủ thuộc tỉnh Trực Lệ.

5. *Tu thư*: làm thư, tức viết thư.

6. *Sư tân*: thày và khách. Ý nói: phai đối đãi như vừa là thầy, vừa là khách.

7. *Cây tỳ*: đàn tỳ bà.

Hề đồng theo bốn năm thằng.
Thơ ninh ních túi, rượu lưng lửng bầu.
Đường xa rong ruổi vó câu,
Thoắt đà tới phủ họ Châu bao giờ.
Phu nhân biết ý trong tờ
Tình riêng đâu dám hững hờ như ai.
Riêng mình chàng, một thư trai [1],
Đồ cung cấp hậu, vẻ bài trí thanh.
Cổ cư, cổ họa [2] buông tranh,
Bên giường triện bách [3], trước bình phong lan.
Giá bày túi sách cặp đàn,
Sẵn hiên ngoạn nguyệt, sẵn vườn thưởng hoa [4].
Phòng riêng ngày tháng lân la,
Khi buồn mới giở chiếc thoa ra nhìn.
Càng đau đớn nỗi Hạnh Nguyên,
Nhớ câu thơ biệt ở trên Trùng Đài.
Sẵn nghiên bút, vẽ ra chơi,
Vừa buông tay viết, chẳng rời miệng ngâm.
Càng như khêu mối khổ tâm,
Giấy nhòe nét tủi, nghiên dầm giọt thương.
Hay đâu đầy tớ Vân nương,
Liễu hoàn một ả Xuân Hương tinh đời.
Thói thường dòm liếc thư trai,
Gặp chàng vừa lúc nhớ người, xem thoa.
Trở về tấp tểnh, tấp ta,
Thày lay [5] mách với [(a)] Vân ta mấy lời.
Rằng: "Tướng công ở nhà ngoài,
Thình lình lắm lúc tôi coi cũng kỳ.
Tay cầm chẳng biết vật gì,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: mách *ả* Vân ta.

Chú thích:

1. *Thư trai*: phòng đọc sách.

2. *Cổ cư, cổ họa*: bức chữ viết và bức tranh vẽ đời xưa (làm tranh treo tường).

3. *Triện bách*: triện làm bằng gỗ cây bách.

4. *Ngoạn nguyệt*: xem trăng. *Thưởng hoa:* xem hoa. Bốn câu thơ tả cảnh thanh tao lịch sự nơi Mục Vinh ở.

5. *Thày lay*: mua chuộc lấy việc không phải phận sự của mình: "Thày lay hớt lẻo", "Thày lay chày cấu cổ" (tục ngữ).

Mắt thì nhìn kỹ, mặt thì buồn tênh.
Kỳ này ra khổ thất tình,
Kém nhan sắc trước, khác hình thù xưa.
Tôi lừa khi vắng lẻn ra,
Chỗ ngồi bắt được chiếc thoa lạ đời".
Vân Anh xem của nghe lời,
Gẫm tay này hẳn có người tình chung.
Thoa này ai dễ cho không,
Dễ hầu biết mặt tin lòng mà chơi [a]
Mục Vinh phải buổi ra ngoài,
Về xem hòm sách tơi bời giở tung.
Thấy khác dấu, đã chột lòng,
Xem cành thoa ấy lại không thấy rồi.
Khóc than vật vã một hồi,
Trách mình lơ đễnh, giận người tham lam.
Nghĩ rằng kẻ Bắc người Nam,
Chắc còn thoa ấy để làm duyên sau.
Gẫm duyên mỏng manh vì đâu,
Tỉ tê vật mọn cũng hầu tìm đi.
Bệnh đâu dắt đến tức thì [1],
Cơm hoa biếng nhấp, giấc hòe [2] kém yên.
Chiêm bao mê mẩn liền liền,
Trùng Đài trước mặt, Hạnh Nguyên bên mình.
Phu nhân những hận vì tình,
Mời thầy thuốc, cắt đồng sinh [3] giữ gìn.
Nỗi ngoài họ Mục [b], chưa yên,
Não người còn nỗi Hạnh Nguyên trong nhà.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *được ai.*

b) Bản E chép: *họ Mạc* (không đúng).

Chú thích:

1, 2. *Giấc hòe*: giấc mộng ở Hòe An, do tích Thuần Vũ Phần nằm mơ thấy đến nước Hòe An được vua nước này cho làm Thái thú đất Nam Kha, gả công chúa, cử đi đánh giặc thắng trận, được vinh hoa phú quí, chợt tỉnh dậy thấy mình đương nằm ở gốc cây hòe, bên mình chỉ thấy một tổ kiến. Giấc mộng này thường cũng gọi là giấc Nam Kha. Các nhà thơ thường dùng tích này để nói cuộc phú quí ở đời như một giấc mộng: "Giấc Nam Kha khéo bất bình, Bừng con mắt dậy thấy mình tay không" (Cung oán).

3. *Đồng sinh*: trẻ trai, trẻ nhỏ, người hầu.

Phải khi ngồi với Vân thư,
Thấy cành thoa ấy chân hư [1] rành rành...
Giờ lâu nhìn dấu của mình,
Trùng Đài lưu lạng Mai sinh những ngày.
Người đâu mà của thấy đây?
Hẳn rằng bóng hạc, xe mây đã đành. [2]
Duyên này đã hẳn ba sinh [3],
Gặp nhau đành giữ chung tình kiếp sau.
Lòng [(a)] thương chẳng đánh mà đau,
Lan sương biếng kẻ, mai câu [4] biếng giồi.
Tấc riêng riêng những ngậm ngùi,
Bữa thường miệng đắng, đêm dài bóng chung.
Phu nhân rối tợ bòng bong,
Khuê phòng ép thuốc, thư phòng nài thang.
Dạy mua hai cỗ thọ đường [5]
Phòng khi nhất đán phi thường cho ai! [6]
Bỗng đâu một lúc tơi bời,
Nỗi trong nhộn nhịp, nỗi ngoài dở dang.
A hoàn nối gót thư đường:
Thấy hai phương cũng hung phương [7] một giờ.
Phu nhân ghé hỏi sau xưa,
Gọi lên đã thấy tiểu thư tỉnh dần,
Thưa rằng: "Lưu lạc chút thân,
Bao dong kể đã đội ân nghìn trùng.

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *Tấm* thương.

Chú thích:

1. *Chân hư*: thực hư. Ý nói: trông thấy rõ là của mình thật, chứ không phải nghi ngờ gì nữa.

2. *Bóng hạc, xe mây*: đi theo hạc, theo mây, tức là đã đi theo Phật, theo tiên, nghĩa là đã chết.

3. *Ba sinh*: ba lần luân chuyển kiếp này sang kiếp khác. *Duyên nợ ba sinh:* duyên nợ gắn bó với nhau nhiều lần.

4. *Lan sương*: giọt sương đọng lại trên hoa lan.
Mai câu: vòng hoa mai. Ở đây, ý nói việc điểm tô của phụ nữ. Hạnh Nguyên biếng tô điểm, buồn về chuyện tình yêu cũ: không biết Mai sinh ở đâu mà thoa lại hiện ra đó.

5. *Thọ đường*: áo quan, quan tài.

6. *Nhất đán phi thường*: một buổi sáng xảy ra việc bất ngờ, ý nói là chết.

7. *Hung phương*: phương hướng xấu, không lành. Ý nói: bệnh của hai người cùng nặng cả.

Hay đâu số phận mỏng manh,
Xưa nay mệnh bạc chữ chung má đào [1]
Phòng khi muôn một thế nào,
Xin ba tấc đất để vào hướng Nam.
Con dù chín suối cũng thơm,
Bấy lâu công đức đã cam phụ người".
Phu nhân khuyên giải mấy lời,
Cùng Vân thư tới nhà ngoài thăm lênh.
Kề tai mấy tiếng gọi sinh,
Vừa lim lỉm giấc, thoắt tinh tỉnh dần.
Xuân Hương trình trước phòng văn:
"Tiểu thư vâng mệnh phu nhân trong phòng.
Ra đây thăm bệnh tướng công.
Dám xin gượng chút [(a)] bõ lòng phu nhân".
Sinh rằng: "Hổ [(b)] phận gia thần [2]
Ân lòng đãi lễ sư tân bấy chầy.
Những mong báo đáp có ngày,
Ai ngờ nên nỗi nước này như không?
Vẻ chi thân nhẹ lông hồng?
Thăm lênh để nặng tấm lòng tiểu thư.
Dù khi giải kết bao giờ,
Phong thần chính Bắc xin nhờ ghi cho". [3]
Bên giường mấy nỗi dặn dò,
Phu nhân nghĩ ngợi thêm hồ nghi ra.
Cùng nhau bàn mảnh trong nhà,
Xuân Hương mách lẻo trình bà phu nhân:
"Chuyện này xin chớ ngại ngần,
Tôi đà tỏ hết nỗi gần nỗi xa.
Cũng vì có một chiếc thoa,

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *kẻo* bõ lòng phu nhân (không xuôi nghĩa).

b) Bản Đ, E chép: *chút* phận gia thần.

Chú thích:

1. Ý nói: "Hồng nhan bạc mệnh", nghĩa là má hồng thì phận mỏng manh. Cũng như câu: "Đau đớn thay phận đàn bà, Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung" *(Truyện Kiều)*.

2. *Gia thần*: người tôi trong nhà, tức là người giúp việc.

3. Hai câu thơ ý nói: nếu cha may mà tôi chết thì xin nhớ đắp mả (phong thần) hướng về chính Bắc.

Kẻ bâng khuâng nhớ, người ngờ ngẩn thương.
Hai phòng bệnh cũng một đường,
Mê rồi lại tỉnh, mơ màng lăng nhăng.
Vả xem những tiếng trôi trăng,
Kẻ rằng chính Bắc, người rằng chính Nam.
Chuyện này để vậy chưa cam,
Xin dò chắc lại xem làm sao đây".
Theo Vân thư mới đi ngay,
Phen này quyết tỏ lòng này cho ai,
Lửng lơ đứng trước thư trai,
Đem thơ [a] tiễn biệt Trùng Đài [1] đọc chơi.
Mục Vinh nghe vẳng bên tai,
Bằng dường sét đánh lưng trời bỗng đâu.
Gọi vào, hỏi trước, hỏi sau,
Mỉm cười, Hương mới kể đầu, kể đuôi.
Nỗi nàng mách hết rạch ròi:
"Khi thần đưa đến, khi người bắt nuôi.
Trộm thoa tội ấy về tôi,
Khiến trong nhìn nhận, để ngoài xót xa.
Mấy câu tôi đọc bây giờ,
Thơ này bắt được với thoa một lần.
Làm khuây, xin hãy tỉnh dần,
Đã đành tài tử, giai nhân một nhà.
Vả ông tôi dặn trong tờ,
Đinh ninh dành gả tiểu thư cho chàng.
Bây giờ gặp nghĩa cũ càng,
Chẳng hay duyên mới có mang mẻ cùng?" [2]
Sinh rằng: "Muôn đội ơn lòng.
Nỗi bà trân trọng, nỗi ông yêu vì.
Ví bằng được hẳn thế thì,
Duyên sau nghĩa trước, hai bề vẹn hai".

Khảo dị:

a) Bản E chép: đem *thư* tiễn biệt.

Chú thích:

1. Thơ của Mai sinh tặng Hạnh Nguyên lúc chia tay ở Trùng Đài. Xuân Hương bắt được, nay đem đọc Mai sinh nghe.

2. *Mang mẻ*: mang. "Nỗi quan hoài mang mẻ xiết bao" *(Chinh phụ ngâm)*. Ở đây ý nói: có chịu khó mang thêm được một vợ nữa không?

Bỗng dưng nói nói, cười cười,
Mười phần bệnh, phóng còn hai ba phần [a].
Xuân Hương tức tốc dời chân,
Tìm đầu bạch với phu nhân bấy giờ.
Lại vào bảo thực Hạnh thư
Mục Vinh ngoài ấy, ấy là Mai sinh.
Hạnh Nguyên nghe rõ thực tình,
Cất quang quảng bệnh, nhẹ thênh thểnh người.
Cho hay những bậc sắc tài,
Thảm vì tình lắm, lại vui vì tình.
Phu nhân chọn được ngày lành,
Mới truyền dọn dẹp, mời sinh vội vàng.
Sửa sang cuộc rượu hai bàn,
Cách rèm làm lễ truy hoan [1] một nhà.
Hạnh Nguyên quốc phục [2] như xưa,
Thác [b] [3] mành mành mới bước ra hỏi chàng.
Rõ mười còn tưởng mơ màng,
Mừng mừng, tủi tủi, khóc than một hồi.
Khóc rồi kể lể đầu đuôi:
Nỗi trên núi Nhạn chuyện ngoài ải mây.
Chết thừa sống thiếu là may,
Bên kia quan gặp, bên này thần đưa [4].
Bèo trôi, sóng vỗ đến giờ [5],
Kẻ sang Châu phủ, người nhờ Phùng công.
Biết bao nhiêu chuyện đau lòng,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: còn *vài bốn phần*.

b) Bản Đ, E chép: *khoác* mành mành (không đúng).

Chú thích:

1. *Truy hoan*: theo đuổi cuộc vui. Ở đây gọi là hợp hoan thì phải hơn. Truy hoan có nghĩa không tốt. Tả Thúc Sinh vui thú miên man với Thúy Kiều trong nhà Tú Bà, Nguyễn Du viết: "Miệt mài trong cuộc truy hoan", như thế đúng hơn.

2. *Quốc phục*: quần áo của nước nhà. Lúc đi cống Phiên, Hạnh Nguyên mặc quần áo Phiên.

3. *Thác* (tiếng cổ): cuốn lên, giương lên, "Bức rèm thưa rủ, thác đòi phen" *(Chinh phụ ngâm)*.

4. Nhắc lại chuyện Mai sinh gặp Phùng công giới thiệu lại cho Châu công (quan gặp) Hạnh Nguyên được thần cứu đưa về nhà họ Châu (thần đưa).

5. So với câu: "Từ con lưu lạc quê người, Bèo trông sóng vỗ chốc mười lăm năm" trong *Truyện Kiều*.

Xuân sinh lưu lạc, Sơn Đông cách vời.
Một phen nói, một bồi hồi,
Bâng khuâng cố quận, ngậm ngùi thiên lao [1].
Phu nhân khuyên giải thấp cao,
Cùng thôi nước mắt, lại vào tiệc hoa.
Tu kinh bỗng thấy đưa ra:
Châu công thăng chức hiệu là thị lang [2].
Chỉ ban về lễ từ đường [3].
Chàng ra mười dặm, đình trường đón xa.
Ngó trông rợp bóng quan hà [4],
Thẻ bài phụng chỉ ngọn cờ vinh hương [5].
Giáp nhau ông đã gặp chường,
Song song đôi ngựa trỏ đường cố gia [6].
Thu quân hồi trống vào nhà,
Treo yên vách phấn, cắm cờ giá son.
Vào trong thong thả ôn tồn,
Một nhà thầy, tớ, vợ, con lạy mừng.
Trong nhà nhộn nhịp, tưng bừng,
Ầm ầm thiều nhạc, lẫy lừng tiệc hoa.
Phu nhân giả cách lơ mơ,
Truyền đòi đệ nhất tiểu thư [7] ra hầu.
Ông rằng: "Khéo lẽ giấu nhau, [a]
Hiếm hoi một gái lấy đâu nhất nhì?"
Hạnh Nguyên ra trước lạy quì,
Nỗi nàng, bà kể mọi bề gian truân:
"Nghĩ rằng xa, chẳng là gần,
Ai hay con gái bác Trần Đông Sơ!

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *dối* nhau.

Chú thích:

1. Nhắc lại cảnh gia đình Hạnh Nguyên lúc bị nạn: Hạnh Nguyên nhớ quê cũ (cố quận) thương bố phải giam ở thiên lao.

2. *Thị lang:* một chức quan bậc trung trong triều.

3. *Từ đường:* nhà thờ.

4. *Quan hà:* cửa quan và sông lớn. Ý nói: đường đất đi lại xa xôi.

5. *Câu thơ nói:* cầm thẻ bài có lệnh vua ban và cầm cờ đề chữ vinh hương (vinh hiển về làng).

6. *Cố gia:* nhà cũ.

7. *Đệ nhất tiểu thư:* Tiểu thư thứ nhất, con gái cả. Đây là Hạnh Nguyên, nhiều tuổi hơn được làm chị.

Tơ đào nghĩ những bao giờ,
Nhân duyên sớm định về nhà họ Mai.
Hôm xưa lắm chuyện nực cười.
Kẻ trong nhận của, người ngoài mất thoa
Hai buồng gang tấc nên xa,
Thất tình bệnh đã hóa ra mấy ngày.
Tỏ ra mười mấy hôm nay,
Bên kia nhận vợ, bên nay nhận chồng".
Ông nghe thấu hết sự lòng,
Cả cười, nói dạy rằng: "Trong đạo trời,
May ta gặp cả hòa hai,
Trọn tình bè bạn, được người thi thư [1].
Nghĩ chăng, dở một nỗi nhà,
Tính vào thế ấy, hóa ra thế này!"
Bà rằng: "Tôi cũng nghĩ đây,
Xưa nay đôi quả một tay cũng nhiều.
Vả trong hai ả tiểu kiều,
Mười phần xem đã kính yêu cả mười.
Bấy nay hình ảnh chẳng rời,
Thờ chung quân tử một người cũng nên.
Mai sinh nghĩa cả chưa đền,
Phỏng chừng ép uổng cũng nên một lòng".
Châu công nghe nói thủy chung,
Liền ra tiệc ngọc thư phòng với sinh.
Lòng chàng nghe đã tỏ tình,
Lẽ nào giấu quẩn giấu quanh được rày!
Thưa rằng: "Chút phận hèn ngây,
Bấy nay giả dối [2] tội rày đã cam".
Ông rằng: "Việc tỉnh Hà Nam,
Bấy nay cậy một tay làm biết bao?
Kinh luân[3] đã tỏ tài cao,
Thớ cong, rễ quánh, thử dao long tuyền [4].

Chú thích:

1. *Thi Thư:* Kinh Thi, Kinh Thư, hai sách chính trong Nho giáo. Người thi thư: người có học nhiều.

2. *Bấy nay giả dối:* giấu tên họ không nói thực việc mình.

3. *Kinh luân:* sửa sang việc chính trị, tài trị nước.

4. *Long tuyền:* tên một thanh gươm quí ngày xưa.

Hiếm hoi chút gái vụng hèn,
Nâng khăn, sửa túi, xin yên phận nhờ".
Sinh rằng: "Nguyệt lão xe tơ,
Nhân duyên đã định Trần gia những ngày.
Làm chi bể ái vơi đầy,
Hạ đường [1] dám lụy, tiếng này đến ai?
Vả con hổ phận bất tài,
Tấc lòng e chửa xứng đôi đông sàng".
Ông rằng: "Thôi chớ rẫy ruồng,
Nhà Ngu xưa có Nga Hoàng, Nữ Anh [2].
Trượng phu dù quyết hẹp tình,
Thẹn thay phụ tấm lòng thành lão nô" [3].
Chàng nghe lạy trước thềm hoa,
Xưa còn gia khách nay ra thân tình.

*

*   *

Năm mây [4] nghe chiếu rành rành.
Thi hương, thi hội, thi đình [5] một phen.
Bàn rồi dường lẽ chưa yên,
Chấp kinh cứ thực họ tên sao đành.
Sổ dâng quán chỉ [6] Đại Danh,
Quyển đề họ Mục, tên Vinh vào trường.
Đua tài tỉnh thí [7], khoa hương,

Chú thích:

1. *Hạ đường:* xuống thềm. Chữ trích trong câu nói của Tống Hoằng trả lời vua Hán Quang Vũ. Tống Hoằng đỗ sớm, làm quan to trong triều. Quang Vũ có người chị gái muốn lấy Tống Hoằng, vua ướm hỏi Hoằng việc này. Hoằng thưa: "Tao khang chi thê bất hạ đường", nghĩa là người vợ lúc nghèo ăn tấm ăn cám với mình thì không bao giờ truất xuống dưới thềm". Vua biết ý không nói đến việc ấy nữa.

2. *Nga Hoàng, Nữ Anh:* hai con gái của vua Nghiêu đem gả cả cho ông Thuấn, và truyền ngôi cho ông này (lập nên nhà Ngu).

3. *Lão nô:* người tớ già. Lời nói nhún mình của Châu công.

4. *Năm mây:* năm sắc mây, chỉ nhà vua.

5. Thi Hương là kỳ thi ở địa phương liên tỉnh tuyển tú tài cử nhân, thi Hội là thi ở Kinh đô, thi Đình là thi ở sân vua, đều tuyển tiến sĩ.

6. *Quán chỉ:* quê quán. Mai sinh khai mạo danh là Mục Vinh quê ở Đại Danh, nơi sinh đang trú ngụ.

7. *Tỉnh thí:* kỳ thi ở tỉnh. Mục Vinh đỗ Thủ khoa (đỗ đầu).

Bảng đầu đã rõ tên chàng Mục Vinh.
Phủ châu mừng rỡ linh đình,
Hết lòng sắm sửa tiễn kinh cho chàng.
Chân hề [1], rong ruổi dặm tràng,
Đứa đeo thơ túi, đứa mang rượu bầu.
Mấy tuần gióng giả vó câu,
Tràng An trông đã thoắt đâu tới gần.
Tớ thầy tìm chốn chứa chân,
Chờ ngày nhảy sóng, đợi tuần hóa long [2].
Chen vai tài tử, danh công [3],
Kẻ toan bẻ quế, người hòng tung mây.
Qui mô, trường ốc ai xây?
Chia khu thập đạo [4], rào vây bốn thành.
Ba bề chín cửa thênh thênh,
Cột huyền bảng [5] thẳng, cây đình liệu [6] cao.
Cậy tài sinh cũng xem sao,
Vũ Môn ba đợt [7] sóng đào xem kinh.
Lại còn một nỗi Xuân sinh,
Khâu Khôi đã đổi tính danh những ngày.
Hà Nam nhập bạ [8] phen này,
Đỗ hương cũng định ngày rày tiến kinh.
Mấy tuần vừa tới đô thành,
Trời kia xui khiến hai sinh đỗ đầu.
Cửa Phùng Đô sát gặp nhau,
Người tầm mẫu cữu [9], kẻ cầu ân sư.

Chú thích:

1. *Chân hề:* chỉ người hề đồng.

2. *Nhảy sóng, hóa long:* đi thi trúng tuyển. Ví như chuyện cá vượt Vũ Môn hóa rồng. Ngày xưa, cho rằng rồng là cá chép hóa ra. Cá muốn hóa rồng phải lặn lội ngược dòng sông lên đến cái thác chảy mạnh gọi là Vũ Môn, vượt lên đến cái hồ trên thác mới hóa thành rồng.

3. *Tài tử, danh công:* người có tài, kẻ có tiếng.

4. *Thập đạo:* đường cắt nhau hình chữ thập.

5. *Cột huyền bảng:* cột treo bảng.

6. *Đình liệu:* cây đuốc dựng trong sân.

7. *Vũ Môn ba đợt:* ý nói: đi thi. Gọi việc đi thi như việc cá chép vượt Vũ Môn để thành rồng.

8. *Nhập bạ:* vào sổ. Xuân sinh đi thi đổi tên là Khâu Khôi khai quê quán ở Hà Nam.

9. *Mẫu cữu:* cậu (em mẹ).

Quân hầu vâng dặn vào thưa,
Mời hai sinh hãy ngồi nhà nghênh tân [1]
Kìa thì Mai, nọ thì Trần,
Bâng khuâng suốt buổi, tần ngần giờ lâu.
Khóc than kể hết chuyện nhau,
Hợp tan mấy độ, trước sau mấy từng.
Tỏ tường chân tóc, kẽ răng,
Kẻ mừng chị sống, người mừng mẹ yên.
Hay đâu Đô sát Lạc Thiên,
Chiếu ra chủ khảo cầm quyền chưởng văn [2],
Biết đâu truyền gọi gia nhân,
Vâng lời ra quán nghênh tân đón vào.
Phùng công mừng rỡ xiết bao,
Hai sinh kể hết tiêu hao [3] chuyện mình.
Ông rằng: "Gác chuyện gia tình
Trường quan, cống sĩ [4] có hình hiềm nghi.
Ra ngoài hãy đợi trường kỳ, [5]
Nhờ trời khi dễ việc gì cũng xong".
Hai chàng bái tạ Phùng công,
Ra chùa Tướng Quốc, trú chung một phường.
Nhân khi vắng vẻ đêm trường,
Tỏ nguồn cơn trước, kể đường đất xưa.
Mới hay những kẻ tài hoa,
Bảng vàng trời đã đợi chờ cho ai.
Một phen hội thí đua tài,
Giọng văn tú khẩu, hơi bài cẩm tâm [6].
Quan trường công chính [7] không lầm,
Khéo thay mực nẩy, cân cầm chẳng sai.
Bảng treo tên đã rõ mười,

Chú thích:

1. *Nhà nghênh tân*: nhà đón khách.

2. Phùng Lạc Thiên được cử làm người đứng đầu coi việc thi cử (chủ khảo) và nắm việc văn học (chưởng văn).

3. *Tiêu hao*: tin tức.

4. *Trường quan, cống sĩ*: quan trường và những người đã đỗ ông cống ở các kỳ thi Hương, nay là thi Hội.

5. *Trường kỳ*: kỳ hạn vào thi.

6. *Tú khẩu, cẩm tâm*: miệng thêu, lòng gấm. Ý nói: văn hay.

7. *Công chính*: công bằng chính trực, không thiên vị.

Mục Vinh thứ nhất, Khâu Khôi thứ nhì
Văn trường đã định nhật kỳ,
Vừa xong thi hội, lại thi đình liền.
Thỏa lòng văn nhẹ như tên,
Tài hay có tám sức lên đến mười.
Ưu phân [1] đáng giá tam khôi [2],
Mới hay trời có chiều người khi nên.
Phán truyền họ Mục, Trạng nguyên,
Họ Khâu, Bảng nhãn, hai tên rành rành [3].
Thiên ân [4] ban trước phong đình,
Ba tuần ngự tửu [5], hai cành cung hoa [6].
Hương trời, lộc nước, phấn vua,
Rỡ ràng bông mão, lập lòa vàng đai.
Ba ngày thượng mã du nhai,
Lòng vua ưu hậu [7], mắt người quan chiêm [8]
Vẻ vang gấm lại hoa thêm,
Thỏa lòng bẻ quế cung thiềm [9] bấy lâu.
Tân khoa một lũ trước sau,
Cùng sang tướng phủ vào hầu Lư công.
Tạ từ ai nấy ra xong,

Chú thích:

1. *Ưu phân*: phân điểm được ưu, nghĩa là bậc tốt nhất, cao nhất.

2. *Tam khôi*: ba lần đỗ đầu: giải nguyên, hội nguyên và đình nguyên, nên cũng gọi là tam nguyên.

3. *Khoa thi tiến sĩ chia làm ba giáp (bậc):* bậc nhất có ba vị: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa; bậc nhì có một vị là Hoàng giáp; bậc ba có hai vị là Tiến sĩ và đồng Tiến sĩ.

4. *Thiên ân:* ơn trời, tức ơn vua.

5. *Ngự tửu*: rượu vua ban (có khi là vua dùng). Danh từ *ngự* nguyên chữ Hán nghĩa là đánh xe, cầm cương ngựa kéo xe. Dùng rộng ra là điều khiển, cai trị, công việc của ông vua: ngự thiện (vua ăn cơm), ngự lãm (vua xem), về sau chỉ cả con người làm việc đó: Ngài ngự (vua) "Chẳng đem việc ấy mà tâu ngự cùng". *(Cung oán)*. Rồi thành tích từ: ngự tửu, ngự y (thầy thuốc) v.v...

6. *Cung hoa*: Hoa hồng trong ngự uyển (vườn nhà vua). Chuyện cưỡi ngựa xem hoa là chuyện của các ông Trạng, ông Thám, sau khi đỗ, được cưỡi ngựa đi xem vườn thượng uyển, và dạo chơi phố phường (du nhai).

7. *Ưu hậu:* đối đãi đặc biệt (cũng như ưu đãi).

8. *Quan chiêm*: trông nhìn. Ý nói: "Người ta trông vào".

9. *Bẻ quế cung thiềm*: bẻ quế cung trăng, nghĩa là thi đỗ. Ý nói: bấy lâu nay mong thi đỗ thì nay được thỏa lòng.

Mời riêng Băng nhân vào trong gác [a] ngồi.
Khoản trà [1] lễ mạo hẳn hoi,
Dập dìu sớm đã cho mời Hoàng Tung.
Giả điều vua triệu tướng công,
Khâu, Hoàng ngồi lại vui trong chén quỳnh.
Tung rằng: "Hai chữ khoa danh,
Tướng công đây những hậu tình quá yêu.
Buồng hương có ả tiểu kiều,
Sàng đông cũng rắp toan điều cầu thân.
Thôi thì dư thế, dư thần,
Quan sang, chức trọng mười phân đến chàng".
Khâu sinh cười nói, thưa rằng :
"Tình người quyến cố [2] xem bằng bể non.
Duyên này đã định tao khang,
Có đâu phụ nghĩa, tham sang lẽ nào!"
Tung rằng: "Khéo chấp nê sao,
Xưa nay đổi vợ biết bao nhiêu người?
Con người sắc nước hương trời,
Quá thương khi đã ngỏ lời dễ đâu,
Cạn lòng dễ chẳng nghĩ sâu,
Ăn năn e nữa đến sau lụy mình".
Sinh nghe thấy tiếng dỗ dành,
Đùng đùng nổi giận [b], bất bình khêu gan.
Mắng rằng: "Một lũ quyền gian,
Nhơ mình chưa chán, lại toan hại người!
Mình đà là phận con nuôi,
Nửa con hòng lại dắt ai vào tròng [c]
Ta đây một tấm lòng trung,
Quyết đem giải trước mặt rồng có phen.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *rốn* ngồi.

b) Bản G chép: *Ầm ầm* nổi giận...

c) Bản Đ, E, G chép: dắt ai vào *cùng*.

Chú thích:

1. *Khoản trà*: mời uống trà.

2. *Quyến cố*: đoái thương đến.

Thể không dung kẻ quyền gian [a]
Vì dân trừ hại mới nên anh tài.
Khéo thay mối lái cũng đòi,
Vo ve tiếng Trịnh [1] nhàm tai phượng hoàng".
Nói rồi lên kiệu vội vàng,
Trở về vừa đến nửa đường nghĩ ra:
"Ăn năn chút chửa xem cơ,
Thôi thôi! Nóng giận đến ta là cùng.
Lánh đi nếu chẳng quyết lòng,
Chân loan chưa dễ lọt vòng lưới gian".
Bàn riêng hai lẽ vừa an,
Thoắt đà đổi áo thay quan [b] lánh mình.
Chuyện chàng đồn dậy kinh thành,
Gần xa ai cũng biết tình từ hôn [2]
Lư công nổi giận cồn cồn,
Kíp sai lính mã đổ dồn tìm quanh.
Cách xa mười dặm [c] ngoài thành,
Thấy chàng thoắt đã giao binh điệu về.
Kể khoan, kể nhặt mọi bề,
Rằng khinh phép nước, rằng chê lộc trời.
Truyền đem giam cấm một nơi,
Luận xong tội ấy, ngày mai tiến trình.
Trường quan nghe tỏ phong thanh [3]
Hòng làm sớ tấu giãi tình Khâu Khôi,
Lòng người vốn sẵn lẽ trời,
Mới hay trọng đạo ai ai cũng lòng,
Bấy giờ hội thí vừa xong,
Các [d] phương sĩ tử còn đông kinh thành.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: dung kẻ *lộng quyền*. Đúng vần với câu trên, câu dưới. *Quyền gian* không đúng vần.

b) Bản G chép: *quải* quan (= treo mũ).

c) Bản G chép: Cách *vài* mươi dặm.

d) Bản E chép: *Bốn* phương sĩ tử. Thường nói *bốn* phương chứ ít nói *các* phương.

Chú thích:

1. *Tiếng Trịnh*: tiếng nước Trịnh, tiếng dâm ô (do con gái nước Trịnh mang tiếng là không đứng đắn).

2. *Từ hôn*: từ chối không nhận kết hôn. Ở đây là không chịu lấy con gái Lư Kỷ.

3. Quan chấm trường nghe tiếng đồn (phong thanh).

Bực mình hai chữ công danh,
Về nhà thẹn mặt, xuất hành ngại chân.
Tam khôi mừng những đắc nhân [1]
Nghe tin nhủ bảo xa gần thiếu ai.
Họp hành bàn bạc mấy lời,
Giận ai ép uổng, thương người oan khiên.
Việc này nhẫn nhục sao yên,
Bè gian rồi nữa lộng quyền đến đâu?
Lấn cành tầm gửi chẳng lâu,
Người kia trước, chúng ta sau cũng vừa.
Thôi thì ta lại vì ta,
Nhẹ mình nặng nghĩa mới là trượng phu.
Kẻ rằng xin chớ hồ đồ,
Đón đường ta hãy sửa cho một hồi.
Làm cho gian đảng đi đời,
Hãy khoan văn bút, thử chơi vũ bài [2]
Ở đâu thấy một người quen,
Thưa rằng: "Việc ấy vẹn tuyền chớ nghi [a]
Phóng mà có đến lẽ gì,
Đầu đoàn chuyện ấy, em thì xin đương.
Vả em chút phận lỡ làng,
Tên thì vừa hỏng tư lương [3] cạn rồi.
Về nhà thân thích không ai,
Xin liều thân ấy, cứu người khôi khoa".
Được lời như mở lòng ra
Kéo nhau một lũ vào tòa Phùng công.
Lạy rồi thưa hết thủy chung.
Ông vừa thảo sớ để hòng vào tâu.
Khen rằng: "Sao khéo bảo nhau
Việc là việc nghĩa lẽ đâu bảo đừng.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E, G chép: *Ở đây bỗng có một người. Thưa rằng chuyện ấy xin người chớ nghi* (lặp hai tiếng người, nhưng đúng vần hơn hai câu kia).

Chú thích:

1. *Đắc nhân*: được người xứng đáng.
2. *Vũ bài*: môn võ. Ý nói: khoan dùng văn (văn bút) hãy đánh một trận đã (vũ bài).
3. *Tư lương*: lương riêng của mình, ở đây là tiền ăn đường.

Chin e tai vách mạch rừng [a] [1]
Làm cho kín mít như bưng mới là".
Vâng lời ai nấy trở ra
Hẹn nhau chừng nửa canh ba đón đường,
Xin cho bắt được Lư, Hoàng,
Đừng phân trái phải hãy toan đánh đòn.
Rày đừng vây cánh cha con,
Gian mưu đứt mọc, xảo ngôn hết nghề.
Đã đành tội hữu sở qui [2]
Rồi ra, ra đến chữ [b] gì thì ra
Kẻ rằng: "E lũ chúng ta,
Người gần, còn có người xa, ngại ngần.
Xin về một chốn trú chân,
Nhà tôi trọ đấy cũng gần Ngọ môn [3]
Buổi chiều xe ngựa ồn ồn,
Tiện đường đón đấy, nghỉ khôn lên trời".
Cùng nhau miệng nói chân dời,
Sẵn nhà cùng ở một nơi đợi chờ.
Lặng nghe canh đã sang ba,
Kiệu đâu một lũ trông ra ngoài trường.
Phùng công kiệu trước thét đường.
Kiệu sau Đảng, Lục với chàng tân khoa
Bảo nhau hai dãy dẹp ra,
Kiệu sau đã thấy xe xa đến liền
Tiền hô hậu ủng [4] chật lèn,
Phủ Lư mới tỏ hiệu đèn [5] là đây.

Khảo dị:

a) Bản E chép: mạch *dừng* (theo chữ mới sửa đổi trong câu tục ngữ, xem chú thích dưới).

b) Bản Đ, E chép: đến *những* gì thì ra.

Chú thích:

1. *Tai vách mạch rừng*: do câu tục ngữ cổ: "Rừng có mạch, vách có tai", nghĩa là kín như rừng cũng có những lối đi nhỏ (mạch) người ta có thể biết được, kín như vách, người ta cũng có thể nghe được.

2. *Tội hữu sở qui*: tội đã có người chịu,

3. *Ngọ môn*: cửa chính của hoàng thành.

4. *Tiền hô hậu ủng*: trước hô sau ủng. Ngày trước, vua chúa hoặc các quan to đi ra, có đông quan lính đi hầu. Đằng trước có lính hô dẹp đường, đằng sau có lính ủng hộ.

5. Kiệu của đại thần đi, ban ngày thì có hiệu cờ, ban đêm thì có hiệu đèn.

Hai bên chực sẵn đã đầy,
Kẻ xăn tay áo, người day [a] cánh đoài [1]
Người bẻ lọng, kẻ giằng roi,
Ầm ầm hơi giận, hồi hồi tiếng la.
Xúm quanh trước kiệu hỏi qua
Khâu Khôi, Bảng nhãn tân khoa tội gì?
Quyền như chú, chắc mạnh bè,
Vu oan cho kẻ trung nghì được chưa?
Bốn bên trận đánh như mưa,
Xé tan xương nịnh, ngay đờ mặt gian [b]
Trận đòn hội chợ ai can?
Bướm bay giấy lọng, kiến [c] tan lũ hầu [2]
Hoàng Tung kiệu đã đến sau.
Người kéo tóc, kẻ giằng đầu, xúm quanh .
Mảnh xiêm, mảnh mãng tan tành,
Tối tăm mắt nịnh, thất kinh hồn tà.
Mới hay nhất quỷ nhì ma, [3]
Học trò đến bậc thứ ba thật là.
Người kêu dưỡng tử [4] cứu cha,
Kẻ kêu nghĩa phụ [5] ân gia cứu mình.
Tưng tưng trời mới bình minh,
Đường hoàng ngự trước phong đình phân ban [6]
Lư, Hoàng thoát khỏi vòng oan,
Bưng đầu theo lũ bách quan vào quì.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Kẻ *trần* tay áo, người *xoay* cánh đoài.

b) Bản G chép: Bốn bên *đấm* đánh như mưa, *Dãi om* xương nịnh, ngay đờ mặt gian.

c) Bản C, Đ, E chép: *Kiểu* tan lũ hầu (không đúng nghĩa và không xứng đối với tiếng *bướm* ở vế trên).

Chú thích:

1. *Người day cánh đoài*: tất cả các bản mà chúng tôi đã đọc đều chép *cánh đoài*. Bản Nôm viết chữ đoài là phương Tây. Không thấy bản nào chú thích chữ *cánh đoài* và chúng tôi cũng chưa nghiên cứu được nghĩa. Chúng tôi đoán chữ *đoài* đây là một tiếng cổ hoặc một tiếng địa phương mà bây giờ ta không biết nghĩa nữa. Có thể là một chữ chép sai.

2. Giấy lọng bị xé ra bay như bươm bướm, những người hầu chạy tán loạn như kiến.

3. Do câu tục ngữ "nhất quỉ, nhì ma, thứ ba học trò". Ý nói: học trò tinh nghịch.

4. *Dưỡng tử*: con nuôi, ở đây tức là Hoàng Tung.

5. *Nghĩa phụ*: cha nuôi, tức Lư Kỷ.

6. *Phân ban*: chia hàng bên văn và bên võ, lúc các quan chầu vua.

Gượng đau, lậy trước đan trì [1]
Áo tươm tướp rách, mặt bì bì sưng [a]
Khóc than rền rĩ tâu rằng:
"Khâu Khôi hôm nọ tự dưng bôn đào [2]
Bắt về chưa kịp tâu vào,
Hai quan chủ khảo sắp mưu lại người.
Họp hàng sĩ tử một nơi,
Đón đường, đánh đánh, lôi lôi một hồi.
Cao minh xin tỏ đèn trời,
Tra người trái [b] phép, hỏi người mưu gian".
Phán rằng: "Người hãy ngồi an,
Còn tra dù thực, dù gian rạch ròi".
Chỉ đòi Phùng, Đảng hai người:
"Làm sao tâu thực mấy lời được hay"
Tâu rằng: "Chút phận hèn ngây,
Dám cho được dự khoa này chưởng văn.
Đêm ngày lo lắng muôn [c] phần,
Di tài [3] những sợ đắc nhân là mừng.
Gieo cho những tiếng hay chăng,
Xét soi nhật nguyệt đôi vầng xin thương.
Phường thi hỏng với quan trường
Con chi tình diện [4] toan đường giao thông.
Chực ngoài lũ ấy còn đông,
Dám xin tra thấu thủy chung được nhờ".
Tiếng vàng sang sảng ban ra,
Đòi vào sĩ tử hỏi qua tình đầu.
Bước [d] vào một lũ theo nhau,
Dưới sân kẻ trước, người sau, lạy quì

Khảo dị:

a) Bản G chép: Mặt bì bì *nhân*.

b) Bản Đ, G chép: *vô* phép.

c) Bản C, Đ, E chép: *trăm* phần.

d) Bản C, Đ, E chép: *bắt* vào.

Chú thích:

1. *Đan tri:* Thềm nhà vua, thềm đỏ.

2. *Bôn đào:* đi trốn.

3. *Di tài:* Bỏ sót người có tài. *Đắc nhân:* chọn được người giỏi. Câu thơ ý nói: trong việc chấm thi này, chỉ lo bỏ sót người tài và rất mừng khi chọn được người giỏi.

4. *Tình diện:* tình ngoài mặt, nể mặt.

Phán rằng: "Trong chốn trường qui [1],
Làm điều bất pháp tội thì tại ai?"
Muôn tâu: "Hổ phận bất tài,
Tranh lèo, giật giải, nhường người quyết khoa [2]
Nghĩ trong tảo vãn [3] cũng là,
Bằng bay, côn nhảy [4] còn chờ hội sau.
Phép vua, lời thánh để đâu?
Tay cầm bìa sách, dám hầu phi vi? [5]
Việc này lắm mối gian khi,
Dám xin tâu dưới đan trì đầu đuôi:
Khoa này Bảng nhãn Khâu Khôi,
Bậc người khoa giáp, vẻ người phong lưu.
Hôm xưa tướng phủ mới vào,
Khoe con má phấn, ướm trao chỉ hồng.
Tân khoa một mực rằng không,
Dám tham phú quí, phụ lòng tao khang.
Tâng công bởi tại họ Hoàng,
Quyết đường ép uổng, xui đường phân chia,
Sợ vì phép, khiếp vì uy.
Tân khoa mới phải tìm đi lánh mình.
Nào còn dám tưởng công danh,
Lư công biết thóp sai binh nã về.
Làm cho bõ lúc từ qui [6]
Vu cho phi pháp toan bề tâu gian,
Chúng tôi cả quyết làm đơn,
Muốn vì Bảng nhãn lo toan giãi bày.
Nào ngờ tướng phủ đã hay,
Canh khuya đuổi đánh, toan bày mưu gian,
Làm ra vứt [(a)] mũ, xé tàn,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *vô* mũ. Bản G chép: *quăng* mũ.

Chú thích:

1. *Trường qui:* phép tắc của trường thi.
2. *Quyết khoa:* đi thi quyết đỗ trong khoa ấy.
3. *Tảo vãn:* sớm, muộn. Ý nói chẳng sớm thì muộn rồi cũng đỗ.
4. Chim bằng bay, cá côn (thứ cá lớn nhất ngoài bể) nhảy, tiêu biểu cho sự tiến đạt lớn của sĩ tử.
5. *Phi vi:* ngang trái. Câu thơ nói: đã cắp sách đi học, không dám làm điều ngang trái.
6. *Từ qui:* từ chối bỏ về, tức là việc Khâu Khôi từ hôn mấy hôm trước.

Cào mình, rạch mặt, vu oan cho người".
Ngự [1] nghe thấu hết đầu đuôi,
Lư, Hoàng khi ấy những lời tâu sai.
Phán rằng: "Những chúng vô loài,
Thương con, kén rể, bức người ép duyên".
Lư tâu rằng: "Việc nhỏ nhen,
Tình riêng nhi nữ lọ phiền hỏi han?
Chàng kia vô phép khi quan [2]
Lũ kia đấu ẩu xin ban nghị hình" [3].
Ngự nghe thấu hết mọi tình.
Tức thì nổi giận lôi đình bởi đâu.
Phán rằng: "Gian đảng hợp nhau,
Dối trên hại dưới bấy lâu thông đồng.
Thử xem [(a)] lòng lại hỏi lòng,
Thẹn chưng mũ áo, [(b)] hổ cùng cân đai.
Nhàm tai, chẳng nói chi dài,
Giao Tam pháp [4] nghị, rạch ròi sẽ tâu".
Phùng công Đô sát làm đầu,
Thứ nhì Đại lý, đến sau Bộ Hình.
Ba tòa ngồi trước cung đình,
Nha môn chực dưới, long đình [5] đặt trên.
Kia thì bị, nọ thì nguyên,
Một bên sĩ tử, một bên Lư, Hoàng.
Nọc roi, sắp sẵn hai hàng,
Sai vào ngục viên [6] đòi chàng Khâu Khôi.
Phùng công dạy trước mấy lời:

Khảo dị:

a) Bản C, E chép: thư *xem*.

b) Bản G chép: *Xứng chia* mũ áo.

Chú thích:

1. *Ngự*: nhà vua.

2. *Khi quan*: khinh quan chức của nhà vua.

3. *Nghị hình*: xét xử theo luật nước để trị tội bọn hành hung.

4. *Tam pháp:* ba tòa: Đô sát, Đại lý, Hình Bộ họp lại thành một tòa án đặc biệt để xử những việc quan trọng.

5. *Long đình:* cái án có chạm rồng, có mui che để chiếu chỉ, sắc lệnh của vua ban ra.

6. *Ngục viên:* nhà giam.

"Chào Lư Thái phó, đầu đuôi đồng từ!"[1]
Lư công nói hãy lờ đờ:
"Tôi cùng ba bác có là người đâu?
Tờ bồi ráo riết chi nhau,
Rồi ra, tình diện về sau còn dài".
Quan rằng: "Nói cũng lạ đời,
Tình trong đã vậy, lý ngoài làm sao.
Ép duyên sai bắt thế nào?
Việc rành rành, phải đem vào lời cung".
Lư rằng: "Việc ép thì không,
Con đây chưa dễ sàng đông thiếu người?
Còn như chuyện bắt Khâu Khôi,
Xưa nay quen vẫn làm rồi mới tâu".
Ông rằng: "Binh sự là đầu,
Đạo làm thần tử[2] dám bầu tự chuyên?
Khi quân[3] tội ấy đã nên,
Lại còn nhắc chuyện lộng quyền phi vi[4]
Bá Cao chết tại tội gì?
Đông Sơ bỏ ngục, tội thì tại ai?"
Lư rằng: "Sao kể đường dài,
Hãy cho xong án Khâu Khôi đã mà!
Bá Cao với lại Đông Sơ,
Tội làm trở đậu quân cơ[5] bấy giờ.
Trọng khinh là bởi lượng vua,
Như đây có dự chi mà can liên".[6]
Ông rằng: "Liệu đấy mà xem,
Nếu còn già miệng thì nên mất lòng!"
Còn đương tra hỏi chưa xong,

Chú thích:

1. *Đồng từ:* cùng khai một lời.
2. Câu thơ ý nói: đạo làm tôi con (thần tử) không được tự chuyên quyền.
3. *Khi quân:* dối vua, một tội rất lớn.
4. *Lộng quyền phi vi:* lộng quyền làm xằng.
5. *Trở đậu quân cơ:* làm ngăn trở chậm trễ việc quân. Nhắc việc Bá Cao can vua đừng đánh Phiên.
6. *Can liên:* (liên can): dính dáng đến, liên luỵ vào.

Trông ra đã thấy quan trong [1], họ Hoàng [2]
Đem vào đặt trước sảnh đường,
Long côn [3] một chiếc, niêm hoàng [4] một chương
Ba tòa tiếp chỉ vội vàng,
Mấy lời ỏn ẻn họ Hoàng đã thưa:
"Này đồ phụng chỉ ban ra,
Sao cho tận pháp [5] mới là công minh.
Già tây xin chớ ngại tình,
Phen này hai mạng súc sinh đi đời".
Phùng công hỏi thử mấy lời,
Rỉ tai Hoàng mới khúc nôi kể bày,
Thưa rằng: "Tôi đã tỏ đây,
Đông cung [6] nghĩ chút đạo thầy, toan bênh.
Mặt rồng nổi giận lôi đình,
Buộc công pháp lại, gác tình riêng xa.
Thôi thì trời cũng chẳng xa,
Xưa nay hãm hại người ta đã dầy".
Nói rồi nắm miệng, day tay,
Trông Lư Kỷ, lại rút giấy ném theo.
Hung hăng mắng ít nhiếc nhiều.
Còn the thé giọng, toan điều nọ kia.
Phùng công, khêu gợi tỉ tê:
"Bõ kia [7, (a)] dường có thù gì với ai.
Tội đâu có phép đấy rồi,

Khảo dị:

a) Các bản B, C, Đ, E đều chép: *Bố mày* (**không có nghĩa**). Có sự sai lạc này vì phiên âm chữ *bõ* thành chữ *bố*. Lúc sao lại Quốc ngữ thì chữ này, thành chữ mày. Thế là *bõ này* (hoặc bõ kia) đã thành *bố mày*.

Chú thích:

1. *Quan trong*: chức quan hầu trong cung, như thị vệ, nội giám v.v...

2. *Họ Hoàng:* quan Hoàng môn thị vệ, hoạn quan. Vì có tiếng *họ* nên có nơi chú thích lầm là Hoàng Tung.

3. *Long côn:* roi của vua.

4. *Niêm hoàng:* chiếu chỉ của vua viết vào giấy vàng niêm lại.

5. *Tận pháp:* hết phép, nghĩa là dùng hết phép công mà trị tội, không nhân nhượng.

6. *Đông cung:* cung bên Đông, nơi con cả nhà vua (thái tử) ở.

7. *Bõ:* tiếng gọi những người tôi tớ già ở các nhà vua quan (thị vệ, hoạn quan) ngày xưa. "Bõ già hiểu nỗi xưa sau, chẳng đem nỗi ấy mà tâu ngự cùng" *(Cung oán ngâm khúc)*.

Can chi mà cứ xơi xơi [1] nhọc mình".
Mặt còn men mét xám xanh,
Được lời, Hoàng mới kể tình xa xưa:
"Rằng tôi có chút cháu nhà,
Ly Giang Tây đạo, tên là Thái Câu.
Chứng oan mắc phải mưu sâu,
Cũng vì thanh giản [2] lấy đâu nhân tình [3]?
Giặc Hoàng Thổ trấn dấy binh
Án thông phỉ [4] ấy, đã dành cho ngay.
Kiến bò miệng chén mau thay,
Mưu kia đã lắm, vạ này cũng thâm".
Họ Hoàng quen thói thâm trầm,
Ngoài thơn thớt miệng, trong tâm ngẩm lòng.
Cầm gần sẵn chiếc roi đồng,
Dang tay đã diệt Hoàng Tung một hồi.
Bước ra còn nói mấy lời:
"Thiên vàn [5] khảo đến một hai cho cùng". [a]
Ông rằng: "Phải việc nói không.
Lòng người là sắt, phép công là lò,
Bây giờ còn dám quanh co,
Truyền đòi Hình Bộ, hãy cho giở nghề".
Dạ rân sát sạt xa nghe,
Kẻ giăng thẳng nọc, người vì rụt roi, [b]
Một sân thịt nát, xương rơi.
Ngất đi một lúc, lại hồi mấy phen.
Lư, Hoàng biết thế khôn kiên [c]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *Đại nhân xin xét* một hai cho cùng.

b) Bản Đ, E chép: *Đìa* giăng thẳng nọc, *đuổi* vì vụt roi. Hơi cầu kỳ.

c) Bản Đ, E chép: khôn *kiên*. Chắc là chép sai, *kiên* mới đúng nghĩa.

Chú thích:

1. Tiếng chửi.

Xơi xơi: sa sả (nói sa sả, mắng sa sả).

2. *Thanh giản:* thanh bạch và giản dị.

3. *Nhân tình:* do chữ "tố cá nhân tình", nghĩa là thù phụng người đời cho được việc, cho xong chuyện.

4. *Án thông phỉ:* thông đồng với giặc.

5. *Thiên vàn:* bởi chữ "thiện vạn", lời thỉnh cầu tha thiết. Ý nói: xin ngài hết sức tra xét việc này.

Xin khoan roi, để việc liền chiêu [1] ra.
Mai, Trần hai án ngày xưa,
Khâu Khôi một án bây giờ, chịu oan [a]
Ba tòa một mực truyền ban,
Sai nghiên bút, lấy cung đoan mấy tờ.
Phùng công truyền phó canh giờ,
Rồi đem án tấu, đợi chờ xử phân.
Kíp về tư thất dời chân,
Mời chàng Mai với chàng Xuân dặn dò.
Trời đà chứng kẻ oan vu,
Trừ gian may lại phục thù sẵn cơ [b]
Mặt rồng gang tấc không xa,
Giãi tình oan khuất, họa nhờ thiên ân [2]
Vâng lời dặn dỗ ân cần,
Hai chàng thảo sẵn sớ văn hai bài,
Buổi chiều vừa rạng ngày mai
Hơn trăm sĩ tử chực ngoài hành lang [3]
Phùng công tâu án Lư, Hoàng,
Phân minh trạng cáo [c], rõ ràng tờ cung [4]
Vua Đường xem hết thủy chung,
Phán rằng: "Gian tặc thông đồng bấy nay,
Bá Cao oan uổng thương thay!
Đông Sơ bỏ ngục, nào hay tội gì?"
Cửu trùng hạ chỉ tức thì:
Họ Trần tha tội, lại về chức xưa.
Mai công oan khuất xót xa,
Chẳng hay con cái bây giờ còn ai?
Phùng công tâu trước mấy lời:

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: chịu *đoan*. Lặp tiếng "đoan" ở câu dưới.

b) Bản Đ, E chép: có *cơ*.

c) Bản C, Đ, E chép: trạng *chí*. *Trạng cáo* đúng hơn.

Chú thích:

1. *Chiêu:* khai ra.

2. *Thiên ân:* ơn trời, tức là ơn vua.

3. *Hành lang:* dãy nhà chạy dài ở các cung điện để đi lại.

4. Tờ trình tội trạng phân minh, tờ cung khai của tội nhân rõ ràng. Hai điều cần thiết, quan trọng trong việc xét án.

"Truyện nhi nhân, gia [1] đèn trời xin soi.
Trạng nguyên ấy thực họ Mai.
Mà Khâu Băng nhãn hãn hoi họ Trần".
Phán rằng: "Một cửa trung thần,
Truyền cho hai gã vào trong đan trì".
Lễ rồi, trước điện đều quì,
Bạch oan [2] sẵn sớ tức thì dâng lên.
Vua Đường xem hết sự duyên,
Phán rằng: "Tung, Kỷ hại hiền bấy lâu,
Thời [(a)] đem chính pháp bêu đầu".
Trạng nguyên, Băng nhãn đứng chầu đôi [(b)] bên
Ban cho phục họ, phục tên,
Cao minh muôn đợi ơn trên chín lần.
Suy ra mới biết trời gần,
Chính tà một bụng, quỉ thần hai vai.
Gian thần chưa chắc nẩy chồi,
Núi băng khi thấy mặt trời hẳn tan [3]
Trung trinh dẫu có mắc oan,
Vẫn trơ cây cứng, không chồn gió lay.
Về sau ngay lại ra ngay,
Khỏi tuần hoạn nạn, đến ngày hiển vinh.
Lư, Hoàng tội [(c)] đã đáng tình,
Đem ra chính pháp, hành hình một dây.
Tan tành thịt nát xương bay,
Nắng bêu mặt nịnh, đất rây máu tà.
Chán lời kẻ lại người qua:

Khảo dị:

a) Bản C, Đ, E chép: *Truyền* đem chính pháp (tiếng truyền trùng ý với phán rằng).

b) Bản Đ, E chép: đứng *hầu hai* bên.

c) Bản C, E chép: *thực* đã đáng tình.

Chú thích:

1. *Truyện nhi nhân, giả:* chuyện là thực hay dối, xin vua (đèn trời) xét soi.

2. *Bạch oan:* tỏ rõ nỗi oan ức.

3. *Núi băng:* núi nước đá. Câu thơ nhắc lại lời nói của Trương Triện đời Đường, thấy nhiều triều thần coi Thừa tướng Dương Quốc Trung như núi Thái Sơn. Trương nói: "Quốc Trung không phải là núi Thái Sơn, chỉ là núi băng, hễ mặt trời mọc là tan". Ý nói: gian thần không thể bền vững, khi bị đưa ra ánh sáng chân lý là mặt nạ rơi ngay.

Bây giờ thế ấy, thuở xưa thế nào?
Trần công ra khỏi thiên lao,
Ngọ môn chực sẵn đã vào tạ ân.
Phùng công mừng rỡ cố nhân,
Mời về tư thất ân cần thớ than.
Rể con sum họp một đoàn,
Người than chuyện trước, kẻ bàn nỗi xưa.
Nhớ nhung kẽ tóc chân tơ
Gian nan là mấy, nương nhờ những đâu?
Bao nhiêu tân khổ bấy lâu,
Giật mình đôi lúc, lắc đầu đòi phen.
Khi nên mọi việc mọi nên,
Chiếu trời đâu đã tốc truyền tới nơi,
Định ngày tứ [a] [1] tế họ Mai,
Phong làm Thái bảo [2], dựng bài liệt trung.
Trạng nguyên với lại Trần, Phùng,
Ban quyền học sĩ [3] dự vòng [b] yếu thanh [4]
Còn như Bảng nhãn Xuân sinh,
Làm Đô Ngự sử [5], quyền hành hạch tâu.
Họ Trần, họ Đảng, họ Khâu,
Trật gia tam cấp [6] đợi sau kén dùng.
Vợ Mai công, vợ Trần công,
Lại cùng Trần Hạnh, lại cùng Vân Anh.
Phu nhân nhất phẩm là [c] vinh,
Khen cho chữ nghĩa, chữ trinh một nhà.
Vân Tiên với lại Ngọc thư,

Khảo dị:

a) Bản B, C, Đ, E chép: *ngự* tế họ Mai (không đúng xem chú thích dưới).

b) Bản Đ, E chép: dự *phần* yếu thanh (không đúng với câu trên).

c) Bản E chép: *cực* vinh.

Chú thích:

1. *Tứ:* người trên cho người dưới. Vua ban cho quần thần *Tứ tế:* vua ban việc tế, không phải vua ra chủ tế, triều thần làm việc này.

2. *Thái bảo:* một chức quan cao bậc nhất trong triều.

3. *Học sĩ:* một chức quan văn học vào bậc cao.

4. *Yếu thanh:* trọng yếu và thanh cao.

5. *Đô Ngự sử:* chức quan làm nhiệm vụ hạch những tội lỗi và tâu lên vua (hạch tấu).

6. *Trật gia tam cấp:* được thăng ba bậc.

Phẩm đề đệ nhị, cũng là phu nhân.
Mai công khai táng [1] đến tuần,
Hoàng thân tế điện, triều thần trợ nghi [2]
Trạng nguyên nhân tiện đường đi,
Duyên đồ hộ tống [3] về quê Châu Thường.
Lại ban tuần thú [4] bốn phương
Ấn vàng một quả, kiếm vàng một thanh:
Một mình quyền được tiện hành [5]
Thẳng tay nẩy mực, công bình cầm cân:
Lại cho về việc đại tuần [6]
Hoàn hôn ngự tứ nghênh thân [7] một ngày.
Lắng nghe rõ chiếu năm mây,
Hai chàng vào trước, lạy bẩy tạ ân.
Xem ngày tứ [(a)] tế đã gần.
Cho tin báo trước tăng nhân dọn chùa.
Trạng nguyên mặc áo thôi ma [8]
Trước vào lễ Phật, sau ra tảo phần [9]
Điển nghi [10] khắp mặt triều thần,
Một tờ dụ chỉ, ba tuần rượu hoa.
Cột kết thái, trướng rủ là [11]
Đèn gần chong sáng, đỉnh xa bay trầm.
Trống trang nghiêm, nhạc bát âm,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *ngự* tế (không đúng).

Chú thích:

1. *Khai táng:* mở huyệt ra táng lần nữa, tức là cải táng (bốc mộ).

2. *Hoàng thân tế điện, triều thần trợ nghi:* họ nhà vua ra tế, các quan trong triều giúp lễ. (Như vậy là tứ tế, không phải ngự tế).

3. *Duyên đồ hộ tống:* đi đưa đám về đến quê nhà.

4. *Tuần thú:* đi xem xét trong nước thay vua.

5. *Tiện hành:* tiện nghi hành sự, nghĩa là tùy ý mình nên làm thế nào thì làm thế ấy (một quyền hành rất to cũng như quyền "chém trước tâu sau").

6. *Đại tuần:* thay vua đi tuần thú.

7. *Hoàn hôn ngự tứ nghênh thân:* vua cho (ngự tứ) đón dâu về (hoàn hôn) làm lễ thành hôn (nghênh thân).

8. *Áo thôi ma:* áo sô gai, áo để tang cha mẹ.

9. *Tảo phần:* quét dọn mồ mả (cũng như danh từ tảo mộ thường dùng).

10. *Điển nghi:* điển chương và nghi thức, nghĩa là theo phép nước, thể lệ triều đình, các quan trong triều (triều thần) cùng có mặt trong buổi lễ.

11. Kết hoa chăng lụa.

Mấy mâm sính lễ [1] mấy mâm tư thình [2]
Sống trung liệt, thác anh linh,
Suối vàng thơm phách, mây xanh thỏa hồn
Đã đành trung hiếu nhất môn [3]
Ơn vua nhuần gội, tiếng con rỡ ràng:
Tế rồi linh cữu [4] lên đường,
Lĩnh gươm vàng với ấn vàng ra đi [(a)]
Tạ ân vào trước tâu quì:
"Việc công đâu dám bận chi tư tình [(b)]
Tưởng khi lánh nạn băng miền,
Theo chân cậy có một tên Hỉ Đồng.
Nghĩ trong thầy tớ xét công,
Mấy cơn nguy hiểm, mấy vòng gian nan.
Tìm vào nhạc phụ Hầu Loan,
Hay đâu cũng với quyền gian một lòng.
Cũng toan bắt nộp lấy công,
Giả hình khi ấy Hỉ Đồng đỡ thay.
Rày nhờ rộng bước đường mây,
Ngậm ngùi đạo tớ, nghĩa thầy chưa yên [(c)]
Móc mưa xin tưới cửu tuyền,
Gọi là tinh biểu [5] để đền chút công".
Vua Đường nghe hết thủy chung,
Khen rằng tiết nghĩa, hiếu trung một nhà [6]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *Trạng nguyên lĩnh ấn gươm vàng* ra đi.

b) Bản C, Đ, E chép: *Bận vì tình riêng*. Đúng vần với câu dưới hơn là *bận chi tư tình*.

c) Bản C, Đ chép: nghĩa thầy chưa *quên*.

Chú thích:

1. *Sính lễ:* đồ lễ bằng súc vật, trâu, bò, dê, lợn. Tam sinh: trâu, dê, lợn.

2. *Tư thình:* cỗ xôi.

3. *Trung hiếu nhất môn:* trung và hiếu ở một cửa, nghĩa là một nhà có cả trung, hiếu. Mai Bá Cao can vua đừng nghe gian thần là trung. Mai Lương Ngọc đỗ Trạng làm cho cha mẹ hiển vinh là hiếu.

4. *Linh cữu:* quan tài đựng xác chết có tính cách thiêng liêng.

5. *Tinh biểu:* lá cờ nêu việc tốt. Những người co tài cao đức trong thường được biểu dương bằng cờ, biển, bằng bia đá, tượng đồng. Ở đây nói Hỉ Đồng chết vì nghĩa, đáng được ghi ơn.

6. Trung hiếu tiết nghĩa là bốn đức rất quí thời phong kiến. Truyện *Nhị Độ Mai* có trung như Mai Bá Cao, hiếu như Lương Ngọc, Xuân sinh, tiết như Hạnh Nguyên, nghĩa như Trần Đông Sơ, Hỉ Đồng, nên gọi là truyện trung hiếu tiết nghĩa.

Của kho ban dựng miếu thờ,
Chứa ban thất phẩm gọi là tặng phong.
Tạ từ năm lạy đền rồng,
Trở ra [a] rước cữu Mai công xuống thuyền.
Tiễn đưa xe ngựa như nêm,
Trống ran mặt đất, cờ liền bóng sông
Đồ hiếu sự [1], vẻ quân dung [2]
Sông lồng giới trượng [3], gió tung biển kỳ [4]
Đến đâu quyền được tiện nghi,
Một tay thưởng phạt, hai bề công minh.
Lần lần gió mát trăng thanh
Thuyền đà tới phủ Đại Danh bao giờ.
Một vài thầy tớ lên bờ,
Dân tình lại tệ, giả mà [b], hỏi chơi
Khác hình ai biết là ai,
Đi lần bỗng thấy một nơi có chùa.
Cửa ngoài thấy có niêm tờ,
Phủ nha nghiêm cấm kẻ ra người vào.
Nghĩ riêng chưa biết làm sao,
Xưa nay cửa Bụt dễ nào hẹp ai?
May sao gặp lúc vắng người,
Dời chân sẽ lẻn vào nơi hậu đường [5].
Thấy trong thờ phụng một giường,
Trông lên bài vị rõ ràng Lư công.
Thái sư chức tước đề trong,
Chữ "Hầu Loan Phụng" một giòng đề bên [6]
Cầm tay cất lấy về liền,
Cười rằng cấm cách nhân duyên thế này!

Khảo dị:

a) Bản G chép: Trở *về*.

b) Bản Đ chép: *giả vờ*. Đúng vần hơn, và rõ nghĩa hơn *giả mà*.

Chú thích:

1. *Hiếu sự:* việc hiếu, việc tang.
2. *Quân dung:* nghi vệ của quân đội.
3. *Giới trượng:* khí giới của quân lính.
4. *Biển kỳ:* biển và cờ biểu hiện của quân đội, dùng lúc hành quân hoặc lúc hạ trại.
5. *Hậu đường:* nhà sau, nhà trong.
6. *Hầu Loan Phụng:* Hầu Loan thờ cúng. Chữ đề trên bài vị Lư Kỷ do Hầu Loan lập nên.

Về thuyền, quân đã sắp bày,
Vào tòa sát việc sai ngay đi đòi.
Nghe quan tuần phủ [1] đến nơi
Hầu Loan mình đã bồ hôi ướt nhòe.
Mấy lời truyền hỏi xa nghe:
"Viên kia có mất của gì biết chưa?
Đồn rằng có ả tiểu thư,
Đông sàng ngôi ấy bây giờ là ai?"
Loan nghe chưa hết đầu đuôi,
Run run, sợ sợ, mở lời không ra.
Thưa rằng: "Có chút gái thơ,
Mấy năm trước đã chơi sa suối vàng,
Chức ti phận tiểu [2] tầm thường,
Chẳng hay thượng hiến [3] sao tường duyên do.
Lên [(a)] mừng chậm chạp già nô (nua)
Dám xin thượng hiến thứ cho được nhờ".
Quở rằng: "Lộc nước cơm [(b)] vua
Còn lo thất hiếu mà thờ họ Lư!
Cả gan còn dám quanh co,
Chừ thì bài vị sau chùa tên ai?
Nghi Trưng những chuyện mới rồi [4]
Bấy giờ bắt nộp họ Mai còn gì?
A dua chắc những mạnh bè,
Ai hay quyền ấy lại về tay ai?
Ruổi mau lệnh tiễn kỳ bài,
Đem ra chinh pháp, răn người vô lương".
Oai trời một lưới tứ phương,
Rung gan đảng nịnh, ghê xương lũ tà.
Gần gần đã thấu tin nhà,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *Đến* mừng.

b) Bản Đ, E chép: *ơn* vua. Đúng hơn, thường nói hơn là *cơm vua.*

Chú thích:

1. *Tuần phủ:* ở đây là chức thay vua đi tuần thú, không phải chức quan đầu tỉnh sau này.

2. *Ti tiểu:* thấp, bé, một cách nói khiêm tốn có phần hèn nhát trong trường hợp này.

3. *Thượng hiến:* quan trên.

4. Nhắc chuyện bắt Hỉ Đồng (đội tên Mai sinh ở huyện Nghi Trưng).

Châu công đã khiến người ra đón mời.
Quan quân sắm sửa tơi bời,
Cờ giăng nhất tự, trống hồi tam liên [1]
Biển vàng "Tuần thú đại thiên" [2]
Một bên bảo kiếm, một bên lệnh bài.
Phủ châu thoắt đã tới nơi,
Châu công ra đón cửa ngoài mừng vui,
Phấn vua vẻ rạng cân đai,
Hà Nam gia khách vẫn người ngày xưa [3]
Quan cựu lại, bậc tân khoa,
Tình nhạc phụ, nghĩa ân gia vuông tròn,
Tiệc rồi giãi chuyện hàn ôn,
Gấm chen vẻ quí, rượu ngon giọng tình.
Sinh rằng: "Nhờ phận khoa danh,
Quốc gia ơn rộng, môn đình thơm lây.
Chiếu trời đã tỏ năm mây,
Xong tuần đại thú, đến ngày nghênh thân.
Khâm kỳ [4] nghe đã gần gần,
Một nhà xin liệu, định tuần lai kinh".
Bước vào làm lễ gia đình,
Tạ từ sinh đã khởi trình trẩy ra.
Tình cố hữu, nghĩa thông gia,
Ông đà sửa lễ, cho đưa theo thuyền.
Xuôi dòng nước chảy như tên,
Buồm dong thoắt đã tới miền Thường Châu.
Gieo neo kề đến mã đầu [5]
Sửa sang nhà trước, vườn sau mấy tuần.
Cho tin đi đón mẫu thân,
Sơn Đông nhà cậu cũng gần chẳng xa.
Mấy ngày bà đã tới nhà,
Ruột vò chín khúc, lệ sa đôi hàng.

Chú thích:

1. *Nhất tự:* hàng chữ nhất. *Tam liên:* ba hồi trống liền.
2. *Tuần thú đại thiên:* đi tuần thú thay trời (tức thay vua đã nói trên).
3. Nhắc việc Mai sinh làm gia khách ở nhà Châu công ở Hà Nam.
4. *Khâm kỳ:* kỳ hạn đi khâm mạng, tức thay vua đi tuần thú.
5. *Mã đầu:* bến tàu đỗ.

Vật mình lăn trước linh sàng [1]
Khúc oan kể lể, nói thương ngậm ngùi.
Nhìn chàng, than thở mấy lời,
Nghĩa sâu mẫu tử, tình dài biệt ly.
Ôm quan khóc lóc nằn nì,
Nghĩa phu phụ những nặng vì nước non
Thảm chồng thôi lại mừng con,
Thức cười nước mắt, ngủ hồn chiêm bao.
Sinh rằng: "Chín chữ cù lao,
Bể sâu mấy trượng, trời cao mấy trùng.
Bấy lâu nam bắc tây đông,
Bước chân xa cách, tấc lòng quặn đau,
Trời cho rày được tụ đầu [2]
Nợ xưa nhẹ gánh, phúc sau đền phần.
Con vâng vương mệnh tại thân [3]
Vinh qui, hồi [a] táng, đại tuần, một phen.
Rồi đây táng tế cho yên.
Mẫu thân xin rước xuống thuyền lai kinh.
Chẳng lâu con cũng khởi trình [b]
Trước lầu ngũ phượng đại thành lễ thân".
Mấy ngày táng sự [4] đến tuần,
Đã tìm đất tốt phong thần một nơi.
Chiếc bia "trung liệt" dựng ngoài,
Đá xanh tạc lấy được ngày treo trên.
Thành phần nóc rạp kéo lên,
Ba vòng đáo đóng, hai bên thái kỳ [5]
Tầng trong bày đặt uy nghi,
Ngậm tăm hơi miệng, kéo về bước chân.
Tiêu thiều nhã nhạc xa gần,

Khảo dị:

a) Bản E chép: *hối* táng.

b) Bản C, Đ, E chép: khởi *hành*.

Chú thích:

1. *Linh sàng:* giường thiêng, giường thờ người chết.

2. *Tụ đầu:* sum họp với nhau.

3. *Vương mệnh tại thân:* đương mang mệnh vua ở mình. Ở đây ý nói: đang thay vua đi tuần thú.

4. *Táng sự:* việc chôn cất.

5. *Thái kỳ:* cờ có nhiều vẻ (màu sắc).

Tam huyền [1] nhịp nhặt, song vẩn [2] tiếng khoan.
Đồ điếu phúng, lễ ngự ban,
Mấy mâm ngũ thục [(a)] [3], mấy bàn tam sinh,
Chữ vàng đề trước minh tinh [4]
Đường triều Thái bảo [5] chính danh rõ ràng:
Quan quân tiễn kiệu kéo hàng,
Hạ liêu [6] mấy lũ, bộ đường mấy ban.
Trạng nguyên đi trước phù quan [7],
Phu nhân nối kiệu buông màn phương du [8]
Lập lăng mấy gốc tùng thu [9]
Một vùng sảng khải [10] đắp mồ ngưu niên [11]
Bấy lâu táng lễ vừa yên,
Phu nhân đã giục xuống thuyền đi kinh.
Trạng nguyên cứ việc tuần hành,
Nghi Trưng vừa mới nhật trình tới ngay.
Lạ quen cũng một miền này,
Sao xưa trốn tránh mà rày hiển dương?
Thoảng qua sực nhớ mọi đường,
Chợt lòng lại động tấm thương Hỉ Đồng
Tra ra Tri huyện Sử công,
Môn sinh Lư Kỷ cũng vòng quyền gian.
Sá chi mọn mạy sẻ đàn,

Khảo dị:

a) Bản E chép: ngũ *thực* (không đúng).

Chú thích:

1. *Tam huyền:* đàn ba dây.

2. *Song vẩn:* đàn nhị hai dây.

3. *Ngũ thục:* năm thức ăn nấu chín, cỗ chín.

4. *Minh tinh:* mảnh lụa đỏ hay vải đỏ dài, có viết tên họ và chức phẩm người chết, treo lên một cành nêu hoặc dán vào một cái khung, dẫn đi trước linh cữu lúc đưa ma.

5. *Đường triều Thái bảo:* chức Thái bảo của vua Đường tặng Mai công.

6. *Hạ liêu:* quan cấp dưới, thuộc viên.

7. *Phù quan:* nâng đỡ quan tài, đi theo quan tài.

8. *Phương du:* màn vuông che cho tang gia đi sau áo quan.

9. *Tùng thu:* cây thông và các loại tùng bách bốn mùa lá xanh người ta hay trồng ở mả.

10. *Sảng khải:* sáng sủa, cao ráo.

11. *Ngưu niên:* đất trâu ngủ, nghĩa là nơi đất để mồ mả tốt theo luật phong thủy ngày xưa.

Nhiêu cho tính mệnh lại hoàn thứ nhân [1]
Công lênh nhớ đến Đồ Thân,
Cho làm huyện lệnh đền ân tấm lòng.
Bắc môn ghi mả Hỉ Đồng,
Dựng bia đá, lấy sắc phong tạc liền.
Lại truyền sửa rạp một bên,
Trước mồ tế diện [2] một phen thân hành.
Khóc than kể hết mọi tình:
"Có công danh ấy vì mình chớ ai.
Vì ta trót đã thiệt rồi [a]
Đền công ta cũng nhớ lời khấn xưa".
Băn khoăn đường đất cách xa.
Giao Đồ Thân, tự bấy giờ giữ coi.
Mai [b] sau kế tự còn dài,
Họ Đồ nhường lại một người họ Vương.
Gọi là phụng tự khói hương,
Ấy là trọn hết mọi đường thủy chung.
Đồ Thân vâng dạy ghi lòng,
Đem con để nạp [c] Hỉ Đồng họ Vương.
Lại tìm đến chốn Phật đường,
Truyền đem áo tía, xe vàng đón [d] sư.
Tái sinh may có ơn xưa,
Khấu đầu bách bái [3] tạ thưa mấy lời.
Chàng từ ân oán rạch ròi [4]
Cất không gánh nặng, tất vơi bể sầu.
Tuần hành mọi chốn đâu đâu,
Trong lòng phép nước, trên đầu ơn vua.
Công không sót, tội không tha,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: thiệt *dời*. Đúng hơn là *thiệt rồi*.

b) Bản C, Đ, E chép: *Phỏng* sau kế tự.

c) Bản Đ, E chép: Đem con *bèn cải*. Đúng hơn là *để nạp*.

d) Bản Đ, E chép: *nghênh* sư.

Chú thích:

1. *Nhiêu:* tha. *Thứ nhân:* dân thường.

2. *Tế diện:* tế theo lễ đám tang.

3. *Khấu đầu bách bái:* cúi đầu trăm lạy.

4. So câu này với câu: "Nàng từ ân oán rạch ròi, Bể oan dường đã vơi vơi cạn lòng" trong Truyện Kiều.

Phân hào [1] chẳng lẫn, tóc tơ nào lầm.
Mấy phen mực nẩy, cân cầm,
Trong veo lại tệ, nổi bồng dân ca [2]
Lần lần đông lại xuân qua,
Một vòng tuần thú tính đà khắp quanh.
Định ngày phục mệnh lai kinh,
Sớ văn một tập hiện thành tâu lên.
Chín lần đã động tiếng khen,
Tấc lòng công chính, mấy phen nhọc nhằn.
Trên vì nước, dưới vì dân,
Ban cho cực phẩm tể thần [3] đền công.
Truyền Khâm thiên giám [4] hội đồng.
Chọn ngày đại cát [5] động phòng nghênh thân.
Trạng nguyên thay áo Tể thần,
Dưới thêm năm lạy tạ ân khấu đầu.
Nhàn chơi lui tới thiếu đâu,
Phủ Trần đi lại, phủ Khâu ra vào.
Trời xuân minh mị [6] thế nào,
Lưới oanh ríu rít, bông đào so le,
Phượng lâu sắp sẵn lễ nghi,
Khâm thiên đã định nhật kỳ tư ra.
Tháng ba vừa bữa mồng ba,
Là ngày Hoàng đạo [7], là giờ Thiên ân [8]
Xiết bao khí ngoạn kim ngân [9]
Phủ Mai lĩnh trước, phủ Trần lĩnh sau,
Bạc, vàng, ngà, ngọc thiếu đâu,

Chú thích:

1. *Phân hào:* Mảy lông. Ý câu thơ nói: mảy lông, sợi tóc cũng không lầm lẫn.

2. Ý câu thơ nói: tẩy sạch điều tệ hại của bọn tham quan ô lại, làm cho nhân dân vui vẻ ca tụng công đức.

3. *Cực phẩm tể thần:* chức Tể tướng đứng đầu triều.

4. *Khâm thiên giám:* Tòa thiên văn coi việc làm lịch, xem ngày tốt xấu, thời tiết thay đổi.

5. *Đại cát:* tốt lắm, rất tốt, ý câu thơ nói chọn ngày tốt để làm lễ cưới (động phòng nghênh thân).

6. *Minh mị:* tươi sáng, đẹp đẽ.

7. *Ngày Hoàng đạo:* ngày tốt nhất trong một tháng.

8. *Giờ Thiên ân:* một giờ thuộc vì sao tốt trong số tử vi.

9. *Khí ngoạn kim ngân:* đồ dùng và đồ chơi bằng vàng bạc.

Cung hương, mã mão, minh châu [1], mấy bàn
Rỡ ràng phẩm phục mới ban,
Mãng bào hai bộ, hoa quan [2] bốn tòa.
Hôm sau vừa rạng mồng ba,
Cao cao lầu phượng, xa xa mặt rồng.
Ngai vàng thăm thẳm bên trong.
Bách quan văn võ hội đồng bấy lâu
Trạng nguyên trước, Bảng nhãn sau.
Yết câu vạn tuế, khấu đầu lạy xa.
Ban cho ngự tửu, cung hoa,
Hai yên ngựa trước, bốn tòa kiệu sau.
Trước sau phân đạo [3] ruổi mau,
Phủ Trần nhộn nhịp, phủ Khâu linh đình,
Thiếu gì vẻ quý màu thanh,
Rỡ ràng kết thái, rập rình trương đăng.
Hai bên tiếp đãi tưng bừng,
Nhạc rầm rĩ vỗ, hương lừng lẫy xong.
Việc riêng thu xếp cũng xong [a],
Châu công đã hợp Trần công một nhà.
Mai sinh lạy bốn ông bà,
Bên là công đẻ, bên là công nuôi
Vân Anh, Trần Hạnh hai người,
Cung trang [4] sắm sửa cùng ngồi kiệu hoa.
Bên kia Khâu phủ xa xa,
Xuân sinh đóng ngựa cùng vừa tới nơi.
Ông bà Khâu thị cùng ngồi,
Chàng vào tám lễ, lễ rồi bước ra,
Giường bên bốn lậy Ngư bà,
Tình là bán tử, nghĩa là tái sinh.
Vân Tiên, Châu Ngọc sắm sanh,
Kiệu đà ghé bến trước bình cùng lên.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *Khéo là* thu xếp cũng *thông*.

Chú thích:

1. Những thứ đồ quý bằng gỗ, đá và ngọc.
2. *Hoa quan:* mũ giát hoa.
3. *Phân đạo:* chia đường.
4. *Cung trang:* mặc theo lối phi tần trong cung nhà vua.

Vừa xong lễ sính [1] đôi bên,
Trước sau một lũ kéo liền thẳng dong
Trạng nguyên ngựa trước song song,
Khác nào như thể cưỡi rồng lên tiên.
Ngựa sau Bảng nhãn theo liền,
Giải đào chân để, nệm sen mình ngồi.
Rườm ra chân chỉ hạt trai [2]
Vàng xuy miệng hậu, châu nhồi thắng yên [(a)] [3].
Nối sau bốn kiệu kéo liền,
Tám đòn nhận ngọc, bốn bên buông rèm.
Liễu hoàn chị chị, em em.
Chạy gần che quạt, theo chen ôm lò.
Kiệu hoa nhẹ bước từ từ,
Kiệu theo ngựa trước, ngựa chờ kiệu sau
Vòng ngoài nhộn nhịp quân hầu,
Ngẩng lên đã thấy phượng lâu dưới thềm.
Khen rằng sáu gã thanh niên,
Trai tài gái sắc, hai bên kịp thì.
Thơ đào, ngợi chữ vu qui [4]
Ban thêm châu ngọc cho về thành thân.
Đôi tài tử, bốn giai nhân,
Phủ Mai bài trí, phủ Trần sửa sang.
Đuốc hoa, màn gấm sẵn sàng,
Bạn loan sinh phượng [(b)], chia buồng đông tây.
Rượu mừng mặt, lễ bắt tay,
Nỗi vui bàn ngọc, nơi vầy cuộc tiên.
Rạng mai vào lễ thánh tiền [5]

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: *cừ nhồi mã yên.*

b) Bản Đ, E chép: *Định ngôi gửi rể.*

Chú thích:

1. *Lễ sính:* lễ cưới.

2. *Chân chỉ hạt trai:* những cái tua ở chân xiêm, áo, màn... làm bằng chỉ có dính hạt cườm, nom như ngọc trai. Đây là điểm bành ngựa có cườm.

3. *Khấu đuôi: (miệng hậu)* mạ vàng, yên nạm ngọc *(thắng yên).*

4. *Thơ đào:* thơ "đào yêu" (đào non) trong *Kinh Thi* có câu: "Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu qui, nghi kỳ gia nhân", nghĩa là cây đào mơn mởn, cành lá rườm rà, gái về nhà chồng, hòa thuận trong nhà.

5. *Thánh tiền:* trước mặt nhà vua.

Ban cho bồi yến ngự diên [1] hai chàng.
Thiên nhan gần gũi tấc gang,
Nến hoa đối mặt, chén vàng trao tay.
Tiệc vua chầu chực tối ngày,
Lại ban ngự chúc [a][2] đưa ngay đến lầu.
Dần dà cách mấy đêm sau,
Ban đòi tân phụ [3] vào chầu từ cung [4]
Bốn nàng dự yến đền trong,
Ân vua gội thấm, tiếng chồng thơm lây.
Rồi ra yến ẩm mấy ngày,
Khi vui Mai phủ, khi vầy Trần gia,
Mời nhau lần lượt tiệc hoa,
Thôi bên Trần thị, lại tòa Khâu công.
Phong lưu, phú quý cùng chung,
Bõ ngày truân hiểm [5], bõ công sách đèn.
Hai tài tử, bốn thuyền quyên,
Tiếng người mới, vẫn người quen bao giờ.
Đàn trước gió, rượu bên hoa,
Câu thơ trong tuyết, cuộc cờ dưới trăng.
Xướng tùy [6] đều giữ đạo hằng,
Một nhà hảo hợp dễ chăng mấy người!
Có phen ôn chuyện Trùng Đài,
Có phen nhắc chuyện thoa rơi nực cười.
Có phen nhắc chuyện lôi thôi,
Đến Chiêu Quân điện thuở đời Hán gia.
Bèn đem tâm sự tâu qua,
Lại xin ở đấy đợi chờ chiêm bao.
Canh khuya thấy sứ đòi vào,
Bảo qua mấy tiếng tiêu hao sự nhà.

Khảo dị:

a) Bản C, E chép: Lại ban ngự *chức*.

Chú thích:

1. *Bồi yến*: hầu tiệc. *Ngự diên:* tiệc rượu nhà vua, tức là ngồi dự tiệc với vua.
2. *Ngự chúc*: nến của vua ban.
3. *Tân phụ*: con gái mới lấy chồng. Ở đây là vợ Mai sinh và vợ Trần sinh.
4. *Từ cung*: mẹ vua, hoàng thái hậu.
5. *Truân hiểm*: gian truân, nguy hiểm.
6. *Xướng tùy*: do chữ "phu xướng phụ tùy" nghĩa là chồng nói vợ nghe (theo quan niệm vợ chồng thời phong kiến).

Hôm sau đến Hắc Thủy hà,
Gieo châu, bỗng thấy thần đưa đem về.
Đằng vân giá vũ, cũng ghê,
Một giây bỗng thấy đưa về Trung Hoa.
Xin làm ngọc xuyến, kim hoa [1]
Mượn người thương khách đem đưa sang Hồ.
Hỏi thăm đến tới linh từ,
Chiêu Quân là hiệu, bấy giờ tiến lên.
Khấn rằng là của Hạnh Nguyên,
Cho sai đưa đến án tiền tạ ân.
Lại ra các bộ sứ thần,
Tạ từ có thiếp, vân vân mấy lời.
Có phen kể tích Giang Khôi,
Có phen nhớ nỗi vớt chài cầu vui.
Hai nhà phúc hậu vẹn mười,
Thung thăng cõi thọ, đứng ngồi đền xuân [2].
Đông hàng lông phượng gót lân [3]
Kia nhà ngũ quế [4], nọ sân bát đồng [5]
Đời đời khoa mục đỉnh chung,
Rõ nền thi lễ, nối dòng thư hương.
Hiếu, trung, tiết, nghĩa đủ đường.
Dựng bia muôn kiếp, để gương nghìn đời.
Cho hay trời cũng ngồi rồi,
Tuần hoàn đem lại vòng dài rút chơi.
Dữ lành bỏ lửng mà coi,
Sắp đâu vào đấy, chẳng sai phân hào!
Gian tà chớ vội bảnh bao,
Tung lên cho bổng [a], buộc vào tự nhiên.
Trước dù lỏng lẻo đường thiên,

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Tung lên cho *đến*.

Chú thích:

1. *Ngọc xuyến, kim hoa*: xuyến ngọc, hoa vàng.

2. Câu thơ ý nói sống lâu (cõi thọ) và hưởng nhiều hạnh phúc (đền xuân).

3. *Lông phượng gót lân*: ý nói con cháu như lông chim phượng, như gót kỳ lân, nghĩa là nhiều và giỏi.

4. *Ngũ quế*: năm cành quế, nhắc việc họ Đậu ở đất Yên Sơn (Đậu Vũ Quân) khéo dạy năm con trai đều hiển đạt.

5. *Bát đồng*: tám cây ngô đồng, nhắc việc họ Hàn có tám con trai đều thành đạt.

Sau càng ráo riết, mới tin tay già,
Người trung [a] còn bó lửng lơ,
Xoay trăm nghìn cấp, thử ba bốn lần.
Hãy cho đeo đẳng đủ phần,
Rõ lòng sắt đá liệu dần gỡ cho.
Vàng son thêm nét điểm tô [b]
Bấy giờ mới rõ thực lò Hóa công [1]
Truyện này xem thấu thủy chung,
Suy ra mới biết trời không có lầm.
Dữ, lành trong một chữ tâm,
Cơ thâm thì họa cũng thâm là thường.
Ví hay tu tỉnh mọi đường,
Trước dù chịu thiệt, sau càng thấy hơn.
Bàn riêng mấy bạn kim lan [2]
Phường ta bất quá sàn sàn bậc trung.
Dở đâu như Kỷ như Tung,
Hay đâu ví với Mai công mà rằng.
Bình cư giữ lấy đạo hằng [3],
Hễ người trung chính xin đừng tự khi [4]
Đã là nam tử tu mi [5],
Vào vòng công nghiệp, ấy thì có vua.
Mới hay từ tóc đến tơ,
Miếng cơm, tấm áo, cũng nhờ quân ân [6].
Sao cho được chữ trung thần,
Thờ vua chớ có vị thân [7] mới đành.

Khảo dị:

a) Bản E chép: *Trung lương*.

b) Bản C, Đ, E chép: *Voi chẳng đẻ, đẻ thì to.*

Chú thích:

1. *Lò Hóa công*: do câu "Thiên địa vi lò, tạo hóa vi công", nghĩa là trời đất là cái lò, tạo hóa là người thợ. Quan niệm xưa cho mọi việc trên đời là phải qua tay thợ nặn ra, cho tròn thì được tròn, bóp méo thì phải méo.

2. *Bạn kim lan*: bạn bè thân mật, tình nghĩa bền thắm như vàng, khí vị thơm như hoa lan.

3. Bình cư: ở bằng phẳng. Ý nói: đời sống bình thường.

Đạo hằng: đạo thường. Ý nói ăn ở bình thường, ngay thẳng, có đạo đức.

4. *Tự khi*: tự dối mình.

5. *Nam tử tu mi*: con trai râu mày (râu mày tiêu biểu cho con trai).

6. *Quân ân*: ơn vua.

7. *Vị thân*: vì mình.

Thế thời [a] trời cũng có mình,
Lo gì phúc trạch [b] [1], công danh kém người.
Phòng văn nhân buổi ngồi rồi.
Học đòi tấp tểnh mấy lời nôm na.
Trước là rõ kẻ trung, tà.
Sau là ta dặn lấy ta mọi bề.
Biết bao lời kệch tiếng quê,
Thôi thôi bất quá là nghề mua vui!

Phiên âm, chú giải theo bản của Lê Trí Viễn, Hoàng Ngọc Phách, NXB Văn học, Hà Nội, 1972, đồng thời có đối chiếu với bản Nôm Phú Văn Đường.

Khảo dị:

a) Bản Đ, E chép: Thế *rồi*. Đúng nghĩa hơn và không khó đọc như *thế thời*

b) Bản C, Đ, E chép: Lo gì phúc *hậu*. *Phúc trạch* đúng nghĩa hơn.

Chú thích:

1. *Phúc trạch*: phúc của tổ tiên để lại cho con cháu (cũng như phúc ấm).

THẠCH SANH

TIỂU DẪN

Văn bản truyện Thạch Sanh hiện có ba bản đáng chú ý, đó là:

A. *Thạch Sanh tân truyện*, nguyên văn bằng chữ Nôm, khắc in năm Duy Tân, Nhâm Tý (1912) ký hiệu Thư viện Hán Nôm AB.221.

B. *Thạch Sanh truyện*, do Xuân Lan phiên âm ra Quốc ngữ từ bản chữ Nôm trên, nhà in Văn Minh, Hà Nội - Hải Phòng, in lần thứ hai, năm 1916.

C. *Thạch Sanh - Lý Thông*, do Đặng Lễ Nghi theo "Bổn cũ diện chánh", Đinh Thái Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1907.

Bản B là bản phổ biến ở miền Bắc, còn bản C là bản phổ biến ở miền Nam trước đây. Cả hai bản đều giống nhau về cốt truyện, nhân vật, tình tiết, nhưng văn chương thì khác hẳn nhau, thậm chí bản C có nhiều chỗ miêu tả sự việc dài dòng hơn có phần thiên về lối kể lể chi tiết, rườm rà. Chẳng hạn, hãy so sánh một đoạn - đoạn Thạch Sanh đánh yêu quái trong miếu, từ câu 383 - 400 ở bản B:

Thạch Sanh nghe chẳng biết chi,
Tưởng phiên canh thật liền đi vội vàng.
Trải qua mấy dặm rừng hoang,
Tới nơi phút thấy rõ ràng miếu thiêng.
Bốn bề vắng vẻ êm đềm,
Giời vừa sẩm tối chàng liền nghỉ chân.
Giở ra cơm nắm toan ăn,
Hay đâu gió thổi ầm ầm rung cây.
Lại thêm gầm rú ghê thay,
Trông ra thấy một vật nay dị kỳ.
Thạch Sanh chẳng biết vật chi,
Trắng, đen, xanh, đỏ hoe hoe cả mình.
Hung hăng giơ vuốt, nhăn nanh,
Phòng toan làm dữ như hình mọi khi.
Thạch Sanh hóa phép tức thì,
Búa rìu liền phóng một khi yêu xà.
Mắng rằng: "Mày giống tà ma

Hại người tao chẳng dung tha mày nào!"

Và đoạn tương đương ở bản C:

Thạch Sanh nghe rõ khúc nôi,
Vâng lời anh dạy tới nơi sơn đầu.
Nhọc nhằn đường sá quan bao,
Dặm dài xuống thấp lên cao trập trùng.
Trải qua mấy cụm rừng tùng,
Khổ nguy chí quyết trọn lòng cùng anh.
Hai bên rừng rú vắng tanh,
Dế ngâm trong bụi, trên cành chim kêu.
Thật là cảnh vật đìu hiu,
Cơm khô đỡ dạ, xế chiều đến nơi,
Miếu trung xem xét xong rồi,
Chằn tinh nghe động đánh hơi ra ngoài.
Hét lên một tiếng rền tai,
Nhăn nanh múa vuốt ghê thay yêu chằn,
Thạch Sanh xem thấy rõ ràng.
Hình thù quái dị lại càng hung hăng.
Đủ màu xanh, đỏ, trắng, vàng,
Mặt mũi có vằn, đôi mắt sáng trưng.
Tóc đỏ, nanh bạc lạ lùng.
Đốm đen, đốm trắng khắp cùng chân thân,
Vóc hình cao lớn muôn phần
Đầu bằng cái thúng, tay chân rất dài.
Miệng dường cái chậu chẳng sai,
Thật là chẳng rõ là loài thú chi.
Chằn tinh thèm thịt đang khi
Áp đến tức thì làm dữ ghê thay.
Thạch Sanh thủ thế ra tài,
Búa thần biến hóa chém ngay mình chằn.
Chằn tinh lanh lẹ né tràn,
Ỷ mình cao lớn phủ choàng Thạch Sanh.
"Phép tiên ta đã sẵn dành,
Trừ mày tuyệt giống mới đành lòng ta.
Hôm nay thề quyết chẳng tha,
Để mày báo hại trẻ già không yên!"

Sau khi so sánh văn bản, chúng tôi đã chọn bản A cũng tức là bản Xuân

Lan là bản kể chuyện gọn nhẹ hơn so với bản C,và cũng là bản được phổ biến rộng rãi trong nhân dân miền Bắc lâu nay.

*

* *

Truyện thơ Nôm *Thạch Sanh tân truyện* gồm 1812 câu lục bát, nội dung truyện tóm tắt như sau:

Vợ chồng Thạch Nghĩa ở quận Cao Bình làm nghề đốn củi đốt than, nhà nghèo khổ nhưng sống nhân đức, hay giúp đỡ những kẻ khốn cùng. Hai ông bà đã già nhưng chưa có con nối dõi. Ngọc Hoàng thương tình cho thái tử xuống đầu thai. Khi Thạch Sanh ra đời thì cha mất. Thạch Bà nuôi Thạch Sanh đến năm lên bảy tuổi thì bà cũng qua đời. Từ đấy, Thạch Sanh sống côi cút bên gốc đa, và làm nghề cũ của bố để tự nuôi thân. Đến năm 13 tuổi, Thạch Sanh được tiên ông Lý Tĩnh xuống trần truyền dạy võ nghệ và phép thuật.

Một hôm, có tên lái rượu là Lý Thông đi qua gốc đa, thấy Thạch Sanh "anh hào uy phong", đoán chắc là "kẻ ích dùng", liền ngỏ lời kết nghĩa anh em. Sau khi đồng ý, Thạch Sanh về sống cùng với mẹ con Lý Thông. Nhờ có Thạch Sanh chăm chỉ làm lụng, gia đình này ngày càng hưng thịnh hơn nhiều.

Trong vùng có một con chằn tinh hoành hành dữ dội, hàng năm theo lệ phải nộp cho nó một chàng trai trẻ thì dân chúng mới được yên. Năm ấy, đến lượt Lý Thông phải nộp mình tại miếu chằn tinh. Lý Thông đánh lừa Thạch Sanh đi thay, bảo là đi tra xét đĩa vàng chén ngọc của nhà vua để ở miếu thần trong núi. Khi tới miếu, Thạch Sanh gặp chằn tinh, hai bên giở pháp thuật đánh nhau, cuối cùng Thạch Sanh giết được chằn tinh, thu được cung tên bằng vàng và cắt đầu chằn tinh mang về. Lý Thông thấy đầu chằn tinh, liền nghĩ ngay ra kế cướp công. Hắn bảo Thạch Sanh đã giết chết vật báu của vua nuôi, làm cho Thạch Sanh hoảng sợ, phải bỏ trốn vào rừng. Thế là Lý Thông vào triều dâng công, rồi được phong làm Đô đốc, sống một cuộc đời công hầu cực kỳ giàu sang sung sướng, trong khi người anh em kết nghĩa của hắn chính là người có công lại phải sống cuộc đời "oan khổ lưu ly" ở dưới gốc đa.

Bấy giờ có công chúa Quỳnh Nga là con gái yêu của vua, kén chồng không được đang buồn bã đi dạo vườn hồng, bỗng bị đại bàng tinh bắt đi mất. Thạch Sanh chợt thấy chim quắp cô gái liền bắn nó bị thương, nhưng nó vẫn bay thoát. Chàng dò theo dấu máu đến tận hang đại bàng. Nhà vua mất con gái, sắc cho Lý Thông đi tìm, lại hứa sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho nếu tìm được. Lý Thông lập mưu mở hội thi hát để dò tin, nhân đó gặp lại Thạch Sanh. Nghe Lý Thông kể lể và dỗ dành, Thạch Sanh bằng lòng đi cứu công chúa. Đến cửa hang, Lý Thông thả dây cho Thạch Sanh leo xuống. Thạch Sanh đưa thuốc mê cho công chúa để lừa mãng xà vương - cũng tức là đại

bàng tinh, uống, rồi chàng đưa nàng ra dây để quân lính kéo lên khỏi hang. Sau đó, Lý Thông sai quân đưa công chúa về triều, còn mình hắn ở lại vần đá lấp cửa hang. Mãng xà vương tỉnh cơn mê, đánh nhau với Thạch Sanh, bị chàng giết chết và phá tan cung điện dưới hang. Hoàng tử con vua Thủy Tề bị mãng xà vương bắt giam dưới hang sâu nhờ thế cũng được cứu thoát, liền xin kết nghĩa anh em với Thạch Sanh và mời chàng về thăm thủy cung.

Tại thủy cung, vua Thủy ban thưởng bạc vàng châu báu, Thạch Sanh đều không nhận, theo lời dặn của hoàng tử, chàng chỉ xin một cây đàn thần rồi trở về quê cũ.

Trong lúc đó, tại triều đình, Lý Thông được ban thưởng rất hậu, lại được nhà vua hứa gả công chúa cho. Nhưng công chúa vì nỗi lòng u uất đã hóa câm, thuốc thang cầu cúng mãi cũng chẳng khỏi. Bấy giờ tàn hồn của chằn tinh và đại bàng tinh gặp nhau, bàn kế báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho lấy trộm vàng bạc, đem giấu bên chỗ Thạch Sanh ngủ, rồi cố tình để cho quân lính trông thấy. Thế là Thạch Sanh bị bắt, bị Lý Thông giam vào ngục để tìm cách giết. Ở trong ngục ít lâu, Thạch Sanh dò hỏi quân lính được biết sự tình và hiểu rõ Lý Thông là kẻ bạc ác bất nhân, chàng liền gửi nỗi lòng trong tiếng đàn thần réo rắt:

Đàn kêu ai chém xà vương,
Đem nàng công chúa triều đường về đây?
Đàn kêu hỡi Lý Thông mày,
Có sao phụ nghĩa lại rày vong ân?...

Tiếng đàn lọt vào tai công chúa Quỳnh Nga, làm cho nàng hết câm. Sau khi hỏi chuyện công chúa, nhà vua liền gả nàng cho Thạch Sanh, lại phong cho Thạch Sanh làm Quốc tế quận công và giao cho chàng trị tội Lý Thông. Nhưng Thạch Sanh xin khoan dung cho Lý Thông về quê. Lúc đi đến giữa đường, Lý Thông bị Thiên lôi đánh chết và hóa kiếp thành con bọ hung.

Lúc này, thế tử 18 nước chư hầu vì ghen tức Thạch Sanh lấy được công chúa, kéo nhau về vây đánh. Thạch Sanh ung dung đem đàn ra gẩy. Tiếng đàn phân trần lẽ hơn thiệt, phải trái, khuyên nhủ điều nhân nghĩa, rung động tận đáy lòng quân sĩ, khiến cho không ai còn bụng dạ nào mà đánh nhau. Vua tôi các nước chư hầu đành quy hàng, xin lương ăn để rút binh về. Thạch Sanh chỉ ban cho một niêu cơm nhỏ mà binh 18 nước ăn mãi không hết.

Nhân dịp các nước chư hầu tụ họp đông đủ, nhà vua tuyên bố nhường ngôi báu cho Thạch Sanh. Từ đấy, các nước chư hầu đều thần phục nước Nam, và Thạch Sanh cùng công chúa Quỳnh Nga được sống yên vui trong cảnh đất nước thanh bình "Muôn dân vạn hộ theo nghề nông tang".

*
* *

Thạch Sanh tân truyện vốn là một truyện cổ dân gian được truyền miệng trước khi được chuyển thành truyện thơ Nôm, do vậy trong truyện thơ vẫn còn bảo lưu khá rõ một số đặc trưng thi pháp của cổ tích thần kỳ và thần thoại, làm cho truyện thơ Thạch Sanh có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với đông đảo công chúng. Cung tên bằng vàng, cây đàn thần kỳ, niêu cơm vô tận và đặc biệt là tiếng đàn huyền diệu của Thạch Sanh đã trở thành những biểu tượng kỳ vĩ của người dũng sĩ diệt chằn tinh, bắn đại bàng, hàng phục 18 nước chư hầu xâm lăng, đem lại cuộc sống yên lành cho đất nước. Với niềm tin vững chắc của đạo lý dân gian: chính thắng tà, thiện thắng ác, hình tượng Thạch Sanh tiêu biểu cho người nông dân lao động nghèo khổ dũng cảm vùng lên đấu tranh chống áp bức bất công, chinh phục thiên nhiên, chiến thắng giặc ngoại xâm. Ở một khía cạnh khác, *Thạch Sanh tân truyện* còn là bản tình ca đẹp tuyệt vời, ca ngợi tình yêu lứa đôi trong sáng, thủy chung. Một chàng nông dân cùng khổ, "mình trần khố có một manh" lại sánh đôi với nàng công chúa ngọc ngà, do nàng chủ động việc hôn nhân và giữ vững mối tình son sắt qua mọi thử thách. Đó là một tình yêu lý tưởng, thật cao đẹp và cũng thật lãng mạn trong khuôn khổ của lễ giáo phong kiến!

Có thể nói cũng cùng trùng một cốt truyện "Dũng sĩ chém chằn" khá phổ biến ở nhiều dân tộc thiểu số nước ta và nhiều dân tộc khác trong vùng Đông Nam Á, song truyện thơ Nôm Thạch Sanh vẫn rất đậm đà sắc thái xã hội, lịch sử và dân tộc riêng biệt.

Về niên đại sáng tác, truyện thơ này có thể ra đời trong một quá trình dài và xuất hiện từ lâu trước khi được ghi lại bằng chữ Nôm.

Còn xét trên văn bản Nôm thì thấy cả những hiện tượng sau:

- Có những từ ngữ ít nhiều chịu ảnh hưởng của tiếng nói miền Nam, mà rõ nhất là tiếng "vô", nghĩa là *vào*;

- Văn chương cũng có hơi hướng của văn chương *Truyện thơ Lục Vân Tiên*, thậm chí có chỗ còn dùng cả những hình ảnh nhân vật trong *Truyện thơ Lục Vân Tiên* để ví với Thạch Sanh, chẳng hạn lời Viện vương khen chàng họ Thạch:

Mừng vui bèn mới khen chàng Thạch Sanh
Tài so Hạng Võ, Hớn Minh

Nguyên văn trong *Truyện thơ Lục Vân Tiên* là:

Có người họ Hớn tên Minh,
Oai như Hạng Võ, mạnh kình Trương Phi,

Như vậy thì văn bản Nôm không thể xuất hiện sớm hơn cuối thế kỷ XIX, như ý kiến ức đoán của một số tác giả trước đây.

Sau đây là toàn bộ phần văn bản *Thạch Sanh tân truyện* phiên âm, chú giải:

Nay mừng vận mở thái hòa [1]
Bốn phương lạc nghiệp, âu ca thái bình,
Nhớ xưa ở quận Cao Bình [2]
Có ông Thạch Nghìa hiền lành, đức nhân,
Làm nghề đốn củi độ thân,
Vợ là Dương thị bội phần đức duyên;
Lỗi sinh [3] gặp vận suy hèn,
Chẳng lo hiếm của, không phiền muộn con,
Đêm ngày giữ tấm lòng son,
Cỏ cây là bạn, núi non là nhà
Quang âm [4] thấm thoát bay qua,
Thạch ông lẩn thẩn tuổi đà sáu mươi [5]
Xét mình thân thuộc không ai
Cho nên mong có chút giai nối dòng
Để sau hương hỏa tổ tông [6]
Còn như thành bại mặc lòng giời toan
Trải bao nhiêu sự nguy nan,
Vợ chồng họ Thạch, lòng vàng chẳng lay
Vợ thì gánh nước liền tay,
Để đem bố thí người ngay nhỡ đường
Chồng thì khơi cống khơi mương
Luôn tay cuốc thuổng sửa đường người qua.
Tiếng đồn khắp cả gần xa,
Trong thôn ngoài ấp đều là cảm khen.
Nhời phàm thấu cửa trùng thiên, [7]

Chú thích:

1. *Thái hòa:* nghĩa như thái bình thịnh trị
2. *Cao Bình*: cũng đọc Cao Bằng.
3. *Lỗi sinh*: sinh lỗi thời, không gặp may.
4. *Quang âm*: thì giờ.
5. *Lẩn thẩn*: lần nữa, thấm thoát.
6. Cả câu có nghĩa: nối dõi thờ cúng tổ tiên.
7. *Cửu trùng thiên*: chín tầng trời. Đây chỉ ông trời, tức Thượng đế.

Hỏi qua Vương Mẫu [1] sự duyên thế nào?
Cùng là Bắc Đẩu, Nam Tào [2]
Cớ sao họ Thạch công lao mà hèn?
Thần tiên đặt gối tâu lên
Trước sau số mệnh, phúc duyên mọi bề.
Ngọc Hoàng chỉ phán tức thì,
Truyền đòi thái tử cho đi xuống trần
Làm con họ Thạch đền ơn
Thọ trường trăm tuổi, danh thơm sẽ về
Ba mươi tuổi trước hàn vi
Đoạn xong vận kiển [3] tới kỳ hanh thông [4]
Bấy giờ tỏ rạng mây rồng
Giàu sang bốn bể vẫy vùng tám phương
Thái tử nghe phán tỏ tường,
Cúi vâng ngọc chỉ trỏ đường đầu thai
Thiều ca [5] chồi chập lừng giời
Quân tiên đưa đón đoạn thôi giở về
Đoạn này họ Thạch mỏi mê,
Chiêm bao thấy có rồng kề một bên,
Tiêu thiều nhã nhạc vang rền,
Tỉnh ra chồng vợ muôn nghìn vui tươi.
Thạch bà từ đấy thọ thai
Tu nhân bồi nghĩa chẳng rời phút giây
Ai ngờ sự lạ lùng thay,
Ba năm hoài nghén [6] mà rày chưa sinh
Vợ chồng họ Thạch hãi kinh,
Cùng nhau than thở một mình mà thôi,
Than rằng: Nhân nghĩa trọn đời,
Cớ sao mắc phải tội giời thế ni!
Chắc rằng yêu quái giống chi,

Chú thích:

1. *Vương Mẫu*: tức Tây Vương Mẫu tên gọi một nữ thần trong thần thoại Trung Quốc.
2. *Bắc Đẩu, Nam Tào*: Tục truyền Bắc Đẩu và Nam Tào là hai vị thiên thần chuyên giữ việc soi xét thiện ác và định đoạt số mệnh sinh tử của người trần gian.
3. *Vận kiển*: vận bĩ,vận đen.
4. *Hanh thông*: may mắn, thông suốt.
5. *Thiều ca*: ca nhạc nói chung.
6. *Hoài nghén*: cũng như hoài thai, nghĩa là mang thai nghén.

Hiện vào báo hại nên thì nghén lâu.
Thạch bà tầm tã tuôn châu [1]
Ngày đêm lo nghĩ buồn rầu lắm thay!
Vui kia chưa kịp đến ngày,
Sự đâu sóng gió buồn nay tới liền:
Thạch ông thoát nợ trần duyên,
Hồn hoa sớm đã chơi tiên [2] kia rồi.
Thạch bà than khóc vô hồi,
Than rằng: Giời khéo buộc người tang thương.
Con trong lành dữ chưa tường,
Chồng ngoài sớm đã suối vàng, than ôi!
Tuổi già bóng xế cả đôi,
Ông về, tôi ở, trách giời chẳng công
Đương cơn nguy hiểm đau lòng,
Lấy gì tống táng việc chồng cho an
Kêu cùng dân xã trong làng,
Kẻ nhiều người ít vội vàng giúp cho.
Thạch ông thác đã yên mồ;
Thạch bà sớm đã đủ no ngày giờ.
Tự nhiên không nắng, không mưa,
Có cơn sấm sét một giờ phát ngay.
Thạch bà trông thấy lo thay,
Phút trong bụng nảy ra ngay một người:
Mày tằm, mắt phượng tốt tươi,
Sinh ra sớm đã biết ngồi đứng ngay.
Thạch bà ôm ấp vui thay,
Thấy con mà lại khó khuây nỗi chồng!
Suối vàng ông có thiêng không,
Độ [3] cho con nó qua vòng hiểm nguy.
Trông con rồi lại nằn nì
Con ôi, con có biết gì hay không,
Vì con, mẹ phải nhọc lòng,
Ba năm chín tháng chịu vòng đắng cay

Chú thích:

1. *Tuôn châu*: chảy nước mắt, tức là khóc lóc.
2. *Chơi tiên*: đi lên cõi tiên, tức là chết.
3. *Độ*: do chữ tế độ của nhà Phật. Đây có nghĩa là phù hộ nâng đỡ, đưa qua vòng nguy hiểm.

Cha con bóng hạc xe mây [1]
Một mình hẩm hút mẹ hay buồn rầu
Thai sinh nay mẹ qua cầu,
Thấy con mẹ cũng bớt sầu nỗi cha
Thương con đương độ ấu thơ,
Con côi mẹ góa bây giờ cậy ai,
Đến khi đầy tháng vừa rồi
Bà liền mới đặt tên thời Thạch Sanh
Tháng ngày rau cháo xin quanh,
Nuôi con mong đợi lớn cành đỡ tay
Bóng câu cửa sổ ngựa bay [2]
Bảy năm thoắt đã đến ngay bao giờ!
Thạch Sanh đã có thiên tư [3]
Không cha có mẹ, bấy giờ hỏi ngay:
"Cúi xin mẹ tỏ con hay,
Cha con sao vắng bấy nay ở nhà?"
Mẹ nghe lời hỏi con thơ,
Tức thì lụy [4] đổ như mưa ướt đầm,
Rằng: "Cha con sớm lìa trần,
Thuở con trong bụng, mẹ phân thực thà [5]
Con dù tưởng mẹ, nhớ cha,
Cố noi nhân nghĩa để mà báo ân".
Thạch Sanh nghe mẹ giải phân,
Hai hàng châu lệ chứa chan thảm sầu.
Mới hay phụ tử tình sâu,
Tuy chưa thấy mặt cũng đau đớn lòng
Tủi thân sớm vắng nhà thông [6]
Lấy ai dạy dỗ cậy trông sau này!
Mẹ thì xế bóng non tây
Phỏng khi mưa nắng mai ngày nữa sao?

Chú thích:

1. *Bóng hạc xe mây*: ý nói: cưỡi hạc mà bay đi, ngự xe mây (vân xa) mà biến mất, tức là chết.

2. *Bóng câu*: câu là ngựa non, bóng câu chỉ bóng mặt trời. Ý cả câu nói thời giờ nhanh chóng như bóng mặt trời lướt qua khe cửa.

3. *Thiên tư*: tư chất do trời bẩm sinh.

4. *Lụy*: lụy hoặc lệ là nước mắt.

5. *Phân*: tức phân trần, giãi tỏ.

6. *Nhà thông*: người cha.

Cảm tình ruột xót như bào
Cúi đầu lạy mẹ thấp cao dãi bày:
"Cha con xấu số về nay,
Chẳng qua máy tạo [1] đổi thay không chừng
Nhưng con còn mẹ vui mừng,
Cúi xin mẹ hãy hết lòng nuôi con
Còn giời còn nước còn non,
Công phu đành báo tấc son có ngày".
Mẹ nghe con nói mừng thay,
Chắc rằng con cũng có ngày làm nên.
Hay đâu vạn sự do thiên [2]
Sự vui kia với sự phiền ghen nhau.
Thạch bà chẳng bệnh, không đau,
Tự nhiên giời gọi về chầu cảnh tiên.
Đòi con đứng lại một bên,
Nhủ rằng: "Con chớ có phiền làm chi.
Ngày nay mẫu tử biệt ly,
Khuyên con giữ lấy nhân nghì hiếu trung
Ấy là giả nghĩa đền công,
Suối vàng cha mẹ yên lòng ngậm vui".
Nói thôi, hồn lạc, phách rời
Thạch Sanh ôm mẹ một hồi khóc vang.
Than rằng: "Mẹ khéo vội vàng,
Bỏ con thơ dại dương gian một mình!
Gần xa không kẻ thân tình,
Việc này tống táng một mình biết sao!"
Xóm làng nghe tiếng ồn ào,
Tới nơi trông thấy ai nào chẳng thương.
Nghĩ công thí nước, sửa đường [3]
Bảo nhau làm phúc vội vàng chôn cho
Chôn cùng Thạch Nghĩa một mồ,
Thạch Sanh chống gậy vội đưa ra đồng.

Chú thích:

1. *Máy tạo*: do chữ hóa cơ là cơ mầu tạo hóa. Ý cả câu nói cái lý mầu nhiệm về những cuộc chuyển vần biến đổi do tạo hóa chủ trương sắp xếp, không sao lường tính được.

2. *Vạn sự do thiên*: muôn việc do trời sắp xếp.

3. *Thí nước, sửa đường*: cho nước uống và sửa sang đường sá. Chỉ công lao của Thạch ông, Thạch bà đối với nhân dân khi còn sống.

Khóc than kể lể sự lòng,
Người nghe thấy cũng lụy dòng thảm thay
Mồ cha, mả mẹ yên rày
Thạch Sanh bái tạ làng nay có lòng.
Cửa nhà còn có mấy đồng,
Bát cơm, cái trứng, tạm dùng lễ đơn [1]
Đoạn này lắm bước gian truân,
Khó khăn, tất tưởi, cơ hàn, quạnh hiu
Cửa nhà nghĩ thảm trăm chiều,
Gia tài có một búa rìu đốn cây.
Sẵn nghề cha để lại đây,
Đốt than kiếm củi tháng ngày lân la.
Rừng xanh, núi đỏ vào ra,
Chim kêu, vượn hót, ấy là thú riêng.
Cuộc đời nghĩ đến đảo điên
Non sông nỡ để thiệt riêng người lành
Mình trần khố có một manh,
Giang sơn một gánh củi cành trên vai
May ra gặp buổi tốt giời,
Cơm lam [2] cũng được đủ hai bữa liền
Không may gặp buổi giời phiền,
Gió mưa, lại được nghỉ liền, nhịn suông
Rau: rêu mọc; nước: suối tuôn.
Đỡ lòng ngồi ngắm càn khôn chuyển vần.
Thu qua, đông tới, lại xuân,
Thạch Sanh tuổi đã đến tuần mười ba.
Ngọc Hoàng nghĩ đến gần xa,
Kíp sai Lý Tĩnh xuống qua phàm trần.
Bao nhiêu các phép tiên ban,
Dạy cho họ Thạch chu toàn tinh thông
Tiên ông vâng lệnh ghi lòng,
Đằng vân, giá vũ [3], ruổi dong một giờ;

Chú thích:

1. *Lễ đơn*: lễ cúng đơn giản sơ sài.

2. *Cơm lam*: thứ cơm của đồng bào miền núi thường nấu cơm trong chiếc ống vầu non hoặc nứa non.

3. *Đằng vân giá vũ*: cưỡi mây, cưỡi mưa mà bay đi. Ý nói có phép thuật đi lại trên không.

Đi vừa đến chốn cội đa,
Thạch Sanh kiếm củi đường xa vừa về,
Thấy ông già cả ngồi kề,
Hỏi rằng: "Ông đến làm chi chốn này?"
Tiên ông nghe nói, tỏ bày:
"Ta đây, Lý Tĩnh, chức rày thiên vương
Tới đây vâng lệnh Ngọc Hoàng,
Dạy con phép tắc sửa sang cuộc đời".
Thạch Sanh nghe nói, mừng vui,
Cúi đầu làm lễ, vâng nhời bảo ban.
Tiên ông đem phép bí tàng [1]
Dạy cho họ Thạch tỏ tường thần thông [2]
Sau khi khảo hạch như lòng, [3]
Dạy rằng: "Con khá ra công ôn nhuần
Chớ nên thổ lộ máy thần [4],
Mai ngày sẽ được chắc dân trị đời".
Nói thôi, biến hóa về giời,
Thạch Sanh vọng bái kíp thời tiễn đưa.
Nghề riêng vẫn giữ dấu nhà,
Côn quyền một búa vào ra làm lòng,
Tiêu dao [5] ngày tháng thong dong,
Bạn cùng trăng gió, vui cùng nước mây
Hiếu thân lòng chẳng có khuây,
Khói hương cúng bái đêm ngày mẹ cha.
Một hôm, ngồi tựa gốc đa,
Có một nam tử đi qua ghé vào,
Tạm dừng bóng mát giải lao.
Nhác trông họ Thạch anh hào uy phong,
Chắc rằng là kẻ ích dùng [6]
Cho nên muốn kết bạn cùng anh em
Nghĩ thôi mới hỏi sự duyên:

Chú thích:

1. *Phép bí tàng*: phép huyền bí được giữ kỹ, giấu kín.
2. *Thần thông*: những phép linh thông biến hóa.
3. *Khảo hạch*: khảo thi sát hạch, có nghĩa là thử lại, xét lại.
4. Cả câu ý nói: Không nên tiết lộ bí mật việc trời.
5. *Tiêu dao*: ung dung tự do tự tại.
6. *Ích dùng*: dùng được ích lợi.

"Quán quê người ở về miền đâu đây?
Cửa nhà sao vắng dường này?
Xem trong tang hải vận nay bỡn bờ!"
Thạch Sanh nghe tỏ liền thưa,
Nỗi mình hoạn nạn, nỗi nhà truân chuyên:
"Cội đa đây vốn nhà em,
Tên Sanh họ Thạch, thú quen rừng tòng [1]
Còn anh xin tỏ thực lòng,
Họ tên đâu đấy, ở vùng đâu ta?"
Chàng kia liền tỏ thực thà:
"Tên Thông, họ Lý vốn nhà bán buôn,
Làm nghề cất rượu sớm hôm,
Nghi dung từ mẫu hãy còn bình yên
Thơ đào chưa định lương duyên,
Muốn cùng người sẽ kết nguyền đệ huynh".
Thạch Sanh e lệ thế tình:
"Cám ơn anh có lòng thành cùng em
Song em muốn ngỏ nhời đen:
Xin anh chớ giận, chớ phiền làm chi.
Em nay gặp bước hàn vi,
Sợ sau anh lại bấc chì mỉa mai.
E khi có việc thì vời,
Đến khi bình tĩnh lại rời nhau ra.
Hiểm nguy xum họp một nhà,
Giàu sang rồi lại phải ra đứng đường
Còn lòng từ mẫu chưa tường,
Sợ người ghét bỏ, rẫy ruồng, chẳng dung
Bấy giờ đi, ở khó lòng,
Cội đa lại chẳng thoát vòng cội đa.
Thấy gần nên phải lo xa,
Nữa khi oán hối sự đà lỡ thay".
Lý Thông nghe nói đáp ngay:
Anh đâu hỡ ở bạc rày thế ru?
Xin em chớ ngại đừng lo,
Ai mà đon bạc phó cho vừng hồng

Chú thích:

1. *Rừng tòng*: rừng thông.

Búa giăng, rìu sét đừng dung
Anh em xin ở hết lòng cùng nhau".
Thạch Sanh nghe tỏ gót đầu
Theo chân họ Lý cùng nhau trở về
Tới nơi đầu ngõ trước hè,
Thạch Sanh đứng lại còn e lão bà,
Bảo rằng: "Anh hãy về nhà,
Thưa cùng từ mẫu gần xa mấy nhời.
Rộng lòng mẹ có thương tôi,
Thì anh ra dắt em noi theo vào".
Lý Thông nghe nói khen sao,
Một mình gánh rượu liền vào trước thưa
Mẹ già đứng cửa đương chờ,
Thấy con liền hỏi về trưa thế à?
Lý Thông tỏ hết gần xa:
"Có chàng họ Thạch còn chờ ngoài kia,
Cùng con kết ngãi trọn bề
Anh em sinh tử chẳng hề phụ nhau
Dám xin từ mẫu rộng thâu,
Có người có việc, mẹ hầu lo chi!"
Lý bà liền thuận tức thì,
"Vậy con ra gọi nó về cho an".
Thạch Sanh hết dạ nghi nan
Theo chân họ Lý vội vàng vào ngay.
Tới nơi làm lễ trình bày
Lão bà kíp nhận ngày rày làm con.
Thạch Sanh kể lể thiệt hơn:
"Mẹ mà thương đến thì con hết lòng
Con xin làm hết việc công
Dẫu lầy gan óc cũng không dám nài".
Đoạn này nói chuyện phố ngoài,
Vốn trong quận ấy có loài yêu tinh.
Nó là rắn lớn hiện hình,
Nhờ hơi nhật nguyệt thành tinh hại người
Hay đi nhũng nhiễu các nơi,
Hiện hình nam tử bắt người về ăn.
Tiếng đồn đã đến vua quan,
Càng trừ càng hại bao tàn người thêm.

Khắp miền đạo sĩ chịu êm,
Vua truyền lập miếu ngày đêm phụng thờ.
Đệ niên [1] phải nộp lễ đưa,
Một người nam tử bấy giờ mới xong.
Địa phương đã có sớ dâng,
Cứ theo lần lượt đàn ông từng người,
Tới kỳ phải đến tận nơi,
Xà tinh xúc miệng, dân thời bình ninh
Vả từ Lý, Thạch giao tình
Đến nay đã được rành rành bảy năm.
Thạch Sanh công việc đều chăm,
Được lòng Lý mẫu muôn phần đều tin
Bán buôn hưng thịnh liền liền
Cho nên nay có bạc tiền hơn xưa.
Một hôm gánh rượu bước ra,
Lý bà đến chợ phút đà hãi kinh!
Tai nghe đồn dậy khắp thành:
Năm nay đến lượt nộp mình Lý Thông
Nghe thôi bỏ gánh bỏ gồng,
Vội về, tỏ hết đục trong con tường
Lý Thông bán rượu đầu làng,
Vừa về đến cửa, bàng hoàng sợ thay!
Mẹ sao về sớm hôm nay,
Lại đang than khóc ta đây việc gì?
Vào nhà, mẹ tỏ vân vi
"Con ôi! Hết số, còn gì là con!
Chẳng nghe ngoài phố tiếng đồn
Đến vài ngày nữa phiên con nộp mình?
Mẹ sinh cây có một cành
Lấy ai khuya sớm gia đình mai sau!"
Lý Thông nghe nói, tuôn châu,
Mẹ con lăn lóc cùng nhau rầm nhà.
Ai ngờ họ Lý gian tà,
Nghĩ ngay một kế phân qua mẹ tường:
"Mẹ ôi! Xin chớ lo lường,

Chú thích:

1. *Đệ niên*: hằng năm, mỗi năm, từng năm.

Con đà có kế có phương thoát nàn
Mẹ đừng khóc lóc than van,
Nữa mà tiết lộ khó toàn mưu con.
Thạch Sanh còn ở trong non,
Nó về, mẹ để mặc con điều đình
Nó nay chỉ có một mình,
Dù rằng sống thác cũng đành phận thôi.
Mẹ sinh con có một chồi,
Nếu nay con thác, mẹ thời cậy ai?"
Lý bà nghe nói tạm vui.
Song e ở thế sợ giời không dung:
"Thạch Sanh nó cũng có công,
Bấy lâu chăm việc hết lòng cùng ta
Tháng ngày hái củi đường xa,
Đem về khó nhọc cho ta tiêu dùng".
Thông rằng: "Thương nó không xong,
Xưa nay lưỡng lợi khó trông được nào!
Mẹ đừng suy nghĩ thấp cao,
Nó không thế mạng con nào được yên?
Nó dù hồn có khôn thiêng,
Thì con cúng giỗ cũng yên một bề".
Nói thôi, sắp đặt phân chia,
Cỗ bàn nấu nướng ê hề dọn ra.
Thạch Sanh gánh củi về nhà,
Thấy có cơm rượu bày ra sẵn sàng
Mẹ con họ Lý vội vàng,
Gọi Thạch Sanh kíp lên giường ngồi ăn.
Mẹ con mời mọc ân cần,
Xem ra quí trọng muôn phần hơn xưa.
Thạch Sanh chưa rõ tóc tơ.
Hỏi nhà có việc chi mà cúng đây?
Lý Thông khi ấy tỏ bày:
"Hôm nay chính thực là ngày giỗ cha
Anh quên bảo em ở nhà,
Cho nên em đến bây giờ mới hay
Vả em khó nhọc bấy nay,
Mẹ, anh dành để mâm này đãi em".
Thạch Sanh tưởng thật liền khen:

"Mẹ cùng anh ở chu tuyền quá sao!
Có chi là chút công lao,
Mà anh dạy thế em nào dám vâng!"
Lý Thông cười nói tưng bừng,
Chuyện trò bả lả ra chừng vui tươi.
Đoạn xong mới ngỏ một nhời.
Rằng: "Anh có việc, em thời giúp anh:
Nhân nay có lệnh triều đình,
Đến phiên anh phải đi canh miếu thờ.
Để mà kiểm điểm xem qua,
Đĩa vàng, chén ngọc bây giờ đủ không;
Để mà tâu với cửu trùng [1]
Cho người yên dạ khỏi lòng hồ nghi.
Lệnh vua ai dám diên trì [2]
Nhẽ ra anh phải chân đi mới đành.
Trót cất mẻ rượu công trình,
Anh đi sợ hỏng việc anh ở nhà.
Miếu thần, em khá thẳng qua,
Tuần xong [3] em giở về nhà mà thôi".
Nói năng chưa kịp dứt nhời,
Trát quan [4] đã đến thúc đòi đi ngay.
Nói rằng: "Họ Lý nào đây
Đến phiên mình phải đi ngay tức thì."
Thạch Sanh nghe chẳng biết chi,
Tưởng phiên canh thật liền đi vội vàng.
Trải qua mấy dặm rừng hoang,
Tới nơi phút thấy rõ ràng miếu thiêng.
Bốn bề vắng vẻ êm đềm,
Giời vừa sẩm tối, chàng liền nghỉ chân.
Giở ra cơm nắm toan ăn,
Hay đâu gió thổi ầm ầm rung cây.
Lại thêm gầm rú ghê thay,
Trông ra thấy một vật nay dị kỳ.

Chú thích:

1. *Cửu trùng:* chín lần, chỉ chỗ thâm nghiêm của vua chúa. Nghĩa rộng chỉ ông vua.
2. *Diên trì:* trùng trình, chậm trễ, kéo dài thời gian.
3. *Tuần:* tức đi tuần tra xem xét.
4. *Trát quan:* giấy đòi của quan lại thời phong kiến.

Thạch Sanh chẳng biết vật chi,
Trắng, đen, xanh, đỏ hoe hoe cả mình
Hung hăng giơ vuốt, nhăn nanh.
Phòng toan làm dữ như hình mọi khi.
Thạch Sanh hóa phép tức thì,
Búa rìu liền phóng một khi yêu xà.
Mắng rằng: "Mày giống tà ma
Hại người tao chẳng dung tha mày nào!"
Xà tinh liền nhảy xốc vào
Thạch Sanh liền lấy thần đao chém liền.
Ai ngờ rắn có phép thiêng,
Hóa ra lửa cháy bốn bên đỏ ngòm
Thạch Sanh hóa nước mưa tuôn,
Tự nhiên lửa tắt kinh hồn xà tinh.
Lại e yêu nghiệt tàng hình,
Trốn đi nơi khác ắt mình uổng công
Bổ vây lưới sắt bịt bùng,
Nguyên hình rắn phải đùng đùng hóa ngay.
Chàng dùng đao báu chém rày,
Rõ ràng con rắn vừa tày một gian
Lấy đầu, đốt xác vừa an,
Báu tên với một cung vàng hiện ngay.
Thạch Sanh thấy lạ, cầm tay,
Cảm ơn trời đất cho nay vật kỳ.
Mai ngày phát tích có khi
Suối vàng cha mẹ ắt thì ngậm vui
Chém xong rồi mới canh hai
Xách đầu chạy thẳng một hơi tới nhà
Bấy giờ mới có canh ba
Mẹ con Lý thị giấc hoa đương nồng
Thạch Sanh đấm cửa đùng đùng:
"Mẹ ơi! Anh hỡi! Dậy trông Rắn này!"
Mẹ con Lý thị hồn bay,
Chắc rằng nó chết về đây trách mình
"Khôn thiêng, em hỡi Thạch Sanh!
Việc này xin chớ oán anh vô nghì
Oan hồn xin hãy tạm đi,
Ngày mai xôi thịt ta thì cúng cho.

Vàng hương tống tiễn đủ đồ
Sống sao thác vậy chớ lo chi mà".
Thạch Sanh nghe to bấy giờ
Mới hay họ Lý lòng tà, bất nhân.
Chứng minh phó mặc quỉ thần,
Lòng ta cứ giữ ân cần trước sau.
"Anh ơi mở cửa cho mau,
Em đây không phải ma đâu mà phòng.
Xà tinh em đã trừ xong,
Mẹ và anh hãy ra trông đây này".
Mẹ con nghe đã tỏ bày,
Đá dao đánh lửa [1], đèn nay thắp liền
Mở ra, trông thấy quả nhiên,
Thạch Sanh đứng đó chẳng phiền ngại chi.
Lại trông thấy một vật kỳ
Lù lù một đống, phút thì ngã lăn.
Lý mẫu hoảng hốt tâm thần,
Thạch Sanh đỡ lấy liền phân gót đầu.
Lý Thông là đứa hiểm sâu,
Dọa rằng: "Tội ấy chém đầu chẳng chơi,
Xà tinh ấy của vua nuôi,
Để làm báu nước sao ngươi giết sằng?"
Thạch Sanh nghe nói kinh hoàng,
Lạy anh cùng mẹ mở đường cứu sinh
Lý Thông rằng: "Muốn tốt lành,
Ngươi mau trốn thoát, điều đình mặc ta
Nếu không, vạ đến cả nhà,
Bấy giờ thán hối lại là muộn thay!"
Thạch Sanh từ tạ đi ngay
Than thân trách phận chẳng may nhiều bề.
Lại tìm cuốn cũ hàn khê [2]
Trước thăm mồ mả, sau về cội đa.
Cũng liều tuế nguyệt [3] phôi pha,

Chú thích:

1. *Đá dao đánh lửa:* dùng đá đập mạnh vào con dao để lấy lửa.
2. *Hàn khê*: chỗ núi khe hiu quạnh, ít người lui tới.
3. *Tuế nguyệt*: năm và tháng. Chỉ thời gian nói chung.

Chắc chi bĩ thái [1] mà họa trông mong.
Đoạn này nói chuyện Lý Thông
Đuổi người mà chiếm lấy công, hay gì?
Thạch Sanh từ bước ra đi,
Lý Thông liền đến Kinh kỳ tâu vua.
Tâu rằng: "Buổi tối hôm qua,
Là phiên tôi phải đi ra miếu ngoài.
Thấy xà tinh muốn ra oai,
Tôi liền giở hết phép tài của tôi.
Nên nay đã chém nó rồi,
Hiện đầu còn ở tại nơi cửa nhà".
Vua nghe, liền mới phán ra:
"Nếu ngươi chém được, ắt ta thưởng tài
Ví mà chẳng được như lời,
Xét ra man tấu [2], tội thời tru di [3]
Chằn tinh nó lắm phép kỳ,
Bấy lâu ai dám làm gì nó đâu!
Vậy thì quân lính ruổi mau,
Tới nơi nhà gã khiêng đầu về đây.
Nếu bằng sự quả dường này,
Phong quan, thưởng tước cho mày phu công".
Quân nhân vâng lệnh đền rồng [4]
Kíp theo Lý thị thẳng xông về nhà
Đến nơi, quân lính kêu la:
"Đầu chi quái lạ làm ta rụng rời"
Bảo nhau khiêng vác lên vai,
Nặng đà quá sức, khó thời khiêng đi.
Lý Thông mắng nhiếc một khi,
"Chúng bay ăn hại làm chi nên đời!
Ấy là hắn đã chết rồi,
Mà còn chẳng nổi khiêng nơi cái đầu!
Huống chi nó sống phép màu

Chú thích:

1. *Bĩ thái*: vận xấu và vận tốt, cơn rủi và cơn may.
2. *Man tấu*: tâu trình man trá, không đúng sự thật.
3. *Tru di*: tức là tru di tam tộc, giết sạch cả người trong họ (họ hàng bên cha, bên mẹ và bên vợ mình).
4. *Đền rồng*: cung điện nhà vua. Đây chỉ vua.

Thần thông biến hóa ai nào dám đương?
Tao đà chém được rõ ràng
Một tay xách nó ra đường như không".
Quân nhân nghe nói hãi hùng,
Bảo nhau cố gắng hết lòng mang đi.
Kẻo người tâu động đơn trì [1]
Vua quan bắt phạt, ta thì khổ thay.
Lý Thông nở mặt nở mày,
Đến Kinh đô vội vào ngay sân rồng
Đức vua trông thấy, mừng lòng:
"Khen thay, nhà gã anh hùng không hai:
Chằn tinh nó có phép tài,
Mà ngươi giết được thực thời thần thông".
Kíp truyền Đô đốc gia phong,
Cho ăn lộc ấy muôn chung [2] tức thì
Mẹ con bái tạ vinh qui
Ngựa xe đường xá thực thì như nêm
Một tay chấp chưởng binh quyền
Khắp hòa thiên hạ đều khen phép màu.
Rõ ràng một vị công hầu,
Tranh công mà được sang giàu lạ thay!
Hầu non gái tốt đêm ngày,
Trân hào mỹ vị hưởng nay thanh nhàn
Chẳng còn tưởng đến bạn vàng,
Một hai muốn kiếm tìm đường giết đi
Thạch Sanh oan khổ lưu ly
Tháng ngày kiếm củi, ngồi thì gốc đa
Cũng đành tuế nguyệt phôi pha
Ngồi trông ngắm cảnh thế ra dường nào.
Đoạn này nói việc trong trào:
Con vua lập một lầu cao kén chồng.
Quỳnh Nga công chúa sắc phong,

Chú thích:

1. *Đơn trì*: hoặc đan trì, tức thềm cung điện sơn màu đỏ.

2. *Chung*: đơn vị đo lường xưa. Muôn chung tức là được ăn lộc một vạn chung. Ý nói bậc quan cao, ăn lộc nhiều.

Hoa nhường, nguyệt thẹn, mặn nồng thiên hương [1]
Viện vương sinh có một nàng,
Nưng niu quí hóa, ngọc vàng kém xa.
Mặc lòng nghĩ ngợi khoan hòa
Kén ngôi phò mã [2] đợi hòa mai sau.
Điệp [3] đi các nước chư hầu,
Cho các thế tử về chầu kén duyên
Các nơi nghe thấy báo tin
Sắm sanh xe ngựa binh quyền thẳng giong
Cân đai đủ vẻ anh hùng,
Trái duyên nên chẳng đẹp lòng công nương
Cho nên các nước thẹn thùng,
Tới lui hai nhẽ khôn đương hồ đồ.
Ngự tiền [4] biết ý căn do,
Phán truyền các nước hồi đô ra ngoài
Bao nhiêu lễ cống hứa lai,
Bạc vàng đặng thưởng, đền bồi công nay.
Chư hầu lĩnh lấy, cảm thay,
Cùng nhau ai nấy phân tay ra về.
Viện vương lòng cũng sầu bi,
Thương con vả lại mình thì cao niên
Lệnh sai quải bảng tống truyền, [5]
Xá [6] rao cho khắp dưới trên trong ngoài
Tuyển lâu lại lập một nơi, [7]
Liễn câu rủ dọc, biển dài treo ngang [8]
Tứ bề trướng phủ màn giương,
Rõ ràng hai chữ thếp vàng "tuyển phu" [9]

Chú thích:

1. *Thiên hương*: gọi tắt thành ngữ "Quốc sắc thiên hương" (hương trời sắc nước). Nghĩa bóng chỉ người con gái đẹp tuyệt trần.
2. *Phò mã:* con rể vua.
3. *Điệp*: công văn, thông điệp.
4. *Ngự tiền*: ở bên cạnh nhà vua.
5. *Quải bảng tống truyền*: treo bảng và đưa tin truyền đạt cho mọi người biết.
6. *Xá:* tiếng cổ, nghĩa như hãy, xá rao: hãy trao truyền.
7. *Tuyển lâu*: lầu kén chồng.
8. *Liễn câu*: câu đối, biển bài: hoành biển hoặc hoành phi. Cả câu ý nói: Câu đối liễn thì buông dọc, bức hoành biển thì treo ngang để trang hoàng chỗ tuyển phu.
9. *Tuyển phu*: kén chồng.

Nhân dân nghe thấu sự cơ,
Sắm sanh ăn mặc đủ đồ ra đi
Bảo nhau khắp chợ thì quê [1]
Đua nhau sắm sửa đi về díu dan
Thế tình chuộng lạ, tham sang,
Muốn làm rể chúa, con hoàng một phen
Cho nên chẳng quản dặm nghìn
Băng chừng lối cũ đường quen đi về
Sơn lâm, cùng cốc, giang khê
Nghe tin hớn hở đều về đế kinh
Người giàu má đỏ mày xanh,
Quần là áo lượt đua tranh lên đường.
Người nào gia sản thường thường,
Cũng lo quần áo phải đường ra đi.
Người nào nghèo chẳng có chi,
Bạc tiền vay mượn mang về sắm sanh.
May quần, may áo cho xinh,
Giời cho ta có phúc lành thì nên
Rủ nhau kéo đến Tràng Yên [2]
Ngựa xe võng giá như nêm đầy đường
Viện vương ra ngự tuyển tràng [3]
Dạy đòi công chúa xe loan theo hầu.
Nàng bèn vâng lệnh ra chầu
Xa trông liếc mắt âu sầu ủ ê,
Chúa rằng: "Thiên hạ dân quê,
Hết lòng cũng muốn tựa kề chí tôn". [4]
Tuyển tràng dóng dả vuông tròn,
Gió đưa mùi xạ, hương tuôn khói trần
Lên xe, tựa án nương cầm,
Khắp trong thiên hạ càng nhầm càng nhơ
Ngự tiền chỉ phán bấy giờ:
"Sĩ dân ngần ấy, con vừa lòng ai?"

Chú thích:

1. *Khắp chợ thì quê*: từ thị thành đến thôn quê.
2. *Tràng Yên*: hoặc Trường An, tức Kinh đô.
3. *Tuyển tràng*: chỗ quảng trường có dựng lầu kén chồng.
4. *Chí tôn*: bậc được tôn kính trên hết, chỉ nhà vua.

Chúa rằng: "Tủi phận trang đài [1]
Bấy nhiêu người ấy chẳng ai Châu Trần. [2]"
Vua nghe tỏ hết sự nhân,
Truyền thôi cuộc tuyển, xã dân đều về.
Lên xe phụ tử đề huề,
Tiền hô, hậu ủng [3] thiên uy lạ dường.
Quân dân ra khỏi tuyển trường,
Nhìn nhau buồn bã hổ han mọi bề.
Người giàu phí tổn chẳng chi,
Cũng như xem hội trở về khi nay.
Thương cho kẻ phải đi vay,
Người đòi, kẻ thúc thẹn thay tấm lòng!
Trở về, bán ruộng giả xong,
Một thân cay đắng cực lòng mỉa mai.
Viện vương dạ cũng bi ai,
Tấm lòng chua xót, bực hai ba phần:
Nỗi nàng công chúa hồng quần [4]
Lòng thương cha mẹ muôn phần kém tươi.
Hiên tây cửa khép, then cài,
Lược gương biếng chải, hán hài biếng trau
Giọt sương gieo nặng cành đào
Càng lo bể ải, càng dào mạch tương [5]
Than rằng: "Tệ mấy Đằng vương [6]
Nỡ ngăn tấm gió chẳng thương chút tình,

Chú thích:

1. *Trang đài*: đài gương, chỗ để phụ nữ tô điểm trang sức. Nghĩa bóng: chỉ bản thân người phụ nữ.

2. *Châu Trần*: thôn Châu Trần ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, chỉ có hai họ là Châu và Trần, đời đời làm thông gia với nhau, nên người ta hay dùng tiếng "Châu Trần" để chỉ việc kết hôn, việc vợ chồng xứng đôi.

3. *Tiền hô, hậu ủng*: nghi thức đi đường của vua quan thời xưa, đằng trước có người gọi loa dẹp đường, đằng sau có người theo đi hộ vệ.

4. *Hồng quần*: quần đỏ, tượng trưng cho phụ nữ quí tộc xưa.

5. *Mạch tương*: tục truyền ngày xưa Nga Hoàng và Nữ Anh là hai vợ vua Thuấn, ngồi bên sông Tương khóc chồng, vẩy nước mắt vào cây trúc thành những vết lốm đốm, do đấy người ta dùng từ "mạch tương" để chỉ nước mắt.

6. *Đằng vương*: gọi tắt thành ngữ "thời lai phong tống, Đằng vương các" (Gặp vận may gió đưa tới gác Đằng vương) để chỉ vận may. Đây ý nói không gặp vận may.

Ngày nào đông đúc yến anh [1]
Kẻo còn như cuốc cầm canh mùa hè;
Ngày nào lan huệ sánh kề
Kẻo còn như rế rì rì kêu sương!
Đêm xuân khuya khoắt canh trường
Ngày xuân lắm mối tơ vương bận lòng!
Vui xem tô lục chuốt hồng,
Buồn trông thấy nỗi tình chung mà sầu!
Thôi ra các, lại vào lầu,
Lược ngà biếng chải, gương Tàu biếng soi!
Thôi bút vẽ, lại đề bài
Thơ hòa mấy vận, châu rơi mấy hàng!
Canh chày mơ giấc hoàng lương [2]
Tỉnh ra lại thấy muôn dường như không
Một hôm, dạo mát vườn hồng,
Nhởn nhơ thị nữ não nùng theo sau
Đại bàng bay ở trên cao,
Vội vàng xuống cắp má đào liền bay.
Thị tì quáng mắt chẳng hay,
Mê hồn ngã xuống gốc cây tức thì
Trong ngoài chẳng biết nỗi chi,
Đại bàng cắp chúa bay thì đã xa.
Thạch Sanh đương lúc thẩn thơ,
Thấy chim quắp một người mà đương bay.
Giương cung chàng mới bắn ngay
Trúng bên cánh tả, chim rày liền rơi
Rút tên lại cắp lấy người,
Phép yêu lại biến một thôi đến nhà
Sanh bèn theo dấu nẻo xa,
Trông chừng bèn thấy máu hòa cùng tên

Chú thích:

1. *Yến anh*: chim én, chim oanh. Ý nói bao giờ cho tình duyên tấp nập như Yến với Oanh.

2. *Hoàng lương*: nghĩa là kê vàng. Theo truyện xưa: Lư Sinh đời Đường, nằm ngủ, mơ thấy mình lấy vợ đẹp, có nhiều con cháu, rồi chàng đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Tiết độ sứ, rồi đi đánh giặc, làm đến Tể tướng... Kịp khi tỉnh dậy thì nồi kê vẫn còn chưa chín. Do đấy người ta mới gọi là "hoàng lương mộng" (giấc mộng kê vàng) để chỉ sự vinh hoa phú quí ở đời như một giấc mộng.

Lấy tên, chàng mới băng miền,
Đến nơi sơn động tuyệt hơi khôn tầm;
Hóa ra trăm tướng hãm cầm
Trở về, cũng chẳng rì rầm với ai.
Thị tì chợt tỉnh hồn mai,
Vào chầu thưa hết mọi nhời quì tâu:
"Chúng tôi buổi sớm đi hầu
"Theo công nương dạo vườn sau chơi bời;
Chẳng hay yêu quái đến nơi,
Nó liền đã bắt lấy người đem đi
Chúng tôi hoảng hốt biết gì,
Tỉnh ra nên phải về quì tâu vua".
Viện vương nghe hết căn do,
Vội vàng mặc áo liền ra điện tiền,
Lệnh truyền nổi trống mau lên,
Bá quan nghe trống, bốn bên kéo vào
Ngự tiền chỉ phán tiêu hao [1]
Mất nàng công chúa ai nào biết hay!
Các quan nghe nói hãi thay
Chia làm ba đội quân nay đi tìm.
Gươm, đao, khí giới, quân quyền,
Tìm tòi chẳng thấy hóa nên buồn sầu,
Triều đình kéo đến quì tâu:
"Chúng tôi tìm khắp chẳng hầu thấy chi!"
Vua nghe nhời nói vân vi,
Việc này tra hỏi biết thì cậy ai!
Thương con luống những thở dài,
Giọt sương sa nặng, khóc ngoài bệ đan [2]
Phán rằng: "Văn vũ bá quan,
Đi mà tìm thấy được nàng chúa tiên,
Ta cho phối ngẫu lương duyên
Nhường ngôi Thiên tử, cầm quyền Quốc bang".
Quần thần nghe lệnh nhà vàng [3]
Quì tâu kể hết mọi đàng khúc nhôi

Chú thích:

1. *Tiêu hao*: tin tức.
2. *Bệ đan*: như đan trì, tức thềm sơn đỏ chỗ cung điện nhà vua.
3. *Nhà vàng*: chỉ vua.

"Chúng tôi hết sức tìm tòi
Lỗi này, cả thảy chịu nơi đền rồng.
Muôn tâu giãi hết tấm lòng,
Xin sai họ Lý quận công việc này
Vả chàng trí lược gồm thay,
Chém yêu tinh trước, ai rày chẳng kinh?"
Vua nghe ngẫm nghĩ tâm tình,
Chiếu đòi họ Lý vào thành một khi.
Lý Thông vào đến đan trì,
Tung hô vạn tuế vậy thì chầu vua.
Ngự tiền phán bảo căn do
"Việc này quan trọng phải cho tinh tường
Bởi vì công chúa tòa chương [1]
Bị loài yêu quái phi thường bắt đi
Trạng mà tìm thấy một khi,
Thì ta hậu thưởng nhường vì chẳng quên [2]
Gả nàng công chúa hợp duyên,
Để cho sửa trị cầm quyền giáo dân". [3]
Vâng lời bái tạ thánh quân,
Ra ngoài buồn bã thở than mọi điều...
Biết đâu là quỉ, là yêu,
Lệnh trên ban hỏi những điều hiểm sâu!
Biết rằng công chúa ở đâu,
Mà đi tìm trước, kiếm sau bây giờ?
Một mình nghĩ ngợi bơ vơ,
Lập mưu mở rạp hát đua mười ngày
Thần dân nô nức đến ngay,
Chắc là xem hội truyền rày cùng nhau
Thừa cơ nghe ngóng trước sau,
Ắt là bắt được, sự âu lo gì
Nhân dân ai cũng đều đi,
Tiếng đồn quan quận người thì cho chơi.
Hát đà tám, chín ngày giời,
Chẳng ai có nói một nhời chi đâu.

Chú thích:

1. *Toà chương*: Chỉ chung nơi cung thất. Cả câu ý nói: Công chúa ở nơi cung cấm.
2. *Nhường vì*: nhường ngôi vị, nhường ngôi vua.
3. *Giáo dân*: dạy dân.

Lý Thông chi xiết nỗi sầu,
Cố lòng chờ đợi về sau liệu bài
Hát đà đến tối thứ mười,
Thạch Sanh kiếm củi về thời bữa trưa.
Mấy người đi chợ Kinh đô,
Đồn chàng họ Lý bây giờ hiển vinh
Thạch Sanh nghe rõ sự tình
Đến nơi thấy hát rành rành vui thay
Bước vào nhà hát xem ngay,
Quân canh chúng hỏi rằng: "Mày đi đâu?"
"Nghe đây trống hát thì vào,
Đến xem cho biết thấp cao vân mòng". [1]
Nhìn lâu rõ mặt Lý Thông,
Chào anh mới hỏi rằng công việc gì?
Thông xem rõ mặt một khi,
Mời Sanh vội vã ngồi thì ở trên
Các quan hầu hạ hai bên
Đứng thưa mới hỏi rằng viên nào rày?
Thông rằng: "Cựu khế tôi đây, [2]
Cùng nhau kết bạn những ngày còn thơ
Hội riêng may lại tình cờ,
Nghĩ rằng ai đó mà ngờ gặp đây".
Truyền đem quần áo đổi thay,
Lụa là gấm vóc thực nay lạ lùng.
Sanh rằng: "Ơn đội tấm lòng,
Phận hèn đâu dám phô sòng [3] khoe khoang
Thấy nhau mà lại bẽ bàng,
Hổ nhời hải thệ, thẹn đường sơn minh" [4]
Thông rằng: "Em giận trách anh,
Nào anh có dám quên tình em đâu
Từ ngày xa cách mặt nhau,
Nhớ em, buồn bã, khó hầu thăm lênh

Chú thích:

1. *Vân mòng*: tăm hơi, sự tình...
2. *Cựu khế*: bạn cũ, anh em kết nghĩa từ ngày trước.
3. *Phô sòng*: phô trương, khoe khoang.
4. *Hải thệ, sơn minh*: hẹn non thề biển. Cả câu ý nói: Hổ thẹn với những lời hẹn non thề biển trước đấy.

Vả, nay có lệnh triều đình,
Gượng làm vui vậy việc mình mới xong".
Sanh rằng: "Vinh hiển Quận công,
Còn chi trở ngại mà lòng phải lo?"
Thông rằng: "Có một việc to,
Dẫu tài hiền thánh khó lo vẹn toàn!"
Sanh rằng: "Nếu việc cơ quan [1]
Thì anh khá rõ sự đoan em tường".
Thông rằng: "Công chúa tòa chương,
Bị loài yêu quái đón đường bắt đi.
Không hay lành dữ, thị phi
Người thì chẳng biết, ma thì cũng không
Quả nhiên thực giống lạ lùng,
Bây giờ có chiếu cứu trùng sai anh
May mà ta lại gặp mình,
Phiền lòng gắng sức để danh muôn đời;
Có hay yêu quái mọi loài,
Thì đi cứu lấy nạn người tiên cung".
Sanh nghe nói lại cùng Thông:
"Làm chi việc ấy mà hòng không ra!
Chính danh tên nó Mãng xà
Động sơn [2] chốn ấy vốn là yêu tinh".
Thông liền nói lại cùng Sanh
Rằng: "Vua hạ chiếu [3] cho anh tìm về;
Nhường ngôi Thiên tử trị vì,
Gả nàng công chúa kết nghì hợp duyên
Em đà biết rõ căn nguyên,
Để anh thu xếp cho tuyền việc công
Về sau tước lộc hưởng chung
Đệ huynh vinh hiển yên lòng mẹ cha".
Thạch Sanh vốn dạ thực thà
Thấy nhời Thông nói mặn mà dễ nghe,
Cho nên đáp lại một khi:
"Kiếm dây cho lính tức thì theo tôi".

Chú thích:

1. *Việc cơ quan*: chỉ sự việc then chốt, quan trọng.
2. *Động sơn*: như sơn động, tức nơi hang núi.
3. *Hạ chiếu*: ban tờ chiếu chỉ xuống

Nghe nhời Sanh nói, mừng vui
Dạy làm yến đãi [1] khuyên mời Thạch Sanh
Sáng mai truyền bảo quân binh,
Chỉnh tề khí giới theo mình ra đi.
Thông thì ngựa cưỡi, tàn che,
Tiền hô hậu hét bốn bề vang rên
Sanh thì chẳng ngựa, chẳng yên,
Mình trần trùng trục đi lên dẫn đường
Động sơn phút đã gần hang,
Sanh, Thông bèn mới tỏ tường bảo nhau
Rằng: hang nó hãy còn sâu,
Việc làm cẩn mật dễ hầu lo toan
Lấy dây chàng mới làm thang,
Dặn xong, Sanh mới xuống hang phen này,
Bảo rằng: "Thấy động đậy dây,
Thì anh rút thẳng đưa rày nàng lên.
Dây kia lại bỏ xuống liền,
Để tôi lại buộc tôi lên chớ chầy".
Thông nghe mới bảo dòng dây,
Sanh vừa xuống đến, nàng rày vừa ra.
Hỏi rằng: "Chàng ở đâu ta,
Nhân sao mà xuống đây hòa việc chi?"
Sanh rằng: "Vâng lệnh triều nghi
Xuống đưa công chúa nay thì hồi dương".
Công chúa nghe nói tỏ tường,
Đáp rằng: "Cảm nghĩa ơn chàng cứu em
Thiếp xin kết nghĩa lương duyên,
Phượng loan chung gối, phỉ nguyền keo sơn".
Sanh rằng: "Việc ở triều gian,
Lý Thông vâng lệnh thiên nhan [2] đưa về,
Vả tôi là nghĩa bạn bè,
Nếu ăn ở thế, lỗi nghì đệ huynh".
Nàng rằng: "Dẫu việc triều đình,
Thì tôi cũng kết duyên lành từ đây".

Chú thích:

1. *Yến đãi*: yến tiệc thết đãi.
2. *Thiên nhan*: mặt ông trời, chỉ vua.

Sanh liền hỏi: "Nó đâu đây?"
Thì nàng sẽ nói tôi nay được tường".
Nàng rằng: "Nó ở trong giường,
Phải tên ai bắn, nó đang đau rày".
Sanh bèn đưa thuốc khi nay,
Bảo rằng: "Cho uống nó rày luôn đi.
Uống vào nó sẽ phát mê,
Bấy giờ nàng sẽ trở về cùng tôi".
Nàng bèn vâng cứ như lời,
Bưng vào nàng mới khuyên mời một phen.
"Thiếp nay có chén thuốc tiên
Khuyên chàng uống lấy, kết nguyền thất gia.
Rồi ra ta sẽ giao hòa
Kẻo đau thế vậy, xót xa trong lòng".
Xà tinh là giống ác hung,
Thấy nhời thục nữ trong lòng liền mê.
Thuốc vừa uống khỏi một khi,
Ruột gan bải hoải, tứ chi bàng hoàng.
Nàng ra mới nói cùng chàng,
Sanh bèn mới buộc để nàng lên ngay.
Lý Thông thấy động đầu dây,
Sai quân rút thẳng, đưa rày nàng lên.
Đưa nàng võng giá về đền, [1]
Bảo cùng chư tướng cũng liền về ngay:
"Ta còn chực đánh nó đây,
Các ngươi ở lại khốn thay trăm đường".
Chư quân nghe nói kinh hoàng,
Võng ngay công chúa dặm trường xa bay.
Nỗi nàng công chúa thương thay
Trông sau vắng bạn ngày rày hóa câm!
Lý Thông lăn đá ầm ầm,
Cửa hang phút lấp tuyệt tăm tích người
Thạch Sanh bị hãm, thương ôi!
Giương cung bèn phá lâu đài xà vương,
Bao nhiêu điện các, cung chương

Chú thích:

1. *Về đền*: về cung điện nhà vua.

Chàng thì phá hết chẳng nhường vật chi.
Mãng xà chợt tỉnh cơn mê
Thét lên một tiếng thực thì ghê thay:
"Thằng nào lạ mặt xuống đây,
Cả gan phá tán trốn này của tao?
Phá nhà, cướp vợ lung lao
Hung hăng mặt dữ, ta nào có thua?"
Sanh rằng: "Tao, tướng dương tòa [1]
Phụng ban quyền sắc, vậy hòa xuống đây.
Giết loài yêu quái chúng bay,
Bắt người giam hãm, tớ thày khôn dung".
Xà vương nghe nói nổi hung,
Mắng rằng: "Mày bé, thị hùng được sao?"
Xà vương biến tướng hùng hào,
Tam đầu cửu vĩ [2] ai nào chẳng ghê!
Thạch Sanh trông thấy cười xuề
Dơ dao áp lại bốn bề giao công,
Ngoài dư trăm trận đột xung
Xà tinh đã khiếp Thạch ông, tướng giời.
Nó liền hóa phép trận bài,
Hỏa hào [3] đốt nấu trong người như nung.
Sanh bèn niệm chú hư không,
Hóa mưa tưới tắt lửa hồng một khi.
Song long [4] nó hóa tức thì,
Hai bên tướng quỉ, bốn bề quân ma.
Ầm ầm sét đánh xông pha,
Sự cơ thắng bại thực là chưa phân
Thạch Sanh trông thấy tần ngần,
Tức thì niệm chú Đồng Tân [5] bấy giờ
Búa đồng chàng mới giăng ra,
Bao nhiêu ác quỉ bấy giờ tiêu tan.

Chú thích:

1. *Dương tòa*: cung điện ở dương gian. Đây chỉ triều đình nhà vua ở dương thế.
2. *Tam đầu cửu vĩ*: ba đầu chín đuôi.
3. *Hỏa hào*: cái hào sâu đầy lửa.
4. *Song long*: hai con rồng.
5. *Đồng Tân*: tức là Lã Đồng Tân, tục truyền là một trong bát tiên của Trung Quốc.

Xà tinh lắm phép nhiệm tàng
Trận bày song kiếm, chim bàng dư trăm
Đều phun lửa cháy ầm ầm
Hơn trăm câu móc vây tầm ở trên.
Dưới thì giăng lưới giữ gìn,
Lại vào trong chốn trận tiền giao công.
Thạch Sanh đứng vững như đồng,
Khẩn cầu các vị tiên ông phù trì,
Cầm dao chàng mới ra uy,
Bao nhiêu lưới sắt tức thì phá tan
Cung vàng bắn với tên vàng,
Bao nhiêu lưới sắt, chim bằng tan không
Xà tinh hết phép, thế cùng,
Biến làm bằng , thước [1] toan hòng trốn đi
Thạch Sanh hóa phép tức thì
Phủ vây lưới sắt khó bề trốn thay
Giương cung tên bắn chết ngay,
Đại bàng rơi xuống thác ngay dưới đàng.
Thần đao chàng chém tan hoang,
Trông lên đã thấy lấp hang bao giờ.
Chàng bèn đứng lại ngẩn ngơ,
Thế cùng, khôn rõ lối bò đường lên.
Trở vào trông khắp bốn bên,
Thấy xà tinh ở quả nhiên rộng dài.
Kia trướng phủ, nọ man vây.
Sập ken vân mẫu, gác rày pha lê
Trập trùng núi giả, tường huê
Chốn cao nơi thấp khác gì động tiên
Thạch Sanh bèn phá hủy liền
Trở ra dạo khắp bốn bên thành vàng
Thẩn thơ tìm khắp dưới hang,
Nhác trông thấy có một chàng, lạ thay,
Ngồi trong cũi sắt bằng nay,
Trông chừng diện mạo cũng tay phi thường
Căn do mới hỏi tỏ tường:

Chú thích:

1. *Bằng, thước*: bằng là tên một loại chim to, thước là chim khách.

"Cớ sao phải chịu vấn vương chốn này?"
Hoàng nghe thôi mới giải bày:
"Tôi là Thái tử, con nay Thủy tề,
Vì chưng du ngoạn giang khi
Gặp chim yêu quái bắt về hãm đây
Ơn nhờ tráng sĩ ra tay,
Cứu cho thoát khỏi nạn này muôn trông."
Nghe nhời, Sanh mới giương cung,
Tên vàng bắn phá, cũi đồng liền tan.
Bấy giờ thái tử bình an,
Bước ra bái tạ tỏ tường một khi:
"Chẳng hay quê quán nơi chi?
Đầu đuôi căn cước [1] khá thì cho hay.
Cớ sao mà lại xuống đây,
Xin anh giãi hết niềm tây cho toàn".
Sanh rằng: "Ta ở dương gian,
Vì tình nên phải cứu nàng chúa tiên
Cứu nàng ta đã đưa lên,
Xà tinh nó mới đấu quyền cùng ta.
Tiễu trừ phân bổ làm ba
Trông lên đá đã lấp hòa cửa hang.
Ta bèn tức ruột căm gan
Phá thôi lại đến cứu chàng, cho nên..."
Hoàng nghe Sanh tỏ sự duyên,
Khen rằng: "Anh có phép tiên đại tài,
Vào chầu vương phụ kim giai [2]
Để người biết mặt, biết tài kinh doanh.
Trước xin trả nghĩa cùng anh
Sau là phụ tử thỏa tình nhớ nhung".
Nghe lời, Sanh đáp lại cùng:
"Làm ơn ai có dễ hòng đền ơn.
Anh xin hỏi thật nguồn cơn:
Xà tinh nó bắt hãm cầm từ bao?"
Hoàng rằng: "Nó bắt đã lâu,

Chú thích:

1. *Căn cước*: gốc tích, gốc gác.
2. *Kim giai*: thềm vàng, chỉ nơi vua ở.

Ở trong cũi sắt vừa hầu một năm".
Sanh rằng: "Nó bắt hãm cầm,
Tháng ngày nó có cho ăn vật gì?"
Hoàng nghe xiết nỗi sầu bi:
"Ăn toàn rêu đá qua thì hôm mai"
Thạch Sanh nghe nói thở dài
Trách yêu tinh ở cùng người khắt khe
"Thôi em sắm sửa ra về.
Kẻo vương phụ nhớ, cùng thì trông mong.
Còn anh sẽ liệu chước dùng [1]
Tìm đường, kiếm lối, giương cung ra về."
Hoàng rằng: "Em chẳng có nghe,
Có anh theo dõi, đi về mới xong.
Ở đây hang đá trập trùng,
Biết đâu lối suốt, nẻo thông mà về
Chẳng bằng trở lại Thủy Tề,
Bẩm tâu vương phụ mọi bề sự yên,
Rút đường, rẽ nước đưa lên,
Chấp kinh anh phải tòng quyền mới xong [2]".
Sanh nghe Hoàng nói gạn gùng,
Chịu nơi khi ấy đành lòng đi theo.
Hoàng bèn căn dặn hết điều:
"Khi anh xuống đến cung tiêu Thủy Tề,
Vua cha đáp nghĩa vật chi,
Nếu cho vàng bạc, anh thì chớ tham.
Quí nay có một cây đàn,
Của vua Thượng đế Ngọc hoàng ban cho,
Em tâu vương phụ người cho,
Trong đàn có đủ trận đồ thủy cương
Thông thay các phép lạ dường,
Hoạn nàn lánh khỏi, giặc loàn cũng yên,
Thì anh lĩnh lấy về liền,
Ắt sau dương thế có phen cần dùng".

Chú thích:

1. *Chước dùng*: chước là mưu chước, mưu kế; Chước dùng, có nghĩa là dùng mưu tính kế.

2. *Chấp kinh, tòng quyền*: cả câu này ý nói: tuy giữ lề lối thường, nhưng lắm khi cũng phải quyền biến linh động cho được việc.

Căn do sau trước vừa xong,
Hay đâu đã tới mé sông giang hà.
Giang thần nghe nói gần xa,
Kíp truyền sĩ tốt đều ra đón về
Trên sông sóng vỗ bốn bề,
Dưới sông cá lội chỉnh tề đón đưa
Giang thần đứng lại, quỳ thưa:
"Lạy mời điện hạ [1] vào tòa khi nay".
Vội vàng mở tiệc yến diên [2]
Tiêu thiều nhã nhạc vang rền vui thay.
Còn đương yến ẩm xum vầy,
Bấy giờ Thái tử tỏ bày cùng Sanh:
"Anh em ta lại thủy đình
Để cho vương phụ tỏ tình một khi".
Hai người từ tạ ra đi,
Giang thần tiễn biệt đưa về đỗi xa
Lại truyền khắp hết giang hà
Muôn loài thủy tộc phải ra lạy người.
Truyền ra chưa kịp hết lời
Côn thời đến trước, kình [3] thời theo sau.
Cá lăng, cá vược theo hầu,
Nhởn nhơ là lượt mọi màu khoe tươi.
Cá chày, cá chép đua chơi,
Cá nghê cúi mặt, cá voi nghiêng mình
Cá vàng, cá bạc tốt lành
Tôm he, cá mực tranh giành ngược xuôi
Mảng xem cá nước vầy vui,
Thoắt đà trông thấy đền đài tòa chương
Truyền cho cá lại hà giang,
Anh em bước xuống thủy vương điện tiền
Nhủ Sanh: "Tạm đứng cung bên,
Để tôi vào tấu, sẽ liền tiếp nghinh".
Nhủ thôi bước xuống đan đình [4]

Chú thích:

1. *Điện hạ*: tiếng tôn xưng để gọi các vương hầu, thái tử, hoàng tử.
2. *Yến diên*: yến tiệc, tiệc rượu.
3. *Côn, kình*: tên hai loài cá lớn ở biển.
4. *Đan đình*: sân rồng, có thềm sơn màu đỏ, chỉ nơi vua ở.

Quan quân trông thấy sự tình lạ thay!
Giở vào tâu dộng [1] vua hay,
Thủy vương nghe biết ngày rày vui sao!
Vội vàng bước xuống long lâu [2]
Ôm con, mừng tủi trước sau than rằng:
"Từ ngày con tếch dặm băng,
Bị yêu cầm hãm, cha hằng cử binh
Nhiều phen hóa trận lôi đình [3]
Ai ngờ phép tắc yêu tinh cũng tài,
Năm ngày ai chẳng hơn ai,
Sa cơ nên phải thu lai hồi thành
Thương con, chua xót sự tình,
Biết rằng sinh tử, tử sinh dường nào.
Nay về cơn cớ bởi sao?
Thì con kể hết tiêu hao cha tường".
Hoàng bèn tâu hết dọc ngang:
"Có người trung giới [4] tên chàng Thạch Sanh
Đã nên phép đắc oai linh,
Khâm sai xuống chém yêu tinh cứu người
Cứu xong công chúa lên rồi
Xà tinh chàng lại một hồi phanh thây
Phá tan động phủ khi nay,
Dạo tìm khắp cả đông tây một vùng,
Giương cung bắn phá cũi đồng
Vậy nên con mới thoát vòng gian nan.
Chàng đòi trở lại dương gian,
Nhưng con lại cứ dắt chàng về đây.
Hãy còn đứng đợi hiên tây,
Dám xin vương phụ truyền nay cho vào".
Nghe lời con nói tiêu hao,

Chú thích:

1. *Dộng hoặc dậng, dảng*: tiếng cổ, nghĩa là tâu trình, tâu bày.
2. *Long lâu*: lầu chạm rồng hoặc đắp vẽ rồng. Chỗ ở của vua chúa.
3. *Lôi đình*: sấm sét. Nghĩa bóng là dữ dội, ghê gớm.
4. *Trung giới*: Người xưa chia vũ trụ làm ba tầng. Tầng trên gọi là thượng giới, tức là chỗ ở của Ngọc Hoàng Thượng đế; tầng giữa gọi là trung giới, tức là thế giới của loài người; tầng dưới gọi là hạ giới, gồm cả thủy phủ, nơi vua Thủy ở và địa phủ, nơi Diêm Vương ngự trị.

Triều thiên mũ đội, cẩm bào mặc ra
Tiếp nghênh họ Thạch vào tòa,
Lệnh truyền yến ẩm xướng ca tức thì.
Phán rằng: "Chàng thực uy nghi,
Đáng tài trị quốc, đáng vì minh quân
Trẫm ban trăm lạng kim ngân,
Gọi là lễ mọn đền ân tấm lòng"
Sanh rằng: "Cảm tạ cửu trùng,
Dù rằng ban thưởng tôi không dám rày.
Vả tôi chút phận thơ ngây,
Vì vua nên phải trừ rày yêu tinh
Tôi cùng Hoàng tử giao trình
Giúp nhau một chút công trình là bao.
Dù người thương kẻ công lao,
Xin cho một phép hồi trào dương gian".
Vua nghe lời nói có đoan
Hỏi rằng cha mẹ quê nhang [1] là gì?
Ở trên dương thế làm chi?
Thụ hà tước lộc chức gì cư quan? [2]
Nghe thôi quì trước bệ đan [3]
Tâu vua kể hết đoạn tràng khúc nhôi
"Cội đa chốn ấy quê tôi,
Mẹ cha sớm đã chầu trời một khi.
Rừng mai sớm lại tối đi
Bóng đa nghỉ mát vậy thì hôm mai".
Ngự tiền nghe rõ đầu đuôi,
"Thế thì chàng ở thủy đài cùng ta".
Nghe nhời, chàng mới tâu qua:
"Mẹ cha tôi đã sớm qua mất rồi,
Anh em chẳng có một ai,
Họ hàng thân thích trong ngoài cũng không.
Nếu tôi vẹn thửa chữ trung,
Ắt bên chữ hiếu bỏ không sao đành.
Bây giờ tiếc lộc tham danh,

Chú thích:

1. *Quê nhang*: cũng như quê hương.
2. Cả câu ý nói: đã được phong tước lộc gì, làm chức quan gì?
3. *Bệ đan:* thềm sơn đỏ chỉ nơi cung vua.

Chữ tu thân ấy đã đành đơn sai!"
Vua nghe trạng nói hết nhời
"Thế thì trạng hãy ở chơi vài ngày
Cùng con trẫm được vui vầy,
Nếu không lòng trẫm nhớ thay muôn phần".
Hoàng nghe cha phán chữ nhân
Bảo Sanh hãy ở vài tuần khi nay,
Thỏa thuê rồi sẽ phân tay,
Nếu không vương phụ người nay buồn rầu
Thạch Sanh nghe nói gót đầu,
Vậy cho tôi tạm ra sau chơi bời
Hoàng nghe thực ý vâng lời,
Dám xin dạo hết trong ngoài năm cung
Thủy Tề nghe nói mừng lòng,
Tức thì hạ bút chiếu rồng cho đi.
Lại truyền nội thị một khi,
Đào tiên một quả cho đi ăn đường
Nhủ rằng: "Đi phải vội vàng,
Rồi về kẻo lại mắc nàn như xưa".
Vâng lời dạy bảo bấy giờ
Anh em từ giã bước ra đi liền
Xe loan dong ruổi đường liền
Quan quân tiếp đón hai bên hầu kề.
Mảng xem lối nọ đường kia,
Ai ngờ lạc đến thành trì yêu tinh.
Hồ tinh giống nó uy linh,
Vốn là chín mắt, lập đình ở đây.
Thấy hai người nó vui thay,
Hóa làm mỹ nữ ngày rày đứng trông
Mày ngài, mắt phượng, lưng ong
Chào hai quân tử thong dong chơi bời:
"Thiếp nay là phận nữ hài [1]
Mẹ cha bức bách ép nài nhân duyên,
Cho nên thiếp phải băng miền
Hay đâu giời định lương duyên vậy thì."

Chú thích:

1. *Nữ hài*: nữ nhi, tức con gái thơ ngây.

Hoàng rằng: "Quê quán tên chi?
Chẳng hay tên họ là gì cho hay?"
Sanh rằng: "Chẳng phải người ngay,
Nó, loài yêu quái, hiện rày trêu em!"
Yêu tinh biết ý khôn kiên [1]
Hóa ra chín mắt đứng nhìn trơ trơ
Hoàng bèn trông rõ bấy giờ.
Tứ chi ngũ tạng đều là sởn ghê.
Hồ tinh xông đột tứ bề,
Bước lên toan bắt vậy thì cả hai
Sanh bèn bước xuống ra oai,
Đao thần chuyển lực ra tài một khi.
Ào ào xông đột tứ vi,
Giương cung bắn nó, nó thì thu tên
Sanh xem thấy sự kỳ nhiên,
Búa đồng kíp bổ, đấu quyền ra tay.
Hồ tinh nó chẳng sợ rày
Cùng chàng giao chiến cả ngày khôn nao.
Sanh càng ra sức anh hào,
Hồ tinh lướt thẳng xông vào mới ghê.
Sanh bèn niệm chú tức thì,
Cung vàng tên lấp tức thì ra tay
Hồ tinh bước sấn đến ngay,
Tràn sang bên, ẩm ngay rày Thạch Sanh
Vội vàng hóa phép hiển linh,
Hỏa hào đốt cháy yêu tinh bấy giờ.
Hồ tinh biết trước liền che.
Dập ngay lửa tắt bấy giờ mới xong.
Sanh bèn niệm chú: thinh không [2]
Hóa ra đỉnh núi bao vàng xung quanh.
Làm cho khủng khiếp yêu tinh,
Sa cơ phải hiện nguyên hình hồ ly
Thạch Sanh rộng xá một khi
Bảo cho nó phải yên bề tu thân

Chú thích:

1. *Khôn kiên*: khó kiên trì, kiên nhẫn được.
2. *Thinh không*: chỉ khoảng không trống rỗng.

Lên xe, kể hết sự nhân.
Rằng: "Hồ tinh thực phép thần dọc ngang
Đấu cùng với nó tài thường,
Tưởng rằng không phép chống đương được nào!"
Hoàng rằng: "Vốn nó lung lao
Ở đây Ngũ vị [1] ai nào dám qua
Lập riêng cho nó một tòa,
Chẳng ai dám đến gần mà trêu ngươi.
Bây giờ bắt được nó rồi,
Thực là ơn ấy muôn đời ở anh".
Xe loan thoắt lại đăng trình [2]
Phút đâu xe đã về thành thủy vương
Ngự tiền phán hỏi tỏ tường
Rằng: "Con đi dạo ở phương nào rày?"
Hoàng nghe đặt gối tâu bày:
"Chúng tôi đi dạo thuở rày ngũ cung,
Thạch Sanh thực đấng anh hùng,
Tù oan thì giải, tù công thì hành
Khi về gặp lại hồ tinh,
Từ xưa Ngũ vị đã kinh đến rày
Chàng bèn hóa phép ra tay,
Bây giờ mới ruổi xe mây về chầu".
Thủy vương nghe rõ trước sau,
Sắc phong Quốc trạng, chức đầu Quận công
Chàng bèn lĩnh lấy chiếu rồng,
Quì tâu kể hết sự lòng vân vi:
"Vả tôi kỵ nhật [3] đến kỳ,
Tôi xin trở lại nay thì dương gian".
Nghe nhời chàng tỏ nguồn cơn,
Lấy chi báo đáp đền ơn bây giờ?
Hoàng rằng: "Muôn đội ơn xưa,
Cứu tôi thoát khỏi sự cơ vận nàn
Muốn lưu tình nghĩa trả ân,
Xin cha cho một cái đàn là xong."

Chú thích:

1. *Ngũ vị*: năm vị tiên thánh trong điện thờ chư vị.
2. *Đăng trình*: lên đường.
3. *Kỵ nhật*: ngày giỗ.

Vua rằng: "Việc ấy tùy lòng,
Con nên theo tiễn Quận công lên đường".
Lấy đàn đưa trang hồi hương,
Châu phê [1] tức khắc dẫn đường Trạng lên
Thạch Sanh bái tạ điện tiền
Lĩnh đàn theo nước thẳng miền dương gian
Tới nơi công việc vừa an,
Hoàng từ Trạng mới đôi đường biệt ly:
"Ngày nay anh ở, em về,
Tấm lòng ân ái mọi bề nhớ thương".
Sanh rằng: "Xin chớ ngại ngùng,
Mặt tuy xa cách, nhưng lòng không xa.
Anh em tình nghĩa mặn mà
Non sông dời đổi dám mà vội quên
Thôi em hãy trở lại đền,
Xin đừng thương nhớ kém yên mình vàng".
Hoàng nghe vâng lĩnh ý chàng,
Kíp truyền hà bá đưa đường Trạng lên.
Chia tay nam bắc băng miền
Tạm cho hà bá lĩnh quyền binh cơ,
Phép thần rẽ nước bấy giờ,
Thạch Sanh khi ấy lên bờ một khi,
Lại về chốn cũ như y,
Đêm ngày luyện tập tinh vi phép thần
Cội đa có nghĩa ân cần,
Từ ngày chàng vắng muôn phần ủ ê
Ngày nay lại thấy chàng về,
Lá xanh, hoa thắm đề huề lại tươi
Mới hay cảnh cũng tùy người,
Cỏ cây còn thế huống người tri năng [2]
Nỗi nàng công chúa bàng hoàng,
Sự mình chẳng có nói rằng cùng ai.
Vua cha thở vắn than dài,
Thương con, bỏ vắng đền đài chẳng ra

Chú thích:

1. *Châu phê*: chữ phê bằng sơn đỏ, tức lời phê của vua chúa.
2. *Tri năng*: đây dùng như nghĩa "Tri giác". Ý nói con người là loài có tri giác

Hai hàng lệ ngọc nhỏ sa,
Khôn phương phép nhiệm, khôn hòa bùa linh
Lý Thông quì tấu phân minh:
"Từ tôi phụng chiếu triều đình vua phê,
Tìm bà công chúa đem về,
Yêu tinh chém giết đã ghê kinh hoàng.
Tôi đã lấp mất cửa hang,
Vậy xin trở lại đền vàng tâu qua".
Nghe lời Thông nói căn do
Vua bèn phán bảo triều đô tức thì
Phong làm Quốc tế [1] triều nghi,
Gả nàng công chúa nhường vì Quốc gia,
Chờ nàng công chúa nói ra,
Bấy giờ thì sẽ giao hòa hợp duyên
Vâng nhời bái tạ điện tiền,
Về cung nàng mới khấn nguyền hôm mai
Lầm dầm lạy chín phương trời
Lạy mười phương Phật độ tôi an hòa
Cho nàng công chúa nói ra,
Thì tôi bái tạ ba tòa hoàng thiên
Trong thì vua Viện khấn nguyền
Tăng ni niệm Phật dưới đền đã vang.
Ngoài thì họ Lý lập đàn,
Đêm ngày khấn nguyện đèn nhang chẳng rời
Hành phù chư tướng bời bời
Pháp sư phù thủy đánh tươi ba đồng [2]
Truyền cho đủ một tháng ròng,
Đồng kia chẳng ngã trong lòng sợ thay
Cháy đồng [3] lại đê mê thày,
Gót chân chín rạn, bàn tay bời bời!
Hô binh, hô tướng hết hơi,
Trầu thời bỏ mốc, cau thời bỏ meo

Chú thích:

1. *Quốc tế*: con rể của nước, tức con rể vua.

2. Cả câu ý nói: pháp sư và phù thủy làm cho ba con đồng phải ngã xuống để chịu mệnh lệnh sai truyền của thầy.

3. *Cháy đồng*: chỉ hiện tượng người ngồi đồng bị chết ngất.

Chuối khô, oản rắn, chè thiu
Mõ rìu đã dập, cảnh tiu cũng rè
Đạo tràng mỏi mệt chán chê,
Thày cùng quan tướng ủ ê đoạn trường.
Bao nhiêu thần tướng mọi phương,
Cùng thời tức khắc mọi đường phá tan.
Lý Thông vào điện phàn nàn,
Quỳ quỳ bái bái vội vàng một khi
Thiết riêng lập lại một vì,
Khấn chư tổ khảo, cùng thì ông cha,
Trong ngoài tiên tổ những là,
Đất giời phù hộ nàng hòa nói ngay,
Thì tôi giả lễ bằng nay,
Lợn thì chín chục, trân rày sáu mươi.
Khôn thiêng khấn Phật vái trời.
Thơm danh để đức muôn đời về sau.
Đêm ngày hương lửa dài lâu,
Xôn xao khấn nguyệt đã hầu ba giăng [1]
Nàng thì chẳng nói chẳng rằng,
Miệng hoa âm ỉ chẳng hằng nói chi
Viện vương mặt ủ mày ê,
Thương con chua xót mồm thì hôi tanh
Này đoạn trong miếu yêu tinh,
Đền đài phá tán, bùa linh yểm trừ,
Ngẩn ngơ ở bụi ở bờ,
Cơ hàn đói khát thực là khốn thay!
Ngày ngày thơ thẩn ăn mày,
Đêm thì ăn trộm của rày thôn dân
Bắt gà, bắt chó kiếm ăn,
Làm cho hủy hoại thôn dân ngày ngày
Mãng xà hồn cũng ghê thay,
Khốn cùng ăn những thủa nay ngô đồng
Cùng nhau ăn trộm làm xong.
Bắt gà, bắt chó khắp vùng thôn dân
Làm cho chó cắn ầm ầm,

Chú thích:

1. *Ba giăng*: ba tuần trăng, tức ba tháng.

Thôn dân xơ xác, nhiều phần khốn thay
Một đêm thanh vắng gió mây,
Xà tinh bèn mới gặp rày chằn tinh
Cùng nhau mới hỏi sự tình,
"Chẳng hay sở ngụ, quê thành đâu ta?
Làm sao ngao ngán xót xa,
Thì anh nói hết thực thà em hay?"
Nghe nhời, Chằn mới trình bày:
"Quê tôi thì ở ngay rày miếu sơn
Có lầu, có các cung chương.
Bạc vàng cũng đủ mọi đường hẳn hoi.
Mỗi năm phải nộp một người,
Tháng ngày no đủ vui chơi bảo đình [1]
Hay đâu gặp lúc anh linh,
Nó bèn đấu trận tung hoành mấy tôi.
Phép màu nói thực không hai,
Vậy nên tôi phải lạc loài đến đây".
Nói thôi mới hỏi rằng nay:
"Thế thì quê quán anh rày ở đâu?
Nhân sao xin nói gót đầu,
Thì anh tỏ bảo tôi hầu được hay".
Xà tinh mới nói khi nay:
"Quê tôi chính thực ở rày động sơn
Thiên thành [2] cao rộng một hang,
Ra vào đài các cung chương bời bời
Dạo tìm thiên hạ khắp nơi,
Tìm người mà bắt được thời khiếp uy.
Bị thằng mặt đỏ tài kỳ,
Mày xanh biêng biếc nó thì đánh tôi.
Vậy nên thân phải lạc loài,
Bắt gà, bắt chó dông dài cho qua".
Nghe nhời, Chằn cũng nói ra
"Ấy thằng ngày trước nó đà đánh tôi
Bây giờ thực đã rõ mười

Chú thích:

1. *Bảo đình*: cái đình quí báu, chỉ tòa nhà sang trọng, nơi ở quí báu.
2. *Thiên thành*: thiên tạo tự nhiên.

Đinh ninh hai mặt một nhời tri chu
Âu là ta quyết trả thù,
Gieo oan cho nó để vua bắt rày".
Xà tinh mới hỏi khi nay:
"Vậy thì tên tuổi nó rày là chi?
Chẳng hay nó ở quê gì?
Giả thù, ta biết lấy chi báo cùng?"
Chằn rằng: "Anh chớ ngại ngùng,
Để tôi liệu kế vân mòng cho hay
Tên nó là Thạch Sanh nay,
Cửa nhà chẳng có, ở rày bóng đa
Nó thì không mẹ, không cha,
Anh em chẳng có, chẳng hòa vật chi.
Việc làm nào có khó gì,
Biến vào kho nội trộm thì của vua
Chạy ra rồi lại chạy vô,
Để quân canh biết tri hô ngày rày".
Xà tinh khen: "Trí giỏi thay!
Mưu xin Gia Cát, trí nay Phượng Sồ". [1]
Hai hồn khi ấy vào kho,
Cùng nhau lấy hết cả đồ kim ngân
Giở đi, giở lại tần ngần,
Cho quân canh biết dời chân ra ngoài
Gốc cây, trông thấy nằm hoài,
Bảo nhau bắt lấy nó thời chẳng sai.
Thạch Sanh mới hỏi một hai,
Thưa rằng: "Các chú bắt ai vậy mà?"
Bảo rằng: "Sao dám vào Tòa,
Bạc vàng trộm lấy, vậy mà trốn đây?"
Sanh rằng: "Việc ấy lạ thay,
Thế mà các chú bắt rày làm chi?

Chú thích:

1. *Gia Cát, Phượng Sồ*: Hai nhân vật giỏi mưu trí thời Tam Quốc.

Bảo tôi, tôi sẽ theo đi,
Phỏng như trộm cắp vậy thì có tang".[1]
Quân rằng: "Này bạc, này vàng
Mày còn biến trá nói năng chi này?"
Sanh rằng: "Như vậy oan thay,
Vốn tôi vẫn ở xưa nay thực thà".
Việc này thôi hẳn oan ta,
Chịu gông, khi ấy về tòa Viện vương.
Bằng nay của cải bạc vàng,
Quân vào thưa hết mọi đường được hay:
"Canh ba đương thuở khuya rày,
Thấy thằng mặt đỏ, xanh mày, vào kho
Trộm toàn vàng bạc đủ no[2]
Chúng tôi bắt được đem vô nộp trình".
Thông nghe hết tỏ chân tình,
Chắc rằng hẳn chú Thạch Sanh đó rày
Nhân sao vào được mới hay,
Khen cho phép tắc thằng này cũng ghê
Dạy đem giam ngục theo lề,
Canh cho nghiêm ngặt, chớ hề hỏi han
Vâng lời Thông dạy, liền giam
Đêm ngày tra khảo, nỗi chàng mà thương
Ngục quan thét mắng đã vang
Nào là cha mẹ quê hương chốn nào?
Truyền đem giam lại cho tao,
Tấn tra mới hỏi rằng nào tiền canh[3]
Sanh rằng: "Ta có một mình,
Quê hương thì ở Cao Bình đường xa
Thuở nay vốn ở cội đa,

Chú thích:

1. *Tang:* tang chứng, bằng chứng.

2. *No*: tiếng cổ, nghĩa là nhiều.

3. *Tiền canh*: thứ tiền mà bọn cai tù và lính canh ngục bắt phạm nhân phải nộp khi vào tù.

Mẹ cha chẳng có, cửa nhà cũng không.
Tiền thì chẳng có một đồng,
Đêm ngày kiếm củi làm cùng kiếm ăn.
Vì bằng có nói dối chăng,
Này dao, này búa này rằng cung tên,
Này là cái đàn tam huyền
Lấy chi thì lấy, nhưng tiền thì không".
Sai quân tước lấy cái cung,
Ba đời nhà nó tham cùng hơn ai.
Mó vào thì rụng rời tay,
Dẫu mà muốn lấy khó nay được toàn!
Ngục quan nghe nói mừng rơn
Lấy dao, lấy búa, lấy đàn vân vi.
Vừa thò tay mó một khi,
Ai ngờ một lũ đều thì ngã ra!
Ngục quan bèn giận những là,
Bước vào đỡ lấy thấy lòa con ngươi
Quan quân thấy sự lạ đời,
Bước vào tâu hết mọi nhời quì thưa.
Thông rằng: "Bay cứ canh giờ,
Để tao sớ tấu vậy mà giết đi."
Vâng lời Thông nói một khi,
Về nhà mới bảo vậy thì nghiêm canh.
Lý Thông ngồi nghĩ một mình,
Nếu mà tâu sợ sự tình tỏ ra.
Chẳng bằng khâm mệnh Quốc gia,
Chờ ba ngày nữa đem ra xử tù.
Sanh từ đến ở ngục u
Trong lòng cũng chẳng giận thù cùng ai.
Nhân khi vắng vẻ thảnh thơi
Chàng bèn mới hỏi rằng ai lạ lùng?
Quân rằng: Quốc tế Quận công,
Chính danh tên gọi Lý Thông thực người".

Sanh nghe quân nói đầu đuôi,
Biết rằng Thông thực là người bất nhân
Biết mà lòng chẳng oán hờn,
Mặc ai vô nghĩa bất nhân cũng đành.
Biết mà lòng chẳng phàn nàn,
Lấy đàn mới gảy nhặt khoan tính tình.
Đàn kêu nghe tiếng nên xinh
Đàn kêu tang tịch tình tinh tang tình.
Đàn kêu: Ai chém chằn tinh
Cho mày vinh hiển dữ mình quyền sang?
Đàn kêu: Ai chém xà vương,
Đem nàng công chúa triều đường về đây?
Đàn kêu: Hỡi Lý Thông mày,
Cớ sao phụ nghĩa lại rày vong ân,
Đàn kêu sao ở bất nhơn
Biết ăn quả lại quên ơn người giồng!
Đàn kêu năn nỉ trong lòng,
Tiếng tơ tiếng trúc đều cùng như du
Đàn kêu: Trách Hán, quên Hồ
Trách Tần quên Sở, trách Ngô quên Tề.
Đàn kêu thấu đến cung phi,
Trách nàng công chúa vậy thì sai ngoa!
Nàng đương rầu rĩ mặt hoa,
Tiếng đàn lừng lẫy như là oán ân.
Khác nào như cỏ phùng xuân [1]
Cười cười nói nói trước sân trình bày.
Rằng: "Đàn ai gảy đâu đây?
Xin cha đòi lại ngày rày cho tôi".
Viện vương nghe nói phút cười,
Trong lòng hớn hở mừng vui nào tày,

Chú thích:

1. *Phùng xuân*: gặp mùa xuân.

Rằng: "Từ phải nạn đến nay,
Làm sao con cứ chẳng hay nói mà?
Làm cho chua xót lòng cha,
Cầu trời khấn Phật, kể đà hết hơi,
Hay là nghe tiếng đàn người,
Thì con phải nói khúc nhôi cha tường".
Nàng nghe bày tỏ mọi đường,
Rằng: "Người đàn ấy thực chàng cứu tôi.
Dưới hang đã ngỏ một nhời,
Rằng về loan phượng kết đôi duyên vàng.
Lý Thông bạc ác phũ phàng,
Cửa hang lấp lại tìm đường tranh công.
Vì con lâu chẳng thấy chồng,
Trong lòng luống những giận lòng câm đi."
Nghe lời con nói một khi,
Lệnh truyền nội giám [1] tức thì đòi ngay.
Lý Thông nghe tiếng đàn rày,
Bảo đừng gẩy nữa mà mày chết tươi.
Sanh rằng: "Nói cũng nực cười,
Tôi buồn tôi gẩy đàn chơi chút mà
Dù rằng chết cũng nên ma,
Được về thượng giới, cũng là quy tiên".
Thị thần bèn bước đến liền,
Trình Thông mới nói việc viên gẩy đàn
"Tôi xin lĩnh lại đền vàng
Vào chầu để đức thiên nhan ngài đòi".
Thông nghe vâng lệnh cứ nhời,
Giao tù, bụng những thở dài mà lo...
Sanh từ bước đến triều đô
Lần qua cửa tía, bước vô đền vàng.
Còn xa, chưa tỏ mặt nàng,
Đến gần công chúa thấy chàng, mừng vui:

Chú thích:

1. *Nội giám*: tức quan hầu ở trong cung vua.

"Kể từ gắn bó kết đôi,
Đến nay tôi những ngậm ngùi toan lo.
Lòng tôi trăm mối tơ vò,
Nghĩ rằng xa cách Việt Hồ đôi nơi [1]
Nhân sao anh được tái hồi,
Sự tình xin tỏ cho tôi mừng lòng?"
Chàng đương nghĩ ngợi, nói cùng:
"Hãy khoan xin kể vân mòng cho hay..."
Viên vương phán bảo niềm tây:
"Chẳng hay quê quán chàng rày nơi nao?
Cửa nhà cha mẹ thế nào?
Căn do tình tự làm sao phải bày?
Xuân thu tuổi đã bao rày,
Tính danh vốn gọi tên nay là gì?"
Nghe lời Sanh mới tâu quì,
Xin bày tình tự vân vi mọi nhời:
"Cao Bình chốn ấy quê tôi,
Mẹ cha nay đã chầu giời một khi.
Tên tôi, xin kể vân vi:
Thạch Sanh tên đặt vậy thì chẳng sai.
Xuân thu tuổi mới mười hai
Bóng đa chốn ấy hôm mai bạn cùng.
Ngày thì luyện tập đao cung,
Cứ đi kiếm củi Non Bồng hôm mai [2]
Lý Thông chàng mới gặp tôi,
Kết làm bằng hữu định nhời đệ huynh.
Dặn tôi chàng bảo đi canh,
Chẳng là chàng phải nộp mình miếu trung
Chằn tinh mới gọi Lý Thông

Chú thích:

1. *Việt Hồ:* thành ngữ chỉ sự xa cách. Do đất Hồ ở phía Bắc Trung Quốc, đất Việt ở phía Nam Trung Quốc, hai miền cách nhau rất xa.

2. *Non Bồng:* tức là núi Bồng Lai, nơi Tiên ở. Đây có nghĩa là rừng núi, núi non nói chung.

Vậy nên tôi phải giao công, nhọc lòng
Tôi bèn chuyển lực uy hùng,
Chằn tinh bị phải búa đồng chết ngay.
Đầu chằn cho gã khi nay,
Mà gã nói dối vua rày vẫn nuôi.
Bảo tôi đi trốn một nơi,
Chẳng ngờ chàng nộp đan đài lấy công.
Vua phong cho chức Quận công,
Thì tôi cũng chẳng oán lòng trách chi.
Oán ân cũng chẳng làm gì.
Củi than lại cũng sớm khuya việc thường.
Chẳng ngờ công chúa tòa chương,
Bị con yêu Mãng xà vương bắt rày.
Tôi liền trông thấy nó bay,
Giương cung mới bắn nó rày ngã ra
Gớm thay phép tắc yêu tà,
Bỏ tên, lại cắp vượt hòa xuống hang,
Tôi theo thẳng đến cửa hang,
Đã trông thấy nó đem nàng xuống ngay.
Tôi bèn giở lại bằng nay
Hay đâu vua lại bắt rày Thông đi.
Tìm tôi chàng mới tỉ tê,
Ân cần một dạ, thề nghi nặng nhời
Thấy chàng nói thảm ngùi ngùi,
Nghĩ mình cũng ở đất giời đất vua,
Cho nên chẳng ngại công phu,
Dặn dò sau trước nhỏ to một nhời...
Đưa nàng lên khỏi vừa rồi,
Cửa hang chàng lấp chẳng thời có thương!
Tôi liền chuyển lực uy dương
Phép tiên biến hóa Xà vương bắt rày.
Trông lên đá đã lấp đầy,
Giật mình bèn mới phá rày dưới hang.

Thấy chàng Thái tử Long vương.
Bị con yêu Mãng xà vương bắt rày.
Hãm trong cũi sắt khốn thay!
Giương cung bèn bắn phá rày cũi ra.
Chàng bèn mời xuống thủy hà
Tâu cùng Thủy tế vua cha được tường
Thủy Tề cầm lại cung chương,
Cho đi khám xét ngục tràng các cung:
Ngục tù đông đã nên đông,
Tù oan thì giải, tù công thì hành
Giở về lại gặp yêu tinh,
Được nhờ pháp bảo tiên linh yểm trừ
Nên vua Thủy chiếu [1] bấy giờ
Phong làm Quốc trạng thủy hà Long cung,
Cho đàn giả nghĩa đền công,
Đưa đường, rẽ nước, dương cung ra về.
Lên bờ từ đó một khi,
Bóng đa chốn ấy vẫn nghề củi than
Đêm ngày luyện tập cung tên,
Quả không biết bạc biết vàng là đâu,
Xin vua rộng phép đuôi đầu,
Tha cho khỏi tội dám hầu sai ngoa".
Ngự nghe khi ấy phán ra,
Lệnh truyền cởi trói cho mà Thạch Sanh
Liền mời bước lại đan đình
Truyền làm yến đãi Thạch Sanh bấy giờ
Tiệc đương yến ẩm say sưa,
Châu phê hạ chiếu bấy giờ sắc phong
Ban cho hai chức Quận công,
Trừ yêu hai chức, thần thông hai quyền
Gả nàng công chúa hợp duyên,
Phong làm Quốc tế cầm quyền Quốc gia
Chàng vâng bái tạ vua cha,
Tay cầm chiếu chỉ vào tòa một khi

Chú thích:

1. Cả câu ý nói: Chiếu chỉ của vua Thủy khi ấy.

Viện vương phán bảo vân vi:
"Tội Lý Thông ấy mặc thì Thạch Sanh.
Để người liệu định cho mình
Báo thù, giả oán sự tình bấy nay".
Sanh nghe đặt gối tâu bày.
Rằng: "Xin rộng lượng vua nay xét cùng:
Nay chàng ăn ở khác lòng,
Máu tham quen giữ thói đồng dâm ô
Làm chi đứa dại ngoan ngu
Xin tha cho nó về tù bản hương".
Vua rằng: "Sự ấy mặc chàng,
Giết, tha cho bõ lòng vàng thì thôi".
Sanh từ nghe phán mọi nhời,
Đòi tù họ Lý đến nơi đan đình
Sanh rằng: "Khéo thực là anh!
Tội giời phụ nghĩa bạc tình chẳng oan".
Lý Thông thẹn mặt hổ han,
Cúi đầu chẳng dám kêu van một nhời
Viện vương mắng: "Lý Thông ơi!
Không Sanh, mày chết bỏ đời miếu sơn.
Làm sao phụ nghĩa, vong ân,
Tranh công rồi lại ra phần bạc đen!
Ấy là phạm tội một phen,
Công tìm công chúa mày bèn lại tranh
Ví chàng ăn ở hẹp tình
Tội ngươi đã đáng tan tành thịt xương.
Tha cho trở lại quê hương,
Cũng may mà có nhời chàng mới tha".
Thông nghe bái tạ bước ra,
Quan quân sỉ hổ, người ta chê cười.
Mẹ con bị nhục, thương ôi!
Ngọc Hoàng nghị phán kim giai tức thời
Kíp sai ngũ bộ Thiên lôi [1]
Đằng vân giá vũ đến nơi lạ dường.
Mẹ con về đến giữa đường.

Chú thích:

1. *Ngũ bộ Thiên lôi*: năm vị thiên thần giữ việc điều khiển sấm sét.

Thiên lôi ngũ bộ đánh liền cả hai
Cho hay những kẻ phi loài,
Người ta không giết, thì giời chẳng tha,
Bắt hồn Lý thị, lão bà
Ngọc Hoàng phán chỉ đem ra tức thì
Mấy lời phán tỏ một khi:
"Mày trên dương thế ở thì chẳng hay
Cùng người làm bạn không ngay,
Bắt mày hóa kiếp làm rày bọ hung
Làm người bạo ngược hai lòng
Hành, tàng [1] đã thấu công đồng sát tri". [2]
Viện vương phán bảo triều nghi
Truyền làm sính lễ vậy thì hợp duyên.
Sanh bèn bái tạ điện tiền,
Cùng nàng công chúa hợp duyên vui vầy
Cầm quyền việc nước, ra tay
Thăng quan, xá thuế, cùng rày tù tha.
Miếu sơn lại lập một tòa,
Thờ chằn tinh đấy thật là anh linh.
Động sơn lại lập một thành,
Thờ xà tinh đấy anh linh khác rày
Đoạn thôi lại lập đàn chay,
Tế Thiên, Địa phủ cùng rày Thủy cung [3]
Tạ từ diệu pháp Tiên ông [4]
Lại cùng táng tế báo lòng mẹ cha
Nghe thôi các nước truyền ra,
Thông tin mới bảo nhau mà một khi:
Cũng đòi con đức thượng vì
Con giòng chẳng lấy, lấy thì khố không
Rủ nhau phấn lữ binh nhung [5]

Chú thích:

1. *Hành tàng*: nói về cách xử thế, lúc tiến, lúc lui. Đây trỏ chung những hành động và ý nghĩ thầm kín.

2. *Công đồng sát tri*: chỉ hội đồng thiên đình họp đông đủ để cùng soi xét biết rõ mà xét xử.

3. Cả câu ý nói: Làm lễ cúng Tam phủ: Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ.

4. *Tiên ông*: chỉ Lý Tĩnh, người đã dạy pháp thuật thần diệu cho Thạch Sanh.

5. *Phấn lữ binh nhung*: cất quân đi đánh, dấy việc binh đao.

Báo thù cho bõ chút lòng chê ta
Nghe tin các nước gần xa,
Nước nào nước ấy binh ra trập trùng:
Đi bộ, núi lở tan không
Đi thủy, nước chảy khô sông lạ dường
Đầu binh đã ở nước Lương
Cuối binh còn hãy ở ngang nước Tề
Quân triều trông thấy đã ghê,
Phá năm cửa ải tức thì tan hoang
Sớ về tâu với Viện vương,
Triều đình nghe biết, kinh hoàng lắm thay!
Sai binh khiến tướng đi ngay
Đi bao nhiêu lại hết rày bấy nhiêu
Viện vương hoảng hốt trăm chiều,
Lệnh sai Quốc tế vào chầu một khi:
"Phiền con gắng sức ra uy,
Cử binh trợ lực phù trì khi nay".
Thạch Sanh đặt gối tâu bày:
"Để cho các nước nó vây lấy thành
Thì con sẽ liệu hành binh
Ắt là các nước sẽ xin lại hàng."
Vua rằng: "Binh nó vô vàn
Bổ vây bốn mặt đôi đàng khó nên".
Sanh rằng: "Để nó reo lên,
Lo gì đánh nó mà phiền lòng vua".
Chư quân kéo đến reo hò,
Gọi: "Nào Quốc tế triều đô đâu nào
Không ra đối địch với tao,
Hay là khiếp sợ ta nào có tha".
Viện vương nghe nói xót xa
Cung phi hoàng hậu trong toà đều lo
Bấy giờ công chúa nói vô,
Bảo chàng sao chẳng toan lo đánh rày?
Chàng rằng: "Nàng khéo nói bây
Nào ai có khiến lo thay cho người!"
Nói thôi mỉm miệng liền cười
Rằng: "Nàng có muốn ra chơi xem rày?"

Nàng rằng: "Phận gái thơ ngây,
Có gì mà dám xem rày việc binh"
Chàng rằng: "Hãy cứ nghe anh,
Cùng xem đánh giặc quyền hành thế kia".
Nàng nghe chàng nói một khi,
Theo chàng xem đánh giặc thì làm sao.
Xe loan chàng, thiếp ngự vào
Tay tiên bèn gẩy thanh tảo cung đàn.
Đàn kêu tích tịch tình tang,
Tiếng tơ, tiếng trúc cung đàn mua vui,
Đàn kêu hơn thiệt mọi nhời,
Nhân duyên phu phụ số giời đã xe.
Đàn kêu ta dỗ thì nghe,
Nên đem binh lại, hàng về chưng nay
Đàn kêu nghe thấy lạ thay,
Cùng nhau cá nước rồng mây phải thời
Đàn kêu chớ có lược bời [1]
Trước là tổn tướng sau thời hại binh.
Đàn kêu thương kẻ hành chinh
Rằng: Đi chiến trận tử sinh khôn lường
Vợ con nhà vắng ngại dường,
Khôn hay sinh tử chiến trường làm sao.
Đàn kêu bay phải hàng tao,
Đàn kêu nhủ bảo thấp cao tỏ tường.
Quân thần đây luận đó bàn
Nhân tâm chẳng thuận, sao bàn thuận qui,
Đàn kêu nhủ bảo vân vi,
Hàng tao, tao lại cho về cựu bang
Chư quân nghe tiếng đàn vang,
Khác nào như nước cành dương tưới nhuần [2]
Đàn kêu thực nghĩa thực nhân,

Chú thích:

1. *Lược bời*: đi xâm lược gây nên loạn lạc rối bời.

Chú thích:

2. *Nước cành dương*: nước hồi sinh của nhà Phật.

Thánh tha thánh thót, muôn phần giá cao.
Trận bày như động hóa hào
Đàn như lửa cháy nước vào tan không.
Thực là nên đấng anh hùng,
Tuốt gươm bước lại sân rồng khoan khoan.
Ầm ầm một đạo hào quang
Cung đàn dỗ bảo quân thường ngã ra
Lại vâng chiếu chỉ Quốc gia,
Trong mười tám nước can qua về đầu [1]
Lệnh truyền các nước đâu đâu
Can qua tức khắc lại chầu một khi.
Sanh rằng: " Sao chẳng đánh đi,
Thuận thì đã thuận, ai thì tranh ai.
Ví dù chẳng có nghe nhời
Cung này tao bắn trong ngoài cũng tan".
Phản vương phục tội đền vàng
Đương cơn phản gián khôn bàn phải chăng.
Sanh rằng: "Tội đã bằng non,
Trăm khôn nghìn khéo ai còn giận đâu.
Cùng ta nay đã hàng đầu.
Thì cho trở lại về hầu trị dân".
Vâng nhời truyền bảo chư quân,
Đưa nhau kéo đến trước sân tỏ tường:
"Xin vua tạm cấp ít lương,
Để cho các nước ăn đường về nay".
Sanh nghe, đáp lại khi rày:
Lương ban mười tám hộc [2] này ra cho.
Nguyên Đạt là tướng nước Ngô,
Bảo nhau mới nói nhỏ to mọi nhời
"Binh ta vô số là người,
Sức ta ăn hết mỗi người một lương
Bước về tâu bẩm cùng chàng,
Rằng: Binh hàng vạn quân ngàn đông thay,

1. *Về đầu*: tức về đầu hàng.
2. *Hộc:* đơn vị đo lường thời xưa.

Lương ban mười tám hộc này,
Lấy gì cho đủ quân nay ăn đường
Tôi nay ăn một chiếc lương
Người ban cho thế, ăn đường làm sao?"
Sanh nghe mới nói thấp cao:
"Chàng đừng chê vội, ta nào có nghe".
Nguyên Đạt đáp lại một khi:
"Ăn thì chẳng hết người thì chiết lương".
Sanh nghe mới phán tỏ tường:
"Ta nay đánh cuộc cùng chàng một keo:
Ta thì lương có một niêu,
Đố người ăn hết, nhường triều lại cho.
Như người hết dạ hồ đồ,
Thì người đoan lại nhời cho thật thà".
Nguyên Đạt ngồi nghĩ, nói ra:
"Sức ăn ít kẻ được qua tôi rày
Vẻ chi có một niêu này,
Ăn mà chẳng hết, buộc tay xưng thần [1]
Muôn năm lại cống triều tân [2]
Bao nhiêu đồ số [3] trước sân nộp người".
Sanh nghe chàng nói khúc nhôi,
Truyền thổi lập tức một nồi xem qua.
Nồi cơm Sanh mới đem ra,
Phán đòi Nguyên Đạt ngồi mà ăn đi.
Đạt liền ngồi xuống một khi,
Giở ra bèn mới vậy thì ngồi ăn.
Nồi cơm có phép chi chăng,
Ăn hoài ăn hủy ba lưng lại đầy.
Ra công ăn hết khi nay,
Cơm ăn thì đã no rày là no.
Sanh bèn bảo tướng nước Ngô,
Trong mười tám nước ăn hầu đã xong.

Chú thích:

1. *Buộc tay xưng thần*: tự trói tay làm bầy tôi, một hành động tỏ ý chịu qui phục.
2. *Ý cả câu*: Đời đời đến tiến cống, triều cận và thần phục triều đình.
3. *Đồ số*: Số bản đồ về đất nước và sổ sách về quân dân cả nước nói chung.

Nguyên Đạt bái tạ Thạch công,
Đoạn rồi các nước ngoài trong đều vào.
Đua nhau kéo đến ào ào
Thấy nồi ai cũng ngán ngao làm vầy!
Binh ta vô số đông thay,
Một niêu ăn uống phỏng rày đủ sao?
Sanh rằng: "Bay hãy bước vào
Ăn mà hết được thì tao thưởng tài".
Quân liền bước xuống ăn ngay
Lao xao một lũ ăn rày thực no
Niêu cơm cũng chẳng hết cho,
Bấy giờ ai cũng nhỏ to đầu hàng.
Thạch Sanh trở lại đền vàng,
Cầm tay công chúa, thiếp, chàng hồi cung
Thạch Sanh vào tạ cửu trùng,
Quì tâu tỏ nỗi giao công chiến trường:
"Chư hầu nay đã đầu hàng,
Không còn ngạo ngược, chịu làm hầu vương".
Viện vương nghe nói, vội vàng.
Mừng vui bèn mới khen chàng Thạch Sanh
"Tài so Hạng Vũ, Hán Minh [1]
Anh hùng sửa trị một mình đã ghê!
Nay nhân các nước đều về
Tôn chàng thay mặt, nhường vì Thiên nhan".
Thạch Sanh vâng lệnh đền vàng.
Chàng bèn cùng với hầu vương đều vào.
Hầu vương nghe lệnh xôn xao,
Long lanh áo mão, hồng hào cân đai
Viện vương phán bảo trong ngoài,

Chú thích:

1. *Hạng Vũ, Hán Minh:* Hạng Vũ tức Sở Bá Vương là người nổi tiếng vũ dũng. Hán Minh, tức Hớn Minh, một nhân vật trong *Truyện Lục Vân Tiên* cũng nổi tiếng về sức mạnh:

Có người họ Hớn tên Minh,
Oai như Hạng Võ, mạnh kình Trương Phi

(Xem *Lục Vân Tiên*, bản cũ soạn lại, của Đặng Lễ Nghi, S, 1907)

Trước đây có người chú: Hán Minh là Khổng Minh đời Hán, như vậy có phần gượng ép, mà xét về nhiều mặt đều không đúng.

Cho chàng lĩnh ấn lên ngôi bảo tòa
Chàng vâng lệnh trước triều ca
Khấu đầu chịu lấy, vào tòa Thiên nhan.
Đoạn thôi lĩnh chiếu vua ban,
Hoàng hậu đăng chiếu triều đường thuở nay.
Văn ban vũ bá sắp bày,
Kim ngân ban tặng ngày rày thiếu ai.
Lại ban mười tám nước ngoài,
Phong làm vương tước thay trời trị dân.
Đoạn thôi yến đãi triều tân,
Phán cho các nước đem quân ra về.
Chư quân đâu đấy đều nghe,
Muôn dân vạn họ theo nghề nông tang.
Nỗi nàng công chúa tòa vàng.
Từ ngày lửa bén hơi hương thỏa tình,
Quế lan nay đã nảy cành,
Thu đi, thu lại một ngày hóa ba
Mới hay người ở thực thà,
Giời kia chẳng phụ, ắt là thanh tao.
Cứ trong tích cũ chép sao,
Viện triều yên mối, Nam giao [1] vững vàng.
Bút hoa ghi chép tỏ tường,
Truyện này thong thả thư đường [2] mà xem.

Phiên âm theo bản Nôm AB.221, đồng thời có tham khảo bản của Xuân Lan, Văn Minh in lần thứ hai, Hà Nội - Hải Phòng, 1916.

Chú thích:

1. *Nam giao:* cõi nước Nam.
2. *Thư đường:* phòng đọc sách, nhà học.

HỒNG HOAN LƯƠNG SỬ

TIỂU DẪN

Phiếu Sinh quê ở Hoan Châu, trong dịp nhàn du với bạn bè, được gặp Thi Nhi là một danh ca tài sắc, nhưng chỉ ngầm hiểu lòng nhau, rồi do hoàn cảnh khác nhau mà mỗi người một ngả. Anh vốn học rộng tài cao, tinh thông võ nghệ, nhưng đi thi lại hỏng. Đang buồn rầu sống trong cảnh nghèo khó cô đơn thì đột nhiên lại bị bắt giam vô cớ. Ở tù một thời gian, Phiếu Sinh tìm cách trốn khỏi ngục, rồi nổi loạn chống lại triều đình. Quân khởi nghĩa do Phiếu Sinh cầm đầu được dân giúp đỡ, lúc đầu thu được thắng lợi, sau đó, triều đình sai tướng ra dẹp, bày mẹo hãm thành, tuyệt lương, quân của Phiếu Sinh lâm vào tình thế bất lợi, bị tiêu diệt hết. Anh vượt khỏi vòng vây, lại sống lang thang đây đó.

Một ngày đi đến thôn nọ, gặp đám hội, anh ghé vào xem. Tình cờ gặp lại Thi Nhi góa chồng, vẫn làm nghề ca công.

Thi Nhi đưa Phiếu Sinh về nuôi trong phòng kín, trổ cửa sổ, ngày ngày đưa cơm nước cho ăn. Họ chung sống với nhau, nhưng đã giữ đúng giao ước nghiêm ngặt: "Chưa đạt vận hãy hoãn giờ đuốc hoa".

Ngày đêm ở trong buồng, Phiếu Sinh đọc binh thư, nghiền ngẫm kế sách và làm thơ chuyển ra ngoài cho Thi Nhi xem. Nàng thuộc lòng loại thơ này, đem đi ca hát. Bài thơ của Phiếu Sinh, tiếng đàn của Thi Nhi đồng thời cũng là lời gọi bạn, tìm kiếm các nghĩa sĩ bị thất tán. Cuối cùng, việc làm đã có tác dụng, các nghĩa sĩ được tái hội dưới mái nhà của Thi Nhi. Thi Nhi hiến kế là nên đề cao việc phù Lê diệt Trịnh thì mới được lòng dân chúng. Ai nấy tán thành. Họ bàn nhau dựng lại cơ đồ, rồi tạm thời chia tay nhau, đi các nơi để kiếm thêm bạn bè. Họ cử người đi Thạch Thành để liên kết với Lê Duy Mật đang chống Trịnh. Thi Nhi ở lại nhà chờ đợi. Vừa lúc con trai của Thi Nhi là Tiểu Lang, đi lính Đàng Trong hết hạn được về. Thấy cảnh gia đình, Tiểu Lang băn khoăn, nghi ngờ mẹ. Thi Nhi giảng giải cho con hiểu rõ lòng mình. Cuối cùng Tiểu Lang cũng nhập vào nhóm Phiếu Sinh, kể cho họ biết phong trào Tây Sơn mà cậu ta nghe ngóng được. Các nghĩa sĩ vui mừng, đều ưng theo Tây Sơn. Họ cử Phiếu Sinh và Thi Nhi đóng làm cặp vợ chồng nhà buôn vào xin yết kiến chúa Tây Sơn. Hai người đến đô thành và sau một vài sự kiện lo âu vì hiểu lầm, nóng ruột, họ được chúa Tây Sơn thu nhận, ban chức tước. Phiếu Sinh được giữ ấn tiên phong, theo quân ra đánh Trịnh. Thi Nhi tạm về Hoan Châu săn sóc mẹ chồng. Cuộc Bắc phạt thành công, họ được "dữ quốc đồng hưu, một nhà vinh hiển".

Dù đã luống tuổi rồi, nhưng cuộc tình duyên càng thêm đằm thắm: "Tóc này điểm bạc, tơ kia thắm hồng".

*

* *

Không thể nói *Hồng Hoan lương sử* (truyện Hồng Hoan) thuộc loại truyện Nôm bình dân theo thuật ngữ thông dụng hiện nay. Cũng không phải là một truyện Nôm cổ. Nội dung ý nghĩa cũng như lời văn rõ ràng rất gần thời đại chúng ta. Có lẽ nó cùng một loại văn chương thời thế với các tác phẩm như *Giai nhân kỳ ngộ* (1927) của Phan Châu Trinh, *Thanh khí tương cầu, Duyên nợ bên hồ* (1933) của Tôn Quang Phiệt. Đây là một truyện thơ diễm tình (lương sử có nghĩa là ghi chép về một mối duyên lành). Tình yêu được diễn tả một cách trân trọng. Nhân vật đều đã quá lứa, nhưng lại yêu đương say đắm một cách trẻ trung. Truyện còn có tính cách như một truyện thơ lịch sử. Tác phẩm phản ánh sự kiện Tây Sơn khá chính xác và sinh động, mặc dù không trực tiếp dùng đến từ Tây Sơn. Điều đáng chú ý là tác phẩm có nhiều chi tiết nêu lên lý tưởng chiến đấu của các nhân vật cùng những biện pháp tổ chức rất mới, gây ra cảm tưởng truyện thơ này có nét hào hùng như một bài ca khởi nghĩa. Những môtíp quen thuộc trong các truyện dân gian hay các điển tích (như truyện Châu Long nuôi Lưu Bình, truyện Ngũ Viên thổi sáo để tiến thân,v.v...) đều được khai thác một cách khéo léo để phục vụ cho các tình tiết của *Hồng Hoan lương sử*. Mặc khác những quan niệm như muốn thành công phải dựa vào lòng dân, chiếm thành không khó bằng chiếm lòng người. Đinh Bộ Lĩnh, Lê Lợi xuất thân là kẻ chăn trâu, người lực điền v.v... đều không phải mới lạ gì, nhưng lại được đưa vào truyện một cách táo bạo, nhuần nhuyễn đến mới lạ.

Về mặt nghệ thuật, tác phẩm rõ ràng có nhiều chỗ xuất nhập văn *Kiều*, nhưng lại rất đặc sắc. Thông thường các truyện Nôm chịu ảnh hưởng *Kiều*, tác giả có tên hay khuyết danh thường bắt chước một cách lộ liễu, thậm chí lấy nguyên văn nhiều câu của Nguyễn Du. Tác giả *Truyện Hồng Hoan* chỉ học tập bút pháp chứ không hề vay mượn.

Những đoạn: dụng công tả tiếng đàn (câu 417-432), Việt hóa các điển cố Trung Quốc (câu 551-552), chuyển tiếp đoạn nọ sang đoạn kia (câu 653-656)v.v... có thể xem là thanh thoát; tác giả xứng đáng là người học trò tâm đắc của Nguyễn Du.

*

* *

Truyện Hồng Hoan được công bố lần đầu tiên vào năm 1978 tại một hội nghị khoa học của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Tiếp đó các báo *Nhân*

Dân (ngày 3-6-1978), báo *Văn nghệ* (số 25 năm 1978) đều có bài giới thiệu *Truyện Hồng Hoan*. Hội nghị chuyên đề về Tây Sơn tổ chức ở Nghĩa Bình (tháng 10-1978) tác phẩm này cũng được trình bày và có tham luận in trên kỷ yếu. Những năm sau, các hội nghị khoa học về Tây Sơn và Quang Trung (ở Thanh Hóa năm 1980, ở Nghệ Tĩnh năm 1988) cùng nhiều cuộc tọa đàm ở các trường đại học đều có đề cập vấn đề xuất xứ cũng như tác giả *Truyện Hồng Hoan*, song vẫn chưa đi đến kết luận. Có ý kiến cho rằng đây là một tác phẩm ở thời kỳ cận hiện đại, khoảng đầu thế kỷ XX như đã nói trên và tác giả thuộc lớp trí thức có cả vốn nho học và tân học.

Văn bản *Truyện Hồng Hoan* do Vũ Ngọc Khánh tìm được ở Thanh Hóa, chép tay bằng chữ Nôm trên một số trang của cuốn *Kiều* cũ (bản Quan Văn Đường). Người có cuốn Kiều này cho biết, ông xin được ở vùng Thượng Xá, huyện Nghi Lộc (Nghệ Tĩnh). Những cuộc điều tra khảo sát lâu ngày cho biết, có một số nhà nho đã nhớ lẻ tẻ dăm bảy câu, và một số cán bộ hoạt động ở nước ngoài thời kỳ 1925-1930 cũng có biết. Nhưng ngoài văn bản này (Vũ Ngọc Khánh phiên âm, có sự giúp đỡ của các cụ Lê Văn Uông, Ngô Đình Vu ở Thanh Hóa), chưa tìm được bản nào để đối chiếu.

Người sinh ở cõi dương trần,
Tri âm hồ dễ mấy lần gặp nhau.
Đồng tâm như ý sở cầu,
Lòng son khôn để nhuốm màu tuyết sương.
Chí thành lưu thủy cao sơn, [1]
Khinh bề tài hóa, trọng đường nghĩa nhân, [2]
Dắt nhau lên cõi đài xuân,
Gió trăng nhẹ bước thanh vân đề huề,
Mới là tâm phúc tương tri,
Để gương trong sách tạc bia dưới đời,
Uy quyền xem nhẹ như cười,
Búa rìu cũng phải thua lời sắt son,
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Đoạn kim phạt mộc nghĩa còn trơ trơ. [3]
Khêu đèn đọc truyện ngày xưa,
Hồng Hoan lương sử bây giờ còn hay,
Nhân duyên thật cũng lạ thay,
Ngàn thu lưu để cõi này Nam bang,
Phiếu Sinh ở đất Châu Hoan,
Linh sơn tú thủy cũng làng nho phong, [4]
Văn chương cấu khí thần đồng, [5]
Tài hoa nổi tiếng khắp vùng ngợi khen.
Muôn hồng nghìn tía đua chen,
Thơ trong Đào tập, thiếp bên Lan đình. [6]

Chú thích:

1. Chỉ vào mối tình cao đẹp, cùng với sông núi.
2. *Tài hóa*: tiền bạc, của cải.
3. *Đoạn kim phạt mộc:* lấy chữ trong *Kinh Thi*, chỉ vào tình bạn bè vững chắc như chặt vàng, chém cây.
4. *Linh sơn tú thủy*: Sông núi linh thiêng, đẹp đẽ.
5. Tài văn chương nổi tiếng từ nhỏ.
6. Tài thơ hay như thơ ông Đào Tiềm; chữ viết đẹp như chữ của ông Vương Hi Chi.

Lục thao tam lược đều tinh, [1]
Anh hùng thấy sự bất bình tha đâu. [2]
Thú quê nông phú cũng mầu,
Đường cày Ngu Thuấn, lưng trâu Lý Hề. [3]
Phỏng ra bình trị tu tề, [4]
Không phương Quản Nhạc, cũng bề Y Chu. [5]
Xa trông kinh khuyết mịt mù,
Đầy đường xe ngựa võng dù nghênh ngang.
Bịt tai tiếng khóc lời than,
Lửa cơ đốt ruột, đao hàn cắt da. [6]
Oai quyền một lũ gian tà,
Chốn gần thảm thiết, nơi xa cùng bần.
Trách ai cầm lệch đòn cân,
Chín tầng nỡ để muôn dân tội tình. [7]
Phiếu Sinh nén nỗi bất bình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Nghĩ rằng cờ có đến tay,
Mới mong tính được trò này chuyện kia.
Tạm theo thói cũ đi về,
Mượn đường cử nghiệp mà đề bảng son. [8]
Rồi ra trả nợ nước non
Khang cù sẽ giải khúc đờn Nam phong, [9]
Bằng nay cái kiến con ong,
Thư sinh mặt trắng, thân trong cát lầm. [10]
Miễn là giữ lấy hằng tâm, [11]
Thú giang hồ hãy vui phần thần tiên.

Chú thích:

1. Có tài năng về quân sự, thông thạo các sách về việc binh.
2. Có tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng can thiệp vào những việc ngang tai chướng mắt.
3. Thạo việc cày ruộng như vua Thuấn, thạo việc chăn trâu như Bách Lý Hề.
4. *Bình, trị, tu, tề*: nói gọn phương châm: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.
5. Có tài chính trị, quân sự như các ông: Quản Trọng, Nhạc Nghị, Y Doãn, Chu Công.
6. Câu bắt chước *Cung oán*: nói dân chúng bị đói khát.
7. *Chín tầng*: chỉ vào vua chúa.
8. Ý nói phải đi học để thi đỗ.
9. *Khang cù*: con đường lớn. *Đàn Nam phong*: bài đàn của vua Thuấn gảy làm cho lòng dân vui. Ý nói ra làm quan sẽ làm cho dân yên ổn.
10. Ý nói: giờ đây chỉ là phận học trò hèn kém.
11. *Hằng tâm*: lòng trung thực trong sáng thường ngày.

Tài hoa mấy bạn bút nghiên,
Nặng bầu thi tửu, mượn thuyền Đông Pha, [1]
Mái chèo Xích Bích vẫy ra,
Thơ chen tiếng nhạc, rượu hòa ánh trăng.
Hoàng Hà sóng nước lâng lâng
Áo cừu, ngựa quý mấy lần đổi trao [2]
Ca công có khách má đào
Tay giang hồ cũng dự vào thiên hương [3]
Người đâu nguyệt thẹn hoa nhường
Mẹ cha đã đặt tên nường Thi Nhi
Hồng Châu quê cũ ra đi,
Lam giang hoa khói đúng kỳ du xuân.
Tưng bừng thành thị hương lân,
Rộn đình nhạc tế, đầy sân trống chèo.
Giai nhân tài tử dập dìu,
Áo xanh đĩnh đạc, bóng kiều thướt tha. [4]
Vườn hồng bướm khéo tìm hoa,
Say sưa vũ khúc, mặn mà ca sang.
Chén quỳnh mời mọc bên bàn,
Ngâm thơ lựa giọng, dạo đàn so dây.
Cuộc vui đua bạn đua bầy,
Làng thơ có kẻ tỉnh say cợt đùa.
Rằng nghe biếc đón hồng đưa,
Đã say say nốt giấc hồ như ai. [5]
Cả bình dốc cạn một hơi,
Phong tình xin lựa thêm bài phong lưu. [6]
Cùng nhau tiêu vạn cổ sầu, [7]
Sự đời tai đã chán câu hòa hùng.
Thoáng nghe mấy tiếng lạ lùng,

Chú thích:

1. Mượn truyện Tô Đông Pha dạo thuyền trên sông Xích Bích chơi trăng.
2. Lấy ý câu thơ Lý Bạch: vui tiệc bảo con mang ngựa và áo đổi lấy rượu.
3. *Ca công:* nghệ nhân ả đào. Cô có sắc đẹp nổi tiếng trong đám giang hồ.
4. *Áo xanh*: chỉ vào trai văn chương; bóng kiều: chỉ vào gái đẹp.
5. *Giấc hồ*: giấc mơ (do chữ hồ điệp, mê thấy mình hóa bướm).
6. Ý nói: xin cứ hát những bài thật lẳng lơ.
7. Ý nói: đã chán đời, không muốn nghe câu hùng tráng, cốt chơi cho quên nỗi sầu nghìn năm.

Phiếu Sinh lòng những thẹn thùng xiết bao.
Cũng toan bàn giải thấp cao,
Đằng kia đã thấy má đào lập nghiêm. [1]
Dịu dàng đứng trước chị em,
Thi Nhi se sẽ cất lên tiếng vàng:
"Đội ơn quan khách muôn vàn,
Xin cho thưa lại đôi đàng gần xa.
Đã đành tìm thú sênh ca,
Cuộc vui kia cũng có ba bảy đường.
Khi vui rộn khúc nghê thường,
Khi vui mà tiếng đoạn trường chen theo, [2]
Dở hay trong đục đã nhiều,
Lẽ đâu còn dám thêm điều bẻ bai.
Vị gì một chút nghề chơi,
Hậu đình hoa để tiếng cười mai sau". [3]
Lặng nghe chàng khẽ gật đầu,
Cười rằng: "Thật đã nên câu tài tình
Đá kia dấu ngọc liên thành,
Mà trong u cốc có cành lan hương. [4]
Phải rằng cúc ngạo hàn sương, [5]
Quần thoa nữ kiệt giá dương anh hào!" [6]
Tiện tay nâng chén bồ đào
Rượu mừng xin gọi tiếng chào tri âm.
Tạ lòng đâu dám không cầm,
Thu ba đôi sóng mười phân rụt rè.
Hội ta khách trở ra về,
Cỏ vương nỗi nhớ hoa chia mối sầu.
Với trông mây trắng một mầu
Mênh mông bèo nước biết đâu mà dò.

Chú thích:

1. *Lập nghiêm*: tỏ thái độ đứng đắn.

2. Ý nói: vui hát cũng nhiều cách. Có cái vui rộn ràng, có cái vui đứt ruột.

3. Lấy ý trong thơ Đỗ mục. Cung nữ của Trần Hậu Chúa hát bài *Hậu đình hoa*, không biết đất nước bị tàn phá, nỗi sầu vong quốc.

4. Ý nói: ngọc nằm trong đá, trong hang sâu lại có hoa lan thơm.

5. *Cúc ngạo hàn sương*: hoa cúc không sợ gì sương lạnh.

6. Ý nói: người con gái này là kẻ xuất sắc trong đám phụ nữ, ngang tài với những bậc anh hào.

Phiếu Sinh từ buổi nhàn du,
Tưởng như lòng đã hẹn hò với ai.
Người đâu cân sắc cân tài,
Trăm năm biết có duyên trời chi chăng?
Chân mây mặt đất khơi chừng,
Biết đâu cá nước chim rừng mà theo.
Tình riêng càng dứt càng đeo,
Tiếng thầm trước án, bóng theo bên mành.
Nỗi riêng canh cánh một mình,
Lại lo nghĩa chuyện học hành bấy nay.
Vẫn trông mở mặt mở mày,
Ngẫm công đèn sách phen này quyết khoa.
Ngựa hồng sớm cỡi xem hoa
Việc quan cũng trọn tình nhà cũng xong.
Bút hoa một trận thư hùng,
Chớ khoe Lý Đỗ, đừng hòng Âu Tô. [1]
Nghề thi luống phụ nghề thơ,
Bốn vi trắng bảng không chờ Tôn Sơn [2]
Mảnh trăng soi mảnh chiếu mòn,
Gió thu đến tận phòng con trêu người.
Tự tìm lấy thú thanh thơi,
Được thua sá kể, đầy vơi chẳng màng.
Mải mê tiếng dịch cung đàn,
Sớm khuya án sách quyển vàng ung dung.
Bạn chơi đến kẻ cố cùng,
Lầu son tướng phủ mắt không đoái hoài.
Nào hay mệnh chẳng chừa ai,
Hết oan nghiệt ấy sang tai ách này.
Điều đâu vô cớ đặt bày,
Công sai một lũ chật đầy như nêm [3]
Rằng: "Nay vâng mệnh quan trên
Bắt phường tội phạm biết duyên cớ gì."

Chú thích:

1. Ý nói có tài thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ, có tài văn của Âu Dương Tu, Tô Đông Pha, nhưng đi thi cũng hỏng.

2. Tích xưa nói anh chàng Tôn Sơn đi thi đỗ cuối bảng. Thành ngữ: ngoài bảng Tôn Sơn, có nghĩa là thi hỏng.

3. *Công sai*: bọn lính tráng sai nha.

Hung hăng giễu võ dương uy,
Nhà thì phá phách, người thì đóng gông.
Mưa chan gió thổi hãi hùng,
Minh oan chưa kịp đã vòng hàm oan [1]
Phù sinh mấy kiếp lầm than
Gian truân lại đến nhỡ nhàng này ư?
Ngục hình mấy tháng vừa dư,
Ngẫm thân trăm giận nghìn lo bộn bề.
Cà hôi cơm hẩm ủ ê,
Rào ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.
Nhẫn từ ngày tháng lân la,
Theo đoàn ngục tốt đi xa về gần.
Quản chi là nỗi phong trần,
Ghé vai tạp dịch, liều thân tội tình.
Thấy chàng giữ phận yên lành,
Lâu lâu chúng cũng nới vành khắt khe.
Nha môn nhân lúc hội hè.
Một phường bô suyết, bốn bề say sưa [2]
Trông quanh lặng ngắt như tờ,
Băng mình chàng mới thừa cơ lánh người.
Rừng sâu mấy khúc mấy hồi,
Con đường gai gốc mười thôi nhọc nhằn.
Ngả nghiêng chúng mải tiệc tùng,
Chim bằng thôi đã thoát lồng bay cao.
Từ đây mặc sức anh hào,
Dọc ngang hồ hải ra vào núi non.
Đòi phen gối đất nằm sương,
Càng khi nghĩ chuyện triều đường càng căm.
Ngỡ là mưa móc tẩm nhuần, [3]
Tai ương nhận lấy thấy ân đứa nào.
Tống cùng đọc mãi nhàm sao,
Trục bần dẫu thuộc cũng nào hơn chi. [4]

Chú thích:

1. *Minh oan*: làm cho rõ nỗi oan ức; hàm oan: ngậm oan phải chịu oan.
2. *Bô suyết*: tham ăn tham uống.
3. Ý nói tưởng được nhà vua cho hưởng ân huệ.
4. Theo điển xưa, có nhà văn làm bài phú đuổi ma nghèo (Hàn Dũ làm bài *Tống cùng*, Tăng Nghi Xương làm bài *Trục bần*). Ý câu thơ nói cố ngồi đọc các bài ấy để tự an ủi cũng là vô ích.

Giữa dòng thế đạo suy vi,
Bạc đầu đọc sách dễ gì đã hay.
Nợ đời một trả một vay,
Thi gan cho chúng biết tay anh hùng.
Đèo cao, núi thẳm, sông cùng,
Theo câu nghĩa khí, tâm đồng khó chi.
Hịch văn một đạo truyền đi,
Tin vui sớm đã thấy kỳ hưng binh.
Chứa lương, đắp lũy, xây thành,
Tì hưu đông đúc, cơ doanh vững vàng. [1]
Cờ bay trống điểm nhịp nhàng
Thế thiên hành đạo, biển vàng treo gương [2]
Đổi phen phù nhược chế cường, [3]
Khử loài gian đảng, trừ phường tham ô.
Đồng nhân vốn dạ hề tô, [4]
Trầm gây bái tướng, rượu chờ khao quân.
Ô truy lướt bãi hồng trần,
Gươm thiêng phá Sở diệt Trần như chơi.
Vương sư tâu trước bệ trời, [5]
Lệnh sai binh mã kíp thời ruổi mau.
Giao tranh mới đọ tài nhau,
Tiên phong phút đã rụng đầu rơi gươm.
Quân triều thấy thế khôn đương,
Tiếc thân ai dám tranh cường nữa ư.
Nguyên nhung ruột rối tơ vò,
Phần e cửa khuyết, phần lo cửa tiền [6]
Ba quân truyền khắp dưới trên,
Thưởng công ai kẻ biết tìm mưu cao.
Văn ban đặt gối thưa vào:
Loạn quân có sức anh hào khôn lay.

Chú thích:

1. Quân lính, tướng tá nhiều, đồn trại cơ ngũ tổ chức mạnh.
2. *Thế thiên hành đạo*: thay trời thi hành chính sự.
3. *Phù nhược chế cường*: bênh vực kẻ yếu, ngăn cản kẻ mạnh không cho hà hiếp.
4. Ý nói người dân hoan nghênh tướng sĩ của quân khởi nghĩa.
5. *Vương sư*: quân thám báo.
6. Ý nói: chủ tướng bên triều đình lo sợ: trước mặt thì thua quân khởi nghĩa, phía sau thì triều đình và nhà vua không yên.

Quân triều chỉ có cách hay,
Làm thinh giả điếc giả ngây đợi thời.
Rút ra đóng chặt vòng ngoài
Chặn đường lương thảo, dùng bài kỳ binh.
Ấy mưu Trọng Đạt hãm thành,
Mà cho Gia Cát tài lành cũng thua. [1]
Khá khen diệu toán thần cơ, [2]
Án binh xoay hẳn thế cờ như không.
Dù ai vai sắt xương đồng,
Thiếu ăn đành phải chịu vòng gian nan.
Anh em đầu lĩnh luận bàn,
Đã lầm trúng kế còn toan nỗi gì!
Đánh liều phá vỡ trùng vi,
Mở đường huyết chiến hòng khi tái hồi.
Nửa đêm sắp đặt xong rồi,
Chọn con đường hẻm, mộ người thoát ra.
Triều quân mai phục không xa,
Thoắt nghe tiếng động, hiệu đà nổi lên.
Chiêng reo, trống dục, súng rền.
Rừng gươm giáo dựng, mưa tên đạn vùi.
Liều thân mà trả nợ đời,
Thảm thay nghĩa sĩ gặp hồi long đong.
Phiếu Sinh tả đột hữu xung,
Ngảnh nhìn tâm phúc đều không thấy người [3]
Thét to một tiếng xé trời,
Tướng triều hoảng hốt, ngã rời yên cương.
Quan quân chạy rạt bên đường,
Thừa cơ chàng mới tìm phương vượt rào.
Sợ uy chẳng dám xông vào,
Triều cho cung nỏ rào rào bắn theo.
Băng qua được bước hiểm nghèo,
Ngoái tay nhổ mũi tên đèo sau lưng.
Thoát thân vào khuất bìa rừng,

Chú thích:

1. Theo truyện *Tam Quốc:* Tư Mã Ý lập mưu giữ vững không ra đánh, chờ cho Khổng Minh hết lương phải rút quân.

2. Mưu mẹo tính toán tài tình, như thần.

3. Phiếu Sinh xông xáo bên phải bên trái, không thấy người của mình đâu cả.

Chiến bào tuấn mã buộc dừng gốc cây.
Nhịn đau, nấp xuống bãi lầy,
Nhờ thuyền ngư phủ sáng ngày bơi sang.
Quan quân tầm nã dọc ngang
Thấy bào, gặp ngựa, là tang tích rồi.
Đoán rằng lực kiệt thì thôi,
Không sa hùm sói cũng mồi thủy tinh. [1]
Vội vàng thưởng tướng khao binh,
An dân báo tiệp, hồi kinh khải hoàn. [2]
Phiếu Sinh may thoát vận nàn,
Tháng ngày lận đận, bước đàng lưu ly.
Thay hình đổi dạng nhiều khi,
Sớm sang phố vắng, tối về hang sâu.
Bạn bè ly tán nơi đâu,
Bao giờ lại được chung câu rửa hờn?
Bao giờ hết cảnh tai ương,
Mây tan mưa tạnh vầng dương lại về?
Lại cùng tâm phúc tương tri,
Dọc ngang cho bõ lời thề chí nhân [3]
Dặm trường chân bước phân vân,
Nẻo xa nghe vẳng chiêng ngân trống dồn.
Mục đồng hỏi lũ con con,
Mới hay rằng đó là thôn đương kỳ. [4]
Rộn ràng ngựa ngựa xe xe,
Vu lan hội ấy đúng kỳ Trung nguyên [5]
Trạo ca diễn tích lưu truyền,
Bá lâm đả hổ, Mục Liên giải cứu. [6]

Chú thích:

1. Phiếu Sinh thoát vòng vây, buộc ngựa cởi áo treo trên cây, rồi vượt sông trốn thoát. Quân triều đình đoán là anh đã bị kiệt sức, không bị cọp vồ thì cũng bị chết đuối.

2. Quân triều cho là đã dẹp xong, treo bảng an dân và rút về kinh đô.

3. *Lời thề trí nhân*: thề đạt được cái nhân (đạt được lý tưởng).

4. Không rõ "đương kỳ" là tên riêng hay có ý nghĩa là vào dịp, đúng lúc.

5. Lễ rằm tháng bảy có tên là hội Trung nguyên. Nhà chùa mở hội gọi là hội Vu lan bồn.

6. *Trạo ca*: hát chèo.

Mục Liên là chuyện ông Mục Liên xuống âm phủ cứu mẹ. Đả hổ là tích Võ Tòng, nhưng không rõ Bá Lâm là gì. Câu thơ cho biết ngày hội ở đây đã diễn ra các tích chèo ấy.

Lòng xưa rộng hứng nhàn du,
Chen vai đám hội, toan cầu thú vui.
Giai nhân tay múa miệng cười,
Khúc ngâm Thét nhạc, ca lời Sơn trang. [1]
Đầy sân yếm đỏ khăn vàng,
Dặt dìu tơ trúc, nhịp nhàng yến oanh.
Phiếu Sinh len lỏi bên đình,
Ngoảnh trông bỗng thấy giật mình ngẩn ngơ.
Phải đâu nắng quáng đèn lòa,
Làn thu ba đến bây giờ chưa quên.
Càng nhìn càng thấy quen quen,
Rõ người năm ấy cười bên tiệc này.
Thành Lam từ buổi chia tay,
Bao nhiêu năm lại giờ đây trùng phùng.
Nỗi riêng xếp để bên lòng,
Nghĩ mình lưu lạc dễ hòng hỏi han.
Đa tình thay khách hồng nhan,
Từ xa cũng nhận ra chàng Phiếu Sinh.
Lại gần thăm hỏi đinh ninh,
Thoáng qua nàng đã biết tình éo le.
Lánh mình qua đám hội hè,
Mời chàng hãy tạm ghé về nhà riêng.
Xóm làng mải cuộc vui đêm,
Tiện cho câu chuyện hàn huyên gót đầu.
Sinh bèn kể lể trước sau,
Nỗi buồn oan trái, nỗi sầu thất cơ: [2]
"Tấm thân bèo nước vật vờ,
Lênh đênh bể Sở sông Ngô bấy chầy.
Bạn vàng trộm tưởng lâu nay,
Người phong tao chắc sẵn ngày phong lưu?"
Rằng: "Nghe hỏi đến thêm sầu,
Hồng nhan bạc mệnh vốn câu đã từng.
Đón đưa lá biếc cành hồng,
Hoài thân cá chậu chim lồng đó thôi.

Chú thích:

1. *Thét nhạc, Sơn trang* là tên những khúc, điệu hát trong hội ca công.
2. Oan trái là chỉ vào việc thi hỏng, ngồi tù. Thất cơ chỉ vào việc thua trận.

Nghĩ rằng phải lứa vừa đôi,
Mẹ cha sớm định tìm người kết thân.
Thuyền sơn mà đỗ bến lầm,
Tai trâu mà gảy đàn cầm biết chi!
Thương tình là thói ngu si.
Một vòng hủ tục, bốn bề khóa xuân.
Tiền nghìn bạc mớ chen chân,
Ngoài danh lịch sự, trong thân đọa đầy.
Chồng xưa theo bạn theo bầy,
Quá chơi thất lộc, dành ngày héo hon. [1]
Con trai vừa tuổi trăng tròn,
Nhà vua bắt lính trú đồn phương xa.
Sớm chiều một khúc bi ca,
Trăng Tầm Dương thật khéo là soi chung!" [2]
Nghe thôi luống những đau lòng,
Đó đây ai đã não nùng hơn ai.
Cứu hoa là nghĩ liên tài,
Thẹn mình lận đận không bài vớt hương. [3]
Nàng rằng: "Dang dở bước đường,
Thân này cam nỗi đoạn trường thế thôi.
Dám xin hỏi lại một lời,
Nắng mưa có nhạt chí người cao minh?"
Rằng: "Đây lưỡi kiếm bất bình,
Biển sâu quyết dẹp côn kình lặng tăm.
Được thua là chuyện xoay vần,
Làm trai qua bước phong trần là hay.
Thù kia khôn đội trời này,
Dễ xô núi đổ, khôn lay dạ bền".
Dầu chong trắng đĩa tàn đêm,
Tiếng gà đâu đã gáy bên xóm ngoài.
Phiếu Sinh toan mở gót hài,
Thi Nhi cầm lại một hai thì thầm:
"Chàng đương gặp bước truy lùng,

Chú thích:

1. Ý nói chồng chơi bời, chết non.

2. Nhắc đến bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị. Nàng Thi Nhi có tâm sự như người kỹ nữ trên bến Tầm Dương.

3. *Vớt hương*: ý nói không có cách gì để thay đổi hoàn cảnh cho nàng.

Ra đi sao khỏi thoát vòng tuần tra.
Nữa rồi một bước một xa,
Bốn phương vô định cửa nhà là đâu.
Tị hiềm chớ nghĩ nông sâu,
Thiếp đà tính được chước mầu rất hay:
Dừng chân tạm trú ở đây,
Tiện khi thanh vắng, đợi ngày lập công.
Thiếp thì chợ Bắc chợ Đông,
Ngóng tin bạn hữu, tìm vùng sinh cơ.
Chẳng hơn lang bạt kỳ hồ, [1]
Biết đâu bến lặng mà đưa mái thuyền."
Chắp tay vái tạ hoàn thiên,
Dầu nghìn sấm sét dám quên ơn này.
Từ xưa nghĩa cả đức dày,
Tấm gương nữ kiệt thế này không hai.
Khuê phòng vội cải thư trai, [2]
Tường cao vách kín, then cài như bưng.
Cử ô để ngỏ một vòng,
Bữa thường sớm tối qua song gửi vào. [3]
Ngọn đèn dệt cửi treo cao,
Bấc tàn nối bấc, dầu hao tiếp dầu.
Năm tròn mải miết canh thâu,
Buồng trong mặc kẻ tìm câu chọn vần.
Tha hồ luyện võ ôn văn,
Sáng xem cổ truyện tối cầm binh thư.
Giữ lời giao ước khư khư,
Chưa đạt vận hãy hoãn giờ đuốc hoa.
Lần lần tháng lận ngày xa,
Đôi câu âu yếm vọng qua cửa tròn:
"Cũng là nguyện ước thề non,
Xót thân lưu lạc mựa còn hồ nghi. [4]
Dở dang nào có hay gì,
Không đa mang cứ làm chi đèo bòng.

Chú thích:

1. *Lang bạt kỳ hồ*: nguyên có nghĩa khác, nay chỉ vào ý lênh đênh phiêu bạt.
2. Buồng riêng của phụ nữ sửa lại làm phòng sách của học trò.
3. Khoét lỗ tròn ngoài cửa sổ để đưa cơm cho người ngồi trong buồng kín.
4. *Mựa*: tiếng cổ, có nghĩa là: há lẽ, sao lại.

Ngọn trào con nước mênh mông,
Ngược xuôi mũi lái đôi dòng sao nên.
Gặp duyên mà phụ cùng duyên,
Vẽ vời ngăn cách cho phiền lứa đôi.
Sớm chiều mái tóc pha vôi,
Cửa Thiên Thai khéo trêu người lắm sao. [1]
Lại như bọt nước làm phao,
Đói ăn bánh vẽ, chiêm bao thấy vàng.
Hững hờ chịu phận Tiêu Lang, [2]
Uổng cho khúc Phượng cầu hoàng véo von. [3]
Xưa nay hễ vẹn tình son,
Tố giông chẳng ngại ngọn nguồn nào e."
Lời ai càng nói càng mê
Ngừng thoi nàng sẽ tỉ tê nỗi lòng:
"Thiếp như mảnh ván giữa dòng,
Tiếc chi thân phận mà hòng đắn đo.
Phải điều cân nhắc duyên do,
Tri âm bến cũ đò xưa đã đành.
Nghĩ chàng công cả chưa thành,
Há nên để vướng vào vành tơ duyên.
Nữa mai gối ấm chăn êm,
Cung dâu có chọn lời nguyền cho chăng?" [4]
E bay mà mỏi cánh bằng,
Gió Đông chẳng thẹn duyên Đằng lắm sao! [5]
Cửa ngoài oanh yến xôn xao,
Bên song bóng ngựa lòng nào chẳng xuân. [6]
Khát khao bể ái nguồn ân,

Chú thích:

1. *Thiên Thai*: chốn hai chàng Lưu, Nguyễn gặp tiên.

2. *Tiêu Lang*: chàng Tiêu trong điển tích xưa, chỉ vào sự cô đơn, phận thiệt thòi, nhìn thấy vợ mà như khách qua đường để cho mình cô độc.

3. *Phượng cầu hoàng*: chim phượng mong sánh với chim hoàng, Tư Mã Tương Như xưa gảy khúc đàn này để tìm duyên lứa với Trác Văn Quân.

4. Ý nói: sợ yên ổn cảnh xum vầy thì sa sút chí tang bồng.

5. Mượn điển đã quen thuộc để chỉ vào duyên may gặp gỡ. Nếu sa đà thì cái duyên này không đẹp nữa.

6. Ý nói: rất biết ngày tháng trôi nhanh, mà bản thân còn khao khát yêu đương hơn trăm nghìn người khác.

Ngẩn ngơ dạ thiếp dư trăm thế tình. [1]
Rắp mong trọn chữ gia tình,
Bể Đông tát cạn bất bình cũng hay.
Sợ chưng cầm sắt bén dây,
Trúc mai che chở thêm cây quế hòe. [2]
Rồi ra muôn dặm trùng vi,
Cầu Trường Bản muộn lối về Tử Long. [3]
Đôi ta đã quyết đèo bòng,
Nỗi riêng xếp để bên lòng mới cao.
Vả còn giữ kín âm hao,
Tiếng tăm biết tính thế nào được ru? [4]
Xin chàng ghi nghĩa xuân thu,
Gươm trần hãy gối, mối thù chớ quên.
Lòng tơ thiếp vẫn giữ bền,
Còn thân còn dịp báo đền không lâu".
Lời oanh năn nỉ trước sau,
Chàng nghe chàng cũng đổi sầu làm tươi.
Nghĩ mình thêm thẹn mình thôi,
Ngờ đâu thục nữ vốn người cao minh.
Đã lòng quyết chí đua tranh
Thì xin trân trọng đinh ninh với lòng.
Lại yên tâm với thư phòng,
Bút hoa lại mải theo dòng hoa tiên.
Nàng riêng tấm tắc ngợi khen,
Rắp tâm chuộc lấy cho yên dạ người.
Tiệc vui chọn bản tìm bài,
Ôm đàn nàng cứ lời lời ngân nga.
Ngọc bàn nẩy hạt châu sa, [5]
Thi trung ý ngoại thiết tha gót đầu. [6]
Có khi tiếng trúc đeo sầu,

Chú thích:

1. Ý nói: Bản thân khao khát yêu đương hơn trăm nghìn người khác.
2. Sợ chung sống thì sẽ có con.
3. Lấy điển tích *Tam Quốc:* Triệu Vân đánh trận Đương Dương Trường Bản bị lúng túng vì phải bảo vệ đứa con nhỏ của Lưu Bị.
4. Ý nói còn phải giữ hành tung bí mật.
5. Những hạt châu rơi trên bàn ngọc. Ý nói lời thơ đẹp được hát theo đàn hay.
6. *Thi trung ý ngoại:* trong thơ có ý riêng, người biết ý mới hiểu.

Chợ Ngô thấp thoáng mái đầu Ngũ Viên. [1]
Có khi vọng khúc cầu hiền,
Tuyết bay vó ngựa bên thềm Ngọa Long. [2]
Non xanh bể bạc nghìn trùng,
Bá Nha ở đó, thấy Chung Kỳ nào. [3]
Gió tung san sát tiếng đao,
Chiêng câu đạc ngựa lựa vào dây tơ. [4]
Bâng khuâng như hẹn như hò,
Ngẩn ngơ như đợi như chờ ai đây.
Cao như hạc vút tầng mây,
Êm như bướm lượn hàng cây la đà.
Não nùng này tiếng quyên ca,
Bơ vơ này tiếng chim xa gọi đàn.
Bánh xe du tử ngỡ ngàng,
Cánh buồm trôi giữa tràng giang lững lờ.
Vô tình ai đó hững hờ.
Hữu tình duyên lại không ngờ gặp duyên.
Công lao nhờ khách thuyền quyên,
Mây tan lại hợp, triều êm lại dồn [5]
Canh chầu dưới mái cô thôn,
Trăng khuya soi tỏ nẻo đường đồng quy. [6]
Mấy hồi sương gió lưu ly,
Hết cơn bĩ cực đến kỳ thái lai.
Tẩy trần chén chén đầy vơi,
Thi Nhi nàng cũng được mời ngồi trên.
Bốn tường che kín ánh đèn,
Hơn mười tráng sĩ lại phen luận bàn.
Phiếu Sinh tuốt khỏi bao vàng,
Vẫn thanh gươm thuở chiến tràng ngày xưa.

Chú thích:

1. Ngũ Tử Tư sang nước Ngô, đàn hát ở chợ để tìm người hiểu mà giới thiệu mình.
2. Lưu Bị xông pha gió tuyết đến đồi Ngọa Long để cầu Khổng Minh.
3. Bá Nha là nhạc sĩ, chỉ nhận Chung Kỳ là bạn tri âm. Ở đây muốn nói tiếng đàn, câu thơ nhằm tìm bạn.
4. Ý nói: tiếng đàn nghe như thông reo, gươm khua, như tiếng nhạc ngựa rung.
5. Nhờ có tiếng đàn, những người ly tán lại gặp nhau, phong trào bị dẹp tan lại nổi lên.
6. Đêm khuya, các bạn đồng chí rủ nhau về gặp gỡ bên thôn vắng.

Một phen nghiêng ngửa cơ đồ,
Mà lòng trọng nghĩa nghìn thu lẫy lừng.
Chí ta lấp biển san rừng,
Một câu chính khí đôi vừng xét soi.
Chư huynh xin lại cùng tôi,
Trả xong thù cũ vẹn lời ước sau.
Anh em nghĩa sĩ cúi đầu:
Đã nguyền sinh tử, một câu xin thề.
Tính toan nẻo nọ đường kia,
Kẻ đưa chước ấy, người chia mẹo này.
Nơi đâu lũy đắp hào xây,
Mặt đông ai giữ mặt tây ai gìn.
Cơ mưu khi biến khi quyền,
Khi công khi thủ, vẹn tuyền ba quân. [1]
Đừng cho một bước sa chân,
Nghìn năm luống để ăn năn bẽ bàng.
Thấp cao mọi lẽ bàn hoàn,
Lắng tai thủ thỉ tiếng nàng Thi Nhi:
"Binh cơ vốn chẳng thạo gì,
Phận hèn xin cũng vụng suy đôi điều.
Xưa nay gương cũ thấy nhiều,
Thành xiêu chưa dễ mà xiêu lòng người. [2]
Sức dân phúc thủy nan hồi, [3]
Được lòng dân ắt vẹn mười công lênh.
Ngẫm xem như nước Nam mình,
Đã vua lại chúa ra tình éo le.
Khắp từ hải đảo sơn khê,
Những mong diệt Trịnh phù Lê bấy chầy.
Xứng danh nghĩa cử khi nay,
Cờ tôn Lê há để tay ai cầm. [4]

Chú thích:

1. Các tráng sĩ bàn với nhau cách đánh, cách giữ, mưu mẹo đối phó để bảo toàn được quân mình.

2. Ý nói: chiếm được thành, nhưng không chắc chiếm được lòng dân trong thành.

3. *Phúc thủy nan hồi*: nước đổ khôn vớt lại. Thành ngữ này dùng ở đây không hợp. Có lẽ muốn nói đến sức dân như nước lớn đã dâng lên thì không gì ngăn được, không có cách thu nước ngập được.

4. Ý nói muốn khởi nghĩa phải nêu khẩu hiệu phù Lê.

Trừ gian mà tạ lòng dân,
Dân theo rồi sẽ tính lần chuyện sau."
Thi Nhi vừa nói dứt câu,
Một nhà ai cũng gật đầu khen lao.
Phù Lê mẹo ấy rất cao,
Chính danh thiên hạ trông vào càng tin.
Bấy lâu Trịnh chúa lộng quyền,
Dứt tung giường mối, chật lèn túi tham.
Còn kìa chót vót non Lam.
Bình Ngô công đức cho ngàn đời soi. [1]
Anh em bàn định xong rồi,
Có người trong hội thuận lời kể luôn:
"Lâu nay nghe vọng tiếng đồn,
Miền ta có đảng hoàng tôn tung hoành, [2]
Rắp cùng Trịnh chúa giao tranh,
Cơ ngơi ở huyện Thạch Thành xa xa.
Ngọc Lâu dựng một chương tòa,
Tự xưng đế tử, hiệu là Thiên Nam. [3]
Đường đường văn võ quân quan,
Thế trong châu Ái lan sang châu Quỳ. [4]
Quân ta hợp sức kết nghì,
Ngược xuôi thanh thế ắt thì thêm to".
Bảo nhau chia ngả thăm dò,
Kẻ làm sứ giả, người lo lập phường. [5]
Sáng mai trời mới tinh sương,
Mấy mươi tráng sĩ lên đường lập công.
Bốn phương giục giã cánh hồng,
Phiếu Sinh chừng cũng động lòng nước mây.
Dặn dò tay lại cầm tay,
Vài tuần trăng có tin hay lại về.

Chú thích:

1. Nhắc đến công lao của Lê Lợi dẹp quân Minh (Bình Ngô).
2. *Hoàng tôn:* cháu vua.
3. Theo chính sử: Lê Duy Mật khởi nghĩa chống Trịnh, chiếm cứ huyện Thạch Thành, xưng là Thiên Nam đế tử, dựng thành quách gọi là Ngọc Lâu.
4. *Châu Ái:* Thanh Hóa; Châu Quỳ tức Phủ Quỳ (Nghệ Tĩnh).
5. Người được đi gặp Lê Duy Mật, người ở lại tập hợp phường bạn.

Chạnh niềm gác gấm buồng the,
Người đi thương kẻ sớm khuya dãi dầu,
Năm canh mộng đến bên lầu,
Nửa song treo bóng trăng cao chập chùng.
Nàng rằng: "Đã mối tâm đồng,
Dẫu mà trăm núi nghìn sông vẫn gần.
Một lời gửi với tình quân,
Lòng vàng xin giữ lòng xuân xin bền".
Chén son dốc cạn lời nguyền,
Tạm yên lòng kẻ băng miền xa khơi.
Phòng loan ngày tháng lẻ loi.
Mũi kim khi chậm đường thoi lúc dừng.
Thoảng nghe chim khách hót chừng.
Hỏi chim có nhắn tin mừng về chăng?
Nâng niu cuốn sách bài văn,
Vá may túi áo tấm khăn gọn gàng.
Xôn xao bỗng thấy xóm làng,
Kéo nhau mừng rỡ hỏi han gót đầu.
Con đi lính thú từ lâu,
Mãn kỳ nay được hồi đầu nghi gia. [1]
Nghìn trùng chiến địa bao la,
Những lo tên lạc đạn sa bao giờ.
Gian nan kể mấy cho vừa,
Con tân toan, mẹ cũng thừa đắng cay.
Thuở nào bồng bế trên tay,
Trưởng thành nay đã thế này rồi ư?
Trẻ thơ theo việc vương sư
Lệnh y nào biết thực hư lẽ trời, [2]
Con về là mẹ mừng rồi,
Bao vàng nón dấu nay thời cất đi.
Đói no cũng chẳng ngại gì,
Có con có mẹ tùy nghi mực thường.
Tiểu Lang rũ áo phong sương,
Sớm chiều bát cháo lưng cơm ngon lành.

Chú thích:

1. *Mãn kỳ:* hết hạn.
Nghi gia: trở về nhà.
2. Ý nói: đi lính chỉ biết quan cứ lệnh, lính cứ truyền, không hiểu gì thời thế cả.

Mấy hôm sum họp gia đình,
Liếc trông quang cảnh nhà mình lạ ghê.
Bởi đâu mà chốn phòng khuê,
Lại chia gian nhỏ khó bề ra vô.
Gươm treo vách, sách đầy bồ,
Áo quần xếp đó, rõ đồ nam trang.
Hoa tiên đầy tập trên bàn,
Vần thơ thực ý mơ màng giai nhân.
Càng xem càng thấy băn khoăn,
Hẳn rằng lòng mẹ mười phần khác xưa.
Phải rằng theo giấc non Vu,
Ngóng mây lúc sớm chờ mưa ban chiều! [1]
Giận riêng, khôn nói nên điều,
Một mình buồn bã đèn khêu canh dài.
Thi Nhi biết ý con trai,
Lựa lời phân giải một hai sự tình:
"Mẹ xưa cùng với Phiếu Sinh
Biết nhau từ thuở chưa thành duyên cha,
Lỡ làng một bước một xa,
Quan sơn tú thủy rẽ ra đôi dòng. [2]
Người đi noi chí tang bồng,
Mẹ thì gặp cảnh cô phòng bấy nay.
Ai ngờ bèo nước duyên may,
Xui nên tái ngộ một ngày gặp nhau.
Giấu gì con mối tình sâu,
Tri âm đồng điệu là câu đã từng.
Đàn chen tiếng sắt tiếng vàng,
Khôn ngơ khúc Phượng cầu hoàng thiết tha [3]
Mẹ không học thói người ta,
Dẫu lòng tư dục khoe là chính chuyên.
Phỏng như mẹ có tục huyền, [4]
Hẳn đâu là chốn tựa bền nương lâu.

Chú thích:

1. Lấy điển tích thánh nữ núi Vu Sơn sáng làm mây tối làm mưa, dan díu với vua Sở.
2. Không rõ nghĩa thành ngữ "quan sơn tú thủy" là gì. Ý câu thơ chỉ là gặp trở ngại, không xum họp được với nhau.
3. Đối chiếu với câu 372, đổi chữ *véo von* ra chữ *thiết tha*.
4. *Tục huyền:* tái giá.

Chẳng hơn ôm khối u sầu,
Tấm thân đơn chiếc biết sau thế nào?
Con thì theo việc binh đao,
Anh em kỷ phận ai nào lo cho. [1]
Những ngày trăm đắn nghìn đo,
Sào kia rắp đẩy cho đò sang ngang.
Bẻ bai đâu ngại xóm làng,
Song le cũng chẳng vội vàng làm chi.
Há vì một tấm tình si,
Nghĩ mình mà chẳng nghĩ gì đến ai.
Phiếu Sinh là bậc thiên tài,
Rõ trang quốc sĩ, rõ người kinh luân.
Dấn thân vào áng phong trần,
Trước sau vì nước vì dân một lòng.
Nghĩa kỳ toan dựng kỳ công,
Số chưa đạt phải chịu vòng bôn ba.
Ghé chân ở chốn nhà ta,
Chẳng e tiểu tiết cốt mà hưng binh. [2]
Mẹ đem đãi lấy lòng thành,
Ngoài tình bầu bạn, trong tình anh em.
Mọi bề trong ấm ngoài êm,
Gác cung cầm sắt để bên dạ này.
Lời lời kể hết con hay,
Đài sen gương mẹ lòng ngay mực thường".
Tiểu Lang lại thấy lo lường,
Dẫu yên nỗi mẹ còn vương việc đời:
"Cả gan đội đá vá trời,
Sức đâu mà dám lấp vời dời non?
Trần ai định cuộc vong tồn, [3]
Mai sau chắc có vuông tròn cho chăng?
Huống hồ còn đạo quân thân,
Bấy nay Trịnh trạch, Lê ân dồi dào. [4]
Há cần gây cuộc binh đao,

Chú thích:

1. *Kỷ phận:* ý nói ai lo phận người nấy.
2. Ý nói không quan tâm sự nhỏ nhặt, chỉ cốt dựng lại ngọn cờ khởi nghĩa.
3. *Vong tồn:* mất còn.
4. Ý nói đang chịu ơn của vua Lê chúa Trịnh.

Loạn thần tiếng ấy ghi vào sử xanh?"
Nghe con nói những thương tình,
Khó phân hắc bạch, khôn rành thị phi. [1]
"Con đi theo việc vương kỳ,
Biết vua biết chúa, biết gì đến dân.
Rầu rầu bốn cõi hương lân, [2]
Chim giam trong bẫy, cá cầm trong nơm,
Bữa thường nước mắt chan cơm,
Bầm thân nô lệ tím xương phu đài. [3]
Vua thì hư vị trên ngai,
Lăng loàn Chúa lại tính bài cướp ngôi.
Đạo ta nay đã cùng rồi, [4]
Kỷ cương đâu nữa mà đòi hiếu trung.
Nước trong con cá vẫy vùng,
Thương sinh còn đợi anh hùng ra tay.
Cứu dân ra khỏi vũng lầy,
Biết cơn nắng hạn, giục ngày làm mưa.
Còn như đắc thất tùy cơ, [5]
Chớ đem hiểm tượng mà ngờ công lao. [6]
Miễn cho gắng sức anh hào,
Xưa nay áo vải cờ đào thiếu đâu.
Tiên Hoàng là kẻ chăn trâu, [7]
Ngai vàng nổi giữa cờ lau trắng ngần.
Vua Lê định nước an dân,
Vốn người thảo dã, xuất thân lực điền.
Hễ mà có chí thì nên,
Trời xanh chẳng phụ người hiền đâu con!"
Tiểu Lang nghe tỏ nguồn cơn,
Tưởng như đuốc sáng soi đường đêm khuya:

Chú thích:

1. *Hắc bạch, thị phi:* trắng đen, hay dở.
2. *Hương lân:* làng xóm (dân chúng ở nông thôn).
3. *Nô bộc:* đầy tớ.
   Phu đài: dân chúng bị đẩy đi làm phu phen tạp dịch.
4. Ý trong lời than của Khổng Tử: Ngô đạo chi cùng hĩ! (đạo ta suy mất rồi).
5. *Đắc thất tùy cơ:* cái được, cái mất còn tùy cơ hội.
6. *Hiểm tượng:* điều nguy hiểm tưởng tượng. Ý nói đừng lo nguy hiểm về sau mà nghi ngờ sự cố gắng hôm nay.
7. Chỉ vào chuyện Đinh Bộ Lĩnh.

"Con đi khắp chợ cùng quê,
Rõ ràng mở mắt mà mê mẩn đời.
Nhà ta thô chuyết hẹp hòi, [1]
Lạ sao mẹ hóa ra người cao minh?"
Nàng rằng: "Nhờ có Phiếu Sinh,
Lẽ trong quốc thị đinh ninh giải bày. [2]
Văn bài tỏ sự tâm này,
Ý cao sáng dạ lời hay đẹp lòng.
Theo đời mẹ chẳng quản công,
Quét mây mù thấy trời trong xanh ngời.
Người yêu ta xứng với người,
Yêu nhau thì phải tài bồi lấy nhau.
Con chờ ít bữa không lâu,
Anh em nghĩa sĩ trước sau lại về."
Mẹ con tâm sự đề huề,
Việc nhà việc nước mọi bề mọi yên.
Mẹ thương con nỗi thiếu niên,
Con thương mẹ bậc mẹ hiền thảo ngay.
Bến hoa ríu rít oang bày,
Liễu giăng mành biếc, yến quây thoi vàng.
Đào mừng đón ánh thiều quang, [3]
Người mừng đón kẻ bình an lại nhà.
Tiểu Lang xin tạm lánh qua,
Muốn xem tình thế rồi ra thế nào.
Tiệc đêm đủ mặt anh hào,
Người đi huyện Thạch nghẹn ngào báo tin:
" Cơ đồ nơi ấy không bền,
Được phần đất hiểm, kém quyền dụng binh.
Uổng thay bao nả công trình,
Hoàng tôn nay đã bỏ mình trận vong. [4]
Liên hoành kế ấy không xong,

Chú thích:

1. *Thô chuyết:* vụng về.

2. *Quốc thị:* cái hướng phải đi của đất nước. Ý nói được giúp cho thấy rõ tình hình và nhiệm vụ đối với nước nhà.

3. Cả mấy câu tả cảnh mùa xuân: liễu xanh, chim hoàng yến, chim oanh, hoa đào, nắng mới.

4. Lê Duy Mật đã thất bại.

Quân ta nên liệu hợp tung chốn nào." [1]
Phiếu Sinh nghe tỏ tiêu hao.
Xót xa thương nỗi anh hào truân chuyên.
Cùng ta chưa phỉ lời nguyền,
Người đà sớm khuất ta thêm bẽ bàng.
Đã đành một sự dở dang,
Thế công cứ với quyền gian đối đầu. [2]
Mọi người suy tính cạn sâu,
Một lòng đội đá chung câu vá trời.
Thiết tha lời lại nối lời,
Bên song bỗng có tiếng người đưa sang.
Rằng: "Sao dám những to gan,
Kết phường bạn nghịch mưu toan chuyện gì?
Biết điều chịu trói ngay đi,
Tiên năng tự thú, sẽ thì giải kinh." [3]
Các trang nghĩa sĩ giật mình,
Chắc rằng gian tế lọt vành vào đây.
Hãy cho nếm lưỡi gươm này,
Ra quân ta vẫn trước hay tế cờ.
Thi Nhi vội đứng lên thưa:
"Thực con trai thiếp, tên là Tiểu Lang.
Bấy lâu đi lính nhà Vương,
Trẻ thơ đã biết chi đường trọng khinh.
Chư huynh xin hãy lượng tình,
Vốn chưng con dại đã đành cái mang".
Đoạn rồi nói với Tiểu Lang:
"Bác đây cùng mẹ là làng tri âm.
Lo đời một mối đồng tâm,
Hôm xưa mẹ đã phân trần con hay.
Dù con ngăn trở chuyện này,
Cầm bằng cho mẹ đến ngày mệnh vong". [4]
Tiểu Lang quỳ xuống hãi hùng:

Chú thích:

1. Thời Chiến Quốc Tô Tần và Trương Nghi có kế sách hợp tung, liên hoành. Ở đây mượn mấy chữ ấy.

2. Ý nói: chúng ta vẫn chỉ chủ trương tấn công họ Trịnh.

3. *Tiên năng tự thú:* biết lỗi mà tự thú trước.

4. Ý nói: nếu ngăn trở thì mẹ sẽ chết"

"Mới rồi đánh bạo, ướm lòng đấy thôi,
Nghe qua đàm luận mấy lời,
Biết câu đại nghĩa biết người trượng phu.
Được rày quét đám mây mù,
Xin theo chân ngựa, dậm cù xông pha." [1]
Khen rằng: "Thực đáng con nhà,
Đức hiền tại mẫu quả là không sai. [2]
Một mai trên chốn vũ đài,
Đáng mừng có cháu anh tài thiếu niên".
Cơn vui tiệc lại nối liền,
Đài thêm sáp bạch, bầu thêm rượu nồng. [3]
Phiếu Sinh cười nói ung dung,
"Thế trong đại cuộc, còn mong nước cờ.
Cháu đi bốn cõi giang hồ,
Kiến văn chắc cũng không thua kém gì.
Dẫu rằng hay dở nề chi,
Ý riêng cứ việc tùy nghi tỏ tường".
Thưa rằng: "Chút phận tầm thường,
Dám đâu khinh suất đo lường thấp cao.
Trộm nghe câu chuyện ra vào,
Hình như mong kẻ anh hào kết thân.
Mấy năm lăn lộn phong trần,
Đường Trong cháu đã quen chân dạn dầy
Có nghe ở chốn non Tây,
Một nhà tuấn kiệt mấy tay anh hùng.
Trời Nam đua sức vẫy vùng,
Trùm danh Phiên Trấn, lừng công Xuân Thành [4]
Dọc ngang vó ngựa tung hoành,
Sấm vang dậy trận, gió thanh quét trần.
Hùng cường bội sức ba quân,
Đức kiền rộng rãi, lòng nhân vỗ về [5]

Chú thích:

1. *Dợm cù*: dặm đường
2. *Đức hiền tại mẫu*: nhờ có đức hiền của mẹ mà con nên người tốt.
3. Cắm thêm nến trắng vào cọc đèn, đổ thêm rượu vào bầu.
4. *Phiên Trấn, Xuân Thành*: có lẽ chỉ vào Gia Định, Phú Xuân.
5. *Đức kiền*: đức độ của trời đất. Cả câu muốn nói uy đức của vương triều đối với dân chúng rất lớn.

Dan tay bốn bể đề huề,
Cửa viên chực sẵn cỗ xe cầu hiền. [1]
Ngửa trông đỉnh vạc vững bền,
Rõ gương Thuấn Vũ, rõ nền Thương Chu. [2]
Ngại chi muôn dặm trường đồ,
Đó đây chung một bóng cờ nên chăng?"
Anh em nghĩa sĩ cả mừng,
Được nơi đấu cật chung lưng đây rồi
Lại cùng cân nhắc ngược xuôi,
Gặp minh chúa phải chọn người tinh anh.
Còn ai hơn được Phiếu Sinh,
Cùng Thi Nhi hãy đăng trình chuyến xa.
Dễ dàng che mắt người ta,
Giả danh thương khách ông bà cũng nên. [3]
Hợp tình còn nói gì thêm,
Tiệc Dương quan lại chén khuyên dặt dìu. [4]
Người đi gió sớm sương chiều,
Kẻ về sơn trại ngóng theo nhật trình.
Trống lầu vừa giục tàn canh,
Thi Nhi cùng với Phiếu Sinh lên đường.
Nàng rằng: "Khăn gói dặm trường,
Sớm trưa có thiếp có chàng sánh đôi.
Tình trong ân ái đành rồi,
Ra ngoài thiên hạ cũng lời phu thê.
Ngại ngần khi tỉnh khi mê,
Lúc đi đã vậy lúc về thì sao?"
Chàng rằng: "Đã lập trí cao,
Lọ là em phải đón rào làm chi.
Cùng chung một tấm trung nghì,
Lẽ công chưa trọn tính gì niềm riêng.
Phải đâu mượn chuyện cầm quyền,

Chú thích:

1. Ý nói: ở trước cửa doanh trại, luôn luôn có để cỗ xe để đón tiếp người tài.

2. *Thuấn, Vũ, Thương, Chu*: tên các triều đại Trung Quốc được xem là thịnh trị, có vua giỏi và nhân hậu lập nghiệp.

3. *Cũng nên*: cũng là điều hay. Ý nói Phiếu Sinh và Thi Nhi giả làm vợ chồng nhà buôn vào Nam thì không ai ngờ.

4. *Mượn chữ thơ Đường*: Tiệc Dương quan là tiệc chia tay tiễn biệt.

Mảng vui để thẹn lời nguyền xưa nay."
Dặn dò nhau nỗi riêng tây,
Khi mơ biết tỉnh, khi say biết ngừa.
Ruổi rong mấy lớp chinh đồ,
Quen người Nam Ngạn, xa dò Bắc tân [1]
Quanh co cát biển cây rừng,
Vịn tay đầu sóng, tựa lưng bên đèo.
Linh giang buồm lộng thủy triều,
Hải Vân bát ngát mây theo mái biền [2]
Giữa vùng cỏ mọc hoa chen,
Gió xe tác quyện, suối in bóng hồng.
Sườn non đôi bướm lượn vòng,
Xa xa đôi nhạn liệng vùng trời xanh.
Nàng rằng: "Thỏa chí bình sinh,
Trần gian có dễ riêng mình hưởng riêng.
Ngẫm từ dưới gối xuân huyên, [3]
Thâm khuê nào biết sơn xuyên là gì. [4]
Trộm nhớ ân nghĩa tương tri,
Anh hùng luống bận nữ nhi đèo bòng." [5]
Chàng rằng: "Khéo kể nên công,
Giá như hỏi lại chữ tòng thì sao?
Từ xưa công chúa má đào,
Lấy chàng đốn củi cũng vào hang sâu!"
Thẹn thùng e lệ cúi đầu,
Khéo cho chàng đã vui câu cợt người.
Ngắm mây lại hỏi mấy lời,
Xa xôi bao dặm trông vời cố hương!
Mẹ già tóc đã điểm sương,
Lấy ai nâng giấc bên giường sớm khuya?
Có con con mải chưa về,
Có dâu nhưng mẹ chưa hề thấy dâu [6]

Chú thích:

1. *Nam Ngạn*: bờ phía Nam, *Bắc tân:* bến đò phía Bắc.
2. *Mái biền*: chưa rõ là gì. Linh giang là sông Giang.
3. *Xuân huyên*: cha mẹ.
4. Ý cả hai câu: từ ngày ở với mẹ cha, chỉ biết có buồng the chứ chưa hiểu gì sông núi.
5. Ý cảm ơn Phiếu Sinh, đưa mình đi đây đi đó.
6. *Dâu*: con dâu. Thi Nhi đã tự nhận là vợ Phiếu Sinh.

Xanh xanh non nước một mầu,
Đoàn viên giấc mộng đến đâu là ngày?
Chàng rằng: " Nợ trót phải vay,
Sân Lai thư nhạn bấy chầy vắng tin. [1]
Sen tàn cúc nở đòi phen,
Lòng quê khắc khoải, con thuyền lênh đênh.
Cùng nàng nay vẹn ba sinh,
Non Hồng hẹn buổi quy trình không xa."
Bâng khuâng nỗi mới niềm xưa,
Ngẩn ngơ dáng liễu, thẫn thờ gương son.
Dưới trăng còi mục đã dồn, [2]
Vội vàng tìm chốn bên đường nghỉ chân.
Phố phường tài tử giai nhân
Lầu thưởng cảnh, quán phùng tân dập dìu [3]
Phồn hoa nhất cõi Nam Liêu,
Bốn dinh hoa kết đèn treo rỡ ràng. [4]
Thức ngon vật lạ đầy tràn,
Góp thân phong nguyệt, bày hàng trúc mai.
Nhác trông lạ cảnh lạ người,
Ngắm xem phong tục khác nơi Bắc hà.
Một bầu thế giới bao la
Chốn ngâm bạch tuyết, nơi ca thái bình [5]
Hỏi thăm chủ quán sự tình,
Mới hay đây có đức lành vỗ yên.
Mặt trời từ rạng tây thiên,
Lũ dương mất vía, quân phiên bay hồn. [6]
Gươm thiêng sạch bóng cáo chồn,
Rồng bay phượng múa bốn phương tưng bừng.
Nghe qua dạ những thêm mừng,

Chú thích:

1. *Sân Lai*: Sân lão Lai múa làm vui cho bố mẹ xem.
Cả câu ý nói đã lâu không có thư từ tin tức với mẹ.
2. *Còi mục*: tù và của mục đồng.
3. *Thưởng cảnh*: ngắm cảnh. *Phùng tân:* đón khách.
4. *Bốn dinh*: chưa rõ là dinh gì.
5. Ý nói cảnh thái bình thịnh trị, có những bản đàn tuyệt tác nhất.
6. Chỉ vào việc dẹp yên những lực lượng chống đối (liên hệ với tình hình thời sự ở Đồng Nai, Gia Định cuối thế kỷ 18).

Bõ công lội suối băng rừng đến đây.
Tẩy trần mượn chén đêm nay,
Mười phần vui đã cầm tay chín phần.
Thấy nàng sắp áo nâng khăn,
Cười rằng: "Sao vội ân cần sửa sang?
Nay mai vào trước tòa vàng,
Chắc nàng e chuyện xấu chàng hổ ai!"
Giả nghiêm, chau khẽ nét ngài,
Càng xinh sắc thắm, càng tươi thức hồng.
Hơi thu ấm áp loan phòng,
Ánh đèn mờ tỏ, trướng hồng lung linh.
Nõn nà vẻ quý chiều thanh,
Khuôn rằm bóng xế vẫn vành vạnh gương.
Lời oanh kể gối uyên ương,
Những từ ươm nhớ gây thương đến giờ,
Thiên Thai mấy thuở ngăn ngừa,
Nghĩ đà đắc tội hững hờ với duyên.
Tấc riêng, riêng đợi báo đền,
Động đào khép mở nay quyền chúa xuân.
Cầm tay thương cảm vô ngần,
Lửa hồng hương đượm bội phần thiết tha.
Một lòng ta đã biết ta,
Phải điều chiều chuộng mới ra chung tình.
Tâm thành nguyện ước đinh ninh,
Giữ giàng ta, cũng có mình ở trong.
Duyên kim cải, nghĩa vợ chồng,
Thiếp canh chưa viết, chữ đồng đã in.
Trọng nàng nên vẹn niềm tin,
Trong chung thủy đã gấp nghìn yêu đương.
Được lời càng quý càng thương,
Càng âu lượng cả, càng nhường trí cao.
Sá gì năm tiết bảy tao,
Bền lòng đợi nguyệt mong sao mà mừng.
Ngoài song ô đã hé vừng,
Tiếng chim lảnh lót hót lừng trên cây.
Nàng rằng: "Được buổi hôm nay,

Chốn trung quân phải tỏ hay sự lòng. [1]
Nửa đời cất gánh non sông,
Lao đao quốc sĩ, não nùng lê dân. [2]
Bắc Nam tính cuộc phong trần,
Trộm trông đuốc rọi như gần như xa.
Ước ao muôn dặm một nhà,
Bỏ công chọn mặt cho ta gửi vàng.
Còn như kim mã ngọc đường,
Chẳng qua sau trước một trường mộng du. [3]
Ngang tàng vốn tính trượng phu,
Tùy cơ cho tiện liệu trù kết giao. [4]
Ngọc lành ắt chẳng bán rao,
Vị đời cũng chẳng làm cao với đời." [5]
Rằng: "Nghe bàn luận mấy lời,
Vào trong cao thượng, ra ngoài trung trinh.
Thâm sâu mấy khúc chung tình,
Ai tri âm mới biết mình tri âm.
Nán chờ nàng hãy bình tâm,
Vụng toan cũng chẳng dám lầm lỡ đâu."
Chỉnh tề lễ phục không lâu,
Cậy người chủ quán dẫn vào cửa viên.
Trướng hùm tráng lệ oai nghiêm,
Có quen kính sĩ đãi hiền hay chăng? [6]
Thi Nhi bên quán lại dừng,
Mượn đường kim chỉ, ngóng chừng tin vui.
Chuông lầu khuya sớm đổ hồi,
Mặt trời lên, lại mặt trời xế ngang.
Vào ra quanh quẩn bàng hoàng,
Cơm ôi nước nguội tin chàng vắng không.
Phố phường xe ngựa trập trùng,

Chú thích:

1. Ý nói phải trình bày rõ tâm sự.

2. Người chiến đấu cho đất nước thì vất vả, dân chúng thì cực khổ.

3. Ý nói không thiết làm quan. Cánh ngựa vàng nhà ngọc chẳng qua là một trò chơi trong mộng.

4. Thi Nhi biết tính người yêu ngang tàng, nên khuyên phải tùy cơ ứng biến.

5. Ý nói: không hạ mình cầu cạnh, nhưng cũng không làm cao mà chỉ cốt giúp đời.

6. Ý nói để xem những người cầm quyền ở chốn oai nghiêm như thế có biết trân trọng nhân tài hay không.

Càng thêm xao xuyến niềm mong nỗi chờ.
Lại tìm chủ quán hỏi dò,
Thưa rằng: "Chẳng rõ duyên do thế nào.
Người vào thị vệ đưa vào,
Chúng tôi chỉ đứng bên rào xa xa.
Dám đâu thóc mách lân la,
Quá trưa đành phải quay ra ngoài đường.
Nàng càng trăm nỗi vấn vương,
Ngọn đèn trằn trọc chiếu giường ngổn ngang.
Một thân quán khách nhỡ nhàng,
Đêm dài dằng dặc lòng càng nhớ ai.
Chữ thành đã chắc một hai,
Trời xanh còn muốn ghen tài chi đây?
Thẩn thơ đêm tối lại ngày,
Sầu tuôn má phấn, đau dày ruột hoa.
Quyết tình thôi chẳng nề hà,
Thương chồng há ngại xông pha tìm chồng.
Đánh liều vào chốn quân trung,
Mà xem tin tức vân mòng ra sao.
Sương mai còn ướt cành đào,
Mau chân đã thấy nàng lao vào thành.
Nét nghiêm cong ngấn mày xanh,
Lầm lỳ thẳng hướng tiến dinh ngó tìm.
Quân canh ngơ ngác đều nhìn,
Thoắt thôi võ sĩ đến bên hỏi dồn:
"Người đâu lạ nước lạ non,
Xinh tươi thế ấy ngông cuồng thế kia.
Chốn đây nghiêm cẩn kinh kỳ,
Vào ra đường đột tội thì khôn dung".
Thi Nhi chẳng chút sờn lòng,
Lặng thinh cứ bước vào trong sảnh đường.
Bỗng nghe tiếng thét vội vàng,
Lệnh quan Tổng quản bắt giam người này!
Cũng phường thích khách chi đây, [1]
Hôm qua mới chém một tay hung đồ.

Chú thích:

1. *Thích khách*: người đi ám sát.

Canh phòng các chú phải lo, [1]
Những loài gian tế thập thò trước sau.
Thi Nhi nghe tỏ mấy câu,
Sững sờ kinh sợ ngã nhào xuống hiên.
Làm sao có chuyện đảo điên,
Hẳn chàng nay đã hoàng tuyền xa chơi [2]
Thảm thương chi mấy hỡi trời!
Thác không chết uổng, một đời tài hoa!
Thiệt người, còn ích gì ta,
Chàng ơi khoan vội thiếp mà theo chân.
Bốn bên nhìn thấy tối sầm,
Đất hơi nghẹn ứ, toàn thân cứng đờ.
Quân quan thấy sự bất ngờ,
Khương thang kịp đổ, đợi chờ hồi dương. [3]
Dìu nàng nồi tựa bên tường,
Mời Đô tổng quản thăng đường hỏi han [4]
Rằng: "Nàng là phận hồng nhan,
Cớ sao lại dám lăng loàn xông pha?
Cùng tên gian tế hôm qua
Họ hàng thân thích gần xa thế nào?"
Nàng càng tức tối quặn bào.
"Chồng tôi nào phải người nào gian manh.
Nước non nặng gánh chung tình,
Giận phường Lê Trịnh, quên mình cô đơn.
Vẫy vùng ngọn bút thanh gươm,
Liệu chăn kẻ rét, lo cơm người nghèo.
Mênh mông sóng cả con chèo,
Vui câu đại nghĩa, khinh điều nguy vong.
Xa nghe cờ dựng đường trong,
Trèo non vượt biển, cất công dò tìm.
Tưởng rằng ngư thủy hòa duyên, [5]
Tao phùng chúa sáng tôi hiền nên chăng.

Chú thích:

1. Lời quan chỉ huy gọi lính tráng là các chú.
2. *Hoàng tuyền*: suối vàng. Thi Nhi cho là Phiếu Sinh đã bị giết.
3. *Hồi dương*: tỉnh lại.
4. *Đô tổng quản*: chức quan võ thời cuối Lê, Tây Sơn.
5. *Ngư thủy hòa duyên*: cá nước duyên ưa.

Ngờ đâu sấm dậy đất bằng,
Rơi tay độc thủ làm xằng thiệt thân
Phu quân ơi hỡi phu quân!
Bao giờ hết lũ ác nhân dưới trời!
Thôi thôi đã rõ các người,
Uổng công trông đợi, tiếc lời ngợi khen!"[1]
Đô quan đổi sắc hỏi liền:
"Chồng nàng quê quán, họ tên là gì?"
Đáp rằng: "Lọ phải giấu chi,
Thi Nhi là vợ, chồng thì Phiếu Sinh".
Thoáng nghe, Tổng quản giật mình.
Vội vàng đứng dậy: "Kính trình phu nhân,
Chúng tôi thất lễ muôn phần,
Ngờ đâu gót ngọc giáng lâm chốn này!"
Gọi đoàn túc vệ ra ngay,[2]
Sửa sang áo mũ, kíp bày tiệc hoa.
Thi Nhi sửng sốt, ngẩn ngơ,
Việc cùng hóa biến như là chiêm bao.
Dám đâu vội nhận lời chào,
Xin người giãi tỏ thấp cao cho tường.
Đô quan thực ý lo lường,
Thưa rằng: "Trong nghị sự đường hôm kia:
Chúa tôi mừng rỡ hả hê,
Lệnh phu quân được đứng kề giá loan,[3]
Tiên phong chức ấy đã ban,
Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng giao cho.
Mới rồi căn vặn nhỏ to,
Thực là ngờ nghệch, hồ đồ lắm thay!
Phu nhân xin hãy ngồi đây,
Trung quân kíp đệ trình ngay hỏa bài".[4]
Chuyện nghe hồi lại nực cười,

Chú thích:

1. Ý nói: đã từng ca ngợi, hi vọng ở các anh, mà nay bị thất vọng vì các anh cũng là lũ người ác độc.

2. *Túc vệ*: lính hầu

3. *Giá loan*: ngai vua.

4. Tổng quản xin gửi ngay hỏa bài (báo tin gấp) vào trung quân (chỗ nhà vua và tướng cầm quân).

Thẹn mình đã quá buông lời nhặt khoan.
Tay vê giải áo mơ màng,
Tưởng như cách thế mộng đàm lâng lâng.[1]
Gió đưa tiếng nhạc đến gần,
Phút đâu xe ngựa đầy sân chật đường.
Ba quân gươm giáo rỡ ràng,
Mười viên thống lĩnh sắp hàng hai bên.
Ngựa hồng mới đến bên hiên,
Người trên ngựa đã xuống yên lúc nào.
Dung nghi rực ánh cẩm bào,
Hào quang chói lọi, bước vào trong dinh.
Cười rằng: " Đây thực Phiếu Sinh,
Ngỡ là ai, quả là mình đấy thôi.
Ba ngày đằng đẳng khôn nguôi,
Giờ đây lòng có bồi hồi nữa chăng?
Điều đâu thực cứ như rằng,
Vén mây trông cánh chim bằng được chưa?"
Nụ hồng chúm chím say sưa,
Nhìn quanh chưa tiện gửi thưa đãi đằng.
Rót mời Tổng quản nhấp cùng,
Tạ ân có buổi trùng phùng hôm nay.
Rượu mừng vừa cạn chén say,
Kiệu hoa đã thấy đâu đây đón chờ.
Ba quân nổi trống giong cờ,
Kèn loa rộn rịp, trúc tơ dặt dìu.
Buồng riêng phơ phất mảnh điều,
Nhà vàng đợi gót A Kiều nở sen.[2]
Anh hùng sánh với thuyền quyên,
Thỏa lòng mong đợi, phỉ nguyền ước ao.
Nàng rằng: "Sao khéo làm cao,
Ba ngày qua chẳng khác nào ba thu.
Trong gang tấc vẫn mịt mù,
Dè chừng hoa héo trăng mờ cho cam!"
Rằng: "Xin chịu tệ với nàng,

Chú thích:

1. *Cách thế mộng đàm*: nói chuyện trong giấc mơ với người kiếp trước.
2. Dùng điển Hán Vũ Đế muốn làm nhà vàng cho nàng A Kiều ở.

Mải ngày đêm há vì toan phong hầu. [1]
Điện tiền hôm nọ không lâu,
Võ ban đưa thẳng vào hầu ngự doanh.
Được rày lượng cả cao minh,
Đổi ngôi chủ khách ra tình tri âm.
Đãi hiền quen lạ không phân,
Nửa đêm đốt đuốc trao phần nhung y. [2]
Lệnh truyền ngay các đô ty,
Dọn tòa tư thất, chia vi phủ đường. [3]
Tiếp ngay mấy buổi hòa thương,
Quân tình xứ Bắc, binh lương xứ Đoài.
Cờ mao trỏ hướng Đường Ngoài,
Trừ gian ý cũng quyết bài chủ công. [4]
Rạng ngày sắp đặt vừa xong,
Việc riêng mới dám tỏ cùng thiên nhan.
Còn nghe khuyên nhủ bảo ban,
Thì vừa Tổng quản đưa sang hỏa bài.
Minh công rộng lượng cả cười,
Truyền theo nghi lễ đón mời phu nhân.
Đủ điều chu đáo ân cần,
Dễ đem sức mỏng, báo ân đức dày".
Cạn lời mới rõ niềm tây,
Càng trân trọng nghĩa, càng say đắm tình.
Men đâu thêm tỏa chén quỳnh,
Hương đâu thêm ngát trên bình mẫu đơn. [5]
Tình xuân lai láng đêm trường,
Phím tơ lại giục giai chương tiếp vần, [6]
Đã cho rũ áo phong trần,
Cho thi nên tứ, cho cầm nên xoang.
Này cung Lộng Ngọc Tiêu Lang,

Chú thích:

1. Ý nói: tôi mải mê công việc suốt mấy ngày đêm, không phải vì muốn phong chức tước.

2. Ngay trong đêm tối, nhà vua sai đốt đuốc tìm áo mũ để phong cho người mới được vua thu nhận (Theo điển Tề Hoàn Công phong chức cho Ninh Thích).

3. Lệnh sắp đặt nhà riêng cho Phiếu Sinh ở.

4. Ý nhà vua cũng quyết đánh ra Bắc.

5. Rót rượu, đốt thêm hương, cắm thêm hoa.

6. Hai người bảo nhau làm thơ và đánh đàn.

Phiêu phiêu cánh phượng tít ngàn mây xanh. [1]
Này cung Quân Thụy Oanh Oanh,
Lửng lơ trăng động hoa đình mái Tây. [2]
Khúc nghe dồn dập vui vầy,
Vó câu Quản Trọng giục bay sang Tề. [3]
Khúc nghe đầm ấm vồ về,
Thạch Sanh phò mã tựa kề Quỳnh Nga. [4]
Vàng gieo, bạc rắc, châu sa,
Đàn theo bảy tiếng, thơ hòa năm âm. [5]
Theo thơ chim cũng họa vần,
Theo đàn trời cũng rạng dần ánh dương. [6]
Chàng rằng: "Sự đã tỏ tường,
Duyên này phận ấy đôi đường vẹn đôi.
Dẫu xem danh lợi như cười,
Đành trang mệnh phụ, đành ngôi tướng thần. [7]
Nay nàng ở lại buồng xuân,
Phận trai xin để hàng quân theo đòi.
Minh công ý đã quyết rồi,
Đề binh Bắc phạt mọi người đều hay.
Tiểu Lang cùng với bạn bầy,
Đã cho lệnh tiễn, đúng ngày hội sư". [8]
Nàng rằng: "Liễu yếu đào tơ,
Việc quân xin cũng theo cờ thử xem.
Dẫu khôn kịp dấu mã tiền, [9]
Gừng cay muối mặn từng quen tính chàng".
Chàng rằng: "Ân ái muôn vàn,
Một lời nói dẫu ngàn vàng dễ so.

Chú thích:

1. *Theo điển*: Tiêu Lang thổi tiêu cùng Lộng Ngọc bay lên trời.
2. Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy dạo đàn giao duyên bên chùa mái Tây.
3. Quản Trọng trốn theo Tề Hoàn Công, đặt ra khúc hát để giục đoàn đi cho nhanh.
4. Thạch Sanh cùng vợ là công chúa Quỳnh Nga đánh đàn lui giặc.
5. Đàn dạo theo lời thơ thất ngôn, thơ viết theo năm bậc ngũ cung: cung, thương, dốc, chủy, vũ.
6. Ý nói: thơ ngâm đến sáng, chim hót theo như họa vần. Trời nghe đàn mà ló mặt ra.
7. Dù không chú ý danh lợi thì cũng đã thành ông quan bà quan.
8. Giao cờ lệnh để hẹn ngày tập kết quân đội.
9. *Dấu mã tiền: dấu* chân ngựa.

Lòng riêng, riêng cũng chẳng ngờ,
Tài cân quắc, bước giang hồ sá đâu. [1]
Những toan như ý sở cầu,
Song còn nghĩ lại trước sau cho tròn.
Cùng người buổi mới quân môn,
Chưa quen tả hữu, chưa tường đó đây.
Mà ta tháng đủ năm đầy, [2]
Tránh sao miệng tiếng dở hay thường tình.
Thương nhau bao quản công trình,
Xa xôi mình vẫn có mình ở bên.
Miễn thông tin nhạn cho liền,
Đừng xao xuyến dạ, mà phiền muộn dong".
Rằng: "Thôi, âu cũng chiều lòng,
Lại như chinh phụ trông chồng thuở xưa.
Xót người ăn gió nằm mưa,
Cho mình lựa sớm nhưng trưa ra vào.
Ở đây chẳng tiện chút nào,
Hay chàng cho thiếp về chào quê ta.
Chàng đi muôn dặm quan hà,
Thiếp về phụng dưỡng mẹ già hôm mai.
Chẳng hơn vò võ phương trời,
Vào ra đài các cho người quan chiêm". [3]
Chàng rằng: "Được thế thì nên,
Mẹ già ở chốn cố viên cũng mừng.
Mải mê sông biển núi rừng,
Bấy lâu nhạt muối mặn vừng không hay.
Có nàng dâu mới về thay,
Nhà huyên tuổi thọ tháng ngày vui thêm. [4]
Ngược xuôi chung tấm trăng nguyền,
Rạng vùng quan tái, soi miền khuê môn." [5]
Bâng khuâng sẻ nhớ chia buồn,

Chú thích:

1. Ý nói có tài như em thì sự lặn lội trên bước đường trường chinh không đáng sợ.
2. *Tháng đủ năm đầy*: ý nói lúc nào cũng gần gũi bên nhau.
3. *Đài các*: chỉ vào cảnh giàu sang.

Quan chiêm: xem xét. Thi Nhi không muốn người ngoài tò mò theo dõi.

4. *Nhà huyên*: bà mẹ.
5. *Quan tái*: chỉ nơi quan ải, nơi chiến trận. *Khuê môn:* phòng khuê của phụ nữ.

Bỗng nghe soái phủ thư son đệ vào.
Lệnh cho chư tướng anh hào,
Tả chi hữu dực, giáp bào chỉn chu. [1]
Định ngày nổi trống xuất sư,
Binh quý thần tốc, không chờ hỏi han. [2]
Thi Nhi cầm bút vội vàng,
Viết thư căn dặn Tiểu Lang vài lời.
Khá nên đua sức đua tài,
Cho yên lòng mẹ phương trời xa xăm.
Theo người, con chớ băn khoăn,
Dẫu không sinh đẻ, cũng ân tác thành.
Con vui cho mẹ phận lành,
Mẹ vui con bước vân trình thênh thang. [3]
Thoắt thôi có lệnh lên đàng,
Súng rền dậy sấm, cờ phan cuối trời.
Ào ào thác đổ sóng dồi,
Tiền hô thiết kỵ, hậu đòi tượng binh. [4]
Minh công ngự giá thân chinh,
Trần gian một lưỡi gươm linh sá gì.
Phiếu Sinh giáp trụ uy nghi,
Lệnh giao lên ngựa khắc kỳ xuất quân, [5]
Những từ lưu lạc gian truân,
Mấy thu qua, lại gươm trầm cầm tay.
Tiên phong trọng trách phen này,
Nợ đời nhất quyết vỗ tay tang bồng.
Ngước nhìn sang phía bờ sông,
Thuyền Thi Nhi cũng sắp dong buồm rồi.
Bóng hồng thấp thoáng trên mui,
Gió mai phảng phất lưng trời đưa hương.
Ngựa phi ra nẻo sa trường,

Chú thích:

1. Chỉ vào văn võ tướng tá ngành trái, cánh phải. Chủ tướng ra lệnh phải trang bị cho đầy đủ.

2. *Xuất sư*: quân đội lên đường. *Binh quý thần tốc:* việc binh phải mau chóng.

3. *Vân trình*: đường mây. Thi Nhi mong con lập công.

4. Phía trước giục quân ngựa, phía sau thúc quân voi.

5. *Khắc kỳ xuất quân*: đúng giờ phải đem quân đi.

Thuyền xuôi về bến mây Hàng xa xa. [1]
Oai trời một trận can qua,
Lầu gian trúc chẻ, vạc tà tro bay. [2]
Mưa nhuần đổi lộc thay cây,
Trống khua nắng sớm, chiêng bay bóng chiều.
Luận công dữ quốc đồng hưu, [3]
Thuyền hoa lại đón ngựa điều vinh quy.
Tình trung hiếu, nghĩa tương tri,
Tóc này điểm bạc, tơ kia thắm hồng.
Trăm năm ghi tạc chữ đồng,
Một nhà vinh hiển, phúc chung đời đời.
Cho hay cùng đạt có thời,
Bởi tài đức, cũng bởi người kiên gan.
Lạm xem câu chuyện Hồng Hoan,
Học đòi chấp chỉnh vài hàng nôm na.

Phiên âm từ bản Nôm chép tay, do Vũ Ngọc Khánh sưu tầm được ở Thanh Hóa.

Chú thích:

1. *Mây Hàng*: điển cũ, chỉ về quê cha mẹ.
2. *Ra quân thắng lợi nhanh chóng*: cơ đồ bọn gian tà sụp đổ.
3. *Dữ quốc đồng hưu*: cùng với cả nước nghỉ ngơi, vui vẻ thái bình.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 10

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 10

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

VI QUANG THỌ - NGUYỄN HỒNG ANH

HÀ THỊ VINH

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC